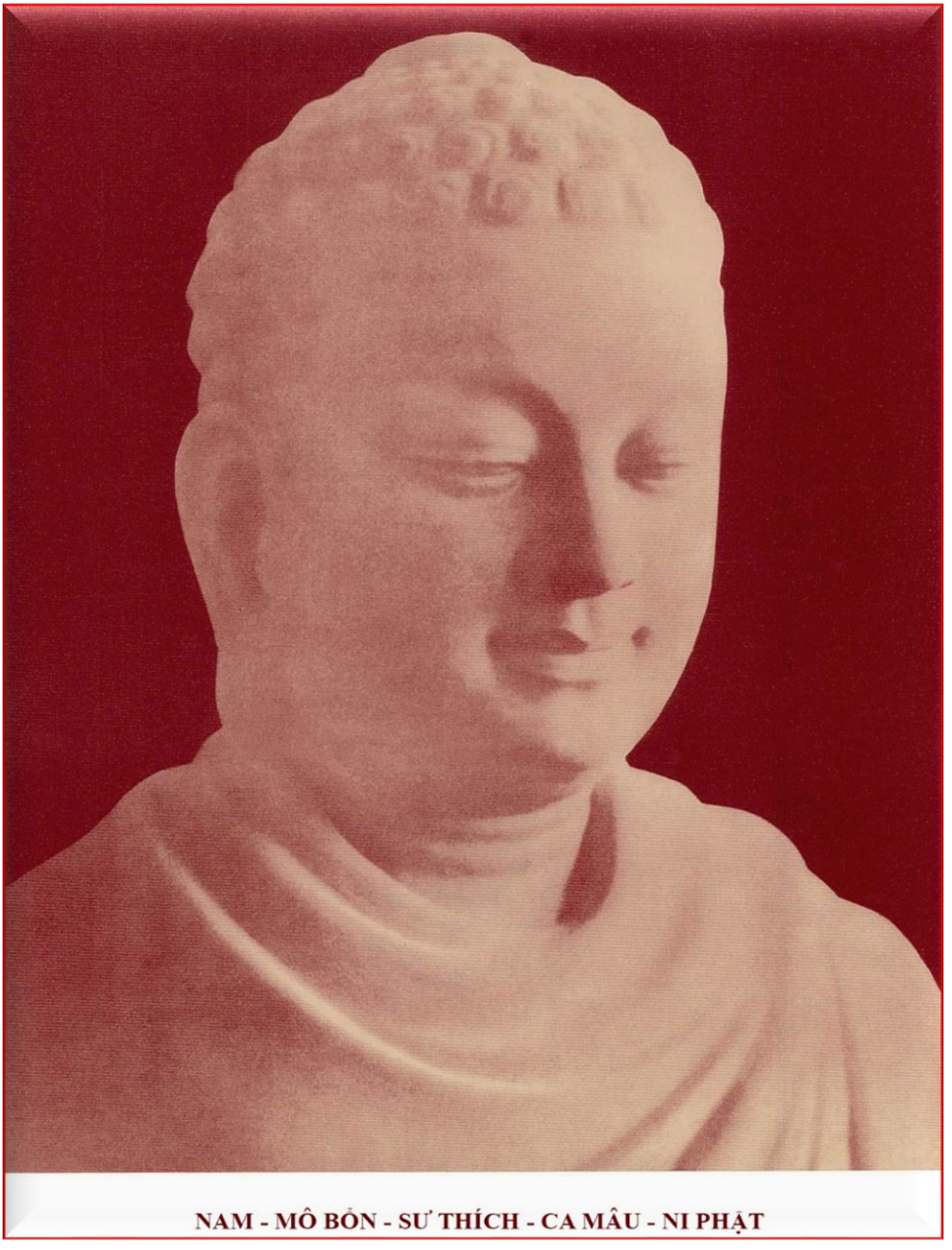


# BỘ LUẬT 10 – T080

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

**TẬP 80**

# BỘ LUẬT

# X

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 80

# BỘ LUẬT
# X

**SỐ 1451 → 1458**

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

# NHỮNG QUY ƯỚC THỐNG NHẤT TRONG LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

**I- <u>Viết hoa toàn bộ</u>:**

**1. Tên người**: (Phật) Vô Lượng, (vua) Tự Đức, (Thiền sư) Vạn Hạnh, (Bồ-tát) Quán Thế Âm...

**2. Tên nước:** Việt Nam, Trung Hoa, Thái Lan, Đài Loan...

**3. Tôn xưng danh hiệu Phật**: Đức Như Lai, Bậc Chúng Hựu, Đấng Tối Chánh Giác...

**4. Tác phẩm, kinh sách**: luận Trung Quán, kinh Diệu Pháp Liên Hoa, kinh Trường A-hàm...

**II- <u>Viết hoa chữ đầu</u>:**

**1. Địa danh**: thành Vương xá, chùa Ấn quang, rừng Thi lợi...

**2. Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, Khổ xuất yếu thánh đế...

**3. Phẩm bậc, quả vị tôn kính**: Hòa thượng, Thanh văn, Duyên giác, Thái tử (nói về Phật, Bồ-tát thị hiện độ sanh; ví dụ: Thái tử Tỳ-bà-thi), Tôn giả...

**4. Chủng loại**: chư Thiên

**5. Phương hướng**: phương Đông nam, hướng Tây bắc, phía Đông thành Vương xá...

**III- <u>Viết hoa chữ đầu + gạch nối</u>:** (những từ được phiên âm từ Pāli)

**1. Nhân danh:** Mãn-độ-ma, Xà-ni-sa, Xá-lợi-phất...

**2. Địa danh**: nước Bạt-kỳ, thành Xá-vệ, cõi Diêm-phù-đề...

**3. Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: A-lại-da, Tam-phật-đà, Ba-la-đề-mục-xoa...

**4. Phẩm bậc, quả vị**: Tỳ-kheo, Ưu-bà-di, A-la-hán...

**5. Chủng loại**: A-tu-la, La-sát, Càn-thát-bà...

**IV- <u>Gạch nối</u>:** (danh từ chung được phiên âm từ Pāli)

<u>ví dụ</u>: đàn-việt, na-do-tha, do-tuần...

**V- <u>Số:</u>**

**1. Viết thành chữ:** (những số quá lớn nên chú thích thêm số) <u>ví dụ</u>: hai trăm năm mươi (giới), ba mươi hai (tướng tốt), mười lăm ức bảy ngàn sáu mươi vạn (1.570.600.000)...

**2. Viết thành số**: số hiệu kinh, số trang dẫn
<u>ví dụ</u>: Đại I, trang 15, cht. 52 ...

**VI- <u>Đặc biệt:</u>**

**Âm "y" và "i"**: dù đứng một mình, đứng đầu từ hoặc ở giữa từ, hoặc sau các phụ âm: K, L, M, T, Q vẫn viết theo thói quen cũ.

ví dụ: kỷ cương, lý luận, hoàn mỹ, quy định, li ti, hoan hỷ...

梵 viết là "**Phạm**" không viết là "**Phạn**" (phát âm theo chữ Brahma).

慧 viết là "**Tuệ**" không viết là "**Huệ**".

*Chùa Pháp Bảo-Thủ Đức, ngày 8 tháng 9 năm 2000*

*Sa môn **THÍCH TỊNH HẠNH***

# MỤC LỤC
# BỘ LUẬT 10 - T080

**SỐ 1451 ..... 3**
**CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA TẠP SỰ ..... 3**
**QUYỂN 17 ..... 3**
5. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ tư: ..... 3
6. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ tư: ..... 3
7. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ tư: ..... 9
8. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ tư: ..... 12
9. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ tư: ..... 18
10. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ tư: ..... 22
**QUYỂN 18 ..... 27**
V. TỔNG NHIẾP TỤNG CỦA BIỆT MÔN THỨ NĂM: ..... 27
1. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ năm: ..... 27
2. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ năm: ..... 53
**QUYỂN 19 ..... 55**
3. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ năm: ..... 55
4. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ năm: ..... 59
5. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ năm: ..... 63
6. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ năm: ..... 66
7. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ năm: ..... 67
8. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ năm: ..... 71
9. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ năm: ..... 74
10. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ năm: ..... 76
**QUYỂN 20 ..... 80**
VI. TỔNG NHIẾP TỤNG CỦA BIỆT MÔN THỨ SÁU: ..... 80
1. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ sáu: ..... 80
2. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ sáu: ..... 93
**QUYỂN 21 ..... 103**
**QUYỂN 22 ..... 128**
**QUYỂN 23 ..... 152**
**QUYỂN 24 ..... 177**
**QUYỂN 25 ..... 215**
3. Nhiếp tụng thứ ba trong Biệt môn thứ sáu: ..... 215
**QUYỂN 26 ..... 234**

4. Nhiếp tụng thứ tư (Tiếp Theo) - Phật hiện đại thần thông:..... 234
**QUYỂN 27 ..... 255**
4. Nhiếp tụng thứ tư (tt) Nói về Đại dược: ..... 255
**QUYỂN 28 ..... 278**
4. Nhiếp tụng thứ tư - việc của Đại dược (tiếp theo):..... 278
**QUYỂN 29 ..... 313**
4. Nhiếp tụng thứ tư trong Biệt môn thứ sáu (tiếp theo) - Việc Phật từ cung trời xuống: ..... 313
5. Nhiếp tụng thứ năm trong Biệt môn thứ sáu: ..... 333
**QUYỂN 30 ..... 338**
6. Nhiếp tụng thứ sáu trong Biệt môn thứ sáu: ..... 343
**QUYỂN 31 ..... 366**
7. Nhiếp tụng thứ bảy trong Biệt môn thứ sáu:..... 366
8. Nhiếp tụng thứ tám trong Biệt môn thứ sáu: ..... 370
9. Nhiếp tụng thứ chín trong Biệt môn thứ sáu: ..... 372
10. Nhiếp tụng thứ mười trong Biệt môn thứ sáu:..... 375
VII. TỔNG NHIẾP TỤNG BIỆT MÔN THỨ BẢY:..... 377
1. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ bảy:..... 377
**QUYỂN 32 ..... 389**
2. Nhiếp tụng thứ hai trong Biệt môn thứ bảy:..... 389
3. Nhiếp tụng thứ ba trong Biệt môn thứ bảy:..... 391
4. Nhiếp tụng thứ tư trong Biệt môn thứ bảy:..... 392
5. Nhiếp tụng thứ năm trong Biệt môn thứ bảy:..... 394
6. Nhiếp tụng thứ sáu trong Biệt môn thứ bảy:..... 396
7. Nhiếp tụng thứ bảy trong Biệt môn thứ bảy:..... 397
8. Nhiếp tụng thứ tám trong Biệt môn thứ bảy:..... 402
**QUYỂN 33 ..... 417**
9. Nhiếp tụng thứ chín trong Biệt môn thứ bảy:..... 417
10. Nhiếp tụng thứ mười trong Biệt môn thứ bảy: ..... 420
VIII. TỔNG NHIẾP TỤNG BIỆT MÔN THỨ TÁM:..... 420
1. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ tám:..... 420
2. Nhiếp tụng thứ hai trong Biệt môn thứ tám:..... 423
3. Nhiếp tụng thứ ba trong Biệt môn thứ tám:..... 426
4. Nhiếp tụng thứ tư trong Biệt môn thứ tám: ..... 428
5. Nhiếp tụng thứ năm trong Biệt môn thú tám:..... 433
**QUYỂN 34 ..... 439**
6. Nhiếp tụng thứ sáu trong Biệt môn thứ tám:..... 439
7. Nhiếp tụng thứ bảy trong Biệt môn thứ tám:..... 441

8. Nhiếp tụng thứ tám trong Biệt môn thứ tám: 447
9. Nhiếp tụng thứ chín trong Biệt môn thứ tám: 452
**QUYỂN 35 462**
9. Nhiếp tụng thứ chín - Bà-la-môn Diệu hoa (tt): 462
10. Nhiếp tụng thứ 10 trong Biệt môn thứ tám: 468
**QUYỂN 36 483**
10. Nhiếp tụng thứ 10 (tiếp theo): 483
**QUYỂN 37 505**
10. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ tám (tt) - Nói bốn pháp đen, bốn pháp trắng, bốn hạng Sa môn và sắp chứng nhập Niết-bàn: 505
**QUYỂN 38 532**
10. Nhiếp tụng thứ mười trong Biệt môn thứ tám (tiếp theo) - Phật bát Niết-bàn: 532
**QUYỂN 39 556**
10. Nhiếp tụng thứ mười trong Biệt môn thứ tám (tiếp theo) - Nói việc Phật nhập Niết-bàn và việc 500 vị kiết tập: 556
**QUYỂN 40 584**
10. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ tám (tiếp theo) việc Ngũ bách kiết tập và Thất bách kiết tập: 584
**SỐ 1452 617**
**CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ NI ĐÀ NA - MỤC ĐẮC CA 617**
**QUYỂN 1 617**
A. TỔNG NHIẾP TỤNG ĐẠI MÔN NI ĐÀ LA: 617
I. TỔNG NHIẾP TỤNG CỦA BIỆT MÔN THỨ NHẤT: 617
1. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ nhất: 617
2. Nhiếp tụng thứ hai trong Biệt môn thứ nhất: 620
3. Nhiếp tụng thứ ba trong Biệt môn thứ nhất: 624
4. Nhiếp tụng thứ tư trong Biệt môn thứ nhất: 625
5. Nhiếp tụng thứ năm trong Biệt môn thứ nhất: 630
6. Nhiếp tụng thứ sáu trong Biệt môn thứ nhất: 632
7. Nhiếp tụng thứ bảy trong Biệt môn thứ nhất: 634
**QUYỂN 2 637**
8. Nhiếp tụng thứ tám trong Biệt môn thứ nhất: 637
9. Nhiếp tụng thứ chín trong Biệt môn thứ nhất: 638
10. Nhiếp tụng thứ mười trong Biệt môn thứ nhất: 639
II. TỔNG NHIẾP TỤNG CỦA BIỆT MÔN THỨ HAI: 645
1. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ hai: 646
2. Nhiếp tụng thứ hai trong Biệt môn thứ hai: 649

**QUYỂN 3 ..... 656**
3. Nhiếp tụng thứ ba trong Biệt môn thứ hai: ..... 656
4. Nhiếp tụng thứ tư trong Biệt môn thứ hai: ..... 657
5. Nhiếp tụng thứ năm trong Biệt môn thứ hai: ..... 658
6. Nhiếp tụng thứ sáu trong Biệt môn thứ hai: ..... 659
7. Nhiếp tụng thứ bảy trong Biệt môn thứ hai: ..... 661
8. Nhiếp tụng thứ tám trong Biệt môn thứ hai: ..... 661
9. Nhiếp tụng thứ chín trong Biệt môn thứ hai: ..... 663
10. Nhiếp tụng thứ mười trong Biệt môn thứ hai: ..... 664
III. TỔNG NHIẾP CỦA BIỆT MÔN THỨ BA: ..... 665
1. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ ba: ..... 665
2. Nhiếp tụng thứ hai trong Biệt môn thứ ba: ..... 669
3. Nhiếp tụng thứ ba trong Biệt môn thứ ba: ..... 671
**QUYỂN 4 ..... 678**
4. Nhiếp tụng thứ tư trong Biệt môn thứ ba: ..... 678
5. Nhiếp tụng thứ năm trong Biệt môn thứ ba: ..... 679
6. Nhiếp tụng thứ sáu trong Biệt môn thứ ba: ..... 681
7. Nhiếp tụng thứ bảy trong Biệt môn thứ ba: ..... 684
8. Nhiếp tụng thứ tám trong Biệt môn thứ ba: ..... 685
9. Nhiếp tụng thứ chín trong Biệt môn thứ ba: ..... 685
10. Nhiếp tụng thứ mười trong Biệt môn thứ ba: ..... 687
IV. TỔNG NHIẾP TỤNG CỦA BIỆT MÔN THỨ TƯ: ..... 687
1. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ tư: ..... 687
2. Nhiếp tụng thứ hai trong Biệt môn thứ tư: ..... 690
3. Nhiếp tụng thứ ba trong Biệt môn thứ tư: ..... 692
4. Nhiếp tụng thứ tư trong Biệt môn thứ tư: ..... 694
5. Nhiếp tụng thứ năm trong Biệt môn thứ tư: ..... 695
6. Nhiếp tụng thứ sáu trong Biệt môn thứ tư: ..... 696
**QUYỂN 5 ..... 697**
7. Nhiếp tụng thứ bảy trong Biệt môn thứ tư: ..... 697
8. Nhiếp tụng thứ tám trong Biệt môn thứ tư: ..... 702
9. Nhiếp tụng thứ chín trong Biệt môn thứ tư: ..... 704
10. Nhiếp tụng thứ mười trong Biệt môn thứ tư: ..... 706
V. TỔNG NHIẾP TỤNG CỦA BIỆT MÔN THỨ NĂM: ..... 708
1. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ năm: ..... 709
2. Nhiếp tụng thứ hai trong Biệt môn thứ năm: ..... 709
3. Nhiếp tụng thứ ba trong Biệt môn thứ năm: ..... 710
4. Nhiếp tụng thứ tư trong Biệt môn thứ năm: ..... 711

5. Nhiếp tụng thứ năm trong Biệt môn thứ năm: ..... 713
6. Nhiếp tụng thứ sáu trong Biệt môn thứ năm: ..... 714
**QUYỂN 6 ..... 716**
B. TỔNG NHIẾP TỤNG ĐẠI MÔN MỤC ĐẮC CA: ..... 716
I. TỔNG NHIẾP TỤNG CỦA BIỆT MÔN THỨ NHẤT: ..... 716
1. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ nhất: ..... 716
2. Nhiếp tụng thứ hai trong Biệt môn thứ nhất: ..... 722
3. Nhiếp tụng thứ ba trong Biệt môn thứ nhất: ..... 728
4. Nhiếp tụng thứ tư trong Biệt môn thứ nhất: ..... 732
**QUYỂN 7 ..... 735**
5. Nhiếp tụng thứ năm trong Biệt môn thứ nhất: ..... 735
6. Nhiếp tụng thứ sáu trong Biệt môn thứ nhất: ..... 737
7. Nhiếp tụng thứ bảy trong Biệt môn thứ nhất: ..... 738
8. Nhiếp tụng thứ tám trong Biệt môn thứ nhất: ..... 739
9. Nhiếp tụng thứ chín trong Biệt môn thứ nhất: ..... 741
10. Nhiếp tụng thứ mười trong Biệt môn thứ nhất: ..... 743
II. TỔNG NHIẾP TỤNG CỦA BIỆT MÔN THỨ HAI: ..... 744
1. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ hai: ..... 744
2. Nhiếp tụng thứ hai trong Biệt môn thứ hai: ..... 747
3. Nhiếp tụng thứ ba trong Biệt môn thứ hai: ..... 749
4. Nhiếp tụng thứ tư trong Biệt môn thứ hai: ..... 750
**QUYỂN 8 ..... 758**
4. Nhiếp tụng thứ tư - Thất lợi cấp đa (tiếp theo): ..... 758
5. Nhiếp tụng thứ năm trong Biệt môn thứ hai: ..... 764
6. Nhiếp tụng thứ sáu trong Biệt môn thứ hai: ..... 765
7. Nhiếp tụng thứ bảy trong Biệt môn thứ hai: ..... 767
8. Nhiếp tụng thứ tám trong Biệt môn thứ hai: ..... 768
9. Nhiếp tụng thứ chín trong Biệt môn thứ hai: ..... 770
10. Nhiếp tụng thứ mười trong Biệt môn thứ hai: ..... 771
III. TỔNG NHIẾP TỤNG CỦA BIỆT MÔN THỨ BA: ..... 773
1. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ ba: ..... 773
2. Nhiếp tụng thứ hai trong Biệt môn thứ ba: ..... 775
3. Nhiếp tụng thứ ba trong Biệt môn thứ ba: ..... 776
**QUYỂN 9 ..... 778**
4. Nhiếp tụng thứ tư trong Biệt môn thứ ba: ..... 778
5. Nhiếp tụng thứ năm trong Biệt môn thứ ba: ..... 780
6. Nhiếp tụng thứ sáu trong Biệt môn thứ ba: ..... 781
7. Nhiếp tụng thứ bảy trong Biệt môn thứ ba: ..... 783

8. Nhiếp tụng thứ tám trong Biệt môn thứ ba: 785
9. Nhiếp tụng thứ chín trong Biệt môn thứ ba: 786
10. Nhiếp tụng thứ mười trong Biệt môn thứ ba: 787
IV. TỔNG NHIẾP TỤNG CỦA BIỆT MÔN THỨ TƯ: 793
1. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ tư: 793
**QUYỂN 10 797**
1. Nhiếp tụng thứ nhất trong Biệt môn thứ tư (tiếp theo): 797
2. Nhiếp tụng thứ hai trong Biệt môn thứ tư: 799
3. Nhiếp tụng thứ ba trong Biệt môn thứ tư: 800
4. Nhiếp tụng thứ tư trong Biệt môn thứ tư: 801
5. Nhiếp tụng thứ năm trong Biệt môn thư tư: 802
6. Nhiếp tụng thứ sáu trong Biệt môn thứ tư: 803
7. Nhiếp tụng thứ bảy trong Biệt môn thứ tư: 804
8. Nhiếp tụng thứ tám trong Biệt môn thứ tư: 806
9. Nhiếp tụng thứ chín trong Biệt môn thứ tư: 808
10. Nhiếp tụng thứ mười trong Biệt môn thứ tư: 811
**SỐ 1453 815**
**CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ BÁCH NHẤT YẾT MA 815**
**QUYỂN 1 815**
I. TRUYỀN PHÁP TAM QUY: 816
II. TRUYỀN TRAO NĂM HỌC XỨ: 817
III. XUẤT GIA THỌ GIỚI: 817
1. Thỉnh Ô-ba-đà-da (Thân giáo sư): 817
2. Truyền thọ mười học xứ: 819
IV. TRUYỀN THỌ CẬN VIÊN: 820
1. Thỉnh Ô-ba-đà-da: 820
2. Thọ ba y và bát: 821
3. Giáo thọ sư hỏi chướng pháp: 822
4. Bạch tứ yết ma truyền giới: 825
5. Truyền pháp tứ y: 827
6. Truyền bốn pháp Đọa: 830
7. Truyền bốn pháp nên làm của Sa môn: 834
**QUYỂN 2 837**
I. CẦU XUẤT GIA THỌ GIỚI: 837
1. Truyền pháp Tam quy: 837
2. Truyền trao năm học xứ: 838
3. Thế phát xuất gia: 838
4. Truyền mười học xứ: 840

5. Truyền 6 pháp và 6 tùy pháp: ... 841
II. TRUYỀN THỌ CẬN VIÊN: ... 844
1. Thỉnh Ô-ba-đà-da: ... 844
2. Thọ năm y và bát: ... 845
3. Giáo thọ sư hỏi chướng pháp: ... 846
4. Truyền thọ Tịnh hạnh bản pháp: ... 850
6. Yết ma sư truyền ba pháp y: ... 854
7. Yết ma sư truyền tám pháp Đọa: ... 856
8. Truyền Bát kỉnh pháp: ... 862
9. Truyền bốn pháp nên làm của Sa môn: ... 863
**QUYỂN 3 ... 866**
1. Yết ma nuôi đồ chúng: ... 866
2. Yết ma nuôi chúng vô hạn: ... 867
3. Yết ma không lìa y Tăng-già-lê: ... 868
4. Yết ma kết tiểu giới (giới tràng): ... 870
5. Yết ma kết đại giới: ... 871
6. Yết ma kết giới không mất y: ... 873
**QUYỂN 4 ... 890**
1. Bao-sái-đà - tất cả Tăng đều có tội - Đơn bạch: ... 890
2. Bao-sái-đà - Đơn bạch: ... 892
3. Khi trưởng tịnh không đến - Bạch nhị: ... 892
4. Yết ma sai người chia ngọa cụ: ... 893
5. Yết ma sai người giữ y: ... 894
6. Yết ma sai người chia y: ... 895
7. Yết ma sai người giữ khí vật: ... 895
8. Tăng yết ma an cư: ... 895
9. Yết ma sai người xem xét phòng xá: ... 898
10. Yết ma thọ nhật xuất giới: ... 899
11. Yết ma sai người thọ Tùy ý: ... 903
12. Khi làm Tùy ý, trong chúng tranh cãi về tội: ... 906
13. Xử phân y vật để làm y Yết-sỉ-na: ... 908
14. Yết ma sai người trương y Yết-sỉ-na: ... 909
15. Yết ma giao y tài cho người trương y: ... 910
16. Đơn bạch xuất y Yết-sỉ-na: ... 911
**QUYỂN 5 ... 912**
1. Năm năm đồng lợi dưỡng biệt thuyết giới: ... 912
2. Yết ma sai đến nhà cư sĩ thông báo: ... 913
3. Tăng đơn bạch nói thô tội của người khác: ... 915

4. Yết ma can phá Tăng: 916
5. Yết ma can trợ giúp phá Tăng: 919
6. Yết ma học gia: 921
7. Xả yết ma Học gia: 922
8. Yết ma sai người xem xét đường rừng nguy hiểm: 923
9. Yết ma cho thọ học: 924
10. Yết ma cho Thật-lực-tử y: 925
11. Yết ma quở trách trước mặt hủy báng: 926
12. Yết ma quở trách mượn ai khác để hủy báng: 927
13. Yết ma cho làm phòng nhỏ: 933
14. Yết ma cho làm chùa lớn: 935
15. Yết ma cho Bí-sô Tri sự trong sáu năm làm lại phu cụ mới: 935
**QUYỂN 6 937**
PHÁP SÁM TỘI CHÚNG GIÁO 937
1. Yết ma cho Biệt trụ - phạm tội Tăng tàn có che giấu: 937
2. Yết ma cho Bổn nhật trị biệt trụ - đang hành biệt trụ lại tái phạm tội Tăng tàn có che giấu: 939
3. Yết ma cho Bổn nhật trị biệt trụ lần hai - đang hành Bổn nhật trị biệt trụ lại tái phạm tội Tăng tàn có che giấu: 940
4. Yết ma Ma-na-đỏa: 941
5. Yết ma xuất tội: 943
6. Sám tội Tốt-thổ-la để: 948
**QUYỂN 7 950**
1. Sám hối tội Chúng giáo (tiếp theo): 950
2. Yết ma súc trượng: 953
3. Yết ma cho ngoại đạo bốn tháng ở chung: 954
4. Yết ma sai giáo thọ ni: 959
5. Yết ma can Bí-sô ni tạp trú: 960
6. Yết ma can Bí-sô ni khuyên chớ ở riêng: 961
7. Ni yết ma không lễ bái: 962
8. Yết ma can Bí-sô ni tùy thuận: 963
9. Yết ma cho Bí-sô ni ở chung phòng với con: 964
10. Yết ma cho Bí-sô ni qua lại nhà thân tộc: 965
11. Yết ma linh bố: 967
**QUYỂN 8 973**
1. Yết ma chiết phục: 973
2. Yết ma khu tẫn: 974
3. Yết ma cầu tạ: 976

4. Yết ma không thấy tội: ..... 977
5. Yết ma bất xả ác kiến: ..... 977
6. Yết ma tẫn Cầu tịch ác kiến: ..... 979
7. Yết ma thu nhiếp: ..... 980
8. Yết ma cho cùng Tăng hòa hợp: ..... 982
9. Yết ma cho cùng Tăng hòa hợp trưởng tịnh: ..... 983
10. Duyên khởi về tăm xỉa răng: ..... 992
**QUYỂN 9 ..... 994**
1. Yết ma quở trách xúc não Tăng: ..... 994
2. Yết ma cho phú bát: ..... 997
3. Yết ma cho ngưỡng bát: ..... 997
4. Yết ma can Bí-sô tánh ác: ..... 999
5. Yết ma can phỉ báng Tăng: ..... 1000
6. Yết ma cuồng si: ..... 1000
7. Yết ma bất si: ..... 1001
8. Yết ma cầu tội tánh: ..... 1002
9. Yết ma ức niệm: ..... 1003
10. Yết ma chọn người bình chánh: ..... 1004
11. Yết ma chọn người bình chánh lần thứ hai: ..... 1004
12. Yết ma cử người truyền sự việc đến Tăng trú xứ khác để diệt tránh: ..... 1005
13. Yết ma kết tịnh trù: ..... 1006
14. Yết ma thủ trì vật của người chết: ..... 1011
15. Yết ma sai người coi giữ tư cụ của Bí-sô qua đời: ..... 1012
**QUYỂN 10 ..... 1015**
NÓI RÕ VỀ GIÁO PHÁP TÓM LƯỢC ..... 1023
**SỐ 1454 ..... 1032**
**CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ BÍ-SÔ GIỚI KINH ..... 1032**
**TỰA GIỚI KINH ..... 1032**
I. BỐN PHÁP BA LA THỊ CA: ..... 1035
II. MƯỜI BA PHÁP TĂNG GIÀ BÀ THI SA: ..... 1037
III. HAI PHÁP BẤT ĐỊNH: ..... 1042
IV. BA MƯƠI PHÁP NI TÁT KỲ BA DẬT ĐỀ: ..... 1043
V. CHÍN MƯƠI PHÁP BA DẬT ĐỀ ..... 1050
VI. BỐN MƯƠI PHÁP BA LA ĐỀ XÁ NI: ..... 1064
VII. CHÚNG HỌC PHÁP: ..... 1066
VIII. BẢY PHÁP DIỆT TRÁNH: ..... 1070
**SỐ 1455 ..... 1078**

**CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ BÍ-SÔ NI GIỚI KINH ..... 1078**
TỰA GIỚI KINH ..... 1078
I. TÁM PHÁP BA LA THỊ CA: ..... 1081
II. HAI MƯƠI PHÁP TĂNG GIÀ BÀ THI SA: ..... 1084
III. BA MƯƠI BA PHÁP NI TÁT KỲ BA DẬT ĐỀ: ..... 1090
IV. MỘT TRĂM TÁM MƯƠI PHÁP BA DẬT ĐỀ: ..... 1097
V. MƯỜI MỘT PHÁP BA LA ĐỀ ĐỀ XÁ NI: ..... 1119
VI. CHÚNG HỌC PHÁP: ..... 1121
VII. BẢY PHÁP DIỆT TRÁNH: ..... 1125
**SỐ 1456 ..... 1132**
**CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ NI ĐÀ NA MỤC ĐẮC CA NHIẾP TỤNG ..... 1132**
NI ĐÀ NA ..... 1132
A. TỔNG NHIẾP TỤNG ĐẠI MÔN NI ĐÀ NA: ..... 1132
I. Tổng nhiếp tụng của Biệt môn thứ nhất: ..... 1132
II. Tổng nhiếp tụng của Biệt môn thứ hai: ..... 1134
IV. Tổng nhiếp tụng của Biệt môn thứ tư: ..... 1138
V. Tổng nhiếp tụng của Biệt môn thứ năm: ..... 1140
MỤC ĐẮC CA ..... 1142
B. TỔNG NHIẾP TỤNG ĐẠI MÔN MỤC ĐẮC CA: ..... 1142
I. Tổng nhiếp tụng của Biệt môn thứ nhất: ..... 1142
II. Tổng nhiếp tụng của Biệt môn thứ hai: ..... 1144
III. Tổng nhiếp tụng của Biệt môn thứ ba: ..... 1146
IV. Tổng nhiếp tụng của Biệt môn thứ tư: ..... 1149
**SỐ 1457 ..... 1153**
**CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TẠP SỰ NHIẾP TỤNG ..... 1153**
TẠP SỰ NHIẾP TỤNG ..... 1153
A - TỤNG ĐẠI MÔN TỔNG NHIẾP: có tám ..... 1153
I. Tổng nhiếp tụng của biệt môn thứ nhất: ..... 1153
II. Tổng nhiếp Biệt môn thứ hai: ..... 1155
III. Tổng nhiếp tụng trong Biệt môn thứ ba: ..... 1157
IV. Tổng nhiếp tụng Biệt môn thứ tư: ..... 1160
V. Tổng nhiếp tụng của Biệt môn thứ năm: ..... 1162
VI. Tổng nhiếp tụng của Biệt môn thứ sáu: ..... 1164
VII. Tổng nhiếp tụng Biệt môn thứ bảy: ..... 1169
VIII. Tổng nhiếp tụng Biệt môn thứ tám: ..... 1171
**SỐ 1458 ..... 1177**
**CĂN BẢN TÁT BÀ ĐA BỘ LUẬT NHIẾP ..... 1177**

**QUYỂN 1 ..... 1177**
1. Nói rõ lời Phật dạy: ..... 1182
2. Quở trách không đến nhóm họp hết: ..... 1184
3. Không đến nhóm họp tùy thuận nghe: ..... 1184
4. Pháp thức cúng dường: ..... 1193
5. Chánh thức răn nhắc: ..... 1194
6. Lợi ích của sự răn nhắc: ..... 1195
7. Không răn nhắc thì lỗi sanh: ..... 1195
8. Chánh thức tác bạch: ..... 1196
9. Khuyên chí tâm lắng nghe: ..... 1204
10. Nói rõ đồ chúng thanh tịnh: ..... 1205
**QUYỂN 2 ..... 1207**
TỔNG GIẢI THÍCH HỌC XỨ: ..... 1207
I. BỐN PHÁP BA LA DI: ..... 1211
1. Làm hạnh bất tịnh: ..... 1211
2. Không cho mà lấy: ..... 1222
**QUYỂN 3 ..... 1238**
3. Đoạn mạng người: ..... 1238
4. Vọng nói chứng pháp thượng nhân: ..... 1245
II. 13 PHÁP TĂNG GIÀ BÀ THI SA: ..... 1250
1. Cố ý tiết tinh: ..... 1250
2. Tâm nhiễm xúc chạm: ..... 1252
3. Nói lời thô tục tương ưng với dâm dục: ..... 1255
4. Đòi hỏi cúng dường thân: ..... 1258
5. Làm mai mối: ..... 1258
6. Xây cất phòng nhỏ: ..... 1262
**QUYỂN 4 ..... 1265**
7. Xây cất chùa lớn: ..... 1265
8. Không căn cứ vu báng: ..... 1271
9. Lấy phần việc khác vu báng: ..... 1274
10. Phá hòa hợp Tăng trái can: ..... 1275
11. Trợ giúp phá Tăng trái can: ..... 1277
12. Làm nhơ nhà người: ..... 1280
13. Tánh ác trái can: ..... 1285
**QUYỂN 5 ..... 1294**
III. HAI PHÁP BẤT ĐỊNH: ..... 1294
IV. BA MƯƠI PHÁP NI TÁT KỲ BA DẬT ĐỀ: ..... 1297
1. Y dư không phân biệt: ..... 1297

2. Lìa y ngủ đêm: 1314
**QUYỂN 6 1318**
3. Chứa y phi thời một tháng: 1318
4. Nhờ Bí-sô ni không phải bà con giặt y cũ: 1319
5. Thọ y từ Bí-sô ni không phải bà con: 1322
6. Xin y từ cư sĩ và vợ cư sĩ không phải bà con: 1323
7. Xin y quá lượng: 1324
9. Khuyên hùn chung mua y cúng: 1326
10. Đòi y quá hạn: 1326
11. Dùng tơ tằm làm phu cụ: 1330
12. Dùng lông dê thuần đen làm phu cụ: 1330
13. Dùng lông dê quá phần số làm phu cụ mới: 1330
14. Chưa đủ sáu năm mà làm phu cụ mới: 1331
15. Làm Ni-sư-đàn mới: 1332
16. Tự gánh lông dê đi quá ba Du thiện na: 1333
17. Nhờ Bí-sô ni không phải bà con chải lông dê: 1334
18. Cầm giữ vàng bạc: 1334
19. Kinh doanh cầu lợi: 1337
20. Đủ cách mua bán: 1338
**QUYỂN 7 1341**
21. Chứa bát dư quá mười ngày: 1341
22. Xin bát mới: 1343
23. Tự xin chỉ sợi rồi nhờ thợ dệt không phải bà con dệt y: 1347
24. Bảo thợ dệt không phải bà con dệt y cho tốt: 1349
25. Đoạt lại y: 1349
26. Cất chứa y cấp thí quá hạn: 1350
27. Nơi A-lan-nhã lìa y quá sáu đêm: 1352
28. Xin y tắm mưa sớm và cất chứa quá lâu: 1353
29. Hồi chuyển vật Tăng về cho mình: 1363
**QUYỂN 8 1377**
30. Thọ dụng thuốc quá bảy ngày: 1377
V. 90 PHÁP BA DẬT ĐỀ: 1389
1. Cố ý vọng ngữ: 1390
2. Chê bai mắng nhiếc: 1392
3. Nói ly gián: 1394
4. Phát khởi lại yết ma dứt tránh: 1395
5. Thuyết pháp cho người nữ quá 5, 6 lời: 1399
**QUYỂN 9 1401**

6. Cùng người chưa thọ Cận viên đọc tụng: ..... 1401
7. Nói tội Thô của người khác cho người chưa thọ Cận viên nghe: ..... 1404
8. Thật được pháp của bậc thượng nhân nói cho người chưa thọ Cận viên nghe biết: ..... 1405
9. Vu báng hồi chuyển lợi vật của chúng: ..... 1406
10. Khinh chê học xứ: ..... 1407
11. Hoại chủng tử sống: ..... 1408
12. Chê bai khinh hủy Bí-sô: ..... 1411
13. Chống trái lời dạy xúc não: ..... 1412
14. Không cất phu cụ: ..... 1415
15. Không thu dọn phu cụ cỏ trong phòng: ..... 1420
16. Kéo người ra khỏi phòng Tăng: ..... 1421
**QUYỂN 10 ..... 1425**
17. Gắng gượng xúc não người khác: ..... 1425
18. Cố ý buông thân ngồi nằm trên giường sút chân: ..... 1427
19. Dùng nước có trùng: ..... 1428
20. Làm chùa lớn quá hạn cho mau xong: ..... 1429
21. Tăng không sai giáo thọ Ni: ..... 1430
22. Giáo thọ cho Ni đến chiều tối: ..... 1432
23. Chê trách Bí-sô vì ăn uống nên giáo thọ Ni: ..... 1433
24. Đem y cho Ni không phải bà con: ..... 1434
25. May y cho Ni không phải là bà con: ..... 1434
26. Hẹn đi chung đường với Bí-sô ni: ..... 1435
27. Đi chung thuyền với Bí-sô ni: ..... 1437
28. Một mình ngồi ở chỗ khuất với người nữ: ..... 1438
29. Một mình ngồi với Bí-sô ni ở chỗ khuất: ..... 1438
30. Biết thức ăn do Ni khen ngợi mà ăn: ..... 1439
31. Thường thường ăn: ..... 1440
32. Chỗ thí một bữa ăn mà thọ quá: ..... 1442
33. Thọ quá ba bát thức ăn: ..... 1442
34. Ăn no đủ: ..... 1444
35. Khuyên người đã no đủ ăn nữa: ..... 1447
36. Ăn riêng chúng: ..... 1448
**QUYỂN 11 ..... 1450**
37. Ăn phi thời: ..... 1450
38. Ăn thức ăn từng xúc chạm: ..... 1453
40. Đòi hỏi thức ăn ngon: ..... 1458
41. Thọ dụng nước có trùng: ..... 1459

42. Gượng ngồi nán lại trong nhà ăn: ..... 1461
43. Đứng núp ở chỗ khuất trong nhà ăn: ..... 1462
44. Cho nam nữ ngoại đạo lõa hình thức ăn: ..... 1462
45. Xem quân binh: ..... 1463
46. Ở trong quân trận quá hai đêm: ..... 1463
47. Não loạn quân binh: ..... 1464
48. Đánh Bí-sô: ..... 1464
49. Giơ tay dọa đánh Bí-sô: ..... 1465
50. Che giấu tội thô của Bí-sô khác: ..... 1466
51. Rủ cùng đến nhà thế tục mà không cho ăn: ..... 1466
52. Xúc chạm lửa: ..... 1467
**QUYỂN 12 ..... 1470**
53. Gởi dục rồi hối: ..... 1470
54. Ngủ chung phòng với người chưa thọ Cận viên quá hai đêm: ..... 1470
55. Không bỏ ác kiến trái can: ..... 1472
56. Tùy thuận người bị xả trí: ..... 1473
57. Nhiếp thọ Cầu tịch ác kiến: ..... 1473
58. Mặc y không hoại sắc: ..... 1475
59. Cầm vật báu: ..... 1477
60. Tắm phi thời: ..... 1480
61. Giết bàng sanh: ..... 1482
62. Cố ý xúc não Bí-sô: ..... 1483
63. Dùng tay chọc lét người khác: ..... 1484
64. Đùa giỡn trong nước: ..... 1484
66. Khủng bố Bí-sô khác: ..... 1485
67. Giấu y bát của Bí-sô khác: ..... 1486
68. Mặc y của người khác gởi mà không hỏi chủ: ..... 1488
69. Đem tội Chúng giáo không căn cứ vu báng: ..... 1488
70. Đi chung đường với người nữ: ..... 1489
71. Đi chung đường với giặc: ..... 1490
**QUYỂN 13 ..... 1492**
72. Cho người chưa đủ tuổi thọ Cận viên: ..... 1492
73. Hoại đất sống: ..... 1503
74. Qua bốn tháng còn đòi hỏi thức ăn: ..... 1504
75. Ngăn truyền giáo: ..... 1505
76. Rình nghe bình luận: ..... 1505
77. Không gởi dục im lặng bỏ đi: ..... 1506
78. Không cung kính: ..... 1507

79. Uống rượu: ..... 1509
80. Phi thời vào tụ lạc mà không dặn lại Bí-sô: ..... 1510
81. Trước giờ ăn, sau giờ ăn đến nhà khác: ..... 1511
82. Vào cung vua: ..... 1511
83. Không lắng tai nghe giới lại nói là không biết: ..... 1512
84. Làm ống kim bằng ngà, sừng: ..... 1514
85. Làm giường quá lượng: ..... 1515
86. Dồn bông của cỏ cây: ..... 1515
87. Làm Ni-sư-đàn quá lượng: ..... 1516
88. May y che phủ ghẻ quá lượng: ..... 1516
89. May y tắm mưa quá lượng: ..... 1516
90. May y bằng lượng y của Phật: ..... 1517
**QUYỂN 14 ..... 1518**
VI. BỐN PHÁP BA LA ĐỀ XÁ NI: ..... 1518
1. Thọ thức ăn từ Ni không bà con: ..... 1518
2. Thọ thức ăn do Ni chỉ trao: ..... 1519
3. Nơi nhà Học gia thọ thực: ..... 1520
4. Nơi A-lan-nhã thọ thức ăn: ..... 1521
VII. CHÚNG HỌC PHÁP: ..... 1523
VIII. BẢY PHÁP DIỆT TRÁNH: ..... 1528
LƯỢC GIÁO CỦA BẢY ĐỨC PHẬT ..... 1533
1. Phật Tỳ Bà Thi: ..... 1533
2. Phật Thi Khí: ..... 1534
3. Phật Tỳ Xá Phù: ..... 1535
4. Phật Câu Lưu Tôn: ..... 1535
5. Phật Yết Nặc Ca Mâu Ni: ..... 1536
6. Phật Ca-Diếp-Ba: ..... 1536
7. Phật Thích Ca Mâu Ni: ..... 1537

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 80

# CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA TẠP SỰ
# SỐ 1451
# ( QUYỂN 17 → 40 )

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

# SỐ 1451

# CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA TẠP SỰ

*- Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh đời Đường.*
*TQ Việt dịch: Ban phiên dịch chùa Pháp Bảo, HT Thích Tịnh Hạnh giám tu - năm 2005 - Hiệu đính và nhuận văn: NS Thích nữ Như Lộc tại chùa Phổ Minh*

## QUYỂN 17

**5. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ tư:**

*Chiên đồ Tô-đà-di,*
*Đại y tạm lấy dùng,*
*Sư Mô bà tu đạt,*
*Lấy bát tưởng của mình,*
*A thị đa hộ nguyệt,*
*Trộm tưởng lấy y mình.*

(Tụng này giống như trong phần giải thích của giới Trộm nên ở đây không nêu ra nữa, giở lại xem thì có thể biết được)

**6. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ tư:**

*Heo, mía, trái Đa-la,*
*Hắc-hỉ trả nệm lông,*
*Đem cất dao, kim may,*
*Không dùng đồ lưu ly.*

Duyên xứ như trên, lúc đó thời thế mất mùa đói kém, có kẻ trộm bắt heo của người đem vào trong rừng giết để ăn thịt, vất xương và móng chân một bên rồi đi. Lục chúng Bí-sô có thói quen vào sáng sớm sau khi thức dậy leo lên lầu gác chùa để nhìn xem bốn phía, lúc đó thấy có khói bốc lên từ trong rừng và quạ bay loạn xuống, liền nói với nhau: "trong rừng chắc có cái gì ăn được, chúng ta nên đến đó xem", nói rồi cùng đi đến trong rừng thấy có xương và móng chân heo liền nói: "vật phẩn tảo này cũng đủ dùng để nấu ăn", nói rồi liền nấu xương và móng chân heo. Vừa lúc đó chủ heo lần theo dấu vết tìm đến thấy việc này rồi liền nói: "Thánh giả vì sao mặc y phục của bậc đại tiên mà lại làm việc phi pháp này", Lục chúng Bí-sô nói: "Hiền thủ, nếu ta được sát sanh thì há không lấy được thịt ngon của con nai, con chương để ăn hay sao, mà lại lấy xương và móng chân heo để nấu. Kẻ trộm đã ăn hết thịt ngon rồi vất bỏ xương và móng chân heo lại, ta lượm lấy vật phẩn tảo thì có lỗi gì?", chủ heo nói: "nhưng người xuất gia không nên làm việc đáng chê trách như thế này". Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "không nên lượm lấy vật phẩn tảo như vậy, ai làm trái thì phạm tội Việt pháp".

Duyên xứ như trên, lại có kẻ trộm lấy mía của người, ăn khúc ngon ở giữa, quăng bỏ khúc ngọn và gốc một bên rồi đi. Lục chúng Bí- sô đi đường

trông thấy liền nói với nhau: "ở đây có nhiều vật phấn tảo, hãy cùng nhau nhặt lấy", lúc họ đang thu nhặt thì chủ mía lần theo dấu vết tìm đến, thấy việc này rồi liền nói: "Thánh giả vì sao mặc y phục của bậc đại tiên mà lại làm việc phi pháp này", Lục chúng Bí-sô nói: "Hiền thủ, nếu ta được lấy trộm thì há không lấy được mía ngon để ăn hay sao mà lại nhặt lấy khúc ngọn và gốc của người vất bỏ. Kẻ trộm đã ăn hết khúc ngon ở giữa, vật bỏ lại phần ngọn và gốc, ta lượm lấy vật phấn tảo thì có lỗi gì", chủ mía nói: "nhưng người xuất gia không nên làm việc đáng chê trách như thế này". Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "không nên lượm lấy vật phấn tảo như vậy, ai làm trái thì phạm tội Việt pháp".

Duyên xứ như trên, có kẻ trộm lấy trái Đa-la đem vào trong rừng lựa lấy trái ngon ăn, vất bỏ lại trái dở rồi đi. Lục chúng Bí-sô nhân đi đến nơi thấy… giống như trên cho đến câu Phật bảo ai lượm lấy vật phấn tảo như vậy thì phạm tội Việt pháp.

Duyên xứ như trên, trong thành có một đồng tử bán hương liệu rất yêu thích tấm Giạ quý của mình, một hôm ngã bịnh tuy đã cố hết sức trị liệu nhưng bịnh vẫn không thuyên giảm. Khi sắp qua dời, đồng tử mời thân tộc lại trối rằng: "sau khi tôi chết không được hỏa thiêu, hãy dùng tấm Giạ quý này quấn thây tôi đem bỏ vào trong rừng", thân tộc liền

an ủi: "cậu đừng sợ, không phải ai bị bịnh cũng đều chết, không bao lâu nữa cậu sẽ bình phục", nhưng mạng số đã hết nên đồng tử qua đời, do quá yêu thích tấm Giạ quý này nên sau khi qua đời liền sanh làm quỷ Đại anh. Lúc đó thân tộc dùng chỉ ngũ sắc trang hoàng xe tang, lấy tấm Giạ quý quấn thây đồng tử rồi đưa vào trong rừng thây chết để bỏ. Các Bí-sô trông thấy việc này rồi liền nói với Bí-sô Hắc-hỉ là người ở trong Thi lâm rằng: "đồng tử bán hương liệu vừa chết, họ dùng tấm Giạ quý rất đẹp quấn thây đem bỏ vào trong rừng, thầy nên đến lấy vật phấn tảo này", Hắc-hỉ nghe rồi liền đến trong Thi lâm tới bên tử thi lấy tấm Giạ quý. Phi nhân kia liền ngồi dậy giữ chặt lấy tấm Giạ quý, nói rằng: "Thánh giả Hắc-hỉ, đừng lấy tấm Giạ quý của tôi", người sống trong Thi lâm rất gan dạ nên Hắc-hỉ nói với quỷ: "kẻ ngu si, ngươi do tham ái tấm Giạ quý này nên sinh làm ngạ quỷ, nay lại muốn đến trong địa ngục hay sao, hãy thả tay ra". Lúc đó Hắc-hỉ cùng quỷ tranh giành tấm Giạ quý nên dùng chân đạp quỷ ra, giật lấy tấm Giạ quý mang về trong rừng Thệ đa. Phi nhân tức giận đuổi theo đòi lại tấm Giạ quý, do trong rừng Thệ đa có thiên long bát bộ thủ hộ nên phi nhân vì ít phước nên không dám vào, chỉ đứng ở ngoài cửa khóc. Phật tuy biết nhưng vẫn hỏi A-nan vì sao phi nhân đứng khóc ở trước cửa chùa, A-nan đem việc trên bạch Phật, Phật suy nghĩ: "phi nhân quá yêu thích tấm Giạ

quý, nếu không đòi lại được ắt sẽ thổ huyết mà chết", nghĩ rồi liền bảo A-nan: "thầy đến bảo Hắc-hỉ đem trả lại tấm Giạ quý cho phi nhân, nếu nó không đòi lại được ắt sẽ thổ huyết mà chết. Khi trả tấm Giạ quý nên bảo nó đi trước, đến trong rừng bảo nó nằm xuống rồi mới phủ tấm Giạ quý lên", A-nan vâng lời Phật đến nói với Hắc-hỉ, Hắc-hỉ nghe rồi nói rằng: "lời Phật dạy, tôi không dám trái", liền bảo phi nhân đi trước, đến trong Thi lâm rồi bảo nó nằm xuống, khi Hắc-hỉ phủ tấm Giạ quý lên, phi nhân liền dùng chân đá Hắc-hỉ, nhờ Hắc-hỉ có sức mạnh nên mới thoát chết. Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Bí-sô không được tự ý lấy y của tử thi trong Thi lâm, cũng không nên trả lại y như vậy. Khi lấy y thì nên từ chân hướng lên đầu, khi trả y thì nên từ đầu hướng về chân. Bí-sô nên biết lấy y của tử thi có năm lỗi là màu sắc xấu, hôi thối, không chắc, nhiều rận và bị Dược xoa giữ. Nếu tử thi không có thương tổn thì không được lấy y". Sau đó Lục chúng Bí-sô vào trong Thi lâm dẫn chó theo, kẻ bất tin trông thấy liền chê trách: "Thánh giả dẫn chó vào trong rừng, chẳng lẽ muốn giết súc sanh hay sao?", Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "không được dẫn chó theo". Lục chúng Bí-sô lại dùng dao làm tổn thương tử thi để lấy y, Phật bảo: "không nên làm như vậy, nếu có trùng kiến làm cho tử thi hư hoại thì mới được lấy y". Lấy được y của tử thi rồi, họ liền tùy tiện dùng để mặc, Phật nói: "không

nên mặc liền, nên để lại trong rừng chứng bảy tám ngày, chờ gió nắng làm cho khô, đem giặt nhuộm rồi mới mặc"; Họ lại mặc y của tử thi này vào chùa, nhiễu tháp, làm việc kính lễ, Phật nói: "ta nay chế hành pháp cho Bí-sô ở trong Thi lâm mặc y của tử thi như sau: không được vào chùa, không được lễ tháp; nếu muốn lễ tháp phải ở bên ngoài cách xa khoảng một tầm. Không được thọ dụng Tăng phòng, giường và ngọa cụ; không được ngồi trong chúng; không được thuyết pháp nghĩa cho người thế tục; không được đến nhà thế tục, nếu có việc cần đến nên đứng ở ngoài cửa; nếu chủ nhà mời vào nên nói tôi ở trong Thi lâm, nếu chủ nhà nói: hôm nay con được phúc lớn nên Thánh giả mới đến nhà, lúc đó được vào trong nhà nhưng không nên ngồi trên giường tòa. Nếu họ mời ngồi thì nên nói tôi ở trong Thi lâm, nếu họ nói khó được gặp Thánh giả, lúc đó mới được ngồi. Nếu Bí-sô ở trong Thi lâm không tuân theo hành pháp này thì phạm tội Việt pháp".

Duyên xứ như trên, lúc đó các Bí-sô bỏ dao cạo, kim may bừa bãi làm cho mau bị rỉ sét, Phật nói: "không được bỏ bừa bãi, nên đem cất trong tấm nỉ dùng để găm kim", Bí-sô không biết làm như thế nào, Phật nói: "dùng một miếng nỉ hay vải lụa thoa sáp nóng lên rồi gói dao kim lại ở bên trong thì không bị rỉ sét".

Duyên xứ như trên, Bí-sô ni Thâu-la-nan đà có

cái bát bằng lưu ly giả, một ni khác đến hỏi mượn: "tôi đang khát nước, Thánh giả cho tôi mượn cái bát lưu ly để múc lấy nước uống", Thâu-la-nan đà đưa bát cho mượn, không may cô ấy khi múc lấy nước lở tay làm rơi bát xuống đất bị bể. Sau đó Thâu-la-nan đà không thấy đem bát đến trả nên đến đòi, ni đó nói: "tôi đã lở tay làm rơi bể bát, để tôi làm cái khác đền trả lại", Thâu-la-nan đà đòi phải trả cái cũ, cố ý làm xúc não nhau nên Bí-sô ni đem việc này bạch các Bí-sô, Bí-sô bạch Phật, Phật bảo: "do Ni uống nước bằng bát lưu ly nên có lỗi này, từ nay Ni không được dùng bát lưu ly để ăn hay uống, ai làm trái thì phạm tội Việt pháp".

**7. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ tư:**

*Trong chùa nên vẽ khắp,*
*Đốt lửa và tắm rửa,*
*Nước bát, không đạp lá,*
*Khi ăn không mang giày.*

Duyên xứ như trên, trưởng giả Cấp-cô-độc sau khi cúng vườn chùa cho Phật và Tăng liền suy nghĩ: "nêu không tô vẽ thì không có trang nghiêm, nếu Phật cho ta tô vẽ thì ta sẽ làm", nghĩ rồi liền đến bạch Phật, Phật nói tùy ý làm, trưởng giả liền sưu tập màu sắc rồi gọi thợ vẽ đến bảo tô vẽ chùa với màu sắc này, thợ vẽ hỏi: "bắt từ vẽ từ đâu và vẽ hình gì?", trưởng giả nói: "tôi cũng chưa biết", liền đến hỏi Phật, Phật nói: "hai bên cửa nên vẽ

hình Dược xoa cầm trượng, mặt bên này nên vẽ sự biến hóa của đại thần thông, mặt bên kia nên vẽ bánh xe sanh tử trong năm đường. Dưới hiên vẽ các viện Bôn sanh, bên cửa của điện Phật nên vẽ hình Dược xoa cầm vòng hoa; trong giảng đường nên vẽ cảnh Bí-sô kỳ túc đang tuyên dương pháp yếu; trong nhà ăn nên vẽ hình Dược xoa cầm bánh; ben cửa nhà kho nên vẽ hình Dược xoa cầm vật báu, nơi nhà chứa nước vẽ hình rồng cầm bình nước, thân đeo chuỗi anh lạc; nơi nhà tắm, nhà bếp nên theo như cách thức trong kinh Thiên sứ mà vẽ và thêm vài cảnh biến hóa dưới địa ngục; trong nhà khán bịnh nên vẽ hình Như lai chăm sóc người bịnh; chỗ đại tiểu tiện nên vẽ hình tử thi đáng sợ; trong phòng ở nên vẽ bộ xương trắng, đầu lâu", trưởng giả trở lại bảo thợ vẽ vẽ y như lời Phật dạy. Sau đó có Bí-sô vô ý đốt lửa, khói hun lên làm các bức vẽ trên bị hư, Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Bí-sô nên làm nhà đốt lửa, ai cần đốt lửa thì đến trong nhà đó, không được đốt lửa ở chỗ khác, ai làm trái thì phạm tội Việt pháp". Sau đó có người bịnh cần lửa nhưng không dám đốt trước hiên phòng mình, Phật nói: "có thể đốt lửa bên ngoài chùa hoặc ở sân trong của chùa, đợi cháy hết khói mới đem lửa vào ".

Duyên xứ như trên, lúc đó có Bí-sô tắm ngay dưới hiên, nước ẩm ướt làm hư bức vẽ, Phật nói: "không nên tắm như vậy, nên tắm ở gần góc chùa

hay làm phòng tắm riêng để tắm". Trong phòng tắm có bùn, Phật nói: "nên xếp gạch làm đường thoát nước, nếu có bùn đất bất tịnh thì nên thường khơi thông cho sạch hoặc ở gần ngòi nước để tiện cho việc tắm rửa".

Duyên xứ như trên, trong thành có một Bà-la-môn, con của ông bịnh nên ông đến hỏi thầy thuốc cách chữa trị, thầy thuốc này có tín tâm nên nói: "ông đến gặp Thánh chúng xin nước trong bát mang về rửa thân con ông thì sẽ hết bịnh". Bà-la-môn liền đến vườn Cấp gặp Lục chúng Bí-sô đang đứng ở trước cửa, Ô-ba-nan-đà liền chào hỏi: "thiện lai, sao mà khó gặp nhân giả như trăng đầu tháng vậy?", Bà-la-môn nói: "kính lễ Thánh giả, tôi ít khi đến, nay may mắn gặp nhau, nếu đến thường ắt sẽ xem thường", lại hỏi đến có việc gì, Bà-la-môn kể lại việc trên rồi nói: "xin Thánh giả cho tôi ít nước trong bát", Ô-ba-nan-đà bảo chờ rồi vào trong chùa lấy nước rửa bát có cơm và thức ăn lợn cợn mang ra đưa cho Bà-la-môn, Bà-la-môn nhìn thấy nước bát này liền nói: "con của tôi thà chết chứ không dùng nước bất tịnh này để rửa", Ô-ba-nan-đà nói: "nếu ông tín tâm kiên cố thì chắc chắn con ông sẽ hết bịnh", Bà-la- môn nghe rồi càng tỏ ra khinh tiện, Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "do đem nước rửa bát bợn nhơ đưa cho người nên có lỗi này, từ nay không được đem nước bát bợn nhơ đưa cho người, ai làm thế

thì phạm tội Việt pháp. Bí-sô muốn đưa nước bát cho người thì ta sẽ chế hành pháp như sau: trước nên rửa sạch bát ba lần rồi đựng đầy nước, tụng kinh chú nguyện vài lần mới được đưa cho họ, ai không làm theo như thế thì phạm tội Việt pháp".

Duyên xứ như trên, lúc đó có Bí-sô khi ăn, chân đạp trên lá dùng để lót bát, người tục nhìn thấy liền chê trách: "Sa môn Thích tử không thanh tịnh, chân đạp trên lá dùng để lót bát mà ăn", bạch Phật, Phật nói: "không nên làm như vậy, ai làm thế thì phạm tội Việt pháp".

Phật tại thành Quảng nghiêm, lúc đó có Bí-sô khi ăn mang giày dép cũng bị người tục chê trách là không thanh tịnh, Phật bảo không nên, nếu làm thế thì phạm tội Việt pháp. Sau đó có người bịnh khi ăn bỏ giày dép nên bịnh càng nặng thêm, Phật nói: "người bịnh khi ăn có thể bỏ giày dép ra rồi đạp chân lên".

**8. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ tư:**

*Không bát, độ kẻ trộm,*
*An cư, không y chỉ,*
*Năm năm đồng lợi dưỡng,*
*Không nên mang vác nặng.*

Duyên khởi tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó Ô-ba-nan-đà độ một đệ tử mà không cho họ bát, các Bí-sô sau khi thọ thực xong rửa bát để ở chỗ sạch rồi đi kinh hành lễ tháp, người mới xuất gia không

bát này thấy những bát này liền suy nghĩ: "những bát này để không, ta mượn để thọ thực rồi sẽ đem trả lại", nghĩ rồi liền đến lấy. Khi sắp lấy bát của Thượng tòa Kiều trần như, người khác thấy liền nói: "đây là bát của tôn giả Kiều trần như, thầy không nên lấy", lấy tới bát của các tôn giả Mã thắng, Hiện thiện… cũng bị nói như trên, các Bí-sô hỏi: "thầy không có bát hay sao?", đáp là không có, lại hỏi: "thầy không có bát sao lại độ cho thầy xuất gia", đáp: "Ô-ba-đà-da Ô-ba-nan-đà đã độ cho tôi xuất gia", các Bí-sô chê trách rồi bạch Phật, Phật nói: "không được độ người không có bát xuất gia, ai làm thế thì phạm tội Việt pháp. Muốn độ cho người khác xuất gia nên bảo họ sắm đầy đủ sáu vật cần dùng trước, đó là ba y, phu cụ, bát, và đãy lượt nước". Lúc đó cụ thọ Ưu-ba-ly bạch Phật: "Thế tôn, nếu biết người đó không có bát mà cho thọ Cận viên thì có thành thọ Cận viên không?", Phật nói: "thành nhưng chúng cho thọ thì phạm tội Việt pháp", lại hỏi: "nếu Bí-sô cho người đó bát quá nhỏ hay quá lớn hoặc là bát trắng để thọ Cận viên thì có thành thọ Cận viên không?", Phật nói: "thành nhưng chúng cho thọ thì phạm tội Việt pháp".

Duyên xứ như trên, lúc đó có đại tặc khi đang lấy trộm vật bị chủ bắt gặp nên bỏ vật lại chạy trốn, chạy đến rừng Thệ đa ngồi thì dừng lại, ngồi chống má dưới một gốc cây. Lúc đó Ô-ba-nan-đà vào

thành khất thực trở về thấy giặc cướp này liền hỏi là ai, đáp là người nghèo, liền nói: "nếu vậy sao không xuất gia", giặc cướp nói: "xin nói chuyện của tôi trước rồi nói việc xuất gia sau, tôi là đại tặc thì ai lại chịu độ tôi xuất gia", Ô-ba-nan-đà nói: "giáo pháp của Phật lấy từ niệm làm đầu, làm sao có thể không thương xót tiếp độ, chỉ cần ngươi phát tâm thì ta sẽ độ người xuất gia", giặc cướp nghe rồi liền nói: "lành thay Thánh giả, con muốn xuất tục", Ô-ba-nan-đà liền dẫn về cho xuất gia và thọ Cận viên, vài ngày sau bảo người này rằng: "nai không nuôi nai, thành Thất-la-phiệt rộng lớn thầy hãy theo thứ lớp khất thực tự nuôi sống". Sáng sớm hôm sau, Bí-sô này đắp y mang bát vào thành khất thực, nhiều người nhìn thấy nhớ biết là đại tặc liền nói với nhau: "đại tặc này nay được xuất gia, Sa môn Thích tử biết đó là đại tặc mà lại cho xuất gia, ban ngày hắn theo thứ lớp khất thực biết được nơi chốn, ban đêm sẽ đến trộm lấy tài vật của người". Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "do độ kẻ trộm xuất gia nên có lỗi này, từ nay không được độ kẻ trộm xuất gia, ai độ thì phạm tội Việt pháp", sau đó có Bí-sô không biết có phải là kẻ trộm hay không nên không dám độ cho xuất gia, tạo thành nạn duyên trái đường xuất ly, Phật nói: "nếu biết họ là kẻ trộm thì không nên cho xuất gia, nếu không biết thì được tùy ý độ. Nếu có người đến cầu xuất gia, trước nên hỏi: ngươi không phải là kẻ

trộm phải không; nếu không hỏi mà liền độ cho xuất gia thì phạm tội Việt pháp".

Duyên xứ như trên, tại một trú xứ có Bí-sô được nhiều môn nhân đến y chỉ, vị này bỗng qua đời nên không còn người y chỉ, các môn nhân không biết làm sao, bạch Phật, Phật nói: "nên tìm người có đức, cung cấp phòng tốt, thị giả và ngọa cụ đầy đủ, nếu tìm được y chỉ thì tốt, nếu tìm không được thì các Bí-sô không nên ở đó đến kỳ bố tát thứ hai. Ai làm trái thì phạm tội Việt pháp". Tại một trú xứ khác, các Bí-sô sắp cầu y chỉ thì vị này bỗng qua đời, họ không biết làm sao… như trên cho đến câu nếu tìm được y chỉ thì tốt, nếu tìm không được thì các Bí-sô không được hạ an cư ở đó. Ai làm trái thì phạm tội Việt pháp. Tại một trú xứ khác, các Bí-sô tiền an cư thì thấy y chỉ bỗng qua đời, họ không biết làm sao… như trên cho đến câu nếu tìm được y chỉ thì tốt, nếu tìm không được thì các Bí-sô phải đi đến trú xứ khác cầu thầy y chỉ mà hậu an cư. Ai làm trái thì phạm tội Việt pháp. Lại có Bí-sô y chỉ một thầy để hậu an cư, thầy y chỉ này bỗng qua đời, Phật nói: "có thể trong hai tháng kiểm soát lẫn nhau, cẩn thận mà ở; qua hai tháng nếu tìm được thầy y chỉ nên cung cấp như trên, nếu tìm không được thì không nên để qua thêm kỳ trưởng tịnh thứ hai, nên đi đến trú xứ khác cầu y chỉ sư. Ai làm trái thì phạm tội Việt pháp". Lại có Bí-sô xuất gia thọ Cận viên tại một trú xứ

nọ, bổn sư bỗng qua đời, Bí-sô không biết làm sao, bạch Phật, Phật nói: "tất cả việc đều giống như trường hợp của thầy y chỉ mà làm. Ai làm trái thì phạm tội Việt pháp".

Duyên xứ như trên, tại một tụ lạc có một trưởng giả xây một trú xứ với đầy đủ tiện nghi rồi cúng cho Tứ phương tăng. Thời gian sau ông bỗng bị quan bắt giữ, các Bí-sô nghe biết việc này rồi đều bỏ chùa đi nên vật của Tam bảo đều bị trộm lấy mất hết. Sau đó nghe biết trưởng giả được thả về, các Bí-sô đến thăm rồi nói: "trưởng giả, trước đây chúng tôi bỏ chùa đi nên các vật thọ dụng trong chùa đều bị trộm lấy mất hết", trưởng giả hỏi: "vì sao các thầy bỏ chùa đi?", đáp: "chúng tôi nghe tin trưởng giả bị bắt, tâm sanh hoang mang nên mới bỏ chùa đi", trưởng giả nói: "tôi tuy bị bắt nhưng còn có thân thuộc, họ có thể cung cấp thay tôi, vì sao các thầy lại bỏ đi", các Bí-sô nghe rồi im lặng, bạch Phật, Phật nói: "không nên bỏ đi mà không hỏi thân thuộc của họ, nên hỏi họ có thể cung cấp được hay không, nếu đáp là không thể thì các Bí-sô nên tùy duyên khất thực trong năm năm để giữ chùa. Nếu chủ chùa trở về thì tốt, nếu không trở về được thì các Bí-sô nên sống ở trú xứ gần bên, trong năm năm đồng lợi dưỡng nhưng thuyết giới riêng. Cách tác pháp như sau: trải tòa, đánh kiền chùy, Tăng nhóm rồi sai một Bí-sô tác bạch yết ma:

Đại đức tăng lắng nghe, nay thí chủ xây chùa

tại trú xứ____ bị vua quan hay giặc bắt giữ. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, nay Tăng tại trú xứ này cùng Tăng tại trú xứ____ trong năm năm đồng lợi dưỡng, trưởng tịnh riêng. Bạch như vậy.

Đại đức tăng lắng nghe, nay thí chủ xây chùa tại trú xứ____ bị vua quan hay giặc bắt giữ, Nay Tăng tại trú xứ này và Tăng tại trú xứ____ trong năm năm đồng lợi dưỡng, trưởng tịnh riêng. Các cụ thọ nào chấp thuận Tăng tại trú xứ này và Tăng tại trú xứ____ trong

năm năm đồng lợi dưỡng, trưởng tịnh riêng thì im lặng; vị nào không chấp thuận thì nói. Tăng đã chấp thuận Tăng tại trú xứ này và trú xứ kia trong năm năm đồng lợi dưỡng, trưởng tịnh riêng xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Nếu đủ năm năm mà thí chủ trở về thì tốt, nếu không trở về thì trong mười năm cũng tác pháp đồng lợi dưỡng, trưởng tịnh riêng giống như vậy. Đủ mười năm mà thí chủ trở về thì tốt, nếu không trở về thì các Bí-sô nên đem ngọa cụ và các tạp vật trong chùa này gởi cho chùa gần bên rồi đóng chặt cửa chùa, tùy ý ra đi. Khi nào thí chủ trở về thì đem những vật đã gởi đó trả lại cho thí chủ, đem trả lại thì tốt, nếu không đem trả lại thì các Bí-sô phạm tội Việt pháp".

Duyên xứ như trên, lúc đó Lục chúng Bí-sô khuân vác vật nặng đi, người tục thấy liền chê trách: "người đời chúng tôi vì phải lo cho cha mẹ, vợ con, phục vụ vua quan nên phải làm các việc nặng là điều tất nhiên, các thầy vì ai mà phải chịu cực khổ như vậy?", họ nghe rồi im lặng. Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "Bí-sô không nên khuân vác vật nặng, ai làm trái thì phạm tội Việt pháp". sau đó Lục chúng Bí-sô lại đội vật nặng trên đầu hoặc trên trai… và bị chê trách như trên, Phật nói: "Bí-sô không được khuân vác vật nặng như vậy, ai làm trái thì phạm tội Việt pháp".

**9. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ tư:**

*Pháp tứ y, sáu vật,*
*Giặc trộm y Bí-sô,*
*Gởi có năm loại khác,*
*Phải biết cách thức nhuộm.*

Duyên xứ như trên, lúc đó có một Bà-la-môn muốn xuất gia nên đến rừng Thệ đa, vừa vào trong chùa liền gặp các Bí-sô đang mang bát định đi khất thực, liền suy nghĩ: "ta nên hỏi họ đi đâu", nghĩ rồi liền hỏi các Bí-sô định đi đâu, đáp là định đi khất thực, lại hỏi: "chẳng lẽ các Bí-sô đều phải khất thực hay sao?", đáp: "những vị mà nhiều người biết đến thì có nhiều thí chủ mang vật thực đến cúng dường, người không có thí chủ thì đều phải khất thực". Người này nghe rồi suy nghĩ: "nếu ta xuất gia cũng

phải khất thực thì đâu có khác gì, dù có đến đầu Phật xuất gia cũng không thoát khỏi lao nhọc. Ta nên hỏi lại các Bí-sô khác, xuất gia chỉ phải một việc khất thực hay còn việc gì khác nữa", nghĩ rồi liền đến hỏi Bí-sô khác: "các vị nương vào đâu mà xuất gia?", đáp: "hãy ngồi xuống, tôi sẽ nói cho nghe. Người xuất gia trong Phật pháp phải nương vào pháp Tứ y để được thọ Cận viên, thành tánh Bí-sô, đó là mặc y phấn tảo, ở dưới gốc cây, dùng loại dược cũ bỏ (trần khí dược) vì bốn pháp này thanh tịnh dễ được". Bà-la-môn nghe rồi liền nói: "ai có thể nương vào bôn pháp này mà sống nổi, tôi vốn có ý cầu xuất gia nhưng thấy việc này khó làm nên tôi xin từ giã", nói rồi liền bỏ đi vì ông ta cho xuất gia là sự chướng ngại lớn. Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "nói pháp Tứ y cho người chưa xuất gia nên có lỗi này, từ nay Bí-sô thấy người muốn xuất gia thọ Cận viên, không nên nói pháp Tứ y cho họ nghe trước. Ai nói trước thì phạm tội Việt pháp".

Duyên xứ như trên, lúc đó có một trưởng giả cưới vợ chưa bao lâu thì sanh được một trai, đồng tử này vừa mới lớn khi bị cha giận trách mắng liền suy nghĩ: "thừa sự cha thật khó, vậy ta nên xuất gia", nghĩ rồi liền đi đến rừng Thệ đa. Ô-ba-nan-đà thấy liền hỏi đến có việc gì, đáp là muốn xuất gia, Ô-ba-nan-đà nói: "đây là việc tốt, như Phật đã dạy người xuất gia có năm lợi ích thù thắng… như trên,

nhưng muốn xuất gia cần có đủ sáu vật", liền hỏi là sáu vật gì, đáp: "đó là ba y, bát, phu cụ và đãy lượt nước", đồng tử nói: "con không có", Ô-ba-nan-đà nói: "ngươi hãy tạm trở về, ta sẽ tìm sáu vật đó giúp cho ngươi", đồng tử từ giã nhưng không trở về nhà cha mẹ mà đi đến nhà thân thuộc. Thân thuộc biết là con của trưởng giả muốn xuất gia nên giữ ở lại và cưới vợ cho đồng tử. Sau đó Ô-ba-nan-đà tìm đủ sáu vật, khi vào thành khất thực gặp đồng tử liền nói: "Hiền thủ, ta đã tìm đủ sáu vật, hãy đến ta cho xuất gia", đáp: "Thánh giả, con cũng đã tìm được sáu vật", hỏi là sáu vật gì, đáp là mắt tai mũi lưỡi thân và ý, lại hỏi là vật gì, đáp: "người thân đã cưới vợ cho con có đầy đủ sáu vật nên nay con không thể xuất gia được nữa". Do nhân duyên này nên trở ngại việc xuất gia thọ Cận viên, Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "từ nay nếu có người nghèo đến cần xuất gia thọ Cận viên nên mượn sáu vật cho họ cần dùng, vì sao, vì được xuất gia trong thiện pháp luật thành tánh Bí-sô là khó được. Sau khi thọ Cận viên, họ tự tìm kiếm trả lại cho chủ cũ".

Duyên xứ như trên, lúc đó có nhiều Bí-sô du hành trong nhân gian, giữa đường bị giặc cướp đoạt y vật. Giặc cướp đem những vật này đến bán ở gần rừng Thệ đa, các Bí-sô bị cướp cũng đi đến rừng Thệ đa nhìn thấy những y vật này đều nhận biết là của mình nên kêu lớn lên: "bắt lấy giặc, y vật của chúng tôi đã bị chúng cướp", tiếng kêu

vang xa nên giặc cướp để lại y vật bỏ chạy tán loạn. Các Bí-sô lấy lại y vật của mình rồi suy nghĩ: "những vật đã bị cướp có cho lấy lại hay không?", bạch Phật, Phật nói: "không nên làm kinh động họ, những vật họ cướp được là thuộc về của họ". Sau đó có Bí-sô du hành trong nhân gian bị giặc cướp y vật, đối với y vật đã bị cướp, Bí-sô liền khởi tâm xả nên thiếu y bát thọ dụng, Phật nói: "Bí-sô mất y vật, không nên liền khởi tâm xả, trong thời gian giặc chưa khởi tâm nghĩ là vật của mình thì Bí-sô được lấy lại". Lại có Bí-sô gặp giặc cướp như trên, giặc đem y vật này đến bán ở gần vườn Cấp, Bí-sô nhìn thấy biết là y vật của mình liền lôi giặc đến chỗ vua, giặc bị gông cùm đánh đập rất đau khổ. Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "không nên đưa giặc đến chỗ vua, nên thuyết pháp để xin lại y vật, nếu giặc không cho lại thì nên đưa cho giặc nửa giá tiền, nếu giặc cũng không chịu thì nên đưa hết giá tiền để chuộc lại, vì sao, vì y bát thành tựu rốt cuộc khó thể được".

Duyên xứ như trên, lúc đó các Bí-sô khi ra đi đem phân bò, đất, cây đánh răng, nước nhuộm… vất bỏ, không có tâm yêu tiếc; các Bí-sô khác thấy vất bỏ muốn lấy lại để dùng nhưng nghi ngại, không dám lấy nên các vật này bị hư hoại. Bạch Phật, Phật nói: "nên khởi tưởng thân hữu rồi lấy dùng, luận về thân hữu là người gởi có năm loại: một là có tâm thương mến nhau, hai là thân gần

được vừa ý, ba là tôn trọng nhau, bốn là quen biết nhau lâu, năm là nghe dùng tài vật của mình thì vui mừng. Vật của năm hạng người này tuy không hỏi chủ mà lấy dùng đều không có lỗi. Lại nữa, biết vật họ đã vất bỏ, khởi tưởng là vật vô chủ, lấy dùng cũng không lỗi".

Duyên xứ như trên, Phật cho nhuộm y nên các Bí-sô ở nơi đất trống hay chỗ kinh hành bên ngoài chùa nhuộm y, bị bụi đất làm dơ và mưa gió làm ướt, Phật bảo nên nhuộm y trong chùa. Khi nhuộm y trong chùa, nước nhuộm chảy ra đất giống như máu, người tục thấy liền hỏi: "Thánh giả, chỗ này có giết bò dê hay sao?", đáp: "không phải giết chúng sanh mà là nước nhuộm y chảy ra đất", họ nói: "nước nhuộm chảy ra đất vì sao không quét dọn?", Phật nói: "nên dùng phân bò hay bùn trét ở chỗ nhuộm cho sạch", khi trét làm tổn chỗ đất đá tro, Phật nói: "chỗ đất đá tro nên dùng nước giội rửa, chỗ khác nên trét tô cho láng. Ai làm trái thì phạm tội Việt pháp".

**10. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ tư:**

*Phải biết cách trồng cây,*
*Trộm vải, hiện thần thông,*
*Nếu được vải thượng hạng,*
*Không cắt bỏ chỗ thêu.*

Duyên khởi tại vườn Trúc, thành Vương xá, lúc đó trên núi Thắng thân, Phật thuyết pháp khiến cho

vua trời Đế thích thấy được chân đế; cũng ở trên núi đó, vua Ảnh Thắng mở đại pháp hội nên dân chúng nước Ma-kiệt-đà đều vân tấp đến. Trên núi không có cây cao bóng mát, dân chúng bị nóng bức nên bạch các Bí-sô: "lành thay các Thánh giả, nên trồng cây có bóng mát trên đây", đáp là Phật chưa cho, họ nói: "trồng cây là sai trái hay sao", Bí-sô bạch Phật, Phật nói nên trồng cây, các Bí-sô trồng cây xong liền bỏ đi nên cây chết. Năm sau họ trở lại dự pháp hội bị nóng như lần trước nên hỏi các Bí-sô: "Thánh giả không có trồng cây sao?", đáp là có trồng, lại hỏi vì sao không thấy, đáp: "vì chúng tôi bỏ đi, không ai coi giữ nên chết khô hết", họ nói: "các thầy khi mới sanh nếu cha mẹ không nuôi dưỡng ắt sẽ bị tổn hại; cây trồng cũng vậy, trồng xong nên bảo dưỡng đợi khi lớn mạnh mới bỏ đi". Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "không nên trồng cây rồi liền bỏ đi", lúc đó các Bí-sô không biết cách bảo hộ cây, tháng Đông sợ cây chết nên lấy lá phủ lên, lại bị lửa đồng đốt cháy, Phật nói: "nên làm bờ che bốn phía để bảo hộ", sau đó cây bị nóng nên hư hại, Phật nói nên làm lỗ thông hơi; đến mùa hạ mưa nhiều đọng nước nên cây bị úng chết, Phật nói: "mùa hạ nên bỏ bờ che và làm đường thoát nước". Lúc đó cây chưa đủ lớn, các Bí-sô liền bỏ đi nên cây bị chết như trước, Phật nói: "ta nay chế định cách trồng cây: nếu là hoa thì đợi khi trổ hoa mới được đi; nếu là cây ăn trái thì đợi khi có trái

mới được đi", lúc đó có Bí-sô gặp việc gấp cần phải đi ngay, không biết làm sao nên bạch Phật, Phật nói: "nên giao lại cho người giữ vườn hay thân hữu mới được tùy ý đi".

Duyên xứ như trên, lúc đó vua Kiền-đà-la ở phương Bắc gửi tấm vải thượng hạng cho vua Ảnh Thắng, vua đem tấm vải này dâng cúng cho tôn giả Tất-lân-già-bà-ta. Tôn giả đem tấm vải này đến chỗ A-lan- nhã, bọn cướp nghe biết được việc này liền nói với nhau: "tấm vải đó rất quý, chúng ta nên làm sao?", một người trong bọn nói nên đến đoạt lấy. Đêm đó bọn cướp đến chỗ tôn giả gõ cửa, tôn giả hỏi là ai, đáp là giặc cướp, tôn giả hỏi muốn gì, đáp là muốn lấy tấm vải quý giá, tôn giả nói: "hãy đưa tay vào cửa sổ", giặc liền đưa tay vào, tôn giả tác ý gia trì: "chớ để cho tấm vải này bị giặc cướp đoạt hoặc bị đốt cũng không cháy, bị kéo ra cũng không kéo ra hết". Lúc đó giặc cướp kéo lấy tấm vải ra nhưng kéo mãi không hết, vải tụ thành đống lớn không cùng tận; giặc liền dùng kéo cắt cũng không cắt được, dùng lửa đốt cũng không cháy liền nói với tôn giả: "Thánh giả vì sao lại xúc não chúng tôi", tôn giả nói: "ngươi ngu si, nếu ngươi không xúc não ta thì làm sao ta lại xúc não ngươi, người có dùng hết sức cũng không thể nào kéo ra được", giặc liền nói với nhau: "Thánh giả có đại thần thông, chúng ta nên chạy đi chớ để bị vua bắt", nói rồi liền bỏ vải lại chạy đi mất dạng. Các Bí-sô nghe

biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "do đem vải thượng hạng đến chỗ A-lan-nhã nên có lỗi này, Tất-lân-già-bà-ta thật phi lý khi đem vải thượng hạng đến chỗ A-lan-nhã. Từ nay Bí-sô không được đem vải thượng hạng đến chỗ A-lan-nhã, ai làm trái thì phạm tội Việt pháp. Nếu Bí-sô ở A-lan-nhã được vải thượng hạng nên gửi cho người coi giữ ở trong thôn". Sau đó có Bí-sô A-lan-nhã được vải tốt đem gửi trong nhà thế tục, thời gian sau vải bị trùng cắn hư, Phật nói: "nên lót lá Khổ sâm hay A quỳ ở bên trong tấm vải, nếu không có loại lá đó thì nên treo trên giá và nên thường đem phơi".

Duyên khởi tại thành Thất-la-phiệt, trưởng giả Cấp-cô-độc thường đến lễ Phật và các tôn giả, lúc đó vào mùa lạnh, trưởng giả vào trong chùa nhìn thấy các Bí-sô nằm co ro, không tu pháp thiện liền nói: "giáo pháp của bậc Đại sư chú trọng tinh cần, vì sao các thầy lại nằm co ro, luống qua ngày tháng mà không tu thiện phẩm?", Bí-sô đáp: "tâm có hỷ lạc thì mới tu thiện phẩm, chúng tôi khổ vì lạnh thì làm sao tinh cần nổi". Trưởng giả nghe rồi liền trở về nhà lấy năm trăm xấp bạch điệp dày mang đến cúng cho Tăng, các Bí-sô thọ rồi liền cắt bỏ những chỗ thêu vẽ trên vải, dùng đá đỏ nhuộm rồi mới mặc. Sau đó trưởng giả đến không thấy các Bí-sô mặc bạch điệp nên hỏi, Bí-sô kể lại việc trên, trưởng giả nói: "đó là vải thượng hạng, vì sao các thầy lại làm cho hư hoại, nên giữ lại những chỗ

thêu vẽ mà thọ dụng", Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "vật của-tăng-kỳ thì không nên cắt bỏ những chỗ thêu vẽ, nên giữ lại như vậy mà thọ dụng. Ai cắt bỏ thì phạm tội Việt pháp".

-oOo-

# CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA TẠP SỰ

## QUYỂN 18

## V. TỔNG NHIẾP TỤNG CỦA BIỆT MÔN THỨ NĂM:

*Đốt thây, hỏi, ba lần,*
*Xả đọa, thân ta mất,*
*Giới, Bí-sô không nên,*
*Không dùng năm loại da.*

### 1. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ năm:

*Đốt thây tụng Tam khải,*
*Mục liên bị đánh chết,*
*Không nên làm to lớn,*
*Được nhiều các trân bảo.*

Duyên khởi tại rừng Thệ đa, thành Thất-la-phiệt, lúc đó trong thành có một trưởng giả cưới vợ chưa bao lâu thì sanh được một trai. Đồng tử vừa trưởng thành liền xuất gia trong Phật pháp, không may mắc bịnh qua đời, các Bí-sô liền đem thi thể cùng y bát bỏ bên đường. Nhiều người đi qua thấy liền nói với nhau: "Sa môn Thích tử chết bị vất bỏ", có người đến xem thử liền nhận biết là con của

trưởng giả liền nói cho mọi người biết, họ liền chê trách: "xuất gia trong Thích tử không được cậy nhờ, nếu người này còn tại gia thì người thân sẽ đem hỏa thiêu đúng pháp". Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "nếu Bí-sô chết nên cúng dường thân của vị ấy", Bí-sô không biết cúng dường như thế nào, Phật bảo nên hỏa thiêu. Cụ thọ Ưu-ba-ly bạch Phật: "Phật đã dạy là trong thân có tám vạn hộ trùng thì làm sao được hỏa thiêu?", Phật nói: "những loại trùng này nếu người sống thì chúng sống, nếu người chết thì chúng chết nên thiêu không có lỗi. Nếu thân có lở lói nên xem kỹ, không có trùng mới được thiêu". Lúc đó muốn thiêu nhưng tìm không được củi, Phật nói: "nên thả xuống sông, nếu không có sông thì nên đào đất chôn", vào mùa hạ đất ẩm có nhiều trùng kiến, Phật nói: "ở chỗ sâu trong rừng, để thi thể day đầu về hướng Bắc, nằm nghiêng hông bên phải, dùng cây cỏ giữ đầu rồi lấy cỏ hay lá phủ lên. Khi tống táng nên bảo người có khả năng tụng kinh Tam khải (kinh Vô thường) và đọc kệ chú nguyện cho người chết". Lúc đó các Bí-sô làm việc này xong trở về chùa nhưng không tắm rửa, người tục thấy liền chê trách: "Sa môn Thích tử dơ bẩn, tiếp xúc tử thi mà không tắm rửa", Phật bảo nên tắm rửa, các Bí-sô đều tắm hết, Phật nói: "ai tiếp xúc với tử thi mới tắm, ai không tiếp xúc thì chỉ rửa tay chân", các Bí-sô trở về không lễ bái tháp, Phật bảo nên lễ bái.

Duyên khởi tại thành Vương xá, lúc đó cụ thọ Xá-lợi-phất và Đại Mục-kiền-liên thường đến trong năm đường: địa ngục, ngạ quỷ, bàng sanh và trời người. Khi đến trong địa ngục Vô gián, Xá-lợi-phất bảo Đại Mục-kiền-liên: "thầy hãy vì hữu tình trong địa ngục này mà làm cho dứt khổ lửa dữ thiêu đốt", Đại Mục-kiền-liên liền bay lên hư không ở trên địa ngục làm cho mưa xuống, hạt to như bánh xe nhưng khi rơi xuống đều bị lửa dữ làm cho tiêu mất. Xá-lợi-phất nói: "thầy hãy dừng tay để tôi diệt lửa này", nói rồi liền nhập Tam-ma-địa thắng giải mưa xuống một trận mưa lớn, làm cho địa ngục Vô gián đều thành bùn, trở nên mát mẻ, các khổ đều dừng lại. Họ thấy ngoại đạo Bộ thích noa do lúc sống nói pháp tà khi dối người nên nay chịu quả báo thân lớn, trên lưỡi có năm trăm cái cày sắt cày làm cho đổ máu, chịu khổ vô cùng. Ngoại đạo này nói với hai tôn giả: " khi hai vị trở về châu Thiệm bộ truyền lời của tôi đến các môn đồ của tôi rằng: do lúc sống tôi nói pháp tà khi dối người nên nay chịu quả báo thân lớn, trên lưỡi có năm trăm cái cày sắt cày làm cho đổ máu, chịu khổ vô cùng. Các môn đồ cúng dường tháp thờ tôi càng khiến thân tôi thêm đau khổ, từ nay về sau chớ có cúng dường nữa", hai tôn giả im lặng nhận lời. Từ địa ngục trở về thành Vương xá, khi đi vào thành giữa đường gặp nhóm ngoại đạo thuộc phái cầm trượng chùy và búi tóc. Các ngoại đạo này nói với nhau: "ta

muốn đánh Sa môn Thích tử đó", một ngoại đạo nói: "gặp thật đúng lúc nhưng họ có lỗi mới đánh, đợi tôi hỏi trước, nếu đáp vừa ý tôi thì tốt, nếu đáp không vừa ý tôi thì đánh chẳng muộn". Lúc đó Xá-lợi-phất đi trước, ngoại đạo liền hỏi: "này Bí-sô, trong chúng Chánh mạng có Sa môn không?", tôn giả liền quán xem họ hỏi câu này với tâm gì, liền quán biết họ muốn đánh liền nói kệ:

*"Trong chúng Chánh mạng không Sa môn,*
*Trong chúng Thích ca có Sa môn,*
*Nếu A-la-hán có tham ái,*
*Tức là kẻ phàm phu ngu si".*

Ngoại đạo lõa hình tự xưng là Chánh mạng, khi nghe bài kệ này không hiểu được nghĩa nên nói: "thầy tán thán ta nên tùy ý đi". Đại Mục-kiền-liên do nghiệp đời trước đã chín nên khi đi tới nghe ngoại đạo hỏi: "này Bí-sô, trong chúng Chánh mạng có Sa môn không?", do không khởi quán nên dù là trí của bậc A-la-hán cũng không thể biết được ý đồ của ngoại đạo, liền đáp: "trong chúng các người làm gì có Sa môn, như Phật đã nói: đây là đệ nhất Sa môn, đây là đệ nhị Sa môn, đây là đệ tam Sa môn, đây là đệ tứ Sa môn, ngoài ra không có Sa môn nào khác. Bà-la-môn chỉ có danh suông, tuy gọi là Sa môn Bà-la-môn nhưng không có thật chất. Ở trong Trời người và chúng Thanh văn, ta cất tiếng rống sư tử, nói lời không hư dối. Lại nữa

thầy của các người là Bộ thích noa do lúc sống nói pháp tà khi dối người nên nay chịu quả báo thân lớn, trên lưỡi có năm trăm cái cày sắt cày làm cho đổ máu, chịu khổ vô cùng. Ông ấy nhắn bảo các người khi cúng dường tháp thờ ông ấy càng khiến cho thân ông ấy thêm đau khổ, từ nay về sau chớ có cúng dường tháp nữa", các ngoại đạo nghe rồi liền phẫn nộ nói rằng: "Sa môn đầu trọc này không những nói lỗi chúng ta mà còn phỉ báng thầy chúng ta nữa, vậy chúng ta phải làm sao?", một ngoại đạo nói: "đánh cho nhừ tử chứ còn làm sao nữa, không những nói lỗi đáng đánh mà phỉ báng đại sư chúng ta lại càng đáng đánh", nói rồi cùng nhau dùng gậy đánh Đại Mục-kiền-liên nhừ tử, khiến cho thân của tôn giả bầm giập như chùy đập cỏ lau, rồi bỏ đi. Lúc đó tôn giả Xá-lợi-phất lấy làm lạ vì sao tôn giả Mục liên đi sau lại chậm đến nên quay trở lại xem thì thấy tôn giả nằm trên đất, thân bầm giập như chù đập cỏ lau liền hỏi: "vì sao lại ra nông nỗi như thế này?", đáp: "do nghiệp đời trước đã chín, biết làm sao", Xá-lợi-phất nói: "chẳng phải trong chúng Thanh văn, Đại sư đã từng khen ngợi cụ thọ là Thần thông bậc nhất hay sao, vì sao lại ra nông nỗi như thế này?", đáp: "do nghiệp lực giữ lại nên chữ Thần tôi còn không nhớ, huống chi là phát Thông". Lúc đó tôn giả Xá-lợi-phất dùng y bảy điều bọc thân thể của tôn giả Mục liên, như bồng em bé đem về chùa, các Bí-sô thấy đều kinh hãi, tụ tập lại hỏi

tôn giả Xá-lợi- phất nguyên do, tôn giả nói: "bị ngoại đạo cầm trượng đánh", nói rồi nhẹ nhàng đặt tôn giả Mục liên xuống đất, các Bí-sô nói: "chẳng phải trong chúng Thanh văn, Đại sư đã từng khen ngợi cụ thọ là Thần thông bậc nhất hay sao, vì sao lại ra nông nỗi như thế này?", tôn giả Xá-lợi- phất nói: "các thầy nên biết nghiệp lực rất lớn, tuy Đại Mục-kiền-liên có đại khí lực, ấn ngón chân phải liền lên tới cung Chiến thắng của vua trời Đế thích, làm cho cung trời dao động muốn nghiêng ngã; Như lai tuy đã khen ngợi tôn giả là bậc có đại oai lực, thần thông bậc nhất trong chúng Thanh văn; nhưng do nghiệp lực giữ lại nên chữ Thần còn không nhớ, huống chi là phát Thông". Lúc đó tôn giả Mục liên suy nghĩ: "ta đem thân bất tịnh này gần bên Phật để phụng sự và phụng hành theo lời Phật dạy, tùy sức mà làm không có trái phạm để đền ân Phật, nhưng đối với biển đức ai có thể báo đền cho hết được. Với thân này ta không thể gánh vác được nữa, đối với thân có vô biên khổ này nên sanh nhàm lìa, nên cầu tịch tĩnh, không nên trụ lâu", nghĩ rồi liền giữ mạng sống nhưng xả tuổi thọ. Các Bí-sô chưa đắc Thánh đạo thấy việc này rồi, trong lòng đau buồn sanh tâm xuất ly, bỏ đi đến chốn A-lan-nhã, thọ ngọa cụ bậc hạ, sống thiểu dục rời xa nhân gian, chuyên tu tịch tĩnh. Lúc đó trong thành Vương xá và các trú xứ khác đều hay tin ngoại đạo cầm trượng cùng nhau đánh tôn giả

Đại Mục-kiền-liên nhừ tử, thân bầm giập như chùy đập cỏ lau, được tôn giả Xá-lợi-phất dùng y bọc mang về trong Trúc lâm như bông em bé, chỉ còn thoi thóp, rất khổ sở không bao lâu sẽ chết nên có trăm ngàn người cùng đến trong Trúc viên. Quần thần đem việc này tâu vua, vua nghe rồi rất thương tiếc liền cùng với Thái tử, đại thần… đi đến Trúc viên, mọi người thấy vua đến nên mở đường, vua đến thấy tôn giả Đại Mục-kiền-liên như vậy liền rơi nước mắt, cầm chân tôn giả kêu khóc nói: "Thánh giả vì sao lại ra nông nỗi như thế này?", tôn giả đáp: "đại vương, do nghiệp đời trước đã chín, biết làm sao", vua tức giận bảo đại thần: "các khanh hãy cho người đi khắp nơi tìm bắt các ngoại đạo kia, nếu bắt được nhốt chúng vào trong căn phòng trống dùng lửa đốt", tôn giả nói: "đại vương không nên làm vậy, đã tạo nghiệp rồi, theo thời gian nghiệp ấy tăng trưởng thân thục, duyên biến hiện tiền như bộc lưu (thác nước) không thể chảy ngược lại, quyết định phải chiêu lấy quả báo không ai có thể thọ thay", vua bảo đại thần: "lệnh của bậc trên khó làm trái, nếu vậy thì khi bắt được chúng phải đuổi ra khỏi nước", vua nói với tôn giả: "chẳng phải trong chúng Thanh văn, Đại sư đã từng khen ngợi cụ thọ là Thần thông bậc nhất hay sao, vì sao Thánh giả không bay lên, lại để ra nông nỗi như thế này?", đáp: "đại vương, đúng là Đại sư đã khen như vậy, nhưng do nghiệp lực giữ lại nên

chữ Thần tôi còn không nhớ, huống chi là phát Thông. Đại sư không nói hai lời, như đã nói kệ:

*"Dù trải qua trăm kiếp,*
*Nghiệp đã tạo không mất,*
*Khi nhân duyên hội họp,*
*Tự thọ lấy quả báo".*

Nay tôi thọ quả báo, còn biết nói gì nữa", vua Vị sanh oán dùng y lau nước mắt rồi bảo các y sĩ: "nội trong bảy ngày nếu các khanh không làm cho các chi phần trên thân của tôn giả hồi phục như xưa thì ta sẽ tước bỏ bổng lộc hiện có của các khanh", vua lại sai đại thần ở lại đích thân chăm sóc, đảnh lễ tôn giả rồi ra về. Lúc đó Đại Mục-kiền-liên nói với Xá-lợi-phất: "cụ thọ nên biết, tôi sẽ nhập Niết-bàn, hãy khoan thứ cho tôi", Xá-lợi-phất nghe rồi liền nói: "hai chúng ta cùng cầu pháp thiện, đồng thời xuất gia, đồng chứng Cam lồ, đồng quy Viên tịch, nên làm như vậy". Tôn giả Mã thắng nghe biết tin này liền đến thăm hỏi an ủi Mục liên: "cụ thọ nên biết:

*"Không phải trong hư không,*
*Không trong biển và núi,*
*Không bất cứ chỗ nào,*
*Thoát khỏi được nghiệp báo.*
*Như bóng đi theo người,*
*Không đứng lại một chỗ,*
*Nghiệp thiện ác không mất,*
*Phật đã nói như vậy".*

Đại Mục-kiền-liên và Xá-lợi-phất đảnh lễ tôn giả Mã thắng, nhiễu phải ba vòng rồi bạch:

*"A-giá-lợi-da,*
*Việc nên làm đã xong,*
*Con từ biệt lần cuối,*
*Sẽ vào Vô dư y,*
*Cảnh Niết-bàn trong mát".*

Tôn giả Mã thắng nói với Xá-lợi-phất:

*"Việc mà thầy nên làm đã xong,*
*Thường chuyển pháp luân theo ý Phật,*
*Nay thầy lại muốn nhập Niết-bàn,*
*Tướng pháp thế gian, đèn sáng tắt".*

Lúc đó các y sĩ nghe lịnh vua rồi nói với nhau: "lịnh của vua đã ban, chúng ta phải làm sao?", một người nói: "biết làm gì nữa, Thánh giả tuổi đã cao lại bị đánh bầm giập như chùy đập cỏ lau thì làm sao chữa cho lành như xưa được; nhưng Thánh giả có từ bi lực, chúng ta cầu xin sẽ được ban ân", nói rồi cùng nhau đến đảnh lễ tôn giả Đại Mục- kiền-liên bạch rằng: "đại vương có lịnh nội trong bảy ngày nếu các y sĩ không làm cho các chi phần trên thân của tôn giả hồi phục như xưa thì vua sẽ tước bỏ bổng lộc hiện có của chúng tôi; nhưng tôn giả tuổi cao lại bị khổ nạn này thì thật khó làm cho phục hồi như xưa. Cúi xin tôn giả từ bi ban phương tiện giúp chúng tôi không bị mất bổng lộc", tôn giả nói: "vậy thì các vị hãy đến tâu vua là sau bảy ngày Thánh giả Mục liên sẽ vào thành Vương xá khất

thực", các y sĩ vui mừng từ giã rồi đến chỗ vua tâu: "sau bảy ngày Thánh giả Mục liên sẽ vào thành Vương xá khất thực", vua nghe rồi vui mừng nói lành thay. Sau bảy ngày Thánh giả Mục liên dùng thần thông lực trừ các đau đớn, vào thành Vương xá khất thực tới cửa cung vua, người giữ cửa liền vào báo cho vua biết, vua nghe rồi mừng rỡ ra cửa nghinh đón, đảnh lễ rồi thỉnh vào trong cung an tọa và thăm hỏi có an ổn không, tôn giả nói:

*Đại vương nên biết,*
*Nay tôi cần gì thân máu huyết,*
*Gánh vác các khổ không ngừng nghỉ,*
*Nay đã trừ hết độc ngoan xà,*
*Sẽ đến thành Niết-bàn an ổn,*
*Trong thành Niết-bàn không có khổ,*
*Duyên sanh các khổ thảy đều không,*
*Phật và Thánh chúng sống trong đó,*
*Kẻ ngu luân hồi không vào được.*

Đại vương nên biết, đây là túc nghiệp của tôi, nay phải chịu quả báo bị đánh bầm giập như cỏ lau bị giập, không thể trị liệu được. Cho dù y vương thời xưa cũng không trị hết, xin đại vương hãy tha cho các y sĩ", vua nghe rồi liền ra lịnh tha cho các y sĩ, nước mắt đầm đìa đảnh lễ tôn giả, tôn giả khuyên vua chớ phóng dật, lược nói pháp rồi từ giã. Lúc đó tôn giả Xá-lợi-phất nhập định quán sát vì sao cụ thọ Mục liên bị khổ nạn này mà còn vào thành khất thực, mới thấy tôn giả sắp nhập Niết-

bàn. Từ khi thấy tôn giả Mục liên bị đánh, tôn giả Xá-lợi-phất sanh bi cảm nên phát bịnh nặng, suy nghĩ: "cụ thọ Mục liên sắp nhập Niết-bàn, ta còn trụ ở đây làm chi, ta nên vào Viên tịch trước", nghĩ rồi liền đến từ biệt cụ thọ A-nan như trong kinh có nói rõ, kế đến đảnh lễ Thế tôn rồi ngồi một bên bạch Phật:

*"Phật dạy con đã trì,*
*Tùy sức giảng cho người,*
*Đã phụng sự Thánh chúng,*
*Tâm không luyến ái thân,*
*Gắng làm việc mình xong,*
*Đã tu hạnh Niết-bàn,*
*Ba nghiệp thân khẩu ý,*
*Theo chánh đạo không sai,*
*Đối với sanh con không ái,*
*Đối với tử con không buồn,*
*Thế nên con Niết-bàn,*
*Lạc này là tối thượng".*

Phật hỏi: "trong giáo pháp thù thắng này, thầy đến sau mà lại ra đi đầu tiên là có ý gì?", tôn giả chắp tay cung kính nói kệ:

*"Không nở thấy Phật nhập Niết-bàn,*
*Mục liên thù thắng cũng như vậy,*
*Tướng pháp Như lai, việc đã xong,*
*Nên con muốn vào Viên tịch trước.*
*Kính bạch Đại thánh nhơn trung tôn,*
*Con muốn trở về lại quê cũ,*

*Thuyết pháp yếu cho các thân tộc,*
*Rồi xả thân năm ấm luân hồi".*

Phật hỏi: "thầy muốn nhập Niết-bàn?", đáp là muốn nhập Niết- bàn, Phật lại hỏi: "thầy muốn nhập Niết-bàn?", đáp: "Thiện thệ, con muốn nhập Niết-bàn", Phật nói: "nếu thầy muốn nhập Niết-bàn thì các hành vô thường là pháp sinh diệt, hãy làm theo ý thầy, ta còn gì nói nữa", tôn giả Xá-lợi-phất lạy Phật lần cuối, chắp tay cung kính nhiễu phải ba vòng rồi từ giã ra đi. Sau đó tôn giả đến nói với Mục liên: "cụ thọ, tôi có bịnh nặng, muốn trở về thôn Na-lan-đà thuyết pháp cho thân tộc rồi sẽ nhập Niết-bàn", tôn giả Mục liên nói: "hãy làm theo ý thầy, tôi cũng trở về thôn Lâm viên thuyết pháp yếu cho thân tộc rồi sẽ nhập Niết-bàn". Tôn giả Xá-lợi-phất kế đến từ giã các đại Thanh văn như Nan đà, A-nan, A-ni-lư-đà, Hiệt ly phạt đa, Bạt đà la, La hỗ la… nói là sắp nhập Niết-bàn rồi cùng thị giả Chuẩn đà và chúng Bí-sô trở về thôn Na-lan-đà, cụ thọ La hỗ la cùng chúng Bí-sô đi theo sau. Tôn giả Xá- lợi-phất nói với La hỗ la bằng lời từ ái:

*"Nếu có chí cầu mong giải thoát,*
*Nên biết tất cả đều vô thường,*
*Thế gian chẳng gì đáng luyến ái,*
*Quyết định mà quán chớ phóng dật,*
*Thân mạng vô thường chẳng gì vui,*
*Như vẽ trên nước không tạm dừng,*

*Biết rõ tất cả đều như mộng,*
*Đời sống mong manh tụ cũng vậy,*
*Kính Phật, kính Pháp, cúng dường Tăng,*
*Y chỉ chánh pháp tạng của Phật.*
*Này La hỗ la nghe ta dạy,*
*Con nên thân cận bậc kỳ túc,*
*Trong tam tạng giáo nếu có nghi,*
*Trừ ta, khó có người đáp được,*
*Nếu có nghi hãy hỏi Thế tôn,*
*Phật tuyên thất nghĩa giải nghi cho".*

La hỗ la nói kệ đáp:

*"Con quán thứ lớp thấy,*
*Phật không lâu cũng diệt,*
*Như cây cháy bốn cành,*
*Thân làm sao trụ lâu".*

Nói rồi đảnh lễ tôn giả Xá-lợi-phất, hữu nhiễu ba vòng, biết rõ các hành là vô thường liền quay trở về. Tôn giả Xá-lợi-phất dẫn Cầu tịch Chuẩn đà theo làm thị giả, từ nước Ma-kiệt-đà du hành trong nhân gian, dần dần đến thôn Na-lan-đà, trụ trong rừng Nhiếp ba ở hướng Bắc, thuyết pháp yếu cho thân tộc khiến họ quy y Tam bảo, thọ trì năm học xứ. Lúc đó nghe tôn giả Xá-lợi-phất sắp nhập Niết-bàn, trăm ngàn chúng sanh đều vân tập đến, tôn giả quán biết tâm mọi người liền ứng cơ thuyết pháp khiến cho họ sau khi nghe pháp, có người được Noãn pháp, hoặc được Đảnh pháp, hoặc được Nhẫn pháp, có người được Thế đệ nhất pháp, có

người đắc quả Tu đà hoàn, hoặc quả Tư-đà-hàm, hoặc quả A-na-hàm, có người gieo trồng nhân duyên với Thanh văn thừa, có người gieo trồng nhân duyên với Bích chi Phật thừa, có người gieo trồng nhân duyên với Phật thừa. Sau khi hóa độ thân tộc và làm cho mọi người phát khởi lòng tin thanh tịnh rồi, vào buổi sáng, tôn giả Xá-lợi- phất bay lên hư không phóng hào quang lớn và hiện các thần biến rồi nhập Niết-bàn vô dư y. Ngay khi tôn giả viên tịch, mặt đất chấn động, lửa phát ra bôn hướng rơi xuống như sao xẹt, trong hư không trống trời vang lên; các Bí-sô đang ở Bắc Câu lô châu, Đông tây hai châu, hoặc ở trên núi Diệu cao và các núi khác, cho đến trong các hang động, hoặc đang tu thiền định thọ giải thoát lạc ở các nơi, khi thấy mặt đất chấn động liền suy nghĩ vì sao mặt đất lại chấn động. Họ nhiếp niệm quán sát liền thấy Thân giáo sư đã nhập Niết-bàn, họ cùng suy nghĩ: "nay không có Thân giáo sư, ta không nên trụ ở châu Thiệm bộ nữa", nghĩ rồi tám vạn A-la-hán là đệ tử của tôn giả đồng thời cùng nhập Niết-bàn.

Lúc đó vào sáng sớm, Đại Mục-kiền-liên đắp y mang bát, dùng thần thông lực duy trì thân thể vào thành Vương xá khất thực rồi trở về trú xứ, thọ thực xong thu xếp y bát, rửa chân rồi đến đảnh lễ Phật và bạch Phật:

*"Thân này đều là máu huyết tụ,*
*Không bền, mong manh thường thay đổi,*

*Cũng như bình độc, con vất bỏ,*
*Cúi xin Đại sư thương tha thứ.*
*Con không còn mắc nợ,*
*Ý cho là đầy đủ,*
*Biển sanh tử không bờ,*
*Lìa sợ, lên bờ kia,*
*Bạn con Xá-lợi-phất,*
*Đại trí đã viên tịch,*
*Nay con đi theo sau,*
*Xin Đại hùng biết cho".*

Phật hỏi: "thầy muốn nhập Niết-bàn?", đáp là muốn nhập Niết- bàn, Phật lại hỏi: "thầy muốn nhập Niết-bàn?", đáp: "Thiện thệ, con muốn nhập Niết-bàn", Phật nói: "nếu thầy muốn nhập Niết-bàn thì các hành vô thường là pháp sinh diệt, hãy làm theo ý thầy, ta còn gì nói nữa", tôn giả Đại Mục-kiền-liên lạy Phật lần cuối, chắp tay cung kính nhiễu phải ba vòng rồi từ giã ra đi. Tôn giả trở về thôn Lâm viên thuyết pháp yếu cho thân tộc… như trường hợp của tôn giả Xá-lợi-phất, cho đến câu có vô lượng người thọ Tam quy ngũ giới, phát tâm chứng quả. Vào buổi chiều, tôn giả nhập Niết-bàn, bảy vạn bảy ngàn vị A-la-hán là đệ tử của tôn giả cũng đồng thời nhập Niết-bàn. Sau khi đệ nhị Thánh giả nhập Niết-bàn, các quyến thuộc, Bà-la-môn, cư sĩ thu lấy xá lợi xây tháp cúng dường; những người tạo nghiệp thắng diệu này đều được sanh thiên, giải thoát.

Lúc đó cụ thọ A-nan và La hỗ la nghe tôn giả Xá-lợi-phất và Đại Mục-kiền-liên đã nhập Niết-bàn đều nước mắt đoanh tròng, buồn khóc đi đến cỗ Phật, đảnh lễ rồi đứng một bên. A-nan bạch Phật:

*"Thế tôn, Con nghe Thân tử, Mục liên diệt,*
*Khắp cả thân tâm đều rung động,*
*Mắt nhìn phương hướng đều mờ mịt,*
*Dù có nghe pháp, tâm cũng loạn".*

Thế tôn nói kệ bảo cả hai:

*"Các thầy chớ sầu não,*
*Ân ái đều biệt ly,*
*Trước đã dạy các thầy,*
*Vậy nên chớ ưu sầu,*
*Đã sinh không thoát tử,*
*Thế giới không thường định,*
*Trong năm nẻo luân hồi,*
*Rốt cuộc không tồn tại".*

Lúc đó Cầu tịch Chuẩn đà sau khi hỏa thiêu nhục thân của Ô-ba- đà-da, thu lấy di cốt cùng y bát của thầy mang về thành Vương xá. Đến trú xứ cất y bát, rửa chân rồi liền đến chỗ cụ thọ A-nan, đảnh lễ rồi ngồi một bên bạch rằng: "Đại đức biết không, Thân giáo sư của con đã nhập Niết-bàn, đây là di cốt và y bát", A-nan đưa Chuẩn đà đến chỗ Phật, đảnh lễ rồi ngồi một bên bạch Phật:

*Con nghe Thân tử diệt,*

*Hình thể như người si,*
*Không còn biết phương hướng,*
*Nghe pháp tâm không hiểu.*

Cầu tịch Chuẩn đà đến nói với con: "Đại đức biết không, Thân giáo sư của con đã nhập Niết-bàn, con đã hỏa thiêu cúng dường, đây là di cốt và y bát", giờ phải làm sao?", Phật hỏi A-nan: "Bí-sô Xá-lợi- phất có đem Giới uẩn nhập Niết-bàn hay không?", đáp là không, lại hỏi: "có đem định uẩn, huệ uẩn, giải thoát uẩn và giải thoát tri kiến uẩn nhập Niết-bàn không?", đáp là không, lại hỏi: "có đem các pháp do ta tự giác ngộ nói ra như Tứ niệm trụ, Tứ chánh cần, Tứ như ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất bồ đề phần, Bát chánh đạo nhập Niết-bàn hay không?", đáp: "bạch Thế tôn không, cụ thọ Xá-lợi-phất không đem ba pháp uẩn vô lậu cùng ba mươi bảy pháp Bồ đề phần nhập Niết-bàn, nhưng cụ thọ Xá-lợi-phất có đầy đủ giới, đa văn, thiểu dục tri túc, thích hạnh tịch tĩnh, thường tinh tấn, chánh niệm hiện tiền, có đầy đủ các trí huệ như Chánh trí huệ, Tốc tật huệ, Xuất ly huệ, Thú nhập huệ, Đại tuệ huệ, Khoan quảng huệ, Thậm thâm huệ, Vô đẳng huệ, Không huệ... khai thị dẫn dắt, khen ngợi khích lệ làm cho vui mừng, nghe rồi hiểu rõ, ở trong chúng tuyên dương giáo pháp không có khiếp nhược. Con và cụ thọ Xá-lợi-phất ở trong Phật pháp đã cùng thọ dụng, nay tôn giả nhập Niết-bàn, con nhớ nghĩ nên đau buồn không vui", Phật

bảo A-nan: "thầy chớ đau buồn không vui, pháp do nhân duyên sanh mà lại muốn chúng thường trú thì không có lý đó, đã biết các pháp tánh thường hoại diệt thì không nên đau buồn. Này A-nan, trước đây ở các nơi ta đã từng tuyên thuyết: tất cả việc ân ái, hoan lạc đều là vô thường, cuối cùng cũng trở về biệt ly. Như cây đại thọ rễ sâu vững chắc, cành lá rậm rạp, hoa trái đầy cành, cành nào mọc đưa ra ngoài ắt sẽ gảy trước. Như núi báu lớn, đỉnh núi cao ắt sẽ ngã trước. Nay cũng vậy, Phật là thượng thủ, Bí-sô Tăng già đang còn ở thế gian mà Xá-lợi-phất đã nhập Niết-bàn trước. Lại nữa này A-nan, những nơi mà Xá-lợi-phất đã đi qua đều tràn ngập tiếng khen nên ta không lo, vì vậy thầy chớ có đau buồn. Tướng thế gian là như vậy, rốt cuộc cũng trở về biệt ly; dù ta còn ở đời hay tịch diệt, thầy nên biết tự mình làm hòn đảo cho mình, tự mình làm chỗ nương cho mình; lấy pháp làm hòn đảo, lấy pháp làm chỗ nương, không có hòn đảo hay chỗ nương nào khác. Các đệ tử trong giáo pháp của ta, ai giữ gìn giới luật là người đứng đầu. Thế nào là Bí-sô tự mình làm hòn đảo cho mình, tự mình làm chỗ nương cho mình; lấy pháp làm hòn đảo, lấy pháp làm chỗ nương, không có hòn đảo hay chỗ nương nào khác?: Bí-sô tự quán nội thân, ngoại thân, nội ngoại thân cho đến quán thọ tâm pháp, tinh cần chánh niệm, biết rõ các thứ sân giận ưu sầu trong thế gian cọng sanh phiền não. Đây chính

là tự mình làm hòn đảo cho mình… cho đến không có chỗ nương nào khác", A-nan nghe Phật dạy xong đảnh lễ Phật rồi lui ra. Lúc đó các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn, Thánh giả Mục liên đã tạo nghiệp gì mà bị ngoại đạo đánh bầm giập như thế?", Phật nói: "nghiệp mà Mục liên đã tạo không ai chịu thay được, các thầy lắng nghe:

Thuở xưa tại một thành nọ, có một Bà-la-môn cưới vợ chưa lâu liền sanh hạ một trai, đến tuổi trưởng thành người cha cưới vợ cho con. Người con này vì quá thương yêu vợ nên khi người mẹ giận con dâu, anh liền tức giận không yêu kính mẹ nữa. Người mẹ trách: "con thương yêu vợ đến nỗi trái nghịch lại ta", con dâu nghe được lời này liền sanh niệm ác: "bà lão này tuổi đã già mà vẫn ở bên chồng ta, chưa muốn rời xa lại còn nói lỗi của chồng ta nữa". Từ đó về sau, con dâu thường tìm lỗi của mẹ chồng, thời gian sau khi thấy cha mẹ chồng làm việc riêng tư liền nói với chồng để chồng giận mẹ. Người con này liền nói với mẹ: "ngu si già cả còn chưa dứt tâm, lại còn trách mắng con trẻ", nói rồi liền khởi tâm ác nói lời độc hại: "phải chi có người nào mạnh khỏe đánh cho thân bà bầm giập như chùy đập cỏ lau".

Này các Bí-sô, người con trai thuở xưa chính là Đại Mục-kiền- liên ngày nay. Thuở xưa do khởi niệm ác nói lời bất nghĩa với mẹ nên trong năm trăm đời, thân thường bị đánh bầm giập như chùy

đập cỏ lau; đến đời này tuy mang thân cuối cùng, là bậc thần thông đệ nhất trong chúng đệ tử Thanh văn của ta, nhưng vẫn còn chịu quả báo này. Các thầy nên biết, nghiệp đã tạo rồi phải chịu quả báo, không ai chịu thay…, các thầy nên học như vậy", các Bí-sô nghe Phật dạy xong đều hoan hỉ phụng hành.

Các Bí-sô vẫn còn nghi thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn, vì sao các ngoại đạo không đánh Xá-lợi-phất mà lại hại Đại Mục-kiền-liên?", Phật nói: "không phải ngày nay họ đánh một thả một, mà thuở xưa cũng vậy, các thầy lắng nghe:

Thuở xưa bên một thôn nọ, có nhiều đồng tử tụ tập chơi đùa, khi thấy hai Ma-nạp-bà đang trên đường đi đến liền nói với nhau: "chúng ta đánh hai người này chơi", một đồng tử nói: "không nên đánh ngay, đợi tôi hỏi họ, nếu đáp làm tôi vừa ý thì không đánh, nếu tôi không vừa ý thì mới đánh", nói rồi liền đón một Ma-nạp-bà đi trước hỏi: "lúc nào trời lạnh?", Ma-nạp-bà này suy nghĩ: "hỏi câu này là có ý gì", liền thấy bộ dạng của họ như muốn đánh mình nên Ma-nạp-bà nói kệ đáp:

*"Bất luận Đông hay Hạ,*
*Chỉ cần có gió thổi,*
*Có gió thì trời lạnh,*
*Không gió, trời không lạnh".*

Các đồng tử nghe rồi liền cho đi qua, kế lại hỏi người thứ hai, người này nói kệ đáp:

*"Mùa Đông thì trời lạnh,*
*Mùa hạ trời không lạnh,*
*Việc này ai cũng biết,*
*Kẻ vô trí sanh nghi".*

Các đồng tử nghe rồi liền nổi giận đánh người này nhừ tử rồi bỏ đi.

Này các Bí-sô, người được cho đi qua thuở xưa chính là Xá-lợi-phất ngày nay, người bị đánh chính là Đại Mục-kiền-liên; ngày nay cũng vậy".

Lúc đó các Bí-sô vẫn còn nghi thỉnh hỏi Phật: "cụ thọ A-nan sanh đại khổ não lại được Thế tôn đại bi khai giải, thật hy hữu thay", Phật bảo các Bí-sô: "ngày nay ta khai giải nổi đau buồn cho Khánh hỷ chưa phải là hy hữu, quá khứ ta cũng đã giải trừ ưu sầu cho Khánh hỷ, các thầy lắng nghe:

Quá khứ tại thành Bà-la-nê-tư, nước Ca thi có vua tên là Phạm thọ…, vua có con tên là Thiện sanh, Thiện sanh lại có con dung mạo rất đoan nghiêm nên khi mở hội ăn mừng để đặt tên cho cháu bé, thân tộc nói: "đây là cháu của quốc vương nước Ca thi, nên đặt tên cho cháu là Ca thi Tôn đà la". Thời gian sau, vương tử Thiện sanh bỗng qua đời, vua Phạm thọ vì quá thương yêu con nên hai tay ôm lấy thi hài con, bi thương kêu khóc. Lúc đó Ca thi Tôn đà la đã có trí hiểu biết suy nghĩ: "đại vương đau buồn như vậy, có thể chết, ta nên giải trừ nỗi đau buồn này cho vua", nghĩ rồi liền đến

chỗ vua, đảnh lễ rồi tâu rằng: "đại vương, con có điều mong muốn", vua hỏi muốn điều gì, đáp: "xin hãy làm cho con chiếc xe với các bánh xe bằng nhật nguyệt, trang hoàng lộng lẫy và hãy mang tới nhanh. Nếu đại vương không cho thì đến bảy ngày sau, ngực con sẽ vỡ ra mà chết", vua nghe rồi càng lo sợ liền nói kệ bảo cháu:

*"Ai làm việc vô ích,*
*Đây là lời kẻ ngu,*
*Cháu biết ta không thể,*
*Cố tìm cũng không được".*

Cháu nói kệ:

*"Đại vương, cháu không ngu,*
*Quốc chủ mới là ngu,*
*Ôm thi hài thối đó,*
*Kêu gào con bi thương.*
*Khi nhật nguyệt vừa mọc,*
*Chiếu sáng khắp thế gian,*
*Trừ hết tối bốn phương,*
*Làm cho sáng rực rỡ.*
*Nay vua cha không biết,*
*Con chết sanh cõi khác,*
*Địa ngục, bàng sanh, quỷ,*
*Trời người trong các đường.*
*Chớ vin níu phi xứ,*
*Đại vương suy xét kỹ,*
*Cố gắng định tâm lại,*
*Chỉ quy y theo pháp.*

*Vua nghe đồng tử nói,*
*Thân tâm đều hoan hỉ,*
*Nhổ tên độc buồn ra,*
*Bỏ thi hài con xuống".*

Này các Bí-sô, Ca thi Tôn đà la thuở xưa chính là thân ta ngày nay, Thiện sanh chính là Xá-lợi-phất, vua Phạm thọ chính là A-nan", Phật nói kệ:

*"Vương tử là thân ta,*
*Cha ta: Xá-lợi-phất,*
*A-nan là Phạm thọ,*
*Việc thuở xưa nên biết".*

Lúc đó Phật ra khỏi thành Vương xá đi đến nước Kiều-tát-la, du hành trong nhân gian đến vườn Cấp-cô-độc, thành Thất-la-phiệt. Cụ thọ A-nan mang di cốt của tôn giả Xá-lợi-phất về đến trong vườn Cấp, dùng hương hoa cúng dường. Trưởng giả Cấp-cô-độc nghe biết tôn giả Xá-lợi-phất đã nhập Niết-bàn, tôn giả A-nan đang cúng dường di cốt liền đến đảnh lễ tôn giả và bạch rằng: "Thánh giả biết không, tôn giả Xá-lợi-phất đã nhập Niết-bàn, vị ấy trước đây là bậc mà con rất kính trọng, nay tôn giả mang di cốt vị ấy về đây cúng dường, con cũng có tâm muốn cúng dường, xin tôn giả đưa cho con", đáp: "trưởng giả, tôi cũng vậy. Vị ấy trước đây là bậc mà tôi rất kính trọng nên không thể đưa lại cho ông". Trưởng giả liền đến bạch Phật: "Thế tôn từ bi cho con được nhận di cốt của tôn giả Xá-lợi-phất để con được cúng dường",

Phật bảo A-nan: "thầy cúng dường di cốt của vị đồng phạm hạnh, nhưng đối với Như lai chưa phải là cúng dường, chưa phải là báo ân. Nếu ai có thể làm được việc này mới là chân thật cúng dường Như lai và là báo ân to lớn: đó là độ người khác xuất gia, cho thọ Cận viên hoặc cho y chỉ, dạy họ học tu, khuyên họ thiền quán, chuyên cầu xuất ly chớ để thời gian luống trôi qua. Vì sao, vì Như lai trong ba A-tăng-kỳ kiếp đã vì các hữu tình tu khổ hạnh, làm những việc khó làm mới chứng được Vô thượng Bồ đề. Này A-nan, nhờ y chỉ ta làm Thiện tri thức nên các hữu tình mới được thoát khỏi sanh lão bịnh từ ưu bi khổ não. Thế nên thầy hãy đưa lại di cốt cho trưởng giả được cúng dường", A-nan vâng lời Phật dạy đưa lại di cốt cho trưởng giả, do thuở xưa khi Phật còn hạnh Bồ-tát đạo, chưa từng chống trái lời cha mẹ, sư trưởng dạy, nên ngày nay được quả bảo không ai dám trái lời. Trưởng giả nhận di cốt rồi liền đảnh lễ Phật ra về, về đến nhà để di cốt trên chỗ cao hiển lộ, cả gia đình và quyến thuộc cùng đem hương hoa diệu vật cúng dường. Lúc đó dân chúng trong thành đều nghe biết tôn giả Xá-lợi-phất đã nhập Niết- bàn ở thôn Na-lan-đà, thành Ma già đà; Cầu tịch Chuẩn đà mang di cốt của tôn giả về đưa cho A-nan; tôn giả A-nan mang về đây và Phật đã bảo đưa lại di cốt cho trưởng giả Cấp-cô-độc; trưởng giả mang về nhà, gia đình và quyến thuộc cùng cúng dường. Vua

Thắng quang cùng phu nhân Thắng man, phu nhân Hành vũ và các trưởng giả Ô-ba-sách-ca, Tỳ-xá-khư Ô-ba-tư-ca… đều mang hương hoa diệu vật đến nhà trưởng giả để cúng dường di cốt. Có người từng nhờ tôn giả Xá-lợi-phất được chứng đạo quả, nhớ lại ân xưa nên cũng đến cúng dường. Thời gian sau vì có duyên sự nên trưởng giả khóa cửa ra ngoài, khi mọi người mang vật cúng dường đến thấy cửa khóa liền chê trách: "vì sao trưởng giả lại chướng ngăn đường sanh phước". Trưởng giả trở về nghe gia nhân báo lại việc này liền suy nghĩ: "đây chính là duyên cớ đến bạch Phật", nghĩ rồi liền đến chỗ Phật, đảnh lễ rồi ngồi một bên bạch Phật: "Thế tôn, có nhiều người đối với di cốt của tôn giả Xá-lợi-phất có tâm kính trọng nên mang hương hoa diệu vật đến nhà con để cúng dường. Hôm nay vì có việc nên con khóa cửa đi, mọi người đến thấy cửa khóa liền chê trách là con làm chướng ngăn đường sanh phước của họ. Cúi xin Phật cho con được xây tháp thờ xá lợi của tôn giả nơi chỗ cao rộng để mọi người được tùy ý cúng dường", Phật bảo tùy ý làm, trưởng giả hỏi nên làm thế nào, Phật nói: "nên xây hai lớp gạch làm móng, kế xây thân tháp, trên nóc làm tướng cái bát úp. Tùy ý xây cao, trên cùng làm nóc bằng, cao một hai thước, vuông hai ba thước, ở giữa để tướng luân theo thứ lớp nhiều tầng từ một, hai… cho đến mười ba tầng mới để bình báu", trưởng giả suy nghĩ: "chỉ riêng

tôn giả Xá-lợi-phất được xây tháp như thế hay là vị khác cũng được", liền bạch Phật, Phật nói: "nếu xây tháp cho Như lai thì làm đầy đủ như trên đã nói, nếu làm tháp cho Độc giác thì không để bình báu, nếu làm tháp cho A-la-hán thì chỉ nên bốn tầng với tướng luân, Bất hoàn ba tầng, Nhất lai hai tầng, Dự lưu một tàng, thiện nhân phàm phu thì làm nóc bằng không có tướng luân". Lúc đó Bí-sô không biết an trí tháp nơi đâu, Phật nói: "như Thế tôn trụ trong pháp xứ mà an trí tháp của Đại sư, tháp của các đại Thanh văn ở hai bên, tháp của các bậc tôn túc khác an trí theo lớn nhỏ, tháp của thiện nhân phàm phu thì ở ngoài chùa". Trưởng giả sau khi xây tháp xong liền bạch Phật: "xin Phật cho con làm lễ khánh thành tháp tôn giả Xá-lợi-phất và thiết lập thí hội", Phật nói tùy ý. Lúc đó vua Thắng quang nghe được tin này liền suy nghĩ: "ta cũng nên hỗ trợ lễ khánh thành này", nghĩ rồi liền ra lịnh đại thần thông báo cho dân chúng trong thành và các thương nhân từ xa đến rằng: người nào đến tham dự pháp hội này được tùy ý mau bán, trao đổi hàng hóa mà không bị thu thuế. Có năm trăm thương nhân gặp gió bão ở ngoài biển suýt phá tan thuyền bè, do trước kia họ đã thọ quy giới với tôn giả Xá-lợi-phất nên cùng xưng niệm danh hiệu của tôn giả, được chư thiện hộ trì nên cuối cùng được bình yên đến nơi đây. Họ nghe vua Thắng quang ra thông báo này liền suy nghĩ: "nhờ nghiệp đời

trước nên nay vua được thọ thắng vị mà vẫn còn muốn bố thí, vì sao chúng ta lại không tu phước", nghĩ rồi liền sanh tâm tín kính đem nhiều vàng bạc trân bảo đến cúng dường trong pháp hội rồi đi. Các Bí-sô thọ rồi không biết nên phân chia các vật cúng dường này như thế nào, bạch Phật, Phật nói: "vỏ ốc thổi vang ra tiếng được thì nên để ở chỗ hình tượng Thiệm bộ, các trân bảo khác nên giữ lại ít nhiều dùng cho việc tu sửa tháp Xá-lợi-phất. Nếu có y vật có thể treo cúng dường thì nên giữ lại ít nhiều dùng để treo cúng dường vào những ngày trai. Những vật khác như y phục, vải lụa, tiền thì Tăng hiện tiền nên chia. Đây là tài vật của vị đồng phạm hạnh, đúng lý được dùng; tức là vật thuộc của tháp Xá-lợi-phất thì được phân chia, nếu là vật thuộc của tháp Phật thì đều dùng cho tháp".

**2. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ năm:**

Gạn hỏi khiến nhớ nghĩ, Hỏi có cho phép không, Việc giáo thọ không làm, Trưởng tịnh và Tùy ý.

Phật tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó Lục chúng Bí-sô không xét kỹ về thấy nghe nghi liền gạn hỏi Bí-sô, khiến cho họ sanh hổ thẹn, ưu sầu nên thân ốm gầy, tiều tụy, sức lực suy yếu không thể đọc tụng tư duy như lý… Phật bảo các Bí-sô: "từ nay về sau, nếu chưa xét kỹ về thấy nghe nghi thì Bí-sô không nên gạn hỏi Bí-sô khác, ai gạn hỏi thì

phạm tội Việt pháp. Cũng như việc gạn hỏi, khiến nhớ nghĩ phải hỏi người kia có cho phép hỏi không, không giáo thọ, Trưởng tịnh, Tùy ý… các việc đều căn cứ theo đây nên biết đều là phạm tội Việt pháp".

-oOo-

# CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA TẠP SỰ

## QUYỂN 19

### 3. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ năm:

*Phật tam chuyển pháp luân,*
*Đầu tiên độ năm người,*
*Không nên kêu tên tộc,*
*Câu thi lược nói pháp.*

Tôi nghe như vầy, một thời đức Bạc-già-phạm trụ trong vườn Thi lộc, chỗ Tiên nhơn đọa xứ thuộc thành Bà-la-nê-tư. Lúc đó Phật bảo năm Bí-sô: "này các Bí-sô, đây là Khổ thánh đế nếu tác ý như lý đối với pháp được nghe này thì có thể phát sanh nhãn trí minh giác. Đây là Khổ tập, Khổ diệt, Thuận khổ diệt đạo thánh đế nếu tác ý như lý đối với pháp được nghe này thì có thể phát sanh nhãn trí minh giác. Này các Bí-sô, Khổ thánh đế này là pháp đã được hiểu rõ, như vậy nên biết, nếu tác ý như lý đối với pháp được nghe này thì có thể phát sanh nhãn trí minh giác. Khổ tập thánh đế này là pháp đã được hiểu rõ, như vậy nên đoạn, nếu tác ý như lý đối với pháp được nghe này thì có thể phát

sanh nhãn trí minh giác. Khổ diệt thánh đế này là pháp đã được hiểu rõ, như vậy nên chứng, nếu tác ý như lý đối với pháp được nghe này thì có thể phát sanh nhãn trí minh giác. Thuận khổ diệt đạo thánh đế này là pháp đã được hiểu rõ, như vậy nên tu, nếu tác ý như lý đối với pháp được nghe này thì có thể phát sanh nhãn trí minh giác. Này các Bí-sô, Khổ thánh đế này là pháp đã được hiểu rõ, như vậy đã biết, nếu tác ý như lý đối với pháp được nghe này thì có thể phát sanh nhãn trí minh giác. Khổ tập thánh đế này là pháp đã được hiểu rõ, như vậy đã đoạn, nếu tác ý như lý đối với pháp được nghe này thì có thể phát sanh nhãn trí minh giác. Khổ diệt thánh đế này là pháp đã được hiểu rõ, như vậy đã chứng, nếu tác ý như lý đối với pháp được nghe này thì có thể phát sanh nhãn trí minh giác. Thuận khổ diệt đạo thánh đế này là pháp đã hiểu rõ, như vậy đã tu, nếu tác ý như lý đối với pháp được nghe này thì có thể phát sanh nhãn trí minh giác.

Này các Bí-sô, ta đối với pháp Tứ thánh đế này nếu chưa hiểu rõ mà ba phen chuyển pháp luân, mười hai hành tướng thì nhãn trí minh giác đều không phát sanh. Đối với chư Thiên, Ma, Phạm, Sa môn, Bà- la-môn và tất cả thế gian, không có trừ hết phiền não, tâm được giải thoát và không thể chứng được Vô thượng Bồ đề. Này các Bí-sô, ta đối với pháp Tứ thánh đế này vì đã hiểu rõ nên ba phen chuyển pháp luân, mười hai hành tướng với

nhãn trí minh giác đã phát sanh. Đối với chư Thiên, Ma, Phạm, Sa môn, Bà-la-môn và tất cả thế gian, đã trừ hết phiền não, tâm được giải thoát và chứng được Vô thượng Bồ đề". Sau khi Phật nói pháp này xong, cụ thọ Kiều trần như ngay nơi chỗ ngồi được xa lìa trần cấu, chứng pháp nhãn thanh tịnh; tám vạn chư thiên ở trong pháp hội này cũng được pháp nhãn. Lúc đó Phật hỏi Kiều trần như: "thầy đã hiểu rõ pháp này rồi phải không?", đáp là đã hiểu rõ, Phật lại hỏi: "thầy đã hiểu rõ pháp này rồi phải không?", đáp: "Thiện thệ, con đã hiểu rõ", Phật nói: "cụ thọ Kiều trần như đã kiến chứng pháp đầy đủ, do nghĩa này từ nay gọi thầy là A nhã Kiều trần như". Sau khi nghe được pháp này, các Địa hành dược xoa đồng thanh nói: "các nhơn giả nên biết, trong vườn Thi lộc, chỗ Tiên nhơn đọa xứ thuộc thành Bà-la-nê-tư, Thế tôn đã thuyết giảng bốn đế lý này gồm có ba lần chuyển pháp luân với mười hai hành tướng; không phải là pháp mà các Sa môn, Bà-la-môn, trời người, Ma, Phạm… có thể chuyển được. Phật nói pháp này khiến cho nhiều người được lợi ích, nhiều người được an lạc. Do nghĩa này thiên chúng tăng thêm, chúng A-tu-la giảm bớt", các Không hành dược xoa cho đến cõi trời Tứ thiên vương… Lục dục thiên, Phạm thiên đều nghe rõ lời tuyên cáo này, vì vậy kinh này được gọi là kinh Tam chuyển pháp luân. Năm Bí-sô và chư thiên nghe Phật thuyết giảng xong đều

hoan hỉ phụng hành, lúc đó năm Bí-sô vẫn gọi Như lai bằng tên hoặc tộc họ hoặc là cụ thọ, Thế tôn liền nói: "các thầy đừng gọi Như lai bằng tên hay tộc họ hoặc là cụ thọ, vì sao, vì Bí-sô nào gọi Như lai bằng tên hay tộc họ hay là cụ thọ thì sẽ mất lợi lớn, sanh ra nơi nào đều chịu khổ não lâu dài, từ nay các thầy không nên gọi Như lai bằng tên…. Ai gọi như thế thì phạm tội Việt pháp". Sau đó có Bí-sô trẻ tuổi, trừ Phật ra còn đối với các Bí-sô kỳ túc khác đều gọi bằng tên…; các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Bí-sô trẻ tuổi cũng không được gọi các vị kỳ túc bằng tên… hay là cụ thọ. Có hai cách gọi là Đại đức hay cụ thọ, Bí-sô trẻ gọi các Bí-sô kỳ túc là Đại đức, Bí-sô kỳ túc gọi Bí-sô trẻ là cụ thọ. Ai không gọi đúng như vậy thì phạm tội Việt pháp".

Lúc đó Phật ở giữa hai cây Sa la (Sa la song thọ) thuộc vùng đất Tráng sĩ, thành Câu-thi-na, sắp nhập Niết-bàn. Phật bảo các Bí-sô: "ta đã tuyên thuyết rộng tàng Tỳ-nại-da cho các thầy nhưng chưa nói tóm lược, các thầy nên lắng nghe và ghi nhớ kỹ. Này các Bí-sô, nếu khi có việc mà từ trước đến nay ta chưa chế ngăn, chưa khai cho làm; đối với việc này cho dù trái với không thanh tịnh, nhưng thuận theo thanh tịnh thì tức là thanh tịnh, các thầy nên làm; nếu việc này trái với thanh tịnh, thuận theo không thanh tịnh thì tức là không thanh tịnh, các thầy không nên làm. Điều này các thầy nên phụng trì, chớ sanh nghi hoặc".

## 4. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ năm:

*Vật Xả đọa không chia,*
*Mùng ngăn muỗi được chứa,*
*Cây chụm ba, làm nồi,*
*Nên trương Yết-sỉ-na.*

Duyên khởi tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó có Bí-sô chứa y dư phạm Xả đọa, đem y này đến trước Thượng tòa xả, vị tri sự thấy y này rồi liền suy nghĩ: "hôm nay Tăng già được nhiều lợi vật, nên bán ra để phân chia", nghĩ rồi liền ở trong Tăng rao bán rồi cùng phân chia khiến cho Bí-sô kia bị thiếu y, bạch Phật, Phật nói: "do đem y phạm Xả đọa xả cho Tăng nên có lỗi này, từ nay không nên đem y phạm Xả đọa xả cho Tăng, nên xả cho cá nhân. Nếu người nào không biết đem xả cho Tăng thì Tăng cũng không nên phân chia, ai đem y dư xả cho Tăng và Tăng liền phân chia thì cả hai đều phạm tội Việt pháp". Sau đó có Bí-sô đem y phạm Xả đọa xả cho người không hiểu biết pháp, người này thọ rồi im lặng cất giữ không hoàn lại cho Bí-sô, Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "nên nhờ người khác đến bảo người không hiểu biết pháp này hoàn lại y, nếu hoàn lại y thì tốt, nếu không chịu hoàn lại thì nên cưỡng đoạt lấy lại, vì y xả này chỉ là tác pháp, không phải cho luôn. Bí-sô khi muốn xả y nên tìm người hiểu biết pháp mà xả".

Duyên khởi tại thành Quảng nghiêm, lúc đó các Bí-sô bị muỗi cắn, dùng móng tay gãi chỗ bị cắn

nên toàn thân bị rướm máu. Người tục thấy liền hỏi rõ nguyên do rồi nói: "Thánh giả không có mùng ngăn muỗi hay sao", Bí-sô nói Phật chưa cho, họ nói: "Thế tôn đại bi ắt sẽ khai cho", Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "các Bí-sô nên cất chứa mùng ngăn muỗi". Bí-sô không biết may mùng như thế nào, Phật nói: "chu vi mười hai khuỷu tay, trên làm nóc, nóc mùng dài bốn khuỷu tay, rộng hai khuỷu tay, may mùng cao thấp tùy theo thân người", lúc đó Bí-sô may hết rồi lấy giáp mí làm cửa mùng nên muỗi bay vào được, Phật nói: "không nên may hết, nên chừa lại một ít xếp lên nhau để làm cửa mùng, trời nóng dùng quạt, nếu dưới mé mùng có muỗi bay vào thì nên nhét dưới chiếu hay dùng vật khác chận lại để muỗi không bay vào được". Duyên xứ như trên, như Phật đã dạy dùng nước phải lượt, lúc đó các Bí-sô dùng tay cầm đãy lượt lâu nên mỏi mệt, Phật bảo nên cột trên đầu gậy rồi mở đãy lượt nước ra để lấy nước. Bí-sô làm như thế vẫn mỏi mệt, Phật bảo nên chụm ba cây vào nhau rồi dùng dây cột lai; Bí-sô dùng dây cột nhưng cây chụm ba không đứng vững, Phật nói: "gần đầu gậy nên khoan ba lỗ rồi xỏ dây vào cột chặt lại, hoặc ở trên ba cây dùng khoen sắt cột lại". Khi rót nước lượt, nước chảy tràn ra ngoài, Phật bảo nên chú ý rót nước lượt chớ để chảy tràn ra ngoài. Đáy của bình nước lượt không kê nên nghiêng đổ, Phật bảo nên kê; khi rót nước lượt, nước chảy quá nhanh nên

trùng trong lưới lượt ngất ngư, Phật bảo nên lót vật trong lưới lượt; Bí-sô không hiểu, Phật bảo nên dùng cát lót trong lưới lượt. Lúc đó không có chậu chứa nước lượt, Phật bảo nên làm chậu, Bí-sô không biết làm chậu bằng vật gì, Phật bảo làm bằng đồng hay bằng gốm sứ. Bí-sô dùng tay giữ chậu nên mỏi mệt, Phật nói: "không nên giữ bằng tay, nên khoét ba lỗ trên thành chậu, dùng dây cột vào cây cháng ba cho chắc rồi đưa một góc lưới vào trong chậu để lượt, nếu lưới lượt quá dày nước không xuống được thì nên dùng cây trơn gõ nhẹ ngoài lưới". Bình lượt không đầy nước, Bí-sô nhìn vào không thấy được trùng, Phật bảo: "nên lượt nước đầy bình đợi nước đứng yên rồi mới xem trùng". Trên mặt nước có bụi nên xem trùng không thấy, Phật nói: "vớt bụi đi rồi xem, nếu là trùng nhỏ nên dùng đầu ngón tay chỉ cho người khác thấy", trùng nhỏ chạy nhanh nên thấy không rõ, Phật nói: "nên dùng cọng tranh hay cỏ để chỉ". Khi lượt được trùng trong lưới, Bí-sô úp lưới trên miệng giếng, tuy trùng có rơi xuống nước nhưng phần nhiều bị ngất ngư hay chết, Phật nói: "nên làm chậu phóng sanh, đổ nước vào trong chậu", Bí-sô liền đổ nước vào chậu rồi thả trùng ra nhưng trùng vẫn như cũ, Phật nói: "nên đem chậu chứa trùng này đến mặt nước đổ xuống hết để dẫn trùng ra". Lúc đó Bí-sô không hiểu nên làm nhiều chậu phóng sanh, khi không tìm được chậu, Phật nói: "nên cột dây vào

đãy lượt nước, phương tiện thả xuống nước cho trùng đi ra rồi kéo đãy lượt nước lên". Các Bồ đề dùng đãy lượt nước rồi không thường giặt rửa, không để khô, không hong phơi, không lật trở nên đãy lượt mau hư; Phật nói: "dùng xong nên giặt rửa, ai không làm thế thì phạm tội Việt pháp". Lại có Bí-sô lượt nước cho đại chúng, vì chúng quá đông nên người lượt nước mỏi mệt, Phật nói: "nếu chúng đông, lượt nước chậm không cung cấp kịp thì nên làm nồi lượt nước", Bí-sô không biết làm thế nào, Phật nói: "nên làm bằng đồng, sắt hay gốm; dưới đáy có lỗ bằng cái chén nhỏ, làm theo hình gương sen cao chừng bốn ngón tay, bên trên xoi nhiều lỗ bằng đầu chiếc đũa rồi phủ vải hay lụa lên, dùng dây cột chặt rồi để vào trong nồi để lượt nước, lượt xong nên giặt sách tấm vải hay lụa đó".

Lúc đó các Bí-sô đem rận rệp và các loại trùng bỏ ngoài đất trống khiến chúng ngất ngư, bạch Phật, Phật nói: "đối với sinh vật không nên đem bỏ ngoài đất trống, cũng không nên vất bừa bãi. Rận thì bỏ trong vải cũ hoặc trong bọng cây; rệp thì bỏ trong cỏ xanh hoặc ở nơi mát mẻ, các loại trùng khác thì bỏ ở nơi thích hợp". Cụ thọ Ưu-ba-ly bạch Phật: "nước đã lượt rồi chưa xem thì có được uống không?", đáp là không được vì không có xem, lại hỏi: "nước không lượt nhưng có xem thì có được uống hay không?", đáp là được vì có xem.

Duyên xứ như trên, như Phật đã dạy an cư xong

nên trương y Yết- sỉ-na, vua Thắng quang nghe việc này liền gửi y Yết-sỉ-na cúng đại chúng; phu nhân Thắng man, phu nhân Hành vũ và trưởng giả Cấp-cô- độc cùng các cư sĩ tín tâm gửi rất nhiều y đến cúng. Các Bí-sô chỉ lấy một cái làm y Yết-sỉ-na, số còn dư đem trả lại cho chủ, vua nói: "Thánh giả, những y này chúng tôi cúng cho Tăng, vì sao đem trả lại", Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "từ nay các Bí-sô được thọ y này, nếu nhiều y nên sai nhiều người, người nào làm trương y thì nên lấy một y để tác pháp thọ giữ, số còn lại nên cất giữ để làm lợi vật an cư cho Tăng".

**5. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ năm:**

*Khi chết dặn trao riêng,*
*Người ký gửi đã chết,*
*Phương khác thông ký gửi,*
*Nếu chết đối người khác.*

Duyên khởi tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó có một trưởng giả sống trong thành với ba người con, người con út xuất gia trong Phật pháp và đang du hành trong nhân gian. Người cha mắc bịnh nặng, lúc sắp qua đời ông gọi hết thân thuộc lại và bảo hai người con gom hết tài sản trong nhà lại rồi chia làm ba phần: hai phần cho hai người con tại gia, phần kia cho người con xuất gia. Dặn trao như vậy rồi qua đời, như bài kệ tụng:

*"Tích tụ đều tiêu tán,*

*Cao ngất ắt rơi rớt,*
*Hội họp ắt biệt ly,*
*Có mạng đều phải chết".*

Hai người con làm lễ hỏa táng cha như pháp, lúc đó người con xuất gia nghe tin cha qua đời liền suy nghĩ: "ta có anh em, nên trở về thuyết pháp cho họ", nghĩ rồi liền trở về nhà, anh em gặp nhau buồn khóc, người anh nói: "em không nên buồn khóc, trước khi cha qua đời có dặn trao một phần tài sản cho em", người em suy nghĩ: "như Phật đã dạy, người cho sau khi chết thì không gọi là thiện, không được nhận vật ấy", bạch Phật, Phật nói: "người đời chết có tâm hy vọng còn Bí-sô qua đời thì không có tâm hy vọng. Đây là tâm hy vọng của người đời thì nhận không có lỗi, được tùy ý thọ dụng".

Duyên xứ như trên, có một Bí-sô bịnh nói với Bí-sô khác: "thầy hãy chăm sóc tôi tử tế, y bát của tôi sẽ để lại cho thầy", Bí-sô kia nghe rồi liền tận tình chăm sóc, không bao lâu sau thì Bí-sô bịnh qua đời, Bí- sô mang y bát của người chết về phòng mình. Sau đó các Bí-sô nhóm họp lại hỏi y bát của người chết, Bí-sô kia nói: "vị ấy đã cho tôi", liền kể lại việc trên, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "người kia ngu si, vì sao không cho khi còn sống lại chờ chết mới cho. Không có pháp nói rằng chết rồi mới cho, nên lấy lại, Tăng nên chia".

Duyên xứ như trên, lúc đó có Bí-sô đối trước

Bí-sô khác tác pháp phân biệt y vật (tác pháp tịnh thí), sau đó bỗng nhiên qua đời, Bí-sô kia liền mang y vật của người chết về phòng mình. Sau khi làm lễ hỏa táng xong trở về, vị tri sự vào phòng của người chết chỉ tìm thấy bát và đãy lượt nước bèn mang tới trước chúng tăng, các Bí-sô hỏi: "chỉ đem đến vật này, còn những vật khác vì sao không mang đến?", đáp là không tìm thấy vật khác. Có một Bí-sô nói: "nên hỏi Bí-sô bạn của người chết liền biết còn có vật khác hay không?", liền kêu Bí-sô kia đến hỏi, đáp: "Bí-sô ấy đối trước tôi phân biệt nên tôi đã lấy các y vật ấy", các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "đây chỉ là tác pháp không phải thật cho, nên lấy lại, Tăng nên chia".

Duyên xứ như trên, lại có Bí-sô đối trước Bí-sô khác tác pháp phân biệt, Bí-sô kia bỗng qua đời, Bí-sô này liền đem y vật này xả cho Tăng, Tăng hỏi là vật của ai, đáp: "đây là y vật của tôi, tôi đã đối trước Bí-sô kia phân biệt, nay vị ấy qua đời nên tôi đem xả cho Tăng", bạch Phật, Phật nói: "đây chỉ là tác pháp, tuy đối trước người kia phân biệt nhưng y vật không thuộc của họ, hãy tự mang về thọ dụng".

Duyên xứ như trên, lại có Bí-sô đối trước Bí-sô khác tác pháp phân biệt, Bí-sô kia bỗng hoàn tục, sau đó suy nghĩ: "Bí-sô đã đối trước ta tác pháp phân biệt, nay ta hoàn tục nhưng y vật đó thuộc về ta, ta nên đến đòi", nghĩ rồi liền đến nói chỗ Bí-sô

nói rằng: "trước kia thầy đã đối trước tôi phân biệt, y vật đó thuộc về tôi, hãy đưa lại cho tôi", Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "do Bí-sô đối trước Bí-sô khác xem là người ký gởi để tác pháp phân biệt nên có lỗi này, từ nay Bí-sô không nên đối trước người ký gởi để tác pháp phân biệt, ai làm như thế thì phạm tội Việt pháp".

Duyên xứ như trên, lại có Bí-sô đối trước Bí-sô khác phân biệt y vật, Bí-sô kia vốn là người thường ưa tranh cãi, xúc não các Bí-sô. Sau vì sân hận nên muốn bỏ đi nơi khác, Bí-sô này liền yêu cầu Bí-sô kia đừng đi nhưng Bí-sô kia không chịu ở lại. Các Bí-sô nói: "thầy chớ giữ lại, vị ấy là người ưa tranh cãi xúc não các Bí-sô", Bí-sô này nói: "vì tôi đã đối trước vị ấy phân biệt y vật nên tôi phải giữ lại, nếu vị ấy đi nơi khác thì tôi không còn người đối phân biệt nữa", bạch Phật, Phật nói: "nếu Bí-sô là người ký gửi đang ở nơi khác, Bí-sô này chỉ cần ở nơi đây chỉ về nơi đó để ký gửi thì cũng không có lỗi". Sau đó lại có Bí-sô chỉ Bí-sô khác ở một nơi rất xa làm người ký gửi, người đó bỗng qua đời, khi Bí-sô này nghe được tin thì đã trải qua nhiều ngày, không biết làm sao nên bạch Phật, Phật nói: "khi vừa mới nghe tin chết thì những vật cũ hay mới đều nên ký gửi lại cho người khác".

**6. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ năm:**

*Ngoài giới không gởi dục,*

*Không gởi dục cho nhau,*
*Thuyết giới và Tùy ý,*
*Ai làm trái đều phạm.*

Duyên xứ như trên, lúc đó Lục chúng Bí-sô ở ngoài giới cũng gởi dục cho người trong giới, Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "người ở ngoài giới không được gởi dục cho người trong giới". Lúc đó có Bí-sô sắp ra khỏi giới, Tăng già có việc, Lục chúng Bí-sô bắt vị này phải gởi dục, Phật nói: "người sắp ra khỏi giới thì không cần gởi dục". Sau đó Lục chúng Bí-sô ở ngoài giới gởi dục cho nhau, Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "không được ở ngoài giới gởi dục cho nhau, ai làm như thế thì phạm tội Việt pháp".

Duyên xứ như trên, như Phật đã dạy nửa tháng nên thuyết giới, lúc đó Lục chúng Bí-sô ở ngoài giới gởi dục thanh tịnh, Phật nói không được. Sau đó lại lấy dục của người sắp ra khỏi giới. Cho đến ở ngoài giới lần lượt gởi dục thanh tịnh cho nhau như trên, Phật nói đều không được, ai làm như thế thì phạm tội Việt pháp.

Duyên xứ như trên, như Phật đã dạy sau khi an cư, các Bí-sô nên đem ba việc thấy nghe nghi để tác pháp Tùy ý. Lúc đó Lục chúng Bí-sô ở ngoài giới tác pháp tùy ý… giống như trường hợp trên, Phật nói đều không được làm.

## 7. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ năm:

*Phải nên biết số người,*
*Cho đến phát thẻ đếm,*
*Không ngồi chung người tục,*
*Già trẻ theo tuổi hạ.*

Duyên xứ như trên, lúc đó trong thành có một Bà-la-môn nhân có việc ra ngoài ghé vào trong rừng Thệ đa, bỗng có ý nghĩ muốn biết trong chùa có bao nhiêu vị, liền hỏi một Bí-sô, Bí-sô này nói là không biết, Bà-la-môn nói: "số binh lính của vua Thắng quang còn biết được, vì sao lại không biết Tăng số trong chùa?", Bí-sô im lặng rồi bạch Phật, Phật nói nên biết nhân số. Bí-sô đếm từng người, có lúc tính bằng đốt tay nhưng không nhớ hết, bạch Phật, Phật nói nên phát thẻ đếm, đếm được tổng số nên nói cho chúng biết. Bí-sô không biết nên đếm nhân số vào lúc nào, Phật nói nên đếm nhân số vào lúc an cư. Sau đó có một trưởng giả vào trong rừng Thệ đa thấy các Bí-sô siêng năng đọc tụng, chánh niệm tịch tĩnh nên sanh tín tâm, muốn biết Tăng số để thiết thực cúng dường nên hỏi một Bí-sô, vị này đáp số người xong, trưởng giả liền về nhà bảo gia nhân: "sáng mai ta muốn thỉnh Phật và Tăng đến nhà cúng dường với nhân số là ---, các ngươi nên lo liệu thức ăn cho đầy đủ". Sau đó vào giờ đại chúng vân tập, trưởng giả đến chỗ vị tri sự thỉnh: "con là trưởng giả _____ xin thỉnh Phật và Tăng ngày mai đến nhà con thọ thực", thỉnh rồi ra về, trưởng giả về không lâu thì có nhiều Bí-sô khác

đến trong vườn Cấp. Ngay trong đêm đó trưởng giả lo liệu đầy đủ các món ăn thơm ngon, trải tòa, để bình nước, tăm xỉa răng…, sáng hôm sau sai người đến bạch thời đáo (đã đến giờ thọ thực). Các Bí-sô đắp y mang bát đi đến nhà trưởng giả, lúc đó Phật ở lại trong chùa bảo người nhận phần thức ăn mang về, có năm nhân duyên Phật ở lại chùa và bảo người nhận lấy phần thức ăn mang về: một là muốn yên tĩnh, xa lìa ồn ào; hai là muốn thuyết pháp yếu cho chư thiên; ba là muốn thăm nom người bịnh; bốn là muốn xem xét ngọa cụ; năm là muốn chế học xứ cho các đệ tử. Trường hợp này Phật muốn chế học xứ. Lúc đó trưởng giả thấy số Tăng đến nhà thọ thực nhiều hơn số Tăng đã báo trước, liền nói với vị Điển tòa: "tôi chuẩn bị thức ăn theo số người đã báo trước, nay đến nhiều hơn, biết làm sao đây", Điển tòa nói: "có khách mới đến, ông nên vui mừng", trưởng giả nói: "nếu được báo trước thì tôi mới lo liệu đủ thức ăn", Điển tòa im lặng. Do số người đến nhiều hơn nên thức ăn không đủ, có người được no, có người bị đói, bạch Phật, Phật nói: "điển tòa nên xem số khách tăng là bao nhiêu để báo cho thí chủ biết". Lại có Bí-sô đến ngay trong giờ ngọ, Phật nói: "cũng phải báo cho thí chủ biết, nay ta sẽ nói hành pháp cho Thượng tòa thủ chúng: Thượng tòa nên xem xét số người và số thức ăn, nếu người nhiều mà thức ăn ít thì nên bảo thí chủ dọn đưa cho đồng đều; nếu thức ăn nhiều,

người ít thì nên bảo thí chủ tùy ý dọn đưa. Nếu Thượng tòa không khéo xem xét, không y theo hành pháp này thì phạm tội Việt pháp".

Duyên xứ như trên, lúc đó Lục chúng Bí-sô ngồi chung một tòa ngồi với người tục, người kính tin thấy liền chê trách: "Thánh giả là người xuất gia thường tu phạm hạnh, vì sao lại ngồi chung tòa với kẻ thường làm việc dâm dục bất tịnh?", Lục chúng Bí-sô im lặng. Các Bí- sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "người có tín tâm đó nói rất đúng, từ nay các Bí-sô không nên ngồi chúng tòa với người tục, ai ngồi thì phạm tội Việt pháp". Sau đó lại có Bí-sô ngồi chung tòa với Cầu tịch, người có tín tâm nói: "Đại đức đã thọ Cận viên sao lại ngồi chung với Cầu tịch", đáp: "đây không phải là người tục, ngồi chung với người xuất gia thì có lỗi gì", người kia im lặng, Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "cũng không nên ngồi chung với người chưa thọ Cận viên". Sau đó lại có Bí-sô già ngồi chung với Bí-sô trẻ hoặc vị trẻ ngồi chung với vị già, do đây không kính trọng nhau, Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "già trẻ không nên ngồi lẫn lộn, người không tuổi hạ được ngồi chung với người một hạ, người một hạ được ngồi chung với người hai hạ, người hai hạ trở đi được ngồi chung với người ba hạ". Thời gian sau, do Phật chế như vậy nên các Bí-sô ở trong nhà thế tục khó tìm được chỗ ngồi, Phật nói: "nếu trong nhà thế tục khó tìm được chỗ ngồi chung thì có thể

ngồi chung với Thân giáo sư hay Quỹ phạm sư, dùng vật ngăn ở giữa, chớ có nghi hoặc".

**8. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ năm:**

*Không nên ngồi ghế nệm,*
*Không dụ Cầu tịch khác,*
*Không nói lời thề thốt,*
*Không ăn thịt hổ ăn.*

Duyên xứ như trên, khi nghe pháp nên trải tòa ngồi, có Cầu tịch ngồi trên ghế nệm êm nên ngủ gật, lại tiểu tiện trong quần làm dơ ghế nệm. Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Cầu tịch không được ngồi ghế nệm".

Sau đó có Cầu tịch Chuẩn đà là đệ tử của tôn giả Xá-lợi-phất đến nghe pháp, Bí-sô cho ngồi tòa thô cứng, Cầu tịch hỏi vì sao, đáp là Phật không cho Cầu tịch ngồi ghế nệm, Chuẩn đà nói: "Đại đức há xem tôi đồng với người có lỗi hay sao?", Phật nói: "nếu Cầu tịch có dụng tâm (chánh niệm) thì nên cho ngồi ghế nệm, người khác thì không được".

Duyên xứ như trên, lúc đó có Bí-sô trách mắng Cầu tịch rồi đuổi ra trước cửa rừng Thệ đa nên đứng khóc, Ô-ba-nan-đà thấy liền hỏi nguyên do rồi nói với Cầu tịch: "hãy đến chỗ ta, ta sẽ cho con y bát, dây mang bát, dây lưng… những vật cần dùng không để thiếu thốn", nói rồi dẫn Cầu tịch về phòng mình. Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "khi trách

mắng đệ tử, không nên nhất quyết đuổi đi, hãy làm như thả dây cương. Nên gìn tâm niệm thân ái, khi họ hồi tâm thì nên thu nhiếp; nên nhờ Bí- sô đến khai giải Cầu tịch", khi Bí-sô đến khai giải, Cầu tịch nói: "con không cần vị Thân giáo sư ấy nữa, bây giờ con cần điều gì, Đại đức Ô-ba-nan-đà đều cung cấp cho con, con không muốn trở lại chỗ thầy cũ nữa", vị Thân giáo sư nghe lời này rồi liền chê trách: "đệ tử mà ta cho xuất gia, Ô-ba-nan-đà lại dụ dỗ dẫn đi". Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "Bí-sô không được dụ dỗ đệ tử của người khác, ai dụ dỗ dẫn theo mình thì phạm Tốt-thổ-la để, vì là phương tiện phá Tăng".

Duyên xứ như trên, lúc đó Lục chúng Bí-sô hễ gặp việc gì đều đem Phật pháp tăng ra để thề thốt, hoặc đem Thân giáo sư, Quỹ phạm sư ra thề thốt. Người kính tin nghe rồi liền chê trách: "người tục chúng tôi còn không đem Phật và thầy của mình ra để thề thốt, các thầy là người xuất gia vì sao lại đem Phật và thầy của mình ra thề thốt, điều này không nên", Lục chúng Bí-sô im lặng. Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "người ấy chê trách rất đúng vì người xuất gia vốn nói lời chân thật, không nên thề thốt. Ai làm trái thì phạm tội Việt pháp".

Duyên xứ như trên, lúc đó Lục chúng Bí-sô hễ gặp việc gì liền đem y bát, dây lưng… của mình ra cá cược. Người tục thấy vậy liền chê trách: "các

thầy há lại đồng như người thế tục hay sao, hễ gặp việc liền đem y bát ra cá cược là không hợp lý", đáp: "có gì là không hợp lý, có phải tôi ăn hành tỏi hay uống rượu đâu", người kia im lặng. Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "người ấy chê trách rất đúng, Bí-sô không nên đem y vật ra cá cược, ai làm thế thì phạm tội Việt pháp".

Duyên xứ như trên, thường pháp của Lục chúng Bí-sô là mỗi sáng sớm lên lầu gác nhìn ra phía đồng ruộng, hôm đó khi nhìn ra đồng ruộng liền thấy có chim bay đáp xuống liền cùng nhau đến xem thử thì thấy có thịt dư của hổ ăn để lại. Họ vui mừng mang về trong rừng Thệ đa, cọp kia nghe theo mùi đi đến trước cổng chùa, ban đêm kêu rống vang dậy. Phật nghe rồi tuy biết nhưng vẫn hỏi A-nan nguyên do, A-nan đem việc trên bạch Phật, Phật hỏi: "Bí-sô ăn thịt dư của hổ hay sao?", đáp phải, Phật nói: "này A-nan, như Sư tử vương giết nai xong, ăn thịt uống máu no rồi quyết vất bỏ mà đi; nhưng loại hổ sau khi ăn no vẫn đem giấu phần thịt dư. Vì thế các Bí-sô không nên ăn thịt dư của hổ, ai ăn thì phạm tội Việt pháp. Nay ta sẽ chế hành pháp cho Thượng tòa thủ chúng như sau: khi Thượng tòa thấy dọn thịt lên phải hỏi đây là thịt gì, không phải là thịt dư của hổ phải không, không phải là loại thịt không nên ăn phải không. Nếu không hỏi mà thọ ăn thì phạm tội Việt pháp".

**9. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ năm:**

*Không cho tự ẩn nấp,*
*Vì không nói bạch chúng...*
*Nếu được giạ thượng hạng,*
*Đem bán rồi cùng chia.*

Duyên xứ như trên, có một chùa Tăng trong thành kia, Nan đà và Ô-ba-nan-đà nhân du hành trong nhân gian ghé vào chùa này. Lúc đó chúng tăng được nhiều lợi vật muốn chia, tuy thấy hai người đến nhưng vì biết họ có hạnh xấu nên không ai mời giải lao. Ô-ba-nan-đà nói với Nan đà: "nhóm Hắc bát này thương sanh ngạo mạn, chúng ta nên xúc não họ; hãy nấp vào một nơi xem họ phân chia lợi vật như thế nào", Nan đà đồng ý liền cùng ẩn nấp để xem họ phân chia, sau khi thấy chia xong, họ bước ra nói: "chia như vậy là bất thiện, các vị nên bạch chúng nói là muốn chia y", các Bí-sô nói: "khi chia không thấy, bây giờ ở đâu lại hiện ra", bạch Phật, Phật nói: "muốn chia lợi vật, trước phải bạch chúng nói là tăng nay có lợi vật muốn cùng chia, Bí-sô có mặt không nên bỏ đi". Các Bí-sô thu hồi lại vật đã chia rồi bạch chúng là sau giờ ăn sẽ chia lợi vật, hai người cũng ẩn nấp đợi chia xong mới bước ra nói là không thành chia, các Bí-sô nói: "trước nói là phải bạch chúng, bây giờ lại nói là không thành chia", họ nói: "tuy có bạch chúng nhưng phải đánh kiền chùy", bạch Phật, Phật nói: "bạch chúng rồi đánh kiền chùy mới chia

vật". Các Bí-sô lại thu hồi vật đã chia, bạch chúng rồi đánh kiền chùy mới chia vật, hai người lại ẩn nấp như trước đợi chia xong mới bước ra chê trách, các Bí-sô nói: "hai vị há không nghe bạch chúng và đánh kiền chùy hay sao?", đáp: "tuy có bạch chúng và ánh kiền chùy nhưng không có phát thẻ đếm", bạch Phật, Phật nói: "bạch chúng, đánh kiền chùy rồi nên phát thẻ mới chia vật". Các Bí-sô lại thu hồi vật đã chia và làm ba việc như trên, hai người cũng ẩn nấp đợi chia xong mới bước ra chê trách như trước, các Bí-sô nói: "các vị cớ sao lại xúc não chúng tăng, đã bạch chúng, đánh kiền chùy và phát thẻ, các vị vẫn không hiện diện, đợi chia xong mới bước ra", đáp: "vì sao lại nói là chúng tôi xúc não Tăng, các vị có đối trước Tăng làm làm không, chúng tôi nay không cần nữa", bạch Phật, Phật nói: "tuy đã làm ba việc trên nhưng vẫn phải làm trước chúng, ai không hiện diện thì không nên chia cho họ, đây gọi là thiện phân chia, không nên nghi hoặc. Bí-sô cũng không nên xúc não Tăng, ai cố ý xúc não thì phạm tội Việt pháp".

Duyên xứ như trên, trưởng giả Cấp-cô-độc sau khi xây tinh xa cúng cho Phật và Tăng xong liền dùng đủ loại màu sắc thượng diệu tô vẽ bên trong và bên ngoài chùa. Dân chúng trong thành nghe trưởng giả đã tô vẽ xong liền kéo nhau đến chiêm ngưỡng, có đến vô lượng trăm ngàn người tập họp trong chùa. Lúc đó trong thành có một Bà-la- môn

cho là thắng nhân được mọi người tôn kính, ông được một tấm giạ thượng hạng từ vị đại vương gia liền khoác mặc với tâm vui thích. Khi vào trong rừng Thệ đa, ông phát tâm hy hữu đem tấm giạ này cúng cho Tứ phương tăng (ý chỉ cho Hiện tiền tăng), như Phật đã dạy, nếu được y vật nên cắt nhỏ đồng chia đều; lúc đó Tăng đem cắt nhỏ ra để chia đồng đều. Đêm đến, Bà-la-môn suy nghĩ: "đó là tấm giạ thượng hạng, ta nên tính theo giá chuộc lại mang về", sáng hôm sau liền vào chùa, thấy các Bí-sô liền hỏi: "tấm giạ tôi cúng hôm qua, các thầy dùng làm gì?", đáp: "nhân giả nên tùy hỉ, chúng tôi đã cắt ra chia đồng đều cho Tăng", một Bí-sô nói: "tôi dùng làm mão đội đầu", một người nói tôi dùng làm dép, một người nói tôi dùng làm dây lưng, một người nói tôi dùng làm khăn lau bát. Bà-la-môn nghe rồi liền nói: "các Thánh giả, đó là tấm giạ thượng hạng, vì sao lại cắt phá ra như thế, nên đem bán lấy tiền rồi cùng chia cho Tăng", Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Bà-la-môn ấy nói rất đúng, nếu là giạ thượng hạng nên bán lấy tiền rồi cùng chia".

**10. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ năm:**

*Không dùng năm loại da,*
*Các loại khác cũng vậy.*
*Nếu như bị bịnh trĩ,*
*Được dùng loại da gấu.*

Duyên xứ như trên, lúc đó Lục chúng Bí-sô nói với nhau: "những người đã sống trong thành này, chúng ta đến xin đều được cho tiền bánh trái, chỉ riêng có người điều phục voi của vua là chưa cho bao giờ. Nay hãy đến xin thử", một người nói: "nên đến như trước phải tính kế, hãy lấy da sư tử làm giày rồi ở chỗ cột voi đứng trên hướng gió, voi nghe mùi này sẽ rất kinh sợ", một người nói: "kế hay, chúng ta hãy đến xin thử, nếu cho thì tốt, nếu không cho thì khủng bố voi cũng chưa muộn". Sáng hôm sau họ đến nhà người điều phục voi nói rằng: "Hiền thủ, vì sao ông không có tâm cầu phước báo, từ trước đến nay ông chưa hề cho chúng tôi tiền bánh trái", đáp: "tôi há lệ thuộc các Thánh giả hay sao mà phải cung cấp tiền bánh trái", Lục chúng Bí-sô nghe rồi gật đầu bỏ đi. Vào một ngày khác họ mang giày da sư tử đứng trên hướng gió ở chỗ cột voi, bầy voi nghe mùi sư tử đều kinh sợ nhốn nháo cả lên, vãi cả đại tiểu; người điều phục voi dùng móc sắt kéo lại vẫn không làm cho chúng đứng yên. Lúc đó Lục chúng Bí-sô từ xa bảo người điều phục voi: "hãy mau kéo chúng lại", đáp: "tôi dùng móc sắt vẫn không kéo giữ lại được", Lục chúng Bí-sô nói: "chúng tôi có thể làm cho chúng đứng yên lại", người điều phục voi nói: "nếu các Thánh giả làm cho chúng đứng yên thì thật là ân lớn", Lục chúng Bí-sô nói: "hãy cam kết với chúng tôi là nếu chúng tôi làm cho chúng đứng

yên thì phải cho chúng tôi tiền bánh trái", đáp là sẽ cho, Lục chúng Bí-sô liền đi xuống phía dưới gió, voi không nghe mùi sư tử nữa nên đều đứng yên. Người điều voi thấy rồi liền hỏi: "các Thánh giả biết chú thuật phải không?", đáp là không có, lại hỏi: "vì sao có thể làm cho voi không kinh sợ nữa?", Lục chúng Bí-sô nói cho người điều phục voi biết sự thật, người điều phục voi nói: "vì sao các Thánh giả lại làm việc phi pháp không lợi ích như thế, nếu voi lớn uy dũng của voi vì kinh sợ mà bỏ chạy vào rừng thì các vị chắc chắn sẽ bị phạt tội nặng", Lục chúng Bí-sô nghe rồi liền mỉm cười không đáp. Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "do Bí-sô mang giày bằng da sư tử nên có lỗi này, từ nay Bí-sô không được mang giày bằng da sư tử, ai mang thì phạm tội Việt pháp", sau đó Lục chúng Bí-sô lại mang giày bằng da hổ, Phật nói: "cũng không được, da của năm loại thú có nanh vuốt đều không được dùng, đó là voi có trí, ngựa có trí, sư tử, cọp và beo". Lúc đó cụ thọ Ưu-ba-ly bạch Phật: "nếu da của các loại thú có nanh vuốt khác thì có được dùng hay không?", Phật nói: "đều không nên dùng, ai dùng thì phạm Ác tác".

Duyên xứ như trên, lúc đó có Bí-sô bịnh trĩ đến thầy thuốc yêu cầu điều trị, thầy thuốc nói: "nên mang giày bằng da gấu thì bịnh được lành", Bí-sô nói Phật chưa cho, thầy thuốc nói: "Thế tôn đại bi ắt sẽ khai cho", Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "nếu

bịnh thì được mang", Bí-sô làm giày nhiều lớp khó tìm được da gấu, Phật nói: "nếu tìm không được thì nên làm một lớp rồi dùng lông lót bên trong đế giày".

-oOo-

# CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA TẠP SỰ

## QUYỂN 20

## VI. TỔNG NHIẾP TỤNG CỦA BIỆT MÔN THỨ SÁU:

*Gân thú dữ không dùng,*
*Đăng quang và Dũng kiện,*
*Đà sa, pháp độ ni,*
*Nhân cho Kiều đáp di,*
*Ni không trước, trưởng giả,*
*Nên cho ngọa cụ khác,*
*Không cho vẩy nước dơ,*
*Tổng thứ sáu nên biết.*

### 1. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ sáu:

*Gân thú dữ không dùng,*
*Có che trước, che sau,*

*Hai bên và mũi giày,*
*Các giày đều không cho.*

Duyên khởi tại thành Thất-la-phiệt, Phật đã chế Bí-sô không nên dùng da của năm loại thú có nanh vuốt đều không được dùng, đó là voi có trí, ngựa có trí, sư tử, cọp và beo. Lúc đó Lục chúng Bí-sô dùng gân của các loại thú trên làm giày có lỗi như trên, Phật nói không nên; họ lại dùng da để vá giày, Phật nói: "đều không nên, như vậy nên biết các loại giày dép có che trước, che sau, hai bên và mũi giày nhọn, giày gai, giày ủng đều không nên mang. Ai mang thì phạm tội Việt pháp, trừ giày da hai ba lớp".

*Nhiếp tụng nội dung:*
*Bốn vương tử mới sanh,*
*Ánh sáng đều chiếu khắp,*
*Cha mẹ nhân việc này,*
*Đặt tên cho con mình.*

Lúc đó Bồ-tát đang ở trên cõi trời Đổ-sử-đa, dưới thế gian có bốn đại vương: một là vua Đại liên hoa ở thành Vương xá dùng chánh pháp cai trị, đất nước phồn thịnh, dân chúng an vui không có trộm cắp... ; hai là vua Phạm thọ ở thành Thất-la-phiệt ; ba là vua Đại luân ở thành Xướng thệ ni; bốn là vua Bách quân ở thành Kiều-thiểm-tỳ. Cả bốn vị đều là pháp vương dùng chánh pháp cai trị... như trên. Lúc đó Bồ-tát ở trên thiên cung quán năm việc ở thế gian: một là quán về tổ tiên, hai là quán về

thời tiết, ba là quán về quốc độ, bốn là quán về dòng họ gần, năm là quán người mẹ thân sanh. Sau khi chư thiên ở cõi trời Lục dục ba lần làm cho bụng bà mẹ thanh tịnh, phu nhân Ma da mộng thấy voi trắng sáu ngà giáng hạ vào bụng. Lúc đó đại địa liền chấn động đủ sáu cách và khắp thế giới đều được chiếu soi, cho đến nhưng nơi mà ánh sáng mặt trời mặt trăng không chiếu tới, cũng đều được chiếu soi đến khiến cho các hữu tình ở những nơi này đều được thấy nhau...

Lúc đó vua của bốn đại quốc đều sanh Thái tử, thấy ánh sáng màu vàng ròng chiếu soi, họ đều cho là do con trai của ta có oai thần, làm cho trời đất đều sáng rực lạ kỳ nên họ đặt tên cho họ dựa theo điềm lành này. Vua Đại liên hoa nói với mọi người: "khi con ta sanh ra có ánh sáng như bóng sáng của mặt trời, đất trời rực sáng lạ kỳ nên đặt tên cho con ta là Ảnh Thắng"; vua Phạm thọ nói với mọi người: "khi con ta sanh ra có ánh sáng thù thắng chiếu khắp thế gian, nên đặt tên cho con ta là Thắng quang"; vua Đại luân nói với mọi người: "khi con ta sanh ra có ánh sáng như ánh đèn lớn chiếu sáng khắp nơi, nên đặt tên cho con ta là Đăng quang"; vua Bách luân nói với mọi người: "khi con ta sanh ra có ánh sáng như mặt trời mọc chiếu sáng khắp nơi, nên đặt tên cho con ta là Xuất quang". Họ đều cho là do oai thần của con mình mà không biết đó là do oai lực của Bồ-tát.

Nhiếp tụng nội dung:

*Trong bụng trời thủ hộ,*
*Sanh ra bước trên Sen,*
*Giơ tay xưng độc tôn,*
*Tắm rửa, hoa trời rơi.*

Khi Bồ-tát giáng thần vào thai mẹ, Thích đề hoàn nhơn liền bảo thiên thần cõi trời Tứ thiên vương theo thủ hộ người mẹ, vì sợ người mẹ bị ác ma làm hại. Khi Bồ-tát thọ sanh, các chất nhơ uế trong thai mẹ không dính đến thân, giống như hạt châu Minh nguyệt được vật bao bọc không bị nhiễm ô. Thường pháp của Bồ-tát là khi ở trong thai, người mẹ thường thấy như người có mắt tuệ thấy vật báu được bao bọc bởi các chỉ sợi xanh vàng đỏ trắng, phân biệt rõ ràng. Thường pháp của Bồ-tát là khi ở trong thai, không làm cho người mẹ mệt mỏi mà luôn được an vui, tự nhiên người mẹ giữ năm học xứ: không sát sanh, trộm cắp… cho đến không còn khởi tham dục. Đủ mười tháng, người mẹ đi đến trong vườn Lâm tỳ ni, tay vịn cành cây Vô ưu, trong chốc lát liền đản sanh Bồ-tát từ hông bên phải. Lúc đó đại địa chấn động sáu cách… như lúc mới nhập thai; khi Bồ-tát đản sanh, vua trời Đế thích đưa tay đỡ lấy rồi đặt Bồ-tát lên hoa sen, Bồ-tát đứng không cần vịn đỡ rồi bước đi bảy bước trên hoa sen, nhìn khắp bốn phương, một tay chỉ lên, một tay chỉ xuống nói rằng: "đây là thân sau cùng của ta, trên trời dưới trời chỉ có ta là độc

tôn". Lúc đó Phạm thiên vương cầm lọng, vua trời Đế thích cầm phất, Long vương trong hư không phun nước ấm và lạnh để tắm cho Bồ-tát. Khi vừa đản sanh, trước mặt người mẹ liền xuất hiện một dòng suối để người mẹ tùy ý thọ dụng; trên không trung chư thiên rải các loại hoa như hoa Ưu bát la, hoa Ba đầu ma, hoa Phân đà lợi… với các loại hương bột vi diệu; nhạc trời tự nhiên trỗi lên và thiên y từ không trung rơi xuống, lại có rất nhiều điềm lành kỳ diệu…

Nhiếp tụng nội dung:

*A-tư-đà xem tướng,*
*Na-thích-đà khuyên thầy,*
*Năm trăm điềm lành hiện,*
*Phu vương đặt ba tên.*

Lúc đó trong núi lớn ở phương Nam có tiên nhân già tên là A-tư- đà biết rõ thời tiết thành hoại của thế gian, lại có một người tên là Na- thích-đà thông minh mẫn tuệ, thường đến gặp tiên nhân bàn luận về sự thành hoại của thế gian, nhân đó theo tiên nhân xuất gia. Một hôm đang ở cùng tiên nhân trong hang đá, Na-thích-đà bỗng thấy ánh sáng chiếu soi rực rỡ lạ kỳ, liền nói kệ hỏi thầy:

*"Vì sao ánh sáng này,*
*Chiếu khắp như mặt trời,*
*Vì sao khắp núi rừng,*
*Bỗng hiện điềm lánh này?",*

Tiên nhân đáp:

*"Nếu ánh mặt trời thì nóng bức,*
*Còn ánh sáng này mát lạ kỳ.*
*Chắc là Vô thượng Mâu ni tôn,*
*Vừa xuất thai liền hiện điềm lành.*
*Đây là tướng Bồ-tát đản sanh,*
*Ánh sáng thanh tịnh thất kỳ diệu,*
*Khắp mười phương như ánh sắc vàng,*
*Chiếu sáng rực khắp cả ba cõi".*

Na-thích-đà bạch thầy: "Ô-ba-đà-da, nếu vậy chúng ta cùng đến gặp Bồ-tát", tiên nhân nói: "Bồ-tát có đại oai đức, lại có thiên long bát bộ vây quanh, dù chúng ta có đến cũng không gặp được; hãy đợi khi Bồ-tát vào thành Kiếp-tỷ-la và được đặt ba tên, chúng ta đến mới được gặp".

Khi Bồ-tát đản sanh có năm trăm thị nam như Xiển đạc ca… cũng đồng thời sanh; năm trăm thị nữ như Xiển trĩ ca… cũng đồng thời sanh; voi, ngựa hay trong chuồng cũng đều sanh năm trăm con, năm trăm phục tàng báu đều tự hiển lộ ra, các quốc vương ở bốn phương đều hàng phục và đem đủ loại tạp vật đến cống hiến để phụng sự. Quần thần thấy các hiện tượng này rồi liền tâu cho vua biết, vua nghe rồi liền suy nghĩ: "con ta sanh ra, các việc đều thành tựu", do đây vua liền đặt tên cho Thái tử là Nhất thiết sự thành. Đây là tên đầu tiên của Bồ-tát. Khi Bồ- tát được chở trên xe báu với trăm ngàn tùy tùng đi vào thành Kiếp-tỷ-la, những người thuộc chủng tộc Thích ca tánh tình vốn thô

tháo hung bạo, thường phân biệt ta người nhưng khi thấy Thái tử họ liền trở nên tịch tĩnh đứng yên; do việc này nên vua Tịnh-phạn đặt thêm tên là Thích ca Mâu ni. Đây là tên thứ hai của Bồ-tát. Trước nay trong thành Kiếp-tỷ- la có một Dược xoa tên là Thích ca tăng trưởng được người trong thành kính trọng lập miếu thờ. Những người thuộc chủng tộc Thích ca trong thành này nếu có sanh trai hay gái sau khi tắm rửa sạch, phải đưa đến miếu lễ bái Dược xoa này trước. Vì thế vua bảo đại thần đưa Thái tử đến lễ bái, đại thần vâng lịnh đặt Thái tử trên xe báu rồi đưa đến chỗ Dược xoa. Khi Thái tử được đưa đến miếu, Dược xoa này thấy Bồ-tát từ xa liền hiện thân, từ chỗ ngồi đứng dậy đến đảnh lễ Bồ-tát; mọi người thấy rồi hết sức kinh ngạc liền đem việc này tâu cho vua biết, vua nghe rồi hết sức vui mừng nói: "Thái tử của ta là bậc tôn thắng trong các thiên thần" nên đặt thêm tên cho Thái tử là Thiên trung thiên. Đây là tên thứ ba của Bồ-tát.

***Nhiếp tụng nội dung:***

*Nhũ mẫu nuôi Thái tử,*
*Khiến xem tướng đại nhân,*
*A-tư-đà xa đến,*
*Xem hình tướng Mâu ni.*

Phụ vương giao Thái tử cho các nhũ mẫu tùy thời tắm rửa, cho bú mớm, thường làm cho thân tâm Thái tử an ổn vui vẻ. Nhũ mẫu dùng hương

thơm thượng diệu thoa thân, trang sức bằng các chuỗi anh lạc rồi bồng Thái tử trao cho vua, vua đặt Thái tử lên đầu gối ngắm nhìn tướng mạo của Thái tử, trong lòng rất vui sướng. Sau đó vua ra lịnh triệu tập các Bà-la-môn và các tướng sư trong nước đến xem tướng Thái tử, vua nói: "các vị nên xem tướng Thái tử, ta nghe các bậc tiên xưa nói rằng: người có đủ ba mươi hai tướng đại trượng phu, nếu tại gia thì làm Kim luân thánh vương thống trị bốn thiên hạ, dùng thiện pháp giáo hóa; lại có đủ bảy báu: bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, nữ báu, thần coi giữ phục tàng báu, thần chỉ huy quân đội báu và ngọc ma ni báu; lại có đủ ngàn con dũng kiện có thể hàng phục quân địch; những người trên thế gian sống hòa bình không xâm phạm lẫn nhau, cùng hành thiện pháp thù thắng. Nếu Thái tử xuất gia sẽ ở ngôi vị Pháp vương Như lai Ứng chánh đẳng giác, danh vang khắp nơi", các tướng sư nghe vua nói rồi liền cùng xem tướng Thái tử, họ nói: "đúng như đại vương đã nói, ai thành tựu ba mươi hai tướng… như trên cho đến câu danh vang khắp nơi", vua hỏi: "ba mươi hai tướng tốt là những tướng nào?", Tướng sư nói rõ ba hai tướng cho vua nghe. Lúc đó tiên A-tư-đà bảo Na-thích-đà: "nay Bồ-tát đã vào thành Kiếp-tỷ-la, vua Tịnh-phạn cũng đã đặt ba tên cho Bồ-tát, chúng ta cùng đến đó chiêm ngưỡng Bồ-tát", cả hai dùng thần thông lực nương hư không mà đi, nhưng

do oai lực của Bồ-tát khi họ còn cách thành Kiếp-tỷ-la chừng một trạm ngựa thì thối thất thần thông, không thể nương hư không mà đi, đành phải đi bộ vào thành Kiếp-tỷ-la. Khi đã vào thành đến trước cửa cung, tiên A-tư-đà nói với người giữ cửa: "ông hãy vào tâu vua có tiên A-tư-đà đang ở ngoài cửa xin được gặp vua", vua nghe rồi liền bảo cho vào tùy ý, tiên nhân vào trong cung, vua từ xa thấy tiên nhân đến liền chào hỏi thiện lai rồi mời tiên ngồi trên tòa sư tử, đảnh lễ rồi nói: "đại tiên từ xa đến có việc gì?", tiên nhân nói kệ:

"Đại vương, tôi nay đến, Muốn được gặp Thái tử, Chiêm ngưỡng đấng Mâu ni, Bậc đạo sư đệ nhất".

Vua nói Thái tử đang ngủ, tiên nói: "dù đang ngủ, tôi cũng muốn được gặp", vua bồng ra, tiên nhân thấy hai mí mắt của Thái tử không khép kín liền nói kệ:

*"Ngựa giỏi không ngủ nhiều,*
*Nửa đêm tạm thời ngủ,*
*Việc muốn làm chưa thành,*
*Làm sao an nghỉ lâu".*

Tiên nhân lại hỏi: "các tướng sư đoán như thế nào?", vua nói: "họ nói sẽ làm Luân vương cai trị bốn châu", tiên nhân nói kệ:

*"Tướng sư nói đều sai,*
*Kiếp cuối không Luân vương,*
*Bậc có thắng phước này,*

*Sẽ đoạn hoặc thành Phật.*
*Nếu giáo hóa bốn châu,*
*Tướng Luân vương không hiển,*
*Tướng Đại sư phân minh,*
*Quyết thành Phật không nghi".*

Tiên nhân thấy tướng thành Phật rồi liền quán bao lâu nữa mới chứng Vô thượng cam lồ, chuyển pháp luân vi diệu; liền quán thấy Bồ- tát mười chín tuổi xuất gia, sau sáu năm khổ hạnh được pháp Cam lồ; lại quán biết mình không bao lâu nữa sẽ qua đời, không thể thấy được Bồ-tát thuyết pháp độ sanh nên tự buồn thương rơi lệ. Vua nhìn thấy rất kinh ngạc, liền dùng kệ hỏi:

*"Dù nam hay nữ đến nhìn thấy,*
*Cũng đều hoan hỉ khắp thân tâm.*
*Nay tiên nhìn thấy tướng phi thường,*
*Vì sao hai mắt lại rơi lệ,*
*Nếu như tướng Thái tử không tốt,*
*Đoản mệnh, nhiều bịnh, không an lành,*
*Rất mong đại tiên nói thật ra,*
*Chớ để tâm tôi thêm lo lắng".*

***Tiên nói kệ:***

*"Cho dù sấm sét trên không xuống,*
*Đáng sợ đến bên thân Thái tử,*
*Đối với đấng Vô thượng Mâu ni,*
*Chỉ như lông tóc không thể hại.*
*Cho dù lửa dữ bùng theo gió,*
*Kiếm bén như sương ngay trước mặt,*

*Độc dược, độc xà đến cùng lúc,*
*Đến chỗ Thái tử đều tan hoại.*
*Tôi buồn chết sớm không gặp Phật,*
*Nước mắt đong đầy không ngăn được,*
*Vì không được nghe pháp vô thượng,*
*Nay chưa thành tựu sự nghiệp gì.*
*Bậc thắng phước này trừ khổ não,*
*Sẽ chứng cam lồ làm Đạo sư,*
*Ai nghe pháp, như thuyết tu hành,*
*Đều chứng được Tịch diệt vô vi".*

Vua nghe tiên nhân nói Thái tử sẽ chứng cam lồ nên im lặng không nói. Tất cả người đời do bị tâm tà quấy nhiễu nên nói ra lời hư dối không thật, lúc đó tiên nhân nói với vua: "những ngày gần đây vua thường suy nghĩ: bao giờ được tiên A-tư-đà đi bộ vào thành gặp ta để mọi người ân cần kính trọng. Vì thương xót vua nên tôi đến đây, nay việc đã xong tôi muốn ra khỏi thành, xin vua ra lịnh quét dọn sạch sẽ đường phố", vua Tịnh-phạn liền ra lịnh dân chúng trong thành cùng quét dọn sạch sẽ đường phố, rưới nước thơm chiên đàn, rải hoa Chiêm bát ca, treo phan lọng… như trong vườn Hoan hỉ và thông báo cho dân chúng trong thành cùng những người từ xa đến sáng mai đều cùng ra tiễn đưa Đại tiên. Sáng hôm sau, mọi người ra đường tiễn đưa tiên nhân ra thành, buồn bã nhìn theo rồi mới quay về. Tiên A-tư-đà về đến núi bèn trụ tâm thiền định, dùng trí phương tiện phát khởi

lại thần thông, báo mạng sắp qua đời nên sanh bịnh, dù có uống thuốc vẫn không thuyên giảm. Lúc đó Na-thích-đà đến đảnh lễ thầy bạch rằng: "đại sư, con xuất gia vì cầu vị cam lồ, điều mà thầy đã chứng được xin ban cho con", tiên nhân nói: "ta cũng như con, khi xuất gia vì cầu vị cam lồ nhưng cuối cùng lại chẳng được gì, chỉ lao nhọc uổng công. Thành Kiếp-tỷ-la bên núi Tuyết có Thái tử ra đời, các tướng sư đều đoán là sẽ thành bậc Chánh giác hiệu Thiên nhân sư, xưng là Nhất-thiết-trí. Con nên cầu xuất gia nơi vị ấy, phải tự khiêm hạ, bỏ tâm kiêu mạn, siêng tu phạm hạnh, chớ có phóng dật thì con sẽ được vị cam lồ", liền nói kệ:

"Như lai xuất thế khó được gặp, Mà nay được gặp, thật hi hữu. Con chớ phóng dật, chí tâm cầu, Sẽ được vị cam lồ vô sanh".

Tiên nhân nói xong liền qua đời, như kệ tụng:

*"Tích tụ đều tiêu tán,*
*Cao ngất ắt rơi rớt,*
*Hội họp ắt biệt ly,*
*Có mạng đều phải chết".*

Lúc đó Na-thích-đà như pháp hỏa thiêu tiên nhân rồi xả lo buồn, đi đến thành Bà-la-nê-tư, trong chỗ chư tiên cùng ở tu. Na-thích-đà vốn thuộc chủng tộc Ca-đa-diễn-na nên người đương thời kính trong gọi là tiên Ca-đa-diễn-na.

Lúc đó vua nước Ôn thệ ni sanh Thái tử đặt tên

là Đăng quang, giao cho các nhũ mẫu nuôi dưỡng… cho đến khi trưởng thành, học thông các môn kỹ nghệ, tinh thông cả văn lẫn võ. Lúc Bồ-tát còn là đồng tử vui chơi thì Thái tử Đăng quang cũng là đồng tử vui chơi, khi Bồ-tát thọ lễ Thái tử quán đảnh thì Đăng quang cũng thọ lễ Thái tử quán đảnh. Sau đó Bồ-tát ra ngoài thành dạo chơi nhìn thấy cảnh khổ của già bịnh chết, liền sanh tâm nhàm lìa ba phu nhân đứng đầu sáu ngàn thể nữ, đó là phu nhân Ngưu hộ, phu nhân Lộc dưỡng và phu nhân Danh xưng. Bồ-tát vào nửa đêm vượt thành đi đến trong rừng vắng tu nghiệp xuất gia, y chỉ tiên nhân tu thắng định ly dục của dục giới; kế theo Yết la ma tử tu định Vô sở hữu xứ, đoạn dục của Vô sở hữu xứ nhưng không có người dẫn dắt, sau đó chuyên tu khổ hạnh trong sáu năm, thấy không được chứng ngộ nên cho là vô ích, bèn sống thuận tự nhiên không gò bó, ăn uống thức ăn ngon, dùng dầu thoa thân, tắm bằng nước nóng và đi vào tụ lạc. Nơi chỗ hai mục nữ Nan đà và Nan đà lực, Bồ-tát thọ món cháo sữa thượng diệu được nấu qua mười sáu lần chuyển, được Long vương Ca lợi ca tôn trọng tán thán. Bồ-tát ở bên Thiện cát thọ cỏ Cát tường rồi đến bên cội Bồ đề trải tòa cỏ, đoan thân chánh niệm tâm nghĩ miệng nói: "nếu không đoạn trừ hết các lậu hoặc, ta quyết không xả kiết già". Bồ-tát dùng khí trượng Từ tâm để hàng phục ba mươi sáu ức ngàn chúng ma, chứng được Vô

thượng trí; sau đó nhận lời thỉnh của Phạm thiên đi đến thành Bà-la-nê-tư ba lần chuyển pháp luân mười hai hành tướng.

Cũng trong thời gian này Thái tử Đăng quang lên ngôi vị vua quán đảnh, dùng pháp trị nước, đất nước phồn thịnh, nhân dân no ấm… Nhờ oai lực của vua nên trăm họ hoan ca, tùy chỗ cúng dường thiên thần thắng thượng, vua cho đào năm trăm ao, năm trăm ngòi nước để dân chúng thọ dụng không bị thiếu thốn.

**2. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ sáu:**

*Đăng quang được làm vua,*
*Có năm vật thù thắng,*
*Nhân nói việc kỳ lạ,*
*Kiện-đà-la nói rõ.*

Vua Đăng quang có năm vật thù thắng, đó là voi đực thù thắng tên Vĩ sơn, voi mẹ thù thắng tên Hiền thiện, lạc đà thù thắng tên Hải túc, ngựa thù thắng tên Y cảnh và sứ giả thù thắng tên Phi ô. Trong một ngày đêm voi đực đi được một trăm trạm dịch, voi mẹ đi được tám mươi trạm dịch, lạc đà đi được bảy mươi trạm dịch, ngựa đi được năm mươi trạm dịch, Phi ô đi được hai mươi lăm trạm dịch. Tuy có những vật thù thắng như vậy nhưng tứ đại của vua không điều hòa, mắc chứng bịnh mất ngủ; do mắc bịnh này nên vua ghét Tô thích rượu. Các thầy thuốc điều chế thuốc với Tô dâng vua,

vua đều không chịu uống, Thái tử và các cung nhân đều biết loại thuốc điều chế với Tô có thể trị bịnh mất ngủ nên dâng cho vua uống, vua càng giận thêm nên ra lịnh: "ai ở trước mặt ta nói đến Tô sẽ bị chém đầu". Do không ngủ được nên vào đầu đêm vua cung các cung nhân hoan lạc, giữa đêm vua đi xem xét chuồng voi ngựa, cuối đêm đi xem xét kho tàng rồi cầm gươm đến hỏi người giữ canh: "ai là người báo thức?". Nếu vua hỏi lần thứ nhất, lần thứ hai mà không trả lời thì còn dung thứ; nếu đến lần thứ ba mà không trả lời thì bị vua chém đầu. Do vua tàn bạo như vậy nên không còn gọi là Đăng quang, mà gọi là Mãnh quang (vua Đăng quang hung bạo). Vào một thời khác, vua hỏi phu nhân và nội cung: "ta tự thân báo thức, vì sao các người lại ngủ say?", đáp: "đại vương, thần cũng báo thức"; sau nhiều đêm không được ngủ, họ tâu vua: "nếu khiến chúng thần nhiều đêm không được ngủ như vậy thì chúng thần không làm sao thuận theo ý vua, vì như vậy chúng thần sẽ bỏ bê công việc của thần", vua hỏi: "nếu vậy thì ai nên làm việc này?", đáp là Thái tử nên làm. Thái tử làm người báo thức, sau đó cũng không kham nổi nên tâu vua: "nếu con mãi làm người báo thức thì sẽ bỏ bê vương nghiệp", vua hỏi: "nếu vậy thì ai nên làm?", đáp là đại thần nên làm. Đại thần làm người báo thức, sau đó cũng không kham nổi nên tâu vua: "nếu thần cứ làm người báo thức thì ai sẽ giúp vua

trị nước như pháp", vua hỏi: "nếu vậy thì ai nên làm?", đáp là binh lính nên làm. Các binh lính làm người báo thức, sau đó cũng không kham nổi nên tâu vua: "nếu chúng thần cứ làm người báo thức thì ai sẽ vì vua giao chiến với kẻ địch", vua hỏi: "nếu vậy thì ai nên làm?", đáp là dân chúng nên làm. Lúc đó dân chúng trong nước luân phiên làm người giữ canh báo thức, đêm đó đến phiên đồng tử bán hương báo thức, đồng tử lo sợ sẽ bị vua giết chết nên ngồi chống cằm buồn bã. Một người thân quen thấy vậy liền hỏi rõ nguyên do rồi nói: "cách nhà anh không xa có một người tên là Kiện-đà-la, sao không nhờ người ấy làm việc giữ canh báo thức?", đáp: "cũng như tôi tiếc mạng sống thì có ai chịu làm", người kia nói: "nếu cho tài vật thì chắc chắn chịu làm". Đồng tử liền đến nhờ làm, Kiện-đà-la nói: "nếu đưa cho tôi năm trăm tiền vàng thì tôi sẽ làm", đồng tử bằng lòng, Kiện-đà-la nói: "hãy đưa trước cho tôi phân nửa, nếu tôi còn sống đưa thêm không muộn; nếu tôi bị giết thì phần còn lại đó thuộc của anh tùy ý thọ dụng". Kiện-đà-la nhận phân nửa số tiền liền đi mua rượu thịt bánh trái đến mời những người cận vệ của vua ăn uống no nê rồi nói: "nay tới phiên tôi làm người báo thức", nói rồi liền hỏi họ nguyên do vì sao vua bắt làm việc báo thức và nhờ họ giúp đỡ, họ nói: "chúng tôi được anh cho ăn no, thức ăn trong bụng còn chưa tiêu thì làm sao lại không giúp đỡ", Kiện-đà-la nói: "nếu

vua đến hỏi ai là người báo thức thì xin hãy gọi tôi dậy", họ nhận lời. Đêm đó Kiện-đà-la dùng tấm mền lông phủ chân ngồi ngủ, đến cuối đêm những người kia gọi Kiện-đà-la thức dậy: "hãy thức dậy, vua sắp đến", Kiện-đà-la liền thức dậy. Vua đến hỏi ai là người báo thức, Kiện-đà-la suy nghĩ: "nếu vua hỏi lần đầu mà ta đáp ngay thì lần thứ hai nếu không đáp kịp sẽ bị vua chém đầu", vì suy nghĩ như thế nên không đáp, đến khi vua hỏi lần thứ ba, Kiện-đà-la mới đáp: "đại vương, thần là Kiện-đà-la", vua hỏi: "ngươi đang suy nghĩ việc gì?", Kiện-đà-la là người có trí huệ, khéo ăn nói nên đáp: "Thần nghĩ về việc thế gian".

*Nhiếp tụng nội dung:*
*Tu hú, hạc uống sữa,*
*Cỏ lau, đuôi thân bằng,*
*Loang lỗ và lông đồng,*
*Bồn cát, nước không tràn,*
*Muối, miến, nước sai khác,*
*Vải, ngói hóa thành bụi.*
*Kiện-đà-la suy nghĩ,*
*Mười việc thế gian này.*

Vua hỏi: "đối với việc thế gian, ngươi nghĩ về việc gì?", đáp: "ở thế gian có việc kỳ lạ như chim Tu hú có lông và không lông, nếu đem cân thì nặng nhẹ như nhau", vua hỏi: "việc này có thật không?", đáp là vua sẽ tự nghiệm biết, vua nói: "vậy thì tốt". Đến trời sáng, Kiện-đà-la bắt chim Tu hú khi còn

lông và khi nhổ hết lông đem cân cho vua xem thì thấy nặng như nhau, vua hỏi vì sao lại như vậy, đáp là vì gió làm cho lông nhẹ lên, vua khen: "ngươi có diệu trí", đáp là nhờ vua nên được như vậy, vua im lặng. Sau một đêm lo âu, Kiện-đà-la đưa tay sờ đầu rồi trở về nhà, đồng tử bán hương đem nửa số tiền còn lại đến đưa cho Kiện-đà-la. Từ đó trở đi ai đến phiên làm việc báo thức đều đem năm trăm tiền vàng đến nhờ Kiện-đà-la làm thay, đến cuối đêm vua lại đến hỏi ai là người báo thức, đáp thần là Kiện-đà-la, vua lại hỏi: "ngươi suy nghĩ gì?", đáp là nghĩ về việc thế gian, vua lại hỏi là nghĩ về việc gì, đáp: "con bạch hạc cổ dài nếu cho nó uống nước sữa thì nó chỉ uống sữa, chừa lại nước", vua hỏi: "việc này có thật không?", đáp là vua sẽ tự nghiệm biết, vua nói: "vậy thì tốt". Đến trời sáng, Kiện-đà-la ở trước vua cho Hạc uống nước sữa thì đúng như lời đã nói, vua hỏi nguyên do, đáp: "vì miệng Hạc vốn có chất giầm chua, khi uống sữa sẽ làm sữa hóa thành lạc, vì thế nên chừa lại nước", vua khen: "ngươi có diệu trí", đáp là nhờ vua nên được như vậy, vua im lặng. Đêm khác, đến cuối đêm vua lại đến hỏi ai là người báo thức, đáp thần là Kiện-đà-la, vua lại hỏi: "ngươi suy nghĩ gì?", đáp là nghĩ về việc thế gian, vua lại hỏi là nghĩ về việc gì, đáp: "thế gian có loại cỏ lau đã bị đập giập và loại chưa bị đập giập, nếu đem cân thì nặng nhẹ như nhau, loại cỏ khác thì không như vậy", vua hỏi: "việc này

có thật không?", đáp là vua sẽ tự nghiệm biết, vua nói: "vậy thì tốt". Đến trời sáng, Kiện-đà-la ở trước vua lấy cỏ lau đã bị đập giập và loại không bị đập giập đem cân thì đúng như lời đã nói, vua hỏi nguyên do, đáp: "vì khi đập có gió lồng vào", vua im lặng. Đêm khác, đến cuối đêm vua lại đến hỏi ai là người báo thức, đáp thần là Kiện-đà-la, vua lại hỏi: "ngươi suy nghĩ gì?", đáp là nghĩ về việc thế gian, vua lại hỏi là nghĩ về việc gì, đáp: "thế gian có loại chuột Kiết linh, đuôi và thân bằng nhau", vua hỏi: "việc này có thật không?", đáp là vua sẽ tự nghiệm biết, vua nói: "vậy thì tốt". Đến trời sáng, Kiện- đà-la ở trước vua đem chuột Kiết linh ra đo thì đúng như lời đã nói, vua hỏi nguyên do, đáp: "vào mùa xuân, thần thấy nó dưới gốc cây, đuôi và thân bằng nhau", vua im lặng. Đêm khác, đến cuối đêm vua lại đến hỏi ai là người báo thức, đáp thần là Kiện-đà-la, vua lại hỏi: "ngươi suy nghĩ gì?", đáp là nghĩ về việc thế gian, vua lại hỏi là nghĩ về việc gì, đáp: "thế gian có loài chim Trĩ trên thân loang lỗ nhiều màu cho đến từng sợi lông, chỉ trừ đuôi", vua hỏi: "việc này có thật không?", đáp là vua sẽ tự nghiệm biết, vua nói: "vậy thì tốt". Đến trời sáng, Kiện-đà-la ở trước vua đem chim Trĩ ra cho vua xem thì đúng như lời anh đã nói, vua hỏi nguyên do, đáp: "vì thần đã đếm biết trước", vua khen: "ngươi có diệu trí", đáp là nhờ vua nên được như vậy, vua im lặng. Đêm khác, đến cuối đêm vua

lại đến hỏi ai là người báo thức, đáp thần là Kiện-đà-la, vua lại hỏi: "ngươi suy nghĩ gì?", đáp là nghĩ về việc thế gian, vua lại hỏi là nghĩ về việc gì, đáp: "đại vương, nếu cái bồn đã đựng đầy cát, dù cho nước vào đầy, nước vẫn không tràn, cát và nước cùng một chỗ nhưng cả hai vẫn không trở ngại nhau", vua hỏi: "việc này có thật không?", đáp là vua sẽ tự nghiệm biết, vua nói: "vậy thì tốt". Đến trời sáng, Kiện-đà-la ở trước vua lấy bồn đựng đầy cát rồi đổ nước vào cho đầy thì đúng như lời đã nói, vua im lặng. Đêm khác, đến cuối đêm vua lại đến hỏi ai là người báo thức, đáp thần là Kiện-đà-la, vua lại hỏi: "ngươi suy nghĩ gì?", đáp là nghĩ về việc thế gian, vua lại hỏi là nghĩ về việc gì, đáp: "đại vương, nếu dùng một thăng muối hòa với một thăng nước, nước vẫn không tăng", vua hỏi: "việc này có thật không?", đáp là vua sẽ tự nghiệm biết, vua nói: "vậy thì tốt". Đến trời sáng, Kiện- đà-la ở trước vua lấy một thăng muối hòa với một thăng nước thì đúng như lời anh đã nói, vua hỏi nguyên do, đáp: "vì muối lấy từ nước ra nên bỏ vào nước thì như cũ", vua im lặng. Đêm khác, đến cuối đêm vua lại đến hỏi ai là người báo thức, đáp thần là Kiện-đà-la, vua lại hỏi: "ngươi suy nghĩ gì?", đáp là nghĩ về việc thế gian, vua lại hỏi là nghĩ về việc gì, đáp: "đại vương, nếu dùng một thăng nước hòa với một thăng miến khô thì nước không kết dính", vua hỏi: "việc này có thật không?", đáp là vua sẽ

tự nghiệm biết, vua nói: "vậy thì tốt", vua hỏi nguyên do, đáp: "vì người trong nước tôi phần đông đều ăn miến khô nên tôi thường thấy", vua khen: "ngươi khéo nhớ sự việc", đáp là nhờ vua nên được như vậy, vua im lặng. Đêm khác… như trên cho đến câu Kiện-đà-la đáp: "thần thấy người đời ngày đêm dệt ra vải lụa mà không biết rốt cuộc chúng đi về đâu", vua nói: "ta cũng không biết chúng đi về đâu", Kiện- đà-la đáp: "chúng cuối cùng cũng trở về đất", vua nói: "đúng như ngươi nói, chúng rốt cuộc cũng trở về đất". Đêm khác… như trên cho đến câu Kiện-đà-la đáp: "thần thấy người thợ gốm ngày đêm làm ra các loại đồ gốm mà không biết rốt cuộc chúng đi về đâu", vua nói: "ta cũng không biết chúng đi về đâu", Kiện-đà-la đáp: "chúng cuối cùng cũng trở thành đất bùn", vua nói: "đúng như ngươi nói, chúng rốt cuộc cũng trở thành đất bùn".

Nhiếp tụng nội dung:

*Mãnh quang tự hỏi mẹ,*
*Biết từ Bò cạp sanh,*
*Cho năm trăm tiền vàng,*
*Rồi đuổi ra khỏi nước.*

Lúc đó vua thấy Kiện-đà-la thông minh giỏi ứng đối nên hỏi: "ngươi có diệu trí, hiểu biết nhiều việc thế gian, vậy ngươi có biết vì sao ta không ngủ được?", đáp: "nếu đại vương tha tôi, ban cho vô úy thì thần mới dám nói", vua nói: "ta ban cho vô úy,

người hãy tùy ý nói", đáp: "vua từ bò cạp sanh", vua nói: "ngươi đang mắng ta", đáp: "vua bảo thần nói thật thì thần nào dám mắng đại vương, nếu vua không tin sáng mai sẽ tự nghiệm biết", vua nói tốt. Đến trời sáng, Kiện-đà-la đào một cái hố rồi đổ đầy phân bò, dùng tấm đệm phủ lên rồi bảo vua nằm lên, vua liền ngủ được. Tuy vua tự nghiệm biết hư thực nhưng vẫn còn nghi, liền vào cung hỏi mẹ: "con có một việc muốn hỏi cho biết, mẹ nên nói thật con từ đâu sanh?", bà mẹ nói: "nếu đại vương ban cho vô úy thì mẹ sẽ nói thật", vua nói: "con ban cho mẹ vô úy", bà mẹ nói: "xưa kia, phụ vương của con có nhiều thể nữ, lúc đó vua đi sang nước khác trải qua nhiều năm, mẹ sanh dục tâm bỗng thấy con bò cạp nên suy nghĩ: "nếu đây là nam tử cùng ta hành dục thì há không khoái lạc hay sao", vừa nghĩ xong liền thấy bò cạp biến thành nam tử cùng mẹ giao hợp, nhân đó có thai sanh ra con", vua nghe rồi suy nghĩ: "Kiện- đà-la có trí huệ, biết rõ ta từ bò cạp sanh. Ta đã ban cho vô úy thì không thể giết, ta nên trọng thưởng rồi đuổi ra khỏi nước, chớ để mọi người biết được việc này", nghĩ rồi vua liền ban thưởng cho Kiện-đà-la năm trăm tiền vàng và đuổi ra khỏi nước.

-oOo-

# CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA TẠP SỰ

## QUYỂN 21

***Nhiếp tụng nội dung:***

*Mãnh quang, Thị phược ca,*
*Kim quang, Y bát la,*
*Na-thích-đà đắc quả,*
*Diệu phát, bát đựng dầu.*

Lúc đó vua Mãnh quang suy nghĩ: "ta mắc bịnh mất ngủ này ngày càng nặng thêm, ta nên triệu tập tất cả thầy thuốc trong nước đến tìm phương cách gì trị bịnh cho ta", nghĩ rồi liền triệu tập tất cả thầy thuốc trong nước đến nói rằng: "ta mắc bịnh không ngủ được, các khanh hãy cùng tìm cách trị hết bịnh cho ta", các thầy thuốc tâu: "bịnh này không tầm thường, chúng tôi không thể trị hết bịnh được cho vua, nhưng vua Tần-tỳ-sa-la ở thành Vương xá có vương tử là Thị phược ca, vốn là đại y vương mọi người đều biết tiếng, vị này mới có đủ trí huệ trị hết bịnh cho vua", vua nghe rồi liền sai sứ mang thư đến cho vua Tần-tỳ-sa-la, trong thư viết: "bạch vua Ảnh Thắng, xin vua cho đại y vương Thị

phược ca tạm qua nước tôi, tôi muốn được trị bịnh, mong vua đừng trái lời. Nếu đại y vương không đến thì vua nên dự trữ lương thảo và quân binh để nghinh đón tôi". Vua Tần-tỳ-sa-la xem thư xong, ngồi chống cằm với dáng vẻ lo buồn suy nghĩ: "nếu cho vương tử đi, thuận theo lời yêu cầu thì sợ bị lệ thuộc, nếu không cho đi thì sợ họ đem binh lực hùng cường sang gây rối", Thị phược ca thấy vua ưu tư liền hỏi rõ nguyên do, vua nói: "vì khanh có nhiều tài, lại giỏi y thuật nên khiến ta ưu tư", nói rồi liền nói rõ ý tứ trong thư, Thị phược ca nghe rồi liền tâu: "xin vua ra sắc chỉ, thần sẽ phụng chỉ lên đường", vua nói: "vua Mãnh quang hung bạo, bất luận có trị hết bịnh hay không, chỉ cần vua nổi giận thì sẽ sát hại ngay, sợ vua kia vô đạo giết chết khanh oan uổng", Thị phược ca tâu: "nếu không cứu được thân mình thì sao gọi là đại y vương, xin đại vương chớ ưu sầu, thần sẽ đi như lời giao hẹn", vua nói: "khanh tùy ý đi nhưng khéo phòng hộ, đừng để ta và quốc dân, nội cung phải lo buồn", Thị phược ca nói: "xin đại vương chớ lo âu, sẽ không có việc ấy đâu. Con xem bịnh tình rồi sẽ trị cho thuyên giảm khiến vua kia không nổi giận", vua im lặng. Thị phược ca hỏi sứ giả: "vua Mãnh quang mắc bịnh gì, hiện ăn được gì và không ăn được gì?", sứ giả nói rõ bịnh tình của vua, Thị phược ca nghe rồi liền dùng Tô điều chế thành loại thuốc cao có sắc hương vị như sắc hương vị của

rượu, sau đó chọn giờ tốt làm lễ cầu an rồi từ giã thân thuộc theo sứ giả lên đường. Trên đường đi đến nước Ôn thệ ni, ngang qua thành Khúc nữ, có một thầy thuốc trẻ ở trong thành này nghe tin đại y vương sắp đến nước Ôn thệ ni, liền đem trái Ha lê lặc dâng cho Y vương. Sau khi cùng nói chuyện, Y vương cảm thấy ý hợp nên hỏi thầy thuốc trẻ: "vua Mãnh quang bị bịnh như vậy, vì sao các vị không trị liệu?", đáp: "bịnh mất ngủ của vua vốn nên dùng Tô để trị nhưng vua lại ghét Tô thích rượu, lại ra lịnh ai ở trước vua nói đến tên Tô thì bị chặt đầu. Do vua bạo ác nên các thầy thuốc đều cao chạy xa bay, không dám điều trị cho vua", Y vương nói: "pháp đệ nên biết, ta đã dùng Tô điều chế thành thuốc cao có sắc hương vị như rượu, đệ nên cùng ta đến chỗ vua, khi nào ta hiện tướng chỉ trao thì đệ liệu lượng đưa thuốc cho vua uống. Đệ sẽ ở lại đó cho vua uống thuốc, còn ta sẽ trở về nước; khi nào vua hết bịnh, ta sẽ thưởng cho đệ, cũng khiến cho vua trọng thưởng đệ", thầy thuốc trẻ bằng lòng cùng đi đến chỗ vua. Lúc đó vua nghe tin Y vương đến liền suy nghĩ: "Thị phược ca là vương tử lại là Y vương, ta nên dùng nghi lễ long trong nghinh đón", nghĩ rồi liền ra lịnh trang hoàng đường sá… rồi cùng Thái tử quần thần ra nghinh đón, Y vương đi vào thành giữa trăm ngàn người vây quanh. Sau đó vua nói với Y vương: "tôi mắc bịnh mất ngủ ngày càng nặng, xin Y vương chữa trị cho", Y

vương nói: "tôi sẽ chữa trị nhưng cần dược liệu, những dược liệu này có ở nhiều nơi chỉ riêng tôi biết, người khác không biết, hoặc người khác biết mà tôi không biết, hoặc cùng biết, hoặc gần hoặc xa. Vì thế xin vua cho phép tôi được cỡi voi Hiền thiện tùy ý đi tìm", vua nói lành thay rồi ra lịnh cho Quản tượng: "nếu Y vương cần voi Hiền thiện nên để vị ấy tùy ý cỡi, không nên cản trở", lại bảo người giữ cửa cung: "Y vương có thể sớm đi trưa về hoặc trưa đi tối về, được tùy ý cỡi voi Hiền thiện ra vào, không nên ngăn cản". Được vua cho phép, lúc đó Y vương hoặc ban ngày hoặc nửa đêm không nhất định, tùy ý cỡi voi đi đi về về nên mọi người không để ý nữa. Sau đó Y vương bảo vua tắm rửa, tắm xong bảo vua ăn no, đợi vua ăn xong mới tâu: "ta có đem rượu thượng hạng của nước Ma-kiệt-đà đến, vua hãy uống thử", vua nghe đến rượu ngon, vui mừng bảo mang đến, Y vương liền hiện tướng bảo thầy thuốc trẻ mang thuốc cao đến, vua uống xong liền ngủ say. Y vương biết vua đã ngủ say liền cỡi voi Hiền thiện bỏ chạy, đến nửa đêm vua tỉnh dậy, thở ra nghe thấy có mùi Tô liền nổi giận ra lịnh tả hữu bắt Thị phược ca đem ra chặt đầu. Tả hữu đến bắt mới biết Y vương đã bỏ chạy liền trở về báo lại, vua nghe rồi càng tức giận ra lịnh sứ giả Phi ô: "khanh hãy cỡi voi Vi sơn đuổi theo bắt Y vương, trói đem về đây chặt đầu. Nhớ khi gặp chớ có nhận vật gì, vì Y vương rất giỏi huyễn thuật".

Phi ô tuân lịnh vua cỡi voi Vi sơn noi theo dấu chân voi đuổi theo, đến vườn cây Yêm la thì bắt kịp Y vương liền kêu gọi: "vua gọi Y vương, mau quay trở lại", Y vương nói: "ông sao vội vậy, hãy dừng lại ở đây ăn trái Yêm la", Phi ô nói: "vua nói ông giỏi huyễn thuật nên không được nhận vật gì từ ông", Y vương nói: "ông không phải sợ, hiện đang đói khát hãy cùng tôi ăn chung một trái, mỗi người một nửa", Phi ô nghĩ ăn chung một trái thì không hại gì nên bằng lòng, Y vương ăn trước nửa trái rồi bấm móng tay có chứa thuốc vào nửa trái còn lại đưa cho Phi ô ăn, Phi ô vừa ăn xong, thuốc trong nửa trái này công phát bịnh Lại mà Phi ô đã mắc phải trước đó, nên liền tiêu chảy không sao cầm được. Y vương vào thôn nói với người trong thôn: "đây là voi lớn bậc nhất và voi mẹ Hiền thiện cùng sứ giả Phi ô của vua Mãnh quang, các người nên chăm sóc cho kỹ chớ để cho tổn thất, nếu không sẽ bị vua trị tội nặng", người trong thôn theo như lời đã dặn chăm sóc Phi ô cho đến khi hết bịnh, Y vương liền trở về nước. Sau đó thầy thuốc trẻ cũng theo lời Y vương dặn trị cho vua hết bịnh, khi thấy Phi ô trở về, vua hỏi Y vương đấu, Phi ô hỏi: "nếu bắt được Y vương thì vua sẽ làm gì?", vua nói là sẽ đem chặt đầu, Phi ô nói: "nay vua đã hết bịnh, bịnh Lại của thần cũng đã trừ, phải cùng nhau trọng thưởng cớ sao lại đem chặt đầu?", vua nghe rồi liền nói: "lành thay, nên trọng thưởng để báo đại ân".

Phi ô liền đưa sắc thư báo cho Y vương biết: "vương tử là Y vương đáng được trọng thưởng, vì sao lại bỏ chạy trốn. Nhận dược thư này xin hãy trở lại để nhận sự ban thưởng của vua", Y vương liền gởi thư phúc đáp: "tôi nhờ ân vua nên tài sản không thiếu, nếu vua sanh hoan hỉ đối với tôi thì xin cho tôi hồi chuyển những vật mà vua ban thưởng cho thầy thuốc trẻ". Sau đó vua y lời ban thưởng nhiều tài vật cho thầy thuốc trẻ rồi sai sứ mang một xấp vải bằng giạ thượng hạng trị giá trăm ngàn lượng vàng đưa đến thưởng ban cho Y vương, Y vương suy nghĩ: "Thế tôn là bậc đại sư vô thượng, là đấng cha lành của ta, ta nên đem tấm Giạ này dâng cúng cho Phật", nghĩ rồi liền đem tấm Giạ đến dâng cúng Phật. Phật thọ rồi đưa cho A-nan may thành y. A-nan cắt rọc may thành ba y cho Phật xong vẫn còn dư, bạch Phật, Phật nói: "thầy và La hỗ la tùy ý thọ dụng", A-nan may xong hai y thượng hạ cho mình xong, đưa phần còn lại cho La hỗ la may y Tăng khước kỳ.

Nói về nhân duyên của Long vương Y la bát:

Thuở xưa trên cõi trời Đổ-sử-đa, trong cung điện có ghi lại bài vấn tụng của Phật nói như sau:

*"Vua nơi đâu là lớn,*
*Đối với Nhiễm nhiễm đắm,*
*Không nhiễm mà bị nhiễm,*
*Hạng nào là kẻ ngu?*
*Kẻ ngu nơi đâu buồn?*

*Bậc trí nơi đâu vui?*
*Ai biệt ly hòa hợp,*
*Gọi đó là an lạc?".*

Nếu Phật không ra đời thì không có ai thọ trì và hiểu được ý nghĩa của bài vấn tụng này, nhưng nếu có Phật ra đời thì sẽ có người thọ trì và hiểu nghĩa. Lúc đó Bắc thiên vương dược xoa Đa văn có việc lên đến cõi trời Đổ-sử-đa, nhìn thấy bài vấn tụng này, sanh tâm hi hữu liền ghi nhớ nhưng không hiểu được nghĩa, sau khi trở về cung trời của mình liền chép lại trên bảng. Tại nước Đắc xoa thi ca có một Long vương cựu trụ tên là Y la bát, ngày đêm mong mỏi lúc nào đó được gặp Phật ra đời. Long vương này có một Dược xoa thân hữu tên là Kim quang, Dược xoa này nhân đến trong cung của thiên vương Đa văn, nhìn thấy bài vấn tụng này liền nhớ thuộc lòng nhưng vẫn không hiểu nghĩa. Sau đó đến nói với Long vương Y bát la: "này bạn, đây là lời Phật dạy, ý nghĩa sâu xa không ai hiểu được. Bạn hãy ghi nhớ bài pháp tụng này, sau đó mang một rương đựng đầy vàng đến khắp trong các thành ấp xướng lên rằng: "nếu ai giải nghĩa được bài vấn tụng này thì tôi sẽ dâng cúng một rương vàng". Nếu nơi nào không có ai đáp được thì bạn nên nói: "nơi này không có người thì không gọi là thành ấp", nói xong mới đi đến nước khác", Long vương nghe rồi cung kính thọ trì rồi hóa thành một Ma-nạp-bà mang rương vàng đi khắp

nơi xướng lên như trên, vẫn không có ai giải đáp được, dần dần đến thành Bà-la-nê-tư. Nơi ngã tư đường xướng lên như trên, lúc đó có vô lượng trăm ngàn người tụ tập lại như mây. Trong số đó có người thông minh bác học, tâm ý kiêu ngạo sau khi nghe bài vấn tụng này rồi tâm sanh hi hữu và kinh ngạc nhưng vẫn không giải nghĩa được, Hóa long vương liền nói: "thành Bà-la-nê-tư không có bậc trí thì không gọi là thành ấp", các cư sĩ, Bà-la-môn nghe lời này liền nói: "xin chớ nói lời này, trong thành này có bậc thượng trí trụ nơi A-lan-nhã, xin hãy chờ vị ấy đến để giải nghĩa", Hóa long vương hỏi tên, đáp là Na-thích-đà. Lúc đó Na-thích-đà ở trong rừng vắng nghe tin liền đi đến, Hóa long vương đến trước mặt nói: "nếu đại tiên giải nghĩa được bài vấn tụng này thì tôi sẽ dâng cúng rương vàng", nói rồi liền nói ra bài vấn tụng, Na-thích-đà nghe rồi liền ghi nhớ và nói: "tôi sẽ giải thích cho ông", hỏi là lúc nào, đáp là mười hai năm, Hóa long vương nói lâu quá, Na-thích-đà lại hẹn sáu năm, nói vẫn lâu, lại hẹn ba năm, một năm, sáu tháng, một tháng... cho đến bảy ngày, Hóa long vương nói: "đại tiên, tôi sẽ đợi bảy ngày". Trước kia Na-thích-đà vốn quen thân với năm Bí-sô nên đến chỗ họ và đem việc trên kể lại rồi nói: "bài vấn tụng ấy chữ ít nghĩa nhiều, lại sâu xa khó hiểu thì phải làm sao?", Bí-sô bảo đến hỏi Phật, Na-thích-đà hỏi: "Phật đã ra đời rồi sao?", đáp là đã ra đời, liền hỏi

hiện đang ở đâu, đáp: "hiện đang ở vườn Thi lộc, chỗ Tiên nhơn đọa xứ thuộc thành Bà-la-nê-tư". Na- thích-đà vui mừng vội đến chỗ Phật, thấy Phật có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm thân, ánh sáng bao quanh trên đảnh rộng một tầm sáng rỡ như trăm ngàn mặt trời, sắc tướng thù diệu, thân như núi báu… Na-thích-đà tận mặt thấy rồi sanh tâm hoan hỉ như người không con bỗng nhiên có con, như người nghèo được của báu, như Thái tử được kế vị vua, như hữu tình tích chứa thiện căn đã lâu mới được gặp Phật; thân tâm của Na-thích-đà hoan hỉ cũng như vậy, liền đến chỗ Phật đảnh lễ rồi ngồi một bên, Phật quán biết căn tánh tùy miên của Na-thích-đà, nói pháp Tứ đế khiến cho được khai ngộ và chứng quả Dự lưu. Sau khi chứng quả liền chắp tay bạch Phật: "Thế tôn, xin cho con được ở trong thiện pháp luật xuất gia thọ giới cụ túc, thành tánh Bí-sô, tu tập phạm hạnh", Phật nói: "trước đây ông đã hứa giải nghĩa bài vấn tụng cho Ma-nạp-bà, ông nên đến đó thực hiện lời đã hứa rồi mới xuất gia", đáp: "tuy con đã được Kiến đế nhưng đối với nghĩa của bài vấn tụng vẫn chưa hiểu rõ, đã không hiểu thì có đến đó cũng không ích gì", Phật nói: "ông hãy đến đó nói rằng: người hãy nói ra bài vấn tụng cho tôi nghe. Sau khi nghe xong nên đáp:

*"Vua thứ sáu là lớn,*
*Nơi chỗ nhiễm đắm nhiễm,*

*Không nhiễm mà khởi nhiễm,*
*Là ngu phu tham ái,*
*Kẻ ngu vì vậy buồn,*
*Còn người trí vẫn vui.*
*Xa lìa được tham ái,*
*Đây gọi là an lạc".*

Nếu người kia nói không hiểu thì nên nói kệ:

*"Người nào nghe diệu ngữ,*
*Hiểu rồi tu thắng định,*
*Ai nghe không hiểu nghĩa,*
*Người ấy do phóng dật".*

Nếu người kia nghe kệ xong lại nói rằng:

*"Ông nói ra lời Phật,*
*Nhưng tôi chưa rõ nghĩa,*
*Ý còn mê chưa hiểu,*
*Xin giải nghi giùm tôi".*

Lúc đó ông nên dùng tay xé lá trước mặt người ấy, nếu hỏi Phật đã ra đời rồi sao thì nên đáp đã ra đời, nếu hỏi hiện đang ở đâu thì nên đáp đang ở trong vườn Thi lộc". Na-thích-đà thọ trì lời Phật dạy rồi liền đến gặp Ma-nạp-bà nói y như lời Phật đã dạy, hỏi đáp giống như trên... cho đến câu Phật đang ở trong vườn Thi lộc. Lúc đó Hóa long vương suy nghĩ: "nếu trước mặt Na-thích-đà mà ta hiện thân rồng thì ông ta sẽ khinh ta, nếu mang thân Bà-la-môn đến gặp Phật thì các Bà-la-môn thông hiểu Tứ minh trong thành Bà-la-nê-tư sẽ chê trách ta là Bà-la-môn vốn thuộc dòng tộc cao quý vì sao lại

tự hạ mình đến gặp Kiều-đáp- ma. Nếu ta mang thân rồng đến gặp Phật thì rồng có nhiều oán ghét, sợ gặp chướng ngại; ta nên hóa thành Chuyển luân thánh vương đến gặp Phật", nghĩ rồi liền hóa thành Chuyển luân thánh vương có bảy báu dẫn đầu, cùng chín mươi chín Câu đê binh kỳ theo sau; với ngàn người con vây quanh theo hình bán nguyệt, thân trang nghiêm bằng các loại vật báu; lại có vô lượng ngoại đạo, Sa môn, Phạm chí và trăm ngàn tùy tùng cầm lọng trăm nan che trên đầu của vua, oai quang rực rỡ như vầng nhật nguyệt, để đi đến chỗ Phật. Lúc đó Phật đang thuyết pháp cho vô lượng trăm ngàn người, đại chúng từ xa nhìn thấy vị Luân vương này rồi liền sanh tâm hi hữu, nói với nhau: "Luân vương này từ đâu đến, sao chưa từng thấy trên đời hay là Phạm thiên vương…", người có tâm ái lạc ngắm nhìn thân vua đều sanh tham đắm. Hóa long vương này đến đảnh lễ Phật rồi ngồi một bên, Phật nói: "ngươi là người ngu si, trong thời Phật Ca-diếp-ba tuy thọ cấm giới của Phật nhưng lại không hộ trì, lại hủy báng giới nên bị quá báo làm thân rồng hạ liệt. Cớ sao ngươi lại sanh tâm hư dối để gạt đồ chúng của ta, ngươi hay mau hiện trở lại thân rồng", Hóa long vương nói: "con mang thân rông có nhiều oán ghét nên sợ có chúng sanh làm hại", Phật bảo Kim cang thủ bảo hộ Long vương đừng để bị hại, Kim cang thủ vâng lời Phật dạy đi theo sau Long vương để bảo hộ. Lúc

đó Hóa long vương đứng dậy đi đến một nơi khác hiện trở lại thân rồng có bảy đầu, thân dài lớn vô cùng: đầu gác trên thành Bà-la-nê-tư, đuôi nằm ở nước Xoa thi ca ( cách nhau hai trăm trạm ngựa ). Do nghiệp đời trước nên trên mỗi đầu rồng đều có cây Y la, khi bị gió lay động trên đầu chảy máu làm dơ thân rồng bốc mùi hôi hám, lại bị giòi nhặng bu đến rúc rỉa ngày đêm khiến mọi người không muốn nhìn. Lúc đó Long vương đến đảnh lễ Phật rồi ngồi một bên, đại chúng nhìn thấy thân rồng ghê sợ như vậy, những người đã ly dục còn kinh sợ huống chi là người chưa ly dục. Khi họ nhìn thấy thân rồng với vi vẩy thô rít bị tét nứt, máu mủ chảy ra có đủ màu sắc kỳ lạ, thân dài lớn với nhiều chỗ cao thấp không bằng phẳng, liền hỏi Phật là vật gì. Phật nói: "đây là thân Chuyển luân thánh vương đã đến lúc nảy, các vị sanh tâm tham ái đối với thân vinh hoa sanh tử của nó. Thân trước là biến hóa, đây mới là thân thật, do nghiệp ác đời trước nên phải chịu khổ báo này", đại chúng nghe Phật nói rồi đều ưu sầu im lặng. Long vương hỏi Phật: "xin Thế tôn thọ ký cho con biết đến lúc nào con mới bỏ được thân rồng này?", Phật nói: "đời vị lai lúc con người thọ đến tám vạn tuổi, có Phật Từ thị ra đời đủ mười hiệu sẽ thọ ký cho ngươi thoát được thân rồng", Long vương nghe rồi đau buồn, mắt ở trên các đầu rồng liền ở trước mặt Phật đồng thời rơi lệ, nước mắt chảy thành mười bốn dòng sông. Phật nói:

"ngươi hãy ngừng khóc, nước mắt chảy thành sông sẽ làm cho quốc độ tiêu vong", Long vương nói: "bản tâm con không làm hại đến mạng nhỏ huống chi là làm cho quốc độ tiêu vong", nói rồi đảnh lễ Phật và biến mất. Lúc đó đại chúng đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "đời trước Long vương này đã tạo nghiệp gì mà lại mang thân rồng với cây Y la mọc trên đầu... như thế?", Phật nói: "nghiệp mà Long vương đã tạo đời trước, tự chịu quả báo không ai thay thế được, như bài kệ:

*"Dù trải qua trăm kiếp,*
*Nghiệp đã tạo không mất,*
*Khi nhân duyên hội họp,*
*Tự thọ lấy quả báo".*

Các thầy lắng nghe: Quá khứ Hiền kiếp, lúc con người thọ hai vạn tuổi có Phật Ca-diếp-ba ra đời đầy đủ mười hiệu, trụ trong vườn Thi lộc, chỗ Tiên nhơn đọa xứ thuộc thành Bà-la-nê-tư. Lúc đó Long vương ở trong giáo pháp của vị Phật ấy xuất gia, thông suốt ba tạng, tu thiền định ở nơi yên tĩnh dưới cây Y la. Khi đang kinh hành, lá cấy Y la rơi xuống trúng vào trán, tuy đau nhưng vị này vẫn chịu đựng; sau đó vì quá chú tâm nên mệt mỏi, lại bị lá cây y la rơi xuống trúng vào trán rất đau, vị này liền nổi giận dùng hai tay xé lá cây Y la ném xuống đất và nói: "Phật Ca-diếp-ba ở trên vật vô tình, thấy có lỗi gì mà chế học xứ làm cho ta phải chịu khổ này". Do sân giận nên hủy báng giới, do

hủy báng giới nên sau khi qua đời bị đọa vào loài rồng chịu quả báo như thế. Này các Bí-sô, Bí-sô thông suốt ba tạng thuở xưa chính là Long vương ngày nay. Này các Bí-sô, hễ tạo nghiệp thuần đen thì cảm quả báo dị thục thuần đen; tạo nghiệp thuần trắng thì cảm quả báo dị thục thuần trắng; tạo nghiệp xen tạp thì được quả báo xen tạp, các thầy nên bỏ nghiệp thuần đen và nghiệp xen tạp, phải siêng tu tập nghiệp trắng".

Lúc đó Na-thích-đà đến đảnh lễ Phật rồi ngồi một bên bạch Phật: "Thế tôn, điều con hứa trước đây nay đã làm xong, cúi xin Thế tôn cho con xuất gia trong thiện pháp luật của Như lai", Phật nói: "thiện lai Bí-sô, hãy xuất gia tu phạm hạnh", Phật vừa nói xong, râu tóc của Na- thích-đà tự rụng, ca sa hiện trên thân trở thành Bí-sô, giống như người đã được xuất gia bảy ngày, oai nghi nghiêm túc giống như Bí-sô trăm tuổi hạ. Phật nói kệ:

*"Thế tôn gọi "Thiện lai",*
*Tóc rụng, đủ y bát,*
*Các căn đều tịch tĩnh,*
*Thành tựu theo ý niệm".*

Các Bí-sô thấy Na-thích-đà xuất gia rồi, những vị đồng phạm hạnh không biết nên gọi tên như thế nào, bạch Phật, Phật nói: "Bí-sô này mang họ Ca-đa-diễn-na, nên dùng họ này gọi thành tên". Lúc đó Phật bảo Ca-đa-diễn-na: "thế gian có hai chỗ y cứ là Hữu kiến và Vô kiến (chấp có và chấp

không), do phiền não buộc ràng nên sanh cố chấp vào hai kiến này, phiền não không trừ thì ông lòng ngã mạn, cùng với khổ có Sanh, theo khổ nên có Diệt. Này Ca-đa-diễn-na, do không còn nghi hoặc nên trí huệ tự phát sanh, chánh kiến hiện tiền như tri kiến Phật, vì sao, vì với chánh trí thấy được pháp Sanh ở thế gian nên không còn chấp không; với chánh trí thấy rõ pháp Diệt ở thế gian nên không còn chấp có. Này Ca-đa-diễn-na, đối với cái thấy hai bên (có và không) không nên chấp trước, Như lai thường nương theo lý trung đạo mà thuyết pháp. Đó là:

1. Hễ cái này có thì cái kia sanh nên Vô minh duyên Hành, Hành duyên Thức, thức duyên Danh sắc, Danh sắc duyên Lục xứ, Lục xứ duyên Xúc, Xúc duyên Thọ, Thọ duyên Ái, Ái duyên Thủ, Thủ duyên Hữu, Hữu duyên Sanh, Sanh duyên Lão tử, ưu bi khổ não.

2. Hễ cái này diệt thì cái kia diệt nên Vô minh diệt thì Hành diệt, Hành diệt thì Thức diệt, Thức diệt thì Danh sắc diệt, Danh sắc diệt thì Lục xứ diệt, Lục xứ diệt thì Xúc diệt, Xúc diệt thì Thọ diệt, Thọ diệt thì Ái diệt, Ái diệt thì Thủ diệt, Thủ diệt thì Hữu diệt, Hữu diệt thỉ Sanh diệt, Sanh diệt thì Lão tử, ưu bi khổ não đều diệt.

Ca-đa-diễn-na vừa nghe xong liền ngay nơi chỗ ngồi quán thấy năm đường luân hồi sanh tử hữu vi là khổ không, vô thường, vô ngã, tâm ý khai ngộ,

đoạn trừ các phiền não, chứng A-la-hán, ba minh, sáu thông, đủ tám giải thoát, được như thật tri: sanh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, việc nên làm đã làm xong, không còn thọ thân sau. Tâm không chướng ngại như tay nắm hư không, như dao cắt mùi thơm, yêu ghét không khởi, xem vàng và đất như nhau không khác, tất cả danh lợi đều xả bỏ, Thích Phạm chư thiên thảy đều cung kính. Do Phật đặt tên là Ca- đa-diễn-na nên từ đó về sau tôn giả được gọi là Đại Ca-đa-diễn-na.

Lúc đó ở nước Ôn thệ ni, dân chúng mắc bịnh dịch chết rất nhiều, xe tang nối nhau, thây chết đầy đồng nên vua và dân đều buồn khổ. Quần thần tâu vua nên tu phước nghiệp; có người tâu nên cúng dường Sa môn, Bà-la-môn; có người tâu nên làm chú thuật trị bịnh dịch. Vua nghe xong những lời luận bàn này rồi liền làm đủ việc cầu thỉnh trừ tai, muốn cho bá tánh được an ổn và bảo người giữa cửa thành: " nếu các khanh thấy có Sa môn, Bà-la-môn nào đến thành này mà có thể trừ được bịnh dịch thì báo ngay cho ta biết". Lúc đó Phật cũng nghe biết dân chúng nước ấy gặp bịnh dịch chết nhiều vô số nên muốn cứu hộ. Thường pháp của chư Phật là khởi tâm đại từ bi cứu giúp chúng sanh, trụ trong chánh quán, không nói hai lời, dựa trên định huệ hiển phát ba minh, thành tựu ba học, điều phục hoàn toàn ba nghiệp, vượt qua bốn Bộc lưu, an trụ nơi bốn Thần túc, thường tu bốn nhiếp hạnh,

xả trừ năm triền cái, đầy đủ năm chi, năm lực, viên mãn sáu độ, bố thí khắp tất cả bằng bảy Thánh tài, nở hoa bảy giác ngộ, chỉ bày tám chi Thánh đạo, xa lìa tám nạn, đoạn dứt hẳn chín kết, phương tiện thiện xảo tùy ý nhập Cửu định, đủ mười Lực, danh vang khắp mười phương, tự tại vô úy, hàng phục ma oán, cất tiếng sấm lớn, rống lên tiếng rống của sư tử, ngày đêm ba thời thường dùng Phật nhãn quán sát chúng sanh: trí huệ tùy chuyển của ai tăng, của ai giảm; ai gặp khổ nạn, ai bức bách, ai bị bức bách; ai xuống nẻo ác, ai lên đường lành, ai một bề thú hướng, ai còn mang gánh nặng. Nên dùng phương tiện gì để cứu độ chúng sanh ra khỏi đường ác, vào cõi trời người và được giải thoát; người chưa tu thiện căn khiến tu tập thiện căn, người đã tu thiện căn chưa thành thục khiến cho được thành thục, đã thành thục rồi khiến được giải thoát hướng tới Niết-bàn. Như bài kệ:

*Cho dù hải triều lớn,*
*Cũng có khi trễ hạn,*
*Đối với người đáng độ,*
*Phật liền độ, không bỏ.*
*Như mẹ có con một,*
*Luôn giữ gìn mạng nó.*
*Đối với người đáng độ,*
*Phật thương hơn cả mẹ.*
*Đối với các hữu tình,*
*Phật từ bi thương tưởng,*

*Nghĩ cứu họ thoát khổ,*
*Như bò mẹ theo con.*

Lúc đó Phật khởi niệm: "ai có thể điều phục vua Mãnh quang cùng cung phi thể nữ và dân chúng nước Ôn thệ ni", liền quán biết Đại Ca-đa-diễn-na có thể điều phục được họ nên bảo Đại Ca-đa-diễn-na: "thầy nên quán vua Mãnh quang… và khiến cho họ được an lạc", tôn giả vâng lời Phật dạy. Sáng hôm sau tôn giả đắp y mang bát vào thành khất thực, sau khi thọ thực xong cùng năm trăm Bí-sô đi đến nước ôn thệ ni, trên đường đi ngang qua nước Kiến noa cúc xã. Trong thành này có một Bà-la-môn là bạn cũ của tôn giả, ông ta có một người con gái dung nghi đoan chánh với mái tóc sáng mượt không ai sánh bằng, nên có tên là Diệu phát. Một nhạc công từ phương Nam đến thấy cô có mái tóc tuyệt đẹp nên đến yêu cầu Bà-la-môn bán tóc của cô con gái với giá ngàn tiền vàng, Bà-la-môn nói: "pháp của Bà-la-môn là không được bán tóc, vì sao ông lại nói lời phi pháp này?", người kia nghe rồi im lặng bỏ đi. Thời gian sau người cha qua đời, người mẹ nghe tin tôn giả Ca-đa-diễn- na cùng năm trăm Bí-sô ghé lại trong thành này, ở cách đây không xa liền ngồi chống cằm suy tư. Diệu phát thấy mẹ suy tư liền hỏi rõ nguyên do, người mẹ nói: "tôn giả Đại Ca-đa-diễn-na vốn là bạn cũ của cha con, nay đã đến đây nhưng cha con đã qua đời, nhà ta lại nghèo không thể lo liệu một

bữa ăn thịnh soạn cúng dường nên mẹ lo buồn", Diệu phát nói: "nếu vậy hãy bán tóc của con cho người nhạc công với giá ngàn vàng để lo việc cùng dường. Thời gian sau tóc con sẽ mọc ra lại, mẹ chớ lo buồn", người mẹ nghe rồi biết con có tín tâm liền mang tóc đến nói với nhạc công: "trước đây nhân giả hỏi mua tóc của con gái tôi với giá ngàn vàng, nay mang tới đây xin ông trả theo giá trước", nhạc công nói: "lúc đó tôi cần có tóc này nhưng nay thì không cần nữa, nếu bà đã cắt mang đến thì tôi trả cho nửa giá", người mẹ bằng lòng bán với nửa giá, đưa tóc rồi nhận tiền mang về. Sau đó bà đi đến chỗ tôn giả Đại Ca-đa-diễn-na đảnh lễ rồi bạch rằng: "Thánh giả đi đường có an ổn không, chồng con lúc sanh tiền là bạn của Thánh giả, xin thỉnh Thánh giả trưa mai đến nhà con thọ thực", tôn giả nói: "chúng tôi rất đông người làm sao bà dâng cúng cho đủ?", hỏi có bao nhiêu vị, đáp là năm trăm, bà nói được, tôn giả im lặng nhận lời. Bà mẹ biết tôn giả đã nhận lời, đảnh lễ rồi trở về lo liệu đủ các món ăn ngon cúng dường, sáng hôm sau trải tòa ngồi và để nước sạch xong, bà đến bạch thời đáo (đã đến giờ thọ thực). Tôn giả đắp y mang bát cùng năm trăm Bí-sô đến nhà bà và ngồi vào chỗ ngồi, bà tự tay dâng cúng các món ăn ngon, đợi đại chúng thọ thực xong, bà lấy chiếc ghế nhỏ ngồi trước tôn giả muốn nghe thuyết pháp. Tôn giả thuyết pháp xong rồi hỏi: "Diệu phát con bà đang

ở đâu?", đáp: "vì dung nghi không tề chỉnh nên không dám đến", bậc A-la-hán nếu không quán sát thì không thể biết được, tôn giả liền nhiếp niệm quán biết tâm Diệu phát thuần thiện nên nói với bà mẹ: "con gái bà có tâm thiện, hãy gọi đến đây". Diệu phát ra khỏi phòng đến chỗ tôn giả đảnh lễ rồi ngồi một bên, bà mẹ bạch: "đây là Diệu phát, tuy biết mạo phạm nhưng xin thỉnh tôn giả cho làm con gái", lại nói: "đã hệ thuộc nhau, nay có việc nhân duyên xin thỉnh hỏi tôn giả: đứa con gái nên gả cho nhà nào?", tôn giả nói: "tôi là người xuất gia không nên đem việc thế tục ra hỏi, nhưng cô gái này sẽ được vật trang sức và chuỗi anh lạc trong ngoài số lượng đều bằng năm trăm tiền vàng, lại được phong ấp bằng năm tụ lạc", bà mẹ nói: "là con của nhà nghèo, ai lại ban cho thắng sự như vậy", tôn giả nói: "bà chớ nói lời này, cô gái này có phước đức do tâm ân trọng cúng dường thắng phước điền nên đáng được hưởng quả báo thù thắng này, xin chớ lo buồn", bà mẹ im lặng. Sau khi thuyết diệu pháp khiến cho hai mẹ con được lợi hỉ, tôn giả đứng dậy từ giã, tiếp tục lên đường đến nước Ôn thệ ni, khi cúng tăng vừa vào thành thì phân nửa tai họa đã có đều dứt trừ. Người giữ cửa đến tâu vua: "đại vương biết không, có năm trăm người với dung nghi thù đặc, vừa vào trong thành thì phân nửa tai họa đã có đều dứt trừ", vua nói: "đây là việc tốt, ta nên đích thân cúng dường", các

Bà-la-môn đến tâu vua: "chúng tôi cực khổ ngày đêm làm việc trừ tai chướng, nhờ oai lực của chúng tôi nên phân nửa tai chướng được tiêu trừ, không bao lâu nữa sẽ trừ hết, không phải do ai khác, sao nay lại nói là do các Sa môn kia", vua bảo đại thần: "ta nghe người giữ cửa thành nói có năm trăm người với dung nghi thù đắc, vừa mới vào thành thì phân nữa tai họa đã có đều dứt trừ. Ta không biết do công sức của ai, vậy các khanh hãy đưa các Bí-sô và Bà-la-môn đến trong chuồng voi, ở chỗ không sạch dâng bánh gạo thô có tẩm nước dấm cho họ ăn, đợi họ ăn xong rồi hỏi: các vị hôm nay thọ thức ăn của vua cúng dường như thế nào?". Đại thần làm theo lời vua dặn bảo, đợi họ ăn xong liền hỏi các Bà-la-môn trước, Bà- la-môn tức giận cao giọng nói lớn rằng: "cúng dường như vậy là phi pháp, vua đem bánh gạo thô có tẩm nước dấm cúng dường thì làm sao có phước", kế hỏi các Bí-sô, Bí-sô đáp: "thức ăn mà thí chủ cúng, người thọ nên ăn để nuôi thân trọn ngày đêm". Đại thần đem việc trên tâu lại vua, vua nghe rồi nói: "hôm nay ở nơi sạch trong chuồng voi, dâng cúng các món ăn ngon rồi hỏi như trước", đại thần làm theo lời vua dặn bảo, đợi họ ăn xong liền hỏi các Bà-la-môn trước, Bà-la-môn nói: "vua dòng Sát-đế-lỵ quán đảnh cúng dường thức ăn ngon như thế được phước vô lượng", đại thần nói: "nhà bếp của vương cung làm việc không chuẩn mực, hôm nay họ may mắn

không bị chê trách", Bà-la-môn im lặng; kế hỏi các Bí-sô, Bí-sô cũng đáp như trước. Đại thần đem việc trên tâu lại vua, vua nghe rồi lại bảo đem thức ăn thô dở và thức ăn ngon cho họ ăn trong chồng ngựa, như trong chuồng voi rồi hỏi như trên, họ cũng đáp giống như trên. Vua nghe rồi suy nghĩ: "chúng Bí-sô mới là ruộng phước, không phải là Bà-la-môn", nghĩ rồi sanh tín tâm đến chỗ tôn giả Đại Ca-đa-diễn-na, đảnh lễ rồi ngồi một bên, tôn giả vì nói diệu pháp khiến được lợi hỉ rồi im lặng, vua đứng dậy đảnh lễ rồi bạch: "xin thỉnh tôn giả cùng các Thánh chúng ngày mai đến trong vương cung thọ thực", tôn giả im lặng nhận lời, vua từ giả trở về cung. Ngay trong đêm ấy, vua cho lo liệu đầy đủ các món ăn ngon, sáng hôm sau trải tòa ngồi để nước sạch rồi sai sứ đến bạch thời đáo, tôn giả đắp y mang bát cùng các Bí-sô đến trong cung ngồi vào chỗ ngồi. Lúc đó, vua ra lịnh cho nhạc công trỗi nhạc, các vũ công ca múa; tôn giả cùng chúng tăng ngồi nghiêm trang thu nhiếp các căn, vua hỏi tôn giả: "tôn giả nghe nhạc và nhìn thấy ca múa như thế nào?", tôn giả nói: "đại vương, người có nghe thấy mới biết hay dỡ", vua nói: "các căn đóng kín có thể cho là không biết, nhưng tâm theo ngoại cảnh sao nói là không thấy nghe?", tôn giả muốn dùng phương tiện khiến cho vua hiểu rõ việc này nên hỏi vua: "hiện nay có người nào sắp bị xử tội chết hay không?", vua hỏi để làm gì, đáp: "vua có

thể để một bát đựng đầy dầu vào trong tay họ rồi sai người cầm dao đi sau, tuy làm cho họ kinh sợ nhưng không nên làm tổn hại, kế bảo họ đi một vòng ở trước chỗ các kỹ nữ tấu nhạc và nói với họ rằng: nếu để cho một giọt dầu văng ra đất thì sẽ bị chặt đầu. Khi họ đi xong một vòng, vua hỏi họ có thấy kỹ nữ đẹp và có nghe tấu nhạc hay không. Vua nghe họ nói rồi sẽ tin lời tôi nói là thật". Vua liền cho làm theo lời tôn giả nói, khi được hỏi người cầm bát dầu đáp: "ai có thấy nghe mới biết hay dỡ", vua nói: "ngươi có mắt tai vì sao nói là không nghe thấy?", người ấy đáp: "đại vương, nếu tôi làm văng ra một giọt dầu thì người cầm dao theo sau sẽ chặt đầu tôi. Tôi vừa sợ bát dầu nghiêng đổ, vừa sợ bị đầu rơi nên nhất tâm cầm bát dầu cẩn trọng từng bước chân đi, rảnh đâu mà nhìn nghe để biết kỹ nữ có đẹp và âm nhạc có hay hay không", vua nghe rồi im lặng. Tôn giả nói: "đại vương, người này chỉ vì sanh mạng của một đời này, sợ bị khổ lớn mà còn cẩn trọng như vậy không dám buông lung để hộ tự thân; huống chi Bí-sô chúng tôi đã từ bỏ việc xem nghe ca múa âm nhạc. Biết đây chính là nhân sanh ra thống khổ, lẽ nào chúng tôi lại muốn thấy nghe nữa", vua nghe rồi càng thêm kính phục tôn giả. Lúc đó Thái tử và các thể nữ, nội cung cùng dân chúng đều tùy hỉ dâng các món ăn thượng diệu đến cúng dường các Bí-sô. Đợi chúng tăng thọ thực xong, vua ngồi trên ghế thấp ở trước tôn giả

hỏi: "có nơi nào dâng cúng thức ăn thượng diệu cho năm trăm Thánh chúng như tôi hay không?", tôn giả nói: "vua là quốc chủ cai trị trăm thành, mọi việc đều theo ý vua, dùng thức ăn thượng diệu dâng cúng năm trăm vị Tăng chưa phải là hiếm có. Trước khi tôi đến đây, ở trong tụ lạc kia, có một cô gái nhà nghèo đã tự cắt tóc mình đem bán được năm trăm tiền vàng để thiết thực cúng dường cho chúng tôi, tâm thành như vậy mới là hiếm có", vua nghe rồi suy nghĩ: "tóc của cô gái ấy trị giá năm trăm tiền vàng, các thể nữ trong cung khó thể so được, ta nên tìm kiếm xem là người nào rồi sẽ hỏi cưới, tôn giả là bậc cao đức ta không nên hỏi", nghĩ rồi liền bảo sứ giả: "ngươi hãy đến những nơi tôn giả đã đi đến, tìm kiếm xem cô gái cắt tóc bán được năm trăm tiền vàng để thiết thực cúng dường cho tôn giả Đại Ca-đa-diễn-na ở đâu, đó là người ta muốn gặp". Sứ giả biết tâm ý của vua liền đi dò hỏi, cuối cùng cũng tìm được nhà của Bà-la-môn, bà mẹ bước ra hỏi: "sứ giả đến đây có việc gì?", đáp: "tôi muốn tính việc hôn nhân cho Diệu phát, con gái bà", bà mẹ hỏi với ai, đáp: "để sung vào ngôi hoàng hậu cho vua Mãnh quang", bà mẹ nói: "rất tốt nhưng sính lễ không ít: đồ trang sức và chuỗi anh lạc trong ngoài đều phải đủ số năm trăm, lại được phong ấp bằng năm trăm tụ lạc thì tôi mới gả con gái", sứ giả nghe rồi liền trở về tâu lại vua, vua nghe rồi nói: "họ đòi sính lễ bao nhiêu thảy đều

cung cấp đủ", sứ giả tuân theo lịnh vua đưa sính lễ đến nhà cô gái, chọn ngày tốt với nghi lễ đầy đủ, quân lính trước sau trang nghiêm với cờ trống rước cô dâu về. Ngay trong ngày cô dâu vào thành Ôn-thệ-ni, tất cả tai dịch đều tiêu trừ, đất nước bình yên, nhân dân an lạc; nhờ điềm lành này nên mọi người gọi Diệu Phát là phu nhân An lạc.

-oOo-

# CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA TẠP SỰ

## QUYỂN 22

***Nhiếp tụng nội dung:***

*Trên lầu, gặp Tăng trưởng,*
*Dâm nữ, đêm xem sao,*
*Do làm tiếng ngựa hí,*
*Thương nhân, ôm xương khô.*

Trong thành Ôn thệ ni, nơi vua Mãnh quang cai trị, có một trưởng giả cưới vợ chưa bao lâu liền để vợ ở nhà, sang xứ khác kinh doanh mua bán. Người chồng đi rồi, người vợ ở nhà tự do ăn mặc, do tâm dục hừng thạnh nên hằng ngày lên lầu nhìn ngắm nam tử. Một hôm người nữ này nhìn thấy vua Mãnh quang cỡi voi lớn đi ngang, khởi dục tâm nên ném vòng hoa xuống rơi trúng trên vai của vua. Vua nhìn lên thấy người nữ này dung mạo tuyệt trần, biết nàng ta có ý dục liền nói: "nếu nàng có ý yêu vì sao không xuống đây", đáp: "thiếp là phụ nữ không được vô cớ ra ngoài, nếu vua nghĩ đến thì thật hân hạnh cho thiếp", vua bị mê hoặc nên xuống voi đi vào nhà cùng người nữ trên lầu hoan

lạc, kết quả nàng ta có thai. Người nữ trí huệ biết được năm điều: một là biết người nam có tâm dục hay không, hai là biết thời tiết, ba là biết thời gian thọ thai và là thai của ai, bốn và năm là biết thai nhi là nam hay nữ. Lúc đó người nữ này tâu vua: "đại vương biết không, thiếp đã có thai", vua trao cho nàng chiếc vòng anh lạc quý rồi nói: "nếu nàng sanh con gái thì tùy tình thọ dụng, nếu là sanh trai thì gởi chiếc vòng này đến cho ta", nói rồi vua từ giã. Thời gian sau bầu thai lộ rõ ra, lúc đó người chồng cũ lại đưa thư về báo: "nàng hãy sống an vui, không bao lâu nữa ta sẽ trở về", người nữ này đọc thư xong rất lo âu liền sai người đưa tin báo cho vua biết, vua cũng đưa tin nói rằng: "nàng chớ lo lắng, ta có cách làm cho chồng nàng không trở về", vua lại đưa tin bảo người chồng rằng: "ta đang cần vật như vậy, khanh hãy đến xứ xa ấy tìm cho được rồi mang về đây", người chồng tuân lịnh vua lặn lội đến xứ xa tìm kiếm nên phải mất nhiều năm. Người vợ kia ở nhà đủ ngày tháng sanh ra một bé trai, dung mạo đoan nghiêm hiếm có trong đời; trời sắp sáng, nàng mớm mật ngon vào đầy miệng của đứa bé rồi đặt nó vào trong chiếc rương có lót lụa mềm, dùng tấm nỉ trắng đắp lên mình nó, bên trên để chiếc vòng anh lạc của vua ban rồi đóng rương lại, cột lại bằng dây đỏ rồi bảo tỳ nữ mang chiếc rương này đến trước cửa cung vua, lau sạch một hộp đàn hương để cây đèn đốt sáng rồi đứng một

bên, chờ khi có người nào đi đến mới trở về. Người nữ tỳ vâng làm theo lời chủ dặn, lúc đó có bầy bò đi trên đường, khi đến chỗ chiếc rương thì vây quanh không đi nữa. Vua Mãnh quang cùng phu nhân An lạc đứng trên lầu cao thấy bầy bò đứng vây quanh không đi, ngạc nhiên sai người ra xem thử, người hầu ra xem rồi trở vào tâu lại, vua liền bảo mang chiếc rương vào cho vua xem, phu nhân tâu vua: "xin vua ban cho thiếp vật trong rương", vua nói tùy ý. Người hầu mang rương vào, khi mở rương ra thấy chiếc vòng anh lạc và đứa bé; vua nhìn chiếc vòng anh lạc biết đứa bé này là con của mình liền trao đứa bé cho phu nhân nói rằng: "đấy là con của nàng". Phu nhân nhận lấy rồi chú nguyện cho đứa bé được trường thọ và hỏi vua nên đặt tên cho đứa bé là gì, vua nói: "đứa bé có phúc được bầy bò hộ vệ nên đặt tên là Ngưu hộ, lại do phu nhân An lạc đích thân nuôi dưỡng nên đổi hiệu mẹ là Ngưu hộ mẫu".

Lúc đó ở phương Bắc tại nước Đắc xoa thi ca có vua Viên thắng trị nước được phồn vinh, dân chúng được an cư lạc nghiệp…, trong các vườn cây thường có hoa trái, mưa gió thuận hòa nên khất thực dễ được. Một hôm, vua cùng các quan ở trên lầu cao yến ẩm vui vẻ, vua hỏi: "có nước nào phồn thịnh như nước của ta không?", đại thần tâu: "có nước Ôn thệ ni, vua hiệu là Mãnh quang trị nước cũng được phồn vinh không khác nước ta, hiện có

các thương nhân của nước đó đến nước ta mua bán", vua liền cho gọi các thương nhân đó đến hỏi. Khi biết được nước kia cũng phồn thịnh như nước mình, vua sanh tâm đố kị liền ra lịnh tập họp bốn binh để sang chinh phạt nước đó, đến nơi vua ra lịnh chém giết vô độ, phi lý tàn hại khiến bá tánh điêu linh. Vua Mãnh quang đem binh ra chống cự nhưng không địch nổi, quân binh tan rã, vua đơn thân độc mã bỏ chạy. Khi chạy đến bên ngoài đồng hoang, vua gặp một nông phu tên là Tăng trưởng đang tự cày ruộng. Vua thấy dung mạo khác với người thường nên hỏi: "ông là người dõng mãnh, có nghe biết việc vua Viên thắng cùng vua Mãnh quang đánh nhau và vua Mãnh quang đại bại hay không?", đáp: "tôi có nghe nhưng không biết rõ thật hư", vua nói: "việc đó là thật", nông phu này không biết người này là vua Mãnh quang nên nói: "vua kia là khách, vua Mãnh quang ở trong nước mình bị vua kia đến xâm lấn phải bỏ chạy, vậy thì mưu thần tướng mạnh dùng vào việc gì. Nếu trước đó vua dùng tôi làm người phò tá thì tôi đã dùng dây cột cổ vua Viên thắng lôi vào trong thành rồi". Nói chuyện chưa xong thì người vợ đưa thức ăn đến, vật đựng được kết bằng lá, người chồng rửa tay muốn ăn, nhìn sang vua thấy bộ dạng có vẻ đói nên nói: "tôi là kẻ nghèo hèn, chỉ có thức ăn thô dỡ này, nếu không chê thì hãy cùng ăn", vua suy nghĩ: "nếu ta không ăn thì sẽ chết đói", nghĩ rồi liền

xuống ngựa lấy vật lót ngồi, rửa tay rồi cùng ngồi ăn. Lúc đó người vợ rót rượu trong chén mẻ cho uống, vua suy nghĩ: "tuy biết chén mẻ nhưng ta sẽ chỗ không bị mẻ", vua vốn có trí sách lược biết tùy thời ứng xử nên nghĩ lại: "nếu ta uống chỗ không bị mẻ thì người kia sẽ cho là ta khinh khi họ, ta nên uống chỗ bị mẻ để họ có cảm tình sâu đậm với ta". Lúc đó nông phu uống ngay chỗ bị mẻ để tránh độc rồi rót rượu vào chén đưa cho vua, vua nhận lấy rồi uống ngay chỗ bị mẻ, nông phu thấy rồi liền suy nghĩ: "người này là bậc trượng phu, ý không phân biệt mới cùng uống chung chén rượu với ta ở chỗ bị mẻ, ta nên kính trọng và kết giao hảo", nghĩ rồi liền nói với vợ: "bậc đại trượng phu này là người bạn thân thiện đắc ý của ta, nàng hãy đưa vị này về nhà mình, đưa dầu thoa thân và nước nóng để tắm rồi dọn thức ăn cho ăn; cũng lo cỏ nước đầy đủ cho con ngựa", người vợ làm y theo lời người chồng dặn cung cấp cho vua đầy đủ.

Lúc đó có một nước nhỏ tên là Kiệt sa lén đến cướp phá, lấy cá của dân ở trong nước của vua Viên thắng, đại thần đưa tin tâu rõ mọi việc để vua khéo xử trí, cuối thư có viết kệ:

*Vua đang ở nước khác,*
*Khổ nhọc chinh phục người,*
*Ngay tại đất nước mình,*
*Cũng phải cần bảo vệ.*

Vua Viên thắng đọc thư xong suy nghĩ: "nếu ta

dẫn binh trở về, mọi người sẽ cho là ta bị thua nên trở về, vậy ta nên kết giao hảo với vua nước này rồi hãy rút binh trở về", nghĩ rồi liền đưa tin đến nói với vua Mãnh quang: "việc đã qua không nên nhắc lại, vua hãy tạm ra ngoài cùng tôi gặp mặt, việc thắng bại không luận tới nữa, từ nay hai nước kết giao hảo, không chống đối nhau, đồng hòa bình như xưa, tôi sẽ rút binh trở về nước mình". Các đại thần xem thư xong cùng luận bàn: "nếu chúng ta nói là không có vua thì vua kia tất sẽ khinh thường, chúng ta hãy phương tiện ứng phó", bàn xong liền đưa tin nói rằng: "đại vương, tôi xem thư xong tuy biết sự việc thật như vậy nhưng vẫn còn do dự, nếu hai bên gặp mặt nhau ắt có hồ nghi nên không thể cùng tiếp kiến. Tôi cho con ruột của tôi là Thái tử Ngưu hộ ra gặp đại vương, nếu vua hoan hỉ thì tùy ý đi hay ở lại", Ngưu hộ liền ra thành gặp vua Viên thắng kết giao hảo, hai bên hoan hỉ, vua Viên thắng rút binh trở về nước. Lúc đó quần thần nói với nhau: "việc oán địch nay như mưa đã tạnh, chúng ta hãy mau tìm kiếm quốc vương", nói rồi liền cho sứ giả đi khắp bốn phương tìm kiếm vua Mãnh quang. Lúc đó vua Mãnh quang nghe tin vua Viên thắng đã rút binh về nước liền nói với nông phu: "nay tôi đã hết sợ, xin từ giã trở về, nếu bạn có vào thành thì hãy ghé đến nhà tôi", nông phu nói: "bậc đại trương phu tên gì, nhà ở đâu tôi còn chưa biết thì làm sao hỏi thăm để đến nhà?", vua nói: "trong

thành ai lại không biết nhà tôi, khi bạn vào thành cứ hỏi nhà người có nhiều ngựa ở đâu, thì sẽ có người dẫn tới", nói xong vua lên ngựa trở về. Khi đến cửa thành, vua bảo người giữ cửa thành rằng: "các ngươi nên biết, nếu có người nào hỏi thăm nhà người có nhiều ngựa ở đâu thì hãy dẫn đến gặp ta", nói rồi vua trở vào cung. Thời gian sau, nước Ôn thệ ni có lễ hội lớn nên dân chúng gần xa đều tụ tập về thành, vợ nông phu nói với chồng: "hôm nay trong thành có lễ hội lớn, chúng ta đến dự hội, nhân dịp đó hỏi thăm nhà của người có nhiều ngựa", nông phu nói: "lời của những kẻ hào sĩ lẽ nào lại thật, có thể gặp được họ trong ba trường hợp: một là bị người khác đánh phá, hai là bị người khác khinh khi, ba là bậc quốc chủ tan nhà mất nước. Ngoài ba trường hợp này ra không làm sao gặp được họ", người vợ nói: "tuy biết khó gặp nhưng vẫn nên hỏi thử", nói rồi hai vợ chồng cùng vào thành và hỏi thử người giữ cửa thành nhà của người có nhiều ngựa ở đâu, người giữ cửa thành theo như lời vua đã dặn liền dẫn hai người đến chỗ vua. Vua từ xa trông thấy vừa kinh ngạc vừa vui mừng chào hỏi thiện lai, lúc đó nông phu Tăng trưởng thấy vua ngồi trên tòa sư tử với các quan vây quanh, vì chưa nhận biết vua nên trong lòng thầm nghĩ không biết phạm tội gì mà bị bắt đến đây. Vua biết họ nghi sợ, muốn làm cho họ nhớ lại nên bước xuống tòa, giở thiên quan xuống để lộ cái

trán rộng ra. Tăng trưởng vừa thấy liền nhớ biết vua chính là người đã gặp trước kia, hai vợ chồng vội quỳ xuống trước vua, vua với nghi thức long trọng đưa họ vào trong hậu cung tắm rửa bằng nước thơm và cho mặc y phục đẹp, ở trong nhà khách thọ trăm món thức ăn thượng diệu và cho họ nghỉ ngơi trong cung, trên giường nệm với màn trướng thơm ngát. Vua bảo hậu cung: "đây là cha mẹ ta, thức ăn y phục, đồ nằm và người hầu, nếu họ cần gì đều phải cung cấp đầy đủ", thấy vua kính trọng họ nên từ vương tử, đại thần cho đến thứ dân cũng đều kính trong họ. Tăng trưởng thấy mình được kính trọng như vậy cũng cảm thấy ngượng ngùng nên sau bảy ngày đến gặp vua xin từ giã, vua nói: "khanh hãy ở lại cùng ta trị nước", đáp: "tôi là nông phu làm sao biết được việc nước", vua nói: "chẳng phải trước kia khanh có nói rằng nếu được vua trọng dụng thì sẽ dùng dây trói cổ vua Viên thắng lôi vào trong thành hay sao. Sao bây giờ lại nói là không biết được việc nước, hãy tạm ở lại chớ nghĩ đến việc trở về nhà", Tăng trưởng im lặng. Sau đó vua cố lập chức đại tướng và phong làm tễ phụ nhưng cung cấp thức ăn còn sơ sài, thời gian sau hỏi thăm sống có tốt không, đáp: "ăn sáng chưa no làm sao sống tốt được", vua nghe rồi liền bảo đại thần cung cấp đầy đủ cho Tăng trưởng về thức ăn áo mặc, do đây được có tên là Tăng dưỡng. Thời gian sau, vua lại hỏi thăm có

sống tốt không, đáp: "tuy ăn mặc đầy đủ nhưng bị các quan đại thần khinh khi làm sao sống tốt được", vua nói: "khi nào các quan đang bàn luận, khanh hãy đến trong đó thì họ sẽ không dám coi thường", đáp: "tôi là nông phu làm sao dám đến chỗ các bậc quyền quý trong triều đang bàn luận", vua nói: "khanh cứ đến dự, ta sẽ làm cho họ quý trọng khanh", sau đó khi triều đình hội họp, vua muốn các đại thần quý trọng Tăng dưỡng nên phương tiện hỏi: "hiện nay trong nước có các việc bất an như vậy, các khanh làm thế nào để chấm dứt?", khi các quan lần lượt trình bày ý kiến của mình, vua đều nói không được nhưng khi hỏi ý kiến của Tăng dưỡng, nghe Tăng dưỡng trình bài vua liền chấp nhận cho là đúng lý; các quan thấy việc này rồi đều suy nghĩ: "lời Tăng dưỡng nói vua đều tin dùng, vậy không nên coi thường người này". Thời gian sau, vua lại hỏi thăm sống có tốt không, đáp: "chỗ ở chưa rộng làm sao sống tốt được", vua liền bảo đại thần cung cấp nhà rộng cho Tăng dưỡng, đáp: "có đại thần _____ vừa qua đời, thê thiếp hiện còn đang ở trong nhà", vua nói: "hãy ban nhà này cùng thê thiếp và các tài vật cho Tăng dưỡng". Thời gian sau, vua lại hỏi tham sống có tốt không, đáp: "những người trong nhà cho tôi là nông phu nên đều khinh mạn", vua nói: "nếu như vậy khi khanh đang tắm, ta sai sứ đến gọi, khanh nói là đợi ta tắm xong sẽ đến gặp vua", đáp: "làm sao tôi dám

trái lại lịnh của đại vương", vua nói: "việc này do ta sắp đặt, khanh không có lỗi; lại nữa, khi khanh đang ăn, ta sai sứ đến gọi, khanh nói là đợi ta ăn xong sẽ đến gặp vua; hoặc là ta sẽ đến nhà cùng ăn chung mâm với khanh", đáp: "tôi làm sao dám ăn chung với đại vương", vua nói: "ta cho phép, khanh không có lỗi". Sau đó khi Tăng dưỡng đang tắm, vua sai sứ đến gọi, Tăng dưỡng nói đợi tôi tắm xong sẽ đến, sứ ra về, người trong nhà nghe rồi liền nói với nhau: "chủ nhà này dám trái lịnh vua, ai khinh mạn ắt rước lấy họa; nhưng vốn không phải là người sang trọng, khi được chút thế lực liền sanh cao ngạo. Người trèo cao ắt sẽ té nặng, hôm nay người này chắc sẽ bị vua giết, việc này sẽ thấy ngay thôi". Sau đó khi Tăng dưỡng đang ăn, vua sai sứ đến gọi, Tăng dưỡng nói đợi tôi ăn xong sẽ đến, sứ ra về, vua nghe sứ báo rồi liền cỡi voi đến nhà, Tăng dưỡng mời vua dùng. Người trong nhà thấy vua không nổi giận, cùng chủ nhà nói chuyện bình thường nên ngạc nhiên trương mắt ra nhìn; khi thấy vua rửa tay ngồi vào bàn ăn chung với chủ nhà, người trong nhà đều sợ hãi nói với nhau: "vua cùng ăn chung với người nông phu này, từ nay về sau, chúng ta chớ có khinh thường, nếu không ắt bị tai họa". Thời gian sau, vua lại hỏi thăm sống có tốt không, đáp: "có một đại thần là thân tộc của vua thường khinh mắng tôi, làm sao sống tốt được", vua nói: "nếu ta nói ra thì có trở ngại, khi cần xử

sự, khanh tự biết tiến thối", đáp: "xin vua đừng trách hành động của tôi", vua nói sẽ không trách. Sau đó, khi Tăng dưỡng đang đi trên đường thấy hai đồng tử nghèo, không thân thuộc đang cầm ná và đạn đứng chơi bên đường. Lúc đó có một nô tỳ đội một vò nước đi ngang qua, một đồng tử nói: "tôi sẽ dùng đạn khô bắn lủng vò nước", đồng tử kia nói: "dùng đạn khô bắn lủng thì không có gì là lạ, tôi sẽ dùng đạn ướt bắn lấp lỗ thủng đó mới thật là việc lạ", nói xong một người dùng đạn khô bắn lủng vò nước, một người dùng đạn ướt lấp lại lỗ thủng. Tăng dưỡng thấy rồi liền suy nghĩ: "hai đồng tử này có thể giúp ta hàng phục vị vương thân kia, đồng thời trừ được nỗi oán hận bị khinh mắng", nghĩ rồi liền hỏi hai đồng tử là con nhà ai, đáp: "chúng cháu không thân thích, tự kiếm sống qua ngày", Tăng dưỡng nói: "nếu vậy hãy về sống với ta". Sau khi về sống với Tăng dưỡng, chúng hỏi: "chúng cháu nên làm việc gì?", đáp: "hai cháu chỉ cần tập bắn đạn, sau này khi thấy có ai cạnh tranh với ta thì cháu nên bắn viên đạn bùn, bất tịnh vào miệng người đó là được". Sau đó khi Tăng dưỡng đang cùng vị vương thân kia tranh cãi, đồng tử này từ xa bắn đạn bùn bẩn vào miệng của người ấy, người ấy mửa ra rồi ôm miệng bỏ chạy, từ đó về sau không còn đến khinh mắng nữa. Thời gian sau, vua lại thăm hỏi sống có tốt không, đáp: "nội cung của vua cho tôi là nông phu nên đều khinh

thường", vua nói: "nếu vậy khi ta ở trong cung, khanh ở ngoài cửa hỏi vua đang ở đâu, nếu nói là ở trong cung, khanh nên nói là việc nước ngổn ngang, nếu ở mãi trong hậu cung thì làm sao giải quyết được. Lại nữa khi ta ở trong cung thì khanh lên giường bên cung điện của ta nằm duỗi chân ngủ, ta sẽ ra đỡ chân khanh lên", đáp: "đại vương, chẳng lẽ tôi có hai đầu hay sao mà khiến vua đỡ chân. Vua tôi có sai biệt, cao thấp khác nhau đâu thể làm trái ngược", vua nói: "đó là sự yêu mến của ta, khanh có lỗi gì". Sau đó Tăng dưỡng làm y theo lời vua đã dặn, khi thấy vua đỡ chân của Tăng dưỡng, nội cung đều không nhịn nổi muốn tới làm nhục Tăng dưỡng, vua nói: "các khanh chớ hành động, đây là sự yêu mến của ta, người này có lỗi gì", họ nghe rồi liền nói với nhau: "người này được vua yêu mến, nếu chúng ta còn khinh mạn, vua ắt sẽ trị tội chúng ta", thời gian sau vua hỏi thăm sống có tốt không, đáp là tốt.

Vua Mãnh quang tánh ưa nữ sắc, một hôm cùng các thiếu niên lên lầu cao luận bàn thế sự liền hỏi: "các người có biết ở đô thành nào có gái đẹp không?", một người nói là ở thành Khúc nữ, một người nói là ở thành Xuất xà cái, một người nói: "các thành ở nước khác chưa đáng kể, trong thành này có một dâm nữ tên là Thiện hiền, nhan sắc tuyệt trần hiếm có trong đời như thiên nữ trên cung trời Đế thích, như mặt trăng che hết muôn sao",

vua nghe rồi vui mừng, ý muốn được gặp nên ngay trong đêm ấy cởi bỏ ngự bào, mặc y phục thường dân mang theo năm trăm tiền vàng đến nhà dâm nữ. Thiện hiền thấy vui mừng chào đón rồi bảo nữ tỳ phục vụ cho vị trượng phu này tắm, nữ tỳ tuân lời tắm rửa cho vua; lúc đó bỗng có người đem đến năm trăm tiền vàng, muốn cùng qua đêm. Dâm nữ này có quy tắc là nếu có người đến sau thì giết người đến trước để cùng người đến sau hoan lạc, nữ tỳ thấy vua dung mạo đoan chánh không giống như người thường nên rơi lệ suy nghĩ: "phải chăng người này là thuộc dòng Sát-đế-lỵ, vì dung mạo rất đoan chánh hiếm có trên đời. Vì sao dâm nữ lại ác tâm phi lý giết chết". Lúc đó nước mắt rơi trên người vua, vua ngước lên hỏi vì sao, đáp là không có gì cả, vua nghi ngờ nên gạn hỏi, nữ tỳ này liền nói rõ nguyên do, vua hỏi: "nay ta đã thất thế, có cách gì chạy thoát khỏi nơi đây không?", đáp: "bốn phía nhà đều có người cầm dao phòng vệ, không thể chạy thoát được; tuy có chỗ ra nhưng rất dơ bẩn", vua nói: "bất luận dơ bẩn như thế nào, hãy chỉ cho ta, ta cần phải sống", đáp: "nơi đó là ống cống của nhà xí được đóng bằng cọc sắt, nếu nhổ ra được thì đó là đường thoát", vua nói: "hãy chỉ chỗ, ta sẽ nhổ thử xem", nữ tỳ liền chỉ chỗ. Lúc đó vua đưa người xuống ống cống để nhổ cọc sắt, tuy ráng hết sức vẫn không thể nhổ được; bên ngoài tường cách chỗ ấy không xa có một Bà-la-môn giỏi

xem thiên văn, ban đêm ra ngoài ngước nhìn sao, người vợ bưng nước theo sau.

Bà-la-môn nói: "ta xem sao thấy vua đang gặp nạn khổ lớn", người vợ nói: "việc cơ mật quốc gia đâu nên nói ra, nếu người khác nghe được ắt sẽ bị hình phạt", Bà-la-môn nói: "ta được che chở, trên hết là nhờ vua, vua nay gặp nạn ta làm sao an ổn", nói rồi liền quỳ xuống giữa sân hướng về ngôi sao tai ách cầu nguyện. Trong ống cống vua nghe được lời cầu nguyện đó nên tận lực nhổ được cọc sắt, liền theo hướng đó thoát ra ngoài, mình dính đầy chất bất tịnh, vua vừa thoát ra ngoài thì sao tai ách cũng biến đổi; Bà-la-môn thấy sao biến đổi liền nói với vợ: "vua tuy mắc nạn nhưng nay đã được thoát rồi, tánh mạng vẫn còn, thật là may mắn". Lúc đó vua vội chạy lén vào trong thành đến chỗ phu nhân An lạc, phu nhân vừa nhìn thấy liền nói: "đại vương vì sao lại ra nông nỗi như thế này", vua kể lại việc trên. Phu nhân nghe rồi rơi lệ, dùng lược tre chãi sạch chất bất tịnh rồi dùng đất thơm tẩy sạch, sau đó dùng các loại hương bột và nước thơm tắm cho vua, thoa dầu thơm rồi đưa y phục thượng diệu cho vua mặc. Sáng hôm sau vua thượng triều bảo đại thần: "hãy gọi tất cả các tướng sư biết xem thiên văn đến đây", đại thần liền cho gọi đến, vua hỏi: "đêm qua có thấy việc gì lạ đối với ta hay không?", đáp là không có thấy gì lạ, vua liền bảo đại thần: "hãy đến chỗ _____ cho gọi Bà-la-

môn giỏi xem thiên văn đến đây", sứ giả liền đến gọi, Bà-la-môn mặc áo định đi, người vợ nói: "ta đã nói việc cơ mật quốc gia đâu cần nói ra, ông không chịu nghe nên nay bị gọi đến hỏi", Bà-la-môn liền quan sát ánh mặt trời buổi sáng, biết là không có việc xấu nên nói với vợ: "bà không nên sợ, đây là điềm tốt lành". Vua từ xa trông thấy liền chào hỏi và gọi đến gần vua, Bà-la-môn chúc vua được trường thọ, vua mời ngồi rồi hỏi: "ông biết xem thiên văn phải không?", đáp là biết chút ít, lại hỏi: "đêm qua ông thấy có việc gì đối với ta?", đáp: "thần thấy vua gặp nạn khổ, may nhờ phước lực của vua nên vẫn được toàn mạng sống", vua nghe rồi liền bảo các quan: "đúng như lời đại sư đã nói, đêm qua mạng ta gặp nguy, các tướng sư kia không thông thiên văn, từ nay về sau tước bỏ bổng lộc. Hãy bắt dâm nữ Thiện hiền đem cột tóc dưới chân ngựa cho nó đạp chết, nhà nó đang ở cho lừa đến cày xới lên, người nữ tỳ ở trong nhà đó tắm cho ta đưa vào trong hậu cung", đại thần làm theo lịnh vua ban ra. Lúc đó vua bảo Bà-la-môn: "khanh đã cầu nguyện cho ta nên ta còn sống, nay muốn báo ân, vậy khanh muốn gì?", Bà-la-môn đáp: "xin cho thần hỏi lại người trong nhà rồi sẽ đến tâu vua", vua nói tùy ý. Bà-la-môn trở về hỏi người trong nhà: "vua ban cho ta điều nguyện, vậy các người muốn gì?", người vợ hỏi: "vậy ông muốn gì?", đáp là muốn được phong ấp bằng năm tụ lạc lớn; người

vợ nói muốn được một trăm con bò mẹ để lấy sữa; con trai nói muốn được xe ngựa báu để cỡi đi; con gái nói muốn được đồ trang sức bằng chuỗi anh lạc thượng diệu, người hầu nói muốn được cục đá nghiền hương dùng để làm thức ăn. Bà-la-môn nghe rồi liền suy nghĩ: "muốn nhiều điều như vậy thì không nên nói thẳng ra, ta nên làm bài kệ", sau đó đến chỗ vua tâu rằng: "những điều mà người trong nhà của thần mong muốn, xin vua tha tội thần mới dám nói", nói rồi liền trình lên vua bài kệ:

"Thần muốn năm ấp phong, Vợ xin trăm con bò,

Trai muốn xe ngựa báu, Gái thích chuỗi anh lạc, Người giúp việc trong nhà, Cần đá để nghiền hương, Những mong cầu như thế, Xin vua thương ban cho".

*Vua liền nói kệ đáp:*
*"Cho ông năm ấp phong,*
*Một trăm bò cho vợ,*
*Xe ngựa báu cho trai,*
*Chuỗi anh lạc cho gái,*
*Người giúp việc trong nhà,*
*Cho đá quý nghiền hương.*
*Những mong cầu như vậy,*
*Ta đều cho mãn nguyện".*

Sau khi ban cho tất cả theo yêu cầu, vua bảo Bà-la-môn: "khanh hãy ở lại giúp ta trị nước, cùng luận bàn chính sự", đáp: "thần là Bà-la- môn vốn

không nên biết việc nước", vua vẫn cố nài ép đưa Bà-la-môn lên làm đại thần.

Lúc đó có nước lân cận tên Kiệt sa phản nghịch, vua sai Tăng dưỡng đem binh đánh dẹp; Tăng dưỡng dẹp xong phản nghịch, thu được nhiều tài vật, đóng binh ở bên ngoài. Vua nghe họ sắp vào thành nên đích thân ra thành đón, thấy một thiếu nữ của nước Kiệt sa trên thân có nhiều ghẻ lở liền hỏi Tăng dưỡng: "có trượng phu nào lại ngủ với cô gái này hay không?", đáp: "không những đồng chăn gối mà còn có thể cỡi trên lưng chồng bắt làm tiếng ngựa hí", vua nói: "há có việc như thế hay sao?", đáp: "vua sẽ tự nghiệm biết". Lúc đó Tăng dưỡng đưa cô gái này đến chỗ thầy thuốc bảo rằng: "thầy hãy khéo chữa trị cho cô gái này, tốn bao nhiêu ta cũng không tiếc", thầy thuốc theo như lời dặn trị lành bịnh cho cô gái, Tăng dưỡng lại cung cấp đầy đủ y thực nên không bao lâu sau cô gái xinh đẹp hơn trước bội phần. Tăng dưỡng đưa về nhận làm con gái đặt tên là Tinh quang, sau đó nói với Tinh quang: "khi ta thỉnh vua về nhà thọ thực, con hãy trang điểm cho thật đẹp với các chuỗi anh lạc nghiêm thân rồi xuất hiện trước vua". Váo thời khác, Tăng dưỡng thỉnh vua ngày mai đến nhà thọ thực, vua nói lành thay, Tăng dưỡng liền trở về cho lo liệu đủ các món ăn thịnh soạn, khi vua đến tắm cho vua bằng nước thơm và dâng cho vua y phục vô giá. Ăn sắp xong, còn đang nói chuyện thì Tinh

quang từ trong màn ném trái cầu nhỏ ra, kế vén màn nói với Tăng dưỡng: "cha đưa trái cầu cho con". Vua nhìn thấy Tinh quang nhan sắc tuyệt đẹp liền sanh tâm luyến ái, hỏi Tăng dưỡng: "người này là gì của khanh?", đáp là con gái, vua hỏi đã gả chưa, đáp là chưa, vua nói: "sao khanh không dâng cho ta", đáp: "nếu vua không chê thì tùy ý dẫn đi", vua liền dùng nghi lễ đón Tinh quang vào cung. Thường tình là được mới nới cũ, từ khi có Tinh quang vua say mê nên không đến các cung khác nữa, cũng bỏ bê các việc khác. Lúc đó Tăng dưỡng suy nghĩ: "đã đến lúc cho vua nghiệm biết việc đã nói trước kia", nghĩ rồi liền hỏi Tinh quang: "con có thể cỡi trên lưng vua và bắt vua làm tiếng ngựa hí hay không?", đáp: "để con suy nghĩ, chưa biết có thể được hay không?". Người nữ có trí huệ, không học cũng tự biết, lúc đó cô mặc y phục dơ, nằm trên giường hư; khi vua đến thấy liền hỏi nguyên do, cô đáp là bị thiên thần giận trách phạt, vua lại hỏi đã từng cầu nguyện việc gì, đáp: "khi vua sai cha thiếp đi đánh dẹp nước Kiệt sa, thiếp đã cầu nguyện: nếu cha thiếp đánh dẹp được nước kia bình an trở về, khi nào thiếp xuất giá sẽ cỡi trên lưng chồng và bảo chồng làm tiếng ngựa hí. Nay vua tuy cưới thiếp nhưng đã có đầy đủ nội cung, ai lại có thể vì thiếp đáp trả lại nguyện xưa". Khi bị ái dục lôi cuốn thì việc gì cũng chịu làm cả, lúc đó vua nói: "điều mà nàng nguyện cầu, thật là vì ta

nguyện không bịnh hoạn, ta sẽ làm theo lời cầu nguyện của nàng", Tinh quang im lặng, vua hỏi vì sao im lặng hay là còn cầu việc gì khác nữa, đáp: "không có nguyện khác, chỉ là thiếp muốn có Bà-la-môn đại thần chú nguyện và một nhạc sĩ đánh đàn tỳ bà", vua nói: "Bà-la-môn đại thần là người của ta, còn người đánh đàn tỳ bà cũng có thể tìm được", đáp: "xin đại vương tìm cho".

Lúc đó trong nước Kiền-đà-la có một thương nhân mang hàng hóa đến trong thành Ôn thệ ni buôn bán, vì say mê dâm nữ nên không bao lâu sau tiền tài đều tiêu sạch hết, tùy tùng thảy đều bỏ đi hết. Dâm nữ thấy người này trở nên nghèo cùng liền nói rằng: "tôi không có ruộng đất để cày, cũng không có cửa hàng buôn bán, chỉ lấy việc bán sắc để kiếm sống. Ai có tiền thì đến, ai không có thì đi chỗ khác để tôi tiếp người đến sau", người này đáp: "tôi nay trở nên nghèo cùng, không còn gì cả nhưng tôi rất yêu mến nàng, xin nàng hãy dung thọ tôi chớ có đuổi đi, cho tôi ở trong nhà mới gọi là biết thương nhau", dâm nữ nói: "nếu có thể làm theo lời tôi thì tôi cho ở lại", đáp là sẽ làm tất cả. Dâm nữ muốn đuổi đi nên sau khi đại tiện xong, cắm một khúc cây trên bãi phân rồi bảo người này dùng miệng cắn lấy khúc cây lên, người kia nghe lời làm theo, dâm nữ thấy rồi liền dùng chân đạp vào hông và nói: "vật bần tiện, việc dơ bẩn như vậy mà ngươi cũng làm, ngươi là kẻ không sạch sẽ, hay

rời khỏi nơi đây", người này bị dâm nữ đuổi đi đành phải trở lại nghề đánh đàn tỳ bà để kiếm sống. Lúc đó vua bảo Tăng dưỡng: "con gái khanh có cầu nguyện thiên thần, khanh nên tìm một người biết đánh đàn tỳ bà cho ta", đáp: "có một người nước Kiền-đà-la sống bằng nghề đánh đàn tỳ bà, nên dùng khăn bịt mặt rồi dẫn vào trong cung", vua chấp thuận. Sau đó vua cùng đại thần lên lầu cao ở tầng thứ bảy, Tăng dưỡng dùng khăn bịt mắt người đánh đàn dẫn lên để đánh đàn, Bà-la-môn đại thần chú nguyện, Tinh quang mặc y phục trắng sạch cỡi trên lưng vua bắt vua làm tiếng ngựa hí. Người đánh đàn này nghe tiếng ngựa hí liền suy nghĩ: "ở trên tầng lầu thứ bảy sao lại có tiếng ngựa hí, chắc là chúng ta đã bị phụ nữ khinh lộng", nghĩ rồi trong lòng cảm khái liền cất tiếng ca:

*"Việc này giống hệt nhau,*
*Việc này người cùng biết,*
*Tiền tài tiêu tán hết,*
*Khúc cây dơ răng mình".*

Vua nghe rồi liền hỏi: "câu hát lạ thường là có ý nghĩa gì?", người đánh đàn liền đem việc của mình kể lại cho vua nghe, vua nghe rồi suy nghĩ: "người này đã biết ta, không nên giữ ở lại đây", nghĩ rồi liền ban cho năm trăm tiền vàng rồi đuổi ra khỏi nước. Lúc đó đại thần can gián vua: "bậc làm vua không nên để phụ nữ đem ra làm trò đùa", vua nghe rồi xấu hổ im lặng, sau đó vua hỏi Tăng

dưỡng: "Bà-la-môn đại thần chê trách ta, khanh có thể làm cho vợ của hắn cạo đầu hắn hay không?, đáp: "để thần thử xem sao". Tăng dưỡng trở về nhà hỏi vợ: "Bà-la-môn ngay trước mặt vua chê trách, bà có cách gì làm cho vợ hắn cạo đầu hắn hay không?", đáp: "không nên nói trước, đợi cạo xong rồi xem", Tăng dưỡng nói: "nếu làm được thì tốt, chồng giỏi tất có vợ tài ba". Người vợ liền tìm cách giao hảo với vợ đại thần, sau khi hợp ý nhau, vợ Tăng dưỡng nói với vợ đại thần: "phu nhân, chồng tôi rất thương yêu tôi, tôi yêu cầu gì chàng cũng đáp ứng", vợ đại thần nói: "tuy chị nói chồng chị yêu thương chị như vậy, nhưng cũng không hơn được tôi; đối với chồng tôi thường được tự tại", vợ Tăng dưỡng nói: "nếu đối với chồng phu nhân được tự tại, vậy thì thử cạo đầu ông ấy xem, tôi chắc chị không thể làm được", vợ đại thần nói: "hãy đợi cắt rồi mới biết là có thể hay không". Sau đó vợ đại thần liền mặc y phục dơ nằm trên giường hư rên rỉ, đại thần hỏi nguyên do, đáp là bị thiên thần giận trách, đại thần nói: "chẳng lẽ nhà ta nghèo không đáp đủ lễ nên thiên thần giận trách nàng hay sao, nàng đã cầu nguyện gì, ta sẽ đáp trả để thiên thần hoan hỉ", đáp: "khi chàng chưa ra làm quan, được vua triệu lần đầu, thiếp đã cầu nguyện sao cho chàng được vua gọi đi; nếu được toại ý mong cầu, chàng bình an trở về, thiếp sẽ cạo đầu tạ lễ. Từ đó đến nay gia đình hưng thạnh, tiền tài

dư dã, thiếp tham hưởng sung sướng nên quên đáp tạ. Do tâm ngạo mạn này nên thiên thần giận trách, chắc là thiếp sẽ chết, không thể nào sống được", đại thần nói: "điều mà nàng cầu nguyện thật là vì ta, để ta tâu vua rồi sẽ đáp trả cho nàng". Vợ đại thần nghe rồi liền đưa tin cho vợ Tăng dưỡng: "chồng tôi đã hứa, chắc sẽ làm theo", vợ Tăng dưỡng liền đưa tin báo cho Tăng dưỡng biết, Tăng dưỡng liền vào tâu lại cho vua biết. Sau đó, đại thần đến gặp vua tâu rằng: "đại vương, thần có lời nguyện phải đáp tạ thiên thần nên không thể ra khỏi cửa trong sáu tháng, xin đại vương ban ân cho được toại nguyện", vua nói lành thay. Đại thần trở về nhà cạo tóc xong cảm thấy xấu hổ nên không ra ngoài, người vợ sai sứ báo cho vợ Tăng dưỡng biết, vợ Tăng dưỡng báo cho Tăng dưỡng biết, Tăng dưỡng tâu lại cho vua biết, vua nghe rồi vui mừng liền sai sứ gọi đại thần đến. Đại thần nghe vua triệu kiến vội đội mão vào cung, vua bảo ngồi một bên; lúc đó hai đồng tử theo như lời Tăng dưỡng đã dạy bảo liền ca bài ca:

*"Nếu gái nhà lành lại xinh đẹp,*
*Có thể khiến chồng theo ý mình,*
*Trên lầu tầng bảy làm ngựa hí,*
*Và xem đại thần đã cạo tóc".*

Ca xong tiến tới sát bên đại thần cởi bỏ mão ra, bá quan trong triều thấy đã cạo tóc đều vỗ tay cười lớn; đại thần xấu hổ ngượng ngùng trước mọi

người nên rụt vai cúi đầu im lặng rồi bỏ đi ra cửa. Sau đó Tăng dưỡng tự mãn cao giọng nói với mọi người: "ai bị phụ nữ khinh lộng như vậy thì làm sao làm được việc lớn cho đất nước", vua nghe rồi liền ở chỗ khuất hỏi đại thần: "khanh có cách gì làm cho Tăng dưỡng bị sĩ nhục không?", đáp: "để thần thử xem xét, không biết có được hay không". Sau đó đại thần hỏi con trai của em gái mình là người giỏi huyễn thuật: "khi lâm triều, Tăng dưỡng đã khinh lộng ta, con có thể làm cho hắn bị sĩ nhục, tức là trừ được mối sĩ nhục lớn cho ta?", đáp: "cậu cho cháu suy nghĩ xem nên làm như thế nào". Sau khi suy tính xong, người này nói là làm được, liền dùng huyễn thuật hóa làm một đoàn thương nhân, nơi đống phân lớn hóa làm phòng thất, dùng bộ xương khô hóa làm vợ thương chủ xinh đẹp tuyệt trần. Theo quốc pháp hễ có đoàn thương nhân đến thì vua phải đích thân thu thuế hoặc sai Tăng dưỡng, lúc đó vua sai Tăng dưỡng đi thu thuế. Tăng dưỡng đến chỗ thương nhân hỏi thương chủ ở đâu, họ chỉ chỗ, Tăng dưỡng đến nơi thấy vợ thương chủ quá xinh đẹp liền đắm nhiễm nói rằng: "nếu nàng chịu cùng ta hoan lạc, ta sẽ không thu thuế", đáp: "tùy ý, nhưng không nên vào ban ngày, nên đợi đến đêm". Huyễn sư liền dùng huyễn thuật che ngày thành đêm, Tăng dưỡng liền cùng huyễn nữ làm việc phi pháp rồi ôm cổ ngủ say. Lúc đó huyễn sư giải pháp thuật, Tăng dưỡng đang nằm

ôm bộ xương khô trên đống phân. Đại thần đến tâu vua: "xin vua ngự giá đến xem Tăng dưỡng", vua liền xuất thành đến xem, đến nơi nhịp tay đánh thức Tăng dưỡng dậy rồi nói: "này Tăng dưỡng, ngươi đã giao hợp với người nữ nơi đồng vắng, lại còn ăn cả thịt nữa hay sao?". Lúc đó Tăng dưỡng mới biết là việc này do vua sắp bày nên trong lòng hổ thẹn, suy nghĩ: "làm sao ta sống được nữa, thà chết còn hơn, nhưng bỏ thân mạng rất khó, ta nên đến chỗ tôn giả Đại Ca-đa-diễn-na xin xuất gia", nghĩ rồi liền đến chỗ tôn giả xin xuất gia, tôn giả liền cho xuất gia và lần lượt cho thọ Cận viên, sau khi giáo giới xong bảo học kinh A Cấp ma. Lúc đó vua Mãnh quang không có Tăng dưỡng bên canh nên tâm ý bất an, vua liền bắt Tăng dưỡng hoàn tục và cho trở lại chức vụ cũ.

-oOo-

# CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA TẠP SỰ

## QUYỂN 23

***Nhiếp tụng nội dung:***

*Ngưu hộ, thợ săn chết,*
*Thả cho ra khỏi cung,*
*Vương nữ Thiên thọ đi,*
*Mãnh quang đến Đắc xoa,*
*Giết người, tiếng, tám mộng.*

Một hôm sau khi thức dậy, vua Mãnh quang suy nghĩ: "sau khi ta qua đời, Thái tử Ngưu hộ có đủ trí lực để kế thừa vương vị hay không, ta nên thử trí mưu của nó", nghĩ xong vua liền cho gọi Ngưu hộ đến nói rằng: "trong nội cung có ít việc, ta cần giải quyết trong vòng bảy ngày, trong bảy ngày này con thay ta trị nước". Thái tử vâng lịnh trị nước và thưởng phạt thích đáng việc lợi hại, lúc đó quan giải tới hai kẻ thông dâm cho Thái tử xử, Thái tử hỏi họ có yêu nhau không, đáp là yêu nhau, Thái tử nghe rồi liền nói: "nếu đã yêu nhau sao lại không cho họ tùy tình, từ nay không cấm việc thông dâm", mọi người nghe rồi liền tùy tình tạo

lỗi. Sau bảy ngày vua xuất cung hỏi Tăng dưỡng: "sau khi ta qua đời, Thái tử có thể kế vị được không?", đáp: "có thể được, tuy Thái tử trị nước nghiêm túc, nhưng đối với việc thông dâm lại cho tùy tình tạo lỗi", nói rồi liền kể lại việc trên, vua nghe rồi suy nghĩ: "không có đố kỵ với phụ nữ của người, nhưng đối với thê thiếp của mình há lại không đố kỵ hay sao, ta hãy thử xem". Lúc đó có người ở nước Kiền-đà-la từ phương Bắc đến trú trong thành này, vua nghe nói người này có trí liền cho gọi đến hỏi: "ngươi có thể làm việc phi pháp với đại phi của Thái tử Ngưu hộ không?", người này nghe rồi liền bịt tai nói: "nếu làm việc phi pháp này thì thần hết còn đường sống", vua nói: "vua muốn làm như vậy nên không có lỗi, nếu không làm tức là trái lịnh vua", đáp: "thần sẽ tuân lịnh nhưng việc này không thể gấp được, phải từ từ mới có thể thi hành", vua nói: "tuần tự làm như thế nào là tùy ý ngươi", đáp: "xin vua cấp cho thần chi phí xây cất một cửa hàng lớn gần cung của Thái tử để tìm cách thân cận", vua liền cấp tiền bạc cho người này, người này liền dựng lên một cửa hàng mua bán hương liệu. Sau đó có tỳ nữ của mẹ vợ Thái tử đến mua hương liệu, chủ cửa hàng hỏi là mua cho ai, đáp là mua cho mẹ vợ của Thái tử, liền hỏi bà ấy tên gì, đáp: "tên họ là ----, vì bà ấy cùng họ với mẹ tôi nên tôi xem như mẹ", chủ cửa hàng nghe rồi liền lấy ít tiền nhưng lại đưa nhiều hương liệu. Tỳ

nữ mang về, bà mẹ thấy nhiều hương liệu hơn trước kia nên hỏi nguyên do, tỳ nữ đem việc trên kể lại, bà mẹ nói: "tốt, người ấy như con ta", ba lần đến mua như vậy đều được nhiều hương liệu nên bà mẹ rất vui mừng. Thời gian sau, chủ cửa hàng hỏi tỳ nữ: "cô hãy thưa với mẹ là tôi muốn đến viếng thăm", tỳ nữ về bạch lại, bà mẹ nói hãy đến, tỳ nữ sang báo lại, chủ cửa hàng liền đem nhiều hương liệu đến. Vừa gặp nhau, chủ cửa hàng liền ôm chầm bà mẹ này mà khóc, bà hỏi nguyên do, liền đáp: "vì mẹ giống hệt mẹ con nên con xúc động", bà mẹ nói: "từ nay ta là mẹ con, đừng khóc nữa". Chủ cửa hàng khéo làm cho tình cảm hai bên thêm sâu đậm, lúc đó vợ Ngưu hộ đứng bên cạnh, bà mẹ bảo: "con hãy đến đây, đây là anh con, hãy ôm lấy chân ân cần cung kính", vợ Ngưu hộ làm theo lời mẹ dạy, chủ cửa hàng hỏi tên, đáp tên là ---, chủ cửa hàng liền nói: "chị dâu của tôi ở nhà cũng đồng tên, dáng vóc cũng giống, từ nay chị là chị dâu của tôi", bà mẹ nói lành thay. Sau đó chủ cửa hàng giả bịnh, khi thấy tỳ nữ đến mua hương thoa liền nói với tỳ nữ: "tôi bịnh rất nặng, sao mẹ không đến thăm", tỳ nữ nói: "bà không biết, để tôi về báo", khi nghe tỳ nữ báo bà mẹ liền đến thăm và hỏi bịnh như thế nào, đáp là bịnh rất nặng, bà mẹ nói: "nên hỏi thầy thuốc, tùy bịnh uống thuốc", đáp: "thuốc không trị bịnh này được, con mắc bịnh này chắc phải chết", bà mẹ nói: "con chớ ưu sầu,

chắc cũng có cách gì trị hết bịnh chứ?", đáp: "tuy có thuốc trị bịnh nhưng không sao tìm được", bà mẹ nói: "chỉ cần có, ta sẽ lo liệu cho con", đáp: "nếu con được cùng đại phi tư thông thì sẽ hết bịnh", bà mẹ nghe rồi liền tức giận nói: "ngươi là kẻ bần hàn muốn được vương phi làm sao toàn mạng", nói xong liền giũ áo ra về. Sau đó chủ cửa hàng lập kế làm di chúc, trong đó ghi là nếu sau khi tôi chết, nhà cửa tài sản đã có đều giao cho vợ Thái tử. Viết di chúc xong gởi cho bà mẹ, bà mẹ xem di chúc xong liền hết giận, suy nghĩ: "ta tức giận bỏ đi mà nó lại đối với ta ân nặng, tình nghĩa không giảm. Người như thế khó được, nhưng việc này ta nên hỏi ý con gái, đừng để vì việc này mà nó phải chết", nghĩ rồi liền bảo con gái: "chủ cửa hàng lâu nay có ân tình, đã xem như em chồng, nay nó bị bịnh sao con không đến thăm?", đáp: "sao không mời thầy thuốc chữa trị?", bà mẹ nói: "bịnh ấy khó trị chắc phải chết, nhưng mẹ nghe nói nếu được cùng tư thông với chị dâu thì hết bịnh", đại phi nghe rồi liền tức giận nói: "hắn là kẻ bần hàn, muốn cùng đại phi làm việc phi pháp há không bị mất mạng hay sao?", bà mẹ nói: "sang hèn khó định, hiện tại làm sao con biết được, chúa công vốn từ ai mà được sanh ra, con có biết không?", đáp là không biết, bà mẹ nói: "là từ bồ cạp mà được sanh ra, nay được làm vua có nhiều quyền lực; chồng con cũng từ vợ trưởng giả sanh ra, sau này cũng sẽ

làm vua. Nếu con cùng anh ta tư thông mà có con, con của con cũng sẽ làm vua, đâu có hại gì", đại phi nghe bà mẹ nói rồi liền bằng lòng cùng tư thông, bà mẹ liền đưa tin cho chủ cửa hàng: "thấy ngươi tha thiết nên con ta bằng lòng, người hãy biết thời đến để gặp nhau", chủ cửa hàng liền báo tin cho vua biết: "việc sắp thành, xin vua khiến cho Thái tử tạm rời khỏi nhà". Lúc đó vua suy nghĩ: "sau khi ta qua đời, Ngưu hộ sẽ làm vua, con của Ngưu hộ cũng sẽ kế vị; nếu Kiền-đà-la cùng vương phi tư thông có con, con nó lên làm vua thì tuyệt dòng dõi của ta. Ta nên cho nó uống thuốc để không sanh con", nghĩ rồi vua liền đưa thuốc cho Kiền-đà-la và nói rằng: "trước khi ngươi cùng đại phi làm việc phi pháp, hãy uống thuốc này", sau đó bảo Ngưu hộ tạm vắng nhà, Ngưu hộ vâng lời vua không về nhà. Lúc đó Kiền-đà-la sau khi uống thuốc xong cùng đại phi tư thông, ngủ chung trên giường, vua nghĩ việc ắt đã xong nên bảo Ngưu hộ trở về nhà. Ngưu hộ về đến nhà, thấy hai người họ nằm chung trên giường, buông thõng tay xuống giường; Thái tử liền đỡ tay họ lên rồi lấy chăn đắp cho cả hai. Hai người ngủ chung đến sáng nghĩ là không ai nhìn thấy, Kiền-đà-la trở về cửa hàng. Hôm sau vua nói với Thái tử: "đêm qua ta nằm mộng thấy vợ con tư thông với người ngoài", Thái tử đáp: "đại vương thấy trong mộng, còn con chính mắt nhìn thấy", vua hỏi thấy như thế nào, Thái tử

kể lại việc đã thấy hôm qua, vua hỏi: "con không ghen sao?", đáp là không ghen, vua hỏi vì sao, đáp: "từ khi sanh ra đến nay con biết được túc mệnh, đời trước con là vợ một thương chủ, khi chồng con đi đến phương xa buôn bán, con đòi đi theo; chồng con nói đường đi xa khó nhọc, không có ai săn sóc nên không cho con đi theo. Thấy con khóc, các thương nhân khác nói với chồng con là cứ cho đi theo, nếu cần gì chúng tôi sẽ cung cấp; vì thế con được đi theo. Khi đi đến đường hiểm gặp phải năm trăm tên cướp giết người cướp của, giết chết chồng con rồi làm việc phi pháp với con. Thời gian sau bọn cướp này đánh cướp một đoạn thương buôn khác và bắt được một người nữ, con thấy người nữ kia được họ yêu thương nên khởi tâm ghen tức và sai người ném xuống giếng cho chết. Đại vương, con nghĩ thuở xưa con đã làm việc dâm dục với năm trăm tên cướp còn chưa vừa ý, huống chi là với một người. Do nhớ được việc thuở xưa nên con đối với phụ nữ không có tâm ghen tức, người ngu trên đời phần đông đem phụ nữ vào trong cung để hộ vệ, thật ra đàn ông phải đề phòng đàn bà, không phải đàn bà đề phòng đàn ông", vua nói: "đúng như lời con nói, bỏ được tâm ghen tức là việc khó trong đời; tuy lý này đúng nhưng ta chưa làm được".

Lúc đó trong thành Ôn thệ ni có một thợ săn, vì vợ anh rất đẹp và anh rất yêu thương nên khi muốn đi săn bắn, anh sợ để vợ ở nhà sẽ cùng kẻ khác làm

việc phi pháp; nhưng nếu không đi săn thì không thể sinh sống được, cho nên anh đưa vợ cùng đi vào rừng, ở trong một chòi lá, săn bắn được cầm thú đem bán để đổi lấy lương thực. Một hôm, vua Mãnh quang vào rừng săn bắn, ngựa chạy đến chỗ thợ săn, thợ săn nhớ biết nên lên tiếng chào đón, vua bèn xuống ngựa ngồi nghỉ dưới gốc cây. Lúc đó thợ săn suy nghĩ: "ta không nên đem thịt cũ cách đêm dâng cho vua quán đảnh, ta nên săn bắt thịt mới để dâng vua", nghĩ rồi liền mang cung tên vào rừng. Vua lúc đó đưa mắt nhìn khắp nơi, bỗng thấy vợ thợ săn có thân hình khả ai nên khởi dục tâm, cùng vợ thợ săn làm việc phi pháp. Khi thợ săn trở về với con vật mới săn bắt được, thấy vua cùng vợ mình làm việc phi pháp liền nổi giận muốn giết chết vua, nhưng lại suy nghĩ: "lẽ nào vì một người nữ mà ta lại giết vua". Lúc anh khởi tâm từ không nở giết vua thì có sư tử vồ tới giết anh chết, thợ săn sau khi mạng chung thác sanh lên cõi trời Tứ thiên vương. Vua thấy thợ săn chết liền suy nghĩ: "người nữ này đã cùng ta tư thông, ta không nên ruồng bỏ", nghĩ rồi liền an ủi vợ thợ săn. Lúc đó đại thần của vua tìm kiếm vua, đến nơi thấy có người nữ bên cạnh liền hỏi, vua bảo đưa về cung. Khi trở về cung nhìn thấy nội cung đông, vua suy nghĩ: "thợ săn kia đưa vợ vào trong rừng mà còn không thể giữ được, huống chi nội cung của ta đông, làm sao ta giữ được", nghĩ rồi vua liền cho đánh trống

thông báo cho dân chúng trong thành, ngoài thành hoặc từ phương xa đến được biết: "từ nay ta cho tất cả nội cung được tự do ra khỏi cung, tùy ý gặp gỡ tư thông với người mà mình ưa thích, ta không cho là lỗi", vua lại bảo nội cung: "ta cho các khanh được tự do ban đêm ra khỏi cung tùy ý tìm hoan lạc, nhưng khi nghe tiếng trống thì phải trở về, ai trái lịnh sẽ giết chết". Phụ nữ vốn thích nam tử, huống chi họ là những người từ lâu đã bị giam giữ trong thâm cung; cho nên các cung nữ ban đêm đều ra khỏi cung tìm hoan lạc, chỉ riêng có phu nhân An lạc là mẹ của Ngưu hộ và Tinh quang vì giữ tình với vua nên không đi. Vua bảo phu nhân An lạc nên đi, phu nhân đáp là không thể; vua lại bảo Tinh quang nên đi, Tinh quang vốn còn trẻ lại xinh đẹp nên ý cũng muốn ra ngoài, khi nghe vua nói lời này liền im lặng. Đêm đó, cô vào chợ nhìn thấy đồng tử bán hương có dung mạo đoan chánh liền ngỏ lời, đồng tử đáp: "hãy cầm đèn cho tôi tính toán sổ sách rồi sẽ tùy tình", do đồng tử buôn bán đắc nên tính toán mãi cho đến trời sáng, Tinh quang nghe tiếng trống liền vứt đèn xuống để trở về cung, đồng tử nói: "xin hãy đợi thêm một chút", đáp: "tôi không thể vì vua có lịnh nếu khi nghe tiếng trống mà không trở về cung thì sẽ giết chết, tôi không có hai đầu nên không dám ở lại", nói rồi liền bỏ đi. Trở về trong cung, vua gặp liền hỏi có được vui vẻ không, đáp là không rảnh, vua hỏi vì

sao, liền kể lại việc trên. Tiếng đồn vua Mãnh quang thả cho các cung nhân được ra khỏi cung tùy ý tìm hoan lạc, lan sang các nước khác; lúc đó vua Xuất quang nước Kiều-thiểm-tỳ nghe biết tin này liền hỏi đại thần Du-kiện-na: "ta muốn đến nước đó hưởng lạc một chút", đáp: "vua Mãnh quang đối với vua có điều không vừa ý, nếu nghe vua đến ắt sẽ làm điều bất lợi cho vua", vua nói: "trượng phu hành sự dù tốt hay xấu đều phải cương quyết, khanh ở lại đây, chỉ một mình ta đi đến đó", đáp: "vua đã quyết ý, thần đâu dám ngăn giữ, chỉ mong vua lên đường nên cẩn thận". Vua Xuất quang vốn thích nữ sắc nên không nghe đại thần can ngăn, một mình đi đến nước Ôn thệ ni, đêm đó vua gặp Tinh quang. Sau khi biết rõ lai lịch Tinh quang vua nói: "này cô gái đẹp Tinh quang dòng Sát-đế-lỵ hãy đến đây cùng ta hoan lạc", Tinh quang yêu cầu vua trải thảm, vua lại bảo Tinh quang trải, cả hai vì kiêu ngạo nên không ai chịu trải, mãi như thế cho đến sáng, Tinh quang nghe tiếng trống liền muốn trở về cung, vua bảo hãy ở lại, Tinh quang nói: "vua có lịnh nếu nghe tiếng tống mà không trở về cung thì sẽ giết chết nên tôi không dám ở lại", nói rồi liền rút chiếc nhẫn trên tay vua mang về cung, vua Xuất quang cũng trở về nước mình. Về đến trong cung gặp vua, vua hỏi có vui vẻ không, Tinh quang liền kể lại việc trên rồi đưa chiếc nhẫn cho vua xem, vua nhìn thấy dấu trên nhẫn biết là của

vua Xuất quang liền bảo Tăng dưỡng: "vua Xuất quang đem cả đại binh vào trong thành mà không ai hay biết, lại còn muốn hoan lạc cùng cung nhân của ta, làm sao lại để cho hắn thoát đi như thế", Tăng dưỡng tâu: "đại vương, lần này là lén đến nên thần không tính trước, nếu lần sau trở lại, thần nhất định sẽ không để cho vua ấy chạy thoát". Vua Xuất quang sau đó tuy nghe biết tin này vẫn nói với đại thần Du-kiện-na như trước, đại thần nói: "lần trước do vua lén đến, họ không hay biết nên vua mới trở về an ổn. Nay vua ấy đã phòng bị nghiêm mật, nếu vua đến nữa ắt sẽ không bình an trở về, vua không nên đi là hơn". Tuy Du-kiện-na hết sức ngăn cản nhưng vua Xuất quang vẫn không nghe, Du-kiện-na đành phải đi theo hộ vệ, khi vào trong thành Ôn thệ ni, họ trú trong một ngôi nhà. Không ngờ Tăng dưỡng cũng biết, cho binh lính đến bao vây và ra lịnh: "trong nhà này nếu là phụ nữ thì cho ra, nếu là đàn ông thì giữ lại", Du-kiện-na nghe biết điều này liền suy nghĩ: "thấy vua gặp nạn, ta không nên âm thầm bỏ đi, phải làm cách gì để cho vua chạy thoát", nghĩ rồi liền bảo vua mặc y phục nô tỳ đội bình nước đi ra rồi sai người đứng ở sau cầm cây xua đi và nói rằng: "hãy mau đi lấy nước đem về cho vua tắm", những người canh giữ cho là nô tỳ nên không ngăn lại, vua Xuất quang đi đến bờ ao vứt bình rồi chạy trốn. Sau đó Tăng dưỡng vào nhà tìm không thấy vua, chỉ thấy Du-kiện-na nên bắt

dẫn đến chỗ vua tâu rằng: "vì người này nên để vua Xuất quang chạy thoát", Du-kiện-na nói với vua Mãnh quang: "tôi nhờ vua mà nuôi sống thân mạng, nay tôi giúp vua của tôi chạy thoát là đúng đạo nghĩa. Những vị quan này hưởng bỗng lộc của đại vương mà lại để cho vua của tôi chạy thoát thì có đúng đạo lý hay không?", vua nghe rồi liền trách Tăng dưỡng: "vua của nước địch đến đây mà các khanh lại để cho chạy thoát, có cách gì bắt được hắn thì tốt, nếu không thì các khanh phải chịu cực hình", Tăng dưỡng nghe rồi kinh hoàng vội suy nghĩ tìm cách. Lúc đó có người thợ giỏi về máy móc từ phương Nam đến, Tăng dưỡng hỏi: "ngươi có trí lực làm được máy móc như vậy phải không?", đáp: "tôi có học làm và mong được thành tựu". Tăng dưỡng nghe rồi liền giấu voi Vi sơn của vua và thông báo khắp trong thành biết là voi Vi sơn đã chạy mất, không biết ở đâu; sau khi gần xa đều nghe biết tin này, Tăng dưỡng bảo người thợ: "ngươi nên theo hình dạng cũ mà làm thành con voi Vi sơn máy", người thợ tuân lịnh làm thành voi máy. Trong con voi máy này có thể chứa được năm mươi người với nhiều phân voi và nước, Tăng dưỡng bảo người thợ: "các người điều khiển voi máy này đi gần đến nước Kiều-thiểm-tỳ rồi dừng ở đó, nếu vua kia cùng bốn binh đến xem thì cho voi chạy trở về, nếu một mình vua kia đến xem thì hãy bắt nhốt vào bên trong rồi cho voi chạy mau

trở về nước", người thợ tuân lịnh liền cho voi đi đến thành Kiều-thiểm-tỳ rồi đứng ở một chỗ cách đó không xa. Lúc đó những người chăn bò, chăn dê… thấy có voi kỳ lạ nên đến xem, có người nói voi từ núi rừng đến, có người nói là voi lớn của vua Mãnh quang chạy lạc đến. Quần thần nghe biết liền tâu vua: "do phước lực của vua nên voi lớn vi sơn của vua Mãnh quang chạy đến đây, nay đã có ngàn ức người khắp gần xa kéo đến xem", vua nghe rồi vui mừng bảo Du-kiện- na đánh trông thông báo khắp trong thành rồi thống lĩnh bốn binh cầm nhiều lưới dây ra khỏi thành bắt voi. Quan và dân từ trong thành kéo ra như mây tụ tập ngoài đồng để xem bắt voi, lúc đó những người ở bên trong voi máy thấy quân binh của vua đến liền điều khiển cho voi chạy xa. Đại thần tâu vua: "vua vốn điều khiển voi rất thiện nghệ, làm cách nào dẫn dụ để đến gần nó?", vua liền bảo bốn binh lui lại, một mình vua cầm đàn tỳ bà khảy lên âm thanh vi diệu đi đến gần voi. Người bên trong voi máy thấy một mình vua đến liền cho voi đứng lại, vua vừa đến gần bên voi, những người bên trong voi liền ào ra bắt vua đưa vào trong bụng voi rồi vội điều khiển voi chạy nhanh trở về nước. Thấy vua Xuất quang bị bắt, đại thần gia tăng binh lính đuổi rượt theo tới biên giới nước kia liền nói: "đã đến biên giới nước họ, không thể rượt theo được nữa, đành phải trở về suy nghĩ tìm cách cứu vua". Lúc đó Tăng dưỡng

dẫn vua Xuất quang đến gặp vua Mãnh quang, vua thấy rất vui mừng liền ra lịnh đánh trống thông báo dân trong thành tụ đến xem rồi bảo Tăng dưỡng đem vua Xuất quang ra giết. Tăng dưỡng tâu: "vua Xuất quang giỏi thuật huấn luyện voi, nếu đem giết thì thuật này bị mất. Nên cho người đến học diệu thuật này với vua ấy, học xong rồi đem giết cũng không muộn", vua nói: "vậy khanh hãy theo học đi", đáp: "nếu vậy thì vua ấy là thầy dạy học của thần, thần làm sao giết được, nếu giết là trái đạo lý", vua hỏi: "vậy ai có thể theo học được", đáp: "vương nữ Thiên thọ thông minh, siêng năng ai cũng biết, nếu bảo vương nữ theo học ắt sẽ học được diệu thuật này". Sau đó, vua bảo vương nữ Thiên thọ: "có một người nam đủ mười tám tướng xấu nhưng hắn rất giỏi thuật huấn luyện voi, con hãy đến học diệu thuật của hắn ở sau bức màn ngăn. Sau này cha sẽ học lại nơi con, nhưng con không được nhìn mặt kẻ xấu tướng ấy, nếu ai nhìn thấy chắc chắn sẽ chết", vương nữ vâng lời cha đến học diệu thuật điều luyện voi ở sau bức màn. Lúc đó tại nước Kiều-thiểm-tỳ, Du-kiện-na suy nghĩ: "ta phải nghe ngóng tin tức của vua, nếu còn sống thì tìm cách cứu ra, nếu đã chết thì tìm người kế vị", nghĩ rồi liền bảo em gái tên Kim lan là người thông minh trí huệ hơn anh gấp bội: "em hãy đến trong thành Ôn thệ ni hỏi thăm tin tức của vua, nếu vua còn sống thì chúng ta tìm cách cứu ra, nếu đã

chết thì tìm người kế vị". Kim lan nghe rồi liền lặng lẽ suy tính, cô thay đổi y phục giả làm một nữ ngoại đạo với y phục dơ bẩn đi dần đến thành Ôn thệ ni. Đến nơi, cô hỏi thăm người giữ cửa thành: "vua Xuất quang còn sống không?", người giữ cửa hỏi: "vua ấy cùng cô có oán thù gì?", đáp: "thù giết chồng con và thu đoạt tài sản", người giữ cửa nói: "vua ấy chưa chết, hiện đang dạy diệu thuật điều luyện voi cho vương nữ". Kim man lần lượt đi đến bốn cửa thành hỏi và họ đều đáp giống như thế, cô tìm cách đúc lót để đến được chỗ giam vua. Sau khi nhìn ngó khắp bốn phía, cô nhỏ giọng hỏi: "đại vương vẫn còn sống phải không?", vua kinh hoàng nhìn ngó bốn phía rồi đáp là còn sống. Cô bèn tìm cách thân cận Thiên thọ rồi hỏi: "vương nữ học thuật điều luyện voi với ai vậy?", đáp: "tôi học với một người nam có đủ mười tám tướng xấu ở sau bức màn", Kim man nói: "làm gì có người nam nào lại có đủ mười tám tướng xấu, người đó chính là vua Xuất quang oai nghiêm đoan chánh với đầy đủ tướng tốt, hiếm có trên đời. Nếu vương nữ không tin thì hãy giở màn lên nhìn xem", vương nữ nghe rồi liền giở màn lên nhìn thử, vừa nhìn thấy vua liền sanh lòng yêu mến nên nói với Kim man: "đúng như lời cô nói, có cách gì làm cho vua tư thông với tôi không?", Kim man nói: "tuy đó là viễn vông vì khó gặp được trường hợp này, nhưng nếu vương nữ đem lòng yêu mến thì thật là đúng

lúc. Đây chính là vua dòng Sát-đế-lỵ quán đảnh thọ vương vị, tôi sẽ tìm cách làm cho vương nữ toại ý". Sau khi biết được cả hai đều hợp ý, vương nữ Thiên thọ cùng vua rất yêu mến nhau, Kim man liền báo tin này cho anh biết. Du-kiện-na biết được tin này rồi liền giấu trong người năm loại anh lạc, bên ngoài mặc áo cỏ xưng là Xuân hoa, giả dạng điên cuồng đi đến thành Ôn thệ ni, nằm ngồi ngoài đường nói ra những lời điên cuồng như:

*"Mùa xuân hãy dạo chơi,*
*Mùa xuân hãy hưởng lạc,*
*Ta tên là Xuân hoa,*
*Cùng dạo chơi thưởng ngoạn".*

Nếu có ai nhận ra, nói chính là Du-kiện-na thì ông liền ngầm đưa vàng ngọc cho họ; nếu không có ai nhận biết, nói là kẻ điên thì ông cũng không đáp lại. Khi đi đến những nơi giàu có được cho y thực, ông đều đem cho kẻ nghèo đói, dần dần lén đến chỗ giam giữ vua. Một hôm, vương nữ Thiên thọ nói với vua Xuất quang: "nếu cha thiếp biết được chắc sẽ giết chết, chúng ta nên tìm cách chạy trốn là thượng sách", vua nói: "nếu như vậy thì nàng nên tâu với vua cha rằng: con học thuật điều luyện voi chỉ trên sách vở, chưa đích thân thực hành. Xin cha cho con voi mẹ Hiền thiện để con tùy ý cỡi, thực hành điều đã học", vương nữ liền làm theo lời vua Xuất quang nói. Lúc đó vua Mãnh quang nghe vương nữ nói rồi liền bảo Quản tượng

đưa voi mẹ Hiền thiện cho vương nữ thực tập, vương nữ lúc thì cỡi voi sáng đi trưa về, lúc thì xế đi chiều về khiến cho mọi người không để ý. Du-kiện-na sau khi bày kế chạy trốn cho vua liền gánh mang phân voi ra cửa thành, người giữ cửa hỏi thì đáp là vua bày tiệc trong vườn Hoan hỉ, người giữ cửa cho là lời điên khùng nên không để ý. Du-kiện-na đem phân này trộn với cỏ treo trên cành cây ở hai bên đường đi đến nước Kiều-thiểm-tỳ. Sau đó ông lại xách bình đựng đầy nước tiểu voi ra cửa thành, người giữ cửa hỏi thì đáp là vua bày tiệc dùng làm nước uống, người giữ cửa cũng không để ý như lần trước, ông đem treo bình nước tiểu voi này lên nhánh cây trên đường mà vua định chạy trốn. Sau đó đúng thời gian đã hẹn ước nhau, vua Xuất quang với cây đàn tỳ bà cùng Thiên thọ cỡi voi mẹ Hiền thiện đi đến chỗ đã ước hẹn với Du-kiện-na và Kim man để cùng chạy trốn. Lúc đó vua đánh đàn, đại thần ca như sau:

"Cùng cỡi voi Hiền thiện, Và đàn khúc Diệu âm, Thiên thọ cùng chúng tôi, Vẫy tay để từ giã,

Vua chính là thương chủ, Trở về Kiều-thiểm-tỳ, Nguyện của tôi đã mãn, Ca hát thật vui vẻ".

Lúc đó vua Mãnh quang không thấy vương nữ Thiên thọ vào cung liền hỏi Tăng dưỡng, Tăng dưỡng tìm kiếm mới biết là vua Xuất quang cùng Thiên thọ đã cỡi voi Hiền thiện chạy trốn, liền báo cho vua biết, vua nghe rồi liền nổi giận bảo Tăng

dưỡng cỡi voi Vi sơn đuổi theo bắt lại. Tăng dưỡng vội cỡi voi lớn đuổi rượt theo, thấy voi lớn sắp đuổi kịp, Du-kiện-na liền lấy phân voi treo sẵn trên nhánh cây vất ra đất rồi chạy. Voi lớn chạy tới gặp phải vật bất tịnh nên không chịu tiến tới, voi mẹ Hiền thiện nhờ thế chạy được xa. Trải qua nhiều dặm voi lớn lại đuổi kịp, Du-kiện-na lại lấy bình nước tiểu voi treo sẵn trên cành cây vất ra đất, voi lớn chạy tới gặp phải vật bất tịnh nên không chịu tiến tới, nhờ vậy họ chạy được tới biên giới của nước mình. Tăng dưỡng đuổi theo tới biên giới liền suy nghĩ: "đã tới biên giới ta nên quay trở về, nếu không voi lớn cũng sẽ bị bắt", nghĩ rồi liền quay về báo cho vua biết, vua nghe rồi ngồi chống cằm với dáng vẻ ưu sầu. Vua Xuất quang sau khi chạy thoát được trở về nước mình, vui mừng mở đại hội bố thí, thỉnh mời các Sa môn, Bà-la-môn… cho đến kẻ nghèo hèn xa gần tụ về chỗ vua dự hội. Một hôm cùng phu nhân Thiên thọ lên lầu, vua nói: "ta dùng thuật dối gạt mà đưa được nàng về đây", phu nhân nói: "cha thiếp cũng dùng thuật dối gạt mới bắt giữ được vua", vua nói: "nếu không đưa được cha nàng về thành Kiều-thiểm-tỳ này làm thợ dệt thì ta không xứng gọi là vua Xuất quang", phu nhân nghe rồi trong lòng tức giận nhưng im lặng. Sau đó vua Xuất quang hỏi Du-kiện-na: "khanh có cách nào làm cho ta hết ưu sầu chăng?", Du-kiện-na hỏi: "vua muốn làm gì?", vua nói: "ta muốn dùng dây

cột cổ vua Mãnh quang kéo về đây bắt làm thợ dệt", Du-kiện-na nói: "hóa ra đem được voi Hiền thiện và Thiên thọ về đây, vua vẫn không hết ưu sầu. Để thần nghĩ cách, không biết có được không", suy tinh xong liền báo cho vua biết là được. Sau đó ông liền thu mua hàng hóa rồi tìm một thương chủ giỏi và một mỹ nhân cho giả làm vợ thương chủ với nhiều món trang sức trang nghiêm thân, sắp xếp xong xuôi, ông cùng đoàn thương buôn lên đường đi đến nước Ôn thệ ni. Lúc đó vua Mãnh quang nghe có đoàn thương buôn lớn đến nước mình liền đích thân đến thu thuế, đến nơi, vua hỏi thương chủ ở đâu, họ chỉ chỗ, khi vua bước vào trong thì thấy vợ thương chủ xinh đẹp tuyệt trần nên sanh tâm đắm nhiễm, yêu cầu cùng giao hoan, vợ thương chủ nói: "đây là giường nệm, vua cứ tùy ý". Khi bị ái dục trói buộc thì không có việc gì mà không dám làm, lúc đó vua liền lên giường cùng vợ thương chủ giao hoan. Trong lúc vua đang mờ mịt trong hoan lạc thì thương chủ dùng vải phủ kín rồi sai bốn người khiên cả giường đi ra khỏi thành Ôn thệ ni bằng cửa sau, đoàn tùy tùng theo sau ca rằng:

*"Ở nhân gian muỗi ăn được Trăng,*
*Vua Tỳ sa môn bị đòi nợ,*
*Mặt đất, cây cối bay lên trời,*
*Dâm nữ bắt vua Mãnh quang đi".*

Lúc đó mọi người trong thành Ôn thệ ni không

biết vua đi đâu, Tăng dưỡng kinh hãi cho người đi khắp nơi tìm kiếm. Khi đưa được vua Mãnh quang về nước Kiều-thiểm-tỳ, các quan mừng rỡ tâu vua: "đại vương, đất nước được hưng thịnh, các nguyện đều như ý", vua Xuất quang nói: "hãy gông cùm hắn lại và bắt làm thợ dệt, không ai được báo cho Thiên thọ biết". Sau đó, nhân lúc cùng Thiên thọ lên lầu ngắm cảnh, vua Xuất quang từ trên lầu cao thấy vua Mãnh quang từ trong nhà thợ dệt đi ra liền hỏi Thiên thọ: "nàng có nhận biết người kia không?", vua Mãnh quang vốn có cái trán rộng, Thiên thọ nhìn kỹ liền nhận ra ngay, rơi nước mắt ướt áo suy nghĩ: "ác vương này bắt giam cha ta đến ở chỗ khổ sở như thế, nếu ta không giết được ác vương này thì ta không xứng gọi là Thiên thọ nữa. Tuy ta ra tay giết nhưng làm cho ác vương không thể biết được". Với bản tánh thông minh, vua Xuất quang nhận biết trong lòng Thiên thọ oán hận nên bảo đại thần: "đối với vua Mãnh quang, ta đã báo oán xong, khanh hãy cho tắm rửa thân hắn sạch sẽ, cho ăn các món ăn ngon, làm cho thân trang nghiêm rồi thả về nước, đại thần làm theo lời vua bảo rồi thả cho vua Mãnh quang về nước. Lúc đó Thiên thọ suy nghĩ: "nếu ta tìm cách giết ngay, ác vương sẽ sanh nghi. Ta hãy chờ đợi một thời gian nữa", nghĩ rồi liền gượng cười nói để xua tan nỗi ưu sầu. Thời gian sau, Thiên thọ mặc y phục dơ nằm trên giường hư cũ, vua hỏi nguyên do, đáp là

vì thiên thần giận, vua hỏi: "nàng đã cầu nguyện gì mà không tạ lễ?", đáp: "điều mà thiếp đã hứa trước đây nay không thể làm được", vua hỏi: "nàng đã hứa điều gì?", đáp: "trước kia khi cha thiếp giam giữ đại vương, thiếp cầu khẩn thiên thần rằng nếu thiếp cùng vua trở về nước Kiều-thiểm-tỳ được an toàn thì thiếp sẽ cùng vua nhịn ăn uống trong bảy ngày đêm, mãn bảy ngày sẽ dùng dây hoa đẹp quấn từ ngón chân lên đầu rồi kiệu lên đầu thành, lúc đó thiếp sẽ vì vua mở hội đại thí, thỉnh cúng dường một ngàn vị Sa môn, Bà-la-môn. Nay trong cung vua có nhiều cung phi, chắc là không còn ưu ái thiếp nữa, thiếp chắc sẽ chết không sai", vua nói: "nàng đã vì ta mà cầu khẩn thiên thần, nàng không nên buồn nữa, ta sẽ làm theo điều nguyện của nàng". Bắt đầu từ hôm đó, Thiên thọ làm phương tiện giết vua, nuôi hai con chó cột dưới chân thành, hằng ngày cho ăn thịt ngon nên chúng to lớn đến nỗi ăn một lượng thịt bằng thân người. Lúc đó Thiên thọ cùng vua nhịn ăn uống trong bảy ngày, nhưng ban đêm lại lén ăn uống no nê; vua vì quyết tâm nhịn ăn uống nên thân thể suy nhược, không thể đi đứng được. Mãn bảy ngày, Thiên thọ bảo người hết vòng hoa: "hãy dùng dây thô làm dây hoa thơm rồi mau đem đến", lại bảo Du-kiện-na: "hôm nay đại vương đã mãn giới kỳ, khanh hãy cho trang trí hoàng thành để mở hội đại thí, cúng dường một ngàn vị Sa môn, Bà- la-môn. Các khanh

hãy làm cho nhanh, không để cho họ biết được việc kín trong cung". Du-kiện-na nghe rồi liền cho người quét dọn sạch sẽ đường sá, rưới nước thơm, đốt hương thơm, rãi hoa thơm… trang hoàng đẹp đẽ như trong vườn Hoan hỉ. Lúc đó trong thành khắp nơi đều huyên náo bởi tiếng trống nhạc với các vũ công lượn múa, Thiên thọ liền đưa vua lên thành, cho vua nằm trên đất rồi dùng dây hoa quấn vua từ chân lên đầu, không một chỗ nào hở kín rồi đẩy vua xuống chân thành cho hai con chó tranh nhau ăn thịt, chừa lại xương trắng để cho diều hâu, kên kên bay đến rỉa xương. Lúc đó dân chúng trong thành thấy việc này rồi kinh hoàng lớn tiếng kêu khóc, không mấy chốc tin tức lan truyền, cả kinh thành chấn động. Các đại thần tụ họp bàn tán: "vì sao đại vương lại tự lên thành, vì sao dưới chân thành lại có chó ăn thịt vua?", sau khi kiểm tra phát hiện ra dây hoa, họ mới biết chính là do Thiên thọ đã tính kế ác để giết vua. Họ tức giận làm nhà bằng đồng đỏ rồi nhốt Thiên thọ trong đó, dùng lửa thiêu đốt cho Thiên thọ chịu đau khổ đến chết. Thế nên biết oán thù tương báo ngày nào mới dứt.

Lúc đó các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn, vua Xuất quang đời trước đã tạo nghiệp gì mà nay phải chịu quả báo bị chó ăn thịt?", Phật nói: "nghiệp mà vua Xuất quang đã tạo, nhân duyên hội họp nên phải chịu quả báo, đã tạo nghiệp rồi, theo thời gian nghiệp ấy tăng trưởng thuần

thục, duyên biến hiện tiền như bộc lưu (thác nước) không thể chảy ngược lại, quyết định phải chiêu lấy quả báo không ai có thể thọ thay. Này các Bí-sô, nếu người nào đã tạo nghiệp thiện ác, không phải địa thủy hỏa phong ở ngoài giới mới khiến người đó thọ báo, mà đều ở trong uẩn xứ giới của tự thân chiêu cảm quả dị thục. Như bài kệ:

*"Dù trải qua trăm kiếp,*
*Nghiệp đã tạo không mất,*
*Khi nhân duyên hội họp,*
*Tự thọ lấy quả báo".*

Các thầy lắng nghe:

Quá khứ trong một đô thành kia có một đại thần Bà-la-môn nuôi một bầy chó để đi săn. Vào thời đó không có Phật, chỉ có Phật Bích chi ra đời thường thương xót người nghèo khổ, thích trụ nơi yên tĩnh, là phước điền duy nhất ở thế gian. Vị Độc giác này du hành đến trong thành này, dừng ở qua đêm trong khu rừng vắng, sáng hôm sau đắp y mang bát vào thành khất thực. Đúng lúc đó Bà-la-môn dẫn bầy cho ra khỏi thành đi săn liền gặp vị Độc giác, vị Độc giác này không có lỗi lại có tương của bậc đại nhân, nhưng Bà-la-môn cho là điềm xấu nên thả chó chạy đến ăn thịt vị Độc giác.

Này các Bí-sô, đại thần Bà-la-môn thuở xưa chính là vua Xuất quang ngày nay, do thả chó đến ăn thịt bậc Thánh nhân nên trong năm trăm đời chịu quả báo thường bị chó ăn thịt. Này các Bí-sô,

hễ tạo nghiệp thuần đen thì cảm quả báo dị thục thuần đen; tạo nghiệp thuần trắng thì cảm quả báo dị thục thuần trắng; tạo nghiệp xen tạp thì được quả báo xen tạp, các thầy nên bỏ nghiệp thuần đen và nghiệp xen tạp, phải siêng tu tập nghiệp trắng".

Sau khi vua Xuất quang nước Kiều-thiểm-tỳ qua đời, vua Mãnh quang nước Ôn thệ ni không còn oán thù nên sống an lạc. Một hôm, vua ở trên lầu cao cùng các đại thần nói chuyện phi pháp, vua hỏi: "trong thành ấp nào có dâm nữ đẹp?", có người nói: "trong thành Đắc xoa thi la của vua Viên thắng cai trị có một kỹ nữ, dung nhan thù diệu, giỏi sáu mươi bốn kỹ năng, nam tử trong thế gian này gặp nàng rồi không ai là không say đắm", vua nghe rồi sanh tâm yêu thích muốn gặp, liền nói với Tăng dưỡng: "cho dù phải đi đến nơi xa để tìm gặp một cô gái như thế là khó, ta cũng muốn đến đó gặp", Tăng dưỡng nói: "vua Viên thắng từ lâu đã có oán thù với vua, nếu vua một mình đi đến Đác xoa thi la, vua đó biết được thì không tốt", vua nói: "ta đã quyết ý, khanh hãy ở lại đây còn ta đi một mình", Tăng dưỡng nói: "vua đã quyết ý thì tùy ý ra đi nhưng phải cẩn thận". Vua cỡi voi Vi sơn đến thành kia rồi để voi ở trong núi Thạch chử, một mình vào thành để đến gặp dâm nữ kia và trao cho dâm nữ chiếc vòng ngọc trị giá ngàn vạn để được cùng giao hoan. Lúc đó trong nước Ôn thệ ni, các đại thần Bà-la-môn ngạc nhiên vì không thấy vua,

không biết vua đi đâu nên nói với nhau: "vua không phải người tầm thường, nếu đi ắt có người biết", một người nói: "vua đã có đủ nội cung, còn đi đâu nữa", một người nói: "chúng ta nên đến hỏi Tăng dưỡng", nói rồi cùng đến gặp và hỏi vua hiện đang ở đâu, Tăng dưỡng nói: "các vị vội gì mà muốn gặp vua, xin hãy chờ, không bao lâu sẽ gặp", lại hỏi bao giờ, đáp là hai năm, mọi người tức giận nói: "ông đã giết vua để tự lập nên nói ra lời bất nghĩa như thế, nếu nội trong bảy ngày, gặp được vua thì tốt, nếu không gặp thì chúng tôi sẽ lập vua khác và giết chết ông", Tăng dưỡng nghe rồi trong lòng ưu sầu. Lúc đó phu nhân An lạc thấy Tăng dưỡng ưu sầu nên hỏi nguyên do, Tăng dưỡng kể lại việc trên, phu nhân nghe rồi liền nói: "khanh hãy dùng mật hòa với Tô rồi trộn vào trong cám gạo, đựng trong mâm vàng mang đến trong chuồng ngựa quỳ nói rằng: ai có thể nội trong ngày nay đi đến nước Đắc xoa thi la thì hãy ăn cám gạo trộn bơ và mật trong mâm vàng này", Tăng dưỡng làm theo lời, sau khi nói lời trên thì không thấy có con ngựa nào đến ăn cả. Lúc đó có một con ngựa già yếu, đứng một bên rũ tai, ông liền bưng mâm vàng đến trước ngựa này nói như trước, ngựa này nghe xong liền đến bên mâm ăn hết, ông vội đi báo cho phu nhân biết. Phu nhân nói: "hãy đi gắn yên cương, nếu thấy có hiện tượng lạ thì khanh không nên sợ. Hãy đối trước nó biểu lộ dũng khí oai hùng,

người có dũng khí thì vật không xem thường", Tăng dưỡng nghe theo lời đến chỗ con ngựa kia, vừa đặt yên cương lên lưng thì con ngựa bỗng biến đổi hình dạng lớn lên, nói với Tăng dưỡng: "này trượng phu, ông có từng thấy con ngựa như thế này chưa?", Tăng dưỡng rút dao ra nói: "này Trí mã Dược xoa, ngươi có từng thấy kỵ mã như thế này chưa?", đáp là chưa thấy, Tăng dưỡng nói: "này Trí mã Dược xoa, nếu biến đổi lại hình dạng cũ và chạy đi thì tốt, nếu không thì ta sẽ chặt rơi đầu", ngựa nói: "trượng phu hãy giao ước là sẽ không đưa tôi trở lại nơi này thì tôi sẽ chạy đi", Tăng dưỡng nói: "nếu đồng ý cùng đi thì ta hứa sẽ không phụ lòng ngươi", ngựa bằng lòng cùng đi, Tăng dưỡng liền lên ngựa đi đến thành Đắc xoa thi la.

-oOo-

# CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA TẠP SỰ

## QUYỂN 24

Tiếp theo phần nhiếp tụng trên:

Lúc đó vua Mãnh quang đang ở trong nhà dâm nữ tại thành Đắc xoa thi la, bỗng thấy Tăng dưỡng đến liền hỏi: "khanh tới đây làm gì?", Tăng dưỡng kể lại việc trên, vua nghe rồi nói: "đợi ta hưởng lạc hết bảy ngày rồi sẽ cùng về". Qua bảy ngày, vua đến trong núi Thạch chử cỡi voi đi thì voi rống to tiếng lên, cách đó không xa có người nghe biết tiếng voi rống liền nói với vua: "tôi nghe tiếng voi hiểu được ý nó, khi đi được trăm trạm phải cho nó trở lại biển Nam để uống nước cho no". Khi vua cùng Tăng dưỡng cỡi voi đi đến gần chỗ làm đồ gốm, voi liền đạp bể các đồ gốm đang trưng bày; thấy thợ gốm ưu sầu, Tăng dưỡng nói: "những người sống nhờ vào đất nên mới như vậy", vua nghe rồi có ý nghi, im lặng đi suy nghĩ: "Tăng dưỡng nói lời này rõ ràng là chê trách ta, vì chỉ có mình ta là người thọ dụng đất nước này, lời nói này sau này ta sẽ nhớ lại". Lát sau, voi lại đạp bể trứng

của chim Chìa vôi đẻ trên đường, chim mẹ thấy liền kêu bi thương, Tăng dưỡng nói: "không nên làm việc đưa đến lo buồn", vua nghe rồi liền suy nghĩ: "lời nói này cũng có ý chê trách ta là ta đến nhà dâm nữ là việc không nên làm, lời nói này sau này ta sẽ nhớ lại". Lát sau, khi cỡi voi đi qua dưới một tàng cây, từ trên cành cây có một con rắn đen buông mình xuống muốn mổ cắn vua, Tăng dưỡng liền rút dao chém rắn đứt từng khúc rơi xuống đất rồi nói: "việc không nên làm mà lại cố làm", vua nghe rồi liền suy nghĩ: "lời nói này cũng là có ý chê trách ta, đã ba lần chê trách sau này ta sẽ nhớ lại". Khi sắp đến thành, voi bỗng đi thật nhanh không chịu đi chậm, Tăng dưỡng tâu vua: "trước đây có thầy tướng nói voi đi được trăm trạm phải cho nó trở lại biển Nam để uống nước cho no, xem nó chạy nhanh chắc là không chịu ở lại, nên ôm lấy cành cây để xuống", vua và Tăng dưỡng cùng ôm cành cây để xuống rồi vào trong một khu vườn dừng nghỉ để voi được tùy ý đi, vua bảo Tăng dưỡng: "khanh hãy đi ngầm báo với phu nhân An lạc là ta đang ở trong vườn thơm", Tăng dưỡng theo lời vua đi báo, phu nhân nghe rồi rất vui mừng. Lúc đó vua vì xấu hổ nên không vào cung bằng cửa lớn mà đi vào bằng cửa nhỏ, bỗng nghe hai người nữ nói với nhau: "tôi nghe vua đã về đến", người kia nói: "theo như tôi suy đoán thì vua ắt sẽ đi vào cung bằng cửa nhỏ", vua nghe rồi liền

suy nghĩ: "ta bảo Tăng dưỡng đi ngầm báo với phu nhân, hắn lại đi loan báo khắp thành". Vào ngày khác, vua không nhịn được nữa liền nói với Tăng dưỡng: "đối với ta khanh đã từng nói ra những lời chê trách như: chẳng phải ta là người thọ dụng cả đất nước này hay sao mà chở chỗ---, khanh đã nói là những người này nhờ đất để tự sống; lại ở chỗ ----, khanh nói là không nên làm việc đưa đến lo buồn, tức là ta không nên đến nhà dâm nữ; lại ở chỗ, khanh nói là việc không nên làm mà cố làm, tức là nói việc ta đến nhà dâm nữ là không nên làm; lại nữa ở trong vườn thơm, ta sai khanh đến ngầm báo cho phu nhân biết đang đã về và đang ở trong vườn ấy, vậy mà khanh lại báo cho khắp cả thành hay, chính là làm việc bất lợi cho ta", Tăng dưỡng kinh sợ tâu: "xin linh kỳ làm chứng soi xét lòng thần, thật sự thần không dám chê trách vua. Trước đây tại nhà thợ gốm, thần thấy voi đạp bể đồ gốm của họ làm họ ưu sầu nên nói người sống nhờ vào đất mới như thế. Lần sau thấy chim mẹ đẻ trứng trên đường đi bị voi giẫm đạp, chim mẹ kêu bi thương nên thần mới nói việc không nên làm mà lại làm, tức là không nên đẻ trứng trên đường đi. Sau đó thấy rắn buông mình từ trên cành cây xuống muốn cắn vua, thần chặt đứt thành từng khúc rồi nói đối với người không nên làm hại mà lại cố làm. Đó đều là thần nói thẳng sự việc, không phải chê trách vua; lại nữa khi vua sai thần ngầm báo cho

phu nhân biết, thần không có loan báo khắp thành, không dám làm việc bất lợi cho vua", vua nói: "tuy khanh phân giải cho là mình không lỗi, nhưng tại cửa nhỏ chính tai ta nghe hai người nữ nói với nhau là vua về sẽ đi vào cung bằng cửa nhỏ, nếu không có ai nói thì làm sao họ biết?", đáp: "họ là yêu nữ phi hành, ẩn thân lén nghe lời vua nói, thật không phải thần làm việc bất lợi cho vua", vua nói: "nếu khanh không có lỗi thì cứ an tâm, không cần lo sợ. Lại nữa, trong lúc ta đi có Bà-la-môn nào nói là nếu ta không trở lại thì sẽ lập vua khác, nay đã đến lúc nên giết hết chúng", Tăng dưỡng nói: "nên tạm để Bà-la-môn lại mà giết yêu nữ phi hành trước", vua hỏi giết như thế nào, đáp: "phải lập kế mới giết được", vua nói: "nếu giết được là việc tốt". Sau đó Tăng dưỡng tìm đến chỗ con của đại thần là người giỏi pháp thuật hỏi rằng: "yêu nữ phi hành tàn hại sanh linh phải lập kế gì để trừ diệt hết?", đáp là có thể, liền chặt tay người chết hoa thành hoa sen xanh đưa cho người đem đi bán và dặn rằng: "hãy đem hoa này ra chợ bán, nhưng không được bán cho người mua bằng tiền, nếu thấy họ mỉm cười thì hỏi tên và ghi nhớ hình dạng", người ấy làm theo lời và ghi được tên năm trăm người mỉm cười. Vua nghe biết rồi liền hỏi Tăng dưỡng: "nhiều người như vậy làm sao giết hết?", đáp là có cách, vua nói tùy ý làm. Sau đó Tăng dưỡng chọn một chỗ gần bên thành, cho quét dọn sạch sẽ rồi mời các cô gái

có tên đến, nói rằng: "vua muốn mở hội cầu nguyện chư thần, các chị em nên đến dự", họ được mời liền đến, lại có người không được mời cũng đến, tổng cộng có hơn năm trăm người. Lúc đó người con của đại thần dùng chú thuật trói họ lại, Tăng dưỡng sai người cầm đao giết hết. Sau đó vua nói với Tăng dưỡng: "yêu nữ đã giết hết nhưng còn các Bà-la-môn", nói rồi liền cho người thông báo đến các Bà-la-môn khắp nơi rằng: "vua đã gây vô số nghiệp bất thiện lại giết năm trăm yêu nữ phi hành, để cứu giúp vua mong các vị hằng ngày đến một nơi cho vua cúng dường", vua lại ra lịnh dân trong thành nên làm thức ăn ngon cúng dường các Bà-la-môn. Các Bà-la-môn nghe rồi đều đến thọ cúng dường, khi họ ăn xong sắp ra về, môn nhân đếm tổng số có hơn tám vạn người liền tâu cho vua biết, vua nghe rồi suy nghĩ: "số người đông như vậy làm cách gì có thể giết cùng một lúc", nghĩ rồi liền ra lịnh cho một đao phủ đứng sau một Bà-la-môn đang ngồi ăn, đợi khi họ ăn xong nghe vua lên tiếng bảo lấy Lạc thì chặt đầu họ cùng một lúc. Sau khi khi ra lịnh giết hết các Bà-la-môn ấy rồi, ngay trong đêm đó vua nằm mộng thấy đất rung chuyển phát ra sáu tiếng, đó là: sáu, vô, ta, bỉ, tâm, nếu; thấy hư không cũng phát ra sáu tiếng, đó là: những, ai, bằng, nay, kia, ta; lại thấy có tám điềm mộng khác:

1. Thấy khắp thân được thoa bằng bột thơm

chiên đàn trắng.

2. Thấy thân được rưới bằng nước thơm chiên đàn đỏ.

3. Thấy lửa cháy trên đầu.

4. Thấy dưới nách thò ra hai con rắn độc lớn.

5. Thấy hai con cá lý ngư liếm hai chân của mình.

6. Thấy hai con ngỗng từ trên không bay xuống.

7. Thấy núi đen lớn hiện ở trước mặt.

8. Thấy chim bạch âu phóng uế trên đầu.

Vua tỉnh mộng rồi rất sợ hãi, toàn thân nổi ốc suy nghĩ: "phải chăng mộng này báo điềm vương vị bị sụp đổ và thân mạng có tổn", sáng hôm sau vua liền triệu các Bà-la-môn đến giải mộng, các Bà-la-môn nói với nhau: "đây là mộng tốt lành nhưng chúng ta sẽ nói là mộng xấu, nếu nói tốt thì ông ta sẽ thêm cao ngạo, tăng thêm ác kiến và sẽ giết thêm nhiều Bà-la-môn khác nữa", bàn xong họ liền tâu: "đại vương, đây không phải là mộng lành", vua hỏi: "hãy nói xem mộng báo điềm gì?", đáp: "mộng báo điềm vương vị sẽ sụp đổ và vua sẽ qua đời", vua nghe rồi rất ưu sâu suy nghĩ: "có cách gì khiến thân ta an ổn và vương vị vẫn bền hay không. Ta nên đến hỏi tôn giả Đại Ca-đa-diễn- na việc lành dữ như thế nào", nghĩ rồi liền đến chỗ tôn giả đảnh lễ rồi ngồi một bên kể lại giấc mộng trên.

Tôn giả nghe rồi hỏi vua: "vua đã hỏi ai khác về điềm mộng này chưa?", đáp là đã có hỏi các Bà-la-môn, nói rồi liền thuật lại lời họ nói, tôn giả nói: "họ thích hưởng dục lạc, chỉ cầu sanh thiên nên không thể biết việc khác. Đại vương, đây là mộng lành, vua không nên sợ hãi, mộng này không phải báo điềm mất vương vị và bỏ mạng. Vua hãy lắng nghe: vua mộng thấy đất rung chuyển phát ra sáu tiếng, đều là những tiếng khuyên nhắc vua hãy bỏ ác làm lành. Ngày xưa có sau vị vua dùng phi pháp trị nước, sau khi qua đời bị đọa vào địa ngục. Vua thứ nhất ở trong địa ngục chịu đau khổ nói kệ có chữ Sáu đứng đầu, đó là:

*"Sáu vạn sáu ngàn năm,*
*Đốt nấu trong địa ngục,*
*Đang chịu khổ cùng cực,*
*Không biết khi nào hết".*

Vua thứ hai nói kệ có chữ Vô đứng đầu, đó là:

*"Vô lượng khổ không bờ,*
*Không biết ngày nào hết,*
*Chúng ta cùng bị đốt,*
*Do nghiệp ác đã tạo".*

Vua thứ ba nói kệ có chữ Ta đứng đầu, đó là:

*"Ta có được y thực,*
*Hợp lý hay phi lý,*
*Người khác hưởng thọ lạc,*
*Riêng ta chịu khổ đau".*

Vua thứ tư nói kệ có chữ Bỉ, tức là thô bỉ đứng

đầu:

*"Thô bỉ thay thân ta,*
*Có vật không thể bỏ,*
*Ăn uống không cho người,*
*Khiến thân không lợi ích".*

Vua thứ năm nói kệ có chữ Tâm đứng đầu, đó là:

*"Tâm thường dối gạt ta,*
*Trấn áp, ngu si kéo,*
*Chịu khổ nơi địa ngục,*
*Không ai thay thế được".*

Vua thứ sáu nói kệ có chữ Nếu đứng đầu, đó là:

*"Nếu ta sanh làm người,*
*Thường tu tập việc thiện,*
*Do sức của phước nghiệp,*
*Sẽ được sanh cõi trời".*

Vua nên biết sáu tiếng ấy đều nói rõ nghiệp đã làm trước kia của họ. Lại nữa này đại vương, trong hư không phát ra sáu tiếng: một là trong cung vua có cây tre lớn, nhiều trùng nhỏ sống trong đó đã ăn hết phần mềm, chỉ còn phần vỏ cứng. Các trùng này không vui, sợ không sống được nên cùng nhau nói kệ để báo cho chủ nhà biết, kệ này có chữ Những đứng đầu:

*"Những phần mềm ăn hết,*
*Chỉ còn phần vỏ cứng,*
*Mong vua biết không vui,*
*Nên thay cho cây khác".*

Vì vậy vua nên thay cây tre cũ bằng cây tre mới để các trùng này được sống. Hai là trong cung vua có người giữ ngựa tên là Cận thân đã mù một mắt, người này hằng ngày đập phá trứng trong tổ Quạ, Quạ mẹ thấy con chết nên oán hận cùng nói ra kệ có chữ Ai đứng đầu, đó là:

*"Ai có thể giúp nhau*
*Đâm kẻ kia mù mắt,*
*Để không giết con tôi,*
*Để tôi không đau buồn".*

Vì thế vua nên cấm ngăn kẻ kia đừng làm như thế nữa. Ba là trong vườn của vua có một cái ao, nước dâng đầy tràn nên nhiều loài cá, ba ba, tôm, ếch sống trong đó. Có một con cò thường bay đến bắt cá ăn hết, nay nước trong ao khô cạn, chim thấy việc này nên nói kệ than thở có chữ Bằng, tức là đất bằng:

*"Đất bằng ngang với nước,*
*Trong nước có cá rùa,*
*Bị cò ăn nuôi thân,*
*Nay nước lại khô cạn".*

Vì thế vua nên cho thêm nước vào và đuổi cò đi nơi khác. Bốn là trong nước của vua có một ngọn núi lớn tên là Khả uý, trên núi có hai vợ chồng voi đều bị mù, nhờ có voi con nuôi dưỡng. Voi con này thường ra ngoài tìm thức ăn về nuôi cha mẹ, bỗng gặp một voi cái dụ dỗ đi theo nên bị bắt trói trong vườn, nó nhớ cha mẹ nên không ăn

cỏ nước, đau khổ nói kệ có chữ nay đứng đầu:

*"Nay cha mẹ cô độc,*
*Mù không ai dẫn dắt,*
*Sống ở trong rừng sâu,*
*Ai săn sóc cho ăn".*

Vì thế vua nên thả voi ấy cho về với cha mẹ nó. Năm là trong cung vua có con Nai bị bắt nhốt phải xa bầy cũ, nó buồn khổ nên nói kệ có chữ Kia đứng đầu, đó là:

*"Bầy kia đều vui sướng,*
*Cỏ nước, mặc tình đi,*
*Riêng ta bị bắt nhốt,*
*Ngày đêm luôn ưu sầu".*

Vì thế vua nên thả cho Nai kia trở lại rừng. Sáu là trong cung vua có một con Thiên nga bị nhốt, nó nhìn lên bầu trời thấy bầy Nga bay ngang qua nên đau buồn nói kệ có chữ Ta đứng đầu, đó là:

*"Bạn ta đã bay rồi,*
*Ăn uống tùy ý thích,*
*Ta có tội nghiệp gì,*
*Bị trói không muốn sống".*

Vì thế vua nên khởi tâm Từ thả cho nó được tự do. Lại nữa, vua thấy tám cảnh mộng là điềm báo trước việc gì?:

1. Vua thấy khắp thân được thoa nước thơm chiên đàn trắng, đây là điềm báo trước vương quốc Thắng phương sẽ đem xấp vải trắng bằng Giạ quý

đến dâng cho vua, hiện đang đi trên đường, bảy ngày sau sẽ đến.

2. Vua thấy thân được rưới nước thơm chiên đàn đỏ, đây là điềm báo trước vương quốc Kiền-đà-la sẽ đem xấp vải đỏ bằng Giạ quý đến dâng cho vua, hiện đang đi trên đường, bảy ngày sau sẽ đến.

3. Vua thấy lửa cháy trên đầu là điềm báo trước vương quốc bàn na sẽ đem vòng hoa bằng vàng đến dâng cho vua, hiện đang đi trên đường, bảy ngày sau sẽ đến.

4. Vua dưới nách ló ra hai con rắn độc là điềm báo trước vương quốc Chi na sẽ đem hai bảo kiếm đến dâng cho vua, hiện đang đi trên đường, bảy ngày sau sẽ đến.

5. Vua thấy hai con Lý ngư liếm hai chân là điềm báo trước vương quốc đảo Sư tử sẽ đem một đôi giày báu đến dâng cho vua, hiện đang đi trên đường, bảy ngày sau sẽ đến.

6. Vua thấy hai con ngỗng trắng từ không trung bay đến là điềm báo trước vương quốc Thổ hỏa la sẽ đem hai con tuấn mã đến dâng cho vua, hiện đang đi trên đường, bảy ngày sau sẽ đến.

7. Vua thấy núi đen hiện tới trước mặt là điềm báo trước vương quốc Yết-lăng-già sẽ đem voi chúa hai đầu đến dâng cho vua, hiện đang đi trên đường, bảy ngày sau sẽ đến.

8. Vua thấy chim bạch âu phóng uế trên đầu là

điềm báo trước về đại phu nhân An lạc mà tự vua sẽ biết. Tất cả đều là khuyên vua không nên khởi tâm ác với Bà-la-môn nữa". Vua Mãnh quang nghe rồi rất vui như sắp chết được cứu sống lại, càng thêm tín kính liền đảnh lễ tôn giả rồi trở về cung. Sau đó vua theo như lời tôn giả chỉ dạy thay cây tre lớn, cấm ngăn người giữ ngựa, đổ nước vào ao cho đầy, thả voi cùng nai và thiên nga được tự do; bảy ngày sau quả như lời tôn giả nói, các nước đều đưa cống vật đến. Vua thấy sự việc này rồi càng thêm kính trọng tôn giả, suy nghĩ: "những điều may mắn vừa xảy ra đều là nhờ phước lực của tôn giả, ta nên đem tấm vải trắng bằng giạ quý cúng dường rồi sau đó đem vương vị nhường lại cho tôn giả", nghĩ rồi liền sai sứ đem tấm giã quý đến cúng cho tôn giả Đại Ca-đa-diễn-na, Sau đó vua bảo phu nhân An lạc, Tinh quang, Ngưu hộ, Tăng dưỡng và đại thần: "các khanh nên biết, các nước đem cống vật đến, các khanh thích thứ gì thì tùy ý lấy dùng", phu nhân An lạc lấy vòng hoa bằng vàng, Tinh quang lấy tấm Giạ quý đỏ, Ngưu hộ lấy hai con tuấn mã, Tăng dưỡng lấy hai bảo kiếm, đại thần lấy đôi giày báu, riêng voi quý thuộc của vua. Sau đó vua đến chỗ tôn giả Ca-đa-diễn-na đảnh lễ rồi ngồi một bên bạch rằng: "việc làm xuất phát từ tâm Từ thật rộng sâu, khó thể nói hết, con xin đem vương vị nhường lại cho tôn giả, xin tôn giả thương xót thọ nhận", tôn giả nói: "đại vương, Thế tôn có chế

ngăn các Bí-sô thọ nhận vương vị", vua nói: "nếu vậy xin tôn giả nhận lấy nửa nước", đáp cũng không được, vua nói: "nếu làm vua là điều Phật chế ngăn, vậy thì thọ hưởng năm dục đúng lý là không có tổn", tôn giả nói: "Thế tôn cũng chế ngăn thọ năm dục", vua nói: "nếu vậy xin tôn giả thọ những vật dụng và thượng thọ dụng để tùy ý thọ dụng", tôn giả nói: "để tôi bạch Phật", vua nói tùy ý tôn giả. Lúc đó Thế tôn tuy đang ở tại rừng Thệ đa, thành Thất-la-phiệt nhưng vẫn biết hết mọi việc nên suy nghĩ: "cho dù Ca-đa-diễn-na không cần những vật thọ dụng và thượng thọ dụng này, nhưng vì các Bí-sô vị lai cũng nên thọ nhận", suy nghĩ rồi liền vận tâm thế tục. Thường pháp của chư Phật là hễ khởi tâm thế tục thì ngay đến loài kiến cũng hiểu được ý Phật, nếu khởi tâm xuất thế thì ngay đến bậc Thanh văn, Độc giác cũng không thể hiểu. Khi Phật vận tâm thế tục, tôn giả Ca-đa-diễn-na dùng thiên nhãn thiên nhĩ có thể nghe biết được ý Phật, lúc đó tôn giả bạch Phật: "Thế tôn, Bí-sô có được thọ thí chủ cúng những vật thọ dụng và thượng thọ dụng hay không?", Phật nói: "vì thương tưởng các Bí-sô đời vị lai và muốn cho thí chủ được phước báu tăng trưởng, ta khai cho Bí-sô vì Tứ phương tăng được thọ những vật thọ dụng và thượng thọ dụng, không được vì cá nhân. Trong đây vật thọ dụng là ruộng vườn…, thượng thọ dụng là trâu bò dê…". Sau khi thỉnh ý Phật xong tôn giả liền nói

cho vua Mãnh quang biết, vua nghe rồi liền cho xây cất chùa lớn, cúng dường tứ sự đầy đủ cho tôn giả và cúng dường ruộng vườn…, bò dê… cho Tứ phương tăng. Lúc đó Phật bảo các Bí-sô: "lần đầu tiên ta khai cho Ô-ba-sách-ca cúng dường những vật thọ dụng cho Tứ phương tăng Thanh văn, vua Mãnh quang ở nước Ôn thệ ni là người cúng đầu tiên. Lần đầu tiên ta khai cho Ô-ba-sách-ca cúng dường bánh cho Tứ phương tăng Thanh văn, vua Ảnh Thắng ở nước Ma- kiệt-đà là người cúng đầu tiên. Lần đầu tiên ta khai cho Ô-ba-sách-ca cúng dường ngọa cụ phòng xá cho Tứ phương tăng Thanh văn, trưởng giả Cấp-cô-độc ở thành Thất-la-phiệt là người cúng đầu tiên. Lần đầu tiên ta khai cho Ô-ba-sách-ca cúng dường Tỳ-ha-la cho Tư phương tăng Thanh văn, trưởng giả Thiện hiền ở thành Bà-la-nê-tư là người cúng đầu tiên".

Nhiếp tụng nội dung đoạn trên:

*Mãnh quang cúng tất cả,*
*Vua Ảnh Thắng cúng bánh,*
*Cấp cô cúng ngọa cụ,*
*Thiện hiền lập chùa Tăng.*

Sau đó vào một đêm, vua cùng Phu nhân An lạc đang ngồi ăn, vì vua thích Tô nên phu nhân đem một chén Tô đến trước vua. Lúc đó Tinh quang khoác tấm Giạ quý lông đỏ đi qua trước hiên, ánh sáng của tấm Giạ này chiếu vào phòng như làn chớp và chiếu vào người của vua cùng phu nhân,

phu nhân kinh ngạc nói: "cái gì chiếu sáng, là ánh chớp hay ánh đèn?", vua nói: "không phải ánh chớp, cũng không phải ánh đèn, mà là ánh sáng chiếu ra từ Tấm Giạ quý lông đỏ mà Tinh quang đang mặc. Tấm Giạ quý như vậy mà nàng lại không lấy, lại lấy vòng hoa bằng vàng, chẳng lẽ trong cung của ta lại không có vòng hoa bằng vàng hay sao. Ai nói là phụ nữ phương ngoài có thể phân biệt được tốt xấu", phu nhân nói: "nàng ấy làm sao có trí huệ như thế, há chẳng phải đại vương đã bảo nàng ấy lấy tấm Giạ quý hay sao?", vua nói: "nàng ấy tự lây, không phải do ta bảo". Vua và phu nhân chỉ vì việc này mà giận nhau, phu nhân ném chén Tô vào đầu vua, vua đưa tay xoa trán thấy bị thương chảy máu liền kêu lên: "đầu ta bị vỡ, máu não chảy ra, chắc là chết không sống được, trước khi chưa chết hãy giết nàng ấy cho ta", nói rồi ra lịnh Tăng dưỡng đem giết phu nhân, Tăng dưỡng nghe rồi liền suy nghĩ: "vua rất yêu mến phu nhân, nay chỉ vì quá tức giận nên mới nói lời này, ta không nên vội đem giết ngay, chờ vua hết giận xem ý tứ vua thế nào rồi đem giết cũng không muộn. Hãy đem phu nhân giấu nơi kín đáo, không để cho vua biết", nghĩ rồi liền đáp: "thần sẽ đem giết ngay", đáp rồi liền đem phu nhân giấu nơi kín đáo. Sau đó vua hết giận liền hỏi Tăng dưỡng phu nhân đâu, đáp: "đại vương ra lịnh giết, thần đã đem giết chết rồi", vua nói: "khanh nên giết luôn ta cùng

Tinh quang và Thái tử rồi tự lên ngôi quán đảnh. Tuy nàng ấy có hành động khinh thường ta, nhưng răn dạy trước rồi sau mới phán đoán, lẽ nào lại đem giết ngay", Tăng dưỡng nói: "thần xin nói ví dụ, người có trí nghe ví dụ liền hiểu được sự việc"

*Tổng nhiếp tụng nội dung:*
*Chim Cưu chết, trần trụi,*
*Ba hạng, khó, không nên,*
*Xem không chán, không ngủ,*
*Nhiếp trong bảy bài tụng.*

1. Nhiếp tụng nội dung thứ nhất:

*Chim Cưu chết trong rừng,*
*Con khỉ chết dưới cây,*
*Trong đời này, đời khác,*
*Bốn tối tăm nên biết.*

Tăng dưỡng nói: "đại vương lắng nghe:

Thuở xưa, tại một danh sơn có suối chảy trong mát và cây trái xum xuê, trên một đại thọ có đôi chim Cưu làm tổ, chúng hái trái ngon chất đầy trong tổ, chim trống bảo chim mái: "chúng ta không nên ăn những trái này, nên để dành phòng khi gió mưa tìm không được thức ăn, chúng ta nên tìm thức ăn khác", chim mái đồng ý. Sau đó do trời nắng nóng, những trái để dành trong tổ bị khô nên thấy thiếu ít lại, chim trống trách chim mái: "ta đã nói với nàng là không nên ăn những trái này, nên để dành phòng khi có gió mưa mới ăn, vì sao nàng lại lấy ăn", đáp là không có ăn, chim trống nói: "trái

cây được chất đầy tổ, nay sao thấy thiếu ít lại, nếu không ăn thì nó đi đâu?", chim mái nói: "em cũng không biết vì sao lại thiếu ít như thế". Lúc đó chỉ vì việc này mà hai con chim tranh cãi nhau loạn xạ, đến nỗi chim trống mổ mạnh vào đầu chim mái, nhân đó chim mái chết. Sau đó trời bỗng mưa, trái cây gặp mưa nở ra đầy trong tổ như trước, chim trống thấy việc này rồi suy nghĩ: "trái cây nay đầy trong tổ như trước, rõ ràng không phải nàng ấy ăn", nghĩ rồi liền đến chỗ chim mái nói lời sám tạ:

*"Cưu mái khả ái mau sống lại,*
*Không phải nàng ăn trái trong tổ,*
*Vì thấy chỗ thiếu đầy như cũ,*
*Xin nàng hãy tha thứ cho ta".*

Lúc đó trên hư không, chư thiên thấy việc này rồi liền nói kệ:

*"Ngươi cùng chim xinh đẹp,*
*Vui sống nơi núi rừng,*
*Vì ngu si vô trí,*
*Giết rồi mới biết hối".*

Tăng dưỡng nói hai bài kệ:

*"Như chim Cưu ngu kia,*
*Vô cớ giết đồng loại,*
*Đâu biết bạn chết rồi,*
*Phải hối hận buồn khổ.*
*Đại vương cũng như vậy,*
*Vô cớ giận người yêu,*
*Đã ra lịnh hành hình,*

*Rồi tự sanh ưu não".*

"Đại vương lắng nghe ví dụ khác:

Thuở xưa có một trưởng giả vào mùa thu mang hạt giống đậu nành ra ruộng để gieo trồng, đến nơi để dưới một gốc cây rồi trở về lấy mang ra tiếp. Lúc đó trên cây có con khỉ leo xuống trộm lấy một nắm đậu; khi leo trở lên cây, chuyền từ cành này sang cành khác, nó làm rơi một hạt liền vất cả nắm đậu trong tay để trở xuống đất tìm hạt bị rơi. Trưởng giả trở lại nhìn thấy liền dùng cây đánh chết con khỉ, thần cây thấy việc này rồi liền nói kệ:

*"Như con khỉ ngu kia,*
*Bỏ cả nắm tìm một,*
*Nên mới bị người đánh,*
*Đau đớn mà bỏ mạng".*

Tăng dưỡng nói: "vua trước đã sai thần giết phu nhân, vì chút giận nhỏ mà quên mất lợi lớn. Nay muốn gặp lại, làm sao gặp được", vua nói: "vì sao chỉ vì một lời nói mà khanh lại giết chết phu nhân", đáp: "lẽ nào vua không nghe:

*"Đại sư không có hai,*
*Nói ra chỉ một lời,*
*Quyết định không sai chạy,*
*Lời của vua cũng vậy".*

Vua nói: "lúc đó lòng ta mê mờ rối loạn nên mới ra lịnh giết, khanh lại làm theo thì có đúng lý hay không?", đáp: "vua há không nghe trên đời có

hai loại tối hay sao, liền nói kệ:

*"Đại vương nay nên biết,*
*Đời có hai loại tối,*
*Một là mắt bị mù,*
*Hai là không biết pháp.*
*Đời này và đời sau,*
*Lại có hai loại tối,*
*Một là tội ác kiến,*
*Hai là phá tịnh giới".*

2. Nhiếp tụng nội dung thứ hai:

Thân trần trụi, không dùng, Cối giã không phải một, Họa hại, khởi tâm nghi, Khinh thường, việc từ từ.

Vua nói với Tăng dưỡng: "khanh đã giết phu nhân An lạc, ta nay như trần trụi", đáp: "hà vua không nghe trên đời có trường hợp trần trụi, không phải là tướng tốt, đó là:

*"Sông không nước, trần trụi,*
*Nước không vua cũng vậy,*
*Đàn bà có chồng chết,*
*Không biết hướng về đâu".*

Vua nói: "khanh đã giết phu nhân khiến cho trong cung thấy như rỗng không", đáp: "há vua không nghe trên đời có điều rỗng không, đó là:

*"Ngựa dở đi đường chậm,*
*Thức ăn không gia vị,*
*Trong nhà có dâm nữ,*

*Là ba điều rỗng không".*

Vua nói: "phu nhân xinh đẹp chưa hưởng hết năm dục đã bị ngươi giết rồi", đáp: "há vua không nghe trên đời có việc không được thọ dụng, đó là:

*"Kẻ bán than có áo đẹp,*
*Người giặt y có giày dép,*
*Cung nữ ở trong cung vua,*
*Không được thọ dụng nên biết".*

Đại vương, chẳng phải chỉ có ba việc này, còn có ba loại không được dùng, đó là:

*"Khe sâu hoa xuân nở,*
*Thiếu nữ giữ trinh tiết,*
*Chồng viễn chinh nơi xa,*
*Trọn ngày đêm không dùng".*

Vua nói: "khanh quá vội vàng đã giết chết phu nhân, tội đáng bỏ vào cối giã", đáp: "vua há không nghe có ba hạng người đáng bỏ vào cối giã, đó là:

*"Thợ mộc không xét kỹ,*
*Thợ may dùng chỉ dài,*
*Người lái không nhìn xe,*
*Cả ba đáng bị giã".*

Đại vương, chẳng phải chỉ có ba hạng người này, còn có ba hạng người khác, đáng cho vào cối giã, đó là:

*"Sứ lại sai sứ khác,*
*Bảo làm lại sai chuyền,*
*Nữ mà thích làm càn*

*Cả ba đáng bị giã".*

Đại vương, lại còn có ba hạng khác, đó là:

*"Chăn trâu ở trong ruộng,*
*Cạo tóc ở trong rừng,*
*Thường ở nhà phụ nữ,*
*Cả ba đáng bị giã".*

Vua nói: "ta chỉ nói một lời, khanh liền giết phu nhân, ta thật đau khổ", đáp: "vua há không nghe trên đời có ba hạng người chỉ nói một lời chắc chắn, đó là:

*"Vua chỉ nói một lời,*
*Gái xuất giá một lần,*
*Thánh giả một lần hiện,*
*Ba hạng, một lần thôi".*

Vua nói: "khanh tự làm điều họa hại, chỉ nghe một lời của ta liền giết chết phu nhân", đáp: "vua há không nghe trên đời có ba hạng tự chiêu họa hại, đó là:

*"Kẻ yếu lại mặc giáp,*
*Không bạn, có nhiều tiền,*
*Già suy lấy thiếu nữ,*
*Ba hạng này tự hại".*

Vua nói: "ta nghi khanh có ý đồ, vì sao chỉ vì một lời nói mà liền giết phu nhân", đáp: "vua há không nghe trên đời có ba hạng người, khi gặp đều khiến người khác nghi, đó là:

*"Thấy kẻ ít trí tu hạnh cao,*

*Thấy người dũng mãnh không có sẹo,*
*Thấy gái già suy nói còn trinh,*
*Ba hạng này khiến người khác nghi".*

Vua nói: "khanh thật khinh thường ta nên mới vội giết phu nhân", đáp: "vua há không nghe trên đời có ba hạng người bị người khác khinh, đó là:

*"Người rảnh rỗi nói nhiều,*
*Người mặc y cũ dơ,*
*Người không mời mà đến,*
*Ba hạng này bị khinh".*

Vua nói: "khanh muốn từ từ trở thành oan gia của ta hay sao, đã giết phu nhân yêu quý của ta rồi thì ta còn gì nữa", đáp: "vua há không nghe có việc phải từ từ, đó là:

*"Ăn cá phải từ từ,*
*Leo núi cũng như vậy,*
*Đại sự không thành ngay,*
*Ba việc này tiến dần".*

3. Nhiếp tụng nội dung thứ ba:

*Ba hạng người ngu si,*
*Chia cách có ba việc,*
*Hạ lưu, xe cán chết,*
*Việc gian trá nên biết.*

Vua nói: "khanh là người ngu si, vì sao đem giết phu nhân yêu dấu của ta", đáp: "vua há không nghe thế gian có ba hạng người ngu si, đó là:

*"Gửi cho người không biết,*

*Phục vụ người nóng tính,*
*Vội làm rồi bỏ ngay,*
*Là ba hạng ngu si".*

Vua nói: "khanh muốn chia cách người thân của ta nên mới giết phu nhân", đáp: "vua há không nghe có ba hạng bị chia cách, đó là:

*"Biết bạn nhưng không thân,*
*Hoặc thân mật thái quá,*
*Cầu xin không đúng lúc,*
*Ba hạng đáng chia cách".*

Vua nói: "ngươi là kẻ hạ lưu vì đã giết phu nhân của ta", đáp: "vua há không nghe có ba kẻ hạ lưu, đó là:

*"Tham muốn vật của người,*
*Yêu tiếc vật của mình,*
*Vui khi thấy người khổ,*
*Là ba kẻ hạ lưu".*

Vua nói: "ngươi đáng bị xe cán chết vì đã giết phu nhân của ta", đáp: "vua há không nghe có ba hạng người đáng bị xe cán chết, đó là:

*"Vụng mà làm máy móc,*
*Vẽ mà không biết màu,*
*Trẻ mà không nghề khéo,*
*Ba hạng đáng xe cán".*

Vua nói: "ngươi rất gian trá nên mới giết phu nhân của ta", đáp: "vua há không nghe có ba hạng gian trá, đó là:

*"Gái lấy chồng ba lần,*
*Xuất gia lại hoàn tục,*
*Chim bị bẫy bay thoát,*
*Ba hạng này gian trá".*

4. Nhiếp tụng nội dung thứ tư:

*Khó được, vì người khác,*
*Cô độc, việc nhiều hư,*
*Trái nghịch, đáng đánh nặng,*
*Đi mất, làm, vô ích.*

Vua nói: "phu nhân là người khó có được nay đã bị ngươi giết chết rồi", đáp: "vua há không nghe thế gian có bốn việc khó được, đó là:

*"Đầu thỏ khó có sừng,*
*Lưng rùa khó có lông,*
*Dâm nữ khó một chồng,*
*Kẻ xảo khó nói thật".*

Vua nói: "người vì người khác nên giết chết phu nhân của ta", đáp: "vua há không nghe có bốn hạng người vì người khác, đó là:

*"Vì người nhận vật gửi,*
*Bảo hộ và làm chứng,*
*Đi đường không lương thực,*
*Kẻ ngu làm việc này".*

Vua nói: "người giết chết phu nhân khiến cho ta cô độc", đáp: "vua há không nghe có việc cô độc, đó là:

*"Khi sanh một mình đến,*

*Khi chết một mình đi,*
*Gặp khổ một mình chịu,*
*Luân hồi đi một mình".*

Vua nói: "ngươi làm việc hư nhiều thật ít nên mới giết phu nhân của ta", đáp: "há vua không nghe có bốn việc hư nhiều thật ít, đó là:

*"Nghèo khổ đến người xin,*
*Trứng cá và hoa táo,*
*Mùa thu nổi nhiều mây,*
*Hư nhiều mà thật ít".*

Vua nói: "ngươi hành động trái nghịch nên giết chết phu nhân của ta", đáp: "há vua không nghe có việc thường trái nghịch nhau, đó là:

*"Bóng sáng với sáng tối,*
*Ngày đêm với thiện ác,*
*Bốn việc này trên đời,*
*Thường là trái nghịch nhau".*

Vua nói: "ngươi đáng bị đánh nặng vì đã giết phu nhân của ta", đáp: "há vua không nghe có bốn việc đáng đánh, đó là:

*"Vải bị đập thêm láng,*
*Lừa bị đánh mới đi,*
*Vợ bị đánh nghe chồng,*
*Trống bị đánh mới kêu".*

Vua nói: "người đã giết phu nhân của ta, hãy đi mất đi", đáp: "há vua không nghe có bốn việc mất đi, đó là:

*"Gió thổi bụi bay mất,*
*Tiếng ồn mất giọng ca,*
*Phục vụ người vô dụng,*
*Trái nghịch bậc có đức".*

Vua nói: "người đã làm việc không đúng là đã giết phu nhân của ta", đáp: "há vua không nghe có bốn việc làm không đúng, đó là:

*"Làm vua mà nói dối,*
*Thầy thuốc mà lăng xăng,*
*Sa môn mà nổi giận,*
*Người trí làm việc ngu".*

Vua nói: "ngươi đã làm việc vô ích là đã giết phu nhân của ta", đáp: "há vua không nghe có bốn việc vô ích, đó là:

*"Thắp đèn dưới mặt trời,*
*Mưa rơi xuống biển lớn,*
*Đã no lại ăn thêm,*
*Phục vụ người rảnh rỗi".*

5. Nhiếp tụng nội dung thứ năm:

*Việc không nên, không xem,*
*Bất thiện, đáng đuổi đi,*
*Sợ, không vui, bỏ đi,*
*Mong nhớ, khó nghĩ, buồn.*

Vua nói: "người đã làm việc không nên làm là đã giết phu nhân của ta", đáp: "há vua không nghe có bốn việc không nên làm, đó là:

*"Không thỉnh mà cố dạy,*

*Thuyết pháp cho người ngủ,*
*Không xin được, cố xin,*
*Đấu sức với kẻ mạnh".*

Vua nói: "ngươi không xem xét kỹ liền giết chết phu nhân của ta", đáp: "tuy thần không xem xét kỹ nhưng có bốn việc nên xem, đó là:

*"Dũng sĩ đánh nên xem,*
*Chú trừ độc nên xem,*
*Tiệc thân tộc nên xem,*
*Giảng nghĩa được nên xem".*

Vua nói: "ngươi giết phu nhân là việc làm bất thiện", đáp: "há vua không nghe có bốn việc bất thiện, đó là:

*"Tại gia không siêng làm,*
*Xuất gia có tham dục,*
*Vua không biết trù lượng,*
*Đại đức lại nổi sân".*

Vua nói: "ngươi giết phu nhân của ta, tội đáng bị đuổi đi", đáp: "há vua không nghe có bốn việc đáng bị đuổi đi, đó là:

*"Lái xe làm xe ngả,*
*Không lường biết sức bò,*
*Bò cái nhiều sữa cặn,*
*Gái ở lâu nhà mẹ".*

Vua nói: "ngươi giết phu nhân của ta, ta thấy ngươi thật đáng sợ", đáp: "há vua không nghe có bốn việc không nên sợ mà sợ, đó là:

*"Chim Ri và Chìa vôi,*
*Cò trắng và nhạn xanh,*
*Cả bốn loại chim này,*
*Thường có tâm sợ hãi".*

Vua nói: "nếu ta không có phu nhân, lòng ta không vui, tại sao ngươi lại giết?", đáp: "há vua không nghe có bốn việc không vui, đó là:

*"Vượn không thích xóm làng,*
*Cá không thích núi đá,*
*Trộm không thích thiền thất,*
*Cuồng phu chán vợ mình".*

Vua nói: "ngươi giết phu nhân của ta, ngươi thật đáng bỏ đi", đáp: "há vua không nghe có bốn việc đáng bỏ, đó là:

*"Vì nhà bỏ một người,*
*Vì làng bỏ một nhà,*
*Vì nước bỏ một làng,*
*Vì thân bỏ cả nước".*

Vua nói: "ngươi giết phu nhân khiến ta mong nhớ không biết đến bao giờ", đáp: "vua há không nghe có bốn việc không có ngày hết, đó là:

*"Cỏ không đủ lửa đốt,*
*Và dâm vợ của người,*
*Khát chỉ uống một ngụm,*
*Và uống rượu của người".*

Vua nói: "ngươi giết phu nhân là việc khó suy lường", đáp: "vua há không nghe có bốn việc khó

lường, đó là:

*"Vua chúa giận khó lường,*
*Giữa đường bỗng gặp giặc,*
*Nữ đánh nhau trong nhà,*
*Khó lường vật thí đến".*

Vua nói: "ngươi giết phu nhân, thật đáng buồn thương", đáp: "vua há không nghe có bốn việc đáng buồn thương, đó là:

*"Già suy khởi dâm dục,*
*Ác phụ bị chồng đuổi,*
*Dâm nữ tuổi già suy,*
*Xuất gia có sân hận,*
*Có bốn việc như vậy,*
*Thảy đều đáng buồn thương".*

6. Nhiếp tụng nội dung thứ sáu:

*Không chán, việc đáng yêu,*
*Không cùng chơi, đoạt tài,*
*Không cạnh tranh, tâm ác,*
*Không nương, bạn, không tin.*

Vua nói: "ta nhìn ngắm phu nhân không chán mà ngươi lại giết đi", đáp: "vua há không nghe có năm việc không chán, đó là:

*"Vua chúa và voi chúa,*
*Danh sơn và biển lớn,*
*Tướng hảo của Thế tôn,*
*Nhìn mãi không biết chán".*

Vua nói: "phu nhân thật đáng yêu mà ngươi lại

giết đi", đáp: há vua không nghe có năm việc đáng yêu, đó là:

*"Tướng đẹp, nhà danh giá,*
*Nhu hòa, không làm ác,*
*Phụ nữ có đức hạnh,*
*Người ấy thật đáng yêu".*

Vua nói: "ta không nên cùng ngươi vui chơi nữa vì ngươi đã giết phu nhân", đáp: "há vua không nghe có năm việc không nên cùng vui chơi, đó là:

*"Trẻ con và rắn độc,*
*Kẻ bị thiến, người điên,*
*Kẻ tùy tiện vô trí,*
*Không nên chơi với họ".*

Vua nói: "ngươi giết phu nhân tức là đoạt tài của ta", đáp: "há vua không nghe có năm việc đoạt tài của người, đó là:

*"Ca múa và uống rượu,*
*Kẻ trộm và cai ngục,*
*Vương gia thường tới lui,*
*Năm loại đoạt tài người".*

Vua nói: "ngươi đã giết phu nhân, nay không thể tranh cãi gì được nữa", đáp: "há vua không nghe có sáu việc không nên cùng cạnh tranh, đó là:

*"Đại phú và quá nghèo,*
*Hạ tiện, cực cao quý,*
*Quá xa và quá gần,*
*Sáu việc không nên tranh".*

Vua nói: "ngươi có ác tâm nên giết chết phu nhân", đáp: "há vua không nghe có sáu hạng người có ác tâm, đó là:

*"Tuy gặp nhưng không nhìn,*
*Chống trái không thân cận,*
*Ưa nói lỗi của người,*
*Cho rồi mong báo đáp, T*
*hí rồi tính chuyện đòi,*
*Là tướng trạng tâm ác".*

Vua nói: "ngươi giết phu nhân khiến ta không còn chỗ nương cậy", đáp: "há vua không nghe có bảy việc không nên nương cậy, đó là:

*"Tăng già bịnh, vua ác,*
*Gia trưởng ác, ác khẩu,*
*Không hiểu rõ pháp luật,*
*Bịnh nặng không thầy thuốc,*
*Không nghe lời tôn trưởng,*
*Bảy việc không nên nương".*

Vua nói: "ngươi đã giết phu nhân, không xứng là bạn nữa", đáp: "há vua không nghe có bảy hạng người không xứng là bạn, đó là:

*"Tên hề và nhạc nhi,*
*Kẻ cờ bạc, dâm nữ,*
*Mê rượu, giặc, huỳnh môn,*
*Bảy hạng không là bạn".*

Vua nói: "ngươi đã giết phu nhân, ta không còn tin tưởng nữa", đáp: "há vua không nghe có bảy hạng khó tin, đó là:

*"Nước sâu ngang đến cổ,*
*Khỉ vượn và voi ngựa,*
*Rắn đen, trẻ để chỏm,*
*Mặt gầy, ít râu tóc,*
*Đối với bảy hạng này,*
*Không nên tin tưởng lắm".*

7. Nhiếp tụng nội dung thứ bảy:

*Không ngủ, không ưa thích,*
*Chín não, không tâm bi,*
*Mười ác, mười trái nghịch,*
*Mười lực, phu nhân hiện.*

Vua nói: "ngươi giết phu nhân rồi khiến ta không ngủ được", đáp: "há vua không nghe trên đời có tám việc khiến người không ngủ được, đó là:

*"Bịnh sốt, bịnh gầy và ho hen,*
*Bịnh nghèo, suy nghĩ và quá giận,*
*Tâm đang kinh sợ, bị giặc bắt,*
*Gặp tám việc này không ngủ được".*

Vua nói: "ngươi đã giết phu nhân, ta không ưa thích ngươi nữa", đáp: "há vua không nghe trên đời có tám việc khiến người không ưa thích, đó là:

*"Bịnh, già, chết, đói, nghèo,*
*Ái biệt ly, oán gặp,*
*Mưa đá làm hại nước,*
*Tám việc người không thích".*

Vua nói: "ngươi đã giết phu nhân làm cho ta ưu

não", đáp: "há vua không nghe trên đời có chín việc làm cho ưu não, ngay trong hiện tại phải chấp nhận, đó là:

*"Ai yêu kẻ thù ta,*
*Ghét bạn tốt của ta,*
*Và ghét bản thân ta,*
*Đã và đang, sẽ làm,*
*Nếu có chín việc này,*
*Cần phải khai giải ngay,*
*Không nên sanh thù hận,*
*Tự khổ, làm khổ người".*

Vua nói: "ngươi không có tâm bi mới giết chết phu nhân", đáp: "há vua không nghe trên đời có mười hạng không có tâm bi, đó là:

*"Đồ tể giết heo, bò, dê, gà,*
*Bắt chim, lưới cá, săn cầm thú,*
*Bẫy thỏ, ăn cướp, tên đao phủ,*
*Làm mười ác này, không tâm bi".*

Vua nói: "ngươi là kẻ hung ác nên mới giết chết phu nhân", đáp: "há vua không nghe con người có mười điều ác, đó là:

*"Tiếng ác, miệng ác, không xấu hổ,*
*Bội thân, vong ân, không từ bi,*
*Giặc cướp, trộm cắp, ăn một mình,*
*Nói lời tà kiến là mười việc".*

Vua nói: "ngươi đã làm việc trái nghịch, không đáng tin vì đã giết chết phu nhân", đáp: "há vua không nghe có mười việc trái nghịch nhau, đó là:

*"Mặt trời, trăng, lửa, nước,*
*Đồng nữ và phụ nữ,*
*Bí-sô, Bà-la-môn,*
*Kẻ lõa hình, phân người".*

Mặt trời trái nghịch nhau là mùa đông mặt trời xuống thấp nhưng lại không nóng, mùa xuân mặt trời lên cao thì lại rất nóng. Mặt trăng trái nghịch nhau là ngày đầu tháng trăng khuyết, mọi người đều kính lễ; đến khi trăng tròn đầy thì không ai lễ nữa. Tướng lửa trái nghịch nhau là khi bịnh nhiệt thì phải hơ lửa, khi bị mụt nóng cũng cần hơ lửa. Tướng nước trái nghịch nhau là vào mùa đông nước ao hồ lạnh thì không ai múc uống, nước giếng ấm nên ai cũng uống; vào mùa xuân nước ao hồ ấm nên ai cũng uống, nước giếng mát lạnh thì người lại không thích uống. Đồng nữ trái nghịch nhau là khi chồng chưa cưới thì thường nghĩ đến nhà chồng, đến khi cưới rồi thì lại thường khóc nhớ nhà mình. Phụ nữ trái nghịch nhau là khi còn trẻ tuổi xinh đẹp, mọi người thích nhìn thì khi ra đường che phủ kín mặt; đến khi tuổi già không còn xinh đẹp, mọi người không còn thích nhìn thì lại lộ đầu mặt khi ra đường. Bí-sô trái nghịch nhau là khi còn trẻ khỏe ăn nhiều biết ngon, ăn rồi liền tiêu hóa ngay nhưng lại không được cúng dường nhiều; đến khi tuổi già suy, ăn ít không biết ngon, ăn rồi khó tiêu thì lại được cúng dường nhiều. Bà- la-môn trái nghịch nhau là trẻ con lên bảy chưa phát dục lại bắt

chúng thọ giới năm năm chuyên tu phạm hạnh; đến tuổi thanh niên, dục tình mạnh mẽ thì lại không ngăn cấm nên buông lung làm việc phi pháp. Ngoại đạo lõa hình trái nghịch nhau là khi ở trong phòng lại mặc y phục, còn khi ra đường thì lại lõa hình. Phân người trái nghịch nhau là khi còn ướt thì nổi trên mặt nước, đến khi khô cứng thì lại chìm dưới nước". Vua nói: "này Tăng dưỡng, hãy bỏ qua việc ấy không nên nói nữa, ta hỏi lại ngươi phải nói thật, ngươi dựa vào thế lực gì mà đem giết phu nhân?", đáp: "đại vương, thần dựa vào thế lực gì để giết phu nhân, đại vương nên biết, thầy của tôn giả Ca-đa-diễn-na là Phật có đủ mười hiệu Như lai, Bạc-già-phạm, Ứng chánh đẳng giác, Minh hạnh túc, Thiện thệ, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhơn sư, Phật, Thế Tôn có trí lực tự tại, là vua chánh pháp thành tựu mười trí lực thù thắng, trí huệ viên mãn, chuyển đại pháp luân, cất tiếng rống của sư tử, như thế mới gọi là bậc có đại thế lực. Mười lực là:

1. Trí lực thù thắng biết rõ xứ và phi xứ nên mới có thể ở trong bốn chúng cất tiếng rống sư tử, chuyển đại pháp luân.

2. Trí lực biết rõ như thật về nghiệp báo ba đời của các chúng sanh và nhân duyên dị thục của xứ hay sự việc.

3. Trí lực biết rõ như thật về các tĩnh lự, giải thoát, Tam-ma-địa, tam ma bát đề, phiền não và

thanh tịnh.

4. Trí lực biết rõ như thật về căn tánh sai khác của chúng sanh.

5. Trí lực biết rõ như thật về thắng giải đã có của chúng sanh.

6. Trí lực biết rõ như thật về các thế giới.

7. Trí lực biết rõ như thật về biến hành của tất cả xứ.

8. Đối với các sanh xứ của đời trước thảy đều nhớ biết từ một đời, hai đời… cho đến trăm ngàn đời; kiếp thành, kiếp hoại cho đến vô lượng kiếp thành hoại thảy đều nhớ biết có chủng loại như vậy, có chúng sanh như vậy…; cho đến nhớ biết ta ở tại _____ có tên _____ thuộc dòng họ _____ đã sinh hoạt như vậy, có khổ vui như vậy…, thọ sanh như vậy, tuổi thọ dài hay ngắn, chết đây sanh kia, những nơi đã thọ sanh thảy đều nhớ biết.

9. Được thiên nhãn thanh tịnh thấy biết rõ các hữu tình hoặc sống hoặc chết, đẹp xấu, giàu nghèo, làm nghiệp thiện hay làm nghiệp ác…. Những chúng sanh làm nghiệp ác nơi thân khẩu ý như phỉ báng Thánh hiền, chấp chặt tà kiến, tạo nghiệp tà kiến; do làm nghiệp này nên sau khi chết bị đọa trong ba đường ác. Những chúng sanh làm nghiệp thiện nơi ba nghiệp thân khẩu ý như cung kính Thánh hiền, thực hành chánh kiến; do làm nghiệp

này nên sau khi mạng chung được sanh vào đường lành.

10. trí lực biết như thật các lậu tâm đã hết, tâm được giải thoát, tự giác ngộ và chứng được pháp viên mãn, hiểu rõ sanh tử đã tận, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không thọ thân sau. Đại vương, Thế tôn có đại thế lực không ai hơn được nên mới gọi là bậc có đại thế lực". Lúc đó vua nghe Tăng dưỡng nói các yếu nghĩa xong liền im lặng, Tăng dưỡng suy nghĩ: "vua đã im lặng thì ta không nên đùa cợt nữa, ta nên đưa phu nhân ra", nghĩ rồi liền đưa phu nhân ra, nước mắt đoanh tròng cung kính lạy dưới chân rồi nói kệ tạ lỗi:

*"Vua nhờ việc này hiểu vô thường,*
*Lần lượt truyền nhau theo gia pháp,*
*Thấy vương pháp ác, không thi hành.*
*Phu nhân An lạc mong được tha,*
*Lời hay trên đời vua vừa nghe,*
*Thần nhân hỏi đáp để trình bày,*
*Sức vua điều phục được voi dữ,*
*Huống chi vợ mình làm việc trái,*
*Biết tôn trọng chồng và đủ đức,*
*Thủy chung đoàn tụ chỉ lần này.*
*Thần thấy đại vương còn trầm ngâm,*
*Phu nhân đang mong vua tha thứ".*

Vua nhìn thấy phu nhân hết sức vui mừng liền nói kệ:

*"Khanh nói lời hay đẹp như vậy,*

*Đều vì lòng thương đối với ta,*
*Nay ban cho khanh thành Khúc nữ,*
*Ta tha thứ tội cho phu nhân".*

-oOo-

# CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA TẠP SỰ

## QUYỂN 25

### 3. Nhiếp tụng thứ ba trong Biệt môn thứ sáu:

*Dũng kiện và đồ báu,*
*Diệu quang, trong Lan nhã,*
*Nếu trị (bịnh) được cho trị,*
*Không độ người tổn chúng.*

Phật ở trong giảng đường Cao các, bên ao Di hầu, thành Quảng nghiêm. Lúc đó có nhiều Bà-la-môn, trưởng giả tụ tập ở một nơi bàn tán rằng: "Sa môn Kiều-đáp-ma tham dục và các Thanh văn cũng rất tham", trưởng giả Dũng kiện đang ngồi trong chúng nghe lời nói này rồi liền lên tiếng: "việc ấy chưa biết hư thật, tôi mong các vị tự chứng nghiệm để biết Thế tôn là thiểu dục hay đa dục và các Thanh văn cũng như vậy". Sau khi về đến nhà trưởng giả liền xem lại hết những vật dụng làm bằng vàng bạc… đã có rồi đến chỗ Phật đảnh lễ ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Thế tôn tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho trưởng giả được lợi hỉ

rồi im lặng. Trưởng giả rời khỏi tòa chắp tay thỉnh Phật và Tăng vào ngày mai đến nhà thọ thực, Phật im lặng nhận lời, trưởng giả biết Phật đã nhận lời liền đảnh lễ Phật hữu nhiễu rồi ra về. Sau đó đến thỉnh các ngoại đạo cũng vào ngày mai đến nhà thọ thực; lại đến mời các Bà-la-môn, cư sĩ trong thành cũng vào ngày mai đến nhà cùng tùy hỉ cúng dường Phật và Tăng. Trưởng giả về đến nhà ngay trong đêm đó lo sửa soạn đủ các món ăn thơm ngon, sáng sớm trải tòa, để nước sạch và tăm rồi sai sứ đến bạch Phật: "đã đến giờ thọ thực, xin Phật tự biết thời". Lúc đó Phật cùng Thánh chúng đắp y mang bát đến nhà trưởng giả ngồi vào chỗ ngồi, trưởng giả cùng các Bà-la-môn, cư sĩ đem những vật đựng như mâm chén… bằng vàng bạc… để dọn thức ăn dâng cúng Phật và Tăng. Phật bảo A-nan: "thầy hãy đến thông báo các Bí-sô: do trưởng giả muốn thử nghiệm nên dùng các vật đựng bằng vàng bạc vật quý để dọn thức ăn, các thầy không nên thọ", tôn giả A-nan vâng lời Phật dạy đi thông báo nên các Bí-sô không ai thọ dụng các loại vật dụng quý đó. Trưởng giả thấy vậy bèn dùng vật dụng bằng cỏ trắng để dọn thức ăn dâng cúng cho tất cả đều được no đủ. Đợi Phật và Tăng thọ thực xong, trưởng giả lấy cái ghế thấp ngồi trước Phật, Phật thuyết pháp rồi nói kệ bố thí chú nguyện cho trưởng giả rồi đứng dậy cùng chúng tăng ra về. Lúc đó các ngoại đạo được thỉnh đến thọ thực lại không

giữ oai nghi, vào chỗ ngồi ngồi lộn xộn không theo thứ lớp. Trưởng giả dặn người giữ cửa: "nếu thấy các ngoại đạo cầm các vật dụng bằng vàng bạc... ra cửa thì nên lấy lại. Nếu họ nói trưởng giả cho ta thì nên nói với họ rằng: chỉ dọn đưa trong khi ăn chứ không phải cho luôn. Nếu họ không đưa trả lại thì nên đoạt lấy lại". Khi trưởng giả dùng các vật dụng như vàng bạc... dọn đưa thức ăn cho các ngoại đạo, họ lớn tiếng đòi như nói: đưa cho ta mâm vàng, hoặc nói đưa cho ta mâm bạc... đến nỗi giành với nhau và đánh chửi nhau. Trưởng giả phải biểu hiện tướng tức giận khiến cho họ lắng yên rồi mới dọn thức ăn lên dâng cúng. Sau khi ăn xong, họ mang các vật dụng đó ra cửa và bị người giữ cửa đoạt lấy lại như trưởng giả đã nói ở trên nên gây huyên náo vang ra ngoài, dân chúng trong thành nghe tiếng huyên náo này cùng kéo đến nhà trưởng giả xem, trưởng giả nói với mọi người: "các vị có thấy sự khác nhau giữa Phật và Tăng với các ngoại đạo không?", đáp là đã thấy, trưởng giả nói: "Phật và Thánh chúng thiểu dục tri túc, còn ngoại đạo lại dùng pháp luật xấu ác để dụ dỗ nhau". Do việc này nên mọi người đối với Phật và Tăng càng thêm tín kính, người nào trước đó không tín kính hay nửa tin nửa ngờ nay cũng phát sanh tín tâm.

Sau khi trở về trú xứ rửa chân xong, Phật ngồi trước đại chúng bảo các Bí-sô: "hạnh thiểu dục có lợi ích lớn như thế, vì vậy các Bí-sô không nên thọ

thức ăn trong các vật đựng bằng vàng bạc.... Nếu ai thọ thì phạm tội Việt pháp, nếu là bậc lìa dục thì được tùy ý thọ theo ý của thí chủ". Lúc đó các Bí-sô phàm phu khi lên cõi trời hay xuống long cung, do phước nghiệp lực của họ nên các vật dụng đựng thức ăn toàn bằng bảy báu, các Bí-sô này sợ phạm giới nên không dám thọ, bạch Phật, Phật nói: "nếu những nơi ấy không có vật dụng nào khác để đựng thức ăn thì được thọ, không nên nghi sợ".

Phật tại thành Thất-la-phiệt, trong thành có một trưởng giả giàu có, thọ dung đầy đủ như Tỳ sa môn thiên vương, ông cưới vợ chưa bao lâu thì vợ có thai. Từ khi có thai, thân tướng của người vợ sáng đẹp khác hơn trước, đủ ngày tháng sanh được một bé gái, dung mạo đoan chánh ai cũng thích nhìn, có đủ các tướng tốt. Khi vừa sanh ra ánh sáng chiếu sáng rực như ánh mặt trời, tin này không bao lâu lan truyền khắp nơi nên mỗi ngày có đến ngàn vạn người đến nhà trưởng giả xem việc lạ này. Lúc đó ở phương khác có một tướng sư giỏi cũng nghe biết việc lạ này nên tìm đến, sau khi nhìn thấy bé gái này, ông liền nói với mọi người: "bé gái này có đủ các tướng tốt, hiếm có trên đời nhưng chuẩn theo sách tường thì sau này nó sẽ tư thông cùng với năm trăm đàn ông", mọi người nghe rồi nói rằng: "có tướng mạo như thế, tư thông với năm trăm đàn ông cũng không phải là kỳ lạ". Do tướng sư tiên đoán như thế nên tin đồn lan xa, mọi người tranh nhau

đến xem đứa bé gái làm huyên náo cả đường phố. Đủ hai mươi mốt ngày, trưởng giả mở tiệc ăn mừng và đặt tên cho bé, do vừa mới sanh ánh sáng chiếu sáng rực như ánh mặt trời nên đặt tên là Diệu quang. Trưởng giả giao con gái cho tám bà nhũ mẫu nuôi dưỡng, đến tuổi trưởng thành Diệu quang càng diễm lệ, không ai sánh bằng. Diệu quang học thông các loại kỹ nhạc và với vóc dáng xinh đẹp của mình qua y phục lụa là thơm ngát, cô giống như thiên nữ trong vườn Diệu hoa. Cho dù là tiên nhân ẩn cư lìa dục, nếu nhìn thấy cô vẫn khởi tâm dâm dục huống chi là những chàng trai trẻ, tâm dục hừng thạnh, không ai là không bị cô mê hoặc. Do nguyên nhân này nên trưởng giả cùng các gia nhân ngày đêm giữ gìn nghiêm mật, không để cho cô ra ngoài. Lúc đó Thái tử, đại thần của vua Thắng quang nước Kiều-tát-la và vương tử các nước khác đều muốn đến cầu hôn Diệu quang, nhưng khi nghe biết được lời tiên đoán của tướng sư, ai nấy đều xấu hổ không vui và rút lui. Tuy như vậy nhưng bên ngoài cửa nhà của trưởng giả luôn luôn có nhiều người ngắm nghé Diệu quang, trưởng giả tuy có cho người canh giữ nhưng vẫn sợ khó cấm ngăn được họ làm bậy, gây họa cho cả nhà nên trong lòng không yên. Trưởng giả suy nghĩ: "con gái ta đã lớn, dù gặp người không tương xứng đến dạm hỏi, ta cũng gả cho rồi", vì ai cũng sợ lời tiên đoán của tướng sư nên không ai dám đến hỏi cưới,

trưởng giả do vậy buồn bã mà sanh bịnh. Trong thành cũng có một trưởng giả giàu có, kết hôn chưa bao lâu thì vợ chết, lần lượt cưới thêm vợ khác cho đến người vợ thứ bảy cũng chết, nên người đương thời gọi ông là trưởng giả giết vợ. Do không thể sống cô độc nên ông tìm đến những nhà có con gái để cầu hôn, cha mẹ của cô gái đều nói: "chẳng lẽ chúng tôi muốn giết con gái của mình hay sao?", sau đó ông lại tìm đến các quả phụ để cầu hôn, họ đều nói: "chẳng lẽ chúng tôi lại muốn tự sát hay sao?". Do tìm vợ thêm không được nên ông dứt tâm mong cầu, muốn đến sống chung với các Sa môn ngoại đạo tu phạm hạnh. Sau đó lại suy nghĩ: "cha ta trước đây là Ô-ba-sách-ca của Phật, ta nay cần gì phải theo ngoại đạo, ta nên đến ở chung với các đệ tử của Phật, ban đầu thân cận cúng dường sau đó sẽ xuất gia", một người bạn cũ thấy ông thường lui tới trong rừng Thệ đa liền hỏi: "có phải bạn muốn cầu xuất gia hay không?", đáp: "nay tôi ở một mình cũng như là xuất gia, cần gì phải cầu nữa", người bạn hỏi rõ nguyên do rồi nói: "sao bạn không đến cầu hôn mỹ nữ Diệu quang", đáp: "tướng sư tiên đoán cô ấy sẽ tư thông với năm trăm đàn ông, nếu cưới cô ấy về nhà thì nhà tôi sẽ trở thành nhà dâm nữ hay sao", người bạn nói: "bạn có tín tâm, ai lại tự tiện vào nhà, ngoại trừ Bí-sô. Bạn nên đến dạm hỏi", đáp: "sợ họ không chịu gả", người bạn nói: "họ cũng đang lo buồn, nếu bạn đến

hỏi, nhất định họ sẽ gả". Trưởng giả nghe rồi liền đến nhà Diệu quang, người cha thấy đến vui vẻ chào hỏi: "thiện lai, ông đến có việc gì?", đáp: "có ước nguyện trong lòng, chưa dám nói ra", người cha nói cứ nói, đáp là muốn hỏi cưới Diệu quang, người cha vui mừng chấp thuận. Trưởng giả liền làm lễ cưới long trọng rước dâu về nhà, sau đó giao chìa khóa trong nhà cho vợ rồi nói: "hiền thủ, trước đây nhà ta quy y Tam bảo, xem đó là phước điền nên không tín ngưỡng phái khác, nàng cũng nên tùy thuận cúng dường", đáp lành thay. Sau đó trưởng giả hằng ngày thỉnh các Bí-sô về nhà thọ thực, Diệu quang tự tay cúng dường, thấy Bí-sô nào có tướng mạo đoan nghiêm thì ghi nhớ trong lòng. Một hôm trưởng giả có việc phải vắng nhà nên dặn vợ: "ta có việc phải vắng nhà ít hôm, nàng ở nhà nên hằng ngày cúng dường phước điền, chớ có gián đoạn", Diệu quang vâng lời; sau đó trưởng giả lại đến chỗ các Bí-sô bạch rằng: "con tuy có việc vắng nhà ít hôm, nhưng hằng ngày các Thánh giả vẫn đến nhà con thọ thực như thường lệ", đáp là sẽ đến và chúc trưởng giả đi đường bình an. Hôm sau khi các Bí-sô đến nhà thọ thực, Diệu quang liền biểu hiện thái độ lẳng lơ, các Bí-sô thọ thực xong trở về chùa nói với nhau: "tướng tội lỗi hôm nay hiện ra, vậy chúng ta phải làm sao?", một người nói: "ngày mai chúng ta sẽ không đến thọ thực nữa", một người nói: "chúng ta sẽ đi khất thực",

mọi người đều nói lành thay và nhất trí ngày mai không đến nhà Diệu quang thọ thực nữa. Sau khi làm xong công việc trưởng giả trở về nhà hỏi vợ: "các thánh giả có đến thọ thực hay không?", đáp: "chỉ đến có một ngày, sau đó không đến nữa", trưởng giả nghe rồi suy nghĩ: "chắc là cô ấy hiện tướng dâm nhiễm khiến các Thánh giả sợ phạm tội nên mới không đến nữa", nghĩ rồi liền đến ân cần thỉnh lại, các Bí-sô nói: "chúng tôi hành theo pháp khất thực như trước kia", trưởng giả nói: "con đã hiểu nguyên do, con sẽ không để sanh lỗi lầm như trước nữa", các Bí-sô nhận lời, trưởng giả đảnh lễ rồi ra về. Hôm sau các Bí-sô đến nhà thọ thực, trưởng giả đưa Diệu quang vào phòng rồi đóng cửa lại, Diệu quang ở trong phòng sanh vọng tưởng phân biệt nhớ nghĩ đến hình dáng của các Bí-sô, do vọng tưởng nên sanh luyến ái khiến cho lửa dục hừng thạnh, từ trong bốc ra thiêu đốt thân khiến cho toàn thân xuất mồ hôi, sinh khí thoát ra hết nên qua đời. Lúc đó các Bí-sô thọ thực xong, nói kệ chú nguyện rồi ra về, trưởng giả mới mở cửa phòng kêu Diệu quang ra cùng ăn cơm, không nghe Diệu quang lên tiếng, trưởng giả vào phòng thấy Diệu quang nằm trên đất, cho là ngủ nên lay gọi dậy, mới biết là Diệu quang đã chết. Trưởng giả đau buồn cho người đến báo cho bên ngoại thân biết tin, bên ngoại thân hay tin liền đến, thấy Diệu quang đã chết liền đau buồn kêu khóc và mắng

chửi trưởng giả, như thế cho đến chiều tối mới dùng vải ngũ sắc liệm thi thể rồi đặt trên xe tang đưa đến trong rừng thây chết. Lúc đó cách rừng thây chết không xa có năm trăm tên cướp từ nơi khác đến, một người đi đường nhìn thấy bọn cướp rồi liền suy nghĩ: "mỹ nữ Diệu quang vừa chết, thân tộc đã đưa đến trong rừng thây chết, nếu gặp bọn cướp ắt sẽ bị hại, ta nên đến báo cho họ biết", nghĩ rồi liền đến báo, thân tộc nghe xong liền bảo người ở lại coi giữ rồi gạt lệ cùng trở về. Khi thấy bọn giặc kéo đến, người coi giữ thi cũng bỏ trốn, bọn giặc đến thấy người nữ này tuy đã chết nhưng dung nghi vẫn tươi sáng như sống, liền nói với nhau: "cô gái này xinh đẹp hiếm có, khó tìm được ở đâu một người đẹp như thế", do sanh tâm nhiễm ô nên họ cùng nhau làm việc phi pháp với người chết, sau đó cùng nhau góp được năm trăm tiền vàng, liền để lại bên cạnh tử thi rồi bỏ đi. Sáng hôm sau, khắp nơi trong ngoài thành đều nghe biết Diệu quang tuy chết mà thân vẫn cùng năm trăm tên cướp tư thông và được năm trăm tiền vàng.

Lúc đó các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn, Diệu quang đời trước đã tạo nghiệp gì mà nay có thân tướng xinh đẹp, vừa sanh ra đã có ánh sáng chiếu rực như ánh mặt trời. Nay tuy đã chết mà thân vẫn cùng năm trăm người tư thông và được năm trăm tiền vàng?", Phật nói: "nghiệp mà Diệu quang đã tạo, nay quả báo thuần thục, không

ai chịu thay được… Các thầy lắng nghe nhân duyên này:

Quá khứ Hiền kiếp, lúc con người thọ hai vạn tuổi có Phật Ca- diếp-ba ra đời đầy đủ mười hiệu ở trong vườn Thi lộc, chỗ Tiên nhơn đọa xứ thuộc thành Bà-la-nê-tư. Trong thành đó có vua Ngật lật chỉ là đại pháp vương, dùng pháp trị nước khiến cho dân chúng được an cư lạc nghiệp… Sau khi nhân duyên giáo hóa đã mãn, Phật ấy nhập Niết-bàn vô dư như củi hết lửa tắt. Vua liền thu lấy xá lợi Phật rồi cho xây bảo tháp rộng một du thiện na, cao nửa du thiện na để cúng dường. Lúc đó có một cư sĩ nữ thấy bảo tháp uy nghi nên sanh tín tâm, đem tấm gương soi treo vào tượng pháp luân trên tháp rồi phát nguyện: "nguyện cho con ở đời vị lai dù sanh ra nơi nào, thân cũng phát ra ánh sáng rực rỡ như ánh mặt trời".

Này các Bí-sô, cư sĩ nữ thuở xưa chính là Diệu quang ngày nay, do nguyện lực đã phát thuở xưa nên nay được quả báo thân quang chiếu sáng như ánh mặt trời. Các thầy hãy lắng nghe nhân duyên Diệu quang tuy đã chết mà thân vẫn tư thông cùng năm trăm người và được năm trăm tiền vàng:

Thuở xưa ở thành Bà-la-nê-tư, có vua tên Phạm thọ là đại pháp vương…, trong thành có một dâm nữ tên là Hiền thiện rất xinh đẹp, trước đây có tư thông với em vợ vua. Lúc đó có năm trăm đồng tử cùng vui chơi ở trong vườn thơm, chúng nói với

nhau: "chúng ta đã chơi đủ các trò chơi, chỉ có chưa cùng thiếu nữ giao hội", nói rồi đều nhất trí mời Hiền thiện đến trong vườn để cùng hoan lạc, Hiền thiện nói: "nếu có một ngàn tiền vàng thì tôi mới đến, nếu không có thì thôi", họ nói: "hãy lấy trước năm trăm, sau khi hoan lạc xong sẽ đưa thêm năm trăm nữa", Hiền thiện đồng ý rồi nhận lấy năm trăm tiền vàng và nói đợi trang điểm, thay đổi y phục xong sẽ đến. Sau khi họ đi rồi cô suy nghĩ: "nếu ta cùng năm trăm người này giao hoan chắc là không sống nổi, nhưng họ đã đưa năm trăm tiền vàng trước rồi, ta biết tính sao đây. Em vợ vua từng có giao tình với ta, nếu nhờ giúp đỡ chắc là sẽ giúp", nghĩ rồi liền sai tỳ nữ đưa thư đến cho em vợ vua, trong thư viết: "em vô ý nhận năm trăm tiền vàng để hoan lạc với năm trăm người, nếu như vậy thì chắc là em không sống nổi, nếu không chịu đi thì em sẽ bồi thường gấp bội tiền vàng đã nhận, nếu đại nhân nghĩ tình trước đây thì xin nghĩ cách gì cứu giúp", em vợ vua dựa vào thế lực vua giúp cho Hiền thiện khỏi phải đi, cũng không phải bồi thường tiền. Vào thời đó không có Phật, chỉ có Phật Bích chi ra đời thường thương xót người nghèo khổ, là ruộng phước bậc nhất trên thế gian. Khi vị này du hành đến thành Bà-la-nê- tư, đang tìm nơi tịch tĩnh để đừng nghỉ thì thấy năm trăm đồng tử này tụ tập một chỗ. Họ thấy vị Độc giác các căn tịch tĩnh khác hẳn người thường nên phát

tâm cúng dường để gieo trồng nhân lành cho đời sau. Họ đem các món ăn thơm ngon sẵn có sớt vào đầy bát, chí thành cúng dường, vị Độc giác muốn cho họ phát thiện tâm nên ở trên hư không hiện các thần biến: trên thân phóng lửa, dưới thân phun nước… rồi hạ xuống đất. Thường tình hễ phàm phu nhìn thấy thần biến này liền như cây đại thọ sụp đổ, họ sụp xuống đảnh lễ vị Độc giác rồi phát nguyện: "chúng con nguyện đem thiện căn cúng dường bậc chơn thật phước điền này để được cùng giao hoan với dâm nữ Hiền thiện, dù là tử thi cũng sẽ trả năm trăm tiền".

Này các Bí-sô, Hiền thiện thuở xưa nay chính là Diệu quang, năm trăm đồng tử thuở xưa nay chính là năm trăm tên cướp, do sức phát nguyện ngày xưa nên tuy lưu chuyển sanh tử trong năm trăm đời, nay Diệu quang tuy đã chết nhưng họ vẫn cùng tử thi làm việc phi pháp rồi đưa năm trăm tiền vàng. Này các Bí-sô, hễ tạo nghiệp thuần đen thì cảm quả báo dị thục thuần đen; tạo nghiệp thuần trắng thì cảm quả báo dị thục thuần trắng; tạo nghiệp xen tạp thì được quả báo xen tạp, các thầy nên bỏ nghiệp thuần đen và nghiệp xen tạp, phải siêng tu tập nghiệp trắng, chớ có buông lung", nghe Phật dạy rồi, các Bí-sô đều hoan hỉ tín thọ phụng hành. Lúc đó Phật suy nghĩ: "do các Bí-sô đến nhà thọ thực nên mới có tai họa này", nghĩ rồi liền bảo các Bí- sô: "do Diệu quang khởi vọng tưởng phân

biệt đối với các Bí-sô nên mới bỏ mạng, vì thế các thầy không nên đến những nhà như vậy để thọ cúng dường, đến nỗi sanh lầm lỗi. Nếu ai đến nhà như thế thì phạm tội Việt pháp".

Phật tại thành Vương xá, lúc đó có một Bí-sô thường đến trong A-lan-nhã tu tập thiền định, có một ma nữ khởi tâm nhiễm muốn cùng Bí-sô làm việc phi pháp, Bí-sô không chịu, Ma nữ nói: "nếu thầy không chịu thì tôi sẽ làm việc bất lợi cho thầy", đáp: "tôi là người trì giới thì làm sao gây bất lợi cho tôi được". Từ đó Ma nữ thường theo rình tìm dịp thuận tiện, một hôm thấy Bí-sô ngồi quấn y thiền định rồi ngủ quên, Ma nữ liền vác Bí-sô tới chỗ vua Thắng quang ở trên lầu rồi ném Bí-sô lên người của vua lúc vua đang ngủ. Vua giật mình tỉnh thức liền hỏi là ai, đáp là Sa môn Thích tử, lại hỏi vì sao đến đây, Bí-sô kể lại việc trên, vua nghe rồi nói: "vì sao lại đến ở nơi có nạn khủng bố như thế, nếu tôi không phải là Phật tử thì thánh giả đã không toàn mạng sống, lại còn làm cho Thánh giáo bị hoại", Bí-sô nghe rồi im lặng. Sau đó trở về kể lại việc trên cho các Bí-sô nghe, các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "vua Thắng quang nói đúng, do Bí-sô ở nơi có nạn khủng bố nên có lỗi này, từ nay Bí-sô không được ở nơi có nạn khủng bố như thế, nếu ai ở thì phạm tội Việt pháp".

Duyên xứ như trên, lúc đó có Bí-sô bị ung nhọt, thầy thuốc đến mổ ung nhọt rồi nhưng vì có việc

gấp nên chưa đắp thuốc liền bỏ đi, Bí-sô này đau nhức kêu la nên các Bí-sô nói với nhau: "có ai biết cách đắp thuốc hãy làm cho vị ấy bớt đau nhức", có một Bí-sô trẻ biết cách liền đến đắp thuốc cho Bí-sô kia. Lúc đó thầy thuốc chợt nhớ là chưa đắp thuốc cho Bí-sô liền quay trở lại thấy đã đắp thuốc liền hỏi là ai làm, đáp là Bí-sô trẻ tuổi, thầy thuốc xem lại thấy là làm rất tốt liền nói: "hôm sau nêu không có tôi đến thì nên làm như thế", Bí-sô trẻ nói: "tôi tuy tùy nghi làm nhưng Thế tôn chưa khai cho", thầy thuốc nói: "Thế tôn đại bi ắt sẽ khai cho làm", Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "nếu có người biết về thuốc thì cho người đó được điều trị, nhưng nên ở chỗ khuất chớ cho người tục thấy, nếu ở chỗ hiển lộ thì phạm tội Việt pháp".

Duyên khởi tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó có các Bà-la-môn, cư sĩ đến hỏi các Bí-sô: "con có bịnh như thế nên uống thuốc gì và nên ăn những gì?", trong các Bí-sô, người không biết về thuốc thì không đáp được, còn người biết thì sợ phạm tôi nên cũng không nói khiến cho họ buồn bã trở về. Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "nếu Bí-sô nào biết về thuốc thì nên chỉ cho họ, không phạm".

Duyên xứ như trên, sau khi Phật hiện thần biến hàng phục ngoại đạo làm cho trời người vui mừng nên các Bí-sô ở các nơi khác và các phi nhân ở ngoài thành đều tụ về thành Thất-la-phiệt. Tại đây Thế tôn và đại chúng được các chúng trời người

như vua Thắng quang, phu nhân Thắng man, phu nhân Hành vũ… Tỳ-xá-khư... cúng dường y thực đầy đủ, nên các phi nhân này sanh tâm tham đắm không muốn trở về chỗ cũ. Phi nhân nào có tâm dục thì hóa thành hình dáng của người chồng để hành dục với vợ họ, khiến cho người vợ sau khi sánh ra hoặc trai hay gái đều có đầu mặt của phi nhân, khác với người thường, như mắt đỏ đầu to hoặc tóc xanh, tóc vàng. Người mẹ thấy rồi kinh hoàng nên đem con bỏ ở chỗ hiểm vắng, người cha phi nhân thấy rồi liền truyền tinh khí cho đứa con được sống. Lại có trường hợp khi mới sanh ra thì hình người nhưng khi lớn lên lại hiện tướng phi nhân và cũng bị người mẹ vất bỏ như trên, phi nhân cha thấy liền nuôi dưỡng chúng đến trưởng thành. Lúc đó Lục chúng Bí-sô nói với nhau: "bọn hắc bát thường dụ dẫn môn đồ của chúng ta, chúng ta nên thu nhận môn đồ có tướng khác thường thì bọn Hắc bát mới không dụ dẫn đi", sáng hôm sau Ô-ba-nan-đà đắp y mang bát vào thành khất thực, gặp một người tóc vàng liền hỏi là con nhà ai, đáp là cô độc một mình không có nhà, lại hỏi vì sao không xuất tục, đáp: "tôi tóc vàng khác người, ai lại chịu làm thầy cho tôi xuất gia", Ô-ba-nan-đà nói: "giáo pháp của Đại sư lấy từ bi làm trên, nếu người chịu xuất tục thì ta sẽ làm thầy cho ngươi xuất gia", người kia vui mừng liền theo về chùa, Ô-ba-nan-đà cho xuất gia và cho thọ Cận viên. Sau vài ngày dạy cho

biết pháp tắc liền bảo tân Bí-sô: "nai không nuôi nai, thành Thất-la-phiệt này rộng lớn, con nên vào thành khất thực tự sống", tân Bí-sô vâng lời sáng hôm sau đắp y mang bát vào thành khất thực, một phụ nữ khi mang thức ăn ra cúng dường, vừa nhìn thấy tân Bí-sô này liền đấm ngực la lên: "ai lại cho người tóc vàng như thế xuất gia chứ", đáp: "tôn giả Ô-ba-nan-đà là Thân giáo sư của tôi", người nữ nghe rồi liền nói: "trừ vị ấy ra, có ai lại làm hạnh xấu như thế", lúc đó những người bất tín nghe biết liền cùng nhau chê trách: "Sa môn Thích tử làm việc phi pháp, độ cho hạng người tóc vàng xuất gia". Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "do Bí-sô độ hạng người như vậy nên có lỗi này, từ nay Bí-sô không được độ hạng người tóc vàng cho xuất gia, phá pháp tắc của mọi người. Ai làm thế thì phạm tội Việt pháp". Lúc đó Bí-sô không biết như thế nào là phá pháp tắc của mọi người, Phật nói: "có hai loại nếu độ cho xuất gia là phá pháp tắc của mọi người, đó là chủng tộc và hình tướng. Chủng tộc là thuộc dòng họ hạ tiện, nghèo hèn ăn mặc không đủ như Chiên-đà-la, người làm thuê mướn, hoặc nấu rượu, hoặc thợ săn… Hình tướng là người có tóc vàng, xanh hay đỏ, hoặc không tóc, hoặc đầu to, đầu tai lừa, đầu heo… hoặc không tai; hoặc mắt quá to, quá nhỏ… hoặc thân quá lớn, quá gầy... hoặc tay chân không đủ… người có các bịnh như thế thì không nên độ

cho xuất gia thọ Cận viên". Phật nói kệ:

*"Người trong pháp tối thắng,*
*Đầy đủ thọ Thi la,*
*Chí tâm thường phụng trì,*
*Khó được thân không chướng,*
*Thân đoan nghiêm xuất gia,*
*Thanh tịnh thọ Cận viên,*
*Nói ra lời chân thật,*
*Đấng chánh giác đều biết".*

Lúc đó Ô-ba-nan-đà đem số tóc vàng đã cạo được đem bán cho tên hề, Phật nói: "ai bán tóc thì phạm Tốt-thổ-la-đề".

4. Nhiếp tụng thứ tư trong Biệt môn thứ sáu:

*Đà sách… ba đồng thọ,*
*Quên xuất xứ… đều hỏi,*
*Đại thần thông, Đại dược,*
*Phật từ thiên cung xuống.*

Duyên khởi tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó cụ thọ Ưu-ba-ly có hai Cầu tịch là Đà sách ca và Ba lạc ca, cả hai đều rất thân thiết hòa thuận với nhau. Người này bảo người kia: "bạn thọ Cận viên đi, tôi sẽ phục vụ cho Thân giáo sư và bạn không để thiếu thốn", người kia nghe rồi cũng nói lại như vậy, cả hai đều nhường qua nhường lại nên không ai chịu thọ Cận viên trước cả. Ưu-ba-ly bạch Phật: "Thế tôn, một Thân giáo sư, một Yết ma sư, một Giáo thọ sư có được cho hai đệ tử cùng thọ Cận viên một lần hay không?", Phật nói được, lại hỏi: "hai người

này ai lớn hơn?", Phật nói bằng nhau, lại hỏi: "có được cho ba người cùng thọ một lần hay không?", Phật nói được, lại hỏi: "có được cho bốn người cùng thọ một lần hay không?", Phật nói: "không được, vì sao, vì không phải chúng mà làm yết ma cho chúng thì trên lý là trái nhau. Nếu ai làm như vậy thì phạm tội Việt pháp", lại hỏi: "nếu đồng thời thọ giới không có lớn nhỏ thì làm sao kính lễ, làm tri sự và thọ lợi dưỡng?", Phật nói: "nếu đồng thời thọ giới thì không nên kính lễ nhau, nếu làm tri sư hay thọ lợi dưỡng thì tùy theo Tăng sai". Duyên xứ như trên, lúc đó Ưu-ba-ly bạch Phật: "nếu đời vị lai, con người dễ quên, niệm lực ít nên không biết rõ Thế tôn thuyết kinh gì, chế học xứ gì, ở tại đâu thì phải làm sao?", Phật nói: "tại sáu thành lớn, Như lai trú lâu nhất ở trong đại Chế đề, nói ra những nơi ấy thì không phạm", lại hỏi: "nếu quên hiệu của các vua thì phải như thế nào?", Phật nói: "nếu là vua thì nói vua Thắng quang, nếu là trưởng giả thì nói trưởng giả Cấp-cô-độc, nếu là Ô-ba-tư-ca thì nói Tỳ-xá-khư... nên biết như vậy. Đối với nơi khác thì tùy theo vua hay trưởng giả ở nơi đó mà nói", lại hỏi: "nếu nói về nhân duyên sự việc đời trước thì phải như thế nào?", Phật nói: "tùy thời mà nói, như nói thành Bà-la-nê-tư thì có vua hiệu Phạm thọ, có trưởng giả tên Tương tục, có Ô-ba-tư-ca tên Trưởng tịnh", lại hỏi: "đối với kinh điển không thể ghi nhớ hết thì làm sao thọ trì?", Phật

nói: "nên ghi chép trên lá, trên giấy để đọc tụng thọ trì".

-oOo-

# CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA TẠP SỰ

## QUYỂN 26

### 4. Nhiếp tụng thứ tư (Tiếp Theo) - Phật hiện đại thần thông:

Phật tại thành Vương xá, trong Trúc lâm bên bờ ao Yết lan đạc ca. Lúc đó quốc vương, vương tử, đại thần, Bà-la-môn, các cư sĩ và dân chúng trong các thành ấp đều cung kính tôn trọng Phật và Tăng nên cúng dường tứ sự và những vật cần dùng không có thiếu thốn; nhưng các ngoại đạo thì lại không được như thế. Lúc đó Ma vương Ba tuần suy nghĩ: "từ lâu ta đối với Sa môn Kiều-đáp-ma không tìm được dịp thuận tiện nào để làm hại, nay ta nên dựa vào các ngoại đạo để gây não loạn", nghĩ rồi liền hóa thành ngoại đạo Bộ thích noa, một trong Lục sư ngoại đạo, vì Lục sư tuy không phải là bậc Nhất-thiết-trí nhưng lại kiêu mạn tự xưng là Nhất-thiết-trí, cũng đang ở trong thành Vương xá. Hóa Bộ thích noa này lần lượt đến chỗ Mạt yết lị cù xá lê tử… năm vị sư ngoại đạo kia, hiện thần thông như thân phóng ra nước, lửa, nổi mưa làm sấm

chớp… năm vị sư kia thấy rồi đều hỏi: "này Bộ thích noa, ông đã thành tựu được công đức thù thắng như vậy sao?", đáp là đã chứng đắc. Sau đó ma Ba tuần lại hóa thành Mạt yết lị cù xá lê tử lần lượt đi đến chỗ năm vị sư ngoại đạo kia và cũng hiện các thần biến như trên, năm vị sư kia thấy rồi đều hỏi và đáp như trên. Sau đó ma Ba tuần lại hóa thành San thệ di bệ thích tri tử lần lượt đi đến chỗ năm vị sư ngoại đạo kia và cũng hiện các thần biến như trên, năm vị sư kia thấy rồi đều hỏi và đáp cũng như trên. Sau đó ma Ba tuần lại hóa thành A thị đa kê xá cam bạt la lần lượt đi đến chỗ năm vị sư ngoại đạo kia và cũng hiện các thần biến như trên, năm vị sư kia thấy rồi đều hỏi và đáp như trên. Sau đó ma Ba tuần lại hóa thành Khước câu đà Ca-đa-diễn-na lần lượt đi đến chỗ năm vị sư ngoại đạo kia… như trên. Sau đó ma Ba tuần lại hóa thành Ni yết lan đà thân nhã đê tử cũng lần lượt đi đến chỗ năm vị sư ngoại đạo kia… như trên. Làm như thế khiến cho mỗi người trong nhóm Lục sư đều nghĩ rằng: "những vị kia đều có đại oai thần lực, chỉ riêng mình ta là không có". Vào một thời khác, Lục sư ngoại đạo đều tụ tập tại Xướng tụng đường bàn luận cùng nhau, họ nói: "trước kia chúng ta đều được quốc vương, đại thần… cung kính tôn trọng nên được nhiều lợi dưỡng, tứ sự cúng dường đầy đủ nhưng nay thì không được như vậy nữa, trong khi đó Sa môn Kiều-đáp-ma lại được. Chúng ta

phải thách đấu với Sa môn Kiều-đáp-ma về thần thông đạo lực, nếu Sa môn Kiều- đáp-ma hiện một thần thông thì chúng ta sẽ hiện hai, nếu hiện hai thì chúng ta sẽ hiện bốn, nếu hiện bốn thì chúng ta sẽ hiện tám…, nói chung là chúng ta sẽ hiện gấp ba bốn lần so với Sa môn Kiều-đáp-ma", bàn xong, họ cùng đến chỗ vua Ảnh Thắng, chú nguyện cho vua rồi tâu rằng: "đại vương nên biết, chúng tôi có đủ đại thần thông lực, có đại trí huệ; Sa môn Kiều-đáp-ma cũng tự xưng là có đại thần thông lực, có đại trí huệ. Xin đại vương chấp thuận cho chúng tôi thách đấu với Sa môn Kiều-đáp-ma về thần thông lực, nếu Sa môn ấy hiện một thần thông thì chúng tôi sẽ hiện gấp hai, ba lần như thế; nếu Sa môn ấy đi đến giữa đường, chúng tôi cũng đi theo đến giữa đường để cùng đấu thần thông", vua Ảnh Thắng nói: "này lục sư, các vị tuy sống mà không khác gì thây chết, vì sao có thể thách đấu với Như lai về thần thông được", họ nghe vua nói rồi liền từ giã ra về. Sau đó khi vua ra khỏi thành để đến kính lễ Phật, Lục sư gặp vua ở giữa đường cũng tâu giống như lần trước, vua nói: "đã hai lần đến nói nhưng ta đều bỏ qua, nếu còn đến nói nữa thì ta sẽ đuổi ra khỏi nước", họ nghe rồi im lặng bỏ đi. Về đến trú xứ, họ nói với nhau: "vua ấy đối với Sa môn Kiều-đáp-ma rất tín kính, không thể trông mong vào vị vua này được. Nghe nói vua Thắng quang nước Kiều-thiểm-tỳ, tánh trung dung không thiên

lệch; nếu Sa môn Kiều- đáp-ma đi đến thành kia, chúng ta sẽ xin vua cho thách đấu với Kiều- đáp-ma". Thời gian sau, do tùy duyên hóa độ nên Phật rời khỏi thành Vương xá đi đến thành Thất-la-phiệt, trú trong vườn Cấp-cô-độc. Lục sư cũng đi theo sau, sau đó đến chỗ vua Thắng quang, chú nguyện cho vua rồi tâu cũng giống như đã tâu với vua Ảnh Thắng ở trên, vua Thắng quang nói: "các vị chờ tôi bạch Phật", nói rồi liền đi đến chỗ Phật, đảnh lễ rồi ngồi một bên chắp tay bạch Phật: "Thế tôn, Lục sư ngoại đạo muốn thách đấu với Thế tôn về thần thông lực, xin Thế tôn chấp thuận đấu với họ, từ bi hàng phục họ để trời người được vui mừng, khiến cho người có tín tâm được hoan hỉ, người chưa có tín tâm diệt được gốc tội ác", Phật nói: "đại vương nên biết, ta chế ngăn các đệ tử Thanh văn không được qua lại ở chỗ các Sa môn, Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ mà hiện pháp thần thông; ta cũng khuyên nhắc các đệ tử nếu có thiện pháp thì nên che giấu, nếu có tội lỗi thì nên phát lồ". Lúc đó vua ba lần cầu thỉnh, Thế tôn đều đáp như vậy, lại nói: "đại vương, Phật có năm việc nên làm, đó là:

1. Đối với hữu tình chưa phát tâm sẽ làm cho họ phát tâm Vô thượng Bồ đề.

2. Thọ ký cho Thái tử quán đảnh đã gieo trồng thiện căn từ lâu nơi đấng pháp vương.

3. Làm cho cha mẹ được Kiến đế.

4. Hiện đại thần thông nơi thành Thất-la-phiệt.

5. Hóa độ cho chúng sanh hữu duyên đều được giải thoát." Lúc đó Phật suy nghĩ: "chư Phật quá khứ hiện đại thần thông ở đâu", liền quán biết là ở tại thành Thất-la-phiệt, lại quán biết bảy ngày sau đại chúng sẽ vân tập. Quán biết rồi Phật liền nói với vua Thắng quang: "đại vương hãy về đi, đúng thời ta sẽ hiện đại thần thông", vua hỏi lúc nào, đáp là bảy ngày sau, vua liền đảnh lễ Phật rồi ra về. Sau đó vua đến chỗ Lục sư ngoại đạo nói: "các vị nên biết sau bảy ngày nữa, Như lai sẽ hiển đại thần thông, các vị cần làm gì thì cứ tùy ý", Lục sư nghe rồi nói với nhau: "có thể Sa môn Kiều-đáp-ma chạy trốn hoặc tìm đồng bạn, chúng ta cũng nên tìm đồng bạn". Lúc đó trong thành Câu-thi-na có một ngoại đạo tên Thiện hiền đã được một trăm hai mươi tuổi, các lực sĩ trong thành này đều cung kính tôn trọng cúng dường và cho là bậc A-la-hán. Lục sư liền đến nói với Thiện hiền: "Thánh giả là người đồng phạm hạnh với chúng ta, nay chúng ta thách đấu với Sa môn Kiều-đáp-ma về thần thông lực, xin Thánh giả hãy đến tương trợ", đáp: "các vị không nên thách đấu với Sa môn ấy, vì sao, vì vị ấy có đại oai đức, đại thế lực", hỏi làm sao biết được, đáp: "lúc đại Sa môn ấy chưa ra đời, ta trú ở bên bờ hồ Mạn đà chỉ nhĩ để tĩnh tọa. Sáng sớm sau khi khất thực xong, ta đến bên bờ ao Vô nhiệt lặng lẽ thọ thực, thiên thần trụ ở trong ao này lúc

đó đích thân mang nước đến cho ta uống. Sau khi đại Sa môn ấy ra đời, đệ tử bậc nhất của vị ấy là Xá-lợi-phất, đệ tử của vị tôn giả này là Cầu tịch Chuẩn đà mang y phấn tảo đến giặt ở trong ao Vô nhiệt. Thiên thần trụ trong ao này lấy y đem giặt rồi đưa lại cho Cầu tịch này, sau đó lấy nước giặt y này rưới lên mình. Ta thấy việc này rồi suy nghĩ ta không bằng đệ tử của đệ tử của đại Sa môn ấy. Nay các vị muốn thách đấu với đại sư của họ về thần thông thì không phải là việc tốt", lục sư nghe rồi liền nói với nhau: "vị này là bè đảng của Sa môn ấy, chúng ta nên tìm đến vị khác", nói rồi giả bộ cung kính từ giã ra về. Đến một chỗ vắng vẻ liền nói với nhau: "chúng ta đi đâu tìm?", một người nói: "trong thành kia có một vị đã chứng năm thông, hãy đến đó cầu tương trợ", một người nói: "người ấy không đủ sức, nhưng ở chỗ tịch tĩnh trong núi Tuyết có năm trăm tiên nhân, phần đông đều đã chứng năm thông, chúng ta nên đến đó cầu tương trợ", nói rồi cùng đi đến chỗ năm trăm tiên nhân chào hỏi rồi yêu cầu tương trợ, họ nói: "đây là việc tốt, chúng tôi bằng lòng tương trợ, nếu khi thi đấu nên hiện tướng lạ, chúng tôi sẽ đến", Lục sư nghe rồi từ giã ra về.

Lúc đó vương tử Ca la là em khác mẹ với vua Thắng quang, mặc y phục chỉnh tề với tràng hoa thơm, chuỗi anh lạc trang nghiêm thân đi ngang qua cung vua. Lúc đó trên lầu cao, nội nhân của

vua thấy vương tử đi qua, do khởi tâm yêu mến nên ném vòng hoa xuống dính trên người của vương tử. Có người oán ghét vương tử thấy việc này rồi liền mách với đại thần, đại thần tâu lên vua là vương từ Ca la có tư tình với nội nhân của vua. Vua nghe rồi không xét kỹ liền ra lịnh chặt tay chân vương tử, đại thần tuân lịnh vua đưa vương tử ra giữa chợ bảo đao phủ chặt tay chân. Thân tộc của vương tử và dân chúng trong thành vây quanh thương khóc, thấy có ngoại đạo đi ngang qua, họ nói: "vua giận ra lịnh chặt tay chân vương tử, Thánh giả có thể dùng năng lực của lời nói thật làm cho vương tử được bình phục như cũ hay không?", ngoại đạo nghe rồi im lặng. Lúc đó thân tộc của vương tử lại thấy tôn giả A- nan khất thực ngang qua liền nói như đã nói với ngoại đạo, tôn giả đáp: "hãy đợi tôi về bạch Phật rồi sẽ trở lại nói cho biết", thân tộc nghe rồi rất vui mừng. Tôn giả vội trở về trong rừng Thệ đa đem việc trên bạch Phật, Phật nói: "thầy hãy trở lại chỗ đó bảo thân tộc sắp xếp tay chân của vương tử lại như cũ rồi mới dùng lời nói thật để chú nguyện như sau: "trong các chúng sanh, loài không chân, hai chân, nhiều chân, loài có sắc hay không sắc, có tưởng hay không tưởng, loài phi tưởng hay phi phi tưởng thì Như lai là tối thượng. Trong các pháp hữu vi hay vô vi thì pháp không dục nhiễm là tối thượng. Trong các tập thể đại chúng thì chúng đệ tử Thanh văn của Phật là

tối thượng. Trong các giới cấm tinh cần tu tập khổ hạnh thì Thánh giới thanh tịnh là tối thượng. Nếu lời này là chân thật không hư dối thì nguyện cho tay chân của vương tử Ca la đã bị chặt đứt được bình phục như cũ". Tôn giả A-nan vâng theo lời Phật dạy đến chỗ vương tử Ca la, sau khi bảo thân tộc sắp xếp tay chân của vương tử lại như cũ rồi dùng lời nói thật để chú nguyện như Phật đã dạy, sau khi tôn giả nói xong, tay chân dã bị chặt đứt của vương tử được bình phục như cũ. Mọi người thấy việc này rồi đều vui mừng reo vang dậy, khen là việc chưa từng có và nói là tôn giả đã thắng ngoại đạo. Tôn giả đưa vương tử Ca la đến chỗ Phật, đảnh lễ rồi đứng một bên bạch Phật: "Thế tôn, đây là vương tử Ca la", vương tử đảnh lễ Phật rồi ngồi một bên, Phật thuận theo căn tánh và ý thích của vương tử mà nói pháp yếu, vương tử nghe pháp xong liền chứng quả Bất hoàn và được thần thông. Lúc đó vua Thắng quang nghe biết vương tử nhờ tôn giả A-nan dùng lời nói thật chú nguyện khiến cho tay chân được bình phục như cũ, liền đến xin lỗi vương tử: "khanh hãy tha thứ cho ta", vương tử đáp là đã tha thứ, vua bảo Ca la trở về nhà, Ca la nói: "đại vương, tôi nay đã lìa dục, xin được ở lại đây thừa sự Như lai, không muốn về nữa", vua nói: "lành thay, hãy làm theo ý của khanh", sau đó vua cho làm nơi kinh hành trong rừng cho vương tử ở, vì các chi phần của vương tử được nối lại từng

phần nên rừng này được gọi là rừng Từng phần. Lúc đó vua Thắng quang bạch Phật: "Thế tôn, nếu Phật chấp thuận, con sẽ cho làm nhà hiện thần thông từ cửa thành đến rừng Thệ đa", Phật nói tùy ý, vua liền cho làm nhà hiện thần thông với năm trăm cây lọng thù diệu, cho rưới nước thơm chiên đàn, rải hoa quý; treo cờ phướn đẹp, gió thổi bay phất phới rất đáng yêu với linh báu kêu vang; lại cho đốt hương Hải ngạn, khói tỏa thành lọng, quang cảnh giống như vườn Hoan hỉ trên cõi trời Đao lợi; lại cho làm một bảo tòa sư tử thắng diệu cho Phật bằng bảy báu. Các đệ tử của Lục sư ngoại đạo cũng tùy sức mình làm sáu tòa ngồi cho thầy mình, khi Lục sư đi đến nhà hiện thần thông, các ngoại đạo đều theo sau hộ vệ, Lục sư đến tòa ngồi rồi sai sứ đến tâu vua: "đại vương, chúng tôi đã đến, xin vua cho gọi Sa môn Kiều-đáp-ma đến". Vua nghe báo rồi liền cùng nội cung, đại thần và tất cả dân chúng trong thành đều đi đến nhà hiện thần thông; lại sai sứ giả Ma-nạp-bà: "khanh đến đảnh lễ Phật và đem lời của ta thăm hỏi Phật có được khỏe mạnh, khinh an hay không và bạch Phật rằng các ngoại đạo đã đến đông đủ, xin Phật biết thời", sứ giả tuân lịnh đến đảnh lễ Phật và nói lại những lời vua đã nói, Phật nghe rồi liền bảo sứ giả trở về. Lúc đó Phật dùng thần thông lực gia bị cho sứ giả như Nhạn vương xòe hai cánh, bay lên hư không đi đến nhà hiện thần thông, mọi người có

mặt nơi đó thấy sứ giả từ trên hư không đến đều vui mừng khen là hi hữu. Vua càng thêm tín kính liền bảo Lục sư ngoại đạo: "Như lai đã hiện thần thông, các vị hãy tuần tự hiện thần biến", Lục sư đáp: "đại vương, có vô biên đại chúng vân tập, nếu hiện thần thông thì không biết thần thông hiện là của ai". Lúc đó vương tử Ca la dùng thần lực đi đến núi Hương túy lấy các loại cây rừng với hoa trái kỳ lạ và có chim đẹp lạ bay theo, mang về trang trí ở phía bắc của nhà hiện thần thông. Vua thấy rồi càng thêm tín kính liền bảo Lục sư ngoại đạo: "Như lai đã hiện thần thông, các vị hãy tuần tự hiện thần biến", Lục sư đáp: "đại vương, như trước đã nói có vô biên đại chúng vân tập, nếu hiện thần thông thì không biết thần thông hiện là của ai". Kế đó, trưởng giả Tu đạt đa (Cấp-cô-độc) cũng dùng thần thông lực lên cõi trời Tam thập tam lấy cây Như ý mang về trang trí ở phía bắc của nhà hiện thần thông. Vua càng thêm hoan hỉ liền bảo Lục sư ngoại đạo: "Như lai đã hiện thần thông, các vị hãy tuần tự hiện thần biến", Lục sư đáp: "đại vương, có vô biên đại chúng vân tập, nếu hiện thần thông thì không biết thần thông hiện là của ai". Lúc đó có trăm ngàn dân chúng các nước xa gần đều đã đến, trên hư không cũng có trăm ngàn ức chư thiên hiện đến để xem thần thông. Phật lúc đó tạm ra khỏi phòng rửa tay chân rồi trở vào trong phòng, ngồi kiết gia nhập định Hỏa quang, từ lỗ khóa của phòng

Thế tôn, lửa phun ra ụp xuống nhà hiện thần thông, các ngoại đạo thấy liền nói: "Sa môn hiện thần thông làm cho nhà bị cháy, hay mau gọi Sa môn ấy dập tắt lửa", vua im lặng tỏ vẻ buồn bã; phu nhân Thắng man, phu nhân Hành vũ… thấy việc này rồi đều rất kinh ngạc; Lục sư ngoại đạo và các đệ tử thì vui mừng. Lúc đó ngọn lửa từ định Hỏa quang này sau khi đốt hết các trần cấu làm cho được thanh tịnh xong liền tắt mà không làm tổn hại gì cả. Vua vui mừng liền bảo Lục sư ngoại đạo: "Như lai đã hiện thần thông, các vị hãy tuần tự hiện thần biến", Lục sư cúi đầu im lặng. Lúc đó Phật tác ý đạp chân phải lên hương điện, đại địa liền chấn động sáu cách: rung nhẹ, rung vừa, rung cực mạnh; động nhẹ, động vừa và động cực mạnh. Phương Đông nổi lên, phương Tây chìm xuống; phương Tây nổi lên, phương Đông chìm xuống; phương Nam nổi lên, phương Bắc chìm xuống; phương Bắc nổi lên, phương Nam chìm xuống; ở giữa nổi lên, hai bên chìm xuống; hai bên nổi lên, ở giữa chìm xuống. Lúc đó ở núi Tuyết, năm trăm tiên nhân thấy hiện tượng này rồi liền nói với nhau: "các vị đồng phạm hạnh ấy đã hiện tướng lạ này, chúng ta nên đến đó", nói rồi liền lên đường. Phật muốn giáo hóa họ nên phóng ánh sáng màu hoàng kim chiếu đến, trong ánh sáng này các tiên nhân thấy thấy Phật có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm thân, ánh sáng bao quanh trên đảnh rộng một tầm

sáng rỡ như trăm ngàn mặt trời. Thấy rồi tâm các tiên nhân này trở nên thanh tịnh như tu thiền định đã lâu, như người không con được con, như người nghèo được của báu, như Thái tử được quán đảnh lên ngôi vua, như người đã gieo trồng thiện căn nhiều đời lần đầu tiên được gặp Phật. Các tiên nhân này liền đến chỗ Phật đảnh lễ rồi ngồi một bên, Phật quán biết căn tánh tùy miên của họ nói pháp tứ đế khiến cho họ được khai ngộ và chứng quả Dự lưu. Sau khi chứng quả, họ chắp tay bạch Phật: "Thế tôn, xin cho con được ở trong thiện pháp luật xuất gia thọ giới cụ túc, thành tánh Bí-sô, tu tập phạm hạnh", thiện lai các Bí-sô, hãy xuất gia tu phạm hạnh", Phật nói: "thiện lai Bí-sô, hãy tu tập phạm hạnh", Phật vừa nói xong, râu tóc của các tiên nhân này đều tự rụng, ca sa hiện trên thân trở thành Bí-sô, giống như người đã được xuất gia bảy ngày, đầy đủ oai nghi giống như Bí-sô trăm tuổi hạ. Các Bí-sô này chuyên tâm tu tập đoạn trừ các phiền não, chứng A-la-hán, ba minh, sáu thông, đủ tám giải thoát, được như thật tri: sanh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, việc nên làm đã làm xong, không còn thọ thân sau. Tâm không chướng ngại như tay nắm hư không, như dao cắt mùi thơm, yêu ghét không khởi, xem vàng và đất như nhau không khác, tất cả danh lợi đều xả bỏ, Thích Phạm chư thiên thảy đều cung kính. Lúc đó Phật cùng năm trăm tân Bí-sô tiên nhân này và các Bí-sô khác

trước sau vây quanh đi đến nhà hiện thần thông, Phật lên tòa sư tử ngồi trước đại chúng. Lúc đó có một Ô-ba-sách-ca tên là Thần tiên mẫu đến trước Phật bạch rằng: "Thế tôn, xin cho con được cùng các ngoại đạo kia đấu thần thông hiển bày pháp thượng nhân để hàng phục họ, làm cho trời người vui mừng, khiến người có tín tâm được tăng trưởng, người chưa tin được kết nhân duyên", Phật nói: "tuy ông có khả năng thi triển thần thông để hàng phục ngoại đạo, nhưng họ sẽ nói rằng: Sa môn Kiều-đáp-ma không có khả năng hiện thần thông, hiển pháp thượng nhân, chỉ nhờ đệ tử Thanh văn hiển hiện. Vì vậy ông nên trở lại chỗ ngồi". Kế đó, trưởng giả Cấp-cô-độc, Cầu tịch Chuẩn đà, Cầu tịch nữ Tổng kế, Bí-sô ni Liên hoa sắc… cho đến tôn giả Đại Mục-kiền-liên đều lần lượt đến trước Phật bạch giống như Thần tiên mẫu đã bạch và Phật cũng đáp giống như vậy. Lúc đó Phật hỏi vua Thắng quang: "ai sẽ thỉnh Như lai cùng Lục sư ngoại đạo đấu thần thông?", vua liền đứng dậy chắp tay bạch Phật: "Thế tôn, nay con xin thỉnh Phật cùng Lục sư ngoại đạo đấu thần thông, hiển bày pháp thượng nhân để hàng phục họ, làm cho trời người vui mừng, khiến người có tín tâm được tăng trưởng, người chưa tin được kết nhân duyên; khiến cho Sa môn, Bà-la-môn trong đời vị lai được lợi ích và an lạc mãi mãi", Phật im lặng nhận lời, vua biết Phật đã nhận lời liền trở lại chỗ ngồi. Ngay

lúc đó Phật liền nhập Tam-ma-địa Như thị thắng, từ trên tòa ngồi bỗng nhiên ẩn mất rồi hiện ra ở phương đông đi đứng nằm ngồi trên hư không. Lại nhập định Hỏa quang, thân phóng ra các ánh sáng xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng; hoặc hiện thần biến như trên thân tuôn ra nước, dưới thân tuôn ra lửa, hoặc trên thân tuôn ra lửa, dưới thân tuôn ra nước. Phương Đông đã như vậy, các phương Nam, Tây, Bắc cũng hiện như vậy. Hiện các thần biến xong, Phật thu nhiếp thần thông hiện trở lại trên bảo tòa rồi bảo vua: "thần thông này Phật và chúng Thanh văn đều có được. Đại vương, ai sẽ thỉnh Như lai hiện vô lượng đại thần thông của Phật?", vua lại đứng dậy thỉnh Phật giống như lần trước, Phật im lặng nhận lời rồi dưa bàn tay thí vô úy có luân tướng thượng diệu với màn lưới kiết tường có chữ vạn, do vô lượng phước trang nghiêm để chạm xoa trên mặt đất và khởi tâm thế tục: "nếu Long vương mang hoa sen đẹp lớn như bánh xe có đủ ngàn cánh, vật báu làm đài, kim cương làm nhụy đến đây thì tốt". Thường pháp của chư Phật là hễ khởi tâm thế tục thì ngay đến loài kiến cũng hiểu được ý Phật, nếu khởi tâm xuất thế thì ngay đến bậc Thanh văn, Độc giác cũng không thể hiểu. Do Phật khởi tâm thế tục nên Long vương biết Phật muốn hiện thần biến cần có loại hoa sen này, Long vương liền mang hoa sen này hiện đến ở trước Phật, Phật liền lên ngồi trên hoa sen này. Ngay lúc đó, ở hai bên

và sau lưng Phật đều có vô lượng hoa sen báu giống như hoa sen này đồng thời hiện ra, trên mỗi hoa sen đó đều có vị Hóa phật ngồi ở trên. Hai bên và sau lưng của mỗi Hóa Phật lại có vô lượng hoa sen báu giống như thế đồng thời hiện ra và đều có vị Hóa phật ngồi ở trên, như thế hiện ra trùng trùng lớp lớp hoa sen nối nhau lên tới tận cõi trời Cứu cánh. Thân của các Hóa Phật ấy đều xuất hỏa quang hoặc tuôn mưa, hoặc phóng ánh sáng, hoặc thọ ký hoặc hỏi đáp hoặc hiện bốn oai nghi… Nhờ thần lực của Phật nên ngay cả trẻ con cũng nhìn thấy được quang cảnh này. Lúc đó vua Thắng quang cùng nội cung, vương tử, đại thần cùng vô lượng trăm ngàn người trong và ngoài thành đều chăm chú nhìn đại thần thông này; vô lương trăm ngàn chư thiên trên hư không cũng chăm chú nhìn đại thần thông này không nhàm chán. Khắp nơi đều vang lên tiếng trống nhạc, tiếng tù và… cho đến loài cầm thú cũng vui mừng phát ra tiếng như ngựa hí, voi rống, bò kêu, chim hót…; chư thiên tấu thiên nhạc, rải thiên hoa, hương hoa và thiên y thượng diệu… Phật hiện đại thần thông rồi, vì muốn điều phục giáo hóa các hữu tình nên nói kệ:

*"Người nên cầu xuất ly,*
*Siêng tu lời Phật dạy,*
*Hàng phục quân sanh tử,*
*Như voi xô nhà cỏ,*
*Ở trong pháp luật này,*

*Nên tu không phóng dật,*
*Khô được biển phiền não,*
*Dứt hết bờ mé khổ".*

Các Hóa Phật cũng đồng thanh nói kệ:

*"Khi mặt trời chưa mọc,*
*Ánh đuốc sáng lập lòe,*
*Mặt trời mọc trên không,*
*Làm mất ánh sáng đuốc,*
*Ánh sáng Phật chưa chiếu,*
*Lời ngoại đạo còn lạ,*
*Phật quang chiếu khắp nơi,*
*Hàng phục thầy trò họ".*

Lúc đó Phật bảo các Bí-sô: "các thầy hãy ghi nhớ thần biến này, đại thần thông sắp biến mất", Phật vừa nói xong, thần biến liền tan biến mất. Vua Thắng quang lại bảo Lục sự hiện thần biến, Bộ thích noa im lặng đưa cùi chỏ thúc vào người của Mạt yết lị cù xá lê tử, lần lượt người này lại thúc người kia, cả Lục sư đều im lặng cúi đầu như đang nhập thiền định. Dược xoa Kim cang thủ suy nghĩ: "nhóm Lục sư ngu si này đã xúc não Thế tôn, ta nên làm cho họ sửa đổi lỗi lỗi trước để họ không dám tái phạm nữa và đều phải bỏ đi", nghĩ rồi liền phóng ra mưa to gió lớn làm sập ngã chỗ ngoại đạo đang ở trong nhà hiện thần thông, khiến họ kinh sợ bỏ chạy tứ tán hoặc chạy vào bụi cây, hoặc miếu thờ trời để ẩn nấp; còn chỗ của Phật và tăng chúng ở thì không sao cả. Lúc đó Thế tôn nói kệ:

*"Mọi người bị sợ bức,*
*Thường quy y thần núi,*
*Vườn cây, gốc đại thọ,*
*Đền miếu, rừng hoang vu.*
*Quy y này không thắng,*
*Quy y này không tôn.*
*Không nhờ quy y này,*
*Mà thoát khỏi các khổ.*
*Ai quy y Phật đà,*
*Chánh pháp và Tăng già,*
*Thường dùng tuệ quán sát,*
*Ở trong bốn Thánh đế,*
*Biết Khổ, biết Khổ tập,*
*Biết Diệt đế thoát khổ,*
*Biết tám chi Thánh đạo,*
*Đến Niết-bàn an ổn.*
*Quy y này tối thắng,*
*Quy y này tối tôn,*
*Nhờ pháp quy y này,*
*Giải thoát hết các khổ".*

Lúc đó, Phật quán biết tâm niệm sai khác của mọi người liền ứng cơ thuyết pháp khiến cho họ sau khi nghe pháp, có người được Noãn pháp, hoặc được Đảnh pháp, hoặc được Nhẫn pháp; có người được vơi bớt ba độc, lìa tham dục, có người được Thế đệ nhất pháp, có người đắc quả Tu đà hoàn, hoặc quả Tư-đà-hàm, hoặc quả A-na-hàm, có người gieo trồng nhân duyên với Thanh văn thừa,

có người gieo trồng nhân duyên với Bích chi Phật thừa, có người gieo trồng nhân duyên với Phật thừa. Sau khi thuyết pháp làm cho họ được lợi hỉ, Phật rời khỏi tòa ra về.

Lúc đó các đệ tử của Bộ thích noa… cùng thầy ngồi chung một chỗ liền hỏi thầy: "cái gì là thật", Bộ thích noa… Lục sư đều khởi tâm khi dối đệ tử, nói thế gian thường còn là thật, hoặc nói vô thường là thật, hoặc nói vừa thường vừa vô thường là thật, hoặc nói không phải thường cũng không phải vô thường là thật; hoặc nói hữu biên, hoặc nói vô biên, hoặc nói vừa hữu biên vừa vô biên, hoặc nói không phải hữu biên cũng không phải vô biên; hoặc nói mạng trong thân là thật, hoặc nói mạng ngoài thân là thật, hoặc nói sau khi chết có ngã là thật, hoặc nói sau khi chết không có ngã là thật, hoặc nói sau khi chết vừa có ngã vừa không có ngã, hoặc nói không phải có ngã cũng không phải không có ngã là thật, ngoài ra đều là hư vọng. Tuy họ đáp như vậy nhưng trong lòng lại xấu hổ, cúi đầu buồn bã, do lửa sầu não đốt cháy trong tâm nên Bộ thích noa muốn tìm ao nước để uống nước. Trên đường đi, một huỳnh môn gặp liền nói kệ hỏi:

*"Ông đi một mình muốn đến đâu,*
*Dáng vẻ như bò thua gãy sừng,*
*Không biết diệu pháp Phật Thích ca,*
*Thì như bò rừng chạy đi mãi".*

Bộ thích noa nghe rồi liền nói kệ:

*"Thần chết thường đi trước mắt ta,*
*Thân ta lê bước không còn sức,*
*Luân hồi các cõi thọ khổ vui,*
*Ta nay giải thoát cầu chỗ an.*
*Ánh nắng mặt trời chiếu nóng bức,*
*Thân tâm của ta đều mệt mỏi,*
*Ngươi hãy thật lòng chỉ cho ta,*
*Nơi nào có ao nước trong mát?"*

Huỳnh môn nói kệ đáp:

*"Gần đây có ao nước trong mát,*
*Vịt trời, hoa thơm mọc khắp nơi.*
*Ông vì quá ác nên mù tối,*
*Không thấy ao thơm nên hỏi ta".*

Bộ thích noa nói kệ:

*"Hỡi này kẻ phi nam phi nữ,*
*Sao không chỉ đường đến ao nước,*
*Ta đang muốn đến ao nước mát,*
*Uống cho thân tâm hết nóng bức".*

Huỳnh môn liền chỉ đường, Bộ thích noa đến bên ao nước, dùng cái vò đựng cát rồi cột vào cổ trầm mình xuống ao nước mà qua đời. Lúc đó các đệ tử của Bộ thích noa hỏi nhau: "các vị có thấy Ô-ba-đà-da của tôi không?", đáp là không thấy, họ lại hỏi nhau: "các vị đã nghe Ô- ba-đà-da nói những gì?", có người đáp: "thầy nói thế gian thường còn là thật, ngoài ra đều là hư vọng", người khác nói: "thầy nói thế gian vô thường là thật…", như đoạn văn trên. Các đệ tử nghe rồi liền nói với nhau: "các

thuyết này đều không giống nhau, chúng ta nên tìm Thân giáo sư để hỏi cho rõ cái gì là thật", nói rồi cùng đi tìm, trên đường đi gặp một đồng nữ liền nói kệ hỏi:

*"Hiền thủ, cô có gặp,*
*Đại sư Bộ thích noa,*
*Thân không mặc y phục,*
*Đứng trên đất, ăn bốc".*

Đồng nữ nói kệ đáp:

*"Ổng là người địa ngục,*
*Giang tay theo người xin,*
*Tay chân đều trắng bệt,*
*Thấy đàng chìm trong nước".*

Đệ tử nói kệ:

*"Cô đừng nói như vậy,*
*Đó là lời bất thiện,*
*Dùng pháp làm y phục,*
*Mâu ni trụ pháp này".*

Đồng nữ nói kệ:

*"Lõa hình đi khắp nơi,*
*Sao lại cho là trí,*
*Mọi người đều nhìn thấy,*
*Mà không biết xấu hổ,*
*Trơ mặt, lộ hình thể,*
*Lại cho đó là pháp,*
*Vua Tỳ sa môn thấy,*
*Dùng đao chém không tha".*

Các đệ tử nghe rồi đều im lặng bỏ đi, khi đến ao nước thấy thầy mình dùng cái vò đựng cát cột vào cổ trầm mình xuống ao đã chết. Trong các đệ tử, người ưa thích giới nói: "đây chính là sự thật, ngoài ra đều là hư vọng", nói rồi cùng dùng cái vò đựng cát cột vào cổ trầm mình xuống ao nước chết giống như thầy; các ngoại đạo khác tứ tán khắp nơi, ra ở chốn biên phương.

Khi Phật hiện đại thần thông hàng phục các ngoại đạo như vậy, đại chúng trời người thảy đều hoan hỉ.

-oOo-

# CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA TẠP SỰ

## QUYỂN 27

### 4. Nhiếp tụng thứ tư (tt) Nói về Đại dược:

Khi thấy Phật hiện đại thần thông hàng phục các ngoại đạo khiến cho họ phải bỏ đi tứ tán, đến ở nơi biên phương; các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn dùng thần thông lực, đốt đuốc chánh pháp, phá cờ vọng kiến, hàng phục tà đạo thật là hi hữu. Lành thay bậc Đại thánh đã làm một việc khó nghĩ bàn, có thể làm lợi ích lớn như vậy", Phật nói: "các thầy nên biết, nay ta đã lìa ba độc, đầy đủ Nhất-thiết-trí, được đại oai lực, đến bờ giải thoát, chứng quả Vô thượng, điều ngự trượng phu, thiên nhân sư, nên hàng phục được họ không phải là điều hi hữu. Vì sao, vì ta nhớ lại đời quá khứ, lúc đó ta chưa lìa dục nhiễm, sân hận và ngu si, sanh lão bịnh tử và ưu bi khổ não, đầy đủ triền phược mà ta còn có thể hàng phục được Lục sư và các quyến thuộc, đó mới là điều hi hữu. Các thầy lắng nghe:

Quá khứ tại nước Tỳ-đề-ê có vua hiệu là Thiện sanh dùng chánh pháp trị nước…, phu nhân của

vua dung mạo rất đoan nghiêm nên được vua sủng ái. Phu nhân sanh được một hoàng tử, nhờ phước lực của hoàng tử này mà trong nước được mưa thuận gió hòa, ngủ cốc được mùa nên thức ăn uống dễ được. Sau hai mươi mốt ngày, vua mở tiệc ăn mừng để đặt tên cho hoàng tử, vua suy nghĩ: "khi con ta sanh ra, trong nước được mùa, thức ăn uống dễ được, nên đặt tên cho con là Túc ẩm thực", sau đó vua giao hoàng tử cho tám bà nhũ mâu nuôi dưỡng. Đến tuổi trưởng thành, hoàng tử học thông các kỹ nghệ, dũng kiện trung lương không ai hơn. Lúc đó đại phu nhân ỷ vào tài nghệ của con nên sanh kiêu ngạo, thường không tuân theo lịnh vua nên vua thường có sắc buồn. Đại thần thấy vua không vui, hỏi rõ nguyên nhân rồi tâu: "nếu đã như vậy sao vua không cưới thêm một người nhu hòa đức hạnh, để đại phu nhân dần dần hòa thuận theo", vua hỏi cưới ai, đáp: "cưới vương nữ bên nước lân cận", vua nói: "họ vốn có hiềm khích với nước ta thì làm sao hỏi cưới được?", đại thần tâu: "xin vua yên tâm, để thần tìm cách làm thân với họ". Sau đó đại thần đến gặp vua nước lân cận xin cầu hôn cho vua nước mình, vua nước kia nói: "nếu muốn tính việc hôn nhân thì phải giao ước trước: nếu con gái ta sanh con trai thì phải lập làm tự quân (nối ngôi vua) thì ta mới gả", đại thần liền đáp: "sẽ làm theo ý vua", vua nước kia nói: "khanh hãy trở về nước báo cho vua của khanh biết, nếu vua ấy chấp thuận

lời giao ước này thì khanh hãy trở lại", đại thần tâu: "việc lập Thái tử, thần đã hứa thì không dám hai lời". Sau khi hỏi cưới rước được vương nữ về, vua với vương nữ rất tương đắc, một hôm vua hỏi: "nàng rất nhu hòa hiền thục, nàng cầu điều gì, ta sẽ ban cho", đáp: "nếu thiếp sanh con trai thì xin vua lập làm tự quân", vua nghe rồi ưu sầu không đáp ứng ngay, vua suy nghĩ: "nếu ta chấp thuận lời cầu xin này thì ta phải phế vương tử Túc ẩm thực, nhưng vương tử là người tài nghệ dũng kiện trung lương không ai hơn, làm sao phế được. Ta thật khó xử". Lúc đó đại thần thấy vua có sắc buồn, hỏi rõ nguyên do rồi tâu: "trước đây khi thần qua nước đó cầu hôn cũng đã giao ước với vua nước đó về việc lập tự quân. Nay vua nên tạm thuận theo ý của nhị phu nhân, chưa biết nhị phu nhân có phải là thạch nữ hay không, cho dù có sanh con cũng chưa biết sẽ sanh trai hay gái, vua cứ tạm thuận theo", vua nghe rồi liền nói với nhị phu nhân: "ta chìu theo ý nàng". Sau đó không lâu, nhi phu nhân có thai, đủ ngày tháng sanh được một trai khôi ngô tuấn tú, sau hai mươi mốt ngày vua mở tiệc ăn mừng và đặt tên cho đứa bé. Vua nói: "đứa bé này chưa sanh ra đã cầu vương vị nên đặt tên là Cầu vương", sau đó vua giao hoàng tử cho tám bà nhũ mẫu nuôi dưỡng, nhưng khi đến tuổi trưởng thành, vua vẫn chưa sách lập làm tự quân. Phụ vương của nhị phu nhân sợ vua bội tín nên sai sứ đến nhắc lại lời giao ước

trước kia, nếu vua không giữ lời thì sẽ cất binh sang hỏi tội. Vua nghe rồi kinh sợ không biết tính sao nên ưu sầu, đại thần tâu: "đại vương, không còn cách nào khác, nên sách lập Cần vương và phế bỏ vương tử Túc thực", vua nói: "không nên nói việc phi pháp này, ta từng nghe con giết cha chứ chưa nghe cha giết con, việc bất nhân này ta không làm được", đại thần tâu: "nếu không giết thì làm hại", vua nói: "làm hại đâu có khác gì giết", đại thần tâu: "nếu không như thế thì đuổi ra khỏi nước", vua nói: "vương tử vô tội làm sao đuổi được", đại thần tâu: "khi đại vương lập Cần vương làm tự quân thì vương tử Túc thực tự biết xử trí như thế nào". Vua nghe rồi liền chọn ngày tốt sách lập Cần vương làm tự quân, vương tử Túc thực nghe biết rồi liền suy nghĩ: "phụ vương đã phế bỏ ta, nếu ta còn ở đây sẽ bị giết chết", nghĩ rồi liền đến nói với mẹ: "con muốn đến nước Bán-già-la để bảo tồn tính mạng", người mẹ nghe rồi đau lòng ôm con khóc rồi nói kệ:

*"Con thường nằm ngồi giường nệm cao,*
*Y phục đã mặc đều đẹp đẽ,*
*Sao lại một mình qua nước khác,*
*Nằm đất, áo thô làm sao sống?*
*Trong cung ngủ thức thường an ổn,*
*Ngoài điện con thường du ngoạn khắp,*
*Làm sao chịu được khổ nóng lạnh,*
*Linh đinh đói khát ở ngoài đồng?*

*Ở vương cung thường cỡi voi ngựa,*
*Cao lương mỹ vị tùy thời ăn,*
*Y phục thượng diệu ngăn nóng lạnh,*
*Sao lại vất bỏ đến nước khác?*
*Trong cung kỹ nhạc luôn hòa tấu,*
*Làm cho người nghe tâm thần vui,*
*Mọi người kính ngưỡng theo hầu hạ,*
*Nay con buồn, con muốn đi đâu?"*

Vương tử nói kệ đáp:

*"Ai hưởng an lạc mãi,*
*Ai chịu gian khổ mãi,*
*Ách nạn ai cũng có,*
*Thế thua phải tùy thuận.*
*Hết khổ sẽ được vui,*
*Như sao trên trời chuyển,*
*Hội họp sanh ưu khổ,*
*Thế pháp đều như thế".*

Vương tử nói kệ xong liền từ biệt mẹ đi đến nước Bán-già-la, gần tới nước ấy vì đói khát nên vương tử dừng lại nghỉ ngơi dưới một gốc cây bên đường, nhìn bốn phía không biết tính sao, một lát sau liền ngủ quên. Lúc đó đại thần của nước Bán-già-la có việc đi ngang qua chỗ này, nhìn thấy tướng mạo của vương tử khác hơn người thường nên đứng nhìn hồi lâu, sau đó gọi dậy rồi hỏi là ai, đáp: "tôi tên Túc ẩm thực, vương tử nước Tỳ-đề-ê", lại hỏi vì sao lại đến nơi đây, vương tử kể lại việc trên, đại thần nghe rồi liền đưa đến gặp vua

tâu rằng: "đại vương, đây là vương tử của vua Thiện sanh tên là Túc ẩm thực, do cha lập con thứ bỏ con trưởng nên vương tử chạy đến đây", vua nghe rồi liền hỏi rõ mọi việc, trong lòng buồn vui lẫn lộn, an ủi vương tử rồi ban cho đất đai và gả con gái cho vương tử. Không bao lâu sau, họ sanh được một trai dung mạo khả ái, từ ngày được sanh ra, trong nước được mùa, thức ăn uống dễ được nên ai cũng khen ngợi. Sau hai mươi mốt ngày họ mở tiệc ăn mừng và đặt tên cho bé, thân tộc nói: "đứa bé này là dòng dõi của vương tử Túc thực, vừa sanh ra trong nước được mùa, thức ăn uống dễ được nên đặt tên cho bé là Đa túc thực", vương tử giao bé cho tám bà nhũ mẫu nuôi dưỡng, đến tuổi trưởng thành tài nghệ song toàn. Sau đó vương tử Túc thực không may qua đời, người vợ thương nhớ nên đau buồn, vua thấy con gái đau buồn nên suy nghĩ: "bản tánh người nữ thường nghĩ đến chồng, nay ta nên cho vương nữ cải giá, gả cho đại thần và cho cháu đi theo". vương nữ sau khi cải giá, được gả cho đại thần thì không còn đau buồn nữa. Gần nhà đại thần có một con gà ngủ trên cây, tướng sư thấy liền nói: "ai ăn thịt con gà này sẽ được làm vua", đại thần nghe rồi liền bắt gà đem giết rồi bảo vợ: "nàng hãy làm thức ăn, đợi ta vào triều trở về sẽ ăn". Khi vương nữ làm thức ăn với thịt gà này còn để trên bếp thì Đa túc thực từ trường trở về không thấy mẹ, vì đói bụng nên giở xem trong nồi

đang nấu món gì, thấy có con gà liền chặt lấy cái đầu gà ăn đỡ đói; sau đó gặp mẹ mới nói là đã ăn cái đầu gà, vương nữ cho ăn thêm rồi bảo con đến trường. Sau đó đại thần từ trong triều trở về bảo dọn thức ăn lên, thấy con gà không có đầu liền hỏi nguyên do, vương nữ đáp là con đã ăn, đại thần suy nghĩ: "ăn hết thịt gà thì được làm vua hay là ăn một phần cũng được làm vua", nghĩ rồi trong lòng sanh nghi nên tìm đến chỗ tướng sư hỏi cho rõ, tướng sư nói: "không cần ăn hết, chỉ ăn cái đầu thì được làm vua; nếu có người đã ăn cái đầu gà thì giết người ấy lấy đầu ăn cũng được làm vua", đại thần nghe rồi suy nghĩ: "ta nên giết thằng bé để lấy đầu ăn, nhưng mẹ nó không biết thì thật khó làm. Ta nên hỏi ý mẹ nó trước", nghĩ rồi liền nhân lúc cùng nói chuyện hỏi vợ: "giữa chồng và con, nàng muốn ai làm vua?", vương nữ nghe rồi sanh nghi nên suy nghĩ: "nếu ta nói muốn con làm vua thì hắn sẽ bỏ ta, ta nên nói thuận theo hắn", nghĩ rồi liền nói: "tất nhiên muốn chồng làm vua". Vương nữ thông minh tài trí nên suy đoán: "đại thần vì cái đầu gà mà muốn giết con mình, ta phải đề phòng và tính kế trước chớ để con gặp nguy hiểm", sau đó ở chỗ khuất bảo con rằng: "vì con ăn cái đầu gà nên đại thần muốn giết con, con hãy bỏ đi đến nước Tỳ-đề-ê, đó là quê hương tổ tông của con, quyến thuộc đều còn ở đó, nếu con đến đó, họ nhận ra con thì con sẽ được an lạc", người con nghe rồi miễn

cưỡng từ giã mẹ ra đi, khi sắp đến nước Tỳ-đề-ê, vì đói nên nằm dưới một gốc cây ngủ. Lúc đó vua Cần vương bịnh nặng nên qua đời, theo quốc pháp nếu chưa lập vua mới thì không được đưa xe tang của vua đi. Vì vua không có con nên quần thần không biết lập ai, có người nói thấy một người tướng mạo khác thường nằm ngủ dưới một gốc cây, mặt trời tuy chếch bóng nhưng bóng cây không nghiêng để che mát cho người này, hẳn là bậc phi phàm đáng tôn làm vua. Quần thần nghe nói rồi liền đến chỗ thanh niên lay gọi thức dậy, thanh niên bị đánh thức liền hỏi vì sao, đáp là muốn tôn làm vua, thanh niên nói: "pháp tắc gọi vua dậy không phải như thế", hỏi phải gọi như thế nào, đáp: "phải tấu âm nhạc từ từ làm cho thức dậy", quần thần nghe rồi liền suy nghĩ: "người này không phải con nhà nghèo, hẳn là xuất thân từ nhà cao sang", nghĩ rồi liền hỏi từ đâu đến là con của ai. Thanh niên này tuy tuổi vừa hai mươi nhưng thân tráng kiện như sư tử vương, giọng nói sang sảng, liền nói tổ tông của mình cho mọi người biết: "tiên vương của tôi là Thiện sanh, con của tiên vương hiệu là Túc ẩm thực, tôi là con của người", quần thần nghe rồi vui mừng nói: "chúng ta gặp lại vua cũ". Họ liền tổ chức nghi lễ với âm nhạc đầy đủ, người xe đông đảo đón rước vương tử vào thành làm lễ quán đảnh lên ngôi vua. Trước kia vương tử tên Đa túc thực, nay đổi lại là Toại ẩn, do tông tộc được hưng

thạnh trở lại nên lấy hiệu là Trùng hưng, vì vua còn nhỏ tuổi nên các đại thần xem thường ít khi nghe theo lịnh vua. Những lúc rỗi rảnh vua ra khỏi thành du ngoạn, hỏi thăm dân chúng những phong ấp này thuộc quyền của ai, họ đều đáp là của đại thần. Vua suy nghĩ: "tất cả thành ấp đều thuộc sở hữu của các đại thần, ta tuy là vua cũng chỉ có cung điện và thức ăn uống hằng ngày, ngoài ra không có gì cả. Nếu họ làm trái quốc pháp thì ta biết tính sao đây", lúc đó có một thiên thần ở trên hư không biết tâm niệm của vua nên nói: "vua không nên buồn, trong nước này có một thành tên là Mãn tài, trong thành có một người tên là Viên mãn, vợ của người này sẽ sanh con trai tên là Đại dược, sau khi Đại dược trưởng thành được lập làm đại thần sẽ giúp vua lo liệu mọi việc, tùy cơ chế đoán không ai là không phục, vua hãy an tâm". Vua nghe rồi liền sai sứ đến thành Mãn tài tìm hiểu xem có ai tên Viên mãn hay không, nếu có thì vợ của người này có thai hay không. Sư giả tuân lịnh vua đến thành kia tìm hiểu rồi trở về báo lại là thật có như thế, vua nghe rồi liền cho gọi Viên mãn đến, khéo dùng lời phủ dụ rồi ban cho thành Mãn tài làm phong ấp và nói: "vợ khanh có thai, hãy chăm sóc bảo hộ chớ để bị tổn thương". Đủ ngày tháng, vợ của Viên mãn hạ sanh một bé trai, dung mạo đoan nghiêm không ai sánh được. Sau hai mươi mốt ngày họ mở tiệc ăn mừng và đặt tên cho bé, người mẹ nói: "tôi vốn bị bịnh

sởi, tuy thầy thuốc đã cho uống nhiều loại thuốc nhưng vẫn không hết. Khi mang thai đứa con này, bịnh ấy bỗng không còn nữa nên đặt tên cho con là Đại dược", liền nói kệ:

"Ở trong các bịnh khổ, Đại dược là tối thắng, Đây là thuốc hay nhất, Nên đặt tên Đại dược".

Thời gian sau, khi người cha cõng Đại dược đến ao để tắm, trên đường thấy xương cá cho là bảo châu nên dùng chân khều lên, Đại dược nói kệ:

*"Thấy xương cá dưới đất,*
*Tưởng bảo châu khều lên,*
*Việc mình không chịu làm,*
*Ráng tìm báu đánh rơi,*
*Xương cá của người vất,*
*Không phải là bảo châu,*
*Há có Tỳ sa môn,*
*Vất bảo châu ngoài đường?".*

Khi đến ao, người cha để Đại dược ở trên bờ, cởi y phục xuống nước, thấy có một con cò trắng đậu trên lá sen, muốn bắt cò nên tới gần, chim liền bay lên cao, Đại dược nói kệ:

*"Cò đậu trên lá sen,*
*Thấy cha liền bay cao,*
*Cha không nên đến gần,*
*Để bắt sinh mạng nó".*

Hôm khác, người cha cõng Đại dược đến sông Căng già để tắm, người cha để con ở trên bờ, cởi y

phục xuống nước, thấy có cái bát bằng đồng từ phương Đông trôi xuống, con chim Bạch nga đậu ở trên. Người cha cho là điều quái lạ nên nhìn lên hỏi con, Đại dược nói kệ:

*"Căng già chảy từ Đông,*
*Bát đồng trôi theo dòng,*
*Bạch nga đậu ở trên,*
*Đâu phải vật gì lạ".*

Hôm khác cũng như trên, người cha lại thấy có bình rửa lớn và cỏ nổi trôi theo dòng nước, cũng có chim đậu ở trên, Đại dược cũng nói kệ như trên.

Khi Đại dược vừa ở tuổi thiếu niên cùng các đồng tử du ngoạn, chúng đồng lòng tôn Đại dược làm vua, Đại dược chọn người làm phụ tá cho mình, từ đó về sau, nhóm đồng tử này càng đông thêm. Lúc đó có một Bà-la-môn vừa cưới được một cô vợ trẻ, trên đường đi ngang qua một thôn, ông ghé vào một rừng thưa để tiểu tiện thì có một thanh niên đến chỗ người vợ hỏi: "ông ấy là cha hay là ông của cô?", đáp: "không phải cha hay ông, mà là chồng tôi", thanh niên nói: "cô không biết xâu hổ với bạn bè hay sao, trên đời có rất nhiều người nam tuấn tú, vì sao lại đi theo Bà-la-môn già ấy? Cô còn trẻ xinh đẹp, hãy bỏ lão ấy để làm vợ tôi, nếu lão ấy đến giành lại thì ở giữa đại chúng, cô nói tôi là chồng", người vợ này chấp thuận đi theo thanh niên. Lúc đó Bà- la-môn trở lại tìm vợ không thấy nên lên chỗ cao nhìn khắp nơi, liền thấy hai người

đang dắt tay nhau đi. Ông vội chạy theo, bắt kịp họ liền nắm lấy tay người vợ kéo lại, thanh niên kia cũng nắm tay kia giữ lại, Bà-la-môn nói: "người cướp vợ ta", thanh niên nói: "tôi thề đây chính là vợ tôi, không phải vợ ông", hai bên vừa lôi kéo vừa cãi cọ nhau, thanh niên khỏe hơn nên kéo được cô gái về phía mình, Bà-la-môn sợ mất vợ nên la to: "giặc cướp vợ tôi". Đại dược cùng các đồng tử đang vui chơi ngoài đồng, các đồng tử nghe tiếng kêu la này liền nói với Đại dược: "anh đã xưng vương, nghe tiếng kêu la ắt là có việc phi lý, sao anh không cứu họ?", Đại dược bảo đồng tử phụ tá kêu ba người đó đến hỏi tranh cãi về việc gì, Bà-la-môn nói: "người này cướp vợ tôi", thanh niên nói: "người này nói dối, đây chính là vợ tôi", Đại dược hỏi cô gái: "ai là chồng chị?", cô gái chỉ thanh niên nói là chồng. Đại dược thấy Bà-la-môn đấm ngực lộ vẻ đau buồn nên muốn kiểm tra hư thật, liền hỏi thanh niên: "anh dẫn vợ từ đâu đến đây?", đáp là từ nhà vợ đến, lại hỏi đã ăn những gì, đáp là ăn cơm canh thịt và uống rượu, Đại dược nói: "nếu vậy hãy cho tôi xem hư thật thế nào", nói rồi liền đưa tay vào miệng thanh niên làm cho ói ra, chỉ thấy toàn nước miếng không thấy thức ăn. Đại dược lại hỏi Bà-la-môn giống như trên đến câu đáp là ăn sữa chua, bánh và rau cải; Đại dược lại bảo làm cho ói ra thì thấy đúng như lời đã nói, liền biết thanh niên nói dối liền cho đánh nhiều gậy rồi đào

đất chôn đến tận cổ, lấy mực viết trên trán là cướp vợ; như thế lần lượt có đến năm trăm tên trộm bò dê cũng bị xử như thế.

Lúc đó vua Trùng hưng suy nghĩ: "các thành ấp trong nước đều thuộc của sáu đại thần, ta đang thế yếu phải làm sao đây", bỗng nhớ tới Đại dược liền không nói cho quần thần biết, tự dẫn quân đi đến thành Mãn tài để gặp Đại dược. Khi đi ngang qua đồng trống nghe có tiếng kêu, nhìn khắp nơi không thấy có người, vua cho tả hữu đi tìm chung quanh mới thấy có năm trăm người bị chôn sống, trên trán có ghi là giặc. Vua hỏi ai đã làm việc này, họ đáp: "chính là Đại dược làm đúng pháp, không phạt kẻ vô tội", vua khen là tốt nhưng sanh tâm từ bi nên tha cho họ. Lúc đó dân chúng trong thành Mãn tài nghe vua sắp đến liền sắp bày những vật tốt lành, mang bình vàng đựng nước và cờ lọng tràng phang ra nghinh đón. Sau khi thăm hỏi xong vua bảo: "con của Viên mãn tên là Đại dược mau đến đây", người cha tâu: "đồng tử hãy còn nhỏ", vua bảo cứ gọi đến, người cha liền dẫn đến. Vua thấy đồng tử tướng mạo uy nghiêm, tuy có tài dũng lược nhưng tuổi còn nhỏ không thể giao phó việc nước được, nên giao lại cho người cha rồi kéo quân trở về cung. Sau đó vua suy nghĩ: "ta nên thử nghiệm tài trí mưu lược của Đại dược", nghĩ rồi liền sai sứ đến bảo Viên mãn: "hãy dùng cát vàng bện thành sợi dây dài một trăm khuỷu tay rồi mang đến cho vua",

Viên mãn nghe lịnh vua rồi vừa lo buồn vừa sợ hãi, suy nghĩ: "từ xưa đến nay ta chưa từng nghe việc bện cát thành dây như vậy", Đại dược thấy cha lo buồn liền hỏi nguyên do rồi nói: "sứ giả ở đâu, cho con gặp để gửi lời về tâu lại vua", người cha bảo sứ giả đến, Đại dược bảo sứ giả: "xin đại nhân tâu giúp tôi với vua rằng: tiểu thần quê mùa, ít thấy nghe lại không có trí mưu có thể đoán được ý trời, không biết vua cần loại dây màu gì. Ở đế đô có nhiều người tài giỏi, xin ban cho một đoạn làm mẫu rồi sẽ làm theo, không phải chỉ đoạn ngắn một trăm khuỷu tay mà dài đến ngàn tầm cũng sẽ làm xong". Sứ giả trở về tâu lại vua, vua hỏi là lời của con hay của cha, đáp là của Đại dược, vua nghe rồi thán phục liền nhớ lại lời thiên thần nói, nếu lời này là sự thật thì có ngày Đại dược sẽ giúp ta làm bá vương. Sau đó vua lại sai sứ đến bảo Viên mãn nấu cơm đem đến với điều kiện là gạo không được giã trong cối, không được làm bể một hạt, không được nấu trong nhà hay ngoài trời, khi nấu không được nấu bằng lửa hay khác lửa; khi đem cơm đến không được đi trên đường hay lề đường, không đi bộ cũng không đi ngựa, không thấy được mặt trời cũng không phải chỗ râm mát; người mang cơm đến không phải là nam hay nữ. Viên mãn nghe rồi vừa lo buồn vừa sợ hãi, Đại dược hỏi rõ nguyên do rồi nói: "cha không phải lo, con sẽ làm chu toàn". Đại dược bảo đem lúa ra rồi tập họp nhiều người

lại dùng tay bóc vỏ trấu nên không làm gạo bị bể; khi có gạo rồi liền tìm chỗ nấu là ngay dưới hiên bên ngoài cửa, dùng ánh nắng gắt ở trên, bên cạnh đốt lửa để nấu cơm; sau khi cơm chín bảo người mang cơm khi đi một chân ở trên đường, một chân ở trên lề; đội bồn cơm trên đầu, ở trên phủ bằng một tấm vải thưa nên không thấy mặt trời cũng không phải chỗ râm mát; một chân đi giày, một chân đi rần tức là không đi bộ cũng không đi ngựa; người mang cơm là người đã bị thiến nên không phải nam cũng không phải nữ. Vua thấy cơm được mang đến liền hỏi là do ai làm, đáp là Đại dược, vua kinh ngạc nói: "Đại dược quả có trí mưu, trí huệ lớn, hiểu thông pháp thức, thật là người có tài giúp vua". Sau đó vua lại sai sứ giả đến bảo Viên mãn: "vua cần một khu vườn có đủ loại cây hoa trái và ao, hãy mau đem đến", Viên mãn nghe rồi vừa lo buồn vừa sợ hãi vì khu vườn làm sao di chuyển, đem đến cho vua được, Đại dược hỏi rõ nguyên do rồi nói: "cha không phải lo, để cho con lo liệu", nói rồi liền bảo sứ giả: "lịnh vua ban ra nào dám không làm theo, nhưng vì xứ này vườn ao mang tính thôn dã, nếu mang đến kinh thành sợ có xúc chạm. Xin vua ban cho một khu vườn nhỏ để làm theo cách thức thì việc mới thành", sứ giả về triều tâu lại, vua hỏi là lời của ai, đáp là của Đại dược, vua nghe rồi vừa kinh ngạc vừa bội phục cho là kỳ lạ. Sau đó vua lại sai sứ đưa đến năm trăm

con bò đực giao cho Viên mãn nuôi để cung cấp sữa lạc lại cho vua, viên mãn nghe rồi vừa lo buồn vừa sợ hãi vì bò đực làm sao có thể cung cấp sữa lạc được. Đại dược hỏi rõ nguyên do rồi nói: "xin cha chớ lo, con sẽ nghĩ cách khiến vua không đòi lấy sữa lạc nữa", Đại dược liền bảo hai cha con của đồng tử phụ tá đến nói rằng: "hai cha con anh đi đến kinh thành rình chờ khi vua ra ngoài rồi ở một chỗ cách đó không xa, lấy một bát gỗ lớn độn vào bụng của cha, kéo quần lên cao che phủ lại. Cha anh nằm lăn lộn trên đất rên rỉ, còn anh thì lấy hương hoa cầu khẩn chư thiên gia hộ cho cha anh sanh được an ổn". Hai cha con đồng tử liền đi đến kinh thành làm y theo lời Đại dược đã dặn, lúc đó vua cho gọi hai cha con lại hỏi rõ sự việc, người con nói: "cha tôi sắp sanh nhưng sanh không được nên kêu la, tôi cầu khẩn chư thiên gia hộ", vua nghe rồi bật cười nói: "ta chưa từng nghe đàn ông sanh con", người con nói: "đúng như lời vua nói đàn ông không thể sanh con, vì sao vua lại giao năm trăm bò đực cho Viên mãn nuôi để cung cấp sữa lạc, bò đực không thể sanh con thì làm sao có sữa lạc", vua hỏi: "ai đã bày kế này?", đáp là của Đại dược, vua nghe rồi rất thán phục trí mưu. Sau đó vua bảo sứ giả: "Đại dược nhiều trí ít người sánh bằng, nên dùng việc khác để thử nghiệm. Hãy đưa đến một con la cho Viên mãn nuôi giữ nhưng không được cột, không nhốt trong chuồng mà thả cho nó tự do,

cũng không để nó bị đói", Viên mãn nghe rồi vừa lo buồn vừa sợ hãi... như trên cho đến câu Đại dược nói cha đừng lo. Ban ngày Đại dược thả con la ra ngoài đồng cho nó tự do ăn cỏ, ban đêm lùa vào sân nhà, không cột dây rồi bảo hai mươi người luân phiên coi giữ, mỗi phiên năm người luân phiên cỡi la để giữ. Sứ giả theo lịnh vua âm thầm theo dõi sự việc rồi về tâu lại, vua nghe rồi nói: "nếu như vậy thì con la không thể chạy thoát thì làm sao bắt tội", đại thần nói: "nên ra lịnh cho người cỡi la vào đêm khuya, lúc mọi người đang ngủ cỡi la bỏ đi", sứ giả làm theo lịnh vua. Sáng hôm sau những người coi giữ báo cho Viên mãn biết con la đã đi mất, Viên mãn nghe rồi hết sức sợ hãi, Đại dược suy nghĩ: "việc chậm rãi thì mới nghĩ ra kế, còn gấp quá thì trong lòng cũng sợ hãi", nghĩ rồi liền nói với cha: "con có một kế nhưng hơi khó làm, nếu cha chịu đựng được hổ nhục thì hy vọng thoát được tội", người cha nói: "nếu được thoát chết thì cha sẽ chịu đựng". Đại dược liền cạo đầu người cha thành bảy đường rồi lấy màu sắc xanh vàng đỏ trắng bôi lên rồi cùng cha cỡi trên một con lừa đi đến kinh thành. Đến nơi rao to lên rằng: "Đại dược đang cùng cha di đến, cạo tóc người cha rồi trang sức thật kỳ dị", đại thần nghe được việc này liền tâu vua, vua nói: "Đại dược từ xa đến là tốt, nhưng làm nhục cha mình thì phạm vương pháp", vua cùng mọi người ra ngoài thành xem hư thật thế nào, mới thấy việc

đó là thật. Lúc đó đại thần tâu vua: "vua khen ngợi Đại dược thông minh mưu trí hơn người, nhưng xem việc này thì thật là đê tiện", vua hỏi Đại dược: "vì sao người lại làm việc hủy nhục cha mình", đáp: "đại vương, thần cho là vinh mà không cho là nhục, thần có nhiều trí huệ nên lấy việc này dâng cha", vua hỏi: "trí của người và của cha, ai hơn?", đáp là thần hơn, vua nói: "ta chưa nghe con hơn cha, con do cha sanh ra, nuôi dưỡng khó nhọc nên nói là cha hơn con", Đại dược tâu: "xin đại vương xét kỹ, cha với con thì ai hiền hơn?", vua và đại thần đều nói là cha hơn, Đại dược liền quỳ trước vua tâu: "trước đây vua sai coi giữ con la, không may nó đã chạy mất. Con lừa này là cha của con la, theo lý thì nó hơn con la, xin vua nhận lấy con lừa này và đừng trách phạt cha thần", vua và đại thần nghe rồi đều thán phục là mưu kế hiếm có. Vua rất vui mừng liền phong Đại dược làm đại thần, tất cả việc nước đều giao cho Đại dược quyết đoán, xét rõ được nhiều việc nên xa gần đều tin tưởng, tiếng tăm ngày càng vang xa.

Có một Bà-la-môn thông suốt luận thư, vì cưới vợ nên chi dùng rất nhiều tiền, sau đó ông suy nghĩ: "ta vì cưới vợ chi phí quá nhiều nên tiền tài trong nhà không còn, sắp bị nghèo túng, phải làm sao đây", nghĩ rồi liền đi đến phương khác làm nghề huyễn thuật, kiếm được năm trăm tiền vàng mang về. Khi về gần tới làng liền suy nghĩ: "vợ ta xinh

đẹp lại xa nhau đã lâu, trong nhà không có ta thì mặc tình muốn làm gì thì làm, không biết tâm nó có đáng tin hay không, vì vậy ta không nên mang số vàng này về nhà", nghĩ rồi ông liền đợi đến hoàng hôn, vào trong rừng đến bên gốc cây đa căn đào lỗ chôn cất vàng rồi mới về nhà. Trong thời gian ông vắng nhà, người vợ đã cùng người ngoài tên là Thiện thính tư thông; đêm đó sau khi họ cùng ăn tối xong vừa định đi ngủ thì nghe tiếng gõ cửa, người vợ hỏi là ai, Bà-la-môn đáp xong, người vợ vội bảo Thiện thính trốn dưới gầm giường rồi ra mở cửa, giả bộ vui mừng hỏi thăm rồi dọn lên thức ăn còn dư cho Bà-la-môn ăn. Bà-la-môn vừa ăn vừa suy nghĩ: "người vợ này há đã cùng người ngoài tư thông hay sao mà ban đêm lại có sẵn thức ăn ngon như thế này", nghĩ rồi liền hỏi vợ: "hiền thủ, hôm nay không phải ngày tốt cũng không phải lễ hội, vì sao lại có các món ăn ngon như thế này?", đáp: "đêm qua nằm mộng thấy thiên thần mách bảo là chàng sắp về, nên thiếp làm sẵn các món ăn đợi chàng", người chồng nói: "ta thật có phúc, sắp về đến nhà liền có thiên thần mách bảo". Sau khi ăn uống xong, khi cùng lên giường nằm, người vợ liền hỏi: "chàng bỏ em đi xa nhiều năm như vậy có kiếm được tiền hay không?, đáp là cũng được chút ít, người vợ liền dùng ám ngữ báo cho Thiện thính ở dưới gầm giường nên lắng nghe kỹ rồi hỏi chồng: "chàng kiếm được bao nhiêu?", đáp là được năm

trăm tiền vàng, lại hỏi đã để ở đâu, đáp: "hãy yên tâm sáng mai sẽ đem về", người vợ nói: "thiếp và chàng đã là một thể, vì sao còn giấu không nói cho biết", đáp là để ở ngoài thành, người vợ lại dùng ám ngữ bảo Thiện thính lắng nghe chỗ giấu vàng rồi hỏi chồng: "chàng cất ở đâu?", đáp là ở trong rừng dưới gốc cây đa căn, người vợ nói: "chàng đi đường đã mệt nhọc, hãy ngủ đi". Sau khi biết chồng đã ngủ say, người vợ bảo Thiện thính: "chàng đã nghe biết chỗ cất vàng, vậy thì hãy làm cho mau", Thiện thính liền chui ra khỏi gầm giường đi đến trong rừng dưới gốc cây đa căn đào lấy hết vàng mang về nhà mình. Sáng hôm sau, Bà-la-môn đến chỗ cất giấu vàng thì thấy vàng không cánh mà bay đâu mất, ông liền đấm ngực khóc lớn rồi thiểu não trở về. Thân thuộc và người quen thấy vậy liền hỏi rõ nguyên do rồi nói: "uẩn khúc này người khác khó biết được, ông nên đến hỏi Đại dược, vị ấy có trí huệ hơn người có thể giúp ông tìm lại số vàng đã mất. Ngoài cách này ra không còn cách nào khác", Bà-la-môn liền đến chỗ Đại dược, chào hỏi rồi đem việc trên kể lại, Đại dược hỏi: "việc cất giấu vàng ông có nói cho ai biết không?", Bà-la-môn kể lại việc đêm qua, Đại dược nghe rồi biết chắc người vợ đã tư thông với người ngoài rồi làm việc trái đạo này, liền an ủi Bà-la-môn: "ông hãy tạm nhẫn nại, đừng lo buồn, tôi sẽ giúp ông tìm lại vật đã mất", lại hỏi: "nhà ông có

nuôi chó không?", đáp là có, Đại dược nói: "ông hãy về bảo vợ: trước kia tôi có nguyện trước tượng Đại tự tại thiên là nếu bình an trở về thì sẽ thỉnh tám Bà-la-môn về nhà cúng dường. Nàng hãy thỉnh giúp tôi bốn vị, còn tôi thỉnh bốn. Khi tám người ấy đến nhà, ông để cho sứ giả của tôi đứng ở cửa xem xét những người này", Đại dược lại bảo sứ giả: "ngươi hãy xem xét kỹ tám Bà-la-môn đến nhà, người nào bị chó sủa, người nào không bị mà còn được con chó vẩy đuôi chạy tới thì hãy ghi nhớ kỹ người này. Khi người vợ tự tay dọn đưa thức ăn lên, ngươi hãy xem xét đến chỗ người nào thì cô ta liếc mắt mỉm cười". Bà-la-môn và sứ giả làm y như lời Đại dược đã dặn, khi tám người được thỉnh vào nhà thì bảy người đều bị chó sủa, chỉ có một người là Thiện thính thì chó không sủa mà còn vẩy đuôi chạy tới; khi người vợ dọn đưa thức ăn đến chỗ Thiện thính thì liếc mắt mỉm cười, khác với những người khác. Khi sứ giả trở về thuật lại việc trên, Đại dược liền búng tay nói: "chính người ấy là kẻ trộm vàng rồi", nói rồi liền bảo sứ giả gọi Thiện thính đến trách rằng: "lẽ nào Bà-la-môn có pháp trộm vật của người lấy làm của mình hay sao, ngươi nên trả lại cho họ", Thiện thính nói: "tôi xin thề là không có lấy vật của người khác", Đại dược liền bảo sứ giả: "đây là kẻ ác, hãy đem nhốt vào trong ngục, theo vương pháp dùng hình phạt trị cho nó thật đau khổ". Thiện thính nghe rồi sợ hãi liền

nói: "xin đại thần cứu hộ, tôi sẽ trả lại", nói rồi liền chỉ chỗ đã cất giấu vàng, số vàng vẫn còn nguyên. Bà-la-môn sau khi lấy lại được số vàng liền suy nghĩ: "ta nay đã già, vàng đã mất nay bỗng được lại đều là nhờ sức của Đại dược, ta nên báo ân", nghĩ rồi liền đưa một nửa số vàng cho Đại dược để báo ân, Đại dược nhận rồi đưa trở lại nói rằng: "tôi làm việc giúp người không phải vì cầu lợi riêng cho mình". Lúc đó tiếng tốt lan xa, vua và quần thần cùng dân chúng đều nghe biết, nói rằng: "chúng ta có phước được người tài giỏi này bảo hộ nên không bị xâm phạm oan uổng".

Có một người đi đến nước khác, sau đó trở về nước mình, khi đến bờ hồ ở ngoài thành dừng lại nghỉ ngơi, lấy lương khô trong túi ra ăn, đứng dậy đi tiểu mà quên cột miệng túi lại. Lúc đó có con rắn độc bò vào nằm khoanh trong túi, khi quay trở lại không nhìn kỹ liền cột miệng túi rồi xách đi. Khi tới cửa thành gặp một tướng sư, tướng sư nhìn anh ta rồi nói: "xem sắc diện của anh thì sắp chết đến nơi", người này tuy nghe nhưng không để ý, đi được một đoạn liền hối hận là không hỏi kỹ, anh suy nghĩ: "ta nên đến hỏi Đại dược rồi hãy về nhà, ông ấy có trí huệ sẽ giải thích cho ta", nghĩ rồi liền đi đến chỗ Đại dược thuật lại lời tướng sư nói. Đại dược nghe rồi suy nghĩ: "hay là trong túi có rắn độc nên tướng sư mới nói như thế", nghĩ rồi liền bảo để cái túi xuống đất, Đại dược ở trước mọi người dùng

cây gậy khều miệng túi ra, con rắn độc từ trong túi bò ra phồng mang phun độc rồi phóng mình đi mất, mọi người thấy việc này rồi đều khen ngợi là kỳ lạ.

-oOo-

# CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA TẠP SỰ

## QUYỂN 28

### 4. Nhiếp tụng thứ tư - việc của Đại dược (tiếp theo):

Lúc bấy giờ Đại dược đã trông coi việc nước nên thống lĩnh bốn binh đi xem xét khắp nơi trong nước, mỗi khi đến thành ấp nào đều hỏi nơi này thuộc sở hữu của ai, dân chúng đều đáp là của đại thần. Lúc đó Đại dược mới biết tất cả thành ấp trong nước đều thuộc về của sáu vị đại thần, vua chỉ có cung điện và thức ăn uống hằng ngày mà thôi. Sau khi trở về cung, Đại dược tâu vua: "thành ấp nào ở trong nước là thuộc của vua?", vua nói: "trước nay ta đều bất lực, biết làm sao đây. May mắn là có chư thiên báo cho ta biết trong thành Mãn tài có người tên là Viên mãn sẽ có con trai tên là Đại dược, đến tuổi trưởng thành lập làm đại thần sẽ giúp ta lo liệu việc nước. Do nhân duyên này nên từ khi khanh còn trong thai, ta đã chu cấp mọi việc, nay khanh đã thành nhân nên thân cận ta, chức vị đại thần nay khanh đã được, hãy thuận theo

thiên mệnh rộng dùng trí mưu giúp ta liệu lý việc nước để ta được tự tại làm vua", Đại dược nghe rồi sụp xuống lạy và cung kính tâu vua: "xin đại vương chớ lo, thần sẽ giúp cho vua được an lạc". Sau đó Đại dược sai sứ đến các thành ấp trong nước bảo dân chúng các nơi ấy rằng: "mọi người nên biết, xét thấy các đại thần không tuân pháp nước đã thu thuế lại bắt dân lao dịch cực khổ. Bằng lời chân thật ta khuyên mọi người, nếu thuận theo thì được an lạc mãi mãi, chỉ đóng thuế theo khả năng của mình, không bị lao dịch nữa. Mọi người hãy tự cố thủ trong thành, nếu như có lịnh vua và sáu đại thần đến bảo mở cửa thành cũng chớ nghe theo, dù đích thân đến cũng chớ có mở mà nên nói rằng: nếu đại thần Đại dược đến thì chúng tôi sẽ mở", dân chúng trong các thành nghe rồi đều làm theo như lời Đại dược đã dặn. Lúc đó sáu vị đại thần nghe biết việc này rồi liền tâu vua: "dân trong các thành muốn tạo phản phải làm sao đây?", vua nói: "các khanh thống lĩnh bốn binh đến hỏi tội", các đại thần thống lĩnh binh đến họ cũng không nghe theo nên trở về tâu vua: "chúng thần bất lực, xin vua đích thân đến", vua liền đích thân đến họ cũng không tuân phục, uổng công hai bên đánh nhau kéo dài nhiều ngày. Cuối cùng dân chúng tâu vua: "chúng thần không có ý phản nghịch lại vua, chỉ là không muốn thuận theo sáu vị đại thần bạo ngược. Nếu đại thần Đại dược đến thì chúng thần sẽ tuân phục", vua liền

sai sứ gọi Đại dược đến, Đại dược nghe sắc lịnh vội đến gặp vua. Thấy Đại dược đến, dân chúng trong các thành đều mở cửa phục tùng, Đại dược hộ giá vua đi đến các thành, thay vua bãi bỏ chính sách bạo ngược, chế định lại pháp luật nhẹ hơn và hợp lý khiến cho không còn ai oán trách nữa. Mọi người đều ca ngợi sự thay đổi này, vui mừng như được sống lại, lúc đó Đại dược chu cấp cho người nghèo khổ cô quả, cũng như cha mẹ thương yêu tất cả. Tiếng tốt vang xa, các nước xa gần đều khen ngợi, vua gả con gái cho Đại dược, tuy được vua xem trọng nhưng Đại dược không có kiêu căng.

Thời gian sau, có một người nghèo ở phương khác đến xin được phụng sự cho vua để mong cầu bỗng lộc, vua không chấp nhận nên người này đến cầu nơi Đại dược, Đại dược thương xót nên thu nhận và chu cấp y thực đầy đủ. Lại có một Bà-la-môn thường đến xin lúa gạo, Đại dược bảo người giữ kho cho nhưng người này lơ là lần lữa không chịu đưa cho ngay. Một hôm vua cùng quần thần hội họp, vua hỏi: "việc bí mật của mình nên nói cho ai biết?", có người đáp nên nói cho thân hữu, có người đáp nên nói cho cha mẹ hoặc vợ con, chỉ riêng Đại dược im lặng không nói, vua hỏi vì sao, đáp: "đâu nên nói dễ như thế, theo thần thì hễ là việc bí mật thì không nên nói cho bất cứ ai, dù là nam hay nữ", vua nói: "lẽ nào lại như vậy hay sao", đáp: "đúng hay sai vua sẽ tự nghiệm biết". Sau đó

vua mất chim Khổng tước, Đại dược bắt được đem giấu một nơi rồi đem một con khác đến trước mặt vợ hỏi: "nàng có nghe vua mất chim Khổng tước không?", đáp là có nghe, Đại dược nói: "chính là chim này, nàng hãy đem làm thịt, ta muốn ăn nhưng nàng không nên nói việc này cho ai biết", người vợ nghe rồi suy nghĩ: "phụ vương tin tưởng như vậy, vì sao lại giết chim của vua để ăn, thật là xấu xa, không sợ vương pháp gì cả". Sau đó Đại dược lại dẫn một cô gái đẹp vào nhà nói với vợ: "người này là cung nữ của vua, ta yêu mến nên đưa về, nàng đừng nói việc này cho ai biết", người vợ nghe rồi càng phẫn nộ suy nghĩ: "vì sao phụ vương lại không xét kỹ, tin dùng một kẻ vô lại phản phúc không có tông tộc như hắn, còn phong làm đại thần giao phó việc nước. Cung nữ của vua cũng đem về nhà mình, bắt chim của vua làm thịt ăn, thu nhận khách phương khác và cung cấp y thực nuôi làm nghĩa sĩ", nghĩ rồi liền đem hết sự việc này tâu cho vua biết rồi nói: "phụ vương hãy bãi chức và cho trở về vườn". Vua nghe rồi liền thay đổi tâm ý đối với Đại dược liền ra lịnh đao phủ bắt Đại dược đem đi hành hình; khi ra khỏi thành, Bà-la-môn trước đó đến nhà Đại dược xin lúa gạo liền níu lấy vạt áo Đại dược đòi lúa gạo. Lúc đó đao phủ dùng hoa đỏ cột vào cổ, đánh trống đi trước thông báo và cầm dao đi sau đưa Đại dược đến trong Thi lâm để xử chém, nhưng khi đến giờ xử chém thì không ai chịu

chém cả, người đi theo xem đều khóc sụt sùi cầu khẩn Phật trời. Lúc đó người khác phương khác được Đại dược thu nhận trước đó liền bước ra nói: "tôi có thể giết người này"; Đại dược liền nói kệ:

"Không nên thân với vua, Khó gần gũi kẻ ác,
Nếu là việc bí mật, Không cho người nữ biết.
Ta không ăn chim Công, Cũng không dụ cung nữ,
Không có tâm khi dối, Và nợ gạo của người".

Lúc đó sứ giả nghe kệ rồi liền hỏi Đại dược: "người có trí huệ hơn người sao lại nói ra lời vô nghĩa?", đáp: "đây không phải là lời vô nghĩa, ngươi không hiểu được đâu, hãy đem lời ta vừa nói nói lại cho vua nghe", sứ giả liền đến nói lại cho vua nghe, vua không hiểu liền bảo sứ giả cho gọi Đại dược đến để hỏi nghĩa bài kệ, Đại dược nói: "nghĩa lý của nó rất sâu", vua hỏi sâu như thế nào, đáp: "xin vua lắng nghe: Nói không nên thân với vua là trước đây tất cả thành ấp trong nước đều không thuộc về vua, thần đã dùng mưu trí làm cho vua được quyền lực, trong nước được an ninh thịnh vượng, dân chúng hoan ca đều là nhờ sức của thần, nhưng nay vua lại ra lịnh giết thần để báo đáp ân ấy. Nói khó gần gũi kẻ ác là trước đây có người khách phương khác đến tìm cách thân cận vua để mong được bổng lộc, vua không thu nhận nên mới đến cầu nơi thần. Thần thương xót thu nhận cung cấp y thực đầy đủ, không những không nhớ ân mà nay lại đứng ra nhận việc giết thần. Nói việc bí mật

không nên cho người nữ biết là trước đây nhân lúc hội hộp vua hỏi việc bí mật nên nói cho ai, có người đáp nên nói cho cha mẹ hoặc vợ con; nhưng thần lại nói không nên nói, vua sẽ tự nghiệm biết. Thần không ăn chim Công của vua, cũng không dẫn cung nữ của vua, chỉ là tạm mượn chuỗi anh lạc của cung nhân đưa cho một người nữ đem giả làm cung nhân đang ở trong nhà thần. Nếu vua không tin hãy gọi đến hỏi. Nói không nợ gạo của người là khi vua sai đao phủ đưa thần tới Thi lâm xử chém thì có một Bà-la-môn đến níu áo thần đòi gạo mà không có ý tưởng thương xót, không biết cơ nghi", vua hiểu rõ nghĩa rồi liền cho người tra xét sự việc, sau khi biết Đại dược vô tội liền tha và làm nghi lễ long trọng bái làm trọng thần. Lúc đó Đại dược tâu vua: "công chua của vua ban cho thật vô dụng đối với thần, xin Đại vương thu nhận lại, thần xin được tự mình tìm kiếm cô gái nào chân thật đức hạnh, lại thông minh trí huệ và có dòng họ tương xứng để cưới làm vợ", tâu xong liền từ giã vua ra đi với hình thức một Bà-la-môn, tay cầm tịnh bình với dây kiết tường, mặc áo da nai, vẽ ba vạch trên mặt rồi trở về thành cũ để tìm vợ. Trên đường đi có một Bà-la-môn gặp Đại dược liền hỏi từ đâu đến, đáp là từ nước Tỳ-đề-ê đến, lại hỉ muốn đi đâu, đáp là về thành Mãn tài, lại hỏi có quen ai để đứng nghỉ qua đêm không, đáp là không có. Bà-la-môn liền dẫn Đại dược về nhà ngủ đêm, Đại dược thấy vợ

của Bà-la-môn là người không trinh bạch nên sáng hôm sau liền từ giã, Bà-la-môn nói: "nhà tôi cũng là nhà của bạn, sau này tùy ý đến nghỉ qua đêm, không phải ngại gì cả", Đại dược nhận lời, nắm tay từ biệt rồi theo đường phía trước mà đi, bỗng thấy trong ruộng lúa mạch có một thiếu nữ dung mạo đoan nghiêm, dáng vẻ là con nhà lương thiện, có ý yêu mến nên hỏi tên họ, cô gái đáp tên là Tỳ-xá-khư, lại hỏi con nhà ai, đáp là con của thôn trưởng, Đại dược suy nghĩ: "người này tuy xinh đẹp nhưng không biết trí huệ thế nào, ta nên xét thử", nghĩ rồi liền đi xuống ruộng, đưa cao hai tay rồi dùng chân đạp lúa, Tỳ-xá-khư nói: "đã biết giữ tay thì chân cũng vậy", Đại dược biết là người có trí liền nói với cô gái: "vòng tai của nàng thật đẹp, sắc sáng lạ thường", Tỳ-xá- khư nói: "chỉ để che thân xấu, đâu có đẹp gì", Đại dược nói: "nàng rất xinh đẹp", Tỳ-xá-khư nói: "do cha mẹ sanh, không liên quan tới trang sức bên ngoài", lại hỏi về người cha, đáp: "cha tôi một thân làm hai việc", hỏi là nghĩa gì, đáp: "vừa đi lấy gai chận đường cũ, lại làm thông đường mới", lại hỏi về người mẹ, đáp: "mẹ tôi về nhà lấy giống để gieo ruộng trễ mùa", lại hỏi: "nàng có bằng lòng làm vợ ta không?", đáp: "việc này do cha mẹ, tôi không quyết đoán được", lại hỏi: "đi về thành Mãn tài có đường nào bằng phẳng không gai góc, xin hãy chỉ cho tôi đi được an ổn", Tỳ-xá-khư liền chỉ con đường cong, tự đi trước đến

bên bờ ao, thay đổi áo rồi ngồi đó, nheo một mắt để xem Đại dược có nhận ra mình hay không. Một lát sau Đại dược đi đến, vừa nhìn liền nhận ra Tỳ-xá-khư nên nói kệ:

*"Thân mặc áo không dệt bằng tơ,*
*Cũng không phải may bằng chỉ len,*
*Cô nheo mắt hãy chỉ cho ta,*
*Đường nào đi đến thành Diệu hoa"*

Tỳ-xá-khư nói kệ đáp:

*"Đường trơn nên tiến bước,*
*Chớ đi đường gồ ghề,*
*Xa thấy khu rừng lớn,*
*Gần bên nên đi qua,*
*Lại thấy đất trồng lúa,*
*Có cây nở hoa đỏ,*
*Bỏ trái đi qua phải,*
*Theo đường ấy mà tới".*

Đại dược theo lời chỉ dẫn đi đến thành Diệu hoa, cách thành không xa là nhà của Tỳ-xá-khư, nhưng không gặp cha mẹ Tỳ-xá-khư, Đại dược liền nói với thành chủ: "nếu được các vị gả Tỳ-xá-khư cho tôi, tôi rất mang ân", thành chủ nghe rồi tức giận nói: "người cầu xin người thật không biết xấu hổ, vì sao lại vội vàng cầu hôn Tỳ-xá-khư, một cô gái xinh đẹp như tiên như vậy. Ngươi hãy ra khỏi thành ngay, nếu trở lại ta sẽ cho chó ăn thịt ngươi". Đại dược thất vọng trở lại chỗ Tỳ-xá- khư, thấy Đại dược trở lại cô liền hỏi, Đại dược kể lại việc trên

và nói suýt bị đánh, Tỳ-xá-khư nói: "anh làm vậy là không có mưu trí, việc cầu thân không phải làm như vậy", Đại dược hỏi phải làm thế nào, liền đáp: "trước phải làm quen rồi thân cận, sau đó làm tiệc mời ăn các món thơm ngon, lúc đó mới nói đến việc cầu thân". Đại dược làm theo lời chỉ dẫn, sau khi mời ăn uống xong mới nói đến việc cầu thân thì mọi người liền nói: "sẽ làm theo ý ông", vừa lúc đó cha mẹ của Tỳ-xá-khư đến, mọi người nói giúp cho Đại dược về việc cầu thân, cha mẹ Tỳ-xá-khư nói: "hãy thư thả để tôi suy nghĩ", mọi người liền nói: "còn suy nghĩ gì nữa, Bà-la-môn này trẻ tuổi thông minh, hiểu rộng kinh thư, luận tứ minh cũng đều thông đạt, không nên kéo dài năm tháng", cha mẹ Tỳ-xá-khư thấy mọi người nồng nhiệt với Đại dược như vậy liền chấp thuận gả con gái. Đại dược liền dâng y phục thượng hạng cho cha mẹ vợ và để lại lễ vật tặng cho Tỳ-xá-khư rồi trở về nước Tỳ-đề-ê. Trên đường trở về gặp hội thí, Đại dược được một thăng lúa mạch liền gói lại mang đi đến nhà Bà-la-môn mà trước đó đã ngủ nhờ một đêm. Khi Đại dược gõ cửa, người vợ ra hỏi là ai, đáp là bạn của chồng bà, người vợ kia nói: "chồng tôi không có ở nhà nên tôi không thể tiếp ông, ông hãy đến nhà khác ngủ nhờ", Đại dược nghe rồi suy nghĩ: "chắc là có việc riêng tư gì nên mới không cho ta ở lại ngủ nhờ", vừa đi được một đoạn liền thấy có một người khác bước vào nhà ấy, Đại dược liền

suy nghĩ: "vì có người ngoài nên mới không cho ta ở lại", trong lúc còn đang tần ngần thì người chồng về đến, kéo Đại dược tới nhà và gõ cửa. Người vợ nghe tiếng chồng gọi thất kinh vội bảo người kia trốn vào trong bồ lúa, Đại dược theo người chồng cùng bước vào nhà rồi hỏi: "thăng lúa mạch này nên ở ở đâu?", người vợ bảo để dưới đất, Đại dược nói sợ chuột ăn, nói rồi nhìn khắp trong nhà, thấy dưới gầm giường không có liền nghi là trốn ở trong bồ lúa liền nói: "nên để trong bồ lúa", người vợ liền nói: "tài vật của tôi đều để trong đó nên không thể để lúa mạch được", người chồng nói: "bà này sao không lấy tài vật ra rồi để thăng lúa mạch vào trong đó", người vợ biết chồng đã quyết ý không thể ngăn cản được liền nói: "trong bồ lúa ẩm ướt sợ làm hư lúa mạch", Đại dược nói: "chị không phải lo, tôi sẽ không để cho nó hư", nói rồi liền lấy củi và phân bò khô đặt bốn phía bồ lúa rồi muốn lấy lửa đốt. Người vợ kia sợ người tình trong bồ lúa bị đốt cháy nên lén sai người đến báo cho người cha biết con ông đang gặp nạn mau đến cứu. Người cha nghe báo vội chạy đến, biết con mình đang trốn trong bồ lúa liền nói với Đại dược: "tôi cần mua cái bồ, ông muốn bao nhiêu?", đáp là năm trăm tiền vàng, đang lúc trao đổi thì thấy lửa bốc cháy, người cha sợ người con chết nên vội đưa tiền và chở bồ lúa đi. Sáng hôm sau Đại dược đưa cho chủ nhà một trăm tiền vàng, kể hết mọi việc đã thấy biết

hôm qua rồi nói: "vợ bạn có hạnh xấu, phải tự biết ngăn ngừa", nói rồi liền viết thư nhờ chủ nhà đưa thư với bốn trăm tiền vàng đến thành Diệu hoa đưa cho Tỳ-xá-khư và báo cho chủ thành biết: vị khách đến cầu thân không phải là Bà-la-môn mà là đại thần của vua, nên khéo đối xứ với Tỳ-xá-khư, dặn rồi liền trở về nước Tỳ-đề-ê. Chủ nhà cầm thư và tiền đến giao cho Tỳ-xá-khư nhưng chỉ có ba trăn tiền vàng, Tỳ-xá-khư mở thư thấy viết:

*"Bốn mảnh mới thành áo,*
*Thiếu một không thể may,*
*Nếu thiếu đi một mảnh,*
*Cầm chân thu lại được".*

Tỳ-xá-khư đọc thư xong đếm lại tiền thấy chỉ có ba trăm liền tìm cái cùm, chủ nhà kia hỏi tìm cái gì, đáp là tìm cái cùm, tìm được rồi liền nói: "tôi không biết sử dụng như thế nào, ông hãy đưa chân cho tôi làm thử", chủ nhà tình thật liền đưa chân ra, Tỳ-xá-khư đóng cùm mà không mở ra lại, chủ nhà liền hỏi, Tỳ-xá-khư nói: "trong thư anh ấy nói gởi bốn trăm nhưng ông đã lấy bớt một trăm", chủ nhà nghe rồi suy nghĩ: "thật kỳ lạ, cả hai đều có trí, không thể dối gạt họ được", nghĩ rồi liền trả lại một trăm tiền. Sau đó Tỳ-xá-khư đưa tiền cho cha mẹ và nói: "người trước đây cầu hôn con không phải là Bà-la-môn nghèo, mà là đại thần của vua nước Tỳ-đề-ê tên là Đại dược", cha mẹ và thân thuộc nghe biết rồi đều rất vui mừng nói rằng: "chúng ta

có phước nên được người rễ là đệ nhất đại thần. Làm cho gia tộc thịnh vượng ắt phải nhờ nơi người này". Từ đó trở đi họ chăm sóc cho Tỳ-xá-khư mọi thứ nên Tỳ-xá-khư càng trở nên xinh đẹp hơn trước. Lúc đó vua và quần thần nghe Đại dược trở về đều vui mừng, khi Đại dược vào chầu, vua hỏi có tìm được vợ không, đáp là đã tìm được, vua hỏi như thế nào, đáp: "nàng xinh đẹp như hoa, thông minh nhiều trí, tài giỏi hơn người, thật xứng làm vợ thần, xin vua cho thần được đem nàng về", vua nói: "khanh là đại thần nên không có lỗi, nên làm nghi lễ trọng hậu đón rước cho mọi người vui mừng". Đại dược được vua cho phép liền làm nghi lễ trọng hậu, dẫn binh sang thành Diệu hoa đón rước Tỳ-xá-khư về nước Tỳ-đề- ê cùng sống an lạc bên nhau.

Thời gian sau có năm trăm thương nhân ở phương bắc đến nước Tỳ-đề-ê, trong thành có năm trăm dâm nữ rất xinh đẹp, ca múa yểu điệu để mê hoặc các thương khách, khiến cho họ tiêu tán hết tiền bạc. Khi năm trăm dâm nữ này gặp năm trăm thương nhân, các thương nhân đều bị mê hoặc, chỉ riêng có thương chủ là không bị. Dâm nữ đứng đầu liền tìm mọi cách thân cận để mê hoặc nhưng vị thương chủ này vẫn kiên tâm không bị lay chuyển, ông nói với dâm nữ: "ta không có tà niệm, cô tìm cách thân cận uổng công", dâm nữ nói: "nếu em làm cho nhân giả đổi ý thì sẽ thưởng cho em vật

gì?", thương chủ nói: "ta sẽ cho năm con ngựa thượng hạng, nếu ta không lầm lỗi thì nàng phải đưa lại cho ta năm trăm tiền vàng", dâm nữ chấp thuận và tìm đủ mọi cách khêu gợi vẫn không làm cho thương chủ chuyển ý, những thương nhân khác thấy vậy liền nói: "cô ấy là người đẹp nhất trong thành này, thương chủ không nên phụ lòng", thương chủ nói: "trong đêm ta nằm mộng thấy cùng nàng ấy giao hội thì không cần nàng ấy đến nữa". Dâm nữ nghe các thương nhân nói lại liền dẫn theo năm trăm người cầm dao đến đòi thương chủ đưa năm con ngựa thượng hạng như đã cùng giao ước, thương chủ nói: "nàng thật không biết xấu hổ, đã vu oan cho ta", dâm nữ kiện tới quan phân xử. Đại dược xử tới chiều vẫn không giải quyết được nên hẹn đến sáng mai xử lại, do nguyên nhân này nên về nhà muộn, Tỳ-xá-khư hỏi nguyên do, Đại dược kể lại việc trên rồi nói vẫn chưa xử xong, hẹn đến sáng mai xử lại, Tỳ-xá-khư nói: "chàng thông hiểu đạo lý mà sao không xử được việc này", Đại dược hỏi: "vậy nàng có thể xử được không?", Tỳ-xá-khư nói: "em sẽ thử xử đoán cho chàng nghe: trước hết chàng tâu vua triệu các quan đến và dẫn theo năm con ngựa cùng đến bên ao nước. Sau đó triệu dâm nữ đến chỉ bóng ngựa trong ao nói rằng: "thương chủ cùng cô làm việc phi pháp ở trong mộng thì phải giao ngựa cho cô như trong mộng. Vậy cô hãy dẫn bóng năm con ngựa này về

đi". Nếu lúc đó dâm nữ nói bóng ngựa không thật không thể dẫn đi thì chàng nên nói việc hành dục trong mông cũng giống như vậy", Đại dược nghe rồi rất thán phục nên sáng hôm sau làm theo như lời Tỳ-xá-khư nói. Sau khi xử xong vua và các quan đều thán phục, vua hỏi: "nếu chiều qua khanh xử như vậy thì đâu cần sáng nay phải xử lại, trí mưu này chắc không phải của khanh, vậy là của ai?", đáp là của Tỳ-xá-khư, nhân việc này tiếng tăm của Tỳ-xá-khư vang xa.

Sau đó ở phương Bắc đem đến hai con thảo mã, một con là mẹ, một con là con nhưng lại giống hệt nhau về hình dáng, kích cỡ và màu lông nên khó thể phân biệt được, Tỳ-xá-khư nghe biết rồi liền nói: "con có lông cứng là mẹ, con có lông mềm là con". Thời khác, có người giỏi dùng chú thuật rắn, mang đến hai con rắn giống hệt nhau, không thể phân biệt được con nào là đực, con nào là cái. Tỳ-xá-khư nghe biết rồi mỉm cười nói: "dùng một vật mềm mại cột vào đầu cây gậy chạm nhẹ trên xương sống của rắn, con nào cong lại cử động là con đực, con nào nằm im là con cái". Lại có một thương nhân từ phương Nam đến dâng cho vua một khúc cây chiên đàn có hai đầu giống nhau, không phân biệt được gốc ngọn, Tỳ-xá-khư nghe biết rồi mỉm cười nói: "bỏ cây ấy vào trong nước, đầu nào chìm xuống là gốc, đầu nào nổi lên là ngọn". Lúc đó vua suy nghĩ: "ta thử xét xem trong các đại thần ai là

người có trí nhất", nghĩ rồi liền cho dựng một cây phướn cao trên lầu, trên đầu cây phướn có đặt hạt ngọc quý chiếu sáng rực, khi ánh mặt trời phản chiếu, bóng của viên ngọc quý này hiện xuống trong hồ nước như thật. Sau đó vua bảo quần thần: "ai xuống hồ lấy được hạt châu, ta sẽ ban thưởng", mọi người xuống hồ tìm nhưng không tìm thấy, Tỳ-xá-khư nghe biết rồi mỉm cười nói với Đại dược: "hãy nhìn ngược lên sẽ tìm được hạt châu thật", Đại dược làm theo lời vợ nên lấy được ngọc quý, vua hỏi là trí của ai, đáp là của Tỳ-xá-khư, vua liền tặng ngọc và khen ngợi. Thấy Tỳ-xá-khư xinh đẹp tài trí nên các đại thần đều luyến ái, đem tăng nhiều châu báu để mong được qua lại tư thông, nhưng Tỳ-xá-khư không thay đổi tâm ý. Thấy họ mong cầu mãi, Tỳ-xá-khư nói với Đại dược: "trong nước của chàng có một việc hễ thấy vợ của người xinh đẹp liền muốn cùng tư thông, thật là xấu xa", Đại dược nói: "đó là tập quán của thế gian, nhưng nếu là người vợ kiên trinh thì không thuận theo", Tỳ- xá-khư nói: "thiếp muốn làm nhục họ, xin chàng đừng trách", liền đáp tùy ý, Tỳ-xá-khư nói: "chàng cáo bịnh, mọi việc để thiếp lo". Đại dược liền cáo bịnh, các đại thần nhân đó sai sứ đến hỏi Tỳ-xá-khư, liền đáp: "chồng bịnh, tôi không trái", nói rồi liền sai thợ làm hình nhân bằng gỗ giống như Đại dược đặt trên giường, phủ một tấm vải mỏng lên rồi nói với các đại thần: "chồng tôi bịnh

nặng, mạng sống không còn bao lâu, các vị nếu thân thiết với tôi cũng chớ để người ngoài nhìn thấy". Sau đó liền sai làm sáu cái rương lớn để trong sáu phòng, đại thần nào đến cũng bảo núp vào rương, khi vào trong rương rồi liền khóa lại. Sau khi nhốt đủ sáu đại thần vào sáu cái rương rồi, Tỳ-xá-khư nói với mọi người là Đại dược đã chết, vua và các quan khác nghe tin liền suy nghĩ: "người tài giỏi nhất triều như vậy mà lại chết", nghĩ rồi liền buồn khóc. Lúc đó Tỳ-xá-khư sai người mang sáu cái rương này đến chỗ vua tâu rằng: "đại vương, Đại dược đã qua đời, tài sản đã có đều ở trong sáu cái rương này, xin đại vương thu nhận" rồi nói hai bài kệ, vua đau buồn nói: "Đại dược đã chết mà còn đem tài sản đến". Lúc đó Đại dược từ bên cửa hông với chuỗi anh lạc trang nghiêm đi vào trong cung gặp vua nói: "đại vương thương yêu thần, vậy mà vừa mới chết, vua đã thu hết tài sản", vua nói: "không phải ta tịch thu mà là do Tỳ-xá-khư đích thân mang đến và nói kệ:

*"Đại vương nay nên biết,*
*Đại dược đã qua đời,*
*Châu báu này của chàng,*
*Xin vua đích thân xem,*
*Chồng thiếp không còn nữa,*
*Thiếp cô quả bơ vơ,*
*Sợ bị người ngoài gạt,*
*Mất vật này của vua".*

Đại dược nói: "nếu vậy đại vương nên mở rương ra xem thử", sau khi mở rương, sáu vị đại thần từ rương bước ra, vua hỏi nguyên do, sáu người đáp:

*"Chúng thần vì tình dục,*
*Nên bị nữ nhân gạt,*
*Xin đại vương ban ân,*
*Không dám như thế nữa".*

Vua nói: "thế gian luân hồi đều do sắc dục, đã bị nhục này lại bị lỗi nặng, các khanh về sau hãy tự xét mình", vua nghĩ: "người nữ có tiết tháo, trinh bạch lại có mưu kế như thế, xưa nay chưa từng có, có thể làm cho đại thần phụ tướng bị nhục đến như vậy", nhân việc này vua cấm chế việc đam mê dâm dục rồi ban thưởng thêm tước lộc cho Tỳ-xá-khư, tiếng tăm vang xa đến tận nước khác. Lúc đó vua lại nghĩ: "Đại dược có phúc lớn nên mới gặp người vợ tài trí như vậy", nghĩ rồi liền bảo Đại dược: "khanh hãy tìm giúp cho ta một phu nhân có đủ tài trí có thể làm cho chính trị trong và ngoài nước đều được an ninh, để ta được ngồi khoanh tay hưởng an lạc", Đại dược hỏi tìm ở đâu, vua nói: "ta nghe nước Bán-già-la có vương nữ tên là Diệu dược là tuyệt thế giai nhân, ý chí thanh cao, nếu đến cầu hôn chắc được", Đại dược nói: "nước đó hay gây oán thù, nếu muốn cầu hôn phải làm phương tiện trước". Vua sai phụ tướng đến nước đó cầu hôn, vua quan nước kia thấy sứ giả đến liền cùng bàn

luận: "vua nước Tỳ-đề-ê có nhiều binh lực, muốn cùng ta kết thông gia là muốn kết thân tình. Nay họ tự đến, việc lành hay dữ ta tùy ý mà làm", bàn luận xong, vua nước kia chấp thuận lời cầu hôn và ước hẹn ngày giờ đem sính lễ qua làm hôn lễ, sứ giả trở về tâu lại. Đến ngày, vua nước Bán-già-la mở tiệc thịnh soạn nhưng lại cho thuốc độc vào trong thức ăn rồi sai sứ sang báo là tiệc đã chuẩn bị xong. Vua nghe rồi định đi, Đại dược tâu: "vua không nên vội vì nước lân cận kia thường gây chiến tranh, thần có con chim Anh vũ tên Cụ tướng có trí huệ, hiểu rõ nhân tình. Thần sai nó đến nước kia thám thính về báo lại như thế nào rồi vua hãy đi", vua bằng lòng. Chim anh vũ sau khi nghe chủ dặn bảo xong liền bay đến nước kia đậu trên ngọn cây, quan sát bốn hướng xem có thể hỏi được thông tin từ ai, nhưng không tìm thấy có chim nào, liền vào trong rừng tre. Thấy có tổ chim Xá lợi liền bay đến chào hỏi, chim Xá lợi hỏi từ đâu đến, đáp: "tôi từ chỗ vua Thất lị ở phương bắc đến đây, tôi vốn là sứ trông coi vườn tược, có cưới chim Xá lợi làm vợ. Nàng ấy trẻ đẹp lại siêng năng có trí huệ và hiểu rõ ngôn ngữ, nhưng khi nàng bay ra ngoài chẳng may bị diều hâu bắt. Tôi đau buồn như tên bắn vào tim nên bay khắp nơi tìm kiếm, lần hồi bay đến đây. Tôi không có bạn nay muốn lấy nàng làm vợ", đáp: "tôi chưa từng nghe cũng chưa từng thấy chim anh vũ lấy chim Xá lợi làm vợ, chỉ nghe lấy chim anh vũ

làm vợ thôi", Cụ tướng liền nói kệ khuyến dụ:

*"Ta bên vua phương bắc,*
*Giữ vườn thành Thất lị,*
*Vợ ta chim Xá lợi,*
*Có trí, giỏi ngôn ngữ,*
*Khi ra ngoài vui chơi,*
*Bị diều hâu bắt đi,*
*Ta vì tìm nàng ấy,*
*Phiêu bạt đến nơi đây".*

Chim Xá lợi nói:

*"Xá lợi vợ Anh vũ,*
*Chưa từng nghe việc này,*
*Anh vũ tìm anh vũ,*
*Người trí đều biết thế".*

Sau khi nói chuyện cùng nhau thấy hợp ý nhau nên chim Xá lợi chịu làm vợ Anh vũ, giao tình thân thiết khó thể chia lìa. Lúc đó Cụ tướng thấy vua mở tiệc thịnh soạn với các món ăn ngon liền nói với Xá lợi: "vì sao trong cung lại mở tiệc thịnh soạn như vậy, chúng ta có thể nếm thử được không?", đáp: "tuy thịnh soạn thơm ngon như vậy nhưng trong đó đều có thuốc độc", lại hỏi vì sao, đáp: "vì vua nước Tỳ-đề-ê sắp đến cầu hôn, muốn ngầm hại vua tôi họ nên mới làm các món ăn này", Cụ tướng hỏi biết rõ rồi nói kệ:

*"Nghe nói vương nữ này,*
*Gả cho vua nước kia,*
*Lời đồn đãi như thế,*

*Không biết thật hay hư?".*

Xá lợi nói:

*"Vua không gả vương nữ,*
*Kẻ ngu không tự lượng,*
*Mới dùng phương pháp này,*
*Để hại vua nước kia".*

Cụ tướng biết rõ sự việc rồi vui mừng như đại thương chủ tìm được trân bảo kỳ lạ, liền nói với Xá lợi:

*"Ta bay về phương bắc,*
*Báo vua nước Thất lị,*
*Được vợ đẹp thông minh,*
*Như biết nói được tiếng".*

Xá lợi nói:

*"Thánh tử, chàng hãy bay,*
*Về thăm vua Thất lị,*
*Bảy hôm mau trở lại,*
*Không nên ở lâu ngày".*

Cụ tướng bay về kể lại mọi việc đã nghe biết được cho Đại dược nghe, Đại dược tâu lại vua và khuyên đừng đi. Vua nước kia thấy vua nước này không đến liền kéo binh sáng vây bốn phía thành, vua hỏi Đại dược nên tính kế gì, Đại dược tâu: "không nên giao chiến, nên làm kế ly gián". Đại dược liền đưa sáng đúc lót cho năm trăm đại thần của vua nước kia rất nhiều châu báu để họ không muốn chiến đấu nữa. Sau đó Đại dược sai sứ đến

bào cho vua kia biết: "chẳng phải chúng tôi không thể cùng vua giao chiến, mà vì vua là cha vợ rất thân thiết. Vua hãy suy nghĩ giữ thân cho kỹ, nếu bị đưa đến chỗ chúng tôi thì không được tự do nữa. Nếu không tin vua hãy kiểm tra, chúng tôi đã đút lót cho năm trăm đại thần của vua rất nhiều châu báu, họ không còn muốn chiến đấu nữa", vua nghe rồi liền cho kiểm tra, mới biết nội bộ đã chia rẽ nên vào nửa đêm liền ra lịnh rút quân về. Về đến trong cung liền ra lịnh giết chết năm trăm đại thần và đưa con của họ lên thay. Lúc đó Đại dược tâu vua: "sự việc đã như vậy thì cầu hôn không còn khó nữa, thần sẽ đến đó cầu hôn nhưng được hay không vẫn còn chưa biết, phải đợi xem ý của họ thế nào", vua nói tùy ý, Đại dược liền dẫn binh đi đến nước Bán-già- la rồi tạm trú trong vườn hoa, vua nước ấy liền cho gọi vào thành, đáp: "tôi không vào thành, tạm thời xin ở nhà của đại thần", vua nói tùy ý. Lúc đó các con của các đại thần nói với nhau: "cha chúng ta bị giết đều là do Đại dược, chúng ta không nên để kẻ thù này được thoát", nói rồi liền tâu vua: "Vua nước Tỳ-đề-ê vốn không có sách lược gì cả, vương nghiệp được hưng thịnh đều nhờ công của Đại dược nên chúng ta mới không xâm lấn nước họ được. Nay phải lưu giữ ông ta ở lại đây, thần sẽ mang binh sang nước đó phá thành", vua khen hay rồi thống lĩnh bốn binh sang nước Tỳ-đề-ê vây thành. Đại dược biết vua đã dẫn binh sang nước

Tỳ-đề-ê, cũng đoán biết nơi cất chứa châu báu của vua lại là chỗ ở của vương nữ Diệu dược, liền đột nhập vào mang hết châu báu và Diệu dược đi theo đường khác để trở về nước mình. Lúc đó người nước Bán-già-la đến báo tin này cho vua biết, vua nghe rồi liền vội rút quân về, vua nước này liền tổ chức hôn lễ và phong Diệu dược làm đại phu nhân. Vua nước Bán già sai sứ đưa thư cho Diệu dược, trong thư viết: "ta rất ưu sầu con không biết hay sao, con hãy giúp cha tìm hiểu ai đã thông báo cho vua ấy biết việc hạ độc vào thức ăn để hại vua tôi nước ấy", Diệu dược tìm hiểu liền biết là do chim anh vũ, sai sứ báo cho vua cha biết, vua cha lại sai sứ bí mật báo tin: "do chim anh vũ này nên sự việc mới đến nỗi này, con hãy bắt nó đưa đến đây", Diệu dược tìm cách bắt chim anh vũ nhốt vào lồng rồi gửi sang cho vua cha, vua thấy anh vũ tức giận nói: "hãy giết nó ngay", Anh vũ tâu vua: "xin vua cho tôi được chết theo pháp tổ tiên, tôi sẽ không oán hận", vua hỏi pháp chết ấy như thế nào, đáp: "cột dây gai có nhúng dầu mở vào đuôi của tôi rồi đốt, để mặc cho tôi chết", vua chấp thuận cho chết theo cách ấy. Lúc đó chim anh vũ bay lên hư không giũ lông cánh làm cho đuôi lửa rớt xuống đốt cháy vương cung, sau đó lặn xuống ao làm cho sạch rồi bay trở về chỗ Đại dược kể lại mọi việc, Đại dược nghe rồi rất vui mừng. Vua nước Bán già càng thêm tức giận gửi thư cho Diệu dược, nói rõ sự việc

rồi bảo bắt anh vũ đưa sang. Khi thấy anh vũ, vua liền sai nhổ sạch lông để nấu; lúc đó có chim diều hâu bay xuống cắp anh vũ mang đi. Thấy diều hâu muốn ăn thịt mình, anh vũ nói: "ông ăn thịt tôi chỉ được một ngày, nếu tha cho tôi, hằng ngày tôi sẽ dâng thịt ngon cho ông được no đủ", diều hâu nói: "ai lại tin ngươi", đáp: "tôi xin thề, lại nữa tôi không còn lông cánh không thể nào bay được, ông hãy đưa tôi đến bên miếu Thiên vương, thả nhẹ tôi xuống rồi trong một hai ngày nữa ông sẽ thấy là tôi nói thật", Diều hâu làm theo lời thả chim xuống trong miếu, chim ẩn vào trong lỗ nhỏ sau lưng tượng thần. Khi người giữ miếu đem hương hoa đến cúng dường tượng thần, chim anh vũ lên tiếng: "ngươi hãy đi báo với vua là do vua có hành động ác làm cho chư thần nổi giận nên ta sẽ giáng họa cho vua. Nếu vua không cúng dường thì sẽ gặp tai họa không ngừng, nếu hằng ngày cúng nhiều thịt tươi, mè và đậu nành đến thì ta sẽ ban ân, không giáng họa", người giữ miếu liền đến báo cho vua biết, vua nói: "hãy làm theo như lời thần nói". Qua nhiều ngày tháng, diều hâu ăn thịt, anh vũ ăn mè nên lông cánh mọc trở lại có thể bay được, liền nói với người giữ miếu: "ngươi hãy tâu vua rằng: lâu nay cúng dường cho ta, ta sẽ ban ân không giáng họa nữa nhưng vua và nội cung, các quan đều phải cắt tóc rồi đến đây làm lễ", người giữ miếu báo xong, vua liền cắt tóc rồi cùng quần thần đi đến

trong miếu lễ tạ thiên thần. Lúc đó chim anh vũ bay lên không rồi nói kệ:

*"Những việc gì đã làm,*
*Thảy đều có quả báo,*
*Ngươi nhổ lông của ta,*
*Nay ta cạo đầu ngươi".*

Bay về đến chỗ Đại dược, Đại dược nói: "ta lấy làm lạ vì sao ngươi lại ở lâu bên đó như thế", anh vũ kể lại mọi việc, Đại dược vui mừng tâu lại cho vua biết, vua nói: "khanh thật có phúc nên được quyến thuộc đều thông minh, Tỳ-xá-khư trí huệ hơn người, chim anh vũ trong đời khó có".

Sau đó vua muốn biết trong các quan ai có trí huệ nhất nên giao cho mỗi đại thần một con chó nuôi trong một thời gian và dạy làm sao cho nó nói được tiếng người. Các quan đem chó về nuôi và ra sức dạy nhưng vẫn không làm cho nó nói được tiếng người. Lúc đó Đại dược đem chó về cột gần chỗ ngồi ăn, hằng ngày ở trước mặt chó ăn những thức ăn thơm ngon mà không cho chó ăn một miếng nào, chỉ cho ăn thức ăn dở đủ để sống mà thôi nên chó gầy ốm, chỉ còn da bọc xương. Đến hết thời hạn, tất cả đại thần mang chó đến chỗ vua, các con chó của các quan khác đều mập mạp và đều không nói được. Vua thấy chó của Đại dược quá gầy ốm nên hỏi nguyên do, đáp: "vì thần cho nó ăn thức ăn như của thần", con chó nghe rồi liền nói ra tiếng: "người này nói dối, tôi thường bị đói,

đói muốn chết", Đại dược liền nói: "vua đã nghe thấy chó nói được tiếng người", vua vui mừng khen ngợi. Thời gian sau, vua lại giao cho các đại thần dê bảo nuôi sao cho mấp mà trong thịt không có mỡ, Đại dược đem dê về hằng ngày cho ăn uống đầy đủ nên rất mập mạp, nhưng lại đưa con sói bằng gỗ thường xuyên đến khủng bố dê làm cho nó sợ hãi, nên tuy nó mập mạp nhưng trong thịt không sinh ra mỡ. Sau khi đem dê giết lấy thịt quả là không có mỡ, vua hỏi nguyên do, Đại dược kể rõ mọi việc, vua khen là kỳ trí.

Thời gian sau, năm trăm người con của năm trăm đại thần cùng ở trong vườn hoa vui chơi, sau đó chúng nói với nhau: "trong nhà ai có vật gì lạ kỳ hoặc thấy ở đâu thì hãy nói ra cho tất cả cùng biết", tất cả đều lần lượt nói ra, tới con của Đại dược nói: "nhà tôi có cục đá nhờ sức thần chú hộ trì nên khi thả xuống nước thì nổi chứ không chìm", tất cả đều nói: "chúng tôi chưa từng thấy đá nổi trên mặt nước, nếu thật có đá ấy thì chúng tôi đưa cho anh năm trăm tiền vàng, ngược lại nếu không có thì anh phải đưa cho chúng tôi năm trăm tiền vàng", người con liền trở về nhà kể lại việc trên cho cha nghe, Đại dược nói: "không nên đưa đá ấy ra, hãy đưa cho chúng năm trăm tiền vàng". Trong nhà Đại dược có dạy cho một con khỉ giỏi về âm nhạc, Đại dược bảo con: "khi nào các con tụ tập vui chơi như lần trước thì con nên hỏi ai thấy

có việc kỳ lạ, đợi chúng nói xong hết con mới nói rằng: nhà tôi có một con khỉ rất giỏi âm nhạc, thông thạo ca múa và đàn sáo. Người con làm theo như lời cha dặn, lúc đó tất cả người con của các đại thần đều nói: "lần trước vì không có đá nổi nên bị phạt mất năm trăm tiền vàng, lần này nếu nói không thật nữa thì sẽ bị phạt một ngàn tiền vàng, nếu là nói thật thì chúng tôi sẽ đưa cho anh một ngàn tiền vàng", con của Đại dược liền dẫn con khỉ đến và bảo nó biểu diễn. Sự việc đúng như lời đã nói nên tất cả người con kia đều phải đưa tiền ra đủ một ngàn cho con của Đại dược. Vua nghe biết liền ban thưởng thêm và khen trí của Đại dược là bậc nhất.

Trong thành có một Bà-la-môn thông minh trí huệ, thông suốt bốn bộ Minh luận, cưới vợ chưa bao lâu thì sanh được một con gái rất xinh đẹp tên là Ô đàm, Bà-la-môn có lời thề rằng: "nếu có chàng trai nào đến học với ta và giỏi bằng ta thì ta sẽ gả đưa con gái xinh đẹp này cho người ấy". Trong thành cũng có một Bà-la-môn, vợ sanh được một trai nhưng dung mạo rất xấu xí, đủ mười tám tướng xấu. Cha mẹ thấy vậy không vui nên đặt tên là Ác tướng (tướng xấu), vì đứa con có tướng xấu làm cha mẹ xấu hổ nên tuy tuổi vừa lớn cũng không được học hành gì. Đến tuổi trưởng thành, Ác tướng tìm thầy cầu học, đến chỗ Bà-la-môn thông tuệ kia làm lễ rồi bạch rằng: "con vì cầu lợi ích, xin thầy thương xót", Bà-la-môn kia liền thu nhận. Không

bao lâu sau Ác tướng học thông hết luận thư của thầy, Bà-la-môn liền suy nghĩ: "trước kia ta có lời thề, nay Ác tướng đã học thông hết luận thư của ta, tuy tướng mạo xấu xí nhưng ta không nên trái lời thề, vì ai phụ tâm mình thì không được sanh thiên. Dù bị mọi người cười chê, ta cũng không nên trái lời thề", nghĩ rồi liền đem con gái gả cho Ác tướng. Ác tướng thấy Ô đàm tuy xinh đẹp nhưng oai nghiêm nên không dám đến gần, liền suy nghĩ: "nay ta là khách nên trong lòng e dè, nếu dẫn về nhà thì ta có thể tùy tình"; lúc đó Ô đàm thấy Ác tướng xấu xí nên trong lòng không vui, suy nghĩ: "ta có đủ tướng đẹp còn người chồng này lại đủ các tướng xấu, bị mọi người chê cười ta làm sao sống được". Khi Ác tướng đưa vợ về quê nhà mình, trên đường đi hết lương thực nên bị đói, đến bên hồ nước thấy có người lấy lương khô ra ăn, Ô đàm liền theo xin, được cho một phần lại bị Ác tướng lấy mang đến chỗ khác ngồi ăn một mình, Ô đàm bảo chia phần thì Ác tướng nói: "bậc Cổ tiên có quy chế phụ nữ không được ăn lương khô". Sau đó, đi đến một đồng hoang gặp được thịt dư, Ác tướng cũng ăn một mình không chia cho Ô đàm và nói như trên, Ô đàm suy nghĩ: "ta thật không có phúc nên bị cha mẹ đem gả cho kẻ xấu xa này, thật đáng hối hận". Sau đó đi đến cây Ô đàm bạc la, Ác tướng leo lên cây hái trái chín ăn, quăng trái xanh xuống cho Ô đàm, Ô đàm bảo quăng trái chín, Ác tướng

nói: "muốn ăn trái chín thì tự leo lên hái", Ô đàm vì quá đói nên tự leo lên cấy hái trái ăn. Ác tướng thấy vậy liền suy nghĩ: "ta không có tướng mạo đẹp lại gặp phải người vợ thô tháo như vậy, tự leo lên cấy hái trái ăn. Tự ta còn chưa nuôi nổi thân, sao lại nuôi thêm người vợ vô dụng này", nghĩ rồi sanh khinh ghét liền leo xuống lấy cây gai chất chung quanh dưới gốc cây rồi bỏ đi. Lúc đó vua Trung hưng nhân ra ngoài săn bắn, khi đến gần khu rừng cây ấy nghe có tiếng kêu khóc, liền hỏi: "đây là khu rừng vắng, ai đang kêu khóc vậy?", vua lần theo tiếng kêu khóc tìm đến, thấy Ô đàm xinh đẹp như tiên nữ giáng phàm, cho là thần tiên nên hỏi: "vì sao thần tiên lại đến nơi này?", Ô đàm nói kệ:

*"Xin đại vương biết cho,*
*Thiếp không phải thiên nữ,*
*Cũng không phải thần tiên,*
*Không chồng nên chịu khổ".*

Vua sai ngươi đỡ xuống, Ô đàm vui mừng liền lên xe ngồi chung với vua vào trong cung. Lúc đó Ác tướng đang đi trên đường bỗng hối hận nghĩ: "ta sai rồi, vì sao lại vất bỏ người vợ nhỏ nơi rừng vắng như thế, hãy quay lại đưa nàng ấy về nhà", nghĩ rồi liền quay trở lại, đến bên gốc cây thì không thấy Ô đàm đâu, có người nói cho biết Ô đàm ngồi chung xe với vua vào trong cung rồi. Ác tướng nghe rồi buồn bã đi đến trước cửa cung vua nhưng không thể vào được, sau đó đi theo người chở bình

vào trong cung mới vào được bên trong. Ác tướng thấy vợ đang ngồi cùng vua vui vẻ, biết không thể cùng vợ nói chuyện nên mượn việc khác nói kệ:

*"Nàng ngồi trên ghế vàng,*
*Mặt hoa tự trang nghiêm,*
*Không cùng ta vui vẻ,*
*Người thợ giỏi cầm búa".*

Ô đàm nghe rồi liền nói kệ:

*"Đói khát đến bờ ao,*
*Theo chồng xin lương khô,*
*Bảo cổ tiên không cho,*
*Rất hận đáng gióng trống.*
*Khi đi qua đồng hoang,*
*Được thịt không chia phần,*
*Nghĩ ăn đến khô thân,*
*Khi múa nên theo nhịp.*
*Tự lên cây Ô đàm,*
*Ăn trái chín không cho,*
*Nghĩ đến thân tâm buồn,*
*Chồng bỏ đi phía trước".*

Ác tướng nói kệ:

*"Nàng không nghĩ đến ta,*
*Học rộng nhiều tài trí,*
*Vì ta phạm lỗi nhỏ,*
*Mà bỏ ta biệt ly,*
*Ta lên núi nhảy xuống,*
*Hoặc uống thuốc độc chết,*
*Tội chết nàng phải mang,*

*Thợ khéo cầm chặt búa".*

Ô đàm nói kệ:

*"Mặc ý chết đầu núi,*
*Tùy tình uống thuốc độc,*
*Ta đáng yêu, ông khinh,*
*Làm sao mà đánh trống".*

Lúc đó vua nghe hai người nói kệ đối đáp nhau liền hỏi: "lời phu nhân nói có nghĩa gì, ta không hiểu, hãy nói lại cho ta nghe", Ô đàm tâu: "người này là chồng thiếp do cha mẹ gả cho, có nhiều trí huệ, thông suốt bốn bộ Minh luận, nay vì mong cầu thiếp nên đến", vua nói: "nàng hãy im lặng, không cần nói nữa, ta muốn biết ý nàng như thế nào, có còn tình cảm với người chồng cũ nữa không?", đáp: "làm gì có việc ấy, thiếp đã nói rõ ý của thiếp cho người ấy biết rồi, nhưng Bà-la-môn này biết nhiều chú thuật, không nên vội làm khổ y". Vua đem việc này nói với Đại dược, Đại dược nói: "xin vua đừng lo, Bà-la-môn ấy tướng mạo xấu xí, phu nhân lại xinh đẹp tuyệt trần, hắn sẽ không dám thân cận", Đại dược liền hỏi Bà-la-môn: "ông vào trong cung để cầu việc gì?", đáp là tìm vợ, lại hỏi: "ông có nhận ra vợ không?", đáp là nhận ra, Đại dược nói: "nếu vậy tôi gọi hết năm trăm cung nữ đến đi qua trước mặt ông, ai là vợ thì ông được dẫn đi, nếu ông nhận lầm thì sẽ bị chém đầu", Bà-la-môn bằng lòng. Vua liền ra lịnh các cung nhân trang điểm rồi đến chỗ vua, họ trang điểm xong, tất cả

đều như thiên nữ trong cung Đế thích lần lượt đi đến chỗ vua. Ác tướng thấy họ xinh đẹp rực rỡ liền như rồng rắn bị cấm chú, mắt như bị ánh mặt trời chiếu vào không mở ra được, vọng nhìn theo các cung nữ cho đến khi họ đi qua hết, còn lại một người đi sau cùng với dung mạo xấu xí như ngạ quỷ, Ác tướng liền nắm tay cô này nói là vợ tôi, Đại dược nói: "nếu là vợ ông thì tùy ý dẫn đi", Ác tướng dẫn đi rồi nói kệ:

*"Bậc thượng yêu bậc thượng,*
*Bậc trung yêu bậc trung,*
*Ta xấu như ngạ quỷ,*
*Nên yêu người như ta.*
*Rời bỏ thiên cung này,*
*Đưa nhau về nhà quỷ,*
*Hình sắc phải tương xứng,*
*Muốn khác cũng không được".*

Sau đó Đại dược có lỗi nhỏ, vua không vừa ý nên không cùng nói chuyện. Lúc đó vua cùng các cung nhân vào trong vườn uyển vui chơi, phu nhân cởi chuỗi anh lạc trị giá trăm ngàn lạng vàng mắc trên cành cây rồi quên không lấy xuống, đến khi trở về cung vào phòng ngủ mới nhớ ra. Lúc đó có con khỉ ở trên cây lấy chuỗi anh lạc này rồi leo lên trên cao nên khi sứ giả đến tìm thì không tìm thấy, chợt thấy có người ăn xin ở trong vườn lượm thức ăn thừa đi ra, liền giữ lại bảo phải trả chuỗi ngọc, đáp: "tôi là người ăn xin, không có lấy chuỗi ngọc",

sứ giả đánh khảo rồi đưa đến quan giam giữ, người ăn xin liền suy nghĩ: "ta nên tìm cách, nếu ở đây lâu ta sẽ chét đói", nghĩ rồi liền nói với sứ giả: "tôi lấy chuỗi ngọc đưa cho con của trưởng giả _____", sứ giả liền bắt con của trưởng giả giam chung một cùm với người ăn xin. Người nhà đi thăm đem thức ăn ngon đến cho ăn, người ăn xin theo xin, con của trưởng giả nói: "ngươi làm việc này lại kéo luôn ta vào trong này nên ta không cho ngươi ăn". Sau đó con của trưởng giả muốn đi tiểu, người ăn xin không chịu đi, con của trưởng giả năn nỉ, người ăn xin nói: "hãy giao ước với tôi là cho tôi một phần cơm thì tôi sẽ cùng đi", con của trưởng giả bằng lòng và bảo người nhà bắt đầu từ ngày mai mang đến hai phần cơm. Người ăn xin được thức ăn ngon liền suy nghĩ: "trước đây ta đi xin khắp trong thành cũng không có đủ thức ăn dở để nuôi thân, nay lại không thiếu một món ăn ngon nào cả. Ta nên khai thêm kỹ nữ bậc nhất trong thành vào đây cho vui", nghĩ rồi liền khai kỹ nữ cũng có chia phần, kỹ nữ liền bị bắt giam chung, người ăn xin sau đó cùng kỹ nữ này tư thông rồi suy nghĩ: "dù cho bị nhốt đến mười hai năm, ta cũng không cầu thoát ra". Đối với năm dục vẫn chưa thỏa mãn nên sau đó anh lại khai thêm nhạc công cũng có chia phần, nhạc công cũng bị bắt và người ăn xin mặc tịnh thọ hưởng âm nhạc. Trải qua nhiều tháng mọi người chịu cực khổ đều năn nỉ

người ăn xin tha cho họ, người ăn xin suy nghĩ: "nếu họ ra hết thì ai lo cho ta, nếu ta không nhờ đến trí huệ sáng suốt của Đại dược cứu xét việc này thì không làm sao thoát ra khỏi chỗ này", nghĩ rồi liền khai con của Đại dược cũng có chia phần, con của Đại dược cũng bị bắt. Đại dược suy nghĩ: "con ta bị bắt giam, ta làm sao ở yên được", nghĩ rồi liền đến tâu vua: "thần tuy có tội nhưng con thần vô tội, vì sao lại bắt giam?", vua nói: "chuỗi ngọc trị giá trăm ngàn lượng vàng bị người ăn xin lấy, sau đó đem ra ngoài chia cho nhau", Đại dược sau khi hiểu rõ nguyên do liền nói: "theo thần thì chuỗi ngọc quý ấy không có ai lấy đi cả, để thần nghĩ kế ắt sẽ lấy lại được, nhưng xin hãy thả hết những người kia ra", vua liền cho thả hết ra. Đại dược vào trong vườn hoa, đến chỗ bị mất ngọc, nhìn lên trên cao thấy có con khỉ liền biết là do con khỉ lấy, nhưng muốn lấy lại phải nghĩ cách, liền đến tâu vua: "xin vua cho các cung nhân trang sức chuỗi ngọc vào trong vườn như lần trước". Lúc đó con khỉ thấy các cung nhân đeo chuỗi ngọc ở cổ cũng đeo chuỗi ngọc vào cổ; Đại dược bảo các cung nhân múa, con khỉ cũng múa theo; Đại dược bảo khom người cúi đầu, con khỉ cũng khom người cúi đầu, chuỗi ngọc liền rơi xuống đất. Vua thấy việc này rồi khen ngợi tài trí và ban thêm bỗng lộc cho Đại dược.

Lúc đó sáu đại thần nhân lúc tụ họp lại một nơi liền nói với nhau: "trước đây chúng ta được vua

quý trọng, ban cho lãnh thổ làm phong ấp nên chúng ta sống rất an nhàn. Nay bị tiếp thu, chúng ta trở nên nghèo, lộc vị cũng bị tước mất, phải làm sao đây", một người nói: "chúng ta hãy cùng tuyên thệ là không phản bội lời giao ước, đồng tâm báo thù Đại dược. Nếu vua không còn giận chúng ta thì chúng ta sẽ được phục hồi lộc vị như trước". Sáng hôm sau họ cùng vào trong vườn hoa mở tiệc cùng giao ước, Đại dược liền cho chim anh vũ bay đến nghe xem họ hói những gì. Lúc đó sáu đại thần đem con trai con gái của mình đính ước với nhau rồi nói: "nay chúng ta đã trở thành thân thuộc, không nên nghi ngờ nhau nữa, mà hãy nói thật với nhau", trong khi cùng ăn uống vui vẻ, một người nói: "trước đây tôi đã ăn thịt chim công của vua", một người nói: "tôi đã cùng cung nhân của vua tư thông"… Chim anh vũ nghe rồi về thuật lại đầy đủ cho Đại dược nghe, Đại dược tâu lại cho vua biết, vua điều tra sự việc rồi đuổi tất cả bọn họ ra khỏi nước.

Phật bảo các Bí-sô: "Đại dược thuở xưa chính là thân ta ngày nay, vua Trung hưng chính là Xá-lợi-phất, sáu đại thần chính là Lục sư. Thuở xưa ta cũng đã đuổi bọn họ ra khỏi nước nay cũng vậy, hiện đại thần thông đuổi Lục sư ngoại đạo ra nơi biên phương. Các Bí-sô nên thân cận thiện tri thức, nhờ thân cận thiện tri thức nên thông đạt tất cả nội ngoại điển, có thể thành tựu thạnh đức như thế, các

thầy nên tu học như vậy".

-oOo-

# CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA TẠP SỰ

## QUYỂN 29

### 4. Nhiếp tụng thứ tư trong Biệt môn thứ sáu (tiếp theo) - Việc Phật từ cung trời xuống:

Phật tại thành Thất-la-phiệt hiện đại thần thông hàng phục ngoại đạo làm cho chúng sanh được lợi ích nên họ đều quy y theo Phật. Tất cả trời người đều hoan hỉ nên có nhiều Bà-la-môn và thợ giỏi từ các thành ấp gần xa đều tụ đến trong thành Thất-la-phiệt để xuất gia theo Phật, quyến thuộc của họ cũng đến để thăm và cũng bỏ tục xuất gia theo. Các Bà-la-môn thấy việc này rồi liền cơ hiềm: "những người thợ này bỏ tục xuất gia, nếu ta có việc cần làm thì ai sẽ làm đây", các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "do các thợ giỏi sau khi xuất gia rồi vẫn còn cất giữ đồ nghề trước kia của mình nên mới có lời cơ hiềm này, từ nay các Bí-sô không được cất chứa đồ nghề trước kia của mình, ai cất chứa thì phạm tội Ác tác". Sau đó có một thầy thuốc sau khi xuất gia du hành đến thành

Thất-la-phiệt, lúc đó có cựu trụ Bí-sô bị bịnh nặng yêu cầu vị này trị bịnh, Bí-sô thầy thuốc này nói: "Phật đã chế sau khi xuất gia không được cất chứa đồ nghề trước kia, tôi lấy gì để trị bịnh cho thầy", các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "từ nay các Bí-sô nào trước đây là thầy thuốc thì được cất giữ y cụ để trị bịnh, nếu là Thư lại thì được cất giữ bút mực, nếu là thợ cạo tóc thì được cất giữ dao cạo…".

Duyên xứ như trên, do Phật hiển đại thần thông khiến trời người đều hoan hỉ nên Phật và Tăng được nhiều lợi dưỡng. Để đoạn trừ lỗi về lợi dưỡng nên Phật lên cõi trời Tam thập tam an cư ba tháng và thuyết pháp cho mẹ cùng chư thiên khác trong điện Ngọc thạch, gần cây Viên sanh. Lúc đó tôn giả Đại Mục-kiền-liên đang ở trong rừng Thệ đa, bốn chúng không thấy Thế tôn liền đến chỗ tôn giả đảnh lễ rồi ngồi một bên, tôn giả tùy cơ thuyết pháp khiến cho họ được lợi hỉ rồi im lặng. Bốn chúng chắp tay cung kính bạch rằng: "Đại đức có biết đại sư đang an cư ở đâu không?", đáp: "Phật đã lên cõi trời Tam thập tam an cư ba tháng và thuyết pháp cho mẹ cùng chư thiên khác trong điện Ngọc thạch, gần cây Viên sanh", sau khi nghe pháp xong và biết được Thế tôn đang an cư ở đâu, bốn chúng hoan hỉ đảnh lễ tôn giả rồi ra về. Sau mùa an cư, bốn chúng lại đến chỗ tôn giả rồi ngồi một bên, sau khi nghe thuyết pháp xong, họ chắp tay bạch tôn giả: "Đại đức, chúng con đã lâu không được gặp Phật nên rất

khao khát muốn gặp. Lành thay xin Đại đức không từ khó nhọc vì chúng con đến gặp Thế tôn, cho chúng con gởi lời thăm hỏi Thế tôn trong ba tháng an cư có được khinh an không, chúng con trong châu Thiệm bộ mong muốn được gặp Thế tôn vì xa cách đã lâu. Chúng con không có thần thông, không thể lên cõi trời Tam thập tam để thân cận cúng dường Thế tôn, nhưng chư thiên cõi ấy có thể đến được cõi này, xin Thế tôn thương xót chúng con", tôn giả im lặng nhận lời, bốn chúng biết tôn giả đã nhận lời liền đảnh lễ rồi ra về. Sau khi bốn chúng đã đi khỏi, tôn giả liền nhập Thắng định, nhanh như tráng sĩ co duỗi cánh tay, tôn giả ẩn thân nơi cõi này và hiện thân trên cõi trời Tam thập tam. Trông thấy Thế tôn đang thuyết diệu pháp cho vô lương chư thiên vây quanh trong điện Ngọc thạch, tôn giả bất giác mỉm cười suy nghĩ: "Thế tôn lên đây, chư thiên vây quanh cũng giống như đại chúng ở châu Thiệm bộ". Lúc đó Thế tôn biết tâm niệm của tôn giả liền nói: "này Mục liên, đại chúng ở đây không phải tự đến mà là do oai lực của ta nên mới đến", tôn giả đến đảnh lễ Phật rồi ngồi một bên, quán sát khắp đại chúng rồi bạch Phật: "Thế tôn, con nghĩ đại chúng này rất đặc biệt, họ tập họp nơi đây đều là do đời trước đối với Tam bảo và Thánh giới thanh tịnh đã thành tựu lòng tin kiên cố bất hoại, ở cõi kia sau khi chết sanh lên cõi này", Phật nói: "đúng vậy, đại chúng này do đời trước

đối với Tam bảo và Thánh giới thanh tịnh đã thành tựu lòng tin kiên cố bất hoại, ở cõi kia sau khi chết sanh lên cõi này". Vua trời Đế thích nghe Phật và tôn giả nói như thế rồi liền ở trước Phật nói với Mục liên: "quả thật như vậy, đại chúng này do đời trước đối với Tam bảo và Thánh giới thanh tịnh đã thành tựu lòng tin kiên cố bất hoại, ở cõi kia sau khi chết sanh lên cõi này", các thiên tử cũng lần lượt đứng dậy trịch bày vai hữu chắp tay cung kính bạch Phật: "Thế tôn, do đời trước con đối với Tam bảo và Thánh giới thanh tịnh đã thành tựu lòng tin kiên cố bất hoại, ở cõi kia sau khi chết sanh lên cõi này", vô lượng chư thiên này ở trước Phật tự thân chứng quả Dự lưu đảnh lễ Phật rồi biến mất. Lúc đó tôn giả Đại Mục-kiền-liên đứng dậy trích bày vai hữu chắp tay bạch Phật: "Thế tôn, bốn chúng ở châu Thiệm bộ đến chỗ con chí thành bạch rằng: "Đại đức, chúng con đã lâu không được gặp Phật nên rất khao khát muốn gặp. Lành thay xin Đại đức không từ khó nhọc vì chúng con đến gặp Thế tôn, cho chúng con gởi lời thăm hỏi Thế tôn trong ba tháng an cư có được khinh an không, chúng con trong châu Thiệm bộ mong muốn được gặp Thế tôn vì xa cách đã lâu. Chúng con không có thần thông, không thể lên cõi trời Tam thập tam để thân cận cúng dường Thế tôn, nhưng chư thiên cõi ấy có thể đến được cõi này, xin Thế tôn thương xót chúng con trở xuống châu Thiệm bộ" Phật nói:

"thầy hãy trở về châu Thiệm bộ nói với bốn chúng sau bảy ngày Phật sẽ từ cõi trời trở xuống châu Thiệm bộ, tại thành Tăng yết xa trong đồng hoang thanh tịnh bên cây Ô đàm bạt la", tôn giả nghe Phật dạy rồi đảnh lễ Phật, nhập định, nhanh như tráng sĩ co duỗi cánh tay ẩn thân nơi cõi trời, hiện thân nơi châu Thiệm bộ nói cho bốn chúng biết tin trên. Bốn chúng nghe biết rồi liền đem hương hoa đến thành Tăng yết xa, dân chúng trong thành này nghe biết tin cũng lo quét dọn sạch sẽ các đường phố, rưới nước thơm, treo cờ phướn… và đặt một tòa cao ở nơi tốt nhất để chờ đón Như lai. Lúc đó trên cõi trời, Phật tùy cơ thuyết pháp cho chư thiên ở cõi trời Tam thập tam được lợi hỉ rồi liền biến mất nơi đó, hiện thân đến cõi trời Dạ ma thuyết pháp cho chư thiên ở đó rồi lại biến mất, sáu đó hiện thân đến cõi trời Đổ-sử-đa thuyết pháp cho chư thiên ở đó… lần lượt đến khắp các cõi trời như vậy cho đến cõi trời Sắc cứu cánh thuyết pháp khiến cho họ được lợi hỉ xong rồi quay trở lại cho đến cõi trời Tam thập tam. Lúc đó vua trời Đế thích bạch Phật: "Thế tôn muốn đến châu Thiệm bộ phải không?", đáp là muốn đến, lại hỏi: "Thế tôn dùng thân thông hay đi bộ?", đáp là đi bộ. Vua trời Đế thích liền ra lịnh cho thợ giỏi trên trời làm ba loại cầu thang bằng vàng ròng, lưu ly và pha lê; khi làm xong Phật đi cầu thang bằng lưu ly ở giữa; Đại phạm thiên vương, chủ cõi Ta bà đi cầu thang bằng vàng bên

phải, tay cầm phất trắng vi diệu trị giá trăm ngàn lượng vàng, cùng chư thiên cõi Sắc làm tùy tùng theo tiễn đưa Phật; vua trời Đế thích đi cầu thang bằng pha lê bên trái, tay cầm lọng báu trị giá trăm ngàn lượng vàng che phía trên Phật, cùng chư thiên cõi Dục làm tùy tùng theo tiễn đưa Phật. Lúc đó Phật suy nghĩ: "nếu ta chỉ đi bộ thì sợ ngoại đạo sẽ chê bai là Sa môn Kiều-đáp-ma dùng thần thông lên cõi trời Tam thập tam, do thấy cảnh sắc vi diệu sanh tâm tham ái nên mất hết thần thông phải đi bộ trở về; nếu dùng thần thông chỉ uổng công thợ trời đã nhọc mệt làm cầu thang. Ta nên vừa dùng thần thông vừa đi bộ trở về châu Thiệm bộ", khi Phật từ trên cầu thang đi xuống khoảng chừng mười hai Du thiện na thì hơi người xông lên hôi thối như tử thi khiến chư thiên không thể ngửi nổi. Phật biết điều này nên hoa ra rừng Ngưu đầu chiên đàn tỏa hương thơm ngát khiến cho chư thiên đều hoan hỉ, Phật lại suy nghĩ: "nếu người nam ở châu Thiệm bộ thấy thiên nữ hay người nữ ở châu Thiệm bộ thấy thiên nam ắt sẽ sanh ái nhiễm, do tâm dục hừng thạnh họ có thể hộc máu mà chết. Ta nên dùng thần lực làm cho người nam chỉ thấy thiên nam, người nữ chỉ thấy thiên nữ để tâm họ không bị ái nhiễm quấy nhiễu". Lúc đó cụ thọ Tu-bồ-đề nhập định dưới gốc cây biết Phật cùng chư thiên đang từ cõi trời Tam thập tam trở xuống cõi này, liền suy nghĩ: "chư thiên kia theo tiễn đưa rồi cũng

sẽ từ giã để trở lại thiên giới, đại chúng cõi này trong một trăm năm cũng sẽ qua đời hết, Phật sau khi hóa duyên đã mãn cũng sẽ nhập Niết-bàn, những uy nghiêm như thế cũng sẽ bị tiêu diệt. Ở bất cứ nơi đâu Phật cũng đều dạy rằng: chư hành vô thường, thể hằng biến đổi, pháp sanh diệt này thật đáng nhàm lìa. Ta nên sanh nhàm lìa quán năm ấm là vô thường khổ không và vô ngã", sau khi quán chiếu như vậy, ngay nơi chỗ ngồi tôn giả chứng được quả Dự lưu, được lòng tin bất hoại. Tôn giả liền xuất định cung kính hướng về phía Thế tôn đảnh lễ. Lúc đó Bí-sô ni Ôn-bát-la (Liên hoa sắc) suy nghĩ: "Phật từ cõi trời trở xuống châu Thiệm bộ, ta phải làm thế nào để là người lễ bái Phật đầu tiên. Nay đại chúng đã vân tập đông đảo không còn chỗ chen chân, nếu ta đến với hình dáng Bí-sô ni thì họ sẽ xem thường, ta nên đại thần thông", nghĩ rồi liền hóa thân làm Chuyển luân thánh vương có bảy báu dẫn đầu, cùng chín mươi chín Câu đê binh kỳ theo sau; với ngàn người con vây quanh theo hình bán nguyệt, thân trang nghiêm bằng các loại vật báu; lại có vô lượng ngoại đạo, Sa môn, Phạm chí và trăm ngàn tùy tùng cầm lọng trăm nan che trên đầu của vua, oai quang rực rỡ như vầng nhật nguyệt, để đi đến chỗ Phật. Đại chúng thấy rồi đều thán phục chiêm ngưỡng không chán và suy nghĩ: "ở đâu có vua và binh lính khả ái như vậy, hay là Luân vương đế chủ từ nơi khác

đến. Ta làm thế nào để được thọ phước lạc như thế", nghĩ rồi liền cùng mở đường cho họ tiến vào chỗ Phật.

Lúc đó Bí-sô Ô-đà-di đang ở trong chúng hội liền nói với đại chúng: "đây không phải là Chuyển luân thánh vương mà là Bí-sô ni Liên hoa sắc hiện thần thông đến lễ bái Phật", đại chúng hỏi làm sao biết được, đáp: "hoa Ôn-bát-la có mùi thơm phảng phất, sắc hoa cũng vượt trên các loài hoa khác, cho nên tôi nhận biết là do vị ấy hiện thần biến". Khi đến chỗ Phật, Bí-sô ni này thu thần biến đảnh lễ Phật rồi đứng một bên. Phật ngồi trên tòa xong liền bảo Liên hoa sắc: "đối trước đại sư, Bí-sô ni hiện thần thông là việc không hợp lý", Phật lại nghĩ: "Bí-sô ni ở trước Phật hiện thần thông có lỗi như thế, ta nên chế ngăn không cho Bí-sô ni hiện thần thông trước đại sư", nghĩ rồi liền bảo các Bí-sô: "từ nay Bí-sô ni không được hiện thần thông ở trước đại sư, nếu ai làm như thế thì phạm tội Việt pháp". Lúc đó đại chúng có người thấy Chuyển luân thánh vương có oai lực lớn liền khởi tâm muốn sanh vào cõi người, có người thấy chư thiên oai quang khả ái liền khởi tâm muốn sanh lên cõi trời. Phật quán biết tâm mọi người, muốn ngăn chận ý nguyện sanh vào cõi trời người của họ nên tùy cơ thuyết pháp khiến cho họ sau khi nghe pháp, có người được Noãn pháp, hoặc được Đảnh pháp, hoặc được Nhẫn pháp; có người được vơi bớt ba độc, lìa tham

dục, có người được Thế đệ nhất pháp, có người đắc quả Tu đà hoàn, hoặc quả Tư-đà-hàm, hoặc quả A-na-hàm, có người gieo trồng nhân duyên với Thanh văn thừa, có người gieo trồng nhân duyên với Bích chi Phật thừa, có người gieo trồng nhân duyên với Phật thừa. Do nhân duyên này, Thế tôn liền nói kệ:

*"Dù làm vua Chuyển luân,*
*Hay sanh lên cõi trời,*
*Tuy đắc được Thắng định,*
*Không bằng quả Dự lưu".*

Lúc đó các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn, vì sao cụ thọ Ô-đà-di nghe mùi hương Ôn-bát-la liền biết ngay chính là vị ni ấy?", Phật nói: "không phải chỉ ngày nay vừa nghe mùi hương liền biết ngay, mà thời quá khứ cũng vậy. Các thầy lắng nghe:

Quá khứ tại thành Bà-la-nê-tư có một thương chủ cưới vợ chưa bao lâu thì vợ có thai, lúc đó thương chủ muốn vào biển lớn tìm châu báu nên bảo vợ ở nhà hãy khéo dụng tâm, người vợ đòi đi theo, thương chủ nói: "ai sẽ săn sóc cho nàng?", người vợ khóc lóc đòi theo, các thương nhân thấy vậy hỏi rõ nguyên do rồi nói: "cứ cho cô ấy đi theo, chúng tôi sẽ chăm sóc cho". Khi thuyền ra biển lớn bị cá Ma kiệt làm vỡ thuyền, thương chủ và mọi người đều chết, người vợ bám vào mảnh ván trôi nổi, gặp gió đưa tạt vào bờ. Có vua Kim súy điểu ở đó thấy liền đưa cô về làm vợ, không bao lâu sau

bào thai trước đó đủ ngày tháng, cô sanh ra một bé trai dung mạo đoan nghiêm; sau đó cô lại sanh thêm một con Kim súy điểu con, khi chim cha qua đời, bầy chim lập chim con này lên ngôi vua, người mẹ liền bảo con: "con nay đã thừa kế tộc họ cha mà lên ngôi, đây là anh con, con hãy đưa về thành Bà-la-nê-tư lập làm vua giữa mọi người", người con vâng lời. Lúc đó ở thành Bà-la-nê-tư, vua Phạm thọ dùng chánh pháp trị nước…, lúc vua đang lâm triều, vua Kim súy điểu bay đến dùng hai chân cắp lấy hai cánh tay của vua mang ra biển ném xuống. Sau đó đem các chuỗi anh lạc trang sức cho anh mình rồi đưa vào trong cung, đặt ngồi trên ngai rồi bảo với mọi người: "đây là vua của các ngươi, các ngươi hãy khéo ém nhẹm việc này, nếu không ta sẽ nem vào trong biển lớn". Quần thần sợ hãi không dám tiết lộ việc này ra ngoài nên nhân dân đều cho đó là vua Phạm thọ, lúc đó vua bảo Kim súy điểu: "em hãy thường xuyên đến thăm anh nhé", đáp là sẽ đến. Thời gian sau trong cung có một voi mẹ mang thai, đủ tháng sanh voi con nhưng chỉ ra được phần đầu, phần chân không ra được. Vua nghe tâu liền nói: "hãy bảo các cung nhân phát lời thệ bằng lời nói thật chú nguyện cho voi sanh được con ra. Nên nói rằng: ngoài vua ra, tôi không quan hệ với người nam nào khác. Nếu là lời nói thật thì voi sẽ sanh con ra an ổn". Khi các cung nhân phát lời thệ này xong, không những voi

con không ra được mà voi mẹ càng khổ sở hơn khiến mọi người không biết phải làm sao. Lúc đó có người nữ chăn bò ở gần đó nghe biết việc này liền nói với mọi người: "tôi sẽ phát thệ làm cho voi sanh ra được an ổn", mọi người nghe rồi liền báo cho đại thần, đại thần tâu vua, vua cho gọi vào cung. Mục nữ liền ở trước voi mẹ nói lời chân thật chú nguyện rằng: "từ khi sanh ra đến nay, trừ chồng tôi ra, tôi không quan hệ với người nam nào khác. Nếu là lời chân thật thì voi con sanh ra được an ổn", vừa nói xong voi con liền sanh ra được an ổn nhưng vẫn con dính lại phần đuôi, mục nữ mỉm cười nói: "còn có chút lỗi mà vần không ra hết", nội nhân hỏi lỗi gì, đáp: "trước đây tôi bồng con trai của người khác, nó tiểu ra chảy xuống chỗ kín của tôi, tôi liền cảm thấy thọ lạc. Do chút lỗi này nên phân đuôi không chịu ra", khi mục nữ nói thật ra, phần đuôi liền ra hết. Quan đem việc này tâu vua, vua nghe rồi than thở: "cung nhân của ta đều không trinh lương, chỉ riêng có mục nữ là thanh bạch. Hãy gọi mục nữ vào đây", vua liền hỏi mục nữ: "bà dùng lời nói thật làm cho voi sanh ra được phải không?", đáp phải, vua suy nghĩ: "nếu mẹ đã hiền thiện thì con chắc cũng thế", nghĩ rồi liền hỏi: "bà có con gái không?", đáp là có, lại hỏi tên gì, đáp là Diệu dung, lại hỏi đã gả chưa, đáp là chưa, vua nói: "nếu vậy mẹ hãy gả cho con", người mẹ chấp thuận, vua liền dùng nghi lễ đón rước Diệu

dung vào cung. Lúc đó vua lại suy nghĩ: "cung nhân không trinh thuận, nếu để nàng này ở đây ắt cũng sẽ làm điều phi pháp", sau đó khi vua Kim súy điểu đến, vua kể lại việc trên rồi nói: "ban ngày em đem vợ anh để ở ờ biển, ban đêm đưa đến đây", vua Kim súy điểu làm theo lời anh đưa Diệu dung đến bên bờ biển, ở nơi đây có cây hoa tên là Khứ y, hằng ngày Diệu dung kết vòng hoa này để tặng cho vua. Lúc đó trong thành Bà-la-nê-tư có một Bà-la-môn vào trong núi lượm củi khô gặp thần nữ Khẩn-na-la, thần nữ này bắt đưa vào trong động đá cùng giao hợp, khi ra ngoài hái hoa quả thì dùng tảng đá lớn lấp cửa động lại, sức người không thể dời đi được. Thời gian sau thần nữ này sanh được một trai, đứa con trai này có thân hình nhẹ đi nhanh nên được đặt tên là Tốc tật (nhanh chóng), người cha thường nói với con là thành Bà-la-nê-tư rất đẹp là quê hương của cha, người con hỏi vì sao không về, người cha nói: "mẹ con mỗi khi ra ngoài đều dùng tảng đá lấp kín cửa động, sức người không thể dời đi được", người con nói là sẽ dời giúp người cha. Sau đó người con thường tập di chuyển đá cho đến khi đủ sức dời được tảng đá lớn rồi bảo người cha cùng chạy trốn, người cha nói: "mẹ con vừa đi hái trái, lát nữa sẽ về ngay, nếu trên đường gặp nhau ắt sẽ hại ta", người con nói: "con sẽ làm phương tiện khiến mẹ về chậm". Sau đó khi người mẹ mang trái về, người con cắn rồi lại nhả ra,

người mẹ hỏi vì sao, đáp: "mẹ lười đi xa, chỉ hái trái đắng ở gần, con không ăn được nên phải nhả ra", người mẹ nói: "nếu vậy mai mẹ sẽ đi xa hái trái ngon về". Sáng hôm sau người mẹ đi xa để hái trái ngon, hai cha con liền dời tảng đá và bỏ chạy trốn về thành Bà-la-nê-tư; khi người mẹ trở về thấy hang động trống trơn liền đấm ngực kêu khóc, láng giềng hỏi rõ nguyên do rồi nói: "họ là loài người ắt là chạy về nhân gian, có gì phải buồn khổ", người mẹ nói: "tôi không buồn vì biệt ly này mà hận là chưa dạy cho nó nghề kiếm sống", láng giềng nói: "tôi cũng thường đi đến thành Bà-la-nê-tư, bà muốn đưa vật gì cho nó kiếm sống thì hãy đưa cho tôi, khi gặp con bà tôi sẽ trao cho nó", người mẹ liền đưa cây đàn Không hầu và nói rằng: "xin hãy đưa vật này tận tay con tôi và bảo nó có thể đàn cây đàn này để kiếm sống nhưng không được đàn sợi dây thứ nhất, nếu chạm đến nó ắt sẽ bị tổn hại", láng giềng nhận đàn rồi đi. Lúc đó Bà-la-môn kia đưa người con là Tốc tật đến chỗ thầy dạy học để học, những lúc rảnh rỗi nó vào rừng lượm củi và gặp vị láng giềng kia, sau khi thăm hỏi xong vị láng giềng nói: "mẹ con thương nhớ thường buồn khóc, vì sao con không trở về?", đáp: "mẹ là Dược xoa làm sao chung sống được", vị láng giềng nói: "nếu con không trở về thì ta đưa cho con cây đàn này để kiếm sống, con không được đưa cho người khác", khi đưa cây đàn vị láng giềng nói: "khi đàn con

không được đàn sợi dây thứ nhất, nếu chạm vào sẽ bị tổn hại". Tốc tật vâng lời rồi ôm đàn về chỗ đang học, các bạn thấy ôm đàn liền hỏi có đàn được không, đáp là được, nói rồi liền đàn nhưng không đàn sợi dây thứ nhất, các bạn hỏi, đáp: "nếu chạm vào sẽ bị tổn hại", các bạn nói: "chỉ chạm vào thì có hại gì", Tốc tật liền chạm vào dây thứ nhất, các bạn liền không tự chủ cùng nhau nhảy múa cho đến chiều. Sau đó đến thầy dạy học bảo Tốc tật đàn… giống như trên cho đến câu vừa chạm vào dây thứ nhất thì thầy và vợ thầy đều không tự chủ cùng nhảy múa khiến cho đồ vật trong nhà đổ ngã, thầy dạy học tức giận đuổi đi, Tốc tất bị đuổi lang thang kiếm sống với cái đàn Không hầu. Thời gian sau có năm trăm thương nhân sắp ra biển nói với nhau: "tất cả đã chuẩn bị đầy đủ, chỉ thiếu có âm nhạc, khi ra biển rồi làm sao giải buồn", một người nói: "có con của Bà-la-môn tên Tốc tất rất giỏi đánh đàn Không hầu, hãy đưa anh ta đi theo". Khi ra biển mọi người bảo Tốc tật đàn… giống như trên cho đến câu vừa chạm vào dây thứ nhất thì chiếc thuyền nghiêng ngã chìm xuống biển, mọi người đều chết hết, Tốc tật bám vào mảnh ván trôi giạt vào bờ. Tại đây Tốc tật gặp Diệu dung, sau đó cùng Diệu dung tư thông, ban ngày gần gũi, ban đêm chia tay, Tốc tật hỏi ban đêm đi đâu, Diệu dung kể lại mọi việc cho Tốc tật nghe, Tốc tật nói: "hãy đưa tôi cùng về thành Bà- la-nê-tư", đáp: "cùng đi cũng

tốt". Sau đó Diệu dung tìm cách mang theo đá nhỏ, dần dần mang đá bằng trọng lượng của người, thấy chở được mới bảo Tốc tật cùng cỡi Kim súy điểu bay về thành Bà-la-nê-tư. Trên đường đi Diệu dung bảo nhắm mắt lại, khi sắp tới thành, Tốc tất nghe tiếng người nói liền mở mắt ra xem thử, vừa mở ra liền bị mù vì gió thổi quá mạnh, Diệu dung phải để Tốc tật ở trong vườn còn mình đến chỗ vua. Đến mùa xuân trăm hoa đua nở, vua cùng Diệu dung và các cung nhân vào vườn du ngoạn, Tốc tật nghe mùi hương của hoa Khứ y liền nói kệ:

*"Gió thoảng mùi Y hoa,*
*Hương thơm thật đáng yêu,*
*Như lúc trên bờ biển,*
*Cùng sống với Diệu dung".*

Vua nghe rồi liền bảo nội nhân tìm người đã nói ra kệ ấy, nội nhân đưa người mù đến, vua bảo nói lại bài kệ trên rồi hỏi: "bờ biển ấy cách đây bao xa?", đáp:

*"Nơi Diệu dung cư trú,*
*Cách đây khoảng trăm dặm,*
*Vượt qua khỏi biển lớn,*
*Có bờ biển thật đẹp".*

Vua nói kệ:

*"Ngươi đã từng nghe thấy,*
*Người mà ta yêu thương,*
*Nếu thật là Diệu dung,*
*Người hãy nói hình tướng".*

Người mù nói kệ:

*"Giữa eo có chữ vạn,*
*Trên ngực có lông xoắn,*
*Thường kết vòng Y hoa,*
*Để tặng cho Nhân chủ".*

Vua nghe rồi suy nghĩ: "nàng ta có hạnh xấu, tuy để ở hải đảo vẫn cùng người ngoài tư thông, đã là vô dụng thì hãy gả cho người mù này", nghĩ rồi nói kệ:

*"Cho Diệu dung chuỗi ngọc,*
*Rồi gả cho người mù,*
*Cho cùng cỡi lừa đi,*
*Đuổi ra khỏi thành ấp".*

Bị vua đuổi ra khỏi thành, người mù dẫn vợ đi lang thang khắp nơi mãi đến chiều mới tới một tụ lạc, tạm dừng ở trong một miếu hoang thờ trời. Đêm đó có bọn cướp vào tụ lạc đánh cướp, người trong tụ lạc đã phòng bị trước nên trừ diệt được bọn cướp, tên chúa giặc bỏ chạy vào trong miếu hoang đóng cửa lại. Mọi người chạy đuổi theo đến miếu kêu cửa, người mù ở bên trong đáp: "tôi là khách trú không liên can gì đến tên cướp", mọi người nói: "nếu có tên cướp trong đó thì hãy đuổi ra". Lúc đó chúa giặc nói với Diệu dung: "nàng cần gì kẻ mù này, hãy đẩy hắn ra ngoài rồi cùng sống với ta", Diệu dung bằng lòng liền đẩy người mù ra cửa, mọi người cho là chúa giặc nên chặt đầu người mù. Sáng hôm sau chúa giặc dẫn Diệu dung ra đi,

khi đến bờ sông vì không có thuyền bè nên không qua sông được, chúa giặc nói: "nước sông dâng cao không thể cùng qua được, nàng hãy ở trong nước tắm rửa, ta mang chuỗi ngọc quý của nàng qua bên bờ kia trước, sau đó trở qua đưa nàng sang", Diệu dung liền cởi chuỗi ngọc quý đưa cho chúa giặc rồi ở trong nước tắm, sau đó lại suy nghĩ: "hay là hắn mang chuỗi ngọc của ta bỏ đi mất", nghĩ rồi liền nói kệ:

*"Nước sông đang dâng cao,*
*Chàng mang chuỗi ngọc đi,*
*Em liền có ý nghĩ,*
*Chàng sẽ mang đi luôn".*

Chúa giặc nói kệ:

*"Nàng hại chết người chồng vô tội,*
*Ai tin nàng thật tâm với ta,*
*Chuỗi ngọc quý này ta mang đi,*
*Sợ nàng được dịp sẽ hại ta".*

Nói rồi chúa giặc mang chuỗi ngọc đi, bỏ Diệu dung ở lại bên bờ này, Diệu dung lộ hình ra khỏi nước vào trong bụi rậm ẩn nấp. Cách đó không xa có một con dã can già đang ngậm miếng thịt hôi đi dọc theo bờ sông, bỗng thấy một con cá từ dưới sông vọt lên khỏi nước nằm trên bờ, dã can liền nhả miếng thịt ra để chụp con cá, con cá lại nhảy trở xuống nước, miếng thịt lại bị con chim cắt tha mất. Bị mất cả hai miếng mồi, con dã can cụp tai buồn rầu, Diệu dung ở trong bụi rậm thấy rồi liền

nói kệ:

*"Thịt bị chim Cắt tha,*
*Cá lại nhảy xuống sông,*
*Hai miếng mồi đều mất,*
*Buồn khổ nào ích chi".*

Dã can nghe tiếng nhìn khắp nơi không thấy ai liền nói kệ:

*"Ta không làm trò cười,*
*Cũng không diễn ca múa,*
*Kẻ nào trong bụi cây,*
*Nói kệ trêu chọc ta".*

Diệu dung từ trong bụi rậm đáp: "ta là Diệu dung", dã can liền nói kệ:

*"Ngươi đã giết chồng cũ,*
*Chồng mới lấy của đi,*
*Ngươi không biết đi đâu,*
*Núp trong bụi buồn than".*

Diệu dung nói kệ:

*"Ta trở về nhà cũ,*
*Kiên trinh thờ một chồng,*
*Sợ tổn hại thân tộc,*
*Không làm việc dại nữa".*

Dã can nói kệ:

*"Nếu sông Hằng chảy ngược,*
*Lông con quạ màu trắng,*
*Tượng gỗ sanh Đa-la,*
*Ngươi có thể chính chuyên.*

*Nếu quạ và chim cú,*
*Cùng sống trên một cây,*
*Cả hai hòa thuận nhau,*
*Ngươi có thể chính chuyên.*
*Nếu như rắn và chuột,*
*Cùng sống trong một hang,*
*Có thể yêu mến nhau,*
*Ngươi có thể chính chuyên.*
*Nếu như dùng lông rùa,*
*Dệt thành áo thượng diệu,*
*Để mặc ấm khi lạnh,*
*Ngươi có thể chính chuyên.*
*Nếu như dùng chân muỗi,*
*Xây dựng thành lâu đài,*
*Kiên cố không lay chuyển,*
*Ngươi có thể chính chuyên.*
*Nếu như dùng cọng sen,*
*Làm cầu cho người đi,*
*Voi lớn cũng qua được,*
*Ngươi có thể chính chuyên.*
*Nếu như giữa biển lớn,*
*Trong nước lửa cháy to,*
*Mọi người đều nhìn sững,*
*Ngươi có thể chính chuyên".*

Dã can nói tiếp: "ta chỉ nói đùa như vậy thôi, ta cũng có thể giúp ngươi trở lại vị trí cũ là làm phu nhân của vua, ngươi sẽ đền đáp ta như thế nào?", Diệu dung nói: "nếu được như thế thì ta sẽ cung

cấp thịt tươi hằng ngày cho ngươi không để thiếu thốn", dã can nói: "nếu được như vậy thì ngươi hãy nghe lời ta, trở xuống sông Hằng đến chỗ nước vừa đến cổ, chắp tay hướng về mặt trời cầu nguyện chư thiên, ta sẽ đi báo cho vua biết". Dã can liền đi đến chỗ mà vua có thể nghe được, nói to lên rằng: "Diệu dung đang ngâm mình trong sông Hăng để tẩy tâm tu luyện, hãy mau gọi trở về hậu cung", vua nghe được tiếng dã can liền bảo đại thần: "khanh hãy đi đến bờ sông Hằng, ta nghe nói Diệu dung đang ở đó cần khổ tu tâm, hãy mau đưa về đây cho ta gặp", đại thần đến nơi thấy Diệu dung rồi liền đem y phục và chuỗi anh lạc trang sức cho Diệu dung rồi đưa về cung, vua gặp lại rất vui mừng liền phong cho làm phu nhân như cũ. Hằng ngày cô đem thức ăn ngon cung cấp cho dã can, được một thời gian thì ngưng, dã can liền đi đến gần hậu cung nói to lên: "này Diệu dung, nếu ngươi không tiếp tục cung cấp thịt ngon cho ta, ta sẽ làm cho vua đánh ngươi nhừ tử không khác gì ngày trước", Diệu dung nghe rồi rất sợ hãi liền cung cấp thịt cho dã can như cũ.

Phật bảo các Bí-sô: "Diệu dung thuở xưa nay chính là Bí-sô ni Ôn-bát-la, Tốc tật chính là Bí-sô Ô-đà-di, thuở xưa nghe mùi hương của hoa Khứ y liền biết là Diệu dung, nay nghe mùi hương Ôn-bát-la liền biết là Bí-sô ni ấy. Tất cả sự việc đều do tập nghiệp liên kết làm nhân duyên cho nhau". Đại

chúng nghe Phật nói rồi hoan hỉ phụng hành.

**5. Nhiếp tụng thứ năm trong Biệt môn thứ sáu:**

*Tám kỉnh pháp độ ni,*
*Ni muốn theo thứ bậc,*
*Việc hai bộ khác nhau,*
*Không độ ni hoàn tục.*

Phật tại thành Kiếp-tỷ-la trong vườn cây đa căn, lúc đó Đại thế chủ và năm trăm Thích nữ đến chỗ Phật đảnh lễ ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Thế tôn tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho tất cả được lợi hỉ rồi liền im lặng. Đại thế chủ liền đứng dậy chắp tay bạch Phật: "Thế tôn, nếu có người nữ xuất gia trong Phật pháp, thọ Cận viên thành tựu tánh Bí-sô ni, kiên trì phạm hạnh thì có được chứng quả Sa môn thứ tư hay không?", Phật nói: "này Đại thế chủ, bà nên sống tại gia mặc y phục trắng, tu phạm hạnh thuần nhất viên mãn, thanh tịnh vô nhiễm. Như thế cũng được thường an lạc lợi hỉ", Đại thế chủ thưa thỉnh ba lần, Phật đều không chấp thuận nên đảnh lễ Phật rồi đi ra. Sau đó Phật đắp y mang bát từ thành Kiếp-tỷ-la đi đến làng Phiến vi, Đại thế chủ và năm trăm Thích nữ tự cạo tóc, mặc y Tăng già chi màu đỏ sẫm đi theo sau Phật chỉ cách có một đêm. Sau đó Phật đến trụ trong rừng Tương tư, Đại thế chủ lội bộ mệt nhọc, toàn thân đầy bụi bậm đến chỗ Phật đảnh lễ ngồi một bên, Thế tôn

tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho bà được lợi hỉ rồi liền im lặng. Đại thế chủ đứng dậy chắp tay bạch Phật: "Thế tôn, nếu có người nữ xuất gia trong Phật pháp, thọ Cận viên thành tựu tánh Bí-sô ni, kiên trì phạm hạnh thì có được chứng quả Sa môn thứ tư hay không?", Phật nói: "này Đại thế chủ, bà chỉ cần cạo tóc, đắp y man điều cho đến trọn đời, kiên trì tu phạm hạnh thuần nhất viên mãn, thanh tịnh vô nhiễm. Như thế cũng được thường an lạc lợi hỉ", Đại thế chủ thưa thỉnh ba lần, Phật đều không chấp thuận nên bà ra đứng ngoài cửa khóc. Cụ thọ A-nan thấy liền hỏi rõ nguyên do rồi nói: "này Cù đàm di, bà hãy đứng ở đây đợi tôi bạch Phật", A-nan liến đến chỗ Phật đảnh lễ rồi bạch Phật: "Thế tôn, nếu có người nữ xuất gia trong Phật pháp, thọ Cận viên thành tựu tánh Bí-sô ni, kiên trì phạm hạnh thì có được chứng quả Sa môn thứ tư hay không?", Phật nói được, A-nan liền nói: "nếu vậy xin Thế tôn cho người nữ được xuất gia", Phật nói: "này A-nan, thầy không nên xin cho người nữ được xuất gia trong pháp luật thiện thuyết của ta, thọ Cận viên, thành tựu tánh Bí-sô ni. Vì sao, vì nếu cho người nữ xuất gia thì chánh pháp sẽ không trụ lâu, ví như nhà nào có ít con trai, nhiều con gái thì nhà ấy sẽ bị kẻ ác phá hoại. Lại nữa, ví như nhà làm ruộng, ruộng lúa vừa chín liền bị gió sương, mưa đá làm hư hại; ví như ruộng mía đúng lúc thu hoạch thì lóng mía mắc phải bịnh đỏ nên bị hư hại; cũng

như vậy, nếu cho người nữ xuất gia, chánh pháp sẽ mau diệt tận, không được trụ lâu", A-nan bạch Phật: "Đại thế chủ có ân lớn đối với Thế tôn, khi Phật mẫu qua đời, bà đã nuôi dưỡng Thế tôn đến lớn, lẽ nào Thế tôn không từ bi nhiếp thọ hay sao?", Phật nói: "di mẫu đối với ta có ân nhưng ta cũng đã báo ân rồi. Nhờ ta nên di mẫu biết đến Tam bảo, quy y Phật pháp tăng và thọ trì năm học xứ, đối với bốn Thánh đế không còn nghi hoặc, chứng được quả Dự lưu, sẽ không còn khổ nữa và sẽ chứng Vô sanh. Ân như thế mới khó báo đến, không thể đem y thực so sánh được. Nếu thầy xin cho người nữ xuất gia thành Bí-sô ni thì ta sẽ chế định tám kỉnh pháp phải trọn đời thọ trì không được trái. Tám pháp này ví như người làm ruộng vào cuối mùa hạ đầu mùa thu, ở ngay bờ sông đắp đê chắc chắn không cho nước chảy tràn, để tưới ruộng lúa cho tùy chỗ được sung túc. Tám kỉnh pháp gồm có:

1. Bí-sô ni phải theo Bí-sô cầu xuất gia thọ Cận viên, thành tựu tánh Bí-sô ni. Bí-sô ni phải trọn đời thọ trì kỉnh pháp này không được trái.

2. Bí-sô ni phải mỗi nửa tháng theo Bí-sô cầu giáo thọ. Bí-sô ni phải trọn đời thọ trì kỉnh pháp này không được trái.

3. Bí-sô ni không được an cư ở chỗ không có Bí-sô. Bí-sô ni phải trọn đời thọ trì kỉnh pháp này không được trái.

4. Bí-sô ni không được cật vấn và cho Bí-sô ức niệm về những lỗi lầm đã có như hủy giới, kiến, oai nghi và chánh mạng. Nếu Bí-sô ni thấy Bí-sô có chỗ hủy phạm về giới, kiến, oai nghi và chánh mạng thì không được cật vấn, chê trách; nhưng Bí-sô thấy Bí-sô ni có chỗ hủy phạm thì được cật vấn, chê trách. Bí-sô ni phải trọn đời thọ trì kỉnh pháp này không được trái.

5. Bí-sô ni không được tức giận chê trách, chửi mắng Bí-sô, nhưng Bí-sô được tức giận chê trách Bí-sô ni. Bí-sô ni phải trọn đời thọ trì kỉnh pháp này không được trái.

6. Bí-sô ni tuy đã thọ Cận viên được một trăm tuổi hạ, nếu thấy Bí- sô mới thọ Cận viên cũng phải tôn trọng chắp tay nghinh đón cung kính làm lễ. Bí-sô ni phải trọn đời thọ trì kỉnh pháp này không được trái.

7. Bí-sô ni nào phạm pháp Chúng giáo (Tăng tàn) thì phải ở trong hai bộ chúng hành pháp Ma-na-đỏa trong nửa tháng. Bí-sô ni phải trọn đời thọ trì kỉnh pháp này không được trái.

8. Bí-sô ni sau ba tháng hạ an cư phải ở trong hai bộ chúng nói ba việc thấy nghe nghi để tác pháp Tùy ý. Bí-sô ni phải trọn đời thọ trì kỉnh pháp này không được trái.

-oOo-

# CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA TẠP SỰ

## QUYỂN 30

***Nhiếp tụng nội dung:***

*Cận viên theo Bí-sô,*
*Nửa tháng thỉnh giáo thọ,*
*Nương Bí-sô an cư,*
*Thấy lỗi không nên nói,*
*Không giận trách, thiếu lễ,*
*Trong hai chúng Ý hỉ (hành Ma-na-đỏa)*
*Đối Bí-sô Tùy ý (tác pháp Tự tứ)*
*Đây là tám Kỉnh pháp.*

Phật bảo A-nan: "tám kỉnh pháp đã chế này, Bí-sô ni không được trái vượt. Nếu Đại thế chủ có thể thọ trì tám kỉnh pháp này thì được xuất gia, thọ Cận viên, thành tựu tánh Bí-sô ni", tôn giả A-nan nghe rồi liền đảnh lễ Phật, trở ra ngoài gặp Đại thế chủ nói rằng: "Đại thế chủ nên biết, Thế tôn đã chấp thuận cho người nữ được xuất gia trong pháp luật thiện thuyết của Phật, thọ Cận viên, thành tựu tánh Bí-sô ni; nhưng Phật chế định tám kỉnh pháp cho Bí-sô ni trọn đời thọ trì không được trái vượt, bà

hãy lắng nghe và ghi nhớ kỹ", Đại thế chủ nói: "tôn giả cứ nói, tôi đang nhất tâm lắng nghe", tôn giả liền nói lại tám kỉnh pháp cho Đại thế chủ nghe, Đại thế chủ nghe rồi thâm tâm hoan hỉ phụng trì rồi nói với tôn giả A-nan: "Đại đức, ví như cô gái thuộc dòng quý tộc của bốn giai cấp, sau khi tắm rửa sạch sẽ, thoa dầu thơm, chải tóc, làm móng tay và mặc y phục mới đẹp, có người dùng hoa Ưu bát la… kết thành vòng hoa trao cho cô ấy, cô ấy hoan hỉ nhận rồi đặt trên đầu. Tôi cũng như vậy, dùng cả thân khẩu ý thọ trì tám kỉnh pháp này trên đầu", Đại thế chủ sau khi thọ tám kỉnh pháp liền cùng với năm trăm Thích nữ được xuất gia, thọ Cận viên, thành tựu tánh Bí-sô ni.

Lúc đó tôn giả Ưu-ba-ly bạch Phật: "như Phật đã dạy, Đại thế chủ thọ trì tám kỉnh pháp này chính là xuất gia, viên mãn giới cụ túc, thành tựu tánh Bí-sô ni. Không biết đối với những người nữ khác thì phải như thế nào?", Phật nói: "những người nữ khác phải như pháp theo thứ lớp cho xuất gia và thọ Cận viên". Lúc đó những người nữ khác không biết phải như pháp theo thứ lớp như thế nào liền bạch Phật, Phật nói: "Đại thế chủ dẫn đầu cùng năm trăm Thích nữ thọ tám kỉnh pháp chính là xuất gia, thọ Cận viên, thành tựu tánh Bí-sô ni; nhưng những người nữ khác muốn thọ Cận viên phải theo trình tự như sau: người nữ nào muốn cầu xuất gia phải đến gặp Bí-sô ni, đảnh lễ cầu xin, Bí-sô ni ấy

nên hỏi các chướng nạn, nếu thấy không có chướng nạn mới được nhiếp thọ, cho thọ tam quy và năm học xứ theo nghi thức như sau: Trước lễ tôn tượng sau lễ thầy, dạy chắp tay thưa thỉnh:

Thân giáo sư nhớ nghĩ, con tên là _____ kể từ hôm nay cho đến trọn đời xin quy y Phật đà Lưỡng túc trung tôn, quy y Đạt ma Ly dục trung tôn, quy y Tăng già chư chúng trung tôn. Thầy nên nói tốt, đáp lại là thiện. Kế truyền năm học xứ:

Thân giáo sư nhớ nghĩ, như các vị Thánh giả A-la-hán trọn đời không sát sanh, không trộm cắp, không dâm dục, không nói dối và không uống rượu. Con tên _____ kể từ hôm nay cho đến trọn đời cũng không sát sanh, không trộm cắp, không dâm dục, không nói dối và không uống rượu. Năm học xứ này con nguyện trọn đời tùy học, tùy hành và tùy thọ trì (ba lần), thầy nói tốt, đáp lại là thiện.

Duyên xứ tại thành Thất-la-phiệt, sau khi Phật cho Đại thế chủ dẫn đầu cùng năm trăm Thích nữ thọ tám kỉnh pháp chính là xuất gia, thọ Cận viên, thành tựu tánh Bí-sô ni; từ đó về sau chư ni tiếp tục cho các người nữ khác xuất gia, thọ Cận viên làm cho ni chúng được hưng thạnh. Thời gian sau, các Thượng tòa Bí-sô ni đến chỗ Đại thế chủ bạch rằng: "lành thay Thánh giả, Bí-sô ni chúng con xuất gia thọ Cận viên đã lâu, còn các Bí-sô trẻ khác xuất gia thọ Cận viên chưa bao lâu, nên khiến họ

cung kính lẫn nhau theo thứ bậc lớn nhỏ", Đại thế chủ nói: "các em hãy đợi tôi đến hỏi tôn giả A-nan việc này", nói rồi liền đến hỏi tôn giả A-nan, tôn giả nói: "Đại thế chủ xin hãy đợi tôi bạch Phật", nói rồi liền đến chỗ Phật, đảnh lễ rồi bạch Phật việc trên, Phật nói: "thầy không nên mở miệng hỏi việc này có được hay không, vì sao, vì nếu người nữ không xuất gia trong pháp luật thiện thuyết thì các trưởng giả, Bà-la-môn có tín tâm sẽ mang thức ăn ngon cúng dường cho các Bí- sô; lại có các trưởng giả, Bà-la-môn tín tâm dùng thảm mới trắng sạch trải trên đường thỉnh các Bí-sô đi trên thảm này để cho họ được lợi ích lâu dài và thường được an lạc; lại có các trưởng giả, Bà-la-môn trải tóc trên đất thỉnh các Bí-sô đi trên tóc để cho họ được lợi ích lâu dài. Nếu người nữ không xuất gia trong pháp luật thiện thuyết thì dù là ánh sáng của mặt trời mặt trăng cũng không che khuất được oai lực của các Bí-sô, huống chi lá các ngoại đạo như thây chết khác. Lại nữa nếu người nữ không xuất gia thì giáo pháp của ta sẽ được thanh tịnh, hoàn toàn không nhiễm ô đủ một ngàn năm; do người nữ xuất gia nên chánh pháp giảm còn năm trăm năm. Vì thế nên Bí-sô ni dù thọ Cận viên đã một trăm tuổi hạ vẫn phải cung kính tôn trọng làm lễ Bí-sô mới thọ Cận viên".

Duyên xứ như trên, lúc đó trong Ni chúng phát sanh những tăng sự về chúng bốn người, chúng

năm người, chúng hai mươi người nên họ tập họp cả hai bộ tăng lại; do sự vụ thêm nhiều nên làm trở ngại việc giáo thọ, đọc tụng, thiền quán của các Bí-sô. Các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "việc của hai chúng khác nhau, chỉ trừ xuất tội, thọ Cận viên và các pháp sự trong mỗi nửa tháng cần phải làm chung, các việc khác đều phải làm riêng".

Trong thành Thất-la-phiệt có một trưởng giả cưới vợ chưa bao lâu thì người vợ có thai, đủ tháng sanh ra một bé gái thì người cha qua đời, người mẹ nuôi con đến tuổi vừa lớn khôn thì cũng qua đời. Sau đó ni Thổ-la-nan-đà nhân đi khất thực đến nhà đó thấy cô gái liền hỏi thuộc về ai, đáp: "con một thân không nơi nương tựa, không thuộc về ai", lại hỏi: "vì sao không xuất gia?", đáp: "ai cho con xuất gia", ni nói: "ta sẽ cho, con hãy đi theo ta", nói rồi liền dẫn về trong trú xứ cho xuất gia. Thời gian sau vì bị phiền não lôi kéo nên cô này hoàn tục, sau đó Thổ- la-nan-đà gặp lại liền hỏi: "hiện nay con sống ra sao?", đáp: "con hiện nay sống rất khổ sở", lại hỏi: "vì sao không xuất gia lại?", đáp: "con đã hoàn tục, ai cho con xuất gia trở lại", ni nói: "ta cho", nói rồi liền dẫn về cho xuất gia lại. Khi cô này đi khất thực, các trưởng giả Bà-la-môn thấy liền chê trách: "các Thích nữ khéo làm việc thiện, lúc thì xuất gia tu phạm hạnh; lúc thì bỏ đạo, nhiễm bụi trần, hành động theo tình ý, há không phải là việc thiện hay sao?", các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch các

Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật bảo: "do ni đã hoàn tục nên mới có lỗi này, từ nay ni đã hoàn tục không cho xuất gia trở lại, nếu cho xuất gia trở lại thì bổn sư phạm tội Việt pháp"

**6. Nhiếp tụng thứ sáu trong Biệt môn thứ sáu:**

*Nhân độ Cù-đáp-di,*
*Xuất gia có năm lợi,*
*Không được trong năm chúng,*
*Việc trách mắng nên biết.*

Duyên xứ như trên, lúc đó trong thành Bà-la-nê-tư có một trưởng giả tên Cù-đáp-ma rất giàu có, cưới vợ chưa lâu liền mang hàng hóa đi đến thành Đắc xoa để buôn bán, ghé vào một nhà xin ở lại đêm, trưởng giả chủ nhà tên là Danh xưng niềm nở đón tiếp, nhân đó hai người trở nên thân thiết, Cù-đáp-ma bán hết hàng hóa mua lại hàng khác rồi trở về xứ mình. Thời gian sau, trưởng giả Danh xưng đến thành Bà-la-nê-tư buôn bán, ghé vào nhà của Cù-đáp-ma nghỉ lại đêm, Cù-đáp-ma cũng niềm nở đón tiếp, trưởng giả thành Đắc xoa nói: "làm cách gì để sau khi chúng ta qua đời, con cháu của chúng ta vẫn thân thiết không xa lìa?", Cù-đáp-ma nói: "lành thay, từ nay chúng ta chỉ bụng kết thân, hai nhà chúng ta nếu sanh nam nữ thì kết thông gia với nhau", Đắc xoa nói: "ý tôi cũng như vậy", Đắc xoa bán hết hàng của mình mua lại hàng hóa khác rồi

trở về xứ mình. Thời gian sau vợ ông có thai, đủ ngày tháng sanh được một trai, đủ hai mươi mốt ngày mở tiệc ăn mừng và đặt tên cho con là Du phương. Cù-đáp-ma nghe biết tin này vui mừng suy nghĩ: "nhà trưởng giả Đắc xoa sanh con trai thì nhà ta nên sanh con gái, cậu bé kia là rễ, ta nên gởi y phục và chuỗi anh lạc", nghĩ rồi liền gửi y vật và thư sang chúc mừng. Không bao lâu sau, vợ của Cù-đáp-ma có thai, đủ ngày tháng sanh được một gái, tuy xinh đẹp nhưng rất ốm gầy nên sau hai mươi mốt ngày mở tiệc ăn mừng, đặt tên cho con gái là Cù-đáp- ma gầy. Đắc xoa nghe tin này liền suy nghĩ: "nhà Cù-đáp-ma sanh con gái, cô bé ấy sẽ là con dâu, ta nên gửi y phục và anh lạc để chúc mừng", nghĩ rồi liền gửi y vật và thư sang chúc mừng, Cù-đáp-ma hồi âm nói: "trước đây đã hứa kết thân, nay được toại nguyện, đợi khi chúng nên người sẽ tính chuyện hôn nhân". Thời gian sau, khi con gái vừa đến tuổi cập kê, Cù-đáp-ma liền cho con đi học, Đắc xoa cũng cho con trai học thông các kỹ nghệ. Do trước kia trưởng giả có qua lại với một dâm nữ nên gửi con đến chỗ dâm nữ để học âm thư. Học được một thời gian, Du phương muốn trở về nhà, dâm nữ nói: "con hãy học cho giỏi đã, chớ vội về nhà", đáp là đã học giỏi nay nhớ nhà muốn về, dâm nữ lén gói bột đá đỏ ướt trong bọc vải rồi nói: "Nếu con nhất quyết về thì ta sẽ tự đập bể đầu chết", Du phương nghe vậy nên ở lại, dâm

nữ nói: "đứa con ngu si, con nói là đã học giỏi âm thư sao lại không biết, lẽ nào ta tự đập bể đầu chết vì con của người khác hay sao. Ta đã gói bột đá đỏ ướt trong bọc vải định để trên đầu đè cho chảy nước đỏ ra, người thấy cho đó là máu chảy. Con thật vô trí, chưa thể nói về nhà được". Không bao lâu sau, Du phương lại muốn về nhà, dâm nữ nói: "nếu con nhất quyết đi thì ta sẽ nhảy xuống giếng chết", Du phương nghe vậy nên ở lại, dâm nữ nói: "đưa con ngu si, con nói là đã học giỏi âm thư sao lại không biết, lẽ nào ta lại nhảy xuống giếng chết vì con của người khác hay sao. Ta đã đặt dưới đáy giếng một tấm nệm cỏ dày, khi nhảy xuống người thấy cho là chết. Con thật vô trí chưa thể nói về nhà được". Thời gian sau, Du phương lại muốn về nhà, dâm nữ nói: "con đã ba phen đòi về, vậy hãy đợi ta nấu cháo sữa, ăn xong rồi về", khi cháo nấu chín, bà đổ cháo ra mâm đồng, thêm nhiều bơ mật rồi ngồi ăn hết, sau đó ói trở ra mâm đồng rồi bảo Du phương ăn, đáp: "thức ăn đã ói làm sao ăn được", dâm nữ liền khóc lớn, hàng xóm nghe tiếng khóc chạy đến hỏi rõ nguyên do rồi hỏi Du phương vì sao không chịu ăn cháo, đáp như trên, dâm nữ đấm ngực khóc nói: "có ai lại bảo người khác ăn thức ăn đã ói ra không chứ?", mọi người nghe nói vậy liền bắt ép Du phương ăn, bị bức bách Du phương định ăn, dâm nữ liền kéo tay ra rồi tát vào mặt mắng rằng: "đứa con ngu si, tự nói là đã học giỏi

âm thư, tại sao chính mắt thấy ói thức ăn ra mà còn ăn hả?", nói rồi liền đuổi đi không ép ở lại nữa. Du phương trở về nhà làm thương chủ cùng năm trăm thương nhân khác mang nhiều hàng hóa từ miền nam đến miền trung của đất nước, dần dần đến thành Bà-la-nê-tư. Thường tình thì các thương nhân khi qua lại mua bán đều cùng dâm nữ tư thông, nhưng đoàn thương nhân này do thường nghe thương chủ nói việc nhàm lìa nữ sắc nên không vào nhà dâm nữ, các dâm nữ nói với nhau: "trước đây các thương nhân phần nhiều đều ghé chỗ chúng ta, nhưng nay lại ly dục không thèm đến", một người nói: "tôi nghe nói thương chủ giỏi âm thư nên nhàm lìa nữ sắc, khiến các thương nhân khác cũng không đến chỗ chúng ta", một dâm nữ lớn tuổi nghe rồi liền hỏi: "hắn có phải là đàn ông không?", đáp là phải, dâm nữ này nói: "nếu con gái ta dụ hoặc được hắn thì các cô phải bầu con ta làm trưởng", các dâm nữ nói: "nếu dụ được thì chúng tôi sẽ lập làm trưởng, nếu không được thì sao?", dâm nữ này nói: "ta sẽ đưa cho các cô năm trăm tiền vàng", các dâm nữ chấp thuận. Bà ta liền hỏi thuê nhà bên cạnh nhà của thương chủ chứa hàng hóa, cũng cất chứa nhiều hàng hóa giống như thương chủ. Khi gia nhân của thương chủ đến kho hàng, bà liền hỏi thăm, đáp là gia nhân của thương chủ, bà nói: "con ta cũng là thương chủ đã mang hàng hóa đến phương khác bán rồi, nếu không như

vậy thì đã cầu cạnh thương chủ của anh rồi. Từ nay anh cần gì cứ đến nhà ta tùy ý lấy", từ đó trở đi gia nhân này thường đến nhà bà lấy vật lạ mang về, thương chủ thấy liền hỏi lấy từ đâu, liền đem việc trên kể lại, thương chủ nghe rồi liền có cảm tình với bà ta nên nói với gia nhân: "bà ấy đã cúng cấp những vật là như thế cho ta thì ta cũng coi như là mẹ ta", gia nhân nghe rồi sau đó đến nói lại, bà ta nghe rồi liền nói: "chừng nào tôi có thể gặp được thương chủ?", đáp: "đợi tôi báo lại", thương chủ nghe rồi liền vui vẻ đi đến kho hàng của bà ta để gặp mặt, bà niềm nở đón tiếp hỏi tên rồi nói: "con ta cũng đồng tên với thương chủ, vậy thương chủ khác gì là con ta, từ nay cứ lui tới nhà ta đừng ngại", nói rồi liền bảo con gái ra chào hỏi anh trai. Thương chủ vừa nhìn thấy cô gái có dung mạo hiếm có trên đời liền sanh tâm luyến ái, ngất ngây không biết phải làm gì, giây lâu mới tỉnh rồi hỏi bà mẹ: "cô ấy đã thuộc về ai chưa?", đáp là chưa, liền nói: "nếu vậy, xin mẹ gả cho con", bà mẹ nói: "nếu ta muốn nó phục vụ cho con thì sẽ không gả cho người khác, nhưng ta chỉ sợ con ưa thích nhất thời, chán rồi sẽ vất bỏ", đáp: "nếu mẹ gả cho con thì con quyết sẽ không vất bỏ", bà mẹ nói: "nếu vậy tài vật mà con đã có hãy đưa sang nhà mẹ, mẹ mới tin con không thay đổi". Thương chủ chấp thuận liền chuyển tài vật đã có sáng nhà bà mẹ, bà liền đưa ra cửa sau chuyển đi hết, sau khi chuyển xong

liền nói với bà mẹ chọn ngày tốt thành thân, bà liền báo cho các dâm nữ biết ngày đến dự đám cưới. Đến ngày cưới, thương chủ thấy lạ vì sao chỉ toàn khách đàn bà không có đàn ông, bà mẹ nói khách nam chưa đến, lúc đó có một cô nói nhỏ vào tai thương chủ: "anh không biết chúng tôi đều la dâm nữ hay sao?", thương chủ nghe rồi liền biết là bị dâm nữ gạt. Sau nhiều ngày ở chung với nhau, dâm nữ bảo thương chủ đưa tiền, thương chủ nói: "tài vật mà ta đã có đều đưa hết qua nhà em rồi, lấy đâu nữa mà đưa", dâm nữ im lặng. Sau đó đợi khi thương chủ say rượu ngủ mê liền lấy dây trói bó lại quăng ra ngoài đường. Sáng hôm sau tỉnh rượu nhìn thấy thân mình như vậy liền hối hận rơi nước mắt, sau đó vì đói nên tìm chỗ cần người xin làm thuê. Lúc đó trưởng giả Cù-đáp-ma xây nhà mới cần nhiều người làm thuê nên đi tìm người, khi gọi đến Du phương, trưởng giả nhìn thấy tướng người yếu ớt nên nói: "ta xem tướng người này chưa từng làm việc, hãy tìm người khác", Du phương vậy liền rơi nước mắt nhìn chăm chăm trưởng giả, trưởng giả ngạc nhiên hỏi: "cậu là con nhà ai, từ đâu đến đây, tên họ là gì?", đáp: "cha ơi, con là người phương Bắc ở thành Đắc xoa tên là Du phương. Con vì duyên trời nên đến đây, nhưng không biết đường đi, lại gặp phải khổ nạn này", trưởng giả nghe rồi liền hỏi: "cậu ở thành Đắc xoa, vậy có nghe biết trưởng giả Danh xưng hay không?", đáp:

"cha ơi, vị ấy chính là cha ruột của con", trưởng giả nghe rồi liền biết là cựu thân nên đồng lòng thương xót nói: "con đừng buồn rầu, hãy ở đây làm con rể của ta". Du phương nghe rồi không còn buồn rầu nữa, trưởng giả liền cung cấp cho y phục, vật trang sức, thức ăn uống và phòng ở với tất cả vật cần dùng không thiếu thứ gì. Sau đó trưởng giả bảo vợ lo liệu mọi thứ cho con gái và chon ngày tốt để chuẩn bị làm hôn lễ, Du phương nói: "thưa cha, con chưa thể thành thân được, xin đợi con tìm lại tài vật và hàng hóa đã bị mất", trưởng giả nói: "tài vật đã có trong nhà ta, con cứ tùy ý thọ dụng, cần gì phải tìm lại?", đáp: "con muốn lo liệu đây đủ nghi lễ để cưới vợ, không thể như kẻ phàm tục tùy nghi cưới vợ", trưởng giả giả nghe rồi im lặng. Du phương muốn báo thù dâm nữ kia trước khi cưới vợ nên nói như thế, khi ra ngoài thành du ngoạn bỗng thấy trong con sông lớn có tử thi trôi theo dòng nước, trên bờ có con quạ muốn ăn thịt tử thi nhưng đưa mỏ không tới, nó liền dùng chân kẹp chiếc đũa chà xát trên mỏ làm cho mỏ dài ra để mổ ăn thịt tử thi, ăn xong nó lại đưa đũa lên mỏ chà xát làm cho mỏ ngắn lại như cũ, Du phương thấy việc này rồi liền nhặt lấy chiếc đũa mang về. Sau đó anh mang năm trăm tiền vàng đến chỗ dâm nữ nói: "trước đây ta hết tiền nên bị quăng ra đường, nay đã có tiền nàng hãy cùng ta vui thú", dâm nữ thấy có tiền liền chấp thuận, Du phương

được dịp thuận tiện liền đưa chiếc đũa cọ xát vào mũi của dâm nữ làm cho nó dài ra khoảng mười tầm. Dâm nữ kinh sợ mời hết các thầy thuốc đến chữa trị nhưng không ai có thể làm cho mũi của cô trở lại như cũ. Dâm nữ kinh sợ cầu khẩn Du phương: "xin chàng từ bi tha thứ lỗi cũ, đừng nghĩ việc trả thù, xin hãy chữa trị cho em", Du phương nói: "phải giao ước trả lại hết tài vật đã lấy của ta trước đây rồi ta mới chữa trị", dâm nữ nói: "nếu em không làm đúng như lời giao ước thì em sẽ đền gấp bội, trước mặt mọi người em không dám dối trá", Du phương liền đưa chiếc đũa cọ vào mũi dâm nữ khiến cho nó trở lại như cũ, dâm nữ liền đem trả lại hết tài vật đã đoạt lấy trước đây. Du phương nhận lại tài vật mang về rồi tổ chức hôn lễ thật lớn, Cù-đáp-ma cho hai vợ chồng Du phương căn nhà ngoài thành và những thôn thuộc nơi ấy. Không bao lâu sau người vợ có thai, khi gần ngày sanh cô nói với chồng: "em muốn trở về nhà để nhờ mẹ chăm sóc khi sanh", người chồng chấp thuận, sau đó cô sanh được một trai, không bao lâu sau lại có thai và cũng như lần trước muốn trở về nhà mẹ để sanh con. Lần này cô đi cùng chồng và con, giữa đường người chồng xuống xe đến bên gốc cây nằm ngủ, không may bị rắn độc rắn mà qua đời. Người vợ ở trong xe lại sanh một bé trai, sanh xong xuống xe đến bên gốc cây nói cho chồng biết, nhưng gọi mãi không thấy nói gì, mới biết là chồng đã chết,

cô gào khóc thảm thiết. Lúc đó có kẻ trộm thừa dịp trộm lấy con bò để lại chiếc xe, cô nhìn quanh không thấy ai, trong lòng đau buồn bồng hai con trở về quê cũ. Tới bên bờ sông, lúc đó trời mưa nước sông dâng cao không thể lội qua bờ kia được, cô suy nghĩ: "nếu mang cả hai con cùng lội qua thì sợ ba mẹ con không an toàn", nghĩ rồi cô liền để đứa lớn lại, bồng đứa nhỏ qua để bên bờ kia; trong khi cô đang lội trở qua để bồng đứa lớn thì nghe tiếng đứa nhỏ khóc, quay lại nhìn thì thấy một con sói đi tới cắn lấy đứa nhỏ, cô la lớn lên. Đứa lớn bên bờ này tưởng mẹ kêu lội qua nên bước xuống sông và bị nước lớn cuốn trôi mất. Khi người mẹ trở lên bờ chạy theo con sói giành lại được đứa con nhỏ thì nó đã qua đời, người mẹ đau buồn khóc lớn rồi thả con xuống sông thì thấy xác đứa con lớn trôi đến, cho là còn sống nên vớt lên nhưng nó cũng đã chết. Người mẹ đau buồn vừa đi vừa gào khóc trở về quê nhà. Lúc đó cha mẹ quyến thuộc ở quê nhà lại bị sét đánh chết, chỉ còn có một nô tỳ sống sót, khi nhìn thấy Cù-đáp-di gầy về đến, nô tỳ này liền chạy nhanh đến báo tin, Cù-đáp-di nghe rồi đau khổ không tự kiềm chế được nên gào khóc nói kệ:

*"Ta ở trong đời trước,*
*Đã tạo nghiệp ác gì,*
*Mà chồng con, cha mẹ,*
*Quyến thuộc đồng thời chết.*
*Ta là kẻ bạc phước,*

*Lang thang đi một mình,*
*Thân tộc đều tan nát,*
*Không còn muốn sống nữa.*
*Thà ở trong rừng núi,*
*Nơi đồng trống không người,*
*Ngày đêm càng ưu sầu".*

Cù-đáp-di lang thang đi mãi, cuối cùng đến trước nha trong một thôn, thấy có một bà già đang ngồi se sợi Kiếp bối liền xin ở tạm, bà già chấp thuận, Cù-đáp-di đến ngồi se sợi giúp bà già. Có một thợ dệt trẻ thường mua sợi của bà già, hôm đó thấy bà mang sợi mịn đến liền hỏi: "vì sao hôm nay sợi mịn như thế?", đáp là không phải ta làm, lại hỏi ai làm, bà già kể lại việc trên, thợ dệt nghe rồi nói: "mẹ ơi con chỉ có một mình, mẹ cho cô ấy sang đây, con sẽ cung cấp y thực đầy đủ", đáp: "để ta hỏi ý cô ấy như thế nào rồi sẽ báo lại", thợ dệt liền trả giá cao và đưa thêm hương hoa cho bà mang về. Cù-đáp-di thấy vậy liền hỏi nguyên do, bà già kể lại việc trên và nói: "thợ dệt ấy chưa có vợ, nếu con bằng lòng sống chung thì y thực sẽ không lo thiếu thốn", đáp: "xin mẹ đừng nói nữa, chuyện chồng con con đã chán ngán rồi, chỉ mong sống qua ngày, không mong gì hơn", bà già nói: "người nữ không nơi nương tựa thì khó được giúp đỡ, con hãy tìm nơi an thân". Sau đó bà già nói đủ cách, cuối cùng thuyết phục được Cù-đáp-di cải giá, thợ dệt liền đem lễ vật đến rước về nhà mình, nhưng

thợ dệt này tánh tình nóng nảy hung bạo nên cô thường bị đánh khổ sở. Khi gặp lại bà già cô than trách: "vì sao lại gả tôi cho một Dược xoa như vậy khiến tôi phải khổ sở, tôi biết làm sao đây", đáp: "con chớ lo buồn, nếu con có con trai, con sẽ được yêu mến và tài sản sẽ thuộc về con". Không bao lâu sau cô có thai và người chồng không hành hạ nữa, cô nhân đó sanh kiêu mạn khiến cho người chồng tức giận trong lòng. Sau đó, người chồng đi dự tiệc uống rượu say trở về nhà gõ cửa, người vợ đang lúc sắp sanh không thể ra mở cửa được, người chồng đứng ở ngoài càng thêm tức giận trong lòng. Sau khi sanh con xong, người vợ mới ra mở cửa và báo cho chồng biết, người chồng nghe rồi suy nghĩ: "khi đang có thai đã sanh kiêu mạn, nay đã sanh con trai lại càng kiêu mạn thêm, nếu ta không giết thì sau ắt sẽ thành kẻ thù", nghĩ rồi liền bảo vợ bắc chảo dầu lên bếp, khi chảo dầu sôi liền bảo người vợ bỏ đứa con vào chảo, người vợ kinh sợ van xin, người chồng tức giận đánh đập, người vợ mới sanh nên không thể chịu nổi sự đánh đập này nên đành phải bỏ con vào chảo dầu sôi. Khi đứa con bị nấu chín rồi, người chồng lại bảo vợ ăn thịt con, người vợ nói: "làm sao tôi có thể ăn thịt con mình?", người chồng lại đánh đập, người vợ chịu không nổi nên phải ăn thịt con mình. Như Phật đã dạy:

*"Nhiễm dục là lỗi nhỏ,*
*Người ngu cũng trừ được,*

*Sân si là họa lớn,*
*Người trí nên xa lìa".*

Sau đó hết giận, người chồng hối hận đứng ngồi không yên, trong lòng như lửa đốt, do buồn phiền mệt mỏi nên ngủ quên. Người vợ nhân dịp này liền chạy trốn ra ngoài thành, xin tháp tùng theo đoàn thương nhân để trở về lại quê mình. Thương chủ thấy cô xinh đẹp nên sanh yêu mến hỏi: "nàng thuộc về ai và định đi đâu?", cô kể lại việc của mình rồi nói: "bây giờ tôi không nơi nương tựa, chưa biết về đâu", thương chủ nghe rồi liền thu nhận làm vợ, không may trên đường đi gặp bọn cướp giết chết thương chủ và đoạt hết tài vật, chúa giặc thấy cô xinh đẹp nên lấy làm vợ. Sau đó, vua phương Bắc đem quân thảo trừ giặc cướp, thấy cô xinh đẹp nên đưa về làm đại phu nhân. Không bao lâu sau vua băng hà, theo quốc pháp nếu vua chết, phi hậu đều phải bị chôn theo trong một lăng. Trộm phá lăng để lấy báu vật, Cù-đáp-di ở trong lăng bị bụi đất rơi xuống đầu mặt nên nhảy mũi, trộm nghe tiếng nhảy mũi cho là quỷ nên sợ hãi bỏ chạy tứ tán. Cù-đáp-di noi theo lỗ đào của kẻ trộm mà ra ngoài, sau khi ra khỏi lăng hoang mang nhìn khắp nơi, không biết phải đi đâu, đau buồn chồng chất lại thêm đói khát nên cô trở nên điên dại, lộ hình lang thang đi mãi dần dần đến rừng Thệ đa ở thành Thất- la-phiệt. Như Phật đã dạy: "nghiệp báo của chúng sanh là bất khả tư nghì, nghiệp đã tạo

phải tự chịu quả báo, quả báo ác chịu hết rồi thì quả báo thiện mới sanh". Lúc đó Phật đang thuyết diệu pháp cho đại chúng, Cù-đáp-di từ xa thấy Phật có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm thân, ánh sáng bao quanh trên đảnh rộng một tầm sáng rỡ như trăm ngàn mặt trời. Do nhìn thấy Phật nên cô được trở lại bản tâm, nhìn lại thân mình liền cảm thấy xấu hổ ngồi bẹp xuống đất. Thường pháp của chư Phật là khởi tâm đại từ bi làm lợi ích chúng sanh, trụ trong chánh quán, không nói hai lời, dựa trên định huệ hiển phát ba minh, thành tựu ba học, điều phục hoàn toàn ba nghiệp, vượt qua bốn Bộc lưu, an trụ nơi bốn Thần túc, thường tu bốn nhiếp hạnh, xả trừ năm triền cái, đầy đủ năm chi, năm lực, viên mãn sáu độ, bố thí khắp tất cả bằng bảy Thánh tài, nở hoa bảy giác ngộ, chỉ bày tám chi Thánh đạo, xa lìa tám nạn, đoạn dứt hẳn chín kết, phương tiện thiện xảo tùy ý nhập Cửu định, đủ mười Lực, danh vang khắp mười phương, tự tại vô úy, hàng phục ma oán, cất tiếng sấm lớn, rống lên tiếng rống của sư tử, ngày đêm ba thời thường dùng Phật nhãn quán sát chúng sanh: trí huệ tùy chuyển của ai tăng, của ai giảm; ai gặp khổ nạn, ai bức bách, ai bị bức bách; ai xuống nẻo ác, ai lên đường lành, ai một bề thú hướng, ai còn mang gánh nặng. Nên dùng phương tiện gì để cứu độ chúng sanh ra khỏi đường ác, vào cõi trời người và được giải thoát; người chưa tu

thiện căn khiến tu tập thiện căn, người đã tu thiện căn chưa thành thục khiến cho được thành thục, đã thành thục rồi khiến được giải thoát. Như kệ tụng:

*"Cho dù hải triều lớn,*
*Cũng có khi trễ hạn,*
*Đối với người đáng độ,*
*Phật liền độ, không bỏ.*
*Đối với các hữu tình,*
*Phật từ bi thương tưởng,*
*Nghĩ cứu họ thoát khổ,*
*Như bò mẹ theo con".*

Lúc đó Phật bảo A-nan lấy thượng y đem ra đưa cho Cù-đáp-di rồi dẫn vào cho nghe pháp, A-nan làm theo lời Phật dạy rồi đưa Cù-đáp- di đến chỗ Phật đảnh lễ rồi ngồi một bên, Phật quán biết căn tánh tùy miên của Cù-đáp-di, nói pháp Tứ đế khiến cho được khai ngộ và chứng quả Dự lưu. Sau khi chứng quả, cô đứng dậy chắp tay bạch Phật: "Thế tôn, xin cho con được ở trong thiện pháp luật xuất gia thọ giới cụ túc, thành tánh Bí-sô ni, tu tập phạm hạnh", Phật chấp thuận và bảo Đại thế chủ cho Cù-đáp-di xuất gia, thọ Cận viên. Cô được như pháp giáo giới, chuyên tâm học tập Tỳ-nại-da, quán biết năm đường luân hồi không ngừng, các hành vô thường rồi sẽ hoại diệt, đoạn trừ các phiền não, chứng A-la-hán, ba minh, sáu thông, đủ tám giải thoát, được như thật tri: sanh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, việc nên làm đã làm xong, không còn

thọ thân sau. Tâm không chướng ngại như tay nắm hư không, như dao cắt mùi thơm, yêu ghét không khởi, xem vàng và đất như nhau không khác, tất cả danh lợi đều xả bỏ, Thích Phạm chư thiên thảy đều cung kính. Lúc đó Phật bảo các Bí-sô: "trong các Bí-sô ni Thanh văn, Cù- đáp-di gầy là bậc trì luật đệ nhất", các ni khác ở trong chúng nghe Phật thọ ký như vậy liền đến nghe Cù-đáp-di thuyết pháp, cô giảng thuyết về nhân duyên nghiệp báo của chính mình, các ni này nghe rồi nói lại cho các Bí-sô biết. Một hôm Cù-đáp-di đến đảnh lễ Phật, các Bí-sô rĩ tai nói cho nhau biết về nghiệp duyên của Cù-đáp-di; sau khi Cù-đáp- di ra về, Phật tuy biết nhưng vẫn hỏi A-nan: "các Bí-sô rĩ tai nói những gì?", A-nan bạch Phật, Phật nói: "nghiệp báo của chúng sanh là bất tư nghì, thế gian đều do nghiệp lực mà thọ lấy quả báo, do nghiệp lực mà sanh, do nghiệp lực mà trụ; tất cả chúng sanh đều tùy theo nghiệp thiện ác mà thọ lấy quả báo", lúc đó các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn, Cù-đáp-di gầy đời trước đã tạo nghiệp gì mà nay chồng bị rắn cắn chết, một đứa con bị sói hại chết, một đứa bị chết trôi, cha mẹ thân thuộc đều bị sét đánh chết, bản thân lại ăn thịt con mình, loạn tâm điên đảo lang thang đi khắp nơi. Lại do tạo nghiệp gì mà được gặp Phật cho xuất gia, thọ Cận viên, đoạn trừ phiền não chứng quả A-la-hán, được Phật thọ ký là bậc trì luật đệ nhất trong Ni chúng?", Phật nói:

"Này các Bí-sô, nếu người nào đã tạo nghiệp thiện ác, không phải địa thủy hỏa phong ở ngoài giới mới khiến người kia thọ báo, mà đều ở trong uẩn xứ giới của tự thân chiêu cảm quả dị thục... Các thầy lắng nghe:

Thuở xưa, tại tụ lạc nọ có một trưởng giả rất giàu có, tuy cưới vợ đã lâu nhưng không có con, ông lo buồn suy nghĩ: "ta có nhiều tài sản nhưng không có người thừa kế, sau khi qua đời ắt sẽ bị quan tịch thu hết", người vợ thấy chồng buồn hỏi rõ nguyên do rồi suy nghĩ: "không biết do chồng ta nghiệp mỏng hay là do ta vô phước nên không có con. Há chẳng phải chồng ta thay lòng muốn tìm vợ khác nên mới có dáng vẻ buồn rầu ở trước ta như thế. Ta nên tự nói trước thì hơn", nghĩ rồi liền nói với chồng: "chắc là do em tạo nghiệp bất thiện nên mới không có con, anh nên cưới thêm vợ hai để sanh con cho anh", người chồng nói: "há em không nghe nhà nào có hai vợ thì muốn kiếm nước để uống cũng khó, trong nhà lại hay có tranh cãi hay sao?", người vợ nói: "anh cứ cưới thêm vợ hai, nếu bằng tuổi em thì em sẽ xem như em gái, nếu nhỏ tuổi hơn em nhiều thì em sẽ xem như con gái", người chồng nghe nói vậy liền tìm thêm vợ hai. Trong tụ lạc cũng có một trưởng giả, người vợ sanh được một gái hai trai, khi cô con gái trưởng thành thì cha mẹ đều qua đời. Trưởng giả này nghe biết liền đến gặp hai người em hỏi cưới cô chị, hai

người em chấp thuận, ông liền đưa sính lễ đến đón rước người chị về nhà. Thường tình hễ có mới thì nới cũ, người chồng có vợ hai liền quên người vợ chánh; người vợ chánh trước đó có bịnh nên không thể sanh con, nay do sanh tâm đố kỵ nên hết bịnh và có thai, bà liền báo cho chồng biết, người chồng nói: "nếu em sanh rai thì sau khi ta qua đời, nó sẽ thừa kế sản nghiệp của ta", vợ chánh nói: "nếu người vợ hai không bỏ độc làm cho em sảy thai thì anh hãy nhớ làm theo lời đã nói", người chồng nói: "trước đây ta có nói với nàng, nhà nào có hai vợ ắt sẽ tranh cãi nhau không ngừng, nay chưa gì mà em đã nói ra lời ấy", vợ chánh im lặng. Đủ ngày tháng bà sanh trai liền suy nghĩ: "đứa bé này nhờ trời mà được sanh ra, sợ bị người vợ hai làm hại. Ta nên đưa nó cho cô ta nuôi", nghĩ rồi liền nói với người vợ hai: "chị đưa đứa con này cho em nuôi, nó là con chung của hai chúng ta", người vợ hai nhận lời nuôi dưỡng. Thời gian sau, người vợ hai bỗng sanh ý ác suy nghĩ: "nó không phải con ruột của ta, khi nó trưởng thành, mẹ nó là đại phu nhân, nó là gia trưởng thì ta sẽ là nô bộc. Ta cần gì nuôi dưỡng, nên giết nó chết trước thì hơn", nghĩ rồi liền dùng dầm tre dâm vào cổ họng của đứa bé. Nó đau đớn nên khóc to lên, người mẹ ruột hỏi vì sao nó khóc thì đáp là không biết. Người mẹ ruột vỗ về nó lại càng khóc to hơn, bà vạch miệng nó ra thì thấy có dầm tre liền đưa tay vào cổ họng nó để móc ra, đứa

bé đau đớn không chịu nổi nên qua đời, người mẹ ruột đấm ngực kêu khóc thảm thiết. Quyến thuộc kéo đến hỏi nguyên do, bà nói: "con tôi bị người mẹ hai ganh ghét đã dùng dầm tre dâm vào cổ họng của nó, nó đau đớn chịu không nổi nên qua đời", quyến thuộc gạn hỏi người mẹ hai: "trẻ con vô tội, vì sao lai nở giết hại như vậy?", người vợ hai liền thề thốt: "nếu tôi có tâm đố kỵ mà giết đứa trẻ này thì đời sau chồng tôi bị rắn cắn chết, một đứa con bị sói hại chết, một đứa bị chết trôi, cha mẹ thân thuộc đều bị sét đánh chết, bản thân tôi lại ăn thịt con mình, loạn tâm điên đảo lang thang đi khắp nơi".

Phật bảo các Bí-sô: "người vợ hai của trưởng giả thuở xưa nay chính là Cù-đáp-di gầy, do trong quá khứ thề độc nên nay phải chịu quả báo này. Lại nữa này các Bí-sô, vào thời Phật Ca-diếp-ba, ni Cù-đáp-di này xuất gia trong giáo pháp của đức Phật ấy, tu phạm hạnh trọn đời mà không được chứng quả. Thân giáo sư của ni này được đức Phật ấy thọ ký là người trì luật bậc nhất nên khi lâm chung ni Cù-đáp-di này phát nguyện: nguyện ở đời vị lai lúc con người thọ một trăm tuổi, có Phật Thích ca mâu ni ra đời đầy đủ mười hiệu hiệu, con sẽ được xuất gia trong giáo pháp của vị Phật ấy, đoạn trừ phiền não chứng quả A-la- hán và giống như Thân giáo sư của con, cũng được đức Phật ấy thọ ký là bậc trì luật đệ nhất.

Này các Bí-sô, do nguyện lực xưa kia nên nay ni Cù-đáp-di được quả báo này". Lúc đó các Bí-sô lại có nghi thỉnh hỏi Phật: "cha mẹ của ni Cù-đáp-di đời trước đã tạo nghiệp gì mà nay lại bị sét đánh chết, người chồng tạo nghiệp gì mà bị rắn cắn chết, hai đứa con đã tạo nghiệp gì mà lại bị sói hại và bị nước cuốn trôi?", Phật nói: "do nghiệp mà họ đã tạo nay đã thành thục nên phải chịu quả báo này. Các thầy lắng nghe:

Quá khứ Hiền kiếp, lúc con người thọ hai vạn tuổi có Phật Ca- diếp-ba ra đời đầy đủ mười hiệu, trụ trong vườn Thi lộc, chỗ Tiên nhơn đọa xứ thuộc thành Bà-la-nê-tư. Trong thành này có một trưởng giả rất giàu có, ông làm một trú xứ bên bờ sông gần thành cho Tứ phương tăng đến ở. Lúc đó trưởng giả đưa tài vật cho một người trong thôn kinh doanh mua bán, người này nhận tài vật đến ba lần nhưng lần nào cũng làm cho tài vật tiêu tán hết. Trưởng giả liền quở trách: "người thật là vô trí, vì sao ba lần đưa tài vật đều làm cho tiêu tán hết, nếu ngươi không trả lại thì ta sẽ không cho người về", đáp: "xin trưởng giả hoan hỉ đưa tài vật thêm một lần nữa, nếu lần này không thể trả lại hết thì vợ chồng và cả hai con tôi đều sẽ làm nô tỳ để đáp trả", trưởng giả nghe rồi liền đưa tài vật thêm lần nữa, không ngờ lần này cũng làm cho tiêu tán. Như lời đã giao ước, trưởng giả đưa cả gia đình bốn người vào làm tịnh nhơn cho chùa nhưng họ vẫn ở

trong thành, hằng ngày họ qua sông đến trong chùa lo việc cơm nước cho Tăng. Một hôm gặp trời mưa lớn, nước sông dâng cao nên gia đình họ không qua sông được, vị Tri sự trong Tăng là một A-la-hán thấy họ không đến chùa nên sau đó qua sông đến gặp họ trách rằng: "vì sao hôm nay lại không đến chùa lo việc cơm nước, khiến cho chúng Tăng trễ mất bữa ăn", cha mẹ họ nghe trách liền tức giận nói: "trời mưa nước sông dâng cao, ông không thấy hay sao mà còn sang đây trách cứ, sao sét không đánh ông chết cho rồi", người chồng cũng tức giận nói: "sao ông không bị rắn cắn chết cho rồi", một đứa con nói: "sao ông không bị chết trôi cho rồi", đứa con kia nói: "sao ông không bị chó sói hại cho rồi".

Phật bảo các Bí-sô: "gia đình tịnh nhơn thuở xưa chính là gia đình của Cù-đáp-di ngày nay. Do trong quá khứ họ nói lời thô ác với tâm độc hại đối với vị A-la-hán nên nay mắc quả báo này. Này các Bí-sô, hễ tạo nghiệp thuần đen thì cảm quả báo dị thục thuần đen; tạo nghiệp thuần trắng thì cảm quả báo dị thục thuần trắng; tạo nghiệp xen tạp thì được quả báo xen tạp, các thầy nên bỏ nghiệp thuần đen và nghiệp xen tạp, phải siêng tu tập nghiệp trắng, chớ có buông lung", nghe Phật dạy rồi, các Bí-sô đều hoan hỉ tín thọ phụng hành.

Duyên xứ như trên, lúc đó các Thích tử vô tội bị kẻ ngu si Ác sanh tàn sát, các Thích nữ đau buồn

vì thân thuộc đã bị tàn sát nên đều xuất gia trong pháp luật thiện thuyết của Phật. Sau khi xuất gia, nỗi đau buồn của họ cũng giảm dần nhưng sau đó lại bị lửa dục phiền não bức bách. Như Phật đã nói rắn độc có năm lỗi là nhiều tức giận, kết hận, oán thù, vô ân và ác độc; người nữ cũng có năm lỗi như vậy, người nữ ác độc chính là có tâm dục nhiễm. Các Thích nữ này liền đến chỗ ni Thổ-la-nan-đà đảnh lễ rồi ngồi một bên bạch rằng: "Thánh giả, tâm dục nhiễm thật khó ngăn chận, thường xúc não chúng tôi, không biết phải làm sao?", đáp: "các cô còn trẻ đẹp, hãy xả học xứ tìm một thương nhân trẻ tuổi nào đó có tài sản, sau khi cùng họ hoan lạc thì tâm dục nhiễm sẽ không còn. Nếu tôi còn trẻ, tôi sẽ cùng đi với các cô", họ nghe rồi liền từ giã trở về và nói với nhau: "ni Thổ-la-nan-đà nói như vậy thì chúng ta phải làm thế nào", một người nói: "ni Thổ-la-nan-đà nói cũng đúng", một người nói: "người nữ được xuất gia trong thiện pháp luật của Phật là khó, chúng ta nên đến hỏi ý thánh giả Cù-đáp-di", nói rồi cùng đi đến chỗ Cù-đáp-di gầy, đảnh lễ rồi ngồi một bên bạch rằng: "Thánh giả, tâm dục nhiễm thật khó ngăn chận, thường xúc não chúng tôi, không biết phải làm sao?", đáp: "các cô chớ nói đến dục nhiễm, vì sao, vì vị ngọt của nó thì ít mà nguy hiểm thì nhiều. Như Phật đã day, người trí biết năm lỗi của dục nhiễm thì không nên làm, đó là:

1. Quán sát vị ngọt của dục thì ít mà lỗi thì nhiều, thương có các khổ.

2. Khi hành dục thường bị trói buộc.

3. Người làm việc dâm dục không biết nhàm chán.

4. Người làm việc dâm dục không việc ác nào mà không làm.

5. Đối với các cảnh dục, Phật và các Hiền thánh Thanh văn đều dùng vô số phương tiện nói về lỗi lầm của dục, vì thế người trí không làm việc dâm dục.

Lại nữa, người trí thấy năm điều lợi nên cầu xuất gia trong thiện pháp luật: một là ta được tự lợi, người khác không có; hai là tự biết mình thuộc giai cấp hạ tiện bị người sai khiến, sau khi xuất gia trở lại được họ cung kính tán thán, lễ bái cúng dường; ba là sẽ chứng được Niết-bàn vô thượng; bốn là sau khi qua đời sẽ được sanh lên cõi trời; năm là thường được chư Phật, chúng Thanh văn và các bậc thắng nhân khen ngợi. Các cô nên quán năm lợi ích thù thắng này mà quyết tâm cắt bỏ lưới tục để cầu công đức lớn. Các cô muốn nghe những tội lỗi đời trước của tôi hay là phiền não của đời này khi tôi sống theo dục nhiễm?", đáp: "xin nói về việc hiện tại", ni Cù-đáp-di liền tự thuật lại đời mình, các ni này nghe rồi liền dựng cả tóc gáy. Lúc đó Cù-đáp-di quán biết căn tánh tùy miên của họ

nói pháp Tứ đế khiến cho họ được khai ngộ và chứng quả Dự lưu. Sau khi chứng quả, họ bạch rằng: "Thánh giả, suýt chút nữa, chúng tôi bị ni Thổ-la-nan-đà đẩy xuống bùn dục, trầm luân mãi trong sanh tử", nói rồi liền kể lại việc trên, Cù-đáp-di nghe rồi liền nói: "vị ấy là người ác hạnh làm tổn hoại Phật pháp, biết làm thế nào". Các Bí- sô ni thiểu dục tri túc nghe biết việc này liền chê trách: "tại sao Bí-sô ni lại xúi bảo người khác xả học xứ để hoan lạc với người tục?", liền đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Bí-sô ni không được xúi bảo người khác xả học xứ, khuyên họ hoàn tục. Nếu ai làm thế thì phạm Tốt-thổ-la để".

Duyên xứ như trên, lúc đó có một Bí-sô ni trách mắng Bí-sô, Bí-sô xấu hổ nên im lặng, các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "Bí-sô ni không được trách mắng Bí-sô, nếu ai làm trái thì phạm tội Việt pháp. Bí-sô ni cũng không được trách mắng Bí-sô ni, Chánh học nữ, Cầu tịch và Cầu tịch nữ. Ba chúng dưới phải cúi đầu nghe, không được trách mắng năm chúng, nếu làm trái thì phạm tội Việt pháp".

-oOo-

# CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA TẠP SỰ

## QUYỂN 31

### 7. Nhiếp tụng thứ bảy trong Biệt môn thứ sáu:

Ni không được đi trước, Thấy Tăng đứng dậy chào, Bạch tăng ngồi bán già, Hoàn tục, không gạn hỏi.

Duyên xứ như trên, lúc đó tại trú xứ Đông lâm của Lộc tử mẫu, tôn giả Đại Ca-diếp sáng sớm đắp y mang bát vào thành khất thực, ni Thổ-la-nan-đà cũng vào thành khất thực vừa thấy tôn giả Đại Ca-diếp liền suy nghĩ: "ta nên trị kẻ ngu này", nghĩ rồi hễ thấy tôn giả đến nhà nào liền đi đến nhà ấy trước, đứng sau cánh cửa ngõ đợi tôn giả đến liền nói: "Thánh giả xin hãy đi qua vì nhà này chưa có thức ăn nấu chín", tôn giả nghe rồi liền đi qua. Cứ như thế lần lượt trải qua nhiều nhà đều nghe nói như vậy nên tôn giả lấy làm ngạc nhiên. Dù là bậc A-la-hán nhưng nếu không quán sát thì không biết được, tôn giả liền nhập định quán sát, liền biết là ni Thổ-la-nan-đà xúc não mình nên nói với ni rằng:

"cô không có lỗi, lỗi là do nơi cụ thọ A-nan đã gắng gượng xin Thế tôn cho hạng phụ nữ ác hạnh như cô xuất gia và cho thọ Cận viên". Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "do Bí-sô ni đi trước Bí-sô khất thực nên có lỗi này, từ nay Bí-sô ni không được đi trước Bí-sô khất thực". Sau đó các Bí-sô ni không dám đi trước nên khất thực khó được, bạch Bí-sô, Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "nếu gặp Bí-sô khất thực thì Bí-sô ni đi tránh qua chỗ khác".

Duyên xứ như trên, lúc đó Bí-sô ni Thổ-la-nan-đà đang thuyết pháp cho đại chúng, bỗng thấy tôn giả Đại Ca-diếp đi đến, đại chúng đều đứng lên chỉ có ni Thổ-la-nan-đà vẫn ngồi yên. Đại chúng nói: "tôn giả Đại Ca-diếp là bậc mà trời người đều cung kính, thấy tôn giả đến chúng tôi đều đứng dậy, chỉ riêng Thánh giả vẫn ngồi yên là không tốt", đáp: "thầy ấy vốn là môn đồ của ngoại đạo rất ngu độn đến đây xuất gia, ta là Thích nữ xuất gia theo Phật, thông suốt ba tạng, thuyết pháp hay, khế hợp cân lý, hỏi đáp lưu loát, vì sao thấy thầy ấy đến ta phải đứng dậy", đại chúng nghe rồi đều chê trách. Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "các trưởng giả Bà-la-môn chê trách đúng, từ nay Bí-sô ni thấy Bí-sô đến phải đứng dậy, ai làm trái thì phạm tội Việt pháp". Sau đó Bí-sô ni Liên hoa sắc đang thuyết pháp cho đại chúng, tôn giả A-nan nhân đi khất thực ghe qua trú xứ của ni, Liên hoa

sắc thấy tôn giả đến liền đứng dậy chào, A-nan đến tòa ngồi rồi hỏi đang thuyết pháp gì, đáp là đang thuyết kinh ---, tôn giả liền nói nghĩa lý của kinh ấy cho đại chúng nghe, Liên hoa sắc đứng một bên nhất tâm lắng nghe. Vì mãi mê thuyết pháp nên tôn giả không bảo Bí-sô ni ngồi, Liên hoa sắc vì đứng lâu mỏi mệt lại thêm bị nắng chiếu vào người nên ngất ngã xuống đất. Người không có tín tâm thấy vậy liền chê trách: "tôi nghe Bí-sô ni Liên hoa sắc không còn dục nhiễm, vậy mà nay thấy tôn giả tướng mạo đoan nghiêm nên sanh niệm khác, bị lửa dục đốt tâm nên mới ngất ngã xuống đất", các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "các trưởng giả Bà-la-môn chê trách đúng, từ nay khi Bí-sô đến chỗ Bí-sô ni thuyết pháp nên bảo họ ngồi. Nếu Bí-sô thuyết pháp mà quên bảo ngồi thì Bí-sô ni nên bạch rồi tùy chỗ mà ngồi".

Duyên xứ như trên, lúc đó Phật bảo các Bí-sô: "nay ta nói thí dụ, nhờ thí dụ này các thầy có thể hiểu nghĩa, hãy lắng nghe: nói mặt trời mọc là ý nói Như lai ra đời như mặt trời mọc chiếu ra ánh sáng rực rỡ; nói chim chóc hót vang là ý nói người thuyết pháp phải cân nhắc nghĩa lý; nói nông phu canh tác là ý nói đàn na tín thí gieo trồng thiện căn trên ruộng phước trí của các đệ tử ta; nói giặc đều tứ tán là ý nói ma quân và ngoại đạo đều chạy trốn. Như vậy này các Bí-sô, Như lai đại sư đối với các đệ tử Thanh văn điều gì nên làm thì bảo nên làm,

đều là phát xuất từ tâm từ bi thương xót muốn làm cho được lợi ích. Việc nên làm ta đã làm xong, điều mà các thầy nên làm là hãy tự hành trì, nên xa lìa nơi ồn náo, ở nơi yên tĩnh hoặc ở dưới gốc cây trong rừng, hoặc trong phòng, hoặc trên sườn núi hoặc trong hang động, hoặc trong bãi tha ma, trong rừng thây chết, tùy nghi dùng ngọa cụ lót thân để chuyên tu thiền quán, chớ có buông lung mà sau này hối hận. Đây là lời giáo giới của ta", các Bí-sô vâng lời Phật dạy đến những nơi ấy để nhất tâm thiền quán. Lúc đó các Bí-sô ni cũng đến trong rừng cây, tùy nghi dùng ngọa cụ lót thân rồi kiết già thiền định tư duy, bị trùng chui vào trong đường tiểu tiện làm cho đau đớn, bạch Phật, Phật nói: "Bí-sô ni không nên ngồi kiết già, chỉ nên ngồi bán già".

Duyên xứ như trên, lúc đó cụ thọ Ưu-ba-ly bạch Phật: "Thế tôn, nếu Bí-sô ni xả giới hoàn tục rồi cầu xuất gia lại thì có được xuất gia và thọ Cận viên không?", Phật nói: "Bí-sô ni đã xả giới hoàn tục thì không được xuất gia lại".

Duyên xứ như trên, cụ thọ Ưu-ba-ly bạch Phật: "Thế tôn trước đây đã chế ngăn Bí-sô ni không được gạn hỏi lỗi lầm của Bí-sô về phá giới, phá kiến, phá oai nghi và phá chánh mạng. Có trường hợp nào Bí- sô ni được gạn hỏi như thế hay không?", Phật nói: "không có trường hợp nào Bí-sô ni được gạn hỏi lỗi lầm của Bí-sô".

**8. Nhiếp tụng thứ tám trong Biệt môn thứ sáu:**

*Được cho thức ăn dư,*
*Và được cho lẫn nhau,*
*Không được hỏi việc kín,*
*Ni thọ giới được ngồi.*

Duyên xứ như trên, lúc đó có một trưởng giả rất giàu có, cưới vợ đã lâu nhưng không có con, về sai tài sản bị tiêu tán hết nên ông nói với vợ: "nay ta đã già không thể kiếm ra tiền, ta muốn đến trong rừng Thệ đa cầu xuất gia", vợ nói: "nếu ông xuất gia thì tôi cũng xuất gia", người chồng liền cùng vợ đi đến chỗ Đại thế chủ, đảnh lễ rồi bạch rằng: "Thánh giả, đây là vợ con muốn được xuất gia trong pháp luật thiện thuyết, xin Thánh giả thương xót nhiếp thọ. Con cũng đến trong rừng Thệ đa cầu xuất gia", đáp: "vợ chồng ông nếu có thể phát được tâm thắng diệu này mà cùng xuất gia thì như Phật nói xuất gia có năm lợi thù thắng… Hãy đến đây ta sẽ cho xuất gia", nói rồi liền cho người vợ kia xuất gia, người chồng cũng đi đến trong rừng Thệ đa cầu xuất gia. Lúc đó trong thành nghe biết việc này rồi liền nói với nhau: "trưởng giả có phước nên nay đã xuất gia", nói rồi đem nhiều tài vật đến cúng dường. Sau đó Bí-sô này khi vào thành khất thực gặp lại người vợ cũ nay là Bí-sô ni cũng đang khất thực, liền hỏi thăm nếp sống như thế nào, đáp: "hiện nay thời thế mất mùa đói kém nên khất thực

khó được, rất khổ cực", Bí-sô nói: "tôi được cúng dường nhiều thức ăn uống, nếu Phật khai cho thì tôi sẽ chia cho Bí-sô ni một nửa", Bí-sô ni trở về trú xứ đem việc này bạch lại Ni chúng, Ni chúng bạch các Bí-sô, Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "nếu Bí-sô thấy Bí-sô ni trong thời buổi mất mùa đói kém khất thực khó được như vậy thì nên chia sớt cho họ". Sau đó Bí-sô kia thường sớt bớt nửa phần ăn cho Bí-sô ni và Bí-sô ni ấy thường đến nhận, một hôm do khất thực được thức ăn nên không đến, Bí-sô thấy không đến nên hôm sau không sớt để dành cho, Bí-sô ni đến nhận thì không có thức ăn, Bí-sô nói: "hôm qua cô không đến lấy nên nay tôi không sớt để dành, tuy cũng có thức ăn nhưng đã là thức ăn cách đêm ác xúc, không thể thọ dụng được". Phật nói: "thức ăn cách đêm của Bí- sô, Bí-sô ni được thọ dụng; thức ăn cách đêm của Bí-sô ni, Bí-sô cũng được thọ dụng".

Duyên xứ như trên, lúc đó có Bí-sô ở trong Tăng hỏi Bí-sô ni về việc kín thuộc giới không đồng với Tăng, ni xấu hổ cúi đầu. Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "Bí-sô không nên hỏi Bí- sô ni về việc kín, Bí-sô ni được hỏi Bí-sô ni. Bí-sô nào làm trái thì phạm tội Việt pháp". sau đó lại có Bí-sô hỏi về việc kín thuộc đồng giới với Tăng, ni cũng xấu hổ cúi đầu. Phật nói: "nên bảo ni khác hỏi ni này, sau khi ni này phát lồ rồi, ni kia sẽ bạch lại Bí-sô, do không đối diện

nói nên ít bị xấu hổ".

Duyên xứ như trên, lúc đó cụ thọ Xá-lợi-phất sau khi truyền thọ Cận viên cho Bí-sô ni rồi nói kệ:

*"Người trong pháp tối thắng,*
*Đầy đủ thọ Thi la,*
*Chí tâm thường phụng trì,*
*Khó được thân không chướng,*
*Thân đoan nghiêm xuất gia,*
*Thanh tịnh thọ Cận viên,*
*Nói ra lời chân thật,*
*Đấng chánh giác đều biết".*

Nói xong liền bảo Bí-sô ni đi ra, lúc đó do ngồi lâu nên nguyệt kỳ xuất ra, ni này xấu hổ không dám đứng dậy. Tôn giả quán biết việc này rồi liền đứng dậy bỏ đi. Ni khác trách ni này: "vì sao cô vừa thọ Cận viên, chưa rời khỏi đàn tràng đã xúc não Thân giáo sư, bảo đi ra lại không tuân theo vậy?", đáp: "vị ấy là bậc đại nhân đã quán biết việc xấu của em, vì em ngồi xổm quá lâu nên nguyệt kỳ xuất ra, vì thế em không dám đứng dậy". Phật nói: "từ nay, khi truyền thọ Cận viên cho ni chớ để họ ngồi xổm, nên bảo ngồi trên nệm nhỏ hay trên tòa cỏ vì thân ni yếu đuối".

**9. Nhiếp tụng thứ chín trong Biệt môn thứ sáu:**

*Bí-sô dư ngọa cụ,*
*Nên cho Bí-sô ni,*

*Ni không đạp cầu ván,*
*Không dùng vật bó thân.*

Duyên xứ như trên, lúc đó Đại thế chủ cùng năm trăm ni du hóa trong nhân gian, khi đến rừng Thệ đa thì trời sụp tối, Đại thế chủ nói: "trời đã sụp tối không thể vào thành kịp, chúng ta nên tùy nghi nghỉ đêm, chờ đến sáng mới vào thành", nói rồi cùng ngủ ngoài đất trống nên y phục đều bị dơ. Sáng hôm sau, họ suy nghĩ: "nếu bây giờ không đến đảnh lễ đại sư thì vào thành rồi cũng phải trở lại", nghĩ rồi nên đến đảnh lễ Phật, Phật thấy y phục của họ đều bị dơ, tuy biết nhưng vẫn hỏi Đại thế chủ nguyên do, Đại thế chủ đem việc trên bạch Phật, Phật bảo A-nan: "ngọa cụ dư của Bí-sô có đưa cho chư ni không?", đáp là không đưa, Phật nói: "từ nay ngọa cụ dư mà Bí-sô đã thọ dụng rồi nên đưa cho Bí-sô ni". Sau đó các Bí-sô đưa cho ni ngọa cụ tốt, giữ lại ngọa cụ xấu; Phật nói: "nên giữ lại ngọa cụ tốt, đưa cho Bí-sô ni ngọa cụ thô xấu; nếu cần thức ăn cũng nên đưa cho".

Duyên xứ như trên, lúc đó cụ thọ Đại Ca-diếp đắp y mang bát vào thành khất thực, ni Thổ-la-nan-đà trên đường trở về trú xứ, thấy tôn giả đang đi trên cầu ván để qua sông, cô liền suy nghĩ: "hãy trị kẻ ngu này", nghĩ rồi liền bước lên cầu dùng sức đạp ván khiến cho rớt xuống sông, tôn giả rơi xuống sông ướt hết y phục, bát và tích trượng bị nước cuốn trôi. Tôn giả nói: "cô không có lỗi, lỗi

là do nơi cụ thọ A-nan đã gắng gượng xin Thế tôn cho hạng phụ nữ ác hạnh như cô xuất gia và cho thọ Cận viên", các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "do Bí-sô ni nên có lỗi này, từ nay Bí-sô ni không được đi chung trên cầu với Bí-sô, ai làm trái thì phạm tội Việt pháp". Sau đó các Bí-sô ni gặp cầu lớn vững chắc cũng không dám đi chung, Phật nói: "nếu cầu lớn vững chắc thì đi chung không phạm".

Duyên xứ như trên, lúc đó ni Thổ la-nan-đà sáng sớm đắp y mang bát vào thành khất thực, theo thứ lớp đến chỗ phu nhân Thắng man, phu nhân chào hỏi thiện lai rồi mời ngồi. Thổ la-nan-đà hỏi: "phu nhân làm thế nào mà mông to eo nhỏ?", đáp: "Thánh giả cần gì hỏi việc này, tôi chỉ dùng vật bó eo lại nên mông to ra, muốn cho vui lòng vua", Thổ la-nan-đà nói: "vì vậy nên vua mới yêu mến", Thắng man im lặng. Thổ la-nan-đà trở về trú xứ cũng dùng vật bó eo, các ni thấy liền nói: "ni đâu nên dùng vật phi pháp này", bạch Bí-sô, Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "vật phi pháp này ai dùng thì phạm tội Việt pháp".

Duyên xứ như trên, ni Thổ la-nan-đà thấy ngực phu nhân tròn đầy nên hỏi như trước, phu nhân nói: "nhờ mặc áo nịt ngực", Thổ la-nan-đà trở về trú xứ cũng dùng vật này, Phật nói: "không được dùng, ai dùng thì phạm tội Việt pháp".

**10. Nhiếp tụng thứ mười trong Biệt môn thứ sáu:**

*Không làm văng nước dơ,*
*Không đem bỏ thai chết,*
*Không nuốt tinh bất tịnh,*
*Được tiếp xúc con mình.*

Duyên xứ như trên, lúc đó ni Thổ-la-nan-đà vào thành khất thực thấy tôn giả Đại Ca-diếp cũng khất thực và đang đi bên cạnh vũng nước, cô liền cầm cục đá lớn ném vào vũng nước làm cho nước dơ văng lên dính y của tôn giả. Tôn giả nói: "cô không có lỗi, lỗi là do nơi cụ thọ A-nan đã gắng gượng xin Thế tôn cho hạng phụ nữ ác hạnh như cô xuất gia và cho thọ Cận viên", các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "Bí-sô ni không được làm văng nước dơ làm dơ y Bí-sô, ai làm thì phạm tội Việt pháp".

Duyên xứ như trên, lúc đó có một trưởng giả giàu có, cưới vợ chưa bao lâu liền mang hàng hóa đến phương khác mua bán, người vợ ở nhà do tâm dục hừng thạnh nên tư thông với người ngoài có thai, thai được vài tháng cô liền suy nghĩ: "ta nên phá thai, nếu không phá thì ngày trở về chồng sẽ giết ta", nghĩ rồi liền uống thuốc trục thai, sau đó không biết đem bỏ ở đâu nên buồn rầu lo lắng. Vừa lúc đó ni Thổ-la-nan-đà đến nhà khất thực, người vợ ở trong nhà nói: "Thánh giả hãy đi đi, tôi đang buồn khổ nên không thể đưa thức ăn cho cô được",

ni này liền hỏi rõ nguyên do rồi nói: "nếu ta đem bỏ giúp cho cô thì cô có thể thường xuyên cúng thức ăn cho ta không?", đáp là sẽ cúng, lại hỏi: "có cúng luôn cho thị giả và tri sự của ta không?", đáp là sẽ cúng hết. Ni này đựng thai chết trong cái bát lớn rồi đem đến chỗ vắng để vất bỏ, không ngờ nơi đó lại có nhóm thanh niên đang tụ tập, trông thấy liền hỏi muốn làm gì, ni đáp: "là do đàn ông vô lại các người tư thông với vợ của người nên có tội lỗi này rồi nhờ ta vất bỏ", nhóm thanh niên này nghe vậy liền trách mắng rồi bỏ đi, trên đường gặp các ni khác liền nói: "ni Thổ-la- nan-đà đang làm nghiệp ác là vất bỏ thai nhi", các ni im lặng rồi đem việc này bạch Bí-sô, Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "do ni dùng bát lớn nên có lỗi này, ni Thổ-la-nan-đà đã làm trái hạnh Sa môn, từ nay Bí-sô ni không được làm việc phi pháp như thế và không được dùng bát lớn. Ai làm trái thì phạm tội Việt pháp ". Lúc đó các ni không biết nên dùng bát cỡ nào, Phật nói: "bát nhỏ của Bí-sô là bát lớn của Bí-sô ni".

Duyên xứ như trên, lúc đó ni Cấp đa sau khi nuốt tinh bất tịnh vào miệng và để vào hạ căn, do nghiệp báo của chúng sanh bất tư nghì nên cô có thai và sanh ra đồng tử Ca nhiếp ba. Sanh xong cô không dám bồng bế nên đứa trẻ khóc lớn, mọi người hỏi nguyên do, ni khác nói: "Phật chế không được tiếp xúc với nam giới nên cô ấy không dám ẵm bồng", mọi người nói: "Thế tôn đại bi ắt sẽ khai

cho ẵm bồng, nếu mẹ không ẵm bồng thì nó làm sao sống", ni bạch Bí-sô, Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "được ẵm bồng con mình để nuôi dưỡng thì không có lỗi". Sau đó các ni chuyền tay nhau ẵm bồng đứa bé khiến cho nó gầy ốm, Phật nói: "Bí-sô ni không được ẵm bồng con nhỏ của người khác, ai làm trái thì phạm tội Việt pháp".

## VII. TỔNG NHIẾP TỤNG BIỆT MÔN THỨ BẢY:

*Ni Cấp đa, không ở,*
*Tăng khước kỳ, nhị hình,*
*Âm đạo nhỏ, yết ma,*
*Bán rượu, ni chuyển căn,*
*Ngoài chùa, không dùng xương,*
*Tụng thứ bảy nên biết.*

### 1. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ bảy:

*Cấp đa ngủ với con,*
*Dược xoa thành Vương xá,*
*Cho trẻ, vải quàng cổ,*
*Kêu tên và cho ăn.*

Duyên xứ như trên, do Phật chế ni không được ngủ cùng phòng với người nam nên ban đêm ni Cấp đa đưa con ra ngủ ở bên ngoài khiến nó khóc lớn. Mọi người hỏi rõ nguyên do rồi nói: "Thế tôn đại bi ắt sẽ khai cho ngủ với con nhỏ, nếu nó không ngủ chung với mẹ thì sẽ bịnh", bạch Phật, Phật nói:

"ni Cấp đa nên theo Ni tăng xin yết ma được ngủ đêm cùng phòng với con. Tác pháp xin như sau: trải tòa, đánh kiền chùy, sau khi Ni chúng tập họp, ni Cấp đa chắp tay quỳ trước Thượng tòa ni bạch:

Đại đức ni tăng lắng nghe, con là Bí-sô ni Cấp đa sanh con trai, muốn ngủ đêm cùng phòng với con. Nay theo Ni tăng xin yết ma được ngủ đêm cùng phòng với con, cúi xin Ni tăng cho con được ngủ đêm cùng phòng với con. Xin thương xót (ba lần).

Ni tăng bảo Cấp đa đến chỗ chỉ thấy không nghe rồi sai một Bí-sô ni tác bạch nhị yết ma cho như sau: Đại đức ni tăng lắng nghe, Bí-sô ni Cấp đa này sanh con trai, nay theo Ni tăng xin yết ma được ngủ đêm cùng phòng với con. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, nay Tăng tác yết ma cho Cấp đa được ngủ đêm cùng phòng với con. Bạch như vậy.

Đại đức ni tăng lắng nghe, Bí-sô ni Cấp đa này sanh con trai, nay theo Ni tăng xin yết ma được ngủ đêm cùng phòng với con. Nay Tăng tác yết ma cho Cấp đa được ngủ đêm cùng phòng với con, vị nào chấp thuận cho Cấp đa được ngủ đêm cùng phòng với con thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Tăng đã chấp thuận cho Cấp đa được ngủ đêm cùng phòng với con xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Sau khi được Tăng yết ma cho rồi thì được ngủ đêm cùng phòng với con không phạm". Lúc đó bạn của Cấp đa cũng ngủ chung phòng, Phật nói: "Ni có con được ngủ với con mình, ni khác thì không được, nếu ngủ thì phạm tội Việt pháp". Thời gian sau con đã lớn, Cấp đa vẫn ngủ chung phòng, các ni bạch Bí-sô, Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "nếu con đã lớn thì không được ngủ chung phòng".

Phật tại Trúc lâm thành Vương xá, lúc đó có thần Dược xoa tên Sa đa ở bên sườn núi trong thành này, nhờ vị thần này ủng hộ nên từ vua cho đến dân trong nước đều được an lạc, mưa thuận gió hòa, ruộng lúa được mùa, thức ăn dễ được; do nhân duyên này nên các Sa môn, Bà-la- môn… từ các nơi khác đều đến nước này. Lúc đó tại nước Kiện-đà-la ở phương Bắc cũng có một Dược xoa tên là Bán-già-la thưởng ủng hộ nước này làm cho được an lạc và thịnh vượng, không khác gì nước Ma-kiệt-đà. Dược xoa Bán-già-la lấy vợ đồng loại, Dược xoa Sa đa cũng lấy vợ thuộc đồng loại, nhân dự đại hội do Dược xoa phương khác tổ chức, hai Dược xoa này gặp nhau, do mến mộ nhau nên kết làm bạn thân. Khi từ biệt nhau để trở về trú xứ, Dược xoa Sa đa gửi biếu Dược xoa Bán-già-la hoa quả thơm ngon ở nước Ma-kiệt-đà; Dược xoa Bán-già-la cũng gửi biếu lại hoa quả thơm ngon ở phương Bắc. Nhiều lần như vậy nên thân tình ngày càng tốt đẹp hơn, một hôm sau khi gặp lại nhau,

Dược xoa Sa đa nói: "làm cách gì để sau khi chúng ta qua đời, con cháu của chúng ta vẫn thân thiết không xa lìa?", Bán-già-la nói: "lành thay, từ nay chúng ta chỉ bụng kết thân, hai nhà chúng ta nếu sanh nam nữ thì kết thông gia với nhau", Sa đa nói: "ý tôi cũng như vậy". Không bao lâu sau vợ của Sa đa có thai, đủ tháng sanh một gái rất xinh đẹp, quyến thuộc đều vui mừng nên đặt tên cho con là Hoan hỉ. Bán-già-la nghe tin vui mừng suy nghĩ: "vợ Sa đa đã sanh con gái thì vợ ta nên sanh trai, ta nên gửi y phục và chuỗi ngọc cho con dâu của ta", nghĩ rồi liền y phục và chuỗi ngọc cùng thư sang chúc mừng. Không bao lâu sau đó, vợ của Bán-già-la cũng mang thai, đủ tháng sanh một trai đặt tên là Bán chi ca. Sa đa nghe tin suy nghĩ: "vợ của bạn ta đã sanh trai, ta nên gửi y phục và chuỗi ngọc cho con rễ ta", nghĩ rồi liền gửi y phục và chuỗi ngọc cùng thư sang chúc mừng. Bán-già-la hồi âm viết: "trước đây đã hứa kết thân, nay đã toại nguyện, đợi khi chúng lớn khôn sẽ tính chuyện hôn nhân". Sau đó vợ của Sa Đa-lại có thai, lúc đó các núi phát ra tiếng vang như voi rống, đến khi đủ tháng sanh ra, núi cũng phát ra tiếng vang nên được đặt tên là Sa đa sơn. Đến khi hai chị em trưởng thành thì Sa đa qua đời, người em trai lên làm gia chủ, người chị nói: "chị muốn đến trong thành Vương xá bắt trẻ con mới sanh ăn thịt", người em nói: "cha chúng ta khi còn sống đã thường ủng hộ cho người trong

nước này được an lạc, không có buồn khổ, nay chúng ta nên nối tiếp hộ trì, nếu có kẻ khác đến làm hại, chúng ta còn phải ngăn cản họ, sao chị lại sanh niệm ác này, hãy bỏ niệm ác này đi". Do lực của lời nguyền ác đời trước nên không bao lâu sau đó người chị lại nói với em như lần trước. Người em biết ý chị đã quyết nên suy nghĩ: "sức ta không thể ngăn được niệm ác này của chị, nhưng cha khi còn sống đã hứa gả chị, ta nên thực hiện lời hứa này", nghĩ rồi liền gửi thư cho Dược xoa Bán-già-la nhắc lại việc kết thân. Dược xoa Bán-già-la liền đưa nhiều lễ vật đến để rước dâu, về sống với chồng được một thời gian, Hoan hỉ liền nói với chồng: "em muốn đến trong thành Vương xá bắt trẻ con mới sanh ăn thịt", người chồng nói: "đó là trú xứ mà gia tộc em hộ trì, nếu kẻ khác đến làm hại còn phải ngăn cản, sao em lại muốn làm việc tàn bạo này, đừng nói như thế nữa", người vợ trong lòng không vui nhưng im lặng. Thời gian sau Hoan hỉ lần lượt sanh năm trăm con trai, đứa út tên là Yêu thương, Hoan hỉ lại khởi niệm ác như trước, người chồng khuyên can không được, biết vợ đã quyết ý nên không nói nữa. Hoan hỉ liền vào trong thành Vương xá lần lượt bắt các trẻ mới sanh ăn thịt, dân trong thành mất con liền đem việc này tâu vua, vua ra lịnh quân binh canh gác hộ vệ khắp nơi trong thành, sáng ra quân binh cũng bị bắt mất vài người, cho đến phụ nữ có thai cũng bị bắt, không biết đi

đâu, nỗi kinh hoàng lan khắp trong thành Vương xá. Quần thần đem việc này tâu vua, vua kinh sợ triệu bốc sư đến hỏi, đáp: "nạn khủng bố này là do Dược xoa gây ra, nên lo liệu đầy đủ thức ăn thơm ngon cúng tế", vua nghe theo lời bốc sư, ra lịnh dân trong thành thành tâm cúng tế; tuy đã cúng tế như vậy nhưng tai họa vẫn không hết, họ lo buồn khổ não không biết phải làm sao. Lúc đó thiên thần thủ hộ thành Vương xá báo mộng cho họ biết là do nữ Dược xoa Hoan hỉ gây ra họa này, chỉ có Thế tôn mới có thể trừ diệt được. Mọi người nói: "nữ Dược xoa này ăn thịt con cháu chúng ta phải gọi là ác tặc, sao lại gọi là Hoan hỉ", nhân đó họ gọi là nữ Dược xoa Ha lị để. Sau đó họ đến chỗ Phật đảnh lễ rồi chắp tay bạch Phật: "Thế tôn, nữ Dược xoa Ha lị để đã làm việc bất lợi cho dân chúng trong thành Vương xá, tất cả trẻ con mới sanh đều bị nó bắt ăn thịt. Trước đây chúng con không có niệm ác với nó, nhưng nó lại có tâm độc hại với chúng con, cúi xin Thế tôn thương xót điều phục nữ Dược xoa này", Phật im lặng nhận lời, biết Phật đã nhận lời, họ đảnh lễ Phật rồi ra về. Sáng hôm sau, Phật đắp y mang bát vào thành khất thực, sau khi thọ thực xong Phật đi đến chỗ ở của nữ Dược xoa, Ha lị để đi vắng, Phật liền dùng cái bát úp lên đứa con út tên Yêu thương, do thần lực của Phật nên em thấy anh mà anh không thấy được em. Khi về đến nhà, Ha lị để tìm không thấy Yêu thương đâu, hỏi các

con thì chúng đều đáp là không thấy. Nữ Dược xoa này đau khổ, mê loạn chạy khắp nơi trong thành Vương xá tìm kiếm vẫn không tìm được; liền chạy khắp bốn phương trong châu Thiệm bộ cũng không thấy; chạy đến các cõi Tây Câu da ni, Đông Tỳ đề ha, Bắc Cu lô châu cũng không tìm thấy; chạy xuống các địa ngục như Đẳng hoạt, Hắc thằng… cũng tìm không thấy; chạy lên các cõi trời như cõi trời Tứ thiên vương, cõi trời Đao lợi… muốn vào trong cung Tối thắng của vua trời Đế thích liền bị thần Kim cương và vô lượng Dược xoa ở đó đuổi ra. Cuối cùng bà đến chỗ thiên vương Đa văn gào khóc, thiên vương nói: "chị không nên đau khổ gào khóc như vậy, chị hãy xem lại gần chỗ chị, ai thường qua lại chỗ ấy?", đáp: "thấy có Sa môn Kiều- đáp-ma thường náu lại nơi đó", thiên vương nói: "nếu vậy, chị nên đến quy y Thế tôn thì có thể gặp lại con của chị". Dược xoa nghe rồi vui mừng trở về trú xứ, đi đến chỗ Phật, từ xa thấy Phật có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm thân, ánh sáng bao quanh trên đảnh rộng một tầm sáng rỡ như trăm ngàn mặt trời, tâm liền sanh kính ngưỡng không còn buồn khổ nữa. Bà đến đảnh lễ Phật rồi ngồi một bên bạch Phật: "con biệt ly với bé Yêu thương đã lâu, cúi xin Thế tôn cho con được gặp", Phật hỏi: "ngươi có bao nhiêu đứa con?", đáp là năm trăm, Phật nói: "ngươi có năm trăm con, mất đi một đứa thì có gì là khổ", Ha lị để

nói: "Thế tôn, nếu hôm nay con gặp bé Yêu thương thì con sẽ hộc máu mà chết", Phật nói: "có đến năm trăm con, không thấy một đứa mà khổ đến như vậy, huống chi dân chúng trong thành này, họ chỉ có một đứa con, ngươi bắt ăn thịt thì họ còn khổ đến mức nào", Ha lị để nói: "họ còn khổ hơn con gấp bội", Phật nói: "ngươi đã biết nỗi khổ ái biệt ly, sao lại ăn thịt con mới sanh của họ. Nếu người chịu thọ Phật giới, từ nay đem lại an ổn cho dân chúng thành Vương xá thì ngay nơi chỗ ngồi, ngươi sẽ gặp lại bé Yêu thương", Ha lị để nói: "con xin tuân theo lời Phật dạy, từ nay sẽ đem lại an ổn cho dân chúng trong thành Vương xá", Phật nghe rồi liền làm cho Ha lị để được gặp lại con. Sau khi Ha lị để quy y thọ Phật giới, dân chúng trong thành Vương xá được an ổn không còn lo buồn nữa, Ha lị để bạch Phật: "thọ Tam quy ngũ giới rồi từ nay con và các con ăn gì?", Phật nói: "ngươi không phải lo, các đệ tử Thanh văn trong châu Thiệm bộ mỗi khi ăn đều có thí thực cho chúng sanh. Ở cuối chỗ thọ thực có để một mâm thức ăn, các đệ tử ta sẽ gọi tên ngươi và các con khiến cho được no đủ, không bị khổ về đói khát; không những vậy, các đệ tử ta còn vận tâm đến các chúng sanh khác và các quỷ thần ở sông núi biển trong hiện tại đều được no đủ. Lại nữa, này Ha lị để, từ nay cho đến khi nào giáo pháp của ta chưa diệt hết thì ngươi và các con phải thường ủng hộ trú xứ của Tăng ni khắp trong châu

Thiệm bộ, khiến cho không bị tổn hai và được an lạc", Ha lị để nghe Phật dạy rồi cùng các con và chúng Dược xoa có mặt đều hoan hỉ phụng hành. Lúc đó các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "Ha lị để đời trước đã tạo nghiệp gì mà sanh năm trăm con, lại hút tinh khí của người và ăn thịt trẻ con mới sanh trong thành Vương xá?", Phật nói: "nghiệp mà nữ Dược xoa này và dân chúng trong thành Vương xá đã tạo nay phải chịu quả báo. Các thầy lắng nghe:

Quá khứ trong thành Vương xá, có người chăn bò cưới vợ chưa bao lâu thì vợ có thai. Thuở đó không có Phật, chỉ có Phật Bích chi ra đời thích nơi tịch tĩnh, thọ dụng ngọa cụ tùy nghi, thường thương xót người nghèo khổ, là phước điền bậc nhất. Khi vị này du hành đến trong thành Vương xá, lúc đó có năm trăm người tụ họp trong vườn hoa mở tiệc vui chơi, họ thấy vợ của người chăn bò đang bưng bình sữa lạc liền kêu gọi: "cô hãy đến cùng vui chơi nhảy múa với chúng tôi", vợ của người chăn bò sanh tâm tham muốn liền đến cùng vui chơi nhảy múa với họ và đổi sữa lạc lấy trái câu thơm ngon. Sau đó do quá mệt nhọc nên bị sẩy thai nên ngồi buồn rầu, bỗng thấy vị Độc giác từ xa đi đến với oai nghi tịch tĩnh, liền sanh tâm kính ngưỡng, đảnh lễ và dâng cúng trái cây thơm ngon. Thường pháp của vị Độc giác là dùng thân giáo hóa chứ không thuyết pháp, lúc đó vì muốn làm lợi ích

nên vị Độc giác như con thiên nga bay lên hư không, ở trên hư không hiện các thần biến: trên thân phóng lửa, dưới thân phun nước… rồi hạ xuống đất. Thường tình hễ phàm phu nhìn thấy thần biến này liền như cây đại thọ sụp đổ, vợ người chăn bò liền quỳ mọp xuống và phát nguyện: "nguyện đem công đức cúng dường bậc chân thật phước điền này, ở đời vị lai con sẽ sanh trong thành Vương xá và sẽ ăn thịt các trẻ mới sanh trong thành này".

Này các Bí-sô, vợ người chăn bò thuở xưa chính là Ha lị để ngày nay, do lực phát nguyện ác ngày xưa nên nay có quả báo này. Này các Bí-sô, hễ tạo nghiệp thuần đen thì cảm quả báo dị thục thuần đen; tạo nghiệp thuần trắng thì cảm quả báo dị thục thuần trắng; tạo nghiệp xen tạp thì được quả báo xen tạp, các thầy nên bỏ nghiệp thuần đen và nghiệp xen tạp, phải siêng tu tập chớ có buông lung", nghe Phật dạy rồi, các Bí-sô đều hoan hỉ tín thọ phụng hành.

Duyên xứ như trên, Ha lị để sau khi thọ Tam quy ngũ giới thì thường bị các Dược xoa khác làm hại, vì thế bà đem các con thí cho Tăng. Khi các Bí-sô đi khất thực, chúng hóa ra trẻ con đi theo sau, các phụ nữ trong thành thấy chúng sanh yêu mến muốn đến bồng bế thì chúng liền biến mất, liền hỏi Bí-sô chúng là ai, đáp là con của Ha lị để, họ nói: "là con của oan gia Dược xoa ác độc hay sao?, Bí-

sô nói: "bà ấy đã bỏ tâm ác, do thường bị các Dược xoa khác làm hại nên đem các con thí cho Tăng". Các phụ nữ này nghe rồi liền suy nghĩ: "nữ Dược xoa đã bỏ tâm ác còn đưa con mình thí cho Tăng, ta cũng nên đem con thí cho Tăng", nghĩ rồi liền đem con đến thí cho Tăng, các Bí-sô không thọ, họ nói: "con của nữ Dược xoa ác độc, các thầy còn thọ nhận, vì sao lại không thọ nhận con của chúng con?", bạch Phật, Phật nói nên thọ. Sau đó không coi giữ được để chúng tự do rong chơi khắp nơi, bạch Phật, Phật nói: "nếu đem đến cho một bé rai, Bí-sô nhận rồi nên dùng một miếng ca sa cũ quàng vào cổ để coi giữ; nếu đem đến nhiều thì thượng trung hạ tòa trong Tăng tùy ý nhận và làm như trên để coi giữ". Sau đó cha mẹ chúng đem tài vật đến để chuộc chúng về, Bí-sô không nhận, Phật nói nên nhận; thời gian sau, chúng có tâm mến mộ đem y vật đến cúng để báo ân, Bí-sô không nhận, Phật nói nên nhận. Lúc đó Lục chúng Bí-sô nghe Phật cho nhận tài vật chuộc lại con, liền theo cha mẹ chúng đòi trả cho đủ, Phật nói: "không được ra giá để đòi, nên tùy ý họ đưa bao nhiêu, biết đủ nhận lấy bấy nhiêu".

Duyên xứ như trên, sau khi nữ Dược xoa Ha lị để đem con cho Tăng, ban đêm chúng đói nên khóc đến sáng, Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "sáng sớm nên đem thức ăn uống đến kêu tên cúng tế cho chúng", lúc đó có đứa đòi ăn vào giờ thọ trai, Phật nói nên

cho; lại có đứa đòi ăn vào phi thời, Phật nói nên cho; lại có đứa đòi ăn thức ăn dư trong bát của Bí-sô, Phật nói nên cho; lại có đứa đòi ăn thức ăn bất tịnh, Phật nói nên cho.

-oOo-

# CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA TẠP SỰ

## QUYỂN 32

**2. Nhiếp tụng thứ hai trong Biệt môn thứ bảy:**

*Ni không ở Lan nhã,*
*Không ở chùa ngoài thành,*
*Không đứng ngóng trước cửa,*
*Không nhìn qua cửa sổ.*

Phật tại Trúc lâm, thành Vương xá, lúc đó trong thành có một dâm nữ tên là Liên hoa sắc hành nghề bán sắc, có một Bà-la-môn đến muốn cùng cô hoan lạc, cô hỏi có tiền không, đáp là không có, cô nói: "hãy đi kiếm tiền, có tiền rồi hãy đến", đáp là sẽ đi kiếm tiền. Bà-la-môn này sau một thời gian đến phương Nam kiếm được năm trăm tiền vàng, liền trở lại tìm Liên hoa sắc. Lúc này Liên hoa sắc nhờ bậc thiện tri thức là tôn giả Đại Mục-kiền-liên khai ngộ nên đã xuất gia thọ Cận viên và được chứng quả A-la-hán. Hôm đó cô rời thành Vương xá đi đến thành Thất-la-phiệt, lúc đó Phật chưa chế ngăn Bí-sô ni trú nơi A-lan-nhã nên Liên hoa sắc đến

trong rừng tối để thiền định, thọ giải thoát lạc. Khi Bà-la-môn đến trong thành Vương xá tìm Liên hoa sắc thì được biết cô đã xuất gia trong Phật pháp và đã đi đến thành Thất-la-phiệt, anh liền đến trong rừng Thệ đa hỏi, Bí-sô nói: "cô ấy đã từ bỏ việc phi pháp, đã xuất gia hiện đang thiền định trong rừng tối". Bà-la-môn này liền đến trong rừng tối, gặp Liên hoa sắc liền nhắc lại lời giao ước trước đây, Liên hoa sắc nói: "này Bà-la-môn, nay tôi đã vất bỏ nghiệp ác, ông hãy đi đi", đáp: "tuy nàng bỏ ta nhưng ta không bỏ nàng, hãy đến đây với ta", Liên hoa sắc hỏi: "ông yêu mến chỗ nào trên thân thể tôi?", đáp là yêu đôi mắt, Liên hoa sắc liền dùng thần lực móc tròng mắt ra đưa cho Bà-la-môn, Bà-la-môn suy nghĩ: "nữ Sa môn trọc đầu này có thể làm yêu thuật", nghĩ rồi liền cú vào đầu Liên hoa sắc rồi bỏ đi. Liên hoa sắc trở về trú xứ kể lại việc trên cho Ni chúng nghe, Ni chúng bạch Bí-sô, Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "do Bí-sô ni trú trong A-lan-nhã nên có lỗi này, từ nay Bí-sô ni không được thiền quán trong rừng tối và ngoài đồng hoang vắng. Ai làm trái thì phạm tội Việt pháp".

Duyên khởi tại thành Thất-la-phiệt, sau đó các Bí-sô ni ngồi nơi ngã tư đường thiền quán cũng bị lỗi như trên, Phật nói: "ni nên thiền quán ở trong chùa". Sau đó có người tục tín tâm xây cất chùa ngoài thành cho chư ni ở, lại bị giặc và kẻ ác đến quấy nhiễu, Phật nói: "không nên làm chùa ni ở

ngoài thành, nên làm ở trong thành".

Duyên xứ như trên, lúc đó ni Thổ-la-nan-đà đứng trước cửa chùa ngóng trông để trêu chọc người qua lại, bị chê trách, Phật nói: "ni đứng trước cửa chùa nên có lỗi này, từ nay Bí-sô ni không được đứng trước cửa chùa, ai làm trái thì phạm tội Việt pháp".

Duyên xứ như trên, sau khi Phật chế ngăn không được đứng trước cửa chùa, ni kia liền đứng bên trong cửa sổ nhìn ra trêu chọc, bị chê trách như trước, Phật nói: "cũng như trước, ai làm trái thì phạm tội Việt pháp".

**3. Nhiếp tụng thứ ba trong Biệt môn thứ bảy:**

*Cho mặc Tăng khước kỳ,*
*Không tắm chỗ nam tắm,*
*Không qua ngã tư đường,*
*Phải đi một bên lề.*

Duyên xứ như trên, lúc đó ở trong chùa, khi các ni chấp tác mặc cả năm y nên thấy nóng bức và mệt nhọc, bạch Bí-sô, Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "ở trong chùa, khi chấp tác, Bí-sô ni được mặc Tăng khước kỳ". Lúc đó có người tục đến chùa nhìn thấy ni chỉ mặc Tăng khước kỳ nên sanh niệm dục, người có tín tâm chê trách, Phật nói: "từ nay khi chấp tác, ở trước các trưởng giả, Bà-la-môn, Bí-sô ni không được mặc Tăng khước kỳ. Ai làm trái thì

phạm tội Việt pháp. Nếu ở trước người tục chấp tác thì Bí-sô ni nên mặc Tăng khước kỳ phủ kín hai vai và tay, mặc y năm điều bên ngoài rồi mới chấp tác".

Duyên xứ như trên, lúc đó ni Thổ-la-nan-đà đến tắm chỗ người nam tắm, những người nam đang tắm thấy cô xuống nước liền nói với nhau: "hãy nhìn xem nữ Sa môn trọc đầu kia, thân hình như trâu hoang", bạch Phật, Phật nói: "từ nay, Bí-sô ni không được đến tắm chỗ người nam tắm, ai làm trái thì phạm tội Việt pháp".

Duyên xứ như trên, lúc đó ni Thổ-la-nan-đà đứng ở ngã tư đường trêu chọc người tục qua lại, bị chê trách, Phật nói: "từ nay Bí-sô ni không được đi qua ngã tư đường, ai làm trái thì phạm tội Việt pháp".

**4. Nhiếp tụng thứ tư trong Biệt môn thứ bảy:**

*Nếu là nữ nhị hình,*
*Hoặc hai đường hiệp một,*
*Hoặc người thường chảy máu,*
*Và người không kinh nguyệt.*

Duyên xứ như trên, lúc đó có Bí-sô ni cho người nữ hai hình xuất gia, người này khi thấy ni khác đến liền hiện tướng khác, chư ni hỏi là người gì, đáp là người hai hình (huỳnh môn), bạch Phật, Phật nói: "đây là hạng người phi nam phi nữ,

không nên cho xuất gia, dù có thọ Cận viên cũng không phát luật nghi hộ, hãy đuổi đi. Từ nay nếu có người đến cầu xuất gia, nên hỏi họ trước rằng: cô có phải là người hai hình không. Nếu không hỏi mà cho xuất gia thì Bổn sư phạm tội Việt pháp".

Duyên xứ như trên, lại có Bí-sô ni cho người nữ có hai đường hiệp một xuất gia, khi tiểu tiện, đại tiện liền ra theo nên làm nhơ nhớp chỗ ấy, ni khác thấy liền hỏi là ai đã làm dơ, ni này nói rõ nguyên do, bạch Phật, Phật nói: "đây là hạng người phi nam phi nữ, không nên cho xuất gia, dù có thọ Cận viên cũng không phát luật nghi hộ, hãy đuổi đi. Từ nay nếu có người đến cầu xuất gia, nên hỏi họ trước rằng: cô có phải là người có hai đường hiệp một hay không. Nếu không hỏi mà cho xuất gia thì bổn sư phạm tội Việt pháp". Lại có Bí-sô ni cho người nữ có bịnh thường chảy máu xuất gia, do thường chảy máu nên nội y dính dơ, ruồi bay đến bu, các ni hỏi rõ nguyên do, bạch Phật, Phật nói cũng như người trược, không nên ở chung. Lại có Bí-sô ni cho người nữ không có kinh nguyệt xuất gia, người này thấy các ni khác mỗi tháng có kinh nguyệt liền cơ hiềm, nói rằng: "do các cô có niệm xấu, không thể ly dục nên thường có nguyệt kỳ", đáp: "đây là việc bình thường của phụ nữ, vì sao cô lại cơ hiềm, bộ cô không có hay sao?", đáp là không có, bạch Phật, Phật nói: "đây là hạng người phi nam phi nữ, không nên cho xuất gia, dù

có thọ Cận viên cũng không phát luật nghi hộ, hãy đuổi đi. Từ nay nếu có người đến cầu xuất gia, nên hỏi họ trước rằng: cô có phải là người không có kinh nguyệt phải không. Nếu không hỏi mà cho xuất gia thì bổn sư phạm tội Việt pháp".

**5. Nhiếp tụng thứ năm trong Biệt môn thứ bảy:**

*Âm đạo nhỏ, nội y,*
*Bên Bí-sô không nhổ,*
*Tăng ni không đối thú,*
*Đối thú chúng bên mình.*

Duyên xứ như trên, lại có Bí-sô ni cho người nữ có âm đạo nhỏ xuất gia, mỗi khi đi tiểu thường đi rất lâu, các ni hỏi rõ nguyên do rồi bạch Phật, Phật nói: "đây cũng là hạng huỳnh môn nữ, nên đuổi đi".

Duyên xứ như trên, lúc đó có ni bị nguyệt kỳ làm thấm ướt y, ruồi bay đến bu, tuy đã giặt kỹ nhưng vẫn còn vết ố, Phật nói: "nếu như thế thì nên mặc nội y (quần lót)". Sau đó ni Thổ-la-nan-đà mặc nội y, khi vào thành khất thực, y này tuột xuống nên bị chê trách. Phật nói: "Bí-sô ni mặc nội y nên cột dây lưng, nếu ai không cột dây lưng thì phạm tội Việt pháp".

Duyên xứ như trên, lúc đó tôn giả Đại Ca-diếp vào buổi sáng đắp y vào thành khất thực, ni Thổ-la-nan-đà thấy liền đi đến bên cạnh nhổ nước bọt

xuống đất. Tôn giả nói: "cô không có lỗi, lỗi là do nơi cụ thọ A-nan đã gắng gượng xin Thế tôn cho hạng phụ nữ ác hạnh như cô xuất gia và cho thọ Cận viên", các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "ni Thổ-la-nan-đà đã làm điều trái với hạnh Sa môn, từ nay Bí-sô ni không được nhổ nước miếng bên Bí-sô, ai làm thế thì phạm tội Việt pháp".

Duyên xứ như trên, lúc đó có Bí-sô phạm lỗi, thấy Bí-sô ni đến liền mời ngồi, ni hỏi muốn làm gì, đáp là muốn phát lồ sám hối, nói rồi liền đối trước ni phát lồ: "Thánh giả nhớ nghĩ, tôi là Bí-sô _____ phạm tội ----, nay đối trước Thánh giả phát lồ không có che giấu, nhờ phát lồ nên được an lạc", ni hỏi: "Thánh giả cũng phạm tội ấy hay sao, đây không phải là việc thiện", Bí-sô xấu hổ im lặng. Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "Bí-sô không được đối trước ni phát lồ sám hối, nên đối trước Bí-sô thanh tịnh đồng kiến. Ai làm trái thì phạm tội Việt pháp".

Duyên xứ như trên, lại có Bí-sô ni phạm lỗi, thấy Bí-sô đến liền cung kính mời ngồi, hỏi muốn làm gì, đáp là muốn phát lồ sám hối, nói rồi liền đối trước Bí-sô phát lồ: "Thánh giả nhớ nghĩ, tôi là Bí-sô ni _____ phạm tội ----, nay đối trước Thánh giả phát lồ không có che giấu, nhờ phát lồ nên được an lạc", Phật nói: "Bí-sô ni không được

đối trước Bí-sô phát lồ sám hối, nên đối trước Bí-sô ni thanh tịnh đồng kiến. Ai làm trái thì phạm tội Việt pháp".

**6. Nhiếp tụng thứ sáu trong Biệt môn thứ bảy:**

*Bí-sô tác yết ma,*
*Ni dụng tâm lắng nghe,*
*Trải tòa mời người ngồi.*
*Tòa ni nên phân biệt.*

Duyên xứ như trên, như Phật đã dạy việc yết ma của Bí-sô và Bí-sô ni khác nhau, trừ việc cùng yết ma. Như trường hợp hai bộ chúng truyền giới cho ni, khi ở trong Tăng, ni tác yết ma không thể bình tĩnh nên tác pháp không thành, Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Bí-sô nên tác yết ma, ni nên lắng nghe". Lúc đó ni không biết lắng nghe như thế nào, Phật nói: "nên chí tâm lắng nghe và nhớ kỹ những lời như: đây là yết ma lần thứ nhất, đây là yết ma lần thứ hai, lần thứ ba".

Duyên xứ như trên, như Phật dạy nên tụng kinh, các Bí-sô không trải tòa ngồi, Phật nói nên trải. Sau đó chư ni đến nghe pháp, Bí-sô trải chỗ ngồi tốt, có một ni bị xuất nguyệt kỳ làm dơ chỗ ngồi, sau khi họ ra về, vị tri sự thu xếp ngọa cụ thấy ruồi bu nên đem việc này bạch Phật, Phật nói: "ni đến nghe pháp, không nên trải tòa ngồi tốt". Sau đó, hễ thấy ni đến nghe pháp, Bí-sô đều trải tòa

xấu; hôm đó Đại thế chủ đến nghe pháp thấy tòa ngồi xấu liền nói: "khi còn tại gia, tôi cũng chưa từng ngồi tòa như thế này", Bí-sô nói: "Đại thế chủ, đây là Thế tôn dạy không trải tòa ngồi tốt cho ni đến nghe pháp", Đại thế chủ nói: "trước đây do ni kia không chánh niệm tạo lỗi, tôi làm sao có thể tạo lỗi như thế", Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "từ nay Bí-sô ni nào chánh niệm đến nghe pháp thì nên trải tòa ngồi tốt".

**7. Nhiếp tụng thứ bảy trong Biệt môn thứ bảy:**

*Bán rượu, nhà dâm nữ,*
*Giữa đường không đánh ni,*
*Tùy duyên khai nội y,*
*Không được ca hát múa.*

Duyên xứ như trên, lúc đó ni Thổ-la-nan-đà vào sáng sớm đắp y mang bát theo thứ lớp khất thực, gặp một cô gái mặc y phục với chuỗi anh lạc trang nghiêm thân liền hỏi từ đâu có được như vậy, đáp là nhờ bán rượu mới được như thế, ni nghe rồi cho là phương tiện tốt. Vừa đi vừa nghĩ về việc này thì gặp một cô gái khác gầy yếu, mặc y phục cũ dơ liền hỏi ở đâu thuộc về ai, đáp: "con không có thân thuộc, chỉ cần ai cho con y thực là con thuộc về người ấy", lại hỏi: "nếu vậy sao cô không bán rượu?", đáp: "con làm sao có thể bán rượu được, nhà bán rượu phải rộng lớn với đầy đủ bàn ghế,

chỗ ngồi, chén muỗng, mâm tô, tiền vốn nhiều, phục vụ đúng pháp thì khách mới đến đông và mới có lợi nhuận", ni nói: "những vật dụng đó ta sẽ lo liệu đầy đủ, nhưng khi được lợi nhuận, cô phải đưa cho ta", đáp là sẽ đưa. Thổ-la-nan-đà liền ở gần chùa ni mở một quán rượu lớn với đầy đủ vật dụng và đưa nhiều tiền vốn cho cô kia bán rượu, do nhiều người đến trong quán rượu này nên Thổ-la-nan-đà thu được nhiều tài lợi, các quán rượu khác thấy vậy đều sanh tật đố. Sau đó vua mở đại hội nên kêu đến các quán rượu cung cấp rượu, các quán kia nói với sứ giả: "gần chùa của ni Thổ-la-nan-đà có quán rượu lớn với đủ loại rượu ngon, vì sao không gọi đến họ lại làm khổ chúng tôi", sứ giả nghe rồi liền đến quán rượu bắt giữ cô gái, cô la to lên: "Thánh giả Thổ-la-nan-đà, có quan của vua đến bắt con, Thánh giả hãy mau ra đây", Thổ-la-nan-đà nghe liền chạy đến mắng sứ giả: "đồ hung ác, vì sao lại bắt cô gái của ta", sứ giả nói: "Thánh giả cũng mở quán rượu hay sao?", đáp: "ta đạp lên đầu kẻ oan gia, việc mở quán rượu liên can gì tới ngươi", sứ giả nói: "Thánh giả cũng có oan gia nữa sao?", đáp: "ngươi chính là oan gia, vì đã bắt cô gái của ta". Nhân việc này nên hai bên tranh cãi nhau, các trưởng giả, Bà-la-môn hỏi rõ nguyên do rồi chê trách: "các Thích nữ trạo cử, làm việc phi pháp, không giữ tịnh hạnh mà còn bán rượu". Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "do ni

Thổ-la-nan-đà làm việc phi pháp, từ nay Bí-sô ni không được bán rượu, ai bán thì phạm tội Việt pháp".

Duyên xứ như trên, lúc đó ni Thổ-la-nan-đà vào sáng sớm đắp y mang bát theo thứ lớp khất thực, gặp một cô gái mặc y phục với chuỗi anh lạc trang nghiêm thân liền hỏi từ đâu có được như vậy, đáp là nhờ bán sắc mới được như thế, ni nghe rồi cho là phương tiện tốt. Vừa đi vừa nghĩ về việc này thì gặp một cô gái khác gầy yếu, mặc y phục cũ dơ nhưng xinh đẹp, liền hỏi ở đâu thuộc về ai, đáp: "con không có thân thuộc, chỉ cần ai cho con y thực là con thuộc về người ấy", lại hỏi: "nếu vậy sao cô không làm nghề bán sắc?", cô gái nghe rồi bịt tai nói: "Thánh giả, gia tộc của con chưa từng làm việc xấu xa này", ni nói: "phần nhiều cô gái đều làm nghề ấy, cô không phải là vương nữ, cũng không phải được sanh ra từ nhà trưởng giả quý tộc, Bà-la-môn; vả lại người nữ đều thích người nam, nếu ta không xuất gia, ta cũng làm nghề ấy", cô gái nói: "Thánh giả, làm nghề bán sắc há có thể làm ngay được hay sao, phải đủ các duyên mới làm được, như phải có nhà rộng lớn, y phục và đồ trang sức phải sang và đẹp để ai nhìn thấy cũng yêu thích; khi có người nam đến mới tùy theo sự sang hèn của họ mà phục vụ...", ni nói: "những vật dụng ta sẽ lo liệu đầy đủ và cung cấp y thực đầy đủ cho cô, nhưng khi thu được tài vật phải đưa cho ta", đáp là

sẽ đưa. Thổ- la-nan-đà liền ở gần chùa làm một nhà dâm nữ rộng lớn với đầy đủ vật dụng, cung cấp y thực cho cô gái đầy đủ nên cô gái trở nên xinh đẹp nhất so với các dâm nữ khác, nên nhiều người chen chúc nhau đến trong nhà dâm nữ này, Thổ-la-nan-đà thu được nhiều tài lợi nên các dâm nữ khác đều tật đố. Sau đó do vua mở đại hội cần nhiều hương thoa nên sứ giả tập họp các dâm nữ bảo cung cấp hương thoa, họ nói: "gần chùa của ni Thổ-la-nan-đà cũng có dâm nữ, nên kêu đến". Sứ giả nghe rồi liền đến nhà dâm gọi cô gái ra, cô la to lên: "Thánh giả Thổ-la-nan-đà, có quan của vua đến bắt con, Thánh giả hãy mau ra đây", Thổ-la-nan-đà nghe liền chạy đến mắng sứ giả: "đồ hung ác, vì sao lại bắt cô gái của ta", sứ giả nói: "Thánh giả cũng mở nhà dâm hay sao?", đáp: "ta đạp lên đầu kẻ oan gia, việc mở nhà dâm liên can gì tới ngươi", sự việc diễn tiến giống như trên cho đến câu Phật nói: "từ nay Bí-sô ni không được làm nhà nuôi dâm nữ, ai làm thì phạm Tốt-thổ-la để".

Duyên xứ như trên, Thổ-la-nan-đà lại đem một cô gái đến chỗ vắng vẻ gần đại lộ để làm nghề bán sắc kiếm tiền… sự việc diễn tiến cũng giống như trên cho đến câu Phật chế ai làm thì phạm Tốt-thổ-la để.

Duyên khởi tại thành Vương xá, lúc đó Lục chúng Bí-sô thường ở chỗ hát xướng biểu diễn, họ nói với nhau: "chúng ta bị các nhạc công bắt chúng

ta biểu diễn đều là do nhóm thập nhị Bí-sô ni. Nếu họ không lén đưa y bát… cho các đào kép hát để xúc não chúng ta thì chúng làm sao bắt chúng ta biểu diễn được. Chúng ta nên trị mấy ni đó", Ô-ba-nan-đà nói nên đánh. Sau đó, khi Lục chúng Bí-sô đi đến chỗ kia thì gặp Thổ-la-nan-đà liền nói với nhau: "đây là cô ni đứng đầu trong nhóm, hãy trừng trị ni ấy", nói rồi cùng nhau tới gần, một người giữ chặt, một người đánh lên đầu, người đá vào chân, người đánh vào hông… khiến cho thân thể của cô ni này bầm tím. Cô trở về trú xứ thoa dầu rồi nằm mẹp trên giường không thể đi lại được, các ni hỏi nguyên do, đáp là bị đánh, lại hỏi bị ai đánh, đáp là Lục chúng Bí-sô, lại hỏi đã làm lỗi gì, đáp: "họ là pháp huynh, tôi là pháp muội, răn dạy nhau là việc thường tình, nếu so với người khác thì cần gì hỏi lỗi", các ni nghe rồi liền chê trách: "vì sao Bí-sô lại đánh Ni chúng?", họ đem việc này bạch Bí-sô, Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "khi Bí-sô đánh Bí-sô ni liền có sự xúc chạm thân thể, từ nay Bí-sô không được đánh Ni, ai làm trái thì phạm tội Việt pháp".

Duyên xứ tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó tuy Phật cho ni mặc nội y nhưng máu vẫn thấm ra ngoài làm dơ ngọa cụ, ruồi bu đến nên họ sanh nhờm gớm, bạch Phật, Phật nói: "từ nay Bí-sô ni nên mặc thêm quần lót bên trong nội y". Sau đó tuy có mặc thêm quần lót, máu vẫn thấm dơ, Phật nói: "nên thường giặt cho sạch, khi nằm ngủ nên chánh

niệm, ai làm trái thì phạm tội Việt pháp".

Duyên khởi tại thành Vương xá, lúc đó ni Bản thắng qua đời, thi thể đưa vào Thi lâm để hỏa táng, nhóm thập nhị Bí-sô ni đến bên tử thi ca múa, các ni đem việc này bạch Phật, Phật nói: "pháp của ni là không được ca múa, ai làm trái thì phạm tội Việt pháp".

**8. Nhiếp tụng thứ tám trong Biệt môn thứ bảy:**

*Nếu Tăng ni chuyển căn,*
*Đến ba lần thì đuổi,*
*Rộng nói duyên Pháp dữ,*
*Liên hoa sắc làm sứ.*

Duyên xứ như trên, lúc đó cụ thọ Ưu-ba-ly bạch Phật: "Thế tôn, nếu ni chuyển căn thì phải như thế nào?", Phật nói: "đồng Cận viên và y theo hạ lạp cũ rồi đưa qua chùa Tăng", lại hỏi: "nếu Tăng chuyển căn thì có được theo hạ lạp cũ rồi đưa qua chùa Ni hay không?", Phật nói cũng đưa qua chùa Ni, lại hỏi: "nếu cả hai khi đưa qua chùa kia liền chuyển căn trở lại thì phải như thế nào?", Phật nói: "cũng như trước đưa trả về chỗ cũ", lại hỏi: "nếu họ chuyển căn đến lần thứ ba thì phải như thế nào?", Phật nói: "nếu chuyển căn đến lần thứ ba thì họ không phải là Tăng ni, phải cho họ hoàn tục".

Duyên xứ như trên, lúc đó có một trưởng giả tên là Thiên dữ rất giàu có, lại có một trưởng giả

tên là Lộc tử cũng rất giàu có, cả hai đều đã cưới vợ và trở thành bạn thân, có vật gì lạ đều gửi biếu cho nhau. Sau đó có việc, mọi người trong thành tụ họp trong công viên để bàn luận, hai trưởng giả này gặp nhau, sau khi họp xong mọi người ra về, cả hai ở lại, lúc đó Thiên dữ nói: "làm cách gì để sau khi chúng ta qua đời, con cháu của chúng ta vẫn thân thiết không xa lìa?", Lộc tử nói: "lành thay, từ nay chúng ta chỉ bụng kết thân, hai nhà chúng ta nếu sanh nam nữ thì kết thông gia với nhau", Thiên dữ nói: "ý tôi cũng như vậy". Sau đó vợ của Thiên dữ sanh một bé gái xinh đẹp tuyệt trần nhưng tính hay khóc, mỗi khi có Bí-sô đến nhà thuyết pháp cho cha mẹ thì bé không khóc mà còn lắng tai nghe. Sau hai mươi mốt ngày, do bé thích pháp nên lắng tai nghe, lại là con của Thiên dữ nên được đặt tên là Pháp dữ, người cha giao cho tám bà nhũ mẫu nuôi dưỡng, bé dần dần lớn lên như hoa sen vượt lên khỏi mặt nước. Lúc đó trưởng giả Lộc tử suy nghĩ: "vợ bạn ta sanh con gái, ta nên gửi y phục và chuỗi ngọc cho con dâu của ta", nghĩ rồi liền gửi y phục, chuỗi ngọc và thư sang chúc mừng. Không bao lâu sau vợ của Lộc tử có thai, đủ tháng sanh một trai, sau hai mươi mốt ngày, do bé sanh vào ngày sao Tỳ-xá-khư nên được đặt tên là Tỳ-xá- khư, người cha cũng giao con cho tám bà nhũ mẫu nuôi dưỡng. Trưởng giả Thiên dữ nghe tin liền suy nghĩ: "vợ của bạn ta sanh con trai, ta nên gửi y

phục và chuỗi ngọc cho con rễ của ta", nghĩ rồi liền gửi y phục, chuỗi ngọc và thư sang chúc mừng. Lộc tử hồi âm nói rằng: "trước kia đã hứa kết thân, nay được toại nguyện, chờ khi chúng trưởng thành sẽ tính chuyện hôn nhân". Thời gian sau, Pháp dữ đã khôn lớn nhưng lại một lòng muốn xuất gia, đem tâm ý này bạch với cha nhưng người cha nói: "trước kia cha đã hứa gả con cho Tỳ-xá-khư, con của trưởng giả Lộc tử, việc này không thể làm khác đi được". Sau đó, khi có bổn sư là Bí-sô ni Liên hoa sắc đến nhà, Pháp dữ bạch rằng: "Thánh giả, con muốn được ở trong thiện pháp luật xuất gia thọ giới cụ túc, thành tánh Bí-sô ni, tu tập phạm hạnh. Xin Thánh giả đến đây bí mật cho con xuất gia, vì cha con ngăn cấm nên con không sao đi được", Liên hoa sắc nói: "lành thay, con có thể phát tâm ưa thích cầu xuất gia như vậy. Đối với các dục, vị ngọt của nó thì ít mà nguy hiểm thì nhiều. Như Phật đã day, người trí biết năm lỗi của dục nhiễm thì không nên làm, đó là:

1. Quán sát vị ngọt của dục thì ít mà lỗi thì nhiều, thương có các khổ.

2. Khi hành dục thường bị trói buộc.

3. Người làm việc dâm dục không biết nhàm chán.

4. Người làm việc dâm dục không việc ác nào mà không làm.

5. Đối với các cảnh dục, Phật và các Hiền thánh Thanh văn đều dùng vô số phương tiện nói về lỗi lầm của dục, vì thế người trí không làm việc dâm dục.

Lại nữa người trí biết xuất gia có năm lợi ích thù thắng, như Phật đã dạy người trí thấy năm điều nên cầu xuất gia trong thiện pháp luật: một là ta được tự lợi, người khác không có; hai là tự biết mình thuộc giai cấp hạ tiện bị người sai khiến, sau khi xuất gia trở lại được họ cung kính tán thán, lễ bái cúng dường; ba là sẽ chứng được Niết-bàn vô thượng; bốn là sau khi qua đời sẽ được sanh lên cõi trời; năm là thường được chư Phật, chúng Thanh văn và các bậc thắng nhân khen ngợi. Con hãy quán năm lợi ích này chí tâm xả lưới tục, cầu công đức lớn. Ta hứa sẽ độ con xuất gia, hãy chờ ở đây, đợi ta bạch Phật việc này", Sau đó Liên hoa sắc đến chỗ Phật đảnh lễ rồi đứng một bên chắp tay bạch Phật: "Thế tôn, Pháp dữ là con gái của trưởng giả Thiên dữ, ưa thích xuất gia, thọ Cận viên, thành tựu tánh Bí-sô ni trong thiện pháp luật của Phật. Nhưng người cha trước đây đã hứa gả cho Tỳ-xá-khư, con trai của trưởng giả Lộc tử nên ngăn cản không cho Pháp dữ xuất gia", Phật bảo A-nan: "thầy hãy đến thông báo Ni chúng, Pháp dữ là con gái của trưởng giả Thiên dữ muốn xuất gia, Ni chúng hãy tác pháp sai Liên hoa sắc đến chỗ ở của Pháp dữ nói là vâng theo lời Phật dạy, cho Pháp dữ

Tam quy ngũ giới, kế cho cạo tóc và thọ mười giới ngay trong nhà", tôn giả A-nan vâng lời Phật dạy đến thông báo, Ni chúng nhất nhất làm theo lời Phật dạy. Sau khi truyền giới xong, Liên hoa sắc nói với Pháp dữ: "nay con đã xuất gia, hãy chuyên tâm tu học, hộ trì pháp như lời Phật đã dạy", Liên hoa sắc lại quán biết căn tánh tùy miên của Pháp dữ, nói pháp Tứ đế khiến cho Pháp dữ được khai ngộ và chứng quả Dự lưu. Sau đó trở về bạch Phật: "vâng lời Phật dạy, con đã làm xong", Phật lại bảo A-nan: "thầy hãy đến thông báo Ni chúng tác pháp sai Liên hoa sắc đến nhà truyền sáu học pháp và các tùy pháp cho Pháp dữ, trong hai năm làm Thức xoa ma na", A-nan vâng lời Phật dạy đến thông báo, Ni chúng nhất nhất vâng theo lời Phật dạy. Sau khi truyền giới xong, Liên hoa sắc nói với Pháp dữ: "nay con đã là Chánh học nữ, nên tu tập học pháp trong hai năm, hộ trì pháp như lời Phật đã dạy", Liên hoa sắc lại tùy cơ thuyết pháp, Pháp dữ nghe pháp xong liền chứng quả Nhất lai. Sau hai năm học sáu pháp và các tùy pháp, Pháp dữ đã trưởng thành càng xinh đẹp hơn trước, lúc đó trưởng giả Lộc tử sai sứ đến nói với trưởng giả Thiên dữ: "hai trẻ đã trưởng thành, xin hãy chọn ngày lành tính chuyện thành thân", Thiên dữ nói lành thay rồi mời thầy chọn ngày tốt, sau đó thông báo cho quyến thuộc gần xa biết; trưởng giả Lộc tử cũng báo cho quyến thuộc gần xa biết, tất cả đều

kéo nhau đến đầy chật thành Thất-la-phiệt. Vua Thắng quang nước Kiều-tát-la cùng các quan dân trong thành đều nghe biết tin này, vua bảo các đại thần đến trợ giúp, các đại thần cho người đưa đến những vật kỳ lạ để trang trí trong ngày cưới. Lúc đó khắp nơi trong thành đều được quét dọn sạch sẽ, rưới hương thơm… cảnh trí đẹp đẽ như trong vườn Hoan hỉ. Từ xa thấy sự việc quái lạ này, Pháp dữ liền hỏi gia nhân: "có phải trong thành phi thời mở hội bạch hoa phải không?", gia nhân nói: "nhờ phước báo của cô nên trong thành mở hội bạch hoa trái thời để làm lễ cưới cho cô", Pháp dữ nghe rồi ưu sầu liền đến nói với cha: "đối với năm dục, lòng con không còn ưa thích, xin cha cho con đến ở trong già lam Vương viên của Bí-sô ni", người cha nói: "khi chưa sanh con, cha đã hứa gả con cho con trai của trưởng giả Lộc tử rồi. Vả lại, vua Thắng quang cùng quan dân trong nước đều đã nghe biết tin này, làm sao có thể cho con đến trong chùa Vương viên. Con muốn cha và thân tộc bị nhốt vào nhà lao hay sao, ngày mai là đám cưới, con chớ có khinh suất", quyến thuộc cùng đến khuyên: "con không nên hấp tấp làm việc gì, con đang tuổi sung mãn khó thể tu phạm hạnh", Pháp dữ nghe rồi càng tinh tấn để cầu chứng Thánh đạo nhưng vẫn không đạt được quả ly dục.

Thường pháp của chư Phật là khởi tâm đại từ bi cứu giúp chúng sanh, trụ trong chánh quán,

không nói hai lời, dựa trên định huệ hiển phát ba minh, thành tựu ba học, điều phục hoàn toàn ba nghiệp, vượt qua bốn Bộc lưu, an trụ nơi bốn Thần túc, thường tu bốn nhiếp hạnh, xả trừ năm triền cái, đầy đủ năm chi, năm lực, viên mãn sáu độ, bố thí khắp tất cả bằng bảy Thánh tài, nở hoa bảy giác ngộ, chỉ bày tám chi Thánh đạo, xa lìa tám nạn, đoạn dứt hẳn chín kết, phương tiện thiện xảo tùy ý nhập Cửu định, đủ mười Lực, danh vang khắp mười phương, tự tại vô úy, hàng phục ma oán, cất tiếng sấm lớn, rống lên tiếng rống của sư tử, ngày đêm ba thời thường dùng Phật nhãn quán sát chúng sanh: trí huệ tùy chuyển của ai tăng, của ai giảm; ai gặp khổ nạn, ai bức bách, ai bị bức bách; ai xuống nẻo ác, ai lên đường lành, ai một bề thú hướng, ai còn mang gánh nặng. Nên dùng phương tiện gì để cứu độ chúng sanh ra khỏi đường ác, vào cõi trời người và được giải thoát; người chưa tu thiện căn khiến tu tập thiện căn, người đã tu thiện căn chưa thành thục khiến cho được thành thục, đã thành thục rồi khiến được giải thoát. Như bài kệ:

Cho dù hải triều lớn, Cũng có khi trễ hạn, Đối với người đáng độ, Phật liền độ, không bỏ. Đối với các hữu tình, Phật từ bi thương tưởng, Nghĩ cứu họ thoát khổ, Như bò mẹ theo con.

Lúc đó Phật trong khi đang đi kinh hành, Phật mỉm cười, từ trong miệng phóng ra hào quang năm sắc chiếu xuống hay chiếu lên, nếu chiếu xuống thì

chiếu đến ngục Vô gián và các ngục khác khiến cho chúng sanh trong đây đang bị đốt nóng liền được mát mẻ, đang bị lạnh cóng liền được ấm áp. Họ cảm thấy an lạc liền suy nghĩ: "ta và mọi người từ cảnh khổ địa ngục chết đi, được sanh vào cõi khác chăng?". Thế Tôn sau khi làm cho các hữu tình kia sanh tín tâm liền hiện nhiều tướng khác nữa, thấy những tướng này họ liền suy nghĩ: "chúng ta không phải chết ở đây sanh về cõi kia, mà là do sức oai thần của Đại thánh đã khiến thân tâm chúng ta hiện được an lạc". Đã sanh tín kính thì có thể diệt các khổ, ở cõi nhơn thiên được thọ thân thắng diệu, thành chơn pháp khí thấy được lý chơn đế. Nếu hào quang chiếu lên thì đến cõi trời Sắc cứu cánh, trong hào quang diễn nói các pháp khổ, không, vô thường, vô ngã… và nói kệ:

*"Người phải nghe Phật dạy*
*Dốc cầu đạo xuất ly*
*Phá được quân sanh tử*
*Như voi phá nhà tranh.*
*Ở trong pháp luật Phật*
*Dũng tiến thường tu học*
*Xa lìa đường sanh tử*
*Bờ mé khổ không còn".*

Hào quang này sau khi chiếu khắp ba ngàn Đại thiên thế giới liền trở về chỗ Phật, nếu Thế Tôn nói việc quá khứ thì hào quang trở vào phía sau lưng, nếu nói việc vị lai thì hào quang trở vào phía trước

ngực, nếu nói việc địa ngục thì hào quang trở vào phía dưới chân, nếu nói việc bàng sanh thì hào quang trở vào phía gót chân, nếu nói việc ngạ quỷ thì hào quang trở vào phía ngón chân, nếu nói việc loài người thì hào quang trở vào đầu gối, nếu việc của Lực luân vương thì hào quang trở vào lòng bàn tay trái, nếu nói việc của Chuyển luân vương thì hào quang trở vào lòng bàn tay phải, nếu nói việc cõi trời thì hào quang trở vào rốn, nếu nói việc của Thanh văn thì hào quang trở vào miệng, nếu nói việc của Độc giác thì hào quang trở vào phía giữa hai chân mày, nếu nói việc của đạo quả Chánh đẳng chánh giác thì hào quang trở vào phía trên đảnh đầu. Lúc đó hào quang nhiễu Phật ba vòng rồi vào miệng của Phật, cụ thọ A-nan Đà bạch Phật: "Thế Tôn Như Lai Ứng chánh đẳng giác vui vẻ mỉm cười chẳng phải là không có nhơn duyên", liền nói kệ thỉnh Phật:

*"Từ miệng Phật phóng hào quang vi diệu,*
*Chiếu khắp Đại thiên không phải một tướng,*
*Chiếu khắp cả mười phương các quốc độ,*
*Như mặt trời chiếu sáng khắp hư không.*
*Phật là nhân tối thắng của chúng sanh,*
*Có thể trừ kiêu mạn và lo buồn.*
*Không nhân duyên, kim khẩu không mở*

*lời,*
*Miệng mỉm cười ắt nói việc kỳ lạ.*
*Con lặng lẽ quan sát đấng Mâu Ni,*
*Ai muốn nghe, Phật nói cho nghe,*
*Như sư tử vương rống tiếng vi diệu,*
*Cúi xin Phật quyết nghi cho chúng con,*
*Phật như Diệu sơn vương trong biển cả,*
*Nếu không nhân duyên, Phật không dao động,*
*Tự tại từ bi, miệng Phật hiện mỉm cười,*
*Nói nhân duyên cho người đang khao khát".*

Thế Tôn bảo A-nan Đà: "Đúng vậy A-nan Đà, không phải không có nhân duyên mà Như Lai Ứng chánh đẳng giác miệng hiện mỉm cười. Thầy còn nhớ Pháp dữ mà trước đây ta bảo thầy đến trong Ni chúng thông báo cho Ni chúng sai Liên hoa sắc đến nhà tuần tự truyền Tam quy ngũ giới, mười giới và sáu học pháp làm Thức xoa ma na trong hai năm hay không. Ngày mai cô ấy sẽ lấy chồng, quyến thuộc đều đã tập họp", đáp là còn nhớ, Phật nói: "này A-nan, không thể để cho cô ấy ở tại gia ăn thức ăn dư cách đêm, vì không bao lâu nữa, cô ấy sẽ chứng quả Bất hoàn và A-la-hán. Thầy nên đến thông báo Ni chúng, Pháp dữ đã học xong sáu pháp trong hai năm, nay ni chúng nên tác pháp sai Liên hoa sắc đến nhà truyền cho cô ấy Bốn pháp phạm hạnh", Ni chúng nhất nhất vâng lời Phật dạy. Sau

khi truyền Bổn pháp xong, Liên hoa sắc nói với Pháp dữ: "không bao lâu nữa con sẽ thọ Cận viên", nói rồi tùy cơ thuyết pháp khiến cho Pháp dữ chứng được quả Bất hoàn và phát sanh thần thông lực. Sau đó trở về bạch Phật, Phật bảo A-nan đi thông báo cho hai chúng Tăng ni truyền thọ Cận viên cho Pháp dữ qua sứ giả là ni Liên hoa sắc. Sau đó Liên hoa sắc đến nhà truyền lời lại cho Pháp dữ rồi nói rằng: "hai bộ tăng già đã truyền thọ Cận viên cho con, con hãy khéo phụng hành", nói rồi tùy cơ thuyết pháp, Pháp dữ sau khi nghe pháp sánh tâm nhàm lìa thế tục, quán năm ngũ uẩn là vô thường khổ không vô ngã. Bí-sô ni này chuyên tâm tu tập đoạn trừ các phiền não, chứng A-la-hán, ba minh, sáu thông, đủ tám giải thoát, được như thật tri: sanh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, việc nên làm đã làm xong, không còn thọ thân sau. Tâm không chướng ngại như tay nắm hư không, như dao cắt mùi thơm, yêu ghét không khởi, xem vàng và đất như nhau không khác, tất cả danh lợi đều xả bỏ, Thích Phạm chư thiên thảy đều cung kính. Không thể có trường hợp một A-la-hán đã hết lậu hoặc mà lại ở trong nhà bạch y, ăn thức ăn dư cách đêm và thọ hành pháp thế tục. Lúc đó Pháp dữ bạch với cha mẹ: "cha mẹ biết cho con đã chứng quả A-la-hán, nay muốn đến trong chùa ni Vương viên", cha mẹ nói: "nếu con đi như vậy thì pháp vua sẽ bắt tội cha, hãy tính kế cho con cùng đi theo Phật", đáp:

"lành thay, nhờ cha làm phương tiện". Lúc đó trưởng giả Thiên dữ liền thỉnh Phật và Tăng đến nhà thọ thực, đồng thời sai sứ đến nói với trưởng giả Lộc tử: "Pháp dữ con tôi không thích thế tục, quyết định xuất gia, xin hãy mau đến cưỡng ép làm lễ cưới", trưởng giả nghe rồi liền tâu vua: "trước đây thần và Thiên dữ có chỉ bụng kết thân, nhưng nay con gái ông ấy muốn bỏ tục xuất gia, thần muốn cùng thân quyến đến cưỡng ép làm lễ cưới", vua nói tùy ý. Lúc đó Thiên dữ lo liệu đầy đủ các món ăn ngon xong rồi liền sai sứ đến bạch Phật đã đến giờ thọ thực. Phật đắp y mang bát cùng các Bí-sô đi đến nhà trưởng giả rồi ngồi vào chỗ ngồi, trưởng giả tự tay dâng cúng các món ăn. Phật và tăng thọ thực xong, trưởng giả lấy một cái ghế nhỏ ngồi trước Phật muốn nghe pháp, Phật thuyết diệu pháp làm cho họ được lợi hỉ rồi đứng dậy ra về. Vừa lúc đó, trưởng giả Lộc tử cùng thân thuộc và quan dân trong thành đưa Tỳ-xá-khư đến trước cửa ngõ với đầy đủ nghi lễ để rước dâu. Pháp dữ đi theo Thế tôn ra đến trước cổng, Tỳ-xá-khư thấy Pháp dữ liền đến nắm lấy tay Pháp dữ. Giữa trăm ngàn đại chúng đang nhìn, Pháp dữ như con thiên nga bay lên hư không hiện các thần biến; vương tử đại thần và tất cả quyến thuộc của trưởng giả Lộc tử thấy thần thông lực này rồi đều như cây đại thọ đổ ngã, họ sụp xuống lạy xin sám hối và nói lớn: "Thánh nữ đã chứng ngộ thắng đức thù diệu như

thế mà muốn cho Thánh nữ ở tại gia thọ hưởng dục lạc và ăn thức ăn dư cách đêm là không có lý đó". Pháp dữ hiện trở xuống đất rồi ứng cơ thuyết pháp cho đại chúng, sau khi nghe pháp, có vô lượng trăm ngàn người được kiến giải thù thắng, có người đắc quả Tu đà hoàn, hoặc quả Tư-đà-hàm, hoặc quả A-na-hàm, có người gieo trồng nhân duyên với Thanh văn thừa, có người gieo trồng nhân duyên với Bích chi Phật thừa, có người gieo trồng nhân duyên với Phật thừa, cầu xuất ly sanh tử. Thuyết pháp xong, Pháp dữ đảnh lễ Phật rồi đi, lúc đó Phật bảo các Bí-sô: "chúng Thanh văn ni trong pháp luật của ta thì Bí-sô ni Pháp dữ là người thuyết pháp bậc nhất". Sau đó các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "ni Pháp dữ đời trước đã tạo nghiệp gì mà nay được xuất gia ngay tại nhà của mình, lại được đắc giới nhờ Phật khai cho sai sứ đến truyền giới, Pháp dữ ngay tai chỗ chứng được quả A-la-hán và được Phật thọ ký là người thuyết pháp bậc nhất trong Ni chúng?", Phật bảo các Bí-sô: "nghiệp mà Pháp dữ đã tạo đời trước, nay quả báo thành thục nên được thọ hưởng, như bài kệ:

*"Dù trải qua trăm kiếp,*
*Nghiệp đã tạo không mất,*
*Khi nhân duyên hội họp,*
*Tự thọ lấy quả báo".*

Các thầy lắng nghe: Quá khứ Hiền kiếp, lúc con người thọ hai vạn tuổi có Phật Ca-diếp-ba ra đời

đầy đủ mười hiệu, ở trong vườn Thi lộc, chỗ Tiên nhơn đọa xứ thuộc thành Bà-la-nê-tư. Lúc đó trong thành có một trưởng giả rất giàu có, cưới vợ chưa bao lâu thì vơ có thai, đủ tháng sanh ra một bé gái. Đến tuổi trưởng thành cô gái này muốn xuất gia nhưng cha mẹ không cho, cô liền bạch với vị bổn sư là một lão ni: "Thánh giả có thể giúp con được xuất gia, thọ Cận viên, thành tựu tánh Bí-sô ni ở ngay tại nơi đây không?", đáp: "con hãy an tâm đợi ta bạch Phật". Phật nghe lão ni bạch rồi liền sai lão ni này đến truyền thọ pháp Tam quy ngũ giới, cho xuất gia, kế cho thọ pháp chánh học, cuối cùng được hai bộ tăng sai sứ ni đến truyền thọ Cận viên. Vị lão ni quán căn tánh, tùy cơ thuyết pháp khiến cho cô gái ngay nơi chỗ ngồi chứng quả A-la-hán; sau đó lại được Phật thọ ký là người thuyết pháp bậc nhất trong chúng Ni. Vị lão ni này suy nghĩ: "cô gái này được xuất gia, thọ Cận viên, sau khi nghe pháp tỏ ngộ chứng quả A-la-hán đều là nhờ nơi ta mà được lợi ích thù thắng này", do suy nghĩ như vậy nên vị lão ni này phát nguyện: "con trọn đời tu phạm hạnh trong giáo pháp của Phật Ca-diếp-ba, nguyện xin đem công đức thiện căn tu tập này, ở đời vị lai lúc con người thọ trăm tuổi, có Phật Thích ca mâu ni ra đời đầy đủ mười hiệu, con sẽ như cô gái này, ngay tại nhà mình được thọ các học xứ, nghe pháp liền tỏ ngộ, được xuất gia trong giáo pháp của vị Phật ấy, đoạn trừ phiền não,

chứng quả A-la-hán và cũng được Phật thọ ký là người thuyết pháp bậc nhất trong chúng Ni".

Này các Bí-sô, lão ni thuở xưa chính là Pháp dữ ngày nay, do lực của lời phát nguyện ngày xưa mà nay được quả báo này. Này các Bí-sô, hễ tạo nghiệp thuần đen thì cảm quả báo dị thục thuần đen; tạo nghiệp thuần trắng thì cảm quả báo dị thục thuần trắng; tạo nghiệp xen tạp thì được quả báo xen tạp, các thầy nên bỏ nghiệp thuần đen và nghiệp xen tạp, phải siêng tu tập nghiệp trắng", nghe Phật dạy rồi, các Bí-sô đều hoan hỉ tín thọ phụng hành, đảnh lễ Phật rồi đi ra.

-oOo-

# CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA TẠP SỰ

## QUYỂN 33

### 9. Nhiếp tụng thứ chín trong Biệt môn thứ bảy:

*Ngoài chùa không được sám,*
*Không nhờ nam cạo tóc,*
*Không cho thuê chùa Ni,*
*Không dùng đá kỳ cọ.*

Duyên xứ như trên, lúc đó có một Bí-sô ni theo học với Bí-sô, do có lỗi nên bị quở trách, cô trở về chùa nằm buồn bã. Thân giáo sư hỏi rõ nguyên do rồi bảo ni đến chỗ vị ấy sám hối, ni này đến phòng tìm không thấy, sau đó thấy vị kia đang kinh hành ngoài chùa, liền đến đảnh lễ xin sám hối, vị này không thọ sám liền bỏ đi. Người tục thấy việc này rồi, cho ni này bị dục nhiễm trói tâm nên nói: "tôi biết Thánh giả muốn sám hối nhưng vị ấy không thọ, hay là đến với chúng tôi, cần gì chúng tôi sẽ đáp ứng cho", ni này nghe rồi xấu hổ im lăng trở về trong chùa, bạch Phật, Phật nói: "do Bí-sô không thọ sám nên khiến người tục tham dục hôn

mê khởi phân biệt xấu xa này. Từ nay Bí-sô ni ở bên ngoài chùa không được đến bên Bí-sô xin sám hối, Bí-sô nên thọ sám, không nên bỏ đi. Ai làm trái thì phạm tội Việt pháp".

Duyên xứ như trên, lúc đó có Bí-sô ni nhờ thợ cạo cạo tóc cho mình, thấy người này trẻ trung, ni liền sanh tâm ái, bạch Phật, Phật nói: "các Bí-sô ni tâm thường loạn động, nếu không chế phục tâm ý thì sẽ bị phiền não dối gạt. Lại nữa tánh người nữ, tâm dục rất mạnh, từ nay Bí-sô ni không được một mình nhờ người nam cạo tóc. Nếu muốn nhờ cạo tóc nên kêu một ni khác ngồi cạnh, nếu thấy người nam cạo tóc kia sanh tâm dục nhiễm, hiện tướng khác lạ thì ni kia nên nói: "hiền thủ nên biết, thân người nữ do xương thịt giả hợp tạo thành, hư vọng không thật, chớ sanh tà niệm với Bí-sô ni mà chịu khổ nơi địa ngục". Nếu Bí- sô ni sanh tà niệm, ni kia nên nói: "cô đã bỏ tục xuất gia, hãy nhớ lai khi ở trong hai bộ chúng thọ Cận viên cô đã thệ nguyện gì. Như Phật đã dạy đối với các dục vị ngọt thì ít mà nguy hiểm thì nhiều, cô hãy bỏ tà niệm, giữ tâm xuất gia". Nói như vậy thì tốt, nếu không nói thì ni kia phạm tội Việt pháp".

Duyên xứ như trên, lúc đó ni Thổ-la-nan-đà khuyên một trưởng giả làm chùa ni rồi cùng với nhiều ni ở chung trong đó. Thời gian sau có năm trăm thương nhân từ phương nam đến thành Thất-la-phiệt, muốn tìm nơi nghỉ đêm nhưng không có

nên phải dừng nghỉ ở bên đường. Thấy chiều tối trời sắp mưa, họ ưu sầu không biết tính sao, ni Thổ-la- nan-đà thấy vậy liền nói: "trời sắp mưa vì sao không thu dọn hàng hóa tìm nơi dừng nghĩ?", đáp: "Thánh giả, chúng tôi đã tìm hỏi khắp nơi trong thành nhưng không thuê được phòng, biết phải làm sao", ni nói: "ban đêm trời sẽ mưa, vì sao không trả giá cao, hàng hóa gặp mưa sẽ bị hư tổn, ai chịu mua nữa", đáp: "chúng tôi đã trả giá cao nhưng vẫn không tìm được chỗ thuê. Đây là nghiệp của tôi, đành phải đợi đến sáng mai", ni nói: "nếu các vi cho giá gấp bội thì có thể vào trong chùa trú", đáp: "lành thay như lời Thánh giả nói". trong khi họ vận chuyển hàng hóa vào chùa, ni Thổ-la-nan-đà vào trong chùa đuổi hết các ni ra ngoài để cho các thương nhân thuê. Các ni phải chạy sang chùa khác trong đêm lại bị mưa làm cho y phục ướt và dính bùn dơ. Các ni ở chùa khác thấy vậy liền hỏi rõ nguyên do rồi chê trách: "tại sao Bí-sô ni lại đuổi các ni ra ngoài chùa để cho người tục thuê?", các ni đem việc này bạch Phật, Phật nói: "không được đem chùa cho người tục thuê, ai làm trái thì phạm tội Việt pháp".

Duyên xứ như trên, lúc đó ni Thổ-la-nan-đà đến chỗ người nam tắm để tắm rồi lấy gạch đá kỳ cọ thân, những người nam thấy vậy liền sanh tâm dục nói với nhau: "hay xem cô ni kia học cách tắm rửa của chúng ta", do bị chê trách nên bạch Phật,

Phật nói: "Bí-sô ni không được đến chỗ của những người ngu ám loạn tâm dâm dục để tắm, cũng không được dùng gạch đá kỳ cọ thân, nếu làm thế thì phạm tội Việt pháp".

**10. Nhiếp tụng thứ mười trong Biệt môn thứ bảy:**

*Không dùng xương và đá,*
*Gỗ, sừng... để kỳ cọ,*
*Chỉ dùng tay kỳ cọ,*
*Vật khác đều không cho.*

Duyên xứ như trên, do Phật chế không dùng gạch kỳ cọ, ni kia liền dùng các vật khác bằng xương, sừng… để kỳ cọ lúc tắm, bị chê trách như trước nên Phật chế chỉ dùng tay kỳ cọ, tất cả vật khác đều không cho, nếu dùng thì phạm tội Việt pháp.

## VIII. TỔNG NHIẾP TỤNG BIỆT MÔN THỨ TÁM:

*Phá tháp, sám, trước cửa,*
*Được sai, không nên chứa,*
*Không cùng nữ, dọ vợ,*
*Thuốc tả, ba y, rắn.*

**1. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ tám:**

*Phá tháp, hại Ba ly,*
*Tăng chế không nên trái,*
*Ni không nạn cho vào,*
*Tùy thời mà giáo giới.*

Duyên xứ như trên, lúc đó Bí-sô ni Bản thắng qua đời, sau khi hỏa thiêu xong, nhóm thập nhi Bí-sô ni thu lấy hài cốt xây tháp ở nơi rộng rãi, treo phướn lọng đẹp đẻ, đặt vòng hoa trên tháp và rưới hương chiên đàn để cúng dường. Lại sai hai ni biết tán tụng hằng ngày đem bột rửa và nước sạch đến, hễ thấy có Bí-sô khách đến thì đưa bột rửa để rửa tay chân, đưa hương hoa rồi xướng kệ tụng dẫn họ đi nhiễu tháp. Hôm đó có một khách Bí-sô A-la-hán tên là Kiếp tỳ đức cùng năm trăm môn đồ du hành trong nhân gian, trên đường đến thành Thất-la-phiệt đi ngang qua tháp này. Bậc A-la-hán nếu không quán sát thì sẽ không biết được việc phía trước, thấy tháp liền suy nghĩ: "ai mới xây tháp thờ tóc và móng tay của Phật ở đây, ta nên đến làm lễ", nghĩ rồi liền đến tháp. Hai ni kia đưa bột rửa và nước để rửa tay chân rồi dẫn năm trăm người đi nhiễu tháp, nhiễu tháp xong rồi đi. Cách tháp đó không xa, tôn giả Ưu-ba-ly đang ngồi tịnh dưới gốc cây nói với tới: "cụ thọ Kiếp tỳ đức hãy quán sát xem đã lễ bái tháp của ai", Bí-sô A-la-hán nghe rồi liền suy nghĩ: "vì sao cụ thọ Ưu-ba-ly lại nói thế", nghĩ rồi liền quán sát mới biết trong tháp an trí xương cốt của Bí-sô ni Bản thắng. Do còn tập khí sân nên vị này tức giận nói: "cụ thọ Ưu-ba-ly, ở đây có mụt ghẻ sanh trong Phật pháp mà sao không để ý đến", Ưu-ba-ly không đáp, Bí-sô A-la-hán bảo các môn đồ: "nếu các vị kính thọ giáo pháp của bậc

đại sư thì hãy cùng nhau đến đống gạch kia, mỗi người cầm một viên phá hủy tháp ấy cho ta", môn đồ vâng lời làm theo, trong chốc lát cái tháp bị phá hủy. Hai ni kia thấy việc này rồi kêu khóc rồi chạy đi báo, nhóm thập nhị Bí-sô ni và các ni chưa ly dục nghe rồi liền khóc to, Thổ-la-nan-đà hỏi hai ni kia: "vừa rồi ai đã nói cho Bí-sô kia biết?", đáp là tôn giả Ưu-ba-ly, Thổ-la-nan-đà nói: "ta vừa nghe nói liền biết ngay là thợ cạo tóc trước kia, tuy đã xuất tục nhưng tánh không thay đổi, hãy cùng đến trị nó. Như Thế tôn nói có kẻ phá hoại đồ chúng thì đồ chúng không để yên, chúng ta lẽ nào lại bỏ qua", nói rồi liền cầm dao gậy, dẫn chúng ni đi đến chỗ tôn giả Ưu-ba-ly để giết. Tôn giả thấy liền suy nghĩ: "xem bộ dạng các ni này vội vã, ắt có ý muốn hại ta", nghĩ rồi liền quán biết họ đang tức giận muốn đến hại mình, vội nhiếp tâm nhập Diệt tận định nhưng quên dùng thần lực hộ đại y. Các ni đến dùng dao gậy dập chém thân tôn giả, do định lực nên tôn giả ngừng hơi thở, người như thây chết, các ni tưởng đã giết xong nên bỏ về chùa. Sau khi xuất định thấy đại y đã rách nát, tôn giả trở về trú xứ nói với các Bí-sô: "các Bí-sô ni suýt giết chết tôi", các Bí-sô hỏi rõ nguyên do rồi nói: "các Bí-sô ni dù có sân hận cũng chỉ nên không lễ kính, không chào hỏi; sao lại có thể dùng dao gậy đến để giết cụ thọ suýt chết?", nói rồi cùng nhau lập chế không cho ni vào rừng Thệ đa, sau khi Tăng lập chế rồi,

các ni đều không vào cũng không sanh cung kính. Lúc đó Đại thế chủ đến để lễ kính Thế tôn, các Bí-sô không cho vào, ni nói: "không lẽ tôi lại giống như các ni lầm lỗi kia hay sao?", Bí-sô nói: "Tăng đã lập chế, tôi biết làm sao", ni nghe rồi quay về. Lúc đó Phật tuy biết nguyên do nhưng vẫn hỏi A-nan: "có phải Đại thế chủ bịnh không, vì sao không thấy đến?", A-nan đem việc trên bạch Phật, Phật nói: "các Bí-sô lập chế này tuy đúng nhưng các Bí-sô ni tùy thuộc theo các Bí-sô, nếu không cho vào chùa thì không sanh cung kính. Từ nay các Bí-sô ni muốn vào chùa cần phải bạch với Bí-sô rồi mới được vào, cũng không nên giáo giới ni". Lúc đó các ni không biết phải bạch như thế nào, Phật nói: "khi ni muốn vào chùa Tăng bạch với Bí-sô là muốn vào chùa, Bí-sô nói nếu không cầm dao gậy với ý làm chướng nạn thì được vào. Nếu không bạch trước mà liền vào thì phạm tội Việt pháp, Bí-sô thấy ni vào chùa mà không nói như trên cũng phạm tội Việt pháp". Phật đã dạy Bí-sô không nên giáo giới ni nhưng Lục chúng Bí-sô vẫn không ngừng giáo giới, Phật nói: "nếu Bí-sô ni có lỗi, Tăng chưa hoan hỉ thứ lỗi cho họ, Bí-sô nào liền giáo giới thì phạm tội Việt pháp; pháp Trưởng tịnh và Tùy y đều chuẩn theo đây mà biết".

**2. Nhiếp tụng thứ hai trong Biệt môn thứ tám:**

*Ni sám không nên khinh,*

*Tùy ý (Tự tứ) khỏi Trưởng tịnh (bố tát)*
*Nên lẫn nhau thọ sám,*
*Ni chúng ngồi nên biết.*

Duyên xứ như trên, lúc đó có một Bí-sô ni theo học với Bí-sô, phạm lỗi nên bị Bí-sô quở trách… giống như trên, cho đến câu khi ni này đến cầu sám tạ thì Bí-sô này đạp chân trên đầu rồi bỏ đi. Khi trở về chùa, các ni hỏi đã sam tạ chưa thì đáp: "không nên gặp lại vị thầy như vậy nữa", các ni hỏi rõ nguyên do rồi nói: "sao lại có thái độ khinh miệt như thế, đến xin sám tạ không thọ thì thôi, lại còn đạp chân trên đầu rồi bỏ đi", bạch Phật, Phật nói: "ni trách như vậy là đúng, từ nay khi ni đến sám tạ, Bí-sô không được đạp chân trân đầu rồi bỏ đi, ai làm thế thì phạm tội Việt pháp. Ni khi bị quở trách cũng không nên vội đến sám tạ, nên tuần tự cầu sám tạ". Lúc đó các ni không biết phải tuần tự như thế nào, Phật nói: "trước hết nên nhờ một Bí-sô hay Bí-sô ni, Cận sự nam hay nữ đến gặp vị kia khéo dùng phương tiện khiến cho hoan hỉ rồi mới đến sám tạ".

Duyên xứ như trên, như Phật đã dạy nên tác pháp tùy ý về ba việc thấy nghe nghi, lúc đó Bí-sô an cư xong liền tác pháp Tùy ý rồi lại làm Trưởng tịnh. Một Bí-sô nói: "tôi thấy Trưởng tịnh và Tùy ý đều là làm cho thanh tịnh, nên biết Trưởng tịnh tức là Tùy ý", một người nói: "Trưởng tịnh và Tùy ý hai việc khác nhau", bạch Phật, Phật nói: "tuy hai

việc khác nhau nhưng đều là làm cho thanh tịnh, nên biết Tùy ý rồi thì không cần làm Trưởng tịnh nữa".

Duyên xứ như trên, lúc đó các Bí-sô trước đã có hiềm khích nhau nên hay tìm lỗi của nhau, khi ở trong chúng tác pháp Tùy ý, họ bèn đem lỗi của nhau ra để gạn trách về ba việc thấy nghe nghi, khiến cho các thân hữu cho đến hai thầy và các bạn đồng học đều vì nhóm phái của mình mà cùng tranh cãi nhau, thành việc phá tăng với ý kiến bất đồng nhau. Những vị trung lập khuyên can: "các cụ thọ chớ nên tranh cãi nhau, hãy trụ tâm xuất gia của mình. Như Phật đã dạy: nơi nào có Bí-sô tranh cãi nhau, tức giận đối chọi nhau thì ta không muốn nghe nói đến nơi ấy, huống chi là muốn đến, khi nào dứt tranh thì ta mới đến. Nếu Bí-sô nào dứt bỏ ba thiện căn là không tham, không sân, không si mà tạo ba pháp bất thiện căn là tham sân si thì Bí-sô ấy sẽ tức giận tranh cãi, đối chọi nhau và ôm lòng hận thù. Ngược lại nếu Bí-sô nào dứt bỏ ba pháp bất thiện tham sân si thì Bí-sô ấy sẽ không tức giận tranh cãi, không ôm lòng hận thù. Thế nên các thầy nên dứt bỏ pháp ác, tu tập pháp thiện". Nhưng các Bí-sô này không chịu dừng tranh cãi, người tục thấy vậy liền chê trách: "các Sa môn trọc đầu này khi tác pháp Tùy ý, không giữ tâm xuất gia, tranh cãi với nhau", bạch Phật, Phật nói: "họ chê trách như vậy là đúng, từ nay Bí-sô nào biết có

Bí-sô khác hiềm khích thì không nên cùng một chỗ tác pháp Tùy ý, phải sám tạ trước rồi mới cùng tác pháp". Sau đó, các Bí-sô sám tạ nhau trong ngày Tùy ý khiến tăng thêm tức giận và lại tranh cãi nhau, tâm không thể xả. Phật nói: "không nên sám tạ ngay trong ngày Tùy ý, nên sám tạ trước khoảng tám chín ngày". Sau đó, các Bí-sô theo lời Phật dạy cùng nhau sám tạ trước, Phật nói: "không phải tất cả Bí-sô đều sám tạ, chỉ những người có hiềm khích nhau mới sám tạ để cùng hoan hỉ cho nhau".

Duyên xứ như trên, như Phật đã dạy cách năm năm nên làm đại hội đảnh kế, lúc đó các trưởng giả, Bà-la-môn cùng tranh hơn thua nên làm đại hội Vô già, thỉnh hai bộ tăng đến dự. Như Phật đã dạy nên ngồi theo thứ lớp tuổi hạ, khi các ni y theo thứ lớp tuổi hạ để ngồi thì gây ồn náo, Phật nói: "người nữ tánh tham, trong đại hội thì hai ba bốn người đi trước theo ngồi theo thứ lớp tuổi hạ, số còn lại cứ tùy ý ngồi gần người mà mình quen biết".

**3. Nhiếp tụng thứ ba trong Biệt môn thứ tám:**

*Trước cửa không Trưởng tịnh (bố tát)*
*Cần phải sai hai ni,*
*Khi đến giờ Trưởng tịnh,*
*Sai người đợi Ni bạch.*

Duyên xứ như trên, như Phật đã dạy trừ pháp

sự phải yết ma chung, các pháp sự khác Bí-sô và Bí-sô ni phải tác pháp riêng. Lúc đó vào ngày Trưởng tịnh, các Bí-sô ni tụ đến rừng Thệ đa để cùng trưởng tịnh, Bí-sô liền ở ngay trước cửa cổng cùng Ni làm trưởng tịnh. Các trưởng giả thấy tụ đông đi đến xem thì họ liền đứng yên, Phật bảo các Bí-sô không được cùng Ni làm trưởng tịnh ngay trước cổng. Sau đó, các Bí-sô cùng Ni làm trưởng tịnh trong chùa thì lại có nhiều lời bàn tán, Phật bảo các Bí-sô không được cùng Ni làm trưởng tịnh trong chùa. Lúc đó các ni không biết có nên trở về chùa mình hay không, Phật nói: "ni đi đến giữa đường, các Bí-sô sẽ đến đó cùng làm trưởng tịnh". Khi đang ở giữa đường cùng làm trưởng tịnh; các trưởng giả, Bà-la-môn thấy liền nói với nhau: "các Sa môn nam nữ trọc đầu này đang bàn nói việc gì", một người nói: "còn bàn việc gì nữa, khi chúng ta nói chuyện, ni im lặng nghe, đến đây nói lại cho Bí-sô nghe, Bí-sô sau đó đến nói lại cho vương gia nghe, vua trị phạt chúng ta đều do đám Sa môn này thêu dệt mà ra". Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "không nên làm trưởng tịnh ở giữa đường, vào ngày trưởng tịnh mỗi nửa tháng, Ni chúng nên sai hai ni đến trong Tăng bạch thanh tịnh và thỉnh giáo thọ". Sau đó Ni chúng sai người không có năng lực, khi vào trong Tăng không thể tự bạch thanh tịnh, Phật bảo nên sai người có năng lực.

Sau đó khó sai được hai người có năng lực, Phật nói một người cũng được; người này khi đến trong Tăng, nhìn thấy uy nghiêm của Phật và Tăng, không biết phải hướng đến ai để bạch thanh tịnh nên quay trở về, vì thế Ni chúng không làm trưởng tịnh. Phật nói: "Ni chúng sai một ni đến bạch, trong Tăng nên sai một Bí-sô ra đứng ở cửa chờ Ni đến bạch, Bí- sô thọ lời bạch này rồi đến trong Tăng bạch, lúc đó Tăng tác bạch nhị yết ma sai người giáo thọ ni".

**4. Nhiếp tụng thứ tư trong Biệt môn thứ tám:**

*Được sai không bỏ đi,*
*Phải hỏi tên Giáo thọ,*
*Đội khăn, làm đãy bát,*
*Ni không được kết hoa.*

Duyên xứ như trên, lúc đó Tăng sai Bí-sô đứng ở cửa chờ Ni đến bạch thanh tịnh, khi Ni đến gần bạch thì Bí-sô này nói: "chớ đến gần tôi, chớ đụng vào tôi", nói rồi bỏ đi. Ni đành phải trở về chùa và Ni chúng không làm trưởng tịnh, Phật nói: "Bí-sô được sai không nên bỏ đi, phải thọ lời bạch của họ, nên nói rằng: cô hãy ngồi bạch, chớ đến gần cũng chớ xúc chạm tôi. Nếu không thọ lời bạch mà bỏ đi thì phạm tội Việt pháp". Lại có trường hợp Bí-sô được sai đến cửa trễ, ni đến bạch không thấy ai, chỉ thấy một người trùm khăn lông đứng xem bức

vẽ bánh xe sanh tử ở cửa, vội đến chỗ người này để bạch thanh tịnh: "Thánh giả nhớ nghĩ, Ni chúng chùa Vương viên sai con đến đảnh lễ Thánh chúng trong rừng Thệ đa và thăm hỏi có được ít bịnh, ít não, sở hành có được an lạc không và bạch: vào ngày Bao-sái-đà, Ni chúng đều thanh tịnh", người kia im lăng không biết nói gì, ni nói: "Thánh giả hãy nói khả nhĩ", người kia nghe nhưng không hiểu gì nên cúi đầu bỏ đi, ni cũng trở về chùa; sau đó, Bí-sô kia đến cửa chờ lâu không thấy ai nên trở về phòng mình. Đến lúc bố tát, vị thọ sự đơn bạch xong hỏi: "vị nào đem lời bạch thanh tịnh của Ni chúng đến", không có ai đáp, vị thọ sự suy nghĩ: "không lẽ Ni chúng không sai người đến bạch thanh tịnh", nghĩ vậy nên sau đó không sai Bí-sô ra cửa chờ Ni đến bạch nữa. Lần thuyết giới sau, Ni đến bạch thanh tịnh chờ mãi không thấy ai nên quay trở về và Ni chúng không làm trưởng tịnh. Sáng hôm sau các ni đến hỏi các Bí-sô nguyên do, các Bí-sô nói: "lần trưởng tịnh trước, Ni chúng đâu có sai ai đến bạch thanh tịnh, cho nên lần này...", ni được sai đến bạch lần trước liền nói là có đến rồi kể lại việc lần trước, các Bí-sô nghe rồi liền biết đó là ngoại đạo lõa hình nên nói với nhau: "ni nay bạch thanh tịnh với ngoại đạo lõa hình", bạch Phật, Phật nói: "vì Ni đến bạch thanh tịnh mà không hỏi tên vị giáo thọ nên có lỗi này, ni kia không phạm, từ nay Bí-sô ni đến bạch thanh tịnh nên hỏi tên vị

giáo thọ, nếu không hỏi tên mà liền bạch thanh tịnh thì phạm tội Việt pháp". Sau đó, khi Ni đến bạch thanh tình, dù đã quen biết vị Bí-sô cũng vẫn hỏi tên, Phật nói: "nếu đã quen biết thì không cần hỏi tên".

Duyên xứ như trên, lúc đó Đại thế chủ bịnh, ni chúng đến thăm hỏi bịnh gì, đáp bịnh ----, lại hỏi trước kia dùng cách gì để trị bịnh, đáp: "khi còn tại gia, ta thường bịt khăn trên đầu để trị bịnh này", lại hỏi vì sao không làm như thế, đáp: "nay ta đã xuất gia, Phật chưa khai cho nên ta không dám", bạch Phật, Phật nói: "từ nay ở trong chùa ni nên đội khăn".

Duyên khởi tại thành Vương xá, lúc đó có một Bà-la-môn đến từng nhà khất thực, đến trước một nhà xin thì chủ nhà nói: "không có, hãy đi đi". Vừa đi ra liền thấy Đại thế chủ vào nhà ấy khất thực, người này liền suy nghĩ: "họ cũng không cho người này hay chỉ không cho ta", nghĩ rồi liền đứng lại nhìn xem. Lúc đó chủ nhà nói: "may mắn thay được Phật mẫu đến nhà", nói rồi niềm nở mời ngồi, đón lấy bát sớt đầy thức ăn thơm ngon rồi dâng cho Đại thế chủ. Khi Đại thế chủ trở ra, Bà-la-môn với tâm ganh ghét đến trước nói: "xin cho tôi xem thức ăn trong bát", vừa giở bát ra, Bà-la-môn này liền nhổ nước miếng vào, Đại thế chủ nói: "sao ngươi lại làm bẩn thức ăn trong bát của ta, nếu ngươi muốn xin thì cứ nói, ta sẽ cho ngay", Bà-la-môn im

lặng. Bạch Phật, Phật nói: "người nữ ít có oai đức nên mới khiến kẻ ngu kia tạo ác nghiệp phải chịu nhiều khổ báo. Từ nay khi đi khất thực, ni nên đãy đựng bát phủ kín ở trên", lúc đó ni không biết làm đãy đựng bát như thế nào, Phật nói: "nên làm một túi vải vuông một thước, để bát ở trong, trên làm dây để xách mang đi".

Duyên khởi tại thành Thất-la-phiệt, người phương Đông thường thích vườn hoa, lúc đó người trong thành mở đại hội vui chơi nên họ đem đủ các món ăn ngon cùng âm nhạc đến trong vườn hoa. Lúc đó có người sai sứ về nhà bảo vợ kết vòng hoa mang đến gấp, vì trong nhà người này có vườn hoa đẹp. Người vợ nghe rồi vào trong vườn hái hoa nhưng lại không biết kết vòng hoa nên mời người kết vòng hoa đến nhà để kết, người ấy đang bận kết vòng hoa cho người khác nên không thể đến ngay được, người vợ buồn bã không biết phải làm sao. Vừa lúc ấy có ni Thổ-la-nan-đà đến nhà khất thực, người vợ này nói: "cô hãy đi đi, tôi đang buồn rầu, không thể cho cô thức ăn", ni liền hỏi rõ nguyên do rồi hỏi: "vì sao cô không tự kết?", đáp: "tôi không biết kết, Thánh giả có biết không?", đáp: "nay ta đã già, nhưng hồi còn trẻ thì việc gì ta cũng biết", người vợ liền nói: "xin Thánh giả thương xót giúp tôi", đáp: "nếu cô cho ta đủ các món ăn ngon thì ta sẽ giúp cô", người vợ bằng lòng. Ni liền ngồi xuống duỗi chân kết vòng hoa, người vợ này nhìn

thấy vòng hoa liền khen đẹp, vui mừng sớt thức ăn đầy bát đưa cho Thổ-la-nan-đà. Sau đó người kết vòng hoa đến nhà, người vợ này nói: "ngươi đã đến trễ rồi, vòng hoa đã được kết xong và đã đưa tới trong vườn hoa rồi", liền hỏi là ai đã kết, đáp là Thánh giả Thổ-la-nan-đà, người kia nghe rồi liền chê trách: "nữ Sa môn đã làm việc phi pháp, vì sao lại đoạt nghề kiếm sống của tôi". Bạch Phật, Phật nói: "việc làm này là phi pháp, bị chê trách là đúng, từ nay Bí-sô ni không được kết vòng hoa, ai làm thì phạm tội Việt pháp". Sau đó, trong đại hội đảnh kế và trong những hội năm năm, sáu năm của Phật; vua Thắng quang… cho đến các Cận sự nam nữ đều cầu thắng thượng nên tranh dâng vòng hoa. Hoa đẹp rất nhiều nhưng người kết vòng hoa thì ít, người tín tâm nói với các ni: "chúng con kết vòng hoa để cúng dường đại sư, xin các ni kết vòng hoa giúp con", ni nói: "Phật đã chế ngăn không cho ni kết vòng hoa, chúng tôi làm sao giúp được", bạch Phật, Phật nói: "nếu vì Tam bảo thì ni được kết vòng hoa". Lúc đó các ni hoặc ngồi ở ngay cổng, hoặc ngồi dưới hành lang duỗi chân để kết vòng hoa, người tục nhìn thấy liền nói đùa: "chắc các Thánh giả đều là các cô gái kết vòng hoa xuất gia", các ni nghe rồi xấu hổ im lặng. Bạch Phật, Phật nói: "người tục chê trách như vậy là đúng, từ nay ni không nên ngồi kết vòng hoa ngay cổng hay dưới hiên, nên ngồi ở chỗ khuất kín không để cho

người tục nhìn thấy. Ai làm trái thì phạm tội Việt pháp".

**5. Nhiếp tụng thứ năm trong Biệt môn thú tám:**

*Không nên chứa bát đồng,*
*Làm cho rượu ngon lại,*
*Cho thuê nhà, cửa hàng,*
*Dối gạt làm thầy bói.*

Duyên xứ như trên, ni Thổ-la-nan-đà đến nhà thợ làm đồng hỏi: "hiền thủ, có thể làm bát bằng đồng được không?", đáp: "đây là nghề của con, có gì không làm được. Thánh giả muốn làm bát lớn hay bát nhỏ?", đáp là làm lớn cỡ ----, lại hỏi: "Thánh giả làm bát lớn như thế để làm gì?", đáp: "người ngu si này, chẳng lẽ ông làm không, không lấy tiền hay sao mà hỏi", người thợ làm đồng suy nghĩ: "làm lớn theo ý của khách đối với ta có hại gì", nghĩ rồi liền làm bát lớn. Làm xong, Thổ-la-nan-đà lại bảo làm thêm một bát nữa đặt lọt vào trong bát này, thứ lớp như thế đến cái bát thứ bảy. Sau khi làm xong liền bảo đệ tử đánh bóng rồi dùng chỉ ngũ sắc đan lưới để đựng cả bảy cái bát đó và bảo Cầu tịch nữ đội trên đầu mà đi đến chỗ thọ thỉnh. Sau khi vào nhà thí chủ, ngồi vào chỗ ngồi rồi liền mở lấy bảy cái bát ra để ở trước mặt; các cư sĩ thấy rồi liền nói: "chẳng lẽ Thánh giả mở cửa hàng bán đồ đồng hay sao?", đáp: "các người

không biết gì cả, bảy cái bát này: bát thứ nhất đựng cơm; bát thứ hai đựng canh rau, những bát còn lại đựng các nón ăn khác", cư sĩ nói: "nếu vậy cần thêm một vật đựng nữa để đựng thức ăn uống nhiều hơn", Bí-sô ni nghe rồi liền im lặng. Ni bạch Bí-sô, Bí-sô bạch Phật, Phật bảo: "do Bí-sô ni chứa bát đồng nên có lỗi này, từ nay Bí-sô ni không được chứa bát đồng. Ai làm trái thì phạm tội Việt pháp, nhưng cất chứa muỗng đồng, mâm đồng đựng muối, chung nước bằng đồng thì không phạm".

Duyên xứ như trên, lúc đó có một trưởng giả, vợ sanh một gái có con mắt phải thông ngươi (không có con ngươi, chỉ có tròng trắng), bị cho là tướng ác nên không ai đến hỏi cưới làm vợ. Trong thành cũng có một trưởng giả giàu có, kết hôn chưa bao lâu thì vợ chết, lần lượt cưới thêm vợ khác cho đến người vợ thứ bảy cũng chết, nên người đương thời gọi ông là trưởng giả giết vợ. Do không thể sống cô độc nên ông tìm đến những nhà có con gái để cầu hôn, cha mẹ của cô gái đều nói: "chẳng lẽ chúng tôi muốn giết con gái của mình hay sao?", sau đó ông lại tìm đến các quả phụ để cầu hôn, họ đều nói: "chẳng lẽ chúng tôi lại muốn tự sát hay sao?". Do tìm vợ thêm không được nên ông phải tự quản lý việc nhà, một người bạn đến thăm thấy vậy hỏi rõ nguyên do rồi nói: "sao ông không hỏi cưới cô gái có mắt phải thông ngươi", đáp là sợ họ

không chịu gả, người bạn nói: "tôi biết nhà ấy rất mong gả được con gái, ông cứ đến hỏi đi". Trưởng giả nghe lời bạn liền đến nhà kia hỏi cưới, người cha của cô gái liền chấp thuận lời cầu hôn này và nói: "nên vào ngày _____ tổ chức hôn lễ". Lúc đó rượu trong nhà vì nóng nên bị hư, người nhà phải đặt mua rượu ở bên ngoài, các nhà làm rượu đều nhận làm rượu cho họ. Khi ni Thổ-la-nan-đà đến nhà này khất thực, gia nhân nói: "tôi đang lo về rượu bị hư nên không thể cho thức ăn được", ni nói: "vì sao không làm cho ngon lại?", đáp: " tôi không biết làm, Thánh giả có biết không?", đáp: "nay ta đã già, nhưng hồi còn trẻ thì việc gì ta cũng biết", gia nhân liền nói: "xin Thánh giả thương xót giúp tôi", đáp: "nếu có cho ta đủ các món ăn ngon thì ta sẽ giúp làm cho rượu ngon lại", gia nhân bằng lòng, liền bảo đem nồi rượu ra xem thử. Sau khi xem xét trên dưới của nồi rượu vì sao mà rượu bị hư, liền biết là do nóng, ni liền mở nắp, mở cửa sổ rồi bảo đạt nồi rượu trên cát ướt, kế dùng rêu xanh quấn bọc nồi lại rồi quạt cho hơi nóng bay ra, do có khí mát lạnh nên rượu ngon lại. Sau đó thân tộc đều tập họp đến, các nhà làm rượu chờ mãi không thấy ai đến lấy rượu liền sai người đến hỏi, họ đáp: "rượu đã được làm cho ngon lại nên không cần lấy rượu nữa", lại hỏi: "rượu đã hư còn có thể làm cho ngon lại hay sao, là ai đã làm?", đáp là Thánh giả Thổ-la-nan-đà, người kia nghe rồi liền

chê trách: "nữ Sa môn đã làm việc phi pháp, vì sao lại đoạt nghề kiếm sống của tôi". Bạch Phật, Phật nói: "đây không phải là pháp của Sa môn Thích tử, bị chê trách là đúng, từ nay Bí-sô ni không được chỉ dạy làm cho rượu ngon lại, ai làm thế thì phạm Tốt-thổ-la để".

Duyên xứ như trên, lúc đó có một trưởng giả thích bố thí, bỗng bịnh nặng ngày càng nguy kịch, biết mình sống chẳng được bao lâu nên đem tài vật cấp thí cho Sa môn, Bà-la-môn và những người nghèo khổ cô độc, chỉ còn lại mỗi căn nhà trống không. Lúc đó ni Thổ-la-nan-đà đến nói với trưởng giả: "thông thường người nữ được lợi dưỡng rất ít, ông hãy hỷ xả ban cho ít nhiều", trưởng giả nói: "Thánh giả đã đến chậm một bước rồi, tài vật đã có tôi đều đã cho hết, chỉ còn căn nhà trống không này", ni nói: "tôi vốn hy vong nên vác mặt đến đây, không ngờ phải trở về tay không", trưởng giả nói: "căn nhà này nếu Thánh giả muốn lấy thì tôi cũng không tiếc", ni nói: "nếu vậy thì tôi xin nhận, nguyện cầu ông hết bịnh khổ". Sau khi trưởng giả qua đời, thân tộc tụ đến đưa thi thể đến trong Thi lâm để hỏa thiêu, ni Thổ-la-nan-đà liền đến nhà niêm phong lại rồi đứng một bên. Sau khi hỏa thiêu xong trở về thấy nhà bị niêm phong liền hỏi là ai đã làm, Thổ-la-nan-đà nói: "người thọ thí tự đến niêm phong", hỏi là đã cho ai, đáp là cho ta, có người nói: "nếu vậy hãy cho tôi thuê, sau sẽ trả

tiền", hỏi có thật không, đáp là thật, ni liền mở cửa cho người ấy thuê nhà. Các trưởng giả, Bà-la-môn nghe biết việc này đều chê trách: "Sa môn nữ làm việc phi pháp, sao lại đem nhà của người khác cho thuê", bạch Phật, Phật nói: "đó không phải là pháp Sa môn, bị chê trách là đúng, từ nay Bí-sô ni không được cho người tục thuê nhà, ai làm thế thì phạm tội Việt pháp".

Duyên xứ giống như trên, chỉ khác là cửa hàng, cho đến câu Phật nói: "ai cho thuê cửa hàng thì phạm tội Việt pháp".

Duyên xứ như trên, lúc đó ni Thổ-la-nan-đà vào thành khất thực, thấy có một bà thầy bói lắc linh đi đến các nhà bói việc lành dữ, được nhiều tài vật đủ để nuôi thân, liền nghĩ đây là phương pháp tốt. Nghĩ vậy rồi sau khi có linh, sáng sớm liền vào thành đi đến từng nhà lắc linh hoặc làm việc tắm gội thân thể cho con trai con gái của người, hoặc dối nói việc lành dữ và những điềm sắp đến… khiến người trong thành đều nghe biết tiếng. Do ai có điều thỉnh cầu đều tìm đến ni nên không hỏi tới bà thầy bói kia nữa, khi bà thầy bói kia đến hỏi mọi người có cần xem tướng không thì họ đều nói: "không cần nữa, chúng tôi đã có thánh sư thông hiểu mọi việc…", lại hỏi là ai, đáp là Thánh giả Thổ-la-nan-đà, người kia nghe rồi liền chê trách: "nữ Sa môn đã làm việc phi pháp, vì sao lại đoạt nghề kiếm sống của tôi". Bí-sô bạch Phật, Phật nói:

"do Bí- sô ni làm thầy bói nên có lỗi này, từ nay Bí-sô ni không được làm thầy bói, ai làm thì phạm tội Việt pháp".

-oOo-

# CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA TẠP SỰ

## QUYỂN 34

**6. Nhiếp tụng thứ sáu trong Biệt môn thứ tám:**

*Không tắm với người nữ,*
*Cũng không tắm ngược dòng,*
*Đế bát nên chắc chắn,*
*Không chứa chén lưu ly.*

Duyên xứ như trên, lúc đó có một cô gái sau khi xuống sông tắm xong liền lên bờ ngồi chải tóc, ni Thổ-la-nan-đà mang bột tắm đến sông tắm thấy vậy liền tật đố suy nghĩ: "người nữ ngu si này muốn chọc tức ta nên ngồi đây chải tóc, cho là trước đây ta không có tóc hay sao", nghĩ rồi liền lặng lẽ cầm bột tắm bỏ lên đầu tóc của cô gái, cô gái nói: "tôi có lỗi gì mà Thánh giả bỏ bột tắm lên đầu tóc mà tôi vừa mới gội xong?", ni nói: "ngươi cho là trước đây ta không có tóc hay sao mà ngồi đây chải tóc, nay đầu tóc đã dơ rồi hãy gội lại đi", cô gái liền chê trách. Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "ni làm việc phi pháp bị chê trách là đúng, từ nay Bí-

sô ni không được bỏ bột tắm lên đầu tóc sạch của người khác, ai làm thế thì phạm tội Việt pháp".

Duyên xứ như trên, lúc đó ni Thổ-la-nan-đà cùng các ni đến tắm trong sông, một mình cô đứng ở chỗ ngược dòng nước chảy mạnh để thọ xúc lạc, các ni hỏi rõ nguyên do rồi nói: "đây không phải là tịnh pháp, cô không nên đứng ở chỗ ngược dòng nước chảy mạnh để thọ xúc lạc như thế", đáp: "đây là pháp rất tịnh, có gì là trái lý, nếu là bất tịnh thì đâu có học xứ nào ngăn cấm". Bạch Phật, Phật nói: "các ni chê trách như vậy là đúng, từ nay Bí-sô ni không được đứng ở chỗ ngược dòng nước chảy mạnh để thọ xúc lạc, ai làm thế thì phạm tội Việt pháp".

Duyên xứ như trên, lúc đó các ni có bát sắt bạ đâu để đây nên bị rỉ sét, do đem đập gõ nên bát bị hư, bạch Phật, Phật nói: "các ni không được có bát sắt bạ đâu để đấy, nên dùng miếng thiếc mỏng làm đế lót bát". Các ni liền dùng thiếc bọc hết bát, người tục thấy hỏi là vật gì, đáp là Phật cho dùng thiếc lót bát, người tục nói: "lẽ nào Phật bảo bọc thiếc hết bát hay sao, các vị nói dối, đây không phải việc mà Sa môn nữ nên làm", ni xấu hổ im lặng. Bạch Phật, Phật nói: "người tục chê trách đúng, từ nay Bí-sô ni không được dùng thiếc bọc hết bát, chỉ dùng miếng nhỏ đủ để làm đế bát". Sau đó, các ni lại làm đế bát có hình dáng kỳ lạ, Phật nói: "không được làm thế, hình dạng đế bát có hai: một

là như lá cây bồ đề hay lá cây đa căn, hai là như lòng bàn tay".

Duyên xứ như trên, lúc đó ni Thổ-la-nan-đà có chén lưu ly, một người nữ gần chùa đến hỏi mượn ni chén lưu ly để cho khách dùng, không ngờ khi đem về dùng lại lở tay làm rơi xuống đất bị bể. Sau đó Thâu-la-nan đà không thấy đem trả lại nên đến đòi, ni đó nói: "tôi đã lở tay làm rơi bể, tôi mua cái khác đền trả lại", Thâu-la-nan đà đòi phải trả cái cũ, cố ý làm xúc não nhau nên Bí-sô ni đem việc này bạch các Bí-sô, Bí-sô bạch Phật, Phật bảo: "do Ni có chén lưu ly nên có lỗi này, từ nay Ni không được cất chứa chén lưu ly để ăn hay uống, ai làm trái thì phạm tội Việt pháp".

**7. Nhiếp tụng thứ bảy trong Biệt môn thứ tám:**

*Do vợ, chứa tích trượng,*
*Khi nhảy múa chiêu tội,*
*Bánh ướt, thọ thỉnh thực,*
*Bạn thuyết pháp đi (nên) bạch.*

Duyên xứ như trên, lúc đó có một trưởng giả rất giàu có, do vợ sanh trai nên mở tiệc ăn mừng, đêm đó hai vợ chồng ngủ trong phòng đến sáng vẫn chưa thức dậy. Có một Bí-sô khất thực vào nhà, do nhà có nhiều cửa nên đi lạc vào phòng của trưởng giả, trưởng giả vừa thức dậy thấy Bí-sô đi qua chỗ người vợ đang nằm ngủ, cho là đã cùng vợ

làm việc phi pháp nên đánh Bí-sô vỡ đầu chảy máu và bể bát, người vợ thức dậy nói Bí-sô không có lỗi nên cho Bí-sô đi. Về đến trong rừng Thệ đa, các Bí-sô thấy hình dạng của Bí-sô này liền hỏi rõ nguyên do rồi bạch Phật, Phật nói: "Bí-sô khất thực không nên vội vào nhà có nhiều cửa, nên dùng bánh bột làm dấu trước cửa rồi mới vào". Sau đó có Bí-sô lặng lẽ vào nhà gặp người nữ đang lõa hình nên bỏ chạy ra, bị người tục chê trách, Phật nói: "khi sắp vào nhà nên lên tiếng cho họ biết". Sau đó Bí-sô trước khi vào nhà cất tiếng kêu ha ha, chủ nhà nói: "Thánh giả đâu phải là trẻ con mà cất tiếng kêu ha ha khi vào nhà tôi", đáp: "Phật chế trước khi vào nhà nên lên tiếng nên tôi mới kêu ha ha", họ nói: "không có cách gì lên tiếng hay sao mà lại kêu ha ha".

Bạch Phật, Phật nói: "từ nay không nên kêu ha ha", Bí-sô lại dùng tay đập cửa, chủ nhà hỏi: "vì sao lại đập cửa nhà tôi?", Phật nói: "từ nay không nên đập cửa, nên làm tích trượng", Bí-sô không biết làm tích trượng như thế nào, Phật nói: "trên đầu cây tích trượng có gắn một vòng tròn lớn như miệng chén, lại kết thêm nhiều vòng tròn nhỏ vào vòng tròn lớn này để khi rung có thể phát ra tiếng". Sau đó khi Bí-sô rung cây tích trượng báo cho chủ nhà biết thì bị chó sủa, Bí-sô liền dùng tích trượng đánh chó, Phật nói: "không nên dùng tích trượng đánh chó, chỉ đưa lên dọa làm cho nó sợ"; gặp phải

chó dữ, khi dọa như thế nó càng hung dữ hơn, Phật nói: "nên ném miếng bánh xuống đất cho nó". Sau đó, có Bí-sô khất thực đến trước nhà người không có tín tâm, rung mãi cây tích trượng mà không có ai ra nên mỏi mệt, Phật nói: "không nên rung hoài, chỉ chừng hai ba lượt, nếu không có ai ra thì nên bỏ đi".

Duyên xứ như trên, lúc đó có trưởng giả thỉnh Phật và Tăng đến nhà thọ thực, các Bí-sô đều đi, Phật ở lại chùa bảo thị giả mang thức ăn về. Có năm nhân duyên Phật ở lại chùa và bảo người nhận lấy phần thức ăn mang về: một là muốn yên tĩnh, xa lìa ồn ào; hai là muốn thuyết pháp yếu cho chư thiên; ba là muốn thăm nom người bịnh; bốn là muốn xem xét ngọa cụ; năm là muốn chế học xứ cho các đệ tử. Trường hợp này là Phật muốn chế học xứ, lúc đó ở trong nhà trưởng giả, vì vào mùa mưa lạnh nên trưởng giả dâng cúng món cháo nóng trước, kế là bánh khô, bánh nướng và rau củ. Khi ăn cháo, các Bí-sô húp cháo kêu rồn rột; khi ăn bánh, cắn kêu tách tách… hòa lẫn tiếng mưa rơi trên mái nhà kêu tí tách, tạo thành âm hưởng. Có một Bí-sô trước kia biết ca múa khi nghe âm hưởng này, không đè nén được thói quen cũ nên đứng dậy vừa múa máy tay chân vừa búng tay nhịp theo các âm hưởng ấy. Trong chúng vị nào không trụ tâm thì cất tiếng cười, vị nào có dụng tâm thì kinh ngạc, những người dọn đưa thức ăn nhìn thấy cảnh này

đều cười rộ lên, trưởng giả không vui liền chê trách. Khi Bí-sô nhận lấy phần thức ăn mang về cho Phật, Phật hỏi: "chúng tăng thọ thực có được no đủ không?", đáp: "Thế tôn, thọ thức ăn ngon và đều được no đủ nhưng thí chủ không vui chê trách", nói rồi liền kể lại việc trên. Phật thọ thực xong, ra ngoài rửa tay chân rồi trở vào phòng thiền tọa cho đến xế chiều. Sau đó đến trong chúng hỏi Bí-sô đã nhảy múa: "ở trong nhà thí chủ thầy dùng tâm gì mà đứng dậy nhảy múa?", đáp: "con do tâm trạo cử và với ý chê trách nên đứng dậy nhảy múa", Phật nói: "nếu Bí-sô nhảy múa với tâm trạo cử thì phạm tội Việt pháp, nếu với ý chê trách thì không phạm. Này các Bí-sô, do ăn phát ra tiếng nên có lỗi này, từ nay Bí-sô không nên ăn phát ra tiếng, ai làm trái thì phạm tội Việt pháp". Sau đó có người tục tín tâm đem bánh khô, củ, mía đến cúng cho Tăng, Bí-sô không thọ nên các cư sĩ nói: "khi Phật chưa ra đời, chúng tôi xem ngoại đạo là chỗ tu phước; nay Phật ra đời, chúng tôi xem các vị là đại phước điền. Vì sao các vị không thọ vật của chúng tôi cúng, há không phải khiến chúng tôi bỏ tư lương tốt thú hướng cho đời sau hay sao. Lại nữa Phật có dạy bố thí nên đúng lúc, đây là lương thực mới và trái cây vừa chín nên chúng tôi đem cúng các vị có giới đức dùng trước rồi sau mới tự dùng, cốt là mong được phước, xin hãy thương xót thọ vật cúng này", bạch Phật, Phật nói: "nên nhận, bánh khô thì

trộn với canh cơm cùng ăn, củ mía thì chẻ nhỏ ra ăn để không phát ra tiếng".

Duyên xứ như trên, lúc đó có trưởng giả thỉnh Phật và Tăng đến nhà thọ thực, các Bí-sô không đến cùng một lúc, do mỗi người đi riêng với bạn nên người đến trước phải chờ người đến sau, chờ lâu họ bảo chủ nhà dọn thức ăn để ăn trước... do dọn ăn nhiều lượt như vậy nên chủ nhà mệt nhọc chê trách. Bạch Phật, Phật nói: "không nên như thế, ai đến trước thì đứng ở cửa chờ rồi mới cùng vào nhà thí chủ một lượt, ai làm trái thì phạm tội Việt pháp". Sau đó có Bí-sô bịnh, do đợi người khán bịnh thọ thỉnh thực xong mới mang thức ăn về đến, nên bịnh nặng thêm. Bạch Phật, Phật nói: "có năm trường hợp được ăn trước và ăn trong phòng: một là khách mới đến, hai là người sắp đi xa, ba là người bịnh, bốn là người khán bịnh, năm là vị trị sự đang bận rộn".

Duyên xứ như trên, lúc đó có trưởng giả thỉnh Phật và Tăng đến nhà thọ thực, Phật ở lại chùa bảo thị giả nhận phần thức ăn mang về... như trên cho đến câu trường hợp này là vì muốn chế học xứ. Lúc đó ở nhà thí chủ, các Bí-sô sau khi thọ thực xong liền đứng dậy ra về, bổn ý thì chủ muốn được nghe pháp nhưng không ai thuyết nên chê trách. Bạch Phật, Phật nói: "thí chủ chê trách đúng, từ nay Bí-sô thọ thực xong không nên bỏ về ngay, nên thuyết pháp cho họ rồi mới về. Ai bỏ về ngay thì phạm tội

Việt pháp", Bí-sô không biết ai nên thuyết pháp cho thí chủ, Phật nói: "Thượng tòa nên thuyết, nếu vị thứ nhất không thuyết được thì vị thứ hai nên thuyết... theo thứ lớp như thế, hoặc thỉnh trước người có khả năng".

Duyên xứ như trên, lúc đó có một trưởng giả tín tâm thường lui tới trong rừng Thệ đa nghe pháp, hôm đó thỉnh Phật và Tăng đến nhà thọ thực, Phật ở lại chùa vì năm nhân duyên... như trên cho đến câu trường hợp này là vì muốn chế học xứ. Lúc đó ở nhà thí chủ, các Bí-sô sau khi thọ thực xong đều ra về hết, chỉ để một người được sai ở lại thuyết pháp cho thí chủ. Thí chủ cùng quyến thuộc cùng tụ lại một chỗ có oai lực lớn và rất oai nghiêm nên vị thuyết pháp sanh tâm sợ sệt, không thể thuyết diệu pháp được. Trưởng giả thấy vậy liền suy nghĩ: "do quyến thuộc của ta quá đông nên làm cho Bí-sô e sợ, không thể thuyết diệu pháp; vậy ta nên thuyết", nghĩ rồi liền nói với Bí-sô: "Thánh giả, như Phật đã dạy:

*Bố thí được giàu có,*
*Trì giới được sanh thiên,*
*Chuyên tu đoạn phiền não,*
*Đây là pháp nên theo".*

Bí-sô nghe rồi không biết đáp lại như thế nào nên trở về chùa, đem việc trên kể lại cho các Bí-sô, Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "từ nay không nên sai một người thuyết pháp, nên sai thêm bốn người

làm bạn". Sau đó, khi Tăng sai thêm bốn người làm bạn với Bí-sô thuyết pháp, các Bí-sô làm bạn này do có duyên sự ra ngoài không báo nên Bí-sô thuyết pháp chỉ có một mình lại như trước không thể thuyết pháp được. Bạch Phật, Phật nói: "nếu Bí-sô được sai làm bạn với người thuyết pháp thì khi đi đâu nên bạch rồi mới đi, ai không bạch thì phạm tội Việt pháp".

**8. Nhiếp tụng thứ tám trong Biệt môn thứ tám:**

*Thuốc tả, răng có độc,*
*Cây nạo lưỡi nên rửa,*
*Do tội nghiệp đã dứt,*
*Chứng quả A-la-hán.*

Duyên khởi tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó có một Bà-la-môn cưới vợ chưa bao lâu thì vợ sanh được một trai, người con trai này đến tuổi trưởng thành liền xuất gia trong Phật pháp. Một hôm mắc bịnh, Bí-sô này đến yêu cầu thầy thuốc chữa trị, thầy thuốc nói: "Thánh giả nên uống thuốc tả sẽ hết bịnh", sau khi uống thuốc tả xong, Bí-sô đi kiết lỵ, tẩy tịnh bằng nước lạnh nên thuốc không tác dụng. Sau đó thầy thuốc đến thăm bịnh hỏi: "Thánh giả uống thuốc tả rồi thấy có khỏe hơn không?", đáp là không thấy có tác dụng, thầy thuốc hỏi: "có phải Thánh giả tẩy tịnh bằng nước lạnh không?", đáp là phải, thầy thuốc nói: "tẩy tịnh bằng nước lạnh thì

làm sao thuốc có tác dụng, thầy nên uống thuốc tả như trước nhưng không tẩy tịnh, hết bịnh rồi mới tẩy tịnh", đáp là Phật chưa cho làm thế, thầy thuốc nói: "cách dùng thuốc trị bịnh là phải như thế, không làm khác được". Bạch Phật, Phật nói: "nếu như vậy thì sau khi đi kiết lỵ nên lau cho sạch", Bí-sô không biết dùng vật gì lau, Phật nói: "nên dùng đất, lá cây, vải cũ hay giấy cũ để lau, khi bịnh hết mới dùng nước nóng tẩy tịnh".

Duyên xứ như trên, lúc đó trong một khu rừng có con rắn độc nên các mục đồng phóng lửa đốt rừng, lửa cháy bốn phía, rắn kinh hoàng bò trên lửa chạy ra ngoài nằm cuộn mình bên gốc đại thọ. Khi tôn giả Xá- lợi-phất du hành trong nhân gian, đi đến gốc cây này thấy rắn độc này bị lửa đốt cháy, thân lở lói đang chịu khổ não. Tôn giả liền quán nhân duyên đời trước của nó có thiện căn hay không, liền biết là có thiện căn; lại quán nó có duyên với ai, liền biết là có duyên với mình, liền dùng nước rưới lên mình nó và nói ba câu pháp: "Hiền thủ nên biết, các hành vô thường, các pháp vô ngã, Niết-bàn tịch diệt. Hãy sanh thiện tâm thanh tịnh với ta để bỏ thân bàng sanh được sanh vào cõi lành", nói xong bỏ đi. Lúc đó có chim cắt bay đến bắt rắn ăn thịt, răn nhờ khởi thiện tâm với tôn giả nên sau khi qua đời liền thác sanh vào nhà một Bà-la-môn giỏi về sáu việc tại thành Thất-la-phiệt. Giỏi về sáu việc: một là biết tổ chức lễ hội,

hai là dạy người tổ chức, ba là giỏi đọc tụng, bốn là biết pháp xả thí, năm là biết pháp thọ vật, sáu là biết tịnh xúc. Thời gian sau, tôn giả quán xem rắn độc sau khi chết thọ sanh về đâu, liền biết nó thọ sanh vào nhà Bà-la-môn này, để hóa độ nó, tôn giả thường hay lui tới nhà này và truyền Tam quy ngũ giới cho cả hai vợ chồng. Một hôm, tôn giả một mình đi đến nhà Bà-la-môn, Bà-la-môn hỏi vì sao lại đi một mình không có thị giả, tôn giả đáp: "thị giả của tôi không ở trong thảo am mà ở chỗ Bà-la-môn", Bà-la-môn liền nói: "vợ con đang có thai, sau này nếu sanh con trai sẽ cho làm thị giả của tôn giả", tôn giả nghe rồi liền chú nguyện cho đứa bé được khỏe mạnh rồi ra về. Thời gian sau đủ ngày tháng, vợ trưởng giả hạ sanh một bé trai, khi nó bú sữa, răng nó cắn làm vú mẹ sưng to; đến khi lớn lên cùng các đồng tử khác chơi giỡn, khi nó tức giận dùng răng cắn hay móng tay cào đều gây ra vết thương rất lâu lành. Khi quan biết thời điểm xuất gia của đồng tử đã đến, tôn giả liền đến nhà thuyết pháp cho hai vợ chồng Bà-la-môn, thấy đồng tử đến gần, tôn giả suy nghĩ: "đây chắc là thị giả của ta". Lúc đó người cha bảo con: "khi con chưa sanh ra, cha đã hứa cho con làm thị giả của tôn giả, nay con nên theo tôn giả, chớ có lưu luyến", đồng tử đứng nghiêm trang nhìn tôn giả một hồi lâu rồi mới đi theo, về đến chùa, tôn giả cho đồng tử xuất gia, thọ Cận viên và dạy cho giáo

pháp. Một hôm sau khi đánh răng và nạo lưỡi xong, Bí-sô này liền vất bỏ cái nạo lưỡi; lúc đó có một Bí-sô khác thấy ruồi bay đến đậu trên cái nạo lưỡi này liền chết, rắn mối đến ăn ruồi cũng bị chết, mèo vàng đến ăn rắn mối cũng bị chết, chó đến cắn mèo cũng bị chết, kiến bu đến cũng bị chết, tất cả đều cùng chết chung một chỗ. Sáng hôm sau, các Bí-sô đến đánh răng thấy cảnh tượng này liền hỏi nhau vì sao, Bí-sô thấy sự việc hôm qua liền kể lại, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "các Bí-sô nên biết tuy thọ sanh trong loài người nhưng vẫn còn mang nọc rắn, từ nay sau khi đánh răng nạo lưỡi xong, rửa sạch cái nạo lưỡi rồi mới vất bỏ, nếu ai làm tái thì phạm tội Việt pháp". Sau đó gặp lúc thiếu nước, các Bí-sô không biết làm sao, bạch Phật, Phật nói nên dùng tro đất chà sạch rồi vất bỏ. Một hôm, Bí-sô có nọc rắn nhuộm y rồi đem phơi, Ô-ba-nan-đà đến nói muốn giúp đỡ, đáp là tùy ý, Ô-ba-nan-đà tánh thích làm việc xấu nên khi giúp phơi y liền phơi y mới trên y cũ và chuyển đổi y ướt lên trên y khô, Bí-sô này nói đừng làm thế đến ba lần nhưng Ô-ba-nan-đà vẫn không chịu ngừng. Bí-sô này nổi giận muốn bắt giữ lại, Ô-ba-nan-đà bỏ chạy, Bí-sô này rượt theo; tôn giả Xá-lợi- phất đi đến thấy họ đang rượt đuổi nhau liền hỏi muốn làm gì, lúc đó Ô-ba-nan-đà bẻ cành cây dọa đánh, Bí-sô này vẫn rượt theo, tôn giả Xá-lợi-phất phải dịu dàng an ủi để Bí-sô này không rượt theo nữa, bạch Phật, Phật

nói: "đối với người như vậy thì không nên xúc não làm cho nổi giận". Sau đó, khi Ô-ba-nan-đà đến phiên làm tri sự đến bảo Bí-sô có nọc rắn làm việc này, việc kia thì Bí-sô này lại tức giận, bạch Phật, Phật nói: "đối với người trước đây có oán hận với mình thì không nên tự đến bảo họ làm việc này việc kia, nên nhờ người khác đến nói thì họ sẽ làm". Bí-sô có nọc rắn ở trong Phật pháp tinh tấn tu tập đoạn trừ phiền não, không bao lâu sau chứng quả A-la-hán, các Bí-sô nói với tôn giả Xá-lợi-phất: "người sân độc như vậy mà có thể chứng quả A-la-hán, thật là hi hữu", lúc đó tôn giả liền kể rõ việc trước đây liên quan tới Bí- sô có nọc rắn cho các Bí-sô nghe. Lúc đó các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn, Bí-sô ấy đời trước đã tạo nghiệp gì mà nay bỏ được thân rắn sanh vào cõi người?", Phật nói: "nghiệp mà vị ấy đã tạo, nay quả báo thành thục nên tự thọ, như bài kệ:

*"Dù trải qua trăm kiếp,*
*Nghiệp đã tạo không mất,*
*Khi nhân duyên hội họp,*
*Tự thọ lấy quả báo".*

Các thầy lắng nghe:

Quá khứ Hiền kiếp, lúc con người thọ hai vạn tuổi có Phật Ca- diếp-ba ra đời đầy đủ mười hiệu, trụ trong vườn Thi lộc, chỗ Tiên nhơn đọa xứ thuộc thành Bà-la-nê-tư. Lúc đó Bí-sô có nọc rắn này xuất gia trong giáo pháp của đức Phật ấy, thường

tu pháp quán từ bi nên các Bí-sô thường gọi đùa là Từ quán, Bí-sô này nói đừng gọi như thế, đến ba lần mà các Bí-sô vẫn không ngừng gọi nên tức giận nói với các Bí-sô: "tôi là Từ quán còn các thầy là rắn độc trong loài người".

Này các Bí-sô, Bí-sô tu quán từ bi thuở xưa nay chính là Bí-sô có nọc rắn, do thuở xưa tức giận nói lời ác với đệ tử Thanh văn của Phật nên trong năm trăm đời thường sanh làm rắn độc đến đời này là thân rắn sau cùng. Lại do khi ở trong giáo pháp của Phật xuất gia thường tinh tấn đọc tụng, tu tập giới phẩm, thông hiểu các pháp về uẩn, xứ, giới, nhân duyên, xứ và phi xứ nên nhờ thiện căn này mà sau khi bỏ thân rắn được sanh vào cõi người, được xuất gia trong giáo pháp của ta, đoạn trừ phiền não chứng quả A-la-hán. Này các Bí-sô, hễ tạo nghiệp thuần đen thì cảm quả báo dị thục thuần đen; tạo nghiệp thuần trắng thì cảm quả báo dị thục thuần trắng; tạo nghiệp xen tạp thì được quả báo xen tạp, các thầy nên bỏ nghiệp thuần đen và nghiệp xen tạp, phải siêng tu tập nghiệp trắng, chớ có buông lung", nghe Phật dạy rồi, các Bí-sô đều hoan hỉ tín thọ phụng hành.

**9. Nhiếp tụng thứ chín trong Biệt môn thứ tám:**

*Tùy việc mặc bay,*
*Pháp Lan nhã nên biết,*

*Tắm giữ cửa, Diệu hoa,*
*Không nên trụ Phi xứ.*

Duyên xứ như trên, lúc đó các Bí-sô khi làm các công việc ở trong chùa như quét dọn, trát nền chùa, nhuộm y, giặt giũ cho đến vào nhà xí đại tiểu tiện đều mặc y Tăng-già-lê, giống như y bảy điều và y năm điều. Một Bí-sô nói: "y này nếu tùy tiện mặc dùng như hai y kia là không hợp lý, vì như Phật dạy: Tăng-già-lê là đại y, lẽ nào lại mặc khi làm các việc như thế". Bạch Phật, Phật nói: "Bí-sô này nói đúng, Tăng-già-lê là chủ trong các y, không nên mặc tùy tiện làm các việc như thế. Này các Bí-sô, khi vào tụ lạc khất thực, khi thọ thực, khi vào trong chúng thọ thực, lễ tháp, nghe pháp, lễ hai thầy và vị đồng phạm hạnh... đều nên mặc đại y; y Uất Đa-la tăng mặc khi ở những nơi sạch sẽ như trong phòng, hoặc như khi ăn uống...; y An-đà-hội được tùy ý mặc bất cứ ở chỗ nào và làm các việc đều không phạm".

Duyên xứ như trên, giống như đoạn trên khi Phật nói các ví dụ như mặc trời mọc, chim hót, nông phu canh tác... để khuyên các Bí-sô xa lìa nơi ồn náo, ở nơi tịch tĩnh để chuyên tu thiền quán. Lúc đó có một Bí-sô ít học ít hiểu biết liền đến nơi A-lan-nhã, ở trong một am cỏ chuyên tu, trừ khi khất thực, cho đến kẻ chăn bò cũng biết rõ điều này. Sau đó có bọn giặc bị người khác làm hại đều bị thương và đói khát, không biết phải dừng nghỉ ở đâu, một

người trong bọn nói: "trong chỗ A-lan-nhã có Sa môn Thích tử ở, tất cà Sa môn tánh ưa cất chứa lại thêm có lòng từ bi, không biết sợ hãi, chúng ta tới đó có thể nhờ giúp đỡ", nói rồi cùng kéo nhau đến chỗ A-lan-nhã. Bí-sô thấy họ liền chào hỏi thiện lai, bọn giặc ngồi một lát liền nói với Bí-sô: "chúng tôi lạnh cần lửa", đáp là không có lửa, lại nói: "chúng tôi khát cần nước", cũng đáp là không có, lại nói: "chúng tôi cần ít bột thuốc để đắp vết thương", cũng đáp không có, lại nói: "chúng tôi cần dầu để thoa vết thương", cũng đáp là không có, lại nói: "chúng tôi đói cần thức ăn", cũng nói là không có. Giặc lại hỏi: "hôm nay là ngày gì tháng gì, thời tiết gì?", đáp: "tôi ở A-lan-nhã nên không biết rõ việc đó". Một người trong bọn có biết Phật pháp nên hỏi: "Thánh giả có chứng được các quả A-la-hán, quả Bất hoàn... quả Dự lưu không?", Bí-sô chỉ đáp là tôi sống nơi A-lan-nhã, lại hỏi: "Thánh giả có chứng được các tĩnh lự Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Vô sở hữu xứ, Thức xứ và Không xứ không?", Bí-sô cũng đáp như trên, lại hỏi: "Thánh giả có phải là người trì ba tạng kinh luật luận hay không?", Bí-sô cũng đáp như trên, lại hỏi tên gì, cũng đáp như trên, lại hỏi nơi đây thuộc phương nào, cũng đáp như trên. Bọn giặc nghe rồi tức giận nói: "chúng tôi tuy là giặc nhưng Bí-sô mới là đại tặc, vì sao, vì ngay cả tên mình cũng không biết, lại dối hiện oai nghi lừa gạt người đời", nói rồi

cùng đánh Bí-sô mang đầy thương tích rồi bỏ đi. Sáng hôm sau, Bí- sô gắng gượng trở về rừng Thệ đa, các Bí-sô thấy liền hỏi nguyên do, Bí-sô kể lại việc hôm qua, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "nay ta chế hành pháp cho Bí-sô ở nơi A-lan-nhã, Bí-sô ở A-lan-nhã nên cất chứa nước, lửa, dầu, tô, bột thuốc, vải cũ và để dành một ít thức ăn; cũng nên biết ngày giờ, thời tiết, phương hướng, thông hiểu ba tạng và biết tên mình. Ai ở A-lan-nhã mà không tuân theo hành pháp này thì phạm tội Việt pháp".

Duyên xứ như trên, lúc đó có một ngoại đạo bịnh nặng đến yêu cầu thầy thuốc chữa trị, thầy thuốc nói: "nên làm phòng tắm tắm rửa sạch sẽ thân thể thì hết bịnh", đáp: "tôi có thể làm phòng tắm ở đâu, vì tôi chỉ tùy thời khất thực mà sống", thầy thuốc nói: "Sa môn Thích tử mỗi nửa tháng tắm rửa ở phòng tắm, thầy có thể đến đó tắm". Nhân khi các Bí-sô tắm, ngoại đạo liền mặc áo đỏ vào bên trong để tắm, mọi người tưởng là Bí-sô nên không ai ngăn cản, tắm xong liền ra ngoài phơi nắng. Lúc đó có một Cầu tịch đến thấy ngoại đạo này ngồi ở ngoài nên rũ vào trong tắm, ngoại đạo lắc đầu ý không muốn tắm lại, Cầu tịch liền nắm tay kéo đi, ngoại đạo kêu lớn: "Sa môn Thích tử không sạch sẽ, sao lại dùng tay bất tịnh chạm vào thân thể đã tắm sạch", Cầu tịch liền hỏi: "tôi là Sa môn, còn ông là người gì?", đáp là ngoại đạo, Cầu tịch liền nói to lên: "ai lại cho ngoại đạo này vào

bên trong tắm vậy?". Các Bí- sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "từ nay khi tắm rửa nên cho người giữ cửa, thấy Bí-sô vào nên hỏi tên họ", sau đó người giữ cửa gặp người quen biết cũng hỏi tên, Phật nói không nên như vậy.

Phật tại nước Kiều-tát-la du hành đến tụ lạc tên Dục lê rồi dừng ở trong một vườn cây, trong tụ lạc này có một Bà-la-môn tên Diệu hoa được vua phong ấp nhiều đất đai, thọ dụng không thiếu, cũng được vua thường cúng dường. Lúc đó Diệu hoa nghe nói có sa môn Kiều-đáp-ma thuộc dòng họ Thích ca từ bỏ vương vị xuất gia tu chứng đạo quả Vô thượng Chánh đẳng bồ đề, đầy đủ mười hiệu, danh tiếng vang khắp các nước, được trời người cung kính, tự mình giác ngộ không nhờ thầy dạy, hiểu rõ "sanh tử đã tận, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không thọ thân sau". Với tri kiến như thật nói pháp yếu ban đầu, khoảng giữa và sau cùng đều thiện, văn nghĩa xảo diệu, thuần nhất không tạp, đầy đủ tướng phạm hạnh trong sạch; Phật ở trong nước Kiều-tát-la giáo hóa, nay đã đến nơi đây hiện đang ở trong một vườn cây. Bà-la-môn suy nghĩ: "ta đọc sách cổ thấy nói ai có tướng mạo trang nghiêm, đầy đủ ba mươi hai tướng của bậc đại nhân thì người đó nếu ở tại gia sẽ làm Chuyển luân thánh vương, dùng pháp giáo hóa cai trị bốn châu thiên hạ; có đủ bảy báu: bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, nữ báu, thần coi giữ phục tàng báu, thần chỉ

huy quân đội báu và ngọc ma ni báu; có đủ ngàn người con đại oai đức, dũng mãnh vô song đi đến đâu, mọi người đều quy phục, khắp nơi đều được cảm hóa, không có oán địch... Nếu xuất gia thì sẽ chứng đại bồ đề", nghĩ rồi liền bảo đệ tử Thọ sanh: "con biết không ta nghe nói có sa môn Kiều-đáp-ma thuộc dòng họ Thích ca từ bỏ vương vị xuất gia tu chứng đạo quả Vô thượng Chánh đẳng bồ đề... như trên cho đến câu nếu xuất gia thì chứng đại bồ đề. Con hãy đến xem thử các tướng hảo ấy là thật hay hư?", Thọ sanh vâng lời thầy cùng các bậc kỳ túc Bà-la-môn đi đến chỗ Phật. Đến nơi Thọ sanh đứng một bên, các Bà-la-môn thăm hỏi Phật rồi ngồi trước Phật, Phật thuyết diệu pháp khiến họ được hoan hỉ. Khi Phật đang thuyết, Thọ sanh mang giày da đi qua lại trước Phật, lâu lâu đứng lại nghe rồi hỏi ngắt ngang, hỏi rồi lại đi, thái độ rất cao ngạo, lòng không kính sợ đối nghịch lại, cho mình là thắng thế. Phật trách: "ngươi thông hiểu Minh luận sao lại có thái độ ngạo mạn như vậy?", liền nói: "này Kiều-đáp-ma, tôi có lỗi gì?", Phật nói: "khi ta cùng các bậc kỳ túc có học thức bàn luận, ngươi mang giày da đi qua đi lại, không biết lớn nhỏ, không có tâm kính thuận, loạn hỏi đối nghịch lại", đáp: "theo pháp Bà-la-môn của tôi là vừa đi vừa nói chuyện với người, đứng nằm ngồi đều có thể cùng nói chuyện đều không có lỗi. Sa môn trọc đầu các vị bị phiền não trói buộc, không

sanh con trai con gái, tôi hỏi ngắt ngang để cùng bàn luận thì có lỗi gì", Phật nói: "ngươi có việc nên mới đến gặp ta, nhưng ngươi chưa được bậc tôn trưởng chỉ dạy phải như thế nào". Thọ sanh nghe rồi tức giận liền nói: "này Kiều-đáp-ma, những người thuộc dòng họ Thích ca như voi hoang dã, đối với Bà-la-môn không biết cung kính tôn trọng cúng dường", Phật hỏi: "các Thích ca tử có lỗi gì mà ngươi nói lời này?", đáp: "trước đây vì việc của thầy và việc riêng nên tôi đến thành Kiều-tát-la, các nam nữ họ Thích đứng trên lầu cao thấy tôi vào thành đang đi trên đường, họ chỉ trỏ nói với nhau mà không có tâm cung kính, nói: "đây là Ma-nạp-bà Thọ sanh, đệ tử của Bà-la-môn Diệu hoa", Phật nói: "ví như chim sáo hót được nhiều tiếng, ở trong tổ mình mặc sức hót vang, các Thích ca tử ở trong chỗ của mình nên tùy ý đàm luận thì có lỗi gì", đáp: "trong thế gian có bốn giai cấp là Sát- đế-lỵ, Bà-la-môn, Phệ-xá, Thủ-đà-la; họ đều cung kính tôn trọng cúng dường các Bà-la-môn, chỉ riêng có dòng họ Thích ca thì không". Lúc đó Phật suy nghĩ: "Ma-nạp-bà này ví dòng họ Thích như voi hoang dã là hủy nhục thái quá, ta nên nói về nhân duyên nguồn gốc chủng tộc trong quá khứ để hắn không còn ngạo mạn", nghĩ rồi liền quán biết tổ tiên của Ma-nạp-bà là do nô tỳ của dòng họ Thích ca sanh ra, Thích ca tử là Tào chủ của Ma-nạp-bà nên Phật hỏi: "ngươi họ gì?", đáp là họ Tiễn đạo, Phật nói:

"ta quán thấy tổ phụ đời trước của ngươi là do nô tỳ của dòng họ Thích ca sanh ra, các Thích ca tử hiện nay là Tào chủ của ngươi". Các Bà-la-môn kỳ túc nói: "này Kiều-đáp-ma, chớ nói tội tiên của Thọ sanh là do nô tỳ sanh ra, vì sao, vì Thọ sanh là người đa văn thông tuệ, biện luận lưu loát có thể cùng Kiều-đáp-ma y theo chánh pháp luận nghị hỏi đáp", Phật nói: "nếu nói Thọ sanh đa văn trí huệ thì các vị hãy im lặng để Thọ sanh cùng ta đàm luận, nếu nói không được thì các vị sẽ trả lời", các Bà-la-môn nói: "vậy thì chúng tôi im lặng để Thọ sanh nhiều trí huệ đàm luận cùng Kiều-đáp-ma". Lúc đó Phật bảo Thọ sanh: "thuở xưa có vua Cam giá sanh được bốn con trai là Cự khẩu, Lư nhĩ, Tượng kiên và Túc xuyên. Do có lỗi nên cả bốn người con này đều bị đuổi khỏi nước, họ dẫn em gái đi theo, khi đến bên bờ sông cạnh núi Tuyết là nơi trú ngụ của tiên nhân Kiếp-tỷ-la, họ làm nhà cách đó không xa để ở, sau đó, họ lấy em gái khác mẹ làm vợ và sanh con. Thời gian sau, vua Cam giá nhớ các con nên hỏi đại thần chúng hiện đang ở đâu, đại thần kể lại mọi việc cho đến câu họ lấy em gái khác mẹ làm vợ và đã sanh con, vua nghe rồi liền nói: con ta có năng lực như vậy sao, đại thần đáp là thật vậy, vua liền giơ tay phải lên khen ngợi: con ta có năng lực làm được việc như vậy. Do đây chủng tộc đó có hiệu là Thích ca (dịch là Năng), này Ma-nạp-bà, ngươi có từng nghe chủng tộc Thích ca có việc như

thế hay không?", đáp là có nghe, Phật nói: "vua Cam giá có một nô tỳ tên là Tri phương rất xinh đẹp, cô lấy một tiên nhân sanh ra một trai, khi vừa sanh ra nó liền kêu lên: đừng lau thân tôi, hãy tắm tôi cho sạch. Do việc này nên người đương thời gọi đứa bé này là Quỷ tiễn đạo, ngươi có từng nghe có chủng tộc này không?", Thọ sanh im lặng, Phật hỏi ba lần Thọ sanh vẫn im lặng. Lúc đó thần Kim cang thủ cầm chày kim cang ở trên đầu Thọ sanh, phóng ra ánh sáng như lửa, nói rằng: "Phật hỏi đến ba lần mà ngươi không chịu đáp thì ta sẽ cầm chày kim cang này đập đầu ngươi ra làm bảy phần", do oai lực của Phật nên Thọ sanh thấy được thần Kim cang, trong lòng kinh sợ đến nỗi lông tóc dựng đứng, liền đáp: "tôi có nghe tên chủng tộc này". Các Bà-la-môn kỳ túc nói: "đúng như lời Kiều-đáp-ma nói, chúng tôi đều tin chúng tộc đầu tiên của Thọ sanh là con của nô tỳ", Thọ sanh nghe rồi buồn bã cúi đầu im lặng, Phật suy nghĩ: "ta nên an ủi", nghĩ rồi liền nói về nhân duyên với nhiều ví dụ khiến Thọ sanh dứt tâm kiêu mạn và không còn ưu sầu nữa rồi nói: "này Ma-nạp-bà, ngươi đến đây với mục đích gì?", Thọ sanh nghe rồi liền quán sát ba mươi hai tướng trên thân Phật, chỉ thấy có ba mươi tướng, còn hai tướng âm tàng và tướng lưỡi vì không thấy được nên phân vân nói kệ:

*"Xưa nghe Đại Mâu ni,*
*Đủ ba mươi hai tướng,*

*Nhưng con quán sát thấy,*
*Thiếu hai tướng trên thân.*
*Nhân trung tôn, chưa thấy*
*Tướng âm tàng trong thân,*
*Và tướng lưỡi rộng dài,*
*Trong miệng không ai biết.*
*Cúi xin Phật hiện tướng,*
*Cho con hết nghi ngờ,*
*Chánh giác đại danh văn,*
*Người đời khó thấy được".*

-oOo-

# CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA TẠP SỰ

## QUYỂN 35

### 9. Nhiếp tụng thứ chín - Bà-la-môn Diệu hoa (tt):

Lúc đó Phật suy nghĩ: "Thọ sanh đến đây là muốn xem ba hai tướng của ta, nay đã thấy ba mươi tướng còn hai tướng chưa thấy nên nghi, ta nên phương tiện hiện tướng cho thấy", nghĩ rồi liền le lưỡi ra dài đến tận chân tóc và rộng phủ cả mặt, Thọ sanh thấy rồi sanh tâm hoan hỉ đảnh lễ Phật rồi ra về. Lúc đó Bà-la-môn Diệu hoa ngồi trong vườn nói chuyện với các bậc kỳ túc để chờ Thọ sanh về, Thọ sanh về đến nơi liền đảnh lễ thầy và các vị kỳ túc rồi ngồi một bên, Diệu hoa hỏi: "tiếng đồn Kiều-đáp-ma có đủ ba mươi hai tướng tốt là thật hay hư?", đáp là thật, lại hỏi có cùng đàm luận hay không, đáp là có, liền bảo thuật lại đầy đủ, Thọ sanh vâng lời thuật lại đầy đủ, Diệu hoa nghe xong liền tức giận đưa chân đạp lên đầu Thọ sanh nói: "Hay thay sứ giả đã làm việc như thế, khiến ta bị chìm trong đường ác, khi ngươi đàm luận với vị

ấy, ngươi đã có sai trái, ta cũng có sai trái trong đó. Bây giờ trời đã xế chiều, không thể đến đó cung kính thăm hỏi, đợi sáng mai ta sẽ đích thân đến đó". Ngay trong đêm đó, Diệu hoa lo liệu đầy đủ các món ăn ngon, sáng sớm cho xe chở đến chỗ Phật, chào hỏi rồi ngồi một bên bạch Phật: "tôi đã làm các món ăn thanh tịnh này mang đến cúng dường Kiều-đáp-ma, xin thương tưởng nạp thọ", Phật bảo A-nan:" thầy đi thông báo tất cả Bí-sô trong tụ lạc đều đến tụ họp trong nhà ăn", A-nan vâng lời Phật đi thông báo. Khi các Bí-sô đều đã tụ họp xong, A-nan đến bạch Phật biết thời, Phật đến chỗ ngồi ngồi xong, Bà-la- môn Diệu hoa tự tay dâng các món ăn cúng dường Phật và Tăng, Phật và Tăng thọ thực xong, Bà-la-môn lấy chiếc ghế thấp ngồi trước Phật muốn nghe pháp, Phật nói kệ bố thí:

*"Tế tự, lửa hơn hết,*
*Tụng đầu, nhất trong luận,*
*Vua đứng đầu muôn dân,*
*Biển lớn nhất các dòng,*
*Các sao, trăng sáng nhất,*
*Ánh mặt trời sáng nhất,*
*Trong phàm thánh mười phương,*
*Đức Phật là tối thượng.*
*Người đã làm bố thí,*
*Chắc chắn được nghĩa lợi.*
*Nếu vì vui nên thí,*
*Sau sẽ được an lạc".*

Khi Phật đang nói kệ này thì trong chúng có một Bí-sô già tuy đã ăn no vẫn còn cắn bánh nướng phát ra tiếng, Bà-la-môn nghe rồi liền hỏi Phật: "Đệ tử Thanh văn của Kiều-đáp-ma có vâng theo lời dạy hay không?", Phật nói có người vâng theo, có người không vâng theo; lại hỏi: "ở trong đây có người ưa pháp, có người tham ăn. Thọ sanh, đệ tử của tôi có đến gặp Phật và cùng đàm luận hay không?", đáp là có đàm luận sơ, Bà-la-môn nói: "xin Kiều-đáp-ma kể lại cho tôi nghe", Phật kể lại đầy đủ, Bà-la-môn nghe rồi liền nói: "thưa Kiều-đáp-ma, Thọ sanh hiểu biết nông cạn nên tâm kiêu mạn, không biết kính sợ đã xúc phạm tôn nhan, xin Kiều-đáp-ma từ bi tha thứ", Phật nói là đã tha thứ, Bà- la-môn Diệu hoa bạch Phật: "thưa Kiều-đáp-ma, khi tôi đang đi xe mà nắm giữ cương ngựa lại hoặc giơ roi gọi lớn thì ngay lúc đó xin Phật biết là Bà-la-môn Diệu hoa đảnh lễ Phật và thăm hỏi sức khỏe của Phật. Khi tôi đang đi bộ mà tháo giày ra hoặc đi tránh qua bên đường hoặc giơ tay chào thì ngay lúc đó xin Phật biết là Bà-la-môn Diệu hoa đảnh lễ Phật và thăm hỏi sức khỏe của Phật. Khi thấy tôi đang bàn luận với mọi người mà rời khỏi chỗ ngồi hoặc cởi thượng y hoặc lấy mũ ra khỏi đầu thì ngay lúc đó xin Phật biết là Bà-la-môn Diệu hoa đảnh lễ Phật và thăm hỏi sức khỏe của Phật. Vì sao thưa Kiều-đáp-ma, vì pháp của Bà-la-môn chúng tôi chỉ cầu danh tiếng, tất cả y thực và những

vật cần dùng đều nhờ danh tiếng mà có được, cũng nhờ danh tiếng mà tôi giữ được đồ chúng". Lúc đó Phật suy nghĩ: "Bà-la-môn này rất kiêu mạn, ta nên thuyết pháp điều phục tâm kiêu mạn này", nghĩ rồi phật liền tuyên dương giáo pháp khiến cho Bà-la-môn được lợi hỉ, Thường pháp của chư Phật là trước tiên nói về pháp bố thí, trì giới là nhân sanh lên cõi trời; kế nói về tội lỗi của năm dục, vị ngọt thì ít mà tội lỗi thì nhiều đưa đến trầm luân trong sanh tử, nên cầu xuất ly để chứng Niết-bàn thanh tịnh. Khi biết tâm Bà-la-môn hoan hỉ, phát tâm thanh tịnh có thể làm bậc pháp khí thọ lãnh thắng pháp, Phật liền nói về pháp xuất thế, đó là bốn Thánh đế: khổ tập diệt đạo. Giống như giặt áo, trước phải tẩy sạch hết chất dơ, khi áo đã sạch mới dễ nhuộm màu; tâm Bà-la-môn này cũng vậy, nghe xong bốn Thánh đế này liền chứng được quả dự lưu. Chứng quả rồi liền đứng dậy đảnh lễ, quỳ gối chắp tay bạch Phật: "Thế tôn, hôm nay con được xuất ly, từ nay xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng làm Ô-ba-sách-ca thọ trì năm học xứ với đầy đủ niệm thanh tịnh", bạch xong đảnh lễ Phật rồi ra về. Lúc đó Phật suy nghĩ: "Bà-la-môn chê cười đúng, vì trong khi ta đang nói kệ bố thí mà Bí-sô kia vẫn tiếp tục ăn", nghĩ rồi liền bảo các Bí-sô: "trong khi ta đang nói kệ bố thí mà Bí-sô kia vẫn tiếp tục ăn nên mới bị Bà-la-môn chê cười, từ nay trong khi Bí-sô đang nói kệ bố thì thì không được

ăn, ai tiếp tục ăn thì phạm tội Việt pháp". Sau đó, trong khi đang nói kệ bố thí vì Bí-sô không dám ăn nên những người ngồi cuối hàng cũng không ăn cho đến qua giờ ăn, Phật nói: "khi đang nói kệ bố thí, người nào không nghe tiếng, không hiểu nghĩa, được ăn không phạm; nếu nghe tiếng mà không hiểu nghĩa cũng được ăn không phạm; nếu nghe tiếng mà hiểu nghĩa, ăn thì phạm tội Việt pháp". Sau đó, tại một trú xứ có nhiều Tăng, khi thí chủ dọn đưa thức ăn lại đi ngược từ dưới lên trên, người ngồi trên nghe nói kệ bố thí không dám ăn cho đến qua giờ ăn, Phật nói: "tuy nghe tiếng mà hiểu nghĩa thì đều không được ăn, nhưng chờ nói hai ba câu rồi mới ăn thì không phạm".

Phật ở trong vườn Thi lộc, chỗ Tiên nhơn đọa xứ thuộc thành Bà- la-nê-tư. Sáng hôm đó Phật đắp y mang bát vào thành khất thực, nhiều Bí-sô cũng đi khất thực, khi đi ngang một khu vườn, có một Bí-sô nhìn thấy người nữ liền khởi tầm tư ác, khởi niệm tà dục. Phật quán thấy Bí- sô này có tà niệm tương ưng bất thiện liền đến gần bên nói rằng: "này Bí-sô, ngay trong thân thầy đang trồng hạt giống khổ, chảy ra phẩn hôi thối mà ruồi trùng không ăn là không có lý đó", Bí-sô nghe rồi liền suy nghĩ: "Phật đã biết tâm tà của ta", trong lòng kinh sợ, lông tóc đều dựng đứng liền vội bỏ đi. Phật suy nghĩ: "Bí-sô đứng nơi phi xứ nên có lỗi này", sau khi khất thực xong trở về trú xứ, thọ thực xong, thu

xếp y bát rửa chân rồi vào phòng thiền tọa cho đến xế chiều. Sáu đó đến trong chúng bảo các Bí-sô: "sáng nay ta vào thành khất thực, nhiều Bí-sô cũng đi khất thực, khi đi ngang một khu vườn, có một Bí-sô nhìn thấy người nữ liền khởi tầm tư ác, khởi niệm tà dục. Ta quán thấy Bí- sô này có tà niệm tương ưng bất thiện liền đến gần bên nói rằng: "này Bí-sô, ngay trong thân thầy đang trồng hạt giống khổ, chảy ra phẩn hôi thối mà ruồi trùng không ăn là không có lý đó", Bí-sô nghe rồi liền suy nghĩ: "Phật đã biết tâm tà của ta", trong lòng kinh sợ, lông tóc đều dựng đứng liền vội bỏ đi. Từ nay Bí-sô không nên đứng lại nơi phi xứ, ai làm trái thì phạm tội Việt pháp". Bí-sô kia nghe Phật nói rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu chắp tay bạch Phật: "Thế tôn, trong Thánh giáo những gì là hạt giống khổ, sao gọi là phẩn hôi thối chảy ra, ruồi trùng đều ăn?", Phật nói: "này Bí-sô, hạt giống khổ là ba pháp tội ác bất thiện tà tư lương, đó là tầm tư ác dục, tầm tư sân hận, tầm tư sát hại. Phẩn hôi thối là năm dục sắc thanh hương vị xúc; chảy ra là dục trói buộc tâm nên sáu căn chạy theo sáu cảnh lưu động không ngừng. Ruồi trùng là thế gian đối với sáu xúc xứ không có tâm chế ngăn nên khởi ra tham sân... ưu bi khổ não, tạo các nghiệp ác", liền nói kệ:

*"Không nhiếp hộ mắt, tai...*
*Bị ái dục kéo lôi,*

*Trồng giống khổ trong thân,*
*Hôi thối thường chảy ra.*
*Ai sống trong tụ lạc,*
*Hay nơi A-lan-nhã,*
*Thường ở trong ngày đêm,*
*Không tư duy chánh pháp,*
*Do nương theo niệm ác,*
*Khởi tầm tư bất thiện,*
*Rời xa duyên lạc trú,*
*Sẽ thọ lấy khổ báo.*
*Người nào tu tịch định,*
*Siêng tu tập thắng huệ,*
*Thường được ngủ an ổn,*
*Không bị khổ ruồi trùng.*
*Thân cận thiện tri thức,*
*Vâng lời bậc hiền trí,*
*Ai học được như vậy,*
*Sẽ không tái sanh nữa".*

Lúc đó Bí-sô không biết những nơi nào là phi xứ, Phật nói: "phi xứ có năm, đó là nhà ca hát, nhà dâm nữ, nhà bán rượu, nhà vua chúa và nhà Chiên-đà-la. Năm nơi này Bí-sô đều không nên đến".

**10. Nhiếp tụng thứ 10 trong Biệt môn thứ tám:**

*Do rắn xem ngọa cụ,*
*Một y không làm lễ,*
*Khi mới đến trong chùa,*

*Lễ bốn vị kỳ túc.*

Duyên khởi tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó có Bí-sô muốn du hành nên đem ngọa cụ của một Bí-sô bạn gửi để lại chỗ cũ mà không thọ dụng, có một con rắn độc tìm chỗ liền bò đến cuộn mình nằm dưới tấm nệm. Lúc đó có một Bí-sô khách đến, sau khi lễ tháp và các Bí-sô khác xong mới trở về phòng thì trời đã chiều tối, Bí-sô cựu trú nói: "đây là nước, bột tẩy, đèn, dầu... cụ thọ nên trải ngọa cụ trước". Do đi đường mệt nhọc nên sau khi rửa chân xong, Bí-sô liền nằm xuống giường nệm ngủ, do nghiệp lực đời trước nên không xem xét ngọa cụ, con rắn đang nằm dưới nệm bị đè nên ló đầu ra mổ Bí-sô, Bí-sô bị cắn đau nên lăn lộn trên mình rắn, một lúc sau cả hai đều chết. Sáng hôm sau, Bí-sô cựu trụ đến cửa phòng kêu thức dậy nhưng Bí-sô đã chết, không thể đáp được; Bí-sô cựu trụ cho là khách vì đi đường mệt nhọc nên ngủ say, sau khi ngủ đã giấc sẽ tự thức dậy. Đến giờ ăn trưa, Bí-sô cựu trụ lại đến gọi, cũng không nghe đáp lại liền mở cửa vào phòng mới biết Bí-sô đã chết, kéo tấm nệm ra lại thấy có con rắn độc cũng đã chết. Bạch Phật, Phật suy nghĩ: "do không xem xét ngọa cụ nên Bí-sô kia mới bị chết như vậy", nghĩ rồi liền bảo các Bí-sô: "Bí-sô nhận ngọa cụ của người gửi nên giao lại cho vị tri sự hoặc tùy thời đem phơi nắng hoặc để trên giá cao, cột chặt đừng cho rớt xuống. Từ nay ai muốn dùng ngọa cụ để nằm ngủ

nên xem xét kỹ". Sau đó các Bí-sô dùng đèn rọi để xem xét, Phật bảo: "không nên làm thế, nên xem xét trước vào ban ngày", lúc đó các Bí-sô không luận ngoại cụ cũ hay mới thảy đều xem xét, Phật nói: "nên lật xem cái cũ, không cần xem cái mới, vải trải nệm nên thường đập giũ, ai làm trái thì phạm tội Việt pháp".

Duyên khởi tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó có hai Bí-sô ở chung một phòng, một Bí-sô vừa độ một đệ tử trẻ tuổi, người đệ tử này ngủ nhiều thức ít nên thường bị thầy quở trách. Một hôm, đệ tử bỗng dậy sớm, trên người chỉ mặc Tăng khước kỳ vội đi đến lễ thầy, vị thầy đứng dậy muốn mặc hạ y, đệ tử đến gần bên thầy đảnh lễ, vừa đứng lên thì cái đầu mới cạo tóc vướng vào hạ y của thầy làm cho đệ tử này ngã lăn ra đất, cả hai thầy trò đều lộ hình, Bí-sô ở chung phòng nói: "hôm nay tôi mới biết các vị đều là trượng phu có đủ nam căn", hai thầy trò nghe rồi xấu hổ bỏ đi, sau đó đệ tử bị thầy quở trách, các Bí-sô hỏi nguyên do, người đệ tử kể lại việc trên, các Bí-sô nói: "thầy có lỗi bị quở trách là đúng", người đệ tử im lặng. Bạch Phật, Phật nói: "vị thầy chê trách là đúng, từ nay Bí-sô không được mặc một y làm lễ người khác, ai làm trái thì phạm tội Việt pháp".

Duyên khởi tại thành Vương xá, như Phật đã dạy nếu Bí-sô khách đến nơi nào mà không đến làm lễ bậc tôn túc thì sẽ không được dọn chỗ cho

nghỉ ngơi. Lúc đó có nhiều Bí-sô từ nơi khác đến lễ tháp xong, do không được dọn chỗ cho nghỉ như bị tẫn xuất nên họ bạ đâu nghỉ đó, hoặc ở trước hiên, hoặc ở bên cửa hoặc dưới gốc cây. Các cư sĩ có tín tâm đến thấy vậy liền hỏi: "các thầy bị đuổi hay sao mà bạ đâu nghỉ đó như vậy?", đáp: "chúng tôi là khách mới đến, không phải bị đuổi", lại hỏi: "nếu là khách vì sao không ở trong phòng?", đáp: "ở đây tôi không có ai quen, chúng tôi đến lễ tháp Phật, chỉ tạm nghỉ rồi sẽ đi", các cư sĩ nghe rồi liền chê trách: "tôi nghe nói Sa môn Thích tử bình đẳng, nay mới thấy là không có bình đẳng gì cả, thấy khách đồng phạm hạnh đến mà lại không cho ở", bạch Phật, Phật nói: "từ nay khách tăng đến trong chùa nên làm lễ bậc kỳ túc trước, nên lễ bốn vị, vị tri sự nên theo pháp sắp xếp chỗ ở cho họ". Sau đó, có một Bí-sô khách du hành trong nhân gian đến thành Vương xá thì trời đã chiều tối, muốn làm lễ bốn vị kỳ túc trước nên hỏi các Bí-sô chỗ ở của tôn giả Kiều trần như, đáp là đang ở trong Trúc lâm; sau khi đến đảnh lễ xong lại hỏi chỗ ở của tôn giả Đại Ca-diếp, đáp là đang ở trong hang Tất bát la; sau khi đến đảnh lễ rồi lại hỏi chỗ ở của tôn giả Chuẩn đà, đáp là đang ở trên núi Thứu; sau khi đến đảnh lễ rồi lại hỏi chỗ ở của tôn giả Thập lực Ca-diếp, đáp là đang ở trong hang Tế nhĩ ca; sau khi đến đảnh lễ xong, tôn giả bảo ở lại nghỉ ngơi thì khách Bí-sô đáp: "trời đã sáng rồi phải đi khất thực,

không thể nghỉ ngơi. Như Phật đã dạy khách tăng đến nơi nào phải đảnh lễ bốn vị kỳ túc trước, đấy chính là phương tiện trị phạt khách tăng không cho an ổn". Bạch Phật, Phật nói: "trước đây ta đâu có bảo khách Bí-sô phải đảnh lễ hết các bậc kỳ túc trên mặt đất này, chỉ là bảo nên đảnh lễ bốn vị kỳ túc tại chỗ mình đến".

*Nhiếp tụng nội dung:*
*Thế tôn vì Cao thắng,*
*Rộng nói hạnh đệ tử.*
*Hành vũ hỏi Đại sư,*
*Vì nói bảy, sáu pháp.*

Duyên khởi tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó vào xế chiều, cụ thọ Cao thắng sau khi xuất thiền đi đến chỗ Phật đảnh lễ rồi ngồi một bên bạch Phật: "cúi xin Thế tôn nói về hành pháp của đệ tử phụng sự thầy", Phật nói: "thầy lắng nghe hành pháp của một đệ tử phụng sự thầy là đệ tử đối với thầy phải có tâm cung kính và tâm sợ sệt, không vì cầu danh văn lợi dưỡng. Nên dậy sớm rồi đến thăm hỏi sức khỏe của thầy: tứ đại có an ổn không, đi đứng có khinh an không; kế nên đổ bỏ bô tiểu tiện và xoa bóp cho thầy. Nếu thầy nói có bịnh nên hỏi bịnh trạng rồi đến thầy thuốc yêu cầu điều trị và làm theo như lời thầy thuốc dặn bảo. Nếu thầy có sẵn thốc thì tốt, nếu không có thì nên hỏi người thân quen, nếu thầy có nhiều quyến thuộc thì nên hỏi thầy đến ai xin giúp đỡ và làm theo lời thầy dặn

bảo. Nếu thầy không có quyến thuộc thì tự mình tìm người khác giúp đỡ, nếu cũng không có thì tùy sức mình cung cấp cho đến khi thầy hết bịnh. Khi thầy muốn đi đánh răng nên đến đó quét dọn sạch sẽ trước và để sẵn nước, cây đánh răng, cây nạo lưỡi; thầy đánh răng xong nên thu dọn. Nếu thầy đau mắt nên đưa thuốc nhỏ mắt cho thầy, thầy muốn lễ tháp nên trao y cho thầy và xếp cất y khác không để lẫn lộn; sau đó quét dọn sạch sẽ phòng thầy, mỗi nửa tháng nên xem xét ngọa cụ và đem phơi. Mỗi ngày đệ tử nên đến lễ bái vấn an thầy ba lần, đối với các bậc tôn trưởng và các bậc đồng phạm hạnh khác cũng nên kính lễ, tự mình cũng phải siêng năng tọa thiền đọc tụng. Khi theo thầy đi khất thực, mình ôm bát nặng để thầy mang bát nhẹ, nếu khất thực được những món như bún bánh, nước ép chua thì để vào bát mình, nếu được những món ngon như sữa tạc, cơm bánh, đường, thạch mật... thì để vào bát thầy; khất thực xong trở về, nên dọn sạch hai chỗ ngồi ăn rồi cùng thầy thọ thực. Nếu khất thực một mình được những món ăn gì nên đưa cho thầy, thầy muốn ăn thì nên biết lấy vừa đủ. Nếu ở trong chùa, đệ tử nên đến nhà bếp hỏi hôm nay có những món ăn gì, sau đó nói lại cho thầy biết và hỏi thầy có muốn lấy phần ăn không và làm theo lời thầy dặn bảo. Thầy muốn tắm nên đến trong nhà tắm quét dọn trước và để sẵn bồn nước, bột tắm... và chú ý nước lạnh nóng,

nếu thầy cần kỳ cọ thì nên kỳ cọ cho thầy. Nếu thầy muốn đến chỗ khác tọa thiền thì nên mang tọa cụ đến chỗ đó quét dọn sạch sẽ và để sẵn; nếu đệ tử muốn học kinh, thầy nên dạy học kinh, nếu đệ tử muốn học thiền, thầy nên dạy tác ý. Khi thầy muốn ngủ nếu trời lạnh, mình đắp mền mỏng để thầy đắp mền dày; nếu trời nóng thì quạt mát; thầy cũng nên biết thời để bảo đệ tử lo tu tập phẩm thiện, chớ để thời giờ luống trôi qua.

Này Cao thắng, nếu là môn nhân đệ tử cũng phải phụng sự hai thầy xem như cha mẹ, hai thầy cũng nên xem họ như con, nếu có bịnh nên chăm sóc lần nhau cho đến khi lành hoặc đến lúc chết. Ta đã nói sơ lược về hành pháp của đệ tử phụng sự thầy rồi, thầy nên như pháp mà làm theo, nếu ai không làm theo hành pháp này thì phạm tội Việt pháp. Nếu đệ tử phụng sự thầy với tâm kính thuận như vậy thì sẽ làm cho thiện pháp không ngừng tăng trưởng, như hoa sen trong nước ngày đêm tăng trưởng. Các thầy nên tu học như thế", lúc đó Cao thắng và các Bí-sô nghe Phật dạy rồi hoan hỉ phụng hành.

Phật tại núi Thứu, thành Vương xá, lúc đó vua Vị sanh oán nước Ma-kiệt-đà muốn đánh nước Phật lật thị, vua nói: "nước Phật lật thị trái nghịch, ta muốn hưng binh thảo phạt tiêu diệt nước đó". Sau đó vua bảo đại thần Hành vũ: "khanh hãy đến chỗ Phật thay ta đảnh lễ và thăm hỏi Thế tôn có

được ít bịnh, ít não, khí lực có an ổn không; sau đó bạch Phật: nước Phật lật thị trái nghịch, vua Vị sanh oán muốn hưng binh thảo phạt, Thế tôn thấy thế nào. Khanh hãy ghi nhớ lời Phật dạy rồi về tâu lại cho ta nghe, vì sao, vì Phật là Như lai Ứng cúng chánh biến tri không nói lời hư vọng", Hành vũ tuân lịnh vua đi xe ngựa trắng, tay cầm gậy vàng, bình vàng đi đến núi Thứu, xuống xe đi bộ tới chỗ Phật đảnh lễ rồi ngồi một bên đem lời của vua bạch Phật, Phật nói: "ta không có ở lâu trong nước Phật lật thị, chỉ có an cư ba tháng. Lúc đó ta có thuyết giảng về bảy pháp bất thối chuyển cho dân chúng nước ấy, nếu dân chúng nước ấy hành theo bảy pháp bất thối thì đất nước ngày càng thịnh vượng và thiện pháp không có suy tổn", Hành vũ nói: "con chưa hiểu được nghĩa yếu diệu, cúi xin Thế tôn từ bi nói rõ cho con được hiểu". Lúc đó tôn giả A-nan đang đứng quạt hầu cho Phật, Phật hỏi A-nan: "này A-nan, thầy có nghe dân chúng nước Phật lật thị thường tụ họp bàn luận về pháp nghĩa hay không?", đáp là có nghe, Phật bảo Hành vũ: "nếu nước ấy, dân chúng thường tụ họp bàn luận pháp nghĩa thì đất nước ngày càng thịnh vượng và thiện pháp không có suy tổn", Phật lại hỏi A-nan: "thầy có nghe dân chúng nước Phật lật thị hòa hợp cùng đứng, cùng ngồi để bàn luận quốc sự hay không?", đáp là có nghe, Phật lại bảo Hành vũ: "nếu nước ấy, dân chúng hòa hợp... thì đất nước ngày càng

thịnh vượng và thiện pháp không có suy tổn", Phật lại hỏi A-nan: "thầy có nghe dân chúng nước Phật lật thị không mong cầu những việc không nên mong cầu và không dứt bỏ những việc nên làm, thường vui vẻ tuân hành giáo lịnh trong nước hay không?", đáp là có nghe, Phật lại bảo Hành vũ: "nếu nước ấy, dân chúng không mong cầu... thì đất nước ngày càng thịnh vượng và thiện pháp không có suy tổn", Phật lại hỏi A-nan: "thầy có nghe những phụ nữ và thiếu nữ trong nước ấy là thê thiếp của người khác hay đã trao hoa chấp thuận làm vợ của người, đang thuộc sự bảo hộ của cha, mẹ, anh chị em hoặc của cha mẹ chồng, chồng và thân tộc nếu có lỗi bị trị tội thì những người nam sẽ không cùng họ làm việc phi pháp hay không?", đáp là có nghe, Phật lại bảo Hành vũ: "nếu những phụ nữ và thiếu nữ trong nước ấy... thì đất nước ngày càng thịnh vượng và thiện pháp không có suy tổn", Phật lại hỏi A-nan: "thầy có nghe dân chúng nước ấy đối với cha mẹ, sư trưởng thường cung kính cúng dường và thuận theo lời dạy bảo, tình không trái nghịch xúc não hay không?", đáp là có nghe, Phật lại bảo Hành vũ: "nếu dân chúng nước ấy đối với cha mẹ, sư trưởng... thì đất nước ngày càng thịnh vượng và thiện pháp không có suy tổn", Phật lại hỏi A-nan: "thầy có nghe dân chúng nước ấy thường cúng dường tháp và không dứt bỏ những pháp thức cung kính đã có từ xưa hay không?", đáp

là có nghe, Phật lại bảo Hành vũ: "nếu dân chúng nước ấy thường cúng dường tháp... thì đất nước ngày càng thịnh vượng và thiện pháp không có suy tổn", Phật lại hỏi A-nan: "thầy có nghe dân chúng nước ấy thường cung kính tôn trọng và sanh chánh niệm đối với các bậc A-la-hán: vị nào chưa đến thì mong cầu nên đến, vị nào đã đến thì cung cấp đầy đủ y thực... và các vật cần dùng để họ được an lạc trụ, thì đất nước ấy ngày càng thịnh vượng và thiện pháp không có suy tổn", hành vũ bạch Phật: "Thế tôn, nếu dân chúng nước ấy chỉ thực hành được một trong bảy pháp trên thì vua Vị sanh oán cũng không thể thảo phạt được, huống chi là họ thực hành đủ cả bảy pháp. Thế tôn, con còn nhiều việc xin được cáo từ", Phật nói tùy ý. Sau đó Phật bảo A-nan: "thầy hãy đi thông báo cho các Bí-sô ở trên núi Thứu này đến tập họp tại Cung thị đường", A-nan vâng lời Phật đi thông báo, đợi các Bí-sô đến tập họp đông đủ rồi đến bạch Phật biết thời. Phật đến ngồi rồi bảo các Bí-sô: "các thầy lắng nghe, ta sẽ nói về bảy pháp bất thối:

1. Nếu các Bí-sô thường tập họp để bàn luận pháp nghĩa thì phước đức của Bí-sô càng tăng trưởng, thiện pháp không suy tổn.

2. Nếu các Bí-sô thường hòa hợp cùng ngồi cùng đứng cùng làm các pháp sự thì phước đức của Bí-sô càng tăng trưởng, thiện pháp không suy tổn.

3. Nếu các Bí-sô không khổ cầu những việc

không nên cầu, không làm cho mất đi những thiện pháp đã được, thường hoan hỉ phụng hành chánh giáo thì phước đức của Bí-sô càng tăng trưởng, thiện pháp không suy tổn.

4. Nếu các Bí-sô diệt trừ được những khát ái cùng tham câu sanh, ưa thích nguyện đời sau khiến các hữu tương tục phải luân hồi thì sẽ được an lạc trụ và phước đức của Bí-sô càng tăng trưởng, thiện pháp không suy tổn.

5. Nếu các Bí-sô đối với các vị xuất gia đã lâu, tinh tu phạm hạnh đủ mười hai hạ được các bậc trưởng lão kỳ túc khen ngợi và các bậc đồng phạm hạnh đều nghe biết, đại chúng đều cung kính tôn trọng cúng dường mà hoan hỉ nghe theo lời của họ dạy bảo thì phước đức của Bí-sô càng tăng trưởng, thiện pháp không suy tổn.

6. Nếu các Bí-sô ở nơi A-lan-nhã thọ ngọa cụ xấu mà sanh tâm hoan hỉ biết đủ thì phước đức của Bí-sô càng tăng trưởng, thiện pháp không suy tổn.

7. Nếu các Bí-sô đối với các vị đồng phạm hạnh dụng tâm ân trọng thường sanh chánh niệm: các vị ấy chưa đến thì mong đến, đã đến thì không nhàm chán cung cấp đầy đủ y thực... và các vật cần dùng để các vị ấy được an lạc trụ, thì phước đức của Bí-sô càng tăng trưởng, thiện pháp không suy tổn. Này các Bí-sô, nếu thường thực hành bảy pháp bất thối này thì phước đức của Bí-sô càng tăng trưởng,

thiện pháp không suy tổn. Lại có bảy pháp không suy tổn:

1. Nếu các Bí-sô đối với bậc đại sư cung kính cúng dường, tôn trọng tán thán thì sẽ được an lạc trụ và làm cho chúng Bí-sô tăng trưởng, thiện pháp không suy tổn.

2 - 7 Nếu các Bí-sô đối với Pháp, Giới, việc giáo thọ, việc không phóng dật, việc ngọa cụ, việc tu thiền định sanh tâm an trọng cung kính thì sẽ được an lạc trụ và làm cho chúng Bí-sô tăng trưởng, thiện pháp không suy tổn.

Lại có bảy pháp không suy tổn, đó là nếu các Bí-sô không ưa thích làm việc thế tục, không ưa nói nhiều, không ưa ngủ nghỉ, không ưa tu tập, không ưa thân cận bạn xấu, khôn tham danh lợi, thường đến tham vấn người khác, thường tu thiền định, không sanh hỉ túc đối với sự chứng pháp tăng thượng, không có tâm thối lui, tinh tấn không gián đoạn cho đến khi chứng đắc chân thật tế, thì sẽ được an lạc trụ và làm cho chúng Bí-sô tăng trưởng, thiện pháp không suy tổn.

Lại có bảy pháp không suy tổn, đó là nếu các Bí-sô có tín tâm thanh tịnh, có tàm, có quý, tinh tấn, niệm, định và huệ, thì sẽ được an lạc trụ và làm cho chúng Bí-sô tăng trưởng, thiện pháp không suy tổn.

Lại có bảy pháp không suy tổn, đó là nếu các

Bí-sô biết pháp, biết nghĩa, biết thời, biết lượng, biết tự thân, biết môn đồ, biết hạnh của người khác, thì sẽ được an lạc trụ và làm cho chúng Bí-sô tăng trưởng, thiện pháp không suy tổn.

Lại có bảy pháp không suy tổn, đó là khi các Bí-sô quán về Niệm giác phần, trạch pháp, tinh cần, hỷ, khinh an, định và xả giác phần, nương ở nơi tịch tĩnh, y chỉ ly dục, y chỉ tịch diệt, xa lìa tai nạn, thì sẽ được an lạc trụ và làm cho chúng Bí-sô tăng trưởng, thiện pháp không suy tổn. Này các Bí-sô, trên đây là bảy pháp không suy tổn phải thường tu tập; nếu các thầy nhất tâm ân cần hộ trì, thì sẽ được an lạc trụ và làm cho chúng Bí-sô tăng trưởng, thiện pháp không suy tổn.

Này các Bí-sô, lại có sáu pháp làm cho người khác hoan hỷ, đó là:

1. Ta nay nên đem thân nghiệp hành từ, tức là đối với bậc đại sư và các Hiền thánh đồng phạm hạnh khởi tâm từ thiện dùng thân lễ kính, quét dọn sạch sẽ nền chùa, rãi hoa đốt hương cúng dường, xoa bóp tay chân...; nếu thấy bịnh khổ thì tùy thời cung cấp làm cho họ hoan hỉ, thương yêu kính trọng nhau, thân cận nhiếp thọ không tranh cãi, nhất tâm hòa hợp như nước hòa với sữa.

2. Ta nay nên đem khẩu nghiệp hành từ, tức là đối với bậc đại sư và các Hiền thánh đồng phạm hạnh khởi tâm từ thiện dùng lời nói khen ngợi, hiển

bày thật đức, làm cho người chưa nghe được nghe; ngày đêm tinh tấn đọc tụng kinh pháp làm cho họ hoan hỉ, thương yêu kính trọng nhau, thân cận nhiếp thọ không tranh cãi, nhất tâm hòa hợp như nước hòa với sữa.

3. Ta nay nên đem ý nghiệp hành từ, tức là đối với bậc đại sư và các Hiền thánh đồng phạm hạnh khởi tâm từ thiện, không khởi tưởng hại, xan tham tật đố. Đối với thân ngữ nghiệp đã có hành từ gì, thường hệ niệm tư duy không cho dứt mất, dù ở trong nguy nàn cũng không tạm dừng chánh niệm huống chi là lúc bình thường. Đối với các loài hàm thức khởi tâm từ mẫn không giết, không hại, không làm cho chúng đau khổ, xa lìa phiền não, đến chỗ giải thoát để làm cho họ hoan hỉ, thương yêu kính trọng nhau, thân cận nhiếp thọ không tranh cãi, nhất tâm hòa hợp như nước hòa với sữa.

4. Đối với lợi dưỡng như pháp có được, cho đến một ít thức ăn trong bát, ta đều hoan hỉ cùng thọ dụng với vị khác, không ăn riêng; đối với các vị đồng phạm hạnh không có phân biệt kia đây để làm cho họ hoan hỉ, thương yêu kính trọng nhau, thân cận nhiếp thọ không tranh cãi, nhất tâm hòa hợp như nước hòa với sữa.

5. Đối với giới đã thọ không phá hủy, không khuyết tổn, không tạp, không cấu uế mà tịnh trì từ đầu đến cuối, được các bậc trí khen ngợi, không bị các vị đồng phạm hạnh khinh rẽ; cùng trì tịnh giới,

pháp thực đều đồng thọ dụng để làm cho họ hoan hỉ, thương yêu kính trọng nhau, thân cận nhiếp thọ không tranh cãi, nhất tâm hòa hợp như nước hòa với sữa.

6. Hay sanh chánh kiến không có nghi hoặc, Thánh pháp xuất ly không thể phá hoại thì sẽ mau dứt hết mé khổ; cùng đồng tri kiến này với các vị đồng phạm hạnh thì sẽ làm cho họ hoan hỉ, thương yêu kính trọng nhau, thân cận nhiếp thọ không tranh cãi, nhất tâm hòa hợp như nước hòa với sữa. Này các Bí-sô, trên đây là sáu pháp hoan hỷ phải thường tu tập, ân trọng hộ trì, thì sẽ được an lạc trụ và làm cho chúng Bí-sô tăng trưởng, thiện pháp không suy tổn".

Các Bí-sô nghe Phật dạy rồi đều hoan hỉ tín thọ phụng hành.

-oOo-

# CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA TẠP SỰ

## QUYỂN 36

**10. Nhiếp tụng thứ 10 (tiếp theo):**

Nhiếp tụng nội dung:

*Chúng tập kính Đại sư,*
*Nghe pháp sanh chánh tín.*
*Tự nói tuổi già suy,*
*Nói nhân duyên Hành vũ.*

Lúc đó Phật bảo cụ thọ A-nan: "ta muốn đi đến ấp Ba-thát-li", nói rồi Phật cùng các Bí-sô từ nước Ma-kiệt-đà tuần tự du hành đến ấp Ba- thát-li, trụ bên một ngôi tháp. Dân chúng nghe tin Phật đến đều tụ đến tháp, đảnh lễ Phật rồi ngồi một bên, Phật bảo đại chúng: "các vị lắng nghe phóng dật có năm lỗi, đó là:

1. Nếu phóng dật thì tài bảo và vật dụng đã có thảy đều sẽ tiêu tán mất.

2. Nếu phóng dật thì khi đến trong chúng hội sẽ cảm thấy hổ thẹn và khiếp sợ.

3. Nếu phóng dật thì tiếng xấu sẽ đồn khắp bốn phương.

4. Nếu phóng dật thì khi lâm chung sẽ hối hận.

5. Nếu phóng dật thì sau khi qua đời sẽ đọa trong ba đường ác là địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh.

Ngược lại, không nghe phóng dật có năm lợi, đó là:

1. Nếu không phóng dật thì tài bảo và vật dụng đã có sẽ không bi tiêu tán mất.

2. Nếu không phóng dật thì khi đến trong chúng hội sẽ không cảm thấy hổ thẹn và khiếp sợ.

3. Nếu không phóng dật thì tiếng khen sẽ đồn khắp bốn phương.

4. Nếu không phóng dật thì khi lâm chung sẽ không hối hận.

5. Nếu không phóng dật thì sau khi qua đời sẽ được sanh lên cõi trời thọ lạc lâu dài.

Phật nói pháp khiến cho dân chúng trong ấp Ba-thát-li được lợi hỉ rồi im lặng, lúc đó các Bà-la-môn... từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu chắp tay bạch Phật: "cúi xin Phật từ bi đến ở trong phóng xá yên tịnh của chúng con", Phật im lặng nhận lời, biết Phật đã nhận lời, họ đảnh lễ Phật rồi ra về. Sau đó Phật và các Bí-sô đến ở trong trú xứ yên tịnh của họ, sau khi rửa chân xong, Phật vào trong phòng thiền tọa. Lúc đó ở bên ngoài, đại thần Hành vũ đang đo đạc đất đai ở bốn phía của ấp Ba-thát-li, muốn xây dựng lại thành ấp kiên cố nên các thiên thần có đại uy đức đều muốn tìm trú xứ để ở

nơi đây. Phật ngay nơi chỗ ngồi với thiên nhãn thanh tịnh quán thấy các thiên thần đều muốn tìm trú xứ để ở nơi đây; đến xế chiều sau khi xuất thiền, Phật đi đến một chỗ mát mẻ ngồi rồi hỏi A-nan: "thầy có nghe biết việc đo đạc đất đai trong ấp này không?", đáp là có nghe biết, Phật nói: "đại thần Hành vũ có đại trí huệ muốn xây dựng thành ấp kiến cố như cõi trời Tam thập tam tại trú xứ này. Ta với thiên nhãn thanh tịnh quán thấy các thiên thần đều muốn tìm trú xứ để ở nơi đây; do chư thiên có đại uy đức muốn ở đây nên các đại nhân có phước đức cũng muốn tìm trú xưa để ở nơi đây; do chư thiên bậc trung muốn ở nơi đây nên hạng người bậc trung và các loài khác cũng đều muốn ở nơi đây. Trong thành ấp này có bậc thù thắng ở nên có ngôn luận của bậc thù thắng và có các thương nhân thù thắng đến để cùng giao dịch mua bán qua lại không ngớt. Đây là sự thịnh vượng của ấp ba-thát-li, nhưng ấp này sẽ bị tổn hoại bởi ba tai là nước lửa và nội phản". Lúc đó đại thần Hành vũ nghe biết Phật đã đến nơi đây liền đến chỗ Phật đảnh lễ ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Thế tôn tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho Hành vũ được lợi hỉ rồi liền im lặng. Hành vũ từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu chắp tay thỉnh Phật và Tăng vào ngày mai đến nhà ông thọ thực, Phật im lặng nhận lời, biết Phật đã nhận lời Hành vũ liền đảnh lễ Phật rồi ra về. Về đến nhà ngay trong đêm đó Hành vũ

cho sửa soạn đủ các món ăn ngon, sáng sớm trải tòa để nước sạch rồi sai sứ đến bạch Phật: "đã đến giờ thọ thực, xin Phật tự biết thời". Phật đắp y mang bát cùng chúng Tăng đến nhà Hành vũ, ngồi vào chỗ ngồi rồi Hành vũ tự tay dâng cúng các món ăn ngon cho Phật và Tăng. Khi Phật và Tăng thọ thực xong, Hành vũ cầm bình vàng rót nước cho Phật rồi phát nguyện: "con xin nguyện cho nghiệp đẳng lưu thắng thiện do sự cúng dường này sẽ được quả báo an lạc và xin đem phước lực này hồi hướng cho các thiên thần cựu trú trong thành này thường được lợi lạc thù thắng", Phật vì tùy hỉ nên nói kệ:

*"Nếu người nào có tâm tịnh tín,*
*Cung kính cúng dường Phật và Tăng,*
*Nương theo chân thật ngữ của Phật,*
*Thì thường được chư Phật khen ngợi.*
*Nếu người nào thông minh trí huệ,*
*Đến trụ ở nơi thắng diệu này,*
*Cúng dường bậc trì giới tịnh hạnh,*
*Người ấy được nói kệ chú nguyện.*
*Nếu ai đáng cung kính bố thí,*
*Tâm nên ân trọng tu cúng dường.*
*Do đây chư thiên khởi tâm từ,*
*Cũng như cha mẹ thương con đỏ,*
*Đã được chư thiên thường thủ hộ,*
*Sẽ được an ổn thọ thắng lạc,*
*Đời đời thường gặp bậc hiền thiện,*
*Rốt ráo chứng được quả vô vi".*

Phật nói diệu pháp làm cho Hành vũ được lợi hỉ rồi đứng dậy ra về, Hành vũ biết pháp thế gian sẽ trở về chỗ tan hoại nên sửa soạn lại y phục rồi theo sau Phật, nghĩ rằng: "nếu Thế tôn từ thành đi ra đường nào thì ngay nơi đó ta sẽ cho xây cổng lầu lớn, nếu qua sông Căng già thì ta sẽ cho xây bến đò", Phật biết tâm nhiễm của Hành vũ nên từ thành đi ra theo con đường phía Tây lên hướng bắc, đến bờ sông Căng già và muốn qua sông. Lúc đó có rất nhiều người hoặc dùng bè gỗ hoặc phao nổi để qua sông, ở trên sông qua lại không ngớt; Phật thấy vậy liền suy nghĩ: "ta nên dùng thần lực đặt chân lướt trên mặt nước để qua đến bờ kia", nghĩ rồi liền nhập thắng định, theo như ý niệm Phật và các Bí-sô biến mất ở bờ này và hiện ra ở bờ bên kia, một Bí-sô nói kệ:

*"Nhiều người muốn qua sông,*
*Qua lại mãi không ngớt,*
*Dùng phao nổi, bè gỗ,*
*Để vượt qua sông Hằng,*
*Thế tôn dùng thần lực,*
*Cùng tất cả chúng tăng,*
*Bờ này sang bờ kia,*
*Không một chút mệt nhọc.*
*Đất bằng nước dâng tràn,*
*Đào giếng để làm gì?*
*Tâm phiền não không còn,*
*Đâu cần cầu vật khác".*

Sau đó, ngay chỗ Phật ra khỏi thành, đại thần Hành vũ cho xây cổng lầu lớn, đặt tên là cổng Kiều-đáp-ma; con đường đi đến bến sông đặt tên là đường Kiều-đáp-ma. Lúc đó khi đến bờ sông phía Bắc, Phật bảo A-nan: "ta muốn đến thôn Tiểu xa phía bắc rừng Thăng nhiếp ba", đến nơi, Phật bảo các Bí-sô: "đây là Thi la, đây là Tam-ma-địa, đây là Bát nhã, do sức trì giới làm cho định được kiên cố không thối chuyển; do tu định nên phát sanh trí huệ, do sức trí huệ nên tâm giải thoát khỏi tham sân si. Như vậy này các Bí-sô, tâm khéo giải thoát sẽ được sự hiểu biết chơn chánh, hiểu rõ: sanh tử đã tận, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không thọ thân sau". Sau đó Phật và các Bí-sô đi đến tụ lạc Phiến vi bên ngoài rừng, đến nơi thấy dân chúng trong thôn bị bịnh dịch chết rất nhiều, các Ô-ba-sách-ca tịnh tín như Hiền thiện, Danh xưng... đều qua đời. Sáng hôm sau, các Bí-sô đắp y mang bát vào thôn khất thực đều nghe biết việc này, sau khi trở về trú xứ thọ thực xong liền đến chỗ Phật đảnh lễ rồi ngồi một bên bạch Phật: "Thế tôn, khi vào thôn khất thực, chúng con nghe biết có nhiều Ô-ba-sách-ca qua đời, không biết họ sanh về đâu?", Phật nói: "trong thôn ấy có hai trăm năm mươi Ô-ba- sách-ca qua đời đã đoạn năm hạ phần kết, được thân hóa sanh, chứng quả Bất hoàn không trở lại cõi này nữa và được bất thối chuyển đối với Niết-bàn. Lại có hơn ba trăm Ô-ba-sách-ca

qua đời đã làm cạn mỏng tham sân si, chứng quả Nhất lai, còn trở lại nhân gian một lần nữa mới dứt hết mé khổ. Lại có năm trăm Ô-ba-sách-ca qua đời đã đoạn ba kiết sử, chứng quả Dự lưu, còn qua lại cõi trời người bảy lần nữa mới dứt hết mé khổ. Này các Bí-sô, cần gì phải hỏi như vậy để xúc não ta, thường tình hễ có sanh ắt có tử dù Phật có ra đời hay không, Như lai biết rõ pháp sanh tử nên đã giảng thuyết phân biệt cho các hữu tình, chỉ bày pháp môn Thập nhị nhân duyên, đó là:

1. Hễ cái này có thì cái kia sanh nên Vô minh duyên Hành, Hành duyên Thức, thức duyên Danh sắc, Danh sắc duyên Lục xứ, Lục xứ duyên Xúc, Xúc duyên Thọ, Thọ duyên Ái, Ái duyên Thủ, Thủ duyên Hữu, Hữu duyên Sanh, Sanh duyên Lão tử, ưu bi khổ não.

2. Hễ cái này diệt thì cái kia diệt nên Vô minh diệt thì Hành diệt, Hành diệt thì Thức diệt, Thức diệt thì Danh sắc diệt, Danh sắc diệt thì Lục xứ diệt, Lục xứ diệt thì Xúc diệt, Xúc diệt thì Thọ diệt, Thọ diệt thì Ái diệt, Ái diệt thì Thủ diệt, Thủ diệt thì Hữu diệt, Hữu diệt thỉ Sanh diệt, Sanh diệt thì Lão tử, ưu bi khổ não đều diệt. Như thế Khổ uẩn rộng lớn thảy đều trừ diệt.

Ta nay nói thêm kinh Pháp cảnh, các thầy hãy lắng nghe, sao gọi là Pháp cảnh, tức là đối với Phật pháp tăng và Thánh giới thanh tịnh, các thầy nên cung kính tôn trọng cúng dường, khen ngợi lễ bái,

thường trụ chánh tín, chánh niệm", các Bí-sô nghe Phật dạy rồi đều y giáo phụng hành. Sau đó Phật và các Bí-sô đi đến thành Quảng nghiêm, trụ trong vườn Am-một-la. Trong thành này có một người nữ tên Am-một- la là chủ vườn này, dung mạo đoan chánh, mọi người đều nghe biết tiếng. Cô nghe tin Phật đang ở trong vườn mình liền mặc y phục trang nghiêm với các chuỗi anh lạc cùng với các tỳ nữ tùy tùng đi xe báu đến gặp Phật. Đến nơi, cô xuống xe đi bộ vào trong vườn, lúc đó Phật đang thuyết pháp cho các Bí-sô, từ xa thấy cô sắp đến, Phật liền bảo các Bí- sô: "người nữ kia sắp đến, các thầy hãy hệ niệm tư duy, chớ khởi niệm khác. Hệ niệm tư duy như thế nào?, tức là nếu Bí-sô khởi niệm tà ác bất thiện thì hãy từ bỏ ngay, nên phát sanh chánh tín, tinh cần, nhiếp tâm trụ chánh niệm, không tán loạn, làm cho thiện pháp sanh khởi, niệm ác dứt trừ, chánh trí huân tập viên mãn tăng trưởng. Khi qua lại chỗ nào nên khéo quán sát các hành động co duỗi cúi ngửa, đắp y, mang bát, đi đứng nằm ngồi, nói nín, ngủ thức đều phái làm pháp đối trị để trụ nơi chánh niệm. Trụ nơi chánh niệm như thế nào?, tức là quán sát nội thân, ngoại thân, nội ngoại thân; nội thọ, ngoại thọ, nội ngoại thọ; nội tâm, ngoại tâm, nội ngoại tâm; nội pháp, ngoại pháp, nội ngoại pháp nên sách tấn chánh cần, khéo điều phục, biết rõ các pháp thế gian là ưu khổ. Các thầy nên hệ niệm tư duy như thế". Lúc đó Am-

một-la đến chỗ Phật đảnh lễ rồi ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Thế tôn tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho cô được lợi hỉ rồi liền im lặng. Cô từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu chắp tay bạch Phật: "Thế tôn, con xin thỉnh Phật và các Bí-sô ngày mai đến nhà con thọ thực", Phật im lặng nhận lời, cô biết Phật đã nhận lời liền đảnh lễ rồi ra về. Lúc đó các Lật cô tỳ tử ở trong thành Quảng nghiêm nghe tin Phật đang ở trong vườn Am-một- la liền cùng cỡi các loại xe báu tứ mã tới gặp Phật. Đoàn người cỡi xe ngựa màu xanh với càng xe xanh, thùng xe xanh, dây cương xanh, roi xanh thì đội mão xanh, che lọng xanh, mang đao xanh, cầm phất xanh, mặc y phục xanh, chuỗi ngọc và hương hoa đều xanh cùng với đoàn tùy tùng đều mặc y phục xanh. Những đoàn người khác hoặc vàng hoặc đỏ hoặc trắng trước sau từng đoàn đều có thổi loa, đánh trống rần rộ đi đến trong vườn Am-một-la để gặp Phật. Khi họ sắp tới nơi, Phật bảo các Bí-sô: "người nào chưa thấy chư thiên ở cõi trời Tam thập tam du ngoạn trong vườn hoa thì hãy nhìn các Lật cô tỳ tử ở thành Quảng nghiêm này.

Với oai lực và phục sức trang nghiêm của họ không khác chư thiên ở cõi trời Tam thập tam du ngoạn trong vườn hoa", đến nơi, các Lật cô tỳ tử xuống xe đi bộ đến chỗ Phật đảnh lễ ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Thế tôn tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho họ được lợi hỉ rồi liền im lặng. Lúc đó

trong chúng có một Bà-la-môn là Ma-nạp-bà tên Hoàng phát từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu chắp tay bạch Phật: "cúi xin Thế tôn cho con tùy hỉ tán thán", Phật nói tùy ý, Ma-nạp-bà liền nói kệ:

*"Thân đại vương trang nghiêm giáp báu,*
*Bậc quốc chủ nay được thiện lợi,*
*Vì có Phật xuất hiện nơi này,*
*Danh tiếng vang xa như Tu di,*
*Như hoa sen trắng ở trong ao,*
*Đêm nở tỏa hương thơm ngào ngạt.*
*Như ánh mặt trời chiếu trên không,*
*Ánh sáng tràn ngập khắp thế gian.*
*Hãy xem lực trí huệ của Phật,*
*Như ánh đuốc sáng phá tối tăm,*
*Thường làm mắt trí cho trời người,*
*Ai gặp được rồi đều điều phục".*

Các Lật cô tỳ tử nghe kệ rồi liền khen là nói kệ hay, mỗi người đều cởi thượng y tặng cho Ma-nạp-bà, Phật lại thuyết pháp cho họ được lợi hỉ, các Lật cô tỳ chắp tay bạch Phật: "cúi xin Thế tôn và các Bí-sô ngày mai thọ chúng con thỉnh thực", Phật nói: "ta và các Bí-sô đã thọ cô Am-một-la thỉnh thực vào ngày mai rồi", các Lật cô tỳ tử nói: "chúng con đã thua cô gái kia rồi, cô ấy có trí huệ đã thỉnh Thế tôn trước, chúng con đã không kịp kính lễ và thỉnh Thế tôn, để lần sau chúng con sẽ cúng dường", Phật khen lành thay, các Lật cô tỳ tử hoan hỉ đảnh lễ Phật rồi ra về. Lúc đó Ma-nạp-bà Hoàng

phát chắp tay bạch Phật: "Thế tôn, các Lật cô tỳ tử nghe con nói kệ tán thán Phật, khen hay nên mỗi người cởi thượng y tặng cho con, con xin đem các thượng y này dâng cúng, cúi xin Thế tôn thương xót nạp thọ", Phật nhận rồi nói: "này Ma-nạp-bà, khi Như lai Ứng chánh đẳng giác xuất hiện trong thế gian, có năm việc hi hữu xuất hiện, đó là:

1. Như lai, Bạc-già-phạm, Ứng chánh đẳng giác, Minh hạnh túc, Thiện thệ, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhơn sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở thế gian, nói ra pháp yếu ban đầu, khoảng giữa và sau cùng đều thiện, văn nghĩa xảo diệu, thuần nhất không tạp, đầy đủ tướng phạm hạnh trong sạch. Đây là việc hi hữu thứ nhất.

2. Người nào nghe được diệu pháp này, người ấy có thể khéo tác ý nhất tâm ghi nhớ, thu nhiếp các căn tư duy quán sát. Đây là điều hi hữu thứ hai.

3. Sau khi nghe được diệu pháp, người ấy sanh tâm hoan hỉ được đại thiện lợi, nhàm lìa việc thế tục. Đây là việc hi hữu thứ ba.

4. Nếu người nào triển chuyển nghe diệu pháp ấy cũng tuần tự y giáo phụng hành. Đây là việc hi hữu thứ tư.

5. Sau khi nghe diệu pháp, những người ấy hệ niệm tư duy liền có thể thông đạt và được trí huệ sâu xa. Đây là việc hi hữu thứ năm.

Lại nữa, này Ma-nạp-bà, người biết ân và báo

ân là bậc đại nhân, chút ân nhỏ còn không quên huống chi là ân lớn. Ngươi nên chuyên cần tu học như vậy", Ma-nạp-bà nghe Phật dạy rồi hoan hỉ tín thọ, đảnh lễ Phật rồi đi.

Lúc đó ngay trong đêm, Am-một-la lo liệu đầy đủ các món ăn ngon, sáng sớm trải tòa ngồi, để nước sạch rồi sai sứ đến bạch Phật đã đến giờ thọ thực. Phật và các Bí-sô đắp y mang bát đến nhà Am-một-la rồi ngồi vào chỗ ngồi, Am-một-la tự tay dâng cúng các món ăn ngon, đợi Phật và Tăng thọ thực xong, cô lấy chiếc ghế nhỏ ngồi trước Phật nghe pháp, Phật liền nói kệ:

*"Người không keo kiệt hay bố thí,*
*Ai thấy cũng kính mến thân cận,*
*Vào trong chúng hội không sợ hãi,*
*Được lợi ích lớn và danh tiếng,*
*Thế nên người trí thường bố thí,*
*Làm cho phước báo tăng trưởng mãi,*
*Trừ dần phiền não, dứt xan tham,*
*Thọ lạc cõi trời Tam thập tam,*
*Tu các nghiệp thiện được công đức,*
*Sau khi qua đời được sanh thiên,*
*Dạo vườn Hoan hỉ cùng thiên nữ,*
*Làm đệ tử Phật thường an lạc".*

Phật lại tùy căn cơ thuyết pháp làm cho Am-một-la được lợi hỉ rồi ra về. Sau đó Phật và các Bí-sô đi đến Trúc lâm phía bắc rừng Thăng nhiếp ba, lúc đó thời thế mất mùa đói kém nên khất thực khó

được, Phật bảo các Bí-sô: "trong thời buổi đói kém này, các thầy nên tìm nơi quen biết trong các tụ lạc trong thành Bích-xá-ly này mà tùy tiện an cư. Ta và A-nan sẽ ở trú xứ này an cư, nếu không như thế thì việc khất thực rất khó được", các Bí-sô vâng lời Phật dạy đều đến các thân hữu tùy chỗ an cư, Phật và A-nan ở tại trú xứ này an cư dưới gốc cây. Trong hạ an cư, thân Phật mang bịnh khổ suýt mạng chung, Phật suy nghĩ: "không bao lâu nữa thân ta sẽ diệt, nhưng các Bí-sô đang ở khắp nơi, ta không nên lìa đại chúng mà nhập Niết-bàn, ta nên dùng tam muội Vô tướng quán sát tự thân để làm cho bịnh khổ này ngừng dứt", nghĩ rồi Phật liền nhập thắng định, các thống khổ đều tùy ý niệm mà được dứt trừ. Đến xế chiều, A-nan xuất thiền rồi đến đảnh lễ Phật bạch rằng: "Thế tôn, vừa rồi thân tâm con mê muội không còn biết phân biệt, cũng không trì tụng được pháp đã được nghe, vì nhìn thấy Thế tôn chịu thống khổ vì bịnh, sợ Thế tôn sẽ tịch diệt, nay thấy Phật chưa nhập Niết-bàn, con mới tỉnh táo lại, con nghĩ là Phật sẽ nói pháp hi hữu", Phật nói: "thầy tác ý cho là ta chưa nhập Niết-bàn vì còn phải dạy bảo các Bí-sô là không có lý đó, vì sao, vì lẽ nào đến nay ta mới chỉ dạy pháp hi hữu cho các Bí-sô hay sao. Này A-nan, điều cần nói ta đã nói hết rồi, tất cả đều là muốn các thầy hiểu rõ các nội ngoại pháp, đó là Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ như ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất bồ đề phần, Bát

chánh đạo. Này A-nan, chư Phật Thế tôn thường thuyết giảng các pháp này rõ ràng, không có tâm xẻn tiếc che giấu. Nhưng này A-nan, khi thân bị bịnh khổ suýt nhập Niết-bàn, ta suy nghĩ: "không bao lâu nữa thân ta sẽ diệt, nhưng các Bí-sô đang ở khắp nơi, ta không nên lìa đại chúng mà nhập Niết-bàn, ta nên dùng tam muội Vô tướng quán sát tự thân để làm cho bịnh khổ này ngừng dứt", nghĩ rồi ta liền nhập thắng định, các thống khổ đều tùy ý niệm mà được dứt trừ. Này A-nan, nay thân ta đã già suy, đã tám mươi tuổi mà còn tồn tại là do hai việc, như chiếc xe hư cũ được tồn tại là do hai việc, vì vậy thầy chớ ưu sầu, các pháp hữu vi ở thế gian từ nhân duyên sanh mà muốn thường trụ không bị tiêu diệt là điều không thể có. Trước đây ta đã thường giảng: tất cả dục lạc vinh hoa, ái niệm vừa ý trong thế gian đều sẽ tan rã, ân ái biệt ly sẽ không tồn tại mãi. Cho nên dù ta còn tại thế hay sau khi nhập diệt, các thầy hãy tự mình làm hòn đảo cho mình, tự mình làm chỗ nương cho mình; lấy pháp làm hòn đảo, lấy pháp làm chỗ nương, không có hòn đảo hay chỗ nương nào khác. Vì sao, vì ai nương vào pháp, ưa thích trì giới, người ấy sẽ là đệ tử bậc nhất trong các Thanh văn. Như thế nào gọi là tự mình làm hòm đảo cho mình, tự mình làm chỗ nương cho mình?, tức là Bí-sô hãy hệ niệm tư duy quán sát nội thân, ngoại thân, nội ngoại thân; nội thọ, ngoại thọ, nội ngoại thọ; nội tâm, ngoại tâm,

nội ngoại tâm; nội pháp, ngoại pháp, nội ngoại pháp nên sách tấn chánh cần, khéo điều phục tham sân si, biết rõ các pháp thế gian là ưu khổ. Các thầy nên hệ niệm tư duy như thế".

Nhiếp tụng nội dung: Hành vũ trong Trúc lâm, Xây dựng ấp Ba tra, Qua sông đến thôn nhỏ, Dần đến nhập Niết-bàn.

Lúc đó Phật bảo A-nan là muốn đi đến thành Quảng nghiêm, A- nan theo Phật đến Trùng các đường trong thành Quảng nghiêm. Sáng hôm sau, A-nan theo sau Phật vào thành khất thực, sau đó trở về trú xứ, thọ thực rồi Phật đến ngồi dưới gốc cây bên tháp Thủ cung, Phật bảo A-nan: "thành Quảng nghiêm này vật sản hoa lệ, vườn cây hoa trái xum xuê, tháp miếu và ao mát đều là quang cảnh đẹp, là nơi kỳ đặc nhất trong châu Thiệm bộ này. Này A-nan, người nào tu tập nhiều về bốn thần túc, muốn trụ lại thế gian này một kiếp hay hơn một kiếp đều như ý muốn. Như lai tu tập nhiều về bốn thần túc, muốn trụ lại thế gian này một kiếp hay hơn một kiếp đều tự tại như ý muốn", A-nan tuy nghe nhưng im lặng, Phật nói ba lần A-nan đều im lặng, Phật suy nghĩ: "A-nan đang bị Ma vương mê hoặc nên thân tâm mê loạn, ta đã nói ba lần mà vẫn im lặng không thỉnh trụ thế thì chắc là bị Ma vương mê hoặc", nghĩ rồi liền bảo A-nan đến ngồi dưới gốc cây khác, không nên ngồi chúng một chỗ với Phật, A-nan nghe lời Phật đến dưới gốc cây

khác ngồi yên lặng. Lúc đó Ma vương Bà tỳ hiện đến đảnh lễ Phật rồi bạch Phật: "Thế tôn, đã đến lúc nhập Niết-bàn, xin Thiện thệ hãy nhập Niết-bàn", Phật hỏi: "vì sao ngươi lại nói là đã đến lúc nhập Niết-bàn và thỉnh ta nhập Niết-bàn?", Ma vương nói: "trước đây khi Phật thành đạo dưới cội cây Bồ đề bên sông Ni liên thiền, tôi có đến thỉnh Phật nhập Niết-bàn, Phật nói: nếu Thánh chúng đệ tử Thanh văn của ta chưa có trí huệ thông đạt, chưa đầy đủ biện tài, chưa dùng chánh pháp hàng phục các tà luận để hiển dương Thánh giáo làm cho lưu thông; nếu các Bí-sô, Bí-sô ni, Ô-ba-sách-ca, Ô-ba-tư-ca chưa được giới phẩm kiên cố, làm cho phạm hạnh được truyền bá khắp nơi và làm cho trời người được lợi ích thì ta chưa nhập Niết-bàn. Thế tôn, nay Thánh chúng đệ tử Thanh văn của Phật đã có trí huệ thông đạt, đã đầy đủ biện tài, đã dùng chánh pháp hàng phục các tà luận để hiển dương Thánh giáo làm cho lưu thông; các Bí-sô, Bí-sô ni, Ô-ba-sách-ca, Ô-ba-tư-ca cũng đã được giới phẩm kiên cố, làm cho phạm hạnh được truyền bá khắp nơi và làm cho trời người được lợi ích. Vì thế nên tôi mới nói là đã đến lúc nhập Niết-bàn, xin Thiện thệ hãy nhập Niết-bàn", Phật nói: "ngươi hãy chờ thêm một thời gian ngắn nữa, sẽ không bao lâu khoảng ba tháng sau, Như lai sẽ nhập Niết-bàn vô dư", Ma vương suy nghĩ: "Sa môn Kiều-đáp-ma không nói hai lời, chắc chắn sẽ nhập Niết-

bàn", nghĩ rồi rất vui mừng liền biến mất. Lúc đó Phật suy nghĩ: "ta nên nhập định như vậy, theo định lực chỉ giữ lại mạng sống mà xả bỏ tuổi thọ", nghĩ rồi Phật liền nhập định, theo định lực chỉ giữ lại mạng sống mà xả bỏ tuổi thọ. Lúc đó trời đất chấn động, trên không trung sao xẹt, bốn phương đều rực sáng, trống trời tự nhiên vang động khắp hư không. Phật xuất định liền nói kệ:

*"Hữu hạn hay vô hạn,*
*Như lai đều từ bỏ,*
*Do được nội chứng định,*
*Như chim thoát khỏi trứng".*

A-nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu chắp tay bạch Phật: "Thế tôn, do nhân duyên gì trời đất chấn động?", Phật nói: "có tám nhân duyên làm cho mặt đất chấn động:

1. Mặt đất dựa vào nước, nước dựa vào gió, gió dựa vào không khí. Này A-nan, khi gió lớn nổi lên trong hư không làm cho mặt nước dao động, nước dao động thì mặt đất chấn động. Đây là nhân duyên thứ nhất.

2. Nếu Bí-sô có đại oai đức, đầy đủ đại công dụng dùng thần thông lực quán tưởng đại địa này nhỏ như hạt bụi, tưởng vào nước vô biên thì sẽ làm cho mặt đất chấn động. Nếu Bí-sô ni và chư thiên nào có đại oai đức khởi pháp quán tưởng này cũng sẽ làm cho mặt đất chấn động. Đây là nhân duyên thứ hai.

3. Khi đại Bồ-tát từ cõi trời Đổ-sử-đa giáng thần vào thai mẹ đại địa liền chấn động và khắp thế giới đều được chiếu soi, cho đến nhưng nơi mà ánh sáng mặt trời mặt trăng không chiếu tới, cũng đều được chiếu soi đến khiến cho các hữu tình ở những nơi này đều được thấy nhau và nói rằng: "không phải chỉ có một mình ta mà còn có nhiều chúng sanh khác nữa". Đây là nhân duyên thứ ba.

4. Khi đại Bồ-tát đản sanh, đại địa liền chấn động... như trên. Đây là nhân duyên thứ tư.

5. Khi đại Bồ-tát thành đạo quả Đẳng chánh giác thì đại địa chấn động... như trên.

6. Khi Như lai ba lần chuyển pháp luân thì đại địa chấn động... như trên.

7. Khi Như lai xả bỏ tuổi thọ chỉ lưu lại mạng sống thì trời đất chấn động, bốn phương đều rực sáng, tinh quang rơi rụng, trống trời tự nhiên vang động khắp hư không. Đây là nhân duyên thứ bảy.

8. Không bao lâu nữa khoảng ba tháng sau Như lai sẽ nhập Niết- bàn vô dư, lúc đó trời đất chấn động, bốn phương đều rực sáng, tinh quang rơi rụng, trống trời tự nhiên vang động khắp hư không. Đây là nhân duyên thứ tám". A-nan nói: "theo như lời Thế tôn vừa nói thì do Phật xả bỏ tuổi thọ chỉ giữ lại mạng sống nên trời đất chấn động", Phật nói đúng vậy, A-nan nói: "con có nghe Phật nói: người nào tu tập nhiều về bốn thần túc, muốn trụ lại thế

gian này một kiếp hay hơn một kiếp đều như ý muốn. Phật đã tu tập nhiều về bốn thần túc, muốn trụ lại thế gian này một kiếp hay hơn một kiếp đều như ý muốn, cúi xin Phật trụ thế một kiếp hay hơn một kiếp", Phật nói: "đây là lỗi của thầy, lúc nãy ta đã nói rõ điều này với thầy ba lần nhưng thầy vẫn không hiểu ý vì thầy đã bị Ma vương mê hoặc. Thầy nghĩ sao, Như lai có nói hai lời hay không?", đáp là không, Phật nói: "lành thay A-nan, không có việc Như lai đại sư nói hai lời. Vừa rồi ta đã nhận lời thỉnh của Ma vương thì thầy không nên thỉnh lại nữa, thầy hãy đi thông báo cho các Bí-sô ở chung quang tháp Thủ cung tập họp tại nhà ăn", A-nan vâng lời Phật đi thông báo, khi các Bí-sô đều đã tập họp ở trong nhà ăn, A-nan liền bạch Phật biết thời. Phật đến trong nhà ăn ngồi trước các Bí-sô nói rằng: "các thầy nên quán các hành là vô thường, là pháp biến đổi, không thể thương nhân tưởng, nên nhàm lìa để cầu giải thoát. Các thầy nên biết có pháp thắng diệu, có thể ngay đời này và trong đời sau được an lạc trụ. Các thầy nên thọ trì đọc tụng, hiểu kỹ nghĩa lý và cẩn thận phụng hành theo giáo pháp này, có thể làm cho phạm hạnh trụ lâu không diệt. Pháp như thế nên hoàng truyền rộng rãi để làm lợi ích cho các hữu tình, làm cho trời người được an lạc. Pháp thắng diệu đó là Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ như ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất bồ đề phần, Bát chánh đạo". Phật lại

bảo A-nan là muốn đến thôn Trùng hoạn ở phía Tây bắc của thành Quảng nghiêm, lúc đó Phật như voi chúa quay người về bên phải để nhìn lại thành Quảng nghiêm, A-nan hỏi Phật: "Thế tôn quay lại nhìn thành Quảng nghiêm không phải là không có nhân duyên", Phật nói: "đúng vậy A-nan, ta quay lại nhìn thành Quảng nghiêm không phải là không có nhân duyên, vì đây là lần cuối cùng Như lai Ứng chánh đẳng giác nhìn lại thành Quảng nghiêm, ta sắp đi đến chỗ Ta la song thọ trong trú xứ Lực sĩ để nhập Niết-bàn, không còn trở lại nơi này nữa nên ta mới quay lại nhìn". Có Bí-sô nghe Phật nói lời này liền nói kệ:

*"Nhìn lại thành Quảng nghiêm lần cuối,*
*Vì bậc Chánh giác không trở lại nữa.*
*Phật sắp đến Ta la song thọ,*
*Trú xứ Lực sĩ, chứng Vô dư".*

Khi đến thôn Trùng hoạn, Phật bảo các Bí-sô: "đây là Thi la, đây là Tam-ma-địa, đây là Bát-nhã, do sức trì giới làm cho định được kiên cố không thối chuyển; do tu định nên phát sanh trí huệ, do sức trí huệ nên tâm giải thoát khỏi tham sân si. Như vậy này các Bí-sô, tâm khéo giải thoát sẽ được sự hiểu biết chơn chánh, hiểu rõ: sanh tử đã tận, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không thọ thân sau". Sau đó Phật tuần tự đi trải qua hơn mười tụ lạc tùy căn cơ thuyết pháp cho chúng sanh, khi đến trụ trong rừng phía bắc của thành Thọ dụng thì trời đất

chấn động, trên không trung sao xẹt, bốn phương đều rực sáng, trống trời tự nhiên vang động khắp hư không. A-nan chắp tay bạch Phật: "Thế tôn, do nhân duyên gì trời đất chấn động?", Phật nói: "có ba nhân duyên làm cho mặt đất chấn động:

1. Mặt đất dựa vào nước, nước dựa vào gió, gió dựa vào không khí. Này A-nan, khi gió lớn nổi lên trong hư không làm cho mặt nước dao động, nước dao động thì mặt đất chấn động. Đây là nhân duyên thứ nhất.

2. Nếu Bí-sô có đại oai đức, đầy đủ đại công dụng dùng thần thông lực quán tưởng đại địa này nhỏ như hạt bụi, tưởng vào nước vô biên thì sẽ làm cho mặt đất chấn động. Nếu Bí-sô ni và chư thiên nào có đại oai đức khởi pháp quán tưởng này cũng sẽ làm cho mặt đất chấn động. Đây là nhân duyên thứ hai.

3. Nếu Như lai sắp nhập Niết-bàn thì mặt đất chấn động, đây là nhân duyên thứ ba", A-nan nói: "thật hi hữu thay Thế tôn đã thành tựu việc không thể nghĩ bàn, Như lai Ứng chánh đẳng giác sắp nhập Niết- bàn nên mặt đất hiện tướng hi hữu như thế", Phật nói: "đúng thế, Như lai Ứng chánh đẳng giác đã thành tựu việc hi hữu như vậy. Này A-nan, quá khứ ta đã từng ở trong vô lượng trăm ngàn chúng Sát-đế-lỵ, Sa môn, Bà-la-môn... cho đến cõi trời Sắc cứu cánh, ta mang hình dáng và nói ngôn ngữ đồng như họ; nếu họ không hiểu điều gì, ta có

thể nói cho họ hiểu, dùng pháp thắng thượng chỉ bày làm cho họ được lợi hỉ và được khai ngộ, rồi ta ẩn mất. Lúc đó họ nói với nhau: vị ấy đã đi đâu rồi, là trời hay là người mà không ở trong cảnh giới của ta. Ta có thể thành tựu vô lượng pháp hi hữu như vậy".

-oOo-

# CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA TẠP SỰ

## QUYỂN 37

### 10. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ tám (tt) - Nói bốn pháp đen, bốn pháp trắng, bốn hạng Sa môn và sắp chứng nhập Niết-bàn:

Lúc đó Phật bảo A-nan: "A-nan nên biết giáo pháp có thật giả, từ nay thầy nên nương theo kinh giáo không nên nương theo người. Sao gọi là nương theo kinh giáo, không nương theo người?:

1. Nếu có Bí-sô đến nói: "này cụ thọ, chính tôi được nghe lời này từ Phật, tôi ghi nhớ và thọ trì, đây chính là kinh điển, là luật giáo, chân thật là lời Phật dạy", khi nghe Bí-sô kia nói, Bí-sô này không nên tán thán cũng chớ hủy báng, hãy nghe và ghi nhớ từng câu rồi trở về trú xứ kiểm tra lại trong kinh văn và luật giáo. Nếu lời Bí-sô kia trái với kinh luật thì Bí-sô này nên nói với vị ấy rằng: "này cụ thọ, lời thầy nói không phải là lời Phật dạy, đây là do thầy chấp thủ sai, không nương theo kinh luật, thầy nên từ bỏ".

2. Nếu có Bí-sô đến nói: "này cụ thọ, tôi thấy đại chúng tại trú xứ _____ toàn là bậc kỳ túc thông hiểu tạng luật, tại nơi đó chính tôi được nghe lời này, tôi ghi nhớ và thọ trì, đây chính là kinh điển, là luật giáo, chân thật là lời Phật dạy", khi nghe Bí-sô kia nói, Bí-sô này không nên tán thán cũng chớ hủy báng, hãy nghe và ghi nhớ từng câu rồi trở về trú xứ kiểm tra lại trong kinh văn và luật giáo. Nếu lời Bí-sô kia trái với kinh luật thì Bí-sô này nên nói với vị ấy rằng: "này cụ thọ, lời thầy nói không phải là lời Phật dạy, đây là do thầy chấp thủ sai, không nương theo kinh luật, thầy nên từ bỏ".

3. Nếu có Bí-sô đến nói: "này cụ thọ, tôi thấy tại trú xứ _____ có nhiều Bí-sô đều là bậc trì kinh luật luận, tại nơi đó chính tôi được nghe lời này, tôi ghi nhớ và thọ trì, đây chính là kinh điển, là luật giáo, chân thật là lời Phật dạy", khi nghe Bí-sô kia nói, Bí-sô này không nên tán thán cũng chớ hủy báng, hãy nghe và ghi nhớ từng câu rồi trở về trú xứ kiểm tra lại trong kinh văn và luật giáo. Nếu lời Bí-sô kia trái với kinh luật thì Bí-sô này nên nói với vị ấy rằng: "này cụ thọ, lời thầy nói không phải là lời Phật dạy, đây là do thầy chấp thủ sai, không nương theo kinh luật, thầy nên từ bỏ".

4. Nếu có Bí-sô đến nói: "này cụ thọ, tôi thấy tại trú xứ kia có một Bí-sô tên _____ là bậc tôn túc có trí huệ, chính tôi được nghe lời này từ vị ấy, tôi ghi nhớ và thọ trì, đây chính là kinh điển, là

luật giáo, chân thật là lời Phật dạy", khi nghe Bí-sô kia nói, Bí-sô này không nên tán thán cũng chớ hủy báng, hãy nghe và ghi nhớ từng câu rồi trở về trú xứ kiểm tra lại trong kinh văn và luật giáo. Nếu lời Bí-sô kia trái với kinh luật thì Bí-sô này nên nói với vị ấy rằng: "này cụ thọ, lời thầy nói không phải là lời Phật dạy, đây là do thầy chấp thủ sai, không nương theo kinh luật, thầy nên từ bỏ".

- Trên đây là bốn pháp đen, dưới đây là bốn pháp trắng:

1. Nếu có Bí-sô đến nói: "này cụ thọ, chính tôi được nghe lời này từ Phật, tôi ghi nhớ và thọ trì, đây chính là kinh điển, là luật giáo, chân thật là lời Phật dạy", khi nghe Bí-sô kia nói, Bí-sô này không nên tán thán cũng chớ hủy báng, hãy nghe và ghi nhớ từng câu rồi trở về trú xứ kiểm tra lại trong kinh văn và luật giáo. Nếu lời Bí-sô kia đúng với kinh luật thì Bí-sô này nên nói với vị ấy rằng: "này cụ thọ, lời thầy nói chân thật là lời Phật dạy, thầy đã chấp thủ đúng, nương theo kinh luật, thầy nên thọ trì".

2. Nếu có Bí-sô đến nói: "này cụ thọ, tôi thấy có đại chúng tại trú xứ _____ đều là bậc kỳ túc thông hiểu tạng luật, tại nơi đó chính tôi được nghe lời này, tôi ghi nhớ và thọ trì, đây chính là kinh điển, là luật giáo, chân thật là lời Phật dạy", khi nghe Bí-sô kia nói, Bí-sô này không nên tán thán cũng chớ hủy báng, hãy nghe và ghi nhớ từng

câu rồi trở về trú xứ kiểm tra lại trong kinh văn và luật giáo. Nếu lời Bí-sô kia đúng với kinh luật thì Bí-sô này nên nói với vị ấy rằng: "này cụ thọ, lời thầy nói chân thật là lời Phật dạy, thầy đã chấp thủ đúng, nương theo kinh luật, thầy nên thọ trì".

3. Nếu có Bí-sô đến nói: "này cụ thọ, tôi thấy tại trú xứ _____ có nhiều Bí-sô đều là bậc trì kinh luật luật, tại nơi đó chính tôi được nghe lời này, tôi ghi nhớ và thọ trì, đây chính là kinh điển, là luật giáo, chân thật là lời Phật dạy", khi nghe Bí-sô kia nói, Bí-sô này không nên tán thán cũng chớ hủy báng, hãy nghe và ghi nhớ từng câu rồi trở về trú xứ kiểm tra lại trong kinh văn và luật giáo. Nếu lời Bí-sô kia đúng với kinh luật thì Bí-sô này nên nói với vị ấy rằng: "này cụ thọ, lời thầy nói chân thật là lời Phật dạy, thầy đã chấp thủ đúng, nương theo kinh luật, thầy nên thọ trì".

4. Nếu có Bí-sô đến nói: "này cụ thọ, tôi thấy tại trú xứ _____ có một Bí-sô là bậc tôn túc có trí huệ, tại nơi đó chính tôi được nghe lời này từ vị ấy, tôi ghi nhớ và thọ trì, đây chính là kinh điển, là luật giáo, chân thật là lời Phật dạy", khi nghe Bí-sô kia nói, Bí-sô này không nên tán thán cũng chớ hủy báng, hãy nghe và ghi nhớ từng câu rồi trở về trú xứ kiểm tra lại trong kinh văn và luật giáo. Nếu lời Bí-sô kia đúng với kinh luật thì Bí-sô này nên nói với vị ấy rằng: "này cụ thọ, lời thầy nói chân thật là lời Phật dạy, thầy đã chấp thủ đúng, nương

theo kinh luật, thầy nên thọ trì".

Này A-nan, đối với bốn pháp đen, các Bí-sô nên khéo tư duy quán sát để nhận biết rõ ràng là lời nói sai, không nương theo kinh luật, không phải là lời Phật dạy, cần phải từ bỏ. Ngược lại đối với bốn pháp trắng, các Bí-sô nên khéo tư duy quán sát để nhận biết là lời nói đúng, nương theo kinh luật, chân thật là lời Phật dạy, cần phải thọ trì. Đây gọi là Bí-sô nên nương theo kinh giáo, không nương theo người, Bí-sô nên học như thế, nếu khác với điều này thì không phải là lời ta dạy".

Sau đó Phật muốn đến tụ lạc Ba ba, đến nơi Phật trụ trong rừng Triết lộc ca, dân chúng trong ấp này nghe tin Phật đến liền cùng đến chỗ Phật đảnh lễ ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Thế tôn tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho họ được lợi hỉ rồi im lặng. Mọi người nghe pháp xong đảnh lễ Phật rồi ra về, lúc đó trong chúng này có một người con của thợ rèn tên là Chuẩn đà chắp tay thỉnh Phật và Tăng vào ngày mai đến nhà thọ thực, Phật im lặng nhận lời, Chuẩn đà biết Phật đã nhận lời liền đảnh lễ Phật hữu nhiễu rồi ra về. Về đến nhà ngay trong đêm đó lo sửa soạn đủ các món ăn ngon, sáng sớm trải tòa, để nước sạch... rồi sai sứ đến bạch Phật: "đã đến giờ thọ thực, xin Phật tự biết thời". Phật đắp y mang bát cùng các Bí-sô đến nhà Chuẩn đà rồi ngồi vào chỗ ngồi, Chuẩn đà tự tay dâng cúng các món ăn ngon cho Phật và Tăng. Sau khi thọ

thực xong, có một Bí-sô tánh xấu lén lấy cái chén đồng giấu dưới nách, Phật dùng thần lực làm cho mọi người không thấy việc phi pháp này, trừ Phật và Chuẩn đà. Chuẩn đà lấy chiếc ghế thấp ngồi trước Phật, nói kệ thỉnh hỏi Phật:

*"Con nghe Mâu ni Nhất-thiết-trí,*
*Đã qua bờ kia, hết các hoặc,*
*Đạo sư tối thắng, bậc Điều ngự,*
*Trên đời có mất hạng Sa môn?"*

Phật nói kệ đáp:

*"Bốn hạng Sa môn, không có năm,*
*Ta theo thứ lớp nói cho ông,*
*Đó là Thắng đạo và thị đạo,*
*Tịnh đạo nuôi sống và Ô đạo".*

Lại hỏi:

*"Thế tôn, thế nào là Thắng đạo,*
*Người như thế nào là Thị đạo,*
*Sao gọi là Tịnh đạo nuôi sống,*
*Xin nói rõ về người Ô đạo?".*

Phật đáp:

*"Chặt đứt tên nghi hết các hoặc,*
*Chỉ cầu viên tịch không gì khác,*
*Là bậc đạo sư của trời người,*
*Phật gọi hàng này là Thắng đạo.*
*Hiểu rõ ý nghĩa pháp tối thắng,*
*Phương tiện thuyết giảng pháp vi diệu,*
*Đấng Mâu ni hay phá lưới nghi,*
*Đây là thầy Thị đạo thứ hai.*

*Ai khéo tuyên thuyết được câu pháp,*
*Y theo giáo pháp sống thiểu dục,*
*Tu tập trọn vẹn pháp và luật,*
*Là hạng sống chánh đạo thứ ba.*
*Mặc y giải thoát của Sa môn,*
*Làm nhơ nhà người không hổ thẹn,*
*Dối trá không nói lời chân thật,*
*Là hạng người Ô đạo thứ tư.*
*Đối với chúng Thanh văn chân pháp,*
*Những người tại gia nên xét kỹ,*
*Đệ tử của ta không như nhau,*
*Vì thế cần phải có chánh tín.*
*Vì sao vô tội sống cùng tội,*
*Tịnh và bất tịnh lại ở chung?*
*Do kẻ ngu kia làm hạnh xấu,*
*Làm cho người thiện bị nghi ngờ,*
*Chớ theo sắc tướng mà tin người,*
*Sống chung thời gian sẽ hiển lộ,*
*Kẻ nhiều hiểm ác giả hiền thiện,*
*Thường sống dối trá trong thế gian,*
*Như dùng chút vàng mạ bông tai,*
*Thể tuy là đồng, không giá trị,*
*Trong giả nhưng ngoài giống như thật,*
*Nhận nhiều môn đồ loạn người thiện".*

Phật lại vì Chuẩn đà nói kệ bố thí:

*"Bố thí phước tăng trưởng,*
*Oán thù đều chấm dứt,*
*Do khéo trừ các ác,*

*Hết hoặc chứng Niết-bàn".*

Phật lại thuyết pháp khiến cho gia chủ được lợi hỉ rồi đứng dậy ra về. Nhiếp tụng nội dung:

*Phật ra phía tây thành,*
*Quay lại nhìn Quảng nghiêm,*
*Đi qua mười tụ lạc,*
*Cuối cùng đến ba ba.*

Lúc đó Phật bảo A-nan là muốn đến thành Câu-thi-na, trên đường đi chưa đến sông Kim, Phật muốn tạm dừng nghỉ nên bảo A-nan: "ta đau lưng, thầy hãy xếp y Uất Đa-la tăng làm bốn lớp cho ta nằm nghỉ", A-nan làm theo lời rồi bạch Phật biết thời, Phật xếp y Tăng-già-lê để gối đầu, nằm nghiêng bên phải, hai gót chân chồng lên nhau, tưởng ánh quang minh, trụ trong chánh niệm, tác ý sẽ thức dậy rồi bảo A-nan: "thầy hãy đến sông Khước câu đa múc một bát nước đầy, ta muốn uống nước và lau thân". Khi A-nan mang bát đến bên sông thì có năm trăm chiếc xe vừa chạy ngang qua làm cho nước sông bị đục, A-nan múc nước mang về rồi bạch Phật: "Thế tôn, vừa có năm trăm chiếc xe chạy ngang qua làm cho nước sông bị đục, xin Thế tôn dùng nước này rửa tay chân, chớ nên uống, đợi đến sông Kim có nước trong sạch", Phật dùng nước rửa tay chân và lau mặt rồi ngồi dậy kiết già, chánh niệm tĩnh giác. Lúc đó có đại thần tên Viêm mãn đi ngang qua thấy Phật ngồi kiết già dưới gốc cây với oai nghi ngời sáng, thân tâm tịch

tĩnh như lá phướn vàng liền đến đảnh lễ rồi ngồi một bên, Phật hỏi: "ông ưa thích pháp thanh tịnh của Sa môn hay của Bà-la-môn?", đáp: "Thế tôn, con ưa thích pháp thanh tịnh của Ca-la-ma", Phật hỏi vì sao, đáp: "Thế tôn, một hôm đang đi con thấy Thánh giả Ca-la-ma ngồi dưới gốc cây bên đường, lúc đó có năm trăm chiếc xe đi ngang qua. Con hỏi: Thánh giả có thấy năm trăm chiếc xe vừa đi ngang qua không, vị ấy đáp là không thấy, con lại hỏi có nghe tiếng không, đáp là không nghe, con lại hỏi:

Thánh giả đang ngủ phải không, đáp là không ngủ, con lại hỏi: nếu không ngủ vì sao lại nói là không thấy không nghe, vị ấy đáp: tôi không ngủ, tâm tuy tĩnh thức nhưng nhờ định lực nên tôi không thấy nghe. Con nghe rồi suy nghĩ: bậc thượng nhân chú tâm tịch tĩnh như vậy thật hiếm có; lại nữa khi năm trăm chiếc xe ấy chạy ngang qua, bụi bay mù mịt phủ đầy trên y phục mà vị ấy vẫn không hay biết. Cho nên con ưa thích pháp thanh tịnh của vị ấy", Phật hỏi: "ông nghĩ sao, tiếng động do năm trăm chiếc xe chạy so với tiếng sấm sét trên không trung thì tiếng nào lớn hơn?", đáp là tiếng sấm sét lớn hơn, Phật nói: "trước đây trong Trùng các đường tại thôn này, vào sáng sớm ta đắp y mang bát vào thôn khất thực, trở về trú xứ thọ thực xong, ta thiền định trong Trùng các đường. Lúc đó trời bỗng nổi sấm sét, có hai nông phu với bốn con bò

và hai anh em con của một trưởng giả nghe tiếng sấm sét này vì quá sợ hãi nên mạng chung, dân chúng trong thôn thấy việc này rồi đều kêu la vang dậy. Sau khi ta xuất thiền ra ngoài kinh hành, có một người đến chỗ ta và kinh hành theo sau ta, ta hỏi: vì sao trong thôn có tiếng kêu la vang dậy như vậy, vị ấy kể lại việc trên rồi hỏi ta: Thế tôn không nghe tiếng sấm sét hay sao, ta đáp là không nghe, vị ấy lại hỏi: Thế tôn đang ngủ phải không, ta đáp: ta không ngủ, tâm ta tĩnh giác nhưng vì thiền định nên không nghe thấy", đại thần Viên mãn nghe rồi liền suy nghĩ: "Như lai Ứng chánh đẳng giác an trụ tịch tĩnh, tiếng sấm sét như thế mà vẫn không nghe thấy, khiến ta khởi tâm tịnh tín", nghĩ rồi liền bạch Phật: "Thế tôn, nay con đã khởi tâm tịnh tín với Phật", nói rồi liền bảo sứ giả: "ngươi hãy mang xấp vải thượng hạng màu hoàng kim đến để ta dâng cúng Thế tôn", sứ giả mang đến, Viên mãn bạch Phật: "con xin dâng cúng xấp vải thượng hạng này, cúi xin Thế tôn thương xót nạp thọ", Phật muốn cho ông ta được lợi ích nên thọ, Viên mãn lại nói: "con cũng muốn dâng cúng Phật và Tăng, cúi xin Phật nạp thọ", Phật nói: "đây là việc làm tốt", thấy Phật nhận lời, Viên mãn vui mừng đảnh lễ Phật rồi đi. Phật bảo A-nan cắt rọc xấp vải này thành y cho Phật đắp, khi Phật đắp y này lên ánh sáng trên thân Phật chiếu sáng che khuất cả màu vàng kim của vải, A-nan bạch Phật: "con theo hầu Phật đã hơn

hai mươi năm, chưa bao giờ thấy dung nhan Phật ngời sáng như hôm nay, vì sao hôm nay lại có thắng tướng này?", Phật nói: "có hai nhân duyên dung nhan Phật ngời sáng hơn thường ngày, đó là vào đêm Bồ-tát chứng quả Vô thượng chánh đẳng chánh giác và vào đêm Như lai nhập Niết- bàn vô dư". Phật lại bảo A-nan là muốn đến sông Kim, đến nơi Phật mặc y tắm xuống sông tắm, sau đó bảo A-nan: "chắc Chuẩn đà sẽ hối hận, sau này thầy hãy an ủi ông ấy rằng: ông đã được đại lợi ích vì đã cúng dường đại sư lần cuối cùng, vì sau lần cúng dường này Phật nhập Niết-bàn vô dư. Tôi nghe Phật dạy rằng: có hai trường hợp thọ cúng thí làm cho người thí được phước vô cùng: một là khi Bồ-tát thọ cúng thí xong sẽ chứng quả Vô thượng chánh đẳng chánh giác; hai là Như lai thọ cúng thí xong sẽ nhập Niết-bàn vô dư. Này A-nan, Chuẩn đà sẽ được hai thiện nghiệp: một là sống lâu, giàu có; hai là được sanh thiên, quyến thuộc thù thắng". Lúc đó A-nan bạch Phật: "Thế tôn, Bí-sô Xiển đà tánh ác, hay sân, nóng nảy thường không tùy thuận các Bí-sô mà con nói lời thô ác. Sau khi Phật diệt độ, các Bí-sô nên cọng trú với vị ấy như thế nào?", Phật nói: "nên trị phạt bằng cách mặc tẫn, nếu biết hối cãi thì chúng tăng nên hoan hỉ giải tẫn, cùng nói chuyện lại như trước", Phật lại bảo A-nan là muốn đến trú xứ Lực sĩ, thành Câu-thi-na. Sau khi qua sông Kim còn cách thành không xa, Phật muốn

tạm dừng nghỉ nên bảo A-nan: "ta đau lưng, thầy hãy xếp y Uất-Đa-la tăng làm bốn lớp cho ta nằm nghỉ", A-nan làm theo lời rồi bạch Phật biết thời, Phật xếp y Tăng-già-lê để gối đầu, nằm nghiêng bên phải, hai gót chân chồng lên nhau, tưởng ánh quang minh, trụ trong chánh niệm, tác ý sẽ thức dậy rồi bảo A-nan: "thầy hãy nói về pháp giác phần", A-nan nói: "Thế tôn đã tự chứng tự giác pháp giác phần này và dạy cho con rằng: nương nơi tịch tĩnh, ly dục, tịch diệt mà đoạn dứt các ngoại duyên, chuyên cần tu tập bảy pháp giác phần là niệm, trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định và xả", Phật nói: "nếu người nào tinh tấn tu tập nhiều bảy pháp giác phần này sẽ chứng đắc Vô thượng Bồ đề", Phật nói rồi liền ngồi dậy ngay thẳng chánh niệm tư duy, một Bí-sô nói kệ:

*"Thế tôn tự khuyến dụ,*
*Bảo nói pháp vi diệu,*
*Hãy vì những người bịnh,*
*Nói bảy Bồ đề phần.*
*Thân đại sư có bịnh,*
*Và vì Bí-sô bịnh,*
*Nên nói pháp Giác phần,*
*Khiến cho được khai ngộ.*
*Lành thay A-nan đà,*
*Pháp trắng đều viên mãn,*
*Thông minh đại trí huệ,*
*Giỏi thuyết pháp của Phật,*

*Về chánh niệm, trạch pháp,*
*Tinh tấn, hỷ giác phần,*
*Khinh an, định và xả,*
*Khéo hay phân biệt thuyết.*
*Vô thượng Điều ngự sư,*
*Thích nghe pháp giác phần,*
*Tuy thân có bịnh khổ,*
*Vẫn nghe hết từng câu.*
*Phật là đấng pháp vương,*
*Đủ khả năng hướng dẫn,*
*Mà còn tôn trọng pháp,*
*Huống chi những người khác.*
*Lại có những Hiền thánh,*
*Trong giáo pháp mười lực,*
*Nếu thân gặp bịnh khổ,*
*Vẫn tinh tấn lắng nghe.*
*Hạng người giỏi trì kinh,*
*Và thông suốt luật luận,*
*Còn thích nghe chánh pháp,*
*Người khác sao không nghe.*
*Pháp ly nhiễm của Phật,*
*Nghe rồi như pháp hành,*
*Tinh cần hệ niệm pháp,*
*Sẽ được giác phần Hỷ,*
*Do tâm có được Hỷ,*
*Nên thân này khinh an,*
*Do an nên sanh lạc,*
*Từ lạc sanh ra định,*

*Do có diệu định, xả,*
*Hiểu các hành vô thường,*
*Lìa sanh trong ba cõi,*
*Không khởi tâm nhiễm đắm,*
*Lìa hết khổ ba cõi.*
*Không thích cõi trời người,*
*Chứng Niết-bàn vô thượng,*
*Như củi hết lửa tắt,*
*Đại lợi ích như vậy,*
*Đều từ nghe pháp sanh.*
*Nên khuyên người lâm chung,*
*Lắng nghe diệu pháp này".*

Phật lại bảo A-nan tiếp tục đi đến trong rừng Sa la, trú xứ Lực sĩ, thành Câu-thi-na. Đến nơi Phật bảo A-nan: "thầy hãy sắp xếp giường nằm ở giữa hai cây Sa la (Sa la song thọ), ta sẽ nằm day đầu về hướng Bắc, vào nửa đêm nay sẽ nhập Niết-bàn", A-nan làm theo như lời Phật dạy, Phật tới nằm nghiêng bên phải, hai gót chân chồng lên nhau, tưởng ánh quang minh, chánh niệm tĩnh giác, tác ý nhập Niết-bàn. Lúc đó A- nan đứng tựa phía sau chỗ Phật nằm, sụt sùi khóc ra tiếng và than rằng: "khổ thay, vì sao Như lai lại mau nhập Niết-bàn như vậy, vì sao Thiện thệ lại mau nhập Niết-bàn như vậy, vì sao mắt của thế gian lại diệt mau như vậy! Trước đây mỗi khi các Bí-sô từ các nơi đến gặp Phật nghe Phật nói pháp yếu, ban đầu, khoảng giữa và sau cùng đều thiện, văn nghĩa xảo diệu,

thuần nhất không tạp, đầy đủ tướng phạm hạnh trong sạch. Ta nhân đó được nghe diệu pháp, nay Phật sắp nhập Niết-bàn, vì sao không thấy ai đến, làm cho diệu pháp thù thắng như vậy phải ẩn mất khỏi thế gian", Phật hỏi các Bí-sô là A-nan đang ở đâu, đáp là A-nan đang đứng phía sau chỗ Phật nằm, khóc sụt sùi và than... như trên. Phật bảo A-nan: "thầy chớ áo não buồn khóc như thế, vì sao, vì thầy đã theo hầu Như lai tạo thân nghiệp Từ nên được đại lợi ích và được phước vô biên; tạo khẩu ý nghiệp Từ cũng được đại lợi ích và phước vô biên như thế. Này A-nan, chư Phật trong quá khứ đều có thị giả, giống như thầy đã chuyên tâm làm thị giả cho ta; chư Phật vị lai cũng đều có thị giả giống như thầy không khác. Này A-nan, tướng thế gian vô thường, cuối cùng cũng tan hoại; vì vậy thầy không nên đau buồn than khóc. Ta không thấy có một pháp nào trên thế gian từ nhân duyên sanh mà lại thường còn không hoại diệt. Ta đã từng dạy pháp yếu cho thầy là việc gì yêu thích vừa ý đều vô thường, sẽ phải biệt ly", Phật khởi đại bi nói pháp làm cho A- nan hoan hỉ rồi bảo các Bí-sô: "Chuyển luân thánh vương thành tự bốn việc hi hữu, đó là khi đến gặp vua, các chúng Sát-đế-lỵ, Bà-la-môn, trưởng giả, Sa môn đều rất hoan hỉ, sau khi nghe diệu pháp lại càng hoan hỉ. A-nan cũng có bốn việc hi hữu như vậy, đó là các Bí-sô, Bí-sô ni, Ô-ba-sách-ca, Ô-ba-tư-ca từ bốn phương đến

gặp thầy đều hoan hỉ, sau khi nghe diệu pháp lại càng hoan hỉ. A-nan lại còn có bốn việc hi hữu, đó là khi thuyết pháp cho các chúng Bí-sô, Bí-sô ni, Ô-ba-sách-ca, Ô-ba-tư-ca, A-nan có thể làm cho họ hiểu rõ, không còn nghi hoặc nữa. Họ nói: lành thay A-nan, hãy tuyên thuyết diệu pháp, chớ nên im lặng, chớ từ mệt nhọc vì người nghe pháp không thấy chán". Lúc đó A-nan nghe Phật nói rồi hoan hỉ bạch Phật: "Thế tôn, có tất cả sáu thành lớn là thành Thất-la-phiệt, Bà kê đa, thành Chiêm ba, thành Bà-la-nê-tư, thành Quảng nghiêm và thành Vương xá. Vì sao Thế tôn lại bỏ các phước địa với địa hình thù thắng như thế để đến nơi biên địa hẻo lánh, hoang vu và cằn cỗi này để nhập Niết-bàn?", Phật nói: "A-nan đừng nói lời này, đừng cho thành Câu-thi-na này là nơi biên địa hẻo lánh hoang vu, không đáng ưa thích, vì sao, vì thuở xưa ngay nơi thành Câu- thi-na này là đô thành tên Câu xa phạt để của bậc Thánh vương rất sung túc thịnh vương, dân chúng ấm no. Thành dài mười hai Du thiện na, rộng bảy Du thiện na, có bảy lớp tường viện bằng bốn báu là vàng bạc lưu ly và thủy tinh vây bọc. Cửa thành cũng bằng bốn báu, mỗi cửa đều có bốn cột trụ lớn chạm trổ hoa văn cũng bằng bốn báu, cao bằng bảy người đứng chồng lên. Hào thành bên ngoài sâu bằng ba người rưỡi, bờ hào được xây bằng gạch báu. Trong bảy lớp tường viện đều có trồng cây Sa la thành hàng cũng bằng bốn báu: cây

Sa la bằng vàng có cành lá hoa quả bằng bạc, cây bằng bạc thì có cành lá hoa quả bằng vàng, cây bằng thủy tinh thì có cành lá hoa quả bằng lưu ly, cây bằng lưu ly thì có cành lá hoa quả bằng thủy tinh. Khi gió thổi lay động các hàng cây này phát ra âm thanh vi diệu làm vui lòng người. Giữa những hàng cây này có ao tắm, bậc cấp đi xuống đều làm bằng bốn báu, lan can bốn bên cũng bằng bốn báu; trong ao có đủ các loại hoa như hoa Ưu bát la, hoa Ba đầu ma, hoa Phân đà lợi..., bên bờ ao lại có hoa Chiêm bát la, hoa Ma lị ca, hoa Mỹ ý... nở theo mùa. Trong rừng cây có nhiều cô gái trang sức chuỗi anh lạc được tùy ý du ngoạn và thọ dục lạc; lại còn có đủ các loại nhạc khí như trống sáo... đều phát ra âm thanh vi diệu, khuyên tu phước nghiệp và trì trai giới. Trong thành có vua hiệu là Đại Thiện kiến, có đủ bảy báu: bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, nữ báu, thần coi giữ phục tàng báu, thần chỉ huy quân đội báu và ngọc ma ni báu. Vua lại có bốn việc hi hữu: một là sống lâu, ban đầu làm vương tử, kế lên làm Thái tử, rồi lên ngôi vua, cuối cùng là tu phạm hạnh. Mỗi giai đoạn này kéo dài tám vạn bốn ngàn năm. Hai là nghi dung đoan chánh trong thế gian không ai sánh bằng; ba là ít bịnh, ít não, ăn uống đều thích hợp theo thời; bốn là dân chúng đều trung hiếu với vua tưởng như cha mẹ mình, vua cũng thương dân như con đỏ. Khi vua cỡi xe ra ngoài thành, bảo người đánh xe

nên cho xe đi từ từ để dân chúng được nhìn thấy vua; lúc đó dân chúng mang các loại báu đến dâng cho vua, vua nói: những vật báu này ta đã có nhiều nên không thọ nữa; họ cầu khẩn đến ba lần vua vẫn không nhận nên họ để đại trước vua rồi đi. Vua suy nghĩ: những vật báu này là như pháp được, không phải phi pháp, ta nên dùng để xây cất pháp đường. Khi vua sắp làm pháp đường thì có tám vạn bốn ngàn tiểu vương đến xin được xây cất cho vua, vua nói là đã có đủ tài vật để làm nên không chấp thuận. Họ tâu đến ba lần vua vẫn không chấp thuận, họ cùng đến nắm chân vua hoặc vạt áo và xin vua cho họ làm, vua thấy họ ân cần như vậy nên im lặng nhận lời. Các tiểu vương mỗi người đều mang vật báu đến rồi tâu vua: không biết đại vương định xây cất nơi nào và lớn nhỏ ra sao, vua nói: chọn một khu đất phía Đông thành, ngang dọc một Du thiện na để xây cất. Các tiểu vương liền đến nơi đó xây cất theo như lời vua nói, tất cả kèo cột, cầu thang, lan can... đều làm bằng bôn báu, những vật dụng như giường tòa... cũng làm bằng vật báu. Dưới thềm có hàng cây bằng bảy báu như trên, khi gió thổi lay động phát ra âm thanh hòa nhã như nhạc trời, nền nhà trải bằng cát vàng và được rưới bằng nước thơm Chiên đàn... Xây cất pháp đường này xong, các tiểu vương lại xây một ao tắm vuông vức bốn mươi dặm bên cạnh, bờ ao làm bằng bốn báu, trong ao có bốn loại hoa... như trên. Tất cả xong

xui liền thỉnh vua ngự đến, vua suy nghĩ: ta không nên thọ pháp đường thắng diệu này trước, nên thỉnh các Sa môn, Bà-la- môn có đức hạnh đến trong pháp đường như pháp cúng dường. Vua mở hội thí và cúng dường xong liền suy nghĩ: ta không nên ở trong pháp đường này buông lung thọ lạc, nghĩ rồi liền giữ lại một người hầu cận, vua vào trong pháp đường tu phạm hạnh. Vua ngồi tòa bạc trên lầu vàng chánh niệm tư duy, lìa các ác bất thiện pháp thuộc Dục giới, đoạn Tầm tư liền chứng được Sơ thiền. Sau đó ngồi tòa vàng trên lầu bạc, ngồi tòa lưu ly trên lầu thủy tinh, ngồi tòa thủy tinh trên lầu lưu ly... vua tuần tự chứng được các thiền và đoạn trừ nghiệp chướng. Lúc đó có tám vạn bốn ngàn thể nữ cùng đến chỗ Nữ báu tâu: đại phu nhân, chúng tôi đều thọ ân vua nhưng đã lâu không được hầu hạ nên trong lòng khát ngưỡng muốn được gặp, xin đại phu nhân giúp cho. Đại phu nhân bảo chủ binh thần: hậu cung chúng tôi đã lâu không được gặp đại vương, trong lòng khát ngưỡng muốn gặp, xin hãy giúp cho. Chủ binh thần tâu: nếu vậy xin phu nhân hãy ra lịnh tùy tùng trang nghiêm các loại xe, chúng tôi sẽ kêu gọi các tiểu vương tập họp bốn binh. Lúc đó các tiểu vương liền chỉnh đốn bốn binh: binh voi với tám mươi ngàn xe voi, tượng vương Trưởng tịnh dẫn đầu; mã binh với mã vương Đằng vân dẫn đầu, xa binh với đại xa Hỷ minh dẫn đầu đều có tám mươi ngàn chiếc và đều được trang

nghiêm bằng vật báu thù diệu bậc nhất. Đại phu nhân và các thể nữ đi xe, đoàn tùy tùng cỡi ngựa với oai nghi nghiêm túc, cờ trống đi trước rần rộ đến pháp đường gặp vua. Lúc đó vua nghe tiếng xe ngựa rộn rịp nên hỏi nguyên do, người hầu cận tâu rõ sự việc, vua nghe rồi liền bảo sắp xếp tòa ngồi bên ngoài pháp đường, vua sẽ ra xem. Khi vua đi xuống đến nửa thềm, từ xa đã trông thấy người ngựa thật trang nghiêm khả ái, thấy vua ngồi xong, đại phu nhân đến trước làm lễ rồi tâu: "đại vương, xin dâng tám vạn bốn ngàn thể nữ báu nghiêm sức mỹ lệ này, xin vua thương thu nhận"; các tiểu vương cũng tâu: "đại vương, xin dâng các loại binh này cùng với tám vạn bốn ngàn thành ấp, trong đó thành Câu xa bạt để là bậc nhất, lại có tám vạn bốn ngàn lâu đài nghiêm sức thù diệu, xin vua thương xót thu nhận". Vua nói với đại phu nhân: "này các chị em, trước đây ta với các người rất thân thiết, vì sao hôm nay lại trở thành oán thù đem việc phi pháp khuyến dụ ta?", đại phu nhân và các thể nữ nghe lời này rồi đều rơi nước mắt tâu: "xem ý của đại vương như đã bỏ chúng tôi, vì sao đại vương lại nói hôm nay chúng tôi trở thành oán thù?", vua nói: "các vị nên biết mạng người ngắn ngủi, có sanh ắt có tử, ta cùng các vị rồi cũng sẽ hoại diệt, cho dù có vô số trăm ngàn thể nữ thì cũng như oán thù, vì thương yêu thân thiết sẽ làm hại ta, dù có thương yêu rồi cũng sẽ biệt ly, cho đến xe ngựa lâu

đài dù vô số rốt cuộc cũng không thể trụ lâu. Vì thế người trí mau viễn ly chúng để siêng tu phạm hạnh, chớ sanh đắm nhiễm". Vua nói rồi trở vào lầu vàng ngồi kiết già trên tòa bạc, khởi tâm Từ đến khắp các hữu tình trong mười phương cho đến vô biên; kế khởi tâm Bi, Hỷ, Xả đến các hữu tình cũng như vậy. Khi vua tu tập mỗi mỗi trong bốn phạm trù này thì các dục đều đoạn, đến khi hết tuổi thọ, sau khi qua đời vua thọ sanh lên cõi trời Phạm thiên. Này A-nan, từ thành Câu-thi-na đến bờ sông Kim, rừng Sa la, tháp Hệ quang, trú xứ Lực sĩ có chu vi là mười hai Du thiện na, Như lai đã ở nơi đây làm Chuyển luân thánh vương và qua đời tất cả là sáu lần, nay nhập Niết- bàn ở đây là lần thứ bảy. Như lai Ứng chánh đẳng giác sẽ không còn có lần thứ tám xả thân trong mười phương thế giới này nữa, vì sao, vì đối với Như lai sanh tử đã tận, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không thọ thân sau". Lúc đó cụ thọ Ô-ba-ma-na đang đứng trước mặt, Phật liền bảo: "thầy không nên đứng ngay trước mặt Như lai", Bí-sô này nghe rồi liền đứng tránh qua một bên, A-nan bạch Phật: "con theo hầu Phật đã hơn hai mươi năm, chưa từng nghe Phật quở trách Bí-sô Ô-ba- ma-na", Phật nói: "này A-nan, hiện đang có vô lượng chư thiên Trường thọ chê trách rằng: "Như lai ra đời khó được gặp, lâu xa mới hiện một lần như hoa Ô đàm bạt, trong đêm nay Phật sẽ nhập Niết-bàn vô dư nhưng do oai đức của Bí-sô

đang đứng trước mặt Phật, chúng ta không thể nhìn thấy Thế tôn để cung kính cúng dường"", A-nan hỏi có bao nhiêu chư thiên đến, Phật nói: "phương Nam từ sông Kim đến rừng Sa la... trong chu vi mười hai Du thiện na này đều có chư thiên đại oai đức chen vai nhau, không có chỗ để dựng tích trượng". Lúc đó các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "cụ thọ Ô-ba-ma-na đời trước đã tạo nghiệp gì mà nay lại có oai đức lớn?", Phật nói: "các thầy lắng nghe:

Quá khứ Hiền kiếp, lúc con người thọ hai vạn tuổi có Phật Ca- diếp-ba ra đời đầy đủ mười hiệu, trụ trong vườn Thi lộc, chỗ Tiên nhơn đọa xứ thuộc thành Bà-la-nê-tư. Thuở đó Ô-ba-ma-na xuất gia trong giáo pháp của vị Phật ấy, khi các Bí-sô đắp y mang bát vào thành khất thực, vị này đến phiên ở lại giữ chùa thấy ngoài trời mưa to gió lớn liền suy nghĩ: "các vị đồng phạm hạnh đang bị khổ vì mưa gió, y phục chắc bị ướt hết, ta nên chuẩn bị mọi vật dụng đợi họ trở về", nghĩ rồi, vị này liền vào trong nhà tắm đốt lửa nấu nước nóng, để chỗ ngồi, gác cây làm giá phơi y trước hiên rồi ra trước chùa tông ngóng các Bí-sô. Khi các Bí- sô về đến chùa, vị ấy lại âm thầm đem y phục ướt của họ giặt sạch rồi phơi trên giá, các Bí-sô sau khi tắm nước nóng, thân thể ấm lại nên rất hoan hỉ. Bí-sô giữ chùa liền chắp tay phát nguyện: "nguyện đem thiện căn làm cho các vị đồng phạm hạnh được hết khổ vì lạnh

hôm này, ở đời vị lai lúc con người thọ trăm tuổi, có Phật Thích ca mâu ni ra đời đầy đủ mười hiệu, con sẽ được xuất gia trong giáo pháp của vị Phật ấy, đoạn trừ phiền não chứng quả A-la-hán và nhờ công đức đốt lửa nấu nước này khiến cho thân con ngời sáng, chư thiên không thể đến gần".

Này các Bí-sô, Bí-sô giữ chùa thuở xưa nay chính là Bí-sô Ô-ba- ma-na, do nguyện lực xưa nên nay có đại oai đức khiến chư thiên không thể đến gần". Lúc đó cụ thọ A-nan bạch Phật: "sau khi Thế tôn nhập Niết-bàn, con nên cúng dường pháp thân Phật như thế nào?", Phật nói: "việc thầy đang hỏi sẽ có các Bà-la-môn, trưởng giả tín tâm đứng ra làm", lại hỏi: "các vị ấy nên làm như thế nào?", Phật nói: "nên làm như pháp táng vị Chuyển luân thánh vương", lại hỏi: "pháp táng vị Chuyển luân thánh vương như thế nào?", Phật nói: "sau khi Chuyển luân thánh vương qua đời được quấn khắp thân bằng năm trăm tấm bạch điệp thượng diệu và nghiêm sức bằng năm trăm tấm y đẹp, được đặt trong kim quan, trong đó đổ đầy dầu thơm và được hỏa thiêu bằng gỗ thơm. Hỏa thiêu xong, tắt lửa bằng sữa thơm rồi thu lấy hài cốt đựng trong bình vàng, xây tháp thờ nơi ngã tư đường, dựng tràng phan, lọng, hương hoa và thiết đại trai hội để cúng dường. Sau khi ta nhập diệt, trời người hãy theo pháp ấy mà cung kính cúng dường, gấp bội sự cung kính cúng dường vị Chuyển luân thánh vương. Này

A-nan, hãy đến trong thành Câu-thi-na nói các lực sĩ rằng: "Như lai đại sư trong đêm nay sẽ nhập Niết-bàn vô dư, các vị nên làm những gì cần làm để sau khỏi phải hối hận và nói là Như lai nhập Niết-bàn trong thành ấp này mà chúng ta lại không biết cúng dường". Tôn giả A-nan vâng lời Phật dạy đến nói với các lực sĩ như thế, các lực sĩ nghe rồi liền dẫn các quyến thuộc đi đến Sa la song thọ, đến chỗ Phật đảnh lễ ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Thế tôn tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho họ được lợi hỉ rồi liền im lặng. Họ từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu chắp tay bạch Phật: "Thế tôn, chúng con thuộc tộc Lực sĩ tôn quý ở thành Câu-thi-na nguyện trọn đời quy y Phật đà, quy y Đạt ma, quy y Tăng già và thọ trì năm học xứ", tôn giả A-nan suy nghĩ: "nếu để từng người thọ trì học xứ từ Thế tôn thì sẽ kéo dài thời gian làm trở ngại sự viên tịch, ta nên thỉnh Phật cho họ thọ trì học xứ đồng một loạt", nghĩ rồi liền bạch Phật: "các lực sĩ cùng các quyến thuộc có tên họ khác nhau đều muốn quy y Tam bảo, nếu thọ từng người sợ kéo dài thời gian làm trở ngại sự viên tịch, xin Phật đại bi cho họ thọ trì học xứ đồng một loạt", A-nan liền ở trước Phật nói tên của họ để họ được thọ trì học xứ đồng một loạt, các lực sĩ nghe pháp và thọ học xứ rồi hoan hỉ đảnh lễ Phật rồi ra về. Khi Bồ-tát còn ở trên cõi trời Đổ-sử-đa quán năm việc ở thế gian cho đến khi Bồ-tát hiện tướng voi trắng nhập thai, vua trời Đế thích

bảo Càn thát bà vương là Thiện ái cùng đến bảo hộ Bồ-tát thì Thiện ái nói: "đại thiên hãy đi trước, tôi còn đang tấu âm nhạc". Khi Bồ-tát xuất thai, vua trời Đế thích lại bảo Thiện ái như trên và Thiện ái cũng đáp như trên; khi Bồ-tát vào trong rừng tu khổ hạnh, sau đó từ bỏ khổ hạnh thọ cháo sữa và ăn uống trở lại..., vua trời Đế thích lại bảo Thiện ái như trên và Thiện ái cũng đáp như trên. Khi Bồ-tát hàng phục ma quân chứng Vô thượng Bồ đề, Phạm thiên vương thỉnh Phật chuyển pháp luân... cho đến khi sắp nhập Niết- bàn ở thành Câu-thi-na, vua trời Đế thích lại bảo Thiện ái: "Thế tôn đang ở thành Câu-thi-na sắp sửa nhập Niết-bàn, chúng ta nên đến cúng dường lần sau cùng", Thiện ái cũng đáp như trên. Lúc đó Phật suy nghĩ: "ngoại đạo Thiện Hiền có thể đến gặp ta mà được điều phục, nhưng thần âm nhạc lại không chịu đến. Người mà các Thanh văn có thể hóa độ thì Như lai cũng hóa độ được, nhưng người mà Phật độ thì không ai có thể độ được. Ta nên dùng phương tiện thiện xảo thắng thượng để hóa độ thần âm nhạc", nghĩ rồi Phật liền nhập định, do định lực nên ngay nơi chỗ nằm hóa ra thân khác và hóa ra một cây đàn Không hầu bằng lưu ly có ngàn dây. Hóa thân Phật này cầm đàn Không hầu lên cõi trời Tam thập tam đi đến cung của Càn thát bà vương bảo người giữ cửa: "ngươi hãy vào báo vua Thiện ái là ngoài cửa có Càn thát bà vương muốn gặp", người giữ cửa liền vào báo,

Càn thát bà vương nói: "ngoài ta ra còn có Càn thát bà vương khác nữa sao?", đáp là hiện ở ngoài cửa, Thiện ái vội ra xem thử là ai và hỏi: "ngươi là Càn thát bà vương hay sao?", đáp: "chính ta là Càn thát bà vương, nếu ngươi có khả năng thì hãy tấu âm nhạc với ta", Thiện ái nhận lời. Khi cùng nhạc thần tấu đàn Không hầu, hóa thân Phật bứt đứt một dây, nhạc thần cũng bứt đứt một dây, nhưng âm thanh của cả hai bên vẫn ngang nhau; hóa thân Phật lại bứt đứt hai dây, ba dây cho đến chỉ còn một dây, nhạc thần cũng vậy nhưng âm thanh của cả hai bên vẫn ngang nhau. Cuối cùng hóa thân Phật bứt đứt dây còn lại, nhạc thần cũng vậy, hóa thân Phật lại đưa tay tấu trong hư không phát ra âm điệu lại hay hơn gấp bội, nhạc thần làm không được như vậy nên rất thán phục, không còn kiêu ngạo như trước nữa. Lúc đó hóa thân Phật hiện trở lại thân Phật, nhạc thần thấy Phật có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm thân, ánh sáng bao quanh trên đảnh rộng một tầm sáng rỡ như trăm ngàn mặt trời, liền khởi tâm kính ngưỡng đảnh lễ cầu nghe giáo pháp. Phật quán biết căn tánh tùy miên của nhạc thần, nói pháp Tứ đế khiến được khai ngộ và chứng quả Dự lưu. Sau khi chứng quả, nhạc thần bạch Phật: "Thế tôn, nhờ Phật khai ngộ khiến con ở trong các nạn mà được giải thoát, điều này không phải do cha mẹ... cho đến sa môn, Bà-la-môn có thể làm được. Thế tôn là bậc đại thiện

tri thức đã cứu vớt con ra khỏi ba cõi, đặt để con vào cõi trời người, hết khổ sanh tử, được đạo Niết-bàn, làm cạn biển máu, vượt khỏi núi xương, núi thân kiến từ vô thỉ đến nay đều bị phá tan bằng chày trí Kim cang, chứng được Sơ quả. Nay con xin quy y Tam bảo, từ hôm nay cho đến trọn đời thọ trì năm học xứ, cúi xin Thế tôn chứng biết con là Ô-ba-sách-ca", sau khi thuyết pháp chỉ dạy làm cho nhạc thần được lợi hỉ, Phật nhập định ẩn mất ở thiên cung và trở về nơi chỗ nằm cuối cùng ở Song lâm.

-oOo-

# CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA TẠP SỰ

## QUYỂN 38

### 10. Nhiếp tụng thứ mười trong Biệt môn thứ tám (tiếp theo) - Phật bát Niết-bàn:

Lúc đó trong thành Câu-thi-na có một ngoại đạo xuất gia tên là Thiện hiền (Phạm ngữ gọi là Tô-bạt-đà-la) đã 120 tuổi rất già yếu. Tộc họ Lực sĩ ở trong thành này rất tôn trọng cung kính cúng dường vị này và xem như là bậc A-la-hán. Gần chỗ Thiện hiền ở có một cái ao hoa lớn tên Mạn đà chỉ nỉ, trên bờ ao có cây Ô đàm bạc. Khi Bồ-tát còn ở trên cõi trời Đổ-sử-đa hiện tướng voi trắng vào thai mẹ thì mầm cây này mới nhú ra; khi Phật đản sanh, cây này phát ra ánh sáng; khi Bồ-tát trở thành đồng tử thì hoa của cây này mọc ra; khi Bồ-tát xuất gia thì hoa này lớn dần như mỏ con chim Thứu; khi Bồ-tát tu khổ hạnh thì hoa của cây này tươi tốt dần... cho đến khi Phật thành đạo chuyển pháp luân thì hoa có ánh sáng và tỏa hương thơm ngào ngạt khắp nơi. Khi Phật độ hết các chúng sanh hữu duyên hết rồi và sắp nhập Niết-bàn ở thành Câu-

thi-na thì cây hoa liền khô héo, ai thấy cũng đều kinh ngạc than thở. Thiện hiền thấy cây thay đổi như vậy liền suy nghĩ: "thành Câu-thi- na chắc có tai họa", lúc đó thiên thần hộ quốc báo cho mọi người biết trong đêm nay Phật sẽ nhập Niết-bàn vô dư, Thiện hiền nghe lời này rồi suy nghĩ: "khổ thay, Sa môn Kiều-đáp-ma sắp nhập Niết-bàn trong đêm nay, ta thường hoài nghi về pháp mà mình đã chứng được, mong gặp được vị ấy để thưa hỏi giải nghi cho ta, nhưng tiếc thay pháp nhãn không bao lâu nữa sẽ diệt. Ngay bây giờ ta phải đến đó thưa hỏi, nếu đại sư thương xót giải nghi cho ta thì tốt", nghĩ rồi liền đi đến Song lâm. Lúc đó tôn giả A-nan thấy mặt trời Phật sắp lặn, trong lòng đau buồn nên ở ngoài bìa rừng kinh hành, Thiện hiền đến hỏi A-nan: "Thánh giả A-nan, tôi nghe Sa môn Kiều-đáp-ma là bậc Nhất-thiết-trí, bình đẳng tế độ tất cả, đối với pháp mà mình đã chứng được tội thường có hoài nghi, mong gặp để thưa hỏi nhưng vẫn chưa toại nguyện. Nay nghe chư thiên báo trong đêm nay Như lai sẽ nhập Niết-bàn nên tôi vội đến đây, xin tôn giả cho tôi được gặp Phật để thưa hỏi giải nghi", tôn giả nói: "ông không nên nói lời này để xúc não Thế tôn, hiện giờ đại sư của tôi không được khỏe", Thiện hiền thưa thỉnh ba lần, A-nan vẫn không chấp thuận, Thiện hiền lại nói: "trước đây tôi có nghe cổ tiên nói rằng Phật ra đời như hoa Ưu đàm, trăm ngàn vạn kiếp

mới xuất hiện một lần. Trong đêm nay Phật sẽ nhập Niết-bàn mà tôi vẫn còn mê muội nên rất muốn gặp để thưa hỏi giải nghi, xin tôn giả cho tôi được gặp Phật thì thật là may mắn cho tôi", Thiện hiền tha thiết cầu xin đến ba lần, A-nan vẫn không chấp thuận. Lúc đó Phật với thiên nhĩ thanh tịnh nghe rõ những lời đối đáp này nên bảo A-nan: "thầy chớ ngăn cản Thiện hiền, hãy cho ông ấy đến gặp ta tùy ý thưa hỏi, vì sao, vì Thiện hiền này là ngoại đạo cuối cùng được nghe ta thuyết pháp khởi tâm chánh tín và được ta gọi Thiện lai làm đệ tử của ta", Thiện hiền nghe Phật cho phép rất đổi vui mừng liền đến gặp Phật, chào hỏi rồi ngồi một bên bạch Phật: "thưa Kiều-đáp-ma, tôi muốn thưa hỏi, xin hãy giải đáp cho tôi", Phật nói tùy ý, Thiện hiền hỏi: "thưa Kiều-đáp-ma, tôi quán sát pháp của các phái ngoại đạo, mỗi phái đều lập tông riêng, Lục sư ngoại đạo là Bộ thích noa, Ma già lê câu xa tử, San xà da tỳ la đồ tử, Ni kiền đà nhã đề tử, Ca cầu đà ca chiên diên, A kỳ đà súy xá Khâm bà la, mỗi người đều lập tông khác nhau, tôi không biết là tông nào đúng?", Phật nói kệ đáp:

*"Ta năm hai chín tuổi,*
*Xuất gia cầu thiện pháp,*
*Trong hơn năm mươi năm,*
*Chuyên hành giới định huệ,*
*Nhất tâm không tán loạn,*
*Cốt tìm cầu chân lý,*

*Ngoài chánh pháp này ra,*
*Không có Sa môn khác".*

Nói kệ xong Phật lại bảo: "Có tám chi thánh đạo do chư Phật thuyết giảng rất là hi hữu, rất khó gặp, ngoài Thánh đạo này để cầu một, hai, ba, bốn đạo quả Sa môn là điều không thể có; phải ngay nơi tám Thánh đạo trong pháp luật thiện thuyết này mới có thể cầu được bốn đạo quả Sa môn. Lị nữa này Thiện hiền, vì xa rời tám Thánh đạo này nên các Sa môn, Bà-la-môn ngoại đạo đều chấp vào tri kiến của mình, cho là ba đời không có nhân quả, những phước thiện đã tu đều là không, là vô ích. Thế nên ở trong chúng Sa môn, Bà-la-môn, ta đã cất tiếng sư tử rống rằng: hễ có tu hành đều sẽ được đạo quả", Thiện hiền nghe Phật nói xong, ngay nơi chỗ ngồi xa lìa mọi cấu uế được pháp nhãn thanh tịnh, được tâm bất hoại đối với pháp chân thật, vượt qua sông ái, phá tan lưới nghi thông đạt diệu pháp liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu chắp tay bạch Phật: "thật khó được thưa hỏi bậc đại sư tôn trọng, con nay nhờ Thế tôn nên được thiện lợi này, con may mắn được gặp đấng pháp vương vô thượng, là bậc quán đảnh tối thượng trong các bậc thầy, con nay nhờ sức của thầy mà được thiện chứng. Thế tôn, xin cho con được ở trong thiện pháp luật xuất gia thọ giới cụ túc, thành tánh Bí-sô, tu tập phạm hạnh", tôn giả A-nan bạch Phật: "Thế tôn, Thiện hiền nghe pháp được tỏ ngộ, nay

muốn xuất gia... tu tập phạm hạnh, xin Thế tôn tế độ cho", Phật nói: "thiên lai Bí-sô, tu tập phạm hạnh", Phật vừa dứt lời, Thiện hiền liền có đủ oai nghi, được xuất gia thọ Cận viên, thành tánh Bí-sô, nhất tâm dõng mãnh không phóng dật, suy nghĩ: "vì sao các thiện nam lại cạo bỏ râu tóc, mặc pháp y, chánh tín xuất gia, tu tập phạm hạnh trong đạo pháp vô thượng, ngay trong hiện pháp được tự chứng ngộ, hiểu rõ: sanh tử đã tận, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không thọ thân sau", nghĩ rồi tâm liền thấu triệt và chứng quả A-la-hán, tâm được giải thoát. Thiện hiền suy nghĩ: "na ta không nỡ nhìn Phật nhập Niết-bàn, ta nên nhập diệt trước", nghĩ rồi liền đảnh lễ Phật và bạch rằng: "Thế tôn, con xin nhập Niết-bàn trước", Phật hỏi: "nay thầy muốn nhập Niết-bàn sao?", đáp là phải, Phật hỏi đến ba lần rồi nói: "tất cả các hành là vô thường, điều mà thầy muốn làm, thầy đã tự biết thời, ta còn nói gì nữa". Khi sắp nhập Niết-bàn, Thiện hiền suy nghĩ: "ta nên làm năm pháp gia trì rồi mới diệt độ: một là khi mọi người đến xem đều thấy thân ta cạo bỏ râu tóc, mặc y Tăng-già-lê, chớ để họ thấy ta với hình thức ngoại đạo. Hai là khi ngoại đạo đến khiên, ta sẽ khiến cho thân không di động, chỉ có các đồng phạm hạnh mới khiên đi được. Ba là khi đưa thân ta vào ao nước tắm rửa, chân của các ngoại đạo sẽ không đụng được tới đáy, chỉ có các đồng phạm hạnh mới tắm được thân

ta. Bốn là khi các ngoại đạo vào trong nước sẽ bị cá rùa quấy nhiễu không an, còn các đồng phạm hạnh thì không bị xúc não. Năm là các ngoại đạo không thể đốt lửa hỏa thiêu di thân của ta, chỉ có các đồng phạm hạnh mới làm cho lửa cháy", tác ý về năm pháp gia trì này xong, Thiện hiền liền nhập Niết-bàn. Lúc đó các ngoại đạo nghe tin phạm chí Thiện hiền đã nhập Niết-bàn liền đem đủ các loại âm nhạc, cờ phướn phang lọng đến thành Câu-thi-na, nơi ngã tư đường nói với mọi người:

"các vị nên biết, đại Sa môn Kiều-đáp-ma thường nói: chỉ ở trong giáo pháp của ta mới có tám chi Thánh đạo với bốn quả Sa môn, trong ngoại đạo không có...; nhưng vị đồng phạm hạnh của chúng tôi là đại sư Thiện hiền cũng đã được Niết-bàn không khác họ", các Bí-sô nói: "nếu các vị nói vị ấy là đồng phạm hạnh của mình thì hãy tự ý khiên đi", các ngoại đạo cùng nhau đến khiên nhưng vẫn không thể di chuyển được, huống chi là khiên đi; các Bí-sô nói: "nếu các vị làm không được thì hãy để cho chúng tôi", đáp là tùy ý, thấy các Bí-sô khiên đi được, họ im lặng. Sau đó các Bí-sô bảo họ tắm rửa di thân, họ bước xuống nước thì chân không đụng được đến đáy, lại còn bị cá rùa quấy nhiễu còn các Bí-sô thì không như vậy. Sau đó các Bí-sô bảo họ đốt lửa hỏa thiêu nhưng khi họ đốt lửa không cháy, thấy vậy mọi người đều chê trách, họ xấu hổ bỏ đi. Lúc đó các lực sĩ thành Câu-

thi-na thấy việc hi hữu này rồi càng thêm kính ngưỡng, khởi tâm tịnh tín luyến mộ đối với Phật, họ nói: "Đại bi Thế tôn hiện thân có bịnh, nằm lần cuối cùng sắp nhập Niết-bàn mà còn có thể thuyết pháp cho ngoại đạo Thiện hiền được chứng quả A-la- hán và làm cho các lực sĩ thành Câu-thi-na được đại thiện lợi". Lúc đó các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn, vì sao Thế tôn hiện thân có bịnh, thân thể không an mà còn làm cho phạm chí Thiện hiền thoát khỏi sanh tử, chứng quả A-la-hán được cứu cánh Niết-bàn dứt hết mé khổ?", Phật nói: "các thầy nên biết việc này chưa hi hữu, vì hiện nay ta đã đoạn hết ba độc, thoát khỏi sanh già bịnh chết, ưu bi khổ não, đủ Nhất-thiết-trí tự tại trong tất cả cảnh giới nên làm cho Thiện hiền thoát khỏi sanh tử... chưa phải là hiếm có. Quá khứ khi ta còn trong sanh tử đầy đủ tham sân si, chưa thoát khỏi sanh già bịnh chết, không có trí huệ, còn mang thân bàng sanh mà đã có thể vì Thiện hiền và các lực sĩ xả bỏ thân mạng. Các thầy lắng nghe:

Quá khứ tại một núi rừng có con Nai chúa nhiều trí huệ có thể đoán biết trước cơ nghi, sống cùng bầy nai ngàn con ở trong rừng. Lúc đó có thợ săn thấy bầy nai liền báo cho vua biết, vua cho binh lính tới bao vây săn bắt, nai chúa suy nghĩ: "nếu ta không cứu bầy nai thì chắc chắn sẽ bị hại", nghĩ rồi liền nhìn khắp bốn phương tìm cách cứu bầy nai, nai chúa bỗng thấy dưới núi sâu có thác nước chảy

ra ngoài, nhưng vì sức yếu bầy nai không thể vượt qua thác nước này để ra ngoài. Nai chúa bước xuống đứng giữa dòng nước làm cầu cho bầy nai đi qua, bị móng chân của bầy nai đạp lên nên da thịt tét nứt lộ bày xương sống ra, tuy đau đớn nhưng Nai chúa vẫn ráng chịu đựng, lại còn đoái lại nhìn xem còn có con nào chưa qua. Lúc đó còn một nai con không thể qua được, nai chúa không nghĩ đến thân mình, tới chỗ nai con để nó lên lưng rồi lội qua bờ kia thì sức cũng đã kiệt, lúc sắp qua đời nai chúa phát nguyện: "con nay cứu bầy nai và nai con thoát khỏi tai ách, không tiếc thân mạng, nguyện ở đời vị lai khi chứng quả Chánh đẳng giác, con sẽ độ cho họ thoát khỏi sanh tử, đến chỗ cứu cánh Niết-bàn".

Này các Bí-sô, Nai chúa thuở xưa chính là thân ta ngày nay, bầy nai chính là các lực sĩ và nai con chính là Thiện hiền. Lại nữa, khi ta còn mang thân bàng sanh vô trí, lúc hơi thở không ổn định, chịu khốn khổ về thân xác mà vẫn có thể cứu Thiện hiền đưa đến chỗ an ổn.

Các thầy lắng nghe:

Thuở xưa tại thành Bà-la-nê-tư có vua Phạm thọ dùng pháp trị nước, vua có con Trí mã dự biết trước sự việc nên các nước lân bang đều đến triều cống. Khi Trí mã qua đời, vua các nước này liền sai sứ đến nói với vua rằng: "vua hãy chia thuế thu được cho chúng ta, nếu không thì không được ra

khỏi thành, nếu trái lời thì sẽ đem binh đến tiêu diệt", vua bảo sứ giả: "ta không chia thuế và sẽ ra thành du ngoạn". Sau đó vua cho người tìm kiếm được một Trí mã khác, vào đầu xuân, trong vườn hoa nở rộ, chim hót vang, vua cỡi Trí mã cùng các thể nữa ra thành đến vườn hoa thưởng ngoạn. Vua các nước kia nghe tin liền kéo binh đến vây thành, quần thần báo tin, vua liền thống lãnh bốn binh cỡi Trí mã ra phá giặc, Trí mã bị trúng giáo của giặc, đau đớn không chịu nổi nhưng Trí mã suy nghĩ: "nay vua đang nguy khốn, nếu không cứu thì trái đạo, ta nên nhịn đau cứu vua thoát khỏi vòng vây vào thành an ổn". Lúc đó giặc bao vây khắp nơi, không có đường nào vào thành, ngoài thành có hào nước tên là Diệu phạm trồng đủ loại hoa sen xanh vàng đỏ trắng, nếu băng qua được hào nước này thì có thể vào được trong thành. Trí mã không nghĩ đến thân mạng, chạy xuống ao phóng mình trên các lá sen đưa vua thoát khỏi vòng vây vào trong thành an ổn, vua vừa bước xuống thì Trí mã qua đời. Sau khi thoát nạn, vua Phạm thọ hỏi quần thần: "ai cứu được tính mạng của vua Sát-đế-lỵ quán đảnh thì nên báo ân như thế nào?", đáp là nên chia nửa nước, vua nói: "Trí mã đã cứu ta nhưng nay đã chết, ta nên báo ân như thế nào?", đáp: "nên mở hội Bạch liên hoa bất thường để tu phước nghiệp, trợ giúp Trí mã đầu thai", vua liền ra lịnh ở khắp các ngã tư đường treo cờ phướn hương hoa và cho

đánh trống thông báo khắp trong nước biết ngày mai mở hội bạch hiên hoa bất thường tại các ngã tư đường để tu phước nghiệp bố thí, trợ giúp linh hồn Trí mã đầu thai.

Này các Bí-sô, Trí mã thuở xưa chính là thân ta ngày nay, vua Phạm thọ chính là Thiện hiền". Lúc đó các Bí-sô lại có nghi thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn, cụ thọ Thiện hiền đời trước đã tạo nghiệp gì mà nay được làm đệ tử cuối cùng của đại sư?", Phật nói: "các thầy lắng nghe:

Quá khứ Hiền kiếp, lúc con người thọ hai vạn tuổi có Phật Ca- diếp-ba ra đời đầy đủ mười hiệu, ở trong vườn Thi lộc, chỗ Tiên nhơn đọa xứ thuộc thành Bà-la-nê-tư. Vị Phật ấy có người cháu ngoại tên là Vô ưu xuất gia, vì cho là quả giải thoát có thể tự nhiên chứng đắc nên không chuyên cần tu tập tám Thánh đạo, tuy xuất gia đã lâu nhưng không chứng được gì nên vị này du hành trong nhân gian tùy chỗ nhập hạ. Sau đó Như lai độ những người hữu duyên đã xong, việc làm đã hoàn mãn như củi hết lửa tắt nên trong đêm ấy sắp nhập Niết-bàn. Lúc đó Bí-sô Vô ưu đang đứng dưới một gốc cây, thần cây nghe tin Phật Ca-diếp-ba sắp nhập Niết-bàn nên buồn khóc, nước mắt rơi xuống thân Bí-sô Vô ưu. Bí-sô hỏi rõ nguyên do rồi cũng đau buồn như tên bắn vào tim liền gào khóc, thần cây hỏi nguyên do, Bí-sô đáp: "Phật Ca- diếp-ba là cậu ruột của tôi, tuy nương theo Phật xuất gia

nhưng tôi lại không chuyên cần tu tập, ở đây cách nơi ấy rất xa không thể đến kính lễ được. Tôi là phàm phu không có năng lực nhanh chóng đến đó nên tôi buồn khóc", thần cây nói: "tôi có năng lực đưa Thánh giả đến đó mau chóng, nhưng đến gặp Phật rồi thì có ích lợi gì", đáp: "nếu gặp được Phật, tôi quyết sẽ tinh tấn dõng mãnh theo lời Phật dạy mà chứng quả". Thần cây liền dùng thần lực đưa Bí-sô đến chỗ Phật, Phật tùy thuận căn tánh thuyết diệu pháp khiến cho vị ấy được chứng quả A-la-hán, vị này không nỡ nhìn Phật nhập Niết-bàn nên nhập diệt trước. Lúc đó thần cây thấy Phật và Bí-sô đều nhập diệt nên sanh tâm luyến mộ, suy nghĩ: "Bí- sô này chứng quả được là nhờ ta, con nguyện đem công đức này ở đời vị lai lúc con người thọ trăm tuổi, có Phật Thích ca mâu ni ra đời đầy đủ mười hiệu, khi Phật ấy nhập Niết-bàn, con sẽ được xuất gia, được chứng quả vị Vô học Thanh văn và diệt độ trước Phật".

Này các Bí-sô, thần cây thuở đó chính là Thiện hiền ngày nay. Do ý nghĩa này nên các thầy ở bất cứ nơi đâu cũng phải lánh xa bạn ác, gần gũi bạn lành, các thầy nên học như thế". Lúc đó tôn giả A-nan bạch Phật: "Thế tôn, con ở nơi yên tĩnh suy nghĩ: thiện tri thức là nửa phần phạm hạnh, vì nhờ sức của thiện hữu mà người tu hành được thành tựu, được bạn lành thì nên xa lìa bạn ác, do nghĩa này nên con biết thiện hữu là nửa phần phạm

hạnh", Phật nói: "này A-nan, chớ nói thiện tri thức là nửa phần phạm hạnh, vì sao, vì thiện tri thức là toàn phần phạm hạnh, nhờ có thiện tri thức nên xa lìa được ác tri thức, không làm điều ác, thường tu thiện pháp thuần nhất thanh bạch, đầy đủ tướng phạm hạnh. Do nhân duyên này, ai được gặp và ở chung được với bạn lành thì tất cả mọi việc cho đến cứu cánh Niết-bàn đều sẽ được thành tựu, nên gọi là toàn phần phạm hạnh. Này A-nan, ta cũng nhờ có thiện tri thức nên mới có thể làm cho tất cả hữu tình đều được thoát khỏi sanh già bịnh chết ưu bi khổ não, nếu lìa thiện tri thức thì không có việc ấy. Này A-nan, nên tu học như vậy", Phật lại bảo các Bí-sô: "do nghĩa này, từ nay các thầy không nên vội vàng độ ngoại đạo cho xuất gia thọ Cận viên, nếu hỏi không có các chướng pháp thì nên độ. Đối với ngoại đạo thờ lửa thì không cần phải cọng trụ mà nên cho xuất gia thọ Cận viên ngay, vì họ chủ trương có nghiệp dụng, có nhân duyên quả báo của sự tinh cần. Đối với các ngoại đạo khác đến cầu xuất gia thì Tăng nên cho họ cọng trụ trong bốn tháng, Thân giáo sư nên cung cấp y thực cho họ và quan sát tánh hạnh của họ nếu thấy điều nhu, có thể tế độ được thì mới cho xuất gia thọ Cận viên. Các thầy nên biết như thế. Lại nữa này các Bí-sô, pháp nào ngay trong hiện tại và vị lai có thể sanh trưởng lợi lạc thì các thầy nên thọ trì đọc tụng và giảng thuyết cho người khác, chớ để quên mất, như

thế sẽ làm cho phạm hạnh được trụ lâu ở đời và làm cho trời người được an lạc, làm lợi ích cho chúng sanh. Pháp ấy gồm có mười hai phần giáo, đó là: khế kinh, ứng tụng, ký biệt, phúng tụng, tự thuyết, nhân duyên, bản sanh, bản sự, phương quảng, hy hữu, thí dụ và luận nghị. Này các Bí-sô, sau khi ta nhập Niết-bàn, Bí-sô nào suy nghĩ là nay ta không còn đại sư nữa thì hãy bỏ nhận thức này đi, vì sao, vì ta đã chế mỗi nửa tháng các thầy nên thuyết Ba-la-đề-mộc-xoa, đây chính là đại sư của các thầy, là chỗ nương tựa của các thầy không khác gì ta còn tại thế. Lại nữa, từ nay Bí-sô hạ tòa đối với các vị kỳ túc trưởng lão không được gọi bằng tên họ, nên gọi là Đại đức hay cụ thọ. Bí-sô trưởng lão gọi Bí-sô nhỏ là cụ thọ, nên thương yêu che chở họ với tâm từ ái, nên cung cấp y thực không để cho họ thiếu thốn và nên dạy bảo họ đọc tụng, thiền quán để họ được lợi ích. Có như thế thì giáo pháp của ta mới ngày càng tăng trưởng, ngược với trên thì giáo pháp sẽ mau hoại diệt. Lại nữa, trên đại địa này có bốn nơi nếu người nam người nữ nào có tín tâm thanh tịnh thì trọn đời nên nhớ giữ và sanh tâm tôn kính. Bốn chỗ đó là: nơi Phật đản sanh, nơi Phật thành đạo, nơi Phật chuyển pháp luân và nơi Phật nhập Niết-bàn. Nếu người nào đến bốn nơi này kính lễ với tâm chí thành thì sau khi qua đời nhất định sẽ sanh lên cõi trời. Này các Bí-sô, đối với Phật pháp tăng bảo hay là đối với bốn Thánh

đế Khổ tập diệt đạo, các thầy còn có nghi ngờ gì thì hãy thưa hỏi, ta sẽ giải nghi cho". (Một đời của Như lai từ khi xuất gia cho đến nhập Niết-bàn suốt hơn năm mươi năm có tám nơi trụ lâu, đó là nơi đản sanh, nơi thành đạo, nơi chuyển pháp luân, núi Linh thứu, thành Quảng nghiêm, nơi từ cõi trời xuống, vườn Kỳ thọ và Song lâm, nơi nhập Niết-bàn. Tám nơi này thì bôn nơi là định xứ, còn lại đều là bất định xứ. Nhiếp tụng:

Sanh, thành, pháp, Thứu, Quảng, hạ, kỳ, lâm.

Kiền thành nhất tưởng, Phước thắng thiên kim.).

Lúc đó cụ thọ A-nan bạch Phật: "Thế tôn, như con hiểu lời Phật dạy là các Bí-sô nếu còn nghi ngờ gì thì nên hỏi, nhưng trong chúng này không có ai còn nghi ngờ đối với Phật pháp tăng và bốn Thánh đế, cần phải hỏi lại nữa", Phật nói: "lành thay A-nan, ta dùng trí huệ quán sát trong chúng này, thấy không có ai còn nghi ngờ gì về Tam bảo và Tứ đế nữa". Lúc đó với tâm từ bi, lần cuối cùng Phật ở trước đại chúng vén thượng y hiển bày thân tướng rồi bảo các Bí-sô: "các thầy hãy nhìn thân Như lai lần cuối, vì sao, vì Như lai Ứng chánh giác khó được gặp như hoa Ưu đàm bát la", các Bí-sô im lặng, Phật nói: "các pháp đều như vậy, các hành là vô thường, đây là lời giáo huấn cuối cùng của ta". Nói xong Phật liền chánh niệm nhập định thứ nhất, xuất định thứ nhất rồi nhập định thứ hai, xuất định

thứ hai rồi nhập định thứ ba, xuất định thứ ba rồi nhập định thứ tư, xuất định thứ tư rồi nhập định Không xứ, xuất định Không xứ rồi nhập định Thức xứ, xuất định Thức xứ rồi nhập định Vô sở hữu xứ, xuất định Vô sở hữu xứ rồi nhập định Phi tưởng phi phi tưởng xứ, xuất định Phi tưởng phi phi tưởng xứ rồi nhập Diệt thọ tưởng định. Lúc đó tôn giả A-nan hỏi tôn giả A-ni-lư-đà: "đại sư đã nhập Niết- bàn hay chưa?", đáp là chưa, hiện đang nhập Diệt thọ tưởng định, A- nan nói: "tôi nghe Phật nói: nếu Phật Thế tôn nhập định cuối cùng, tịch nhiên bất động thì ngay sau đó mắt thế gian khép lại, chắc chắn nhập Niết-bàn". Lúc đó Phật xuất định Diệt thọ tưởng, lần lượt nhập ngược trở lại, như thế cho đến định thứ nhất rồi mới nhập Niết-bàn vô dư. Ngay lúc đó trời đất chấn động, trên không trung sao xẹt, bốn phương đều rực sáng, trống trời tự nhiên vang động khắp hư không.

Lúc đó cụ thọ Đại Ca-diếp ở trong Trúc lâm, bền ao Yết lan đạc ca, thành Vương xá thấy mặt đất chấn động liền nhiếp niệm quán sát, quán biết Như lai đã nhập Niết-bàn liền suy nghĩ: "nay ta không còn đại sư nữa, chỉ còn nương vào pháp, các hành là như vậy, biết làm sao. Nhưng vua Vị sanh oán vừa phát tín tâm, nếu nghe Phật đã nhập Niết-bàn ắt sẽ thổ huyết mà chết, ta nên làm phương tiện trước", nghĩ rồi liền đến nói với đại thần Hành vũ: "ông nên biết, Phật đã nhập Niết-bàn, vua Vị sanh

oán vừa phát tín tâm nếu nghe tin này ắt sẽ thổ huyết mà chết, ta muốn làm phương tiện thuận theo thứ lớp cho vua hiểu được. Ông hãy đến trong vườn, ở trong sảnh đường cho người vẽ nhân duyên bản sanh của Phật, từ khi Bồ-tát ở trên cõi trời Đổ-sử-đa..., kế hiện tướng voi trăng vào thai mẹ, kế đản sanh rồi xuất gia, tu khổ hạnh, cuối cùng thành đạo quả dưới cội Bồ đề. Sau đó đến thành Bà-la-nê-tư ba lần chuyển pháp luân mười hai hành tướng, kế đến thành Thất-la-phiệt hiện đại thần thông, kế lên cõi trời Tam thập tam thuyết pháp cho thân mẫu và chư thiên, kế trở cuống châu Thiệm bộ tại thành Tăng yết xa giáo hóa quần sanh, cuối cùng đến thành Câu-thi-na ở giữa hai cây Sa la (Sa la song thọ), nằm day đầu về hướng Bắc mà nhập Niết-bàn. Vẽ xong nên làm tám cái hòm to bằng người đặt bên ngoài sảnh đường, bảy hòm đầu đựng đầy sanh tô, hòm thứ tám đựng nước Ngưu đầu chiên đàn. Khi thấy vua đi ra nên thỉnh vua đến trong vườn xem tranh vẽ và giải thích theo thứ lớp cho vua hiểu, khi vua biết Phật đã nhập Niết-bàn, vua sẽ ngã bất tỉnh, lúc đó nên đặt vua vào trong hòm thứ nhất, lần lượt như thế đến hòm thứ tám thì vua sẽ tỉnh lại", dặn dò xong, tôn giả đi đến thành Câu-thi-na. Lúc đó hành làm theo như lời tôn giả đã dặn, khi thấy vua ngã bất tỉnh, các quan vội đặt vua vào hòm thứ nhất, thứ lớp như thế đến hòm thứ tám thì vua dần dần tỉnh lại.

Khi Như lai nhập Niết-bàn, hoa thơm Sa la tự rơi rụng phủ lên kim thân, một Bí-sô nói kệ:

*"Khi Thế tôn Niết-bàn,*
*Rừng Sa la tối thẳng,*
*Rũ cành che phủ kín,*
*Và rụng xuống hoa thơm".*

Vua trời Đế thích nói kệ:

*"Các hành vô thường,*
*Là pháp sanh diệt,*
*Sanh diệt diệt rồi,*
*Tịch diệt là vui".*

Phạm thiên vương nói kệ:

*"Tất cả pháp thế gian,*
*Đã sanh đều phải tử,*
*Lực vô thường lớn nhất,*
*Phá tan hết các hành,*
*Đại sư mắt thế gian,*
*Đấng thập lực vô thượng,*
*Hóa duyên đã viên mãn,*
*Tịch diệt tại Song lâm".*

Tôn giả A nê lư đà nói kệ:

*"Phật không thở ra vào,*
*Tâm Phật cũng tịch nhiên,*
*Mắt thế gian đã nhắm,*
*Vào tịch diệt bất động.*
*Thế tôn đủ mười lực,*
*Hóa độ xong nhập diệt.*
*Chúng sanh nào thấy nghe,*

*Sợ hãi lông dựng đứng,*
*Tâm người chớ mê loạn,*
*Cũng chớ nên đau buồn,*
*Phật chứng thân Mộc xoa,*
*Cũng như ngọn đèn tắt".*

Lúc đó các Bí-sô đều bi cảm, có người mê loạn ngã lăn ra đất kêu khóc, có người tư duy pháp lý nói: "chúng ta nên chịu đựng, như Thế tôn đã dạy là tất cả vinh hoa đáng ưa thích rốt cuộc cũng trở về nơi hoại diệt", tôn giả A-ni-lư-đà bảo A-nan: "cụ thọ nên khuyên nhũ đại chúng hãy tự kìm chế, chớ để trái oai nghi, chớ nên buồn khóc quá đáng, vì sao, vì hiện nay có chư thiên Trường thọ đang chê trách: "vì sao các Bí-sô xuất gia trong pháp luật thiện thuyết của Thế tôn lại không thể quán vô thường, đến nỗi buồn khổ như vậy", A-nan hỏi có bao nhiêu chư thiên đến, đáp: "phương Nam từ sông Kim đến rừng Sa la... trong chu vi mười hai Du thiện na này đều có chư thiên đại oai đức chen vai nhau, không có chỗ để dựng tích trượng". Sau đó tôn giả lại bảo A-nan: Này A-nan, thầy hãy đến trong thành Câu-thi-na nói các lực sĩ rằng: "Như lai đại sư trong đêm nay đã nhập Niết-bàn vô dư, các vị nên làm những gì cần làm để sau khỏi phải hối hận và nói là Như lai đã nhập Niết-bàn trong thành ấp này mà chúng ta lại không biết cúng dường để báo từ ân của Phật". Tôn giả A-nan nghe rồi liền đến nói với các lực sĩ như thế, các lực sĩ

nghe rồi có người bất tĩnh ngã ra đất, có người đấm ngực gào khóc, thân thể run rẩy không thể tự kìm chế; có người nói: như Phật đã dạy thế gian vô thường ắt phải biệt ly. Họ nói với nhau: "chúng ta hãy mau đem hương hoa, hương bột, hương đốt, dầu thơm cùng các loại nhạc khí đến rừng Sa la để cúng dường", nói rồi họ cùng các quyến thuộc ra khỏi thành Câu-thi-na đi đến rừng Sa la, đến chỗ Phật nhập Niết-bàn rãi hương hoa, treo cờ phướn phang lọng và tấu âm nhạc để cúng dường. Sau đó họ hỏi tôn giả A-nan việc tẩm liệm đấng Pháp vương vô thượng nên làm như thế nào, A-nan nói: "trước đây tôi có hỏi Phật, pháp tẩm liệm nên làm như pháp táng vị Chuyển luân thánh vương", lại hỏi: "pháp táng vị Chuyển luân thánh vương như thế nào?", đáp: "sau khi Chuyển luân thánh vương qua đời được quấn khắp thân bằng năm trăm tấm bạch điệp thượng diệu và nghiêm sức bằng năm trăm tấm y đẹp, được đặt trong kim quan, trong đó đổ đầy dầu thơm và được hỏa thiêu bằng gỗ thơm. Hỏa thiêu xong, tắt lửa bằng sữa thơm rồi thu lấy hài cốt đựng trong bình vàng, xây tháp thờ nơi ngã tư đường, dựng tràng phan, lọng, hương hoa, tấu các loại âm nhạc và thiết đại trai hội để cúng dường. Sau khi Phật nhập diệt, trời người hãy theo pháp ấy mà cung kính cúng dường, gấp bội sự cung kính cúng dường vị Chuyển luân thánh vương", các lực sĩ nói: "chúng con sẽ làm như lời tôn giả

nói, nhưng một, hai ba ngày không làm sao hoàn tất được, phải đến bảy ngày mới có thể làm xong", A-nan đáp là được. Lúc đó trong phạm vi mười hai Du thiện na từ thành Câu-thi-na đến tháp Hệ quang, vô lượng chúng sanh vân tập đến với đủ loại hương hoa và kỹ nhạc để cúng dường. Một vị kỳ túc trong tộc họ lực sĩ bảo mọi người rằng: "những người có mặt trong đây, người nữ cầm tràng phan, người nam khiên kim quan, tất cả cùng rãi hương hoa, hương bột và tấu âm nhạc đưa kim quan đi vào cửa Tây thành Câu-thi-na rồi ra cửa Đông, qua sông Kim đến tháp Hệ quang rồi đặt kim quan ở nơi tốt nhất để làm lễ hỏa thiêu", mọi người nghe rồi cùng nhau đến khiên kim quan, tuy dùng hết sức lực vẫn không thể nâng kim quan lên được, cụ thọ A-nan hỏi tôn giả A-ni-lư-đà nguyên do, tôn giả nói: "vì chư thiên có ý nghĩ sẽ cùng những người có mặt trong đây, người nữ cầm tràng phan, người nam khiên kim quan, tất cả cùng rãi hương hoa, hương bột và tấu âm nhạc đưa kim quan đi vào cửa Tây thành Câu-thi-na rồi ra cửa Đông, qua sông Kim đến tháp Hệ quang rồi đặt kim quan ở nơi tốt nhất để làm lễ hỏa thiêu. Do nhân duyên này nên các lực sĩ không thể khiên kim quan được", A-nan nói: "nếu vậy hãy thuận theo ý của chư thiên". Sau khi thuận theo ý của chư thiên, họ khiên kim quan trên vai một cách nhẹ nhàng, lúc đó trên không trung trời mưa hoa sen xanh, vàng

đỏ trắng, bột thơm trầm thủy, chiên đàn..., trăm ngàn nhạc trời đồng tấu, lọng hoa của chư thiên che như mây với vô số thiên y. Các nam nữ trong tộc họ lực sĩ cũng rãi hương hoa và tấu âm nhạc đưa kim quan tuần tự đi đến tháp Hệ quang, hoa rãi nhiều đến nỗi ngập ngang đầu gối.

Lúc đó tôn giả Đại Ca-diếp cùng năm trăm đệ tử với oai nghi nghiêm túc đang trên đường đi đến Song lâm, thấy một ngoại đạo cầm vài cành hoa đi ngược lại, liền hỏi: "ông lấy hoa này từ đâu và định đi đâu?", đáp: "tôi lấy hoa này từ thành Câu-thi-na và định đi về ấp Ba ba, đại sư của các vị đã nhập Niết-bàn được bảy ngày rồi, trời người đang cúng dường di thân", lúc đó có một Bí-sô già ngu si nghe ngoại đạo nói lời này liền phát ra lời thô ác: "vui sướng thay, từ nay sẽ không còn ai bảo chúng ta điều này nên làm, điều này không nên làm, từ nay chúng ta muốn làm gì thì làm tùy ý", chư thiên trên không trung nghe lời phi pháp này liền dùng thần lực làm mất âm thanh không cho ai nghe, chỉ trừ tôn giả Đại Ca-diếp. Tôn giả dừng lại bên đường giáo giới Bí-sô già kia rồi bảo đại chúng: "này các cụ thọ, các hành trong thế gian đều vô thường, không có lâu dài, không đáng tin tưởng rốt cuộc cũng sẽ hoại diệt. Các thầy nên sanh tâm nhàm lìa, chớ có tham luyến, giờ chúng ta hãy mau đi đến gặp Phật lần cuối".

Lúc đó các lực sĩ thành Câu-thi-na và bốn

chúng đốt gỗ thơm để hỏa thiêu nhưng lửa không cháy, tôn giả A-ni-lư-đà nói với A-nan: "họ muốn đốt, lửa cũng không cháy được", hỏi vì sao, đáp: "vì chư thiên không cho lửa cháy", lại hỏi vì sao, đáp: "vì tôn giả Đại Ca-diếp cùng năm trăm đệ tử đang trên đường sắp đến đây, muốn thấy thân kim sắc của Phật lần cuối và đích thân hỏa thiêu, vì đợi vị ấy đến nên chư thiên không cho lửa cháy", A-nan liền nói cho mọi người biết để đợi. Một lát sau tôn giả Đại Ca-diếp đến, dân chúng thành Câu-thi-na đến đảnh lễ tôn giả rồi theo tôn giả đến chỗ kim quan để chiêm ngưỡng kim thân Phật lần cuối. Tôn giả dùng một ngàn tấm bạch điệp quấn bên ngoài kim thân Phật, đậy nắp kim quan, chất gỗ thơm để thiêu rồi đứng qua một bên. Do uy lực của Phật và lực của chư thiên nên lửa tự nhiên từ trong gỗ thơm bốc cháy, A-nan hữu nhiễu giàn hỏa và nói kệ:

*"Tướng hảo Như lai đã viên tịch,*
*Lửa tự nhiên cháy thiêu kim thân,*
*Ngàn lớp vải ngoài đều cháy hết,*
*Chỉ còn xá lợi ở bên trong".*

Lúc đó các lực sĩ thành Câu-thi-na định dùng sữa thơm để tắt lửa thì ngay trong lửa bỗng mọc lên bốn cây: cây sữa màu hoàng kim, cây sữa màu đỏ, cây Bồ đề và cây Ô đàm bạt; sữa từ bốn cây này chảy ra làm cho lửa tắt. Họ thu lấy xá lợi để trong bình vàng đặt trên xe báu rồi đem hương hoa, hương chiên đàn trầm thủy... và tấu âm nhạc để

cúng dường rồi đẩy xe vào thành, đặt bình vàng xá lợi này ở giữa sảnh đường và tiếp tục cúng dường như trước. Các lực sĩ ở ấp Ba ba sau khi nghe biết tin này liền tập họp bốn binh kéo đến thành Câu-thi-na, muốn được chia xá lợi nên nói với các lực sĩ trong thành: "Thế tôn là từ phụ của chúng sanh, chúng tôi đã được Phật dạy bảo chánh pháp, nay Phật đã diệt đo xin chia cho chúng tôi xá lợi để đem về ấp Ba ba xây tháp cúng dường", các lực sĩ trong thành đáp: "Thế tôn đại sư đã nhập Niết-bàn trong xứ của chúng tôi, vì vậy toàn bộ xá lợi Phật phải để ở đây cúng dường, không chia cho người ngoài", người ấp Ba ba nói: "nếu chia thì tốt, nếu không chia thì chúng tôi đem binh đoạt lấy". Sau đó lần lượt người của các ấp Già lạc ca, ấp Đô lỗ ca, ấp A la ma, ấp Phệ suất nô, các Thích tử thành Kiếp-tỷ-la, các Lật cô tỳ thành Phệ xá ly đều kéo đến thành Câu-thi-na. Lúc đó vua Vị sanh oán nước Ma-kiệt-đà sau khi nghe biết Thế tôn đã nhập Niết-bàn trong lòng buồn khổ bảo đại thần Hành vũ: "ta nghe các nơi đang kéo đến thành Câu-thi-na để đòi chia xá lợi, ta cũng nên đến đó xin một phần, khanh nên chỉnh đốn bốn binh", khi vua vừa lên lưng voi trắng, tâm lại nhớ đến ân sâu của Phật nên ngã xuống đất bất tĩnh; lát sau tĩnh lại liền lên lưng ngựa, cũng như trước ngã xuống bất tĩnh, lát sau tĩnh dậy, vua bảo Hành vũ: "ta không thể đích thân tới đó được, khanh nên thống lĩnh bốn binh

đến thành Câu-thi-na truyền lời của ta thăm hỏi các lực sĩ trong thành được ít bịnh, ít não... và nói rằng: Thế tôn là đại sư của chúng tôi, nay Phật đã nhập Niết-bàn tại trú xứ của các vị, xin hãy cho chúng tôi một phần xá lợi để đem về thành Vương xá xây tháp cúng dường", Hành vũ tuân lịnh vua đi đến thành Câu-thi-na nói lại lời của vua, các lực sĩ thành Câu-thi- na nói: "Phật đã nhập Niết-bàn tại trú xứ của chúng tôi, tuy có xá lợi nhưng vua các vị muốn được chia phần thì thật khó được", Hành vũ nói: "nếu chia thì tốt, nếu không chia thì chúng tôi đem binh đoạt lấy", đáp là tùy ý, nói rồi các lực sĩ trong thành Câu-thi-na tập họp bốn binh định quyết chiến với bốn binh của bảy thành ấp kia.

-oOo-

# CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA TẠP SỰ

## QUYỂN 39

### 10. Nhiếp tụng thứ mười trong Biệt môn thứ tám (tiếp theo) - Nói việc Phật nhập Niết-bàn và việc 500 vị kiết tập:

Lúc đó có một Bà-la-môn tên là Đột-lộ-noa ở trong hội chúng thấy mọi người vì muốn được chia phần xá lợi mà có thể quyết chiến với nhau, sợ có tổn thương và trái nghịch lời Phật dạy, nên ông cầm tràng phan dài giơ cao lên rồi nói với các lực sĩ thành Câu-thi-na: "xin các vị hãy tạm ngừng cho tôi được trình bày lợi hại. Tôi từng nghe đại Sa môn Kiều-đáp-ma rãi lòng từ đến khắp các hữu tình, ở trong vô lượng kiếp dõng mãnh tinh tấn chịu đựng các oán hại, chịu khổ lâu xa như thế mà vẫn tán thán hạnh nhẫn nhục nên nay mới thành Vô thượng giác, tâm hạnh bình đẳng như hư không, tế độ khắp tất cả. Vì chúng sanh hết phước nên Phật nhập Niết-bàn mới có bảy ngày mà đã hưng binh quyết chiến với nhau, thật là trái nghịch. Xin các vị chớ đánh nhau, tôi sẽ làm cho các vị được hoan

hỉ, tôi sẽ chia đều Xá lợi Phật làm tám phần cho tám nước để các vị mang về xây tháp cúng dường. Bình vàng đựng xá lợi xin cho tôi được mang về xứ mình xây tháp cúng dường", các lực sĩ thành Câu-thi-na nghe rồi liền nói: "nhân giả nói đúng, Thế tôn tu hạnh nhẫn, chúng ta không nên làm việc sát hại... Vậy nhân giả hãy thuận theo pháp mà chia đều xá lợi cho chúng tôi. Đây là việc làm tốt". Lúc đó Bà-la-môn liền chia xá lợi làm tám phần cho tám nước như sau: phần thứ nhất trao cho các lực sĩ thành Câu-thi-na, phần thứ hai trao cho các lực sĩ ấp Ba ba, phần thứ ba trao cho ấp Giả la bác, phần thứ tư trao cho xứ A-la-ma, phần thứ năm trao cho các Thích tử thành Kiếp-tỷ-la, phần thứ bảy trao cho các Lật cô tỳ thành Phệ xá ly, phần thứ tám trao cho đại thần Hành vũ nước Ma-kiệt-đà. Sau khi được chia xá lợi xong, ai nầy đều mang về nước mình xây tháp cúng dường; Bà- la-môn Đột-lộ-noa mang bình vàng đựng xá lợi về xứ mình xây tháp cúng dường. Lúc đó trong đại chúng có Ma-nạp-bà tên Tất bát la nói với mọi người: "xứ tôi không được chia phần xá lợi, xin cho tôi mang tro tàn của Phật về xứ Tất bát la xây tháp cúng dường". Lúc đó tại châu Thiệm bộ có tất cả tám tháp thờ xá lợi Phật, tháp thứ chín thờ bình đựng xá lợi, tháp thứ mười thờ tro. Xá lợi Phật gồm có một thạc sáu đấu được chia ra làm tám phần, bảy phần thờ tại châu Thiệm bộ, một phần của xứ A la ma đem thờ

ở trong cung của Hải long vương. Lại có bốn răng xá lợi Phật: một cái thờ ở trên cung trời vua Đế thích, một cái thờ ở nước Kiện-đà-la, một cái thờ ở nước Yết-lăng-già và một cái thờ ở trong cung của Hải long vương xứ A la ma. Về sau này, vua Vô ưu của ấp Ba tra ly, khai quật bảy tháp lấy xá lợi ra rồi cho xây lại thành tám vạn bốn ngàn tháp để cúng dường khắp trong châu Thiệm bộ. Do oai đức của tháp làm trang nghiêm thế gian nên trời người... thảy đều cung kính tôn trọng cúng dường, làm cho chánh pháp được quang hiển, không bị mau diệt, ai có mong cầu gì cũng được toại ý.

Việc năm trăm A-la-hán kiết tập pháp tạng:

Thích ca Như lai sanh trưởng trong dòng họ Thích ca, thành Đảng chánh giác tại nước Ma-kiệt-đà, chuyển diệu pháp luân tại thành Bà- la-nê-tư, nhập Niết-bàn tại trú xứ lực sĩ thành Câu-thi-na. Trước đó tôn giả Xá-lợi-phất cùng tám vạn Bí-sô đã đồng nhập Niết-bàn, tôn giả Đại Mục-kiền-liên cùng bảy vạn Bí-sô cũng đồng nhập Niết-bàn; khi Thế tôn nhập Niết-bàn cũng có một vạn tám ngàn Bí-sô đồng nhập Niết-bàn. Chư thiên cõi trời Trường thọ thấy việc này rồi liền chê trách: "kinh luật luật pháp tạng chơn chánh mà Phật đã nói ra chưa được kiết tập, lẽ nào lại để cho chánh giáo thành tro tàn hay sao?". Lúc đó tôn giả Đại Ca-diếp biết ý của chư thiên nên bảo các Bí-sô: "các thầy nên biết trước đó tôn giả Xá-lợi-phất cùng tám vạn

Bí-sô đã đồng nhập Niết- bàn, tôn giả Đại Mục-kiền-liên cùng bảy vạn Bí-sô cũng đồng nhập Niết-bàn; nay Thế tôn nhập Niết-bàn cũng có một vạn tám ngàn Bí-sô đồng nhập Niết-bàn. Chư thiên cõi trời Trường thọ thấy việc này rồi liền chê trách: "kinh luật luật pháp tạng chơn chánh mà Phật đã nói ra chưa được kiết tập, lẽ nào lại để cho chánh giáo thành tro tàn hay sao?". Vì vậy chúng ta nên thông báo cho Bí-sô các phương đến nhóm để cùng kiết tập pháp tạng, đây là đại sự", đại chúng đồng thanh đáp là nên làm, tôn giả Đại Ca-diếp hỏi trong đại chúng: "trong đây ai nhỏ nhất?", đáp là cụ thọ Viên mãn, tôn giả bảo Viên mãn: "thầy nên đánh kiền chùy kêu gọi Tăng già nhóm họp", Viên mãn nghe rồi liền đến nơi yên tĩnh nhập Tứ thiền rồi theo định lực của mình, hệ niệm quán sát, quán sát xong xuất định đánh kiền chùy. Lúc đó có 499 vị đại A-la-hán từ các phương đến vân tập và ngồi vào chỗ ngồi, tôn giả Đại Ca-diếp nói: "Bí- sô tăng già đã đến nhóm họp đủ hết chưa, hãy xem xét kỹ còn ai chưa đến?", các Bí-sô nhìn xem khắp trong chúng rồi nói: "Bí-sô các phương đều đã đến nhóm, chỉ thiếu có cụ thọ Ngưu chủ". Lúc đó Bí-sô Ngưu chủ đang ở yên tĩnh trong cung Thi lợi sa, tôn giả Đại Ca-diếp bảo Viên mãn: "thầy hãy đến chỗ ở của cụ thọ Ngưu chủ nói với vị ấy rằng: Bí-sô tăng già với tôn giả Đại Ca-diếp là thượng thủ có lời thăm hỏi sức khỏe của tôn giả, nay Tăng già

có việc, thầy hãy mau đến", Viên Mãn nghe rồi liền nhập định, nương theo định lực ẩn mất tại thành Câu-thi-na và hiện ra ở trước Bí-sô Ngưu chủ trong cung Thi lợi sa, Viên mãn đảnh lễ rồi đem lời của tôn giả Đại Ca-diếp nói lại cho tôn giả Ngưu chủ nghe, tôn giả tuy đã thoát ly các dục nhưng tập khí luyến ái vẫn còn nên hỏi Viên mãn: "thiện lai cụ thọ, có phải Như lai đại sư hóa duyên ở thế giới khác hay là Tăng già xảy ra tranh chấp; hay là pháp luân vô thượng mà Như lai đã chuyển lại bị các ngoại đạo phỉ báng; hay là ngoại đạo kết bè đảng làm trở ngại cho các đệ tử Thanh văn của Như lai; hay là các đệ tử của Như lai do phiền não sanh khởi nên khinh rẽ lẫn nhau; hay là có Sa môn, Bà-la-môn trái nghịch lời Phật dạy; hay là có kẻ ngu si phá tăng; hay là có kẻ ác kiến đem pháp tương tợ với văn cú đã có làm hoặc loạn chánh pháp của Như lai; hay là có nhiều đồng phạm hạnh bỏ thắng nghiệp tụng kinh thiền quán mà ưa thích bàn luận việc thế tục vô ích; hay là có tâm nghi hoặc do dự hai dường, phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp, phi Tỳ ni nói là Tỳ ni, Tỳ ni nói là phi Tỳ ni; hay là có Bí- sô bị tâm xan tham cấu uế nhiễu loạn nên bỏ sáu pháp hòa kính, thấy có khách và đồng phạm hạnh đến lại không quý mến nhau; hay là có Bí-sô tánh ác làm cho các trưởng giả, Bà-la-môn tín tâm quay lưng với chánh pháp mà theo về với ngoại đạo; hay là có Bí-sô tà mạng làm các việc

như cày ruộng, mua bán, dua nịnh vua quan, xem tướng họa phước, ra sức tích chứa tài vật bất tịnh; hay là có Bí-sô đối với chánh hạnh đầu đà, thọ ngọa cụ xấu liền sanh tâm khinh chê, thật không phải là Sa môn mà tự xưng là Sa môn, não loạn các đồng phạm hạnh?. Nhưng mà thầy Viên mãn từ xa đến đây, đáng lẽ nên nói Thế tôn an ổn vô sự, sao lại nói là Tăng già với tôn giả Đại Ca-diếp là thương thủ?. Há không phải Thế tôn đã xả hàm thức vĩnh viễn nhập Niết-bàn vô dư; hay là thế gian đã mất đi vị thuyền sư nên sanh kinh sợ; hay là Thập lực vô úy đã bị Vô thường nuốt mất; hay là đấng có thể làm cho các hữu tình thức tĩnh được lợi ích đã ngủ mãi không thức dậy nữa; hay là mặt trời Phật đã lặn; hay là mặt trăng Như lai tròn sáng đã bị A-tu-la che mất; hay là đại thọ Thắng như ý tối tôn đại sư ở trong ba ngàn đại thiên thế giới, được trang nghiêm bằng hoa Bồ đề phần, trái là bốn quả Thanh văn với hương thơm khả ái đã bị voi điên Vô thường xô ngã; hay là đèn trí huệ Như lai đã bị gió vô minh thổi tắt rồi phải không?", cụ thọ Viên mãn nói kệ đáp:

*"Chúng Thanh văn đã nhóm,*
*Trí huệ đều sáng suốt,*
*Muốn chánh pháp trụ lậu,*
*Chỉ còn chờ tôn giả.*
*Thuyền Phật pháp đã chìm,*
*Núi trí huệ cũng sụp,*

*Chúng thù thắng của Phật,*
*Đều muốn về viên tịch,*
*Thầy hãy mau đến gặp,*
*Cùng kiết tập pháp tạng,*
*Việc này rất trọng đại,*
*Tăng sai con đến báo".*

Tôn giả Ngưu chủ bảo Viên mãn đừng nói nữa rồi nói kệ:

*"Đèn sáng vô thượng còn ở đời,*
*Tôi sẽ đến đảnh lễ tôn nhan,*
*Nay Phật hết duyên nhập Niết-bàn,*
*Có người trí nào lại đến đó,*
*Thầy hãy mang y bát của tôi,*
*Đưa cho đại chúng Ứng cúng ấy,*
*Tôi vào viên tịch không tái sanh,*
*Xin Thánh chúng từ bi tha thứ".*

Nói kệ xong, tôn giả liền vọt lên không trung hiện mười tám thần biến, phóng ra các ánh sáng và hóa ra lửa để tự thiêu thân mà diệt độ, từ thân tôn giả chảy ra bốn dòng nước. Dòng nước thứ nhất nói kệ:

*"Chúng sanh chúng ta đã hết phước,*
*Nên nay bỗng nhiên bị bỏ rơi,*
*Mặt trời trí huệ Phật đã lặn,*
*Tất cả quần mê không ai cứu".*

Dòng nước thứ hai nói kệ:

*"Các hành bị diệt từng sát na,*
*Từ sanh đến diệt đều khổ não,*

*Chỉ do phàm phu chấp hư vọng,*
*Người cho người nhận đều là không".*

Dòng nước thứ ba nói kệ:

*"Người trí tâm thường không phóng dật,*
*Siêng tu thiện pháp mau thành tựu,*
*Tuổi trẻ tươi đẹp cũng sẽ chết,*
*Bị quỷ Vô thường nuốt tất cả".*

Dòng nước thứ tư nói kệ:

*"Tôi xin đảnh lễ đệ tử Phật,*
*Việc cần nên làm được thành tựu,*
*Tôi kính thuận Phật vào viên tịch,*
*Như bò chúa đi, bò nghé theo".*

Lúc đó Bí-sô Viên mãn cúng dường di thân của tôn giả Ngưu chủ xong liền mang y bát của vị ấy, nhập định ẩn mất ở trong cung Thi lợi sa, hiện thân trở lại trong thành Câu-thi-na ở trước đại chúng Bí-sô. Viên mãn đảnh lễ Tăng rồi để y bát của tôn giả Ngưu chủ ở trước mặt Thượng tòa rồi nói kệ:

*"Tôn giả nghe Phật đã viên tịch,*
*Tất cả phước nghiệp đều đi theo,*
*Đây là y bát con mang về,*
*Tôn giả xin Tăng già tha thứ".*

Tôn giả Đại Ca-diếp bảo các Bí-sô: "các vị đồng phạm hạnh lắng nghe kệ:

*Vị ấy theo Phật nên nhập diệt,*
*Nhiều Ứng cúng khác đã Niết-bàn,*
*Nay Tăng nên đồng tâm hòa hợp,*

*Khắp vì trời người mà kiết tập.*
*Các vị hãy kiên cố chí nguyện.*
*Chớ có nhập Niết-bàn:*
*Các vị chớ bắt chước Ngưu chủ,*
*Viên tịch trong cung Thi lợi sa,*
*Chớ nên vội vã nhập Niết-bàn,*
*Hãy làm lợi ích cho quần sanh".*

Lúc đó tôn giả Đại Ca-diếp cùng năm trăm Bí-sô lập chế: "các thầy lắng nghe, mặt trời Phật đã lặn, sợ pháp cũng mất theo nên muốn cùng các thầy tập họp lại kết tập pháp tạng. Mới táng đại sư xong, mọi người đều đau buồn, nếu kết tập tại đây thì Tăng bốn phương tụ đến sẽ làm ồn náo quấy nhiễu, tâm không an thì việc khó thành. Thế tôn đã thành Đẳng chánh giác dưới gốc cây Bồ đề tại nước Ma-kiệt-đà, nay pháp thân đã mất, chúng ta nên đến nơi đó để kết tập", đại chúng đều nhất trí đến đó kết tập, tôn giả Đại Ca-diếp nói: "vua Vị sanh oán con của vua Thắng thân nước Ma-kiệt-đà, vừa phát tín tâm có thể cúng dường tứ sự đầy đủ cho chúng tăng yên tâm kết tập". Lúc đó trong đại chúng có người nói: "tất cả chúng ta đều đã chứng A-la-hán, chỉ riêng có cụ thọ A-nan là còn ở vị Hữu học. Khi Phật còn tại thế, thầy ấy đã làm thị giả cho Phật và đã thọ trì hết pháp tạng của Phật, nhưng quả vị chưa viên mãn thì phải làm sao", Tôn giả Đại Ca-diếp nói: "nếu vậy hãy tác pháp tuyển chọn vì sợ các Hữu học khác sanh tâm bất nhẫn, nên làm

phương tiện sai A-nan làm người rót đưa nước, còn các vị khác đều ra ngoài", đại chúng tán đồng, tôn giả Đại Ca-diếp hỏi A-nan: "thầy có thể làm người rót đưa nước cho đại chúng không?", đáp là được, tôn giả Đại Ca-diếp liền bạch nhị yết ma sai như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, cụ thọ A-nan đã làm thị giả cho Phật và đã thọ trì hết pháp tạng. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay sai cụ thọ A-nan làm người rót đưa nước cho Tăng. Bạch như vậy.

Đại đức tăng lắng nghe, cụ thọ A-nan đã làm thị giả cho Phật và đã thọ trì hết pháp tạng. Tăng nay sai làm người rót đưa nước cho Tăng, nếu cụ thọ nào chấp thuận cụ thọ A-nan làm người rót đưa nước cho Tăng thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Tăng sai cụ thọ A-nan làm người rót đưa nước cho Tăng xong rồi, Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Tôn giả lại bảo A-nan: "thầy hãy cùng đại chúng du hành trong nhân gian dần dần đến nước Ma-kiệt-đà, còn tôi thì đi thẳng đến đó trước", nói rồi tôn giả đi đến nước đó trước. Vua Vị sanh oán đối với Phật tin sâu nên khi đang cỡi voi lớn mà thấy Phật từ xa liền nhảy ngay xuống đất, nhờ oai thần của Phật nên vua không bị thương tổn. Lúc đó vua thấy tôn giả Đại Ca-diếp liền nhớ tới Phật nên vội nhảy từ lưng voi xuống, tôn giả dùng thần lực

đỡ vua rồi nói: "đại vương nên biết, Như lai đại sư tâm thường chánh định, còn các đệ tử Thanh văn thì không được như vậy. Nếu không nghiệp niệm quán sát thì không thể biết được việc trước mắt, vì thế từ nay tôi cùng vua lập chế: nếu vua đang cỡi voi hay ngựa mà thấy đệ tử Thanh văn của Như lai thì không nên vội nhảy xuống đất, vua nên bảo trọng thân thể", vua nói: "xin vâng theo lời tôn giả, nhưng khi Phật còn tại thế thì con đích thân cúng dường, nay Phật đã Niết-bàn thì con bày tỏ lòng cung kính nơi đâu, tôn giả chính là nơi để con tôn kính Thế tôn, vì sao, vì giáo pháp Như lai đều ủy thác cho tôn giả", nói rồi vua bảo đại thần cúng dường tứ sự cho tôn giả chớ để thiếu thốn, tôn giả nói: "đại vương nên biết, Phật chứng đại Bồ đề, thành tựu pháp thân tại nước này, nên tôi và chúng tăng muốn ngay tại nước của vua kết tập pháp tạng, dựng ngọn cờ chánh pháp, chúng tăng đang trên đường đến đây", vua nói: "lành thay, con xin cúng dường tứ sự cho Thánh chúng đầy đủ". Sau đó các Thánh chúng đều đến thành Vương xá, vua nghe tin liền ra lịnh đại thần thông báo dân chúng quét dọn sạch sẽ đường sá, vua cùng phi hậu, Thái tử, đại thần mang hương hoa, phướn lọng với các kỹ nhạc ra thành nghinh đón Thánh chúng. Sau khi vào thành, vua liền ở trước Thượng tòa cung kính chắp tay bạch rằng: "kính bạch tôn giả Đại Ca-diếp, hôm nay Thánh chúng đến đây làm lợi ích

cho chúng sanh, con xin cúng dường tứ sự đầy đủ, nhưng con không biết nên ở đâu kết tập pháp tạng?", tôn giả Đại Ca-diếp nói: "nếu kết tập tại Trúc lâm trong thành này thì sợ Tăng bốn phương tụ đến làm ồn náo khiến bị gián đoạn; nếu kết tập trên núi Thứu thì cũng không yên tĩnh, nếu kết tập ở trong hang Tất bát la thì được nhưng lại không có ngọa cụ", vua nói: "nếu tôn giả quyết định chọn chỗ ấy để kết tập thì con xin cúng dường đầy đủ ngọa cụ và các vật cần dùng", tôn giả nói với đại chúng: "vua đã phát tâm cúng dường đầy đủ ngọa cụ và các vật cần dùng cho các Thánh chúng ở trong hang Tất bát la kết tập pháp tạng, vậy chúng ta hãy đi đến đó", lúc đó vua nói với tôn giả Đại Ca- diếp: "khi Thế tôn nhập Niết-bàn, con không được báo trước, con thỉnh tôn giả hãy trụ lâu ở thế gian, khi nào sắp viên tịch xin hãy báo cho con biết trước", tôn giả im lặng nhận lời và suy nghĩ: "trong tiền an cư nên sửa sang phòng xá rồi hậu an cư kết tập". Khi đến trong hang Tất bát la, tôn giả quán tâm của cụ thọ A-nan rồi hỏi cụ thọ A-ni-lư-đà: "trong đại chúng, thầy là người được Thế tôn tán thán, vậy thầy hãy quán xem trong chúng này ai còn ở vị hữu học, còn tham sân si với đủ ái thủ, việc nên làm chưa làm xong?", cụ thọ liền nhập định thứ tư quán trong đại chúng, quán thấy chỉ có A-nan còn ở vị Hữu học, còn bị phiền não trói buộc, việc nên làm chưa làm xong liền bạch cho

tôn giả Đại Ca-diếp biết điều mà mình quán thấy. Tôn giả liền quán đối với A-nan nên an ủi hiểu dụ để điều phục hay là nên quở trách để điều phục, liền quán biết nên quở trách mới được điều phục, tôn giả liền ở trong đại chúng lớn tiếng bảo A-nan: "thầy hãy ra ngoài, thầy không thể cùng kết tập với đại chúng thù thắng này được", A-nan nghe lời này rồi như bị tên bắn vào tim, toàn thân run rẩy và sợ hãi liền nói với tôn giả Đại Ca- diếp: "xin hãy dung thứ cho tôi, tôi không phá giới, phá kiến, phá oai nghi, phá chánh mạng, ở trong Tăng cũng không có trái phạm, vì sao thầy bỗng đuổi tôi ra ngoài?", tôn giả nói: "thầy làm thị giả cho Phật thì làm sao phá giới phá kiến..., việc ấy đâu có hi hữu, nhưng nói ở trong Tăng không có trái phạm thì thầy hãy đem thẻ ra đây, tôi sẽ nêu lỗi của thầy cho thầy tự biết". Cụ thọ A-nan liền đứng dậy đi lấy thẻ, lúc đó ba ngàn đại thiên thế giới liền chấn động ba cách: nhẹ vừa và mạnh; chư thiên trên không trung nói với nhau: "than ôi, tôn giả Đại Ca-diếp có thể nói ra lời chân thật như thế, vì cụ thọ A-nan thân gần hầu hạ Phật nên mới nói lời khe khắt như thế để quở trách nhau". Lúc đó tôn giả Đại Ca-diếp nói với A-nan: "thầy nói ở trong Tăng không có trái phạm, nhưng làm sao lại không có trái phạm được chứ. Thầy biết Thế tôn không chấp thuận cho người nữ có tánh kiêu mạn xuất gia, như Phật nói: "này A-nan, thầy đừng xin cho người nữ xuất gia

thọ Cận viên, vì sao, vì người nữ xuất gia trong giáo pháp của ta thì chánh pháp sẽ không trụ lâu, như ruộng lúa tốt bị sương muối, mưa đá thì sẽ bị hư hoại. Cũng vậy nếu cho người nữ xuất gia thì chánh pháp không trụ lâu". Vậy mà thầy lại cố nài cho người nữ xuất gia, đó chẳng phải là lỗi hay sao?", A-nan nói: "xin hãy dung thứ cho tôi, tôi không có ý khác khi xin chó người nữ xuất gia, chỉ vì Đại thế chủ là di mẫu của Phật, khi sanh Phật ra được bảy ngày thì Thánh mẫu Ma da qua đời, di mẫu dưỡng dục bú mớm Phật cho đến trưởng thành, có ân sâu như vậy làm sao không báo đáp. Lại nữa chư Phật quá khứ đều có bốn chúng nên tôi muốn Thế tôn cũng giống như thế, một là báo ân sâu của di mẫu, hai là nghĩ đến tình thân tộc nên mới xin Phật cho người nữ xuất gia", tôn giả nói: "này A- nan, việc ấy không phải là báo ân mà chính là làm hoại chánh pháp thân, là ở trên ruộng Phật cho sương muối, mưa đá rơi xuống. Đáng lẽ chánh pháp trụ thế đủ một ngàn năm, do thầy nên bị giảm ít lại. Lại nữa, thầy nói nghĩ đến tình thân tộc cũng là phi lý, vì người xuất gia vĩnh viễn từ bỏ ân ái. y lại nói chư Phật quá khứ đều có bốn chúng muốn Thế tôn cũng đồng như vậy, nhưng thời xưa con người sống thiểu dục, tham sân si phiền não đều cạn mỏng nên mới được xuất gia; người thời nay thì không như thế nên Thế tôn mới không chấp thuận, vầy mà thầy cứ cố nài cho Phật chấp thuận.

Đây là lỗi thứ nhất, thầy hãy bỏ xuống một thẻ. Lại nữa, khi Phật nói nếu người nào tu tập nhiều về bốn thần túc thì muốn trụ thế một kiếp hay hơn một kiếp đều được tự tại, tại sao thầy lại không vì chúng sanh mà thỉnh Phật trụ thế một kiếp?", A-nan nói: "tôi thật không có ý khác, chỉ vì lúc đó tôi bị ma che chướng", tôn giả nói: "đây là lỗi lớn, làm sao tha thứ được. Thầy thân gần hầu hạ Thế tôn, tập khí trần lao đều hết sao lại để cho ma che chướng. Đây là lỗi thứ hai, thầy hãy bỏ xuống một thẻ nữa. Lại nữa, khi Thế tôn còn tại thế nói mật dụ, thầy lại ở trước Phật nói rõ việc ấy ra. Đây là lỗi thứ ba, thầy hãy bỏ xuống một thẻ nữa. Lại nữa, khi Thế tôn đưa y màu hoàng kim cho thầy giặt, thầy đã dùng chân đạp lên y để vắt, há không phải là lỗi hay sao?", A-nan nói: "vì lúc đó không có ai khác nên tôi phải dùng chân đạp y để vắt, thật không có ý khinh mạn", Tôn giả nói: "nếu không có người sao thầy không ném lên hư không để chư thiên giúp thầy. Đây là lỗi thứ tư, thầy hãy bỏ xuống một thẻ nữa. Lại nữa, khi Thế tôn sắp đến Song lâm nhập Niết-bàn, khát nước bảo thầy đi lấy nước, thầy đã lấy nước đục dâng, há không phải là lỗi hay sao?", A-nan nói: "khi tôi đến sông Cầu đà lấy nước thì có năm trăm chiếc xe chạy qua làm cho nước sông đục, không thể có được nước trong không phải là lỗi của tôi", tôn giả nói: "sao lúc đó thầy không đưa bát lên hư không để chư thiên rót nước tám công

đức vào bát. Đây là lỗi thứ năm, thầy hãy bỏ xuống một thẻ nữa. Lại nữa, như Phật đã dạy các Bí-sô mỗi nửa tháng thuyết kinh Biệt giải thoát, trong đó có những giới nhỏ thuộc tiểu tùy, khi sắp nhập Niết-bàn, Phật muốn bỏ để các Bí-sô được an lạc trụ, tại sao thầy lại không hỏi Phật trong đó giới nào là giới nhỏ thuộc tiểu tùy, nay Phật không còn để hỏi, biết làm sao đây. Nay nếu thuyết bốn pháp Ba la thị ca, mười ba pháp Tăng già bà thi sa, hai pháp Bất định, ba mươi pháp Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề, chín mươi pháp Ba-dật-đề, bốn pháp Ba la đề đề xá ni và các pháp chúng học thì các giới khác là giới nhỏ thuộc tiểu tùy. Nếu thuyết từ pháp Tha thắng đến bốn pháp Đối thuyết thì các giới khác là giới nhỏ thuộc tiểu tùy. Nếu thuyết từ bốn pháp Tha thắng đến chín mươi pháp Đọa thì các giới khác là giới nhỏ thuộc tiểu tùy. Nếu thuyết từ bốn pháp Tha thắng đến ba mươi pháp Xả đọa thì các giới khác là giới nhỏ thuộc tiểu tùy. Nếu thuyết từ bốn pháp Tha thắng đến mười ba pháp Tăng tàn thì các giới khác là giới nhỏ thuộc tiểu tùy. Nếu thuyết từ bốn pháp Tha thắng đến hai pháp bất định thì các giới khác là giới nhỏ thuộc tiểu tùy. Nếu chỉ thuyết bốn pháp Tha thắng thì các giới khác là giới nhỏ thuộc tiểu tùy, cho nên các Bí-sô không biết giới nào là giới nhỏ thuộc tiểu tùy. Nếu ngoại đạo nghe biết sẽ được dịp phỉ báng nói rằng: "Sa môn Kiều-đáp-ma chế định nghiêm ngặt, khi còn sống

thì các đệ tử Thanh văn hành trì hết tất cả, nhưng sau khi qua đời thì giáo pháp ấy cũng diệt theo. Đối với những giới đã chế, ai thích thì giữ, ai không thích thì bỏ, phần đông là không phụng hạnh theo. Tại sao thầy lại không vì chúng sanh đời sau mà thưa hỏi Thế tôn, thầy đáng tội truy hối", A-nan nói: "tôi không có ý khác, chỉ là vì lúc đó sắp biệt ly Như lai nên tôi rất buồn khổ", tôn giả nói: "dù vậy thầy vẫn có lỗi, thầy thân cận Phật đã lâu, tại sao lại không biết các hành là vô thường để đến nỗi buồn khổ như thế. Đây là lỗi thứ sáu, thầy hãy bỏ xuống một thẻ nữa. Lại nữa, sau khi Phật đã nhập diệt, thầy lại ở trong chúng thế tục, ở trước các người nữ hiện bày tướng âm tàng của Phật", A-nan nói: "tôi không có ý khác, chỉ vì người nữ dục nhiễm hừng thạnh, phiền não trói buộc nếu thấy được âm tàng của Phật thì dục nhiễm liền dứt", tôn giả nói: "thầy không có tuệ nhãn và tha tâm thì làm sao biết được các người nữ sau khi thấy âm tàng của Phật thì sẽ dứt dục nhiễm. Đây là lỗi thứ bảy, thầy hãy bỏ xuống một thẻ nữa. Lại nữa, thầy còn hiện bày thân kim sắc của Phật cho các người nữ thấy, họ nhìn thấy rồi khóc lóc, nước mắt của họ làm ướt bẩn tôn nghi của Phật", A-nan nói: "chỉ vì lúc đó tôi cho là chúng sanh nào thấy được thân kim sắc của Phật thì sẽ phát nguyện được thân tướng như Phật", tôn giả nói: "thầy không có tuệ nhãn và tha tâm thì làm sao biết được chúng sanh

sẽ phát nguyện như vậy. Đây là lỗi thứ tám, thầy hãy bỏ xuống một thẻ nữa. Lại nữa, thầy chưa ly dục mà ở trong chúng đã ly dục thì không được, thầy hãy đi ra, Thánh chúng thù thắng không thể kết tập pháp tạng cùng với thầy được". Sau khi bị kết tám tội Ác tác, cụ thọ A-nan nhìn khắp trong chúng rồi buồn khổ than thở: "khổ thay, sao ta lại đến nông nỗi này, mới lìa xa Thế tôn thì đã không còn nơi nương tựa, không còn ai giúp đỡ, ta biết nói với ai đây", lúc đó chư thiên trên không trung đều tán thán tôn giả Đại Ca-diếp, nói với nhau rằng: "các đại tiên nên biết, thiên chúng tăng thạnh, A-tu-la suy giảm, chánh pháp của Thế tôn sẽ trụ lâu vì đạo lực của đại Thanh văn này gần bằng Phật nên mới có thể đem tám việc kia ra kết tội A-nan. Đức độ của đại Thanh văn ấy chỉ dưới Phật nên tôi biết Phật pháp sẽ bất diệt", lúc đó cụ thọ A-nan nói với tôn giả Đại Ca-diếp: "Đại đức hoan hỉ dung thứ, tôi sẽ như pháp sám tám tội ấy không dám tái phạm. Khi Phật sắp nhập Niết-bàn có dạy tôi rằng: "thầy chớ có buồn khổ, sau khi ta nhập diệt, thầy nên nương theo Đại Ca-diếp tu tập. Nay tôi phạm chút lỗi, lẽ nào thầy lại không dung nạp, xin thầy hãy vâng theo lời dạy của Như lai", tôn giả nói: "thầy chớ buồn khổ, thiện pháp do nơi thầy mà được tăng trưởng không bị hoại diệt, nhưng Thánh chúng không thể kết tập pháp tạng cùng với thầy được, thầy hãy rời khỏi nơi đây", tôn giả A-ni-lư-

đà nói: "nếu không có cụ thọ A-nan thì chúng ta làm sao kết tập pháp tạng?, tôn giả Đại Ca-diếp nói: "tuy cụ thọ A-nan có đủ các đức nhưng chưa thoát ly dục nhiễm sân si, còn ở vị Hữu học, việc nên làm chưa làm xong nên không thể cùng kết tập pháp tạng", tôn giả lại bảo A-nan: "thầy hãy mau ra ngoài và hãy nổ lực làm xong việc cần nên làm, khi nào chứng được quả A-la-hán rồi, lúc ấy Thánh chúng sẽ cùng thầy kết tập pháp tạng". Lúc đó A-nan trong lòng buồn khổ vì vừa xa lìa Như lai lại bị kết tội đuổi ra nên càng thêm áo não, đi đến trong tụ lạc Tăng thắng kết hạ an cư và thuyết giảng diệu pháp cho bốn chúng, chọn một đồng tử trong hạ an cư làm thị giả. Đồng tử này suy nghĩ: "Ô-ba-đà-da của ta là bậc hữu học ly dục hay là bậc vô học ly dục, ta nên nhập định tương ưng để quán sát", nghĩ rồi liền nhập định quán sát và quán biết A-nan là bậc hữu học ly dục, đồng tử xuất định rồi đến chỗ A-nan, đứng một bên nói kệ:

*"Nên ngồi yên tịnh dưới gốc cây,*
*Nhất tâm chánh niệm Niết-bàn cung,*
*Cẩn thận chuyên tu tập thiền quán,*
*Không bao lâu nữa được viên tịch".*

A-nan nghe đồng tử nói yếu nghĩa rồi liền chuyên tâm thiền quán đào luyện tâm ngay cả lúc đi hay ngồi. Lúc đó vào đầu đêm, A-nan dù đi hay ngồi đều nhất tâm trừ các chướng pháp; giữa đêm rửa chân vào phòng nằm nghỉ, vừa nằm nghiêng

bên phải, hai gót chân chồng lên nhau, khởi tưởng ánh quang minh, tác ý thức dậy, đầu chưa chạm gối liền trừ hết các lậu tâm, được tâm giải thoát, chứng quả A-la-hán thọ giải thoát lạc. Tôn giả A-nan liền đi đến chỗ Thánh chúng kết tập ở thành Vương xá, Thánh chúng sau khi biết A-nan đã chứng quả đều tán thán là bậc đại trượng phu. Lúc đó tôn giả Đại Ca-diếp nói với đại chúng: "các vị nên biết, vị lai sẽ có những Bí-sô độn căn, tâm tán loạn nếu không có nhiếp tụng thì đối với kinh luật luận sẽ không thể đọc tụng thọ trì. Thế nên, chúng ta nên kết tập trước kệ tụng tóm lược tương ưng với sự việc, sau đó mới kết tập kinh luật luận", các Bí-sô đều nhất trí kết tập nhiếp tụng trước, sau khi kết tập nhiếp tụng xong lại hỏi tôn giả Đại Ca-diếp trong ba tạng nên kết tập tạng nào trước, đáp là kết tập kinh tạng trước. Lúc đó Thánh chúng thỉnh tôn giả Đại Ca-diếp lên ngồi tòa sư tử, tôn giả ngồi rồi hỏi tôn giả A-nan: "cụ thọ có thể làm người kết tập những kinh mà Như lai đã thuyết hay không?", đáp là có thể, tôn giả liền tác pháp yết ma sai như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, cụ thọ A-nan này có thể kết tập những kinh mà Như lai đã thuyết. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay sai cụ thọ A-nan làm người kết tập những kinh mà Như lai đã thuyết. Bạch như vậy.

Đại đức tăng lắng nghe, cụ thọ A-nan này có thể kết tập những kinh mà Như lai đã thuyết, Tăng

nay sai cụ thọ A-nan làm người kết tập những kinh mà Như lai đã thuyết, cụ thọ nào chấp thuận cụ thọ A-nan làm người kết tập những kinh mà Như lai đã thuyết thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Tăng đã chấp thuận sai cụ thọ A-nan làm người kết tập những kinh mà Như lai đã thuyết xong rồi, Tăng chấp thuận vì im lạng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Khi tôn giả A-nan sắp kết tập kinh, năm trăm A-la-hán đều lấy Tăng-già-lê trải lên tòa cao, A-nan nhìn khắp bốn phía, khởi tâm từ bi đến các hữu tình, khởi tâm tôn trọng chánh pháp và tâm cung kính đối với các vị đồng phạm hạnh, hữu nhiễu tòa cao rồi đảnh lễ, kế y pháp kính lễ Thượng tòa rồi bước lên tòa ngồi ngay thẳng quán tâm của Thánh chúng như biển lớn sâu thẳm yên tĩnh, suy nghĩ: "những kinh mà chính ta được nghe từ Phật nói hoặc nghe nói lại hoặc ở cung rồng hoặc ở trên cõi trời, ta đều thọ trì không quên, ta nên kết tập lại". Lúc đó chư thiên trên không trung nói với nhau: "các vị nên biết tôn giả A-nan sắp kết tập những kinh mà Phật đã thuyết, chúng ta nên nhất tâm lắng nghe", có thiên tử nói kệ:

*"Ai kiến lập diệu pháp,*
*Lợi ích ba ngàn cõi,*
*Đối Thánh pháp không sợ,*
*Cũng như Sư tử rống.*
*Các vị hãy chí thành,*

*Nghe thuyết pháp vi diệu,*
*Người nào muốn an lạc,*
*Biết nghĩa chân thật này".*

Tôn giả Đại Ca-diếp nói kệ bảo A-nan:

*"Cụ thọ hãy tuyên thuyết lời Phật,*
*Pháp tối thượng trong tất cả pháp,*
*Tất cả pháp Đại sư đã nói,*
*Để làm lợi ích cho quần sanh".*

Lúc đó tôn giả A-nan nghe nói đến Đại sư liền sanh tâm luyến mộ, quay đầu về phía Phật nhập Niết-bàn rồi chắp tay nói với giọng thật rõ ràng rằng:

Tôi nghe như vầy: một thời Bạc-già-phạm tại vườn Thi lộc, chỗ Tiên nhơn đọa xứ thuộc thành Bà-la-nê-tư bảo năm vị Bí-sô rằng: đây là Khổ thánh đế, đối với pháp đã nghe này mà như lý tác ý thì có thể sanh nhãn trí minh giác... nói đầy đủ như trong kinh Tam chuyển pháp luân.

Tôn giả Kiều trần như nghe rồi liền nói với tôn giả Đại Ca-diếp: "diệu pháp này chính tôi được nghe từ Phật, Phật đã từ bi thuyết giảng cho tôi. Do năng lực của kinh này đã làm cho tôi khô cạn biển máu lệ, vượt qua núi xương, đóng bít cửa của đường ác Vô gián, khéo mở đường thiên cung giải thoát. Lúc đó tôi được xa lìa trần cấu, chứng được pháp nhãn thanh tịnh cùng tám vạn chư thiên đều được lợi ích", chư thiên trên không trung và các

Bí-sô chưa ly dục nghe lời nói này đều rất đau buồn, như bị ngàn mũi tên bắn vào tim, đồng thanh kêu khóc nói khổ thay rồi nói kệ:

*"Họa thay thế gian này,*
*Vô thường không phân biệt,*
*Phá hoại kho tàng báu,*
*Làm khô biển công đức.*
*Chính tôi ở chỗ Phật,*
*Nghe pháp giải thoát này,*
*Nay lại ở nơi đây,*
*Nghe lại lời Như lai".*

Nói kệ rồi lại than thở: "họa thay sức mạnh của vô thường đã hoại con mắt của thế gian", lúc đó tôn giả Kiều trần như rời khỏi tòa ngồi quỳ lên, các A-la-hán thấy vậy cũng rời khỏi tòa quỳ lên cùng than thở: "họa thay sức mạnh của vô thường, vì sao chính chúng ta nghe Phật thuyết kinh này, nay chỉ còn nghe nói lại", liền nói kệ:

*"Bậc tôn của Bát bộ đã mất,*
*Sao chúng ta lại không nhập diệt,*
*Không còn Phật, thế gian trống rỗng,*
*Ai sẽ làm đời này thăng hoa?"*

Lúc đó các A-la-hán đều nhập đệ tứ thiền, dùng nguyện lực quán sát thế gian rồi xuất định hỏi tôn giả A-nan: "thầy vì pháp mà đến?", A- nan nói: "tôi vì pháp mà đến, các thầy cũng đến vì pháp", đáp là phải. Tôn giả Đại Ca-diếp suy nghĩ: "ta đã kết tập kinh mà Phật đã thuyết đầu tiên, không bị các vị

đồng phạm hạnh chống đối, cũng không bị chê trách, như vậy liền biết kinh này thật là lời Phật dạy", tôn giả lại hỏi A-nan: "Thế tôn thuyết kinh thứ hai ở đâu?", đáp: "Thế tôn cũng thuyết tại thành Bà-la-nê-tư", lại hỏi thuyết cho ai, đáp là thuyết cho năm Bí-sô, lại hỏi là thuyết như thế nào, đáp: "Thế tôn thuyết như vầy: này các Bí-sô, nên biết có Tứ thánh đế, đó là khổ, tập, diệt đạo thánh đế. Khổ thánh đế gồm có sanh khổ, bịnh khổ, lão khổ, tử khổ, ái biệt ly khổ, oán tắng hội khổ, cầu bất đắc khổ; nếu nói tóm lược thì khổ chính là khổ về năm thủ uẩn. Khổ Tập thánh đế chính là hỉ ái cùng hiện hành tùy chỗ sanh nhiễm; Khổ Diệt thánh đế chính là đối với hỉ ái cùng hiện hành tùy chỗ sanh nhiễm để thọ thân sau thảy đều trừ diệt hết, nhiễm ái đều đứt liền chứng Niết-bàn. Khổ diệt đạo thánh đế chính là bát chánh đạo: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Đây là con đường đưa đến Diệt thánh đế. Tôn giả Kiều trần như vừa nghe xong pháp này, tâm liền giải thoát khỏi các lậu hoặc, còn bốn Bí-sô kia được xa lìa trần cấu, chứng pháp nhãn thanh tịnh", lúc đó tôn giả Kiều trần như nói với tôn giả Đại Ca-diếp: "chính tôi được nghe pháp này từ Phật, vừa nghe xong tâm tôi liền giải thoát khỏi các lậu hoặc, còn bốn Bí-sô kia được xa lìa trần cấu, chứng pháp nhãn thanh tịnh". Tôn giả Đại Ca-diếp suy nghĩ: "ta đã kết tập

kinh thứ hai mà Phật đã thuyết, không bị các vị đồng phạm hạnh chống đối, cũng không bị chê trách, như vậy liền biết kinh này thật là lời Phật dạy", tôn giả lại hỏi A-nan: "Thế tôn thuyết kinh thứ ba ở đâu?", đáp: "Thế tôn cũng thuyết tại thành Bà-la-nê-tư", lại hỏi thuyết cho ai, đáp là thuyết cho năm Bí-sô, lại hỏi là thuyết như thế nào, đáp: "tôi nghe như vầy: một thời Bạc-già-phạm tại vườn Thi lộc, chỗ Tiên nhơn đọa xứ thuộc thành Bà-la-nê-tư, Thế tôn bảo năm Bí-sô: "các Bí-sô nên biết, sắc không phải là ngã, nếu sắc là ngã thì sắc sẽ không bị bịnh và chịu các khổ não; ta muốn sắc như vầy, ta không muốn sắc như vầy, nhưng sắc lại không theo ý muốn của ta. Thế nên biết sắc không phải ngã; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy". Phật lại hỏi năm Bí-sô: "Ý các thầy nghĩ sao, sắc là thường hay vô thường?", đáp là vô thường, Phật lại hỏi: "nếu sắc là vô thường thì đó là khổ hay không khổ?", đáp là khổ, Phật lại hỏi: "nếu sắc là vô thường, khổ tức là biến hoại thì người đệ tử đa văn có chấp sắc là ngã, ngã có các sắc, sắc thuộc ngã và ngã ở trong sắc hay không?", đáp là không. Phật lại hỏi: "Ý các thầy nghĩ sao, thọ tưởng hành thức là thường hay vô thường?", đáp là vô thường, Phật lại hỏi: "nếu thọ tưởng hành thức là vô thường thì đó là khổ hay không khổ?", đáp là khổ, Phật lại hỏi: "nếu thọ tưởng hành thức là vô thường, khổ tức là biến hoại thì người đệ tử đa văn có chấp thọ...

thức là ngã, ngã có thọ... thức, thọ... thức thuộc ngã và ngã ở trong thọ... thức hay không?", đáp là không, Phật nói: "vì thế nên biết, các loại sắc quá khứ hay vị lai hay hiện tại hoặc ở trong, ở ngoài, hoặc thô hay tế, hoặc thù thắng hay hạ liệt, hoặc gần hay xa... đều không phải là ngã, ngã sở hữu, sắc không thuộc ngã và ngã không ở trong sắc. Này các Bí-sô, nên quán sát kỹ sắc, thọ, tưởng, hành, thức ấy bằng chánh trí; nếu đệ tử Thanh văn của ta quán năm thủ uẩn này là vô ngã, không có ngã sở hữu, liền biết là không có năng sở để chấp thủ, cũng không bị chuyển biến theo mà được tự giác ngộ, chứng Niết-bàn, hiểu rõ: sanh tử đã tận, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không thọ thân sau. Khi Phật thuyết xong kinh này, cả năm Bí-sô đều được giải thoát các lậu hoặc". Tôn giả Đại Ca-diếp suy nghĩ: "ta đã kết tập kinh thứ ba mà Phật đã thuyết, không bị các vị đồng phạm hạnh chống đối, cũng không bị chê trách, như vậy liền biết kinh này thật là lời Phật dạy". Sau đó tôn giả A-nan tuần tự nói lại hết các kinh pháp mà Phật đã thuyết hoặc ở tại vương cung, hoặc tại tụ lạc, thành ấp... Các A-la-hán cùng kết tập nhưng kinh tương ưng với năm uẩn thì xếp vào phẩm Uẩn; những kinh tương ưng với sáu xứ, mười tám giới thì xếp vào phẩm Xứ giới; những kinh tương ưng với duyên khởi thánh đế thì xếp vào phẩm Duyên khởi; những kinh do Thanh văn nói thì xếp vào phẩm Thanh văn; những

kinh do Phật nói thì xếp vào phẩm Phật; những kinh tương ưng với niệm xứ, chánh cần, thần túc, căn, lực, giác, đạo thì xếp vào phẩm Thánh đạo; kinh tương ưng với kệ tụng thì gọi là kinh Tương ưng A Cấp ma ( Tương ưng xưa dịch là Tạp ); kinh dài, nói dài thì gọi là kinh Trường A Cấp ma; kinh vừa, nói vừa thì gọi là kinh Trung A Cấp ma; kinh nói một vấn đề, hai vấn đề cho đến mười vấn đề thì gọi là kinh Tăng nhất A Cấp ma. Lúc đó tôn giả Đại Ca-diếp nói với tôn giả A-nan: "kinh tạng ngoài những kinh A Cấp ma ra thì không còn có kinh nào khác", nói rồi liền bước xuống tòa nói với đại chúng: "các vị nên biết, đã cùng kết tập xong những kinh mà Phật đã thuyết, kế tiếp là kết tập Tỳ-nại-da". Lúc đó trong chúng chỉ có tôn giả Ưu-ba-ly là người thông suốt duyên khởi của Tỳ-nại-da, tôn giả Đại Ca-diếp lên tòa bạch chúng: "các vị nên biết, cụ thọ Ưu-ba-ly thông suốt Tỳ-nại-da, được Phật thọ ký là bậc trì luật đệ nhất, nay tôi thỉnh vị ấy làm người kết tập Tỳ-nại-da", nói rồi liền hỏi Ưu-ba-ly: "cụ thọ có thể làm người kết tập Tỳ-nại-da mà Như lai đã chế định hay không?", đáp là có thể, tôn giả liền bạch nhị yết ma sai như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, cụ thọ Ưu-ba-ly này có thể kết tập Tỳ- nại-da mà Như lai đã chế định. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay sai cụ thọ Ưu-ba-ly làm người kết

tập Tỳ-nại-da mà Như lai đã chế định. Bạch như vậy.

Văn yết ma chuẩn theo văn tác bạch, yết ma xong tôn giả Đại Ca-diếp xuống tòa để cho tôn giả Ưu-ba-ly bước lên tòa sư tử kết tập Tỳ-nại-da.

-oOo-

# CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA TẠP SỰ

## QUYỂN 40

### 10. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ tám (tiếp theo) việc Ngũ bách kiết tập và Thất bách kiết tập:

Lúc đó, tôn giả Đại Ca-diếp hỏi Ưu-ba-ly: "Thế tôn chế học xứ thứ nhất ở đâu?", tôn giả Ưu-ba-ly đáp với giọng rõ ràng: "Thế tôn chế tại thành Bà-la-nê-tư", lại hỏi vì ai mà chế, đáp là vì năm Bí-sô mà chế, lại hỏi là chế như thế nào, đáp: "chế như vầy: mặc nội y tề chỉnh, không quá cao cũng không quá thấp, cần nên học", các A-la-hán nghe xong đều nhập đệ tứ thiền, dùng nguyện lực quán sát thế gian rồi xuất định. Tôn giả Đại Ca-diếp suy nghĩ: "ta đã kết tập học xứ mà Phật đã chế đầu tiên, không bị các vị đồng phạm hạnh chống đối, cũng không bị chê trách, như vậy liền biết học xứ này thật là lời Phật dạy", tôn giả lại hỏi Ưu-ba-ly: "Thế tôn chế học xứ thứ hai ở đâu?", đáp: "Thế tôn cũng chế tại thành Bà-la-nê-tư", lại hỏi vì ai mà chế, đáp là vì năm Bí-sô mà chế, lại hỏi là chế như thế nào,

đáp: "chế như vầy: mặc ba y tề chỉnh, cần nên học", các A-la-hán nghe rồi đều nhập đệ tứ thiền, dùng nguyện lực quán sát thế gian rồi xuất định, tôn giả Đại Ca-diếp suy nghĩ: "ta đã kết tập học xứ thứ hai... như trên", tôn giả lại hỏi Ưu-ba-ly: "Thế tôn chế học xứ thứ ba ở đâu?", đáp: "Thế tôn chế tại Yết lan đạc ca", lại hỏi vì ai mà chế, đáp là vì Bí-sô Tô trận na, con của Yết lan đạc ca, lại hỏi là chế như thế nào, đáp: "chế như vầy: Bí-sô nào đã thọ cấm giới đối với Bí-sô khác cho đến cùng với loài súc sanh hành dâm thì phạm Ba la thị ca, không được ở chung", các A-la-hán nghe xong đều nhập đệ tứ thiền, dùng nguyện lực quán sát thế gian rồi xuất định; tôn giả Đại Ca-diếp cũng suy nghĩ như trên. Sau đó tôn giả Ưu-ba-ly tuần tự nói lại hết các học xứ mà Phật đã chế cho các Bí-sô hoặc ở tại vương cung, hoặc tại tụ lạc thành ấp... Các A-la-hán cùng kết tập gọi đây là pháp Ba la thị ca, đây là pháp Tăng già bà thi sa, đây là hai pháp Bất định, đây là ba mươi pháp Xả đạo, chín mươi pháp Ba-dật-đề, bốn pháp Ba la đề đề xá ni, Chúng học pháp, bảy pháp diệt tránh; đây là chế đầu tiên, đây là tùy chế, đây là định chế, đây là tùy khai; pháp xuất gia như vậy, pháp thọ Cận viên như vậy, các pháp đơn bạch yết ma, bạch nhị yết ma, bạch tứ yết ma như vậy; nên độ như vậy, không nên độ như vậy; tác pháp Bao-sái-đà như vậy, tác pháp an cư như vậy, tác pháp Tùy ý như vậy... cho đến tạp sự.

Sau khi kết tập xong Tỳ-nại-da, tôn giả Ưu-ba-ly xuống tòa, tôn giả Đại Ca-diếp suy nghĩ: "người đời sau trí kém căn độn, theo văn để hiểu thì không thể hiểu được nghĩa sâu xa, ta nên tự nói Ma thất lị ca để làm rõ nghĩa của kinh luật", nghĩ rồi tôn giả liền bạch Tăng, sau khi Tăng đã chấp thuận, tôn giả lên tòa bạch rằng: "tôi xin tự nói về Ma thất lý ca (luận), đối với nghĩa đã hiểu muốn hiển bày cho rõ, đó là Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ như ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất bồ đề phần, Bát chánh đạo phần, Tứ vô úy, Tứ vô ngại giải, Tứ quả Sa môn, Tứ pháp cú, Vô tránh nguyện trí, Định biên tế, không, vô tướng, vô nguyện, tạp tu các định, chánh nhập hiện quán, thế tục trí, Chiêm ma tha, Tỳ bát xá na, pháp Tập, pháp Uẩn... gọi chung là Ma thất lý ca", các A-la-hán nghe xong đều nhập đệ tứ thiền, dùng nguyện lực quán sát thế gian rồi xuất định... giống như đoạn văn trên. Như vậy, đây là Tô đát la (kinh), đây là Tỳ-nại-da (luật), đây là A tỳ đạt ma (luận) đều là chân thật lời Phật dạy đã được kết tập xong.

Lúc đó Địa hành Dược xoa xướng rằng: "các vị nên biết, chư Thánh chúng gồm năm trăm vị A-la-hán, Thánh giả Đại Ca-diếp làm thượng thủ đã kết tập xong tam tạng Thánh giáo của Như lai; do đây chư thiên tăng thạnh, A-tu-la giảm ít", Không hành Dược xoa lại thông báo lên cõi trời Tứ thiên vương, triển chuyển thông báo như thế lên tới cõi trời sắc

cứu cánh. Lần kết tập này gồm có năm trăm vị A-la-hán nên được gọi là Ngũ bách kết tập, tôn giả Đại Ca-diếp nói kệ:

*"Thánh chúng kết tập giáo Pháp vương,*
*Đều vì thương xót các chúng sanh,*
*Lời Phật đã dạy nhiều vô lượng,*
*Nay đều kết tập không bỏ sót,*
*Thế gian phàm ngu không hiểu biết,*
*Vì làm đèn sáng trừ tối tăm".*

Tôn giả lại suy nghĩ: "kết tập xong ba tạng Thánh giáo, ta nay dùng định lực quán sát thì quán thấy giáo pháp mà Thế tôn đã thuyết được trụ lâu trong thế gian. Việc nên làm ta đều đã làm xong theo lời Như lai dạy, ta cũng đã phụng hành đúng theo chánh đạo của Thế tôn, như vậy là đã báo đáp được một phần nhỏ từ ân của Phật. Ai có thể báo đáp hết ân đức của Phật được chứ, giáo pháp của Thế tôn đại sư để lại là làm lợi ích quần sanh nay đã kết tập xong. Ta cách xa Đại sư đã lâu, không còn nơi nương tựa, ta mang thân năm uẩn hôi hám này cũng đã mệt mỏi, thời Niết-bàn đã đến, ta không nên lưu lại lâu", nghĩ rồi lại nói kệ:

*"Ta đã kết tập giáo pháp Phật,*
*Muốn cho chánh pháp được tăng trưởng,*
*Trụ lâu làm lợi ích thế gian,*
*Giúp chúng sanh thoát ly các hoặc,*
*Người không hổ thẹn đã điều phục,*
*Người biết hổ thẹn được nhiếp thọ,*

*Việc làm lợi ích được viên mãn,*
*Nay ta nên hướng tới viên tịch".*

Tôn giả Đại Ca-diếp bảo tôn giả A-nan: "thầy có biết không, Thế tôn đem giáo pháp phó chúc cho ta rồi nhập Niết-bàn; nay ta sắp nhập Niết-bàn nên chuyển giao đại pháp này lại cho thầy, thầy nên khéo hộ trì. Sau khi ta diệt độ, tại thành Vương xá có vợ thương chủ sanh được một bé trai, khi mới sanh ra đã được bao bọc trong tấm vải Xa-nạch-ca, nên được đặt tên là Xa-nạch-ca (tên một loại cây bố gai có thể dệt thành vải, xưa dịch là Thương na hòa tu). Thời gian sau, người con trai này ra biển tìm trân bảo được bình an trở về, sau khi thiết hội cúng dường trong đại hội Phật đà năm năm liền ở trong Phật giáo xuất gia, thầy nên chuyển giao giáo pháp lại cho người ấy", nói xong tôn giả lại nghĩ: "Thế tôn đại bi tu khổ hạnh là chân thiện hữu, được trang nghiêm bằng vô lượng công đức, tùy chỗ nào có di thân xá lợi của Phật, ta đều nên đến đó cung kính cúng dường rồi nhập Niết-bàn", nghĩ rồi liền dùng thần thông lực đi đến bốn tháp lớn thờ Phật ở bốn nơi là nơi đản sanh, nơi thành đạo, nơi chuyển pháp luân và nơi nhập Niết-bàn; tôn giả cũng đến các tháp thờ xá lợi Phật khác, lại đến trong cung rồng cúng dường Phật nha và cuối cùng lên cõi trời Tam thập tam muốn lễ kính Phật nha, vua trời Đế thích hỏi tôn giả nguyên do, tôn giả nói: "tôi muốn lên cúng dường Phật nha lần cuối cùng", chư thiên

nghe lời nói này rồi thảy đầu buồn bã, vua trời Đế thích đưa Phật nha cho tôn giả, tôn giả để trong lòng bàn tay, mắt nhìn không nháy rồi để trên đầu, sau đó rãi hoa Mạn đà la... lên Phật nha để cúng dường. Sau khi thuyết pháp cho vua trời Đế thích và chư thiên xong, tôn giả ẩn mất khỏi núi Tu di và hiện trở lại trong thành Vương xá. Lúc đó tôn giả chợt nhớ đến lời hứa với vua Vị sanh oán nên đi đến vương cung nói với người giữ cửa: "ngươi hãy vào thông báo với vua là có tôn giả Đại Ca-diếp đang ở ngoài cửa muốn gặp", người giữ cửa vào báo thì thấy vua đang ngủ say nên trở ra nói với tôn giả là vua đang ngủ, tôn giả bảo hãy vào đánh thức vua dậy, người giữ cửa nói: "tánh vua bạo ác khó thể xúc phạm, nếu tôi gọi sợ vua nổi giận sẽ ra lịnh giết tôi", tôn giả nói: "nếu vậy thì đợi khi vua thức dậy nên báo lại với vua là có tôn giả Đại Ca-diếp sắp nhập Niết-bàn nên đến từ biệt vua". Nói rồi tôn giả đi vào núi Kê túc, trải cỏ ngồi giữa ba ngọn núi nghĩ rằng: "ta nên đắp y phấn tảo của Thế tôn ban cho, dùng định lực bảo trì thân xác đợi đến khi Bồ-tát Từ thị hạ sanh. Vị Phật này sẽ chỉ bày thân ta cho các đệ tử thấy để họ sanh tâm nhàm lìa", nghĩ rồi liền nhập định, ba ngọn núi chụm lại như mật thất làm cho thân không hư hoại. Tôn giả lại tác ý: "nếu vua Vị sanh oán đến đây thì núi sẽ mở ra cho vua nhìn thấy, vì nếu vua không được nhìn thấy thân ta, vua sẽ hộc máu mà chết", tác ý rồi liền

nhập định xả thọ mạng, lúc đó trời đất chấn động, sao xẹt trên không trung, bốn phương đều rực sáng, trống trời tự nhiên vang động khắp hư không. Tôn giả vọt thân lên không trung hiện các thần biến hoặc phun nước hoặc nổi lửa, nổi mây, tuôn mưa lớn... rồi hiện trở xuống vào trong thất đá nằm nghiêng bên phải, chồng hai gót chân lên nhau và nhập Niết-bàn vô dư. Lúc đó Thích Phạm chư thiên nghe thấy trời đất chấn động liền quán biết tôn giả Đại Ca-diếp đã nhập Niết-bàn nên cùng các quyến thuộc chư thiên mang hương hoa trời đến rãi trên thân tôn giả để cúng dường, chư thiên cúng dường xong thì ba ngọn núi chụm lại che kín, chư thiên sầu não nói với nhau: "Phật vừa nhập Niết-bàn, chúng ta chưa hết đau buồn, nay lại đau buồn thêm. Chư thiên cựu trụ ở hang Tất bát la chỉ còn cái tên rỗng mà thôi vì thắng pháp đã đi theo tôn giả hết rồi, nước Ma-kiệt-đà không còn quang huy nữa, chúng sanh bị nghèo cùng vì ruộng phước không còn, tất cả thiện pháp đều mất hết vì vị giác ngộ thứ hai đã nhập Niết-bàn. Không lẽ núi pháp sẽ sụp đổ, thuyền pháp sẽ bị lật chìm, đại thọ pháp bị ngã, biển pháp sẽ khô cạn, chúng ma sẽ hoan hỉ, chánh pháp giáo hóa chúng sanh đã có và những việc làm lợi ích sẽ ẩn mất", nói rồi cùng biến mất. Lúc đó vua Vị sanh oán nằm mộng thấy kèo cột trong cung điện đều gãy đổ nên giật mình thức dậy, người giữ cửa thấy vua đã thức liền tâu lại lời của tôn giả Đại

Ca-diếp nói, vua nghe rồi liền ngất ngã ra đất, cận thần rưới nước cho vua tỉnh lại. Sau đó vua đến trong Trúc lâm gặp tôn giả A-nan, đảnh lễ rồi khóc lớn nói: "con nghe tôn giả Đại Ca-diếp đã nhập Niết-bàn", tôn giả A-nan cùng vua đi đến núi Kê túc chỉ chỗ tôn giả Đại Ca-diếp nhập Niết-bàn, thần đại Dược xoa mở ba ngọn núi ra cho vua nhìn thấy di thể với hương hoa của chư thiên cúng dường, vua thấy rồi liền khóc lớn và ngất ngã ra đất như đại thọ bị đứt gốc. Lát sau tỉnh lại vua muốn đi tìm củi, tôn giả A-nan hỏi vua nhặt củi làm gì, đáp là muốn hỏa thiêu, tôn giả A-nan nói: "vua chớ nói lời này, di thân này là do định lực của tôn giả bảo trì để đợi đến khi Bồ-tát Từ thị hạ sanh. Phật ấy sẽ cùng chín mươi sáu câu chi Thanh văn tùy tùng đến đây, chỉ bày di thể tôn giả cho các đệ tử Thanh văn và nói rằng: "đây là Đại Ca-diếp, đệ tử thượng thủ của Phật Thích ca Mâu ni, là bậc thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà đệ nhất. Những pháp do Phật Thích ca Mâu ni nói ra đều được vị này kết tập để kiến lập pháp nhãn". Phật ấy lại chỉ y Tăng-già-lê của tôn giả và nói rằng: "đây là y Tăng-già-lê mà Phật Thích ca Mâu ni Ứng chánh đẳng giác đã từng mặc", các Thanh văn nghe rồi liền tinh tấn tu hạnh thiểu dục tri túc, hành hạnh đầu đà và đều chứng quả A-la-hán. Thế nên vua không thể hỏa thiêu, chỉ có thể xây tháp lên trên". Sau khi vua rời khỏi, ba ngọn núi chụm lại như cũ, sau đó vua cho xây tháp

lên trên và bạch tôn giả A-nan: "con không được nhìn thấy Phật nhập Niết-bàn, cũng không được nhìn thấy tôn giả Đại Ca-diếp nhập Niết-bàn, khi nào tôn giả nhập Niết-bàn xin cho con được thấy", tôn giả nhận lời. Lúc đó Xa-nạch-ca từ biển lớn bình an trở về, sau khi sắp xếp hàng hóa xong liền đến trong Trúc lâm, thấy tôn giả A- nan đang kinh hành trước cửa hương đài, ông liền đến đảnh lễ và bạch rằng: "con từ biển lớn bình an trở về là nhờ năng lực của Tam bảo, con nay muốn ở trong đại hội Phật đà năm năm cúng dường Phật và tăng, Thế tôn hiện đang ở đâu?", đáp là Phật đã nhập Niết-bàn, Xa-nạch-ca nghe rồi liền ngất ngã ra đất, sau khi được rưới nước tỉnh lại liền hỏi: "tôn giả Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên và Đại Ca-diếp hiện đang ở đâu?", đáp là đều đã nhập Niết-bàn, Xa-nạch-ca nghe rồi rất đau buồn. Sau khi cùng dường đại hội xong, tôn giả A-nan nói với Xa-nạch-ca: "ở trong bốn nhiếp pháp, con đã hành xong tài nhiếp, nay con nên hành pháp nhiếp", Xa-nạch-ca hỏi: "con phải làm thế nào?", đáp là nên xuất gia trong Phật pháp, Xa-nạch-ca bằng lòng xuất gia, tôn giả A-nan cho xuất gia và thọ Cận viên. Bí-sô Xa-nạch-ca rất thông minh, vừa nghe qua một lần liền lãnh thọ được hết, không bao lâu sau thọ trì hết tám vạn pháp uẩn mà tôn giả A-nan đã thọ trì từ Phật. Khi tôn giả A-nan cùng các Bí-sô ở trong Trúc lâm bỗng nghe một Bí-sô đọc kệ:

*"Người nào sống trăm năm,*
*Không thấy thủy bạch hạc,*
*Không bằng sống một ngày,*
*Được thấy thủy bạch hạc".*

Tôn giả liền nói với Bí-sô ấy rằng: "thầy đọc kệ này không phải là lời của đại sư nói, Thế tôn đã nói như vầy:

"Người nào sống trăm năm, Không hiểu pháp sanh diệt, Không bằng sống một ngày, Hiểu được pháp sanh diệt".

Thầy nên biết trên đời có hai hạng người thường phỉ báng Thánh giáo:

*"Tánh bất tin, nhiều sân,*
*Tin nhưng hiểu điên đảo,*
*Vọng chấp nơi nghĩa kinh,*
*Như voi lún bùn sâu.*
*Kẻ ấy tự hại mình,*
*Vì không có trí huệ,*
*Nghe hiểu sai, vô ích,*
*Nên biết như thuốc độc.*
*Vì thế những người trí,*
*Nghe rồi hành trì đúng,*
*Trừ dần phiền não hoặc,*
*Chứng được quả Ly hệ".*

Bí-sô này nghe rồi liền nói lại với thầy, vị thầy nói:

*"A-nan già lú lẫn,*

*Không còn nhớ như xưa,*
*Lời nói ra sai nhiều,*
*Không cần phải tin theo,*
*Cứ đọc tụng như cũ".*

Sau đó tôn giả A-nan vẫn nghe Bí-sô ấy đọc sai bài kệ liền nói:

"ta đã bảo thầy Thế tôn không có nói kệ như vậy, vì sao thầy vẫn còn đọc như cũ", Bí-sô đem lời của thầy mình nói lại cho tôn giả nghe, tôn giả nghe rồi suy nghĩ: "Bí-sô này được chính ta dạy bảo mà vẫn không nghe theo, biết làm sao đây. Cho dù có tôn giả Xá-lợi-phất, Đại Mục- kiền-liên, Đại Ca-diếp ở đây thì cũng vậy mà thôi, cầu mong nhờ căn lực từ thiện của Như lai sẽ làm cho pháp nhãn trụ thế ngàn năm", tôn giả cảm thán liền nói kệ:

*"Các tôn túc đã mất,*
*Người trẻ không sánh bằng,*
*Còn mình ta lẻ loi,*
*Như chim nằm trong trứng,*
*Thân thuộc xưa không còn,*
*Pháp lữ cũng mất theo.*
*Trong các hàng tri thức,*
*Niệm định là hơn hết,*
*Ngọn đèn trong thế gian,*
*Chiếu sáng trừ tối tăm,*
*Phá trừ ngu si hoặc,*
*Bậc ấy đã không còn.*
*Kẻ cần dạy quá nhiều,*

*Người dạy chỉ có một,*
*Như ngọn tháp lẻ loi,*
*Rừng tàn còn một cây".*

Lúc đó tôn giả A-nan bảo Bí-sô Xa-nạch-ca: "tôn giả Đại Ca- diếp chuyển giao giáo pháp của Thế tôn cho ta rồi nhập Niết-bàn, nay ta chuyển giao lại cho con rồi diệt độ, con nên thủ hộ và nên đến nước Mạt độ la tại núi Mâu luận đồ xây dựng trú xứ. Trong nước này có con của một trưởng giả được Thế tôn thọ ký là sẽ làm chủ chùa, lại có người bán hương tên là Cấp đa, con trai của người này tên là Ô-ba-cấp-đa, con hãy độ cho xuất gia vì Thế tôn thọ ký cho Ô-ba-cấp-đa-là Phật không có tướng hảo, sau khi ta Niết-bàn khoảng một trăm năm, người này sẽ làm nên Phật sự lớn", Bí-sô Xa-nạch-ca đáp: "xin vâng lời Thân giáo sư dạy", tôn giả nói: "con hãy báo cho vua biết là ta nhập Niết-bàn", tôn giả lại suy nghĩ: "nếu ta nhập Niết-bàn tại đây, vua Vị sanh oán bất hòa với thành Quảng nghiêm thì sẽ không được chia xá lợi; nếu ta nhập Niết-bàn trong thành Quảng nghiêm thì vua Vị sanh oán cũng không được chia xá lợi, vậy ta nên diệt độ giữa sông Hằng", nghĩ rồi tôn giả liền đi đến sông Hằng. Lúc đó vua Vị sanh oán nằm mộng thấy cái lọng lớn bị gãy nên giật mình thức dậy, Bí-sô Xa-nạch-ca đến nói lại lời của tôn giả A-nan, vua nghe rồi liền ngất ngã ra đất, sau khi được rưới nước tỉnh lại, vua hỏi Xa-nạch-ca: "tôn giả A-nan

nhập Niết-bàn ở đâu?", Xa-nạch-ca nói kệ đáp:

*"Vị tôn giả này từ Phật sanh,*
*Theo Phật thọ trì hết pháp tạng,*
*Muốn nhập Niết-bàn đoạn sanh tử,*
*Cho nên đã đến thành Quảng nghiêm".*

Vua nghe rồi liền dẫn bốn binh đến bờ sông Hằng, lúc đó chư thiện cựu trụ ở thành Quảng nghiêm từ trên không trung nói kệ bảo mọi người trong thành:

"Tôn giả Khánh hỉ, đèn thế gian, Vô cùng thương xót các quần sanh, Trong lòng bi cảm sắp viên tịch,

Cho nên đã đến thành Quảng nghiêm".

Các Lật cô tỳ trong thành Quảng nghiêm nghe rồi liền dẫn bốn binh đến bờ sông Hằng. Vua Vị sanh oán từ xa thấy tôn giả A-nan liền chắp tay nói kệ:

"Mắt Phật đẹp như hoa sen xanh, Duyên hết nhập diệt tại nơi này, Tôn giả lại muốn cầu viên tịch, Xin để di thân lại nơi đây".

Dân chúng thành Quảng nghiêm cũng lễ bái vọng về tôn giả xin để di thân lại cho họ, tôn giả liền nói kệ:

*"Nếu ta thuận theo Vị sanh oán,*
*Người Lật cô tỳ sẽ oán hận.*
*Nếu để xá lợi ở Quảng nghiêm,*
*Dân chúng thành Vương ắt buồn khổ.*

*Ta để nửa thân cho Vương xá,*
*Nửa thân lưu lại thành Quảng nghiêm,*
*Hai nước hòa giải không đánh nhau,*
*Được tùy ý mình mà cúng dường".*

Khi tôn giả sắp nhập Niết-bàn, mặt đất chấn động sáu cách, lúc đó có một đại tiên dẫn theo năm trăm môn đồ cỡi mây đến chỗ tôn giả chắp tay bạch rằng: "tôn giả, xin cho con được ở trong thiện pháp luật xuất gia thọ giới cụ túc, thành tánh Bí-sô, tu tập phạm hạnh", tôn giả suy nghĩ: "ta nên dùng thần lực ngăn mọi người đến đây để truyền giới cho các đệ tử", nghĩ rồi tôn giả liền biến ra một hòn đảo để truyền thọ Cận viên cho năm trăm người này, nghe tác bạch xong đại tiên này liền chứng quả Bất hoàn, nghe đến yết ma lần thứ ba thì đoạn hết phiền não chứng quả A-la-hán. Do đại tiên này xuất gia thọ Cận viên vào giữa ngày và ở giữa sông nên người đương thời gọi là Mạt điền địa na, Mạt điền là giữa, Địa na là ngày; hoặc gọi là Mạt điền đạc ca, Mạt điền là giữa, đạc ca là nước. Sau khi chứng quả, Bí-sô này đảnh lễ tôn giả A-nan và bạch rằng: "vào giờ phút sau cùng Thế tôn đã độ Thiện hiền và vị ấy đã viên tịch trước, nay con cũng vậy, xin được Niết-bàn trước, vì không muốn thấy Thân giáo sư nhập Niết-bàn", tôn giả A-nan nói: "Thế tôn đem giáo pháp phó chúc cho tôn giả Đại Ca-diếp, tôn giả chuyển giao lại cho ta, nay ta chuyển giao lại cho con, con hãy khéo hộ trì. Thế

tôn có thọ ký tại nước Ca thấp di la dễ có được ngọa cụ và các vật cần dụng, là nơi tốt nhất cho việc tu thiền; Phật cũng thọ ký: sau khi ta Niết-bàn khoảng một trăm năm, có một Bí-sô tên Mạt điền địa sẽ làm cho giáo pháp của ta lưu hành tại nước này. Vì thế con nên đến nước ấy truyền bá Thánh giáo", Bí-sô Mạt điền địa vâng lời thầy dạy. Lúc đó tôn giả A-nan hiện thần biến rồi nhập Niết-bàn cũng như nước làm tắt lửa, chia nửa thân xá lợi cho vua Vị sanh oán và nửa thân xá lợi cho dân chúng thành Quảng nghiêm, đại chúng nói kệ:

*"Dùng trí kim cương bén,*
*Tự phân chia xá lợi,*
*Nửa cho vua Vương xá,*
*Nửa cho dân Quảng nghiêm".*

Dân Quảng nghiêm xây tháp thờ xá lợi này để cúng dường, vua Vị sanh oán cũng xây tháp thờ xá lợi ở Ba tra ly.

Lúc đó tôn giả Mạt điền địa đi đến nước Ca thấp di la ngồi kiết già gần chỗ rồng ở, tôn giả nhập định làm cho mặt đất chấn động sáu cách. Rồng thấy mặt đất chấn động liền nổi sấm chớp mưa lớn để khủng bố tôn giả, tôn giả liền nhập định từ bi nên uy vũ của rồng không làm lay động chéo y, rồng lại mưa đá xuống, tôn giả liền biến chúng thành hoa trời rơi xuống, rồng lại phóng dao kiếm các loại binh khí xuống, tôn giả biến chúng thành hoa sen rơi xuống. Chư thiên trên không trung nói

kệ:

"Trên không mưa đá xuống, Hóa thành hoa sen đẹp, Cho dù phóng gươm giáo, Cũng biến thành anh lạc.

Rồng càng thêm giận dữ, Làm núi cũng ngã nghiêng, Tôn giả như núi Tuyết, Sáng sạch không lay động".

Rồng thấy không làm hại được nên sanh tâm hi hữu hỏi tôn giả cần gì, đáp là cần một chỗ ở, rồng nói là khó làm, tôn giả nói: "Thế tôn thọ ký cho ta đến nước này, lại nói tại đây dễ có được ngọa cụ và các vật cần dùng, là nơi tốt nhất cho việc tu thiền", rồng hỏi: "Thế tôn thọ ký như vậy phải không?", đáp là phải, lại hỏi cần bao nhiêu đất, đáp là bằng chỗ ngồi kiết già, rồng bằng lòng, tôn giả liền ngồi kiết già che kín chín hang núi. Rồng lại hỏi có bao nhiêu môn đồ, tôn giả nhập định quán rồi cho rồng biết là sẽ có năm trăm A-la-hán đến đây, rồng nói: "nếu thiếu một người tôi sẽ lấy đất lại", tôn giả nói: "được nhưng hễ có người thọ thì phải có thí chủ, ta muốn mọi người tụ tập đến đây", rồng nói tùy ý. Sau đó mọi người từ bốn phương tụ tập đến, tôn giả phân chia ranh giới cho họ ở, họ hỏi tôn giả: "chỗ ở đã ổn nhưng sẽ phải sinh sống như thế nào?", tôn giả dùng thần lực đưa họ đến núi Hương túy bảo nhổ cây Uất kim hương. Rồng cựu trụ trong núi này thấy họ nhổ cây liền tức giận phóng sấm sét và mưa đá xuống, tôn giả điều phục

các rồng này cũng giống như rồng trên. Các rồng được điều phục rồi liền hỏi tôn giả: "giáo pháp của Như lai sẽ trụ thế bao lâu?", đáp là một ngàn năm, các rồng nói: "xin tôn giả giao ước là cho đến khi nào giáo pháp của Như lai còn trụ thế thì được thọ dụng cây này tùy ý", tôn giả nhận lời rồi bảo mọi người mang cây về trồng khắp nơi trong nước Ca thấp di la, cho đến khi nào Phật pháp chưa diệt thì cây sẽ không mất, nhờ đó mọi người được sống ổn định, thí chủ và các vị đồng phạm hạnh đều hoan hỷ. Hóa duyên đã mãn như củi hết lửa tắt, tôn giả nhập Niết-bàn vô dư, mọi người dùng gỗ thơm Ngưu đầu chiên đàn hỏa thiêu rồi xây tháp thờ tại chỗ.

Nói về tôn giả Xa-nạch-ca sau khi độ Ô-ba-cấp-đa và làm cho Phật pháp được truyền bá rộng khắp liền bảo Ô-ba-cấp-đa rằng: "con nên biết, Như lai đại sư đem giáo pháp phó chúc cho tôn giả Đại Ca- diếp, tôn giả chuyển giao giáo pháp này lại cho Thân giáo sư của ta, Thân giáo sư lại chuyển giao cho ta, nay ta chuyển giao lại cho con, con hãy khéo hộ trì Thánh giáo đừng để diệt mất, những điều Phật đã chế, con đều phải phụng hành", sau khi phương tiện thuyết pháp làm cho thí chủ và các vị đồng phạm hạnh hoan hỉ, tôn giả hiện thần biến rồi nhập Niết-bàn vô dư. Tôn giả Ô-ba-cấp-đa lại chuyển giao giáo pháp lại cho tôn giả Địa-đề-ca (Hữu quý), vị này lại chuyển giao phó chúc cho tôn

giả Ngật lý sắc noa (Hắc sắc), thứ lớp truyền trao đến tôn giả Tô-diệt- lý-xá-na ( Thiện kiến ). Các bậc đại long tượng tuần tự truyền trao cho nhau như vậy đã trải qua 110 năm, từ sau khi Thế tôn nhập Niết-bàn. Trong khoảng thời gian này, các Bí-sô ở thành Quảng nghiêm đặt ra mười việc không thanh tịnh, trái với điều giới mà Phật đã chế, không y cứ theo kinh luật; nhưng các Bí-sô này lại cho là thanh tịnh nên cùng tuân hành, mười việc đó là:

1. Khi các Bí-sô làm yết ma phi pháp bất hòa, yết ma phi pháp hòa và yết ma pháp bất hòa, đại chúng nghe yết ma xong đều lớn tiếng nói chấp thuận. Đây gọi là Tịnh pháp lớn tiếng nói chấp thuận. Việc này trái với lời Phật dạy, trái với chánh lý, không y cứ theo kinh luật nhưng các Bí-sô thành Quảng nghiêm lại cho là thanh tịnh, khen ngợi và cùng tuân hành.

2. Khi các Bí-sô làm yết ma phi pháp bất hòa, yết ma phi pháp hòa và yết ma pháp bất hòa, đại chúng thấy làm yết ma đều tùy hỉ. Đây gọi là Tịnh pháp tùy hỉ... như trên cho đến cùng tuân hành.

3. Các Bí-sô tự tay đào đất hay bảo người khác đào đất. Đây gọi là Tịnh pháp việc xưa... cùng tuân hành.

4. Các Bí-sô đựng muối trong ống, tự cất giữ và lấy thọ dụng, hòa với thời dược được tùy ý ăn.

Đây gọi là Tịnh pháp dùng muối... cùng tuân hành.

5. Các Bí-sô đi đường chưa cách xa nhau hơn một trạm rưỡi thì được ăn riêng chúng. Đây gọi là Tịnh pháp đi đường... như trên cho đến câu cùng tuân hành.

6. Các Bí-sô không tác pháp dư thực, quá ngọ hai ngón tay được ăn. Đây gọi là Tịnh pháp hai ngón tay được ăn... như trên cho đến câu cùng tuân hành.

7. Các Bí-sô hòa rượu với nước uống, đây gọi là Tịnh pháp trị bịnh... như trên cho đến câu cùng tuân hành.

8. Các Bí-sô dùng một thăng sữa lạc khuấy với nước để uống phi thời. Đây gọi là Tịnh pháp lạc tương... như trên cho đến câu cùng tuân hành.

9. Các Bí-sô làm tọa cụ mới, không dùng miếng vải cũ bằng một gang tay của Phật để may chồng lên mà tự thọ dụng. Đây gọi là Tịnh pháp tọa cụ... cùng tuân hành.

10. Các Bí-sô tự lau chùi bát cho sạch đẹp rồi sai Cầu tịch mang bát này đi đến từng nhà nói với mọi người rằng: "những người đang sống trong thành Quảng nghiêm và các thương khách từ bốn phương đến đây nếu bố thí vàng bạc hay bối xỉ ( tiền bạc ) vào trong bát này thì sẽ được lợi ích lớn, giàu có và an lạc", sau khi được nhiều vàng bạc vật báu, họ cùng phân chia. Đây gọi là Tịnh pháp vàng

bạc vật báu, việc này trái với điều giới mà Phật đã chế, không y cứ theo kinh luật; nhưng các Bí-sô này lại cho là thanh tịnh khen ngợi và cùng tuân hành.

Tôn giả A-nan khi còn ở thành Quảng nghiêm có một đệ tử tên là Tát bà ca la (Lạc dục) đã chứng A-la-hán đủ tám giải thoát, thiểu dục tri túc và vô sự. Vị này lại có một đệ tử tên là Da xá (Danh xưng) ở tại tụ lạc Bà táp bà cũng đã chứng A-la-hán, đủ tám giải thoát. Lúc đó tôn giả Danh xưng cùng năm trăm đệ tử du hành trong nhân gian, khi đến thành Quảng nghiêm gặp lúc các Bí-sô sắp chia lợi vật nên vị Tri sự đến nói với tôn giả Danh xưng: "Tăng già được lợi vật sắp cùng chia, xin hãy đến lấy phần", tôn giả nghe rồi liền hỏi: "lợi vật ấy phát sanh từ đâu, do ai cúng dường?", vị này liền nói rõ việc thu hoạch lợi vật gọi là Tịnh pháp vàng bạc vật báu. Tôn giả Danh xưng nghe rồi liền suy nghĩ: "mụt nhọt độc đã phát sanh, chỉ có một việc này hay còn việc khác nữa", nghĩ rồi liền nhập định quán sát, quán biết do họ khinh mạn giới đã làm các hạnh xấu có tất cả là mười việc phi pháp. Tôn giả vì muốn chánh pháp được tồn tại lâu dài nên đến gặp thầy là tôn giả Lạc dục, đảnh lễ rồi bạch rằng: "bạch tôn giả, Bí-sô có được làm Tịnh pháp lớn tiếng nói chấp thuận hay không?", tôn giả Lạc dục hỏi: "như thế nào là Tịnh pháp lớn tiếng nói chấp thuận?", đáp: "khi các Bí-sô ở thành

Quảng nghiêm làm yết ma phi pháp bất hòa, yết ma phi pháp hòa và yết ma pháp bất hòa, đại chúng nghe yết ma xong đều lớn tiếng nói chấp thuận. Đây gọi là Tịnh pháp lớn tiếng nói chấp thuận, việc này có được làm không?", tôn giả nói: "không được làm như vậy", lại hỏi: "Như lai chế ngăn không cho làm như vậy ở đâu?", đáp là tại thành Chiêm ba, lại hỏi vì ai mà chế, đáp là vì Lục chúng Bí-sô, lại hỏi phạm tội gì, đáp là tội Ác tác, tôn giả Danh xưng nói: "đây là việc thứ nhất, trái với điều giới mà Phật đã chế, không y cứ theo kinh luật; nhưng các Bí-sô đó lại cho là thanh tịnh, khen ngợi và cùng tuân hành. Tôn giả không nên bỏ qua việc phi pháp này", tôn giả nghe rồi im lặng hồi lâu rồi nói việc này đã biết. Tôn giả Danh xưng lại hỏi: "Bí-sô có được làm Tịnh pháp tùy hỉ không?", tôn giả hỏi lại: "như thế nào là Tịnh pháp tùy hỉ?", đáp: "khi các Bí-sô làm yết ma phi pháp bất hòa, yết ma phi pháp hòa và yết ma pháp bất hòa, đại chúng thấy làm yết ma đều tùy hỉ. Đây gọi là Tịnh pháp tùy hỉ, việc này có được làm không?", tôn giả nói: "không được làm như vậy", lại hỏi: "Như lai chế ngăn không cho làm như vậy ở đâu?", đáp là tại thành Chiêm ba, lại hỏi vì ai mà chế, đáp là vì Lục chúng Bí-sô, lại hỏi phạm tội gì, đáp là tội Ác tác, tôn giả Danh xưng nói: "đây là việc thứ hai, trái với điều giới... như trên cho đến câu tôn giả không nên bỏ qua việc phi pháp này", tôn giả nghe rồi im

lặng hồi lâu rồi nói việc này đã biết. Tôn giả Danh xưng lại hỏi: "Bí-sô có được làm Tịnh pháp việc xưa không?", tôn giả hỏi lại: "như thế nào là Tịnh pháp việc xưa?", đáp: "các Bí-sô tự tay đào đất hay bảo người khác đào đất. Đây gọi là Tịnh pháp việc xưa, việc này có được làm không?", tôn giả nói: "không được làm như vậy", lại hỏi: "Như lai chế ngăn không cho làm như vậy ở đâu?", đáp là tại thành Thất-la-phiệt, lại hỏi vì ai mà chế, đáp là vì Lục chúng Bí-sô, lại hỏi phạm tội gì, đáp là tội Đọa, tôn giả Danh xưng nói: "đây là việc thứ ba, trái với điều giới... như trên cho đến câu tôn giả không nên bỏ qua việc phi pháp này", tôn giả nghe rồi im lặng hồi lâu rồi nói việc này đã biết. Tôn giả Danh xưng lại hỏi: "Bí-sô có được làm Tịnh pháp dùng muối không?", tôn giả hỏi lại: "như thế nào là Tịnh pháp dùng muối?", đáp: "các Bí-sô đựng muối trong ống, tự cất giữ và lấy thọ dụng, hòa với thời dược được tùy ý ăn. Đây gọi là Tịnh pháp dùng muối, việc này có được làm không?", tôn giả nói: "không được làm như vậy", lại hỏi: "Như lai chế ngăn không cho làm như vậy ở đâu?", đáp là tại thành Vương xá, lại hỏi vì ai mà chế, đáp là vì tôn giả Xá-lợi-phất, lại hỏi phạm tội gì, đáp là tội Ba-dật- đề, tôn giả Danh xưng nói: "đây là việc thứ tư, trái với điều giới... như trên cho đến câu tôn giả không nên bỏ qua việc phi pháp này", tôn giả nghe rồi im lặng hồi lâu rồi nói việc này đã biết. Tôn giả

Danh xưng lại hỏi: "Bí-sô có được làm Tịnh pháp đi đường không?", tôn giả hỏi lại: "như thế nào là Tịnh pháp đi đường?", đáp: "các Bí-sô đi đường chưa cách xa nhau hơn một trạm rưỡi thì được ăn riêng chúng. Đây gọi là Tịnh pháp đi đường, việc này có được làm không?", tôn giả nói: "không được làm như vậy", lại hỏi: "Như lai chế ngăn không cho làm như vậy ở đâu?", đáp là tại thành Vương xá, lại hỏi vì ai mà chế, đáp là vì Thiên thọ, lại hỏi phạm tội gì, đáp là tội Ba-dật-đề, tôn giả Danh xưng nói: "đây là việc thứ năm, trái với điều giới... như trên cho đến câu tôn giả không nên bỏ qua việc phi pháp này", tôn giả nghe rồi im lặng hồi lâu rồi nói việc này đã biết. Tôn giả Danh xưng lại hòi: "Bí-sô có được làm Tịnh pháp hai ngón tay được ăn hay không?", tôn giả hỏi lại: "như thế nào là Tinh pháp hai ngón tay được ăn?", đáp: "các Bí-sô không tác pháp dư thực, quá ngọ hai ngón tay được ăn. Đây gọi là Tịnh pháp hai ngón tay được ăn, việc này có được làm không?", tôn giả nói: "không được làm như vậy", lại hỏi: "Như lai chế ngăn không cho làm như vậy ở đâu?", đáp là tại thành Thất-la-phiệt, lại hỏi vì ai mà chế, đáp là vì Thiện lai, lại hỏi phạm tội gì, đáp là tội Ba-dật-đề, tôn giả Danh xưng nói: "đây là việc thứ sáu, trái với điều giới... như trên cho đến câu tôn giả không nên bỏ qua việc phi pháp này", tôn giả nghe rồi im lặng hồi lâu rồi nói việc này đã biết. Tôn giả Danh

xưng lại hỏi: "Bí-sô có được làm Tịnh pháp trị bịnh không?", tôn giả hỏi lại: "như thế nào là Tịnh pháp trị bịnh?", đáp: "các Bí-sô dùng nước hòa với rượu được uống, đây gọi là Tịnh pháp trị bịnh, việc này có được làm không?", tôn giả nói:

"không được làm như vậy", lại hỏi: "Như lai chế ngăn không cho làm như vậy ở đâu?", đáp là tại thành Thất-la-phiệt, lại hỏi vì ai mà chế, đáp là vì Thiện lai, lại hỏi phạm tội gì, đáp là tội Ba-dật-đề, tôn giả Danh xưng nói: "đây là việc thứ bảy, trái với điều giới... như trên cho đến câu tôn giả không nên bỏ qua việc phi pháp này", tôn giả nghe rồi im lặng hồi lâu rồi nói việc này đã biết. Tôn giả Danh xưng lại hỏi: "Bí- sô có được làm Tịnh pháp lạc tương không?", tôn giả hỏi lại: "như thế nào là Tịnh pháp lạc tương?", đáp: "các Bí-sô dùng một thăng sữa lạc khuấy với nước để uống phi thời. Đây gọi là Tịnh pháp lạc tương, việc này có được làm không?", tôn giả nói: "không được làm như vậy", lại hỏi: "Như lai chế ngăn không cho làm như vậy ở đâu?", đáp là tại thành Thất-la-phiệt, lại hỏi vì ai mà chế, đáp là vì Thất thập chúng Bí-sô, lại hỏi phạm tội gì, đáp là tội Ba-dật-đề, tôn giả Danh xưng nói: "đây là việc thứ tám, trái với điều giới... như trên cho đến câu tôn giả không nên bỏ qua việc phi pháp này", tôn giả nghe rồi im lặng hồi lâu rồi nói việc này đã biết. Tôn giả Danh xưng lại hỏi: "Bí-sô có được làm Tịnh pháp tọa cụ không?", tôn

giả hỏi lại: "như thế nào là Tịnh pháp tọa cụ?", đáp: "các Bí-sô làm tọa cụ mới, không dùng miếng vải cũ bằng một gang tay của Phật để may chồng lên mà tự thọ dụng. Đây gọi là Tịnh pháp tọa cụ, việc này có được làm không?", tôn giả nói: "không được làm như vậy", lại hỏi: "Như lai chế ngăn không cho làm như vậy ở đâu?", đáp là tại thành Thất-la-phiệt, lại hỏi vì ai mà chế, đáp là vì Lục chúng Bí-sô, lại hỏi phạm tội gì, đáp là tội Ba-dật-đề, tôn giả Danh xưng nói: "đây là việc thứ chín, trái với điều giới... như trên cho đến câu tôn giả không nên bỏ qua việc phi pháp này", tôn giả nghe rồi im lặng hồi lâu rồi nói việc này đã biết. Tôn giả Danh xưng lại hỏi: "Bí-sô có được làm Tịnh pháp vàng bạc vật báu hay không?", tôn giả hỏi lại: "như thế nào là Tịnh pháp vàng bạc vật báu?", đáp: "các Bí-sô tự lau chùi bát cho sạch đẹp rồi sai Cầu tịch mang bát này đi đến từng nhà nói với mọi người rằng: "những người đang sống trong thành Quảng nghiêm và các thương khách từ bốn phương đến đây nếu bố thí vàng bạc hay bối xỉ (tiền bạc) vào trong bát này thì sẽ được lợi ích lớn, giàu có và an lạc", sau khi được nhiều vàng bạc vật báu, họ cùng phân chia. Đây gọi là Tịnh pháp vàng bạc vật báu, việc này có được làm không?", tôn giả nói: "không được làm như vậy", lại hỏi: "Như lai chế ngăn không cho làm như vậy ở đâu?", đáp là tại thành Tỳ da ly, lại hỏi vì ai mà chế, đáp là vì Lục chúng

Bí-sô, lại hỏi phạm tội gì, đáp là tội Xả đọa. Tôn giả Danh xưng nói: "đây là việc thứ mười, ở trong các kinh như kinh Bảo đảnh, phẩm Phật ngữ trong kinh Tương ưng A Cấp ma, phẩm Giới uẩn trong kinh Trường A Cấp ma, kinh Yết-sỉ-na ở phẩm Tương ưng trong kinh Trung A Cấp ma, trong phẩm bốn và năm của kinh Tăng nhất A Cấp ma thì mười việc này đều trái với lời Phật dạy", tôn giả Lạc dục nói: "nếu vậy thầy nên đến nơi khác tìm đồng bạn tốt, ta sẽ làm bạn pháp với các thầy", tôn giả Danh xưng nghe rồi liền nhập định biên tế thứ tư, sau đó đến các nơi tìm bạn pháp trợ giúp. Tại tụ lạc An trú có Bí-sô tên Xa sá cũng là đệ tử của tôn giả A-nan, đã chứng A- la-hán, đủ tám giải thoát; tôn giả Danh xưng đến gặp đảnh lễ rồi bạch rằng: "tôn giả, Bí-sô có được làm Tịnh pháp lớn tiếng nói chấp thuận không?", tôn giả Xa sá hỏi lại: "như thế nào là Tịnh pháp lớn tiếng nói chấp thuận?", hỏi và đáp giống như trên cho đến hết việc thứ mười, tôn giả Xa sá nói: "nếu vậy hiền giả hãy đến nơi khác tìm đồng bạn tốt, ta sẽ làm bạn pháp với các vị". Tôn giả Danh xưng từ giã rồi đi đến thành Tăng yết thế gặp tôn giả Bà sai cũng là đệ tử của tôn giả A-nan, đã chứng A-la-hán, đủ tám giải thoát, hỏi và đáp cũng như trên cho đến việc thứ mười. Tôn giả Danh xưng từ giã rồi đi đến thành Ba thát ly tử gặp tôn giả Khúc an, nhưng vị này đang nhập Diệt tận định nên tôn giả đến chỗ tôn

giả Thiên ý, hỏi và đáp cũng như trước cho đến việc thứ mười. Sau đó đến thành Lưu chuyển gặp tôn giả Nan thắng, rồi đến thành Đại huệ gặp tôn giả Thiện kiến, rồi đi đến thành Câu sanh gặp tôn giả Diệu tinh đều hỏi và đáp giống như trên cho đến việc thứ mười. Lúc đó tôn giả Diệu tinh suy nghĩ: "trước khi đến gặp ta, cụ thọ này có đến các nơi khác không", liền quán biết đã đến các nơi khác nên nói với Danh xưng: "cụ thọ đi đường xa đã mỏi mệt, hãy tạm nghỉ lại đây, tôi sẽ đi tìm thêm đồng bạn tốt cho", Danh xưng ở lại và Diệu tinh lên đường.

Lúc đó các Bí-sô tại thành Quảng nghiêm đến gặp các đệ tử của tôn giả Danh xưng hỏi: "Thân giáo sư của các thầy đâu?", đáp là đi tìm đồng bạn tốt, hỏi tìm để làm gì, đáp là để tẫn xuất các thầy, lại hỏi: "chúng tôi phạm lỗi gì mà tẫn xuất?", các đệ tử của tôn giả liền nói rõ sự việc, các Bí-sô này nghe rồi nói: "Thân giáo sư của các thầy đã làm việc bất thiện, Phật đã nhập Niết-bàn vì sao ở trong giáo pháp để lại, vị ấy lại muốn xúc não chúng tôi, chúng tôi chỉ tùy duyên nuôi sống mà thôi", trong chúng có một Bí-sô nói: "lời vị ấy là chân thật không hư dối, việc mà các cụ thọ làm là sai trái, không thuận với hạnh Thanh văn. Trước đây chúng ta đều nghe nói chánh pháp của Phật sẽ tồn tại ngàn năm, nay chưa đến ngàn năm mà chánh pháp đã ẩn mất rồi. Vị ấy tìm đồng bạn tốt là muốn hộ trì

chánh pháp, đây là việc làm tốt, mục đích là để cho kẻ ác không khinh mạn giới và mụt nhọt độc không sanh nữa", các Bí-sô này nghe rồi sợ hãi im lặng đứng một bên rồi nói với nhau: "tôn giả Danh xưng đi tìm đồng bạn tốt để khu tẫn chúng ta, vì sao chúng ta lại im lặng không làm gì?", đáp: "chúng ta phải làm gì đây?", lại nói: "chúng ta cũng nên tìm đồng bạn trợ giúp, làm sao để cho họ khu tẫn chúng ta được", lại đáp: "nếu vậy sẽ phát sanh đấu tranh, chúng ta nên mau bỏ đi nơi khác", lại nói: "đi đâu cũng có lỗi này, nay chúng ta nên cầu họ hoan hỉ", lại đáp: "nhất định họ sẽ không hoan hỉ, chúng ta cứ tạm ở lại đây, trong thời gian này chúng ta nên đem lợi vật như y bát, dây lưng... biếu tặng cho các đệ tử của tôn giả Danh xưng để họ nói giúp các vị ấy hoan hỉ cho chúng ta", các Bí-sô này bàn tính xong liền nhất trí đem y bát và các vật cần dùng đưa biếu cho các đệ tử của tôn giả Danh xưng. Sau đó, khi tôn giả Danh xưng trở về lại trú xứ ở thành Quảng nghiêm, các đệ tử đảnh lễ rồi hỏi: "Thân giáo sư có tìm được đồng bạn tốt không?", đáp: "được, không bao lâu nữa các vị ấy sẽ đến tương trợ", các đệ tử nói: "việc ấy cũng đã qua rồi xin Thân giáo sư nghĩ lại, Phật đã nhập Niết-bàn, giáo pháp cũng đi theo, họ cũng chỉ là tùy duyên nuôi sống, xúc não họ làm chi?", tôn giả nghe rồi liền suy nghĩ: "nghe lời này và xem bộ dạng của các đệ tử, chắc là đã nhận lời yêu cầu của

họ", nghĩ rồi liền nói: "nghe qua lời này và xen bộ dạng của các thầy, có phải các thầy đã nhận lời yêu cầu của họ rồi phải không?", các đệ tử im lặng, tôn giả Danh xưng liền sai sứ đến báo tin cho các đồng bạn tốt: "phe ác đã tăng dần, các vị hãy đến mau, đại sự Phật pháp không nên chậm trễ.

Nên nhanh lại chậm, Nên chậm lại nhanh, Việc trái chánh lý, Do kẻ ngu làm,

Phải mang tiếng xấu, Do lìa bạn lành, Làm việc suy tổn, Như trăng tối dần.

Nên chậm thì chậm, Nên nhanh thì nhanh, Việc thuận chánh lý, Người trí nên biết, Sẽ được ngợi khen, Thân cận bạn lành, Việc thiện tăng trưởng, Như trăng sáng dần".

Lúc đó tôn giả Danh xưng đánh kiền chùy, có 699 vị A-la-hán đều là đệ tử của tôn giả A-nan đồng thời vân tập, tôn giả Khúc an đang nhập Diệt tận định nên không nghe thấy tiếng kiền chùy, tôn giả Danh xưng thấy các A-la-hán đã vân tập liền suy nghĩ: "nếu ta bạch Tăng bây giờ ắt sẽ phát sanh đấu tranh, ta nên chờ hòa hợp đông đủ rồi hãy bạch", nghĩ rồi ngồi im lặng chờ đợi. Lúc đó tôn giả Khúc an vừa xuất định, chư thiên liền báo: "tôn giả vì sao lại an nhiên như vậy, hiện nay đã có 699 vị A-la-hán đồng học vân tập đến thành Quảng nghiêm, muốn kết tập làm cho chánh pháp được tồn tại lâu dài, tôn giả hãy mau đến đó", tôn giả

nghe rồi liền dùng thần thông lực ẩn mất tại thành Ba thát ly tử và hiện thân tại chỗ các A-la-hán vân tập tại thành Quảng nghiêm rồi gõ cửa, các A-la-hán bên trong hỏi là ai, tôn giả liền nói kệ đáp:

*"Ở tại thành Ba thát ly tử,*
*Sa môn trì luật, bậc đa văn,*
*Từ nơi ấy đã đến nơi đây,*
*Đứng trước cửa với căn thanh tịnh".*

Các A-la-hán bên trong nói vọng ra: "ngoài chúng này còn có người với căn thanh tịnh hay sao, xin hãy nói tên ra", tôn giả liền nói kệ đáp:

*"Ở tại thành Ba thát ly tử,*
*Sa môn trì luật, bậc đa văn,*
*Từ nơi ấy đã đến nơi đây,*
*Đứng trước cửa đã đoạn các nghi".*

Các A-la-hán bên trong nói vọng ra: "ngoài chúng này còn có người đã đoạn nghi hay sao, xin hãy nói tên ra", tôn giả liền nói kệ đáp:

*"Ở tại thành Ba thát ly tử,*
*Sa môn trì luật, bậc đa văn,*
*Từ nơi ấy đã đến nơi đây,*
*Đứng trước cửa tên là Khúc an".*

Các A-la-hán nghe rồi liền nói lành thay và mở cửa mời vào, khi tôn giả này vào, các A-la-hán này đều đứng dậy nghinh đón đảnh lễ rồi trở về chỗ ngồi của mình. Lúc đó tôn giả Danh xưng đem mười việc phi pháp ra hỏi: "bạch các tôn giả, Bí-sô có được làm Tịnh pháp lớn tiếng nói chấp thuận

không?", tôn giả Khúc an hỏi lại: "như thế nào là Tịnh pháp lớn tiếng nói chấp thuận?", đáp: "khi các Bí-sô làm yết ma phi pháp bất hòa, yết ma phi pháp hòa và yết ma pháp bất hòa, đại chúng nghe yết ma xong đều lớn tiếng nói chấp thuận. Đây gọi là Tịnh pháp lớn tiếng nói chấp thuận, việc này có được làm không?", tôn giả nói: "không được làm như vậy", lại hỏi: "Như lai chế ngăn không cho làm như vậy ở đâu?", đáp là tại thành Chiêm ba, lại hỏi vì ai mà chế, đáp là vì Lục chúng Bí-sô, lại hỏi phạm tội gì, đáp là tội Ác tác. Tôn giả Danh xưng nói: "đây là việc thứ nhất... như trên cho đến câu đây là việc thứ mười", sau khi kết tập, tất cả đều nhất trí như thế rồi tôn giả Danh xưng lại đánh kiền chùy, tất cả Bí-sô trong thành Quảng nghiêm đều vân tập đến theo thứ lớp ngồi rồi, tôn giả Danh xưng lại lần lượt nêu ra mười việc phi pháp và hỏi đáp giống như trên. Sau khi bàn luận đúng sai xong, tất cả đều nhất trí mười việc phi pháp này nên bỏ, do lần kết tập này có bảy trăm vị A-la-hán nên được gọi là Thất bách kết tập.

Nhiếp tụng nội dung:

*Lớn tiếng và tùy hỉ,*
*Đào đất, rượu, chứa muối,*
*Nửa trạm, hai ngón tay,*
*Sữa lạc, tọa cụ, báu.*
*Từ thành Quảng nghiêm đến An trú,*
*Đi khắp thiên hạ đến Yết xa,*

*Thành Ba thát ly, thành Lưu chuyển,*
*Đại huệ, Câu sanh cọng bảy thành.*
*Tôn giả Lạc dục và Danh xưng,*
*Tôn giả Xa tha bà, Táp bà,*
*Thiện ý, Khúc an và Nan thắng,*
*Thiện kiến, Diệu tinh cọng chín vị.*

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 80

# CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ NI ĐÀ NA MỤC ĐẮC CA

## SỐ 1452

## ( QUYỂN 1→10 )

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

# SỐ 1452

# CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ NI ĐÀ NA - MỤC ĐẮC CA

*- Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh đời Đường -*
*Việt dịch: Ban phiên dịch chùa Pháp Bảo, HT Thích Tịnh Hạnh giám tu - năm 2005-Hiệu đính và nhuận văn: NS Thích nữ Như Lộc tại chùa Phổ Minh - năm 2010*

## QUYỂN 1

## A. TỔNG NHIẾP TỤNG ĐẠI MÔN NI ĐÀ LA:

*Ban đầu thọ Cận viên,*
*Kế chia vật người chết,*
*Sàn tròn và khóa cửa,*
*Năm môn tượng Bồ-tát.*

## *I. TỔNG NHIẾP TỤNG CỦA BIỆT MÔN THỨ NHẤT:*

*Cận viên biết số ngày,*
*Giới khác, không nhập, địa,*
*Giới, năm chúng an cư,*
*Không cắt, da, thịt sống.*

### 1. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ nhất:

*Cận viên tướng nam nữ,*
*Thầy không phải cận viên,*

*Các nạn, mười, không thầy,*
*Không truyền giới, bảy tuổi.*

Bạc-già-phạm ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng Thệ đa, thành Thất- la-phiệt, lúc đó cụ thọ Ưu-ba-ly đến chỗ Phật đảnh lễ rồi ngồi một bên chắp tay bạch Phật: "Thế tôn, nếu Bí-sô cho người thọ Cận viên, người ấy lại chuyển căn thì có được gọi là thiện thọ không?", Phật nói: "người này thọ Cận viên nhưng nên chuyển đưa họ qua ở chỗ Bí-sô ni", lại hỏi: "nếu Bí-sô đã cho người nam thọ Cận viên, người nam này lại nói tiếng như người nữ, ý muốn như người nữ, hình dáng và pháp thức đều như người nữ thì người này có được gọi là thọ Cận viên không?", Phật nói: "người này thọ Cận viên nhưng các Bí-sô phạm tội Việt pháp", lại hỏi: "nếu Bí-sô ni đã cho người nữ thọ Cận viên, người nữ này lại nói tiếng như người nam, ý muốn như người nam, hình dáng và pháp thức đều như người nam thì người này có được gọi là thọ Cận viên không?", Phật nói: "người này thọ Cận viên nhưng các Bí-sô ni phạm tội Việt pháp", lại hỏi: "nếu người cầu người không thọ Cận viên làm Thân giáo sư thì người này có được gọi là thọ Cận viên không?", Phật nói: "người này thọ Cận viên nhưng các Bí-sô phạm tội Việt pháp", lại hỏi: "nếu người có nạn sự, tự nói là có nạn sự, các Bí-sô lại cho họ thọ Cận viên thì người này có được gọi là thọ Cận viên không?", Phật nói: "người này không được gọi là

thọ Cận viên và các Bí-sô phạm tội Việt pháp", lại hỏi: "nếu người không có nạn sự, tự nói là có nạn sự, các Bí-sô lại cho họ thọ Cận viên thì người này có được gọi là thọ Cận viên không?", Phật nói: "người này thọ Cận viên nhưng các Bí-sô phạm tội Việt pháp", lại hỏi: "nếu người thật có nạn sự, tự nói là không có nạn sự, các Bí-sô lại cho họ thọ Cận viên thì người này có được gọi là thọ Cận viên không?", Phật nói: "người này không gọi là thọ Cận viên nhưng các Bí-sô không phạm", lại hỏi: "nếu người thật không có nạn sự, tự nói là không có nạn sự, các Bí-sô lại cho họ thọ Cận viên thì người này có được gọi là thọ Cận viên không?", Phật nói: "người này gọi là thiện thọ Cận viên", lại hỏi: "Bí-sô cho người xuất gia, chưa cho thọ mười giới liền cho thọ Cận viên thì người này có được gọi là thọ Cận viên không?", Phật nói: "người này thọ Cận viên nhưng các Bí-sô phạm tội Việt pháp", lại hỏi: "nếu người khi thọ Cận viên mà Thân giáo sư không hiện tiền, các Bí-sô lại cho thọ Cận viên thì người này có được gọi là thọ Cận viên không?", Phật nói: "người này thọ Cận viên nhưng các Bí-sô phạm tội Việt pháp", lại hỏi: "nếu người khi thọ Cận viên tự nói rằng: "đừng truyền Cận viên cho tôi", các Bí-sô vẫn cho họ thọ Cận viên thì người này có được gọi là thọ Cận viên không?", Phật nói: "người này không gọi là thọ Cận viên và các Bí-sô phạm tội Việt pháp", lại hỏi: "như Phật đã chế đồng

tử đủ bảy tuổi có thể đuổi được chim quạ thì nên cho xuất gia. Nếu đồng tử sáu tuổi có thể đuổi được chim quạ thì có nên cho xuất gia không?", Phật nói: "chỉ nên cho đồng tử bảy tuổi xuất gia, nhỏ hơn không được", lại hỏi: "nếu đủ bảy tuổi nhưng không đuổi được chim quạ thì có nên cho xuất gia không?", Phật nói: "nếu không đuổi được chim quạ thì không nên cho xuất gia".

**2. Nhiếp tụng thứ hai trong Biệt môn thứ nhất:**

*Cần phải biết số ngày,*
*Cáo bạch, đêm nên giảm,*
*Sáu ngày, mười tám ngày,*
*Thuyết giới, không tính luôn.*

Phật tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó có Bà-la-môn cư sĩ gặp Bí-sô hỏi hôm nay là ngày mấy, đáp là không biết, họ nói: "các ngoại đạo đều biết lịch số và thiên văn, các thầy cũng nên biết, vì sao các thầy không biết mà lại được xuất gia?", Bí-sô im lặng, bạch Phật, Phật nói: "từ nay các Bí-sô nên biết số ngày", các Bí-sô đều học pháp tính số ngày nên bỏ phế việc tu thiện nghiệp, Phật nói: "nên cử một người học pháp tính số ngày", các Bí-sô không biết nên cử ai, Phật nói: "nên cử Thượng tòa thủ chúng". Lúc đó có Thượng tòa quên mất số ngày, hỏi vị tri sự, vị này cũng không nhớ, Phật nói: "nên làm mười lăm viên đất tròn hay thẻ tre, mỗi ngày

dời một viên", khi làm như vậy bị gió thổi làm loạn hết thứ tự, Phật nói: "nên làm mười lăm thẻ tre, dài khoảng bốn hay năm ngón tay, một đầu dùi lỗ rồi xỏ xâu treo lên vách, nơi mọi người thường qua lại, mỗi ngày dời một cái", lúc đó cả chúng đều dời thẻ, Phật nói: "chỉ có Thượng tòa và tri sự mới được dời thẻ". Lại có Bà-la-môn cư sĩ gặp Bí-sô hỏi hôm nay là ngày mấy, đáp: "các vị nên hỏi Thượng tòa và vị tri sự", họ nói: "các thầy cũng có thể tính biết, sao lại chỉ người khác?", Bí-sô im lặng, bạch Phật, Phật nói: "nên tác bạch cho đại chúng biết", các Bí-sô gặp nhau ở đâu cũng cáo bạch, Phật nói: "không nên như vậy, nên vào lúc đại chúng nhóm họp ở trước Thượng tòa cáo bạch: "đại chúng nên biết, hôm nay là ngày _____ tháng _____ “, có cư sĩ nghe rồi liền hỏi: "các thầy không có nói nửa tháng thuộc Hắc hay Bạch nguyệt sao?", đáp là không có nói, Phật nói: "nên nói phần tháng thuộc Hắc hay Bạch nguyệt, nên vào lúc đại chúng nhóm họp, một Bí- sô ở trước Thượng tòa chắp tay bạch rằng: "Đại đức tăng lắng nghe, hôm nay ngày mồng một thuộc Hắc nguyệt, các thầy nên vì thí chủ tạo chùa và chư thiên hộ chùa cùng thiên thần cựu trụ tụng diệu kệ thanh tịnh trong kinh". Các Bí-sô tuy ngày nào cũng cáo bạch như vậy nhưng không nói tên thí chủ tạo chùa, Phật nói: "nên nói tên thí chủ tạo chùa, cũng nên nói tên thí chủ thiết thực cúng dường cho họ được mãn nguyện và

phước thiện càng tăng; nếu có thí chủ khác cũng nói như vậy, cũng nên nói tên của Thiên chúng bát bộ, sư tăng và cha mẹ cho đến khắp tất cả chúng sanh, cho họ được tăng trưởng phước lợi", các Bí-sô vâng lời Phật dạy đều nói kệ thanh tịnh bố thí:

*"Người đã làm bố thí,*
*Chắc chắn được nghĩa lợi.*
*Nếu vì vui nên thí,*
*Sau sẽ được an lạc,*
*Phước báo của Bồ-tát,*
*Vô tận như hư không,*
*Thí được quả như vậy,*
*Tăng trưởng không thôi dứt".*

Lại có thí chủ thỉnh các Bí-sô thọ thực, tuy biết nhưng các Bí-sô không nói tên và chỗ ở của thí chủ cho đại chúng biết, Phật nói: "nên báo trước cho đại chúng biết, nên nói: ngày mai có thí chủ tên _____ thỉnh đại chúng đến nhà tại _____ thọ thực". Lại có Bà-la-môn cư sĩ gặp Bí-sô hỏi hôm nay là ngày mấy, đáp là ngày thứ mười lăm, họ nói: "mọi người đều nói hôm nay là ngày thứ mười bốn, các thầy lại nói là ngày thứ mười lăm, không lẽ các thầy không biết tính giảm đêm hay sao?", đáp là không tính, Phật nói nên tính giảm đêm. Các Bí-sô vào nửa tháng nào cũng tính giảm đêm, có Bà-la-môn cư sĩ gặp Bí-sô hỏi hôm nay là ngày mấy, đáp là ngày thứ mười bốn, họ nói: "mọi người đều nói hôm nay là ngày thứ mười lăm,

không lẽ nửa tháng nào các thầy cũng tính giảm đêm hay sao?", bạch Phật, Phật nói: "không nên như vậy, nên tính vào thời nào qua nửa tháng mới giảm đêm, trong một năm có tổng cộng sáu ngày là ngày thứ mười bốn (tháng thiếu) và sáu ngày là ngày thứ mười lăm (tháng đủ). Lại có Bà-la-môn cư sĩ gặp Bí-sô hỏi hôm nay là tháng mấy, đáp là tháng Thất la mạt noa (tức là khoảng 16 tháng 5 đến 15 tháng 6), họ nói: "mọi người đều nói là tháng A sa trà (khoảng 16 tháng 4 đến 15 tháng 5), các thầy lại nói là tháng Thất la mạt noa, không lẽ các thầy không tính tháng nhuần hay sao?", đáp là không tính, mọi người đều cười chê, bạch Phật, Phật nói nên tính tháng nhuần. Các Bí-sô năm nào cũng tính thêm tháng nhuần, có Bà-la-môn cư sĩ gặp Bí- sô hỏi hôm nay là tháng mấy, đáp là tháng A sa trà, họ nói: "mọi người đều nói là tháng Thất la mạt noa, các thầy lại nói là tháng A sa trà, không lẽ năm nào các thầy cũng tính thêm tháng nhuần hay sao?", đáp là phải, mọi người đều cười chê, Phật nói: "không nên như vậy, phải cách sáu năm mới có một tháng nhuần". Lúc đó có vua quy định cách hai năm rưỡi có một tháng nhuần, các Bí-sô không tính theo vua nên bị cười chê, Phật nói: "nên theo vương pháp mà tính tháng nhuần, nếu quỹ đạo hành tinh có sai khác thì nên theo quỹ đạo đó mà tính tháng nhuần cho đồng với thế tục. Vì vậy các thầy nên biết lịch số thiên văn, chớ để cho ngoại

đạo được dịp tìm lỗi của các thầy".

Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Thế tôn, Bí-sô tại trú xứ là người thọ học (Học hối Sa di) có được thuyết giới không?", Phật nói không được.

**3. Nhiếp tụng thứ ba trong Biệt môn thứ nhất:**

*Giới khác không nói tịnh,*
*Cũng không làm yết ma,*
*Trên không không thọ dục,*
*Giải cũ mới kết mới.*

Phật tại thành Thất-la-phiệt, tôn giả Ưu-ba-ly hỏi Phật.

Hỏi: người ở trong giới có được nói thanh tịnh với người ở ngoài giới không?, Phật nói không được.

Lại hỏi: người ở ngoài giới có được nói thanh tịnh với người ở trong giới không?, Phật nói không được.

Lại hỏi: người ở trong giới có được tác pháp yết ma cho người ở ngoài giới không?, Phật nói không được.

Lại hỏi: người ở ngoài giới có được tác pháp yết ma cho người ở trong giới không?, Phật nói không được.

Lại hỏi: người thọ dục rồi đi trên hư không, có thành thọ dục hay không?

Phật đáp: không thành, nên lấy dục lại.

Lại hỏi: nếu chưa giải giới cũ, có được kết giới mới không?

Phật đáp: không được, nên bạch nhị yết ma giải giới cũ rồi mới kết lại giới mới.

**4. Nhiếp tụng thứ tư trong Biệt môn thứ nhất:**

Không nhập giới, xả giới, Giới cây, có Thế tôn, Không vượt, có thể vượt, Vị yết ma qua đời.

Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi: có được lấy giới này nhập chung với giới khác hay không?, Phật nói không được.

Lại hỏi: có mấy loại giới không được nhập chung với nhau? Phật đáp: có bốn đó là tiểu giới tràng và chỗ nước đọng, giới của Bí-sô và giới của Bí-sô ni. Bốn loại giới này không được nhập chung với nhau. Lại hỏi: chỗ đã kết giới từ trước có mấy trường hợp xả? Phật đáp:

có năm trường hợp: một là đại chúng đều hoàn tục, hai là đại chúng đồng thời chuyển căn, ba là đại chúng quyết tâm bỏ đi, bốn là đại chúng đồng thời qua đời và năm là tác pháp yết ma giải giới.

Lại hỏi: có được lấy một cây là tiêu tướng cho hai giới không?

Phật đáp: ở một góc của hai giới, cho đến ba bốn giới có thể lấy cây làm tiêu tướng, nếu lượng biết giới hạn thì được thành tựu.

Phật từ nước ca thi du hành trong nhân gian đến

một trú xứ, Phật bỗng mỉm cười, từ trong miệng phóng ra hào quang năm sắc xanh vàng đỏ trắng hồng, chiếu xuống hay chiếu lên. Nếu chiếu xuống thì chiếu đến ngục Vô gián và các ngục khác khiến cho chúng sanh trong đây đang bị đốt nóng liền được mát mẻ, đang bị lạnh cóng liền được ấm áp. Họ cảm thấy an lạc liền suy nghĩ: "ta và mọi người từ cảnh khổ địa ngục chết đi, được sanh vào cõi khác chăng?". Thế Tôn sau khi làm cho các hữu tình kia sanh tín tâm liền hiện nhiều tướng khác nữa, thấy những tướng này họ liền suy nghĩ: "chúng ta không phải chết ở đây sanh về cõi kia, mà là do sức oai thần của Đại thánh đã khiến thân tâm chúng ta hiện được an lạc". Đã sanh tín kính thì có thể diệt các khổ, ở cõi nhơn thiên được thọ thân thắng diệu, thành chơn pháp khí thấy được lý chơn đế. Nếu hào quang chiếu lên thì đến cõi trời Sắc cứu cánh, trong hào quang diễn nói các pháp khổ, không, vô thường, vô ngã... và nói kệ:

*"Người phải nghe Phật dạy*
*Dốc cầu đạo xuất ly*
*Phá được quân sanh tử*
*Như voi phá nhà tranh.*
*Ở trong pháp luật Phật*
*Dũng tiến thường tu học*
*Xa lìa đường sanh tử*
*Bờ mé khổ không còn".*

Hào quang này sau khi chiếu khắp ba ngàn Đại

thiên thế giới liền trở về chỗ Phật, nếu Thế Tôn nói việc quá khứ thì hào quang trở vào phía sau lưng, nếu nói việc vị lai thì hào quang trở vào phía trước ngực, nếu nói việc địa ngục thì hào quang trở vào phía dưới chân, nếu nói việc bàng sanh thì hào quang trở vào phía gót chân, nếu nói việc ngạ quỷ thì hào quang trở vào phía ngón chân, nếu nói việc loài người thì hào quang trở vào đầu gối, nếu việc của Lực luân vương thì hào quang trở vào lòng bàn tay trái, nếu nói việc của Chuyển luân vương thì hào quang trở vào lòng bàn tay phải, nếu nói việc cõi trời thì hào quang trở vào rốn, nếu nói việc của Thanh văn thì hào quang trở vào miệng, nếu nói việc của Độc giác thì hào quang trở vào phía giữa hai chân mày, nếu nói việc của đạo quả Chánh đẳng chánh giác thì hào quang trở vào phía trên đảnh đầu. Lúc đó hào quang xoay quanh Phật ba vòng rồi trở vào trên đảnh đầu, cụ thọ A-nan Đà bạch Phật: "Thế Tôn Như Lai Ứng chánh đẳng giác vui vẻ mỉm cười chẳng phải là không có nhơn duyên", liền nói kệ thỉnh Phật:

*"Từ miệng Phật phóng hào quang vi diệu,*
*Chiếu khắp Đại thiên không phải một tướng,*
*Chiếu khắp cả 10 phương các quốc độ,*
*Như mặt trời chiếu sáng khắp hư không.*
*Phật là nhân tối thắng của chúng sanh,*

*Có thể trừ kiêu mạn và lo buồn.*
*Không nhân duyên, kim khẩu không mở lời,*
*Miệng mỉm cười ắt nói việc kỳ lạ.*
*Con lặng lẽ quan sát đấng Mâu Ni,*
*Ai muốn nghe, Phật nói cho nghe,*
*Như sư tử vương rống tiếng vi diệu,*
*Cúi xin Phật quyết nghi cho chúng con,*
*Phật như Diệu sơn vương trong biển cả,*
*Nếu không nhân duyên, Phật không dao động,*
*Tự tại từ bi, miệng Phật hiện mỉm cười,*
*Nói nhân duyên cho người đang khao khát".*

Thế Tôn bảo A-nan Đà: "Đúng vậy A-nan Đà, không phải không có nhân duyên mà Như Lai Ứng chánh đẳng giác miệng hiện mỉm cười. Này A-nan, chỗ đất này là nơi mà Phật Ca-diếp-ba quá khứ đã thuyết pháp cho các đệ tử Thanh văn", A-nan nghe rồi liền lấy y Uất Đa-la tăng xếp làm tư rồi thỉnh Phật ngồi lên, bạch rằng: "Thế tôn, con mong chỗ đất này là chỗ thọ dụng của hai bậc Chánh giác, đó là Phật Ca- diếp-ba và Thế tôn hiện nay", Phật ngồi xuống rồi nói: "lành thay, ta không nói nhưng thầy lại biết thời. Này A-nan, chỗ này là chùa của Phật Ca-diếp-ba ở, chỗ kia là nơi kinh hành, chỗ kia là nơi rửa chân, chỗ kia là nhà tắm, chỗ kia là tịnh trù".

Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi Phật: như Phật đã nói về tịnh và bất tịnh, như thế nào gọi là tịnh và bất tịnh?

Phật đáp: chánh pháp trụ thế có tịnh và bất tịnh, nếu chánh pháp hoại diệt thì đều là bất tịnh.

Lại hỏi: như thế nào gọi là chánh pháp trụ thế, như thế nào là hoại diệt?

Phật đáp: cho đến khi nào còn có tác pháp yết ma, như thuyết hành trì thì gọi là chánh pháp trụ thế; ngược lại nếu không còn tác pháp yết ma, không như thuyết hành trì thì gọi là hoại diệt.

Lại hỏi: nếu bậc Vô thượng đại sư ở ngoài giới thì các Bí-sô có được tác pháp yết ma không? Phật nói không được.

Lại hỏi: nếu Đại sư ở trong giới thì các Bí-sô có được tác pháp yết ma không?, Phật nói được.

Lại hỏi: có được kể Thế tôn vào túc số Tăng hay không?

Phật đáp: không được vì Phật bảo và Tăng bảo, thể vốn sai khác. Lại hỏi: nơi giới không thể vượt qua, có được vượt qua không?,

Phật nói không được.

Lại hỏi: có mấy loại giới không thể vượt qua?

Phật đáp: có năm loại giới, đó là giới Bí-sô, giới Bí-sô ni, tiểu đàn tràng, chỗ nước đọng và khoảng giữa hai giới.

Lại hỏi: nếu hào sâu, sông khe suối là giới không thể vượt qua thì có được vượt qua không?

Phật đáp: nếu thường có cầu thì vượt qua không lỗi.

Lại hỏi: nếu cầu hư thì trong bao lâu giới không bị mất?

Phật đáp: chừng bảy đêm, đây là dựa trên có tâm tu sửa cầu, nếu không có tâm tu sửa thì tùy cầu hư lúc nào, giới bị mất lúc đó.

Lại hỏi: nếu khi đang kết giới, vị tác pháp yết ma bỗng qua đời thì có thành kết giới không?

Phật đáp: nếu các Bí-sô biết tiêu tướng, vị tác pháp yết ma đã bỉnh bạch hơn phân nửa thì tuy qua đời vẫn thành kết kết giới. Ngược lại nếu chưa biết tiêu tướng, vị tác pháp yết ma chưa được phân nửa mà qua đời thì không thành kết giới. Trường hợp Bí-sô ni kết giới cũng giống như vậy.

**5. Nhiếp tụng thứ năm trong Biệt môn thứ nhất:**

*Đất, tường... tác yết ma,*
*Kết giới không gởi dục,*
*Chỉ ngồi ở một chỗ,*
*Được làm bốn yết ma.*

Lại hỏi: người trên đất cùng người trên đất tác pháp yết ma từ xa thì có thành tựu yết ma không?

Phật nói: không thành, nếu gởi dục thì thành.

Lại hỏi: người trên đất cùng người trên đầu tường tác pháp yết ma thì có thành tựu yết ma không?

Phật nói: không thành.

Lại hỏi: người trên đất cùng người trên cây tác pháp yết ma thì có thành tựu yết ma không?

Phật nói: không thành.

Lại hỏi: người trên đất cùng người trên không tác pháp yết ma thì có thành tựu yết ma không?

Phật nói: không thành, nên biết nêu ba trường hợp trên cây, trên tường và trên không trước để nói thì cũng có bốn câu như trên.

Lại hỏi: như Thế tôn nói có 101 pháp yết ma, vậy có bao nhiêu pháp cho gởi dục, mấy pháp không cho gởi dục?

Phật đáp: chỉ trừ pháp kết giới, tất cả pháp khác đều cho gởi dục.

Lại hỏi: nếu dùng thần biến hay huyễn thuật tạo ra tiêu tướng thì có thành tiêu tướng không?

Phật đáp: không được, vì thần lực hay huyễn thuật đều là không thật.

Lại hỏi: nếu lấy mặt trời, mặt trăng làm tiêu tướng thì có thành tiêu tướng không?

Phật đáp: không được, vì mặt trời mặt trăng không cố định một chỗ.

Lại hỏi: nếu lấy sóng nước làm tiêu tướng thì có thành tiêu tướng không?

Phật đáp: không được, vì sóng nước luôn dời đổi.

Lại hỏi: người thọ dục thanh tịnh của người

khác rồi đi trên hư không, có thành thọ dục thanh tịnh không?

Phật đáp: không thành, nên lấy dục thanh tịnh lại.

Lại hỏi: có trường hợp một Bí-sô tác pháp yết ma tại bốn trú xứ mà đều được thành tựu không?

Phật đáp: được, nếu mỗi giới đều có đủ bốn người và việc hiện tiền, tức là ở mỗi giới có ba người ngồi, người thứ tư tác pháp yết ma ngồi trên giường, phản hay chiếu trải đè trên ranh giới của bốn giới thì tác pháp được thành tựu. Có thể được làm bảy yết ma là yết ma Khu tẫn, yết ma Linh bố, yết ma Chiết phục, yết ma cầu tạ, yết ma không thấy tội, yết ma không như pháp sám hối tội và yết ma không xả ác tà kiến.

**6. Nhiếp tụng thứ sáu trong Biệt môn thứ nhất:**

*Đại giới hai trạm rưỡi,*
*Dưới nước và trên núi,*
*Dị kiến, mặt trời mọc,*
*Năm chúng thọ bảy ngày.*

Lại hỏi: như Phật dạy nên kết đại giới, vậy phạm vi đại giới là chừng bao nhiêu?

Phật đáp: phạm vi đại giới khoảng chừng hai Du thiện na rưỡi (một Du thiện na là chừng 30 dặm, tức là một dịch trạm).

Lại hỏi: nếu phạm vi lớn hơn hai Du thiện na

rưỡi thì có gọi là đại giới không?

Phật đáp: không gọi là đại giới.

Lại hỏi: phạm vi ít hơn bao nhiêu thì được gọi là đại giới? Phạm vi đến chỗ có nước được gọi là đại giới.

Lại hỏi: phạm vi ngoài hai Du thiện na rưỡi mới đến chỗ có nước, chỗ dư có được gọi là phần của đại giới không?

Phật đáp: không gọi là phần của đại giới. Lại hỏi: lên cao chừng bao nhiêu là đại giới?

Phật đáp: lên cao bằng ngọn cây hay đầu tường được gọi là đại giới.

Lại hỏi: nếu ngoài hai Du thiện na rưỡi mới đến ngọn cây hay đầu tường thì chỗ dư có được gọi là phần của đại giới không?

Phật đáp: không gọi là phần của đại giới.

Lại hỏi: ở trên núi chừng bao nhiêu là phạm vi của đại giới? Phật đáp: phạm vi đến chỗ có nước.

Lại hỏi: nếu ngoài hai Du thiện na rưỡi mới đến chỗ có nước thì chỗ dư có được gọi là phần của đại giới không?

Phật đáp: không được gọi là phần của đại giới.

Lại hỏi: nếu trong hạ an cư Tăng bị phá, có Bí-sô từ thân hữu như pháp đến với thân hữu phi pháp thì vị ấy được gọi là phá hạ hay không phá hạ?

Phật đáp: nếu Bí-sô ấy ưa thích dị kiến nên đến với thân hữu phi pháp, qua hôm sau khi mặt trời

mọc liền thành phá hạ. Ngược lại nếu không ưa thích dị kiến tuy đến chỗ thân hữu xấu ác, cho đến qua hôm sau mặt trời mọc vẫn không gọi là phá hạ.

Lại hỏi: như Phật đã dạy trong hạ an cư có duyên sự phải ra ngoài thì nên thọ pháp bảy ngày, vậy ai được thọ?

Phật đáp: năm chúng nên thọ, đó là Bí-sô, Bí-sô ni, Chánh học nữa, Cầu tịch và Cầu tịch nữ.

Lại hỏi: nên thọ pháp này ở đâu?

Phật đáp: nên thọ pháp này ở trong giới, đối trước một Bí-sô chắp tay bạch rằng: "cụ thọ nhớ nghĩ, tôi Bí-sô _____ ở tại trú xứ này tiền an cư ba tháng, nay vì việc Tăng xin thọ pháp bảy ngày xuất giới, nếu không có nạn duyên sẽ trở về lại trong trú xứ này an cư" (ba lần). Nếu có duyên sự phải đi trong sáu ngày cho đến một ngày đều dựa theo pháp thọ bảy ngày mà tác pháp thọ.

**7. Nhiếp tụng thứ bảy trong Biệt môn thứ nhất:**

*Năm chúng thọ an cư,*
*Thân tộc... thỉnh được đi,*
*Nơi kinh có nghi vấn,*
*Người cầu hiểu được đi.*

Lại hỏi: như Phật đã dạy nên hạ an cư, vậy những ai nên an cư?

Phật đáp: năm chúng nên hạ an cư, đó là Bí-sô, Bí-sô ni, Chánh học nữ, Cầu tịch và Cầu tịch nữ.

Nên đối trước một Bí-sô bạch rằng: "cụ thọ nhớ nghĩ, hôm nay là ngày 16 tháng 5, Tăng già tác pháp tiền hạ an cư. Tôi Bí-sô tên _____ cũng vào ngày 16 tháng 5 tiền hạ an cư trong đại giới của trú xứ này, _____ là thí chủ, _____ là người doanh sự, _____ là người khán bịnh. Nếu trú xứ này có hư dột, tôi sẽ tu sửa lại". (ba lần) Hậu an cư cũng theo pháp tiền an cư mà làm, Bí-sô ni đối trước Bí-sô ni tác pháp an cư cũng giống như Bí-sô, Cầu tịch nên đối trước Bí-sô tác pháp an cư, Chánh học nữa và Cầu tịch nữ nên đối trước Bí-sô ni tác pháp an cư.

Lại hỏi: như Phật đã dạy trong hạ an cư nếu Bí-sô có duyên sự do Ô-ba-sách-ca thỉnh thì nên thọ pháp xuất giới bảy ngày. Nếu có duyên sự do ngoại đạo hay thân tộc thỉnh thì có được thọ pháp xuất giới không?, Phật nói được.

Lại hỏi: nếu trong ba tạng có nghi muốn thỉnh hỏi thì có được thọ pháp xuất giới không?, Phật nói được.

Lại hỏi: nếu Bí-sô chưa hiểu cầu hiểu, chưa đắc cầu đắc, chưa chứng cầu chứng hoặc có nghi muốn cầu giải nghi thì có được thọ pháp xuất giới không?, Phật nói được, nếu đi một ngày... cũng theo đây mà tác pháp thọ.

-oOo-

# CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ NI ĐÀ NA MỤC ĐẮC CA

## QUYỂN 2

### 8. Nhiếp tụng thứ tám trong Biệt môn thứ nhất:

*Dù y không cắt rọc,*
*Có nạn duyên được mặc,*
*Y may theo thân lượng,*
*Nếu thiếu may hạ y.*

Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi: y không cắt rọc có được thọ trì không? Phật đáp: không được, nếu có nạn duyên thì được.

Lại hỏi: y không cắt rọc có được mặc đi vào tụ lạc hoặc nhà thế tục hoặc trú xứ của ngoại đạo không?

Phật đáp: không được, nếu có nạn duyên thì được.

Lại hỏi: y không cắt rọc có được mặc vào trong nhà ngoại đạo ngồi không?

Phật đáp: không được, nếu ngoại đạo không có ở nhà thì được ngồi không phạm.

Lại hỏi: như Phật đã dạy y nên may đúng theo

kích lượng Phật đã chế mới được thọ trì, nếu người có thân lượng to lớn mà kích lượng Phật đã chế lại ngắn thì có nên y theo kích lượng Phật đã chế để may y không?

Phật nói: nên y theo thân lượng của người này mà may y.

Lại hỏi: nếu y theo thân lượng của người này để may y mà vải không đủ thì phải như thế nào?

Phật đáp: nên may thành y Quyết tô lạc ca (tức là hạ y: váy hay quần) để thọ trì.

**9. Nhiếp tụng thứ chín trong Biệt môn thứ nhất:**

*Không chứa năm loại da,*
*Do vì có lỗi lầm,*
*Khai cho được thọ dụng,*
*Vừa đủ thân ngồi nằm.*

Lại hỏi: như Phật đã dạy không được dùng da của voi chúa làm giày, vậy da của các loài voi khác có được dùng làm giày không?

Phật đáp: không được, vì các loài voi khác cũng có sức mạnh của ngà.

Lại hỏi: như Phật đã dạy không được dùng da của Trí mã làm giày, vậy da của các loài ngựa khác có được dùng làm giày không?

Phật đáp: không được, vì các loại ngựa khác cũng có sức mạnh khỏe để chạy.

Lại hỏi: như Phật đã dạy không được dùng da

của sư tử, cọp, báo làm giày, vậy da của các loài thú khác có được dùng làm giày không?

Phật đáp: không được, vì các loài thú khác cũng có sức mạnh của móng vuốt.

Lại hỏi: như Phật đã dạy không nên ngồi trên da của các loài thú kể trên, còn da của các loài thú khác thì được, vậy nên dùng kích lượng là bao nhiêu?

Phật đáp: nên dùng kích lượng vừa bằng chỗ ngồi.

Lại hỏi: nếu dùng để lót nằm thì nên dùng kích lượng là bao nhiêu?

Phật đáp: nên dùng kích lượng vừa bằng chỗ nằm.

**10. Nhiếp tụng thứ mười trong Biệt môn thứ nhất:**

*Thịt sống, các loại giấm,*
*Có năm loại không dùng,*
*Bịnh trĩ không cắt bỏ,*
*Hồi thí, biết mong cầu.*

Phật tại thành Thất-la-phiệt, Ưu-ba-ly hỏi Phật:

Lại hỏi: như Phật đã khai cho Bí-sô Tây yết da vì bịnh được ăn thịt sống, thịt sống này nên thọ lấy từ đâu?

Phật đáp: thọ lấy từ năm hạng đồ tể, đó là kẻ giết đêm gà, heo, kẻ bắt chim và thợ săn.

Lại hỏi: nên sai ai đến thọ lấy?

Phật đáp: nên sai người có tín tâm.

Lại hỏi: thọ rồi nên đưa lại cho ai?

Phật đáp: nên đưa lại cho người có tín tâm.

Lúc đó trong thành có một Bí-sô mắc bịnh tiêu khát, đến thầy thuốc yêu cầu điều trị, thầy thuốc bảo nên dùng Tô, Bí-sô nói Phật chưa khai cho dùng, thầy thuốc nói: "Thế tôn đại bi ắt sẽ khai cho", Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "nếu thầy thuốc bảo dùng Tô mới hết bịnh thì được dùng". Bí-sô này dùng Tô rồi vẫn bị bịnh bức bách, thầy thuốc nói: "nếu dùng Tô không hết bịnh thì nên dùng các loại rượu giấm", Bí-sô nói Phật chưa khai cho dùng, thầy thuốc nói: "Thế tôn đại bi ắt sẽ khai cho", Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "nếu thầy thuốc bảo nên dùng rượu giấm thì ta khai cho được dùng", Bí-sô không biết nên dùng các loại rượu giấm nào, Phật nói: "có sáu loại dấm đều có thể dùng, đó là đại rượu giấm, rượu giấm từ gạo, rượu giấm thuốc, rượu giấm nhạt, lạc tương và lạc tương khuấy. Đại rượu giấm là dùng đường cát với nước trộn vào trong các loại trái cây như nho... để ủ lâu ngày thành rượu giấm. Rượu giấm từ gạo là xay gạo nếp cùng các tạp vật khác rồi ủ lâu ngày thành rượu giấm. Rượu giấm thuốc là dùng rễ cành... của các loại cây thuốc cùng táo chua... ủ lâu ngày thành rượu giấm thuốc. Rượu giấm nhạt là nấu cơm chắt lấy nước rồi pha nước vào cho loãng để dùng. Lạc tương là nước uống chế biến từ Lạc. Lạc tương

khuấy là khuấy Lạc thành Tô rồi chế biến thành nước uống, tất cả các loại nước uống khác đều gọi là Tương. Tất cả loại nước uống này khi thọ dụng nên pha vào một ít nước để tác tịnh, dùng vải dày lượt rồi để lắng trong như màu nước tre, dù là thời hay phi thời, bịnh hay không bịnh đều được dùng không phạm".

Lúc đó trong thành có một Bí-sô bị bịnh Trĩ, đầu Trĩ lòi ra ngoài nên Bí-sô dùng móng tay ngắt bỏ, đau đớn chịu không nổi liền suy nghĩ: "ta bịnh khổ không thể chịu nổi, vì sao Thế tôn không thương xót". Phật do đại bi dẫn dắt nên đi đến chỗ Bí-sô bịnh hỏi: "thầy mắc bịnh khổ gì?", Bí-sô nghe Phật hỏi liền thương cảm nghẹn ngào rơi lệ liền nói rõ bịnh tình của mình, Phật nghe rồi nói rằng: "trước đây ta có chế ngăn nếu mắc bịnh Trĩ không được cắt bỏ", đáp là Phật đã chế ngăn, Phật hỏi: "nếu biết đã chế ngăn vì sao thầy còn làm?", đáp là do bịnh khổ bức bách, Phật nói: "nếu do bịnh khổ bức bách thì không phạm, từ nay dù bị bịnh bức bách thế nào cũng không được cắt bỏ. Trị bịnh Trĩ này có hai cách là dùng thuốc hoặc dùng cấm chú, Bí-sô mắc bịnh khổ này không được tự cắt bỏ hay bảo người khác cắt bỏ giùm, ai làm trái thì phạm tội Việt pháp", Phật lại bảo các Bí-sô: "ở chỗ khác trước đây ta đã nói cấm chú trị bịnh Trĩ này rồi, nhưng nay ta sẽ nói lại, nếu ai tụng trì ắt sẽ được lành bịnh, nếu tụng trì cho đến trọn đời thì sẽ

không bị bịnh Trĩ này bức não, cũng được Túc mạng trí có thể nhớ biết việc trong bảy đời quá khứ", Phật nói chú:

Đát điệt tha, a lỗ ni mạt lỗ ni tỷ ni, câu lê bà tỳ thế sa bà tỳ, tam bà tỳ, sa ha.

Này các Bí-sô, khi tụng chú nên nói lời này: "ở phương Bắc trong Đại tuyết sơn vương có đại thọ tên Tiết địa đa nở ra ba loại hoa: một tên là Tương tục, hai tên là Nhu nhuyến, ba tên là Càn khô. Như hoa Càn khô thì đến mùa khô sẽ rơi rụng, bịnh Trĩ này của ta hoặc là bịnh Trĩ phong hay Trĩ nóng, Trĩ đàm ấm, Trĩ huyết, Trĩ phân và các loại Trĩ khác cũng đều sẽ khô rụng, không chảy máu mũ khiến cho đau đớn nữa, thảy đều khô rụng hết, sa ha", Phật lại nói chú:

Đát điệt tha, chiêm mê, chiêm mạt nê khứ, sa ha. Các Bí-sô nghe Phật nói rồi đều hoan hỉ phụng hành.

Phật tại tụ lạc thương buôn Na trĩ thuộc trú xứ Thích ca, trong tụ lạc này có một trưởng giả tín tâm và hỷ xả đã xây dựng một trú xứ cúng cho tôn giả La hỗ la. Tôn giả ở chưa được bao lâu, vì có duyên sự nên đắp y mang bát du hành trong nhan gian, trưởng giả nghe tin không biết tôn giả có trở về lại không, nên đem trú xứ này hồi thí cho Tăng. Sau một thời gian du hóa trở về lại trú xứ, La hỗ la mới biết trưởng giả đã đem hồi thí cho Tăng, liền đến

chỗ Phật đảnh lễ bạch rằng: "Thế tôn, trong tụ lạc này có một trưởng giả tín tâm và hỷ xả đã xây dựng một trú xứ cúng cho con. Con ở chưa được bao lâu, vì có duyên sự nên đắp y mang bát du hành trong nhan gian, trưởng giả nghe tin không biết con có trở về lại không, nên đem trú xứ này hồi thí cho Tăng. Giờ con phải làm sao?", Phật bảo La hỗ la: "con nên đến nói với trưởng giả rằng: "nơi thân ngữ ý của tôi, ông có từng sanh chút tâm chán ghét hay không?", La hỗ la vâng lời Phật dạy đến hỏi trưởng giả như thế, trưởng giả đáp là chưa từng có ý tưởng chán ghét, La hỗ la trở về bạch lại lời của trưởng giả, Phật nghe rồi liền bảo A-nan: "thầy hãy đến tụ lạc Na trĩ thông báo cho các Bí-sô trú ở đó đến tập họp trong giảng đường", A-nan vâng lời Phật dạy đi thông báo, khi các Bí-sô tập họp đông đủ, A-nan đến bạch Phật biết thời. Phật cùng các Bí-sô và La hỗ la đến trong giảng đường ngồi trước các Bí-sô nói rằng: "các thầy nên biết, nếu có thí chủ đem vật mà mình đã thí riêng cho một người, sau đó hồi thí lại cho người khác thì người thí là phi pháp, người thọ cũng phi pháp, gọi là thọ dụng bất tịnh. Cũng vậy, đem vật mà mình đã cho rồi hồi thí lại cho hai, ba người hoặc Tăng thì người thí và người cho đều không như pháp, thọ dụng đều bất tịnh. Này các Bí-sô, nếu có thí chủ đem vật mà mình đã thí riêng cho hai người hoặc ba người, sau đó hồi thí lại cho người khác thì người thí là phi

pháp, người thọ cũng phi pháp, gọi là thọ dụng bất tịnh. Cũng vậy, đem vật mà mình đã cho rồi hồi thí lại cho hai, ba người hoặc Tăng thì người thí và người cho đều không như pháp, thọ dụng đều bất tịnh. Này các Bí-sô, nếu có thí chủ đem vật mà mình đã thí cho Tăng già, sau đó hồi thí lại cho người khác thì người thí là phi pháp, người thọ cũng phi pháp, gọi là thọ dụng bất tịnh. Cũng vậy, đem vật mà mình đã cho rồi hồi thí lại cho hai, ba người hoặc Bí-sô Tăng già khác, hoặc Bí- sô ni tăng già thì người thí và người cho đều không như pháp, thọ dụng đều bất tịnh. Vì sao, vì thí trước là thật thì, thí sau là phi pháp thí. Ngược lại, nếu có thí chủ đem vật mà mình đã thí riêng cho một người rồi, sau đó không hồi thí lại cho người khác thì người thí là như pháp, người thọ cũng như pháp, gọi là thọ dụng thanh tịnh. Cũng vậy, đem vật mà mình đã cho rồi, không hồi thí lại cho hai, ba người hoặc Tăng hoặc Ni tăng thì người thí và người cho đều là như pháp, thọ dụng đều thanh tịnh. Này các Bí-sô, đất đai thuộc của vua, vật dụng thuộc của thí chủ; phòng xá ngọa cụ thì thí chủ là chủ, y bát tư cụ thì Bí-sô là chủ. Những tài vật đã cúng cho chùa, nếu có hư hoại thì thí chủ tự sẽ tu bổ nhưng không được tự lấy đem hồi thí cho người khác, vì thí trước là như pháp, thì sau là phi pháp. Cho nên các Bí-sô nên trả lại trú xứ trước đã thí cho La hỗ la, từ nay Bí-sô đem vật mà mình đã cho người này hồi thí

lại cho người kia thì phạm tội Việt pháp, trừ nạn duyên", các Bí-sô vâng lời Phật dạy trả lại trú xứ trước đã thí cho La hỗ la.

Như Phật đã dạy năm hay sáu năm nên mở hội Đảnh kế một lần, lúc đó có các Bà-la-môn, trưởng giả tín tâm đem đủ loại bánh trái và rất nhiều thức ăn đến cúng cho Tăng, các Bí-sô ăn không hết nên đem thức ăn dư đó cho các Cầu tịch. Sáng hôm sau, các Cầu tịch đem thức ăn đó cho lại các Bí-sô, các Bí-sô hỏi thức ăn này được từ đâu, đáp là của các thầy cho hôm qua, các Bí-sô suy nghĩ: "đây là thức ăn dư của ta, hôm nay ăn lại, theo luật chế là phạm", nghĩ rồi liền bạch Phật, Phật nói: "nếu có tâm mong cầu cho để được ăn lại thì khi cho phạm Ác tác, khi ăn liền phạm Đọa; nếu cho với tâm không mong cầu nhưng có tâm mong cầu được ăn lại thì khi cho không phạm, khi ăn liền phạm Đọa; nếu cho với tâm có mong cầu nhưng không có tâm mong cầu được ăn lại thì khi cho phạm Ác tác, ăn không phạm".

## II. TỔNG NHIẾP TỤNG CỦA BIỆT MÔN THỨ HAI:

*Chia y và xướng dắt,*
*Trương y, người thọ học,*
*Làm lại, thâu nhiếp, đuổi,*
*Cầu tịch đồng trên tường.*

**1. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ hai:**

*Chia y vật người chết,*
*Cùng lấy vật lẫn nhau,*
*Thấy đánh nên can gián,*
*Xử phân theo đầu day.*

Phật tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó có một trưởng giả sanh được một trai, sau khi lớn lên xuất gia thọ Cận viên trong Phật pháp, thời gian sau không may bị bịnh nặng qua đời, các Bí-sô đem y bát táng theo tử thi, người tục thấy liền nói: "chúng tôi có con cháu nên muốn gì cũng dễ được, vậy mà vật của người chết cũng không táng theo hết; còn các thầy không có con cháu, các tư tài đã có phải khổ cầu mới được, vì sao không giữ lại vật của người chết để dùng?", các Bí-sô nói: "Phật chưa cho giữ lại vật của người chết để dùng", bạch Phật, Phật nói: "y bát của Bí-sô qua đời không nên bỏ". Sau đó có Bí-sô bịnh qua đời, các Bí-sô lột lấy y để tử thi thân trần mà táng, người tục thấy liền chê trách, Phật nói: "không nên để tử thi thân trần, nên mặc y phục và phủ tấm vải trên người mà đem táng", các Bí-sô lại mặc y phục tốt đẹp cho người chết rồi đem táng, Phật nói không nên như thế, các Bí-sô lại mặc y phục rách nát cho người chết rồi đem táng, Phật nói: "cũng không nên, nên dùng loại y phục không tốt lắm cũng không xấu lắm mặc cho người chết rồi đem táng". Lúc đó các Bí-sô bạch Phật: "y bát của người chết để lại nên xử phân

như thế nào?", Phật nói: "nên đem cho Bí-sô nào nghèo thiếu", Lục chúng Bí-sô liền làm ra vẻ nghèo thiếu để được cho, Phật nói: "không nên đem cho Lục chúng Bí-sô, nên cho theo thứ tự từ Thượng tòa trở xuống", khi làm như vậy các Bí-sô nhỏ lại không được cho, Phật nói: "nên tập họp chúng rồi tác bạch, nếu chúng tăng hòa hợp chấp thuận lấy y bát đó đem bán rồi cùng chia".

Duyên xứ như trên, lúc đó có một Bí-sô bịnh qua đời, y bát gởi tại trú xứ ni, sau khi được các Bí-sô ni tống táng xong, các Bí-sô mới hay biết liền đến trú xứ ni đòi lấy y bát của người đã chết, Bí-sô ni nói: "nếu vị ấy chết ở chùa tăng thì y bát thuộc về các thầy, nay vị ấy chết tại chùa ni lại là huynh đệ đồng pháp của tôi nên y bát của vị ấy nên thuộc về tôi", Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "ni nên đưa lại cho Bí-sô".

Duyên xứ như trên, lúc đó có một Bí-sô ni bịnh qua đời, y bát gởi tại trú xứ của Bí-sô, các Bí-sô ni đến chỗ Bí-sô xin lại y bát của ni đã chết, Bí-sô nói: "vị ni ấy là tỷ muội đồng pháp của tôi nên y bát của vị ấy nên thuộc về tôi", Phật nói nên đưa lại cho Bí-sô ni.

Duyên xứ như trên, lúc đó có một Bí-sô du hành trong nhân gian, đến nhà một cư sĩ trong một tụ lạc, bỗng mắc bịnh qua đời, chủ nhà tống táng rồi cất giữ y bát của Bí-sô. Sau đó có các Bí-sô ni du hành đến tụ lạc đó, vị cư sĩ ấy nói với Bí-sô ni:

"Thánh giả, trước đây có một Bí-sô qua đời tại nhà tôi, tôi đang cất giữ y bát của vị ấy, các vị hãy lấy mang đi", Bí-sô ni nói: "y bát của Bí-sô qua đời, ni không được thọ lấy", các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "ở chỗ không có Bí- sô thì Bí-sô ni nên thọ lấy".

Duyên xứ như trên, lúc đó có một Bí-sô ni du hành trong nhân gian, đến nhà một cư sĩ trong một tụ lạc, bỗng mắc bịnh qua đời, chủ nhà tống táng rồi cất giữ y bát của Bí-sô ni. Sau đó có các Bí-sô du hành đến tụ lạc đó, vị cư sĩ ấy nói với Bí-sô: "Thánh giả, trước đây có một Bí-sô ni qua đời tại nhà tôi, tôi đang cất giữ y bát của vị ấy, các vị hãy lấy mang đi", Bí-sô nói: "y bát của Bí-sô ni qua đời, tôi không được thọ lấy", các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "ở chỗ không có Bí-sô ni thì Bí-sô nên thọ lấy".

Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Thế tôn, nếu Bí-sô qua đời trong nhà thế tục, y bát của vị ấy ai được thọ lãnh?", Phật nói: "ai đến trước thì được thọ lãnh", lại hỏi: "nếu hai người cùng đến một lượt thì ai được thọ lãnh?", Phật nói: "ai hỏi trước thì được", lại hỏi: "nếu hai người cùng hỏi một lượt thì ai được?", Phật nói: "cả hai đều được, hoặc tùy tâm của người tục thích đưa cho ai thì người đó được".

Duyên xứ như trên, lúc đó có hai Bí-sô cùng đấu tranh, các Bí- sô thấy họ đấu tranh mà không

can ngăn, người tục thấy vậy liền nói: "người tục chúng tôi khi thấy người khác cùng đấu tranh liền can ngăn hòa giải, tại sao các thầy thấy vậy mà lại khoanh tay đứng nhìn?", đáp: "họ thích đấu tranh thì ai có thể can ngăn được", bạch Phật, Phật nói: "nên can, không được đứng nhìn". Sau đó các Bí-sô can nhưng họ không dừng lại, Phật nói: "nếu can mà không dừng lại thì các Bí-sô nên tác yết ma Xả trí cho họ". Sau đó có hai Bí-sô luận nghị cốt lõi phải trái nên sanh tranh cãi, các Bí-sô liền tác yết ma Xả trí họ, hai Bí-sô này nói: "chúng tôi luận nghị phải trái, vì sao các thầy lại tác yết ma Xả trí chúng tôi?", các Bí-sô nói: "Phật bảo thấy những người tranh cãi không ngừng thì nên tác yết ma Xả trí cho họ, nên chúng tôi mới tác yết ma", bạch Phật, Phật nói: "không nên thấy tranh cãi liền tác yết ma Xả trí, nếu họ còn hai thầy thì nên nhờ hai thầy can ngăn; nếu họ đủ mười hạ, đã lìa y chỉ thì các Bí-sô nên can ngăn, khi nào họ không chịu dứt tranh thì lúc đó mới tác yết ma Xả trí cho họ".

Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi Phật: "nếu Bí-sô qua đời ở giữa hai giới thì y bát của vị ấy, bên nào được thọ lãnh?", Phật nói: "đầu day về phía nào thì phía ấy được thọ lãnh", lại hỏi: "nếu đầu day về phía giới chung của hai trú xứ thì như thế nào?", Phật nói: "cả hai trú xứ đều được".

## 2. Nhiếp tụng thứ hai trong Biệt môn thứ

**hai:**

*Người xướng ngôn đi xe,*
*Được y nên cất giữ,*
*Tăng già được y lợi,*
*Thánh phàm đều đồng chia.*

Phật tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó trong thành có nhiều ngoại đạo cư trú, từ khi Phật đến đây, thế lực của họ suy yếu nên lợi dưỡng cũng ít theo, những người tục còn tín ngưỡng ngoại đạo liền đi xin lợi vật để cúng cho họ. Mỗi sáng sớm trưởng giả Cấp-cô-độc đều đến chỗ Phật, trên đường đi, các đồ chúng của ngoại đạo theo ông xin tài vật để cúng cho thầy họ, trưởng giả liền suy nghĩ: "tà chúng của ngoại đạo mà còn biết đi xin tài vật để cúng cho thầy mình. Như Thế tôn đã dạy là nếu người chưa tin nên làm cho khởi lòng tin và điều phục họ trụ trong chánh pháp. Nếu Đại sư chấp thuận, ta sẽ vận động mọi người cúng dường phước điền này", nghĩ rồi liền đến bạch Phật, Phật nói tùy ý. Sau đó trưởng giả đi khắp nơi vận động; các cư sĩ, Bà-la-môn nói: "nếu Thánh chúng cùng đến hóa duyên thì phước lợi càng tăng nhiều", trưởng giả bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô theo hỗ trợ trưởng giả, các Bí-sô vâng lời Phật dạy cùng trưởng giả đi hóa duyên, mọi người nói: "xin xướng tên họ của chúng tôi cho mọi người đều biết", các Bí-sô nói: "lành thay, như Phật đã dạy nếu có thí chủ cúng dường, nên ghi tên họ của họ để chú nguyện rồi

mới thọ", mọi người nói: "xin hãy xướng tên họ của chúng tôi để phước được tăng thêm", Phật nói nên xướng tên họ của thí chủ. Sau đó có thí chủ mang tài vật đến chùa cúng dường, Phật nói: "nếu có thí chủ đến chùa cúng, cũng nên ghi tên họ, chú nguyện cho họ rồi mới thọ".

Khi Bí-sô xướng ngôn vừa xướng tên, mọi người chen chúc tụ đến nên không thể đi tới trước được, Phật bảo nên đi xe hay ngồi trên kiệu; gặp trời nắng nóng hay mưa gió, Phật bảo nên che dù. Lúc đó cửa chùa chỉ mở có một cửa, mọi người vào quá đông nên nghẽn tắt lối đi, Phật nói nên mở cả bốn cửa và sắp đặt bốn người xướng ngôn.

Khi trưởng giả vận động được nhiều bạch điệp tốt và tài vật có đến trăm ngàn vạn ức, liền suy nghĩ: "đã khuyến hóa được nhiều tài vật, ta nên mở hội đại thí cúng dường Phật và Tăng, nên để tài vật này trước đại chúng để cúng dường một lần", nghĩ rồi liền ở trong rừng Thệ đa sắp xếp các tài vật đã khuyến hóa được, cho người coi giữ rồi đến bạch Phật: "Thế tôn, ngày mai con muốn mở hội đại thí cúng dường Phật và Tăng", Phật im lặng nhận lời. Trưởng giả ngay trong đêm đó lo liệu đầy đủ các món ăn thượng diệu, sáng hôm sau trải tòa ngồi rồi đến bạch Phật đã đến giờ thọ thực. Sau khi Phật và Tăng thọ thực xong, trưởng giả bạch Phật: "Thế tôn, trong nhân gian có mấy loại phước điền?", Phật nói: "có hai, đó là bậc Hữu học và bậc Vô học.

Bậc Hữu học sai biệt có mười tám hạng, bậc Vô học sai biệt có chín hạng, đều là phước điền có thể tiêu được lợi vật cúng dường. Mười tám bậc Hữu học là Dự lưu hướng, Dự lưu quả; Nhất lai hướng, Nhất lai quả; Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả; A-la-hán hướng, A-la-hán quả; Tùy tín hành, Tùy pháp hành, Tín giải, Kiến trí, Gia gia, Nhất gia, Trung sanh, Hữu hành, Vô hành và Thượng lưu. Chín bậc Vô học là Thối pháp, Tư pháp, Hộ pháp, Trú pháp, Kham đạt pháp, Bất động pháp, Bất thối pháp, Tuệ giải thoát và Cầu giải thoát". Phật nói kệ:

*"Bậc học, vô học trên thế gian,*
*Là bậc đáng cung kính cúng dường,*
*Thân khẩu ngay thẳng, tâm thanh tịnh,*
*Cúng phước điền này được phước lớn".*

Lúc đó trưởng giả ở trước vị Thượng tòa thỉnh Bí-sô xướng ngôn: "xin Thánh giả bạch với đại chúng rằng: "các đệ tử Thanh văn của Thế tôn, ai là bậc phước điền vô thượng đáng được cung kính lễ bái, xứng đáng được thế gian cúng dường thì xin hãy đến thọ lấy y vật này, tùy ý thọ dụng"", Bí-sô xướng ngôn liền tác bạch theo lời của trưởng giả, đại chúng nghe rồi, các bậc A-la-hán đã viễn ly tham sân si suy nghĩ: "ta là bậc đã chứng quả vô thượng ở trong Tăng xứng đáng được thọ lợi vật này, nhưng như Phật đã dạy: "nếu tự mình có thắng thiện thì phải giấu kín bên trong, nếu có lỗi thô thì nên phát lồ, nay ta há vì lợi vật này mà lại hiển

dương đức của mình cho mọi người biết ta là bậc Ly dục vô thương", nghĩ như thế rồi nên ngồi im lặng. Các bậc hữu học chưa trừ hết các hoặc cũng suy nghĩ: "các bậc phước điền vô thượng mới xứng đáng thọ lợi vật này, ta chưa hết các lậu hoặc thì không nên thọ", nghĩ như thế rồi nên cũng ngồi im lặng. Các hàng dị sanh còn đầy đủ triền phược cũng suy nghĩ: "bậc phước điền vô thượng mới xứng đáng thọ lợi vật này, còn ta còn đầy đủ triền phược thì không có phần". Do nghĩ như thế nên trong đại chúng, không có ai đến thọ lấy lợi vật cúng dường của trưởng giả, trưởng giả suy nghĩ: "có phải ta đã khiến cho Thánh phàm tăng này làm việc úp bát cho ta không?", nghĩ rồi thần sắc liền biến đổi thành tiều tụy, đến bạch Phật, Phật tuy biết nguyên do nhưng vẫn hỏi A-nan: "vì sao trưởng giả cúng dường nhiều y vật cho đại chúng mà không ai đến thọ lấy vậy?", A-nan đáp: "do trưởng giả tác bạch rằng: các đệ tử Thanh văn của Thế tôn, ai là bậc phước điền vô thượng đáng được cung kính lễ bái, xứng đáng được thế gian cúng dường thì xin hãy đến thọ lấy y vật này, tùy ý thọ dụng. Đại chúng nghe bạch như thế rồi đều im lặng, không ai đến thọ lấy cả", Phật bảo A-nan: "thầy đi thông báo cho các Bí-sô đang ở trong thành Thất-la-phiệt và các nơi khác đến đều tập họp trong giảng đường", A-nan vâng lời Phật dạy đi thông báo, khi các Bí-sô đều tập họp đông đủ, A-nan bạch Phật biết thời,

Phật đến trong giảng đường ngồi trước các Bí-sô nói rằng: "trưởng giả Cấp-cô- độc cùng dường nhiều y vật, vì sao các thầy không ai chịu thọ?", các Bí-sô im lặng, Phật tuy biết nguyên do nhưng vẫn hỏi A-nan, A-nan liền nói rõ nguyên do, Phật nói: "chẳng phải ban đầu các thầy do lòng tin mà đến trong giáo pháp của ta xuất gia cầu giải thoát hay sao?", đáp là phải, Phật nói: "nếu các thầy do lòng tin mà xuất gia trong Phật pháp để cầu giải thoát thì dù y phục đang mặc trị giá một ức tiền vàng, phòng xá đang ở trị giá năm trăm tiền vàng, thức ăn uống đủ trăm vị ngon, ta vẫn khai cho các thầy thọ, vì các thầy có thể tiêu hóa được. Nhưng nếu có Bí-sô nào phá giới thì ngay trong trú xứ cũng không tiêu hóa nổi miếng thức ăn, đất của Tăng già lam cũng không thể để chân vào, vì sao, vì người phá giới có mười lỗi:

1. Tự biết mình là người phá giới, người khác cũng biết mình là người phá giới.
2. Thiên thần không thân gần hộ trì nữa.
3. Đồng phạm hạnh khinh chê.
4. Người thiện biết pháp khinh chê.
5. Tiếng xấu lan truyền, bốn phương đều biết.
6. Người chưa chứng ngộ không thể chứng ngộ.
7. Người đã chứng ngộ sẽ thối thất.
8. Những pháp đã thấy nghe thảy đều quên.
9. Khi sắp chết tâm sầu não.

10. Sau khi chết bị đọa địa ngục.

- Lại nữa này các Bí-sô, thọ dụng có năm, đó là:

1. Chủ thọ dụng: chỉ cho bậc A-la-hán đã vĩnh viễn trừ hết ba độc.

2. Cha mẹ thọ dụng: chỉ cho bậc Học nhân còn có dư hoặc.

3. Khai cho thọ dụng: chỉ cho bậc dị sanh thuần thiện, giới thanh tịnh, siêng tu thiền tụng, không có tâm giãi đãi.

4. Mắc nợ thọ dụng: chỉ cho người tuy có trì giới nhưng không siêng tu giác phẩm thiện pháp.

5. Trộm cắp thọ dụng: chỉ cho người phạm một trong bốn trọng.

Vì thế các thầy nên tinh tấn tu học, đối với những y vật và lợi vật khác của trưởng giả này cúng dường, đại chúng nên bình đẳng phân chia".

-oOo-

# CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ NI ĐÀ NA MỤC ĐẮC CA

## QUYỂN 3

**3. Nhiếp tụng thứ ba trong Biệt môn thứ hai:**

*Có trương, có không trương,*
*Có xuất, có không xuất,*
*Nếu người ở ngoài giới,*
*Nghe sanh tâm tùy hỉ.*

Phật tại thành Thất-la-phiệt, tôn giả Ưu-ba-ly hỏi Phật:

Hỏi: có trường hợp khi Tăng cùng trương y Yết-sỉ-na, Bí-sô ở trong chúng mà lại không trương y hay không?

Phật đáp: có, nếu khi Tăng cùng trương y, Bí-sô ở trong chúng không gởi dục cho người khác mà ngủ hay nhập định thì không gọi là cùng trương y, nhưng đại chúng vẫn được gọi là thiện trương y.

Lại hỏi: có trường hợp khi Tăng cùng trương y Yết-sỉ-na, Bí-sô ở trong chúng tuy không thọ mà vẫn thành trương y hay không?

Phật đáp: có, nếu khi Tăng cùng trương y, Bí-

sô ở trong chúng gởi dục cho người khác rồi ngủ hay nhập định thì tuy không thọ vẫn gọi là cùng trương y.

Lại hỏi: có trường hợp khi Tăng cùng xuất y Yết-sỉ-na, Bí-sô ở trong chúng mà lại không cùng xuất y hay không?

Phật đáp: có, nếu khi Tăng cùng xuất y, Bí-sô ở trong chúng không gởi dục cho người khác mà ngủ hay nhập định thì không gọi là cùng xuất y, nhưng Tăng vẫn thành xuất y.

Lại hỏi: có trường hợp khi Tăng cùng xuất y Yết-sỉ-na, Bí-sô ở trong chúng tuy không thọ mà vẫn thành xuất y hay không?

Phật đáp: có, nếu khi Tăng cùng xuất y, Bí-sô ở trong chúng gởi dục cho người khác rồi ngủ hay nhập định thì vẫn gọi là cùng xuất y. nếu có Bí-sô ở ngoài giới nghe Tăng xuất y Yết-sỉ-na mà phát tâm tùy hỉ, cũng thành xuất y.

**4. Nhiếp tụng thứ tư trong Biệt môn thứ hai:**

*Thọ học không tác pháp,*
*Tác pháp không thành quở,*
*Mười hai hạng thành quở,*
*Bất tịnh: phạm căn bản.*

Lại hỏi: người thọ học có được tác pháp yết ma không?, Phật nói không được.

Lại hỏi: người thuộc loại Bán trách ca và có các

chướng nạn thì có được tác pháp yết ma không?, Phật nói không được.

Lại hỏi: người thọ học có được hành trù không?, Phật nói không được.

Lại hỏi: người phạm tứ trọng có được hành trù không?, Phật nói không được.

Lại hỏi: như Phật đã dạy vì người khác làm yết ma như pháp thì người đó quở không thành quở, vậy nếu làm yết ma phi pháp thì người đó quở có thành quở không?

Phật đáp: người đó quở thì thành quở.

Lại hỏi: nếu mười hai hạng người khi chúng tác pháp sai, liền nói là không cần sai tôi, thì những hạng người này quở có thành quở không?

Phật đáp: những người này quở thì thành quở, nhưng phải dựa vào hai việc, khi ta mật ý nói quở không thành quở tức là chỉ người không thanh tịnh và yết ma như pháp.

Lại hỏi: vậy như thế nào là người không thanh tịnh?

Phật đáp: tức là người phạm một trong bốn tội Tha thắng.

**5. Nhiếp tụng thứ năm trong Biệt môn thứ hai:**

*Càng nên tác pháp lại,*
*Chớ bảo Cầu tịch ra,*
*Khéo dụng tâm thủ hộ,*

*Ở chỗ thấy không nghe.*

Duyên xứ như trên, tôn giả Ưu-ba-ly hỏi Phật: "người thọ học vì người khác tác pháp yết ma, tác pháp xong thì có thành yết ma không?", Phật nói: "không thành, nên tác pháp lại; người phạm tứ trọng cũng vậy". Lúc đó có một Cầu tịch sắp thọ Cận viên, Thân giáo sư đã sắm đủ y bát, khi tam sư và thất chứng đang tác pháp có bảo Cầu tịch ra ngoài giới đợi. Thân tộc của Cầu tịch này không muốn cho thọ Cận viên nên khi tìm thấy Cầu tịch đứng ở ngoài giới liền dẫn đi, do việc này nên không thể thọ Cận viên và mất thắng nghiệp. Các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "như con trưởng của Chuyển luân thánh vương đã được thọ quán đảnh sắp lên ngôi vua thì phải ngày đêm thủ hộ, Cầu tịch cũng vậy, sắp thọ Cận viên cần phải thủ hộ, không nên bảo ra ngoài giới, nên bảo đứng hướng về Tăng ở chỗ thấy mà không nghe đợi".

**6. Nhiếp tụng thứ sáu trong Biệt môn thứ hai:**

*Thu nhiếp ở trong giới,*
*Trong chúng tâm hàng phục,*
*Chặt bỏ cột, khung cửa,*
*Ni... cũng đồng đuổi đi.*

Duyên xứ như trên, tôn giả Ưu-ba-ly hỏi Phật:

Hỏi: như Phật đã dạy nếu vì người kia tác yết ma Linh bố, người kia về sau nếu được thâu nhiếp

ở trong chúng mới vì giải yết ma. Vậy người kia phải đủ mấy pháp mới được thu nhiếp?

Phật đáp: phải đủ năm pháp mới được thu nhiếp: một là có tâm vui mừng, hai là tùy thuận phục tùng chúng tăng, ba là xin diệt trừ tội đã phạm, bốn là tự thân biểu hiện sự cung kính, năm là từ bỏ các duyên đấu tranh.

Lại hỏi: nên tác pháp giải yết ma ở đâu, đáp là ở trong giới.

Lại hỏi: như Phật đã dạy nên tác yết ma linh bố cho các Bí-sô đấu tranh, nếu lúc đang tác pháp họ hiện tướng không phục tùng thì phải như thế nào?

Phật đáp: nên đưa y bát cho họ rồi đuổi ra ngoài giới, nếu họ không chịu đi ôm lấy cột trụ thì chặt bỏ cột trụ, nếu ôm chặt khung cửa thì chặt bỏ khung cửa.

Lại hỏi: cột trụ và khung cửa bị chặt hư thì ai đứng ra tu bổ lại? Phật đáp: đại chúng nên quyên hóa rồi cùng cư sĩ tu bổ lại.

Lại hỏi: nếu Bí-sô ni hợp tác đấu tranh thì làm thế nào?. Phật đáp: cũng tác pháp khu tẫn giống như Bí-sô, ba chúng dưới cũng vậy. Nếu bị đuổi mà không đi cũng làm giống như trên.

Lại hỏi: nếu Bí-sô hay Bí-sô ni làm hạnh xấu, nhơ nhà người, có nên tác pháp yết ma Khu tẫn họ không?

Phật đáp: nên làm, ba chúng dưới cũng vậy.

**7. Nhiếp tụng thứ bảy trong Biệt môn thứ hai:**

*Phá giới nên đuổi đi,*
*Níu núp cũng như trên,*
*Xúc não tục cầu tạ,*
*Các chúng khác cũng vậy.*

Lại hỏi: như Phật đã dạy nên khu tẫn Bí-sô phá giới, vậy ai nên khu tẫn?

Phật đáp: nếu họ không phục tùng, Tăng nên đưa y bát cho họ rồi đuổi đi, nếu họ ôm cột trụ không chịu đi thì nên làm giống như trên.

Lại hỏi: như Phật đã dạy nếu Bí-sô cùng cư sĩ khinh hủy nhau thì nên vì họ tác pháp yết ma Cầu tạ, nếu Bí-sô cùng Bí-sô khinh hủy nhau thì có nên vì họ tác pháp yết ma Cầu tạ không?, Phật nói nên làm.

Lại hỏi: nếu Bí-sô cùng Bí-sô ni cho đến ba chúng dưới khinh hủy nhau thì có nên vì họ tác yết ma Cầu tạ không?

Phật đáp: nên làm, nếu Bí-sô ni cùng ba chúng dưới xúc não nhau cũng nên làm như vậy.

**8. Nhiếp tụng thứ tám trong Biệt môn thứ hai:**

*Cho Cầu tịch linh bố (yết ma),*
*Vì thành thọ Cận viên,*
*Khi năm pháp thành tựu,*
*Năm hạ lìa y chỉ.*

Lại hỏi: Nếu Tăng vì Cầu tịch tác yết ma Linh bố, sau đó lại cho thọ Cận viên thì có thành thọ không?

Phật đáp: thành thọ Cận viên nhưng người truyền giới mắc tội, trước đó nên tác pháp giải yết ma cho người này.

Lại hỏi: như Phật đã dạy thành tựu năm pháp và đủ năm tuổi hạ thì được lìa y chỉ, tùy ý du hành, cho đến mười hạ khi đi đến đâu cũng phải cầu y chỉ. Nếu chỉ đủ bốn hạ nhưng thành tựu năm pháp thì có được tùy ý du hành hay không?

Phật đáp: không được, phải đủ năm hạ.

Lại hỏi: nếu đủ năm hạ nhưng chưa đủ năm pháp thì có được lìa y chỉ hay không?

Phật đáp: không được vì chưa thành tựu năm pháp (biết phạm, biết không phạm, biết tội trọng, biết tội khinh và thông hiểu luật tạng).

Lại hỏi: nếu chỉ đủ ba hạ nhưng thông hiểu ba tạng, đủ tam minh, trừ hết ba cấu thì có được lìa y chỉ không?

Phật đáp: vẫn phải cần y chỉ vì giáo pháp đã chế định như thế.

Lại hỏi: đủ năm hạ, thành tựu năm pháp mới được du hành, nếu khi đi đến một nơi nào đó thì được trong mấy ngày không có y chỉ?

Phật đáp: được đến năm đêm, đây là dựa trên có tâm cầu y chỉ, nếu không có tâm cầu y chỉ thì

dù một đêm cũng không được, ở trong Tăng thọ dụng thức ăn uống... đều không nên cho.

**9. Nhiếp tụng thứ chín trong Biệt môn thứ hai:**

*Đồng phần, chẳng đồng phần,*
*Tội hữu hạn, vô hạn,*
*Che giấu, không che giấu,*
*Một tên, chủng loại khác.*

Lại hỏi: như thế nào là tội đồng phần và tội phi đồng phần? Phật đáp: tội đồng phần là tội Ba la thị ca và vọng về Ba la thị ca, nếu vọng về các thiên (bộ) khác thì gọi là phi đồng phần; bốn thiên dưới cũng vậy.

Lại hỏi: như thế nào là tội hữu hạn và tội vô hạn?

Phật đáp: nếu Bí-sô không nhớ rõ tội và số đêm đã phạm thì gọi là vô hạn, nếu nhớ rõ thì gọi là hữu hạn.

Lại hỏi: như thế nào là có phú tàng và không phú tàng? Phật đáp: phú tàng có hai là số đêm che giấu và tâm che giấu, nếu Bí-sô không có tâm che giấu tuy trải qua đêm cũng không gọi là che giấu, nếu có tâm cố ý che giấu mới gọi là che giấu.

Lại hỏi: đối với các tội xứ nói có danh chủng, như thế nào là danh và chủng?

Phật đáp: như Ba la thị ca là danh, cụ thể từng sự việc đã làm là chủng, danh và chủng của bốn

thiên sau cũng vậy.

**10. Nhiếp tụng thứ mười trong Biệt môn thứ hai:**

*Không hành pháp trên tường,*
*Không ở chỗ một... ba,*
*Không đối người phá giới,*
*Không lấy dục (của) Thọ học.*

Duyên xứ như trên, như Phật đã dạy nếu có Bí-sô muốn hành pháp Ba lợi bà sa và Ma-na-đỏa thì nên cho họ hành pháp đó. Lúc đó Lục chúng Bí-sô ra ngoài giới ở trên tường hành pháp ấy, các Bí-sô hỏi muốn làm gì, đáp là muốn hành pháp Ba lợi bà sa, các Bí-sô nói: "đây chính là ẩn nấp, làm sao thành hành pháp được", bạch Phật, Phật nói: "các thầy không được hành pháp ấy ở trên tường, cũng không được ở nơi chỉ có một, hai, ba Bí-sô, nên ở trong chúng đủ bốn Bí-sô trở lên mới được hành pháp này", Lục chúng Bí-sô sau đó lại ở tại trú xứ của bốn người Thọ học để hành pháp ấy, Phật nói: "không được ở nơi có bốn người thọ học cho đến nơi có bốn người phạm Ba la thị ca hoặc nơi có bốn người đang hành pháp Ba lợi bà sa mà hành pháp này. Cũng không được ở nơi có ba người phạm trọng và thêm một người thanh tịnh, cho đến thêm hai hay ba người thanh tịnh. Nên ở trong chúng thanh tịnh đồng kiến mà hành pháp phú tàng; cho đến cho hành sáu đêm và xuất tội, chúng tăng đều

phải thanh tịnh".

Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi Phật: "người thọ học có được gởi dục không?", Phật nói không được, lại hỏi: "người này có được lấy dục không?", Phật nói được vì đó là Bí-sô.

## III. TỔNG NHIẾP CỦA BIỆT MÔN THỨ BA:

*Sàn tròn, rớt bể bát,*
*Khăn, ống khói, chén thuốc,*
*Vồ sắt, tóc và cửa,*
*Không nên làm bằng sắt.*

### 1. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ ba:

*Sàn tròn, miếu thờ trời,*
*Hai trạm rưỡi y chỉ,*
*Không độ người không bát,*
*Không ghi tên lên bát.*

Phật tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó các Bí-sô tùy tiện rửa chân, rửa bát làm cho chỗ đất đó sanh nhiều ruồi muỗi. Các Bà-la-môn, cư sĩ thấy liền hỏi Bí-sô: "đây có phải là chỗ các thầy tiểu tiện hay không?", đáp: "không phải, đó là chỗ rửa bát, rửa chân", họ nghe rồi liền chê trách: "các Bí-sô không sạch sẽ, rửa bát, rửa chân tùy tiện, không chọn chỗ nơi", bạch Phật, Phật nói: "không nên rửa bát, rửa chân bừa bãi, nên làm sàn nước để rửa bát, rửa chân". Lúc đó các Bí-sô làm sàn nước tròn, cư sĩ thấy cho là Bí-sô muốn thờ mặt trời, Phật nói

không nên làm tròn; các Bí-sô lại làm sàn nước hình bán nguyệt, cư sĩ lại cho là muốn thờ mặt trăng, Phật nói: "nên làm theo hình mũi mác hay hình ống theo chiều nước chảy, nếu làm sàn nước tròn hay bán nguyệt thì phạm Ác tác; nếu vì tam bảo thì làm hình gì cũng không phạm". Lúc đó Phật vì đại thần Hành vũ nước Ma-kiệt-đà lược nói pháp yếu:

*"Bậc trượng phu chánh tín,*
*Cúng dường chúng chư thiên,*
*Thuận theo lời Phật dạy,*
*Được chư Phật ngợi khen".*

Lúc đó Lục chúng Bí-sô tự ý thờ cúng vị trời Yết thát bố đản na và Ha đăng già cù lợi ca, các cư sĩ thấy liền chê trách: "các thầy đã xuất gia trong thiện pháp luật, vì sao lại thờ cúng thiên thần?", bạch Phật, Phật nói: "đây là ta vì người tục mật ý nói, không phải là việc mà Bí-sô nên làm, vì vậy các thầy không nên thờ cúng thiên thần". Các Bí-sô trở lại đối với các thiên thần sanh tâm khinh chê, thiên thần nói: "chúng tôi đối với các vị có lỗi gì mà bị khinh chê như vậy?", bạch Phật, Phật nói: "từ nay đối với thiên thần, các thầy không nên thờ cúng cũng không nên sanh tâm khinh chê". Sau đó có Bí-sô đến nơi khác thấy tượng của vị trời Yết thát bố đản na và Ha đăng già cù lợi ca liền đập phá, các cư sĩ thầy liền chê trách: "tượng của thiên thần không có tâm thức, vì sao lại đập phá?", các

Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "từ nay Bí-sô không được đập phá tượng thiên thần". Lại có Bí-sô khi du hành trong nhân giàn, vì thuận đường đi nên nhiễu phải miếu thờ trời, Phật nói: "Bí-sô không được nhiễu phải miếu thờ trời", Bí-sô vâng lời Phật dạy nên tránh đi theo đường cũ, đi đường khác gặp gai góc làm bị thương, Phật nói: "nếu vì thuận đường đi mà phải hữu nhiễu miếu thờ trời thì khi đi nên đọc tụng Thánh kệ, tằng hắng hay khảy móng tay để họ cảnh giác".

Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi Phật: "phạm vị của đại giới là hai trạm rưỡi, Phật chế các đệ tử một ngày ba lần nên đến kính lễ hai thầy, nếu các đệ tử ở cách xa chỗ ở của hai thầy đến hai trạm rưỡi, không thể một ngày đến ba lần được thì phải làm sao?", Phật nói: "nếu ở cách xa chỗ thầy khoảng năm Câu lô xá thì nửa tháng nên đến kính lễ một lần, nếu cách xa chỗ thầy một Câu lô xá thì nên khoảng bảy tám ngày đến kính lễ một lần, nếu ở gần chỗ thầy thì một ngày nên đến kính lễ một lần, nếu ở chung với thầy thì một ngày ba lần nên đến kính lễ. Ai làm trái thì phạm tội Việt pháp".

Lúc đó Ô-ba-nan-đà cho người không có bát xuất gia thọ Cận viên, khi các Bí-sô rửa bát xong xếp cất vào chỗ để bát rồi thỉnh hai thầy đi nhiễu tháp, Bí-sô không có bát này liền đến cạnh bát của tôn giả Kiều trần như muốn lấy để dùng, tôn giả ngăn không cho lấy nói là bát của tôi, lần lượt đến

lấy bát của các vị khác cũng bị ngăn như thế. Lúc đó các Bí-sô hỏi là đệ tử của ai, đáp là của Ô-ba-nan-đà, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "không nên độ người không có bát cho xuất gia thọ Cận viên, ai độ thì phạm tội Ác tác. Nếu muốn độ cho xuất gia thì nên cho họ bát, bát nhỏ cho đến chén đồng... không để cho họ thiếu thốn".

Tôn giả A-ni-lư-đà có một đệ tử thường giữ bát cho thầy, vì bát của hai thầy trò giống nhau, khó phân biệt được nên đệ tử này ghi tên dưới đáy bát. Lúc đó có một trưởng giả thỉnh Phật và Tăng ngày mai đến nhà thọ thực, trưởng giả này trước đó có cùng với một dâm nữ tư thông nên bảo dâm nữ ngày mai đến dâng cúng thức ăn cho Phật và Tăng, nhưng dâm nữ có việc không thể đến được. Phật và Tăng sau khi đến nhà thọ thỉnh thực xong, Phật nói kệ chú nguyện rồi ra về, lúc đó đệ tử của tôn giả A-ni-lư-đà chưa ra khỏi nhà, trưởng giả hỏi mượn vị ấy cái bát, Bí-sô này liền đưa bát của thầy cho trưởng giả, trưởng giả đựng đầy thức ăn ngon vào bát rồi gửi cho dâm nữ, dâm nữ nhận rồi sớt thức ăn qua chén bát của mình, bỗng nhìn thấy tên của tôn giả ở dưới đáy bát, liền suy nghĩ: "đây là bát của bậc mô phạm đáng được trời người cúng dường, ta không nên đưa trả lại suông sẽ mất phước lợi", nghĩ rồi liền lau chùi bát rồi dùng nước thơm rửa ba lần, thoa bột thơm, đặt vòng hoa lên rồi để trên tòa cao, hữu nhiễu rồi lại để xuống đất

đốt hương xông cúng dường. Lúc đó có một Bà-la-môn vốn có quen biết dâm nữ, vừa đến nhà thấy dâm nữ làm việc cúng dường này liền hỏi: "hiền thủ làm gì vậy?", đáp: "đây là bát của tôn giả A-ni-lư-đà, là bậc mà trời người đều kính trọng nên tôi tự thân cúng dường bát này", Bà-la-môn nói: "nàng đem dâm nhiễm nhiếp hết mọi người, nay đối với Sa môn Thích tử cũng chẳng bỏ qua". Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "do Bí-sô ghi tên vào vật riêng của mình nên có lỗi này, từ nay không nên viết tên lên vật dụng", các Bí-sô không biết không được viết tên lên những vật gì, Phật nói: "có năm thứ không nên viết tên lên: một là Giới kinh biệt giải thoát, hai là Quảng thích biệt giải thoát, ba là các vật, bốn là Nghĩa tương ưng với Luật giáo, năm là vật riêng của mình không nên ghi tên, chỉ nên làm dấu riêng để nhận biết", Ưu-ba-ly bạch Phật: "Thế tôn, nếu không được viết luật giáo thì các Bí-sô vị lai sẽ không thể nhớ giữ, phần nhiều quên mất; đối với duyên khởi còn không thể nhớ thì phải làm sao?", Phật nói: "nếu vậy nên ghe trên giấy, trên lá cây để thọ trì".

**2. Nhiếp tụng thứ hai trong Biệt môn thứ ba:**

*Cầu tịch rớt bể bát,*
*Khai cho người chánh niệm,*
*Hai loại lồng nung bát,*
*Vật cần dùng theo lồng.*

Phật tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó có một Bí-sô nuôi một Cầu tịch thường sai giữ bát, sau đó Cầu tịch lở tay làm rớt bể bát khiến thầy bị thiếu bát, các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "không nên sai Cầu tịch rửa bát". Tôn giả Xá-lợi-phất có một Cầu tịch tên là Chuẩn đà cũng thường sai giữ bát, khi Chuẩn đà đến lấy bát của thầy đem rửa, tôn giả nói: "Phật đã chế học xứ không nên sai Cầu tịch rửa bát", Chuẩn đà bạch: "con há lại làm lỗi như thế hay sao?", các Bí- sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "nếu biết rõ Cầu tịch có thể giữ bát cẩn thận thì nên cho họ rửa bát". Lúc đó có một Bí-sô dùng bát sắt, chất dơ làm cho bát sắt này bị lủng nhiều chỗ, bạch Phật, Phật nói: "nên dùng bát gốm nung chín", các Bí-sô liền chất nhiều củi để nung bát khiến bát bị hư, Phật nói: "không nên làm như thế, nên để bát trong cái lồng rồi mới nung ", các Bí-sô không biết làm cái lồng như thế nào, Phật nói: "lồng có hai loại: một là tự làm, hai là thợ làm. Thợ làm là đưa cho thợ gốm làm, tự làm là dùng cái vò hay cái chum cắt ra dùng", các Bí-sô để cái vò trên đất đập làm vò bị bể, Phật nói: "nên đổ tro vào đầy chum rồi dùng đinh đục từ từ từng lỗ để cắt thành hai miếng", các Bí-sô không biết lấy vật gì đắp bên ngoài, Phật nói nên dùng cỏ hay trấu làm bùn đắp bên ngoài; lại không biết lấy vật gì thoa bên trong, Phật nói nên dùng cặn dầu mè thoa bên trong rồi

đợi cho khô mới nung bát. Khi nung bát xong thấy không có màu sắc, Phật bảo để trấu bên trong rồi khép hai miếng lồng lại, lấy bùn đắp bên ngoài rồi nung. Các Bí-sô để bát trên đất để nung, Phật bảo nên kê lên không thấp quá cũng không cao quá rồi mới nung, nung xong cũng không có màu sắc, Phật bảo nên nhiều lần rửa sạch khói rồi nung lại, thấy khói từ trong lồng bay ra, Phật bảo nên lấy đá vôi bít lại. Lúc đó các Bồ đề chất phân bò thành đống lớn để đốt nung làm cho bát bị hư, Phật bảo nên xếp thành từng lớp rồi đốt lửa ở trên; lại không biết sai ai canh chừng lửa, Phật bảo Bí-sô nên tự trong coi, nếu có việc riêng nên nhờ Bí-sô khác trông coi rồi mới đi. Lúc đó đốt nung bát trên đất làm chết nhiều côn trùng, Phật nói: "nếu rưới nước quét sạch, từ nay cho các Bí- sô được cất giữ lồng nung bát và các vật dụng theo với lồng để dùng không phạm".

**3. Nhiếp tụng thứ ba trong Biệt môn thứ ba:**

*Không lau chung một khăn,*
*Khi tắm ngăn người vào,*
*Không cạo tóc trên nệm,*
*Tùy bịnh mà uống ăn.*

Phật tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó có một thí chủ xây nhà tắm cúng cho Tăng, khi các Bí-sô đang tắm, người tục đi vào thấy Lục chúng Bí-sô dùng

chung một khăn tắm lau cho nhau liền chê trách: "đại sư của họ có tàm quý, sao họ lại không biết tàm quý gì cả", các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "từ nay Bí-sô không nên dùng chung một khăn tắm lau cho nhau, ai làm trái thì phạm tội Ác tác". Sau đó khi Bí-sô đang tắm, cư sĩ đi vào thấy Bí-sô dùng tay kỳ cọ chân rồi lại xoa trên đầu liền chê trách: "Sa môn Thích tử dơ bẩn không sạch, dùng tay kỳ cọ chân rồi lại xoa trên đầu", bạch Phật, Phật nói: "khi Bí-sô đang tắm, nếu không phải là cư sĩ tín tâm thì đừng cho vào và sai làm việc, ai làm trái thì phạm Ác tác". Sau đó khi các Bí-sô đang tắm, không có ai giữ cửa nên có cư sĩ đi vào, họ thấy các Bí-sô dùng tay rửa chân rồi lại rửa mặt liền chê trách như trên, Phật nói: "khi Bí-sô đang tắm nên sai người giữ cửa, chớ để cư sĩ vào". Sau đó trưởng giả Cấp-cô-độc dẫn một Bà-la-môn tín kính đến trong rừng Thệ đa, Bí-sô nói chớ dẫn vào nhà tắm, Bà-la-môn nghe rồi liền nói: "tôi có lỗi gì mà ngăn không cho vào?", bạch Phật, Phật nói: "nếu biết là người tịnh tín thì nên cho vào". Lúc đó có Bà-la-môn khác thấy Bà-la-môn kia được vào liền nói: "người kia được vào sao lại ngăn tôi", Bí-sô nói: "vì họ là người đã quy y và thọ học xứ", Bà-la-môn này nói: "hãy cho tôi vào, tôi sẽ quy y và thọ học xứ", Bí-sô liền cho vào, Bà-la-môn này đi vào thấy Bí-sô lau hạ phần rồi lại lau trên đầu liền chê trách như trên, Phật nói: "biết

người nào tín tâm đã lâu mới cho vào, nếu mới có tín tâm thì chớ cho vào".

Duyên xứ như trên, lúc đó có một trưởng giả thỉnh Phật và Tăng vào nhà tắm để tắm rửa, khi Phật và các Bí-sô đến, thấy có một Bí-sô đang lau và kỳ cọ cho một Bí-sô khác liền bảo các Bí-sô: "các thầy có thấy Bí-sô đang kỳ cọ cho Bí-sô kia không?", đáp là có thấy, Phật nói: "Bí-sô đang kỳ cọ là bậc A-la-hán đã dứt hết các lậu hoặc, Bí-sô được kỳ cọ là người phá giới ác hạnh, các thầy nên biết, sư tử không nên hầu hạ dã can".

Duyên xứ như trên, lúc đó có một trưởng giả cưới vợ chưa bao lâu, vợ sanh được một trai, người con này lớn lên xuất gia trong pháp luật thiện thuyết, thường tìm người hơn mình để học hỏi nghĩa lý nên đi đến các phương để được học rộng nghe nhiều. Thời gian sau trở về thành Thất-la-phiệt, người cha nghe tin liền đến thăm con, Bí-sô này nói sơ lược pháp yếu cho cha nghe và khuyên cha nên quy y Tam bảo và thọ trì học xứ. Vào thời khác, Bí-sô lại nói về công đức của bảy phước nghiệp hữu sự, người cha nghe rồi sanh tâm tín kính nói với con: "nay cha cũng muốn làm công đức của bảy phước nghiệp hữu sự", Bí-sô nói tùy ý, người cha hỏi nên làm gì, Bí-sô nói nên làm nhà tắm cho Tăng, người cha liền trở về nhà lo liệu mọi việc xong rồi đến nói với con: "thầy hãy nhân danh tôi thỉnh Phật và Tăng đến trong nhà tắm tắm rửa",

Bí-sô liền nhân danh người cha thỉnh Phật và Tăng đến trong nhà tắm để tắm rửa. Lúc đó người cha tự tay dùng bột tắm kỳ cọ thoa dầu cho Bí-sô, sau đó bảo Bí-sô kỳ cọ cho mình, Bí-sô nói: "Phật đã chế học xứ", người cha hỏi chế như thế nào, Bí-sô nói: "Phật chế không cho sư tử hầu hạ dã can, nên con không thể", người cha hỏi: "ai là sư tử, ai là dã can?", Bí-sô nói: "con là sư tử, cha là dã can", người cha nói: "thật là việc diệu kỳ, tôi là dã can lại có thể sanh con là sư tử". Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "tất cả bậc làm cha mẹ đối với con mình có thể làm những việc khó làm, gánh vác nhiều khổ nhọc, cho dù cha mẹ là người cực phá giới, phận làm con cũng nên cung cấp hầu hạ. Tư nay ta khai cho đối với năm hạng người dù là cực phá giới cũng nên cung cấp, đó là cha mẹ, Thân giáo sư, Quỹ phạm sư và người bịnh".

Phật tại thành Thất-la-phiệt, có một trưởng giả xây cất một căn nhà nơi A-lan-nhã cho các Bí-sô tùy duyên khất thực nương ở. Lúc đó có Bí-sô khất thực với râu tóc dài đến, trưởng giả thấy liền hỏi: "vì sao Thánh giả để râu tóc dài như vậy?", đáp là vì không có người cạo, trưởng giả nói: "để tôi sai người đến cạo cho Thánh giả", khi người thợ cạo tóc đến, Bí-sô nằm trên nệm cho người ấy cạo tóc. Trưởng giả không biết Bí-sô có cạo tóc hay chưa nên đến trú xứ xem thử, đến nơi liền ngồi trên nệm,

không ngờ tóc mới cạo rớt xuống dính trên nệm làm dính dơ y phục của trưởng giả. Khi về đến nhà, vợ trưởng giả thấy liền hỏi: "ông có việc gì đến nhà thợ cạo làm cho tóc dính dơ hết quần áo vậy?", trưởng giả suy nghĩ: "không lẽ Bí-sô nằm trên nệm để cạo tóc", nghĩ rồi liền quay trở lại trú xứ thì thấy trên nệm quả có tóc mới cạo, ông nói với Bí-sô: "thầy nên cạo tóc ở chỗ khác, không nên nằm trên nệm cạo tóc làm dơ hết nệm". Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "từ nay không được nằm trên nệm cạo tóc, nên cạo ở ngoài đất trống, chỗ đất Tăng già đã rưới quét sạch sẽ cũng không được ở chỗ đó cạo tóc. Ai làm trái thì phạm tội Ác tác". Sau đó có Bí-sô bịnh, không thể ra ngoài cạo tóc vì sợ gió mưa, bạch Phật, Phật nói: "nếu bịnh không có sức thì có thể tùy chỗ cạo tóc, nhưng phải quét dọn sạch sẽ ở chỗ ấy. Ai làm trái thì phạm tội Ác tác". Lúc đó có Bí-sô cắt móng tay móng chân vất bỏ bừa bãi, Phật nói: "nếu cắt móng tay móng chân vất bỏ nơi đất sạch của tăng thì phạm tội Ác tác".

Duyên xứ như trên, lúc đó có Bí-sô bị bịnh khổ bức bạch nên đến yêu cầu thầy thuốc chữa trị, thầy thuốc nói: "nên lấy bột lúa mạch khuấy với nước dùng làm thuốc uống phi thời", Bí-sô nói Phật chưa khai cho, thầy thuốc nói: "Thế tôn đại bi ắt sẽ khai cho", Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "nếu thầy thuốc bảo thế thì nên lấy loại lúc mạch mà bò không răng

đã ăn rồi thải ra còn nguyên để làm bột khuấy với nước dùng làm thuốc uống phi thời", Bí-sô dùng xong vẫn không hết bịnh, thầy thuốc hỏi rõ nguyên do rồi nói: "bột đó không phải thuốc, phải dùng bột sống", bạch Phật, Phật nói: "nên khuấy nhiều nước, lượt rồi mới uống dùng", bịnh vẫn không hết, thầy thuốc nói phải dùng lúc chưa lượt, bạch Phật, Phật nói: "thầy thuốc cho toa thuốc bảo dùng bột khuấy uống, khuấy đặc hay vò thành viên đều được tùy ý dùng".

Duyên xứ như trên, lúc đó lại có Bí-sô bịnh đến thầy thuốc yêu cầu chữa trị, thầy thuốc nói: "nên dùng miếng thịt lợn nấu lấy nước uống phi thời", Bí-sô nói Phật chưa khai cho, thầy thuốc nói: "Thế tôn đại bi ắt sẽ khai cho", Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "nếu thầy thuốc bảo thế thì nên lấy thịt mà loại thú tên Sài đã ăn, do trong bụng nó có ruột thẳng nên sau khi ăn thịt xong thải ra ngoài còn nguyên tính chất, lấy thịt này nấu lấy nước uống phi thời", Bí-sô dùng xong vẫn không hết bịnh, thầy thuốc hỏi rõ nguyên do rồi nói: "thịt đó là vật cũ không thể dùng làn thuốc được, nên lấy thịt tươi sống", bạch Phật, Phật nói: "nên lượt rồi mới uống", bịnh vẫn không hết, thầy thuốc nói nên uống lúc chưa lượt, bạch Phật, Phật nói: "tùy thầy thuốc bảo thế nào hoặc khô hay ướt và có khí vị thì tùy ý dùng như thế ấy để trị bịnh". Phật bảo các Bí-sô: "tất cả những gì ta khai cho người bịnh được dùng phi

thời, sau khi hết bịnh không được dùng nữa, ai làm trái thì phạm tội Việt pháp".

-oOo-

# CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ NI ĐÀ NA MỤC ĐẮC CA

## QUYỂN 4

### 4. Nhiếp tụng thứ tư trong Biệt môn thứ ba:

*Ống khói, y hoại sắc,*
*Ống mũi, ly uống nước,*
*Ống kim trừ vật báu,*
*Que chấm thuốc nhỏ mắt.*

Phật tại thành Thất-la-phiệt, tôn giả Ưu-ba-ly hỏi Phật:

Hỏi: như Phật đã khai cho Bí-sô được cất dùng ống khói, vật này nên làm bằng gì?, Phật nói trừ vật báu ra, làm bằng các vật khác đều được cất chứa để dùng.

Lại hỏi: như Phật đã khai cho Bí-sô mặc y hoại sắc, y này nên làm bằng gì?

Phật đáp: nên dùng bảy loại chỉ sợi để may rồi tùy ý cất chứa để dùng.

Lại hỏi: Phật khai cho Bí-sô cất dùng ống nhỏ mũi, vật này nên làm bằng gì?, Phật nói trừ vật báu.

Lại hỏi: Phật khai cho Bí-sô cất dùng ly uống

nước, vật này nên làm bằng gì?, Phật nói trừ vật báu.

Lại hỏi: Phật khai cho Bí-sô cất dùng que chấm thuốc để nhỏ mắt, vật này nên làm bằng gì?, Phật nói trừ vật báu.

**5. Nhiếp tụng thứ năm trong Biệt môn thứ ba:**

*Vật đựng thuốc, nệm, thảm,*
*Kê chân khô, thuốc xổ,*
*Bí-sô không nên làm,*
*Nên chọn y người chết.*

Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi: "Phật khai cho Bí-sô cất dùng vật đựng thuốc, vật này nên làm bằng gì?", Phật nói trừ vật báu, lại hỏi: "Phật khai cho Bí-sô cất dùng nệm, thảm; nệm này nên làm bằng gì?", Phật nói: "được dùng bảy loại chỉ sợi để dệt thành và tùy ý cất dùng", lại hỏi: "Phật khai cho Bí-sô được dùng vật kê chân cho khô, vật này nên làm bằng gì?", Phật nói trừ vật báu.

Duyên xứ như trên, lúc đó có một trưởng giả bịnh đến thầy thuốc yêu cầu chữa trị, thầy thuốc nói: "nên ăn thức ăn có chất dầu mở để động bịnh rồi uống thuốc xổ", trưởng giả liền ăn thức ăn có dầu mở. Có một Bí-sô thường tới lui nhà này nên khi nghe trưởng giả bịnh liền đến thăm hỏi, trưởng giả nói: "tôi bị bịnh khó tiêu, thầy thuốc bảo ăn thức ăn có dầu mở rồi uống thuốc xổ", Bí-sô nghe

rồi liền nói: "tôi giỏi về thuốc, hay là ông đưa tiền mua thuốc cho tôi, tôi sẽ đưa lại cho ông thuốc xổ", trưởng giả bằng lòng đưa tiền lấy thuốc. Sau khi uống thuốc xổ này rồi không ngời do thuốc mạnh nên xổ mãi không cầm lại được, vội sai người đến hỏi thầy thuốc, thầy thuốc hỏi ống thuốc của ai đưa, đáp là của Bí-sô đưa, thầy thuốc bảo đến hỏi Bí-sô đã đưa thuốc gì cho uống, khi người này đến hỏi Bí-sô thì trưởng giả đã mạng chung. Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "từ nay Bí-sô không được bán thuốc, nếu Bí-sô giỏi về thuốc nên khởi tâm từ bi tùy bịnh cho thuốc, nhưng không nên đưa thuốc xong rồi lại bỏ đi, nên xem xét thuốc có dùng quá độ hay không. Nếu có việc phải đi thì nên bảo người khác ở lại chăm sóc rối mới đi, khi đi nên dặn lại rằng nếu thấy thuốc công phạt mạnh thì nên lấy thuốc _____ để giải. Nếu Bí-sô nhận tiền rồi đưa thuốc hay thuê người khác làm thì đều phạm Ác tác".

Duyên xứ như trên, có một người mắc nợ trưởng giả kia tiền, đã hẹn lại qua bảy ngày sau sẽ trả, hạn trả nợ gần kề mà vẫn không có tiền trả nên người mắc nợ này suy nghĩ: "ta không có tiền trả, nên bỏ trốn là hơn, nhưng bỏ nhà trốn đi cũng khó, nên giết chết ông chủ nợ là tốt nhất", nghĩ rồi liền rình đợi trưởng giả kia đi đến gần rừng Thệ đa liền giết chết, bỏ đó rồi đi. Lúc đó Lục chúng Bí-sô đi đến thấy y phục thượng hạng trên xác của trưởng

giả liền nói với nhau: "được y phấn tảo này rất tốt", nói rồi liền lột lấy y phục này, vừa lúc đó thân tộc của trưởng giả đi đến nhìn thấy liền quở mắng: "các vị mặc y phục của bậc đại tiên, vì sao lại làm việc phi pháp này", Lục chúng Bí-sô nói: "người nay không phải do tôi giết, chắc là có oán thù với ai nên mới bị giết như thế, chúng tôi chỉ là lấy y phấn tảo mà thôi". Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "từ nay Bí-sô không nên vội lấy y phấn tảo như thế, nếu mọi người đều biết đó là vật bỏ thì mới được lấy, ai làm trái thì phạm tội Ác tác".

**6. Nhiếp tụng thứ sáu trong Biệt môn thứ ba:**

*Nồi sắt và vá muỗng,*
*Tự thân không mang vác,*
*Vật thực giúp cha mẹ,*
*Không mặc y lông dài.*

Phật tại thành Thất-la-phiệt, tôn giả Ưu-ba-ly hỏi Phật: "như Phật đã khai cho Bí-sô cất chứa nồi sắt để nấu nước nóng, vật này nên làm bằng gì?", Phật nói trừ vật báu, lại hỏi: "Phật khai cho Bí-sô được cất chứa chén và muỗng để uống thuốc, vật này nên làm bằng gì?", Phật nói trừ vật báu.

Duyên xứ như trên, lúc đó Lục chúng Bí-sô tự mang vác vật nặng, các cư sĩ thấy liền chê trách: "người tục chúng tôi vì cha mẹ vợ con nên tự thân

phải mang vác nặng nhọc để tìm cầu y thực, các thầy vì ai mà phải mang vác vật nặng như thế", bạch Phật, Phật nói: "từ nay Bí-sô không nên mang vác vật nặng trên đầu, trên vai hay trên lưng. Ai làm trái thì phạm tội Ác tác".

Duyên xứ như trên, lúc đó có một cư sĩ cưới vợ chưa bao lâu thì vợ sanh được một trai, dung mạo đoan nghiêm ai thấy cũng yêu mến, người cha mở tiệc ăn mừng rồi giao đứa bé cho nhũ mẫu chăm sóc. Đến tuổi trưởng thành, người con này xuất gia theo Phật, ngày đầu tiên đắp y mang bát vào thành khất thực gặp cha, người cha nói: "đối với ta có công ơn sanh thành dưỡng dục, không ngờ nay con lớn khôn lại xuất gia, không giúp đỡ được gì cho ta", Bí-sô nói: "nay con đã xuất gia không thể làm việc của tục gia được". Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "cha mẹ vì con đã làm những việc khó làm, gánh vác nhiều nhọc nhằn; con dù có xuất gia cũng nên cung cấp cho cha mẹ", Bí-sô không biết lấy gì cung cấp cho cha mẹ, Phật nói: "trừ y bát ra, các tài vật khác đều có thể cung cấp; nếu không có tài vật khác thì có thể tùy thời xin thí chủ; nếu xin khó được thì nên lấy lợi dưỡng thường được chia từ Tăng, cung cấp cho cha mẹ; nếu không có lợi vật thì nên lấy phần thức ăn được chia từ Tăng, bớt phân nửa cung cấp cho cha mẹ; nếu thường khất thực thì tùy được cho bao nhiêu, lấy phần mình vừa đủ no, phần còn lại cung

cấp cho cha mẹ".

Duyên xứ như trên, lúc đó có một thí chủ xây dựng một trú xứ ngay trong tụ lạc cúng cho Tăng, có một Bí-sô già sống tại trú xứ này, sau đó vì muốn lễ tháp nên đi đến rừng Thệ đa. Lục chúng Bí-sô vì tham lợi dưỡng nên cùng lập chế mỗi ngày luân phiên cho một người đứng ở trước cửa cổng, hôm đó đến phiên của Ô-ba-nan-đà, từ xa thấy một Bí-sô già đang đi đến, Ô-ba-nan-đà không biết là Thượng tòa nào nên đi tới trước chào hỏi thiện lai, Bí-sô già này liền đáp lại: "xin kính lễ A-giá-lợi-da", Ô-ba-nan-đà vừa nghe liền biết đây là một Mô ha la nên nói: "thiện lai lão phụ", rồi đưa vào trong giải lao và nghỉ ngơi, sau đó Bí-sô già nói là muốn đi, hỏi là muốn đi làm việc gì, đáp là muốn lễ tháp rồi trở về, Ô-ba-nan-đà khuyên ở lại, liền đáp: "vì trước khi đi, tôi không có định ở lại nên không mang theo ba y, nay muốn lễ tháp rồi trở về trú xứ". Lúc đó đến giờ lễ tháp, Tăng đánh kiền chùy tập họp, Bí-sô già muốn đi theo lễ tháp, Ô-ba-nan-đà nói: "ông không có ba y làm sao lễ tháp, ở đây tôi có ba y sẽ đưa cho ông tạm mặc", nói rồi liền đưa cho Bí-sô già ba cái mền lông dùng làm ba y: một cái quấn làm hạ y rồi dùng dây thô cột làm dây lưng, quấn một cái khác day lông hướng ra ngoài làm y Uất Đa-la tăng, lại quấn thêm cái khác cũng day lông hướng ra ngoài làm y Tăng-già-lê. Xong xuôi rồi liền bảo Bí-sô gia này đi lễ tháp, các Bí-sô

thấy liền hỏi: "này Mô ha la, ông ở đâu mà lại mặc y đùa giỡn kiểu này?", đáp: "ba y mà tôi mặc đều đúng như Phật đã chế, sao lại nói là đùa giỡn", lại hỏi: "ai đã đưa cho ông ba y này thọ trì?", đáp là Đại đức Ô-ba-nan-đà, các Bí-sô nói: "trừ nhóm đó ra, ai lại làm việc xấu xa như vậy", bạch Phật, Phật nói: "do mặc y phục có lông dài nên có lỗi này, từ nay tất cả loại vải có lông dài đều không được dùng làm ba y. Ai làm trái thì phạm tội Ác tác". Sau đó có các cư sĩ tịnh tín đem Già nỉ lông đến cúng cho Tăng, Bí-sô không thọ nên các cư sĩ nói: "khi Phật chưa ra đời, chúng tôi xem ngoại đạo là chỗ tu phước; nay Phật ra đời, chúng tôi xem các vị là đại phước điền. Vì sao các vị không thọ vật của chúng tôi cúng, há không phải khiến chúng tôi bỏ tư lương tốt thú hướng cho đời sau hay sao?", bạch Phật, Phật nói: "nên thọ nhưng khi thọ dụng khởi tưởng là vật của họ, nếu là Già nỉ có lông ngắn thì lấy làm y dư để thọ trì, nếu là Già nỉ dày lớn có lông dài thì khi thọ dụng nên tưởng là vật của thí chủ".

**7. Nhiếp tụng thứ bảy trong Biệt môn thứ ba:**

*Xây tháp thờ tóc, móng,*
*Nên sơn màu trắng sáng,*
*Tùy ý trang trí đèn,*
*Làm mái hiên cao lên.*

Phật tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó trưởng giả Cấp-cô-độc đến bạch Phật: "con muốn xây tháp thờ tóc, móng tay của Phật, xin Phật chấp thuận", Phật nói tùy ý, lại xin Phật cho sơn màu trắng sáng và thắp đèn thành hàng trên tháp, Phật nói tùy ý. Trưởng giả trang trí đèn trên bậc thềm, dầu chảy xuống làm dơ tháp, Phật bảo nên để dưới bậc thềm, lại bị chó đến đụng làm ngã hư đèn, trưởng giả xin Phật cho làm chân đèn, Phật nói tùy ý, lại bị bò đến húc ngã, trưởng giả lại xin Phật cho làm giá đèn, Phật nói nên làm. Lúc đó bốn phía tuy có để đèn nhưng nhìn ra xa không rõ, trưởng giả lại xin Phật cho làm mái hiên trên cao, Phật nói tùy ý.

**8. Nhiếp tụng thứ tám trong Biệt môn thứ ba:**

*Cửa tháp và mái che,*
*Xây thêm nền dưới tháp,*
*Dùng đá đỏ, bột tía tô*
*Phật cho tùy ý làm.*

Lúc đó trưởng giả lại xin Phật cho làm cửa tháp, mái che nơi hành lang và lát nền tháp bằng đá đỏ, dùng bột tía tô vẽ các đồ hình, Phật nói tùy ý làm.

**9. Nhiếp tụng thứ chín trong Biệt môn thứ ba:**

*Không được dùng đinh đóng,*
*Và leo lên trên tháp,*

*Cúng hoa bằng vàng bạc,*
*Làm mái che trên tháp.*

Phật tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó các Bí-sô muốn treo vòng hoa cúng dường tháp nên leo lên tháp đóng đinh để treo, các cư sĩ chê trách: "Đại sư đã bỏ gai góc từ lâu, vì sao các thầy lại dùng đinh đóng lên", bạch Phật, Phật nói: "từ nay không nên dùng đinh đóng trên tháp, ai làm trái thì phạm tội Ác tác. Khi mới xây tháp nên làm thêm cọc ngà voi ở bên ngoài để treo". Các Bí-sô lại leo lên đỉnh tháp để đèn, Phật nói: "không nên để đèn trên đỉnh tháp cao, ai làm trái thì phạm tội Ác tác". Lúc đó các cư sĩ thấy Bí-sô lên tháp treo phan lọng và các vật cúng dường liền chê trách, Phật nói: "nên bảo tịnh nhân làm, nếu không có tịnh nhân thì bảo Cầu tịch, nếu không có Cầu tịch thì Bí-sô nên rửa chân sạch bằng nước thơm và tác ý muốn cúng dường đại sư rồi mới lên tháp. Ai làm trái thì phạm tội Ác tác. Nếu tháp quá cao nên dùng dây cột từ trên xuống dưới rồi nắm dây leo lên". Lúc đó các cư sĩ khi đến tháp đều mang theo vòng hoa để cúng dường, những hoa đã cúng trước khô héo không ai vất bỏ nên tháp không sạch sẽ, Phật bảo nên vất bỏ. Trưởng giả Cấp-cô-độc liền xin Phật cho dùng vòng hoa bằng vàng bạc để cúng dường tháp, Phật nói tùy ý. Trên tháp có chim đậu phóng uế khiến tháp không sạch, trưởng giả xin Phật cho làm mái che trên tháp, Phật nói tùy ý. Do tháp không làm

cửa nên bên trong tối tăm, Phật bảo nên làm thêm cửa.

**10. Nhiếp tụng thứ mười trong Biệt môn thứ ba:**

*Dùng sắt xây dựng tháp,*
*Cho đến dùng bảy báu,*
*Lại cho cúng cờ phướn,*
*Cho đến dùng dầu thơm.*

Phật tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó trưởng giả Cấp-cô-độc xin Phật cho dùng sắt để xây tháp, cho đến dùng bảy báu như vàng bạc..., Phật đều cho làm. Lại xin Phật cho dùng cờ phướn và lụa nhiều màu để tráng hoàng tháp, Phật nói tùy ý, không biết làm cờ phướn như thế nào, Phật nói: "có bốn loại cờ phướn: cờ hình Sư tử, cờ hình Trâu, cờ hình Kim súy điểu và cờ hình rồng", lại xin Phật cho dùng dầu thơm thoa cho đến dùng bột tía, nước chiên đàn trầm thủy để chùi rửa tháp, Phật đều cho tùy ý làm.

## IV. TỔNG NHIẾP TỤNG CỦA BIỆT MÔN THỨ TƯ:

*Khóa cửa, tùy chỗ dùng,*
*Thấm y, đại tiểu tiện,*
*Nhuộm y, lạm nhận y,*
*Mua chịu, trái, bất tịnh.*

**1. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ tư:**

*Khóa cửa, gối dựa, lưới,*

*Nhận gạo cho chúng dùng,*
*Làm phòng riêng trong chùa,*
*Người ở được thọ dụng.*

Phật tại thành Thất-la-phiệt, tôn giả Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Phật cho làm vòng khoen khóa cửa, vật này nên làm bằng gì?", Phật nói: "trừ vật báu, các vật khác đều được làm", lại hỏi: "Phật cho làm gối dựa, vật này nên làm bằng gì?", Phật nói: "trong bảy loại chỉ sợi, tùy lấy dùng một loại để làm", lại hỏi: "Phật cho làm lưới, lưới nên làm bằng gì?", Phật nói: "cỏ tranh, cỏ cói, dây gai... đều có thể dùng để làm", lại hỏi: "Phật cho làm song cửa lưới, nên dùng vật gì làm?", Phật nói: "trừ vật báu, các vật khác đều được làm".

Duyên xứ như trên, trong thành có một trưởng giả kính tín Tam bảo, tâm ý thuần thành, ưa thích hiền thiện hằng ngày thỉnh Tăng đến nhà thọ thực. Sau đó ông cưới vợ là tín đồ của ngoại đạo lõa hình nên bảo vợ: "Đấng vô thượng từ phụ là đại sư của ta và Tăng già là phước điền thắng thượng, nàng nên cúng dường y thực cho các vị ấy", một hôm có việc phải đi qua thôn khác, trước khi đi ông dặn vợ: "trong thời gian ta vắng nhà, nàng phải thường cúng dường Phật và Tăng không để thiếu thốn như lúc ta ở nhà", người vợ nhận lời. Trưởng giả lại đến bạch Tăng: "nay con có việc phải vắng nhà ít hôm, cúi xin Tăng già vẫn như trước đến nhà con thọ thỉnh thực", các Bí-sô nhận lời rồi nói với nhau:

"vợ của trưởng giả vốn không có tín tâm, ai đến phiên thọ thỉnh thực nên đến đó sớm". Sáng hôm sau, các Bí-sô đến nhà thọ thỉnh thực sớm, vợ trưởng giả thấy đến sớm liền trách: "tôi chưa làm thức ăn xong, cũng chưa trải tòa ngồi, tại sao các vị lại đến sớm như thế", các Bí-sô nghe rồi nói với nhau: "hôm nay đến sớm lại bị giận trách, vậy ngày mai vào giờ ngọ chúng ta mới đến thọ thỉnh thực". Qua ngày mai, vợ của trưởng giả nấu thức ăn và trải tòa ngồi sớm nhưng mãi đến giờ ngọ các Bí-sô mới đến, bà liền trách: "các Thánh giả, đâu phải tôi rảnh rỗi để làm mỗi việc này, từ sáng sớm tôi đã dọn thức ăn lên và trải tòa ngồi, vì sao mãi đến giờ ngọ các vị mới đến", các Bí-sô nghe rồi nói với nhau: "đến sớm thì giận trách, đến trưa cũng giận trách, từ ngày mai chúng ta như thường lệ theo thứ lớp khất thực, không đến nhà này thọ thỉnh thực nữa". Sau khi lo liệu công việc xong, trưởng giả trở về nhà và hỏi vợ các Thánh giả có đến thọ thỉnh thực không, người vợ nói: "hai ngày đầu có đến, sau đó không thấy đến nữa", trưởng giả nghe rồi liền biết là do vợ mình bỏn xẻn nên mới như thế, sau đó gặp các Bí-sô khất thực liền hỏi nguyên do, Bí-sô đáp: "chúng tôi theo thứ lớp khất thực cũng được no đủ", trưởng giả nói: "con biết là do vợ con bỏn xẻn, nhưng ruộng lúa của con vừa mới chín, xin dâng cúng cho các thầy mang về trong chùa", Bí-sô nói Phật chưa cho thọ, bạch Phật, Phật nói:

"nên thọ, khởi tưởng là vật của người, nhận mang về cho Tăng thì không phạm".

Lúc đó có một trưởng giả xây cất một phòng đặc biệt trong rừng Thệ đa có đầy đủ giường nệm và các lợi vật, các Bí-sô luân phiên theo thứ lớp đến ở, có người đem lợi vật trong phòng này để xen lẫn vào lợi vật của Tăng, bạch Phật, Phật nói: "lợi vật trong phòng đặc biệt, tùy ai ở trong đó thì được thọ dụng".

**2. Nhiếp tụng thứ hai trong Biệt môn thứ tư:**

*Tùy ở được thọ dụng,*
*Người xây cất cần dùng,*
*Khí cụ và đèn dầu...,*
*Dùng theo ý thí chủ.*

Duyên xứ như trên, khi các Bí-sô lấy lợi vật trong phòng đặc biệt để xen lẫn vào lợi vật của Tăng, Phật nói: "tùy người nào được ở trong phòng đó thì được thọ dụng, không nên lấy lợi vật đã có để xen lẫn vào lợi vật của Tăng", lúc đó khi phân chia lợi vật cho chúng tăng, vị thọ sự không chịu chia cho người đang ở trong phòng đặc biệt này, Phật nói: "tuy ở trong phòng đặc biệt nhưng vẫn được chia lợi vật của chúng tăng". Sau đó khi yết ma sai làm người thọ sự, Tăng không sai người đang ở trong phòng đặc biệt này, Phật nói nếu luân phiên đến thứ lớp thì nên sai.

Lúc đó trong thành có một Bí-sô khất thực, giáo hóa được một thí chủ quy y Tam bảo và thọ trì năm học xứ; sau đó lại nói về công đức của bảy phước nghiệp hữu sự, thí chủ nghe rồi liền muốn tu phước nghiệp nên hỏi Bí-sô làm việc gì, Bí-sô bảo nên xây cất trú xứ cho Tăng, thí chủ nói: "con có tài vật nhưng không có người coi giúp", Bí-sô nói: "ông mang tài vật đến, tôi sẽ coi giúp cho ông", thí chủ liền mang tài vật đến đưa cho Bí-sô, Bí-sô nhận rồi để ở trong phòng mình. Sau đó thí chủ muốn biết việc xây cất trú xứ đến đâu rồi nên đến xem thử, không ngờ đến nơi thấy chưa làm gì hết liền hỏi Bí-sô nguyên do, Bí-sô nói: "cái tôi cần dùng là khí cụ và vật liệu xây dựng nhưng lại không có nên không thể khởi công được", thí chủ nói: "tài vật tôi đưa sao không đem ra dùng đổi lấy khí cụ và vật liệu xây dựng?", Bí-sô nói: "tài vật ấy thuộc Tứ phương tăng nên tôi không dám lấy dùng", bạch Phật, Phật nói: "nếu là ý của thí chủ thì Bí-sô nên lấy tài vật ấy ra đổi lấy khí cụ và vật liệu xây dựng". Sau đó, thí chủ thấy Bí-sô này lại theo thứ lớp khất thực liền hỏi: "thầy đi khất thực như vậy thì ai trông coi việc xây cất?", đáp: "không lẽ tôi nhịn đói để trông coi hay sao?", thí chủ nói: "tài vật tôi đưa sao không trích lấy ra dùng vào việc ăn uống?", đáp: "Phật chưa cho lấy dùng tài vật thuộc Tứ phương tăng", bạch Phật, Phật nói: "nếu là ý của thí chủ thì Bí-sô nên trích lấy dùng cho việc ăn

uống". Bí-sô dùng toàn là thức ăn thượng diệu nên Phật nói: "không nên như vậy, chỉ nên ăn loại thức ăn thường", Bí-sô ăn toàn là thức ăn thô dỡ nên không đủ sức để trông coi công việc xây cất, Phạt nói: "Bí-sô nên ăn loại thức ăn như Tăng ăn hằng ngày". Lúc đó Bí-sô để khí cụ và vật liệu xây dựng trong phòng, vì trong phòng tối nên cần có đèn dầu phải đi xin, thí chủ thấy xin dầu liền hỏi xin dầu làm gì, Bí-sô nói rõ nguyên do, thí chủ nói: "vì sao không trích lấy tài vật ra đổi?", bạch Phật, Phật nói: "nếu là ý của thí chủ thì Bí-sô nên trích lấy ra dùng không phạm". Bí-sô để đèn sáng suốt đêm, Phật nói: "không nên đốt đèn suốt đêm, thu cất khí cụ xong nên tắt đèn. Như vậy nên biết từ khăn lau chân cho đến các duyên xây dựng đều theo đây mà thọ dụng".

**3. Nhiếp tụng thứ ba trong Biệt môn thứ tư:**

*Để mưa thấm vật Tăng,*
*Nửa đêm chia ngọa cụ,*
*Giường nhỏ chia theo tuổi,*
*Chiếu mền cũng như vậy.*

Phật tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó Lục chúng Bí-sô đem ngọa cụ đã bỏ ra không dùng để nơi đất trống, bị mưa thấm ướt làm hư hoại. Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "không nên để ngọa cụ của Tăng ngoài đất trống suốt mùa hạ, bị mưa thấm ướt làm

hư hoại. Ai không thu cất thì phạm tội Ác tác".

Lúc đó các Bí-sô mặc y Tăng-già-lê giặt, nhuộm y và làm bát khiến y bị hư hoại, Phật nói: "nếu mặc y Tăng-già-lê giặt, nhuộm y và làm bát thì phạm tội Ác tác".

Lúc đó Lục chúng Bí-sô du hành trong nhân gian, khi đến một trú xứ Tăng trong một tụ lạc thì đã nửa đêm, chúng tăng trong trú xứ đều đã ngủ. Họ kêu dậy nói: "này các cụ thọ, chánh pháp của Đại sư còn ở đời sao các vị không phụng hành theo, đừng để sau này phải hối hận. Các vị hãy thức dậy chia ngọa cụ dựa theo tuổi hạ cho chúng tôi", các Bí-sô cựu trụ đều thức dậy tập họp các ngọa cụ của Tăng lại để chia cho Lục chúng Bí-sô, họ nhận ngọa cụ rồi tìm chỗ ngủ, chúng tăng thu xếp xong thì trời vừa sáng. Lục chúng Bí-sô thức dậy, muốn ra đi nên bảo Bí-sô cựu trú thu cất ngọa cụ, Bí-sô cựu trụ nói: "Thượng tòa chỉ an thân có một đêm mà làm cho chúng tăng phải mệt nhọc sanh bịnh". Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "Bí-sô cựu trụ không nên chia ngọa cụ vào ban đêm, nếu khách Bí-sô chỉ ngủ lại một đêm thì nên ngủ tạm ở chỗ thân hữu; nếu ở lại lâu thêm thì mới chia ngọa cụ theo tuổi hạ cho khách. Ai làm trái thì phạm tội Ác tác".

Lúc đó Lục chúng Bí-sô cùng các Bí-sô du hành trong nhân gian, đến trong một trú xứ Tăng thấy giường nệm trải sẵn của các Bí-sô cựu trụ, liền

chiếm lấy giường nệm lớn và tốt mà nằm. Do họ cũng là bậc Thượng tòa nên không ai bảo họ qua chỗ khác nằm, các Bí-sô kỳ túc khác đành phải nằm ngủ dưới đất. Khi các Bí-sô này đi đến rừng Thệ đa, các Bí-sô cựu trụ chào thiện lai và thăm hỏi có được an lạc không, đáp là không an lạc rồi kể lại việc trên, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "nếu là giường nệm lớn tốt thì nên theo thứ lớp từ bậc Thượng tòa mà chia cho nhau".

**4. Nhiếp tụng thứ tư trong Biệt môn thứ tư:**

*Ở chỗ đại tiểu tiện,*
*Kinh hành không não người.*
*Rửa chân, vải lau giày,*
*Nồi, sạn... không đoạt dùng.*

Duyên xứ như trên, lúc đó Lục chúng Bí-sô ở chỗ đại tiểu tiện thường qua lại kinh hành hoặc nói chuyện, đọc tụng..., hễ thấy có Bí- sô nào muốn vào nhà xí thì liền ngăn lại nói rằng: "khoan hãy vào, ta lớn hơn nên vào trước", mục đích là xúc não các Bí-sô. Các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "không được ở chỗ đại tiểu tiện kinh hành xúc não người khác, ai làm trái thì phạm tội Việt pháp".

Lục chúng Bí-sô ở chỗ rửa chân, đuổi người khác đang rửa chân bên lu nước đứng dậy đi để cho họ rửa chân, Phật nói: "ở chỗ rửa chân, người khác chưa rửa xong, không được cưỡng ép họ đứng dậy

để cho mình rửa. Ai đến trước thì rửa trước, không tính theo tuổi hạ lớn nhỏ, ai làm trái thì phạm tội Việt pháp". Lúc đó có Bí-sô đang lau giày, Lục chúng Bí-sô đoạt lấy khăn lau nói rằng: "ta lớn hơn nên lau trước", Phật nói: "nếu người khác lau chưa xong mà đoạt lấy dùng thì phạm tội Việt pháp, trong việc làm này không tính theo tuổi hạ lớn nhỏ". Lại có Bí-sô đang nấu thuốc chưa xong, Lục chúng Bí-sô đoạt lấy nồi cho đến lấy cái sạn để dùng trước bị Phật quở trách như trường hợp trên.

**5. Nhiếp tụng thứ năm trong Biệt môn thứ tư:**

*Nồi, bình dùng nhuộm y,*
*Bát của Tăng, ly tách,*
*Dao nhíp, kéo cắt móng,*
*Kê giường không tính tuổi.*

Duyên xứ như trên, lúc đó các Bí-sô dùng nồi, thau, bình nước... của Tăng để nhuộm y, đang nấu nước nhuộm chưa xong thì Lục chúng Bí-sô đoạt lấy để dùng trước bị Phật quở trách cũng như các trường hợp trên. Lại có Bí-sô dùng bát cho đến ly uống nước của Tăng, đang dùng chưa xong thì Lục chúng Bí-sô đoạt lấy để dùng trước bị Phật quở trách giống như trên. Lại có Bí-sô đang cạo tóc chưa xong, Lục chúng Bí-sô đoạt lấy dao để cạo tóc trước; cho đến đá mài dao, kéo cắt móng tay và vật kê chân giường... đoạt lấy lúc người khác chưa

làm xong đều bị Phật quở trách như các trường hợp trên.

**6. Nhiếp tụng thứ sáu trong Biệt môn thứ tư:**

*Đo cắt Yết-sỉ-na,*
*Kim chỉ lúc đang may,*
*Nước nhuộm... các vật dụng,*
*Đang dùng không được đoạt.*

Duyên xứ như trên, lúc đó một Bí-sô đang dùng thước đo vải của Tăng để đo vải cắt may y Yết-sỉ-na thì Lục chúng Bí-sô đến đoạt lấy để dùng trước, cho đến kim chỉ lúc người khác đang may, nước nhuộm y... các vật dụng lúc người khác đang dùng chưa xong mà đoạt lấy đều bị Phật quở trách giống như các trường hợp ở trên.

-oOo-

# CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ NI ĐÀ NA MỤC ĐẮC CA

## QUYỂN 5

### 7. Nhiếp tụng thứ bảy trong Biệt môn thứ tư:

*Ngoại đạo lạm nhận y,*
*Ký hiệu, khi chết cho,*
*Có năm loại thân hữu,*
*Tác pháp xin được đi.*

Phật tại Trúc lâm, thành Vương xá, lúc đó vua Ảnh Thắng nước Ma-kiệt-đà sau khi nghe Phật thuyết diệu pháp được kiến đế, cùng tám vạn chư thiên và các trưởng giả, cư sĩ, Bà-la-môn trong nước Ma-kiệt- đà có hơn trăm ngàn người. Ở trong đại chúng này vua lập chế nghiêm và thông báo cho nhân dân trong nước đều biết là cấm ngặt không được trộm cướp, nếu ai trái phạm sẽ bị đuổi ra khỏi nước và tịch thu hết tài sản của kẻ cướp để bồi thường cho người bị cướp. Lúc đó Phật cũng thuyết kinh Thiếu niên cho vua Thắng quang nước Kiều-tát-la, vua được điều phục rồi cũng lập chế nghiêm cho nhân dân trong nước mình là cấm ngặt

không được trộm cướp, ai trái phạm sẽ bị xử tử và tịch thu hết tài sản của kẻ cướp để bồi thường cho người bị cướp. Do đó bọn giặc cướp phải rút đi đến ở nơi biên giới của hai nước này, lúc đó có đoàn thương nhân từ nước Ma-kiệt-đà đến nước Kiều-tát-la buôn bán, khi đến biên giới nước Kiều-tát-la, họ cho những người theo hộ vệ trở về, không ngờ ngay chỗ biên giới lại gặp giặc cướp cướp hết tài vật, họ chạy thoát đến gặp vua Thắng quang tâu rằng: "đại vương biết cho, ở trong quốc giới này trước đây có nhiều giao dịch mua bán, nhưng nay có cướp ắt là các thương nhân sẽ không đến nữa", vua nghe rồi liền ra lịnh cho đại tướng quân Tỳ lư trạch ca thống lĩnh bốn binh đến biên giới bắt giặc cướp. Lúc đại tướng quân đem quân đến bao vây bốn phía khu rừng, chỗ bọn cướp đang trú ẩn thì chúng đang phân chia tài vật đã cướp được. Khi nghe tiếng trống, chúng kinh hoàng bỏ chạy nhưng cuối cùng cũng bị bắt hết, địa tướng quân thu hết tài vật và áp giải bọn cướp đến chỗ vua, vua bảo các thương nhân: "hãy xem kỹ số tài vật này, tài vật nào của các người thì cứ lấy mang đi", các thương nhân đến nhận lại tài vật của mình rồi mang đi, các ngoại đạo cũng đến nhận lại tài vật của mình và lấy luôn y bát của các Bí-sô mang đi. Khi các Bí-sô đến tìm không thấy có y bát của mình nên tâu lại vua, vua nói: "nếu không có y bát của các thầy trong đây thì hãy gọi các ngoại đạo trở lại xét

xem có lấy lầm không", khi các ngoại đạo trở lại đưa ra tài vật mà mình vừa lấy thì các Bí-sô liền nói: "đây là Tăng-già-lê của tôi, đây là Tăng khước kỳ của tôi, đây là bát của tôi", vua trách ngoại đạo: "giặc cướp kia là giặc nhỏ, các thầy mới là giặc lớn, vì sao lại cố ý lấy y vật của người khác?", ngoại đạo liền im lặng. Vua nói với các Bí-sô: "các thầy nên ghi ký hiệu trên y vật để có thể phân biệt được đây là vật của ngoại đạo, đây là vật của Bí-sô", Bí-sô nói Phật chưa cho làm ký hiệu, sau đó bạch Phật, Phật nói nên làm ký hiệu, các Bí-sô không biết làm ký hiệu như thế nào, Phật nói: "nên kết nút hay điểm tịnh bằng mực và các cách ghi ký hiệu khác rồi mới thọ trì".

Phật tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó có một trưởng giả cưới vợ chưa bao lâu, vợ liền sanh con trai, không lâu sau đó người vợ chết, trưởng giả cưới thêm vợ hai và có thêm một con trai. Người con trai thứ hai này đến tuổi trưởng thành xuất gia trong pháp luật thiện thuyết, khi vị này đang du hành trong nhân gian thì người cha bịnh nặng sắp chết. Trước khi qua đời ông bảo người con trưởng chia tài sản đã có làm ba phần và dặn dò như sau: "một phần cho con để lo liệu gia nghiệp, một phần để lo hậu sự cho cha, phần còn lại cho người em xuất gia của con", ông nói kệ:

*"Tích tụ đều tiêu tán,*
*Cao ngất ắt rơi rớt,*

*Hội họp ắt biệt ly,*
*Có mạng đều phải chết".*

Nói xong thì qua đời, người con xuất gia nghe tin cha mất liền trở về nhà, hai anh em gặp nhau đau buồn than thở, người anh nói: "lúc cha sắp mất có di chúc để lại cho em một phần gia tài, em hãy nhận lấy", Bí-sô này suy nghĩ: "như Phật đã dạy khi chết mới cho là vật phi pháp, không nên nhận", bạch Phật, Phật nói: "người tại gia có tâm thân ái buộc ràng nên khi lâm chung di chúc cho tài vật thì nên nhận, nhận rồi có thể đem cúng dường Tam bảo. Còn người xuất gia không còn tâm luyến ái nên khi lâm chung mà di chúc cho thì không nên nhận".

Duyên xứ như trên, lúc đó có hai Bí-sô là bạn thân rất hợp ý nhau nên cùng ở chung một chỗ, sau đó một Bí-sô du hành trong nhân gian và để lại ở trong phòng các vật cần dùng như y vật, tăm xỉa răng, bột tẩy.... Bí-sô kia thu dọn lấy cất rồi sanh tâm nghi nên bạch Phật, Phật nói: "lấy cất không phạm, vì thân hữu có năm loại: một là yêu mến nhau, hai là tâm hoan hỉ, ba là sư trưởng, bốn là hợp ý nhau, năm là nếu nghe biết ta dùng vật của họ thì sanh tâm vui mừng. Vật dụng của năm hạng thân hữu này được lấy dùng không phạm".

Duyên xứ như trên, lúc đó có một trưởng giả cưới vợ chưa bao lâu, vợ sanh được một gái. Người con gái này lớn lên xuất gia trong pháp luật thiện

thuyết, gặp lúc thời thế mất mùa đói kém, khất thực khó được, khi theo thứ lớp khất thực lần lượt đến trước nhà mình, người cha thấy con liền hỏi: "hiện nay con sống như thế nào?", Bí-sô ni nói: "nay gặp lúc thời buổi đói kém, khất thực khó được, vất vả khất thực mà không đủ no, lửa đói thiêu đốt rất khó chịu", người cha nói: "từ nay về sau, hằng ngày con có thể đến nhà thọ thực", Bí-sô ni nhận lời. Hôm sau, Bí-sô ni dẫn thêm một ni khác đến nhà thọ thực, người cha nói: "cha không đủ khả năng cung cấp cho hai người, con nên đến một mình", Bí-sô ni nói: "Phật chế ni không được đi một mình, nếu Phật khai cho thì con không gặp khổ này", bạch Phật, Phật nói: "gặp lúc thời buổi đói kém, khất thực khó được, ta khai cho Bí-sô ni theo chúng xin yết ma tới lui và dừng ở bên nhà cha mẹ, tác pháp xin như sau: Bí-sô ni nên trải tòa rồi đánh kiền chùy tập Ni tăng, khi Ni tăng nhóm nên lễ Ni tăng rồi ở trước vị Thượng tòa cung kính chắp tay bạch rằng:

Đại đức Ni tăng lắng nghe, con là Bí-sô ni _____ nay gặp lúc thời buổi đói kém, khất thực khó được, không đủ no nên nay con theo Ni tăng xin yết ma tới lui và dừng ở bên nhà cha mẹ. Cúi xin Ni tăng cho con tên _____ yết ma tới lui và dừng ở bên nhà cha mẹ, xin thương xót (ba lần).

Ni tăng bạch nhị yết ma cho, khi Ni tăng tác

pháp cho yết ma rồi thì Bí-sô ni được lui tới và dừng ở bên nhà cha mẹ một mình và tùy ý thọ thực không phạm. Sau khi thời thế được mùa sung túc trở lại thì không được một mình đến thọ thực nữa, nếu còn đến một mình thì phạm tội Việt pháp".

**8. Nhiếp tụng thứ tám trong Biệt môn thứ tư:**

*Mua chịu y người khác,*
*Đoán giá y cho người,*
*Không trả giá thấp cao,*
*Nên trả hai ba giá.*

Duyên xứ như trên, lúc đó có Bí-sô mua chịu vải của cư sĩ mang về chùa, không bao lâu thì qua đời, cư sĩ này hay tin liền đến trong chùa đòi tiền thiếu chịu, các Bí-sô nói: "Bí-sô ấy đã qua đời, hiện đang ở trong Thi lâm, ông đến đó mà đòi", cư sĩ này nói: "y bát của người chết để lại, các thầy đã cùng chia, nay bảo tôi đến Thi lâm đòi tiền người chết, tại sao Thích tử lại khi dối người như vậy", các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "nên lấy y bát của Bí-sô qua đời trả lại tiền đã mua chịu".

Lại có một Bí-sô mua chịu vải quý giá nơi nhà một cư sĩ không chịu trả mãi đến khi qua đời, cư sĩ này hay tin liền đến trong chùa đòi tiền đã thiếu chịu, các Bí-sô liền đem y của người chết để lại đưa cho cư sĩ coi như là trả tiền thiếu chịu, cư sĩ này nói: "trước đây vị ấy mua là vải mới quý giá,

nay đưa lại cho tôi y cũ rách này coi như là trả tiền thiếu chịu hay sao?", các Bí-sô không biết làm sao, bạch Phật, Phật nói: "nên lấy những vật hiện còn của vị ấy để lại bù đắp thêm vào tiền đã thiếu chịu, nói với chủ nợ rằng: người ấy qua đời, tài vật để lại chỉ có bao nhiêu đây, chúng tôi đưa hết để trả tiền vị ấy đã thiếu chịu, ông nên hoan hỉ".

Có hai cư sĩ đang giao dịch mua bán, người mua hỏi vải này giá bao nhiêu, người bán nói là hai mươi Ca lợi sa ba noa, người mua trả giá mười Ca lợi sa ba noa. Vừa lúc ấy có Ô-ba-nan-đà đi đến, hai cư sĩ này suy nghĩ: "Bí-sô nói lời quyết định, ta nên nhờ vị ấy đoán giá", nghĩ rồi mỗi người đến hỏi Ô-ba-nan-đà: "Đại đức, vải này trị giá chừng bao nhiêu?", Ô-ba-nan-đà hỏi lại: "vải này ông định mua hay bán?", đáp là mua, Ô-ba-nan-đà nói trị giá chừng hai mươi Ca lợi sa ba noa. Sau đó cũng hỏi lại người thứ hai là muốn mua hay bán, đáp là muốn bán, Ô-ba-nan-đà nói trị giá đến bốn mươi Ca lợi sa ba noa. Hỏi xong người bán liền lên giá vải này là bốn mươi, người mua nói hồi nảy bán là hai mươi sao giờ lại lên giá bốn mươi, nhân đây hai bên cãi cọ nhau. Sau đó người bán nói: "do người đoán giá nói vải này trị giá đến bốn mươi nên tôi mới lên giá", người mua hỏi ra mới biết người đoán giá chính là Ô-ba-nan-đà muốn não loạn hai người nên làm thế. Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "Bí-sô không

nên đoán giá cho người thế tục, cũng không được ở trong chợ luận về giá cả cao thấp cho người mua bán ở chợ. Ai làm trái thì phạm tội Ác tác".

Lại có Bí-sô khi mua vải trả giá thấp cao, người bán nói: "tôi là người mua bán nhỏ, các vị là người mua bán lớn", các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "Bí-sô không nên trả giá thấp cao, nếu muốn mua y nên nhờ cư sĩ trả giá hộ, nếu không có cư sĩ thì tự mình được trả chừng hai ba giá, nếu trả nhiều giá hơn thì phạm tội Ác tác".

**9. Nhiếp tụng thứ chín trong Biệt môn thứ tư:**

*Sai chăm sóc cây trái,*
*Bốn loại không nên chia,*
*Trái chín hiền tiền chia,*
*Xem sâu chớ ồn náo.*

Phật tại thành Vương xá, lúc đó vua Tần-tỳ-sa-la cúng cho Tăng vườn Am-một-la ngàn cây trái xum xuê, các Bí-sô hái trái ăn hết rồi không sai người chăm sóc nên vườn cây Am-một-la trở nên xơ xác. Vua Tần-tỳ-sa-la khi thấy nhìn thấy vườn cây này không nhận ra là vườn của mình đã cúng nên hỏi thị vệ là vườn cây của ai, thị vệ nói rõ nguyên do sự việc, vua nghe rồi chê trách. Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "đối với sản nghiệp của chùa không được bỏ phế, Tăng nên sai người chăm sóc vườn cây Am-một-la",

Tăng liền sai người chăm sóc vườn cây, người này dựng rào dậu và tính số cây trái để chia, ở dưới gốc cây các Bí-sô đánh răng súc miệng, rửa chân tay... như để tưới nước cho cây nên không bao lâu sau vườn cây Am-một-la xum xuê trở lại và cho ra nhiều trái chín. Lúc đó có nhiều khách Bí-sô đến, thấy có nhiều trái chín ngon nên xin, người coi vườn nói: "tôi đã phân chia hết rồi nên không thể đem cho các vị được, đây là phần của Thân giáo sư, đây là phần của Quỹ phạm sư, đây là phần của đồng Thân giáo sư, đây là phần của đồng Quỹ phạm sư...". Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "có bốn loại không nên chia: một là vật của Tứ phương tăng, hai là vật của tháp, ba là thuốc trị bịnh cho Tăng và bốn là tài sản của chùa. Ai làm trái thì phạm tội Ác tác, từ nay tất cả trái cây trong vườn này nên đem chia đều hết cho Tăng". Lúc đó có kẻ trộm đến hái trái, Phật bảo nên cắt đặt người coi giữ, người coi giữ vườn lo trông coi nên không thể đi thọ thực được, Phật bảo nên cắt đặt thêm một người nữa, người này thọ thực trước rồi đến thay cho người kia đi thọ thực. Lúc đó người giữ vườn hái trái xong đem chia đều cho Tăng nhưng có người gặp phải trái có sâu, Phật nói: "nên xem kỹ trái nào có sâu nên lựa bỏ ra, trái cây hái xuống nên tác tịnh trước rồi mới phân chia". Sau đó các Bí-sô xem xét trái nào có sâu, nói chuyện ồn ào, nước miếng văng ra làm dơ trái cây,

Phật nói: "không được làm ồn náo, nên im lặng như bậc Thánh để xem xét, nếu ai làm ồn náo thì phạm tội Ác tác".

**10. Nhiếp tụng thứ mười trong Biệt môn thứ tư:**

*Không tịnh nhơn, tự đưa,*
*Không được tự lấy ăn,*
*Không được lựa, trừ bịnh,*
*Kết giới, ra làm chứng.*

Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi Phật: "như Phật đã dạy nên chia trái cây đến cho Tăng, vậy người nào nên đưa?", Phật nói: "nên sai tịnh nhơn đưa, nếu không có tịnh nhơn nên sai Cầu tịch, nếu không có Cầu tịch thì nên tác tịnh trước rồi Bí-sô mới lấy đưa đến cho Tăng", lại hỏi: "như Phật dạy nên sai người coi giữ vườn, nếu sau khi tịnh nhơn hay Cầu tịch vừa đi, có chim chóc bay đến mổ làm hư trái cây thì phải làm sao?", Phật nói: "nên lấy lá cây đậy trái cây lại, đợi tịnh nhơn hay Cầu tịch làm xong việc trở về sẽ chỉ cho họ thấy".

Lúc đó Lục chúng Bí-sô tới phiên giữ vườn, họ liền lựa lấy những trái ngon mang về trú xứ mình tác pháp thọ rồi ăn, các Bí-sô nói với nhau: "đã lâu không thấy đưa trái ngon đến", có người nói: "trái ngon đã bị Lục chúng Bí-sô lựa lấy mang về trú xứ, bảo người khác trao cho, thọ lấy rồi ăn", bạch Phật, Phật nói: "không được tự lấy ăn, nếu làm như

vậy thì phạm tội Ác tác". Sau đó Lục chúng Bí-sô lựa trước trái ngon rồi bảo người khác trao, thọ lấy rồi ăn; do đưa người này, đưa người kia nên làm náo loạn, Phật nói: "không được tự lựa rồi lấy ăn, ai làm thế thì phạm tội Ác tác; không phạm là ai sức lực yếu thì được ăn trái chín ngọt, ai sức lực mạnh thì ăn trái sống chua".

Duyên xứ như trên, lúc đó có các Bí-sô du hành trong nhân gian, đi đến một trú xứ Tăng trong một tụ lạc, nhưng lại không thấy có Bí-sô cựu trụ nào cả, họ nói với nhau: "trong chùa này không có ai, không lẽ chúng ta lại ở nơi không có kết giới, chúng ta nên kết giới", nói rồi cùng kết tiểu giới trước. Lúc đó các Bí-sô cựu trụ về đến, các Bí-sô khách tưởng họ là khách mới đến nên chào hỏi rồi muốn sắp xếp chỗ cho họ nghỉ ngơi, Bí-sô cựu trụ nói: "vì sao các vị lại sắp xếp chỗ cho chúng tôi nghỉ ngơi, trú xứ này là của chúng tôi, ban ngày chúng tôi tạm đi đến chỗ nhàn tịnh thiền tư", Bí-sô khách nói: "chúng tôi cho trú xứ này chưa kết giới nên muốn kết giới và đã kết tiểu giới trước rồi", Bí-sô cựu trụ nói: "nơi đây chúng tôi đã kết giới rồi". Lúc đó các Bí-sô đều sanh nghi không biết nên lấy giới đã kết trước hay lấy giới mới kết sau, bạch Phật, Phật nói: "nên lấy giới đã kết trước, giới kết sau không thành kết. Tất cả Bí-sô khách khi đến trú xứ nào, nên ở tạm bảy tám ngày nếu không thấy có người đến, lúc đó mới cùng kết giới, ai làm trái

thì phạm tội Ác tác".

Duyên xứ như trên, lúc đó có một Bí-sô ở nơi A-lan-nhã thấy có hai nông dân tránh cãi nhau một hồi rồi đánh nhau, cả hai đều nói Bí-sô là người làm chứng. Khi họ đến chỗ vua kiện cáo, nói Bí-sô là người làm chứng nên vua cho gọi Bí-sô đến rồi hỏi sự việc xảy ra như thế nào, Bí-sô nói: "nếu vua có thể tự giao ước là sẽ xử đoán việc như Chuyển luân thánh vương thì tôi sẽ nói rõ sự việc", vua bằng lòng giao ước, Bí- sô nói: "hai người này tranh cãi nhau một hồi rồi đánh nhau", vua nghe rồi liền xử cả hai đều có tội, Bí-sô nói: "vì sao vua lại xử phạt họ như thế, vua đã giao ước là sẽ xử như Chuyển luân thánh vương giáo hóa ở đời?", vua hỏi Luân vương hành hóa như thế nào, Bí-sô nói: "hễ là Luân vương thì nên ngăn dứt việc vô ích và làm việc hữu ích", vua nghe rồi liền xử cả hai đều có tội nhưng phạt nhẹ rồi thả đi, do đây cả hai nông dân đều giận Bí-sô. Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "nếu thấy người khác đánh nhau, Bí-sô không nên đứng một bên xem, nên mau bỏ đi, nếu không làm thế thì phạm tội Ác tác".

## V. TỔNG NHIẾP TỤNG CỦA BIỆT MÔN THỨ NĂM:

*Cúng dường tượng Bồ-tát,*

*Kiết tường, đại chúng ăn,*
*Đại hội, ngồi tòa cỏ,*
*Nhóm tăng đánh trống lớn.*

**1. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ năm:**

*Cho làm tượng Bồ-tát,*
*Và làm năm loại cờ,*
*Làm tòa để tôn nghi,*
*Tùy ý làm trụ sắt.*

Duyên xứ như trên, lúc đó nếu Phật có mặt ở trong chúng làm Thượng tòa thì do oai đức của Phật nên chúng tăng đều nghiêm túc; nếu Phật không có mặt ở trong chúng thì sẽ không như thế. Cho nên trưởng giả Cấp-cô-độc đến xin Phật cho ông làm hình tượng Phật, Bồ- tát (Thiệm bộ), Phật nói tùy ý; ông lại muốn trang hoàng phướn lọng, Phật cũng cho làm, ông không biết làm loại phướn gì, Phật nói: "có năm loại phướn: một là phướn hình Sư tử, hai là phướn hình Một yết la, ba là phướn hình Rồng, bốn là phướn hình Yết lộ trà và năm là phướn hình Ngưu vương". Trưởng giả lại muốn làm tòa cho hình tượng Bồ-tát, Phật cũng cho làm, lại muốn làm trụ sắt để treo phướn, Phật đều cho làm.

**2. Nhiếp tụng thứ hai trong Biệt môn thứ năm:**

*Cúng dường tượng Bồ-tát,*
*Cho làm các chuỗi ngọc,*

*Hương thoa cùng xe, kiệu,*
*Dù lọng và cờ phướn.*

Duyên xứ như trên, trưởng giả Cấp-cô-độc lại hỏi Phật: "có phải khi Phật còn làm Bồ-tát thường cúng dường rộng lớn hay không?", Phật nói phải, trưởng giả xin Phật cho ông làm hình tượng Bồ-tát để tùy ý cúng dường, Phật cho làm; lại hỏi: "có phải khi Phật còn làm Bồ-tát thường đeo các chuỗi ngọc hay không?", Phật nói phải, trưởng giả xin Phật cho ông làm các chuỗi ngọc cho hình tượng Bồ-tát, Phật nói: "trừ vòng đeo chân và vòng đeo tai ra, tất cả đều cho làm". Trưởng giả lại muốn làm hương thoa, hương bột để lau tay chân cho hình tượng Bồ-tát, Phật đều cho làm; lại bạch Phật: "Phật khi còn làm Bồ-tát thường đi kiệu ra vào hoặc đi xe, nay con muốn làm xe kiệu", Phật cho làm; lại bạch Phật: "khi Phật còn là Bồ-tát thường có tàng lọng che và cờ phướn đi theo, nay con muốn làm tàng lọng và cờ phướn cho hình tượng Bồ- tát", Phật cho làm; lại bạch Phật: "Phật khi còn là Bồ-tát thường trang nghiêm thân bằng vòng hoa chuỗi ngọc, nay con muốn làm các vật ấy để trang nghiêm cho hình tượng Bồ-tát", Phật đều cho làm.

**3. Nhiếp tụng thứ ba trong Biệt môn thứ năm:**

*Kiết tường và cúng dường,*
*Vòng hoa, hương tổng hợp,*

*Khi mọi người tập họp,*
*Ngày mở cửa, đêm đóng.*

Lúc đó trưởng giả Cấp-cô-độc bạch Phật: "khi Phật còn là Bồ-tát, đại chúng thường đem việc kiết tường cung kính cúng dường, xin Phật cho con làm việc kiết tường thiết cúng tượng Bồ-tát", Phật cho làm; lại muốn làm vòng hoa trang nghiêm trên đầu hình tượng Bồ-tát và dùng các loại hương tổng hợp để cúng dường, Phật đều cho làm. Trưởng giả lại muốn vì tượng Bồ-tát mà trang nghiêm trong chùa, họa vẽ nhiều màu sắc và dùng hương hoa..., tấu các loại kỹ nhạc để cúng dường, Phật đều cho làm. Dân chúng thấy chùa trang nghiêm nên sanh tâm hi hữu cùng kéo đến chiêm ngưỡng rất đông nên làm ồn náo, các Bí-sô thấy vậy liền đóng cửa cả ngày đêm, dân chúng thấy vậy liền chê trách là ngăn chận sanh thiện, Phật nói: "ban ngày nên mở cửa cho họ đến chiêm ngưỡng cúng dường, ban đêm đóng lại".

**4. Nhiếp tụng thứ tư trong Biệt môn thứ năm:**

*Đại chúng nhóm thọ thực,*
*Sanh tháng Tiết xá khư,*
*Hương đài, năm sáu năm,*
*Nên thiết lập đại hội.*

Khi trưởng giả Cấp-cô-độc thiết lễ cùng dường, nhiều Bí-sô cùng bảy chúng đều đến dự khiến trưởng giả sanh tâm hoan hỉ, suy nghĩ: "như Phật

đã dạy có năm loại thời thí (bố thí đúng thời):

1. Cấp thí cho Bí-sô mới đến hay sắp đi xa.

2. Cấp thí cho Bí-sô bịnh và người khán bịnh.

3. Cấp thí vào những năm mất mùa đói kém và tại đường hiểm trở.

4. Khi thu hoạch ngũ cốc và hoa quả mới, vào những ngày lễ trong năm nên cấp thí cho Bí-sô trì giới có đức trước rồi mình mới tự dùng.

5. Vào thời tiết gió mưa hay tuyết lạnh nên đem bánh, cháo... và các loại nước uống đến cúng dường chúng tăng, đừng để các Thánh tăng phải đi khất thực cực khổ, họ thọ thức ăn uống này của ta sẽ được an lạc trụ.

Nay ta thấy bảy chúng từ xa đến, đi đường mệt nhọc, nếu Phật cho, ta sẽ mở đại hội cúng dường", nghĩ rồi liền đến xin Phật cho mở đại hội vô già cúng dường, Phật nói tùy ý làm. Sau đó trưởng giả hỏi Phật: "Bồ-tát đản sanh vào ngày tháng mấy?", Phật nói là vào ngày trăng tròn của tháng Tiết xá khư, trưởng giả xin Phật cho mở đại hội mừng sanh nhật Phật, Phật cho làm. Lại xin Phật cho vì hình tượng Bồ-tát làm hương đài, Phật cho làm; lại hỏi Phật: "khi Phật còn là Bồ-tát trải qua mấy năm mới cắt búi tóc trên đỉnh đầu?", Phật nói năm năm, trưởng giả xin Phật cho làm đại hội Đảnh kế năm năm, Phật cho làm; lại hỏi Phật: "Bồ-tát mấy năm mới mọc lại búi tóc?", Phật nói sáu năm, trưởng

giả xin Phật cho làm đại hội Phật đà, Phật cho làm.

**5. Nhiếp tụng thứ năm trong Biệt môn thứ năm:**

*Đại hội làm tòa cỏ,*
*Không nên ngồi tạp loạn,*
*Nên đánh kiền chùy, trống,*
*Thông báo cho biết hết.*

Khi trưởng giả Cấp-cô-độc thiết lập đại hội, dân chúng trong sáu thành lớn đều tụ đến dự, các Bí-sô cũng rất đông nên không đủ chỗ ngồi, Phật bảo nên làm tòa cỏ để tùy thời thọ thực. Các Bí-sô thọ thực xong không thu cất tòa cỏ liền bỏ đi, Phật nói: "khi thọ thực xong nên thu cất tòa cỏ để một bên rồi mới tùy ý đi, đợi khi đại hội Phật đà xong mới đem vất bỏ". Lúc đó khi thọ thực, các Bí-sô không ngồi theo thứ lớp tuổi hạ mà ngồi tạp loạn khiến cho người dọn đưa thức ăn phải kéo dài thời gian, hoặc khi dọn ăn xong lại có người khác đến phải dọn ăn nữa, nên mất nhiều thời gian. Phật nói nên báo giờ để họ biết đến đúng giờ, khi báo giờ vì ồn nào nên nhiều người không nghe biết, Phật bảo nên đánh kiền chùy, vẫn còn có người không nghe, Phật bảo nên thổi ốc hay đánh trống, vẫn không nghe khắp hết, Phật nói: "nên đánh trống lớn, trước đánh ba hồi rồi đánh một hồi dài". Lúc đó người bịnh và người thọ sự thiếu phần thức ăn, Phật nói: "nên chờ người bịnh nhận được phần ăn và người

thọ sự ăn xong mới đánh hồi dài, nếu không làm như thế thì phạm tội Việt pháp".

**6. Nhiếp tụng thứ sáu trong Biệt môn thứ năm:**

*Nhóm Tăng đánh trống lớn,*
*Cúng xong tháo cờ phướn,*
*Nếu được nhiều trân bảo,*
*Tùy lớn nhỏ chia đều.*

Như Phật dạy nhóm Tăng nên đánh kiền chùy nhưng không nghe khắp hết, Phật bảo nên đánh trống lớn cho khắp nơi đều nghe thấy. Khi mở đại hội, xa gần đều tụ đến nhưng khi đại hội hoàn mãn, mọi người vẫn chưa giải tán, Phật bảo nên tháo cờ phướn xuống, mọi người thấy sẽ tự nhiên giải tán. Sau đại hội này các Bí-sô được cúng dường nhiều tài vật, trân bảo không biết phải làm sao, Phật nói: "nên tập họp tài vật lại một chỗ rồi theo thứ lớp từ Thượng tòa cho đến người nhỏ nhất, tùy lớn nhỏ y theo pháp mà chia đều", lúc đó các Bí-sô vẫn còn lăng xăng vì số người quá đông nên khó chia, Phật nói: "nếu chúng quá đông nên chia một phần cho nhóm một ngàn người để họ tự chia; nếu ít hơn thì chia một phần cho nhóm một trăm người hoặc hai mươi người cho đến mười người để họ tự chia". Lúc đó tôn giả Ưu-ba-ly hỏi Phật: "nếu trong nhóm mười người có một người chết thì phần của người chết ai được thọ?", Phật nói: "nếu trong nhóm

mười người đã chia phần xong rồi thì phần của người chết sẽ đưa vào trong Tăng già; nếu chưa chia thì hợp vào phần của chín người được chia. Nhiều người hơn cũng căn cứ theo đây mà chia".

-oOo-

# CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ NI ĐÀ NA MỤC ĐẮC CA

## QUYỂN 6

## B. TỔNG NHIẾP TỤNG ĐẠI MÔN MỤC ĐẮC CA:

*Môn đầu tiên sám hối,*
*Thứ hai định thuộc vật,*
*Thứ ba tư cụ, y,*
*Tổng tụng Mục đắc ca.*

### *I. TỔNG NHIẾP TỤNG CỦA BIỆT MÔN THỨ NHẤT:*

*Sám hối, bãi cỏ êm,*
*Đáng miễn, vua Ảnh Thắng,*
*Thịt chó, chén nhỏ, mía,*
*Cho dùng đường, tô, củ...*

### 1. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ nhất:

*Sám hối, phi Cận viên,*
*Xem tướng mạo Cầu tịch,*
*Pháp Bí-sô và Ni,*
*Lẫn nhau bỉnh pháp thành.*

Phật tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó các Bí-sô chia thành từng nhóm hai người cùng quyết trạch

nghĩa lý, sau đó tranh cãi với nhau, vị nhỏ quở rách vị lớn, vị lớn trong lòng tức giận trở về phòng tự nghĩ: "tại sao nhỏ hạ hơn mà dám xúc phạm đến ta như thế", càng nghĩ càng tức, do bị lửa sân thiêu đốt nên vị này qua đời thác sanh trong loài rắn độc. Sau đó Bí-sô nhỏ truy hối: "ta đã làm điều bất thiện, ta đâu thể sân trách bậc Thượng tòa như thế, ta nên đến sám hối", nghĩ rồi liền cùng các Bí-sô đến phòng của Bí-sô lớn kia để sám hối nhưng thấy cửa đóng. Sau khi mở cửa vào trong phòng, vừa muốn đảnh lễ bạch xin tha thứ thì liền thấy con rắn độc trên giường phùng mang giận dữ. Lúc đó Phật do sức từ bi dẫn dắt đi đến chỗ đó bảo Bí-sô này đảnh lễ rắn xin sám hối, Bí-sô nói: "vì sao bảo con đảnh lễ rắn?", Phật nói: "thầy nên khởi tưởng là thân trước của Bí-sô kia mà kính lễ", Bí-sô vâng lời Phật đảnh lễ rắn, Phật bảo rắn: "Hiền thủ nên khoan thứ", kế nói ba câu pháp cho rắn nghe: "thầy đã tu tịnh hạnh ở chỗ ta, đáng lẽ được sanh lên cõi trời, chỉ vì lửa sân thiêu đốt nên phải thác sanh vào loài rắn. Hiền thủ nên biết:

Các hành đều vô thường, Các pháp đều vô ngã, Niết-bàn tịch tĩnh vui.

Thầy nên khởi tâm tịnh tín đối với ta, nhờ công đức này sẽ xả bỏ thân bàng sanh được sanh vào cõi lành", rắn nghe rồi suy nghĩ: "nếu nay ta không được đích thân nghe Phật nói ba câu pháp thì ta sẽ chỉ tham ăn uống để nuôi dưỡng thân vô ích này".

Đối với bàng sanh thì lửa đói là mạnh nhất, do nhịn ăn nên rắn độc mạng chung, nhờ khởi tâm tịnh tín đối với Phật nên sau khi xả thân mạng được sanh lên cõi trời. Tất cả hữu tình dù nam hay nữ khi sanh lên cõi trời đều khởi ba niệm: một là ta từ đâu sanh đến đây, hai là nay ta đang ở đâu, ba là ta do nghiệp duyên gì mà sanh lên đây. Liền quán biết mình nhờ khởi tâm tịnh tín đối với Phật mà được xả bỏ thân bàng sanh, sanh lên cõi trời này. Thiên tử suy nghĩ: "nếu ta không đến kính lễ Thế tôn trước là bất kính", nghĩ rồi liền dùng chuỗi anh lạc trang nghiêm thân, dùng y kích đựng đầy các loại hoa trời như hoa Ưu bát la, Bát đầu ma... qua đầu đêm đến chỗ Phật, rải hoa cúng dường, đảnh lễ rồi ngồi một bên nghe Phật thuyết diệu pháp. Thân quang của vị thiên tử này chiếu sáng khắp cả rừng Thệ đa, Phật quán biết căn tánh tùy miên của thiên tử này, nói pháp Tứ đế khiến cho được khai ngộ và chứng quả Dự lưu. Sau khi chứng quả, thiên tử này bạch Phật: "Thế tôn, nhờ Phật khai ngộ khiến con ở trong các nạn mà được giải thoát, điều này không phải do cha mẹ... cho đến sa môn, Bà-la-môn có thể làm được. Thế tôn là bậc đại thiện tri thức đã cứu vớt con ra khỏi ba cõi, đặt để con vào cõi trời người, hết khổ sanh tử, được đạo Niết-bàn, làm cạn biển máu, vượt khỏi núi xương, núi thân kiến từ vô thỉ đến nay đều bị phá tan bằng chày trí Kim cang, chứng được Sơ quả. Nay con xin quy y Tam bảo,

từ hôm nay cho đến trọn đời thọ trì năm học xứ, cúi xin Thế tôn chứng biết con là Ô-ba-sách-ca", bạch xong đảnh lễ Phật hữu nhiễu ba vòng rồi biến mất, trở về lại thiên cung. Lúc đó các Bí-sô vào đầu đêm và cuối đêm tĩnh thức siêng tu thiền tọa, bỗng thấy rừng Thệ đa sáng rực đều cho là Phạm Thích chư thiên hay Tứ thiên vương có oai lực lớn đến kính lễ Thế tôn. Sáng hôm sau đến đảnh lễ Phật bạch hỏi việc trên, Phật nói: "vị ấy không phải là Phạm thiên vương hay là Đế thích chư thiên... có oai lực lớn đến kính lễ ta.

Các thầy còn nhớ con rắn độc mà ta đã nói ba câu pháp cho nó nghe hay không?", đáp là nhớ, Phật nói: "rắn đó sau khi chết được sanh thiên, sau khi được sanh thiên liền đến kính lễ ta, nghe ta thuyết pháp được tỏ ngộ chân lý và đã trở lại thiên cung, do nhân duyên này nên rừng Thệ đa sáng rực như thế. Này các Bí-sô, do không nhẫn nhịn được nên có lỗi này, từ nay các thầy nếu có tức giận nhau thì phải mau sám hối tạ lỗi, cùng tha thứ cho nhau, đừng để sau này chiêu lấy lỗi lầm như vậy". Sau đó có một Bí-sô vừa bị quở trách liền đến xin sám hối, làm cho vị kia càng thêm tức giận nói rằng: "hãy xem người này đến xúc não tôi", Phật nói: "không nên vừa bị quở trách liền đến sám hối, chờ họ bớt giận rồi hãy đến xin dung thứ".

Lúc đó trong thành có hai Bí-sô khi cùng luận bàn pháp nghĩa bèn sanh sân giận, vị nhỏ quở trách

vị lớn, vị lớn ôm lòng tức giận trở về phòng, sau đó mạng chung sanh vào loài rắn độc. Phật quán biết việc này nên bảo A-nan: "thầy hãy đến chỗ rắn độc đang phùng mang giận dữ kia đem lời thăm hỏi của ta đến nói với nó và nói rằng: Hiền thủ đã xuất gia trong chánh pháp luật của ta, trong bốn quả Sa môn nên tùy chứng một quả. Do thầy quá sân hận nên phải đọa sanh vào loài rắn, thầy nên buông xả tha thứ cho vị kia", A-nan vâng lời Phật dạy đến nói y như thế, nhưng rắn độc vẫn phì phò tỏ vẻ không chịu nghe. Phật lại bảo Đại Mục-kiền-liên đến nói như trên, rắn nghe rồi ở chỗ khe cửa thò đầu ra rồi lại thụt vào. Phật lại bảo tôn giả Xá-lợi-phất đến nói như trên, rắn nghe rồi ló nửa thân ra cửa, còn nửa thân ở trong phòng. Lúc đó Phật đích thân đến bảo rắn giống như trên, rắn nghe rồi liền bò ra khỏi phòng đến trước Thế tôn, Phật bảo Bí-sô này đảnh lễ rắn xin sám hối, Bí-sô nói: "Thế tôn, vị ấy đã đọa sanh loài bàng sanh, vì sao lại bảo con đảnh lễ rắn?", Phật nói: "thầy nên khởi tưởng là thân trước của Bí- sô kia mà kính lễ", Bí-sô vâng lời Phật đảnh lễ rắn, rắn dùng đầu phủ lên đảnh của Bí-sô như pháp sám tạ, Phật nói: "do sân giận nên có lỗi này, từ nay Bí-sô nếu có sân hận nhau thì nên mau sám hối, nếu chiều giận thì sáng hôm sau đến sám hối". Sau đó có một Bí-sô khi được đến sám tạ càng thêm tức giận, Phật nói: "nên thăm hỏi trước rồi mới sám tạ", nhưng vị kia vẫn không chịu

thọ sám, Phật bảo nên thọ sám. Sau đó khi gặp nhau cũng không thọ sự lễ kính, Phật nói: "nên thọ sự lễ kính và đáp lại là vô bịnh, nếu ai không làm thế thì cả hai đều mắc tội". Lại có hai Bí-sô khi luận bàn pháp nghĩa liền sanh tức giận, vị nhỏ quở trách vị lớn rồi liền biết mình phi lý nên đảnh lễ sám tạ, vị lớn đứng im lặng, vị nhỏ suy nghĩ: "vị này vẫn còn giận nên không dung thứ cho ta, chờ khi bớt giận ta sẽ đến sám tạ", vị lớn ôm lọng giận trở về phòng. Sau đó vị nhỏ đến phòng đảnh lễ cầu sám hối nhưng làm cho vị kia càng thêm tức giận nói rằng: "hãy xem người này đến xúc não tôi", vị nhỏ suy nghĩ: "như Phật đã dạy ta nên đảnh lễ sám tạ với tâm từ bi, tâm lợi ích mà tự an trụ, nhưng vị này thấy ta đến sám tạ lại không sanh tâm hoan hỉ, ta cần gì phải sám tạ nữa", nghĩ vậy rồi vị này không đến sám tạ nữa. Sau đó khi Bí-sô lớn cùng các Bí-sô khác đi kinh hành, Bí-sô nhỏ này đến kính lễ các Bí-sô kia mà không kính lễ Bí-sô lớn này, họ hỏi Bí-sô lớn: "người đó giới tịnh vì sao tôn giả lại không cho sám hối?", Bí-sô lớn đáp: "thầy ấy đến kính lễ các thấy với ác tâm là muốn xúc não tôi", các Bí-sô hỏi Bí-sô nhỏ: "tôn giả đó giới tịnh, vì sao thầy lại không đến kính lễ", Bí-sô nhỏ kể lại việc trên, các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: "những người có xích mích nhau khi gặp nhau cũng nên kính lễ, vị kia nên đáp lại là vô bịnh, nếu ai làm trái thì phạm tội Ác tác, vị nhỏ

nên chắp tay kính lễ vị lớn".

Lúc đó tôn giả Ưu-ba-ly hỏi Phật: "khi đăng đàn thọ giới, giới tử bỗng nói đừng cho tôi thọ Cận viên, các Bí-sô vẫn cưỡng ép vị ấy thọ thì người này có thành thọ hay không?", Phật nói: "người này không thành thọ, khi nói ra lời này liền gọi là xả giới, huống chi tiếp tục thọ mà lại gọi là thiện thọ hay sao?". Như Phật đã dạy Cầu tịch phải đủ hai mươi mới được thọ Cận viên, lúc đó có Cầu tịch không biết tuổi của mình, các Bí-sô nghi nên không cho thọ Cận viên, nhưng Cầu tịch vẫn muốn được thọ giới, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "nên xem xét thân tướng", các Bí-sô muốn Cầu tịch lộ hình để xem xét khiến Cầu tịch xấu hổ, Phật nói: "ở trên cọc ngà voi hay trên sào tre có treo dãy bát và y vật khác, nên bảo Cầu tịch lấy mang đến, khi Cầu tịch vói tay lấy thì nên nhìn xem dưới nách lông dài hay ngắn".

Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi: "khi Cầu tịch thọ Cận viên, các Bí- sô dùng pháp yết ma của Bí-sô ni để cho thọ Cận viên thì Cầu tịch có thành thọ không?", Phật nói: "thành thọ Cận viên nhưng các Bí-sô phạm tội Việt pháp".

**2. Nhiếp tụng thứ hai trong Biệt môn thứ nhất:**

*Bãi cỏ, thôn, lược nói,*
*Khởi tâm làm Trưởng tịnh,*

*Giặc trói, tội không đồng,*
*Khai sáu, dạy sám hối.*

Phật tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó có các Bí-sô tháp tùng đoàn thương nhân để du hóa trong nhân gian, đến ngày Bao-sái-đà, các Bí-sô thấy có bãi cỏ mềm yên tĩnh nên nói với nhau: "chúng ta nên làm Bao- sái-đà ở trên bãi cỏ êm này", nói rồi cùng ngồi trên bãi cỏ làm Trưởng tịnh, làm xong thì đoàn thương nhân đã đi hết rồi, các Bí-sô này đi sau không may gặp giặc cướp hết các vật dụng. Đến trong rừng Thệ đa, các Bí-sô cựu trụ thăm hỏi đi đường có an lạc không, các Bí-sô này liền kể lại việc trên, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "không nên tham luyến bãi cỏ êm rồi ngồi làm Trưởng tịnh, nên theo người đồng hành đến trong tụ lạc mới làm trưởng tịnh". Sau đó các Bí-sô đợi đi đến tụ lạc mới làm Trưởng tịnh nhưng lúc đó một nửa đã vào trong tụ lạc, một nửa còn ở bên ngoài tụ lạc nên không biết có nên làm Trưởng tịnh hay không, bạch Phật, Phật nói: "những Bí-sô đã vào trong tụ lạc nên nhóm lại một chỗ làm Trưởng tịnh, những vị ở ngoài thôn tức là ngoài thế phần của thôn cũng nên nhóm lại một chỗ để làm Trưởng tịnh, nếu ai chưa đến thì không nên làm Trưởng tịnh, ai không đến nhóm thì phạm tội Việt pháp".

Lại có các Bí-sô tháp tùng theo các thương nhân khi đến ngày Trưởng tịnh nói với các thương nhân: "Hiền thủ, xin hãy tạm dừng lại chốc lát cho

chúng tôi làm Trưởng tịnh", thương nhân nói: "vùng này có giặc cướp, chúng ta phải mau đi qua, không nên dừng lại", các Bí- sô nói với nhau: "chúng ta nên ở lại", nói rồi cùng ở lại đến sáng hôm sau, Phật nói: "không được đến ngày Trưởng tịnh mà không trưởng tịnh, nên vừa đi đường vừa trưởng tịnh". Sau đó các Bí-sô vừa đi đường vừa làm Trưởng tịnh, các thương nhân chê trách: "chúng tôi sợ giặc cướp nên im lặng, các thầy vì sao lại lớn tiếng như thế", bạch Phật, Phật nói: "không nên thuyết đầy đủ, nên thuyết tóm lược". Khi thuyết tóm lược, các thương nhân vẫn phàn nàn, Phật nói: "có sáu loại tâm niệm thủ trì: một là xả ba y, hai là phân biệt ba y (tác tịnh), ba là xả y dư, bốn là xả biệt thỉnh, năm là làm trưởng tịnh, sáu là làm Tùy ý (tự tứ). Nên nói như sau:

Hôm nay là ngày thứ 14, Tăng già trưởng tịnh; con Bí-sô _____ cũng trưởng tịnh, đối với các pháp chướng ngại con đều thanh tịnh, nay con tạm làm pháp thủ trì trưởng tịnh, sau này nếu gặp chúng tăng hòa hợp, con sẽ cùng chúng hòa hợp làm trưởng tịnh, đầy đủ các giới tụ. (Ba lần).

Nếu đến đúng ngày nên làm trưởng tịnh mà không làm thì phạm tội Ác tác".

Lúc đó các Bí-sô du hành trong nhân gian bị giặc bắt, chúng nói với nhau là muốn trừ hết các Bí-sô, các Bí-sô biết ý bọn giặc muốn giết hại mình nên nói với họ: "vì sao các vị muốn giết hại chúng

tôi?", giặc nói: "các thầy quen biết với vua quan, đại thần, trưởng giả; họ lại rất kính trọng các thầy, nếu thả các thầy, các thầy sẽ nói lại việc này và họ sẽ làm việc không lợi ích cho chúng tôi, vì thế chúng tôi muốn trừ hết hậu hoạn". Lúc đó trong nhóm có một Bí-sô phạm tội nói dối liền suy nghĩ: "nếu ta bị giết chết khi thân đang mang tội thì ta sẽ sanh vào đường ác", nghĩ rồi liền kêu Bí-sô đến chỗ khuất để phát lồ sám hối. Giặc thấy liền kêu lại hỏi muốn đi đâu, đáp là muốn làm pháp sự của Bí-sô, giặc nói: "muốn làm thì làm ngay đây không được đi chỗ khác, muốn trốn phải không?", hai Bí-sô đành phải làm đối thú sám hối ở trước bọn giặc, Bí-sô phạm bạch rằng: "xin Đại đức nhớ nghĩ, tôi Bí-sô _____ phạm tội _____, đối với tội đã phạm nay đối trước Đại đức thành tâm phát lồ không dám che giấu, do phát lồ nên được an lạc, không phát lồ thì không được an lạc (ba lần). Giặc nghe Bí-sô nói tội xong liền hỏi: "các thầy không được nói dối phải không?", đáp phải, giặc nói: "vậy các thầy có thể tùy ý đi nhưng không được nói cho ai biết chúng tôi ở đây". Sau đó các Bí-sô sanh nghi hối vì mình đã ở trước người tục nói tội đã phạm nên bạch Phật, Phật nói: "bọn giặc ấy chính là quý nhân ở chỗ nguy hiểm, thầy đối thuyết sám hối như vậy là thiện thuyết". Lại có các Bí-sô du hành trong nhân gian bị giặc bắt, chúng nói với nhau là muốn trừ hết các Bí-sô, các Bí-sô biết ý bọn giặc muốn

giết hại mình nên nói với họ: "vì sao các vị muốn giết hại chúng tôi?", giặc nói giống như trên, Bí-sô nói: "hãy thả chúng tôi, chúng tôi hứa sẽ không nói cho ai biết các vị ở đây", giặc nói: "các thầy hãy giao ước rồi chúng tôi sẽ thả, vào ngày thứ mười lăm các thầy tụ họp tuyên thuyết điều gì, hãy tuyên thuyết lại cho chúng tôi nghe rồi sẽ thả các thầy ra". Một Bí-sô trong nhóm tụng giới thông lợi liền tuyên thuyết lại giới kinh cho bọn giặc nghe, bọn giặc nghe rồi liền nói: "các thầy nên đi đi, ai ở đâu thì trở về nơi ấy nhưng cẩn thận chớ nói chúng tôi ở đây", Bí-sô được thả ra rồi sanh nghi hối vì mình đã nói giới kinh cho bọn giặc nghe nên bạch Phật, Phật nói: "giặc là chủ nhân trong rừng hiểm vắng, các thầy thuyết giới cho họ nghe như vậy là thiện thuyết".

Duyên xứ như trên, lúc đó có các Bí-sô nước Bạt ta du hành trong nhân gian bị giặc bắt, chúng muốn giết hết để trừ hậu hoạn. Trong bọn giặc có một tên trước đây sống gần chùa biết pháp của Bí-sô nên nói: "cần gì giết họ, chỉ cần lấy cỏ tranh trói họ lại, họ cũng bị đói khát mà chết", bọn giặc liền lấy cỏ tranh trói các Bí-sô lại rồi bỏ đi. Lúc đó vua nước Bạt ta tên là Ô-đà-diên đi săn bắn ngang qua chỗ các Bí-sô bị trói liền hỏi tùy tùng: "đó là nai gấu phải không?", họ thúc ngựa đến xem rồi trở lại tâu vua, vua hỏi là ai, đáp là Sa môn Thích tử, vua lại hỏi vì sao ở đây, đáp là bị giặc bắt trói, vua lại

hỏi vì sao không bứt đứt dây ra, đáp: "Phật chế học xứ không cho hoại cây cỏ tươi", vua nghe rồi liền xuống ngựa tự tay cởi dây trói, dâng cúng ba y cho các Bí-sô rồi đi. Lúc đó Bí-sô sanh nghi hối vì mình đã nói tội tướng cho vua nghe nên bạch Phật, Phật nói: "các thầy nói tội tướng cho vua quán đảnh dòng Sát-đế- lỵ nghe như vậy là thiện thuyết".

Bí-sô lại bạch Phật: "Thế tôn, có được đối thú phát lồ với người phạm tội không?", Phật nói: "không được đối trước người phạm tội phát lồ tội của mình, nếu gặp nạn duyên thì đối thuyết không phạm, nhưng nếu là người cùng phạm một tội với mình thì không được đối thuyết sám hối".

Duyên xứ như trên, có một Bí-sô tâm gìn hổ thẹn, kiên trì giới cấm, ưa thích các học xứ, bỗng nhất thời phạm tội Chúng giáo thứ nhất nên sanh ưu sầu hối hận khiến thân thể vàng vỏ thành bịnh. Các Bí- sô khác đến thăm hỏi: "Đại đức vì sao thân thể vàng vỏ, có bịnh gì chăng?", vị này im lặng, sau đó một Bí-sô thân thiết đến hỏi, vị này kể lại việc trên, Bí-sô bạn nói: "nếu thật như vậy thì tôi sẽ bạch các Bí-sô giúp cho cụ thọ", vị này nói: "nếu thầy nói ra thì tôi sẽ tự sát, thà đến nước khác ở trong chúng khác, tôi sẽ phát lồ tội này", Bí-sô bạn cùng vị này đi sang nước khác, không ngờ mới nửa đường thì vị này qua đời, Bí-sô bạn suy nghĩ: "bạn ta chưa kịp phát lồ sám hối thì đã qua đời, ta không nên ở đây nữa", nghĩ rồi trở về lại trú xứ. Các Bí-

sô thấy Bí-sô này trở về liền hỏi thăm đi đường có an lạc không và hỏi về người bạn cùng đi, Bí-sô này nghe rồi liền bật khóc nói: "vị ấy đã chết rồi, tuy biết các pháp đều vô thường nhưng vị ấy chết khi còn đang phạm tội, sợ bị đọa vào địa ngục không biết bao giờ ra khỏi, nghĩ đến điều này tôi thương cảm vô cùng", các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Bí-sô kia đã thoát tội, này các Bí-sô, tội do tâm tạo nên có thể thoát tội, không do trị phạt, từ nay ta khai cho người có tâm nhiều hổ thẹn như vậy nên đối thú phát lồ trước một người khác". Trong chúng Bí-sô có người thông hiểu kinh, có người thông hiểu luật, có người thông hiểu luận nhưng lại phạm tội Chúng giáo, khi người này đến trong Tăng phát lồ tội, người khác thấy liền nói: "các vị này là thềm đạo vi diệu mà còn phạm tội đến trong Tăng sám như thế, các Bí-sô khác nếu trái phạm thì phải làm sao?", bạch Phật, Phật nói: "nên đến trú xứ khác để phát lồ sám hối". Khi họ đến trú xứ khác để phát lồ sám hối, giữa đường lại qua đời như trường hợp trên, Phật nói: "nếu có vị nào phước đức lớn hay là bậc Thượng tòa thủ chúng thì nên đối trước vị ấy để phát lồ sám tội".

**3. Nhiếp tụng thứ ba trong Biệt môn thứ nhất:**

*Người đáng miễn nên miễn,*
*Đào mương, sai chúng đi,*
*Một ngày đến bốn tuần,*

*Da thịt đều bất tịnh.*

Phật tại thành Thất-la-phiệt, hôm đó đến phiên tôn giả A-nan trực nhật, vua Thắng quang nước Kiều-tát-la đến chỗ tôn giả A-nan đảnh lễ rồi ngồi một bên muốn nghe pháp, tôn giả nói lược về Thánh giáo cho vua nghe, vua nói: "hiện giờ tôi không bận gì cả, xin tôn giả hãy giảng rộng thêm", tôn giả vẫn nói lược như trước, vua lặp lại lời trên đến lần thứ ba, tôn giả nói: "đại vương tuy rảnh rỗi nhưng nay tôi lại bận việc", vua hỏi bận việc gì, đáp: "hôm nay đến phiên tôi trực nhật nên tôi phải xem xét mọi việc trong ngoài", vua suy nghĩ: "đây là việc ta nên làm", nghĩ rồi liền đảnh lễ từ giã tôn giả A-nan rồi đi đến chỗ Phật, đảnh lễ rồi bạch Phật: "Thế tôn, tuy con là vua quán đảnh dòng Sát-đế-lỵ nhưng nếu Tam bảo cần làm gì, con sẽ làm ngay; nếu cần hoàng hậu, Thái tử cho đến quân đội làm cho Tam bảo, con cũng sẽ bảo họ làm. Thế tôn là Pháp vương vô thượng, xin Thế tôn cho người đáng miễn được miễn làm việc Tăng, xin thương xót", Phật im lặng nhận lời, vua Thắng quang đảnh lễ từ giã ra về. Sau đó Phật bảo các Bí-sô: "các thầy nên biết, nay ta khai cho người đáng miễn được miễn, Tăng không nên sai họ làm tri sự cho Tăng nữa", các Bí-sô không biết ai là người đáng miễn, Phật nói: "những người thông hiểu kinh, luật, luận được miễn". Lúc đó Lục chúng Bí-sô vừa tụng được hai ba phẩm kinh liền tuyên bố: "tôi là người

trì kinh đáng được miễn làm tri sự cho Tăng", Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "thọ trì hết Kinh bộ mới được miễn làm tri sự"; lại có người vừa thọ trì một hai Ba la thị ca liền tuyên bố: "tôi là người trì luật đáng được miễn làm trị sự cho Tăng", Phật nói: "thọ trì hết Luật bộ mới được miễn làm tri sự"; lại có người vừa đọc tụng hai ba bộ luận nhỏ liền tuyên bố: "tôi là người trì luận đáng được miễn làm tri sự", Phật nói: "thọ trì hết Luận bộ mới được miễn làm tri sự".

Duyên xứ như trên, lúc đó ở biên giới nước Kiều-tát-la của vua Thắng quang có phản nghịch, vua sai một vị tướng cầm quân đi thảo phạt nhưng đều bị thua trận phải quay trở về như vậy đến ba lần. Vị đại thần chấp chánh tâu vua: "bọn phản nghịch thế mạnh, binh của ta thế yếu, nếu đại vương không thân chinh thì không do đâu hàng phục được bọn phản nghịch này", vua liền ra thông báo chiêu mộ trai tráng trong nước tòng quân rồi tự thống lĩnh bốn binh thân chinh thảo phạt. Bọn phản nghịch không chịu thần phục vẫn cố thủ chống lại, do thành lũy của họ kiên cố hiểm trở nên vua không thể hạ được thành ngay. Lúc đó đại thần tâu vua: "trưởng giả Cấp-cô-độc có phước đức lớn, được thiên thần ủng hộ, nếu gọi ông ấy đến ắt sẽ khiến bọn phản nghịch quy hàng", vua liền sai sứ mời trưởng giả đến trong quân, trưởng giả vâng lịnh vua đến trong quân nhưng vẫn không làm cho

bọn phản nghịch quy hàng, vua hỏi trưởng giả có nhớ nhà không, trưởng giả đáp: "thần không có tâm hệ thuộc gia đình, chỉ nhớ đến chúng tăng", vua liền ra lịnh quan trấn thủ: "khanh hãy đến chỗ Thánh chúng, không được ra lịnh mà nên thỉnh và dùng phương tiện đưa các vị ấy đến trong quân", quan trấn thủ nghe rồi suy nghĩ: "ta nên làm phương tiện gì để không cần ra lịnh mà Thánh giả tự đến gặp vua", một lão thần nói: "tôi có phương kế có thể khiến các Thánh chúng tự đến chỗ vua mà chúng ta không cần ra lịnh. Cách đây không xa có vườn vua nhưng nay đã hoang phế, ta nên phương tiện nói là đào mương nước xuyên qua chùa để dẫn nước đến sửa sang lại khu vườn của vua, như vậy họ sẽ tự đến gặp vua". Quan trấn thủ liền dẫn tùy tùng đến trong rừng Thệ đa đo đạt nói là muốn đào mương dẫn nước, các Bí-sô liền hỏi nguyên do, quan trấn thủ nói: "vua ra lịnh chúng tôi sửa sang lại khu vườn của vua, chúng tôi muốn đào mương dẫn nước qua đó", các Bí-sô nói: "không lẽ các vị muốn hoại tháp thờ tóc và móng tay của Phật hay sao?", đáp: "lịnh vua ban ra chúng tôi biết làm sao, chúng tôi đâu có hai đầu mà dám chống lại", các Bí-sô nói: "các vị tạm thời dừng lại để chúng tôi gặp vua bàn bạc lại việc này", lại hỏi: "từ đây đến chỗ vua có thể trở về ngay trong ngày được không?", đáp: "không được, e đến bảy ngày cũng không trở về được". Các Bí-sô bạch Phật,

Phật nói: "nếu vì việc Tăng, ta khai cho thọ trì pháp xuất giới trong bốn mươi ngày đêm", các Bí-sô không biết thọ trì như thế nào, Phật nói: "nên trải tòa đánh kiền chùy nhóm tăng, một Bí- sô trong Tăng nên hỏi vị muốn đi: "thầy có thể vì việc Tăng thọ trì pháp xuất giới trong bốn mươi ngày đêm không?", vị này nên đáp là có thể, một Bí-sô trong Tăng bạch nhị yết ma cho thọ trì rồi xuất giới đi". Lúc đó tôn giả Ưu-ba-ly hỏi Phật: "có được thọ trì pháp xuất giới một ngày đêm không?", Phật nói được, lại hỏi: "có được thọ trì pháp xuất giới hai ngày đêm cho đến bốn mươi ngày đêm không?", Phật nói được, lại hỏi: "có được thọ trì pháp xuất giới hơn bốn mươi ngày đêm không?", Phật nói: "không được, trong ba tháng an cư thời gian ở trong giới phải nhiều hơn thời gian ở ngoài giới", lại hỏi: "như Phật khai cho thọ trì pháp xuất giới một ngày đêm, vậy nên đối trước ai tác pháp?", Phật nói: "nên đối trước một người, cho đến xuất giới bảy ngày cũng đối trước một người tác pháp, nếu nhiều hơn bảy ngày thì phải ở trong Tăng tác pháp xin", lại hỏi: "nếu da bất tịnh thì thịt có bất tịnh không?", Phật nói: "nếu da bất tịnh thì thịt cũng bất tịnh cho đến gân cốt đều bất tịnh".

**4. Nhiếp tụng thứ tư trong Biệt môn thứ nhất:**

*Thí giường vua Ảnh Thắng,*
*Vật của mẹ cúng Tăng,*

*Quạ, cò, hạc, kên kên,*
*Bí-sô không được ăn.*

Tại thành Vương xá nước Ma-kiệt-đà, vua Vị sanh oán con vua Ảnh Thắng bị ác tri thức là Đề-bà-đạt-da phá hoại nên đã giết oan phu hoàng là Thánh vương trị nước như pháp. Sau đó vua Vị sanh oán hối hận, hễ nhìn thấy giường ngồi của vua cha liền rơi lệ. Đại thần tâu: "trước kia tiên vương tín ngưỡng Thánh chúng, vua nên đem giường ngồi này thí cho Tăng", vua sai sứ mang giường ngồi này thí cho Tăng, các Bí-sô để giường ngồi này ngay nơi cửa. Một hôm vua đến trong trú xứ Tăng vừa bước vào nhìn thấy giường ngồi này lại nhớ nghĩ đến cha nên đau buồn, đại thần nói với các Bí-sô: "vua hễ nhìn thấy giường ngồi này liền nhớ đến vua cha, trong lòng càng đau buồn nên mới đem thí cho Tăng, các thầy để ngay nơi cửa khiến vua nhìn thấy nên đau buồn", Bí-sô bạch Phật, Phật nói không nên để ngay nơi cửa, các Bí-sô khiên để dưới mái hiên, sự việc cũng xảy ra giống như lần trước, Phật nói không nên để dưới mái hiên. Các Bí-sô lại khiên để trong phòng, những người bất tín không thấy giường liền bàn tán: "Bí-sô bán giường của tiên vương để dùng vào việc ăn uống", Phật nói: "vào ngày mồng tám hay ngày mười lăm nên khiên giường ra để dưới mái hiên", những người bất tín lại bàn tán: "đây không phải là giường của vua, giường của vua Bí-sô đã đem bán để dùng

vào việc ăn uống rồi", Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "ở trên giường nên ghi hàng chữ: đây là giường được thí của vua Tần-tỳ-sa-la ". Trường hợp vua Thắng quang đem vật của mẹ cúng cho Tăng cũng giống như vậy.

Duyên xứ như trên, đêm đó trời mưa đá làm cho cầm thú bị thương chết rất nhiều, mọi người chạy ra lượm lấy loài cầm thú ăn được mang về nhà. Sáng sớm Lục chúng Bí-sô theo thói quen sau khi thức dậy nhìn khắp bốn phía xem nhà nào có khói bốc lên hay ngoài đồng trống có chim bay từng đàn đáp xuống thì tìm đến những nơi ấy. Lúc đó Lục chúng Bí-sô thấy nhiều kên kên từ trên không bay xuống liền tìm đến chỗ đó, thấy có nhiều loại chim như quạ, cò, hạc, kên kên đã chết liền nhặt lấy xỏ xâu mang về. Các cư sĩ thấy hỏi nhặt lấy những con vật này làm gì, đáp là để ăn, họ nói: "vì sao các thầy lại ăn những con vật không nên ăn?", đáp: "những con vật nên ăn tìm không thấy, vì sao lại không nên ăn những con vật này?", nhân đây bị chê trách. Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "Bí-sô không nên ăn các loại chim như quạ, cò, hạc, kên kên. Ai ăn thì phạm tội Việt pháp".

-oOo-

# CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ NI ĐÀ NA MỤC ĐẮC CA

## QUYỂN 7

**5. Nhiếp tụng thứ năm trong Biệt môn thứ nhất:**

*Không được ăn thịt chó,*
*Loài chim thú ăn thây,*
*Ngựa và loài có móng,*
*Cũng không ăn thịt vượn.*

Phật tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó vào thời buổi mất mùa đói kém nên nhiều người tục ăn thịt chó. Lục chúng Bí-sô sáng sớm đắp y mang bát vào thành khất thực, đi đến đâu đều nghe nói là hãy đi đi, chúng tôi không có gì để cúng. Cuối cùng đến một nhà thấy trong nhà đang nấu thức ăn liền hỏi nấu món gì, đáp là thịt chó, Lục chúng Bí-sô nói: "chúng tôi dựa vào các vị để sống, các vi đang ăn món gì thì cúng cho chúng tôi món đó", họ nghe vậy liền sớt thịt chó vào bát. Lục chúng Bí-sô đi đến đâu, bầy chó nghe mùi đều chạy theo sủa ầm lên, các cư sĩ hỏi nguyên do rồi nói: "các thầy cũng ăn thịt chó nữa sao?", đáp phải, vì thế bị chê trách.

Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "Bí-sô không được ăn thịt chó, cho đến các loại chim thú ăn thây chết như kên kên đều không được ăn. Ai ăn thì phạm tội Ác tác".

Duyên xứ như trên, lúc đó có kẻ trộm vào chuồng ngựa trộm lấy ngựa của vua Thắng quang nước Kiều-tát-la, dẫn vào trong rừng giết lấy thịt mang đi rồi bỏ đầu đuôi và móng lại. Sáng hôm đó Lục chúng Bí-sô sau khi thức dậy nhìn thấy từ xa có kên kên từ trên không bay xuống liền tìm đến chỗ đó, thấy đầu đuôi và móng ngựa liền nói với nhau: "hôm nay chúng ta được dồi dào vật phẩn tảo, hãy cùng nhặt lấy mang về". Lúc đó người giữ ngựa theo dấu tìm đến thấy vậy liền nói: "các vị mặc y phục đại tiên vì sao lại làm việc xấu xa này?", Lục chúng Bí-sô hỏi là đã làm việc xấu xa gì, đáp là trộm ngựa của vua rồi đem giết, Lục chúng Bí-sô nói: "không phải chúng tôi mà là kẻ trộm ngựa dẫn đến đây giết rồi bỏ lại đầu đuôi, chúng tôi cho là vật phẩn tảo nên nhặt lấy", người giữ ngựa nói: "đây thật là vật phẩn tảo đáng ưa thích". Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "Bí-sô không được ăn thịt ngựa cho đến loài chồn, nếu ai ăn thì phạm tội Ác tác".

Lúc đó có một con vượn đang chuyền cây, do khoảng cách xa nên nó hụt tay rơi xuống đất và chết, Lục chúng Bí-sô mang về nấu ăn. Vừa lúc đó có một thiếu phụ lạc mất con đang đi tìm, khi đến

trong rừng Thệ đa thấy Lục chúng Bí-sô đang nấu con vượn trong nồi liền gào lên nói là con tôi đang bị nấu trong nồi. Lục chúng Bí-sô gắp tay vượn lên, bà ta lại gào lên nói là tay của con tôi; lại gắp đùi vượn lên, bà ta lại gào lên nói là đùi của con tôi; lại gắp cái đầu lên, bà ta lại gào lên nói là đầu con tôi; cuối cùng gắp cái đuôi vượn lên và hỏi: "con bà cũng có đuôi sao?", bà ta hỏi: "các thầy ăn thịt vượn hay sao?", đáp: "không phải là con bà, ta ăn thì có lỗi gì?", nhân đây bị chê trách. Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "hình dáng của khỉ vượn giống như người, vì thế Bí-sô không được ăn thịt khỉ vượn, ai ăn thì phạm tội Ác tác".

**6. Nhiếp tụng thứ sáu trong Biệt môn thứ nhất:**

*Chén nhỏ và chéo y,*
*Da, lá đều có lỗi,*
*Trừ một loại bằng sắt,*
*Vật khác tùy ý làm.*

Phật tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó có một Bí-sô bị bịnh khổ bức bách, đến thầy thuốc yêu cầu điều trị, thầy thuốc nói: "dùng thuốc rửa bên dưới thân thì bịnh sẽ mau lành", Bí-sô nói Phật chưa khai cho, thầy thuốc nói: "Thế tôn đại bi ắt sẽ khai cho", Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "nếu thầy thuốc bảo như thế thì được tùy ý dùng". Bí-sô dùng chén

nhỏ đựng thuốc để rót rửa lại làm đổ hết thuốc, Phật nói không nên dùng chén nhỏ; lại dùng chéo y đựng thuốc để rót rửa vẫn làm đổ hết thuốc, Phật nói không nên dùng chéo y; lại dùng tấm da đựng thuốc để rót rửa vẫn làm đổ hết thuốc, Phật nói không nên dùng tấm da; lại dùng lá cuộn lại để đựng thuốc, Phật nói đều không nên, nên làm cái ống. Bí-sô lấy ống làm bằng sắt đựng thuốc thì thuốc nóng và cứng, Phật nói: "chỉ trừ một loại sắt ra, các loại khác như thủy tinh, đồng... đều được làm".

**7. Nhiếp tụng thứ bảy trong Biệt môn thứ nhất:**

*Mía, lạc, thịt và mè,*
*Dược có bốn loại khác,*
*Gai, cải Mạn thanh, cháo,*
*Củ... nấu cháo được ăn.*

Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Thất nhật dược dùng làm Tận hình thọ dược được không?", Phật nói: "được, như Mía thể của nó là Thời dược, nước mía là Phi thời dược, đường là Thất nhật dược, than là Tận hình thọ dược. Lại nữa, Lạc là thời dược, nước Lạc là Phi thời dược, Tô là Thất nhật dược, đốt Lạc thành than là Tận hình thọ dược. Lại nữa, thịt là Thời dược, mỡ là Thất nhật dược, đốt thịt thành than là Tận hình thọ dược, tùy việc nên dùng".

Có một Bí-sô bịnh đến thầy thuốc yêu cầu điều trị, thầy thuốc nói: "nên ăn cháo Đại ma (hạt gai)", Bí-sô nói Phật chưa khai cho, thầy thuốc nói: "Thế tôn đại bi ắt sẽ khai cho", Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "nếu thầy thuốc bảo nấu cháo Đại ma hay cháo cải mạn thanh cho đến dùng các loại củ, cọng, hoa lá quả để nấu cháo ăn trị bịnh đều được dùng".

**8. Nhiếp tụng thứ tám trong Biệt môn thứ nhất:**

*Cho uống nước đường cát,*
*Được làm Thất nhật dược.*
*Tâm niệm làm năm việc,*
*Lợi vật nên cùng chia.*

Phật du hành trong nhân gian đến một tụ lạc, trong tụ lạc này có một trưởng giả do túc duyên đáng được Phật hóa độ. Lúc đó Phật quán biết thời tiết hóa độ trưởng giả đã đến nên đến nhà trưởng giả, trưởng giả trải tòa mời Phật ngồi, đảnh lễ Phật rồi ngồi một bên, Phật quán biết căn tánh tùy miên của trưởng giả, nói pháp Tứ đế khiến cho trưởng giả được khai ngộ và chứng quả Dự lưu. Sau khi chứng quả, trưởng giả bạch Phật: "Thế tôn, nhờ Phật khai ngộ khiến con ở trong các nạn mà được giải thoát, điều này không phải do cha mẹ... cho đến sa môn, Bà-la-môn có thể làm được. Thế tôn là bậc đại thiện tri thức đã cứu vớt con ra khỏi ba cõi, đặt để con vào cõi trời người, hết khổ sanh tử,

được đạo Niết-bàn, làm cạn biển máu, vượt khỏi núi xương, núi thân kiến từ vô thỉ đến nay đều bị phá tan bằng chày trí Kim cang, chứng được Sơ quả. Nay con xin quy y Tam bảo, từ hôm nay cho đến trọn đời thọ trì năm học xứ, cúi xin Thế tôn chứng biết con là Ô-ba- sách-ca". Phật nói pháp yếu cho trưởng giả nghe qua khỏi giờ ngọ nên Phật và đại chúng đều nhịn ăn, trưởng giả xin Phật cho dâng nước uống phi thời, Phật nói tùy ý. Trưởng giả đem nước đường cát và các loại nước uống khác dâng cúng Phật và Tăng, các Bí-sô thấy nước uống quá ngọt nên không uống nhiều, Phật nói: "các loại trái cây như nho, thạch lựu, cam, quýt... ép rồi lượt để lắng trong, không nên đắc sệt và đục thì được uống dùng", tôn giả Ưu-ba-ly hỏi Phật: "nước đường cát có dược dùng làm Thất nhật dược không?", Phật nói: "được, nước ép trái cây lượt để lắng rong chưa lên men, tính chất chưa thay đổi thì được tùy ý uống dùng".

Phật tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó có một trưởng giả thỉnh tôn giả A-nan đến nhà thọ thực, vừa lúc đó nghe tin trưởng giả Cấp-cô-độc bịnh nặng, Phật cùng A-nan đến thăm rồi nói pháp yếu cho trưởng giả nghe. Khi định ra về thì trưởng giả thỉnh Phật và A-nan ở lại thọ thực, Phật im lặng nhận lời, A-nan bạch Phật: "con đã thọ một trưởng giả thỉnh thực rồi", Phật nói: "nên xả lần thỉnh thực trước cho Bí-sô khác. Có năm việc được tâm niệm

làm, đó là phân biệt y, thọ trì y, Bao-sái- đà, việc Tùy ý (tự tứ) và thọ người thỉnh".

Duyên xứ như trên, lúc đó vào thời buổi mất mùa đói kém khất thực khó được, có Bà-la-môn và cư sĩ tín kính thỉnh Bí-sô trưởng lão đến nhà thọ thực, do Bí-sô chỉ thọ một lần thỉnh không thọ thêm chỗ khác thỉnh nên Phật nói: "gặp lúc đói kém khất thực khó được, tùy được thỉnh thọ thực nên thọ, tự mình ăn rồi nên mang về cho các Bí-sô khác cùng ăn". Lúc đó có vị không được thỉnh cũng đến thọ thực, chủ nhà nói không phải là người được thỉnh nên không dọn cho ăn, Phật nói: "nếu như thế thì người được thỉnh thọ thực nên ăn trước hai ba miếng rồi nói với thí chủ: do các Bí-sô khất thực khó được, thí chủ cho tôi mang thức ăn này về chia chó họ cùng ăn, xin tùy hỉ. Tùy mang được thức ăn về bao nhiêu đều chia cho các vị khác, cho đến vị nhỏ nhất cũng được cùng ăn".

**9. Nhiếp tụng thứ chín trong Biệt môn thứ nhất:**

*Thầy thuốc bảo dùng Tô,*
*Dầu, thực phẩm tàn xúc,*
*Cho dùng Dược thích hợp,*
*Tịnh trù trừ mười nơi.*

Lúc đó có Bí-sô bịnh đến thầy thuốc yêu cầu điều trị, thầy thuốc bảo nên dùng Tô, Bí-sô nói Phật chưa khai cho, thầy thuốc nói: "Thế tôn đại bi

ắt sẽ khai cho", Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "nếu thầy thuốc bảo thế thì được tùy ý dùng". Vào nửa đêm, Bí-sô bịnh muốn dùng Tô nhưng không có người trao cho, Phật nói: "được tự lấy dùng, nếu khó tìm được Tô thì nên dùng dầu", lúc đó dầu cũng khó có được. Một Bí-sô khác có Tô dầu tàn xúc (để cách đêm và đã xúc chạm) nói với Bí-sô bịnh rằng: "tôi có Tô dầu nhưng là tàn xúc, nếu Phật khai cho dùng thì thầy tùy ý lấy dùng", bạch Phật, Phật nói: "nếu là người bịnh nghèo thì thực phẩm tàn xúc cũng được dùng không phạm". Lúc đó tôn giả Ưu- ba-ly hỏi Phật: "như Phật đã khai cho Bí-sô cất chứa Dược thích hợp để dùng là như thế nào?", Phật nói: "trừ bốn vật báu ra, các vật khác đều được cất chứa để dùng".

Phật tại thành Tỳ-xá-ly, Phật bảo các Bí-sô: "có mười nơi không được kết làm tịnh trù: một là đất trống, hai là phòng nhỏ bên cửa, ba là trước hiên, bốn là nhà ấm, năm là nhà tắm, sáu nhà quan nhân, bảy là bên tháp, tám là nhà ngoại đạo, chín là nhà thế tục và mười là chùa ni. Nếu nấu thức ăn trong mười chỗ đó thì phạm tội Ác tác", tôn giả Ưu- ba-ly hỏi Phật: "nếu kết một phòng làm tịnh trù, đã tác pháp rồi thì phía trên dưới và bốn bên có thành tịnh không?", Phật nói: "nếu đại chúng cùng chấp thuận kết phòng này làm tịnh trù thì phía trên dưới và bốn bên, bên trong của thế phần thảy đều thành tịnh".

## 10. Nhiếp tụng thứ mười trong Biệt môn thứ nhất:

*Củ, cọng, lá, hoa, quả,*
*Đều cho ngâm trong rượu,*
*Khuấy với nước để uống,*
*Cho dùng thức uống khác.*

Sau khi Phật độ cho các Thích tử xuất gia, do họ khi còn tại gia quen uống rượu, sau khi xuất gia phải đoạn rượu nên thân thể họ gầy ốm, bạch Phật, Phật nói: "có thể dùng củ, cọng, lá, hoa, quả giã nát rồi bọc trong tấm vải trắng đem ngâm trong rượu nhẹ không làm say, không nên đổ đầy và đậy kín miệng bình, sau đó rót ra khuấy với nước uống. Hoặc dùng men, vỏ cây và các hương liệu giã nát rồi bọc trong tấm vải lụa, cột vào cây ngang treo trong thùng rượu đã cất, nhưng không cho dính rượu trải qua hai đêm rồi rót ra khuấy với nước uống. Hai loại nước này thới hay phi thời đều được tùy ý uống dùng không phạm, như vậy sẽ có thể khiến dần dần dứt rượu. Này các Bí-sô, các thầy đã tôn ta làm thầy thì không nên uống rượu, không mời cũng không thọ, cho đến dùng cọng cỏ tranh chấm rượu để nhỏ vào trong miệng". Lại hỏi: "như Phật đã nói Bí-sô Sa để được uống các loại khác là những loại nào?", Phật nói: "như nước tiểu của con bò đực mới sanh và tro cây Quật lạc đà, một là tro cây Bồ đề, hai là Kiếp tất tha, ba là A thuyết tha, bốn là tro cây Ô đàm bạt la, năm là nhược quật lộ

hòa với nhau rồi khuấy với nước uống dùng trị bịnh", lại hỏi: "không biết người nào nên lấy?", Phật nói: "nên bảo người tín kính lấy rồi đưa lại cho người tín kính, sau đó trao cho Bí-sô dùng".

## II. TỔNG NHIẾP TỤNG CỦA BIỆT MÔN THỨ HAI:

*Định vật, nơi có chủ,*
*Nên hỏi, Kiều-tát-la,*
*Theo tượng, báo trước, sai,*
*Giảm bớt tầng, Ni chúng.*

### 1. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ hai:

*Định vật không nên dời,*
*Chớ lượm vật giặc bỏ,*
*Ở Thi lâm cũng vậy,*
*Cho thì tùy ý lấy.*

Phật tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó có một trưởng giả giàu có xây cất một trú xứ cúng cho Tăng với đầy đủ ngọa cụ và các vật cần dùng. Các Bí-sô cựu trụ nói với nhau: "ngọa cụ và các vật cần dùng quá dồi dào, nếu đem cất để đó sợ sẽ hư hoại, chúng ta thọ vừa đủ dùng thôi, còn dư bao nhiêu đem chia cho Tăng trú xứ gần bên", bàn xong liền đem ngọa cụ dư chia cho trú xứ Tăng gần bên. Sau đó có các Bí-sô khất thực du hành đến trú xứ này, Bí-sô cựu trụ thu xếp chỗ nghỉ cho khách, khách hỏi: "không có ngọa cụ dư sao?", đáp là không có dư, khách Bí- sô này phải nằm ngủ trên giường hư

không có ngọa cụ nên không ngủ được. Đến sáng hôm sau họ khóa cửa rồi đi đến nhà trưởng giả thí chủ, ngồi vào chỗ ngồi rồi nói pháp yếu và tán thán bảy loại phước nghiệp hữu sự, trưởng giả nghe rồi liền nói: "phước nghiệp này tôi đã làm rồi", khách Bí-sô nói: "trú xứ mà ông đã xây cất cúng cho Tăng thiếu ngọa cụ, đêm qua tôi đã không ngủ được", trưởng giả nói: "tôi đã cúng rất nhiều ngọa cụ, tư cụ cho Tăng, không lẽ các Bí-sô cựu trú đã đem chia bớt cho trú xứ gần bên", nói rồi cùng với khách Bí-sô đến trong trú xứ xem xét, xem xét xong liền hỏi các Bí-sô cựu trú: "trước đây tôi đã cúng rất nhiều ngọa cụ và tư cụ, nay chúng ở đâu?", các Bí-sô cựu trụ kể lại việc trên, trưởng giả nghe rồi nói: "các thầy hãy lấy về lại vì bổn ý của tôi là cúng cho trú xứ này". Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "không được đem vật của trú xứ này đưa cho trú xứ khác, vật cúng ở đâu thì nơi ấy được thọ dụng. Nếu cho riêng tư thì phải đền trả lại toàn bộ, nếu không trả thì phạm tội Việt pháp nặng".

Duyên xứ như trên, lúc đó Lục chúng Bí-sô tháp tùng theo các thương nhân du hành trong nhân gian, nhưng lại đi phía sau. Các thương nhân đi trước chẳng may gặp giặc cướp, do không thể mang hết tài vật đã cướp được nên chúng bỏ lại một số rồi đi. Lục chúng Bí-sô ở phía sau đi đến thấy các tài vật này liền nói với nhau: "tài vật phấn

tảo dồi dào này hãy cùng lượm lấy mang đi", các thương nhân thấy bọn cướp đi hết liền quay trở lại thấy Lục chúng Bí-sô đang mang tài vật của mình liền nói: "tài vật của chúng tôi giặc đã không lấy sao các thầy lại lấy, các thầy mặc y phục đại tiên vì sao lại làm hạnh xấu này?", Lục chúng Bí-sô hỏi chúng tôi làm hạnh xấu gì, đáp là lấy tài vật của chúng tôi, Lục chúng Bí-sô nói: "giặc cướp tài vật của các vị rồi vất bỏ lại mấy thứ này, chúng tôi tưởng là phấn tảo nên lượm lấy thì có lỗi gì". Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "tài vật mà giặc đã cướp của thương nhân vất bỏ lại thì Bí-sô không được lượm lấy, ai lượm lấy thì phạm tội Ác tác". Sau đó có các thương nhân bị cướp, tài vật đã cướp chúng mang không hết nên vất bỏ lại một số, các cư sĩ bảo các Bí-sô lượm lấy dùng, Bí-sô không lấy, Phật nói: "nếu cho thì được lượm lấy".

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Lục chúng Bí-sô vào trong Thi lâm thấy có y vật, lọng, củi đốt liền cùng đến lấy mang đi; sau đó các Chiên-đà-la giữ Thi lâm đến thấy mất các y vật này mà không biết là ai đã lấy. Bảy tám ngày sau, Lục chúng Bí-sô lại đến trong Thi lâm tìm kiếm y vật nữa và bị các Chiên-đà-la ngăn lại và nói rằng: "các tạp dịch khó nhọc đều xuất phát từ trong Thi lâm, vì sao các thầy lại trộm lấy y vật mà người khác coi giữ?". Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật

bảo: "y vật trong Thi lâm có người coi giữ thì Bí-sô không được lấy, ai lấy thì phạm tội Việt pháp nặng". Sau đó người coi giữ trong Thi lâm tín kính bảo các Bí-sô lượm lấy y vật đó về dùng, Bí-sô không dám lấy, Phật nói: "nếu cho thì được lượm lấy".

**2. Nhiếp tụng thứ hai trong Biệt môn thứ hai:**

*Vật thiên miếu có chủ,*
*Bí-sô không nên lấy,*
*Người khán bịnh không nên,*
*Khuyên người bịnh xả y.*

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng Thệ đa, thành Thất-la-phiệt, lúc đó Lục chúng Bí-sô tháp tùng theo xe của đoàn thương nhân đi đến giữa đường thì trục xe bị gãy, họ vất trục gãy thay trục mới rồi tiếp tục lên đường. Lục chúng Bí-sô lấy cái trục gãy đó cắm ở nơi ngã tư đường rồi ghi lên đó hàng chữ Xa trục Thiên tôn. Thời gian sau có một trưởng giả đem thức ăn đến chỗ này cúng tế, lại có nhiều người đến đây cầu khấn: "nếu con được như sở nguyện thì con sẽ xây miếu thờ Thiên tôn và hằng ngày sẽ có một trăm lẻ tám Bà-la-môn đến cúng tế", không ngờ họ được như sở nguyện nên họ xây một cái miếu thờ Thiên tôn ngay tại đó. Các thương nhân đi ngang qua đây đều đem y vật cúng cho Thiên tôn, Lục chúng Bí-sô thấy nơi đây trở

thành nơi được cúng tế dồi dào như vậy liền nói với nhau: "xa trục Thiên tôn được cúng nhiều y vật, chúng ta nên đến lấy", nói rồi liền vào lấy y vật cúng mang đi, người giữ miếu nói: "tôi coi giữ miếu này, vì sao các thầy lại tự tiện lấy y vật cúng cho thần tượng trong miếu mang đi?", Lục chúng Bí-sô nói: "ngươi ở đâu mà được thiên miếu này, miếu này đầu tiên là do chúng tôi sáng lập, chúng tôi đã lấy trục xe gãy cắm xuống đây và đề là Trục xa Thiên tôn, ngươi không biết nguồn gốc nên mới khinh mạn bỏn xẻn như thế", nói rồi liền dùng tay nhổ lên cái trục xe cho mọi người thấy, mọi người nói: "cho dù tôn giả hay người nào khác đã sáng lập nhưng nay đã có người coi giữ, vì sao các thầy lại đến đoạt lấy y vật đã cúng". Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "Bí-sô không nên lấy y vật đã cúng trong Thiên miếu, ai lấy thì phạm tội Việt pháp nặng". Sau đó có người giữ thiên miếu khác tín kính bảo các Bí-sô lấy về dùng, Bí-sô không dám lấy, Phật nói: "nếu cho thì được lấy".

Duyên xứ như trên, lúc đó có Bí-sô bịnh, như Phật đã dạy các Bí- sô bịnh nên tu phước nghiệp nơi Tăng, vì thế vị khán bịnh nói với Bí-sô bịnh: "thầy nên cúng dường chút ít cho Tăng điền", Bí-sô bịnh nói: "tôi không có gì cả, nay đem ba y thí cho Tăng điền", vị khán bịnh đem ba y cúng cho Tăng, Tăng đem bán rồi cùng chia. Thời gian sau

Bí-sô này hết bịnh lại không còn ba y thọ trì, bạch Phật, Phật nói: "Bí-sô khán bịnh không được khuyên Bí-sô bịnh thí ba y cho người khác, ai làm thế thì phạm tội Việt pháp. Tăng cũng không được thọ ba y này, nếu thọ cũng không được phân chia liền, sau đó nếu thấy họ thiếu y nên đem trả lại, ai chia y này cũng bị tội Việt pháp".

**3. Nhiếp tụng thứ ba trong Biệt môn thứ hai:**

*Hỏi thí chủ vật cúng,*
*Lợi vật nên chia đều,*
*Hai chúng lớn chia đều,*
*Chúng khác nên gia giảm.*

Phật tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó có một trưởng giả thỉnh hai bộ Tăng thọ thực rồi đem tài vật cúng dường cho cả hai bộ, các Bí-sô không biết nên chia như thế nào, bạch Phật, Phật nói: "nên hỏi thí chủ và chia theo lời của họ".

Duyên xứ như trên, lúc đó có sáu mươi Bí-sô du hành trong nhân gian đến một tụ lạc, trong đây có một trưởng giả chánh tín thỉnh các Bí-sô đến nhà thọ thực và muốn cúng cho mỗi vị một y. Lúc các Bí-sô đang thọ thực, có sáu mươi Bí-sô ni đang khất thực, mọi người chỉ đến nhà trưởng giả thọ cúng dường, các ni đến và cũng được thỉnh thọ thực. Trưởng giả suy nghĩ: "ta làm sao cúng y đủ cho tất cả, vậy nên tùy trưởng lão phân chia", nghĩ

rồi liền đem sáu mươi xấp vải để trước Thượng tòa, các Bí-sô không biết nên chia như thế nào, bạch Phật, Phật nói: "đây là lợi vật cúng cho hai chúng, nên chia đều". Sau đó lại có một trưởng giả thỉnh hai chúng thọ thực và cúng dường tài vật, Bí-sô và Cầu tịch được chia phần bằng nhau, Bí-sô liền phàn nàn: "chúng tôi cần ba y còn Cầu tịch chỉ cần có hai y thượng hạ, tại sao lại chia bằng nhau", bạch Phật, Phật nói: "Bí-sô và Bí-sô ni chia phần bằng nhau, Cầu tịch và Cầu tịch nữ được một phần ba, Thức xoa ma na được một phần hai, người sắp thọ Cận viên cũng được chia một phần hai, nên chia như vậy".

**4. Nhiếp tụng thứ tư trong Biệt môn thứ hai:**

*Già trắng Kiều-tát-la,*
*Nhân con Phật, ăn mì,*
*Duyên Thất lợi cấp đa,*
*Nói rộng việc xây cất.*

Phật tại nước Kiều-tát-la cùng một ngàn hai trăm năm mươi Bí-sô du hành trong nhân gian đến một tụ lạc, trong đây có một trưởng giả thỉnh Phật và Tăng cùng đồ chúng đến nhà thọ thực. Lúc đó lại có sáu mươi Bí-sô ni du hành đến tụ lạc này, theo thứ lớp khất thực đến trước nhà trưởng giả cũng được thỉnh thọ thực. Trưởng giả cúng dường xong, đem một ngàn hai trăm năm mươi xấp bạch

điệp để trước Thượng tòa, các Bí-sô không biết nên chia như thế nào, các Bí-sô ni nói: "lần trước chúng tôi được chia một nửa vật thí, lần này cũng nên chia cho một nửa", các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "nên tính số người của Bí-sô và Bí-sô ni mà phân chia, không được chia một nửa". Lại có một trưởng giả thỉnh Phật và Tăng đến nhà thọ thực, các Bí-sô đều đi phó thực, chỉ có Phật ở lại chùa không đi vì có năm nhân duyên nên bảo thị giả mang phần ăn về, lần này là vì muốn chế học xứ cho các Bí-sô. Lúc đó tại nhà trưởng giả, vì kính các bậc kỳ túc nên trưởng giả dâng cúng Tô và bánh nấu với Tô; dâng cúng bậc Trung tòa dầu và bánh chiên dầu; dâng cúng bậc hạ tòa cặn dầu mè và bánh chiên cặn dầu mè. Cụ thọ La hỗ la ăn xong mang phần thức ăn về cho Phật, thường pháp của chư Phật là hỏi thăm người mang thức ăn về: "các Bí-sô ăn có được no đủ không?", đáp là no đủ, Phật lại hỏi: "vì sao thầy lại gầy ốm như thế?".

La hỗ la nói kệ:

*"Ăn dầu có sức lực,*
*Ăn Tô sắc tươi sáng,*
*Ăn cặn dầu mè, rau,*
*Làm sao có sắc lực?"*

Phật nói: "ta hỏi vì sao gầy ốm, sao lại nói về việc ăn uống?", La hỗ la kể lại việc trên, Phật hỏi: "vị nào là Thượng tòa trong Tăng?", đáp: "là bổn sư của con", Phật nói: "Xá-lợi-phất, thầy của con

gọi là Ô thực, không gọi là Thiện thực, vì sao không coi ngó phần ăn của trung hạ tòa", Phật bảo các Bí-sô: "nay ta chế hành pháp của bậc Thượng tòa trong Tăng như sau: hễ là bậc Thượng tòa khi thấy người dọn đưa thức ăn liền nên bảo họ quỳ chắp tay nói câu "Tam bát la khứ đa" và bảo họ nên dọn đưa thức ăn đồng đều". Sau đó vị Thượng tòa hễ thấy người dọn đưa bánh, rau... đều mỗi mỗi nói như trên khiến cho dọn đưa thiếu thức ăn, Phật nói: "khi bắt đầu dọn đưa thức ăn thì bảo họ dọn đưa đồng đều, không cần mỗi mỗi nói như thế, ai làm trái thì phạm tội Ác tác". Lúc đó tôn giả Xá-lợi-phất nghe Phật nói mình không gọi là Thiện thực liền dùng ngón tay móc họng cho ói ra thức ăn, tôn giả Ưu-ba-ly bạch Phật: "tôn giả Xá-lợi-phất ói thức ăn đã ăn ra", Phật nói: "không phải chỉ ngày nay khi nghe ta chê trách, thầy ấy liền ói thức ăn ra, mà trong quá khứ cũng như vậy. Các thầy lắng nghe:

Quá khứ có một Bà-la-môn thích tán tụng cùng với một Bà-la- môn trẻ du hành trong nhân gian đến một tụ lạc, vị lớn bảo vị trẻ ngồi ở bên bờ ao ngoài tụ lạc chờ để vị ấy vào trong tụ lạc khất thực. Lúc đó có một Chiên-đà-la đến bên ao múc nước để ăn mì, vị trẻ theo Chiên-đà-la xin ít mì, Chiên-đà-la bảo lấy lá kết lại để đựng, vị trẻ làm theo để thọ lấy mì, thọ xong liền thấy trong mì có cáu bẩn liền hỏi Chiên-đà-la tại sao, đáp là mì đựng trong

bát dơ nên dơ, vị trẻ ăn xong thì vị lớn trở lại bảo vị trẻ cùng vào tụ lạc lấy bánh, đáp là đã ăn mì rồi, vị lớn hỏi là thọ từ đâu, đáp là từ Chiên-đà-la, vị lớn trách: "kia là người xấu ác bất tịnh, vì sao lại thọ mì của họ ăn", vị trẻ thấy vị lớn khinh tiện liền ói ra số mì đã ăn.

Này các Bí-sô, Bà-la-môn lớn thuở xưa chính là thân ta ngày nay, Bà-la-môn trẻ chính là Xá-lợi-phất ngày nay. Xưa do ta quở trách nên ói thức ăn đã ăn, nay cũng vậy".

Phật ở bên ao Yết lan đạc ca trong Trúc lâm, thành Vương xá, lúc đó trong thành có một trưởng giả tên là Thất lợi cấp đa vốn là tín đồ của ngoại đạo lõa hình, là em rễ của Tụ để sắc ca. Tụ để sắc ca vốn tín kính Tam bảo nên suy nghĩ: "ta nên khuyên Thất lợi cấp đa cúng dường phước điền vô thượng là Phật và Tăng", nghĩ rồi liền nói với Thất lợi cấp đa: "em thiết thực cúng dường Phật và Tăng sẽ được vô lượng phước", Thất lợi cấp đa nói: "nếu em cúng dường Phật và Tăng thì anh cũng nên cúng dường Bộ thích noa và các đệ tử của vị ấy", Tụ để sắc ca suy nghĩ: "nếu ta không nhận lời thì người em rễ này sẽ mất quả lợi đối với thắng phước điền, ta bố thí cùng khắp thì ngại gì việc này", nghĩ rồi liền nhận lời, Thất lợi cấp đa suy nghĩ: "nếu ta thỉnh Sa môn Kiều-đáp- ma đến nhà thọ thực trước thì Tụ để sắc ca sẽ không chịu thỉnh Bộ thích noa và các đệ tử đến cúng dường", nghĩ rồi liền nói:

"anh nên thỉnh Bộ thích noa đến nhà thọ thực trước, em sẽ thỉnh Phật và Tăng đến nhà thọ thực sau", Tụ để sắc ca bằng lòng liền đến chỗ Bộ thích noa thăm hỏi rồi thỉnh Bộ thích noa và các đệ tử ngày mai đến nhà thọ thực, Bộ thích noa suy nghĩ: "có lẽ người này thấy Sa môn Kiều-đáp-ma có lỗi lầm gì nên không sanh tâm tin ưa nữa, quay sang tín kính ta, như vậy là ta được lợi ích lớn. Tổ tiên của người này vốn là thí chủ của ta, nay quay về với ta cũng là hợp lý", nghĩ rồi liền thọ thỉnh. Tụ để sắc ca trở về nhà, ngay trong đêm ấy lo liệu đầy đủ các món ăn ngon, sáng sớm trải tòa để nước rồi sai sứ đến bạch đã đến giờ thọ thực. Lúc đó Thất lợi cấp đa đến nói với Bộ thích noa: "Thánh giả biết không, Sa môn Kiều-đáp-ma khi đến nhà người tục thọ thỉnh, khi đến nhà, chân phải vừa đặt lên ngưỡng cửa liền mỉm cười. Thị giả A-nan quỳ xuống chắp tay bạch rằng: "Như lai không phải không nhân duyên mà miệng mỉm cười", Kiều-đáp-ma nói: "đúng vậy, Như lai không phải không nhân duyên mà miệng mỉm cười, những chỗ Phật đến đều là vì thọ ký khiến cho đại chúng khởi tâm tín kính". Vì vậy các vị khi đến nhà của Tụ để sắc ca nên làm y như vậy để làm cho họ sanh tín kính", Bộ thích noa cùng các đệ tử đi đến nhà của Tụ để sắc ca, vừa bước chân lên ngạch cửa Bộ thích noa liền cười to lên, đệ tử liền quỳ xuống bạch rằng: "không phải không nhân duyên mà bậc Thắng nhân

lại cười lớn như thế", đáp: "đúng vậy, không phải không nhân duyên mà ta lại cười lớn. Ta vừa dùng thiên nhãn xem thấy bên bờ ao Vô túy có con vượn đực chạy theo con vượn cái, hụt chân té từ trên cây xuống đất mà chết. Ta nghĩ loài súc vật không có nhận thức nhưng có tình cảm này vì tham dục mà phải chịu khổ não", Tụ để sắc ca nghe rồi suy nghĩ: "đây gọi là tìm kim trong bọc mà muốn bán kim, ta nên chiết phục khiến cho ngoại đạo này sửa đổi lại". Lúc đó Tụ để sắc ca trải tòa tốt đẹp, để thức ăn thượng diệu vào trong bát đồng rồi để bánh lên trên, đem dâng cúng cho Bộ thích noa và các đệ tử. Bộ thích noa chỉ thấy dâng bánh liền suy nghĩ: "ta là giáo chủ phải dâng cúng thức ăn ngon, vì sao chỉ dâng có bánh", Tụ để sắc ca hỏi: "vì sao thầy không ăn?", đáp: "vì sao chỉ có bánh mà không có thức ăn tạp vị?", Tụ để sắc ca nói kệ:

*"Điều đáng thấy lại không thấy được,*
*Điều không thấy dối nói là thấy,*
*Còn thấy vượn chết bên bờ ao,*
*Sao không thấy cơm ngon trong bát?"*

Nói kệ rồi liền chỉ thức ăn tạp vị dưới lớp bánh, Bộ thích noa hổ thẹn suy nghĩ: "ta đã bị chiết phục rồi, lát nữa ăn xong ta sẽ chú nguyện cho trong hiện tại và tương lai, các phước nghiệp đã làm sẽ không có quả báo lợi ích", sau khi ăn xong, Bộ thích noa chú nguyện nói kệ:

*"Người nào khi làm chút bố thí,*

*Cho đến khi thiết thực cúng dường,*
*Dùng lời cật vấn để chê trách,*
*Thiện phước đã làm không quả báo".*

Tụ để sắc ca có người giữ cửa nghe lời chú nguyện này rồi liền suy nghĩ: "kẻ vô trí này ăn cơm của chủ ta lại chú nguyện cho không có quả báo, ta nên phương tiện làm cho hắn té trật khớp xương", nghĩ rồi liền nghiêng đổ bình nước dơ nơi cửa và kéo then cửa cho ló ra phân nửa, khi Bộ thích noa đi ra tới cửa bị nước dơ trơn trợt nên té ngã, đập đầu vào then cửa bể đầu chảy máu. Người giữ cửa liền nói kệ:

*"Ngay khi then cửa kéo ló ra,*
*Và khi nghiêng đổ bình nước dơ,*
*Khi té bể đầu chảy máu ra,*
*Lúc ấy thiện phước không quả báo".*

Bộ thích noa ôm đầu đi đến chỗ Thất lợi cấp đa kể lại việc trên, Thất lợi cấp đa nói: "thầy may mắn còn mạng sống trở về, tôi sẽ lập kế làm cho Sa môn Kiều-đáp-ma và chúng tăng vào nhà tôi rồi sẽ không còn sống trở về". Lúc đó Thất lợi cấp đa suy nghĩ: "ta nên đến thỉnh Sa môn Kiều-đáp-ma đến nhà thọ thực, nếu ông ta là Nhất-thiết-trí thì sẽ không thọ thỉnh, nếu không phải là Nhất-thiết-trí thì sẽ nhận lời", nghĩ rồi liền đến chỗ Phật thăm hỏi và thỉnh Phật cùng chúng tăng ngày mai đến nhà thọ thực.

-oOo-

# CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ NI ĐÀ NA MỤC ĐẮC CA

## QUYỂN 8

### 4. Nhiếp tụng thứ tư - Thất lợi cấp đa (tiếp theo):

Lúc đó Phật suy nghĩ: "Thất lợi cấp đa sẽ từ nơi ta mà được Kiến đế, nay tâm ý đang loạn muốn làm các hạnh ác. Nếu ta không thọ thỉnh thì sẽ chướng ngăn ông ta Kiến đế, vì vậy ta nên thọ thỉnh", nghĩ rồi Phật im lặng nhận lời, Thất lợi cấp đa suy nghĩ: "Kiều-đáp-ma không phải là bậc Nhất-thiết-trí, đây là oan gia mà ta phải báo thù". Sau khi về đến nhà, ngay trong đêm đó ông cho đào một cái hố lớn giữa nhà, bên dưới đốt than nóng đỏ rồi lấy vật gác lên trên, dùng cỏ tranh phủ rồi rải lên một lớp đất mỏng và bỏ thuốc độc vào trong thức ăn đã nấu chín. Lúc đó em gái của Tụ đế sắc ca là vợ của Thất lợi cấp đa thấy vậy liền hỏi muốn làm gì, đáp là muốn giết oan gia, lại hỏi oan gia là ai, đáp là Sa môn Kiều-đáp-ma, người vợ nói: "nếu Đại sư là oan gia thì ai là bạn thân?", Thất lợi cấp đa suy nghĩ: "người vợ này của ta cùng với người anh thân sanh đều kính

trọng Sa môn Kiều-đáp-ma, há không tiết lộ việc riêng của ta hay sao", nghĩ rồi liền nhốt vợ vào trong phòng tối và khóa cửa lại. Sau đó đến nói với Bộ thích noa: "các thầy hãy đến xem tôi giết hại oan gia, tôi đã cho đào một hố than lửa và bỏ thuốc độc vào trong thức ăn", các ngoại đạo lên gác ngồi chờ xem và nói với nhau: "chúng ta ngồi đây chờ xem Kiều-đáp-ma bị thiêu đốt và ăn phải thức ăn độc ngã ra bất tỉnh thì chúng ta mới khoái chí". Sáng hôm sau trải tòa, để nước và tăm xỉa răng xong, Thất lợi cấp đa sai sứ đến chỗ Phật bạch là đã đến giờ thọ thực, sứ vâng lời đến chỗ Phật đảnh lễ rồi bạch Phật là đã đến giờ. Phật bảo A-nan: "thầy hãy thông báo cho các Bí-sô không ai được tự tiện vào nhà Thất lợi cấp đa trước, đợi Như lai vào trước rồi mới vào theo", A-nan vâng lời Phật đi thông báo. Khi Phật đắp y mang bát cùng các Bí-sô sắp đi, các thiên thần cựu trụ ở Trúc lâm hiện ra bạch Phật: "cúi xin Thế tôn đừng đến nhà Thất lợi cấp đa thọ thực, vì ông ta có ý ác muốn hại Như lai nên đã làm việc nghịch hại và tạo các nghiệp tội", Phật nói: "ta đã đoạn trừ tất cả việc vô ích, làm sao ông ta có thể làm việc nghịch hại ta được", thiên thần nói: "ông ta đã đào một hố lớn chất đầy than đốt cháy đỏ", Phật nói: "tất cả lửa tham dục, sân hận, ngu si ta đều đã dùng nước trí huệ dập tắt hết rồi, lửa thế gian làm sao hại được", thiên thần nói: "ông ta đã bỏ thuốc độc vào trong thức ăn",

Phật nói: "đối với ba độc tham sân si ta đều đã dùng thuốc trí huệ A yết đa trừ hết cả rồi, tất cả độc khác làm sao hại được". Khi Phật vào thành Vương xá, thiên thần thủ hộ thành này cũng hiện ra bạch Phật như trên và Phật cũng đáp như trên. Khi Phật đến nhà Thất lợi cấp đa, vừa đến cổng, thiên thần cựu trụ trong đất nhà này cũng hiện ra bạch Phật như trên và Phật cũng đáp như trên. Lúc đó vợ của Thất lợi cấp đa bị nhốt trong phòng tối suy nghĩ: "giờ này chắc Phật đã đến cửa thứ nhất... giờ này chắc Phật đã đến cửa thứ hai... bây giờ chắc Phật đã sa vào trong hố lửa than...", lẩm bẩm như thế rồi mê ngất đi. Khi Phật đến ngưỡng cửa của nhà chính sắp bước chân vào thì từ dưới hố lửa mọc lên hoa Ba đầu ma, Phật an tường bước lên hoa Ba đầu ma để vào trong nhà ngồi. Thất lợi cấp đa thấy việc này rồi sanh tâm hi hữu nói với Bộ thích noa: "thầy hãy nhìn xem thần thông biến hiện của Thế tôn", Bộ thích noa nói: "ông đã bị thu phục bởi huyễn thuật của Kiều-đáp-ma rồi sao?", đáp: "dù là huyễn thuật thì thầy tự xưng là Nhất-thiết-trí há có thể làm được hay sao?", Bộ thích noa và các ngoại đạo hổ thẹn cúi đầu lặng lẽ rời khỏi nhà. Lúc đó Thất lợi cấp đa hổ thẹn không dám đến gặp Phật liền đến chỗ nhốt vợ nói với vợ rằng: "nàng hãy mau ra đảnh lễ Thế tôn", người vợ nói: "làm gì có Thế tôn, ông đã cùng người ác giết hại Như lai rồi", Thất lợi cấp đa nói: "ai có thể làm hại được Như lai, tôi vì

quá hổ thẹn nên không dám đến gặp Phật", người vợ nghe rồi liền ra khỏi phòng cùng chồng đi đến chỗ Phật đảnh lễ, Thất lợi cấp đa phủ phục sát đất không dám ngẩng đầu lên, người vợ nói: "chồng con không còn mặt mũi nào dám nhìn Thế tôn, cúi xin Thế tôn từ bi tha thứ tội cực nặng phải đọa vào địa ngục Vô gián của chồng con", Phật nói: "hãy đứng dậy đi, ta đã tha thứ rồi", Thất lợi cấp đa hết lời tán thán: "Như lai Ứng chánh đẳng giác thật không có trái thuận", vui mừng đứng dậy như người chết được sống lại bạch Phật rằng: "cúi xin Phật đợi trong giây lát, con sẽ cho làm lại các món ăn", Phật nói: "chẳng phải ông đã sai sứ đến báo là giờ thọ thực đã đến rồi hay sao?", đáp: "quả là con có sai sứ đến bạch như thế, nhưng con đã làm việc bất lợi cho Phật và Tăng", Phật nói: "ta đã đoạn hết việc bất lợi, ông làm sao có thể làm việc bất lợi cho ta được", đáp: "con đã bỏ thuốc độc vào trong thức ăn đã nấu chín", Phật nói: "đối với ba độc tham sân si ta đều đã trừ sạch thì các độc khác không cần phải nói. Nay thức ăn đã nấu chín hết rồi, ông nên dọn lên", Phật liền bảo A-nan: "thầy hãy thông báo cho các Bí-sô cho đến khi chưa xướng câu Tam bát la khứ đa thì các Bí-sô không ai được ăn trước", A-nan vâng lời Phật thông báo cho các Bí-sô biết. Thức ăn dọn lên, Phật bảo một người đến trước Thượng tòa xướng câu Tam bát la khứ đa, nhờ uy lực của câu mật chú này mà chất độc trong thức ăn

đều tiêu tan hết. Thất lợi cấp đa tự tay dâng cúng thức ăn từ Thượng tòa cho đến vị hạ tòa thấy tất cả đều không ai trúng độc, càng sanh tâm thâm tín. Phật và Tăng ăn xong, hai vợ chồng lấy chiếc ghế thấp ngồi trước Phật muốn nghe pháp, Phật quán biết căn tánh tùy miên của họ nói pháp Tứ đế khiến cho họ được khai ngộ và chứng quả Dự lưu. Sau khi chứng quả, Thất lợi cấp đa bạch Phật: "Thế tôn, con nay nhờ Phật khai ngộ được chứng sơ quả... như trên cho đến câu thọ Tam quy ngũ giới. Từ nay trở đi, đối với tất cả nam nữ ngoại đạo con đều đóng cửa vĩnh viễn; còn đối với Phật và Tăng cùng các Ô-ba-sách-ca và Ô-ba-tư-ca, con sẽ luôn luôn mở cửa", Phật sau khi làm cho Thất lợi cấp đa được Kiến đế rồi liền trở về trú xứ. Về đến trú xứ, Phật bảo các Bí-sô: "nay ta chế hành pháp của Thượng tòa trong Tăng như sau: hễ là bậc Thượng tòa thủ chúng khi thấy thí chù dâng cúng thức ăn, trước nên bảo một người đến trước Thượng tòa xướng câu Tam bạt la khứ đa. Khi chưa xướng câu này thì đại chúng chưa được thọ thực, nên biết câu mật chú này có uy lực lớn, nếu làm trái hành pháp này thì phạm tội Ác tác". (Tam bát la khứ đa dịch là Chánh chí hay thời chí là câu mật chú có công năng trừ độc).

Phật tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó có một trưởng giả xây cất trú xứ cúng Tăng nhưng xây nửa chừng thì qua đời, con của trưởng giả thừa kế gia

nghiệp nên các Bí-sô đến nhà nói với người con rằng: "cha của hiền thủ cất chùa, công quả được một nửa thì qua đời, công đức còn lại hiền thủ nên làm tiếp cho xong", người con nói: "chùa cất quá lớn nên tôi không đủ sức làm tiếp, nếu Phật cho làm nhỏ lại thì tôi sẽ làm tiếp". Các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "không thể làm lớn thì cho họ được làm nhỏ lại". Lại có cư sĩ xây cất trú xứ cúng Tăng, công việc nửa chừng thì qua đời giống như trường hợp trên, chỉ khác là người con nói: "chùa đó xây quá nhỏ, tôi muốn làm lớn hơn, nếu Phật cho làm lớn hơn thì tôi sẽ làm", Phật nói tùy ý cho làm lớn hơn. Lại có một trưởng giả xây tháp nhỏ, công việc nửa chừng thì qua đời... giống như trường hợp trên cho đến câu người con nói: "tháp đó quá nhỏ, tôi thích làm cao lớn hơn, nếu Phật cho làm cao lớn hơn thì tôi sẽ làm", Phật nói tùy ý làm lớn hơn. Lại có một trưởng giả xây tháp lớn, công việc nửa chừng thì qua đời giống như trường hợp trên, chỉ khác là người con nói: "tôi nghèo nên không thể xây tiếp cho xong tháp lớn như thế, nếu Phật cho làm nhỏ lại thì tôi sẽ làm", Phật nói tùy ý làm nhỏ lại.

Về việc xây tháp nếu nhỏ thì được làm lớn hơn, nếu lớn thì không nên làm nhỏ lại. Nếu cư sĩ có khả năng làm lớn thì tốt, nếu không thể thì các Bí-sô nên quyên góp để xây tiếp cho xong, nếu luân tướng của tháp lâu ngày hư hoại thì nên sửa sang

lại. Có người phá bỏ luân tướng cũ để làm cái mới nhưng lâu ngày vẫn chưa làm xong, Phật nói: "không nên phá cái cũ trước, nên làm cái mới xong rồi mới hạ cái cũ xuống". Lúc đó tượng Phật bằng đất bùn bị hư hoại, Bí-sô nghi sợ nên không dám tu sửa lại, Phật nói: "nên làm lớn hơn hay tương tợ tùy ý". Lúc đó những hình vẽ trên tường phai mờ không thấy rõ, Bí-sô nghi ngại không dám vẽ lại, Phật nói nên xóa sạch rồi vẽ mới lại. Lúc đó kinh Phật viết trên giấy lá bị hư, Bí-sô nghi ngại không dám viết lại, Phật nói nên xóa cái cũ rồi viết mới lại.

**5. Nhiếp tụng thứ năm trong Biệt môn thứ hai:**

*Đưa tượng vào trong thành,*
*Thọ kiết tường, vật cúng,*
*Tùy tình trổi trống nhạc,*
*Bí-sô không nên làm.*

Phật tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó trưởng giả Cấp-cô-độc bạch Phật: "con muốn thỉnh tượng Bồ-tát vào thành để thi thiết cúng dường", Phật nói làm đúng lúc. Các Bí-sô không biết ai nên đi theo đưa tượng vào thành, Phật nói: "Bí-sô nhỏ tuổi nên đi theo", Bí-sô nhỏ quá ít nên không đủ số, Phật bảo năm chúng xuất gia nên đi theo. Lúc đó các cư sĩ, Bà-la-môn tịnh tín dùng bình báu đựng nước kiết tường rót vào tay Bí-sô rồi trao vật cùng dường

nhưng không ai dám thọ, Phật nói: "các trưởng lão kỳ túc nên đưa tay phải ra thọ nước kiết tường và vật cúng dường". Các Bí-sô đưa tượng vào thành không có đánh trống nhạc, Phật nói nên đánh trống nhạc, tôn giả Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Phật bảo nên đánh trống nhạc, vậy ai nên làm?", Phật nói người tục nên làm, lại hỏi: "Bí-sô có được làm không?", Phật nói không nên trừ khi thiết hội cúng dường, lại bảo người tấu nhạc: "các vị tấu nhạc là để cúng dường Đại sư, không nên vô cớ tấu nhạc, nếu vô cớ tấu thì phạm tội Ác tác".

**6. Nhiếp tụng thứ sáu trong Biệt môn thứ hai:**

*Cần phải thông báo trước,*
*Năm chúng theo vào thành,*
*Nên sai người giữ vật,*
*Ni không luân pháp riêng (tách ra riêng).*

Phật tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó Phật cho đưa tượng vào thành trong ngày đại hội, các cư sĩ nói với Bí-sô: "A-giá-lợi-da, đưa tượng vào thành mà chúng tôi không được biết, Thánh giả nên báo trước cho chúng tôi biết để chúng tôi tùy sức mình đem hương hoa thượng diệu cúng dường tượng và quét dọn trang hoàng lại đường sá...", Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "trước đó bảy tám ngày nên vào thành thông báo cho mọi người biết vào ngày giờ

đó sẽ mở pháp hội, các vị tùy sức mình đem hương hoa đến cúng dường". Lúc đó tuy thông báo tại ngã tư đường nhưng vẫn có nhiều người chưa nghe biết, Phật nói nên viết bố cáo trên giấy hay vải rồi treo trên xe, đến các ngã đường để phổ biến. Đến ngày đưa tượng vào thành không có nhiều người đi theo, Phật bảo năm chúng nên đi theo, lúc đó các cư sĩ đem nhiều tài vật đến cúng dường, Bí-sô không biết ai nên thọ cất, Phật bảo trưởng lão kỳ túc nên thọ cất. Các vị này thọ rồi phải tự mang đi nên rất nhọc mệt, Phật bảo Bí-sô trẻ nên mang, khi mang về chùa, họ để đó thành đống lớn mà không coi giữ nên bị kẻ trộm lấy đi, Phật nói: "nên sai người coi giữ, tác pháp sai như sau: một Bí-sô trong Tăng nên hỏi người được sai: "thầy có thể vì Tăng làm người coi giữ y vật hay không?", nếu đáp là có thể thì Tăng nên bạch nhị yết ma sai như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, Bí-sô tên _____ hoan hỉ làm người coi giữ y vật cho Tăng. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay sai Bí-sô tên _____ làm người coi giữ y vật cho Tăng. Bạch như vậy.

Văn yết ma căn cứ theo văn tác bạch mà làm".

Lúc đó các Bí-sô ni thấy các Bí-sô được cúng nhiều y vật liền nói: "các Đại đức được cúng nhiều y vật nên chia cho chúng tôi, nếu không chia thì chúng tôi sẽ tách ra riêng", Bí-sô nghe rồi liền ngăn không cho tách ra riêng. Thời gian sau, Ni chúng

cũng tách ra riêng, các cư sĩ thấy vậy liền hỏi các Bí-sô: "các ni hành đạo là đồng hay khác với các thầy?", đáp là không đồng, các cư sĩ chê trách: "Đại sư còn hiện tiền mà đã phá Tăng luân, không nương tựa lẫn nhau, tự tách ra riêng", lúc đó các ni cũng được tài lợi, các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Bí-sô ni không được làm luân pháp riêng, nếu ai làm thế tức là phương tiện phá Tăng, phạm tội Tốt-thổ-la để. Các Bí-sô được cúng nhiều tài vật nên chia cho Bí-sô ni, nếu không chia thì phạm tội Việt pháp".

**7. Nhiếp tụng thứ bảy trong Biệt môn thứ hai:**

*Nên sai người chia vật,*
*Thượng tòa nên định giá,*
*Không được liền trả giá,*
*Bị đòi giá, trả y.*

Đại hội xong, các Bí-sô được cúng nhiều tài vật, không biết nên chia như thế nào, Phật nói: "nên sai người chia vật, tác pháp sai như sau: một Bí-sô trong Tăng nên hỏi người được sai: "thầy có thể vì Tăng làm người chia y vật hay không?", nếu đáp là có thể thì Tăng nên bạch nhị yết ma sai như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, Bí-sô tên _____ hoan hỉ làm người chia y vật cho Tăng. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay sai Bí-sô tên _____ làm người chia

y vật cho Tăng. Bạch như vậy.

Văn yết ma căn cứ theo văn tác bạch mà làm".

Lúc đó người chia y trải tòa ngồi rồi đánh kiền chùy nhóm tăng để bán đấu giá số y vật được cúng, nhưng không biết ai nên định giá để bán đấu giá, Phật nói Thượng tòa trong Tăng nên định giá. Thượng tòa định giá quá cao nên không ai nói giá cao hơn để mua, Phật nói: "nên định giá ở mức trung bình, không quá cao cũng không quá thấp". Định giá xong, có người vừa nói giá cao hơn một chút liền đưa y ngay, Phật nói nên đợi ai nói giá cao nhất mới đưa y. Lúc đó Lục chúng Bí-sô thấy không có người nói giá cao hơn, liền cố ý nói giá cao hơn, đến khi được đưa y thì họ không chịu lấy nói rằng: "tôi không muốn mua y, chỉ vì đại chúng nên mới nói giá cao hơn", Phật nói: "nếu trong chúng không có ai nói giá cao hơn để mua thì không nên cố ý nói giá cao hơn, ai cố ý nói giá cao hơn thì phạm tội Ác tác". Khi Lục chúng Bí-sô nói ra giá cao hơn, được đưa y liền lấy mặc, bị đòi tiền liền trả lại y, Phật nói: "chưa đưa tiền y thì không được lấy mặc, nếu chưa đưa tiền y mà lấy mặc thì phạm tội Ác tác".

**8. Nhiếp tụng thứ tám trong Biệt môn thứ hai:**

*Chùa lớn giảm bớt tầng,*
*Người mang y được dùng,*

*Nạn khủng bố nếu dứt,*
*Nên theo quy định trước.*

Phật dạy Bí-sô làm chùa nên làm năm tầng, đài hương nên bảy tầng, cửa lầu cũng bảy tầng; Bí-sô ni làm chùa nên ba tầng, đài hương và cửa lầu nên năm tầng. Lúc đó các Bí-sô làm chùa nhiều tầng nên hư sụp, Phật nói nên bỏ tầng trên, vẫn còn hư sụp, cứ như vậy giảm dần cho đến tầng còn lại có thể chịu đựng được.

Từ khi Phật hiện đại thần thông hàng phục ngoại đạo, người tín kính trong thành, ngoài thành cho đến chốn biên phương đều xây cất chùa cúng cho Tăng ở. Lúc đó các Bí-sô trụ chùa ở chốn biên phương gặp nạn khủng bố liền bỏ chạy trốn, giặc vào chùa lấy hết y bát và ngọa cụ của Tăng khiến họ bị thiếu y, bạch Phật, Phật nói: "ngọa cụ của Tăng không nên để cho mất, khi đi nên mang theo". Sau đó có nạn khủng bố, có Bí-sô mang ngọa cụ của A-tăng-kỳ theo rồi cùng các Bí- sô chạy trốn, đến chiều tối Bí-sô trưởng lão nói với Bí-sô này: "này cụ thọ, luận về tuổi tác thì tôi được dùng ngọa cụ của A-tăng-kỳ này, thầy nên đưa cho tôi", Bí-sô này đưa, vị trưởng lão này lấy lót năm ngủ đến sáng hôm sau đưa lại bảo Bí-sô này mang đi, Bí-sô này nói: "khi cần ngọa cụ thì đem tuổi tác ra nói, khi có nạn khủng bố phải mang theo thì sao không nói đến tuổi tác, ngọa cụ này trưởng lão nên tự mang theo". Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch

Phật, Phật bảo: "người mang ngọa cụ đi được dùng", sau khi nạn duyên dứt, các Bí-sô thấy vị kia vẫn dùng ngọa cụ của Tăng nên nói: "đây là vật của Tăng, vì sao lấy dùng một mình?", đáp là Phật cho dùng, Phật nói: "lúc đó có nạn khủng bố nên ta khai cho người mang ngọa cụ của Tăng theo thì được dùng. Nay nạn duyên đã hết thì nên theo pháp thức đã định trước kia".

**9. Nhiếp tụng thứ chín trong Biệt môn thứ hai:**

*Nếu có pháp hội lớn,*
*Đánh trống nhóm chúng tăng,*
*Chúng đông hành thực riêng,*
*Người kiểm tra ăn trước.*

Phật tại thành Thất-la-phiệt, trưởng giả Cấp-cô-độc xin Phật cho mở pháp hội lớn ở trong rừng Thệ đa, Phật nói là đúng lúc. Đến ngày đại hội, các Bí-sô khắp bốn phương đều tụ về, do chúng đông nên trễ mất giờ ăn, Phật bảo nên đánh kiền chùy, do quá ồn nên đánh kiền chùy vẫn không nghe được hết, Phật bảo: "nên đánh trống lớn, Bí-sô nghe tiếng trống nên tụ tập tại nhà ăn và ngồi theo thứ lớp". Lúc đó do quá đông nên người dọn đưa thức ăn chưa đưa đến hàng cuối cùng thì qua giờ ngọ, vì thế nhiều Bí-sô phải nhịn đói; Phật nói: "nếu số người quá đông nên cho hành thực riêng từng nhóm, hãy để thức ăn ở trước mỗi Thượng tòa

để có thể dọn đưa một lần". Lúc đó cư sĩ dọn đưa bánh trái không đồng đều, Phật bảo nên cử một Bí-sô trông coi việc dọn ăn; Bí-sô được sai này do coi ngó việc dọn ăn cho chu đáo, đến khi chúng ăn xong thì qua giờ ngọ và Bí-sô nay phải nhịn đói; Phật nói: "người trông coi việc dọn ăn nên lấy phần ăn của mình rồi ăn trước, ăn như vậy không có lỗi".

**10. Nhiếp tụng thứ mười trong Biệt môn thứ hai:**

*Trên chỗ Thủ chúng ni,*
*Nên để một chỗ trống,*
*Cho Bí-sô khác đến,*
*Cô khổ chớ tăng giá.*

Phật tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó có nhiều Bí-sô ni du hành trong nhân gian đến một tụ lạc, trong đây có một trưởng giả tín kính thỉnh các Bí-sô ni đến nhà thọ thực, trong các Bí-sô ni này, ni Thổ-la-nan-đà là Thượng tọa. Lại có một Bí-sô tháp tùng theo các thương nhân du hành cũng đến tụ lạc này, khi theo thứ lớp khất thực, có người nói: "có các Bí-sô ni đang thọ thỉnh thực tại nhà trưởng giả, thầy hãy đến đó cùng thọ thực", Bí-sô liền đi đến nhà trưởng giả. Bí-sô ni nói: "Đại đức, nếu khi đại chúng ăn xong, thầy có thể chú nguyện và thuyết pháp được cho thí chủ thì hãy ngồi trên tòa trên; nếu không thể thì hãy ngồi một bên, ăn xong rồi đi", Bí-sô nghe rồi suy nghĩ: "nếu ta chờ ăn xong

thuyết pháp rồi mới đi thì các thương nhân sẽ bỏ ta đi trước", nghĩ rồi liền ngồi một bên ăn xong rồi đi. Khi đến trong rừng Thệ đa, thành Thất-la-phiệt, các Bí-sô cựu trú thăm hỏi đi đường có được an lạc không, Bí-sô này đáp: "không an lạc vì bị Bí-sô ni ác ý làm nhục", nói rồi liền kể lại việc trên, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "nếu chỉ có một Bí-sô và một Bí-sô ni thì Bí-sô nên ngồi trên và thọ thức ăn trước; nếu có hai ba hay nhiều Bí-sô ni mà chỉ có một Bí-sô thì Bí-sô này vẫn ngồi trên và thọ thức ăn trước. Từ nay Bí-sô ni đi đến đâu thọ thỉnh thực, nên chừa một chỗ trống dành cho Bí-sô nào đến sau, nếu là Cầu tịch đến sau cũng được ngồi vào chỗ ngồi này vì Cầu tịch thuộc chúng trên. Bí-sô ni làm trái thì phạm tội Việt pháp".

Lúc đó trưởng giả Cấp-cô-độc khi thiết lập pháp hội liền đem tất cả vợ con nam nữ trong nhà xả thí cho Tăng, các Bí-sô không biết làm sao, bạch Phật, Phật bảo hỏi trưởng giả, trưởng giả nói: "các thầy định giá rồi bán đấu giá, tôi sẽ mua lại", Bí-sô vừa định giá, Lục chúng Bí-sô tranh nhau nói giá cao hơn. Trong số đó có một người nữ cô khổ thấy Lục chúng Bí-sô nói giá càng cao, sợ trưởng giả mua lại không được nên nói với trưởng giả: "số tôi cô khổ, xin trưởng giả đừng bỏ tôi", Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "đối với người nữ cô khổ hay ưu sầu lo sợ thì Bí-sô không nên nói giá cao hơn, ai nói giá cao hơn thì phạm tội Ác tác. Nên tùy thí

chủ tín kính tính mua với giá bao nhiêu thì nhận lấy bấy nhiêu".

## III. TỔNG NHIẾP TỤNG CỦA BIỆT MÔN THỨ BA:

*Tư cụ y, ngu si,*
*Sai, không dùng, người tục,*
*Đang làm, trưởng giả cúng,*
*Dao cạo, trang hoàng tháp,*
*Cơm, lạc, lá, múc nước,*
*Và các việc rửa bát...*
*Mười hai bài tụng này,*
*Tổng nhiếp cần nên biết.*

### 1. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ ba:

*Mười ba tư cụ y,*
*Ghi tên cất giữ dùng,*
*Nếu có y dư khác,*
*Ký gởi nên phân biệt.*

Phật tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó Phật cùng các Bí-sô du hóa trong nhân gian, một Bí-sô bịnh vì thiếu thuốc uống nên qua đời, bạch Phật, Phật nói: "từ nay cho các Bí-sô được cất chứa vải đổi thuốc, khi có bịnh duyên nên lấy vải này bán để mua thuốc uống". Sau đó có Bí-sô sau khi được vải đổi thuốc này liền đem giặt nhuộm, tác pháp thọ trì rồi cất giữ, đến khi bịnh đem vải này bán để mua lại thuốc thì bán không được giá, bạch Phật, Phật nói: "vải đổi thuốc không nên giặt nhuộm, nên giữ

nguyên màu sắc ban đầu". Cụ thọ Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Phật chế các Bí-sô nên thọ trì ba y, lại khai cho cất chứa vải đổi thuốc là như thế nào?", Phật nói: "từ nay các Bí-sô được cất chứa mười ba tư cụ y: một là Tăng-già-lê, hai là Uất Đa-la tăng, ba là An-đà-hội, bốn là Ni-sư-đàn, năm là quần, sáu là phó quần (quần thứ hai để thay đổi), bảy là Tăng khước kỳ, tám là phó Tăng khước kỳ (cái thứ hai để thay đổi), chín là khăn lau mặt, mười là khăn lau mình, mười một vải băng bó ghẻ (vết thương), mười hai là khăn cạo tóc, mười ba là vải đổi thuốc", lại hỏi: "Bí-sô nên thọ trì mười ba tư cụ y này như thế nào?", Phật nói: "nên thọ trì từng loại, đối trước một Bí-sô nói tên ra để tác pháp thọ trì, như y Tăng-già-lê nên nói như sau:

Đại đức nhớ nghĩ, đây là y Tăng-già-lê, từ nay tôi xin thọ trì, đã cắt rọc thành y là vật mà tôi thọ dụng.

Nói ba lần, những y khác đều dựa theo đây mà tác pháp thọ trì, chỉ có vải đổi thuốc là dùng khi có bịnh duyên", lại hỏi: "ngoài mười ba tư cụ y này ra, nếu có y dư khác thì phải làm sao?", Phật nói: "nên bạch với Thân giáo sư và Quỹ phạm sư rồi tác pháp ký gởi phân biệt thọ trì, đối trước một Bí-sô phân biệt thọ trì như sau:

Đại đức nhớ nghĩ, tôi Bí-sô tên _____ có y dư này chưa tác pháp phân biệt, nay đối trước Đại đức phân biệt để thọ trì. (ba lần)

**2. Nhiếp tụng thứ hai trong Biệt môn thứ ba:**

*Si không hiểu ba tạng,*
*Mười hai hạng người này,*
*Khi mất tánh hồi phục lại,*
*Quở trách nên ghi nhận.*
*Cụ thọ Ưu-ba-ly hỏi Phật:*

Hỏi: có mấy hạng người không được quở trách và lời nói không được ghi nhận?

Phật đáp: có mười hai hạng người:

1. Người ngu là người ý suy nghĩ điều ác, miệng nói lời ác, thân làm việc ác và cố chấp việc đã làm.

2. Người si là người không trì kinh, luật, luận.

3. Người không phân minh là người không hiểu rõ giáo văn trong ba tạng.

4. Người không thiện xảo là người không hiểu rành giáo lý trong ba tạng.

5. Người không tàm quý là người phạm một trong bốn tội Tha thắng.

6. Người có lỗi lầm là người mới tranh cãi hay trước đó đã có lời oán trách

7. Người ở ngoài giới

8. Người bị Tăng bạch tứ yết ma xả khí.

9. Người nói không có thứ tự là người nói dối, nói ly gián, nói thô ác và tạp loạn.

10. Người xả oai nghi là người rời khỏi chỗ

ngồi.

11. Người mất bản tánh là người làm việc không nên làm, không tu tập các học xứ.

12. Người thọ học là người phạm tội Ba la thị ca nhưng không che giấu, Tăng bạch tứ yết ma cho học lại giới (học hối Sa di).

Lại hỏi: có mấy hạng người được quở trách?

Phật đáp: có ba, đó là người trụ nơi bản tánh, người nói có thứ tự và người không xả oai nghi.

Lại hỏi: người mất bản tánh khi quở trách yết ma, không được ghi nhận thì quở không thành quở, nếu người này hồi phục bản tánh thì quở có thành quở không?, Phật nói thành quở.

**3. Nhiếp tụng thứ ba trong Biệt môn thứ ba:**

*Sai mười hai hạng người,*
*Nói thì thành pháp quở,*
*Khi thọ nói là tục,*
*Thì không thành Cận viên.*

Lại hỏi: khi tác pháp yết ma sai mười hai hạng người, nếu họ nói rằng: "các Đại đức đừng sai tôi" thì lời này có được ghi nhận không?

Phật đáp: được ghi nhận nhưng không thành quở, thành quở là khi vì người nào tác pháp yết ma trị phạt.

Lại hỏi: khi người đang thọ Cận viên nói tôi là người tục thì người này có thành thọ Cận viên

không?

Phật đáp: nếu người ấy thọ Cận viên rồi tự nói mình là người tục thì người ấy vẫn mất Cận viên, huống chi là đang thọ. Đây là dựa trên có tâm xả giới mà nói.

-oOo-

# CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ NI ĐÀ NA MỤC ĐẮC CA

## QUYỂN 9

### 4. Nhiếp tụng thứ tư trong Biệt môn thứ ba:

*Không dùng năm loại mỡ,*
*Tùy trường hợp nói giới,*
*Nhân Ức nhĩ ăn cháo,*
*Chúng nên thọ ruộng vua.*

Phật tại thành Thất-la-phiệt, như Phật dạy có năm loại giày da bất tịnh không nên dùng, lúc đó Lục chúng Bí-sô dùng mỡ voi trong năm loại mỡ bất tịnh thoa lên giày da rồi đứng phía trên hướng gió, khiến cho voi của vua Thắng quang nghe thấy mùi này kinh hãi bỏ chạy. Lục chúng Bí-sô hỏi người giữ voi sao không giữ voi lại, đáp là không thể giữ được, Lục chúng Bí-sô nói là có thể giữ được, người giữ voi nói: "nếu các vị giữ voi lại giúp tôi thì tôi sẽ đền đáp bằng giá tiền bánh trái". Lục chúng Bí-sô nhận lời rồi xuống đứng dưới hướng gió, voi hết nghe mùi liền đứng lại, người giữ voi nói: "các vị có thần chú hay sao, voi kinh

sợ bỏ chạy tôi giữ lại không được nhưng các vị lại làm cho nó đứng lại được", Lục chúng Bí-sô nói: "không có thần chú gì cả, chỉ là tôi dùng mỡ voi thoa lên giày da...", người giữ voi chê trách: "nếu voi của vua bị thương tổn thì há chẳng phải các vị đã làm việc không lợi ích rồi hay sao". Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "Bí-sô không được dùng mỡ voi thoa lên giày da, ai làm thế thì phạm tội Ác tác. Mỡ voi đã như thế thì các loại mỡ ngựa, sư tử, hổ, báo đều không được dùng".

Phật tại thành Vương xá, lúc đó vua Tần-tỳ-sa-la đến chỗ tôn giả A-nan đảnh lễ rồi hỏi: "Đại đức, hôm nay không phải là ngày nghe pháp mà là ngày trưởng tịnh, tôi có được nghe không?", đáp: "đại vương, việc trưởng tịnh là việc mà các Bí-sô cùng làm, người thế tục không được nghe", vua nghe rồi liền đứng dậy đi. Phật tuy biết nhưng vẫn hỏi A-nan nguyên do, A-nan kể lại việc trên, Phật nói: "thầy có lỗi lớn, nếu lúc nảy vua được nghe Ba-la-đề-mộc-xoa này thì vua ắt sẽ sanh lòng tin sâu và cung kính gấp bội. Từ nay nếu vua cho đến đại thần có tín tâm, ưa thích nghe giới thì Bí-sô nên vì họ nói. Nếu có người tuy tôn quý nhưng không có tâm tín kính mà muốn nghe cũng nên vì họ nói. Nếu có người nghèo tín tâm muốn nghe cũng nên vì họ nói, nhưng nếu không có tín tâm mà muốn nghe thì Bí-sô không nên nói".

Phật tại thành Vương xá, lúc đó cụ thọ Thuyết lung noa Nhị thập ức từ nhỏ đã được nuôi dưỡng bằng cháo, sau khi xuất gia không được ăn cháo nữa nên thân thể ốm gầy vàng vỏ không có sức lực. Phật tuy biết nhưng vẫn hỏi A-nan nguyên do, A-nan bạch Phật rõ nguyên do, Phật nói: "từ nay ta khai cho Bí-sô Ức nhĩ được tùy ý ăn cháo", cụ thọ A-nan đến nói lại lời Phật cho Ức nhĩ nghe, Ức nhĩ hỏi: "Phật khai cho tất cả đại chúng hay chỉ riêng cho tôi?", đáp là khai riêng cho thầy, Ức nhĩ nói: "do nhân duyên các vị đồng phạm hạnh sẽ chê cười tôi là Ức nhĩ vốn con nhà giàu có ở thành Chiêm ba, đã bỏ cả bảy voi chúa để xuất gia, nay lại cầu được ăn cháo hay sao. Nếu Phật vì tôi mà khai cho tất cả đại chúng được ăn cháo thì tôi sẽ theo chúng ăn", A-nan trở về bạch lại Phật, Phật nói: "ta nhân việc này vì Ức nhĩ khai cho đại chúng được ăn cháo". Lúc đó các cư sĩ, Bà-la-môn tịnh tín đem nhiều loại cháo ngon đến cúng cho đại chúng, vua Ảnh Thắng nghe biết việc này liền đem ngàn mẫu ruộng tốt cúng cho Tăng, các Bí-sô không dám thọ, bạch Phật, Phật nói: "vì Tăng nên thọ, quả trái thu hoạch được đại chúng cùng thọ dụng".

**5. Nhiếp tụng thứ năm trong Biệt môn thứ ba:**

*Người tục và Cầu tịch,*
*Không được cùng ngồi chung,*
*Trừ khi có nạn duyên,*

*Ngồi chung không thành lỗi.*

Phật tại thành Thất-la-phiệt, cụ thọ Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Bí-sô nghe pháp có được cùng ngồi chung với người tục không?", Phật nói: "không được, trừ nạn duyên không phạm", lại hỏi có được cùng Cầu tịch ngồi chung không, Phật nói: "không được, cho đến không được ngồi cùng tòa với người nhỏ tuổi, huỳnh môn, người ô nhục Bí-sô ni, người phạm ngũ nghịch, ngoại đạo, người hướng đến ngoại đạo, tặc trụ, người hành Biệt trụ, người phạm Bất cọng trụ, trừ có nạn duyên không phạm", lại hỏi có được ngồi chung với người thọ học không, Phật nói không được như trên, không được ngồi chung một giường cây cũng giống như vậy.

**6. Nhiếp tụng thứ sáu trong Biệt môn thứ ba:**

*Đang làm đừng bảo dậy,*
*Ngồi theo tuổi, chậu nhuộm,*
*Nên cùng giữ vườn Tăng,*
*Đừng đốt gỗ xây dựng.*

Phật tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó các Bí-sô đang ngồi trên ghế làm các việc như giặt, nhuộm, may... Lục chúng Bí-sô đến bảo họ đứng dậy để mình ngồi làm khiến họ bỏ dở công việc. Các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "khi Bí-sô đang giặt, nhuộm... thì không được bảo họ đứng dậy, ai làm trái thì phạm tội Ác tác". Lục chúng Bí-sô tự ỷ

mình là bậc Thượng tòa nên đi đến đâu cũng bảo người khác đứng dậy để mình ngồi, có Bí-sô không chịu đứng dậy, Phật nói: "nên ngồi theo thứ lớp tuổi hạ". Sau đó khi các Bí-sô đang ăn, Lục chúng Bí-sô đến sau liền bảo họ đứng dậy, Phật nói: "khi Bí-sô đang ăn, Thượng tòa đến sau không được bảo người nhỏ hơn đứng dậy, ai làm thế thì phạm tội Ác tác, nên tùy chỗ mà ngồi ăn". Lúc đó cụ thọ Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Phật nói khi Bí-sô đang ăn không được bảo đứng dậy, như thế nào là đang ăn?", Phật nói: "dưới cho đến thọ muối, thọ lá cây dựng thức ăn đều không được bảo đứng dậy". Sau đó Lục chúng Bí-sô đến chỗ ngồi của bậc Thượng tòa cố ý thọ thực trước để không bị bảo đứng dậy, Phật nói: "không được đến ngồi chỗ của bậc Thượng tòa cố ý thọ thực trước, ai làm thế thì phạm tội Ác tác, Bí-sô nên biết ngồi theo thứ lớp".

Trong Tăng có thùng chứa nước thuốc nhuộm và thau chậu dùng để nhuộm, một Bí-sô lấy các vật dụng này dùng để nhuộm y trước, Lục chúng Bí-sô đến sau giành lấy dùng trước khiến Bí-sô kia phải bỏ dở công việc đang làm. Phật nói: "nếu là vật của Tăng, người khác lấy trước đang dùng thì không được đoạt lấy, chờ làm xong mới lấy, chưa xong mà đoạt lấy thì phạm tội Ác tác". Sau đó Lục chúng Bí-sô chỉ nhuộm có một miếng vải nhỏ mà cố ý ngâm mãi trong chậu nước nhuộm, không để cho người khác lấy dùng, Phật nói: "nếu nhuộm cả

tấm vải mới gọi là nhuộm, không được vì nhuộm một miếng vải nhỏ mà ngăn không cho người khác dùng, ai làm thế thì phạm tội Ác tác".

Duyên xứ như trên, lúc đó trưởng giả Cấp-cô-độc làm hàng rào cây chung quanh rừng Thệ đa, có người tục phá để lấy gỗ mang đi, bạch Phật, Phật nói nên sai người ngăn giữ. Khi sai người ngăn giữ, kẻ trộm vất lại gỗ bỏ chạy, không ai nhặt lại nên các cây gỗ này bị hư mục, bạch Phật, Phật nói: "cây nào hư mục thì đưa vào nhà trù làm củi đun, cây gỗ nào còn dùng được thì đưa cho người trông coi việc xây dựng". Lúc đó Lục chúng Bí-sô lấy những cây gỗ còn dùng xây dựng được chẻ làm củi đun nấu nước nhuộm, bạch Phật, Phật nói: "Bí-sô không được đốt cây gỗ còn dùng xây dựng được, ai làm thế thì phạm tội Ác tác".

**7. Nhiếp tụng thứ bảy trong Biệt môn thứ ba:**

*Vật trưởng giả đã thí,*
*Hỏi rồi nên cất giữ,*
*Đừng chiếm chỗ người khác,*
*Rửa sạch mới vào chùa.*

Phật tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó trưởng giả Cấp-cô-độc xin Phật cho cúng Tăng ở trong rừng Thệ đa, Phật nói tùy ý. Trong rừng Thệ đa có bao nhiêu cây, cây mang tên giống đực thì trưởng giả dùng y phục người nam trang hoàng, cây mang tên

giống cái thì trưởng giả dùng y phục người nữ trang hoàng. Như thế trang hoàng khắp nơi từ trong sân chùa, chỗ kinh hành... cho đến trong nhà ăn rồi xả thí cho Tăng, các Bí-sô không biết phải làm sao nên bạch Phật, Phật bảo nên hỏi trưởng giả, hỏi thì trưởng giả nói là vật cúng ở đâu thì thuộc của nơi đó. Phật nói: "những y phục trang hoàng trên các cây cho đến các nơi khác nên cất vào trong rương, đợi khi có đại hội trong rừng Thệ đa thì đem ra trang hoàng trở lại. Trên tường thì nên họa vẽ, trong nhà ấm thì nên mua củi đun, trong nhà tắm thì nên mua các vật dùng cần dùng, trong nhà chứa nước thì nên chứa nước cho đủ cung cấp nước uống đúng thời và phi thời cho đại chúng, trong nhà nuôi người bịnh nên cung cấp thức ăn ngon. Những vật gần Tăng phòng, trước hiên, chỗ kinh hành thì Hiện tiền tăng được chia; những vật ở trong sân, trong chùa thì Tứ phương tăng được thọ dụng".

Lúc đó các Bí-sô ở trong thiền đường tu thiện pháp để đoạn hoặc, Lục chúng Bí-sô đến bảo người khác đứng dậy cho họ ngồi, Phật nói: "những chỗ đó không nên dựa vào tuổi hạ làm cho các Bí-sô xao động, nếu ai làm thế thì phạm tội Việt pháp". Có Bí-sô tạm xuất thiền đứng dậy kinh hành một lát, Lục chúng Bí-sô liền ngồi vào chỗ đó làm cho Bí-sô bỏ dở việc ngồi thiền, Phật nói: "chỗ mà người khác đã ngồi trước thì không nên giành ngồi. Bí-sô khi muốn kinh hành nên lấy gối hay Tăng

khước kỳ để trên chỗ ngồi rồi mới đi".

Lúc đó có Bí-sô khách đến chùa đập giũ giày da vào cột trụ trước hiên, Bí-sô cựu trụ thấy liền chê trách, bạch Phật, Phật nói: "nay ta chế pháp thức cho Bí-sô đi đường như sau: Bí-sô đi đường khi muốn vào trong chùa nào hãy tìm chỗ để nước, để bát một bên, đập giũ y rồi rửa tay chân sạch sẽ cho không còn bụi đất, kế đổ nước sạch vào bình, dùng giẻ lau giày da xong, đắp y cho tề chỉnh rồi mới thung dung vào trong chùa".

**8. Nhiếp tụng thứ tám trong Biệt môn thứ ba:**

*Dao và nhíp của Tăng,*
*Dùng xong không giữ luôn,*
*Khi tiểu tiện xong rồi,*
*Không ở lâu trong đó.*

Phật cho cất chứa dao cạo và nhíp, lúc đó Lục chúng Bí-sô lấy dao cạo và cái nhíp của Tăng dùng xong rồi cất giữ luôn, không đem trả lại nói là để sau này dùng nữa. Các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Bí-sô dùng dao của Tăng xong không được cất giữ luôn, cho đến các vật dụng khác như nhíp, đá mài... cũng như vậy".

Lúc đó Lục chúng Bí-sô vào tiểu tiện xong cứ ở mãi trong đó để ngăn ngại người khác, cố ý xúc não họ khiến họ chê trách bạch Phật, Phật nói: "tiểu tiện xong không được ở mãi trong đó, nếu cố ý làm

vậy thì phạm tội Ác tác, cố ý xúc não người khác cũng phạm như vậy".

**9. Nhiếp tụng thứ chín trong Biệt môn thứ ba:**

*Trang hoàng chung quanh tháp,*
*Bài trí các Thánh tích,*
*Nước đục tùy uống dùng,*
*Nước mặn phân biệt biết.*

Lúc đó trưởng giả Cấp-cô-độc muốn trang hoàng tháp thờ móng tay của Phật và bài trí các Thanh tích nhưng không biết làm như thế nào, Phật nói: "bắt đầu từ hình tượng Bồ-tát từ cõi trời Đổ-sử-đa hạ sanh để hóa đạo hữu tình cho đến khi nhập Niết-bàn, các Thánh tích trong bổn sanh được tùy ý làm".

Lúc đó các Bí-sô đi đường gặp nước đục, nghi ngại nên không dám múc nước uống, Phật nói: "nước soi thấy mặt đều có thể uống dùng, nếu soi không thấy mặt thì cần có người trao cho mới uống. Nếu quá đục thì nên bỏ trái Yết đắc ca hay trái Bồ đào chờ lắng trong mới uống, hoặc bỏ bột vào", có Bí-sô bỏ nắm bột vào nước, bột tan hết trong nước, Phật nói nên thấm nước vò thành viên rồi mới bỏ vào. Lại có Bí- sô gặp nước mặn, nghi ngại không dám uống, Phật nói: "nước mặn làm muối được thì nên thọ rồi mới dùng, nước mặn không làm muối được thì tùy ý lấy dùng, chớ nghi

ngại".

**10. Nhiếp tụng thứ mười trong Biệt môn thứ ba:**

*Cơm, lạc... không phải dơ,*
*Nước trong lu cũng vậy,*
*Rửa chân, năm loại bình,*
*Thế nào gọi là sạch?,*
*Lá, tay bụm nước uống,*
*Đa nghi, rót vào bát,*
*Mang lương thực qua sông,*
*Dù chạm không thành lỗi,*
*Rửa bát nên dụng tâm,*
*Người chạm, hỏi mới thọ,*
*Đổi thức ăn, lương thực,*
*Hết nạn ngăn trở lại.*

Phật tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó có số đông Bà-la-môn, cư sĩ mở yến tiệc trong vườn hoa gần rừng Thệ đa, tiệc xong, họ đổ bỏ thức ăn dư vào trong giếng nước. Khi các Bí-sô múc nước giếng, dùng lượt lượt nước thì thấy có hạt cơm và thức ăn thừa nên nghi ngại, cho đến nước trong lu cũng không dám dùng. Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "không phải vì có thức ăn thừa mà nước thành bất tịnh, lượt rồi thì thành tịnh, không nên đổ bỏ nước". Lại có Bí-sô đến múc nước trong ao, thấy có người đang rửa bình đựng Tô dầu và bình đựng Lạc, cũng có Bí-sô đang rửa bát, chất dơ nổi trên mặt nước

và cặn của Lạc trong bình từng miếng chìm xuống nước. Bí-sô thấy rồi sanh nghi không dám dùng nước này, Phật nói: "không phải do có các vật đó mà nước thành bất tịnh, lượt rồi thì thành tịnh, dùng không phạm".

Có các Bí-sô đi đường khó tìm được nước, đến bên xe nước muốn lấy nước nhưng nghi là không sạch, do đó thiếu nước rất khốn khổ mới về đến chùa, bạch Phật, Phật nói: "nên lấy nước bên xe nước, trước nên dùng súc miệng rồi mới uống dùng", gặp lúc phi thời, Bí-sô không dám uống, Phật nói phi thời vẫn uống được. Lại có Bí-sô không dám trữ nước trong bình, Phật nói nên trữ; lại có Bí-sô đi đường không tìm được nước, gặp nước suối không dám uống, Phật nói nên xem kỹ rồi uống, uống rồi không dám múc nước thêm vào bình, Phật nói nên múc thêm. Lại có Bí-sô thấy nước đục không dám uống, Phật nói nên xem kỹ rồi uống; gặp phi thời không dám uống, Phật nói: "thời hay phi thời uống dùng không phạm, trữ nước thêm vào bình cũng không phạm". Lại có Bí-sô đi đường, thấy trong túi da đựng nước uống có miếng Lạc (phô mai) nên nghi không dám uống, Phật nói: "thời hay phi thời đều được uống dùng, trên đây đều là khai cho uống dùng khi gặp các nạn duyên, nếu hết nạn duyên thì chế ngăn trở lại, ai tiếp tục uống dùng như thế thì phạm tội Ác tác".

Có các Bí-sô du hành đến chỗ nuôi bò, tìm

nước rửa chân không có, chủ trại bò đưa nước Lạc lượt rồi cho rửa chân, Bí-sô không dám dùng, bạch Phật, Phật nói: "nếu gặp nơi không có nước, được nước Lạc lượt rồi thì nên dùng". Lại có Bí-sô đến chỗ người chăn bò mượn bình lấy nước, họ đưa bình đựng Tô dầu, Bí-sô không dám dùng, Phật nói: "có năm loại bình, đó là bình đại tiện, bình tiểu tiện, bình đựng rượu, bình đựng dầu, bình đựng lạc. Ba loại bình trên không được dùng chứa nước uống dùng, nếu lở đựng thì bỏ đi; hai loại sau phải dùng muối, đất, phân bò, nước tẩy tẩy sạch rồi mới được đựng nước, thời hay phi thời tùy ý uống dùng".

Có một Bí-sô uống nước phi thời bỗng ợ lên mùi thức ăn nên lo sợ, Phật nói: "nên rửa tay sạch rồi súc miệng, súc miệng sạch rồi mới uống nước", cụ thọ Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Phật bảo nên súc miệng sạch, như thế nào gọi là sạch?", Phật nói: "khi ăn uống đúng thời hay phi thời xong đều nên súc miệng bằng nước sạch hai ba lần, để trừ mùi hôi của thức ăn dính trong răng miệng. Ai không làm như vậy thì phạm tội Ác tác". Có một Bí-sô cầm bình nước đưa lên miệng uống phi thời, muỗi có trong bình bay ra chích, Phật nói: "không nên cầm bình đưa thẳng lên miệng uống, nên rót ra ly hay tách để uống". Có Bí-sô muốn làm bình quân trì để lượt nước nhưng không biết làm sao, Phật nói: "nên dùng miếng cây hay miếng gạch để bên trong

ngăn không cho trùng lọt vào được". lúc đó có Bí-sô đi đường muốn uống nước, Phật bảo lấy lá cây đựng nước uống, Bí-sô thấy có lá xanh nhưng không có người hái trao cho, Phật nói nên nhặt lá vàng rơi, nếu không có lá vàng rơi thì tự hái lá trên cành, nếu hái không được thì đến chỗ khuất súc miệng rồi đưa bình lên miệng uống. Trường hợp khai khi có nạn duyên và chế ngăn trở lại đều giống như trên. Trong Tăng có Bí-sô tên Hiệt ly bạt đề tâm hay đa nghi, lúc đó Bí-sô này thấy nước trong bình chảy xuống đất liền nghi có ai sang nước vào bát tức là ác xúc (chạm vào thành bất tịnh gọi là ác xúc) nên không uống dùng. Phật nói: "Các chất lỏng đều phải chảy xuống không thể chảy ngược lên, nên uống dùng chớ nghi ngại. Các loại nước khác như sữa, lạc, nước ép trái cây... cũng như vậy nên biết".

Có Bí-sô tháp tùng theo các thương nhân đi đường, Cầu tịch mang lương thực đi phía sau, lúc đó thương nhân tạm dừng nghỉ xong muốn đi tiếp nói với Bí-sô: "hãy đỡ hàng hóa lên giúp tôi", Bí-sô không dám đỡ lên, Phật nói nên đỡ lên giúp họ; sau đó họ lại nhờ đỡ xuống, Bí- sô không dám đỡ xuống, Phật nói nên đỡ xuống giúp họ. Khi Cầu tịch mang lương thực đi đến, do vác nặng rất nhọc mệt nên nói với Bí-sô: "thầy tạm mang giúp, cho tôi được nghỉ một lát", Bí-sô không chịu mang giúp, Phật nói: "nên dùng dây cột bao lương thực

lại rồi bảo Cầu tịch cầm dây, Bí-sô vác bao lương thực cho Cầu tịch được nghỉ một lát"; sau đó Bí-sô nghi ngại không dám ăn lương thực này, Phật nói ăn không phạm. Lại có các Bí-sô tháp tùng theo các thương nhân đi đường gặp giặc cướp hết hàng hóa, Cầu tịch cũng vất hết lương thực để bỏ chạy, Bí-sô không lượm lấy lại cũng bỏ chạy luôn. Sau đó Bí-sô bảo Cầu tịch trở lại lượm lấy lương thực, Cầu tịch nói: "thầy muốn giặc giết tôi hay sao, thầy muốn lấy thì tự đi lấy", Bí-sô không dám trở lại lấy, Phật nói nên tự đi lấy, Bí-sô sau khi trở lại lấy lương thực mang về lại không dám ăn, Phật nói ăn không phạm. Lại có một Bí-sô bảo Cầu tịch vác lương thực, muốn qua sông không biết phải làm sao, Phật nói: "nên hỏi Cầu tịch có thể vác lương thực qua sông được không; nếu đáp là chỉ có thể qua một mình, không thể vác theo lương thực thì Bí-sô phải mang giúp qua sông. Nếu Cầu tịch nói không đủ sức qua sông huống chi là vác thêm lương thực, Bí-sô nếu có thể vừa đỡ Cầu tịch vừa vác lương thực để qua sông được thì tốt; nếu không thể thì vác lương thực qua sông trước rồi đỡ Cầu tịch qua sau", vác lương thực qua sông rồi Bí-sô không dám ăn, Phật nói ăn không phạm.

Có một Bí-sô khi rửa bát thấy có vết nứt, Phật nói: "nên dụng tâm rửa hai ba lần, dù có vết nứt dùng cũng không phạm"; lại có Bí-sô khi rửa bát thấy trong kẻ nứt có hạt cơm, nghi ngại không dám

dùng, Phật nói: "dùng cọng cỏ khều ra rồi rửa sạch lại hai ba lần, được tùy ý thọ dụng". Lại có Bí-sô dùng bát cũ đựng nước nóng, chất dơ nổi lên trên mặt nước nên nghi ngại không dám uống, Phật nói: "nên vớt bỏ váng bẩn đó rồi uống"; lại có Bí-sô rửa bát xong đem cất, đến ngày thứ ba lấy ra rửa lại để dùng thì bát bể, Phật nói rửa rồi nên dùng để ăn ngay.

Có một Bí-sô khất thực xong trở về trú xứ để đó rồi đi, một Bí-sô khác khất thực trở về để bát của mình lên trên bát của vị kia, Bí-sô kia nghi ngại không dám ăn, Phật nói: "nếu có người trao cho, thọ rồi mới ăn, nếu không có người trao thì sớt bỏ phần thức ăn ở bên trên rồi ăn không phạm". Lại có Bí-sô khất thực trở về để bát đó rồi đi, một người tục đến chạm vào bát, Bí-sô thấy liền nên hỏi: "ông muốn ăn thức ăn này phải không?", nếu đáp là do thấy ruồi bu hay cỏ lá rơi vào nên lượm bỏ ra thì Bí-sô nên thọ rồi mới ăn; nếu đáp là muốn ăn thức ăn này thì Bí-sô nên sớt bớt thức ăn cho họ rồi mới ăn. Lại có Bí-sô khất thực trở về để bát đó rồi đi, Cầu tịch khất thực về sau liền để bát của mình lên bát của Bí-sô, Bí-sô nghi ngại không dám ăn, Phật nói: "nên sớt bỏ phần cơm bên trên rồi tùy ý ăn". Có Bí-sô đi đường, không có người tục hay Cầu tịch mang lương thực giúp, Phật nói: "nên nói với thí chủ, nếu không có thí chủ thì phải tự mang, sau đó gặp người tục đổi thức ăn để ăn; nếu không

đổi được thì nên chia thức ăn làm hai phần, đưa cho người tục một phần, khi họ cầm liền xin đổi lẫn nhau rồi mới ăn. Nếu cũng không được thì ngày thứ nhất nên nhịn ăn, qua hôm sau nếu có người trao thì thọ lấy rồi ăn; nếu không có người trao thì Bí-sô nên lấy thức ăn vừa bằng nắm tay để ăn; qua ngày thứ ba cũng không có người trao thì Bí-sô nên lấy thức ăn vừa bằng hai nắm tay để ăn; qua ngày thứ tư cũng không có người trao thì Bí-sô được tùy ý ăn no không phạm". Có Bí-sô đi đường hết lương thực, thấy có trái chín rụng trên đất, Phật nói: "nên lượm tác tịnh, thọ rồi ăn; nếu không có tịnh nhơn, không có tác tịnh, thọ rồi cũng có thể ăn. Nếu không có người trao, nên tự lấy rồi khởi tưởng đang ở Bắc Câu lô châu thì được ăn; nếu trái chín trên cây chưa rụng xuống, nên leo lên rung cây cho rụng xuống rồi tự lượm lấy ăn. Tất cả việc trên đều là khai cho khi gặp nạn duyên, khi hết nạn duyên thì chế ngăn trở lại, ai làm khác thì phạm tội Ác tác".

## IV. TỔNG NHIẾP TỤNG CỦA BIỆT MÔN THỨ TƯ:

*Cho phần ruộng, không nên,*
*Ở trần, định vật cho,*
*Y Tăng, y vãng hoàn,*
*Mía, quả, cho ở, quần.*

### 1. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ tư:

*Cho phần ruộng giúp nhau,*
*Xe, thuyền và nước sôi,*
*Quạ mổ, ruồi, không thẹn,*
*Cúng tháp, tin thiểu dục.*

Phật ở trong Trúc lâm, thành Vương xá, lúc đó vua Ảnh Thắng đem ruộng một ngàn mẫu cúng cho Tăng, các Bí-sô thu hoạch rồi lại bỏ bê không chăm sóc khiến cho ruộng tốt trở thành bãi cỏ hoang. Khi vua nhìn thấy không nhận ra là ruộng của mình nên hỏi đại thần là ruộng của ai, đại thần nói rõ nguyên do, vua nói: "vì sao Tăng không chia phần cho người khác?", các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "nên chia phần cho cư sĩ canh tác". Sau đó hoa mầu thu hoạch được các Bí-sô không lấy phần mà cho người canh tác hết, Phật nói nên lấy phần, những người canh tác sau khi lấy phần của mình xong, bỏ lại phần của Tăng ở đó rồi đi, Phật nói nên cho chở về chùa, khi chở về đến chùa lại bị trộm cắp, Phật bảo nên coi giữ. Lúc đó xe chở phần lúa của Tăng về chùa, do nặng nên muốn nghiêng đổ, người đánh xe gọi Bí-sô đỡ xe giúp họ, Bí-sô không dám chạm vào xe lúa, Phật nói nên đỡ xe giúp họ. Có Bí-sô bịnh đi trên đường, người đánh bảo Bí-sô lên xe ngồi, Bí-sô nghi ngại không dám lên xe, Phật nói: "chỉ tránh ngồi chỗ lái xe, ngồi chỗ khác không phạm". Trường hợp thuyền chở vật thực của Tăng bị mắc cạn, người lái thuyền nhờ Bí-sô đẩy giúp họ, Bí-sô không dám

chạm vào thuyền chở vật thực, Phật nói nên đẩy giúp họ. Lại có Bí-sô đi đường bộ nhọc mệt, người lái thuyền bảo Bí-sô lên thuyền, Bí-sô nghi ngại không dám lên thuyền, Phật nói như trên. Trường hợp người vác phần lúa của Tăng về chùa muốn dừng nghỉ một lát nên nhờ Bí-sô đỡ xuống giúp, Bí-sô nghi ngại không dám đỡ, Phật nói nên đỡ giúp họ. Lại có người vác nặng quá mệt nên nhờ Bí-sô vác hộ cho họ được nghỉ một lát, Bí-sô nghi ngại không dám vác, Phật nói: "nên dùng dây cột bao vật thực lại rồi bảo người đó cầm dây, Bí-sô vác giúp họ không phạm". Có trường hợp vác vật thực đi giữa đường gặp giặc liền bỏ lại vật thực chạy, giặc đến lấy vật thực mang đi, Phật nói: "đừng bỏ vật thực lại, nếu không có người tục thì bảo Cầu tịch mang, Cầu tịch cũng không có thì Bí-sô tự mang", Bí-sô tự mang vật thực nên không dám ăn, Phật nói ăn không phạm. Lúc đó trong nhà trù, Tăng đang nấu Tô lạc, do lửa cháy mạnh nên sôi trào ra ngoài, nếu không có tịnh nhơn ở đó thì nồi Tô này bị hư. Phật nói: "khi đang nấu không nên bảo tịnh nhơn đi ra ngoài, nếu có việc phải bảo ra ngoài thì Bí-sô nên rút bớt củi ra, nếu thấy còn sôi thì lấy cái vá khuấy đều cho lắng xuống. Trường hợp nấu thuốc sôi trào ra ngoài cũng như trên, các trường hợp trên đều vì có nạn duyên mà khai, khi hết nạn thì chế ngăn trở lại, ai vi phạm thì phạm tội Ác tác".

-oOo-

# CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ NI ĐÀ NA MỤC ĐẮC CA

## QUYỂN 10

### 1. Nhiếp tụng thứ nhất trong Biệt môn thứ tư (tiếp theo):

Phật tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó có nhiều thương nhân thỉnh Phật và Tăng đến trong viên lâm thiết trai cúng dường, họ dọn lên đầy đủ các món ăn ngon nhưng chưa kịp dâng cúng thì nghe tin hàng hóa bị cháy, liền bỏ chạy về cứu hỏa. Lúc đó đã đến giờ ăn nhưng không có người trao cho, Bí-sô không biết phải làm sao, Phật nói: "tâm xả của thí chủ đã thành, các thầy nên khởi tưởng đang ở Bắc Câu lô châu mà tự lấy ăn, chớ nên nghi ngại".

Lúc đó có quạ bay đến trong nhà bếp mổ lấy thức ăn, Bí-sô nghi ngại không dám ăn, Phật nói bỏ chung quanh chỗ bị mổ rồi ăn không lỗi. Bí-sô chưa kịp ăn, quạ lại bay đến mổ thức ăn, họ nghi ngại không dám ăn, Phật nói như trên.

Bí-sô Hiệt ly bạt đề vào nhà xí thấy ruồi đậu chỗ bất tịnh rồi lại bay đến trong nhà bếp, liền nói với các Bí-sô: "tôi vừa thấy ruồi này trong nhà xí,

nay lại bay đến trong nhà bếp, thức ăn thành bất tịnh không nên ăn", Phật nói: "loài ruồi nhặng bay đến đậu những nơi dù là xứ hay phi xứ thì thức ăn đó cũng không thành bất tịnh, ăn không phạm".

Có Bí-sô muốn nhuộm y, thấy vò đựng tô dầu của tăng cho là vò đựng nước nhuộm nên lấy mang đi, sau xem lại mới biết là lấy nhầm liền vất một bên. Phật nói: "nếu mang lên gác, chưa đi được nửa đường thì nên đem trở xuống để trên đất; nếu đã đi hơn nửa đường thì nên đem lên gác để ở chỗ bằng phẳng". Có Bí-sô không xem kỹ chỗ để khiến bình nghiêng làm đổ dầu ra ngoài, Phật nói: "nên lấy vật kê, đừng để nghiêng đổ". Lại có Bí-sô vô ý chạm vào thức ăn nên Bí-sô này không dám ăn, Phật nói: "thức ăn này tịnh nên ăn, có hai loại thức ăn từng xúc chạm qua nhưng ăn không có lỗi: một là bị người không có tàm quý xúc chạm, hai là người có tàm quý vô ý xúc chạm. Cả hai loại này đều tịnh, ăn không phạm".

Lúc đó có nhiều Bí-sô đi khắp bốn phương để lễ tháp, các cư sĩ đem hương hoa, hương bột, hương đốt, vải lụa... gởi cho các Bí-sô cúng dường tháp. Bí-sô có ngoại duyên nên không đem những vật gởi này đến cúng dường tháp theo bổn ý của họ, không biết phải làm sao nên bạch Phật, Phật nói: "có bốn tháp lớn cố định: một là nơi Bồ-tát đản sanh, hai là nơi Bồ-tát thành chánh giác, ba là nơi Phật chuyển pháp luân và bốn là nơi Phật nhập

Niết-bàn. Nếu bổn ý của thí chủ muốn cúng dường tháp khác, dù Bí-sô đem cúng vào bốn tháp này cũng không làm trái bổn ý của họ. Nếu họ muốn cúng vào bốn tháp này, vì có ngoại duyên thì chỉ cần cúng một trong bốn tháp cũng được vì chúng tương thông nhau, không cần phải đem đến các tháp khác cúng nữa".

Cụ thọ Ưu-ba-ly hỏi Phật: "có hai Bí-sô hiềm khích nhau nên dùng những lời trái nhau để hủy báng thì trong hai người này, người nào đáng tin, người nào không đáng tin?", Phật nói: "nên tin người trì giới, nếu cả hai cùng trì giới thì nên tin người đa văn, nếu cả hai đều đa văn thì nên tin người thiểu dục, nếu cả hai đều thiểu dục thì nên tin người thiểu dục nhất", lại hỏi: "nếu cả hai đều là thiểu dục nhất thì nên tin ai?", Phật nói: "nếu cả hai đều là thiểu dục nhất mà lại hiềm khích nhau, dùng lời trái nhau để hủy báng thì không có lý đó".

**2. Nhiếp tụng thứ hai trong Biệt môn thứ tư:**

*Không nên bảo tặc trụ,*
*Huỳnh môn... các hạng người,*
*Cho đến người thọ học,*
*Hành trù phá tăng chúng.*

Cụ thọ Ưu-ba-ly hỏi Phật: "nếu sai kẻ tặc trụ hành trù thì có thành phá Tăng không?", Phật nói không thành, lại hỏi: "nếu sai huỳnh môn cho đến

người hành Biệt trụ hành trù thì có thành phá Tăng không?", Phật nói không thành, lại hỏi: "nếu sai người phạm tứ trọng hành trù thì có thành phá Tăng không?", Phật nói không thành, lại hỏi: "nếu sai người thọ học hành trù thì có thành phá tăng không?", Phật nói không thành.

**3. Nhiếp tụng thứ ba trong Biệt môn thứ tư:**

*Không ở trần, khoác y,*
*Dầm mưa, vào nhà trù,*
*Tiện lợi, nên khâu vá,*
*Trộn hồ, phước tăng trưởng.*

Lúc đó Lục chúng Bí-sô ở trần nằm ngủ trên ngọa cụ của Tăng, vung tay đáp chân làm cho rách, Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "không nên ở trần nằm ngủ trên ngọa cụ của Tăng, ai làm thế thì phạm tội Ác tác, ngọa cụ của Tăng nên dùng vật bọc lại". Lục chúng Bí-sô lại khoác y của Tăng ra chỗ trống trải kinh hành, gặp mưa làm thấm ướt nên hư hoại, Phật nói: "không nên khoác y của Tăng ra chỗ sương gió, đội mưa kinh hành, ai làm thế thì phạm tội Ác tác". Lục chúng Bí-sô lại khoác y của Tăng vào trong nhà trù bị khói bám làm cho hư hoại, Phật nói: "không nên... cho đến ai làm thế thì phạm tội Ác tác". Lại khoác y của Tăng vào chỗ tiện lợi, Phật nói không nên cho đến ai làm thế thì phạm tội Ác tác.

Lúc đó các Bí-sô thấy ngọa cụ của Tăng hư hoại nên đem vất bỏ, Phật nói: "không nên vất bỏ, nếu thấy sắp rách thì dùng chỉ dài khâu lại, nếu thấy có lỗ thủng thì dùng miếng vải vá lại, nếu bên trong cũ mục thì nên may hai lớp, nếu quá cũ mục thì dùng làm tim đèn hoặc băm nhỏ ra trộn với phân bò, bùn làm hồ để trét vào lỗ cột hay tô vách tường. Làm như vậy sẽ khiến cho thí chủ đã cúng vật vào phước điền được tăng trưởng phước đức".

**4. Nhiếp tụng thứ tư trong Biệt môn thứ tư:**

*Định vật cúng nơi này,*
*Không đem cho nơi khác,*
*Nếu đã mang đem cho,*
*Tính giá đền trả lại.*

Phật tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó có trưởng giả xây cất một trú xứ cúng cho Tăng với đầy đủ vật cần dùng, lại thỉnh thêm một Bí-sô khác đến làm người coi ngó công việc. Vị này có nhiều đệ tử ở các nơi khác đến để kính lễ, kính lễ rồi muốn đi, vị này nói: "trưởng giả chủ chùa thỉnh ta làm tri sự, các thầy đợi ăn rồi hãy đi", các đệ tử nói: "Ô-ba-đà-da, nếu có thức ăn thì cho chúng con mang về trú xứ cùng ăn", đáp là tùy ý. Các đệ tử liền tùy ý lấy thức ăn, dầu đèn, giày da, củi cho đến rau cải hoa quả đều mang đi khiến cho các vật dụng trong chùa gần hết sạch. Các Bí-sô cựu trụ thấy việc này

rồi đến nói với thí chủ: "trưởng giả biết không, các vật dụng mà ông đã cúng cho chùa này gần hết sạch rồi", trưởng giả nói: "trong chùa không có nhiều Bí-sô, vì sao các vật dụng đã cúng chưa dùng bao lâu mà lại gần hết sạch?", các Bí- sô kể lại việc trên, trưởng giả nghe rồi chê trách, bạch Phật, Phật nói: "Bí-sô ở trú xứ khác không được lấy thức ăn cho đến các vật dụng trong chùa này mang về trú xứ mình, cũng không được đem vật dụng trong chùa này cho chỗ khác. Bổn ý của thí chủ cúng thức ăn và các vật dụng cho người ở trong chùa này thì không được đem cho người ở chùa khác, nếu đã đem cho thì nên tính giá của các vật đó mà đền trả lại".

**5. Nhiếp tụng thứ năm trong Biệt môn thư tư:**

*Y Tăng đề thí chủ,*
*Y mình làm dấu riêng,*
*Gia - cá nhân được nhận,*
*Hạ - ni nên tu sửa.*

Phật tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó có hai anh em xuất gia, Bí-sô tri sự mang y của Tăng đến gởi cho Bí-sô anh rồi đi, sau đó Bí-sô em đến chỗ anh để y của mình gần bên y của Tăng đã gởi, khi ra về cầm lộn y của Tăng cho là y của mình mang đi. Sau đó Bí-sô tri sự trở về thấy có y khác cho là Tăng được nhiều lợi vật, Bí-sô anh nói không có, Bí-sô

tri sự liền hỏi y này của ai, đáp là y của thầy đã gởi, Bí-sô tri sự nói: "y của Tăng to lớn, y này nhỏ hẹp, chắc có ai đó đến đây cầm lộn y của Tăng mang đi rồi". Bí-sô anh liền đến chỗ Bí-sô em để hỏi có lấy lộn không thì thấy có y của Tăng nên trách Bí-sô em, Bí-sô em nói: "em không cố ý lấy, nếu là y của Tăng thì anh cứ lấy mang đi", Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: "y của Tăng nên làm dấu", Bí-sô không biết làm dấu như thế nào, Phật nói: "nếu là y vật của Tăng thì nên ghi tên thí chủ cúng, nếu là y riêng thì nên làm dấu riêng".

Lúc đó có người đem giạ lông và nệm nhỏ cúng cho Tăng, Phật nói Tăng nên thọ và cá nhân cũng được thọ; lại có người đem giường lớn, chân giường tiện tròn đến cúng cho Tăng, Phật nói: "Tăng được thọ nhưng cá nhân không được".

Như Phật đã dạy ni trong an cư, nếu có duyên sự thì được du hành trong nhân gian, lúc đó các ni an cư xong không tu sửa lại trú xứ liền bỏ đi khiến cho trú xứ này bị hư hoại. Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "Bí-sô ni an cư xong nên tu sửa trú xứ, ai không tu sửa thì phạm tội Ác tác".

**6. Nhiếp tụng thứ sáu trong Biệt môn thứ tư:**

*Y vãng hoàn người chết,*
*Đem trả lại nên nhận,*

*Vì chúng mượn tài vật,*
*Đem vật chúng trả lại.*

Lúc đó có người qua đời, thân thuộc đem vào trong Thi lâm táng, họ mang y vật của người chết về nhà rồi hồi thí cho Tăng, Bí-sô không dám nhận, Phật nói nên nhận. Sau đó do họ nghèo nên đến hỏi mượn lại các vật ấy, Phật nói nên cho mượn; khi họ đem trả lại, Bí-sô không chịu nhận, Phật nói nếu đem trả lại thì nên nhận.

Lúc đó có Bí-sô thọ sự vay mượn tài vật của người để lo việc xây cất cho Tăng, không may qua đời. Chủ nợ hay tin liền đến trong chùa đòi nợ, Bí-sô nói: "Bí-sô ấy đã qua đời, hiện đang ở trong Thi lâm, ông đến đó mà đòi", cư sĩ này nói: "Bí-sô kia vay mượn tài vật để lo việc xây cất cho Tăng thì Tăng nên trả nợ ấy cho tôi", Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "nếu biết Bí-sô kia vay mượn tài vật để lo việc xây cất cho Tăng thì Tăng nên đem tài vật của Tăng trả nợ đã vay của họ. Nay ta chế hành pháp cho Bí-sô trông coi việc xây cất cho Tăng như sau: Bí-sô tri sư này phải báo cho vị trưởng lão trong chùa biết rồi mới được vay mượn của người, nên làm giấy tờ vay mượn cho rõ ràng, ai không tuân theo hành pháp này thì phạm tội Ác tác".

**7. Nhiếp tụng thứ bảy trong Biệt môn thứ tư:**

*Mía... thức ăn chia đều,*

*Không nên chia miệng bụng,*
*Bốn vật thực không chia,*
*Đêm không chia ngọa cụ.*

Phật tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó Tăng được cúng nhiều mía, như Phật đã dạy Cầu tịch được chia một phần ba nên các Bí-sô chia cho Cầu tịch một phần ba số mía. La hỗ la ngồi ở hàng cuối ăn mía xong liền nhìn Phật, Phật thấy liền hỏi ăn mía xong chưa, đáp đã ăn xong, lại hỏi muốn ăn nữa không, đáp là muốn, lại hỏi được chia bao nhiêu, đáp là được một phần ba. Phật bảo các Bí-sô: "dựa trên y lợi nên ta chế định chia cho Cầu tịch một phần ba, không phải dựa trên thực lợi. Nếu là thực lợi thì nên chia đều, ai không chia đều thì phạm tội Ác tác", sau đó lại được cúng nhiều mía, Bí-sô nghi ngai không dám chia, Phật nói nên chia đều.

Duyên xứ như trên, có một cư sĩ xây cất trú xứ cúng cho Tăng và cung cấp đầy đủ tiền thức ăn uống cho Tăng hằng ngày. Lúc đó các Bí- sô nói với nhau: "chúng ta không gặp khó khăn về ăn uống nhưng lại thiếu thốn y phục, chúng ta nên lấy tiền lo thức ăn uống này đổi lấy y phục rồi mỗi người chúng ta khất thực lại như cũ", bàn xong họ lấy tiền đó đổi lấy y phục và đi khất thực. Khi thí chủ thấy họ đi khất thực liền hỏi nguyên do, các Bí-sô nói rõ sự việc, thí chủ nghe rồi liền chê trách: "đại chúng lấy phần tiền ăn lo cho miệng bụng cùng chia hết rồi sao?". Các Bí-sô nghe biết việc

này liền bạch Phật, Phật bảo: "có bốn loại không nên chia: một là vật của Tứ phương tăng, hai là vật của tháp, ba là thuốc trị bịnh cho Tăng và bốn là phần tiền ăn lo cho miệng bụng.

Ai làm trái thì phạm tội Ác tác".

Lúc đó Lục chúng Bí-sô u hành trong nhân gian đi đến một trú vào lúc nửa đêm đòi chia ngọa cụ... cho đến câu Bí-sô cựu trụ nói: "Thượng tòa chỉ an thân có một đêm mà làm cho chúng tăng phải mệt nhọc sanh bịnh". Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "Bí-sô cựu trụ không nên chia ngọa cụ vào ban đêm, nếu khách Bí-sô chỉ ngủ lại một đêm thì nên ngủ tạm ở chỗ thân hữu; nếu ở lại lâu thêm thì mới chia ngọa cụ theo tuổi hạ cho khách. Ai làm trái thì phạm tội Ác tác".

**8. Nhiếp tụng thứ tám trong Biệt môn thứ tư:**

*Quả do Dược xoa cúng,*
*Tác tịnh rồi thọ ăn,*
*Còn dư làm nước uống,*
*Không đốt đất, đài đèn.*

Phật tại nước Thắng quân du hành đến thôn Xích sắc, tạm nghỉ trong miếu của Đại lực Dược xoa, Dược xoa này hiện thân đến trước Phật đảnh lễ rồi bạch Phật: "cúi xin Thế tôn và các Bí-sô thọ con thỉnh nghỉ qua đêm trong miếu này", Phật im lặng nhận lời. Dược xoa biết Phật đã nhận lời liền

hóa hiện ra năm trăm căn phòng với đầy đủ giường nệm và năm trăm lò sưởi than không có khói. Dược xoa chọn phòng bậc nhất cho Phật nghỉ rồi sắp xếp cho mỗi Bí-sô một phòng, sau đó bạch Phật: "cúi xin Phật và các Bí-sô vào ngày mai thọ con thỉnh thực", Phật im lặng nhận lời. Dược xoa này có một Dược xoa thân hữu tên là Đạt để ca ở nước Ca thấp di la, liền sai sứ đến nói với Dược xoa kia rằng: "tôi đã thỉnh Phật và Tăng ngày mai thọ thực, ở phương Bác có trái cây ngon gì xin hãy cho mang đến, giúp tôi thành tựu công đức này", Dược xoa kia nghe rồi liền sai sứ mang giỏ trái cây với đủ loại trái như Bồ đào, Thạch lựu... đến cúng dường. Lúc đó các Bí-sô thấy các loại trái cây này rồi liền bạch Phật, Phật bảo làm hỏa tịnh rồi ăn, các Bí-sô hỏa tịnh từng trái, Phật nói: "nên gom lại một đống rồi ở trên đó hỏa tịnh ba bốn chỗ, ăn không phạm". Chia cho chúng ăn xong vẫn còn dư, Phật bảo nên ép làm nước phi thời tùy ý uống; vẫn còn dư, Phật bảo nấu nước này rồi đổ vào trong hủ để hôm sau uống.

Lúc đó vào tháng lạnh, các Bí-sô đốt lửa trên nền gạch để sưởi làm gạch bị hư, Phật nói: "không nên đốt lửa trên nền gạch, nên lấy ngói lót ở dưới", vẫn bị hơi nóng làm tổn, Phật bảo nên làm lò lửa, Bí-sô làm lò lửa trong phòng, phòng bị khói làm hư hoại, Phật bảo nên làm lò lửa ngoài cửa, khói lại bay vào làm cay mắt, Phật bảo đợi hết khói rồi

đem vào phòng. Lúc đó có người đem cúng cây đèn một tầng, Phật nói:

"Tăng nên thọ, cá nhân cũng được thọ", lại có người cúng cây đèn hai tầng cho đến nhiều tầng, Phật nói: "Tăng nên cất chứa, cá nhân cũng được thọ không phạm".

**9. Nhiếp tụng thứ chín trong Biệt môn thứ tư:**

*Khách chủ nên biết rõ,*
*Đưa và nhận cẩn thận,*
*Đóng cửa chùa năm việc,*
*Khuỷu tay ngắn, tùy thân.*

Lúc đó có nhiều khách Bí-sô vào chùa, Bí-sô cựu trú dọn chỗ cho họ nghỉ, họ trộm cắp tài vật rồi đi, bạch Phật, Phật nói: "nếu là người quen biết mới dọn chỗ cho nghỉ, nếu chưa từng quen biết thì không nên". Sau đó có khách Bí-sô quen biết đến, dọn chỗ cho nghỉ rồi lại có khách Bí-sô không quen đến, Bí-sô cựu trụ tưởng người đến sau là bạn của người đến nên chỉ phòng cho vào, lúc đó người đến trước có việc tạm ra khỏi phòng, người đến sau này vào phòng lấy y bát của người đến trước rồi bỏ đi. Khi người đến trước trở vào phòng thì không còn thấy y bát của mình liền hỏi Bí-sô cựu trụ, đáp là bạn của thấy đã lấy đi rồi, khách nói: "tôi không có đồng bạn", Bí-sô cựu trụ hỏi: "người đến sau không phải là bạn của thầy ư?", khách đòi Bí-sô

cựu trụ bồi thường. Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "chủ chùa thấy khách đến trước sau nên hỏi người đến trước: "người này có phải là bạn của thầy không?, nếu họ lấy y bát thì có cho họ mang đi không?". Nếu người đến trước nói đừng cho lấy mà tự ý để họ mang đi thì chủ chùa phải bồi thường; nếu người đến trước nói cho lấy thì chủ chùa không phải đền".

Có trường hợp Bí-sô khách quen biết đến, Bí-sô cựu trụ dọn chỗ cho nghỉ rồi lại có khách Bí-sô quen biết đến nữa, Bí-sô cựu trụ cũng dọn chỗ cho nghỉ. Khi Bí-sô cựu trụ tạm ra khỏi phòng, vị khách đến sau vào phòng của Bí-sô cựu trụ lấy y bát rồi đi, vị khách đến trước tưởng là người ở chung phòng với Bí-sô cựu trú nên không ngăn lại. Khi Bí-sô cựu trụ trở vào phòng thấy mất y bát liền hỏi vị khách đến trước, đáp là người ở cùng phòng với thầy đã mang đi rồi, Bí-sô cựu trụ bắt khách phải đền cho mình. Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "khi khách Bí-sô đến tạm ở nên hỏi Bí-sô cựu trụ: "nếu có người đến lấy y bát của thầy thì có nên cho họ mang đi không?", nếu đáp là đừng cho mang đi mà khách lại để cho mang đi thì khách phải đền; nếu nói để họ mang đi thì khách không phải đền".

Có trường hợp Bí-sô khách gởi y cho Bí-sô cựu trụ, khi có việc phải đi dặn Bí-sô cựu trụ rằng: "nếu có Bí-sô nhỏ đến hỏi thì đưa y này cho vị ấy",

không lâu sau đó có Bí-sô nhỏ đến, Bí-sô cưu trụ liền đưa y này và vị ấy mang đi luôn. Phật nói: "nếu Bí-sô khách dặn đưa cho người nào, dù người ấy có lấy luôn thì Bí-sô cựu trụ cũng không phải đền, nhưng gạn hỏi cho kỹ rồi mới đưa thì tốt hơn". Lại có trường hợp khách Bí-sô dặn ở chỗ hiển lộ có người nghe thấy, họ liền đến gạt lấy y vật mang đi mất. Phật nói: "nên dặn ở chỗ khuất, khi có người đến lấy nên gạn hỏi, nếu nói đúng ký hiệu trên vật gởi thì mới đưa".

Lúc đó có Bí-sô đi đến bến sông xuống thuyền sắp đi nên bảo bạn đưa đãy y, Bí-sô bạn liền đưa cho. Do người đưa và người nhận không cẩn thận nên y rớt xuống sông, Bí-sô trên thuyền đòi Bí-sô trên bờ đền, Bí-sô trên bờ không chịu đền. Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "khi người kia chưa cầm thì không nên buông tay ra, nếu chưa cầm mà đã buông tay thì phải đền. Trường hợp đưa bát cũng giống như vậy".

Lúc đó tuy có người giữ chùa vẫn bị ăn trộm vào chùa lấy trộm, đại chúng nói với nhau: "phải bắt người giữ chùa bồi thường những tài vật đã bị mất cắp", liền đem việc này bạch Phật, Phật nói: "các thầy nên biết, hễ là người thọ sự khi đóng cửa chùa có năm giai đoạn: một là trên dưới chuyền gọi nhau, hai là khóa cửa, ba là khóa cửa thứ hai, bốn là đóng cửa, năm là cài then. Nếu không đóng cửa để cho kẻ trộm vào lấy hết tài vật thì tính theo giá

mà bồi thường, bị mất cắp một phần thì bồi thường một phần, nếu bị mất cắp hết thì bồi thường toàn bộ. Ngược lại nếu người giữ chùa đã có ý giữ gìn, làm năm giai đoạn trên không thiếu sót thì dù bị trộm lấy hết tài vật cũng không phải bồi thường".

Lúc đó cụ thọ Ưu-ba-ly hỏi Phật: "như Phật đã dạy Bí-sô y theo kích lượng khuỷu tay mà Phật đã chế định để may y, nếu có người thân lượng cao lớn, khuỷu tay ngắn hơn so với thân lượng thì có nên y theo khuỷu tay mà may y không?", Phật nói nên y theo thân lượng, không nên y theo kích lượng khuỷu tay mà may y.

**10. Nhiếp tụng thứ mười trong Biệt môn thứ tư:**

*Quần và Tăng khước kỳ,*
*Bùn thơm dơ y - giặt,*
*Lượm - bỏ bớt rồi ăn,*
*Nên biết mười loại bụi.*

Lúc đó quần của Bí-sô dính dầu dơ nên bốc mùi hôi, bạch Phật, Phật nói nên cất chứa thêm cái thứ hai để thay đổi (phó quần). Tăng khước kỳ lại dơ làm dơ cả đại y, Phật nói nên cất chứa thêm cái thứ hai để thay đổi (phó Tăng khước kỳ). Khi thiết hội cúng dường, các loại hương dầu, hương bột... cho đến dầu đèn dính dơ làm hoại y phục; Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "nếu dính hương bột thì chỉ cần giũ sạch rồi mặc, nếu dính hương dầu, hương bùn thì

phải giặt sạch rồi mới mặc; dính các loại dầu trên phải dùng tháo dậu (xà bông) và nước tẩy để tẩy sạch rồi mới mặc".

Lúc đó Bí-sô đang thọ thực, chưa kịp thọ thì thức ăn rơi xuống đất, muốn thọ lại nhưng không có người trao, Phật nói: "nên tự lượm lên, bỏ bớt phần dính đất rồi ăn". Lúc đó thức ăn không rơi xuống đất mà rơi vào trong canh, Phật nói nên vớt ra bỏ bớt phần dính thức ăn khác rồi ăn. Lúc đó Bí-sô theo thứ lớp khất thực, bỗng bị gió thổi bụi bay vào trong bát, Bí-sô nghi ngại không dám ăn; lại có trường hợp khi đang ăn, gió thổi bụi bay vào bát, Phật nói: "có năm loại trần (bụi): một là xúc trần, hai là phi xúc trần, ba là tịnh trần, bốn là bất tịnh trần, năm là vi trần. Nếu là xúc trần rơi dính trên y thì phải giặt sạch, nếu rơi vào bát phải bỏ bớt phần dính bụi này rồi mới ăn. Lại có năm loại trần: một là thực trần, hai là ẩm trần, ba là y trần, bốn là hoa trần và năm là quả trần. Các loại trần này nếu mắt thấy được thì thọ rồi mới ăn, nếu không thấy được thì tùy ý ăn".

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 80

# CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ BÁCH NHẤT YẾT MA

## SỐ 1453

## ( QUYỂN 1 → 10 )

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

# SỐ 1453

# CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ BÁCH NHẤT YẾT MA

*- Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh đời Đường - TQ- Việt dịch: Ban phiên dịch chùa Pháp Bảo, HT Thích Tịnh Hạnh giám tu - 2005 Hiệu đính và nhuận văn: NS Thích nữ Như Lộc tại chùa Phổ Minh - năm 2010*

## QUYỂN 1

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng Thệ đa, thành Thất-la-phiệt, Phật bảo các Bí-sô: "từ nay nếu có ai muốn ở trong pháp luật thiện thuyết cầu xuất gia và thọ Cận viên thì A-giá-lợi-da và Ô-ba-đà-da nên cho họ xuất gia và thọ Cận viên", lúc đó các Bí-sô không biết có mấy hạng A-giá-lợi-da và mấy hạng Ô-ba-đà-da, Phật nói: "có năm hạng A-giá-lợi-da:

1. Thập giới A-giá-lợi-da là vị truyền trao pháp Tam quy và mười học xứ.

2. Bình giáo (giáo thọ) A-giá-lợi-da là vị ở chỗ khuất gạn hỏi các chướng pháp (già nạn).

3. Yết ma A-giá-lợi-da là vị tác pháp bạch tứ yết ma.

4. Y chỉ A-giá-lợi-da là vị cho y chỉ ít nhất là ở lại một đêm.

5. Giáo độc (thọ kinh) A-giá-lợi-da là vị dạy đọc tụng ít nhất là bốn câu kệ pháp.

Ô-ba-đà-da có hai hạng: một là vị thầy cho ta cạo tóc, xuất gia và thọ mười học xứ, hai là vị cho ta thọ Cận viên".

Như Phật dạy vị Ô-ba-đà-da nên cho người xuất gia và thọ Cận viên, các Bí-sô không biết nên cho xuất gia và thọ Cận viên như thế nào, Phật nói:

Nếu người muốn xuất gia nên tìm đến một Bí-sô, Bí-sô này nên hỏi các chướng pháp, nếu hoàn toàn thanh tịnh thì được tùy ý nhiếp thọ. Khi đã nhiếp thọ rồi nên truyền trao cho họ pháp Tam quy và năm học xứ thành Ô-ba-sách-ca luật nghi hộ. (Hộ - tiếng Phạn gọi là Tam bạt la, dịch là ủng hộ. Do thọ quy giới, hộ trì nên không đọa trong ba đường ác. Minh liễu luận giải thích chữ Hộ này là giới thể vô biểu sắc.)

## *I. TRUYỀN PHÁP TAM QUY:*

Nên chỉ dạy người cầu xuất gia đến lễ kính vị bổn sư, quỳ gối chắp tay bạch rằng: "A-giá-lợi-da nhớ nghĩ, con tên là _____ kể từ hôm nay cho đến trọn đời xin quy y Phật đà Lưỡng túc trung tôn, quy y Đạt ma Ly dục trung tôn, quy y Tăng già Chư chúng trung tôn". (ba lần).

Bổn sư đáp: hảo (tốt) Giới tử đáp lại: thiện.

(Hảo - tiếng Phạn là Áo tỉ ca, nghĩa là phương tiện, tức là lấy Thánh giáo này làm phương tiện để

thú hướng Niết-bàn đến chỗ an lạc. Thiện - tiếng Phạn là Bà độ, là lời đáp lại sau khi tác pháp xong, nếu không nói như thế thì phạm tội Việt pháp.)

## *II. TRUYỀN TRAO NĂM HỌC XỨ:*

Giáo thọ sư dạy giới tử: "con hãy nói theo lời ta:

A-giá-lợi-da nhớ nghĩ, như các vị thánh A-la-hán cho đến trọn đời không sát sanh, không trộm cắp, không dâm dục tà hạnh, không nói dối, không uống các loại rượu. Con tên _____ từ nay cho đến trọn đời cũng không sát sanh, không trộm cắp, không dâm dục tà hạnh, không nói dối, không uống các loại rượu. Năm học xứ này con sẽ tu tập hành trì, xin A-giá-lợi-da chứng tri cho con là Ô-ba-sách-ca quy y Tam bảo, thọ trì năm học xứ. (ba lần)

Bổn sư đáp: hảo

Giới tử đáp lại: thiện.

## *III. XUẤT GIA THỌ GIỚI:*

### 1. Thỉnh Ô-ba-đà-da (Thân giáo sư):

Giáo thọ sư dạy giới tử nói theo:

A-giá-lợi-da nhớ nghĩ, con tên _____ nay xin thỉnh A-giá-lợi-da làm Ô-ba-đà-da, con nương theo Ô-ba-đà-da để được xuất gia (ba lần)

Một Bí-sô trong Tăng hỏi Bổn sư của giới tử: "thầy đã hỏi các chướng pháp chưa?", đáp là đã

hỏi. Có hỏi thì tốt, nếu không hỏi mà ở trong Tăng tác bạch thì phạm tội Việt pháp. Trường hợp cho cạo tóc xuất gia nên bạch tăng hoặc dẫn giới tử đi đến từng phòng cáo bạch, nếu bạch Tăng nên nhóm Tăng, Giáo thọ sư dẫn giới tử vào trong Tăng, kế đến trước vị Thượng tòa đảnh lễ rồi chắp tay bạch rằng:

Đại đức tăng lắng nghe, giới tử tên _____ nương theo Bí-sô _____ cầu xuất gia, nay còn hình thức bạch y chưa cạo tóc xin được ở trong thiện pháp luật xuất gia thọ Cận viên, thành tánh Bí-sô. Giới tử này nếu được cạo tóc mặc pháp y sẽ khởi tâm chánh tín, bỏ nhà đến chỗ không nhà, Bí-sô _____ làm Ô-ba-đà-da. Tăng có chấp thuận cho giới tử này xuất gia không?

Tăng nên đáp: nếu giới tử _____ thanh tịnh thì nên cho xuất gia, nếu hỏi thì tốt, không hỏi thì phạm tội Việt pháp. Có trường hợp khi cạo tóc, giới tử bỗng hối hận, Phật nói: "nên chừa lại một ít tóc trên đầu rồi hỏi giới tử có chịu cạo sạch tóc trên đầu không, nếu đáp là không thì cho họ tùy ý trở về nhà, nếu đáp là chịu thì nên cạo sạch rồi cho họ tắm rửa sạch sẽ. Nếu trời lạnh thì nên cho nước nóng tắm, nếu trời nóng nên cho nước lạnh tắm, sau đó cho mặc y phục của người xuất gia. Khi họ mặc y phục nên xem xét họ có phải là người hai căn hoặc không căn hoặc căn không đầy đủ hay không", lúc đó các Bí-sô lộ hình giới tử để xem xét

khiến giới tử hổ thẹn, Phật nói: "không nên lộ hình để xem xét, khi họ mặc quần áo, lén nhìn không để họ biết".

**2. Truyền thọ mười học xứ:**

Giáo thọ sư bảo giới tử cầm y Man điều để ngang trán tác pháp thọ rồi đắp vào để thọ Cầu tịch luật nghi hộ, kế bảo giới tử đối trước hai thầy làm lễ, quỳ gối chắp tay và dạy bạch như sau:

A-giá-lợi-da nhớ nghĩ, con tên là _____ kể từ hôm nay cho đến trọn đời xin quy y Phật đà Lưỡng túc trung tôn, quy y Đạt ma Ly dục trung tôn, quy y Tăng già Chư chúng trung tôn. Như Bạc-già-phạm, Thích ca Mâu ni, Như thật tri, Ứng chánh đẳng giác đã xuất gia; con nay cũng xuất gia, từ bỏ hình tướng thế tục, thọ trì hình tướng xuất gia, Ô-ba-đà- da của con là _____ (ba lần).

Bổn sư đáp: hảo (tốt). Giới tử đáp lại: thiện.

Giáo thọ sư dạy giới tử: "con hãy nói theo lời ta:

A-giá-lợi-da nhớ nghĩ, như các vị thánh A-la-hán cho đến trọn đời không sát sanh, không trộm cắp, không dâm dục tà hạnh, không nói dối, không uống các loại rượu, không ca múa tấu nhạc, không thoa dầu thơm và đeo tràng hoa, không ngồi giường cao tốt rộng lớn, không ăn phi thời, không cất giữ vàng bạc. Con tên _____ từ nay cho đến trọn đời cũng không sát sanh, không trộm cắp,

không dâm dục tà hạnh, không nói dối, không uống các loại rượu, không ca múa tấu nhạc, không thoa dầu thơm và đeo tràng hoa, không ngồi giường cao tốt rộng lớn, không ăn phi thời, không cất giữ vàng bạc. Mười học xứ này con sẽ tu tập hành trì, xin A-giá-lợi-da chứng tri cho con là Cầu tịch thọ trì mười học xứ. Ô-ba-đà-da của con là _____ (ba lần)

Bổn sư đáp: hảo

Giới tử đáp lại: thiện.

Giáo thọ sư bảo Cầu tịch: "con đã thọ xong mười học xứ, được gọi là thiện thọ, từ nay nên cúng dường Tam bảo, thân cận hai thầy, đọc tụng kinh, siêng tu ba nghiệp chớ có buông lung".

## *IV. TRUYỀN THỌ CẬN VIÊN:*

Khi Cầu tịch đủ hai mươi tuổi có thể cho thọ Cận viên thì Bổn sư nên lo liệu cho Cầu tịch có đầy đủ ba y, bát, đãy lượt nước, ngọa cụ rồi thỉnh Thập sư truyền thọ Cận viên cho Cầu tịch ở trên giới tràng. Thập sư vân tập và hòa hợp xong, bảo giới tử đắp y lạy ba lạy để thỉnh Ô-ba- đà-da (lạy có hai cách: một là năm vóc gieo sát đất, hai là quỳ mọp hai tay chạm vào chân thầy). Nếu vị này trước đã là Ô-ba-đà-da hoặc là A-giá-lợi-da thì tùy xưng hô, nếu không phải là hai thầy thì nên xưng là Đại đức hay tôn giả.

### 1. Thỉnh Ô-ba-đà-da:

Giáo thọ sư dạy thỉnh như sau:

Ô-ba-đà-da nhớ nghĩ, con tên là _____ xin thỉnh Ô-ba-đà-da làm Ô-ba-đà-da, xin Ô-ba-đà-da vì con làm Ô-ba-đà-da, con nương theo Ô-ba-đà-da để được thọ Cận viên (ba lần).

Thỉnh A-giá-lợi-da cũng giống như văn thỉnh trên.

**2. Thọ ba y và bát:**

Giáo thọ sư ở trong Tăng trước Ô-ba-đà-da cho giới tử thọ ba y và bát, dạy thọ như sau:

Ô-ba-đà-da nhớ nghĩ, con tên là _____ , y Tăng-già-lê này nay con xin thọ trì, đã may thành y là vật mà con thọ dụng. (ba lần)

Ô-ba-đà-da nhớ nghĩ, con tên là _____ , y Uất Đa-la tăng này nay con xin thọ trì, đã may thành y là vật mà con thọ dụng (ba lần).

Ô-ba-đà-da nhớ nghĩ, con tên là ----, y An-đà-hội này nay con xin thọ trì, đã may thành y là vật mà con thọ dụng (ba lần).

Nếu là vải chưa giặt nhuộm, chưa cắt rọc gọi chung là y tài, tạm sung vào trong số ba y thì nên thọ trì như sau:

Ô-ba-đà-da nhớ nghĩ, con tên là ----, y tài này con xin thọ trì sẽ may thành y Tăng-già-lê chín điều, hai đàn dài một đàn ngắn. Nếu không gặp trở duyên con sẽ giặt nhuộm, cắt rọc may thành y để thọ dụng. (ba lần)

Giới tử nên đưa bát trình cho đại chúng thấy, vì sợ bát quá nhỏ hay quá lớn hay màu sắc không như pháp; nếu là bát tốt như pháp thì đại chúng nên nói là bát như pháp, nếu không nói thì phạm tội Việt pháp. Giáo thọ sư bảo giới tử tay trái cầm bát, tay phải đặt lên miệng bát rồi dạy thọ trì như sau:

Ô-ba-đà-da nhớ nghĩ, con tên là ----, Bát Đa-la này là vật dụng của bậc đại tiên dùng để khất thực, con nay xin thọ trì, thường dùng để khất thực. (ba lần)

**3. Giáo thọ sư hỏi chướng pháp:**

Giáo thọ sư bảo giới tử đến chỗ chỉ thấy mà không nghe, đứng chắp tay chí thành hướng về phía đại chúng. Lúc đó Yết ma sư hỏi đại chúng: "vị nào trước đây đã thọ thỉnh làm Giáo thọ sư?", Giáo thọ sư đã thọ thỉnh đáp: "tôi tên _____ là người đã thọ thỉnh làm Giáo thọ sư", Yết ma sư lại hỏi: "thầy có thể ở chỗ khuất giáo thọ cho giới tử ---, Bí-sô _____ làm Ô-ba-đà-da hay không?", đáp là có thể, Yết ma sư ở trong Tăng tác bạch sai như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, Bí-sô tên _____ làm Giáo thọ sư sẽ ở chỗ khuất giáo thọ cho giới tử _____, Bí-sô _____ làm Ô-ba-đà-da. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay sai Bí-sô _____ làm Giáo thọ sư sẽ ở chỗ khuất giáo thọ cho giới tử ---

-, Bí-sô _____ làm Ô-ba-đà-da. Bạch như vậy.

Giáo thọ sư đưa giới tử đến chỗ khuất, bảo làm lễ rồi quỳ chắp tay nghe dạy bảo như sau: "giới tử lắng nghe, nay là giờ phút chí thành, là giờ phút nói thật, ta sẽ hỏi con vài điều, con nên bình tâm lắng nghe, nếu có thì đáp là có, nếu không thì đáp là không, không được nói hư dối"

Hỏi: con có phải là trượng phu không?, đáp phải.

- Con đủ hai mươi tuổi chưa?, đáp đủ.
- Con có đủ ba y và bát không?, đáp đủ.
- Cha mẹ còn sống không?, đáp còn sống.
- Cha mẹ có cho phép con xuất gia không?, đáp cho.

(Nếu đáp cha mẹ đã chết thì không hỏi câu này)

- Con không phải là nô tỳ phải không?
- Con không phải là vương thần phải không?
- Con không có làm nguy hại đến vua phải không?
- Con không phải là giặc phải không?
- Con không phải là huỳnh môn phải không?
- Con không có làm ô nhục Bí-sô ni phải không?
- Con không có giết cha phải không?

- Con không có giết mẹ phải không?
- Con không có giết A-la-hán phải không?
- Con không có phá hòa hợp Tăng phải không?
- Con không có ác tâm làm thân Phật chảy máu phải không?
- Con không phải là ngoại đạo phải không?
- Con không phải là tặc trú phải không?
- Con không phải là Biệt trụ phải không?
- Con không phải là Bất cọng trụ phải không?
- Con không phải là hóa nhân phải không?
- Con không có đang mắc nợ phải không?

Nếu đáp có thì nên hỏi: "sau khi thọ Cận viên, con có thể trả nợ cho họ không?", nếu đáp có thể thì tốt, nếu đáp không thể thì nên nói: "con nên trở về hỏi chủ nợ, nếu họ chấp thuận cho con thì hãy trở lại". Lại hỏi: "trước đây con có xuất gia không?", nếu đáp không thì tốt, nếu đáp là đã xuất gia thì nên hỏi: "con có phạm một trong bốn tội Tha thắng không, khi con hoàn tục có khéo xả học xứ không?", nếu đáp là có phạm trọng thì nên bảo họ ra, nếu đáp không phạm thì tốt. Lại hỏi: "con tên gì?", đáp: "con tên là ---", lại hỏi: "Ô-ba-đà-da của con tên gì?", đáp: "Ô-ba-đà-da của con tên là _____". Giáo thọ sư bảo giới tử: "trong thân người nam có các bịnh như bịnh lại, bịnh ung thư, bịnh ghẻ lở, ung nhọt, tê bại, đầu hói, bịnh lậu, bịnh phù thủng, hen suyễn, điên cuồng, bịnh hủi... Tóm

lại có ba loại bịnh: bịnh thường nóng sốt, bịnh quái lạ và tật nguyền như mù điếc câm ngọng, quá lùn, què, tay chân không đủ. Con không có các bịnh kể trên hay là bịnh gì khác phải không?", đáp không, lại nói: "này giới tử, những gì ta hỏi con ở chỗ khuất này, khi vào trong Tăng, Tăng cũng sẽ hỏi con như thế. Khi ở trong Tăng con cũng phải bình tâm trả lời chân thật giống như thế, nếu có thì đáp là có, nếu không thì đáp là không. Con hãy tạm chờ ở đây, nếu chưa gọi thì con không được vào".

**4. Bạch tứ yết ma truyền giới:**

Giáo thọ sư trở vào trong Tăng, đến nửa đường thì dừng lại bạch Tăng rằng:

Đại đức tăng lắng nghe, tôi ở chỗ khuất đã gạn hỏi giới tử các chướng pháp xong rồi, Bí-sô _____ làm Ô-ba-đà-da, xin Tăng cho gọi giới tử đến.

Yết ma sư nên đáp: "nếu giới tử thanh tịnh thì cho gọi vào", Tăng nên đồng nói là thiện, ai không nói thì phạm tội Việt pháp. Giáo thọ sư gọi giới tử vào trong Tăng rồi bảo đảnh lễ Tăng, quỳ gối chắp tay và dạy cầu thỉnh như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, con tên là _____ , con nương theo Ô-ba-đà- da là _____ cầu thọ Cận viên. Con nay theo Tăng xin thọ Cận viên, cúi xin Tăng cho con thọ Cận viên, xin thương xót tế độ con (ba lần).

Yết ma sư ở trong Tăng đơn bạch như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, giới tử tên _____ nương theo Ô-ba-đà-da _____ cầu thọ Cận viên. Giới tử _____ nay theo Tăng xin thọ Cận viên, Bí-sô _____ làm Ô-ba-đà-da. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, tôi nay ở trong Tăng gạn hỏi giới tử các chướng pháp. Bạch như vậy.

Kế hỏi giới tử các chướng pháp giống như trên, hỏi xong bạch tứ yết ma như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, giới tử tên _____ nương theo Ô-ba-đà-da _____ cầu thọ Cận viên, là người nam đủ hai mươi tuổi, đủ ba y và bát, tự nói mình thanh tịnh không có các chướng pháp. Giới tử _____ nay theo Tăng cầu thọ Cận viên, Bí-sô _____ làm Ô-ba-đà-da. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay cho giới tử _____ thọ Cận viên, Bí-sô _____ làm Ô-ba-đà-da. Bạch như vậy.

Đại đức tăng lắng nghe, giới tử tên _____ nương theo Ô-ba-đà-da _____ cầu thọ Cận viên, là người nam đủ hai mươi tuổi, đủ ba y và bát, tự nói mình thanh tịnh không có các chướng pháp. Giới tử _____ nay theo Tăng cầu thọ Cận viên, Bí-sô _____ làm Ô-ba-đà-da. Tăng nay cho giới tử _____ thọ Cận viên,

Bí-sô _____ làm Ô-ba-đà-da. Các cụ thọ chấp thuận cho giới tử _____ thọ Cận viên, Bí-sô _____ làm Ô-ba-đà-da thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Đây là yết ma lần thứ nhất ( lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy)

Tăng đã chấp thuận cho giới tử _____ thọ Cận viên, Bí-sô _____ làm Ô-ba-đà-da xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Tác pháp xong, Yết ma sư lấy thước đo bóng mặt trời ở dưới chân ngắn hay dài bao nhiêu, đo xong nên bảo giới tử: "con thọ Cận viên vào trước giờ ăn hay sau giờ ăn, bóng mặt trời đo dưới chân là một ngón tay hay hai ngón tay cho đến bằng thân người ", nếu thọ vào ban đêm thì nên nói là vào nửa đêm hay giữa đêm. Kế nói rõ thời tiết thọ giới là vào mùa đông hay mùa xuân, mùa mưa hay mùa hạ (mùa Đông có bốn tháng từ ngày 16 tháng 9 đến ngày 15 tháng 1, mùa xuân có bốn tháng từ ngày 16 tháng 1 đến ngày 15 tháng 5, mùa mưa có một tháng từ ngày 16 tháng 5 đến ngày 15 tháng 6, mùa hạ có ba tháng từ ngày 16 tháng 6 đến ngáy 15 tháng 9).

**5. Truyền pháp tứ y:**

Yết ma sư bảo giới tử:

Tân Bí-sô lắng nghe, pháp tứ y này là tri kiến của Thế tôn, Như lai Ứng chánh đẳng giác, các Bí-

sô nương theo pháp tứ y này, ở trong pháp luật thiện thuyết xuất gia thọ Cận viên, thành tánh Bí-sô. Thế nào là bốn:

1. Là y phấn tảo, đây là vật thanh tịnh dễ có được, các Bí-sô nương theo y phấn tảo này, ở trong pháp luật thiện thuyết xuất gia thọ Cận viên, thành tánh Bí-sô. Tân Bí-sô _____ từ nay cho đến trọn đời dùng y phấn tảo che thân thì có vui thích thọ không? Đáp là thích thọ.

Nếu khi được các lợi vật như vải hay lụa hay gai bố... cho đến các tạp vật khác, hoặc được thêm y thanh tịnh, hoặc được từ Tăng chia, hoặc được cúng riêng. Đối với các lợi vật này, tân Bí-sô có thể tùy thọ và biết lượng thọ dụng hay không? _____ đáp là biết lượng thọ dụng.

2. Là thường khất thực, đây là thức ăn thanh tịnh dễ có được, các Bí-sô nương theo thức ăn này, ở trong pháp luật thiện thuyết xuất gia thọ Cận viên, thành tánh Bí-sô. Tân Bí-sô _____ từ nay cho đến trọn đời thường khất thực để tự nuôi sống thì có vui thích thọ không? _____ đáp là thích thọ.

Nếu khi được các thực lợi như cơm cháo... từ Tăng theo thứ lớp thọ thỉnh thực, hoặc do biệt thỉnh, hoặc là thức ăn Tăng thường ăn hoặc thường thọ biệt thỉnh thực, hoặc được thêm thức ăn thanh tịnh, hoặc được từ Tăng chia, hoặc được cúng

riêng. Đối với các thực lợi này, tân Bí-sô có thể tùy thọ và biết lượng thọ dụng hay không? _____ đáp là biết lượng thọ dụng.

3. Là phu cụ dưới gốc cây, đây là vật thanh tịnh dễ có được, các Bí-sô nương theo pháp y này, ở trong pháp luật thiện thuyết xuất gia thọ Cận viên, thành tánh Bí-sô. Tân Bí-sô _____ từ nay cho đến trọn đời nương phu cụ dưới gốc cây để ở thì có vui thích thọ không? _____ đáp là thích thọ.

Nếu khi được các lợi vật như phòng xá, lầu gác hoặc hang sâu, đệm cỏ... hoặc chỗ kinh hành, hoặc được thêm chỗ ở thanh tịnh từ Tăng chia hay từ thí chủ cúng. Đối với các lợi vật này, tân Bí-sô có thể tùy thọ và biết lượng thọ dụng hay không? _____ đáp là biết lượng thọ dụng.

4. Là trần khí dược (thuốc cũ bỏ), đây là vật thanh tịnh dễ có được, các Bí-sô nương theo pháp y này, ở trong pháp luật thiện thuyết xuất gia thọ Cận viên, thành tánh Bí-sô. Tân Bí-sô _____ từ nay cho đến trọn đời nương loại dược này để trị bịnh thì có vui thích thọ không? _____ đáp là thích thọ.

Khi được các thực lợi như tô, dầu, đường, mật, cho đến củ, cọng cành, lá, hoa quả... hoặc là thời dược, cánh dược hay Thất nhật dược, Tận hình thọ dược, hoặc được thêm các loại thuốc thanh tịnh từ

Tăng chia hay do thí chủ cúng. Đối với các thực lợi này, tân Bí-sô _____ có thể tùy thọ và biết lượng thọ dụng hay không? _____ đáp là biết lượng thọ dụng.

**6. Truyền bốn pháp Đọa:**

Yết ma sư bảo giới tử:

Tân Bí-sô _____ lắng nghe, bốn pháp Đọa này là tri kiến của Thế tôn, Như thật tri, Ứng chánh đẳng giác, các Bí-sô ở trong bốn pháp Đọa này, tùy phạm một pháp nào thì ngay lúc đang phạm không phải là Bí-sô, không phải là Sa môn, không phải là Thích ca tử nữa, mất tánh Bí-sô, liền bị đọa lạc trong luân hồi, là kẻ thua trận. Như cây Đa-la bị chặt ngọn thì không thể sống được nữa, Bí-sô cũng như vậy. Thế nào là bốn:

1. Là Thế tôn, Như thật tri, Ứng chánh đẳng giác đã dùng vô lượng pháp môn chê trách pháp dâm dục, ca ngợi ly dục là pháp thắng diệu. Nói dục là nhiễm ô, là mục nát, là ái trước, là nhà ở, là ràng buộc, là đam mê... cần phải đoạn trừ, phải ói mửa hết dục ra, phải nhàm chán và dứt diệt. Tân Bí-sô _____ từ nay cho đến trọn đời không được dùng tâm nhiễm nhìn ngó người nữ, huống chi là cùng làm việc bất tịnh. Như Phật đã dạy nếu Bí-sô nào đồng đắc học xứ với các Bí-sô khác, không xả học xứ, học xứ suy kém mà không tự nói ra, làm hạnh bất tịnh, hai thân giao hợp cho đến

cùng với súc sanh, thì Bí-sô này ngay lúc đang phạm không phải là Bí-sô, không phải là Sa môn, không phải là Thích ca tử nữa, mất tánh Bí-sô, liền bị đọa lạc trong luân hồi, là kẻ thua trận. Như cây Đa-la bị chặt ngọn thì không thể sống được nữa, Bí-sô cũng như vậy. Đối với pháp dâm dục này, tân Bí-sô _____ từ nay cho đến trọn đời không được cố ý phạm, nên khởi tâm nhàm lìa và ân trọng phòng hộ; nên sanh tâm sợ hãi quán sát, siêng tu không buông lung thì có thể thọ trì, không làm việc dâm dục hay không? _____ đáp là không làm.

2. Là Thế tôn, Như thật tri, Ứng chánh đẳng giác đã dùng vô lượng pháp môn chê trách việc không cho mà lấy, ca ngợi không trộm cắp là pháp thắng diệu. Tân Bí-sô _____ từ nay cho đến trọn đời, nếu người khác không cho thì không được dùng tâm trộm cắp mà cố ý lấy, cho đến một hạt mè; huống chi là lấy cắp đến năm Ma sái hay hơn năm Ma sái (đơn vị tiền tệ thuở xưa là bối xỉ, tám mươi bối xỉ là một Ma sái, năm Ma sái là bốn trăm bối xỉ). Như Phật đã dạy nếu Bí-sô nào ở trong tụ lạc hoặc chỗ trống vắng, người khác không cho mà dùng tâm trộm cắp để lấy, khi lấy bị vua quan bắt được hoặc xử tội chết hoặc trói hoặc đuổi đi và trách mắng rằng: hãy đi đi kẻ giặc kia, ngươi là người ngu si không biết gì nên mới trộm cắp như thế; thì Bí-sô này ngay lúc đang phạm không phải

là Bí-sô, không phải là Sa môn, không phải là Thích ca tử nữa, mất tánh Bí-sô, liền bị đọa lạc trong luân hồi, là kẻ thua trận. Như cây Đa-la bị chặt ngọn thì không thể sống được nữa, Bí-sô cũng như vậy. Đối với việc không cho mà lấy này, tân Bí-sô _____ từ nay cho đến trọn đời không được cố ý phạm, nên khởi tâm nhàm lìa và ân trọng phòng hộ; nên sanh tâm sợ hãi quán sát, siêng tu không buông lung thì có thể thọ trì, không làm việc trộm cắp hay không? Đáp là không làm.

3. Thế tôn, Như thật tri, Ứng chánh đẳng giác đã dùng vô lượng pháp môn chê trách việc giết hại sanh mạng, ca ngợi việc từ bỏ sát sanh là pháp thắng diệu. Tân Bí-sô _____ từ nay cho đến trọn đời không được cố ý sát sanh, cho đến ruồi muỗi cũng không được cố ý giết, huống chi là mạng người hay thai nhi. Như Phật đã dạy nếu Bí-sô nào cố ý giết người hay thai nhi, hoặc tự tay giết hoặc cầm dao đưa cho người bảo giết, hoặc khuyên họ chết, khen ngợi cái chết nói rằng: ngươi sống làm chi với tội lụy xấu xa này, ngươi nên chết đi, thà chết còn hơn sống. Tùy tâm niệm mà dùng những lời lẽ khác nhau để khuyên họ chết, họ nhân đó mà chết thì Bí-sô này ngay lúc đang phạm không phải là Bí-sô, không phải là Sa môn, không phải là Thích ca tử nữa, mất tánh Bí-sô, liền bị đọa lạc trong luân hồi, là kẻ thua trận. Như cây Đa-la bị chặt ngọn thì không thể sống được nữa, Bí-sô

cũng như vậy. Đối với việc sát sanh này, tân Bí-sô _____ từ nay cho đến trọn đời không được cố ý phạm, nên khởi tâm nhàm lìa và ân trọng phòng hộ; nên sanh tâm sợ hãi quán sát, siêng tu không buông lung thì có thể thọ trì, không làm việc sát sanh hay không? Đáp là không làm.

4. Thế tôn, Như thật tri, Ứng chánh đẳng giác đã dùng vô lượng pháp môn chê trách vọng ngữ, ca ngợi việc từ bỏ vọng ngữ là pháp thắng diệu. Như Phật đã dạy, nếu Bí-sô nào thật không biết gì, không chứng được gì, tự biết mình không chứng được pháp của bậc thượng nhân; pháp tịch tịnh thù thắng và hiện tại lạc trú của bậc Thánh giả, mà tự nói là tôi biết, tôi thấy. Vào thời gian khác, có người hỏi hay không có người hỏi, muốn mình thanh tịnh nên nói là tôi thật không biết, không thấy mà nói có biết có thấy; đó là hư dối vọng ngữ, trừ bậc Tăng thượng mạn. Hoặc nói tôi chứng bốn Đế lý, hoặc nói trời rồng quỷ thần đến nói chuyện với tôi, hoặc nói tôi chứng các tưởng Vô thường... đắc bốn thiền, bốn không, sáu thần thông, tám giải thoát, chứng bốn Thánh quả; thì Bí-sô này ngay lúc đang phạm không phải là Bí-sô, không phải là Sa môn, không phải là Thích ca tử nữa, mất tánh Bí-sô, liền bị đọa lạc trong luân hồi, là kẻ thua trận. Như cây Đa-la bị chặt ngọn thì không thể sống được nữa, Bí-sô cũng như vậy. Đối với đại vọng ngữ như vậy, tân Bí-sô _____ từ nay cho đến

trọn đời không được cố ý phạm, nên khởi tâm nhàm lìa và ân trọng phòng hộ; nên sanh tâm sợ hãi quán sát, siêng tu không buông lung thì có thể thọ trì, không làm việc vọng ngữ hay không? Đáp là không làm.

**7. Truyền bốn pháp nên làm của Sa môn:**

Yết ma sư bảo giới tử:

Tân Bí-sô _____ lắng nghe, Thế tôn, Như thật tri, Ứng chánh đẳng giác vì các Bí-sô thọ Cận viên nói bốn pháp nên làm của Sa môn. Tân Bí-sô từ nay cho đến trọn đời, nếu bị người khác chửi mắng thì không được chửi mắng lại; bị người khác sân hận thì không được sân hận lại; bị người khác cười chê nhạo báng thì không được cười chê nhạo báng lại; bị người khác đánh thì không được đánh trả lại. Khi có các việc não loạn như thế phát sanh thì tân Bí-sô _____ có thể nhiếp tâm không trả thù hay không? Đáp là không trả thù.

Tân Bí-sô _____ lắng nghe, trước đây thầy đã khởi tâm mong cầu và suy nghĩ rằng: cho đến bao giờ ta mới được ở trong pháp luật thiện thuyết của Thế tôn, xuất gia thọ Cận viên thành tánh Bí-sô. Nay thầy đã được xuất gia thọ Cận viên, gặp được Ô-ba-đà-da và A-giá-lợi-da như pháp, lại được Tăng nhất tâm hòa hợp bạch tứ yết ma như pháp. Cũng như những điều mà Bí-sô một trăm tuổi hạ cần phải học, thầy cũng phải học như

vậy; những điều mà thầy cần phải học cũng đồng với họ như thế, đồng được học xứ, đồng thuyết giới kinh. Từ nay cho đến trọn đời, đối với việc này thầy nên sanh tâm cung kính phụng hành, không nên nhàm lìa. Đối với Ô-ba-đà-da, thầy nên tưởng như cha, Ô-ba-đà-da cũng xem thầy như con; cho đến trọn đời thầy nên hầu hạ, chăm sóc khi bịnh, khởi tâm thương xót khi già yếu cho đến lúc chết. Đối với các thượng trung hạ tòa đồng phạm hạnh, thầy thường phải sanh tâm kính trọng, tùy thuận giúp đỡ, cùng ở chung đọc tụng kinh pháp, thiền tư tu thiện nghiệp. Đối với các pháp như uẩn, xứ, giới, mười hai nhân duyên... thầy nên cầu học hiểu cho rõ; đừng trái bỏ pháp quy và xa lìa giãi đãi. Nếu chưa đắc thì cầu được đắc, chưa hiểu thì cầu được hiểu, chưa chứng thì cầu được chứng, phải chứng được quả A-la-hán cứu cánh Niết-bàn.

Nay ta chỉ nói sơ lược đại cương những việc thiết yếu, còn những việc khác, thầy nên đến hỏi hai thầy và các thiện hữu đồng học. Lại nữa, mỗi nửa tháng thuyết Giới kinh, thầy nên lắng nghe thọ trì, y theo giáo pháp siêng tu.

Yết ma sư nói kệ:

"Người trong pháp tối thắng, Đầy đủ thọ Thi la,

Chí tâm thường phụng trì, Khó được thân không chướng, Thân đoan nghiêm xuất gia, Thanh thịnh thọ Cận viên, Nói ra lời chân thật,

Tri kiến của chánh giác.

Tân Bí-sô _____ thầy đã thọ Cận viên xong, chớ nên buông lung, cẩn thận y giáo phụng hành".

-oOo-

# CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ BÁCH NHẤT YẾT MA

## QUYỂN 2

Lúc đó cụ thọ Ưu-ba-ly hỏi Phật: "như Phật đã nói Đại thế chủ Kiều đáp di nhờ yêu thích Bát kỉnh pháp nên được xuất gia thọ Cận viên, thành tánh Bí-sô ni. Thế tôn, các người nữ khác muốn được như thế thì phải như thế nào?", Phật nói: "đối với các người nữ khác thì nên xuất gia trước rồi theo thứ lớp thọ Cận viên như pháp thức thường làm như sau: người nữ nào muốn xuất gia nên tìm đến một Bí-sô ni, Bí-sô ni này nên hỏi các chướng pháp, nếu hoàn toàn thanh tịnh thì được tùy ý nhiếp thọ. Khi đã nhiếp thọ rồi nên truyền trao cho họ pháp Tam quy và năm học xứ thành Ô-ba-tư-ca luật nghi hộ".

### *I. CẦU XUẤT GIA THỌ GIỚI:*

#### 1. Truyền pháp Tam quy:

Nên chỉ dạy người cầu xuất gia đến lễ kính vị bổn sư, quỳ gối chắp tay bạch rằng: "A-giá-lợi-da nhớ nghĩ, con tên là _____kể từ hôm nay cho

đến trọn đời xin quy y Phật đà Lưỡng túc trung tôn, quy y Đạt ma Ly dục trung tôn, quy y Tăng già Chư chúng trung tôn". (ba lần).

Bổn sư đáp: hảo ( tốt )

Giới tử đáp lại: thiện.

**2. Truyền trao năm học xứ:**

Giáo thọ sư dạy giới tử: "con hãy nói theo lời ta:

A-giá-lợi-da nhớ nghĩ, như các vị thánh A-la-hán cho đến trọn đời không sát sanh, không trộm cắp, không dâm dục tà hạnh, không nói dối, không uống các loại rượu. Con tên _____ từ nay cho đến trọn đời cũng không sát sanh, không trộm cắp, không dâm dục tà hạnh, không nói dối, không uống các loại rượu. Năm học xứ này con sẽ tu tập hành trì, xin A-giá-lợi-da chứng tri cho con là Ô-ba-tư-ca quy y Tam bảo, thọ trì năm học xứ. (Ba lần)

Bổn sư đáp: hảo

Giới tử đáp lại: thiện.

**3. Thế phát xuất gia:**

Giáo thọ sư dạy giới tử thỉnh Ô-ba-đà-da:

A-giá-lợi-da nhớ nghĩ, con tên _____ nay xin thỉnh A-giá-lợi-da làm Ô-ba-đà-da, con nương theo Ô-ba-đà-da để được xuất gia (ba lần)

Một Bí-sô ni trong Ni tăng hỏi Bổn sư của giới

tử: "Đại đức ni đã hỏi các chướng pháp chưa?", đáp là đã hỏi. Có hỏi thì tốt, nếu không hỏi mà ở trong Ni tăng tác bạch thì phạm tội Việt pháp. Trường hợp cho cạo tóc xuất gia nên bạch tăng hoặc dẫn giới tử đi đến từng phòng cáo bạch, nếu bạch Tăng nên nhóm Tăng, Giáo thọ sư dẫn giới tử vào trong Ni tăng, kế đến trước vị Thượng tòa ni đảnh lễ rồi chắp tay bạch rằng:

Đại đức Ni tăng lắng nghe, giới tử tên _____ nương theo Bí-sô ni _____ cầu xuất gia, nay còn hình thức bạch y chưa cạo tóc xin được ở trong thiện pháp luật xuất gia thọ Cận viên, thành tánh Bí-sô ni. Giới tử này nếu được cạo tóc mặc pháp y sẽ khởi tâm chánh tín, bỏ nhà đến chỗ không nhà, Bí-sô ni _____ làm Ô-ba- đà-da. Ni tăng có chấp thuận cho giới tử này xuất gia không?

Ni tăng nên đáp: nếu giới tử _____ thanh tịnh thì nên cho xuất gia, nếu hỏi thì tốt, không hỏi thì phạm tội Việt pháp. Có trường hợp khi cạo tóc, giới tử bỗng hối hận, Phật nói: "nên chừa lại một ít tóc trên đầu rồi hỏi giới tử có chịu cạo sạch tóc trên đầu không, nếu đáp là không thì cho họ tùy ý trở về nhà, nếu đáp là chịu thì nên cạo sạch rồi cho họ tắm rửa sạch sẽ. Nếu trời lạnh thì nên cho nước nóng tắm, nếu trời nóng nên cho nước lạnh tắm, sau đó cho mặc y phục của người xuất gia. Khi họ mặc y phục nên xem xét họ có phải là người hai

căn hoặc không căn hoặc căn không đầy đủ hay không", lúc đó các Bí-sô ni lộ hình giới tử để xem xét khiến giới tử hổ thẹn, Phật nói: "không nên lộ hình để xem xét, khi họ mặc quần áo, lén nhìn không để họ biết".

**4. Truyền mười học xứ:**

Bổn sư nên vì đệ tử thỉnh các Bí-sô ni để cho thọ Cầu tịch nữ luật nghi hộ, nên trao y Man điều cho giới tử bảo dâng lên trán thọ rồi đắp y vào, Giáo thọ sư bảo đến trước hai thầy đảnh lễ, quỳ gối chắp tay cầu thỉnh như sau: "A-giá-lợi-da nhớ nghĩ, con tên là _____ kể từ hôm nay cho đến trọn đời xin quy y Phật đà Lưỡng túc trung tôn, quy y Đạt ma Ly dục trung tôn, quy y Tăng già Chư chúng trung tôn.

Như Thế tôn, Thích ca Mâu ni, Như thật tri, Ứng chánh đẳng giác đã xuất gia; con nay cũng xuất gia, từ bỏ hình tướng thế tục, thọ trì hình tướng xuất gia, Ô-ba-đà-da của con là _____". (ba lần).

Bổn sư đáp: hảo (tốt)

Giới tử đáp lại: thiện.

Giáo thọ sư bảo giới tử nói theo như sau:

*- Truyền trao mười học xứ:*

Giáo thọ sư dạy giới tử: "con hãy nói theo lời ta:

A-giá-lợi-da nhớ nghĩ, như các vị thánh A-la-

hán cho đến trọn đời không sát sanh, không trộm cắp, không dâm dục tà hạnh, không nói dối, không uống các loại rượu, không ca múa tấu nhạc, không thoa dầu thơm và đeo tràng hoa, không ngồi giường cao tốt rộng lớn, không ăn phi thời, không cất giữ vàng bạc. Con tên _____ từ nay cho đến trọn đời cũng không sát sanh, không trộm cắp, không dâm dục tà hạnh, không nói dối, không uống các loại rượu, không ca múa tấu nhạc, không thoa dầu thơm và đeo tràng hoa, không ngồi giường cao tốt rộng lớn, không ăn phi thời, không cất giữ vàng bạc. Mười học xứ này con sẽ tu tập hành trì, xin A-giá-lợi-da chứng tri cho con là Cầu tịch nữ thọ trì mười học xứ, Ô-ba-đà-da của con là _____ (ba lần)

Bổn sư đáp: hảo

Giới tử đáp lại: thiện.

Giáo thọ sư bảo giới tử: "con đã thọ xong mười học xứ, đây gọi là thiện thọ, từ nay con phải siêng tu cúng dường Tam bảo, thân cận hai thầy, đọc tụng kinh pháp, siêng tu ba nghiệp chớ có buông lung".

**5. Truyền 6 pháp và 6 tùy pháp:**

Nếu là người nữ từng có chồng thì phải đủ hai mươi tuổi, nếu là đồng nữ thì phải đủ mười tám tuổi, Bổn sư nên cho thọ học sáu pháp và sáu tùy pháp trong hai năm. Thập sư tập họp trên giới

tràng, Giáo thọ sư bảo Cầu tịch nữ đảnh lễ Ni tăng rồi đến trước vị Thượng tòa ni quỳ gối chắp tay và dạy cầu thỉnh như sau:

Đại đức Ni tăng lắng nghe, con là Cầu tịch nữ tên _____ đủ mười tám tuổi, Ô-ba-đà-da của con là _____, con nương theo Ô-ba-đà-da _____ xin học sáu pháp và sáu tùy pháp trong hai năm. Con tên _____ nay theo Ni tăng xin học sáu pháp và sáu tùy pháp trong hai năm, Ô-ba-đà-da của con là _____ . Cúi xin Ni tăng cho con thọ học sáu pháp và sáu tùy pháp trong hai năm, xin từ bi thương xót (ba lần).

Yết ma sư ở trong Ni tăng bạch tứ yết ma:

Đại đức Ni tăng lắng nghe, Cầu tịch nữ tên _____ đủ mười tám tuổi, Ô-ba-đà-da là _____, nay theo Ni tăng xin học sáu pháp và sáu tùy pháp trong hai năm. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay chấp thuận cho Cầu tịch nữ _____ đủ mười tám tuổi thọ học sáu pháp và sáu tùy pháp trong hai năm, Ô-ba-đà-da là _____. Bạch như vậy.

Đại đức Ni tăng lắng nghe, Cầu tịch nữ tên _____ đủ mười tám tuổi, Ô-ba-đà-da là _____, nay theo Ni tăng xin học sáu pháp và sáu tùy pháp trong hai năm. Ni tăng nay chấp thuận cho Cầu tịch nữ _____ đủ mười tám tuổi thọ học sáu pháp và sáu tùy pháp trong hai năm. Nếu

Đại đức ni nào chấp thuận cho Cầu tịch nữ _____ đủ mười tám tuổi thọ học sáu pháp và sáu tùy pháp trong hai năm, Ô-ba-đà-da là _____ thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Đây là yết ma lần thứ nhất ( yết ma lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy).

Ni tăng đã chấp thuận cho Cầu tịch nữ _____ đủ mười tám tuổi thọ học sáu pháp và sáu tùy pháp trong hai năm xong rồi. Ni tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Yết ma sư bảo giới tử:

Chánh học nữ lắng nghe, từ nay trong hai năm nên học sáu pháp:

1. Không được đi đường một mình.

2. Không được lội qua sông một mình.

3. Không được xúc chạm thân người nam.

4. Không được ngủ đêm cùng nhà với người nam.

5. Không được làm việc mai môi.

6. Không được che giấu tội trọng của ni. Nhiếp tụng:

*Không đi đường một mình,*
*Không qua sông một mình,*
*Không xúc chạm người nam,*
*Không ngủ cùng nhà nam,*
*Không làm việc mai môi,*
*Không giấu tội trọng ni.*

Kế nói sáu tùy pháp:

1. Không được cất chứa vàng bạc
2. Không được cạo lông chỗ kín
3. Không được đào đất sống,
4. Không được chặt phá cây cỏ sống
5. Không được ăn thức ăn không thọ
6. Không được ăn thức ăn từng xúc chạm.

Nhiếp tụng:

*Không cầm giữ vàng bạc,*
*Không cạo lông chỗ kín,*
*Không được đào đất sống,*
*Không chặt phá cây cỏ,*
*Không ăn vật không thọ,*
*Không ăn vật xúc chạm.*

## *II. TRUYỀN THỌ CẬN VIÊN:*

Khi Chánh học nữ học sáu pháp và sáu tùy pháp đã đủ hai năm, có thể cho thọ Cận viên thì Bổn sư nên lo liệu cho họ có đầy đủ năm y, bát, đãy lượt nước, ngọa cụ rồi thỉnh Thập sư tác Tịnh hạnh bản pháp cho Chánh học nữ ở trên giới tràng trong bổn bộ. Các Bí-sô ni vân tập xong, Giáo thọ sư bảo Chánh học nữ vào trong Tăng đảnh lễ rồi quỳ gối chắp tay và dạy thỉnh Ô-ba-đà-da và A-giá-lợi-da. Nếu hai vị này không phải là hai thầy cũ thì nên gọi là Đại đức ni.

### 1. Thỉnh Ô-ba-đà-da:

Giáo thọ sư dạy thỉnh như sau:

Ô-ba-đà-da nhớ nghĩ, con Chánh học nữ tên là _____ xin thỉnh Ô-ba-đà-da làm Ô-ba-đà-da, xin Ô-ba-đà-da vì con làm Ô-ba- đà-da, con nương theo Ô-ba-đà-da để được thọ Cận viên (ba lần).

Văn thỉnh A-giá-lợi-da cũng giống như văn thỉnh Ô-ba-đà-da.

**2. Thọ năm y và bát:**

Giáo thọ sư ở trong Ni tăng trước Ô-ba-đà-da cho giới tử thọ ba y và bát, dạy thọ như sau:

Ô-ba-đà-da nhớ nghĩ, con tên là _____ , y Tăng-già-lê này nay con xin thọ trì, đã may thành y là vật mà con thọ dụng. (ba lần)

Ô-ba-đà-da nhớ nghĩ, con tên là _____ , y Uất Đa-la tăng này nay con xin thọ trì, đã may thành y là vật mà con thọ dụng (ba lần).

Ô-ba-đà-da nhớ nghĩ, con tên là _____ , y An- đà-hội này nay con xin thọ trì, đã may thành y là vật mà con thọ dụng (ba lần).

Ô-ba-đà-da nhớ nghĩ, con tên là _____ , y Quyết tô lạc ca này nay con xin thọ trì, đã may thành y là vật mà con thọ dụng (ba lần)

Ô-ba-đà-da nhớ nghĩ, con tên là _____ , y Tăng khước kỳ này nay con xin thọ trì, đã may thành y là vật mà con thọ dụng (ba lần)

Nếu là vải chưa giặt nhuộm, chưa cắt rọc gọi chung là y tài, tạm sung vào trong số ba y thì nên

thọ trì như sau:

Ô-ba-đà-da nhớ nghĩ, con tên là _____ , y tài này con xin thọ trì sẽ may thành y Tăng-già-lê chín điều, hai đàn dài một đàn ngắn. Nếu không gặp trở duyên con sẽ giặt nhuộm, cắt rọc may thành y để thọ dụng. (ba lần)

Giới tử nên đưa bát trình cho đại chúng thấy, vì sợ bát quá nhỏ hay quá lớn hay màu sắc không như pháp; nếu là bát tốt như pháp thì đại chúng nên nói là bát như pháp, nếu không nói thì phạm tội Việt pháp. Giáo thọ sư bảo giới tử tay trái cầm bát, tay phải đặt lên miệng bát rồi dạy thọ trì như sau:

Ô-ba-đà-da nhớ nghĩ, con tên là _____ , Bát Đa-la này là vật dụng của bậc đại tiên dùng để khất thực, con nay xin thọ trì, thường dùng để khất thực. (ba lần).

**3. Giáo thọ sư hỏi chướng pháp:**

Giáo thọ sư bảo giới tử đến chỗ chỉ thấy mà không nghe, đứng chắp tay chí thành hướng về phía đại chúng. Lúc đó Yết ma sư hỏi đại chúng: "vị nào trước đây đã thọ thỉnh làm Giáo thọ sư?", Giáo thọ sư đã thọ thỉnh đáp: "tôi tên _____ là người đã thọ thỉnh làm Giáo thọ sư", Yết ma sư lại hỏi: "Đại đức ni có thể ở chỗ khuất giáo thọ cho giới tử _____ , Bí-sô ni _____ làm Ô-ba-đà-da hay không?", đáp là có thể, Yết ma sư ở trong Tăng tác bạch sai như sau:

Đại đức Ni tăng lắng nghe, Bí-sô ni tên _____ làm Giáo thọ sư sẽ ở chỗ khuất giáo thọ cho giới tử _____ , Bí-sô ni _____ làm Ô-ba-đà-da. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay sai Bí-sô ni _____ làm Giáo thọ sư sẽ ở chỗ khuất giáo thọ cho giới tử _____ , Bí-sô ni _____ làm Ô-ba- đà-da. Bạch như vậy.

Giáo thọ sư đưa giới tử đến chỗ khuất, bảo làm lễ rồi quỳ chắp tay nghe dạy bảo như sau: "giới tử lắng nghe, nay là giờ phút chí thành, là giờ phút nói thật, ta sẽ hỏi con vài điều, con nên bình tâm lắng nghe, nếu có thì đáp là có, nếu không thì đáp là không, không được nói hư dối".

Hỏi: con có phải là người nữ không?, đáp phải.

- Con đủ hai mươi tuổi chưa?, đáp đủ.

- Con có đủ năm y và bát không?, đáp đủ.

- Cha mẹ còn sống không?, đáp còn sống.

- Cha mẹ có cho phép con xuất gia không?, đáp cho. (nếu đáp cha mẹ đã chết thì không hỏi câu này)

- Con không phải là nô tỳ phải không?

- Con không phải là cung nhân phải không?

- Con không có làm nguy hại đến vua phải không?

- Con không phải là giặc phải không?

- Con không phải là người có tâm trí sầu khổ

phải không?

- Con không phải là người có âm đạo nhỏ (không có âm đạo, hai đường hợp một) phải không?

- Con không phải là người thường có kinh nguyệt hoặc không có kinh nguyệt phải không?

- Con không phải là huỳnh môn phải không?

- Con không có làm ô nhục Bí-sô phải không?

- Con không có giết cha phải không?

- Con không có giết mẹ phải không?

- Con không có giết A-la-hán phải không?

- Con không có phá hòa hợp Tăng phải không?

- Con không có ác tâm làm thân Phật chảy máu phải không?

- Con không phải là ngoại đạo phải không?

- Con không phải là tặc trú phải không?

- Con không phải là Biệt trụ phải không?

- Con không phải là Bất cọng trụ phải không?

- Con không phải là hóa nhân phải không?

- Con không có đang mắc nợ phải không?

Nếu đáp có thì nên hỏi: "sau khi thọ Cận viên, con có thể trả nợ cho họ không?", nếu đáp có thể thì tốt, nếu đáp không thể thì nên nói: "con nên trở về hỏi chủ nợ, nếu họ chấp thuận cho con thì hãy trở lại". Lại hỏi: "trước đây con có xuất gia không?", nếu đáp không thì tốt, nếu đáp là đã xuất

gia thì nên bảo họ ra, vì ni đã hoàn tục thì không cho xuất gia lại. Lại hỏi: "con tên gì?", đáp: "con tên là _____ ", lại hỏi: "Ô-ba-đà-da của con tên gì?", đáp: "Ô-ba-đà-da của con tên là _____ ".

Giáo thọ sư bảo giới tử: "trong thân người nữ có các bịnh như bịnh lại, bịnh ung thư, bịnh ghẻ lở, ung nhọt, tê bại, đầu hói, bịnh lậu, bịnh phù thủng, hen suyễn, điên cuồng, bịnh hủi... Tóm lại có ba loại bịnh: bịnh thường nóng sốt, bịnh quái lạ và tật nguyền như mù điếc câm ngọng, quá lùn, què, tay chân không đủ. Con không có các bịnh kể trên hay là bịnh gì khác phải không?", đáp không, lại nói: "này giới tử, những gì ta hỏi con ở chỗ khuất này, khi vào trong Ni tăng, Ni tăng cũng sẽ hỏi con như thế. Khi ở trong Ni tăng con cũng phải bình tâm trả lời chân thật giống như thế, nếu có thì đáp là có, nếu không thì đáp là không. Con hãy tạm chờ ở đây, nếu chưa gọi thì con không được vào". Giáo thọ sư trở vào trong Ni tăng, đến nửa đường thì dừng lại bạch

Ni tăng rằng:

Đại đức Ni tăng lắng nghe, tôi ở chỗ khuất đã gạn hỏi giới tử các chướng pháp xong rồi, Bí-sô ni _____ làm Ô-ba-đà-da, xin Tăng _____ cho gọi giới tử đến.

Yết ma sư nên đáp: "nếu giới tử thanh tịnh thì

cho gọi vào", Ni tăng nên đồng nói là thiện, ai không nói thì phạm tội Việt pháp.

**4. Truyền thọ Tịnh hạnh bản pháp:**

Giáo thọ sư gọi giới tử vào, bảo đảnh lễ Ni tăng rồi quỳ gối chắp tay và dạy cầu thỉnh như sau:

Đại đức Ni tăng lắng nghe, con tên là _____ , Ô-ba-đà-da của con là _____ , con nương theo Ô-ba-đà-da _____ cầu thọ Cận viên. Nay con theo Ni tăng xin tác Tịnh hạnh bản pháp cho con, Ô-ba-đà-da của con là _____ , cúi xin Ni tăng tác Tịnh hạnh bản pháp cho con, xin từ bi thương xót (ba lần).

Yết ma sư ở trong Tăng đơn bạch để hỏi các chướng pháp: Đại đức Ni tăng lắng nghe, giới tử tên _____ nương theo Ô-ba-đà-da _____ cầu thọ Cận viên. Giới tử tên _____

nay theo Ni tăng xin tác Tịnh hạnh bản pháp, Bí-sô ni _____ làm Ô-ba-đà-da. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, tôi nay ở trong Ni tăng gạn hỏi giới tử các chướng pháp, Bí-sô ni _____ làm Ô-ba-đà-da. Bạch như vậy.

Kế hỏi các chướng pháp giống như trên, hỏi xong bạch tứ yết ma:

Đại đức Ni tăng lắng nghe, giới tử _____ nương theo Ô-ba-đà-da _____ cầu thọ Cận

viên, đây là người nữ đủ hai mươi tuổi, đủ năm y và bát, cha mẹ đều đã đồng ý, Ni tăng đã cho học sáu pháp và sáu tùy pháp trong hai năm. Giới tử tên _____ đã học sáu pháp và sáu tùy pháp đủ hai năm, tự nói mình thanh tịnh không có các chướng pháp. Giới tử _____ nay theo Ni tăng xin tác Tịnh hạnh bản pháp, Bí-sô ni _____ làm Ô-ba-đà-da. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Ni tăng nay tác Tịnh hạnh bản pháp cho giới tử _____ , Bí-sô ni _____ làm Ô-ba-đà-da. Bạch như vậy.

Đại đức Ni tăng lắng nghe, giới tử tên _____ nương theo Ô- ba-đà-da _____ cầu thọ Cận viên, là người nữ đủ hai mươi tuổi, đủ năm y và bát, cha mẹ đều đã đồng ý, Ni tăng đã cho học sáu pháp và sáu tùy pháp trong hai năm. Giới tử tên _____ đã học sáu pháp và sáu tùy pháp đủ hai năm, tự nói mình thanh tịnh không có các chướng pháp. Giới tử _____ nay theo Tăng cầu tác Tịnh hạnh bản pháp, Bí-sô ni _____ làm Ô-ba-đà-da. Ni tăng nay tác Tịnh hạnh bản pháp cho giới tử _____ , Bí-sô ni _____

làm Ô-ba-đà-da, các Bí-sô ni chấp thuận tác Tịnh hạnh bản pháp cho giới tử _____ , Bí-sô ni _____ làm Ô-ba-đà-da thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Đây là yết ma lần thứ

nhất ( lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như thế )

Ni tăng đã chấp thuận tác Tịnh hạnh bản pháp cho giới tử _____ , Bí-sô ni _____ làm Ô-ba-đà-da xong rồi. Ni tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

5. Trong hai bộ Tăng truyền thọ Cận viên:

Các Bí-sô ni dẫn giới tử đến trong Tăng, hai bộ Tăng tập họp đầy đủ, Giáo thọ sư bảo giới tử đảnh lễ hai bộ Tăng rồi quỳ gối chắp tay và dạy giới tử cầu thỉnh như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, con tên là _____ , con nương theo Ô-ba-đà-da là _____ cầu thọ Cận viên. Con đã theo Ni xin tác Tịnh hạnh bản pháp cho con, Ni tăng đã tác Tịnh hạnh bản pháp cho con rồi. Con nay theo hai bộ Tăng xin thọ Cận viên, cúi xin hai bộ Tăng cho con thọ Cận viên, xin thương xót tế độ con (ba lần).

Yết ma sư ở trong Tăng bạch tứ yết ma như sau:

Hai bộ tăng lắng nghe, giới tử tên _____ nương theo Ô-ba- đà-da _____ cầu thọ Cận viên, là người nữ đủ hai mươi tuổi, đủ năm y và bát, cha mẹ đều đã đồng ý, Ni tăng đã cho học sáu pháp và sáu tùy pháp trong hai năm. Giới tử tên _____ đã học sáu pháp và sáu tùy pháp đủ hai năm, tự nói mình thanh tịnh không có các chướng pháp, trong Ni tăng đã tác Tịnh hạnh bản pháp. Người nữ này có thể thừa sự Ni chúng với

tâm hoan hỉ phụng hành, ở trong Ni chúng không có lỗi lầm. Giới tử _____ nay theo hai bộ Tăng cầu thọ Cận viên, Bí-sô ni _____ làm Ô-ba-đà-da. Nếu hai bộ tăng đúng thời đến nghe, hai bộ Tăng nên chấp thuận, hai bộ tăng nay cho giới tử _____ thọ Cận viên, Bí-sô ni _____ làm Ô-ba-đà-da.

Bạch như vậy.

Hai bộ tăng lắng nghe, giới tử tên _____ nương theo Ô-ba- đà-da _____ cầu thọ Cận viên, là người nữ đủ hai mươi tuổi, đủ năm y và bát, cha mẹ đều đã đồng ý, Ni tăng đã cho học sáu pháp và sáu tùy pháp trong hai năm. Giới tử tên _____ đã học sáu pháp và sáu tùy pháp đủ hai năm, tự nói mình thanh tịnh không có các chướng pháp, trong Ni tăng đã tác Tịnh hạnh bản pháp. Người nữ này có thể thừa sự Ni chúng với tâm hoan hỉ phụng hành, ở trong Ni chúng không có lỗi lầm. Giới tử _____ nay theo hai bộ Tăng cầu thọ Cận viên, Bí-sô ni _____ làm Ô-ba-đà-da. Hai bộ tăng nay cho giới tử _____ thọ Cận viên, Bí-sô ni _____ làm Ô- ba-đà-da. Nếu hai bộ Tăng chấp thuận cho giới tử _____ thọ Cận viên, Bí-sô ni _____ làm Ô-ba-đà-da thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Đây là yết ma lần thứ nhất (lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy)

Hai bộ tăng đã chấp thuận cho giới tử

_____ thọ Cận viên, Bí-sô ni _____ làm Ô-ba-đà-da xong rồi. Hai bộ tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

**6. Yết ma sư truyền ba pháp y:**

Yết ma sư bảo giới tử:

Tân Bí-sô ni _____ lắng nghe, Thế tôn, Như thật tri, Ứng chánh đẳng giác chế ba pháp y này cho các Bí-sô ni, các Bí-sô ni nương theo ba pháp y này ở trong pháp luật thiện thuyết xuất gia thọ Cận viên, thành tánh Bí-sô ni. Ba pháp y là:

Yết ma sư bảo giới tử:

Tân Bí-sô lắng nghe, pháp tứ y này là tri kiến của Thế tôn, Như lai Ứng chánh đẳng giác, các Bí-sô nương theo pháp tứ y này, ở trong pháp luật thiện thuyết xuất gia thọ Cận viên, thành tánh Bí-sô. Thế nào là bốn:

1. Là y phấn tảo, đây là vật thanh tịnh dễ có được, các Bí-sô ni nương theo y phấn tảo này, ở trong pháp luật thiện thuyết xuất gia thọ Cận viên, thành tánh Bí-sô ni. Tân Bí-sô ni _____ từ nay cho đến trọn đời dùng y phấn tảo che thân thì có vui thích thọ không? Đáp là thích thọ.

Nếu khi được các lợi vật như vải hay lụa hay gai bố... cho đến các tạp vật khác, hoặc được thêm y thanh tịnh, hoặc được từ Tăng chia, hoặc được cúng riêng. Đối với các lợi vật này, tân Bí-sô ni có thể tùy thọ và biết lượng thọ dụng hay không? Đáp

là biết lượng thọ dụng.

2. Là thường khất thực, đây là thức ăn thanh tịnh dễ có được, các Bí-sô ni nương theo thức ăn này, ở trong pháp luật thiện thuyết xuất gia thọ Cận viên, thành tánh Bí-sô ni. Tân Bí-sô ni _____ từ nay cho đến trọn đời thường khất thực để tự nuôi sống thì có vui thích thọ không? Đáp là thích thọ.

Nếu khi được các thực lợi như cơm cháo... từ Tăng theo thứ lớp thọ thỉnh thực, hoặc do biệt thỉnh, hoặc là thức ăn Tăng thường ăn hoặc thường thọ biệt thỉnh thực, hoặc được thêm thức ăn thanh tịnh, hoặc được từ Tăng chia, hoặc được cúng riêng. Đối với các thực lợi này, tân Bí-sô ni có thể tùy thọ và biết lượng thọ dụng hay không? Đáp là biết lượng thọ dụng.

4. Là trần khí dược (thuốc cũ bỏ), đây là vật thanh tịnh dễ có được, các Bí-sô ni nương theo pháp y này, ở trong pháp luật thiện thuyết xuất gia thọ Cận viên, thành tánh Bí-sô ni. Tân Bí-sô ni _____ từ nay cho đến trọn đời nương loại dược này để trị bịnh thì có vui thích thọ không? Đáp là thích thọ.

Khi được các thực lợi như tô, dầu, đường, mật, cho đến củ, cọng cành, lá, hoa quả... hoặc là thời dược, cánh dược hay Thất nhật dược, Tận hình thọ dược, hoặc được thêm các loại thuốc thanh tịnh từ Tăng chia hay do thí chủ cúng. Đối với các thực lợi

này, tân Bí-sô ni có thể tùy thọ và biết lượng thọ dụng hay không? Đáp là biết lượng thọ dụng.

Ni không có pháp nương ở dưới gốc cây.

**7. Yết ma sư truyền tám pháp Đọa:**

Yết ma sư bảo giới tử:

Tân Bí-sô ni _____ lắng nghe, Thế tôn, Như thật tri, Ứng chánh đẳng giác chế tám pháp Đọa này cho các Bí-sô ni. Nếu Bí-sô ni ở trong tám pháp này tùy phạm một pháp nào thì ngay lúc đang phạm không phải là Bí-sô ni, không phải là Sa môn, không phải là Thích nữ, mất tánh Bí-sô ni, liền bị đọa lạc trong luân hồi, là kẻ thua trận. Như cây Đa-la bị chặt ngọn thì không thể sống được nữa, Bí-sô ni cũng như vậy. Thế nào là tám:

1. Thế tôn, Như thật tri, Ứng chánh đẳng giác đã dùng vô lượng pháp môn chê trách pháp dâm dục, nói dục là nhiễm ô, là mục nát, là ái trước, là nhà ở, là ràng buộc, là đam mê... cần phải đoạn trừ, phải ói mửa hết dục ra, phải nhàm chán và dứt diệt. Tân Bí-sô ni _____ từ nay cho đến trọn đời không được dùng tâm nhiễm nhìn ngó người nam, huống chi là cùng làm việc bất tịnh. Như Phật đã dạy nếu Bí-sô ni nào đồng đắc học xứ với các Bí-sô ni khác, không xả học xứ, học xứ suy kém mà không tự nói ra, làm hạnh bất tịnh, hai thân giao hợp cho đến cùng với súc sanh, thì Bí-sô ni này ngay lúc đang phạm không phải là Bí-sô ni, không

phải là Sa môn, không phải là Thích nữ nữa, mất tánh Bí-sô ni, liền bị đọa lạc trong luân hồi, là kẻ thua trận. Như cây Đa-la bị chặt ngọn thì không thể sống được nữa, Bí-sô ni cũng như vậy. Đối với pháp dâm dục này, tân Bí-sô ni _____ từ nay cho đến trọn đời không được cố ý phạm, nên khởi tâm nhàm lìa và ân trọng phòng hộ; nên sanh tâm sợ hãi quán sát, siêng tu không buông lung thì có thể thọ trì, không làm việc dâm dục hay không? Đáp là không làm.

2. Thế tôn, Như thật tri, Ứng chánh đẳng giác đã dùng vô lượng pháp môn chê trách việc không cho mà lấy, ca ngợi không trộm cắp là pháp thắng diệu. Tân Bí-sô ni _____ từ nay cho đến trọn đời, nếu người khác không cho thì không được dùng tâm trộm cắp mà cố ý lấy, cho đến một hạt mè; huống chi là lấy cắp đến năm Ma sái hay hơn năm Ma sái (đơn vị tiền tệ thuở xưa là bối xỉ, tám mươi bối xỉ là một Ma sái, năm Ma sái là bốn trăm bối xỉ). Như Phật đã dạy Bí-sô ni nào ở trong tụ lạc hoặc chỗ trống vắng, người khác không cho mà dùng tâm trộm cắp để lấy, khi lấy bị vua quan bắt được hoặc xử tội chết hoặc trói hoặc đuổi đi và trách mắng rằng: hãy đi đi kẻ giặc kia, ngươi là người ngu si không biết gì nên mới trộm cắp như thế. Bí-sô ni này ngay lúc đang phạm không phải là Bí-sô ni, không phải là Sa môn, không phải là Thích nữ nữa, mất tánh Bí-sô ni, liền bị đọa lạc

trong luân hồi, là kẻ thua trận. Như cây Đa-la bị chặt ngọn thì không thể sống được nữa, Bí-sô ni cũng như vậy. Đối với việc không cho mà lấy này, tân Bí-sô ni _____ từ nay cho đến trọn đời không được cố ý phạm, nên khởi tâm nhàm lìa và ân trọng phòng hộ; nên sanh tâm sợ hãi quán sát, siêng tu không buông lung thì có thể thọ trì, không làm việc trộm cắp hay không? Đáp là không làm.

3. Thế tôn, Như thật tri, Ứng chánh đẳng giác đã dùng vô lượng pháp môn chê trách việc giết hại sanh mạng, ca ngợi việc từ bỏ sát sanh là pháp thắng diệu. Tân Bí-sô ni _____ từ nay cho đến trọn đời không được cố ý sát sanh, cho đến ruồi muỗi cũng không được cố ý giết, huống chi là mạng người hay thai nhi. Như Phật đã dạy nếu Bí-sô ni nào cố ý giết người hay thai nhi, hoặc tự tay giết hoặc cầm dao đưa cho người bảo giết, hoặc khuyên họ chết, khen ngợi cái chết nói rằng: ngươi sống làm chi với tội lụy xấu xa này, ngươi nên chết đi, thà chết còn hơn sống. Tùy tâm niệm mà dùng những lời lẽ khác nhau để khuyên họ chết, họ nhân đó mà chết thì Bí-sô này ngay lúc đang phạm không phải là Bí-sô ni, không phải là Sa môn, không phải là Thích nữ nữa, mất tánh Bí-sô ni, liền bị đọa lạc trong luân hồi, là kẻ thua trận. Như cây Đa-la bị chặt ngọn thì không thể sống được nữa, Bí-sô ni cũng như vậy. Đối với việc sát sanh này, tân Bí-sô ni _____ từ nay cho đến trọn đời

không được cố ý phạm, nên khởi tâm nhàm lìa và ân trọng phòng hộ; nên sanh tâm sợ hãi quán sát, siêng tu không buông lung thì có thể thọ trì, không làm việc sát sanh hay không? Đáp là không làm.

4. Thế tôn, Như thật tri, Ứng chánh đẳng giác đã dùng vô lượng pháp môn chê trách vọng ngữ, ca ngợi việc từ bỏ vọng ngữ là pháp thắng diệu. Như Phật đã dạy, nếu Bí-sô ni nào thật không biết gì, không chứng được gì, tự biết mình không chứng được pháp của bậc thượng nhân; pháp tịch tịnh thù thắng và hiện tại lạc trú của bậc Thánh giả, mà tự nói là tôi biết, tôi thấy. Vào thời gian khác, có người hỏi hay không có người hỏi, muốn mình thanh tịnh nên nói là tôi thật không biết, không thấy mà nói có biết có thấy; đó là hư dối vọng ngữ, trừ bậc Tăng thượng mạn. Hoặc nói tôi chứng bốn Đế lý, hoặc nói trời rồng quỷ thần đến nói chuyện với tội, hoặc nói tôi chứng các tưởng Vô thường..., đắc bốn thiền, bốn không, sáu thần thông, tám giải thoát, chứng bốn Thánh quả; thì Bí-sô ni này ngay lúc đang phạm không phải là Bí-sô ni, không phải là Sa môn, không phải là Thích nữ nữa, mất tánh Bí-sô ni, liền bị đọa lạc trong luân hồi, là kẻ thua trận. Như cây Đa-la bị chặt ngọn thì không thể sống được nữa, Bí-sô ni cũng như vậy. Đối với việc đại vọng ngữ này, tân Bí-sô ni _____ từ nay cho đến trọn đời không được cố ý phạm, nên khởi tâm nhàm lìa và ân trọng phòng hộ; nên sanh tâm

sợ hãi quán sát, siêng tu không buông lung thì có thể thọ trì, không làm việc đại vọng ngữ hay không? Đáp là không làm.

5. Thế tôn, Như thật tri, Ứng chánh đẳng giác đã dùng vô lượng pháp môn chê trách ái nhiễm, như Phật đã dạy Bí-sô ni nào có tâm nhiễm cùng người nam có tâm nhiễm, hai thân xúc chạm nhau từ mắt trở xuống, từ đùi trở lên, khởi tâm thọ lạc cho đến xúc chạm mạnh, thì Bí-sô ni này thì ngay lúc đang phạm không phải là Bí-sô ni, không phải là Sa môn, không phải là Thích nữ nữa, mất tánh Bí-sô ni, liền bị đọa lạc trong luân hồi, là kẻ thua trận. Như cây Đa-la bị chặt ngọn thì không thể sống được nữa, Bí-sô ni cũng như vậy. Đối với việc ái nhiễm xúc chạm này, tân Bí-sô ni từ nay cho đến trọn đời không được cố ý phạm, nên khởi tâm nhàm lìa và ân trọng phòng hộ; nên sanh tâm sợ hãi quán sát, siêng tu không buông lung thì có thể thọ trì, không làm việc ái nhiễm xúc chạm hay không? Đáp là không làm.

6. Như Phật đã dạy, Bí-sô ni nào có tâm nhiễm cùng người nam có tâm nhiễm làm tám việc trạo cử hí tiếu, hẹn hò, đồng ở một chỗ, buông thân nằm nơi chỗ khuất vắng có thể cùng làm việc phi phạm hạnh, thì Bí-sô ni này ngay lúc đang làm không phải là Bí-sô ni... giống như trên cho đến câu có thể thọ trì, không làm tám việc này hay không? Đáp là không làm.

7. Như Phật đã dạy, Bí-sô ni nào trước đã biết Bí-sô ni khác phạm tội Tha thắng mà không nói ra. Thời gian sau, Bí-sô ni phạm tội kia hoặc chết hoặc hoàn tục hoặc bỏ đi, Bí-sô ni này lúc đó mới nói rằng: các cô nên biết, tôi vốn đã biết trước Bí-sô ni kia phạm tội Tha thắng, thì Bí-sô ni này ngay lúc nói ra lời này, không phải là Bí-sô ni.... giống như trên cho đến câu có thể thọ trì, không làm việc che giấu tội trọng của ni khác hay không? Đáp là không làm.

8. Như Phật đã dạy, Bí-sô ni nào biết Bí-sô kia bị Tăng hòa hợp tác yết ma Xả trí, Ni tăng cũng đã tác pháp không lễ kính. Sau đó Bí- sô kia ở trong trú xứ Tăng đã hiện tướng cung kính cầu xin Tăng cứu bạt, tác pháp giải yết ma Xả trí; Bí-sô ni này lại nói với Bí-sô kia rằng: "thầy cần gì phải ở trong trú xứ Tăng đã hiện tướng cung kính cầu xin Tăng cứu bạt, tác pháp giải yết ma Xả trí; tôi sẽ cung cấp cho thầy đầy đủ các vật cần dùng, không để thiếu thốn, thầy cứ an tâm tùy ý đọc tụng". Các Bí-sô ni nên can ngăn Bí-sô ni này rằng: "cô há không biết Bí-sô kia bị Tăng hòa hợp tác yết ma Xả trí, Ni tăng cũng đã tác pháp không lễ kính. Sau đó Bí-sô kia ở trong trú xứ Tăng đã hiện tướng cung kính cầu xin Tăng cứu bạt, tác pháp giải yết ma Xả trí; cô lại tùy thuận cung cấp các vật cần dùng không để thiếu thốn. Cô nên từ bỏ việc làm tùy thuận này đi". Khi các Bí-sô ni can ngăn như thế, Bí-sô ni này

chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ, Ni tăng nên tác pháp yết ma can ngăn cho bỏ việc này. Khi yết ma can ngăn lần thứ ba xong, Bí-sô ni kia chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì không còn là Bí-sô ni... giống như trên cho đến câu có thể thọ trì, không làm việc tùy thuận này hay không? Đáp là không làm.

Nhiếp tụng:

*Ni có tám Tha thắng,*
*Bốn pháp đồng Bí-sô,*
*Xúc chạm, làm tám việc,*
*Giấu, thuận Tăng bị đuổi.*

**8. Truyền Bát kỉnh pháp:**

Yết ma sư bảo giới tử:

Tân Bí-sô ni _____ lắng nghe, Thế tôn, Như thật tri, Ứng chánh đẳng giác vì các Bí-sô ni thọ Cận viên nói ra Bát kỉnh pháp này, trọn đời hành trì không được trái vượt.

1. Bí-sô ni phải đến trong Bí-sô Tăng cầu thọ Cận viên, thành tánh Bí-sô ni.

2. Bí-sô ni nên mỗi nửa tháng đến trong Bí-sô Tăng cầu thỉnh người giáo thọ ni.

3. Bí-sô ni không được an cư nơi chỗ không có các Bí-sô.

4. Bí-sô ni thấy Bí-sô phạm lỗi, không được gạn trách.

5. Bí-sô ni không được sân mắng Bí-sô.

6. Bí-sô ni dù cao tuổi hạ cũng nên kính lễ Bí-sô nhỏ tuổi.

7. Bí-sô ni phạm tội Tăng tàn, nên ở trong hai bộ Tăng hành nửa tháng Ma-na-đỏa.

8. Bí-sô ni an cư xong nên đến trong Bí-sô Tăng làm việc Tùy ý (tự tứ).

Tân Bí-sô ni đối với tám pháp Kỉnh này phải trọn đời hành trì, không được trái vượt.

Nhiếp tụng:

*Theo Tăng thọ Cận viên,*
*Nửa tháng cầu giáo thọ,*
*Nương Bí-sô an cư,*
*Thấy lỗi không gạn trách,*
*Không sân mắng, kính nhỏ,*
*Trong hai chúng - Ý hỉ,*
*Đến Bí-sô - Tùy ý.*
*Đây là tám kỉnh pháp.*

**9. Truyền bốn pháp nên làm của Sa môn:**

Yết ma sư bảo giới tử:

Tân Bí-sô ni _____ lắng nghe, Thế tôn, Như thật tri, Ứng chánh đẳng giác vì các Bí-sô ni thọ Cận viên nói bốn pháp nên làm của Sa môn. Tân Bí-sô ni từ nay cho đến trọn đời, nếu bị người khác chửi mắng thì không được chửi mắng lại; bị người khác sân hận thì không được sân hận lại; bị người khác cười chê nhạo báng thì không được cười chê nhạo báng lại; bị người khác đánh thì

không được đánh trả lại. Khi có các việc não loạn như thế phát sanh thì tân Bí-sô ni _____ có thể nhiếp tâm không trả thù hay không? Đáp là không trả thù.

Tân Bí-sô ni _____ lắng nghe, trước đây cô đã khởi tâm mong cầu và suy nghĩ rằng: cho đến bao giờ ta mới được ở trong pháp luật thiện thuyết của Thế tôn, xuất gia thọ Cận viên thành tánh Bí-sô ni. Nay cô đã được xuất gia thọ Cận viên, gặp được Ô-ba-đà-da và A-giá-lợi-da như pháp, lại được hai bộ Tăng nhất tâm hòa hợp bạch tứ yết ma như pháp. Cũng như những điều mà Bí-sô ni một trăm tuổi hạ cần phải học, cô cũng phải học như vậy; những điều mà cô cần phải học cũng đồng với họ như thế, đồng được học xứ, đồng thuyết giới kinh. Từ nay cho đến trọn đời, đối với việc này cô nên sanh tâm cung kính phụng hành, không nên nhàm lìa. Đối với Ô-ba-đà-da, cô nên tưởng như mẹ, Ô-ba-đà-da cũng xem cô như con; cho đến trọn đời cô nên hầu hạ, chăm sóc khi bịnh, khởi tâm thương xót khi già yếu cho đến lúc chết. Đối với các thượng trung hạ tòa đồng phạm hạnh, cô thường phải sanh tâm kính trọng, tùy thuận giúp đỡ, cùng ở chung đọc tụng kinh pháp, thiền tư tu thiện nghiệp. Đối với các pháp như uẩn, xứ, giới, mười hai nhân duyên... cô nên cầu học hiểu cho rõ; đừng trái bỏ pháp quy và xa lìa giãi đãi. Nếu chưa đắc thì cầu được đắc, chưa hiểu thì cầu được hiểu,

chưa chứng thì cầu được chứng, phải chứng được quả A-la-hán cứu cánh Niết-bàn.

Nay ta chỉ nói sơ lược đại cương những việc thiết yếu, còn những việc khác, cô nên đến hỏi hai thầy và các thiện hữu đồng học. Lại nữa, mỗi nửa tháng thuyết Giới kinh, cô nên lắng nghe thọ trì, y theo giáo pháp siêng tu.

Yết ma sư nói kệ:

*"Người trong pháp tối thắng,*
*Đầy đủ thọ Thi la,*
*Chí tâm thường phụng trì,*
*Khó được thân không chướng,*
*Thân đoan nghiêm xuất gia,*
*Thanh thịnh thọ Cận viên,*
*Nói ra lời chân thật,*
*Tri kiến của Chánh giác.*

Tân Bí-sô ni _____ , cô đã thọ Cận viên xong, nên y giáo phụng hành, chớ có buông lung".

-oOo-

# CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ BÁCH NHẤT YẾT MA

## QUYỂN 3

### 1. Yết ma nuôi đồ chúng:

Như Phật đã dạy, Bí-sô ni nào đủ mười hai tuổi hạ muốn nuôi đồ chúng nên theo Ni tăng xin yết ma nuôi đồ chúng. Tác pháp xin như sau: trải tòa, đánh kiền chùy, Tăng vân tập, tác tiền phương tiện, Bí-sô ni xin nuôi đồ chúng nên đến trước vị Thượng tòa ni trong Ni tăng đảnh lễ rồi quỳ gối chắp tay bạch rằng:

Đại đức Ni tăng lắng nghe, Tôi Bí-sô ni _____ đủ mười hai tuổi hạ muốn nuôi đồ chúng, nay theo Ni tăng xin yết ma nuôi đồ chúng. Cúi xin Ni tăng cho tôi Bí-sô ni _____ yết ma nuôi chúng, xin Ni tăng từ bi thương xót (ba lần).

Một Bí-sô ni trong Ni tăng bạch nhị yết ma như sau:

Đại đức Ni tăng lắng nghe, Bí-sô ni _____ này đủ mười hai tuổi hạ muốn nuôi đồ chúng, nay theo Ni tăng xin yết ma nuôi đồ

chúng. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Ni tăng nay cho Bí-sô ni _____ đủ mười hai tuổi hạ yết ma nuôi chúng. Bạch như vậy.

Đại đức Ni tăng lắng nghe, Bí-sô ni _____ này đủ mười hai tuổi hạ muốn nuôi đồ chúng, nay theo Ni tăng xin yết ma nuôi đồ chúng. Ni tăng nay cho Bí-sô ni _____ đủ mười hai tuổi hạ yết ma nuôi chúng. Các Bí-sô ni chấp thuận cho Bí-sô ni _____ đủ mười hai tuổi hạ yết ma nuôi chúng thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói.

Ni tăng đã chấp thuận cho Bí-sô ni _____ đủ mười hai tuổi hạ yết ma nuôi chúng xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Ni tăng tác pháp cho rồi, Bí-sô ni này được tùy ý nuôi đồ chúng.

**2. Yết ma nuôi chúng vô hạn:**

Bí-sô ni nào muốn nuôi đồ chúng vô hạn nên theo Ni tăng xin yết ma nuôi chúng vô hạn. Tác pháp xin như sau: trải tòa, đánh kiền chùy, Tăng vân tập, tác tiền phương tiện, Bí-sô ni kia nên đầy đủ oai nghi bạch xin như sau:

Đại đức Ni tăng lắng nghe, tôi Bí-sô ni _____ muốn nuôi đồ chúng vô hạn, nay theo Ni tăng xin yết ma nuôi chúng vô hạn. Cúi xin Ni

tăng cho tôi Bí-sô ni _____ yết ma nuôi chúng vô hạn, xin Ni tăng từ bi thương xót (ba lần).

Một Bí-sô ni trong Ni tăng bạch nhị yết ma như sau:

Đại đức Ni tăng lắng nghe, Bí-sô ni _____ này muốn nuôi đồ chúng vô hạn, nay theo Ni tăng xin yết ma nuôi chúng vô hạn. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Ni tăng nay cho Bí-sô ni _____ yết ma nuôi chúng vô hạn. Bạch như vậy.

Đại đức Ni tăng lắng nghe, Bí-sô ni _____ muôn nuôi đồ chúng vô hạn, nay theo Ni tăng xin yết ma nuôi chúng vô hạn, Ni tăng nay cho Bí-sô ni _____ yết ma nuôi chúng vô hạn. Các Bí-sô ni chấp thuận cho Bí-sô ni _____ yết ma nuôi chúng vô hạn thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói.

Ni tăng đã chấp thuận cho Bí-sô ni _____ yết ma nuôi chúng vô hạn xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Ni tăng đã tác pháp cho rồi thì Bí-sô ni này được tùy ý nuôi đồ chúng vô hạn.

**3. Yết ma không lìa y Tăng-già-lê:**

Bí-sô nào tuổi già sức yếu hoặc bịnh không thể mang theo y Tăng- già-lê nhiều lớp quá nặng, Bí-sô này nên theo Tăng xin yết ma không lìa y Tăng-già-lê. Tác pháp xin như sau: trải tòa, đánh kiền

chùy, Tăng vân tập ít nhất là bốn người, tác tiền phương tiện, Bí-sô kia nên đến trước vị Thượng tòa trong Tăng, đủ oai nghi bạch như sau:

Đại đức Tăng lắng nghe, tôi Bí-sô _____ tuổi già sức yếu hoặc bịnh không thể mang theo y Tăng-già-lê nhiều lớp quá nặng, tôi Bí-sô _____ nay theo Tăng xin yết ma không lìa y Tăng-già- lê. Cúi xin Tăng cho tôi Bí-sô _____ yết ma không lìa y Tăng-già-lê, xin Tăng từ bi thương xót (ba lần).

Một Bí-sô trong Tăng bạch nhị yết ma như sau:

Đại đức Tăng lắng nghe, Bí-sô _____ này tuổi già sức yếu hoặc bịnh không thể mang theo y Tăng-già-lê nhiều lớp quá nặng, Bí-sô _____ này nên theo Tăng xin yết ma không lìa y Tăng-già- lê. Nếu Tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay cho Bí-sô _____ yết ma không lìa y Tăng-già-lê. Bạch như vậy.

Đại đức Tăng lắng nghe, Bí-sô _____ này tuổi già sức yếu hoặc bịnh không thể mang theo y Tăng-già-lê nhiều lớp quá nặng, Bí-sô _____ này nên theo Tăng xin yết ma không lìa y Tăng-già-lê, Tăng nay cho Bí-sô _____ yết ma không lìa y Tăng-già-lê. Các Bí-sô chấp thuận cho Bí-sô _____ yết ma không lìa y Tăng-già-lê thì im lặng, ai không chấp thuận thì

nói.

Tăng đã chấp thuận cho Bí-sô _____ yết ma không lìa y Tăng-già- lê xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Tăng đã tác pháp cho rồi thì Bí-sô này được tùy ý mang theo hai y thượng hạ du hành, Bí-sô ni cũng theo nghi này mà làm.

**4. Yết ma kết tiểu giới (giới tràng):**

Như Phật dạy các Bí-sô khi dừng ở tại trú xứ nào cũng phải kết giới, lúc đó các Bí-sô không biết có mấy loại giới và kết như thế nào, Phật nói: "có hai loại giới là tiểu giới và đại giới, muốn kết tiểu giới tràng phải chọn một chỗ không có các nạn ngại ở trong đại giới mà kết. Các Bí-sô cựu trụ nên cùng xem xét các tiêu tướng ở bốn phía của tiểu giới, như tiêu tướng phía Đông là cây hoặc là hàng rào, mô đất, trụ đá, trụ sắt, trụ cây...; tiêu tướng ở ba phía kia theo đó mà nhận biết. Sau khi xem thấy các tiêu tướng rồi nên đánh kiền chùy nhóm tất cả các Bí-sô cựu trụ lại, tác tiền phương tiện rồi xướng tiêu tướng ở bốn phía của tiểu giới, sau đó một Bí-sô bạch nhị yết ma kết như sau:

Đại đức Tăng lắng nghe, nay tại trú xứ này, các Bí-sô cựu trụ đã cùng xem xét các tiêu tướng ở bốn phía của tiểu giới, như tiêu tướng phía Đông là cây hoặc là hàng rào, mô đất, trụ đá, trụ sắt, trụ cây...; tiêu tướng phía Nam là _____ , tiêu tướng

phái Tây là _____ , tiêu tướng phía Bắc là _____ . Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay trong phạm vi các tiêu tướng này kết làm tiểu giới tràng. Bạch như vậy.

Đại đức Tăng lắng nghe, nay tại trú xứ này, các Bí-sô cựu trụ nên cùng xem xét các tiêu tướng ở bốn phía của tiểu giới, như tiêu tướng phía Đông là cây hoặc là hàng rào, mô đất, trụ đá, trụ sắt, trụ cây...; tiêu tướng phía Nam là _____ , tiêu tướng phía Tây là _____, tiêu tướng phía Bắc là _____ . Tăng nay ở trong phạm vi các tiêu tướng này kết làm tiểu giới tràng. Các Bí-sô chấp thuận ở trong phạm vi các tiêu tướng này kết làm tiểu giới tràng thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói.

Tăng đã chấp thuận ở trong phạm vi các tiêu tướng này kết làm tiểu giới tràng xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

**5. Yết ma kết đại giới:**

Các Bí-sô cựu trụ nên cùng xem xét các tiêu tướng ở bốn phía của đại giới, như tiêu tướng phía Đông là cây hoặc là hàng rào, mô đất, trụ đá, trụ sắt, trụ cây...; tiêu tướng ở ba phía kia theo đây mà nhận biết. Sau khi xem thấy các tiêu tướng rồi nên đánh kiền chùy nhóm tất cả các Bí-sô cựu trụ lại,

tác tiền phương tiện rồi xướng tiêu tướng ở bốn phía của đại giới, sau đó một Bí-sô bạch nhị yết ma kết như sau:

Đại đức Tăng lắng nghe, nay tại trú xứ này, các Bí-sô cựu trụ đã cùng xem xét các tiêu tướng ở bốn phía của đại giới, như tiêu tướng phía Đông là cây hoặc là hàng rào, mô đất, trụ đá, trụ sắt, trụ cây...; tiêu tướng phía Nam là _____ , tiêu tướng phía Tây là _____ , tiêu tướng phía Bắc là _____ . Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay ở trong phạm vi các tiêu tướng này kết làm đại giới của Tăng, từ A-lan-nhã cho đến trú xứ này, đồng một trú xứ làm Bao-sái-đà, trừ thôn và thế phần của thôn. Bạch như vậy.

Đại đức Tăng lắng nghe, nay tại trú xứ này, các Bí-sô cựu trụ đã cùng xem xét các tiêu tướng ở bốn phía của đại giới, như tiêu tướng phía Đông là cây hoặc là hàng rào, mô đất, trụ đá, trụ sắt, trụ cây...; tiêu tướng phía Nam là _____ , tiêu tướng phía Tây là _____, tiêu tướng phía Bắc là _____ Tăng nay trong phạm vi các tiêu tướng này kết làm đại giới của Tăng, từ A-lan-nhã cho đến trú xứ này, đồng một trú xứ làm Bao-sái-đà, trừ thôn và thế phần của thôn. Các Bí-sô chấp thuận ở trong phạm vi các tiêu tướng này kết làm đại giới của Tăng, từ A-lan-nhã cho đến trú xứ này, đồng một trú xứ làm Bao-sái-đà, trừ thôn và thế

phần của thôn thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói.

Tăng đã chấp thuận ở trong các tiêu tướng này kết làm đại giới của Tăng, từ A-lan-nhã cho đến trú xứ này, đồng một trú xứ làm Bao- sái-đà, trừ thôn và thế phần của thôn xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Sau khi Tăng đã kết đại giới xong thì ở trong trú xứ này có bao nhiêu Bí-sô đều phải tập họp lại một chỗ để làm Bao-sái-đà và việc Tùy ý, tất cả các pháp đơn bạch yết ma, bạch nhị yết ma, bạch tứ yết ma đều nên làm. Nếu khi tác pháp mà Tăng không như pháp nhóm họp thì tác pháp không thành, Tăng phạm tội Việt pháp.

**6. Yết ma kết giới không mất y:**

Tăng nên ở trong đại giới kết giới không mất y, tác tiền phương tiện rồi một Bí-sô bạch nhị yết ma như sau:

Đại đức Tăng lắng nghe, Tăng ở trong trú xứ này trước đã hòa hợp kết làm đại giới của Tăng, từ A-lan-nhã cho đến trú xứ này, đồng một trú xứ làm Bao-sái-đà, trừ thôn và thế phần của thôn. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nên trên đại giới này kết giới Bí-sô không mất y. Bạch như vậy.

Đại đức Tăng lắng nghe, Tăng ở trong trú xứ này trước đã hòa hợp kết làm đại giới của Tăng, từ

A-lan-nhã cho đến trú xứ này, đồng một trú xứ làm Bao-sái-đà, trừ thôn và thế phần của thôn. Tăng nay trên đại giới này kết giới Bí-sô không mất y, các Bí-sô chấp thuận ở trên đại giới này kết giới Bí-sô không mất y thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Tăng đã chấp thuận ở trên đại giới này kết giới Bí-sô không mất y xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Tăng kết giới không mất y xong rồi thì các Bí-sô khi đi lại trong giới chỉ cần mang hai y thượng hạ, không có lỗi lìa y.

7. Yết ma giải đại tiểu giới:

Muốn giải đại giới, Tăng nên ở trong đại giới tác pháp như sau: trải tòa, đánh kiền chùy, Tăng vân tập ít nhất là bốn Bí-sô, tác tiền phương tiện rồi bạch tứ yết ma giải:

Đại đức Tăng lắng nghe, Tăng ở trong trú xứ này trước đã hòa hợp kết làm đại giới của Tăng, đồng một trú xứ làm Bao-sái-đà, trừ thôn và thế phần của thôn. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay giải đại giới này. Bạch như vậy.

Đại đức Tăng lắng nghe, Tăng ở trong trú xứ này trước đã hòa hợp kết làm đại giới của Tăng, đồng một trú xứ làm Bao-sái-đà, trừ thôn và thế phần của thôn. Tăng nay giải đại giới này, các Bí-sô chấp thuận giải đại giới này thì im lặng, ai không

chấp thuận thì nói. Đây là yết ma lần thứ nhất (lần thứ hai, lần thứ ba)

Tăng đã chấp thuận giải đại giới này xong rồi, Tăng chấp thuận vì im lạng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Muốn giải tiểu giới tràng, Tăng phải ở trong tiểu giới tràng, ít nhất bốn Bí-sô tác tiền phương tiện rồi bạch tứ yết ma giải như sau:

Đại đức Tăng lắng nghe, Tăng ở trong trú xứ này trước đã hòa hợp kết làm tiểu giới tràng. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay giải tiểu giới tràng này. Bạch như vậy.

Đại đức Tăng lắng nghe, Tăng ở trong trú xứ này trước đã hòa hợp kết làm tiểu giới tràng. Tăng nay giải tiểu giới tràng này, các Bí-sô chấp thuận giải tiểu giới tràng này thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Đây là yết ma lần thứ nhất (lần thứ hai, lần thứ ba)

Tăng đã chấp thuận giải tiểu giới tràng này xong rồi, Tăng chấp thuận vì im lạng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Nếu muốn kết đại tiểu giới một lần hay giải cả hai một lần thì các Bí-sô cựu trụ nên cùng xem xét các tiêu tướng ở bốn phía của tiểu giới, như tiêu tướng phía Đông là cây hoặc là hàng rào, mô đất, trụ đá, trụ sắt, trụ cây...; tiêu tướng ở phía nam, tây

và bắc cũng theo đó mà nhận biết, sau đó xem xét đến các tiêu tướng ở bốn phương của đại giới giống như trường hợp của tiểu giới. Tăng nên ở trên hai cương giới này tác pháp như sau: trải tòa, đánh kiền chùy, Tăng vân tập, tác tiền phương tiện, một Bí-sô trong Tăng xướng tiêu tướng bốn phương của tiểu giới trước: tiêu tướng phía Đông là _____ kế đến tiêu tướng ba phía Nam tây bắc. Xướng xong các tiêu tướng của tiểu giới rồi mới xướng tiêu tướng bốn phương của đại giới: tiêu tướng phương Đông là _____ rồi đến tiêu tướng của ba phương Nam tây bắc. Xướng xong các tiêu tướng của đại giới rồi, Bí-sô tác yết ma nên dùng giường hay phản, chiếu... đè ở trên hai giới này rồi mới tác bạch yết ma kết:

Đại đức Tăng lắng nghe, ở trong trú xứ này, Bí-sô cựu trụ đã xướng các tiêu tướng ở bốn phía của tiểu giới, như tiêu tướng phía Đông là cây hoặc là hàng rào, mô đất, trụ đá, trụ sắt, trụ cây...; tiêu tướng phía Nam là _____ , tiêu tướng phía Tây là _____ , tiêu tướng phía Bắc là _____ . Cũng đã xướng các tiêu tướng ở bốn phương của đại giới: tiêu tướng phương Đông là _____ , tiêu tướng phía Nam là _____ , tiêu tướng phía Tây là _____ , tiêu tướng phía Bắc là _____ . Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay ở trong phạm vi các tiêu tướng này kết làm đại giới

có tiểu giới tràng của Tăng, từ A-lan-nhã cho đến trú xứ này, đồng một trú xứ làm Bao-sái-đà, trừ thôn và thế phần của thôn. Bạch như vậy.

Đại đức Tăng lắng nghe, ở trong trú xứ này, Bí-sô cựu trụ đã xướng các tiêu tướng ở bốn phía của tiểu giới: tiêu tướng phía Đông là _____ , tiêu tướng phía Nam là _____ , tiêu tướng phía Tây là _____ , tiêu tướng phía Bắc là _____ . Cũng đã xướng các tiêu tướng ở bốn phương của đại giới: tiêu tướng phương Đông là , tiêu tướng phía Nam là _____ , tiêu tướng phía Tây là _____ , tiêu tướng phía Bắc là _____ . Tăng nay ở trong phạm vi các tiêu tướng này kết làm đại giới có tiểu giới tràng của Tăng, từ A-lan-nhã cho đến trú xứ này, đồng một trú xứ làm Bao-sái-đà, trừ thôn và thế phần của thôn. Các Bí-sô chấp thuận ở trong phạm vi các tiêu tướng này kết làm đại giới có tiểu giới tràng của Tăng, từ A-lan-nhã cho đến trú xứ này, đồng một trú xứ làm Bao-sái-đà, trừ thôn và thế phần của thôn thì im lặng; ai không chấp thuận thì nói.

Tăng đã chấp thuận ở trong phạm vi các tiêu tướng này kết làm đại giới có tiểu giới tràng của Tăng, từ A-lan-nhã cho đến trú xứ này, đồng một trú xứ làm Bao-sái-đà, trừ thôn và thế phần của thôn xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lạng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Sau đó các Bí-sô đứng dậy đến trong đại giới nhóm họp lại một chỗ, nương theo phạm vi các tiêu tướng của đại giới để kết giới Bí-sô không mất y, cũng giống như trên đã nói.

Nếu muốn giải cả giới cùng một lúc thì Tăng nên nhóm họp ở trên hai giới, Bí-sô tác yết ma dùng giường hay chiếu đè trên hai giới để tác pháp bạch tứ giải như sau:

Đại đức Tăng lắng nghe, Tăng ở trong trú xứ này trước đã hòa hợp kết làm đại giới có tiểu giới tràng của Tăng, đồng một trú xứ làm Bao-sái-đà, trừ thôn và thế phần của thôn. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay giải đại giới có tiểu giới tràng này. Bạch như vậy.

Đại đức Tăng lắng nghe, Tăng ở trong trú xứ này trước đã hòa hợp kết làm đại giới có tiểu giới tràng của Tăng, đồng một trú xứ làm Bao-sái-đà, trừ thôn và thế phần của thôn. Tăng nay giải đại giới có tiểu giới tràng này, các Bí-sô chấp thuận giải đại giới có tiểu giới tràng này thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Đây là yết ma lần thứ nhất (lần thứ hai, lần thứ ba)

Tăng đã chấp thuận giải đại giới có tiểu giới tràng này xong rồi, Tăng chấp thuận vì im lăng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Lúc đó cụ thọ Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Thế tôn, phạm vi của giới không tác pháp như thế nào?",

Phật nói: "nếu các Bí-sô trụ trong thôn thì phạm vi ở trong tường rào, nếu ở bên ngoài thế phần thì nên tập họp lại một chỗ để làm trưởng tịnh và việc tùy ý, cho đến tất cả các pháp đơn bạch yết ma, bạch nhị yết ma, bạch tứ yết ma thảy đều nên làm. Nếu không tập họp lại thì tác pháp không thành, phạm tội biệt trụ".

Lại hỏi: nơi không có thôn xóm, nơi A-lan-nhã, đồng trống thì phạm vi của giới như thế nào?

Phật đáp: phạm vi khoảng chừng một Câu lô xá, các Bí-sô ở trong phạm vi này nên tập họp lại một chỗ để làm trưởng tịnh... như trên cho đến câu nếu không tập họp lại thì tác pháp không thành, phạm tội Việt pháp.

Lại hỏi: như Phật dạy các Bí-sô nên kết đại giới, vậy phạm vi đại giới là chừng bao nhiêu?

Phật đáp: phạm vi đại giới khoảng chừng hai Du thiện na rưỡi (một Du thiện na là chừng 30 dặm, tức là một dịch trạm).

Lại hỏi: nếu phạm vi lớn hơn hai Du thiện na rưỡi thì có gọi là đại giới không?

Phật đáp: không gọi là đại giới.

Lại hỏi: phạm vi xuống phía dưới bao nhiêu thì được gọi là đại giới?

Phật đáp: phạm vi đến chỗ có nước được gọi là đại giới.

Lại hỏi: phạm vi ngoài hai Du thiện na rưỡi mới

đến chỗ có nước, chỗ dư có được gọi là phần của đại giới không? Phật đáp: không gọi là phần của đại giới. Lại hỏi: lên cao chừng bao nhiêu là đại giới?

Phật đáp: lên cao bằng ngọn cây hay đầu tường được gọi là đại giới.

Lại hỏi: nếu ngoài hai Du thiện na rưỡi mới đến ngọn cây hay đầu tường thì chỗ dư có được gọi là phần của đại giới không?

Phật đáp: không gọi là phần của đại giới.

Lại hỏi: ở trên núi chừng bao nhiêu là phạm vi của đại giới? Phật đáp: phạm vi đến chỗ có nước.

Lại hỏi: nếu ngoài hai Du thiện na rưỡi mới đến chỗ có nước thì chỗ dư có được gọi là phần của đại giới không?

Phật đáp: không được gọi là phần của đại giới.

Lại hỏi: nếu không giải đại giới đã kết trước đây, lại ở ngay đây kết thêm giới mới thì có thành kết không?

Phật đáp: không thành.

Lại hỏi: có được lấy giới này nhập chung với giới khác hay không?, Phật nói không được.

Lại hỏi: có mấy loại giới không được nhập chung với nhau và không được kết chồng lên nhau?

Phật đáp: có bốn đó là tiểu giới tràng và chỗ nước đọng, giới của

Bí-sô và giới của Bí-sô ni. Bốn loại giới này

không được nhập chung với nhau và không được kết chồng lên nhau.

Lại hỏi: có thể lấy giới này bao quanh giới khác hay không?

Phật đáp: không được, trừ chỗ nước đọng, tiểu giới tràng và giới của Bí-sô ni

Lại hỏi: chỗ đã kết đại giới từ trước có mấy trường hợp xả?

Phật đáp: có năm trường hợp: một là đại chúng đều hoàn tục, hai là đại chúng đồng thời chuyển căn, ba là đại chúng quyết tâm bỏ đi, bốn là đại chúng đồng thời qua đời và năm là tác pháp yết ma giải giới.

Lại hỏi: có được lấy một cây là tiêu tướng cho hai hoặc ba, bốn giới không?

Phật đáp: ở một góc của hai giới, cho đến ba bốn giới có thể lấy cây làm tiêu tướng, nếu lượng biết giới hạn thì được thành tựu.

Lại hỏi: có được kể Thế tôn vào túc số Tăng hay không?

Phật đáp: không được vì Phật bảo và Tăng bảo, thể vốn sai khác.

Lại hỏi: như Phật đã nói về tịnh và bất tịnh, như thế nào gọi là tịnh và bất tịnh?

Phật đáp: chánh pháp trụ thế có tịnh và bất tịnh, nếu chánh pháp hoại diệt thì đều là bất tịnh.

Lại hỏi: như thế nào gọi là chánh pháp trụ thế,

như thế nào là hoại diệt?

Phật đáp: cho đến khi nào còn có tác pháp yết ma, như thuyết hành trì thì gọi là chánh pháp trụ thế; ngược lại nếu không còn tác pháp yết ma, không như thuyết hành trì thì gọi là hoại diệt.

Lại hỏi: nơi giới không thể kết vượt qua, có được kết vượt qua không?

Phật đáp: không được.

Lại hỏi: có mấy loại giới không thể kết vượt qua?

Phật đáp: có năm loại giới, đó là giới Bí-sô, giới Bí-sô ni, tiểu đàn tràng, chỗ nước đọng và khoảng giữa hai giới.

Lại hỏi: nếu hào sâu, sông khe suối là giới không thể kết vượt qua thì có được kết vượt qua không?

Phật đáp: nếu thường có cầu thì kết vượt qua không lỗi, không có thì không được kết.

Lại hỏi: nếu cầu hư thì trong bao lâu giới không bị mất?

Phật đáp: chừng bảy đêm, đây là dựa trên có tâm tu sửa cầu, nếu không có tâm tu sửa thì tùy cầu hư lúc nào, giới bị mất lúc đó.

Lại hỏi: nếu khi đang kết giới, vị tác pháp yết ma bỗng qua đời thì có thành kết giới không?

Phật đáp: nếu Bí-sô đã xướng tiêu tướng, vị tác pháp yết ma đã bỉnh bạch hơn phân nửa thì tuy qua

đời vẫn thành kết kết giới. Ngược lại nếu chưa xướng tiêu tướng, vị tác pháp yết ma chưa được phân nửa mà qua đời thì không thành kết giới. Trường hợp Bí-sô ni kết giới cũng giống như vậy.

Lại hỏi: có trường hợp một Bí-sô tác pháp yết ma tại bốn trú xứ mà đều được thành tựu không?

Phật đáp: được, nếu mỗi giới đều có đủ bốn người và việc hiện tiền, tức là ở mỗi giới có ba người ngồi, người thứ tư tác pháp yết ma ngồi trên giường, phản hay chiếu trải đè trên ranh giới của bốn giới thì tác pháp được thành tựu. Nếu làm pháp sự với túc số năm người thì trên mỗi giới có bốn người ngồi, người thứ năm tác pháp ngồi ngay trên ranh giới của bốn giới. Nếu làm pháp sự với túc số mười người thì trên mỗi giới có chín người ngồi, người thứ mười tác pháp ngồi ngay trên ranh giới của bốn giới. Nếu làm pháp sự với túc số hai mươi người thì trên mỗi giới có mười chín người ngồi, người thứ hai mươi tác pháp ngồi ngay trên ranh giới của bốn giới. Lại có năm loại túc số Tăng tác pháp yết ma:

1. Là túc số Tăng bốn người được làm các pháp yết ma, chỉ trừ Tùy ý, thọ Cận viên và xuất tội Tăng tàn.

2. Là túc số Tăng năm người được làm các pháp yết ma, chỉ trừ thọ Cận viên tại Tăng và xuất tội Tăng tàn.

3. Là túc số Tăng mười người được làm tất cả các pháp yết ma, chỉ trừ xuất tội Tăng tàn.

4 & 5. Là túc số Tăng hai mươi người và hai mươi người trở lên, được làm tất cả các pháp yết ma.

Bí-sô ni đối với việc kết và giải đại giới, tiểu giới, giới Bí-sô ni không mất y, giới tác pháp và giới không tác pháp, phạm vi tiêu tướng của bốn phương đều giống như Bí-sô.

Lại hỏi: Thế tôn, có mấy loại thuyết Giới kinh Ba-la-đề-mộc-xoa?

Phật đáp: có năm:

1. Là thuyết tựa giới kinh, các pháp còn lại như Tăng đã thường nghe.

2. Là thuyết tựa giới kinh và bốn pháp Ba la thị ca, các pháp còn lại như Tăng đã thường nghe.

3. Là thuyết tựa giới kinh cho đến mười ba pháp Tăng già bà thi sa, các pháp còn lại như Tăng thường nghe.

4. Là thuyết tựa giới kinh cho đến hai pháp Bất định...

5. Là thuyết tựa giới kinh cho đến hết.

Lúc đó vào ngày thứ mười lăm làm Bao-sái-đà (Bao sái dịch nghĩa là trưởng dưỡng, đà dịch nghĩa là tịnh trừ, tức là người phạm tội nên nhớ lại tội đã làm trong mỗi nửa tháng để sám trừ cho được thanh tịnh. Một là ngăn phạm lại trong hiện tại, hai

là ngăn khinh mạn pháp trong tương lai.), Phật ngồi trước các Bí-sô bảo rằng: "phần đêm sắp qua, hãy làm trưởng tịnh", một Bí-sô trong chúng từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu chắp tay bạch Phật: "Thế tôn, trong phòng có một Bí-sô đang bịnh, phải làm thế nào?", Phật bảo nên lấy dục thanh tịnh đến, các Bí- sô không biết ai nên lấy dục, Phật nói: "một người có thể lấy dục của một hoặc hai cho đến nhiều người, nếu ở trong chúng có thể nói hết tên được thì tùy ý lấy dục của nhiều người. Nay ta nói hành pháp cho người gởi dục thanh tịnh như sau: Bí-sô muốn gởi dục thanh tịnh đủ oai nghi đối trước một Bí-sô bạch rằng:

Cụ thọ nhớ nghĩ, hôm nay là ngày thứ mười bốn, Tăng làm trưởng tịnh, tôi Bí-sô _____ vào ngày thứ mười bốn cũng làm trưởng tịnh, tôi Bí-sô _____ tự nói thanh tịnh, không có các chướng pháp, vì nhân duyên bịnh, Tăng sự như pháp, xin gởi dục thanh tịnh (ba lần)

Lại hỏi: "nếu Bí-sô muốn gởi dục thanh tịnh nhưng bịnh quá nặng, không ngồi dậy được muốn dùng thân biểu nghiệp để gởi dục thanh tịnh thì có thành gởi dục thanh tịnh không?", Phật nói: "thành gởi dục thanh tịnh, gọi là thiện gởi dục thanh tịnh; nếu dùng khẩu biểu nghiệp để gởi dục thanh tịnh cũng gọi là thiện gởi dục thanh tịnh. Nếu người bịnh quá nặng không thể dùng thân khẩu biểu nghiệp thì các Bí-sô nên đến chỗ người bịnh, hoặc

đưa người bịnh đến trong Tăng để tác pháp, nếu không làm như vậy thì tác pháp không thành, phạm tội biệt trụ. Ta nay sẽ nói hành pháp cho Bí-sô thọ dục như sau: sau khi thọ dục rồi, Bí- sô này không nên chạy mau hay chạy nhảy, không nhảy qua hố, không được ở chỗ hiểm nạn, đi rên thang lầu trong chùa không được bước hai nấc thang, không được xuất giới, không được đi trên không trung, không được ngủ, không được nhập định và hai việc xấu là không biết hổ thẹn và biếng nhác. Khi thuyết Ba-la-đề-mộc-xoa, trong Tăng hỏi: "Bí-sô không đến có gởi dục thanh tịnh không?", vị trì dục nên đối trước một Bí-sô trong Tăng bạch rằng: "Đại đức nhớ nghĩ, trong liêu phòng có Bí-sô _____ bịnh, hôm nay là ngày thứ mười bốn, Tăng làm trưởng tịnh, Bí-sô _____ vào ngày thứ mười bốn cũng làm trưởng tịnh, Bí-sô _____ tự nói thanh tịnh, không có các chướng pháp, vì nhân duyên bịnh, Tăng sự như pháp, xin gởi dục thanh tịnh", nếu có duyên sự khác thì tùy nói ra, không làm như thế thì tác pháp không thành, phạm tội biệt trụ".

Cụ thọ Ưu-ba-ly hỏi Phật: người thọ dục thanh tịnh của người khác, sau khi thọ dục rồi liền qua đời thì có thành thọ dục thanh tịnh không?

Phật đáp: không thành, nên lấy dục thanh tịnh lại.

Lại hỏi: người mang dục tịnh đến trong Tăng

cho Bí-sô, nếu tự nói tôi là Cầu tịch hoặc nói là người tục, hoặc là người biệt trụ thì có thành mang dục tịnh đến hay không?, Phật nói không thành.

Lại hỏi: người mang dục đến trong Tăng cho Bí-sô, đang trên đường đi hoặc đến trong Tăng liền qua đời thì có thành mang dục đến hay không?

Phật nói: không thành, nên lấy dục lại. Các hành pháp của Bí-sô gởi dục và thọ dục nên biết như vậy, nhưng trong đây có điểm khác là nếu làm trưởng tịnh mới nói là gởi dục thanh tịnh, nếu không phải làm trưởng tịnh mà làm các yết ma khác thì chỉ nên nói là gởi dục, không cần nói thanh tịnh; nếu kiêm cả hai yết ma thì nên nói gởi dục thanh tịnh.

Lại hỏi: nếu trú xứ chỉ có một Bí-sô, đến ngày trưởng tịnh nên làm thế nào?

Phật đáp: đến ngày trưởng tịnh, Bí-sô một mình nơi A-lan-nhã nên quét dọn sạch sẽ trú xứ, trải tòa rồi tụng vài bài kinh, sau đó lên chỗ cao nhìn ngó bốn phía nếu thấy có Bí-sô nào đến, nên chào hỏi và nói: "cụ thọ, hôm nay là ngày trưởng tịnh, thầy nên cùng tôi làm trưởng tịnh". Nếu thấy không có ai đến thì Bí-sô này nên ở trong trú xứ của mình tâm niệm miệng nói rằng:

Hôm nay là ngày thứ mười bốn, Tăng trưởng tịnh, con Bí-sô _____ cũng trưởng tịnh, con Bí-sô đối với các chướng pháp tự nói thanh tịnh.

Nay con tạm làm trưởng tịnh, sau này gặp chúng tăng hòa hợp, con sẽ làm trưởng tịnh với đầy đủ các giới tụ (ba lần).

Nếu trú xứ có hai Bí-sô, đến ngày trưởng tịnh cũng theo thứ lớp như trên rồi cùng đối thú với nhau; nếu trú xứ có ba Bí-sô cũng làm như thế. Trú xứ đủ bốn Bí-sô nên làm trưởng tịnh như pháp, nhưng không được thọ dục thanh tịnh; nếu có năm Bí-sô trở lên thì một người được gởi dục thanh tịnh. Đến ngày thứ mười lăm trưởng tịnh, nếu Bí-sô nhớ tội đã phạm thì nên đối trước một Bí-sô thanh tịnh như pháp sám hối trừ tội rồi mới làm trưởng tịnh; nếu Bí-sô đối với tội có nghi thì nên đến một Bí-sô thông tam tạng để thỉnh hỏi trừ nghi rồi như pháp sám hối xong mới được trưởng tịnh. Nếu khi đang ở trong chúng làm trưởng tịnh mà nhớ tội đã phạm thì Bí-sô này nên đối với tội ấy tâm niệm thủ trì như sau:

Hôm nay ngày thứ mười lăm, Tăng đang trưởng tịnh, con Bí-sô

_____ cũng đang trưởng tịnh. Con Bí-sô _____ đang ở trong Tăng bỗng nhớ tội đã phạm, con Bí-sô _____ đối với tội đã phạm tự tâm niệm thủ trì, sau khi Tăng trưởng tịnh xong, con sẽ đối trước Bí-sô thanh tịnh sám hối trừ tội ấy.

Nếu khi Bí-sô đang ở trong chúng làm trưởng

tịnh, đối với tội đã phạm có nghi thì Bí-sô này nên đối với tội ấy tâm niệm thủ trì như sau:

Hôm nay ngày thứ mười lăm, Tăng đang trưởng tịnh, con Bí-sô _____ cũng đang trưởng tịnh. Con Bí-sô _____ đang ở trong Tăng bỗng đối với tội đã phạm có nghi, con Bí-sô _____ đối với tội đã phạm có nghi này tự tâm niệm thủ trì, sau khi Tăng trưởng tịnh xong, con sẽ đến Bí-sô thông tam tạng thỉnh hỏi để quyết nghi rồi sẽ như pháp sám hối trừ tội ấy.

Trường hợp đang nghe thuyết Giới kinh, Bí-sô ngay nơi chỗ ngồi nghe hỏi mới nhớ tội đã phạm hoặc đối với tội có nghi thì cũng giống như trên, tự tâm niệm thủ trì, sau đó sẽ đối trước Bí-sô thanh tịnh như pháp sám hối trừ tội.

-oOo-

# CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ BÁCH NHẤT YẾT MA

## QUYỂN 4

### 1. Bao-sái-đà - tất cả Tăng đều có tội - Đơn bạch:

Vào ngày thứ mười lăm trưởng tịnh, ở trong trú xứ này, nếu tất cả Tăng đều có tội nhưng không có ai đến trú xứ khác để đối trước Bí-sô thanh tịnh như pháp sám hối rồi trở về trong trú xứ này cho chúng tăng đối trước vị này sám hối trừ tội thì chúng tăng nên tác Đơn bạch để trưởng tịnh, sau đó đến trú xứ khác đối trước Bí-sô thanh tịnh sám hối trừ tội. Đơn bạch như sau:

Đại đức Tăng lắng nghe, hôm nay là ngày thứ mười lăm trưởng tịnh, ở trong trú xứ này, tất cả Tăng đều có tội nhưng không có ai đến trú xứ khác để đối trước Bí-sô thanh tịnh như pháp sám hối rồi trở về trong trú xứ này cho chúng tăng đối trước vị này sám hối trừ tội. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay tác Đơn bạch để trưởng tịnh, sau đó đến trú xứ khác đối trước Bí-sô thanh tịnh như pháp sám hối trừ tội.

Bạch như vậy.

Đơn bạch xong mới làm trưởng tịnh, không được bỏ qua, nếu không làm như thế thì Tăng phạm tội Việt pháp.

Vào ngày thứ mười lăm trưởng tịnh, ở trong trú xứ này, nếu tất cả Tăng đối với tội đều có nghi nhưng không có ai đến trú xứ khác để thỉnh hỏi Bí-sô thông tam tạng nhờ quyết nghi rồi như pháp sám hối, sau đó trở về trong trú xứ này cho chúng tăng đối trước vị này quyết nghi rồi sám hối trừ tội thì chúng tăng nên tác đơn bạch để trưởng tịnh, sau đó đến trú xứ khác thỉnh hỏi quyết nghi xong sẽ như pháp sám hối trừ tội. Đơn bạch như sau:

Đại đức Tăng lắng nghe, hôm nay là ngày thứ mười lăm trưởng tịnh, ở trong trú xứ này, tất cả Tăng đối với tội đều có nghi nhưng không có ai đến trú xứ khác để đối trước Bí-sô thông tam tạng nhờ quyết nghi rồi như pháp sám hối, sau đó trở về trong trú xứ này cho chúng tăng đối trước vị này quyết nghi và như pháp sám hối trừ tội. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay tác Đơn bạch để trưởng tịnh, sau đó đến trú xứ khác đối trước Bí-sô thông tam tạng nhờ quyết nghi rồi sẽ như pháp sám hối trừ tội. Bạch như vậy.

Đơn bạch xong mới làm trưởng tịnh, không được bỏ qua, nếu không làm như thế thì Tăng phạm

tội Việt pháp.

Cụ thọ Ưu-ba-ly bạch Phật: "Bí-sô phạm tội có được đối trước người phạm cùng tội phát lồ sám hối không?", Phật nói không được, lại hỏi được đối trước ai sám, Phật nói được đối trước người phi đồng phần, lại hỏi: "thế nào là tội đồng phần, thế nào là tội phi đồng phần?", Phật nói: "tội Ba la thị ca đối với tội Ba la thị ca là tội đồng phần, đối với tội trong thiên giới khác là phi đồng phần. Tội Tăng già bà thi sa đối với tội Tăng già bà thi sa là tội đồng phần, đối với tội trong thiên giới khác là phi đồng phần. Tội Ba-dật-đề cho đến tội Đột sắc ngật lý ca dựa theo trên nên biết".

**2. Bao-sái-đà - Đơn bạch:**

Đến ngày trưởng tịnh, nếu các Bí-sô có phạm tội đã tác pháp như trên rồi nên thuyết Giới kinh Ba-la-đề-mộc-xoa, thuyết tựa giới kinh xong nên tác Đơn bạch như sau:

Đại đức Tăng lắng nghe, hôm nay là ngày thứ mười bốn không trăng, Tăng làm trưởng tịnh. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay làm trưởng tịnh, thuyết Giới kinh Ba-la-đề- mộc-xoa. Bạch như vậy. Đơn bạch xong liền thuyết Giới kinh, Bí-sô ni cũng tác pháp đồng với Bí-sô.

**3. Khi trưởng tịnh không đến - Bạch nhị:**

Khi trưởng tịnh không phải kết giới, nếu có Bí-

sô điên cuồng không thể gởi dục thanh tịnh, cũng không thể đưa họ vào trong Tăng thì như Phật dạy, nên tác yết ma cho Bí-sô này để chúng tăng làm trưởng tịnh không phạm. Tác bạch nhị yết ma cho như sau:

Đại đức Tăng lắng nghe, Bí-sô _____ mắc bịnh điên cuồng, không thể gởi dục thanh tịnh, cũng không thể đưa vào trong Tăng. Tăng nên tác pháp yết ma cho Bí-sô này để Tăng làm trưởng tịnh không phạm. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay tác yết ma bịnh hoạn cho Bí-sô _____ này. Bạch như vậy.

Văn yết ma dựa theo văn tác bạch mà làm.

**4. Yết ma sai người chia ngọa cụ:**

Như Phật đã dạy, đến ngày 16 tháng 5 phải hạ an cư, các Bí-sô không biết kết hạ an cư như thế nào, Phật nói: "sắp đến ngày an cư, nên chuẩn bị chia phòng xá trước, các vật dụng của Tăng như ngọa cụ, phu cụ... cho đến chậu rửa chân đều nên gom lại một chỗ để chia đều cho các Bí-sô hạ an cư", lúc đó các Bí-sô không biết ai nên chia, Phật nói: "có mười hai hạng người nên sai làm người chia ngọa cụ, người có đủ năm pháp nếu chưa sai thì không nên sai, nếu đã sai rồi thì không cho làm, đó là: tùy ái, tùy sân, tùy sợ, tùy si, không nhớ đã làm hay chưa làm. Ngược với năm pháp trên thì nếu chưa sai nên sai, nếu đã sai rồi thì nên bảo

làm". Tác pháp sai như sau: một Bí-sô trong Tăng nên hỏi người được sai: "thầy có thể vì Tăng làm người chia ngọa cụ cho các Bí- sô hạ an cư không?", đáp là có thể, Bí-sô bạch nhị yết ma sai như sau:

Đại đức Tăng lắng nghe, Bí-sô _____ này có thể làm người chia ngọa cụ cho Tăng trong hạ an cư. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay sai Bí-sô _____ làm người chia ngọa cụ cho Tăng trong hạ an cư. Bạch như vậy.

Đại đức tăng lắng nghe, Bí-sô _____ này có thể làm người chia ngọa cụ cho Tăng trong hạ an cư, Tăng nay sai Bí-sô này làm người chia ngọa cụ cho Tăng trong hạ an cư. Các Bí-sô chấp thuận sai Bí-sô _____ làm người chia ngọa cụ cho Tăng trong hạ an cư thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Tăng đã chấp thuận sai Bí-sô _____ này làm người chia ngọa cụ cho Tăng xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

**5. Yết ma sai người giữ y:**

Bí-sô bạch nhị yết ma sai như sau:

Đại đức Tăng lắng nghe, Bí-sô _____ này có thể làm người giữ y vật cho Tăng. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay sai Bí-sô _____ làm người giữ y

vật cho Tăng. Bạch như vậy.

Văn yết ma dựa theo văn tác bạch mà làm.

**6. Yết ma sai người chia y:**

Bí-sô bạch nhị yết ma sai như sau:

Đại đức Tăng lắng nghe, Bí-sô _____ này có thể làm người chia y cho Tăng. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay sai Bí-sô _____ làm người chia y cho Tăng. Bạch như vậy.

Văn yết ma dựa theo văn tác bạch mà làm.

**7. Yết ma sai người giữ khí vật:**

Bí-sô bạch nhị yết ma sai như sau:

Đại đức Tăng lắng nghe, Bí-sô _____ này có thể làm người giữ khí vật cho Tăng. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay sai Bí-sô _____ làm người giữ khí vật cho Tăng. Bạch như vậy.

Văn yết ma dựa theo văn tác bạch mà làm. Tám loại yết ma sai người khác cũng dựa theo văn này.

**8. Tăng yết ma an cư:**

Phật nói: "ta nay nói hành pháp cho Bí-sô thọ sự như sau: vào ngày 15 tháng 5, Bí-sô thọ sự nên quét dọn phòng xá sạch sẽ rồi ở trong chúng cáo bạch: "các Đại đức, ngày mai Tăng sẽ tác yết ma an cư". Cáo bạch rồi đi kiểm tra có bao nhiêu người an cư để làm thẻ, không được làm thẻ quá thô xấu

hay cong vẹo, nên rửa sạch bằng nước thơm, để trên cái mâm sạch, rắc hoa tươi lên và dùng tấm vải sạch phủ lên. Kế đánh kiền chùy nhóm Tăng rồi để mâm thẻ này ở trước vị Thượng tòa. Bí-sô thọ sư nên tuyên cáo chế lịnh của Tăng trong an cư như trong luật đã nói". Vị Thượng tòa trong Tăng tác Đơn bạch thọ thẻ như sau:

Đại đức Tăng lắng nghe, hôm nay là ngày 15 tháng 5, Tăng muốn hạ an cư. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng hôm nay thọ thẻ, ngày mai tác pháp an cư. Bạch như vậy.

Bí-sô thọ sư bưng mâm thẻ để phát đi trước, người bưng mâm không để thu thẻ đi sau. Trước đến chỗ Đại sư giáo chủ bỏ xuống một thẻ, kế đến trước vị Thượng tòa, Thượng tòa với đủ oai nghi thọ lấy một thẻ rồi để trên mâm không, cứ như thế phát thẻ và thu thẻ từ vị Thượng tòa cho đến vị cuối cùng. Nếu có Cầu tịch thì Ô-ba-đà-da hay A-giá-lợi- da nên lấy thẻ cho họ, cuối cùng là thẻ của vị thiên thần hộ chùa. Sau đó gom số thẻ đã thu lại để đếm biết số người an cư rồi ở trong Tăng cáo bạch: "số người hiện diện thọ thẻ trong đây gồm có _____ Bí-sô và _____ Cầu tịch". Người được sai chia phòng xá ngọa cụ cho Tăng an cư nên đi xem xét họ thọ dụng cho như pháp không, nếu ai thọ dụng không như pháp thì trị phạt như trong Luật đã nói. Đến ngày 15 tháng 5, Bí-sô

thọ sư nên ở trong Tăng cáo bạch: "các cụ thọ, số người an cư trong trú xứ này tổng cộng là _____ , ngày mai tất cả sẽ nương theo thí chủ tên _____ , nương vào thôn phường _____ để khất thực, nương theo _____ làm người cung cấp, nương theo _____ làm người khán bịnh để hạ an cư". Sau đó các Bí-sô nên tự đi xem xét chỗ khất thực gần thôn phường, xem xét rồi nên suy nghĩ: "ta nên cùng các vị đồng phạm hạnh ở tại trú xứ này an cư để phiền não không sanh, nếu đã phát sanh sẽ khiến mau trừ diệt, nếu an lạc chưa sanh sẽ khiến cho phát sanh, đã phát sanh sẽ khiến cho tăng trưởng. Ở gần thôn phường này khất thực sẽ không gặp khổ nhọc và nếu có bịnh sẽ có người khán bịnh và người cung cấp cho đầy đủ thuốc thang và các vật cần dùng".

Qua ngày 16 tháng 5, Bí-sô nên với oai nghi đầy đủ đối trước một Bí-sô bạch an cư như sau:

Đại đức nhớ nghĩ, hôm nay là ngày 16 tháng 5, Tăng tác pháp hạ an cư, con Bí-sô _____ vào ngày 16 tháng 5 cũng tác pháp hạ an cư. Con Bí-sô _____ ở trong đại giới của trú xứ này tiền an cư ba tháng, nương theo thí chủ tên _____ , vị thọ sự tên _____ , vị khán bịnh tên _____ . Trong an cư nếu phòng xá có hư dột con sẽ tu sửa lại, con ở trong đây hạ an cư (ba lần).Bí-sô kia đáp: tốt.

Bí-sô này bạch: lành thay.

Bí-sô hai chúng nên đối trước Bí-sô bạch an cư, Bí-sô ni ba chúng nên đối trước Bí-sô ni bạch an cư.

**9. Yết ma sai người xem xét phòng xá:**

Lúc đó trong hạ an cư có nhiều chim quạ làm tổ ấp trứng nuôi con dưới mái hiên trong chùa nên gây ồn náo cho các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "nên sai người cầm sào đi theo Bí-sô xem xét khắp nơi trong chùa, nếu thấy tổ chim nào không có trứng hay chim non thì nên phá bỏ, nếu thấy có trứng hay chim non thì chờ đến khi chúng bỏ đi mới được phá tổ". Lại có nhiều tổ ong, Phật nói: "cũng nên sai người đi xem xét, nếu thấy tổ không có trứng và ong con thì khua đông cho bầy ong bỏ tổ bay đi, nếu có trứng và ong con thì dùng dây tơ cột tổ lại cho chúng không phát triển". Tác pháp sai như sau: một Bí-sô ở trong Tăng hỏi người được sai: "thầy có thể làm người đi xem xét phòng xá cho Tăng hay không?", đáp là có thể thì Bí-sô bạch nhị yết ma sai như sau:

Đại đức Tăng lắng nghe, Bí-sô _____ này có thể làm người đi xem xét phòng xá cho Tăng. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay sai Bí-sô _____ làm người đi xem xét phòng xá cho Tăng. Bạch như vậy.

Văn yết ma dựa theo văn tác bạch mà làm.

Bí-sô thọ sự nên mỗi nửa tháng đi xem xét phòng xá ngọa cụ, nếu thấy có Bí-sô nào đem ngọa cụ mỏng, hư rách để đổi ngọa cụ của Tăng, nếu Bí-sô này là người lớn thì nên bạch cho Tăng biết rồi thu lại ngọa cụ của Tăng; nếu là người nhỏ thì nên nói cho hai thầy biết rồi thu lại ngọa cụ của Tăng. Bí-sô thọ sự nếu làm trái với hành pháp này thì phạm tội Việt pháp, Bí-sô thọ sự nên ở trong Tăng luân phiên theo thứ lớp sai làm. Cụ thọ Ưu-ba-ly hỏi Phật: "như Phật đã dạy Bí-sô nên hạ an cư, vậy còn ai cũng nên hạ an cư?", Phật nói: "cả năm chúng xuất gia đều nên hạ an cư, ai làm trái thì phạm tội Ác tác".

**10. Yết ma thọ nhật xuất giới:**

Lúc đó cụ thọ Ưu-ba-ly bạch Phật: "như Phật đã dạy trong hạ an cư các Bí-sô không được ngủ đêm ở ngoài giới nên khi có việc của Tam bảo hay việc khác cần phải xuất giới thì các Bí-sô không dám đi", Phật nói: "từ nay khai cho các Bí-sô nếu có nhân duyên được thọ trì pháp bảy ngày xuất giới", các Bí-sô lại không biết việc gì thì được xin xuất giới, Phật nói: "đó là những việc liên quan tới Ô-ba-sách-ca, Ô-ba-tư-ca, Bí- sô, Bí-sô ni, Thức xoa ma na, Cầu tịch nam, Cầu tịch nữ, hoặc thân tộc thỉnh hoặc vì trừ ác kiến cho ngoại đạo, hoặc đối với tam tạng có nghi cần thỉnh hỏi, hoặc trong sự tu điều chưa đắc cầu đắc, điều chưa chứng cầu

chứng, điều chưa hiểu cầu hiểu... tất cả duyên sự này đều được thọ pháp bảy ngày xuất giới".

Lại hỏi: như Phật đã dạy trong hạ an cư có duyên sự phải ra ngoài thì nên thọ pháp bảy ngày, vậy ai được thọ?

Phật đáp: năm chúng nên thọ, đó là Bí-sô, Bí-sô ni, Chánh học nữa, Cầu tịch và Cầu tịch nữ.

Lại hỏi: nên thọ pháp này ở đâu?

Phật đáp: nên thọ pháp này ở trong giới, đối trước một Bí-sô chắp tay bạch rằng: "cụ thọ nhớ nghĩ, tôi Bí-sô _____ ở tại trú xứ này tiền (hậu) an cư ba tháng, tôi Bí-sô _____ nay vì việc Tăng xin thọ pháp bảy ngày xuất giới, nếu không có nạn duyên sẽ trở về lại trong trú xứ này an cư" (ba lần). Nếu có duyên sự phải đi trong sáu ngày cho đến một ngày đều dựa theo pháp thọ bảy ngày mà tác pháp thọ.

Lúc đó vua Thắng quang nước Kiều-tát-la mời trưởng giả Cấp-cô- độc đến trong quân doanh nơi biên thùy lâu ngày, do trưởng giả nhớ các Thánh chúng nên vua sai sứ bảo quan trấn thủ thành đến trú xứ Tăng thỉnh mời Thánh chúng, không phải ra lịnh rồi phương tiện đưa đến trong quân doanh gặp vua. Quán trấn thủ nghĩ ra được một kế để các Thánh chúng tự đến gặp vua, bèn đến trong rừng Thệ đa căng dây đo đạc, các Bí-sô hỏi muốn làm gì, đáp là vua ra lịnh đào mương dẫn nước, các Bí-

sô nói: "các vị tạm thời dừng lại để chúng tôi gặp vua bàn bạc việc này", lại hỏi: "từ đây đến chỗ vua có thể trở về ngay trong ngày được không?", đáp: "không được, e đến bảy ngày cũng không trở về được". Các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "nếu vì việc Tăng, ta khai cho thọ trì pháp xuất giới trong bốn mươi ngày đêm", các Bí-sô không biết thọ trì như thế nào, Phật nói: "nên trải tòa đánh kiền chùy nhóm Tăng, một Bí-sô trong Tăng nên hỏi vị muốn đi: "thầy có thể vì việc Tăng thọ trì pháp xuất giới trong bốn mươi ngày đêm không?", vị này nên đáp là có thể, một Bí-sô trong Tăng bạch nhị yết ma cho thọ nhật xuất giới như sau:

Đại đức Tăng lắng nghe, Bí-sô _____ ở trong giới của trú xứ này tiền (hậu) an cư ba tháng. Bí-sô _____ nay vì việc Tăng xin thọ pháp bốn mươi đêm xuất giới, việc xong trở về đây an cư. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay cho Bí-sô _____ thọ pháp bốn mươi đêm xuất giới, việc xong trở về đây an cư. Bạch như vậy.

Đại đức Tăng lắng nghe, Bí-sô _____ ở trong giới của trú xứ này tiền ( hậu ) an cư ba tháng. Bí-sô _____ nay vì việc Tăng xin thọ pháp bốn mươi đêm xuất giới, việc xong trở về đây an cư. Tăng nay cho Bí-sô _____ thọ pháp bốn mươi đêm xuất giới, việc xong trở về đây an cư. Các Bí-sô chấp thuận cho Bí-sô _____ thọ

pháp bốn mươi đêm xuất giới, việc xong trở về dây an cư thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói.

Tăng đã chấp thuận cho Bí-sô thọ pháp bốn mươi đêm xuất giới, việc xong trở về đây an cư xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Lúc đó tôn giả Ưu-ba-ly hỏi Phật: "có được thọ trì pháp xuất giới một ngày đêm không?", Phật nói được, lại hỏi: "có được thọ trì pháp xuất giới hai ngày đêm cho đến bốn mươi ngày đêm không?", Phật nói được, lại hỏi: "có được thọ trì pháp xuất giới hơn bốn mươi ngày đêm không?", Phật nói: "không được, trong ba tháng an cư thời gian ở trong giới phải nhiều hơn thời gian ở ngoài giới", lại hỏi: "như Phật khai cho thọ trì pháp xuất giới một ngày đêm, vậy nên đối trước ai tác pháp?", Phật nói: "nên đối trước một người, cho đến xuất giới bảy ngày cũng đối trước một người tác pháp, nếu nhiều hơn bảy ngày thì phải ở trong Tăng tác pháp xin".

Như Phật đã dạy, nếu trong hạ an cư, đối với các việc như khất thực, thuốc thang trị bịnh và người khán bịnh có thiếu sót thì cho tùy ý bỏ đi đến chỗ khác. Cho đến gặp nam nữ, bán trách ca hoặc gặp một nạn trong tám nạn đều không nên ở; nếu có duyên sự xuất giới mà gặp một trong tám nạn không trở về được trú xứ đã an cư, cũng không gọi là phá hạ... như trong An cư sự đã nói rõ.

## 11. Yết ma sai người thọ Tùy ý:

Như Phật đã dạy các Bí-sô an cư xong nên thỉnh nói ba việc: thấy, nghe, nghi để tác pháp Tùy ý. Lúc đó các Bí-sô không biết thỉnh nói như thế nào, Phật nói: "trước ngày tác pháp Tùy ý khoảng bảy tám ngày, các Bí-sô cựu trụ đến các thôn xóm lân cận thông báo cho các Bí-sô già trẻ và những người chưa thọ cận viên biết để cùng góp phần vào việc cúng dường. Đến ngày 14 tháng 8, các Bí-sô nên sắp đặt việc cúng dường và trang hoàng nơi Phật điện, bên tháp treo cờ phướn, quét dọn sạch sẽ… Sáng ngày 15 đến giờ tác pháp Tùy ý, Tăng nên sai một vị có đủ năm đức làm người thọ Tùy ý cho Tăng, hoặc hai, ba hay nhiều người nhưng phải là người có đủ năm đức: không thương, không giận, không sợ, không si, khéo hay phân biệt các việc tùy ý. Nếu trái với năm đức trên thì không được sai, nếu trước đó chúng tăng chưa hòa hợp thì phải làm cho hòa hợp; nếu đã hòa hợp thì phải làm cho được an lạc trụ. Nên sai như sau: trải tòa, đánh kiền chùy tập Tăng, Tăng nhóm xong trước nên hỏi vị đủ năm đức: "thầy có thể làm người thọ tùy ý cho tăng già thỉnh nói 3 việc thấy nghe nghi để tác pháp tùy ý không?". Nếu đáp là có thể thì một Bí-sô trong Tăng tác bạch yết ma sai như sau:

Đại đức Tăng già lắng nghe, Bí-sô tên _____ nay làm người thọ Tùy ý cho tăng già hạ an cư. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng

già nên chấp thuận, Tăng nay sai Bí-sô tên _____ làm người thọ Tùy ý cho tăng già hạ an cư. Bạch như thế.

Đại đức Tăng già lắng nghe, Bí-sô tên _____ nay làm người thọ tùy ý cho Tăng già hạ an cư. Tăng nay sai Bí-sô tên _____

làm người thọ tùy ý, Bí-sô này tên sẽ làm người thọ tùy ý cho Tăng già hạ an cư. Nếu các cụ thọ nào chấp thuận Bí-sô tên _____ làm người thọ Tùy ý cho Tăng già hạ an cư thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Tăng già đã chấp thuận Bí-sô tên _____ làm người thọ Tùy ý cho tăng già hạ an cư xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Này các Bí-sô, nay ta chế hành pháp cho Bí-sô thọ Tùy ý như sau: Bí-sô thọ Tùy ý nên trao cỏ tranh cho các Bí-sô, nếu chỉ có một người thọ Tùy ý thì từ Thượng tọa cho đến hạ tòa đều phải làm Tùy ý; nếu là hai người thọ Tùy ý thì một người thọ Tùy ý từ Thượng tòa, một người thọ tùy tùy từ nửa số chúng còn lại cho đến người cuối cùng; nếu là ba người thọ tùy ý thì nên bố trí ba chỗ ngồi và chuẩn theo như trên mà làm Tùy ý. Thượng tòa lúc đó nên tác bạch:

Đại đức Tăng già lắng nghe, hôm nay ngày 15 Tăng già tác pháp Tùy ý. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay tác

pháp Tùy ý, bạch như vậy.

Lúc đó từ Thượng tòa cho đến hạ tòa đều đến trước Bí-sô thọ Tùy ý làm Tùy ý như sau: Cụ thọ nhớ nghĩ, hôm nay ngày 15 Tăng già làm tùy ý, tôi Bí-sô tên _____ cũng làm Tùy ý. Tôi Bí-sô tên _____ ở trong Tăng đối trước Cụ thọ thỉnh nói ba việc thấy nghe nghi để làm tùy ý. Đại đức tăng già nên nhiếp thọ chỉ bảo cho tôi, xin thương xót làm lợi ích cho tôi, nếu tôi thấy biết có tội, tôi sẽ như luật sám hối. (3 lần). Bí-sô thọ tùy ý nói: Áo tỉ ca (thiện).

Bí-sô làm tùy ý nói: sa độ (nhĩ).

Cứ như thế cho đến vị hạ tòa, Bí-sô thọ tùy ý nếu là hai, ba người thì nên đối nhau tác pháp, nếu là một người thì nên tâm niệm tác pháp. Bí-sô tác pháp xong, kế đến Bí-sô ni từng người đến tác pháp cũng giống như Bí-sô. Sau đó là Thức xoa ma na, Cầu tịch, Cầu tịch nữ cũng tác pháp giống như trên. Tác pháp xong, Bí-sô thọ Tùy ý đến trước vị Thượng tòa bạch: hai bộ Tăng già đã làm tùy ý xong. Lúc đó hai bộ tăng già cùng xướng: Lành thay, đã tác pháp tùy ý xong. Nếu cùng xướng lên như thế thì tốt, nếu không xướng thì phạm Ác tác".

Bí-sô thọ Tùy ý cầm dao nhỏ hoặc kim chỉ hoặc các tư cụ tạp vật của Sa môn ở trước Thượng tòa bạch: "Đại đức, các vật thí này có nên trao cho người đã an cư xong làm vật thí Tùy ý không? Nếu

trú xứ này được các lợi vật khác, Tăng già nên hòa hợp chia hay không?", đại chúng cùng đáp nên chia. Nếu làm khác thì Bí-sô thọ Tùy ý và đại chúng đều phạm tội Việt pháp. Lúc đó cụ thọ Ưu-ba-ly hỏi Phật: "đến ngày Tùy ý, nếu Bí-sô bịnh không thể đến được thì phải làm sao?", Phật nói: "Bí-sô bịnh nên chắp tay gởi dục như pháp gởi dục Trưởng tịnh:

Cụ thọ nhớ nghĩ, hôm nay ngày 15 Tăng già tác pháp Tùy ý. Tôi Bí-sô tên _____ vào ngày 15 cũng tác pháp Tùy ý. Tôi Bí-sô tên _____ tự nói không có các chướng pháp, vì bịnh nên Tăng sự như pháp xin gởi dục. Những lời này xin ở trong tăng nói lại giùm. (3 lần).

Nếu gởi dục được như vậy thì tốt, nếu người bịnh không thể nói được thì nên dùng thân biểu nghiệp, cũng thành gởi dục. Khi làm tùy ý, các trường hợp nhớ có tội, đối với tội có nghi thì khác với lúc trưởng tịnh là Bí-sô khi làm tùy ý ở trong chúng nhớ có tội, đối với tội có nghi thì phải tùy thời phát lồ sám hối".

### 12. Khi làm Tùy ý, trong chúng tranh cãi về tội:

Khi làm Tùy ý, nếu trong chúng tranh cãi lăng xăng về tội đã phạm là khinh hay trọng thì Tăng nên tác Đơn bạch để quyết đoán tội này như sau:

Đại đức Tăng lắng nghe, hôm nay là ngày 15,

Tăng làm Tùy ý, do trong Tăng phát sanh tranh cãi về tội đã phạm là khinh hay trọng nên làm trở ngại pháp sự, Tăng nay muốn quyết đoán tội này. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay cùng quyết đoán tội này. Bạch như vậy.

Sau khi tác bạch xong, Tăng nên hỏi vị thông tam tạng có khả năng quyết đoán tội để như pháp như luật quyết đoán tội này. Khi đã quyết đoán rồi nên bạch cho Tăng biết tội đã được quyết đoán như sau:

Đại đức Tăng lắng nghe, hôm nay là ngày 15, Tăng làm Tùy ý, do trong Tăng phát sanh tranh cãi về tội đã phạm là khinh hay trọng nên làm trở ngại pháp sự, Tăng nay đã quyết đoán tội này. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng đã cùng quyết đoán tội này rồi thì không được nói về việc này nữa. Bạch như vậy.

Giống như trưởng tịnh, nếu làm Tùy ý chỉ có hai ba bốn người thì chỉ nên đối thú, phải đủ năm người trở lên mới tác yết ma và sai người thọ Tùy ý. Nếu có người bịnh không đến được thì nên lấy dục đến, người bịnh gởi dục không được gởi cho người tục hoặc Cầu tịch hay bán trạch ca; nên đối trước vị thanh tịnh đồng kiến mà gởi.

Lúc đó có các Bí-sô do trước đó sanh tranh cãi hiềm khích, tuy trong lòng oán hận nhau nhưng

đến ngày vẫn cùng làm Tùy ý. Phật nói: "nếu trong lòng còn oán hận thì không nên làm Tùy ý, nên sám hối rồi mới làm", các Bí-sô sám tạ nhau trong ngày Tùy ý khiến tăng thêm tức giận và lại tranh cãi nhau, tâm không thể xả. Phật nói: "không nên sám tạ ngay trong ngày Tùy ý, nên sám tạ trước khoảng tám chín ngày". Lúc đó, tất cả các Bí-sô đều theo lời Phật dạy cùng nhau sám tạ, Phật nói: "không phải tất cả Bí-sô đều sám tạ, chỉ những người có hiềm khích nhau mới sám tạ để cùng hoan hỉ cho nhau rồi làm Tùy ý; ai không có hiềm khích thì không cần sám tạ", các Bí-sô làm Tùy ý xong lại làm trưởng tịnh, Phật nói: "Tùy ý tức là thanh tịnh nên không cần thuyết giới nữa".

**13. Xử phân y vật để làm y Yết-sỉ-na:**

Lúc đó có nhiều Bí-sô hạ an cư xong, làm Tùy ý xong cùng đi đến rừng Thệ đa để kính lễ Thế tôn, giữa đường gặp mưa nên ba y đều ướt, họ xách mang rất nhọc mệt. Đến nơi, sau khi thu xếp y bát xong, họ đến chỗ Phật đảnh lễ, Phật thăm hỏi đi đường có nhọc mệt không, khất thực có dễ được không và có được an lạc trụ không. Các Bí-sô đáp là đi đường rất nhọc mệt, Phật nghe rồi suy nghĩ: "ta nên làm thế nào cho các Bí-sô được an lạc trụ và các thí chủ cũng được thêm phước", nghĩ rồi liền bảo các Bí-sô: "từ nay sau khi Tùy ý xong, qua ngày 16 nên trương y Yết-sỉ-na, sau khi trương y

sẽ được mười y lợi trong năm tháng. Trú xứ nào an cư được y lợi nên chọn lấy một xấp vải tốt để làm y Yết-sỉ-na rồi ở trong Tăng tác bạch yết ma như sau:

Đại đức Tăng lắng nghe, vải này là lợi vật mà Tăng đã được trong hạ an cư tại trú xứ này, Tăng nay đem vải này làm y Yết-sỉ-na, Tăng sẽ trương y này làm y Yết-sỉ-na. Sau khi trương y xong, dù xuất giới, đối với ba y đã có còn không phạm lỗi lìa y huống chi là y dư. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng sẽ trương y này làm y Yết-sỉ-na. Sau khi trương y xong, dù xuất giới, đối với ba y đã có còn không phạm lỗi lìa y huống chi là y dư. Bạch như vậy.

Văn yết ma dựa theo văn tác bạch mà làm".

**14. Yết ma sai người trương y Yết-sỉ-na:**

Sau đó các Bí-sô đem y tài này may thành y Yết-sỉ-na rồi bạch Phật, Phật nói: "nên sai một Bí-sô có đủ năm đức làm người trương y, tác pháp sai như sau: trải tòa, đánh kiền chùy, Tăng vân tập, tác tiền phương tiện, một Bí-sô trong Tăng nên hỏi người được sai: "thầy có thể vì Tăng làm người trương y không?", nếu đáp là có thể thì Bí-sô nên bạch nhị yết ma sai như sau:

Đại đức Tăng lắng nghe, Bí-sô _____ này có thể làm người trương y Yết-sỉ-na cho Tăng. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên

chấp thuận, Tăng nay sai Bí-sô _____ làm người trương y Yết-sỉ- na cho Tăng. Bạch như vậy.

Đại đức Tăng lắng nghe, Bí-sô _____ này có thể làm người trương y Yết-sỉ-na cho Tăng, Tăng nay sai Bí-sô _____ làm người trương y Yết-sỉ-na cho Tăng. Các Bí-sô chấp thuận sai Bí-sô làm người trương y Yết-sỉ-na cho Tăng thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói.

Tăng đã chấp thuận sai Bí-sô _____ làm người trương y Yết-sỉ-na cho Tăng xong rồi, Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

**15. Yết ma giao y tài cho người trương y:**

Đại đức Tăng lắng nghe, Tăng sẽ đem y tài này làm y Yết-sỉ-na, Tăng đã sai Bí-sô _____ làm người trương y Yết-sỉ-na cho Tăng. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay giao y tài này cho Bí-sô trương y tên _____ . Bạch như vậy.

Đại đức Tăng lắng nghe, Tăng sẽ đem y tài này làm y Yết-sỉ-na, Tăng đã sai Bí-sô _____ làm người trương y, Tăng nay giao y tài này cho Bí-sô trương y tên _____ . Các Bí-sô chấp thuận giao y tài này cho Bí-sô trương y tên _____ thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói.

Tăng đã chấp thuận giao y tài này cho Bí-sô

trương y tên _____ xong rồi, Tăng chấp thuận vì im lạng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

**16. Đơn bạch xuất y Yết-sỉ-na:**

Bí-sô sau khi thọ y tài này rồi cùng các Bí-sô khác giặt nhuộm cắt may... như trong y Yết-sỉ-na sự đã nói. Lúc đó các Bí-sô thọ y Yết-sỉ-na đã mãn năm tháng, không biết phải làm sao nên bạch Phật, Phật nói: "đến ngày 15 tháng giêng, Bí-sô trương y nên bạch Tăng: "các Đại đức, ngày mai Tăng sẽ xuất y Yết-sỉ-na, các vị nên tự thọ trì y của mình". Sáng hôm sau Tăng nhóm họp tác tiền phương tiện xong, một Bí-sô đơn bạch như sau:

Đại đức Tăng lắng nghe, Tăng ở trong trú xứ này đã hòa hợp cùng trương y Yết-sỉ-na. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay cùng xuất y Yết-sỉ-na. Bạch như vậy.

Các Bí-sô xuất y xong, không biết phải làm sao, Phật nói: "khi trương y được mười y lợi, nhưng sau khi xuất y thì việc này nên ngăn dứt, ai làm trái thì mắc tội".

-oOo-

# CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ BÁCH NHẤT YẾT MA

## QUYỂN 5

### 1. Năm năm đồng lợi dưỡng biệt thuyết giới:

Lúc đó có một trưởng giả xây một trú xứ với đầy đủ tiện nghi rồi cúng cho Tứ phương tăng, thời gian sau ông bỗng bị quan bắt giữ, các Bí-sô nghe biết việc này rồi đều bỏ chùa đi nên vật của Tam bảo đều bị trộm lấy mất hết. Sau đó nghe biết trưởng giả được thả về, các Bí-sô đến thăm rồi nói: "trưởng giả, trước đây chúng tôi bỏ chùa đi nên các vật thọ dụng trong chùa đều bị trộm lấy mất hết", trưởng giả hỏi: "vì sao các thầy bỏ chùa đi?", đáp: "chúng tôi nghe tin trưởng giả bị bắt, tâm sanh hoang mang nên mới bỏ chùa đi", trưởng giả nói: "tôi tuy bị bắt nhưng còn có thân thuộc, họ có thể cung cấp thay tôi, vì sao các thầy lại bỏ đi", các Bí-sô nghe rồi im lặng, bạch Phật, Phật nói: "không nên bỏ đi mà không hỏi thân thuộc của họ, nên hỏi họ có thể cung cấp được hay không, nếu đáp là không thể thì các Bí-sô nên tùy duyên khất thực

trong năm năm để giữ chùa. Nếu chủ chùa trở về thì tốt, nếu không trở về được thì các Bí-sô nên sống ở trú xứ gần bên, trong năm năm đồng lợi dưỡng nhưng thuyết giới riêng. Cách tác pháp như sau: trải tòa, đánh kiền chùy, Tăng nhóm tác tiền phương tiện rồi sai một Bí-sô tác bạch yết ma:

Đại đức tăng lắng nghe, nay thí chủ xây chùa tại trú xứ _____ bị vua quan hay giặc bắt giữ. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, nay Tăng tại trú xứ này cùng Tăng tại trú xứ _____ trong năm năm đồng lợi dưỡng, trưởng tịnh riêng. Bạch như vậy.

Đại đức tăng lắng nghe, nay thí chủ xây chùa tại trú xứ _____ bị vua quan hay giặc bắt giữ, Nay Tăng tại trú xứ này và Tăng tại trú xứ _____ trong năm năm đồng lợi dưỡng, trưởng tịnh riêng. Các cụ thọ nào chấp thuận Tăng tại trú xứ này và Tăng tại trú xứ _____ trong năm năm đồng lợi dưỡng, trưởng tịnh riêng thì im lặng; vị nào không chấp thuận thì nói.

Tăng đã chấp thuận Tăng tại trú xứ này và trú xứ kia trong năm năm đồng lợi dưỡng, trưởng tịnh riêng xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

**2. Yết ma sai đến nhà cư sĩ thông báo:**

Cụ thọ Ưu-ba-ly hỏi Phật: "nếu có Bí-sô, Bí-sô ni làm những việc phi pháp khiến cho người tục

không kính tín và chê trách thì phải làm sao?", Phật nói: "các Bí-sô nên sai một Bí-sô có đủ năm đức đến các nhà thế tục nói cho họ biết Bí-sô Quảng Ngạch và Bí-sô ni Tùng Cán đã làm việc phi pháp. Nên sai như sau: trải tòa. đánh kiền chùy tập tăng, tăng nhóm tác tiền phương tiện rồi hỏi ai có thể đến nhà thế tục nói cho họ biết những việc làm phi pháp của Bí-sô Quảng Ngạch và Bí-sô ni Tùng Cán, nếu có người đáp là có thể thì nên sai một Bí-sô tác pháp yết ma như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, Bí-sô Quảng Ngạch và Bí-sô ni Tùng Cán này ở nhà thế tục đã làm những việc phi pháp khiến mọi người không sanh tín kính. Bí-sô này tên _____ có thể đến nhà thế tục nói cho họ biết những việc phi pháp mà Bí-sô Quảng Ngạch và Bí-sô ni Tùng Cán đã làm. Nếu Tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, nay Tăng sai Bí-sô này tên _____ đến nhà thế tục nói cho họ biết những việc làm phi pháp của Bí-sô Quảng Ngạch và Bí-sô ni Tùng Cán. Bạch như vậy.

Kế tác yết ma:

Đại đức tăng già lắng nghe, Bí-sô Quảng Ngạch và Bí-sô ni Tùng Cán ở nhà thế tục đã làm những việc phi pháp khiến mọi người không sanh tín kính. Bí-sô này tên _____ có thể đến nhà thế tục nói cho họ biết những việc làm phi pháp của Bí-sô Quảng Ngạch và Bí-sô ni Tùng Cán. Nay

Tăng sai Bí-sô này tên _____ đến nhà thế tục làm người nói lỗi, nói cho họ biết những việc làm phi pháp của Bí-sô Quảng Ngạch và Bí-sô ni Tùng Cán. Nếu các cụ thọ chấp thuận Bí-sô này tên _____ đến nhà thế tục làm người nói lỗi nói cho họ biết những việc làm phi pháp của Bí-sô Quảng Ngạch và Bí-sô ni Tùng Cán thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói.

Tăng đã chấp thuận sai Bí-sô này tên _____ làm người nói lỗi vì im lặng. Nay tôi xin nhớ giữ như vậy.

**3. Tăng đơn bạch nói thô tội của người khác:**

Sau đó Bí-sô được sai này đến nhà thế tục nói những việc làm phi pháp của hai người kia, Bí-sô Quảng ngạch nghe biết việc này liền đến chỗ Bí-sô kia hỏi: "thầy đã đến nhà thế tục nói tội lỗi của tôi phải không?", đáp: "vì chúng tăng như pháp sai tôi làm như vậy", Bí-sô Quảng Ngạch nói: "việc làm của tôi đúng hay sai tự tôi biết, nếu thầy còn đi nói nữa tôi sẽ mổ bụng thầy kéo ruột thầy ra, đem treo ở cửa cổng chùa". Các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Quảng Ngạch là người ngu si, có thể khinh dễ một người chứ không thể khinh dễ đại chúng. Tăng già nên đơn bạch đi nói tội lỗi của họ như sau: Trải tòa, đánh kiền chùy, Tăng tập họp tác tiền phương tiện rồi sai một Bí- sô tác bạch như

sau:

Đại đức tăng lắng nghe, Bí-sô Quảng Ngạch và Bí-sô ni Tùng Cán đã làm những việc phi pháp khiến thế tục không sanh tín kính. Nay không ai dám đến nhà thế tục nói tội lỗi của họ, nếu Tăng đúng thời đến, tăng chấp thuận cho Tăng già nếu thấy Bí-sô Quảng Ngạch và Bí-sô ni Tùng Cán làm việc phi pháp liền nói cho thế tục biết, nên nói như sau: các vị nên biết, Bí-sô và Bí-sô ni tội ác này đã làm thương tổn Thánh giáo, người này tự thân bị tổn hoại cũng như hạt giống cháy không thể nẩy mầm, ở trong Thánh pháp luật không thể tăng trưởng, Các vị nên quy hướng Như lai Ứng cúng Chánh biến tri và các tôn giả đã chứng ngộ như Kiều Trần Như... Bạch như vậy.

Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Tăng đơn bạch để đến nhà thế tục tục thông báo, không biết phải thông báo như thế nào?", Phật nói: "nên báo cho người tục biết từ nay không nên cung cấp y thực, thuốc thang và tất cả vật cần dùng cho hai người phạm tội kia".

**4. Yết ma can phá Tăng:**

Lúc đó Đề-bà-đạt-da vì danh lợi nên đến chỗ Thập Lực Ca-diếp đảnh lễ rồi bạch rằng: "cúi xin thượng tọa dạy cho tôi pháp thần thông". Cụ thọ Thập Lực Ca-diếp do không quán tâm Phật nên không biết Phật không dạy pháp thần thông cho Đề-bà-đạt-da-là vì quán biết Đề-bà- đạt-da muốn

sanh niệm tà ác, nên liền dạy pháp thần thông cho Đề- bà-đạt-da. Đề-bà-đạt-da nghe rồi liền siêng năng tu tập đến sau đêm nương theo đạo thế tục mà chứng được Sơ tĩnh lự, phát ra thần thông. Sau khi được thần thông, Đề-bà-đạt-da nói với bốn người bạn bè đảng trợ giúp: "bốn vị nên cùng giúp tôi phá Tăng già hòa hợp và phá pháp luân tăng của sa môn Kiều-đáp-ma. Nếu thành công thì sau khi chúng ta qua đời tiếng tăm vang khắp mười phương", nói rồi Đề-bà-đạt-da cùng bốn người bạn này liền phương tiện phá hòa hợp Tăng và phá Pháp luân tăng. Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo nên can riêng, khi các Bí-sô can riêng như vậy, Đề-bà-đạt-da chấp chặt việc mình làm không chịu bỏ, nói rằng: "việc này chơn thật, các việc khác đều là hư vọng", các Bí-sô bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô: "Các thầy nên bạch tứ yết ma để can ngăn, nếu có người nào khác giống như vậy cũng nên can ngăn. Nên trải tọa cụ, đánh kiền chùy trước tác bạch rồi sau tập họp Tăng. Khi Tăng già nhóm họp tác tiền phương tiện rồi sai một Bí-sô tác pháp yết ma như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, Đề-bà-đạt-da này muốn phá hòa hợp tăng, gây ra việc đấu tranh trụ trong phi pháp. Các Bí-sô đã can riêng nhưng Đề-bà-đạt-da chấp chặt việc mình làm không chịu bỏ, nói rằng: "việc này chơn thật, các việc khác đều là hư vọng". Nếu Tăng đúng thời đến, Tăng nay chấp

thuận bạch tứ yết ma can ngăn việc Đề-bà-đạt- da- làm rằng: "này Đề-bà-đạt-da, thầy chớ muốn phá hòa hợp tăng, gây ra việc đấu tranh trụ trong phi pháp. Thầy nên cùng Tăng hòa hợp, hoan hỉ không tranh chấp, đồng lòng 1 lời như nước với sữa, khiến cho giáo pháp của Đại sư được ngời sáng, trụ trong an lạc. Đề-bà-đạt-da hãy nên bỏ việc phá Tăng". Bạch như vậy.

Kế tác yết ma như sau:

Đại đức Tăng lắng nghe, Đề-bà-đạt-da này muốn phá hòa hợp Tăng, gây ra việc đấu tranh trụ trong phi pháp. Các Bí-sô đã can riêng nhưng Đề-bà-đạt-da chấp chặt việc mình làm không chịu bỏ, nói rằng: "việc này chơn thật, các việc khác đều là hư vọng". Tăng nay bạch tứ yết ma can ngăn Đề-bà-đạt-da rằng: "này Đề-bà-đạt-da, thầy chớ muốn phá hòa hợp Tăng, gây ra việc đấu tranh trụ trong phi pháp. Thầy nên cùng tăng già hòa hợp, hoan hỉ không tranh chấp, đồng lòng một lời như nước với sữa, khiến cho giáo pháp của Đại sư được ngời sáng, trụ trong an lạc. Đề-bà-đạt-da hãy nên bỏ việc phá Tăng". Nếu các cụ thọ chấp thuận bạch tứ yết ma can ngăn Đề-bà-đạt-da rằng: "này Đề- bà-đạt-da, thầy chớ nên phá hòa hợp tăng, gây ra việc đấu tranh trụ trong phi pháp. Thầy nên cùng tăng già hòa hợp, hoan hỉ không tranh chấp, đồng lòng một lời như nước với sữa, khiến cho giáo pháp của Đại sư được ngời sáng, trụ trong an lạc. Đề-bà-đạt-

da hãy nên bỏ việc phá tăng". thì im lặng, vị nào không chấp thuận thì nói. Đây là yết ma lần thứ nhất; yết ma lần thứ hai, thứ ba cũng nói như vậy.

Tăng đã chấp thuận bạch tứ yết ma can ngăn Đề-bà-đạt-da xong rồi, Tăng chấp thuận vì im lặng. Tôi nay nhớ giữ như vậy.

**5. Yết ma can trợ giúp phá Tăng:**

Các Bí-sô vâng lời Phật dạy bạch tứ yết ma can ngăn Đề-bà-đạt- da xong rồi, nhưng Đề-bà-đạt-da chấp chặt việc mình làm không chịu bỏ nói rằng: "việc này chơn thật, các việc khác đều là hư vọng". Bốn người bạn trợ giúp Đề-bà-đạt-da trong việc phá tăng là: Cô Ca Lý Ca, Khiên Đồ Đạt Phiêu, Yết Tra Mô Lạc ca Để sái, Tam Một Đạt La Đạt đa nói với các Bí-sô: "các Đại đức chớ nói Bí-sô kia (Đề bà) là thiện hay ác, vì sao?, vì Bí-sô kia là người nói đúng pháp, là người nói đúng luật", Phật bảo nên can riêng bốn bạn đảng này, các Bí-sô can riêng nhưng họ vẫn cố chấp không bỏ nói rằng: "việc này là chơn thật, các việc khác đều là hư vọng". Các Bí-sô liền đem nhân duyên này bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô: "Các thầy nên bạch tứ yết ma ở trong chúng can ngăn bốn người bạn tùy thuận trợ giúp phá Tăng này, nếu có người nào khác giống như vậy cũng nên can. Trước tác bạch như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, Cô Ca Lý Ca, Khiên

Đồ Đạt Phiêu, Yết Tra Mô Lạc ca Để sái, Tam Một Đạt La Đạt đa, bốn vị này biết Bí-sô Đề Bà muốn phá hòa hợp Tăng, gây ra việc đấu tranh trụ trong phi pháp, mà vẫn tùy thuận trợ giúp làm việc không hòa hợp. Khi các Bí-sô can ngăn, các vị này nói rằng: các Đại đức chớ nói Bí-sô Đề bà là thiện hay ác, vì sao?, vì Bí-sô kia là người nói đúng pháp, là người nói đúng luật, nương nơi pháp luật mà nói, biết mới nói, không phải không biết mà nói; điều mà Bí-sô kia ưa thích, tôi cũng ưa thích. Khi các Bí-sô can riêng như vậy, họ vẫn chấp chặt không bỏ nói rằng: việc này là chơn thật, các việc khác đều là hư vọng. Nếu tăng đúng thời đến, Tăng nay bạch tứ yết ma can ngăn bốn người: Cô Ca Lý Ca... "này Cô Ca Lý Ca... các vị biết Bí-sô kia muốn phá hòa hợp tăng, gây ra việc đấu tranh, trụ trong phi pháp mà vẫn thuận theo Bí-sô kia làm việc không hòa hợp. Khi các Bí-sô can ngăn lại nói với các Bí-sô rằng: các Đại đức đừng nói Bí-sô kia là thiện hay ác, vì sao?, vì Bí-sô kia là người nói như pháp, như luật, nương nơi pháp luật mà nói, biết mới nói, không phải không biết mà nói; điều mà Bí-sô kia ưa thích, tôi cũng ưa thích. Nhưng Bí-sô kia là người nói phi pháp, phi luật, nương theo phi pháp phi luật chấp chặt không bỏ, không biết mà nói, không phải biết mới nói. Các cụ thọ chớ ưa thích phá Tăng, nên ưa thích Tăng hòa hợp. Các cụ thọ nên cùng Tăng hòa hợp, hoan hỉ không tranh chấp,

đồng lòng 1 lời như nước với sữa, khiến cho giáo pháp của Đại sư được ngời sáng, trụ trong an lạc. Các cụ thọ hãy bỏ việc tùy thuận phá tăng không hòa hợp". Bạch như vậy".

Kế tác yết ma chuẩn theo văn tác bạch mà làm.

**6. Yết ma học gia:**

Trưởng giả Sư tử trước kia theo ngoại đạo, sau nghe Phật thuyết pháp chứng được Sơ quả, thấy nghề nông tạo nhiều lỗi nên bỏ nghề. Trưởng giả tín kính Tam bảo, ưa thích thuần thiện, thường hành bố thí, do dâng cúng Tam bảo nên đi đến chỗ nghèo khó và bị người tục chê trách. Các Bí-sô không biết làm sao bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô: "nên bạch nhị yết ma Học gia cho trưởng giả Sư tử để ngăn các Bí-sô đến nhà ấy. Nếu có ai giống như thế cũng nên tác pháp cho như sau: nhóm Tăng như thường lệ, sai một vị tác bạch yết ma như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, trưởng giả Sư tử này tín tâm ân trọng, ý ưa thuần thiện, những gì đã có đều đem huệ thí, đối với Tam bảo không có tâm xẻn, đối với những người đến xin thảy đều cấp cho, vì thế gia sản khánh tận. Nếu Tăng đúng thời đến, Tăng chấp thuận, Tăng nay tác yết ma Học gia cho trưởng giả Sư tử. Bạch như vậy.

Văn yết ma chuẩn theo văn tác bạch mà làm. Nếu Bí-sô biết Tăng đã tác yết ma học gia rồi thì không nên đến nhà đó thọ ẩm thực... và nói pháp

cho họ. Ai đến thì phạm tội Việt pháp".

**7. Xả yết ma Học gia:**

Sau đó trưởng giả Sư tử siêng năng làm việc, không bao lâu sau gia cảnh sung túc hơn trước, trưởng giả thấy gia nghiệp phát đạt muốn cúng dường phước điền như trước nên đến chỗ Phật xin giải yết ma, Phật bảo trưởng giả: "nên vào trong tăng bạch với thượng tọa, sau khi Tăng nhóm nên lễ Tăng rồi đối trước Thượng tọa chắp tay bạch rằng:

Đại đức tăng lắng nghe, con là Sư tử đối với Tam bảo có lòng tin sâu, ý ưa thích thuần thiện, thường ưa huệ thí. Do cúng dường Tam bảo nên tài sản khánh tận, Tăng vì thương xót nên tác pháp yết ma Học gia để các Thánh chúng không đến nhà con. Nay tài thực sung túc trở lại nên con đến trước Tăng xin giải yết ma Học gia, cúi xin Tăng thương xót giải yết ma Học gia, (3 lần).

Bạch rồi lễ Tăng lui ra, lúc đó Tăng sai một vị tác yết ma giải như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, trưởng giả Sư tử đối với Tam bảo có lòng tin sâu, ý ưa thích thuần thiện, thường ưa huệ thí. Do cúng dường Tam bảo nên tài sản khánh tận, Tăng vì thương xót nên tác pháp yết ma Học gia để các Thánh chúng không đến nhà trưởng giả, nay tài thực sung túc trở lại nên trưởng giả đến trước Tăng xin giải yết ma Học gia. Nếu

tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay giải yết ma Học gia cho trưởng giả Sư tử. Bạch như vậy.

Văn yết ma dựa theo văn tác bạch mà làm, sau khi Tăng tác pháp giải yết ma Học gia rồi, các Bí-sô được đến nhà trưởng giả thọ cúng dường không phạm.

### 8. Yết ma sai người xem xét đường rừng nguy hiểm:

Lúc đó vào ngày mãn hạ, các Bà-la-môn, các cư sĩ sai các cô gái mang các món ăn ngon đến cúng dường Thánh chúng, giữa đường gặp giặc cướp lột hết tư trang và quần áo. Có Bí-sô ở nơi A-lan-nhã đi khất thực đến nửa đường thấy có thức ăn này liền bảo các cô gái bị lộ hình này ra dâng thức ăn khiến họ xấu hổ. Các Bà-la-môn nghe biết việc này liền nói với các Bí-sô: "nơi rừng có nguy hiểm sao không sai người xem xét báo trước để chúng tôi mang thức ăn đến không bị giặc cướp", các Bí-sô bạch Phật, Phật bảo nên bạch nhị yết ma sai một Bí-sô đủ năm đức đến xem xét đường đi nơi rừng nguy hiểm như sau:

Đại đức Tăng lắng nghe, Bí-sô _____ này có thể đi xem xét đường đi nơi rừng nguy hiểm. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay sai Bí-sô _____ làm người đi xem xét đường đi nơi rừng nguy

hiểm. Bạch như vậy.

Văn yết ma dựa theo văn tác bạch mà làm.

**9. Yết ma cho thọ học:**

Cụ thọ Ưu-ba-ly bạch Phật: "Bí-sô Hoan hỉ không xả học xứ, làm việc dâm dục, hủy tịnh giới nhưng không có tâm che giấu, tâm ý đau khổ như bị tên độc cắm vào ngực, không biết phải làm sao", Phật nói: " Bí-sô Hoan hỉ tuy hủy phạm tịnh giới nhưng không có tâm che giấu, không phải là Ba la thị ca. Các thầy nên yết ma cho Hoan hỉ thọ học xứ trọn đời, nếu có ai giống như vậy cũng nên tác pháp yết ma cho. Tác pháp như sau: trải tòa, đánh kiền chùy nhóm tăng, khi Tăng đã nhóm, Bí-sô Hoan hỉ nên đảnh lễ Tăng rồi ở trước vị Thượng tòa chắp tay bạch rằng:

Đại đức tăng lắng nghe, con là Bí-sô Hoan hỉ không xả học xứ mà làm việc dâm, hoại hạnh thanh tịnh; con tuy phạm giới nhưng không có tâm che giấu. Nay con theo Tăng xin thọ học xứ trọn đời, xin thương xót (ba lần).

Tăng nên bảo Hoan hỉ đến đứng ở chỗ mắt thấy nhưng tai không nghe, lúc đó một Bí-sô trong Tăng tác bạch yết ma như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, Bí-sô Hoan hỉ không xả học xứ mà làm việc dâm, hoại hạnh thanh tịnh; tuy đã phạm giới nhưng không có tâm che giấu, nay Bí-sô Hoan hỉ theo Tăng xin thọ học xứ trọn

đời. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay cho Bí-sô Hoan hỉ thọ học xứ trọn đời. Bạch như vậy.

Đại đức tăng lắng nghe, Bí-sô Hoan hỉ không xả học xứ mà làm việc dâm, hoại hạnh thanh tịnh; tuy đã phạm giới nhưng không có tâm che giấu, nay theo Tăng xin thọ học xứ trọn đời. Nếu cụ thọ nào chấp thuận cho Bí-sô Hoan hỉ thọ học xứ trọn đời thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Đây là yết ma lần thứ nhất (lần thứ hai, lần thứ ba)

Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

**10. Yết ma cho Thật-lực-tử y:**

Lúc đó Bí-sô Thật-lực-tử được Tăng sai làm người phân chia ngọa cụ và theo thứ lớp phân phó Tăng thọ thỉnh thực. Thầy là người có tín tâm, ý vui thích hiền thiện, không từ khó nhọc vì chúng tăng làm mọi việc, những vật tư sanh mà mình có ở trong Tam bảo và ở chỗ các Bí- sô thượng hạnh thảy đều cúng thí, cho nên ba y của mình đều cũ rách. Các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "các Bí-sô nên hòa chúng đơn bạch trao y cho Thật-lực-tử thì y này thành vật không tội, nên bạch như sau: trải tòa, đánh kiền chùy, tập tăng rồi tác bạch:

Đại đức Tăng lắng nghe, cụ thọ Thật-lực-tử có tín tâm, ý ưa thích hiền thiện, vì chúng coi ngó lo liệu mọi việc không từ khó nhọc... giống như đoạn

văn trên cho đến câu ba y đều cũ rách. Nay Tăng được bạch điệp tốt, nếu Tăng đúng thời đến, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay đem bạch điệp này thí cho Thật-lực-tử. Bạch như vậy.

**11. Yết ma quở trách trước mặt hủy báng:**

Sau khi Bí-sô Thật-lực-tử được Tăng sai làm người phân chia ngọa cụ, do hai Bí-sô Hữu và Địa đời trước có oán cừu với Thật-lực- tử, nghiệp duyên chưa dứt nên đối trước Bí-sô Thật-lực-tử nói lời chê trách. Các Bí-sô bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô: "nên tác pháp quở trách hai Bí-sô Hữu và Địa về tội ở trước mặt hiềm trách. Nếu có ai khác giống như vậy cũng tác pháp quở trách như sau: đánh kiền chùy, tập họp chúng sai một Bí-sô tác bạch yết ma như sau:

Đại đức tăng già lắng nghe, hai Bí-sô Hữu và Địa này biết Tăng hòa hợp sai Bí-sô Thật-lực-tử làm người phân chia ngọa cụ và phân phó Tăng theo thứ lớp đi phó thực mà lại ở trước mặt hiềm trách. Nếu Tăng đúng thời đến, Tăng nên chấp thuận, nay Tăng tác pháp quở trách hai Bí-sô Hữu và Địa về tội ở trước mặt hiềm trách. Bạch như vậy.

Đại đức tăng già lắng nghe, hai Bí-sô Hữu và Địa này biết Tăng hòa hợp sai Bí-sô Thật-lực-tử làm người... đi phó thực, lại ở trước mặt hiềm trách. Nay Tăng tác pháp quở trách hai Bí-sô Hữu

và Địa về tội ở trước mặt hiềm trách, nếu các cụ thọ chấp thuận việc quở trách hai Bí- sô Hữu và Địa thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Đây là yết ma lần thứ nhất (thứ 2, thứ 3).

Nay Tăng đã tác pháp quở trách hai Bí-sô hữu và Địa về tội ở trước mặt hiềm trách xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, nay tôi xin nhớ giữ như vậy.

### 12. Yết ma quở trách mượn ai khác để hủy báng:

Sau khi Tăng tác yết ma quở trách hai Bí-sô Hữu và Địa về tội hủy báng trước mặt, vào thời khác, hai Bí-sô này ở trước mặt Bí-sô Thật-lực-tử không nói thẳng tên ra mà mượn ai khác để chê trách. Các Bí-sô bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô: "nên tác pháp quở trách hai Bí-sô Hữu và địa về tội giả vờ mượn ai đó, không kêu thẳng tên mà ở trước mặt hiềm trách. Nên tác bạch yết ma như sau:

Đại đức tăng già lắng nghe, hai Bí-sô Hữu và Địa này đã biết Tăng hòa hợp sai Bí-sô Thật-lực-tử làm người... đi phó thực, mà ở trước Thật-lực-tử mượn ai đó không nói thẳng tên để hiềm trách. Nếu Tăng đúng thời đến, tăng nên chấp thuận, nay tăng tác pháp quở trách hai Bí-sô Hữu và Địa về tội mượn ai đó, không nói thẳng tên ra mà ở trước mặt hiềm trách. Bạch như vậy.

Đại đức tăng già lắng nghe, hai Bí-sô hữu và Địa này đã biết tăng hòa hợp sai Bí-sô Thật-lực-tử

làm người... đi phó thực, ở trước Thật- lực-tử giả vờ mượn ai đó không nói thẳng tên ra để hiềm trách. Nếu các cụ thọ chấp thuận việc quở trách hai Bí-sô Hữu và Địa thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Đây là yết ma lần thứ nhất (lần thứ 2, lần thứ 3).

Nay Tăng già đã quở trách hai Bí-sô hữu và Địa về tội... xong rồi, Tăng chấp thuận vì im lặng. Nay tôi xin nhớ giữ như vậy.

Nếu Bí-sô bị Tăng tác pháp quở trách rồi ở trước mười hai hạng người được Tăng sai, đang trong giai đoạn hành sự mà sân trách, khinh rẽ đều phạm Ba dật để ca. Nếu Bí-sô bị Tăng tác pháp quở trách rồi ở trước mặt mười hai hạng người được Tăng sai, dù đã qua giai đoạn hành sự mà vẫn sân trách, khinh rẽ đều phạm Ba dật để ca. Nếu Bí-sô không bị Tăng tác pháp quở trách ở trước mười hai hạng người được Tăng sai đang trong giai đoạn hành sự mà sân trách thì phạm Ác tác.

Lúc đó cụ thọ Ức nhĩ từ chỗ ngồi đứng dậy chắp tay bạch Phật: "Thế tôn, thân giáo sư của con là thánh giả Ca-đa-diễn-na ở nơi biên phương, bảo con đảnh lễ Phật thăm hỏi Thế tôn có được ít bịnh, ít não... và có năm việc bạch Thế tôn như sau: một là thôn Bà sách ca là biên địa, có người muốn thọ cận viên nhưng khó tìm đủ túc số mười người; hai là người ở biên quốc thường dùng nước tắm giặt để làm tịnh; ba là đất nơi đó cứng, trên đường đi

có dấu chân của trâu bò nên không bằng phẳng như đất ở các nơi khác; bốn là người nước phương Đông dùng các ngọa cụ bằng da dê đen, da nai, da bò...; năm là nếu có Bí-sô gởi y đến cho Bí-sô khác, tuy nghe gởi y đến nhưng chưa nhận vào tay, quá mười ngày sợ phạm xả đọa, không biết phải làm sao", Phật bảo các Bí-sô: "từ nay về sau, ta khai năm việc cho các Bí-sô ở Biên phương:

1. Ở biên phương khó tìm đủ túc số mười người thì khai cho năm Bí-sô trì luật được truyền thọ Cận viên.

2. Nơi Biên phương đất cứng, ta khai cho các Bí-sô được mang giày da một lớp đế, không được hai lớp hay ba lớp, đế giày nếu lủng rách được vá hay thay.

3. Người ở biên phương thường dùng nước tấm giặt làm tịnh thì khai cho các Bí-sô được tùy ý tắm rửa.

4. Người ở biên phương dùng ngọa cụ như thế nào thì khai cho các Bí-sô được tùy ý thọ dụng theo họ,

5. Nếu có Bí-sô gởi y đến cho Bí-sô khác, tuy nghe gởi đến nhưng chưa nhận y thì khai cho các Bí-sô quá mười ngày không phạm xả đọa".

Lúc đó Ô-ba-ly ở trong đại chúng rời chỗ ngồi đứng dậy chắp tay bạch Phật: "Thế tôn khai cho ở Biên phương đủ năm Bí-sô trì luật được truyền thọ

Cận viên, con không biết bắt đầu từ chỗ nào trở đi thì gọi là Biên phương?", Phật nói: "từ phương Đông này có rừng Bôn trà, nơi đó có dòng sông tên là Bôn trà, từ chỗ đó trở ra gọi là Biên phương. Phương Nam có nước tên là Nhiếp phạt la Phật để, nơi đó có dòng sông tên là Nhiếp phạt la Phật để, từ đó trở ra ngoài gọi là biên phương. Phương Tây có nước tên là Tốt thổ nô, nơi đó có thôn tên là Ô ba tốt thổ nô, từ đây trở ra ngoài gọi là Biên phương. Phương Bắc có núi tên là Ôn thi la, ngoài phạm vi núi này gọi là biên phương", lại hỏi: "như Phật đã dạy nếu Bí-sô được giày da của người thế tục đã mang qua thì được thọ dụng, không biết như thế nào gọi là đã từng mang qua?", Phật nói: "nếu cư sĩ mang dép da ấy đi chừng bảy, tám bước đều gọi là đã từng mang qua", lại hỏi: "nếu giày da chưa từng mang qua và giày mới thì phải thọ dụng như thế nào?", Phật nói: "nên đưa giày da này cho người tục đáng tin nói là vật của ông hãy mang đi vài bước, người này nên khởi tưởng là vật của mình mà mang đi bảy tám bước, sau đó đưa lại cho Bí-sô nói rằng: "đây là vật của tôi, Thánh giả cứ tùy ý thọ dụng", lại hỏi: "như Phật đã dạy ở nơi có tuyết lạnh khai cho mang bao tay và giày ống, không biết như thế nào gọi là tuyết lạnh?", Phật nói: "nếu nước đựng trong chén đông lại thì gọi là xứ có tuyết lạnh".

Lúc đó Phật khai cho các Bí-sô được dùng bốn

loại dược: thời dược, cánh dược, thất nhật dược và tận thọ dược.

1. Thời dược: gồm có năm loại Khư đà ni như củ, cọng, hoa, lá, trái và năm loại Bồ xà ni như bún (miến, mì, nui...), bánh bột, ngũ cốc (xôi, bắp...), thịt (cá), cơm. Những món ăn này đều là đúng thời mới ăn.

2. Cánh dược (phi thời dược): gồm có tám loại nước uống:

a. Chiêu giả tương: Chiêu giả là tên của một loại cây ở Ấn độ, cũng gọi là Điên trớ lê, trái giống như trái bồ kết nhung có mùi vị như trái mơ, lớn chừng hai ngón tay, dài khoảng ba bốn tấc, người đương thời ép lấy nước uống.

b. Mao giả tương: tức là nước ép từ trái chuối với một ít bột hồ tiêu.

c. Cô lạc ca tương: nước ép từ trái Cô lạc ca, mùi vị như nước trái táo chua.

d. A thuyết tha tương: nước ép từ trái A thuyết tha.

e. Ô đàm bạt la tương: giống như trái mận, ép lấy nước dùng.

f. Bát lỗ sái tương: giống như trái anh áo, ép lấy nước dùng.

i. Miệt lật trụy tương: giống như trái nho, ép lấy nước dùng.

j. Khát thọ la tương: cấy giống như cây Lâu lư,

trái giống như trái tào nhỏ, ép lấy nước dùng.

3. Thất nhật dược: như tô, dầu, đường, mật, đường phèn được cất dùng trong vòng bảy ngày.

4. Tận thọ dược: thuốc thuộc loại củ (rễ), cọng (cành, thân cây), lá, hoa, quả được cất dùng trị bịnh trọn đời.

Trong bốn loại dược này, Thời dược là loại dược dùng đúng thời; nếu đem Cánh dược, Thất nhật dược, Tận thọ dược điều hòa với Thời dược thì chỉ dùng đúng thời, không được dùng phi thời. Nếu đem Cánh dược, Thất nhật dược, Tận thọ dược điều hòa với Cánh dược thì nên dùng vào canh một, qua canh một thì không được dùng. Nếu đem Thất nhật dược điều hòa với Tận thọ dược thì được dùng trong bảy ngày, quá bảy ngày không được dùng. Nếu là Tận thọ dược điều hòa với Tận thọ dược thì được cất dùng trọn đời, nhưng bốn loại dược này nếu điều hòa với nhau thì được miễn cưỡng dùng, khi không bịnh và khi bịnh lành thì không được dùng nữa, nên đem cho vị đồng phạm hạnh. Nên thọ trì như sau: rửa tay sạch rồi nhận lấy loại dược cần dùng, đối trước một Bí- sô tác pháp thọ trì: Cụ thọ nhớ nghĩ, tôi Bí-sô tên _____ , vì có bịnh duyên xin được thọ trì loại Tận thọ dược này để uống dùng. (3 lần), Thất nhật dược hoặc Cánh dược cũng tác pháp như vậy. Bốn loại dược này nếu đã tự thọ rồi, dùng chưa quá hạn mà bị người chưa thọ Cận viên xúc chạm vào thì tùy trường hợp

có thể thọ lại để dùng; nếu đã quá hạn thì dù có xúc chạm hay không xúc chạm đều phải xả bỏ. Đối với người nghèo thì khai cho được đổi và đem cho người, khi họ đưa lại được lấy giống như là mới được.

**13. Yết ma cho làm phòng nhỏ:**

Lúc đó cụ thọ Đại Ca-diếp bạch Phật: "Thế tôn, có các Bí-sô xúc não thí chủ vì thường đến chỗ họ khất cầu để xây cất phòng xá, sau khi làm phòng xong lại chê hoặc dài, ngắn hoặc rộng hẹp... không biết phải làm sao?", Phật nói: "Bí-sô muốn xây cất phòng nhỏ phải thỉnh các Bí-sô đến xem xét chỗ xây cất, nếu đủ ba điều kiện mới được xây", lại hỏi: "phòng xây đúng lượng như thế nào?", Phật nói: "phòng làm đúng lượng là dài 12 gang tay của Phật và rộng bảy gang tay của Phật. Bí-sô này phải đưa các Bí-sô đến xem xét chỗ xây cất, các Bí-sô kia phải xem xét chỗ xây cất nay có phải là chỗ thanh tịnh như pháp không, chỗ có tranh chấp không, chỗ có tiến thú không". Bí-sô muốn xây phòng nên trải tọa cụ, đánh kiền chùy bạch chúng, chúng nhóm họp rồi liền ở trong chúng cởi bỏ giày dép, trịch y bày vai phải kính lễ theo thứ tự lớn nhỏ rồi đến trước vị Thượng tọa quỳ gối chắp tay bạch rằng:

Đại đức tăng lắng nghe, con là Bí-sô tên _____ , muốn xây cất phòng nhỏ, con đã xem xét chỗ xây cất thanh tịnh như pháp rồi. Con

nay muốn ở chỗ thanh tịnh như pháp đó xây cất phòng nhỏ cúi xin Tăng cho phép. Cúi xin Tăng cho phép con Bí-sô tên _____ , được xây cất phòng nhỏ ở chỗ thanh tịnh như pháp đó. Xin thương xót chấp thuận (3 lần).

Lúc đó các Bí-sô không nên tin liền lời Bí-sô này nói mà không đến xem xét lại. Các Bí-sô nên cùng nhau đến xem xét hoặc Tăng sai một hay nhiều Bí-sô đang tin đến xem xét chỗ xây cất đó. Nếu chỗ ấy không thanh tịnh, có tranh chấp, không có tiến thú thì không nên cho làm. Nếu chỗ ấy thanh tinh, không có các nạn thì nên trở về chùa báo lại, như pháp nhóm chúng rồi đến trước vị Thượng tòa bạch rằng:

Đại đức Tăng lắng nghe, chỗ mà Bí-sô tên _____ , muốn xây cất, chúng con đến xem xét thấy là chỗ thanh tịnh, không có các nạn. Tăng nên biết thời.

Kế sai một Bí-sô bạch yết ma như sau:

Đại đức Tăng lắng nghe, Bí-sô này tên _____ , muốn xây cất phòng nhỏ, Tăng đã đến chỗ đó xem xét thấy là thanh tịnh. Bí-sô này đối với việc xây cất đều đúng pháp thanh tịnh, nay đến trong Tăng xin cho phép. Nếu Tăng đúng thời đến, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay cho Bí-sô này ở chỗ thanh tịnh đúng pháp đó xây cất phòng nhỏ. Bạch như vậy.

Kế bạch yết ma chuẩn theo lời tác bạch mà làm.

**14. Yết ma cho làm chùa lớn:**

Phật tại nước Kiều-thiểm-tỳ, vườn Cù sư la, lúc đó Lục chúng Bí- sô xin được nhiều tài vật và chặt cây đại thọ cao lớn thù thắng để xây cất chùa lớn, làm tổn hại nhiều sinh vật khiến người tục mất lòng tin. Các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Bí-sô muốn làm chùa lớn nên thỉnh các Bí-sô đến xem xét chỗ xây cất, nếu đủ ba điều kiện như trên mới được xây. Tác pháp xin giống như xin xây phòng nhỏ", một Bí-sô trong Tăng tác bạch yết ma như sau:

Đại đức Tăng lắng nghe, Bí-sô này tên _____ , muốn xây cất chùa lớn, Tăng đã đến chỗ đó xem xét thấy là thanh tịnh. Bí-sô này đối với việc xây cất đều đúng pháp thanh tịnh, nay đến trong Tăng xin cho xây chùa lớn. Nếu Tăng đúng thời đến, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay cho Bí-sô này ở chỗ thanh tịnh đúng pháp đó xây cất chùa lớn. Bạch như vậy.

Văn yết ma dựa theo văn tác bạch mà làm.

**15. Yết ma cho Bí-sô Tri sự trong sáu năm làm lại phu cụ mới:**

Lúc đó Bí-sô Tri sự trông coi các việc vì phu cụ quá mỏng không chịu nổi lạnh rét, tuy phu cụ chưa đủ sáu năm cũng được đến trong Tăng xin trong sáu năm làm lại phu cụ khác. Nên xin như sau: tập Tăng, Bí-sô Tri sự đến trong Tăng ở trước

vị Thượng tọa quỳ gối chắp tay bạch:

Đại đức tăng lắng nghe, tôi Bí-sô tên _____ làm tri sự trông coi các việc, theo luật trong sáu năm không được làm phu cụ mới, nay đến trong Tăng xin tuy còn trong thời hạn sáu năm được làm lại phu cụ mới. Xin Tăng cho tôi Bí-sô _____ tuy còn trong thời hạn sáu năm được làm lại phu cụ mới, xin thương xót (3 lần).

Một Bí-sô trong Tăng tác pháp yết ma như sau:

Đại đức Tăng lắng nghe, Bí-sô Tri sự tên _____ nay theo Tăng xin trong thời hạn sáu năm được làm lại phu cụ mới. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay cho Bí-sô Tri sự _____ trong thời hạn sáu năm được làm lại phu cụ mới. Bạch như vậy.

Văn yết ma dựa theo văn tác bạch mà làm.

-oOo-

# CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ BÁCH NHẤT YẾT MA

## QUYỂN 6

## *PHÁP SÁM TỘI CHÚNG GIÁO*

### 1. Yết ma cho Biệt trụ - phạm tội Tăng tàn có che giấu:

Lúc đó cụ thọ Ô-đà-di cố ý làm xuất tinh phạm tội Tăng già bà thi sa, che giấu nửa tháng, sau đó đến nói với các Bí-sô: "các cụ thọ, tôi Bí-sô Ô-đà-di cố ý làm xuất tinh phạm tội Tăng già bà thi sa, đã che giấu nửa tháng, nay tôi phải làm sao", các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: "các thầy hãy cho Bí-sô Ô-đà-di yết ma Biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày. Nếu có người nào giống như vậy, Tăng cũng nên cho yết ma Biệt trụ".

Tác pháp yết ma Biệt trụ như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, Bí-sô Ô-đà-di từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu chắp tay bạch Tăng:

Đại đức tăng nhớ nghĩ, tôi Bí-sô Ô-đà-di cố ý làm xuất tinh phạm tội Tăng già bà thi sa, đã che giấu nửa tháng, nay theo Tăng xin yết ma Biệt trụ,

tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày. Xin Tăng thương xót cho tôi yết ma Biệt trụ. (3 lần)

Một Bí-sô trong Tăng tác bạch yết ma như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, Bí-sô Ô-đà-di cố ý làm xuất tinh phạm tội Tăng già bà thi sa, đã che giấu nửa tháng, nay theo Tăng xin yết ma Biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày. Nếu Tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay cho Bí- sô Ô-đà-di yết ma Biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày. Bạch như vậy.

Đại đức tăng lắng nghe, Bí-sô Ô-đà-di cố ý làm xuất tinh phạm tội Tăng già bà thi sa, đã che giấu nửa tháng, nay theo Tăng xin yết ma Biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày. Tăng nay cho Bí-sô Ô-đà-di yết ma Biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày. Các cụ thọ chấp thuận cho Bí-sô Ô-đà-di yết ma Biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Đây là yết ma lần thứ nhất.

Như thế bạch tứ yết ma cho đến câu Tăng đã chấp thuận cho Bí-sô Ô-đà-di yết ma Biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lạng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

## 2. Yết ma cho Bổn nhật trị biệt trụ - đang hành biệt trụ lại tái phạm tội Tăng tàn có che giấu:

Lúc đó cụ thọ Ô-đà-di đang hành Biệt trụ lại cố ý làm xuất tinh, tái phạm tội Tăng già bà thi sa, che giấu nửa tháng, sau đó đến nói với các Bí-sô: "các cụ thọ, tôi Bí-sô Ô-đà-di đang hành Biệt trụ lại cố ý làm xuất tinh, tái phạm tội Tăng già bà thi sa, đã che giấu nửa tháng, nay tôi phải làm sao", các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: "các thầy hãy cho Bí-sô Ô-đà-di yết ma Bổn nhật trị biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành lại biệt trụ bấy nhiêu ngày. Nếu có người nào giống như vậy, Tăng cũng nên cho yết ma Bổn nhật trị biệt trụ".

Tác pháp yết ma Bổn nhật trị biệt trụ như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, Bí-sô Ô-đà-di từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu chắp tay bạch Tăng:

Đại đức tăng nhớ nghĩ, tôi Bí-sô Ô-đà-di đang hành biệt trụ lại cố ý làm xuất tinh, tái phạm tội Tăng già bà thi sa, đã che giấu nửa tháng, nay theo Tăng xin yết ma Bổn nhật trị biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành lại biệt trụ bấy nhiêu ngày. Xin Tăng thương xót cho tôi yết ma Bổn nhật trị biệt trụ. (3 lần)

Một Bí-sô trong Tăng tác bạch yết ma như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, Bí-sô Ô-đà-di đang hành biệt trụ lại cố ý làm xuất tinh, tái phạm tội

Tăng già bà thi sa, đã che giấu nửa tháng, nay theo Tăng xin yết ma Bổn nhật trị biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành lại biệt trụ bấy nhiêu ngày. Nếu Tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay cho Bí-sô Ô-đà-di yết ma Bổn nhật trị biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành lại biệt trụ bấy nhiêu ngày. Bạch như vậy.

Văn yết ma dựa theo văn tác bạch mà làm.

### 3. Yết ma cho Bổn nhật trị biệt trụ lần hai - đang hành Bổn nhật trị biệt trụ lại tái phạm tội Tăng tàn có che giấu:

Lúc đó cụ thọ Ô-đà-di đang hành Bổn nhật trị biệt trụ lại cố ý làm xuất tinh, lại tái phạm tội Tăng già bà thi sa, che giấu nửa tháng, sau đó đến nói với các Bí-sô: "các cụ thọ, tôi Bí-sô Ô-đà-di đang hành Bổn nhật trị biệt trụ lại cố ý làm xuất tinh, lại tái phạm tội Tăng già bà thi sa, đã che giấu nửa tháng, nay tôi phải làm sao", các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: "các thầy hãy cho lại Bí-sô Ô-đà-di yết ma Bổn nhật trị biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành lại biệt trụ bấy nhiêu ngày. Nếu có người nào giống như vậy, Tăng cũng nên cho lại yết ma Bổn nhật trị biệt trụ".

Tác pháp cho lại yết ma Bổn nhật trị biệt trụ như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, Bí-sô Ô-đà-di từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu chắp tay bạch Tăng:

Đại đức tăng nhớ nghĩ, tôi Bí-sô Ô-đà-di đang hành Bổn nhật trị biệt trụ lại cố ý làm xuất tinh, lại tái phạm tội Tăng già bà thi sa, đã che giấu nửa tháng, nay theo Tăng xin lại yết ma Bổn nhật trị biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành lại biệt trụ bấy nhiêu ngày. Xin Tăng thương xót cho tôi yết ma Bổn nhật trị biệt tru lại. (3 lần)

Một Bí-sô trong Tăng tác bạch yết ma như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, Bí-sô Ô-đà-di đang hành Bổn nhật trị biệt trụ lại cố ý làm xuất tinh, lại tái phạm tội Tăng già bà thi sa, đã che giấu nửa tháng, nay theo Tăng xin lại yết ma Bổn nhật trị biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành lại biệt trụ bấy nhiêu ngày. Nếu Tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay cho lại Bí-sô Ô- đà-di yết ma Bổn nhật trị biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành lại biệt trụ bấy nhiêu ngày. Bạch như vậy.

Văn yết ma dựa theo văn tác bạch mà làm.

**4. Yết ma Ma-na-đỏa:**

Bí-sô Ô-đà-di hành lại Bổn nhật trị biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành lại biệt trụ bấy nhiêu ngày xong rồi đến nói với các Bí-sô: "giờ tôi phải làm sao", các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "các thầy hãy cho Bí-sô Ô-đà-di yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa, nếu có người nào giống như thế, Tăng cũng nên cho yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa".

Tác pháp yết ma Ma-na-đỏa như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, Bí-sô Ô-đà-di từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu chắp tay bạch Tăng:

Đại đức tăng nhớ nghĩ, tôi Bí-sô Ô-đà-di đang hành Bổn nhật trị biệt trụ lại cố ý làm xuất tinh, lại tái phạm tội Tăng già bà thi sa, đã che giấu nửa tháng. Tăng đã cho tôi yết ma Bổn nhật trị biệt trụ lại, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành lại biệt trụ bấy nhiêu ngày. Tôi đã hành lại Bổn nhật trị biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành lại biệt trụ bấy nhiêu ngày xong rồi, nay theo Tăng xin yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa. Xin Tăng thương xót cho tôi yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa. (3 lần)

Một Bí-sô trong Tăng tác bạch yết ma như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, Bí-sô Ô-đà-di đang hành Bổn nhật trị biệt trụ lại cố ý làm xuất tinh, lại tái phạm tội Tăng già bà thi sa, đã che giấu nửa tháng. Tăng đã cho lại yết ma Bổn nhật trị biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành lại biệt trụ bấy nhiêu ngày. Bí-sô Ô-đà-di đã hành lại Bổn nhật trị biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành lại biệt trụ bấy nhiêu ngày xong rồi, nay theo Tăng xin yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa. Nếu Tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay cho Bí-sô Ô-đà-di yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa. Bạch như vậy.

Đại đức tăng lắng nghe, Bí-sô Ô-đà-di đáng

hành Bổn nhật trị biệt trụ lại cố ý làm xuất tinh, lại tái phạm tội Tăng già bà thi sa, đã che giấu nửa tháng. Tăng đã cho lại yết ma Bổn nhật trị biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành lại biệt trụ bấy nhiêu ngày. Bí-sô Ô-đà-di đã hành lại Bổn nhật trị biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành lại biệt trụ bấy nhiêu ngày xong rồi, nay theo Tăng xin yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa. Tăng nay cho Bí-sô Ô-đà-di yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa, các cụ thọ chấp thuận cho Bí-sô Ô-đà-di yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Đây là yết ma lần thứ 1.

Như thế bạch tứ yết ma cho đến câu Tăng đã chấp thuận cho Bí-sô Ô-đà-di yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lạng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

**5. Yết ma xuất tội:**

Lúc đó Bí-sô Ô-đà-di đã hành Bổn nhật trị biệt trụ tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành lại biệt trụ bấy nhiêu ngày xong, kế hành sáu đêm Ma-na-đỏa xong, liền đến nói với các Bí-sô: "giờ tôi phải làm sao", các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "các thầy hãy cho Bí-sô Ô-đà-di yết ma Xuất tội, nếu có người nào giống như vậy, Tăng cũng nên cho yết ma Xuất tội". Tác pháp yết ma Xuất tội như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, Bí-sô Ô-đà-di từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu chắp tay bạch Tăng:

Đại đức tăng nhớ nghĩ, tôi Bí-sô Ô-đà-di cố ý làm xuất tinh phạm tội Tăng già bà thi sa, đã che giấu nửa tháng. Tăng đã cho tôi yết ma Biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày. Khi tôi đang hành biệt trụ lại cố ý làm xuất tinh, tái phạm tội tăng tàn, đã che giấu nửa tháng. Tăng đã cho tôi yết ma Bổn nhật trị biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành lại biệt trụ bấy nhiêu ngày. Khi đang hành Bổn nhật trị biệt trụ lại cố ý làm xuất tinh, lại tái phạm tội tăng tàn, đã che giấu nửa tháng. Tăng đã cho tôi yết ma Bổn nhật trị biệt trụ lại, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành lại Bổn nhật trị biệt trụ bấy nhiêu ngày. Tôi đã hành lại Bổn nhật trị biệt trụ xong rồi. Tăng cũng đã cho tôi yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa, tôi cũng đã hành sáu đêm Ma-na-đỏa xong rồi, nay theo Tăng xin yết ma Xuất tội. Xin Tăng thương xót cho tôi yết ma Xuất tội. (3 lần)

Một Bí-sô trong Tăng tác bạch yết ma như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, Bí-sô Ô-đà-di cố ý làm xuất tinh phạm tội Tăng già bà thi sa, đã che giấu nửa tháng. Tăng đã cho Bí-sô này yết ma Biệt tru, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày, Khi Bí-sô này đang hành biệt trụ lại cố ý làm xuất tinh, tái phạm tội tăng tàn, đã che giấu nửa tháng. Tăng đã cho Bí-sô này yết ma Bổn nhật trị biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành lại biệt trụ bấy nhiêu ngày. Khi Bí-sô này đang hành

Bổn nhật trị biệt trụ lại cố ý làm xuất tinh, lại tái phạm tội tăng tàn, đã che giấu nửa tháng. Tăng đã cho Bí-sô này yết ma Bổn nhật trị biệt trụ lại, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành lại Bổn nhật trị biệt trụ bấy nhiêu ngày. Bí-sô Ô-đà-di đã hành lại Bổn nhật trị biệt trụ xong rồi, Tăng cũng đã cho Bí-sô này yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa, Bí-sô này cũng đã hành sáu đêm Ma-na-đỏa xong rồi, nay theo Tăng xin yết ma Xuất tội. Nếu Tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay cho Bí-sô Ô-đà-di yết ma Xuất tội. Bạch như vậy.

Kế Thượng tòa trong Tăng nên quở trách Bí-sô Ô-đà-di: "thầy nên biết có hai hạng người làm tắt cây đuốc pháp, che ánh sáng pháp, hoại ngọn đèn pháp, đó là người phạm tội và người có tội mà không như pháp sám hối trừ diệt. Đây gọi là hai hạng người thấp hèn, ngu si, bất minh, bất thiện. Lại có hai hạng người đối với tội trong căn bản không nhổ phá đi, đối với các bộc lưu (phiền não kiết sử) không làm cho khô cạn, không chiến đấu với quân ma, không chặt gảy cờ ma, không có tâm kiến lập cờ pháp thắng diệu, không đoạn trừ ác tà kiến, đối với chánh giáo của Vô thượng đại sư không tùy chuyển pháp luân. Lại có hai hạng người bị khổ độc não hại, tăng trưởng luân hồi trong ba cõi là người phạm tội và phạm tội mà không như pháp sám hối. Này Ô-đà- di, thầy nên thường tư duy viễn ly tham sân si, cớ sao thầy lại làm việc

xấu xa này. Thầy là người ngu si, tại sao đưa hai tay thọ người khác tín tâm cúng dường, lại dùng hai tay này làm việc xấu xa. Thà thầy dùng hai tay này cầm con rắn có nọc độc, không nên dùng hai tay này cầm sanh chi làm việc xấu xa. Này Ô-đà-di, do đối với tội đã phạm không phát lồ trừ diệt thì sẽ thối thất các tưởng về vô thường, khổ không vô ngã, tưởng về yểm ly thức ăn, tưởng về không ưa thích thế gian, tưởng về bất tịnh, tưởng về thây chết xanh bầm, sình trướng, chảy máu mủ... các tưởng như thế đều không hiện tiền; cũng không thể đắc bốn thiền, bốn định cho đến bốn quả Sa môn và sáu thông đều không thể chứng hội. Lại nữa, do không phát lồ, sau khi chết sẽ tùy thọ sanh một trong hai đường ác đáng sợ là địa ngục và bàng sanh. Như Phật đã dạy có hai nghiệp che chướng đưa đến hai đường ác là địa ngục và bàng sanh, đó là không tin lời Phật dạy và che giấu tội lỗi". Ân cần khiển trách như vậy rồi mới tác yết ma:

Đại đức tăng lắng nghe, Bí-sô Ô-đà-di cố ý làm xuất tinh phạm tội Tăng già bà thi sa, đã che giấu nửa tháng. Tăng đã cho Bí-sô này yết ma Biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày. Khi Bí-sô này đang hành biệt trụ lại cố ý làm xuất tinh, tái phạm tội Tăng tàn, đã che giấu nửa tháng. Tăng đã cho Bí-sô này yết ma Bổn nhật trị biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành lại biệt trụ bấy nhiêu ngày. Khi Bí-sô này đang hành

Bổn nhật trị biệt trụ lại cố ý làm xuất tinh, lại tái phạm tội Tăng tàn, đã che giấu nửa tháng. Tăng đã cho Bí-sô này yết ma Bổn nhật trị biệt trụ lại, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành lại Bổn nhật trị biệt trụ bấy nhiêu ngày. Bí-sô Ô-đà-di đã hành lại Bổn nhật trị biệt trụ xong rồi, Tăng đã cho hành sáu đêm Ma-na-đỏa, Bí-sô Ô-đà-di cũng đã hành sáu đêm Ma-na-đỏa xong rồi, nay theo Tăng xin yết ma Xuất tội, Tăng nay cho Bí-sô Ô-đà-di yết ma Xuất tội. Các cụ thọ chấp thuận cho Bí-sô Ô-đà-di yết ma Xuất tội thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói.

Tăng đã chấp thuận cho Bí-sô Ô-đà-di yết ma Xuất tội xong rồi, Tăng chấp thuận vì im lạng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Kế khen ngợi và khuyên nhủ: "lành thay Ô-đà-di, " thầy nên biết có hai hạng người thường đốt sáng cây đuốc pháp, dựng lên cây cờ pháp, đó là người không phạm tội và người có tội mà như pháp sám hối trừ diệt. Đây gọi là hai hạng người thông tuệ, phân minh và thiện. Lại có hai hạng người đối với tội trong căn bản có thể nhổ phá đi, đối với các bộc lưu (phiền não kiết sử) có thể làm cho khô cạn, có thể chiến đấu với quân ma, chặt gảy cờ ma và có tâm kiến lập cờ pháp thắng diệu. Có thể đoạn trừ ác tà kiến, đối với chánh giáo của Vô thượng đại sư có thể tùy chuyển pháp luân. Lại có hai hạng người không bị khổ độc não hại, không còn luân

hồi trong ba cõi là người không phạm tội và phạm tội mà như pháp sám hối trừ diệt. Này Ô-đà-di, thầy đã phát lồ sám tội thì có thể đắc các tưởng về vô thường, khổ không vô ngã..., được thọ sanh vào một trong hai đường lành là trời người không có nghi. Như Phật đã dạy có hai nghiệp không che chướng có thể thọ sanh vào cõi trời người, đó là tin lời Phật dạy và không che giấu tội. Này Ô-đà-di, thầy đã được xuất tội, từ nay nên siêng tu phẩm thiện chớ có buông lung".

**6. Sám tội Tốt-thổ-la để:**

Sau khi xuất tội Tăng già bà thi sa xong nên lần lượt sám các tội phương tiện Tốt-thổ-la để, nên xin như sau:

Đại đức Tăng lắng nghe, tôi Bí-sô _____ đối với việc cố ý xuất tinh, trước có tạo tội phương tiện Tốt-thổ-la để, nay theo Tăng xin sám tội Tốt-thổ-la để, xin Tăng thương xót cho tôi sám tội Tốt-thổ-la để (ba lần).

Một Bí-sô tác pháp yết ma như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, Bí-sô _____ này đối với việc cố ý xuất tinh, trước có tạo tội phương tiện Tốt-thổ-la để, nay theo Tăng xin sám tội Tốt-thổ-la để. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay cho Bí-sô _____ sám tội Tốt-thổ-la để. Bạch như vậy.

Đại đức tăng lắng nghe, Bí-sô _____ này

đối với việc cố ý xuất inh, trước có tạo tội phương tiện Tốt-thổ-la để, nay theo Tăng xin sám tội Tốt-thổ-la để, Tăng nay cho Bí-sô này sám tội phương tiện Tốt-thổ-la để. Các cụ thọ chấp thuận cho Bí-sô _____ này sám tội phương tiện Tốt-thổ-la để thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Đây là yết ma lần thứ nhất (lần thứ hai, lần thứ ba)

Tăng đã chấp thuận cho Bí-sô này sám tội phương tiện Tốt-thổ-la để xong rồi, Tăng chấp thuận vì im lăng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Kế đối trước một Bí-sô sám các nhân tội Đột sắc ngật lý ca và các tội Ba-dật-đề không kính giáo. Tội Tốt-thổ-la để có hai phẩm:

1. Nhân tội Ba la thị ca có trọng và khinh, nếu là trọng thì phải sám hối ở trong Tăng (Tăng hiện tiền trong đại giới), nếu là khinh thì đối trước bốn Bí-sô ở trong giới tràng sám hối.

2. Nhân tội Tăng già bà thi sa cũng có trọng và khinh, nếu là trọng thì nên đối trước bốn Bí-sô ở trong giới tràng sám hối, nếu là khinh thì đối trước một Bí-sô phát lồ sám hối, giống như sám các tội Ba-dật-đề và tội Đột sắc ngật lý ca; nếu có che giấu thì phải sám thêm các tội che giấu.

-oOo-

# CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ BÁCH NHẤT YẾT MA

## QUYỂN 7

### 1. Sám hối tội Chúng giáo (tiếp theo):

Cụ thọ Ưu-ba-ly bạch Phật: "nếu người đang hành Biệt trú thấy có khách Bí-sô đến mà không cáo bạch thì phải làm sao?", Phật nói nên cáo bạch. Lúc đó Bí-sô hành biệt trú thấy có khách Bí-sô đến, chưa kịp cất y bát liền đến cáo bạch: "cụ thọ, tôi Bí-sô cố ý xuất tinh phạm Tăng già bà thi sa... đã hành biệt trụ _____ ngày, còn lại _____ ngày chưa hành, xin cụ thọ liễu tri", Bí-sô khách vừa nghe liền nổi giận nói rằng: "hãy ngừng lại đi, người ngu si chớ nói với tôi về việc hành biệt trụ", Bí-sô kia xấu hổ im lặng bỏ đi. Các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "từ nay Bí-sô khách chưa kịp cất y bát thì không nên đến cáo bạch", sau đó Bí-sô phạm lại đến từng Bí-sô khách cáo bạch và họ cũng nổi sân như trước, Phật nói: "không nên đến từng người cáo bạch, đợi khi Tăng nhóm bảo bạch y và Cầu tịch ra ngoài rồi mới cáo bạch. Bí-sô đang hành pháp không được ở chỗ không có Bí-

sô, nếu có việc cần phải đi ra ngoài giới thì không được ở lại ngủ đêm. Chiều tối tùy thời tiết nóng lạnh nên lấy nước nóng cho các Bí-sô rửa chân hoặc thoa dầu; khi ngủ nên khởi tưởng lúc thức dậy. Nếu Bí-sô đang hành biệt trụ và Ma-na-đỏa mà không tuân theo hành pháp này thì phạm tội Việt pháp". Lúc đó Bí-sô đang hành biệt trú không được chia phòng và cũng không được chia lợi vật, Phật nói nên chia phòng xấu và cho họ lợi vật. Ưu-ba-ly lại hỏi: "nếu Bí-sô đang hành biệt trú và Ma-na-đỏa nghe tin có Bí-sô là người ưa đấu tranh, ưa bình luận, không có hổ thẹn và biếng nhác sắp đến nơi này thì phải làm thế nào?", Phật nói: "nếu nghe tin kẻ ác kia sắp đến nơi đây thì người đang hành biệt trú và Ma-na-đỏa nên đối trước một Bí-sô xả hành pháp đang hành như sau:

Cụ thọ nhớ nghĩ, tôi Bí-sô _____ cố ý xuất tinh phạm Tăng già bà thi sa, đã che giấu nửa tháng... Khi tôi đang hành biệt trú nghe tin có Bí-sô là người ưa đấu tranh... sắp đến nơi đây. Tôi Bí-sô nay đối trước cụ thọ xin xả hành pháp đang hành, tôi đã hành được ngày, còn lại ngày chưa hành, đợi khi Bí-sô ác kia bỏ đi rồi, tôi sẽ đến thiện Bí-sô thọ lại hành pháp biệt trụ.

Nếu thọ lại hành pháp nên bạch như sau:

Cụ thọ nhớ nghĩ, tôi Bí-sô _____ cố ý xuất tinh phạm Tăng già bà thi sa, đã che giấu nửa tháng... Khi tôi đang hành biệt trú nghe tin có Bí-

sô là người ưa đấu tranh... sắp đến nơi đây. Tôi Bí-sô đã đối trước cụ thọ xin xả hành pháp đang hành, tôi đã hành được ngày, còn lại ngày chưa hành. Nay Bí-sô ác kia đã bỏ đi rồi, tôi đến trước cụ thọ xin thọ lại hành pháp biệt trụ.

Ưu-ba-ly bạch Phật: "Thế tôn, một Thân giáo sư, một Yết ma sư, một Giáo thọ sư có được cho hai đệ tử cùng thọ Cận viên một lần hay không?", Phật nói được, lại hỏi: "hai người này ai lớn hơn?", Phật nói bằng nhau, lại hỏi: "có được cho ba người cùng thọ một lần hay không?", Phật nói được, lại hỏi: "có được cho bốn người cùng thọ một lần hay không?", Phật nói: "không được, vì sao, vì không phải chúng mà làm yết ma cho chúng thì trên lý là trái nhau. Nếu ai làm như vậy thì phạm tội Việt pháp".

Cụ thọ Ưu-ba-ly bạch Phật: "nếu đời vị lai, con người dễ quên, niệm lực ít nên không biết rõ Thế tôn thuyết kinh gì, chế học xứ gì, ở tại đâu thì phải làm sao?", Phật nói: "tại sáu thành lớn, Như lai trú lâu nhất ở trong đại Chế để, nói ra những nơi ấy thì không phạm", lại hỏi: "nếu quên hiệu của các vua thì phải như thế nào?", Phật nói: "nếu quên vua thì nói vua Thắng quang, nếu quên trưởng giả thì nói trưởng giả Cấp- cô-độc, nếu quên Ô-ba-tư-ca thì nói Tỳ-xá-khư... nên biết như vậy. Đối với nơi khác thì tùy theo vua hay trưởng giả ở nơi đó mà nói", lại hỏi: "nếu nói về nhân duyên sự việc đời

trước thì phải như thế nào?", Phật nói: "tùy thời mà nói, như nói thành Bà-la-nê-tư thì có vua hiệu Phạm thọ, có trưởng giả tên Tương tục, có Ô-ba-tư-ca tên Trưởng tịnh", lại hỏi: "đối với kinh điển không thể ghi nhớ hết thì làm sao thọ trì?", Phật nói: "nên ghi chép trên lá, trên giấy để đọc tụng thọ trì".

**2. Yết ma súc trượng:**

Cụ thọ Ưu-ba-ly lại hỏi: " nếu có Bí-sô già yếu, không có gậy thì không thể đi lại dễ dàng thì phải làm sao?", Phật nói: "ai thật già bịnh thì nên vào trong Tăng xin yết ma cất chứa gậy. Tác pháp như sau: trải tòa, đánh kiền chùy nhóm Tăng, Bí-sô già bịnh vào trong Tăng đến trước vị Thượng tòa chắp tay bạch rằng:

Đại đức tăng lắng nghe, tôi là Bí-sô già bịnh suy yếu, nếu không có gậy thì không thể đi lại được, nay theo Tăng xin yết ma cất chứa gậy. Xin Tăng cho tôi là _____ Bí-sô _____ cất chứa gậy, xin thương xót (ba lần).

Lúc đó một Bí-sô trong Tăng nên tác bạch yết ma như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, Bí-sô _____ này già bịnh suy yếu, nếu không có gậy thì không thể đi lại được, nay theo Tăng xin yết ma cất chứa gậy. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng cho Bí-sô _____ già bịnh

suy yếu này yết ma cất chứa gậy. Bạch như vậy.

Tác yết ma cũng chuẩn theo văn tác bạch, ai được Tăng yết ma cho cất chứa gậy rồi thì dùng gậy chống đi không phạm".

### 3. Yết ma cho ngoại đạo bốn tháng ở chung:

Cụ thọ Ưu-ba-ly lại hỏi: "nếu có ngoại đạo mới phát tâm thanh tịnh đến với chánh pháp cầu xuất gia thì phải như thế nào?", Phật nói: "ngoại đạo nên thỉnh một Bí-sô làm Ô-ba-đà-da, cho ở chung trong bốn tháng, mặc y của Ô-ba-đà-da và ăn thức ăn của thường trú Tăng. Nếu cầu xuất gia, Ô-ba-đà-da nên hỏi các chướng pháp, thấy thanh tịnh thì nhiếp thọ, cho thọ Tam quy ngũ giới trở thành Ô-ba-sách-ca hộ. Sau đó bảo ngoại đạo đến trong Tăng xin bốn tháng ở chung như sau:

Đại đức Tăng lắng nghe, con là ngoại đạo tên _____ theo Ô-ba- đà-da _____ cầu xuất gia, con nay theo Tăng xin được ở chung trong bốn tháng, mặc y của Ô-ba-đà-da và ăn thức ăn của Tăng. Cúi xin Tăng cho con là ngoại đạo tên _____ được ở chúng trong bốn tháng, mặc y của Ô-ba-đà-da và ăn thức ăn của Tăng. Xin thương xót (ba lần).

Bảo ngoại đạo đến đứng ở chỗ chỉ thấy mà không nghe, Tăng sai một Bí-sô tác pháp yết ma như sau:

Đại đức Tăng lắng nghe, ngoại đạo này tên _____ theo Ô-ba-đà- da _____ cầu xuất gia, nay theo Tăng xin được ở chung trong bốn tháng, mặc y của Ô-ba-đà-da và ăn thức ăn của Tăng. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay cho ngoại đạo _____ này được ở chung trong bốn tháng, mặc y của Ô-ba-đà-da và ăn thức ăn của Tăng. Bạch như vậy.

Đại đức Tăng lắng nghe, ngoại đạo này tên _____ theo Ô-ba-đà-da _____ cầu xuất gia, nay theo Tăng xin được ở chung trong bốn tháng, mặc y của Ô-ba-đà-da và ăn thức ăn của Tăng. Tăng nay cho ngoại đạo _____ được ở chung trong bốn tháng, mặc y của Ô-ba-đà-da và ăn thức ăn của Tăng. Các cụ thọ chấp thuận cho ngoại đạo được ở chúng trong bốn tháng, mặc y của Ô-ba-đà-da và ăn thức ăn của Tăng thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Đây là yết ma lần thứ nhất (lần thứ hai, lần thứ ba).

Tăng đã chấp thuận cho ngoại đạo _____ được ở chung trong bốn tháng, mặc y của Ô-ba-đà-da và ăn thức ăn của Tăng xong rồi, Tăng chấp thuận vì im lạng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Sau khi Tăng yết ma cho ở chung thì Tăng nên xem họ như là Cầu tịch, cụ thọ Ưu-ba-ly lại hỏi: "như Phật đã dạy nếu thấy ngoại đạo tâm đã điều phục mới cho xuất gia, không biết như thế nào gọi

là điều phục?", Phật nói: "nên ở trước ngoại đạo ca ngợi công đức của Phật pháp tăng và luận bàn sự nghiệp của ngoại đạo. Nếu khi nghe ca ngợi công đức của Tam bảo mà không vui, nghe luận bàn sự nghiệp của ngoại đạo mà khởi sân hận tức là tâm của ngoại đạo này chưa điều phục; ngược lại thì gọi là được điều phục".

Lại hỏi: như Phật đã dạy thành tựu năm pháp và đủ năm tuổi hạ thì được lìa y chỉ, tùy ý du hành, thế nào là năm?

Phật đáp: năm pháp là biết phạm, biết không phạm, biết tội trọng, biết tội khinh và thông hiểu luật tạng.

Lại hỏi: nếu chỉ đủ bốn hạ nhưng thành tựu năm pháp thì có được tùy ý du hành hay không?

Phật đáp: không được, phải đủ năm hạ.

Lại hỏi: nếu đủ năm hạ nhưng chưa đủ năm pháp thì có được lìa y chỉ hay không?

Phật đáp: không được vì chưa thành tựu năm pháp.

Lại hỏi: nếu chỉ đủ ba hạ nhưng thông hiểu ba tạng, đủ tam minh, trừ hết ba cấu thì có được lìa y chỉ không?

Phật đáp: vẫn phải cần y chỉ vì giáo pháp đã chế định như thế, không phải do đã đắc những gì chưa đắc, đã chứng những gì chưa chứng mà được lìa y chỉ.

Lại hỏi: đủ năm hạ, thành tựu năm pháp mới được du hành, nếu khi đi đến một nơi nào đó thì được trong mấy ngày không cầu y chỉ?

Phật đáp: được đến năm đêm, đây là dựa trên có tâm cầu y chỉ, nếu không có tâm cầu y chỉ thì dù một đêm cũng không được.

Lại hỏi: như Phật đã dạy Bí-sô đủ mười hạ, thành tựu năm pháp được thu nhận Cầu tịch, nếu Bí-sô tuổi đời tám mươi, tuổi hạ sáu mươi nhưng không tụng thông Giới kinh và chưa hiểu ý nghĩa thì phải như thế nào?

Phật đáp: đủ sáu mươi hạ vẫn phải cầu y chỉ.

Lại hỏi: nên y chỉ ai?

Phật đáp: nên y chỉ người lớn tuổi hơn mình, nếu không có người lớn tuổi hơn thì nên y chỉ người nhỏ tuổi hơn.

Lại hỏi: nếu như vậy thì phải lễ bái thầy như thế nào?

Phật đáp: chỉ trừ lễ bái dưới chân, các việc khác đều nên làm, vì người này gọi là Lão tiểu Bí-sô.

Lại hỏi: "như Phật đã chế đồng tử đủ bảy tuổi có thể đuổi được chim quạ thì nên cho xuất gia. Nếu đồng tử sáu tuổi có thể đuổi được chim quạ thì có nên cho xuất gia không?", Phật nói: "chỉ nên cho đồng tử bảy tuổi xuất gia, nhỏ hơn không được", lại hỏi: "nếu đủ bảy tuổi nhưng không đuổi được chim quạ thì có nên cho xuất gia không?", Phật nói:

"nếu không đuổi được chim quạ thì không nên cho xuất gia".

Lại hỏi: "nếu Bí-sô hội đủ bảy pháp thì chúng nên sai giáo thọ Bí-sô ni, nếu chưa sai thì nên sai, nếu đã sai thì không nên hủy bỏ, bảy pháp đó là gì?", Phật nói: "đó là trì giới, đa văn, là bậc kỳ túc, rành ngôn ngữ đô thành, không từng làm nhơ nhiễm Bí-sô ni, khéo hay phân biệt tám pháp Tha thắng và khéo hay giải thích tám pháp tôn trọng.

Sao gọi là trì giới?: Là đối với bốn pháp Ba la thị ca không phạm một pháp nào.

Sao gọi là Đa văn?: Là thông suốt hai bộ giới kinh.

Sao gọi là bậc kỳ túc?: Tức là thọ viên cụ đủ hai mươi hạ hoặc hơn.

Sao gọi là rành ngôn ngữ đô thành?; Có thể hiểu được ngôn ngữ

của thành đô và thông cả tiếng địa phương.

Sao gọi là không từng làm nhơ nhiễm Bí-sô ni?; Tức là không hề cùng ni hai thân xúc chạm nhau, nếu lở có phạm thì đã như pháp sám hối.

Sao gọi là khéo hay phân biệt tám pháp tha thắng?: Là khéo biết rõ khai giá của tám pháp đầu.

Sao gọi là khéo giải thích tám pháp tôn trọng?: Là đối với tám việc này khéo hay khai diễn.

Nếu Bí-sô hội đủ bảy đức này chúng nên sai giáo thọ Bí-sô ni."

## 4. Yết ma sai giáo thọ ni:

Tác pháp sai như sau: nên vào ngày thứ 15 lúc làm lễ trưởng tịnh, chúng tăng tập họp đầy đủ, lúc đó Tăng tác pháp sai người đến giáo thọ ni chúng. Trước nên hỏi Bí-sô có đủ bảy pháp kể trên: "cụ thọ có thể giáo thọ cho Bí-sô ni được tăng thượng giới, tăng thượng định, tăng thượng huệ không?", nếu đáp có thể thì Tăng nên sai một Bí-sô bạch nhị yết ma như sau:

Đại đức tăng già lắng nghe, Bí-sô này tên _____ là người có thể giáo thọ cho Bí-sô ni được tăng thượng giới định huệ. Nếu tăng đúng thời đến, tăng nên chấp thuận, nay Tăng sai Bí-sô tên _____ đến giáo thọ cho Bí-sô ni được tăng thượng giới định huệ. Bạch như vậy.

Đại đức tăng già lắng nghe, Bí-sô này tên _____ là người có thể giáo thọ cho Bí-sô ni được tăng thượng giới định huệ. Nay tăng sai Bí-sô tên _____ đến giáo thọ cho Bí-sô ni được tăng thượng giới định huệ, nếu các cụ thọ chấp thuận sai Bí-sô tên _____ đến giáo thọ cho Bí-sô ni được tăng thượng giới định huệ thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói.

Tăng đã chấp thuận sai Bí-sô tên _____ đến giáo thọ cho Bí-sô ni được tăng thượng giới định huệ xong rồi, Tăng chấp thuận vì im lạng. Tôi nay nhớ giữ như vậy.

Bí-sô được sai rồi nên đến giáo thọ ni. Mỗi nửa tháng Bí-sô ni nên đến trong trú xứ Bí-sô, đảnh lễ tăng rồi bạch:

Đại đức Tăng lắng nghe, chúng Bí-sô ni tại chùa _____ hòa hợp xin đảnh lễ Đại đức tăng tại chùa _____ và thăm hỏi các vị có được ít não, ít bịnh, khí lực có khinh an không. Chúng Bí-sô ni trong nửa tháng này đến thỉnh người giáo thọ ni.

Thượng tòa nên hỏi chúng ni có hòa hợp không, đáp là hòa hợp, lại hỏi trong nửa tháng qua có lỗi lầm không, đáp là không có, lại nói: "này các cô, trong chúng tăng tại trú xứ này không có Bí-sô nào đến giáo thọ ni chúng, các cô nên tự siêng tu, chớ có buông lung", ni chúng nên đáp là lành thay. Lại nữa khi Bí-sô ni vào chùa Tăng nên bạch trước với một Bí-sô, cho vào mới được vào; nếu không bạch trước mà liền vào thì phạm tội Việt pháp. Nên bạch rằng: "Đại đức, tôi là Bí-sô ni nay muốn vào trong chùa thỉnh giáo thọ ni", Bí-sô nên nói: "nếu không phải đến tạo lỗi thì được vào", ni nên đáp là không phải, Bí-sô đáp là là tốt, nếu không nói như thế thì phạm tội Việt pháp.

**5. Yết ma can Bí-sô ni tạp trú:**

Lúc đó tại thành Thất-la-phiệt có hai Bí-sô ni tên Khả ái và Tùy ái cùng ở tạp loạn, các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật

bảo các ni nên ở chỗ khuất can riêng. Khi các ni can riêng, họ vẫn không chịu cải hối nên các ni lại bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật bảo các ni: "hãy bạch tứ yết ma ở trong chúng can hai ni kia, nếu có ni khác giống như thế cũng nên tác pháp can như thế, một ni tác bạch yết ma như sau:

Đại đức ni tăng già lắng nghe, hai Bí-sô ni Khả ái và Tùy ái này cùng ở tạp loạn: trạo cử, giỡn cười, ôm ấp nhau... Các ni đã ở chỗ khuất can riêng hai ni kia rằng: "hai cô chớ cùng ở tạp loạn : trạo cử, giỡn cười, ôm ấp nhau như vậy sẽ khiến cho pháp lành suy tổn, không được tăng ích. Các cô hãy ở riêng thì pháp lành mới tăng ích, không bị suy tổn", khi được can riêng như thế, hai ni kia vẫn cố chấp không bỏ. Nếu Ni tăng già đúng thời đến nghe, Ni tăng già nên chấp thuận, Ni tăng nay yết ma can ngăn hai Bí-sô ni Khả ái và Tùy ái chớ cùng ở tạp loạn. Bạch như vậy.

Văn yết ma dựa theo văn tác bạch mà làm.

### 6. Yết ma can Bí-sô ni khuyên chớ ở riêng:

Lúc đó hai ni Khả ái và Tùy ái cùng ở tạp loạn bị Ni tăng già tác pháp Bạch tứ yết ma can ngăn nên phải ở riêng, Bí-sô ni Thổ-la-nan-đà đến chỗ hai ni này nói rằng: "tại sao hai cô không cùng ở chung mà lại ở riêng, nếu cùng ở tạp loạn thì pháp lành mới tăng ích". Các ni đem việc này bạch các

Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô ni: "hãy ở chỗ khuất can riêng ni kia", nhưng khi được can riêng, ni kia vẫn cố chấp không chịu bỏ, còn nói: "lời nói này là chơn thật, ngoài ra đều là hư vọng" nên các ni lại bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật bảo các ni: "hãy bạch tứ yết ma chánh can, nếu có ni khác giống như vậy cũng nên tác pháp can, một ni tác bạch yết ma như sau:

Đại đức ni tăng già lắng nghe, hai Bí-sô ni Khả ái và Tùy ái này ở tạp loạn, Ni tăng già đã tác pháp bạch tứ yết ma chánh can nên họ đã ở riêng, nhưng Bí-sô ni Thổ-la-nan-đà lại đến chỗ hai ni kia nói rằng: hai cô nếu ở chung thì pháp lành sẽ tăng ích, nếu ở riêng thì pháp lành sẽ suy tổn. Các ni đã can riêng nhưng ni kia vẫn chấp chặt không bỏ, còn nói: lời nói này là chơn thật, ngoài ra đều là hư vọng. Nếu Bí-sô ni tăng già đúng thời đến nghe, Bí-sô ni tăng già nên chấp thuận, Bí-sô ni tăng già nay tác pháp bạch tứ yết ma Không bỏ ác kiến khuyên chớ ở riêng cho ni Thổ-la-nan-đà. Bạch như vậy.

Văn tác yết ma y theo văn tác bạch mà làm.

**7. Ni yết ma không lễ bái:**

Lúc đó có Bí-sô bị Tăng hòa hợp cho yết ma Xả trí và các Bí-sô ni cũng tác yết ma không lễ bái cho Bí-sô đó. Ni tác pháp như sau: trải tòa, đánh kiền chùy, ni chúng tập họp rồi sai một Bí-sô ni tác

pháp yết ma như sau:

Đại đức Ni tăng lắng nghe, Tăng hòa hợp đã cho Bí-sô tên _____ yết ma xả trí, nay Ni tăng cũng tác pháp yết ma không lễ bái. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Ni tăng nay tác pháp yết ma không lễ bái cho Bí-sô tên _____ . Bạch như vậy.

Đại đức tăng lắng nghe, Tăng hòa hợp đã cho Bí-sô tên _____ yết ma xả trí, nay Ni tăng cũng tác pháp yết ma không lễ bái. Ni tăng nay tác yết ma không lễ bái cho Bí-sô tên _____ , các Bí-sô ni chấp thuận tác yết ma không lễ bái cho Bí-sô thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói.

Ni tăng đã chấp thuận tác yết ma không lễ bái cho Bí-sô _____ xong rồi, Ni tăng chấp thuận vì im lạng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Sau khi tác yết ma này rồi, các Bí-sô ni không lễ bái, không cùng nói chuyện với Bí-sô đó, nhưng nếu gặp cũng nên đứng dậy vì Bí-sô thuộc về chúng trên.

**8. Yết ma can Bí-sô ni tùy thuận:**

Lúc đó có Bí-sô ni tuy biết Bí-sô kia bị Tăng hòa hợp cho yết ma xả trí và Ni tăng cũng đã tác yết ma không lễ bái, nhưng vẫn tùy thuận Bí-sô kia. Ni tăng tác yết ma can Bí-sô ni này như sau:

Đại đức Ni tăng lắng nghe, Bí-sô tên _____ đã làm việc phi pháp nên bị Tăng hòa

hợp cho yết ma xả trí, Bí-sô ni này tên _____ tuy biết Tăng hòa hợp đã cho Bí-sô tên _____ yết ma xả trí và Ni tăng cũng đã tác pháp yết ma không lễ bái cho Bí-sô đó, Bí-sô ni này tên vẫn tùy thuận, thân gần và thừa sự khiến cho Bí-sô đó không tuân theo lời Tăng dạy. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Ni tăng nay tác yết ma can ngăn Bí-sô ni này chớ tùy thuận, thân gần và thừa sự Bí-sô đó. Bạch như vậy.

Văn yết ma dựa theo văn tác bạch mà làm.

**9. Yết ma cho Bí-sô ni ở chung phòng với con:**

Lúc đó có Bí-sô ni tên Cấp đa sanh con trai là Ca nhiếp ba nhưng không ở cùng phòng khiến đứa bé kêu khóc, các ni đem việc này bạch các Bí-sô, Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "ni Cấp đa nên theo Ni tăng xin yết ma được ngủ đêm cùng phòng với con. Tác pháp xin như sau: trải tòa, đánh kiền chùy, sau khi Ni chúng tập họp, ni Cấp đa chắp tay quỳ trước Thượng tòa ni bạch:

Đại đức ni tăng lắng nghe, con là Bí-sô ni Cấp đa sanh con trai, muốn ngủ đêm cùng phòng với con. Nay theo Ni tăng xin yết ma được ngủ đêm cùng phòng với con, cúi xin Ni tăng cho con được ngủ đêm cùng phòng với con. Xin thương xót (ba lần).

Ni tăng bảo Cấp đa đến chỗ chỉ thấy không nghe rồi sai một Bí-sô ni tác bạch nhị yết ma cho như sau:

Đại đức ni tăng lắng nghe, Bí-sô ni Cấp đa này sanh con trai, nay theo Ni tăng xin yết ma được ngủ đêm cùng phòng với con. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, nay Ni tăng tác yết ma cho Cấp đa được ngủ đêm cùng phòng với con. Bạch như vậy.

Đại đức ni tăng lắng nghe, Bí-sô ni Cấp đa này sanh con trai, nay theo Ni tăng xin yết ma được ngủ đêm cùng phòng với con. Nay Ni tăng tác yết ma cho Cấp đa được ngủ đêm cùng phòng với con, vị nào chấp thuận cho Cấp đa được ngủ đêm cùng phòng với con thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói.

Ni tăng đã chấp thuận cho Cấp đa được ngủ đêm cùng phòng với con xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Sau khi được Tăng yết ma cho rồi thì được ngủ đêm cùng phòng với con không phạm, khi đứa bé lớn thì ngăn trở lại".

## 10. Yết ma cho Bí-sô ni qua lại nhà thân tộc:

Lúc đó gặp thời buổi đói kém, khất thực khó được đến nỗi thân tộc của Bí-sô ni nói rằng: "tôi không thể cung cấp thức ăn cho nhiều người, chỉ

có thể cung cấp cho một mình cô mà thôi", Bí-sô ni đem việc này bạch ni chúng, ni chúng bạch Phật, Phật nói: "gặp lúc thời buổi đói kém, khất thực khó được, ta khai cho Bí-sô ni theo chúng xin yết ma tới lui và dừng ở bên nhà cha mẹ, tác pháp xin như sau: Bí-sô ni nên trải tòa rồi đánh kiền chùy tập Ni tăng, khi Ni tăng nhóm nên lễ Ni tăng rồi ở trước vị Thượng tòa cung kính chắp tay bạch rằng:

Đại đức Ni tăng lắng nghe, con là Bí-sô ni _____ nay gặp lúc thời buổi đói kém, khất thực khó được, không đủ no nên nay con theo Ni tăng xin yết ma tới lui và dừng ở bên nhà cha mẹ. Cúi xin Ni tăng cho con tên _____ yết ma tới lui và dừng ở bên nhà cha mẹ, xin thương xót (ba lần).

Ni tăng bạch nhị yết ma cho, khi Ni tăng tác pháp cho yết ma rồi thì Bí-sô ni được lui tới và dừng ở bên nhà cha mẹ một mình và tùy ý thọ thực không phạm. Sau khi thời thế được mùa sung túc trở lại thì không được một mình đến thọ thực nữa, nếu còn đến một mình thì phạm tội Việt pháp".

Cụ thọ Ưu-ba-ly bạch Phật: "Thế tôn, nếu ni chuyển căn thì phải như thế nào?", Phật nói: "đồng Cận viên và y theo hạ lạp cũ rồi đưa qua chùa Tăng", lại hỏi: "nếu Tăng chuyển căn thì có được theo hạ lạp cũ rồi đưa qua chùa Ni hay không?", Phật nói cũng đưa qua chùa Ni, lại hỏi: "nếu cả hai khi đưa qua chùa kia liền chuyển căn trở lại thì phải

như thế nào?", Phật nói: "cũng như trước đưa trả về chỗ cũ", lại hỏi: "nếu họ chuyển căn đến lần thứ ba thì phải như thế nào?", Phật nói: "nếu chuyển căn đến lần thứ ba thì họ không phải là Tăng ni, phải cho họ hoàn tục, không được cùng ở chung", lại hỏi: "nếu Cầu tịch đang thọ Cận viên bỗng chuyển căn thì có thành thọ Cận viên không?", Phật nói: "thành thọ Cận viên nhưng nên đưa họ đến trú xứ ni", lại hỏi: "khi người đang thọ Cận viên nói tôi là người tục thì người này có thành thọ Cận viên không?", Phật nói: "nếu người ấy thọ Cận viên rồi tự nói mình là người tục thì người ấy vẫn mất Cận viên, huống chi là đang thọ. Đây là dựa trên có tâm xả giới mà nói".

Nếu có Bí-sô muốn xả học xứ, tâm quyết định xả thì nên đối trước một Bí-sô chắp tay bạch:

Cụ thọ nhớ nghĩ, tôi Bí-sô _____ đối với pháp bất tịnh hạnh không thể phụng trì, tôi Bí-sô _____ nay đối trước cụ thọ xin xả học xứ đã thọ, bỏ hình tướng xuất gia trở lại hình nghi thế tục, từ nay cụ thọ nên biết tôi là người tục. (ba lần)

Nếu đối trước Bí-sô điên cuồng tâm loạn để xả học xứ thì không thành xả.

**11. Yết ma linh bố:**

Phật tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó có nhóm Bí-sô Bán đậu lô khấu đắc ca... ưa tranh tụng, ở trong chúng thường ưa tranh cãi khiến Tăng không được

an lạc trụ, sự cạnh tranh nhân đây triển chuyển tăng trưởng. Các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Tăng nên cho nhóm Bí-sô Bán đậu lô khấu đắc ca yết ma Linh bố, nếu có ai giống như thế cũng nên cho yết ma Linh bố. Có năm duyên nếu cho yết ma Linh bố thì yết ma này phi pháp phi luật và Tăng phạm tội Việt pháp, đó là không gạn hỏi, không cho ức niệm, việc đó không thật, không tự ngôn và không hiện tiền. Ngược lại nếu trước có gạn hỏi, cho ức niệm, việc đó là thật, có tự ngôn và hiện tiền thì yết ma Linh bố này là như pháp như luật và Tăng cho yết ma không có lỗi. Một Bí-sô trong Tăng tác pháp yết ma như sau:

Đại đức Tăng lắng nghe, nhóm Bí-sô Bán đậu lô khấu đắc ca... ưa tranh tụng, ở trong chúng thường ưa tranh cãi khiến Tăng không được an lạc trụ, sự cạnh tranh nhân đây triển chuyển tăng trưởng. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay cho nhóm Bí-sô Bán đậu lô khấu đắc ca yết ma Linh bố. Bạch như vậy.

Đại đức Tăng lắng nghe, nhóm Bí-sô Bán đậu lô khấu đắc ca... ưa tranh tụng, ở trong chúng thường ưa tranh cãi khiến Tăng không được an lạc trụ, sự cạnh tranh nhân đây triển chuyển tăng trưởng. Tăng nay cho nhóm Bí-sô Bán đậu lô khấu đắc ca yết ma Linh bố, các cụ thọ chấp thuận cho nhóm Bí-sô Bán đậu lô khấu đắc ca yết ma Linh bố thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Đây là

yết ma lần thứ nhất (lần thứ hai, lần thứ ba).

Tăng đã chấp thuận cho nhóm Bí-sô Bán đậu lô khấu đắc ca yết ma Linh bố xong rồi, Tăng chấp thuận vì im lạng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Khi Tăng đã cho yết ma Linh bố rồi thì nhóm Bí-sô này không được cho người thọ Cận viên..., sau đó nhóm Bí-sô này ở trong Tăng hiện tướng cung kính, không khinh mạn và mong cầu cứu bạt, theo Tăng xin yết ma thu nhiếp và hứa là sẽ dứt hẳn việc tranh cãi này. Các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Tăng nên cho nhóm Bí-sô Bán đậu lô khấu đắc ca yết ma thu nhiếp, nếu có ai giống như thế cũng nên cho yết ma thu nhiếp. Có năm pháp sau khi cho yết ma Linh bố rồi, nếu chưa cho yết ma thu nhiếp thì không nên cho: một là dựa vào vua, hai là dựa vào quan, ba là dựa vào người khác, bốn là dựa vào ngoại đạo, năm là dựa vào Tăng. Lại có năm pháp không cho yết ma thu nhiếp: một là thừa sự ngoại đạo, hai là ưa thân gần bạn ác, ba là cúng dường ngoại đạo, bốn là không muốn cùng Tăng hòa hợp, năm là không muốn ở chung với Tăng. Lại có năm pháp không nên cho yết ma thu nhiếp: một là mắng Bí-sô, hai là sân hận, ba là quở trách, bốn là làm việc không nên làm, năm là không tu tập học xứ của Bí-sô. Ngược lại nếu có năm pháp thì nên cho yết ma thu nhiếp: một là ở trong Tăng hiện tướng cung kính, không khinh mạn; hai là cầu mong cứu bạt; ba là tự thân thường kính lễ; bốn là

ở trong giới thỉnh cầu thu nhiếp; năm là tự nói sẽ dứt hẳn việc tranh cãi này, không làm nữa. Lại Có năm pháp sau khi cho yết ma Linh bố rồi, nếu chưa cho yết ma thu nhiếp thì nên cho: một là không dựa vào vua, hai là không dựa vào quan, ba là không dựa vào người khác, bốn là không dựa vào ngoại đạo, năm là không dựa vào Tăng. Lại có năm pháp nên cho yết ma thu nhiếp: một là không thừa sự ngoại đạo, hai là không thân gần bạn ác, ba là không cúng dường ngoại đạo, bốn là muốn cùng Tăng hòa hợp, năm là muốn ở chung với Tăng. Lại có năm pháp nên cho yết ma thu nhiếp: một là không mắng Bí-sô, hai là không sân hận, ba là không quở trách, bốn là làm việc nên làm, năm là thường tu tập học xứ của Bí-sô. Nếu thấy người kia đã được điều phục rồi thì Tăng nên cho yết ma thu nhiếp, Tác pháp xin như sau: trải tòa, đánh kiền chùy, Tăng vân tập, tác tiền phương tiện, nhóm Bí-sô Bán đậu lô khấu đắc ca đến trong Tăng bạch xin:

Đại đức Tăng lắng nghe, nhóm Bí-sô chúng con là Bán đậu lô khấu đắc ca... ưa tranh tụng, ở trong chúng thường ưa tranh cãi khiến Tăng không được an lạc trụ, sự cạnh tranh nhân đây triển chuyển tăng trưởng nên Tăng đã cho chúng con yết ma Linh bố. Sau khi Tăng cho chúng con yết ma Linh bố, chúng con ở trong Tăng hiện tướng cung kính, không khinh mạn và mong cầu cứu bạt, theo Tăng xin yết ma thu nhiếp và hứa là sẽ dứt hẳn việc

tranh cãi này... Cúi xin Tăng cho chúng con yết ma thu nhiếp, xin thương xót (ba lần)

Một Bí-sô trong Tăng tác pháp yết ma như sau:

Đại đức Tăng lắng nghe, nhóm Bí-sô Bán đậu lô khấu đắc ca... ưa tranh tụng, ở trong chúng thường ưa tranh cãi khiến Tăng không được an lạc trụ, sự cạnh tranh nhân đây triển chuyển tăng trưởng nên Tăng đã cho yết ma Linh bố. Sau đó nhóm Bí-sô này ở trong Tăng hiện tướng cung kính, không khinh mạn và mong cầu cứu bạt, theo Tăng xin yết ma thu nhiếp và hứa là sẽ dứt hẳn việc tranh cãi này. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay cho nhóm Bí-sô Bán đậu lô khấu đắc ca yết ma thu nhiếp, giải yết ma Linh bố. Bạch như vậy.

Đại đức Tăng lắng nghe, nhóm Bí-sô Bán đậu lô khấu đắc ca... ưa tranh tụng, ở trong chúng thường ưa tranh cãi khiến Tăng không được an lạc trụ, sự cạnh tranh nhân đây triển chuyển tăng trưởng nên tăng đã cho yết ma Linh bố. Sau đó nhóm Bí-sô này ở trong Tăng hiện tướng cung kính, không khinh mạn và mong cầu cứu bạt, theo Tăng xin yết ma thu nhiếp và hứa là sẽ dứt hẳn việc tranh cãi này. Tăng nay cho nhóm Bí-sô Bán đậu lô khấu đắc ca yết ma thu nhiếp, giải yết ma Linh bố. Các cụ thọ chấp thuận cho nhóm Bí-sô Bán đậu lô khấu đắc ca yết ma thu nhiếp, giải yết ma Linh bố thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. đây là

yết ma lần thứ nhất (lần thứ hai, lần thứ ba)

Tăng đã chấp thuận cho nhóm Bí-sô Bán đậu lô khấu đắc ca yết ma thu nhiếp, giải yết ma Linh bố xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lạng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

-oOo-

# CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ BÁCH NHẤT YẾT MA

## QUYỂN 8

### 1. Yết ma chiết phục:

Lúc đó có Bí-sô Thắng diệu thường phạm tội Chúng giáo, các Bí-sô tác yết ma cho hành biệt trụ, từ biệt trụ ban đầu cho đến trùng thu (Bổn nhật trị) và Ma-na-đỏa, nhưng Bí-sô này cứ tái phạm hoài, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Tăng nên tác yết ma chiết phục cho Bí-sô Thắng diệu, nếu có ai giống như thế cũng nên cho yết ma chiết phục. Tác pháp yết ma như sau:

Đại đức Tăng lắng nghe, Bí-sô Thắng diệu thường phạm tội Chúng giáo, các Bí-sô tác yết ma cho hành biệt trụ, từ biệt trụ ban đầu cho đến trùng thu (Bổn nhật trị) và Ma-na-đỏa, nhưng Bí-sô này cứ tái phạm hoài. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay cho Bí-sô Thắng diệu yết ma chiết phục. Bạch như vậy.

Đại đức Tăng lắng nghe, Bí-sô Thắng diệu thường phạm tội Chúng giáo, các Bí-sô tác yết ma cho hành biệt trụ, từ biệt trụ ban đầu cho đến trùng

thu (Bổn nhật trị) và Ma-na-đỏa, nhưng Bí-sô này cứ tái phạm hoài. Tăng nay cho Bí-sô Thắng diệu yết ma chiết phục, các cụ thọ chấp thuận cho Bí-sô Thắng diệu yết ma chiết phục thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói.… như thế bạch tứ yết ma cho đến câu việc này xin nhớ giữ như vậy.

Phật nói: "ta nay nói hành pháp nên làm của Bí-sô bị chiết phục là không được cho người khác xuất gia thọ Cận viên... nếu không tuân theo các hành pháp này thì phạm tội Việt pháp. Nếu ở trong Tăng hiện tướng cung kính, không khinh mạn và mong cầu cứu bạt, theo Tăng xin yết ma thu nhiếp và hứa là sẽ không tái phạm thì Tăng nên cho yết ma thu nhiếp như trong yết ma Linh bố đã nói".

**2. Yết ma khu tẫn:**

Lúc đó cụ thọ A thấp bạc ca bổ nại phạt tố ở trú xứ trên núi Chỉ sá làm hạnh xấu, nhơ nhà người như cùng người nữ ngồi chung giường, ăn chung mâm... rất nhiều việc không phải hạnh Sa môn như thế, khiến cho dân chúng sống nơi đây mất lòng tín kính, không những đối với các Bí-sô này mà cả đối với các Bí-sô khác. Cụ thọ A-nan đem việc này bạch Phật, Phật nói: "thầy hãy cùng các Bí-sô đến núi Chỉ sá tác yết ma khu tẫn cho Bí-sô A thấp bạc ca bổ nại phạt tố. Khi sắp đến núi, các Bí-sô nên tập họp lại tác pháp sai một Bí-sô đủ năm đức lên núi gạn hỏi nhóm Bí-sô ở trên núi. Tác pháp sai

như sau:

Đại đức Tăng lắng nghe, Bí-sô _____ này có thể lên núi Chỉ sá gạn hỏi nhóm Bí-sô A thấp bạc ca bổ nại phạt tố đã làm hạnh xấu, nhơ nhà người. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay sai Bí-sô _____ này lên núi Chỉ sá gạn hỏi nhóm Bí-sô trên núi. Bạch như vậy.

Văn yết ma dựa theo văn tác bạch mà làm.

Khi lên đến núi nên trải tòa, đánh kiền chùy nhóm tăng, Bí-sô được sai này nên gạn hỏi nhóm Bí-sô A thấp bạc ca bổ nại phạt tố, nếu họ đáp những điều gạn hỏi đều là thật thì Tăng nên tác yết ma khu tẫn cho họ, tác pháp yết ma như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, nhóm Bí-sô A thấp bạc ca bổ nại phạt tố... làm hạnh xấu, nhơ nhà người như cùng người nữ ăn chung mâm, ngồi chung giường... rất nhiều việc không phải hạnh Sa môn, khiên người tục mất lòng tín kính. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay tác yết ma khu tẫn cho nhóm Bí-sô A thấp bạc ca bổ nại phạt tố... Bạch như vậy.

Văn yết ma dựa theo văn tác bạch mà làm.

Nhóm Bí-sô bị khu tẫn này phải tuân theo các hành pháp như không được cho người khác xuất gia thọ Cận viên..., nếu ở trong Tăng hiện tướng cung kính, không khinh mạn và mong cầu cứu bạt,

theo Tăng xin yết ma thu nhiếp và hứa là sẽ dứt hẳn việc làm hạnh xấu nhơ nhà người này, lúc đó Tăng nên cho họ yết ma thu nhiếp như trong trường hợp trên đã nói".

**3. Yết ma cầu tạ:**

Lúc đó Bí-sô Thắng thượng ở trong tụ lạc _____ nói lời xúc phạm trưởng giả Tạp sắc, trưởng giả bạch Phật, Phật nói: "Tăng nên tác yết ma cầu tạ cho Bí-sô Thắng thượng, nếu có ai giống như thế cũng nên cho yết ma cầu tạ. Tác yết ma như sau: Đại đức tăng lắng nghe, Bí-sô Thắng thượng tại tụ lạc _____ đã nói lời xúc phạm trưởng giả Tạp sắc. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay cho Bí-sô Thắng thượng yết ma cầu tạ. Bạch như vậy.

Văn yết ma dựa theo văn tác bạch mà làm.

Tăng tác yết ma cầu tạ cho Bí-sô này xong thì Bí-sô này phải thuận theo lời Tăng dạy mà làm, nếu làm trái thì phạm tội Việt pháp. Nếu ở trong Tăng hiện tướng cung kính, không khinh mạn và mong cầu cứu bạt, theo Tăng xin giải yết ma này và hứa là sẽ dứt hẳn việc xúc phạm người tục như thế nữa thì Tăng nên cho giải yết ma. Tăng bảo Bí-sô này: "thầy nên đến chỗ trưởng giả cầu sám tạ, nếu trưởng giả tha thứ thì Tăng mới cho giải yết ma. Cho đến xúc phạm bốn chúng khác cũng vậy, Bí-sô ni nếu xúc phạm người tục và bốn chúng

khác cũng nên cho yết ma cầu tạ giống như trường hợp Bí-sô".

**4. Yết ma không thấy tội:**

Lúc đó Bí-sô Xiển đà phạm tội, các Bí-sô hỏi có thấy tội không, đáp là không thấy tội, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Tăng nên tác yết ma không thấy tội xả trí cho Bí-sô Xiển đà, nếu có ai giống như thế cũng nên cho yết ma không thấy tội xả trí. Tác pháp yết ma như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, Bí-sô Xiển đà phạm tội, khi bị gạn hỏi đáp là không thấy tội. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay tác yết ma không thấy tội xả trí cho Bí-sô Xiển đà. Bạch như vậy.

Văn yết ma dựa theo văn tác bạch mà làm.

Khi cho giải yết ma này cũng như các trường hợp trên, chỉ khác ở chỗ là tự nói đã thấy tội. Nếu Bí-sô Xiển đà đã thấy tội mà không chịu như pháp sám hối thì Tăng nên tác yết ma không sám tội xả trí, cho đến giải yết ma này cũng giống như trên, chỉ khác ở chỗ là tự nói đã như pháp sám hối tội này".

**5. Yết ma bất xả ác kiến:**

Lúc đó Bí-sô Vô tướng tự sanh ác kiến nói rằng: "như Phật đã dạy pháp chướng ngại không nên tập hành, nhưng tôi biết khi tập hành chẳng phải là chướng ngại", nhiều Bí-sô nghe biết đem

việc này bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô: "các thầy nên can riêng Bí-sô này". Khi được can riêng, Bí-sô Vô tướng vẫn cố chấp không bỏ nói rằng: "những gì tôi nói là thật, những lời khác đều là hư vọng". Các Bí-sô can riêng không được bèn đến bạch Phật, Phật nói: "các thầy nên tác pháp Bạch tứ yết ma can Bí-sô kia như sau; đánh kiền chùy tập họp chúng, sau đó một Bí-sô bạch yết ma như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, Bí-sô Vô tướng này tự sanh ác kiến nói rằng: như Phật đã dạy pháp chướng ngại không nên tập hành nhưng khi tập hành tôi biết chẳng phải là pháp chướng ngại. Các Bí-sô tác pháp can riêng như Bí-sô này cố chấp không chịu bỏ ác kiến còn nói rằng: những gì tôi nói là thật, những lời khác đều là hư vọng. Các Bí-sô can rằng: "này Vô tướng, thầy chớ nói lời này: như Phật đã dạy pháp chướng ngại... giống như đoạn văn trên cho đến chẳng phải là chướng ngại. Thầy chớ nên phỉ báng Thế tôn, phỉ báng Thế tôn là không tốt, nếu Thế tôn không nói là pháp chướng ngại thì chẳng phải là pháp chướng ngại; nhưng nếu Thế tôn đã dùng các phương tiện nói là pháp chướng ngại, nếu tập hành nhất định là pháp chướng ngại. Thầy nên bỏ ác kiến này đi. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, nay Tăng cho Bí-sô Vô tướng pháp yết ma không bỏ ác kiến xả trí. Cho đến khi nào Bí-sô kia chưa chịu bỏ

ác kiến thì Tăng không nên cùng nói chuyện, vì đây là là kẻ đáng ghét, cực ác như Chiên-đà-la. Bạch như vậy.

Văn yết ma dựa theo văn tác bạch mà làm.

Sau khi Tăng tác yết ma này rồi, Bí-sô Vô tướng vẫn cố chấp không bỏ, Phật nói: "từ khi tác bạch cho đến yết ma lần thứ hai xong mà không chịu bỏ ác kiến này thì phạm tội Ác tác, đến khi yết ma lần thứ ba xong mà không chịu bỏ thì phạm Ba-dật-đề".

**6. Yết ma tẫn Cầu tịch ác kiến:**

Lúc đó Bí-sô Ô-ba-nan-đà có hai đệ tử tên là Lợi thích và Trưởng đại. Ở trú xứ khác có nhiều Bí-sô đến cùng ở chung với hai Cầu tịch này, cùng đùa giỡn, cùng trạo cử xúc chạm lẫn nhau. Sau đó các Bí- sô này khởi tâm truy hối, sám hối các tội đã phạm rồi phát tâm dõng mãnh đoạn trừ các hoặc và chứng được quả thù thắng. Hai Cầu tịch này thấy vậy liền phát sanh ác kiến nói rằng: "các Bí-sô này trước kia cùng tôi làm việc phi pháp như vậy, tại sao hôm nay lại chứng được quả tăng thượng, dựa vào nhân duyên này tôi biết lời Phật dạy Dục là pháp chướng đạo nhưng khi tập hành chẳng phải là chướng đạo", các Bí-sô nghe rồi đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô: "hai cầu tịch này nói lời phi lý, các thầy nên tác pháp can riêng để hiểu dụ họ". Khi được can riêng, hai Cầu

tịch này vẫn cố chấp không chịu bỏ ác kiến, còn nói rằng: "chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là hư vọng", các Bí-sô bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô: "các thầy nên bạch tứ yết ma chánh can hai cầu tịch như sau: đánh kiền chùy, tập họp chúng, bảo hai cầu tịch ở chỗ mắt thấy tai không nghe rồi sai một Bí-sô bạch tứ yết ma như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, hai cầu tịch Lợi thích và Trưởng đại này tự khởi ác kiến nói rằng: tôi biết lời Phật dạy... giống như đoạn văn trên. Khi các Bí-sô tác pháp can riêng, hai cầu tịch này cố chấp không bỏ còn nói rằng: chỉ việc này là thật, ngoài ra đều là hư vọng. Nếu Tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, nay Tăng tác pháp Bạch tứ yết ma để hiểu dụ khiến cho bỏ việc này như sau: "này hai cầu tịch, chớ nên nói rằng... giống như đoạn văn trên cho đến câu hai ngươi nên bỏ ác kiến này đi. Bạch như vậy. Văn yết ma dựa theo văn tác bạch mà làm. Sau khi tác yết ma tẫn xong, các Bí-sô không biết đối xử với hai

Cầu tịch như thế nào, Phật nói: "các Bí-sô không nên ở chung và ngủ chung phòng với họ, ai làm trái thì phạm tội Việt pháp".

**7. Yết ma thu nhiếp:**

Lúc đó các Bí-sô ở Phệ xá ly cùng chúng Bí-sô ở Cao chiêm phược ca, sau khi được bản tâm liền đến bạch Phật: "Thế tôn, chúng con nay muốn hòa

hợp", Phật nói: "lành thay, này các Bí-sô, nếu Tăng bị phá mà làm cho hòa hợp trở lại thì phước đức nhiều vô lượng vô biên. Như đầu sợi lông bị chẻ ra trăm phần rồi làm cho hợp nhau lại là việc rất khó làm, Tăng đã bị phá mà làm cho hòa hợp trở lại là việc càng khó làm hơn. Từ nay các Bí-sô bị xả trí được theo Tăng xin yết ma thu nhiếp, bạch xin như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, do chúng con là người đứng đầu gây ra đấu tranh, khiến cho Tăng không hòa hợp; việc tranh luận chưa sanh làm cho phát sanh, đã sanh rồi thì nhân đây tăng trưởng. Khi được can ngăn, chúng con còn chống cự lại, hoặc nói có tội hoặc nói không tội, hoặc nói nên xả, hoặc nói không nên xả, hoặc nói có phạm, hoặc nói không phạm... nên Tăng đã tác yết ma xả trí, khu xích chúng con. Sau đó chúng con ở trong Tăng hiện tướng cung kính, không khinh mạn và mong cầu cứu bạt, theo Tăng xin yết ma thu nhiếp và hứa là sẽ dứt hẳn việc tranh cãi này. Cúi xin Tăng cho chúng con yết ma thu nhiếp, xin thương xót (ba lần).

Một Bí-sô trong Tăng tác pháp yết ma như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, các Bí-sô này tên _____ là người đứng đầu gây ra đấu tranh, khiến cho Tăng không hòa hợp; việc tranh luận chưa sanh làm cho phát sanh, đã sanh rồi thì nhân đây tăng trưởng. Khi được can ngăn, các Bí-sô này

còn chống cự lại, hoặc nói có tội hoặc nói không tội, hoặc nói nên xả, hoặc nói không nên xả, hoặc nói có phạm, hoặc nói không phạm... nên Tăng đã tác yết ma xả trí, khu xích các Bí-sô này. Sau đó các Bí-sô này ở trong Tăng hiện tướng cung kính, không khinh mạn và mong cầu cứu bạt, theo Tăng xin yết ma thu nhiếp và hứa là sẽ dứt hẳn việc tranh cãi này. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay cho các Bí-sô _____ này yết ma thu nhiếp, giải yết ma xả trí. Bạch như vậy.

Văn yết ma dựa theo văn tác bạch mà làm.

**8. Yết ma cho cùng Tăng hòa hợp:**

Phật nói: "nay ta sẽ nói hành pháp của Bí-sô được giải xả trí: Bí- sô này nên theo Tăng xin cùng Tăng hòa hợp, bạch xin như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, tôi Bí-sô _____ là người đứng đầu gây ra tranh cãi khiến cho Tăng không hòa hợp trụ nên Tăng đã cho tôi yết ma xả trí. Sau khi bị xả trí, tôi biết cải hối và hứa sẽ dứt hẳn việc tranh cãi này, đã theo Tăng xin giải yết ma xả trí, Tăng đã giải yết ma xả trí cho tôi. Nay tôi theo Tăng xin cùng Tăng hòa hợp, cúi xin Tăng cho tôi cùng hòa hợp, xin thương xót (ba lần).

Một Bí-sô trong Tăng tác pháp yết ma như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, Bí-sô _____ này là người đứng đầu gây ra tranh cãi khiến cho Tăng

không hòa hợp trụ nên Tăng đã cho Bí-sô này yết ma xả trí. Sau khi bị xả trí, Bí-sô này biết cải hối và hứa sẽ dứt hẳn việc tranh cãi này, đã theo Tăng xin giải yết ma xả trí, Tăng đã giải yết ma xả trí cho Bí-sô này, nay Bí-sô này theo Tăng xin cùng Tăng hòa hợp. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay cho Bí-sô _____ này cùng Tăng hòa hợp. Bạch như vậy.

Văn yết ma dựa theo văn tác bạch mà làm.

**9. Yết ma cho cùng Tăng hòa hợp trưởng tịnh:**

Phật dạy: "nay ta sẽ nói hành pháp của Bí-sô đã được cùng Tăng hòa hợp: Bí-sô này nên theo Tăng xin cùng Tăng hòa hợp trưởng tịnh, bạch xin như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, tôi Bí-sô _____ là người đứng đầu gây ra tranh cãi khiến cho Tăng không hòa hợp trụ nên Tăng đã cho tôi yết ma xả trí. Sau khi bị xả trí, tôi biết cải hối và hứa sẽ dứt hẳn việc tranh cãi này, đã theo Tăng xin giải yết ma xả trí, Tăng đã giải yết ma xả trí cho tôi. Tôi đã theo Tăng xin cùng Tăng hòa hợp, Tăng đã yết ma cho tôi cùng Tăng hòa hợp, nay tôi theo Tăng xin cùng Tăng hòa hợp trưởng tịnh. Cúi xin Tăng cho tôi cùng Tăng hòa hợp trưởng tịnh, xin thương xót (ba lần).

Một Bí-sô trong Tăng tác pháp yết ma như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, Bí-sô _____ này là người đứng đầu gây ra tranh cãi khiến cho Tăng không hòa hợp trụ nên Tăng đã cho Bí-sô này yết ma xả trí. Sau khi bị xả trí, Bí-sô này biết cải hối và hứa sẽ dứt hẳn việc tranh cãi này, đã theo Tăng xin giải yết ma xả trí, Tăng đã giải yết ma xả trí cho Bí-sô này. Bí-sô này đã theo Tăng xin cùng Tăng hòa hợp, Tăng đã cho Bí-sô này cùng Tăng hòa hợp, nay Bí-sô này theo Tăng xin cùng Tăng hòa hợp trưởng tịnh. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay cho Bí-sô này cùng Tăng hòa hợp trưởng tịnh. Bạch như vậy.

Văn yết ma dựa theo văn tác bạch mà làm.

Sau khi Tăng cho cùng Tăng hòa hợp trưởng tịnh rồi, Bí-sô này nên cùng Tăng làm trưởng tịnh, hòa hợp trưởng tịnh là kiết tường, nếu làm trái thì phạm tội Việt pháp.

Lúc đó có Bí-sô bịnh nặng, không có người chăm sóc, các Bí-sô không biết nên cử ai làm người khán bịnh, Phật nói: "từ Thượng tòa cho đến người nhỏ nhất đều nên khán bịnh", cả chúng vâng lời Phật dạy đều đến thăm bịnh, Phật nói: "không nên đồng loạt đến, nên luân phiên đến thăm bịnh. Khi đến chỗ người bịnh nên thăm hỏi bịnh tình của họ, nếu người bịnh không nói được thì nên hỏi trước

người khán bịnh để biết bịnh tình của người bịnh, ai làm trái thì phạm tội Việt pháp". Lúc đó có người bịnh nghèo và người khán bịnh cũng nghèo nên không thể lo liệu thuốc thang, Phật nói: "nếu người bịnh có thân đệ tử, đệ tử y chỉ hoặc Thân giáo sư hay Quỹ phạm sư thì người khán bịnh nên theo họ xin giúp đỡ, nếu họ cũng không có thì nên ở trong kho của Tăng lấy thuốc hoặc tiền thuốc để cung cấp cho người bịnh, ai làm trái thì phạm tội Việt pháp". Cụ thọ Ưu-ba-ly bạch Phật: "như Phật đã dạy gặp người bịnh nên cung cấp, vậy nên dùng vật gì để cung cấp?", Phật nói: "chỉ trừ tánh tội, các vật thanh tịnh khác đều tùy ý cung cấp". Lúc đó có Bí-sô bịnh kiết lỵ, Bí-sô trẻ tuổi làm người khán bịnh, khi đến thăm hỏi người bịnh đều kính lễ; sau đó có vị lớn đến thăm bịnh, người bịnh phải ngồi dậy kính lễ, do dây nên té ngã. Phật nói: "thân người bịnh bất tịnh không nên kính lễ họ, được kính lễ người bịnh cũng không nên thọ và cũng không nên kính lễ người khác. Ai làm trái thì phạm tội Việt pháp".

Cụ thọ Ưu-ba-ly bạch Phật: "như Phật đã dạy người không thanh tịnh không nên thọ người lễ kính, cũng không kính lễ người khác. Thế tôn, có mấy loại bất tịnh ô uế?", Phật nói: "có hai: một là cắn nhai bất tịnh, hai là ô uế bất tịnh. Cắn nhai bất tịnh tức là khi đang xỉa răng, đánh răng; khi đang ăn các loại thức ăn và sau khi ăn xong chưa có súc

miệng sạch thì đều gọi là bất tịnh. Ô uế bất tịnh là sau khi đại tiểu tiện, khi đang quét dọn chỗ bất tịnh và sau khi cạo tóc xong mà chưa tắm rửa hoặc rửa tay chân sạch sẽ thì đều gọi là bất tịnh. Khi đang bất tịnh như vậy mà thọ người lễ kính hay kính lễ người thì đều phạm Ác tác".

Lúc đó Lục chúng Bí-sô tự ỷ mình có tuổi hạ cao hơn nên vào nhà ăn bảo Bí-sô khác đang ăn đứng dậy đi chỗ khác cho mình ngồi, Phật nói: "không nên, dưới cho đến thọ dược hay thọ muối cũng đều không được giành chỗ, đuổi người đi chỗ khác. Ai làm thế thì phạm tội Việt pháp, nhưng khi thọ thực các Bí-sô cũng nên biết theo thứ lớp tuổi hạ để ngồi theo thứ lớp, ai không ngồi thọ thực theo thứ lớp thì phạm tội Việt pháp".

Như Phật dạy tẩy tịnh thắng nghĩa có ba, đó là tẩy thân, tẩy lời nói và tẩy tâm. Trong đây chỉ nói về tẩy thân là muốn trừ mùi hôi trên thân để được an lạc trụ. Lúc đó do có ngoại đạo ôm lòng kiêu mạn về sạch sẽ, thấy ai trụ trong pháp sạch sẽ thì mới sanh lòng tin. Tôn giả Xá-lợi-phất muốn cho ngoại đạo này từ trong giáo pháp của Phật khởi tâm tín kính, bỏ tà theo chánh nên đối trước ngoại đạo này dùng pháp tẩy tịnh để thu phục, khiến cho ngoại đạo này trụ nơi Sơ quả. Phật bảo các Bí-sô: "hãy theo pháp tẩy tịnh như pháp của tôn giả Xá-lợi-phất mà tẩy tịnh. Khi đi đại tiện nên cầm theo bình nước đến nhà xí, khi sắp vào nhà xí nên cởi y

treo trên sào, kế lấy mười lăm cục đất để bên ngoài gần chỗ rửa, cầm ba cục đất cùng vật lau thân và bình nước rửa vào trong nhà xí rồi đóng cửa lại. Khi đại tiện xong, lau thân dưới xong, tẩy tịnh bằng ba cục đất rồi rửa sạch tay trái ba lần, kẹp bình dưới nách trái, dùng tay phải đẩy cửa rồi cầm bình nước kẹp dưới nách trái đi đến chỗ rửa. Kế dùng bảy cục đất để tẩy tịnh tay trái rồi dùng những cục còn lại để tẩy tịnh cả hai tay, cục đất cuối cùng dùng để chùi bình nước rửa, sau đó đến chỗ rửa rửa sạch tay chân rồi cầm lấy y trở về phòng lấy nước sạch súc miệng. Ai không theo pháp tẩy tịnh trên thì phạm tội Việt pháp". Lúc đó Lục chúng Bí-sô dựa theo tuổi hạ để giành vào nhà xí trước, Phật nói: "nơi chỗ đại tiểu tiện không cần dựa theo tuổi hạ, ai đến trước thì vào trước, ai làm trái thì phạm tội Việt pháp. Nếu vào nhà xí rồi không được cố ý ở lâu trong đó để làm trở ngại người đến sau, ai cố ý làm thế thì phạm tội Việt pháp". Lúc đó có Bí-sô im lặng vào nhà xí, không báo cho người đã vào trước biết, người trong nhà xí đang lộ hình nên sanh hổ thẹn, Phật nói: "muốn vào nhà xí nên khảy móng tay hay tằng hắng cho người bên trong biết, nếu im lặng vào thì phạm tội Việt pháp". Lúc đó có Bí-sô đại tiểu tiện dưới cây hoa, cây ăn trái, Phật nói: "không nên, ai làm thế thì phạm tội Việt pháp, đại tiểu tiện dưới bụi gai thì không lỗi".

Lúc đó có Bí-sô bịnh sau khi dùng Tô để trị,

vẫn bị bịnh khát bức não nên đến hỏi thầy thuốc, thầy thuốc bảo dùng trái Am-một-la. Phật nói: "có năm loại trái cây: một là A lê đắc chỉ, hai là Tỳ bì đắc ca, ba là Am-một-la, bốn là Mật lật giả, năm là Tất bạt lợi. Năm loại trái này vào thời hay phi thời, bịnh hay không bịnh đều được tùy ý dùng".

Như Phật đã khai cho người ở nước biên phương dùng ngọa cụ da, sau đó do Ô-ba-nan-đà ở trung phương nên Phật chế ngăn trở lại, sau đó ở tại nhà thế tục lại khai cho ngồi trên ngọa cụ da.

Cụ thọ Ưu-ba-ly hỏi Phật: như Phật đã dạy không nên ngồi trên da của năm loài thú, còn da của các loài thú khác thì được, vậy nên dùng để ngồi với kích lượng là bao nhiêu?

Phật đáp: nên dùng kích lượng vừa bằng chỗ ngồi.

Lại hỏi: nếu dùng để lót nằm thì nên dùng kích lượng là bao nhiêu?

Phật đáp: nên dùng kích lượng vừa bằng chỗ nằm.

Phật đã chế Bí-sô không nên dùng da của năm loại thú có nanh vuốt, đó là voi có trí, ngựa có trí, sư tử, cọp và beo. Lúc đó Lục chúng Bí-sô dùng gân của các loại thú trên làm giày có lỗi như trên, Phật nói không nên; họ lại dùng da để vá giày, Phật nói: "đều không nên, như vậy nên biết các loại giày dép có che trước, che sau, hai bên và mũi giày

nhọn, giày gai, giày ủng đều không nên mang. Ai mang thì phạm tội Việt pháp".

Lại hỏi: như Phật đã dạy không được dùng da của voi chúa làm giày, vậy da của các loài voi khác có được dùng làm giày không?

Phật đáp: không được, vì các loài voi khác cũng có sức mạnh của ngà.

Lại hỏi: như Phật đã dạy không được dùng da của Trí mã làm giày, vậy da của các loài ngựa khác có được dùng làm giày không?

Phật đáp: không được, vì các loại ngựa khác cũng có sức mạnh khỏe để chạy.

Lại hỏi: như Phật đã dạy không được dùng da của sư tử, cọp, báo làm giày, vậy da của các loài thú khác có được dùng làm giày không?

Phật đáp: không được, vì các loài thú khác cũng có sức mạnh của móng vuốt.

Sau đó có thợ săn tín kính đem da gấu đến cúng cho các Bí-sô, các Bí-sô không dám nhận; lại có Bí-sô bịnh trĩ đến thầy thuốc yêu cầu điều trị, thầy thuốc nói: "nên mang giày bằng da gấu thì bịnh được lành", Bí-sô nói Phật chưa cho, thầy thuốc nói: "Thế tôn đại bi ắt sẽ khai cho", Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "nếu bịnh thì được mang", Bí-sô làm giày nhiều lớp khó tìm được da gấu, Phật nói: "nếu tìm không được thì nên làm một lớp rồi dùng lông lót bên trong đế giày thì được tùy ý mang".

Cụ thọ Ưu-ba-ly lại hỏi: "da của voi ngựa... kể trên là bất tịnh; vậy thịt, gân, xương và ngà có bất tịnh không?", Phật nói đều bất tịnh, lại hỏi: "như Phật dạy nên dùng đãy lượt nước, không biết có mấy loại?", Phật nói: "có năm loại, các Bí-sô nên cất chứa cái lượt nước. Lúc đó các Bí-sô không biết cái lượt nước có mấy loại, Phật nói: "có năm loại:

1. Cái lượt nước lưới vuông: thông thường dùng chừng ba, hai hay một thước vải để làm cái lượt nước, nên làm hai lớp, vải nên dày và mịn để trùng không lọt qua được, nếu vải thưa mỏng thì không nên dùng.

2. Pháp bình tức là bình âm dương.

3. Quân trì: dùng vải bịt miệng bình rồi dùng dây cột nơi cổ bình, nhúng xuống nước cho nửa miệng bình nổi lên, nếu chìm ngập miệng bình thì nước sẽ không vào trong bình, chờ nước vào đầy bình mới lấy ra khỏi nước, vẫn phải xem kỹ có trùng hay không.

4. Chước thủy la: cái lượt nước lưới tròn, hình thức tuy khác nhưng ý hộ trùng là giống nhau.

5. Y giác la: không phải chéo y ca sa, mà là miếng vải vuông chừng một khuỷu tay bịt, cột vào miệng bình để lượt lấy nước khi cần", lại hỏi: "Thế tôn, nếu không mang theo cái lượt nước thì có được đi ra ngoài chừng năm Câu lô xá để đến thôn khác hay chùa khác hay không?", Phật nói: "không

được, nếu biết đến nơi đó có thể cầu được cái lượt nước, không làm trở ngại công việc thì không phạm", lại hỏi: "nếu không có cái lượt nước thì có nên đi lại trên bờ sông hay không?", Phật nói: "nếu nước chảy xiết, không có dòng nước khác chảy vào thì cách năm dặm nên xem nước rồi mới dùng; nếu có dòng nước khác chảy vào thì khi dùng nước cũng phải xem kỹ; nếu nước sông không chảy xiết thì tùy chỗ nên xem kỹ", lại hỏi: "nước đã lượt rồi mà không xem lại thì có được dùng hay không?", đáp là không được; lại hỏi: "nước không lượt nhưng có xem kỹ thì có được dùng hay không?", Phật nói: "nếu xem kỹ thấy không trùng thì được tùy ý dùng"; lại hỏi: "nước đã lượt và xem kỹ thì có được dùng hay không?", đáp là không trùng thì được dùng. Lúc đó tôn giả A du suất mãn, A-ni-lư-đà dùng thiên nhãn nhìn nước, thấy trong nước có vô lượng chúng sanh, Phật nói: "không nên dùng thiên nhãn nhìn nước, có năm loại nước sạch (tịnh thủy) được uống dùng:

1. Tăng già tịnh thủy: đại chúng sai một Bí-sô xem nước, khi vị này đang như pháp xem kỹ nước, một Bí-sô khác đến nói: "nước này Tăng đã lượt sạch rồi" thì uống dùng không phạm.

2. Biệt nhân tịnh thủy: nếu biết Bí-sô kia đối với giới, kiến, oai nghi, chánh mạng đều thanh tịnh thì dùng nước của vị ấy không phạm.

3. Lự la tịnh thủy: dùng cái lượt nước để lượt

nước, không có trùng lọt qua, được dùng không phạm.

4. Dũng tuyền tịnh thủy: ngay chỗ nước suối phun ra thì không có trùng.

5. Tỉnh thủy tịnh thủy: khi múc nước giếng lên xem thấy trong sạch không có trùng, để đến sáng hôm sau thì được tùy ý lấy dùng".

Lúc đó có Bí-sô do chăm chú xem nước có trùng hay không nên mắt bị loạn thị, Phật bảo không nên nhìn quá lâu, chỉ nên bằng khoảng thời gian xe sáu con bò chở tre quay trở lại, trong khoảng thời gian tâm tịnh xem nước thì không phạm. Nếu nước có trùng, Bí-sô tưởng nước có trùng mà vẫn uống dùng thì phạm Ba-dật-đề; nước có trùng, nghi có trùng mà vẫn uống dùng, cũng phạm Ba-dật-đề; nước không trùng, tưởng có trùng mà uống dùng thì phạm Đột sắc ngật lý ca; nước không trùng, nghi có trùng mà uống dùng cũng phạm Đột sắc ngật lý ca; nước không trùng tưởng không trùng, uống dùng không phạm.

**10. Duyên khởi về tăm xỉa răng:**

Sau khi Phật chế nên dùng tăm xỉa răng, các Bí-sô tùy ý đứng xỉa răng ở chỗ hiển lộ và chỗ qua lại sạch sẽ, Phật nói: "có ba việc nên làm ở chỗ khuất, đó là đại tiểu tiện và xỉa, đánh răng". Lúc đó Lục chúng Bí-sô dùng loại tăm xỉa răng dài, Phật nói: "có ba loại tăm: dài, vừa và ngắn. Loại tăm dài

chừng mười lóng tay, loại tăm ngắn chừng tám lóng, loại tăm vừa ở giữa hai loại trên", sau khi xỉa đánh răng xong, các Bí- sô không có nạo lưỡi nên miệng vẫn hôi, Phật nói: "đánh răng rồi nên nạo lưỡi, Bí-sô được dùng bốn loại là đồng, sắt, du thạch và đồng đỏ để làm cây nạo lưỡi", Bí-sô lại dùng cây nạo lưỡi bén nên làm lưỡi bị thương, Phật bảo không nên làm bén; lại tìm bốn loại trên không được, Phật bảo: "nên chẻ cây tăm xỉa răng ra làm hai, uốn cong lại để nạo lưỡi. Lại nữa, rửa sạch cây nạo lưỡi rồi mới vất bỏ, khi vất bỏ nên tằng hắng để cảnh giác người khác và bỏ nơi khuất, lấy đất bụi phủ lên. Ai làm trái thì phạm tội Việt pháp".

-oOo-

# CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ BÁCH NHẤT YẾT MA

## QUYỂN 9

### 1. Yết ma quở trách xúc não Tăng:

Lúc đó Bí-sô Xiển đà ở trong chúng phạm nhiều tội mà không như pháp sám hối, các Bí-sô muốn cho Xiển đà được lợi ích an lạc trụ nên khuyên bảo Xiển đà như pháp sám hối, Xiển đà nói: "người nào phạm tội thì người đó sẽ như pháp sám hối, vì sao, vì các thầy xuất thân từ nhiều chủng tộc và dòng họ khác nhau, do Thế tôn của tôi chứng quả Chánh giác nên các thầy mới đến cầu xuất gia". Xiển đà nói lời này để xúc não, các Bí-sô không biết phải làm sao nên bạch Phật, Phật nói: "Tăng nên tác yết ma quở trách Xiển đà, nếu có ai giống như thế cũng nên cho yết ma quở trách, tập Tăng như thường làm rồi sai một Bí-sô tác bạch yết ma như sau:

Đại đức tăng già lắng nghe, Bí-sô Xiển đà này tự thân phạm tội mà không như pháp sám hối. Các Bí-sô muốn cho Xiển đà được lợi ích an lạc trụ nên như pháp khuyên bảo, lại nói lời chống trái gây xúc

não cho nhau. Nếu Tăng đúng thời đến, Tăng nên chấp thuận, nay Tăng tác pháp yết ma quở trách Bí-sô Xiển đà. Bạch như vậy.

Đại đức tăng già lắng nghe, Bí-sô Xiển đà này tự thân phạm tội mà không như pháp sám hối. Các Bí-sô muốn cho Xiển đà được lợi ích an lạc trụ nên như pháp khuyên bảo, lại còn nói lời chống trái gây xúc não cho nhau. Nay Tăng tác pháp quở trách Xiển đà về tội chống trái lời dạy xúc não nhau. Các cụ thọ chấp thuận việc quở trách Xiển đà này về tội chống trái lời dạy xúc não nhau thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Đây là yết ma lần thứ nhất (lần thứ hai, lần thứ ba).

Tăng đã chấp thuận quở trách Xiển đà về tội chống trái lời dạy xúc não nhau xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, nay tôi xin nhớ giữ như vậy.

Xiển đà bị Tăng tác yết ma quở trách rồi liền suy nghĩ: "đây là lỗi của ta, do ta nói lời chống trái mọi người", bèn nói kệ:

"Những người có trí huệ, Khéo giữ bốn thứ ngữ, Xem chim trong rừng núi, Hay hót nên bị nhốt".

Lại suy nghĩ: "nay ta nên im lặng không nói". Thời gian sau Xiển đà lại phạm tội, các Bí-sô muốn cho Xiển đà được lợi ích an lạc trụ nên khuyên bảo Xiển đà sám hối, Xiển đà im lặng không nói để xúc não các Bí-sô, cho đến lần thứ hai, lần thứ ba cũng

im lặng để xúc não như vậy. Các Bí-sô thiểu dục liền chê trách rồi bạch Phật, Phật bảo các Bí- sô: "nên tác pháp quở trách Xiển đà về tội im lặng để xúc não, nếu có ai giống như vậy cũng tác pháp quở trách, tập Tăng như thường làm rồi sai một Bí-sô tác bạch yết ma như sau:

Đại đức tăng già lắng nghe, Bí-sô Xiển đà này tự thân phạm tội mà không như pháp sám hối, các Bí-sô muốn cho Xiển đà được lợi ích an lạc trụ nên khuyên bảo sám hối, Xiển đà lại im lặng để xúc não các Bí-sô. Nếu Tăng đúng thời đến, Tăng chấp thuận, nay Tăng tác pháp quở trách Xiển đà về tội im lặng để xúc não. Bạch như vậy.

Đại đức tăng già lắng nghe, Xiển đà này tự thân phạm tội... như đoạn văn trên cho đến câu im lặng để xúc não. Nay tăng quở trách Xiển đà về tội im lặng xúc não, các cụ thọ chấp thuận Tăng quở trách Xiển đà về tội im lặng xúc não thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Đây là yết ma lần thứ nhất (lần thứ hai, lần thứ ba).

Tăng đã chấp thuận quở trách Xiển đà về tội im lặng xúc não xong rồi, tăng chấp thuận vì im lặng, nay tôi xin nhớ giữ như vậy.

Thời gian sau Xiển đà lại phạm tội, các Bí-sô cũng như trước khuyên bảo sám hối, Xiển đà hoặc nói hoặc im lặng để xúc não, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "nếu nói lời chống trái để xúc não Tăng

thì phạm Ba-dật-đề, im lặng xúc não Tăng cũng phạm Ba-dật-đề, nếu xúc não cá nhân thì phạm tội Ác tác".

**2. Yết ma cho phú bát:**

Lúc đó Lật cô tỳ tử tên Thiện hiền vì bị ác tri thức mê hoặc nên nói lời vu báng Bí-sô Thật-lực-tử là phạm Ba la thị ca, các Bí-sô bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô: "Lật cô tỳ tử kia nói lời vu báng, khi dối; các thầy nên làm yết ma phú bát cho ông ta, nếu có ai giống như vậy, Tăng cũng nên làm yết ma phú bát. Tác pháp như sau: trải tòa, đánh kiền chùy, Tăng tập họp, trong Tăng nên sai một Bí-sô tác bạch yết ma:

Đại đức tăng lắng nghe, Lật cô tỳ tử Thiện hiền đã đem pháp Ba la thị ca không căn cứ vu báng cho Bí-sô thanh tịnh Thật-lực-tử. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay tác yết ma phú bát cho Thiện hiền. Bạch như vậy.

**3. Yết ma cho ngưỡng bát:**

Sau khi Tăng tác yết ma phú bát xong, các Bí-sô không biết phải làm sao, Phật nói: "từ nay các Bí-sô không nên đến nhà Thiện hiền cho đến không thuyết pháp cho nghe nữa", Thiện hiền nghe biết việc này sanh tâm hổ thẹn đến gặp Phật nên nói rằng: "trước kia con nói lời vu báng rằng: "Bí-sô Thật-lực-tử không biết xấu hổ, hành phi pháp, đã cùng vợ của con hành dâm, làm hạnh bất tịnh,

phạm Ba la thị ca", đó là do hai Bí-sô kia dạy con nói, không phải là ý của con", Phật bảo các Bí- sô: "Thiện hiền tuy vu báng nhưng vốn không phải là ý mình, các thầy nên tác pháp yết ma ngưỡng bát cho ông ta. Nếu có ai giống như vậy, Tăng cũng nên cho yết ma ngưỡng bát. Tác pháp như sau: trải tòa, đánh kiền chùy, Tăng tập họp; sau khi Tăng tập họp, nên bảo Thiện hiền đến trước vị Thượng tòa chắp tay bạch như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, con tên Thiện hiền do bị ác tri thức dối hoặc nên đã đem pháp Ba la thị ca không căn cứ vu báng cho Bí-sô thanh tịnh Thật-lực-tử. Do việc này, Tăng đã tác yết ma phú bát cho con, con nay theo Tăng xin yết ma ngưỡng bát. Cúi xin Tăng cho con yết ma ngưỡng bát, xin thương xót (ba lần)

Kế đó nên đưa Thiện hiền đến chỗ chỉ thấy nhưng không nghe, đứng chắp tay. Một Bí-sô ở trong Tăng tác bạch yết ma như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, Lật cô tỳ tử Thiện hiền do bị ác tri thức dối hoặc nên đã đem pháp Ba la thị ca không căn cứ vu báng cho Bí-sô thanh tịnh Thật-lực-tử. Do việc này nên Tăng đã tác yết ma phú bát cho ông ta. Nay Thiện hiền biết lỗi sám hối, theo Tăng xin yết ma ngưỡng bát. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay cho Thiện hiền yết ma ngưỡng bát. Bạch như vậy.

Khi Tăng đã tác yết ma ngưỡng bát rồi thì các Bí-sô được đến nhà người ấy, được ngồi, được thọ thức ăn uống và được thuyết pháp cho họ".

**4. Yết ma can Bí-sô tánh ác:**

Lúc đó Bí-sô Xiển Đà đã phạm tội mà không chịu như pháp sám hối, các Bí-sô thân hữu thấy vậy, vì muốn cho cụ thọ Xiển Đà được lợi ích an lạc nên khuyên rằng: "Thầy phạm tội nên như pháp sám hối", cụ thọ Xiển Đà nói: "người nào phạm tội, người đó sẽ như pháp sám hối. Các thầy chớ đến nói với tôi là tốt hay xấu, tôi cũng không đến nói với các thầy là tốt hay xấu. Các thầy đừng khuyên can gì tôi, cũng đừng nói gì với tôi", các Bí-sô không biết làm sao nên bạch Phật, bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô nên can riêng. Khi được can riêng, Xiển đà vẫn cố chấp không chịu bỏ, Phật nói: "các thầy nên bạch tứ yết ma can ngăn, nếu có người nào giống như thế cũng nên bạch tứ can như sau: trải tọa cụ, đánh kiền chùy, nhóm tăng như thường đã làm. Tăng nhóm rồi một Bí-sô tác bạch yết ma như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, cụ thọ Xiển Đà này, các Bí-sô đã như lời Phật dạy trong Giới kinh, như pháp như luật khuyên can sám hối, tự thân lại không chịu nghe lời khuyên can, còn nói rằng: các cụ thọ chớ đến nói với tôi tốt hay xấu; tôi cũng không nói các cụ thọ tốt hay xấu. Các cụ thọ đứng

có khuyên can tôi, cũng đừng luận bàn về tôi nữa. Khi được can riêng Xiển đà vẫn chấp chặt lời đã nói trước kia, nói rằng: chỉ việc này là chân thật, các việc khác đều là hư vọng. Nếu Tăng đúng thời đến, Tăng chấp thuận, nay Tăng bạch tứ yết ma can ngăn Xiển đà. Bạch như vậy.

Văn yết ma dựa theo văn tác bạch mà làm.

**5. Yết ma can phỉ báng Tăng:**

Khi Tăng tác yết ma trên để can ngăn thì Xiển đà phỉ báng Tăng là có tham sân si, Phật bảo Tăng nên cho Bí-sô Xiển đà yết ma Ha chỉ như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, Bí-sô Xiển đà này khi được Tăng yết ma như pháp can ngăn tánh ác, lại nói lời phỉ báng Tăng là có tham sân si. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay cho Xiển đà yết ma Ha chỉ chớ nói lời phi pháp như thế nữa. Bạch như vậy.

Văn yết ma dựa theo văn tác bạch mà làm.

**6. Yết ma cuồng si:**

Lúc đó Bí-sô Tây yết da điên cuồng tâm loạn, khi Tăng làm trưởng tịnh hoặc tác các pháp yết ma cho đến làm Tùy ý, Bí-sô này lúc đến lúc không đến khiến các Bí-sô tác pháp không thành nên bạch Phật, Phật nói: "Tăng nên cho Bí-sô Tây yết da yết ma cuồng si, nếu có ai giống như thế cũng nên cho yết ma cuồng si như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, Bí-sô Tây yết da điên

cuồng tâm loạn, khi Tăng làm trưởng tịnh hoặc tác các pháp yết ma cho đến làm Tùy ý, Bí-sô này lúc đến lúc không đến khiến các Bí-sô tác pháp không thành. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay cho Bí-sô Tây yết da yết ma cuồng si, từ nay Bí-sô này có đến hay không đến đều không làm trở ngại pháp sự của Tăng. Bạch như vậy.

Văn yết ma dựa theo văn tác bạch mà làm.

**7. Yết ma bất si:**

Khi Bí-sô Tây yết da điên cuồng tâm loạn, lời nói và hành động thường trái với pháp Sa môn..., thời gian sau, khi Bí-sô này trở lại bản tâm ( hết điên ), các Bí-sô thường đem việc làm trái với pháp Sa môn trước kia của Bí-sô này ra gạn hỏi khiến Bí-sô này phiền não, bạch Phật, Phật nói: "Tăng nên bạch tứ cho Bí-sô Tây yết da yết ma bất si, nếu có ai giống như thế, Tăng cũng nên cho yết ma Bất si, Bí-sô này nên đến trong Tăng xin cho yết ma Bất si như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, con Bí-sô Tây yết da bị điên cuồng tâm loạn nên lời nói và hành động thường trái với pháp Sa môn. Nay con đã trở lại bản tâm, các Bí-sô thường đem những việc con đã làm trước kia ra gạn hỏi khiến con sanh phiền não. Con Bí-sô Tây yết da nay theo Tăng xin yết ma Bất si, cúi xin Tăng cho con Bí-sô Tây yết da yết ma

Bất si, xin thương xót (ba lần).

Một Bí-sô trong Tăng tác pháp yết ma như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, Bí-sô Tây yết da này bị điên cuồng tâm loạn nên lời nói và hành động thường trái với pháp Sa môn. Nay Bí-sô này đã trở lại bản tâm, các Bí-sô thường đem những việc mà Bí-sô này đã làm trước kia ra gạn hỏi khiến Bí-sô này sanh phiền não nên Bí-sô Tây yết da nay theo Tăng xin yết ma Bất si. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay cho Bí-sô Tây yết da yết ma Bất si. Bạch như vậy.

Văn yết ma dựa theo văn tác bạch mà làm.

**8. Yết ma cầu tội tánh:**

Lúc đó Bí-sô Ha tất đa sanh tâm khinh mạn đại chúng, đã phạm tội mà không nhận tội, các Bí-sô gạn trách cũng không chịu phục tùng nên bạch Phật, Phật nói: "Tăng nên tác bạch tứ yết ma cầu tội tánh cho Bí-sô Ha tất đa, nếu có ai giống như vậy, Tăng cũng nên cho yết ma cầu tội tánh, tác pháp như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, Bí-sô Ha tất đa sanh tâm khinh mạn đại chúng, đã phạm tội mà không nhận tội, các Bí-sô gạn trách cũng không chịu phục tùng. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay cho Bí-sô Ha tất đa yết ma cầu tội tánh. Bạch như vậy.

Văn yết ma dựa theo văn tác bạch mà làm.

Phật nói: "nay ta nói về hành pháp của Bí-sô được cho yết ma cầu tội tánh, Bí-sô này phải thuận hành những hành pháp như sau: không được độ cho người xuất gia, không được truyền thọ giới cụ túc cho người và làm y chỉ sư, không được nuôi Cầu tịch, chúng tăng không nên sai đến giáo thọ ni, dù trước đã sai cũng phải hủy bỏ. Bí-sô này không được gạn hỏi Bí-sô và bảo họ phải nhớ nghĩ, không được tác các pháp yết ma, không được quở trách... Nếu không tuân theo các hành pháp trên thì phạm tội Việt pháp".

**9. Yết ma ức niệm:**

Lúc đó Bí-sô Thật-lực-tử bị Bí-sô ni Thiện hữu đem việc không thật vu báng, các Bí-sô gạn hỏi việc này, khi bị gạn hỏi, Bí-sô Thật- lực-tử hổ thẹn nên bạch Phật, Phật nói: "Tăng nên tác bạch tứ yết ma cho Thật-lực-tử tỳ ni ức niệm, nếu có ai giống như thế, Tăng cũng nên cho tỳ ni ức niệm. Thật-lực-tử nên đến trong Tăng đủ oai nghi, bạch xin như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, Tôi Bí-sô Thật-lực-tử bị Bí-sô ni Thiện hữu đem việc không thật vu báng, các Bí-sô gạn hỏi việc này, khi bị gạn hỏi, tôi Bí-sô Thật-lực-tử rất hổ thẹn nên nay theo Tăng xin yết ma Ức niệm. Cúi xin Tăng cho tôi yết ma Ức niệm, xin thương xót (ba lần).

Một Bí-sô trong Tăng tác pháp yết ma như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, Bí-sô Thật-lực-tử này bị Bí-sô ni Thiện hữu đem việc không thật vu báng, các Bí-sô gạn hỏi việc này, khi bị gạn hỏi, Bí-sô Thật-lực-tử hổ thẹn nên theo Tăng xin yết ma Ức niệm. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay cho Bí-sô Thật-lực-tử yết ma Ức niệm. Bạch như vậy.

Văn yết ma dựa theo văn tác bạch mà làm.

**10. Yết ma chọn người bình chánh:**

Khi trong Tăng có việc tranh chấp xảy ra mà Tăng không thể quyết đoán làm cho trừ diệt thì Tăng nên cử một người có đủ năm đức làm chủ đoán sự để bình chánh việc tranh chấp này, cũng có thể cử nhiều vị Thượng tòa trong Tăng để cùng bình chánh, bạch nhị sai như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, trong Tăng có việc tranh chấp xảy ra mà Tăng không thể quyết đoán làm cho trừ diệt. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay ở trong Tăng cử những vị Thượng tòa có đức là _____ làm chủ đoán sự để bình chánh việc tranh chấp này khiến mau được trừ diệt. Bạch như vậy.

Văn yết ma dựa theo văn tác bạch mà làm.

**11. Yết ma chọn người bình chánh lần thứ hai:**

Nếu những vị đoán sự được sai này vẫn không thể bình chánh việc tranh chấp làm cho trừ diệt thì

trong Tăng nên cử lại người bình chánh lần thứ hai, bạch nhị sai như sau:

Đại đức tăng lắng nghe,, trong Tăng có việc tranh chấp xảy ra mà Tăng không thể quyết đoán làm cho trừ diệt. Tăng đã cứ các vị Thượng tòa có đức là _____ làm chủ đoán sự để bình chánh việc tranh chấp này nhưng vẫn không thể làm cho trừ diệt. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay lại cử vị Thượng tòa làm chủ đoán sự đi đến trú xứ khác để bình chánh việc tranh chấp này khiến mau được trừ diệt. Bạch như vậy.

Văn yết ma dựa theo văn tác bạch mà làm.

**12. Yết ma cử người truyền sự việc đến Tăng trú xứ khác để diệt tránh:**

Nếu vị đoán sự lần thứ hai vẫn không diệt tránh được thì trong Tăng nên cử người truyền sự việc này đến Tăng trú xứ khác nhờ họ diệt tránh, bạch nhị sai như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, trong Tăng có việc tranh chấp xảy ra đã lâu mà Tăng không thể quyết đoán làm cho trừ diệt; Tăng đã cứ các vị Thượng tòa có đức là _____ làm chủ đoán sự để bình chánh việc tranh chấp này nhưng vẫn không thể làm cho trừ diệt; lần thứ hai Tăng lại cử vị Thượng tòa làm chủ đoán sự đi đến trú xứ khác để bình chánh việc tranh chấp này nhưng vẫn không diệt

tránh được. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay cử người truyền sự việc này đến Tăng trú xứ khác nhờ họ diệt tránh. Bạch như vậy.

Văn yết ma dựa theo văn tác bạch mà làm.

Do việc tranh chấp này kéo dài đã lâu và đã lan rộng, Tăng trú xứ kia muốn diệt tránh thì phải ở trong chúng hành thẻ pháp, bạch nhị hành thẻ pháp như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, trong Tăng có việc tranh chấp xảy ra đã trải qua thời gian dài và đã lan rộng mà Tăng không thể quyết đoán làm cho trừ diệt, nay muốn diệt tránh nên ở trong Tăng hành thẻ pháp. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay hành thẻ pháp. Bạch như vậy.

Văn yết ma dựa theo văn tác bạch mà làm.

Nếu hành thẻ pháp mà vẫn không diệt tránh được thì phải giải quyết theo pháp diệt tránh như trong Đại luật đã nói.

**13. Yết ma kết tịnh trù:**

Như Phật dạy các Bí-sô nên kết tịnh trù, các Bí-sô không biết kết như thế nào và có mấy loại tịnh trù, Phật nói: "có năm loại tịnh trù:

1. Sanh tâm tác: Bí-sô trông coi việc xây cất hoặc người thế tục ban đầu tạo phòng, khi xây nền móng liền nghĩ rằng: "tại chỗ này sẽ làm tịnh trù

cho Tăng".

2. Cọng ấn trì: Bí-sô trông coi việc xây cất, khi hưng công làm nền móng liền nói với các Bí-sô ở chung rằng: "các thầy nên biết, tại chỗ này sẽ làm tịnh trù cho Tăng".

3. Như ngưu ngọa: phòng không có định chuẩn.

4. Cố phế xứ (chỗ bỏ phế, hư cũ)

5. Bỉnh pháp tác: chỗ do Tăng bạch nhị yết ma kết làm tịnh trù, là chỗ không có chướng ngại ở tận cùng trong giới và thế phần bên ngoài chừng một tầm.

Khi Tăng đã chấp thuận chọn chỗ này làm tịnh trù thì ở tại chỗ này trải tòa, đánh kiền chùy... sai một Bí-sô tác pháp yết ma kết làm tịnh trù như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, trú xứ này đã xây cất xong, Tăng lấy chỗ tận cùng trong giới và thế phần bên ngoài chừng một tầm để kết làm tịnh trù. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay lấy chỗ tận cùng trong giới và thế phần bên ngoài chừng một tầm để kết làm tịnh trù. Bạch như vậy.

Văn yết ma dựa theo văn tác bạch mà làm.

Khi Tăng kết tịnh trù xong thì ngay tại chỗ này được hai lợi lạc: một là ngoài giới được chứa, trong giới được nấu; hai là trong giới được chứa, ngoài giới được nấu đều không lỗi. Khi mới xây chùa, căng dây đo đạc nên đặt gạch đá để xác định chỗ,

nếu thuận lợi thì Tăng nên tác yết ma kết làm tịnh trù, nếu không thuận lợi thì đại chúng nên nói: tại chỗ này trong chùa và thế phần bên ngoài sẽ kết làm tịnh trù, tôi nay xin thủ trì như thế (ba lần), nói như vậy thì thành kết tịnh trù.

Lúc đó có Bí-sô Sư tử muốn ăn đường cát, Phật nói: "thời hay phi thời và bịnh hay không bịnh đều được tùy ý ăn".

Như Phật dạy các Bí-sô nên mặc y cắt rọc, lúc đó có Bí-sô được một tấm giạ bằng lông dày liền mang dao kéo đến một chỗ muốn cắt rọc, Phật thấy vậy liền hỏi rõ nguyên do rồi bảo các Bí-sô: "có năm loại y không nên cắt rọc: một là Cao nhiếp bà tức là Giạ lông dày, hai là mền lông dày, ba là mền bằng vải thô dày nặng, bốn là mền bằng vải bố thưa mỏng, năm là vải thiếu muốn cắt rọc mà không đủ. Loại vải thứ năm này ta khai cho thiếp lá để thọ trì, nên lấy nệm dày xếp vào loại thứ năm, năm loại vải mền này không nên cắt rọc".

Như Phật dạy các Bí-sô không được dùng ngọa cụ của Tăng nếu không có tấm bọc bảo hộ, lúc đó Lục chúng Bí-sô dùng vải dơ thưa mỏng và cũ rách để bọc ngọa cụ của Tăng. Sáng sớm hôm đó, Phật đắp y mang bát vào thành Tỳ-xá-ly khất thực, cụ thọ A-nan theo sau, Phật bỗng thấy một người có lưng đen sạm bèn hỏi A-nan có thấy không, đáp là thấy, Phật nói: "người này quá khư đã xuất gia trong giáo pháp của Phật Ca-diếp-ba, do ông ta tùy

nghi dùng vải thô xấu để bọc ngọa cụ của Tăng nên thọ quả báo ở địa ngục, tuy được sanh làm người nhưng trải qua năm trăm đời lưng bị đen sạm như thế. Do đây, các Bí-sô không nên dùng vải thô xấu, cũ rách, thưa mỏng để bọc ngọa cụ của Tăng. Nếu là vải dày thì nên dùng một lớp, nếu là vải mỏng thì dùng hai lớp, ai làm trái thì phạm tội Việt pháp".

Lúc đó có Bí-sô dùng vải nhiều màu may Ni-sư-đàn với nhiều tua ren để thọ dụng, bị các Bà-la-môn và người tục chê trách. Phật nói: "ngọa cụ nên làm hai lớp và nhuộm với ba màu làm cho hoại sắc là xanh, đen và nâu đỏ, nên viền bốn phía". Như Phật dạy có tám loại lợi dưỡng:

1. Giới sở đắc lợi: ở trong một giới hoặc hai hay nhiều giới tùy được lợi dưỡng gì, các vị cựu trụ trong giới này được cùng chia.

2. Lập chế sở đắc lợi: các Bí-sô chia thành nhóm hay không chia thành nhóm cùng lập chế rằng: "chúng ta an cư trong tụ lạc này, lợi dưỡng từ các nhà thí chủ trên đường thì thuộc về chúng tôi, lợi dưỡng từ các nhà thí chủ trên đường thì thuộc về các vị". Khi được lợi dưỡng liền theo như lập chế mà thọ rồi cùng chia.

3. Y chỉ sở đắc lợi: tùy nương ở đâu và nương vào ai để an cư mà được lợi dưỡng.

4. An cư sở đắc lợi: lợi dưỡng có được trong hạ an cư thì tùy thí chủ xử phân.

5. Tăng già sở đắc lợi: lợi vật đem đến cúng cho Tăng tuy đã quyết định nhưng không hạn cuộc là Tăng an cư hay Tăng hiện tiền thì nên hỏi lại thí chủ.

6. Bí-sô sở đắc lợi: lợi vật cúng cho Bí-sô được hạn cuộc là Bí-sô ở trong phòng viện này được thọ dụng.

7. Đối diện sở đắc lợi: lợi vật thọ trực tiếp từ thí chủ.

8. Định xứ sở đắc lợi: trong một đời hành hóa của Phật, tổng cộng có tám nơi được xây tháp:

a. Nơi Phật đản sanh tại vườn Lâm tỳ ni, thành Kiếp-tỷ-la.

b. Nơi Phật thành đạo tại tòa kim cang dưới cội Bồ đề, A-lan-nhã thuộc nước Ma-kiệt-đà.

c. Nơi Phật chuyển pháp luân tại vườn Thi lộc, chỗ Tiên nhơn đọa xứ thuộc thành Bà-la-nê-tư.

d. Nơi Phật nhập Niết-bàn tại Sa la song thọ, thành Câu-thi-na.

e. Tại Trúc lâm, đỉnh núi Thứu, thành Vương xá.

f. Trong giảng đường Cao các bên ờ hồ Di hầu, thành Quảng nghiêm.

g. Tại vườn Cấp-cô-độc, rừng Thệ đa, thành Thất-la-phiệt.

h. Tại tụ lạc Bình lâm, nơi Phật từ cõi trời trở xuống nhân gian.

Bốn nơi trên là định xứ, bốn nơi dưới là bất định xứ, nếu thí chủ muốn cúng dường nơi Phật đản sanh thì nên đem cúng cho chỗ ấy, không được chuyển đem cúng chỗ khác; nếu thí chủ muốn cúng cho bốn định xứ mà sức không thể mang đến cúng cho ba chỗ kia thì tùy cúng cho một chỗ.

**14. Yết ma thủ trì vật của người chết:**

Lúc đó cụ thọ Ô-ba-nan-đà qua đời, tài vật để lại có đến ba ức tiền vàng, các Bí-sô ở sáu đại thành tụ về đều muốn được chia phần, các Bí-sô cựu trụ đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Bí-sô nào đến kịp vào năm thời thì được chia phần: một là khi nghe đánh kiền chùy đến tập họp, hai là khi tụng kinh Tam khải đến, ba là khi lễ chế để đến, bốn là khi hành trù đến, năm là khi tác bạch đến. Tăng nên đơn bạch thủ trì tài vật của người chết, trước khi đơn bạch nên hỏi người khán bịnh và người cọng trụ là người chết có mắc nợ ai không và có ai mắc nợ người chết không. Đơn bạch như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, Bí-sô Ô-ba-nan-đà qua đời tại đây, đã để lại nhiều tài vật hiện có và không hiện có cùng nhiều y tài và tạp vật khác, nay tạm thủ trì. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay thủ trì những tài vật hiện có và không hiện có cùng những y tài và tạp vật khác của Bí-sô Ô-ba-nan-đà chết để lại. Bạch như vậy.

Sau khi tác bạch xong, các Bí-sô hiện tiền trong giới đều được chia phần, nếu không tác bạch thì tất cả chúng đệ tử Thanh văn của Phật trụ trong châu Thiệm bộ hoặc trú xứ đều được chia phần, đây là nghi thức chia tài vật của Bí-sô qua đời để lại. Nếu gặp tranh chấp, chúng tăng khó nhóm để tác bạch thì khai cho làm pháp đầu và cuối, tức là đưa mười hoặc năm liền cho vị Thượng tòa thủ chúng và vị nhỏ nhất trong chúng để làm định ký.

### 15. Yết ma sai người coi giữ tư cụ của Bí-sô qua đời:

Nếu trong hạ an cư có nạn duyên, Tăng nên sai một Bí-sô làm người coi giữ tài vật của Bí-sô qua đời để lại, trước nên hỏi vị được sai có thể làm người coi giữ được không, nếu đáp là có thể thì một Bí-sô trong Tăng tác pháp sai như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, Bí-sô _____ này có thể làm người coi giữ tài vật của Bí-sô qua đời để lại. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay sai Bí-sô _____ này làm người coi giữ tài vật của Bí-sô qua đời để lại. Bạch như vậy.

Như Phật dạy có yết ma bất hòa và yết ma hòa hợp. Nếu các Bí-sô ở trong một giới tác pháp yết ma mà Tăng không tập họp hết, người nên gởi dục lại không gởi dục; hoặc tuy tập họp hết nhưng người đáng quở quở trách thì Tăng không ngừng

lại, vẫn gượng làm yết ma. Đó gọi là yết ma bất hòa, ngược với trên thì gọi là yết ma hòa hợp.

Cụ thọ Ưu-ba-ly hỏi Phật:

Hỏi: có mấy hạng người quở không thành quở trách và lời nói không được ghi nhận?

Phật đáp: có mười hai hạng người:

1. Người ngu là người ý suy nghĩ điều ác, miệng nói lời ác, thân làm việc ác và cố chấp việc đã làm.

2. Người si là người không trì kinh, luật, luận.

3. Người không phân minh là người không hiểu rõ giáo văn trong ba tạng.

4. Người không thiện xảo là người không hiểu rành giáo lý trong ba tạng.

5. Người không tàm quý là người phạm một trong bốn tội Tha thắng.

6. Người có lỗi lầm là người mới tranh cãi hay trước đó đã có lời oán trách

7. Người ở ngoài giới

8. Người bị Tăng bạch tứ yết ma xả khí.

9. Người nói không có thứ tự là người nói dối, nói ly gián, nói thô ác và tạp loạn.

10. Người xả oai nghi là người rời khỏi chỗ ngồi.

11. Người mất bản tánh là người làm việc không nên làm, không tu tập các học xứ.

12. Người thọ học là người phạm tội Ba la thị ca nhưng không che giấu, Tăng bạch tứ yết ma cho học lại giới (học hối Sa di)

Lại hỏi: có mấy hạng người quở thành quở trách và lời nói được ghi nhận?

Phật đáp: có bốn, đó là người trụ nơi bản tánh, người ở trong giới, người nói có thứ tự và người không xả oai nghi.

-oOo-

# CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ BÁCH NHẤT YẾT MA

## QUYỂN 10

Lúc đó trưởng giả Cấp-cô-độc đem nhiều y vật đến trong rừng Thệ đa cúng dường và bạch với đại chúng rằng: "các đệ tử Thanh văn của Thế tôn, ai có đủ giới, định, huệ, giải thoát và giải thoát tri kiến; là bậc phước điền vô thượng đáng được cung kính lễ bái, xứng đáng được thế gian cúng dường thì xin hãy đến thọ lấy y vật này, tùy ý thọ dụng", các bậc Vô học đã dứt hết lậu hoặc suy nghĩ: "nay ta há vì lợi vật này mà lại hiển dương đức của mình cho mọi người biết ta là bậc Ly dục vô thương", nghĩ như thế rồi nên ngồi im lặng. Các bậc hữu học chưa trừ hết các hoặc cũng suy nghĩ: "các bậc phước điền vô thượng mới xứng đáng thọ lợi vật này, ta chưa hết các lậu hoặc thì không nên thọ", nghĩ như thế rồi nên cũng ngồi im lặng. Các hàng dị sanh còn đầy đủ triền phược cũng suy nghĩ: "bậc phước điền vô thượng mới xứng đáng thọ lợi vật này, còn ta còn đầy đủ triền phược thì không có phần". Do nghĩ như thế nên trong đại chúng, không có ai đến thọ lấy lợi vật cúng dường của trưởng giả.

Các Bí-sô bạch Phật, Phật hỏi các Bí-sô: "có phải các thầy vì cầu giải thoát mà đến trong giáo pháp của ta tu tịnh hạnh phải không?", đáp là phải, Phật nói: "nếu các thầy do lòng tin mà xuất gia trong Phật pháp để cầu giải thoát thì dù y phục đang mặc trị giá một ức tiền vàng, phòng xá đang ở trị giá năm trăm tiền vàng, thức ăn uống đủ trăm vị ngon, ta vẫn khai cho các thầy thọ, vì các thầy có thể tiêu hóa được. Này các Bí-sô, thọ dụng có năm, đó là:

1. Chủ thọ dụng: chỉ cho bậc A-la-hán đã vĩnh viễn trừ hết ba độc.

2. Cha mẹ thọ dụng: chỉ cho bậc Học nhân còn có dư hoặc.

3. Khai cho thọ dụng: chỉ cho bậc dị sanh thuần thiện, giới thanh tịnh, siêng tu thiền tụng, không có tâm giãi đãi.

4. Mắc nợ thọ dụng: chỉ cho người tuy có trì giới nhưng không siêng tu giác phẩm thiện pháp.

5. Trộm cắp thọ dụng: chỉ cho người phạm một trong bốn trọng. Đối với loại loại Bí-sô phá giới này thì ta không cho thọ dụng một hạt cơm và cũng không cho bước chân vào chùa.

Vì thế các thầy nên tinh tấn tu học, đối với những y vật và lợi vật khác của trưởng giả này cúng dường, đại chúng nên bình đẳng phân chia.".

Cụ thọ Ưu-ba-ly bạch Phật: "Như Phật dạy, nếu các Bí-sô may y đã xong, y Yết-sỉ-na đã xuất, nếu

lìa một trong ba y đến trong giới khác thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề, trừ Tăng yết ma cho. Vậy khi Bí-sô đi đứng nằm ngồi, phạm vi khoảng chừng bao nhiêu là thế phần lìa y?". Phật nói: "như Bà-la-môn Sanh Văn trồng cây Yêm một la, cách nhau bảy tầm, bông trái xum xuê, khoảng cách của bảy cây này là bốn mươi chín tầm. Bí-sô đi trong phạm vi này là thế phần không mất y, quá phạm vi này là thế phần mất y. Nếu đứng nằm ngồi thì phạm vi chỉ trong một tầm; nếu ngủ ở trung gian giữa hai giới, chéo của y không rời khỏi thân là thế phần của y".

Cụ thọ Ô Ba Ly bạch Phật: "Thế Tôn, Tăng già chi có mấy loại, điều số thế nào?", Phật nói: "có chín loại đó là y 9 điều, 11 điều, 13 điều, 15 điều, 17 điều, 19 điều, 21 điều, 23 điều và 25 điều. Này ô Ba Ly, ba loại y thứ nhất có hai đàn cách dài, một đàn cách ngắn; ba loại y kế có ba đàn cách dài, một đàn cách ngắn; ba loại y sau cùng có bốn đàn cách dài, một đàn cách ngắn, nên may nên thọ trì, quá điều lượng này thành phá nạp", lại hỏi: "Thế Tôn, y lớn y nhỏ có bao nhiêu thứ?". Phật nói: "y Tăng già chi có ba bậc thượng trung và hạ, bậc thượng bề đứng ba khuỷu tay, bề ngang năm khuỷu tay; bậc hạ bề đứng hai khuỷu tay rưỡi, bề ngang bốn khuỷu tay rưỡi; ở giữa hai bậc trên là bậc trung. Y Ốt đát la tăng già và y An đát bà ta cũng có ba bậc thượng trung hạ như Tăng già chi. Này Ô Ba Ly, có hai loại An đát bà ta: một là bề đứng hai khuỷu

tay, bề ngang năm khuỷu tay; hai là bề đứng hai khuỷu tay, bề ngang bốn khuỷu tay. Y An đát bà ta bậc thấp nhất chỉ trùm ba luân là nhỏ nhất trong số y thọ trì. Y phạm Ni tát kỳ nhỏ nhất chỉ bằng ngang dọc một khuỷu tay".

Nếu Bí-sô chứa bát dư phạm Xả đọa phải ở trong chúng xả bát ấy tức là hành pháp xả bát, trong chúng nên sai một Bí-sô hành bát có phạm, người không có năm đức thì không nên sai, nếu đã sai thì không nên làm, đó là ái, sân, sợ si, không biết pháp hành và không hành. Ngược lại nếu có đủ năm đức thì nên sai, đã sai rồi thì nên làm. Nên sai như sau: đánh kiền chùy nhóm tăng, trước hỏi vị nào có thể vì Tăng già hành bát có phạm, nếu có người đáp là có thể thì một Bí-sô trong Tăng tác pháp sai như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, Bí-sô này có thể vì Tăng làm người hành bát có phạm. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay sai Bí-sô _____ làm người hành bát có phạm. Bạch như vậy.

Văn yết ma dựa theo văn tác bạch mà làm.

Phật nói: "Ta chế hành pháp cho Bí-sô hành bát có phạm như sau: Bí-sô ấy nên ở trong chúng hòa hợp cáo bạch: "Kính bạch Đại đức tăng, tôi Bí-sô tên _____ sẽ hành bát có phạm. Sáng ngày mai các cụ thọ mỗi vị mang bát của mình đến trong

Tăng". Sáng hôm sau Bí-sô hành bát nên mang bát có phạm đến trước vị thượng tòa khen ngợi bát đó như sau: "bát này thanh tịnh viên mãn, có thể thọ dụng, nếu thượng tọa cần xin hãy tùy ý nhận". Nếu thượng tòa nhận bát ấy thì Bí-sô hành bát nên lấy chiếc bát cũ của thượng tọa thứ nhất chuyển trao cho vị thượng tọa thứ hai, thượng tọa thứ hai không nhận thì chuyển trao cho vị thượng tọa thứ ba. Khi thượng tọa thứ ba lấy mà thượng tọa thứ hai đòi lấy thì đòi lần thứ nhất không đưa, lần thứ hai cũng không đưa, lần thứ ba nên đưa, nhưng vị thượng tọa này mắc tội Việt pháp phải như pháp sám hối. Hành pháp xả bát như vậy cho đến vị cuối cùng nhỏ nhất trong Tăng, Bí-sô hành bát nên lấy bát của vị nhỏ nhất cuối cùng này đưa lại cho Bí-sô phạm và nói rằng: "Bát này không nên giữ yên đó, không nên phân biệt, cũng không nên cho ai, mà phải cẩn thận như pháp thọ dụng từ từ cho đến khi bể". Đây là pháp hành bát, Bí-sô hành bát nếu không y theo pháp này mà hành thì phạm tội Việt pháp.

Ta chế thêm hành pháp cho Bí-sô phạm như sau: Bí-sô phạm được bát này rồi phải sắm hai cái đãy đựng bát, đãy tốt đựng bát dư, đãy không tốt đựng bát cũ. Khi khất thực phải mang cả hai bát theo, thức ăn khô thì đựng trong bát dư, thức ăn ướt thì đựng trong bát cũ. Trở về trú xứ thọ thực thì nên ăn thức ăn trong bát cũ trước, ăn xong khi

rửa nên rửa bát dư trước, rửa xong hong phơi cũng phải phơi bát dư trước, khi cất thì cất bát dư ở chỗ tốt. Khi đi đường có thể nhờ người mang giùm bát cũ, còn bát dư phải tự mang, không có ai mang giùm thì bên vai phải mang bát dư, bên vai trái mang bát cũ. Bí-sô phạm được bát đối với hành pháp này nếu không hành theo thì phạm tội Việt pháp. Đây là pháp trị phạt cho đến trọn đời hoặc cẩn thận thọ dụng cho đến khi bể." Nếu là y dư hay thuốc dư thì người biết pháp nên ở trong Tăng xả y vật có phạm này, bạch rằng: "đây là y (thuốc) dư phạm Ni-tát-kỳ-ba- dật-đề, nay xả cho các cụ thọ tùy ý thọ dụng", Tăng nên gián cách hoàn lại y vật này cho Bí-sô phạm và nói: "y vật này cụ thọ tùy ý thọ dụng". Bí-sô phạm tội Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề và tội Ba-dật-đề không kính giáo cùng các tội phương tiện Đột sắc ngật lý ca thì phải đối trước một Bí-sô như pháp sám trừ như sau:

Cụ thọ nhớ nghĩ, tôi Bí-sô _____ phạm tội Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề, tội Ba-dật-đề không kính giáo và các tội phương tiện Đột sắc ngật lý ca, nay đối trước cụ thọ phát lồ sám hối không dám che giấu, do phát lồ nên được an lạc, không phát lồ thì không được an lạc.

Bí-sô thọ sám hỏi: thầy có thấy tội không? Bí-sô đối sám đáp: thấy.

Lại hỏi: sau này thầy có khéo hộ trì các giới không? Đáp: sẽ cẩn thận hộ trì.

Bí-sô thọ sám nói: tốt. Đáp: lành thay.

Nếu đối với y vật dư này, Tăng không gián cách hoàn lại cho Bí- sô phạm thì Bí-sô này nếu được thêm y vật khác sẽ phạm thêm tội Xả đọa, do y vật đã phạm trước kế tục sanh nhiễm ô. Nếu đã xả y vật dư và Tăng gián cách hoàn lại, Bí-sô phạm như pháp phát lồ sám hối thì dù được thêm y vật khác không phạm.

Cụ thọ Ưu-ba-ly hỏi Phật: "như Phật cho các Bí-sô được cất chứa mười ba tư cụ, đó là những gì?"

Phật nói: "từ nay các Bí-sô được cất chứa mười ba tư cụ y: một là Tăng-già-lê, hai là Uất Đa-la tăng, ba là An-đà-hội, bốn là Ni-sư-đàn, năm là quần, sáu là phó quần (quần thứ hai để thay đổi), bảy là Tăng khước kỳ, tám là phó Tăng khước kỳ (cái thứ hai để thay đổi), chín là khăn lau mặt, mười là khăn lau mình, mười một vải băng bó ghẻ (vết thương), mười hai là khăn cạo tóc, mười ba là vải đổi thuốc", lại hỏi: "Bí-sô nên thọ trì mười ba tư cụ y này như thế nào?", Phật nói: "nên thọ trì từng loại, đối trước một Bí-sô nói tên ra để tác pháp thọ trì, như y Tăng-già-lê nên nói như sau:

Đại đức nhớ nghĩ, đây là y Tăng-già-lê, từ nay tôi xin thọ trì, đã cắt rọc thành y là vật mà tôi thọ dụng.

Nói ba lần, những y khác đều dựa theo đây mà

tác pháp thọ trì, chỉ có vải đổi thuốc là dùng khi có bịnh duyên", lại hỏi: "ngoài mười ba tư cụ y này ra, nếu có y dư khác thì phải làm sao?", Phật nói: "nên bạch với Thân giáo sư và Quỹ phạm sư rồi tác pháp ký gởi phân biệt thọ trì, đối trước một Bí-sô phân biệt thọ trì như sau:

Đại đức nhớ nghĩ, tôi Bí-sô tên _____ có y dư này chưa tác pháp phân biệt, nay đối trước Đại đức phân biệt để thọ trì. (ba lần).

Phật nói: "khi gặp nạn duyên, có sáu việc khai cho làm tâm niệm: một là thủ trì ba y, hai là xả ba y, ba là phân biệt y dư, bốn là xả biệt thỉnh, năm là làm trưởng tịnh, sáu là tác Tùy ý", lại hỏi: "y không cắt rọc có được thọ trì không?", Phật nói: "không được, trừ nạn duyên", lại hỏi: "có được mặc y không cắt rọc vào trong thôn hay thành ấp không?", Phật nói: "không được, trừ nạn duyên", lại hỏi: "có được mặc y không cắt rọc vào nhà người xuất gia ngoại đạo không?", Phật nói: "không được, nếu người kia đi ra ngoài thì được", lại hỏi: "thọ trì y không cắt rọc như thế nào?", Phật nói: "y chưa cắt rọc gọi chung là y tài, tạm sung vào trong số ba y thì nên đối trước một Bí-sô xin thọ trì như sau:

Cụ thọ nhớ nghĩ, tôi tên là , y tài này tôi xin thọ trì, sẽ may thành y Tăng-già-lê chín điều, hai đàn dài một đàn ngắn. Nếu không gặp trở duyên tôi sẽ giặt nhuộm, cắt rọc may thành y để thọ dụng. (ba

lần)

## *NÓI RÕ VỀ GIÁO PHÁP TÓM LƯỢC*

Khi Phật sắp nhập Niết-bàn tại Sa la song thọ, vùng đất của tộc họ Tráng sĩ, thành Câu-thi-na, Phật bảo các Bí-sô: "trước đây ta nói rộng về Tỳ-nại-da nhưng chưa nói tóm lược, nay đúng thời nên nói, các thầy hãy lắng nghe: nếu có việc gì trước nay ta chưa khai cũng chưa chế ngăn, nhưng việc này thuận với không thanh tịnh, trái với thanh tịnh thì việc này là không thanh tịnh, các thầy không nên làm. Ngược lại nếu thuận với thanh tịnh, trái với bất tịnh thì việc này là thanh tịnh, các thầy nên tùy thuận làm theo".

Hỏi: ý gì khi Phật sắp nhập Niết-bàn lại dạy giáo pháp tóm lược này?

Đáp: vì sau khi Phật diệt độ cho đến khi Thánh giáo chưa diệt, không muốn ngoại đạo được dịp chê trách.

Hỏi: Thế tôn là bậc Nhất-thiết-trí, nếu thế gian có những việc không khai cũng không chế ngăn mà các đệ tử muốn làm thì phải làm sao?

Đáp: vì muốn làm lợi ích cho đời vị lại, lại muốn cho đệ tử Thanh văn đối với việc này được vô ngại và an lạc trụ nên Phật mới nói rõ giáo pháp tóm lược.

Hỏi: như Phật dạy, nếu việc gì thuận với bất tịnh, trái với thanh tịnh thì không nên làm; ngược

với trên thì nên làm, chưa hiểu rõ ý này?

Đáp: có việc gì trước nay Phật chưa khai cũng chưa chế ngăn, nếu nay làm mà bị người tục luận bàn chê trách thì việc này là bất tịnh, không nên làm. Như các xứ ở Tây trúc, những người sang hèn đều dùng trái cau, dây leo, tro trắng và hương liệu hòa trộn để làm vị thơm; nếu Bí-sô vì bịnh duyên, thầy thuốc bảo dùng để trừ mùi hôi nơi miệng thì dùng không lỗi, nếu dùng thoa làm cho môi đỏ thì không được. Như dùng đất đỏ để nhuộm y, trước nay Phật chưa khai cũng chưa chế ngăn, nếu nay nhuộm mặc giống như y phục của ngoại đạo, bị người tục chê trách thì không nên dùng; ngược lại nếu mọi người không chê trách thì không phạm. Như Phật dạy dùng ba màu xanh, xám, nâu đỏ nhuộm làm cho mất tám màu sắc chánh nhưng nếu dùng các loại rễ, lá hoa, quả... để nhuộm mà người đương thời không chê trách thì cũng không lỗi. Như Phật dạy dùng ba loại là đất muối, phân bò và tháo đậu để rửa tay, nhưng nếu dùng các loại như dạ hợp, thọ hoa, mộc quán để rửa tay thì cũng không chế ngăn, nếu không độc, không có trùng thì dùng không lỗi.

Cụ thọ Ưu-ba-ly hỏi Phật: "có mấy pháp nhiếp hết Tỳ-nại-da?", Phật nói: "có ba là đơn bạch yết ma, bạch nhị yết ma, bạch tứ yết ma; nếu nói đủ thì có 101 pháp yết ma", lại hỏi: "trong 101 pháp yết ma có mấy pháp đơn bạch, mấy pháp bạch nhị,

mấy pháp bạch tứ?", Phật nói: "đơn bạch có 22 pháp, bạch nhị có 47 pháp, bạch tứ có 32 pháp".

***22 pháp đơn bạch gồm có:***

1. Bạch sai Bình giáo sư.
2. Bạch hỏi các chướng pháp.
3. Bạch trưởng tịnh.
4. Khi trưởng tịnh, chúng tăng đều có tội - bạch
5. Khi trưởng tịnh, chúng tăng đối với tội có nghi
6. Bạch tự tứ.
7. Khi Tùy ý, chúng tăng đều có tội - bạch.
8. Khi Tùy ý, chúng tăng đối với tội có nghi
9. Khi Tùy ý, trong chúng tranh cãi về tội.
10. Khi Tùy ý, trong chúng quyết định về tội.
11. Bạch ngày Tăng hạ an cư.
12. Bạch thủ trì y vật của người chết để lại.
13. Bạch thủ trì tư cụ của người chết
14. Bạch xuất y Yết-sỉ-na
15. Bạch nói tội thô của người khác
16. Bạch cho Thật-lực-tử y...

***- 47 pháp bạch nhị gồm có:***

1. Kết tiểu giới tràng
2. Kết đại giới
3. Kết giới không mất y
4. Khi trưởng tịnh không đến
5. Sai người thọ tùy ý

6. Sai người chia ngọa cụ
7. Kết tịnh trù
8. Xử phân y làm y Yết-sỉ-na
9. Sai người trương y Yết-sỉ-na
10. Giao y cho người trương y Yết-sỉ-na...

***- 32 pháp bạch tứ gồm có:***

1. Truyền thọ Cận viên
2. Cho ngoại đạo ở chung bốn tháng.
3. Tăng trước bị phá nay hòa hợp.
4. Tăng hòa hợp trường tịnh.
5. Can phá hòa hợp Tăng
6. Can trợ giúp phá Tăng
7. yết ma Linh bố
8. yết ma Chiết phục
9. yết ma Khu tẫn
10. yết ma Cầu tạ...

Lại hỏi: "trong 101 pháp yết ma có mấy pháp được gởi dục, mấy pháp không gởi dục?", Phật nói: "tất cả pháp đều được gởi dục, trừ kết đại giới", lại hỏi: "trong 101 pháp yết ma có mấy pháp được làm với chúng bốn người, mấy pháp được làm với chúng năm người, mấy pháp được làm với chúng mười người, mấy pháp được làm với chúng bốn mươi người?", Phật nói: "pháp xuất tội cho Bí-sô ni được làm với chúng bốn mươi người, pháp xuất tội cho Bí-sô được làm với chúng hai mươi người,

pháp truyền thọ Cận viên được làm với chúng mười người, pháp ở biên phương truyền thọ Cận viên và pháp Tùy ý được làm với chúng năm người, các pháp yết ma khác được làm với chúng bốn người", lại hỏi: "ý nghĩa của yết ma là như thế nào?", Phật nói: "nguyên do của sự việc, tức là nhân làm việc kia mà tác pháp gọi là yết ma", lại hỏi: "con chưa hiểu rõ ý nghĩa của lời dạy này?", Phật nói: "vì việc gì nên tác yết ma, đây gọi là nhân cụ, dùng lời nói bỉnh bạch gọi là yết ma", lại hỏi: "ý nghĩa của yết ma Linh bố như thế nào?", Phật nói: "đây là dựa trên sự việc mà đặt tên, do Bí-sô ưa tranh cãi nên Tăng tác yết ma Linh bố cho họ, muốn khiến họ sợ mà không làm ác nữa", lại hỏi: "Tỳ-nại-da lấy gì làm thể, lấy gì làm sở duyên, lấy gì làm y xứ, lấy gì làm nhân cụ, lấy gì làm sanh khởi, lấy gì làm tự tánh, lấy gì làm quả báo?", Phật nói: "Tỳ-nại-da lấy văn tự trong kinh quyển làm thể, lấy như thuyết tu hành làm sở duyên, lấy ba nghiệp thân ngữ ý làm y xứ, lấy bỉnh bạch yết ma làm nhân cụ, lấy sự phát lồ sám hối tội đã phạm làm sanh khởi, lấy tội đã phạm làm tự tánh, lấy sanh thiện giải thoát làm quả báo. 101 pháp yết ma này nếu còn bỉnh pháp yết ma ở đời thì biết Phật pháp chưa diệt", cụ thọ Ưu-ba-ly và đại chúng nghe Phật dạy rồi hoan hỉ phụng hành.

Nhiếp tụng đơn bạch:

*Chỗ khuất, đối chúng hỏi,*

*Trưởng tịnh biết tội, nghi,*
*Tùy ý biết tội, nghi,*
*Tranh cãi tội, quyết định,*
*An cư, y người chết,*
*Thọ, xuất Yết-sỉ-na,*
*Nói tội người, cho y,*
*Hai trường hợp khinh hủy,*
*Úp bát và ngửa bát,*
*Cho và xả Học gia...*
*Hai mươi hai nên biết.*
*Nhiếp tụng bạch nhị:*
*Kết giới tràng, đại giới,*
*Không mất y, tùy ý,*
*Khi trưởng tịnh không đến,*
*Sai người chia ngọa cụ,*
*Xử phân Yết-sỉ-na,*
*Sai giữ y, giao y,*
*Và mười hai hạng người,*
*Đều là người chia vật:*
*Phòng, cơm, cháo, bánh trái,*
*Tạp vật và y vật,*
*Áo tắm mưa, chia y,*
*Sai người xem phòng xá.*
*Chọn, chọn lại, truyền sự,*
*Hành trù, làm phòng nhỏ,*
*Cho đến làm chùa lớn,*
*Không lìa y, phu cụ,*
*Hành bát, báo thế tục,*

*Ni không lễ, giáo thọ,*
*Xem rừng hiểm, nuôi chúng,*
*Nuôi vô hạn, chứa gậy,*
*Năm năm đồng lợi dưỡng,*
*Truyền thức xoa, bản pháp,*
*Khai cho ni Cấp đa,*
*Ngủ cùng phòng với con,*
*Ni được đến nhà tục,*
*Thọ nhật ra ngoài giới,*
*Bốn mươi bảy bạch nhị.*
*Nhiếp tụng bạch tứ:*
*Thọ Cận viên, ở chung,*
*Tăng phá rồi hòa hợp,*
*Và hòa hợp trưởng tịnh,*
*Can phá Tăng, giúp phá,*
*Can nói dục sân si,*
*Nói lời thô, linh bố,*
*Chiết phục, đuổi, cầu tạ,*
*Không thấy tội, không sám,*
*Biệt trụ, Bổn nhật trị,*
*Ý hỉ và xuất tội.*
*Cho ức niệm, bất si,*
*Mích tội, tẫn Cầu tịch,*
*Thu nhiếp, can tùy thuận,*
*Tạp trụ và ở riêng,*
*Thọ học, trái lời chúng,*
*Và im lặng xúc não,*
*Ba mươi hai bạch tứ.*

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 80

# CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ BÍ SÔ GIỚI KINH

# SỐ 1454

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

# SỐ 1454

# CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ BÍ-SÔ GIỚI KINH

*- Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh đời Đường -*
*Việt dịch: Ban phiên dịch chùa Pháp Bảo, HT Thích Tịnh Hạnh giám tu - 2005- Hiệu đính và nhuận văn: NS Thích nữ Như Lộc tại chùa Phổ Minh - năm 2010*

## TỰA GIỚI KINH

*Biệt giải thoát kinh khó được nghe*
*Trải qua vô lượng trăm ngàn kiếp*
*Đọc tụng thọ trì cũng như vậy*
*Bậc như thuyết hành trì khó gặp*
*Phật thị hiện ở đời là vui*
*Diễn nói pháp vi diệu là vui*
*Tăng nhất tâm đồng kiến là vui*
*Hòa hợp cùng tu tiến là vui*
*Gặp Thánh nhơn hiện hữu là vui*
*Được cùng ở chúng cũng là vui*
*Nếu không gặp những người ngu si*
*Đó mới gọi là thường thọ lạc*
*Gặp người trì giới đủ là vui*
*Nếu gặp Đa văn cũng là vui*
*Gặp A-la-hán chân thật vui*
*Vì đời sau không còn tái sanh*

*Đến thềm diệu bờ sông kia - vui*
*Dùng pháp hàng địch - chiến thắng vui*
*Khi chứng đắc sanh chánh huệ quả*
*Tận trừ được ngã mạn là vui*
*Nếu có thể khởi ý quyết định,*
*Khéo điều căn - dục, đủ đa văn*
*Từ trẻ đến già ở trong rừng*
*Lan nhã nhàn cư, tịch tĩnh vui.*

Các Đại đức, bốn tháng mùa Xuân (hoặc Hạ, Đông) nửa tháng (hoặc một tháng...) đã qua, còn lại ba tháng rưỡi (hoặc ba tháng...), già chết tới gần, mạng sống giảm dần. Các Đại đức nên tinh tấn tỉnh giác chớ có buông lung, do không buông lung nên chắc chắn chứng quả Phật, huống chi các giác phẩm thiện pháp khác vì các đệ tử Thanh văn của Phật thì ít cầu ít việc.

- Người chưa thọ Cận viên đã ra ngoài chưa?

- Các Bí-sô không đến có gởi dục thanh tịnh không?

- Có ai sai Bí-sô ni đến thỉnh giáo thọ không?

*Chắp hai tay cung kính*
*Kính lạy Phật Thích Ca*
*Biệt giải thoát điều phục*
*Tôi nói các vị nghe*
*Nghe rồi phải chánh hành*
*Như lời Như Lai dạy*
*Ở trong các tội nhỏ*

*Dõng mãnh siêng phòng hộ*
*Tâm như ngựa khó kìm*
*Liên tục quyết chí trừ*
*Hàm thiết Biệt giải thoát*
*Có trăm kim cực bén*
*Nếu người nào trái pháp*
*Nghe dạy phải dừng ngay*
*Đại sĩ như ngựa giỏi*
*Xông ra trận phiền não*
*Người thiếu hàm thiếc này*
*Chưa từng có hỉ lạc*
*Chết trong trận phiền não*
*Mê chuyển trong sanh tử.*

Đại đức tăng lắng nghe, hôm nay ngày thứ 14 không trăng (hoặc ngày thứ mười lăm có trăng), Tăng làm Bao-sái-đà. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay làm Bao-sái-đà, nói giới kinh Ba-la-đề-mộc-xoa. Bạch như vậy.

Các Đại đức, tôi sắp nói giới kinh Ba-la-đề-mộc-xoa, các vị hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ, nếu nhớ có phạm nên phát lồ, không phạm thì im lặng, do im lặng nên biết các Đại đức thanh tịnh. Nếu khi nghe hỏi, các vị nên đáp như thật, ở trong chúng thù thắng này, tôi sẽ hỏi ba lần, các vị nên đáp như thật, nếu Bí-sô nào tự biết có phạm mà không phát lồ thì phạm tội vọng ngữ. Các Đại đức, Phật dạy cố ý vọng ngữ là pháp chướng đạo, nếu

Bí-sô mong cầu thanh tịnh thì nên phát lồ, phát lồ thì được an lạc, không phát lồ thì không an lạc.

Các Đại đức, tôi đã nói tựa của giới kinh xong rồi, nay xin hỏi các Đại đức, trong chúng này có thanh tịnh không? (ba lần). Các Đại đức, trong chúng này thanh tịnh vì im lặng, tôi xin nhớ giữ như thế.

## *I. BỐN PHÁP BA LA THỊ CA:*

Các Đại đức, đây là bốn pháp Ba la thị ca, mỗi nửa tháng được nói ra từ Giới kinh.

Tổng nhiếp tụng:

*Nếu làm hạnh bất tịnh,*
*Trộm lấy cắp, giết người,*
*Vọng nói pháp Thượng nhơn,*
*Đều không cùng ở chung.*

1. Nếu Bí-sô cùng các Bí-sô thọ đắc học xứ trong giới pháp, không xả giới, giới suy kém, không nói ra, làm hạnh bất tịnh cho đến cùng với súc sanh thì Bí-sô này phạm Ba la thị ca, không được ở chung.

2. Nếu Bí-sô ở trong tụ lạc hay ở chỗ vắng vẻ, không cho mà lấy gọi là trộm cắp. Không cho mà lấy như vậy nếu vua hay bậc đồng vua bắt hay giết hay trói hay đuổi đi và mắng rằng: "thầy là người ngu si, là kẻ giặc". Không cho mà lấy như thế thì Bí-sô này phạm Ba la thị ca, không được ở chung.

3. Nếu Bí-sô đối với người hay thai nhi mà tự

tay giết chết, hoặc cầm dao đưa cho người hoặc bảo người khác đưa, hoặc chỉ bảo chết, khen ngợi cái chết, nói rằng: "chao ôi, sống như thế làm chi, thà chết còn hơn". Tùy theo tâm người đó muốn chết mà dùng đủ cách chỉ bảo chết hay khen ngợi cái chết khiến cho người đó do nhân duyên này mà chết thì Bí-sô này phạm Ba la thị ca, không được ở chung.

4. Nếu Bí-sô hoàn toàn không có gì, không biết, không thấy Pháp hơn người là tri kiến của bậc Thánh giả tịch tĩnh chứng ngộ mà nói rằng: "tôi biết như vậy, tôi thấy như vậy". Thời gian sau có ai hỏi hay không có ai hỏi, Bí-sô này muốn xuất tội để cầu thanh tịnh nên nói rằng: "tôi thật không biết mà nói là biết, thật không thấy mà nói là thấy, đó là hư dối vọng ngữ" thì Bí-sô này phạm Ba la thị ca, không được ở chung.

Các Đại đức, tôi đã nói bốn pháp Ba la thị ca, nếu Bí-sô phạm mỗi một pháp nào thì không được ở chung, không được cùng làm việc. Như trước (trước khi xuất gia thọ giới), sau (sau khi phạm Ba la thị ca) cũng như vậy, Bí-sô phạm Ba la thị ca thì không được ở chung và cùng làm việc. Nay xin hỏi các Đại đức, trong đây có thanh tịnh không? (3 lần). Các Đại đức, trong đây thanh tịnh vì im lặng. Việc này xin nhớ giữ như vậy. Các Đại đức, đây là mười ba pháp Tăng già bà thi sa mỗi nửa tháng thường tụng, rút ra từ trong Giới kinh.

## *II. MƯỜI BA PHÁP TĂNG GIÀ BÀ THI SA:*

Nhiếp tụng: Tiết, xúc, bỉ, cúng, môi,

(tiết tinh, xúc chạm, nói thô bỉ, cúng dường, mai mối)

Tiểu phòng, đại tự, báng,

(xây phòng nhỏ, chùa lớn, vu báng)

Phiến tợ, phá tăng sự,

(chút tương tợ, việc phá tăng)

Tùy tùng, ô, mạn ngữ.

(tùy tùng, ô gia và nói khinh mạn).

1. Nếu Bí-sô cố ý làm xuất tinh thì phạm Tăng già bà thi sa, trừ trong mộng.

2. Nếu Bí-sô với tâm nhiễm ô xúc chạm người nữ hoặc nắm tay, nắm cánh tay hoặc nắm tóc hoặc nắm mỗi một thân phần nào với tâm thọ lạc thì Bí-sô này phạm Tăng già bà thi sa.

3. Nếu Bí-sô với tâm nhiễm ô nói lời dâm dục thô tục với người nữ như vợ chồng nói với nhau thì Bí-sô này phạm Tăng già bà thi sa.

4. Nếu Bí-sô với tâm nhiễm ô nên tự khen ngợi mình trước người nữ mong họ cúng dường thân, nói rằng: "chúng tôi là Bí-sô trì giới, đoạn trừ dâm dục, tu hành thiện pháp. Nếu cô đem pháp dâm dục cúng dường thì sự cúng dường này là bậc nhất" thì Bí-sô này phạm Tăng già bà thi sa.

5. Nếu Bí-sô làm mai mối, đem ý người nam nói với người nữ, đem ý người nữ nói với người nam hoặc làm cho họ thành vợ chồng hay thành việc tư thông, dù chỉ trong chốc lát thì Bí-sô này phạm Tăng già bà thi sa.

6. Nếu Bí-sô không có thí chủ, vì mình nên tự xin làm phòng thì nên làm đúng lượng. Lượng làm phòng là dài mười hai gang tay của Phật, bên trong rộng bảy gang tay. Bí-sô này nên yêu cầu các Bí-sô chỉ chỗ làm phòng không có nạn và không có tranh chấp và dễ tiến tu. Nếu Bí-sô không có thí chủ, vì mình nên tự xin làm phòng mà làm ở chỗ có nạn và có tranh chấp và không tiến tu được, cũng không yêu cầu các Bí-sô chỉ chỗ để làm, lại làm quá lượng thì Bí-sô này phạm Tăng già bà thi sa.

7. Nếu Bí-sô có thí chủ, muốn làm phòng lớn, Bí-sô này nên yêu cầu các Bí-sô chỉ chỗ làm phòng không có nạn và không tranh chấp và dễ tiến tu, các Bí-sô nên chỉ chỗ làm phòng không có nạn và không có tranh chấp và dễ tiến tu. Nếu Bí-sô có thí chủ, vì mình nên làm phòng lớn mà làm ở chỗ có nạn và có tranh chấp và khó tiến tu, cũng không yêu cầu các Bí-sô chỉ chỗ để làm thì Bí-sô này phạm Tăng già bà thi sa.

8. Nếu Bí-sô vì sân giận không vui đem tội Ba la thị ca không căn cứ vu báng Bí-sô thanh tịnh không phạm tội, muốn phá hạnh thanh tịnh của Bí-

sô kia. Thời gian sau, có người hỏi hay không có người hỏi, Bí-sô này biết là việc không căn cứ, chỉ do sân giận mà vu báng, nên nói với các Bí-sô rằng: "tôi vì sân giận nên nói như thế", thì Bí-sô này phạm Tăng già bà thi sa.

9. Nếu Bí-sô vì sân giận không vui, trong phần việc khác lấy một chút tội hay tội tương tợ Ba la thị ca, để vu báng Bí-sô thanh tịnh không phạm tội, muốn phá hạnh thanh tịnh của Bí-sô kia. Thời gian sau, có người hỏi hay không có người hỏi, Bí-sô này biết là trong phần việc khác lấy chút tội hay tội tương tợ Ba la thị ca, chỉ do sân giận mà vu báng, nên nói với các Bí-sô rằng: "tôi vì sân giận nên nói như thế", thì Bí-sô này phạm Tăng già bà thi sa.

10. Nếu Bí-sô muốn phá hòa hợp Tăng, tìm cầu phương tiện thọ trì việc phá Tăng thì các Bí-sô nên can ngăn Bí-sô này rằng: "thầy chớ phá hòa hợp Tăng, chớ tìm cầu phương tiện thọ trì việc phá Tăng, phải cùng Tăng hòa hợp, hòa hợp thì an lạc không tranh, nhất tâm cùng học như nước hòa với sữa, được an lạc trụ. Thầy nên bỏ việc phá Tăng này". Khi các Bí-sô can ngăn như thế mà không chịu bỏ việc này thì nên can ngăn hai, ba lần cho bỏ việc này, chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì Bí-sô này phạm Tăng già bà thi sa.

11. Nếu có Bí-sô muốn phá hòa hợp Tăng, có Bí-sô khác đồng ý trợ giúp, một hay nhiều người nói với các Bí-sô rằng: "các thầy chớ can ngăn Bí-

sô này trong việc này, vì sao, vì Bí-sô này nói đúng pháp, đúng luật không phải là nói phi pháp phi luật, Bí-sô này nói điều gì chúng tôi đều vui thích. Đó là biết mới nói không phải không biết mà nói, Bí-sô này nói điều gì chúng tôi đều chấp nhận". Lúc đó các Bí-sô nên can ngăn các Bí-sô trợ giúp việc phá tăng rằng: "thầy chớ nói rằng Bí-sô này nói đúng pháp đúng luật, Bí-sô này nói điều gì chúng tôi đều vui thích. Đó là biết mới nói không phải không biết mà nói, Bí-sô này nói điều gì chúng tôi đều chấp nhận. Các thầy chớ trợ giúp việc phá Tăng, phải vui giúp Tăng hòa hợp; Tăng hòa hợp thì hoan hỉ không tranh, nhất tâm cùng học như nước hòa với sữa, được an lạc trụ". Khi các Bí-sô can ngăn như thế mà vẫn chấp chặt không chịu bỏ thì các Bí-sô nên can ngăn ba lần cho bỏ việc này, nếu chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì phạm Tăng già bà thi sa.

12. Nếu Bí-sô nương ở nơi tụ lạc mà làm hạnh xấu, làm nhơ nhà người, ai cũng thấy nghe hay biết thì các Bí-sô nên quở: "thầy đã làm hạnh xấu, làm nhơ nhà người, ai cũng thấy nghe hay biết, các thầy hãy đi đi, không nên ở đây nữa". Bí-sô này nói với các Bí-sô: "các thầy tùy dục hành sân sợ si, vì sao, vì có Bí-sô đồng tội như vậy, mà có người bị đuổi có người không bị đuổi". Các Bí-sô nên nói với Bí-sô này: "thầy chớ nói các Bí-sô tùy dục hành sân sợ si, vì sao, vì các Bí-sô không có tùy dục hành

sân sợ si. Các thầy làm hạnh xấu, làm nhơ nhà người, ai cũng thấy nghe hay biết, các thầy hãy bỏ câu nói tùy dục hành sân sợ si này đi. Các thầy hãy đi đi, không nên ở đây nữa". Khi nói như thế nếu không chịu bỏ lời nói này thì nên khuyên can đến ba lần cho bỏ nói lời nói này, nếu chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì phạm Tăng già bà thi sa.

13. Nếu Bí-sô tánh ác khó cùng nói chuyện khi các Bí-sô như pháp như thiện, nói tội mà vị này đã phạm trong giới thì Bí-sô này không chấp nhận còn nói với các Bí-sô rằng: "các thầy chớ nói tôi tốt hay xấu, tôi cũng không nói các thầy tốt hay xấu". Các Bí-sô nên khuyên rằng: "các Bí-sô như pháp như thiện nói tội mà thầy đã phạm trong giới, thầy đừng nên không chấp nhận, thầy nên chấp nhận. Các Bí-sô như pháp như luật khuyên can thầy, thầy cũng sẽ như pháp như luật khuyên can các Bí-sô, vì sao, vì làm như thế chúng đệ tử của Như lai mới được tăng trưởng lợi ích, vì cùng khuyên can nhắc nhở và xuất tội cho nhau. Thầy hãy bỏ nghiệp không chấp nhận này đi". Khi các Bí-sô khuyên can như thế mà không chịu bỏ, thì nên khuyên can đến ba lần cho bỏ việc này, nếu chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì phạm Tăng già bà thi sa.

Các Đại đức, tôi đã nói mười ba pháp Tăng già bà thi sa, chín giới trước vừa làm liền phạm, bốn giới sau cho đến can ba lần mới kết thành tội. Nếu Bí-sô biết mình phạm tội mà vẫn cố ý che giấu, tùy

che giấu bao lâu thì buộc họ phải hành Ba lợi bà sa bấy nhiêu. Hành Ba lợi bà sa xong, Tỳ kheo này nên ở trong Tăng hành sáu đêm Ma-na-đỏa; hành Ma-na-đỏa xong mới cho pháp A phù ha na. Như pháp sám xong, các Bí-sô hoan hỉ, nên ở trong hai mươi vị Bí-sô cho xuất tội, nếu thiếu một vị không đủ hai mươi mà cho xuất tội thì tội của Bí-sô kia không được xuất, mà các Bí-sô cũng bị quở trách. Đúng pháp nên làm như thế. Nay xin hỏi các Đại đức, trong đây có thanh tịnh không? (3 lần). Các Đại đức, trong đây thanh tịnh vì im lặng. Việc này xin nhớ giữ như vậy.

## *III. HAI PHÁP BẤT ĐỊNH:*

Các Đại đức, đây là 2 pháp Bất định mỗi nửa tháng thường tụng, rút ra từ Giới kinh:

Nhiếp tụng:

*Nếu ở chỗ che khuất*
*Chỗ có thể hành dâm*
*Và chỗ không che khuất*
*Không có người thứ ba.*

1. Nếu Bí-sô một mình cùng người nữ ngồi ở chỗ khuất, ở bên trong có thể hành dâm; nếu Ô-ba-tư-ca đáng tin nói Bí-sô này ở trong ba pháp hoặc là Ba la thị ca hoặc là Tăng già bà thi sa hoặc là Ba-dật- đề, tùy nói một việc nào; nếu Bí-sô này tự nói là tôi có ngồi ở chỗ như thế, thì trong ba pháp tùy Bí-sô nói là pháp gì, Tăng nên trị phạt tội đó

hoặc là Ba la thị ca hoặc là Tăng già bà thi sa hoặc là Ba-dật-đề; hoặc tùy Ô-ba-tư-ca đáng tin nói là việc gì thì Tăng nên trị phạt tội đó. Đây là pháp bất định thứ nhất.

2. Nếu Bí-sô một mình cùng người nữ ngồi chỗ trống vắng là chỗ không thể hành dâm. Nếu có Ô-ba-tư-ca đáng tin nói Bí-sô ở trong hai pháp hoặc Tăng già bà thi sa hoặc Ba-dật-đề, tùy nói một việc nào; nếu Bí-sô này tự nói là tôi có ngồi chỗ đó thì theo lời nói đó mà trị hoặc Tăng già bà thi sa hoặc Ba-dật-đề; hoặc theo lời của Ô-ba-tư-ca đáng tin nói mà trị. Đây là pháp Bất định thứ hai.

Các Đại đức, tôi đã nói hai pháp Bất định, nay xin hỏi các Đại đức, trong đây có thanh tịnh không? (3 lần). Các Đại đức, trong đây thanh tịnh vì im lặng. Việc này xin nhớ giữ như vậy. Các Đại đức, đây là ba mươi pháp Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề mỗi nửa tháng thường tụng rút ra từ Giới kinh.

## *IV. BA MƯƠI PHÁP NI TÁT KỲ BA DẬT ĐỀ:*

Nhiếp tụng:

*Giữ, lìa, chứa, giặt y,*
*Lấy y, xin, thọ quá,*
*Đồng giá và khác chủ,*
*Sai sứ đưa giá y.*

1. Nếu Bí-sô đã may y xong, thời y Yết-sỉ-na đã hết, được cất chứa y dư cho đến mười ngày, nếu

chứa quá mười ngày mà không làm pháp phân biệt thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

2. Nếu Bí-sô đã may y xong, thời y Yết-sỉ-na đã hết, nếu trong ba y, lìa một y nào ra ngoài giới ngủ dù chỉ một đêm thì phạm Ni-tát-kỳ- ba-dật-đề, trừ Tăng yết ma cho.

3. Nếu Bí-sô đã may y xong, thời y Yết-sỉ-na đã hết, nếu được vải phi thời, Bí-sô cần y thì được tự tay thọ, thọ rồi nên mau may thành y. Nếu đủ vải thì tốt, nếu không đủ mà biết còn có thể được thêm cho đủ thì Bí-sô này được cất chứa trong vòng một tháng để được thêm cho đủ. Nếu cất chứa quá một tháng thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

4. Nếu Bí-sô xin y từ Bí-sô ni không phải bà con thì phạm Ni-tát- kỳ-ba-dật-đề, trừ trao đổi.

5. Nếu Bí-sô nhờ Bí-sô ni không phải bà con giặt y cũ hoặc nhuộm hoặc đập thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

6. Nếu Bí-sô đến cư sĩ hay vợ cư sĩ không phải bà con xin y, được y thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề, trừ nhân duyên. Nhân duyên là y bị cướp, bị mất, bị cháy, bị trôi.

7. Nếu Bí-sô, y bị cướp hoặc bị mất, bị cháy, bị trôi nên đến cư sĩ, vợ cư sĩ không phải là ba con xin y; nếu cư sĩ, vợ cư sĩ không phải bà con cúng cho nhiều vải, Bí-sô được thọ cho đến hai y thượng hạ. Nếu thọ quá thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

8. Nếu vì Bí-sô nên cư sĩ, vợ cư sĩ không phải bà con lo liệu số tiền mua y, nghĩ rằng: "ta đem số tiền này mua y như thế như thế... cúng cho Bí-sô _____ ". Bí-sô này vốn không được thỉnh tùy ý trước, liền khởi tưởng đồng ý đi đến chỗ cư sĩ nói rằng: "cư sĩ đã lo liệu số tiền mua y như thế cho tôi thì nên mua loại vải như thế như thế...". Vì muốn tốt, nếu được y thì Bí-sô này phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

9. Nếu Bí-sô có hai cư sĩ và vợ cư sĩ không phải bà con, vì Bí-sô nên mỗi người để dành tiền mua y, nghĩ rằng: "ta để dành tiền này, mỗi người sẽ mua y như thế như thế cúng cho Bí-sô ", Bí-sô này vốn không được thỉnh tùy ý trước, khởi tưởng đồng ý nên đến chỗ các cư sĩ nói rằng: "các vị mỗi người để dành tiền mua y, nên hùn chung lại mua một y như thế như thế cúng cho tôi". Vì muốn tốt, nếu được y thì Bí-sô này phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

10. Nếu vì Bí-sô nên vua hoặc đại thần, Bà-la-môn, cư sĩ sai sứ đưa giá tiền y đến, vị sứ này đến nói với Bí-sô: "Đại đức, vua hoặc đại thần, Bà-la-môn, cư sĩ _____ đưa giá tiền y này cho thầy, xin hãy nhận lấy". Bí-sô nên nói: "pháp của Bí-sô chúng tôi là không được thọ tiền, khi nào cần y, được vải thanh tịnh tôi sẽ nhận để may thành y thọ trì", vị sứ này nói với Bí-sô: "Đại đức có người chấp sự có thể lo liệu mọi việc cho Bí-sô không?", Bí-sô nên chỉ người chấp sự là người làm việc

trong chùa hay là Ô-ba-sách-ca cho vị sứ biết. Vị sứ đến nói với người chấp sự: "lành thay, ông hãy cất giữ số tiền này rồi mua vải như thế như thế cho Bí-sô _____ , khi nào Bí-sô này cần y thì đưa cho vị ấy may thành y thọ trì", nói xong vị sứ trở lại nói với Bí-sô: "tôi đã đưa tiền cho người chấp sự, Đại đức khi nào cần y thì đến đó lấy". Khi Bí-sô này cần y thì nên đến chỗ người chấp sự nói là tôi cần y, như thế đến hai, ba lần; nếu đòi được y thì tốt, nếu không được thì nên đến trước người chấp sự đứng yên lặng nhắc, như thế đến bốn, năm, sáu lần; nếu đòi được y thì tốt, nếu không được y mà cố nài cho được y thì phạm Ni-tát-kỳ-ba- dật-đề. Nếu không đòi được đi nên tự đi hay sai sứ đến chỗ người trước kia đưa tiền y đến nói rằng: "số tiền y mà ông đưa cho người chấp sự trước kia, tôi không lấy được y, ông nên tự biết đòi lại tiến, chớ để cho mất". Việc này đúng pháp nên làm như thế.

Nhiếp tụng:

*Cao thế da (tơ tằm), toàn đen,*
*Phần, sáu (năm), Ni-sư-đàn,*
*Gánh lông, giặt, vàng bạc,*
*Nạp chất và mua bán.*

11. Nếu Bí-sô dùng tơ tằm mới làm phu cụ thì phạm Ni-tát-kỳ-ba- dật-đề.

12. Nếu Bí-sô dùng lông dê thuần đen làm phu cụ mới thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

13. Nếu Bí-sô muốn làm phu cụ mới nên dùng hai phần lông dê thuần đen, một phần lông dê trắng và một phần lông dê tạp xấu. Nếu Bí-sô không dùng hai phần lông dê thuần đen, một phần lông dê trắng và một phần lông dê tạp xấu để làm phu cụ mới thì phạm Ni-tát-kỳ-ba- dật-đề.

14. Nếu Bí-sô muốn làm phu cụ mới thì phu cụ cũ phải dùng đủ sáu năm, nếu phu cụ cũ dùng chưa đủ sáu năm dù đem bỏ hay không đem bỏ mà may phu cụ mới thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề, trừ Tăng yết ma cho.

15. Nếu Bí-sô muốn làm Ni-sư-đàn mới, bốn bên thành viền của Ni-sư-đàn cũ, mỗi bên nên lấy chừng một gang tay của Phật để may chồng lên Ni-sư-đàn mới làm cho hoại sắc. Nếu Bí-sô bốn bên thành viền của Ni-sư-đàn cũ, mỗi bên không lấy chừng một gang tay của Phật để may chồng lên Ni-sư-đàn mới làm cho hoại sắc, vì muốn tốt thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

16. Nếu Bí-sô khi đi đường được lông dê muốn thọ thì Bí-sô này được tự mang đi cho đến ba do tuần, nếu không có ai mang giùm mà đi quá ba do tuần thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

17. Nếu Bí-sô nhờ Bí-sô ni không phải bà con giặt nhuộm lông dê thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

18. Nếu Bí-sô tự tay cầm lấy vàng bạc hay bảo người cầm lấy hay sai người cầm lấy thì phạm Ni-

tát-kỳ-ba-dật-đề.

19. Nếu Bí-sô dùng vàng bạc để mua các vật dụng thì phạm Ni- tát-kỳ-ba-dật-đề.

20. Nếu Bí-sô dùng vàng bạc mua bán các thứ thì phạm Ni-tát- kỳ-ba-dật-đề.

Nhiếp tụng:

*Hai bát, hai thợ dệt,*
*Đoạt y và Cấp thí,*
*Lan nhã, Y tắm mưa,*
*Hồi tăng, thuốc bảy ngày.*

21. Nếu Bí-sô cất chứa bát dư được cất chứa đến mười ngày, quá mười ngày thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

22. Nếu Bí-sô, bát đã dùng chưa bị răng nứt đến năm lần mà xin bát mới, vì muốn tốt thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề. Bí-sô này phải đem bát mới này vào trong Tăng xả, Tăng sẽ lấy bát của người cuối cùng đưa lại cho Bí-sô này và nói rằng: "thầy hãy thọ bát này cho đến khi bể". Việc này đúng pháp nên làm như thế.

23. Nếu Bí-sô tự xin tơ sợi bảo thợ dệt không phải bà con dệt thành y thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

24. Nếu Bí-sô, có cư sĩ và vợ cư sĩ không phải bà con bảo thợ dệt dệt y cho Bí-sô _____ , Bí-sô này không được tùy ý thỉnh trước, vì muốn y tốt nên làm chút nhân duyên là đến chỗ thợ dệt nói

rằng: "này ông, y này là dệt cho tôi, ông nên dệt cho đẹp, rộng dài và bền chắc, tôi sẽ đưa thêm ít vật cho ông". Bí-sô này tự khuyến dụ hay bảo người khuyến dụ thợ dệt này, sau đó đưa thêm cho thợ dệt ít vật cho đến một bữa ăn hay đáng giá bằng một bữa ăn, vì muốn y tốt, được y thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

25. Nếu Bí-sô cho Bí-sô khác y rồi, sau vì sân giận không vui nên tự đoạt lại hay bảo người đoạt lại, nói rằng: "hãy trả y lại tôi tôi, tôi không cho thầy nữa", nếu lấy y rời khỏi thân của Bí-sô kia thì Bí-sô này phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

26. Nếu Bí-sô còn mười ngày nữa mới đến tự tứ mà được y cúng gấp, Bí-sô cần thì được tự tay thọ và được cất chứa cho đến Thời y, nếu cất chứa quá thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

27. Nếu Bí-sô qua ba tháng hạ, có tháng nhuần chưa hết tháng tám, nếu Bí-sô ở nơi A-lan-nhã vắng vẻ có nghi sợ các nạn nên gởi lại một trong ba y ở trong tụ lạc. Nếu có nhân duyên xuất giới thì được lìa y ngủ đêm cho đến sáu đêm, nếu quá sáu đêm thì phạm Ni-tát-kỳ-ba- dật-đề.

28. Nếu Bí-sô còn một tháng nữa là hết mùa xuân thì được xin áo tắm mưa và được cất chứa nửa tháng, nếu còn một tháng nữa là hết mùa xuân, Bí-sô xin áo tắm mưa cất chứa quá nửa tháng thì phạm Ni- tát-kỳ-ba-dật-đề.

29. Nếu Bí-sô biết người khác muốn cúng cho Tăng mà tự lấy xoay về cho mình thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

30. Nếu Bí-sô bị bịnh, Phật cho được dùng bốn loại dược hàm tiêu là tô, dầu, mật và thạch mật. Bí-sô này được cất chứa trong vòng bảy ngày để dùng, nếu cất chứa quá bảy ngày thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật- đề.

Các Đại đức, tôi đã nói ba mươi pháp Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề. Nay xin hỏi các Đại đức, trong đây có thanh tịnh không? (3 lần). Các Đại đức, trong đây thanh tịnh vì im lặng. Việc này xin nhớ giữ như vậy.

## *V. CHÍN MƯƠI PHÁP BA DẬT ĐỀ*

Các Đại đức, đây là chín mươi pháp Ba-dật-đề mỗi nửa tháng thường tụng rút ra từ Giới kinh.

Tổng nhiếp tụng:

*Vọng ngữ và chủng tử,*
*Không sai cùng thường ăn,*
*Nước trùng, bảo bạn đi,*
*Bàng sanh, đám giặc, ăn.*

Biệt tụng thứ 1:

*Vọng, hủy và ly gián,*
*Phát khởi, đồng thanh tụng,*
*Nói tội, thật đắc quả,*
*Theo bà con, khinh hủy.*

1. Nếu Bí-sô cố ý vọng ngữ, phạm Ba-dật-đề.

2. Nếu Bí-sô nói lời chê bai hủy nhục, phạm Ba-dật-đề.

3. Nếu Bí-sô nói ly gián, phạm Ba-dật-đề.

4. Nếu Bí-sô biết Tăng đã như pháp xử đoán việc xong rồi mà phát khởi trở lại thì phạm Ba-dật-đề.

5. Nếu Bí-sô nói pháp cho người nữ quá năm, sáu lời thì phạm Ba- dật-đề, trừ có người nam trí huệ ở bên cạnh.

6. Nếu Bí-sô dạy người chưa thọ Cận viên đọc kinh kệ làm cho ồn náo thì phạm Ba-dật-đề.

7. Nếu Bí-sô ở trước người chưa thọ Cận viên nói tôi được pháp hơn người, nếu là thật thấy biết nên nói là thấy biết như vậy, thì Bí-sô này phạm Ba-dật-đề.

8. Nếu Bí-sô biết Bí-sô khác có tội thô mà nói cho người chưa thọ Cận viên nghe thì Bí-sô này phạm Ba-dật-đề, trừ Tăng yết ma cho nói.

9. Nếu Bí-sô trước đã hoan hỉ cho, sau lại nói rằng: "các Bí-sô tùy thuận người quen biết nên hồi chuyển vật của Tăng đem cho" thì Bí-sô này phạm Ba-dật-đề.

10. Nếu Bí-sô khi thuyết giới nói rằng: "nói những giới vụn vặt ấy làm chi, mỗi nửa tháng từ trong Giới kinh nói những giới này làm cho Bí-sô khác tâm sanh hối, tâm hoại, tâm phiền não, áy náy, ưu sầu không vui", nói lời khinh chê giới như

vậy thì Bí-sô này phạm Ba-dật-đề.

Nhiếp tụng thứ hai:

*Chủng tử, khinh, xúc não,*
*Để giường, nệm cỏ, kéo (lôi),*
*Gượng ở, giường sút chân,*
*Tưới cỏ; 3, 2 tầng.*

11. Nếu Bí-sô chặt phá cây cỏ là chỗ ở của hữu tình hay bảo người khác chặt phá thì phạm Ba-dật-đề.

12. Nếu Bí-sô hiềm trách quở mắng Bí-sô khác thì phạm Ba-dật-đề.

13. Nếu Bí-sô không đáp theo câu hỏi, muốn xúc não người khác

thì phạm Ba-dật-đề.

14. Nếu Bí-sô đem ngọa cụ, đồ ngồi nằm của Tăng để nơi chỗ đất trống, tự trải hay bảo người trải để ngồi nằm; khi đi không tự dẹp cất, cũng không bảo người khác dẹp cất thì Bí-sô này phạm Ba-dật-đề.

15 - Nếu Bí-sô lấy ngọa cụ trong phòng Tăng, tự trải hay bảo người trải để ngồi nằm; khi đi không tự dẹp cất, cũng không bảo người khác dẹp cất thì Bí-sô này phạm Ba-dật-đề.

16. Nếu Bí-sô ở trong phòng Bí-sô vì sân giận không vui, tự lôi kéo Bí-sô khác ra hay bảo người khác lôi kéo ra, nói rằng: "hãy đi đi, thầy không nên ở trong phòng này nữa", vì nhân duyên này

không phải vì duyên gì khác thì Bí-sô này phạm Ba-dật-đề.

17. Nếu Bí-sô ở trong phòng Bí-sô, biết các Bí-sô đã trải ngọa cụ ở trước rồi, mình đến sau gượng ở trong đó tự trải ngọa cụ hay bảo người trải, nghĩ rằng: "nếu không thích thì tự đi khỏi đây", vì nhân duyên này không phải vì duyên gì khác thì Bí-sô này phạm Ba-dật-đề.

18. Nếu Bí-sô ở trên tầng gác của Bí-sô mà dùng sức để ngồi nằm trên giường ngồi hay giường nằm sút chân thì Bí-sô này phạm Ba-dật- đề.

19. Nếu Bí-sô biết nước có trùng mà tự tay dùng tưới lên cỏ hay lên đất hoặc bảo người tưới thì Bí-sô này phạm Ba-dật-đề.

20. Nếu Bí-sô muốn làm phòng xá lớn có cửa cái, cửa sổ, từ đất bằng theo thứ lớp xây lên hai hay ba tầng cho kiên cố, nếu quá ba tầng thì phạm Ba-dật-đề.

Nhiếp tụng thứ 3:

*Không sai, đến chiều tối,*
*Vì ăn, hai loại y,*
*Cùng đường và chung thuyền,*
*Chỗ khuất, giáo hóa ăn.*

21. Nếu Bí-sô, Tăng không sai đi giáo giới Bí-sô ni mà đi thì phạm Ba-dật-đề, trừ vị chứng đắc thắng pháp.

22. Nếu Bí-sô tuy được Tăng sai đi giáo giới

Bí-sô ni mà giáo giới cho đến khi mặt trời lặn thì Bí-sô này phạm Ba-dật-đề.

23. Nếu Bí-sô nói rằng: "vì lợi cúng dường nên các Bí-sô đi giáo giới Bí-sô ni" thì phạm Ba-dật-đề.

24. Nếu Bí-sô ước hẹn đi chung đường với Bí-sô ni cho đến một tụ lạc thì phạm Ba-dật-đề, trừ nhân duyên. Nhân duyên là có nhiều người làm bạn cùng đi hay nghi có sợ hãi.

25. Nếu Bí-sô ước hẹn đi chung thuyền với Bí-sô ni, ngược dòng hay xuôi dòng thì phạm Ba-dật-đề, trừ đi đò ngang qua sông.

26. Nếu Bí-sô đem y cho Bí-sô ni không phải bà con thì phạm Ba-dật-đề.

27. Nếu Bí-sô may y cho Bí-sô ni không phải bà con thì phạm Ba-dật-đề.

28. Nếu Bí-sô một mình ngồi ở chỗ khuất với Bí-sô ni thì phạm Ba-dật-đề.

29. Nếu Bí-sô một mình ngồi ở chỗ đất trống với người nữ thì phạm Ba-dật-đề.

30. Nếu Bí-sô biết do Bí-sô ni khen ngợi mà được thức ăn, nếu ăn thì phạm Ba-dật-đề, trừ nhân duyên là bạch y thỉnh trước.

Nhiếp tụng thứ tư:

Thường ăn, chỗ ngủ một đêm, Thọ ba bát không cho người khác, Ăn đủ, riêng chúng, phi thời,

Xúc chạm, không thọ, diệu thực.

(xúc chạm thức ăn, không thọ mà ăn, đòi thức ăn ngon)

31. Nếu Bí-sô thường thường ăn thì phạm Ba-dật-đề, trừ nhân duyên. Nhân duyên là khi bịnh, khi cúng dường.

32. Nếu Bí-sô tại nhà thí chủ theo ngoại đạo nghỉ đêm, họ cúng một bữa ăn, Bí-sô không bịnh nên ăn một bữa, nếu ăn quá một bữa thì phạm Ba-dật-đề.

33. Nếu Bí-sô đến nhà cư sĩ được tùy ý cúng cho nhiều bánh bún..., Bí-sô cần thì được thọ hai, ba bát, nếu thọ quá thì phạm Ba-dật-đề. Thọ hai, ba bát rồi mang về nên chia cho các Bí-sô khác ăn, việc này đúng pháp nên làm như vậy.

34. Nếu Bí-sô ăn xong, không thọ pháp thức ăn dư mà ăn nữa thì phạm Ba-dật-đề.

35. Nếu Bí-sô biết Bí-sô khác đã ăn xong, không thọ pháp thức ăn dư mà đưa cho nhiều thức ăn, gắng gượng khuyên Bí-sô kia ăn nữa, nói rằng: "thầy hãy ăn thức ăn này", vì muốn xúc não Bí-sô kia, nghĩ rằng: "khiến cho Bí-sô này phiền não cho đến trong chốc lát", vì nhân duyên này không phải vì duyên gì khác thì Bí-sô này phạm Ba-dật-đề.

36. Nếu Bí-sô ăn riêng chúng thì phạm Ba-dật-đề, trừ nhân duyên. Nhân duyên là khi bịnh, khi may y, khi đi đường, khi đi thuyền, khi đại hội, khi

Sa môn ngoại đạo thí thực.

37. Nếu Bí-sô ăn phi thời thì phạm Ba-dật-đề.

38. Nếu Bí-sô ăn thức ăn để cách đêm đã từng xúc chạm thì phạm Ba-dật-đề.

39. Nếu Bí-sô không thọ thức ăn uống mà để vào miệng ăn thì phạm Ba-dật-đề, trừ nước và tăm xỉa răng

40. Nếu Bí-sô trong nhà thí chủ có thức ăn ngon như sữa, lạc, sanh tô, thục tô, dầu, cá, thịt, nem; Bí-sô không bịnh, vì mình mà xin thức ăn ngon như vậy thì phạm Ba-dật-đề.

Nhiếp tụng thứ năm:

Nước có trùng, hai nhà ăn, Không y, đến xem hành quân, Hai đêm, nhiễu loạn quân binh, Đánh, dọa, che dấu tội thô.

41. Nếu Bí-sô biết nước có trùng mà lấy dùng thì phạm Ba-dật-đề.

42. Nếu Bí-sô ngồi nơi chỗ nằm trong nhà ăn (nhà có nam nữ thương yêu nhau) thì phạm Ba-dật-đề.

43. Nếu Bí-sô một mình cùng người nữ gượng ngồi nơi chỗ nằm trong nhà ăn thì phạm Ba-dật-đề.

44. Nếu Bí-sô tự tay đưa thức ăn cho ngoại đạo lõa hình nam hay nữ thì phạm Ba-dật-đề.

45. Nếu Bí-sô đến xem quân trận xuất hành thì phạm Ba-dật-đề.

46. Nếu Bí-sô có nhân duyên đến trong quân

trận, được ở lại hai đêm; nếu quá hai đêm thì phạm Ba-dật-đề.

47. Nếu Bí-sô ở trong quân trận hai đêm, đến xem quân diễn tập hoặc xem chủ tướng bày binh bố trận thì phạm Ba-dật-đề.

48. Nếu Bí-sô vì sân giận không vui, dùng tay đánh Bí-sô khác thì phạm Ba-dật-đề.

49. Nếu Bí-sô vì sân giận không vui, dùng tay dọa tát Bí-sô khác thì phạm Ba-dật-đề.

50. Nếu Bí-sô biết Bí-sô khác phạm tội thô mà che giấu cho đến một đêm thì phạm Ba-dật-đề.

Nhiếp tụng thứ sáu:

*Làm buồn, đốt lửa, dục,*
*Cùng ngủ, pháp không chướng,*
*Chưa bỏ, Cầu tịch, nhuộm,*
*Cầm vật báu, quá nóng.*

51. Nếu Bí-sô nói với Bí-sô khác: "thầy hãy cùng tôi đến các nhà kia, tôi sẽ bảo họ cúng thức ăn ngon", đến nơi lại không bảo cúng cho thức ăn, mà còn nói rằng: "thầy hãy đi đi, tôi cùng thầy cùng ngồi, cùng nói chuyện không vui; tôi ngồi một mình, nói chuyện một mình vui hơn", vì muốn xúc não Bí-sô kia, nghĩ rằng: "khiến cho Bí-sô này phiền não cho đến trong chốc lát", vì nhân duyên này không phải vì duyên gì khác thì Bí-sô này phạm Ba-dật-đề.

52. Nếu Bí-sô không bịnh, đốt lửa sưởi ấm nơi

đất trống, dùng cây cỏ hay phân trâu để đốt hay bảo người khác đốt thì phạm Ba-dật-đề.

53. Nếu Bí-sô khi Tăng như pháp tác pháp, gởi dục rồi sau lại hối thì phạm Ba-dật-đề.

54. Nếu Bí-sô cùng người chưa thọ Cận viên ngủ chung phòng quá hai đêm thì phạm Ba-dật-đề.

55. Nếu Bí-sô nói rằng: "tôi hiểu nghĩa của pháp Phật là hành pháp chướng đạo không thể chướng đạo", các Bí-sô nên can ngăn Bí-sô này: "thầy chớ nói là tôi hiểu nghĩa của pháp Phật là hành pháp chướng đạo không thể chướng đạo. Thầy chớ hủy báng Phật, hủy báng Phật là không tốt; Phật không nói lời này, Phật dùng đủ nhân duyên nói hành pháp chướng đạo thật là chướng đạo; thầy nên bỏ ác tà kiến này đi". Khi các Bí-sô can ngăn như thế mà không chịu bỏ việc này thì nên can ngăn hai, ba lần cho bỏ việc này, chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì Bí-sô này phạm Ba-dật-đề.

56. Nếu Bí-sô biết Bí-sô kia nói lời như thế, không như pháp sám hối cũng không chịu bỏ ác tà kiến nên bị tẫn mà lại chứa nuôi cùng làm việc, cùng nói chuyện, cùng ngủ thì Bí-sô này phạm Ba-dật-đề.

57. Nếu có Cầu tịch nói rằng: "tôi hiểu nghĩa của pháp Phật là hành pháp chướng đạo không thể chướng đạo", các Bí-sô nên can ngăn Cầu tịch này:

"chú chớ nói là tôi hiểu nghĩa của pháp Phật là hành pháp chướng đạo không thể chướng đạo. Chú chớ hủy báng Phật, hủy báng Phật là không tốt; Phật không nói lời này, Phật dùng đủ nhân duyên nói hành pháp chướng đạo thật là chướng đạo; chú nên bỏ ác tà kiến này đi". Khi các Bí-sô can ngăn như thế mà không chịu bỏ việc này thì nên can ngăn hai, ba lần cho bỏ việc này, chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì các Bí-sô nên nói rằng: "này Cầu tịch, từ nay chú không được nói Phật là thầy, cũng không được đi theo sau các Bí-sô, không được cùng ngủ chung phòng với các Bí-sô cho đến hai đêm. Chú hãy đi khỏi nơi đây, không được ở đây nữa". Nếu Bí-sô biết Cầu tịch bị tẫn mà lại chứa nuôi, cùng nói chuyện, cùng ngủ chung thì phạm Ba-dật-đề.

58. Nếu Bí-sô tự tay cầm lấy vật báu hay tợ vật báu, hoặc bảo người khác cầm lấy thì phạm Ba-dật-đề, trừ ở trong tăng phòng hay ở trong trú xứ. Nếu vật báu hay tợ vật báu ở trong Tăng phòng hay ở trong trú xứ, khi cầm lấy nên nghĩ rằng: "ai là chủ của chúng đến nhận, sẽ giao lại". Việc này đúng pháp nên làm như thế.

59. Nếu Bí-sô được y mới nên dùng một trong ba màu hoặc xanh, hoặc bùn đen hoặc vỏ cây Mộc lan nhuộm làm cho hoại sắc. Nếu Bí-sô không dùng một trong ba màu hoặc xanh, hoặc bùn đen hoặc vỏ cây Mộc lan nhuộm y mới làm cho hoại

sắc thì phạm Ba-dật-đề.

60. Nếu Bí-sô chưa tới nửa tháng mà tắm thì phạm Ba-dật-đề, trừ nhân duyên. Nhân duyên là vào một tháng rưỡi của cuối mùa xuân và một tháng đầu của mùa hạ, hai tháng rưỡi này khí trời rất nóng hoặc khi bịnh, khi gió, khi mưa, khi làm việc, khi đi đường.

Nhiếp tụng thứ bảy:

*Giết bàng sanh, cố xúc não,*
*Chọc lét, giỡn nước, đồng ngủ,*
*Khủng bố, giấu vật, đòi y,*
*Vô căn, cùng nữ đồng đi.*

61. Nếu Bí-sô cố ý giết hại súc sanh thì phạm Ba-dật-đề.

62. Nếu Bí-sô cố ý làm cho Bí-sô khác sanh tâm nghi, nghĩ rằng: "khiến cho Bí-sô này phiền não cho đến trong chốc lát", vì nhân duyên này không phải vì duyên gì khác thì Bí-sô này phạm Ba-dật-đề.

63. Nếu Bí-sô dùng ngón tay chọc lét Bí-sô khác thì phạm Ba- dật-đề.

64. Nếu Bí-sô đùa giỡn trong nước thì phạm Ba-dật-đề.

65. Nếu Bí-sô cùng người nữ ngủ chung trong một phòng nhà thì phạm Ba-dật-đề.

66. Nếu Bí-sô tự khủng bố Bí-sô khác hay bảo người khủng bố, cho đến đùa giỡn thì phạm Ba-

dật-đề.

67. Nếu Bí-sô đối với các vật cần dùng trong sinh hoạt của Bí-sô như y bát, ống kim, khóa cửa, giày dép... tự lấy giấu hay bảo người giấu, cho đến đùa giỡn thì phạm Ba-dật-đề.

68. Nếu Bí-sô đem y cho Bí-sô, Bí-sô ni, Chánh học nữ, Cầu tịch, Cầu tịch nữ rồi lấy lại dùng thì phạm Ba-dật-đề.

69. Nếu Bí-sô đem pháp Tăng già bà thi sa không căn cứ vu báng Bí-sô khác thì phạm Ba-dật-đề.

70. Nếu Bí-sô hẹn với người nữ đi chung đường, cho đến một tụ lạc thì phạm Ba-dật-đề.

Nhiếp tụng thứ tám:

*Cùng giặc đi, tuổi chưa đủ,*
*Đào đất, đòi hỏi, trái giáo,*
*Nghe lén, làm thinh bỏ đi,*
*Không kính, uống rượu, phi thời.*

71. Nếu Bí-sô hẹn với giặc buôn lậu đi chung đường, cho đến một tụ lạc thì phạm Ba-dật-đề.

72. Nếu Bí-sô cho người chưa đủ hai mươi tuổi thọ Cận viên thì phạm Ba-dật-đề. Người này không đắc giới mà các Bí-sô cũng bị quở trách. Việc này đúng pháp nên làm như thế.

73. Nếu Bí-sô tự tay đào đất hay bảo người khác đào, hoặc chỉ chỗ nói rằng: "hãy đào chỗ này" thì phạm Ba-dật-đề.

74. Nếu Bí-sô thọ tùy ý thỉnh trong bốn tháng, qua bốn tháng mà thọ nữa thì phạm Ba-dật-đề, trừ thường tùy ý thỉnh, nhiều lần tùy ý thỉnh hay thọ tùy ý thỉnh riêng.

75. Nếu Bí-sô khi thuyết giới nói rằng: "tôi nay chưa học giới này, tôi sẽ hỏi các Bí-sô đọc tụng kinh luật luận", thì phạm Ba-dật-đề. Bí-sô muốn được pháp lợi thì nên học Giới kinh, cũng nên hỏi các Bí-sô đọc tụng kinh luật luận, hỏi rằng: "Đại đức, lời này có ý nghĩa gì?", việc này đúng pháp nên làm như thế.

76. Nếu Bí-sô khi cùng các Bí-sô khác tranh cãi, đứng ở chỗ khuất lặng lẽ nghe lén, nghĩ rằng: "những lời các Bí-sô này nói, ta sẽ nhớ giữ" thì phạm Ba-dật-đề.

77. Nếu Bí-sô khi Tăng xử đoán việc, im lặng đứng dậy bỏ đi thì phạm Ba-dật-đề.

78. Nếu Bí-sô khinh thường Bí-sô khác thì phạm Ba-dật-đề.

79. Nếu Bí-sô uống rượu thì phạm Ba-dật-đề.

80. Nếu Bí-sô phi thời vào tụ lạc mà không bạch với thiện Bí-sô khác thì phạm Ba-dật-đề, trừ nhân duyên.

Nhiếp tụng thứ chín:

*Ăn, minh tướng nay biết,*
*Ống kim, lượng chân giường,*
*Dồn bông và tọa cụ,*

*Ghẻ, mưa, y Đại sư.*

81. Nếu Bí-sô thọ thỉnh thực rồi, trước giờ ăn hay sau giờ ăn lại đi đến nhà khác thì phạm Ba-dật-đề.

82. Nếu Bí-sô trời chưa sáng, vua dòng Sát-đế-lỵ đã làm lễ Quán đảnh chưa cất báu vật mà Bí-sô bước qua ngạch cửa cung thì phạm Ba- dật-đề, trừ nhân duyên.

83. Nếu Bí-sô khi thuyết giới nói rằng: "tôi nay mới biết pháp này mỗi nửa tháng thường tụng, rút ra từ trong Giới kinh", các Bí-sô biết Bí-sô này đã ngồi trong chỗ thuyết giới hai, ba lần huống chi là nhiều lần. Bí-sô này không phải vì không biết mà được thoát tội, tùy theo tội đã phạm nên như pháp mà trị, nên quở trách rằng: "thầy đã mất lợi, không lợi, không tốt; khi thuyết giới thầy đã không kính giới, không nhất tâm nhớ nghĩ, không lắng tai nghe pháp", do việc này nên phạm Ba-dật-đề.

84. Nếu Bí-sô làm ống kim bằng ngà, xương hay sừng thì phạm Ba-dật-đề.

85. Nếu Bí-sô muốn làm tòa ngồi hay giường nằm, chân giường nên cao bằng tám ngón tay của Như lai, trừ chỗ tra vào lỗ bệ, nếu cao quá tám ngón tay thì phạm Ba-dật-đề.

86. Nếu Bí-sô tự lấy bông Đâu la miên dồn nệm hay bảo người khác dồn thì phạm Ba-dật-đề.

87. Nếu Bí-sô muốn may áo tắm mưa, nên liệu

lượng, lượng trong đây là dài sáu gang tay của Phật, rộng hai gang rưỡi, nếu may quá lượng này thì phạm Ba-dật-đề.

88. Nếu Bí-sô muốn may áo che thân, nên liệu lượng, lượng trong đây là dài bốn gang tay của Phật, rộng hai gang rưỡi, nếu may quá lượng này thì phạm Ba-dật-đề.

89. Nếu Bí-sô muốn may Ni-sư-đàn nên liệu lượng, lượng trong đây là dài hai gang tay của Phật, rộng một gang rưỡi, nếu thân lớn thì may thêm một gang tay nữa. Nếu may quá lượng này thì phạm Ba-dật- đề.

90. Nếu Bí-sô may y bằng kích lượng y của Phật hay hơn kích lượng của Phật thì phạm Ba-dật-đề, kích lượng y của Phật là dài chín gang tay, rộng sáu gang tay.

Các Đại đức, tôi đã nói chín mươi pháp Ba-dật-đề, nay xin hỏi các Đại đức, trong đây có thanh tịnh không? (3 lần). Các Đại đức, trong đây thanh tịnh vì im lặng. Việc này xin nhớ giữ như vậy. Các Đại đức, đây là bốn pháp Ba la đề đề xá ni, mỗi nửa tháng thường tụng, rút ra từ trong Giới kinh.

## *VI. BỐN MƯƠI PHÁP BA LA ĐỀ XÁ NI:*

Nhiếp tụng:

*Thọ của ni chẳng thân thích,*
*Trong nhà xử phân thức ăn,*
*Không thỉnh mà đến Học gia,*

*Thọ thức ăn bên ngoài chùa.*

1. Nếu Bí-sô không bịnh, ở trong nhà bạch y tự tay thọ thức ăn từ Bí-sô ni không phải bà con; Bí-sô này khi trở về trú xứ nên đến bên Bí- sô khác nói tội rằng: "Đại đức, tôi phạm pháp đáng quở trách, là việc không nên làm, nay đến bên Đại đức nói tội". Đây là pháp Ba la đề đề xá ni thứ nhất.

2. Có các Bí-sô đến nhà bạch y thọ thỉnh thực, trong nhà này có một Bí-sô ni chỉ bảo bạch y đưa cơm cho Bí-sô này, đưa canh cho Bí- sô kia. Các Bí-sô nên nói với Bí-sô ni này rằng: "cô hãy thôi đi, hãy đợi các Bí-sô dùng cơm xong", nếu trong các Bí-sô không có ai nói với Bí-sô ni này như vậy thì các Bí-sô này khi trở về trú xứ nên đến bên Bí-sô khác nói tội rằng: "Đại đức, tôi phạm pháp đáng quở trách, là việc không nên làm, nay đến bên Đại đức nói tội". Đây là pháp Ba la đề đề xá ni thứ hai.

3. Có nhà của Học gia, chư Tăng đã tác pháp yết ma Học gia; nếu Bí-sô biết Tăng đã tác pháp yết ma Học gia, Bí-sô này trước không được tùy ý thỉnh mà đến trong nhà Học gia này tự tay thọ thức ăn, Bí-sô này khi trở về trú xứ nên đến bên Bí-sô khác nói tội rằng: "Đại đức, tôi phạm pháp đáng quở trách, là việc không nên làm, nay đến bên Đại đức nói tội". Đây là pháp Ba la đề đề xá ni thứ ba.

4. Có trú xứ A-lan-nhã là nơi có nghi sợ, nếu Bí-sô biết trước trú xứ A-lan-nhã này là nơi có nghi

sợ, Tăng cũng chưa tác pháp yết ma cho mà lại ở ngoài tinh xá thọ thức ăn, Bí-sô này khi trở về trú xứ nên đến bên Bí-sô khác nói tội rằng: "Đại đức, tôi phạm pháp đáng quở trách, là việc không nên làm, nay đến bên Đại đức nói tội". Đây là pháp Ba la đề đề xá ni thứ tư.

Các Đại đức, tôi đã nói bốn pháp Ba la đề đề xá ni, nay xin hỏi các Đại đức, trong đây có thanh tịnh không? (3 lần). Các Đại đức, trong đây thanh tịnh vì im lặng. Việc này xin nhớ giữ như vậy.

Các Đại đức, đây là Chúng học pháp, mỗi nửa tháng thường tụng, rút ra từ trong Giới kinh.

## *VII. CHÚNG HỌC PHÁP:*

Nhiếp tụng:

*Ăn mặc thân tề chỉnh,*
*Nhà tục giữ dung nghi,*
*Giữ bát trừ người bịnh,*
*Cỏ nước, leo quá đầu.*

1. Mặc quần tề chỉnh, cần nên học.

2. Mặc quần không quá cao, không quá thấp, không cuốn thành hình vòi voi, không cuốn thành hình đầu rắn, không xếp thành hình lá cây Đa-la, không xếp thành hình miếng đậu, cần nên học.

3. Mặc ba y tề chỉnh, cần nên học.

4. Mặc ba y không quá cao, không quá thấp, kín đáo khi vào nhà bạch y, cần nên học.

5. Không nói nhiều, không nhìn lên cao khi vào

nhà bạch y, cần nên học.

6. Không trùm đầu, không lật y một bên, không lật y sang hai bên, không chống nạnh, không vung tay khi vào nhà bạch y, cần nên học.

7. Không nhún nhảy, không nhón chân, không nhảy cò cò, không uốn éo, không hấp tấp khi vào nhà bạch y, cần nên học.

8. Trong nhà bạch y chưa được mời, không nên tự tiện ngồi, cần nên học.

9. Trong nhà bạch y chưa xem xét kỹ, không nên ngồi, cần nên học.

10. Trong nhà bạch y, không nên ngồi lộn xộn, cần nên học.

11. Trong nhà bạch y, không nên ngồi gác chân, tréo chân, ngồi bó gối, ngồi duỗi hai chân, ngồi lộ bày thân, cần nên học.

12. Cung kính thọ thức an, cần nên học.

13. Bát đã thọ đầy cơm và thức ăn thì không nên thọ thêm canh làm cho thức ăn tràn ra ngoài, cẩn thận dùng tay giữ bát khi ăn, cần nên học.

14. Thức ăn chưa dọn đưa đến, không nên đưa bát ra trước để đợi, cần nên học.

15. Không để bát trên thức ăn, cần nên học.

16. Cung kính khi ăn, cần nên học.

17. Không vắt miếng cơm quá lớn, quá nhỏ, nên vắt miếng cơm vừa để ăn, cần nên học.

18. Thức ăn chưa đưa đến miệng, không nên há

miệng trước để đợi, cần nên học.

19. Không được trong miệng ngậm thức ăn mà nói chuyện, cần nên học.

20. Không lấy cơm phủ trên canh hoặc lấy canh phủ trên cơm để mong được sớt thêm thức ăn nữa, cần nên học.

21. Không liếm thức ăn, không nhai cơm ra tiếng, không húp canh ra tiếng, không bươi lấy thức ăn ngon, không chê thức ăn, không dồn thức ăn làm phồng hai bên má, không lè lưỡi ăn, không đắp cơm thành hình tháp, cần nên học.

22. Không liếm tay, liếm bát, không vung vảy tay, không khua bát ra tiếng, nhất tâm ngó vào bát mà ăn, cần nên học.

23. Không có tâm khinh mạn ngó vào bát của người ngồi bên cạnh, cần nên học.

24. Không dùng tay dơ cầm bình nước sạch, cần nên học.

25. Trong nhà bạch y, không nên đổ nước rửa bát mà không hỏi chủ nhà, cần nên học.

26. Không được bỏ thức ăn dư vào bát đựng nước, cần nên học.

27. Trên đất không có vật kê lót thì không được để bát, cần nên học.

28. Không đứng rửa bát, cần nên học.

29. Không được để bát chỗ dễ rơi bể, dễ mất, không dùng bát múc nước chảy ngược dòng, cần

nên học.

30. Người ngồi ta đứng thì không nên vì nói pháp, cần nên học.

31. Người nằm ta ngồi thì không nên vì nói pháp, cần nên học.

32. Người ngồi tòa cao, ta ngồi tòa thấp thì không nên vì thuyết pháp, cần nên học.

33. Người đi trước, ta đi sau thì không nên vì thuyết pháp, cần nên học.

34. Người đi đường chánh, ta đi bên lề thì không nên vì thuyết pháp, cần nên học.

35. Không thuyết pháp cho người trùm đầu, người lật y qua một bên, người lật y sang hai bên, người chống nạnh, người vung vẩy tay, trừ bịnh, cần nên học.

36. Không thuyết pháp cho người cỡi vi, cỡi ngựa, ngồi kiệu, đi xe, trừ bịnh, cần nên học.

37. Không thuyết pháp cho người mang giày, mang guốc..., trừ bịnh, cần nên học.

38. Không thuyết pháp cho người đội mũ nón, người quấn đầu,... trừ bịnh, cần nên học.

39. Không được thuyết pháp cho người cầm dù, lọng, cần nên học.

40. Không được đứng đại tiểu tiện, trừ bịnh, cần nên học.

41. Không được đại tiểu tiện, khạc nhổ trong nước sạch, trừ bịnh, cần nên học.

42. Không được đại tiểu tiện, khạc nhổ trên cỏ tươi, trừ bịnh, cần nên học.

43. Không được leo lên cây cao quá đầu người, trừ nạn duyên, cần nên học.

Các Đại đức, tôi đã nói xong các Chúng học pháp, nay xin hỏi các Đại đức trong chúng này có thanh tịnh không? (ba lần). Các Đại đức, trong chúng này thanh tịnh vì im lặng, tôi xin nhớ giữ như vậy. Các Đại đức, đây là bảy pháp diệt tránh, mỗi nửa tháng được nói ra từ trong Giới kinh.

## *VIII. BẢY PHÁP DIỆT TRÁNH:*

Nhiếp tụng:

*Hiện tiền và ức niệm,*
*Bất si và cầu tội,*
*Đa nhơn ngữ, tự ngôn,*
*Cỏ phủ trừ các tránh.*

1. Đáng cho Hiện tiền Tỳ-nại-da thì nên cho Hiện tiền Tỳ-nại-da.

2. Đáng cho Ức niệm Tỳ-nại-da thì nên cho ức niệm Tỳ-nại-da.

3. Đáng cho Bất si Tỳ-nại-da thì nên cho bất si Tỳ-nại-da.

4. Đáng cho Cầu tội tự tánh Tỳ-nại-da thì nên cho Cầu tội tự tánh Tỳ-nại-da.

5. Đáng cho Đa nhơn ngữ Tỳ-nại-da thì nên cho Đa nhơn ngữ Tỳ- nại-da.

6. Đáng cho Tự ngôn Tỳ-nại-da thì nên cho Tự

ngôn Tỳ-nại-da.

7. Đáng cho cỏ phủ Tỳ-nại-da thì nên cho Cỏ phủ Tỳ-nại-da.

Nếu có việc tranh cải khởi lên nên dùng bảy pháp này thuận theo lời Phật dạy như pháp như luật dứt diệt.

Các Đại đức, tôi đã nói xong bảy pháp diệt tránh, nay xin hỏi các Đại đức, trong chúng này có thanh tịnh không? (ba lần). Các Đại đức, trong chúng này thanh tịnh vì im lặng, tôi xin nhớ giữ như vậy.

Các Đại đức, tôi đã nói xong tự Giới kinh, bốn pháp Ba la thị ca, mười ba pháp Tăng già bà thi sa, hai pháp Bất định, ba mươi pháp Ni- tát-kỳ-ba-dật-đề, chín mươi pháp Ba-dật-đề, bốn pháp Ba la đề đề xá ni, các Chúng học pháp và bảy pháp diệt tránh. Các pháp này đều được nói ra từ trong Giới kinh của Như lai Ứng chánh đẳng giác, nếu có các tùy pháp khác tương ưng với các pháp này, đều nên tu học. Các Đại đức cùng nhau hòa hợp, hoan hỉ không tranh, nhất tâm hòa hợp như nước hòa với sữa, siêng năng phát huy rực rỡ Thánh giáo của Đại sư, chớ buông lung để được an lạc trụ, nên tu học như vậy.

*"Trong cần, nhẫn là trên,*
*Hay được quả Niết-bàn,*
*Xuất gia xúc não người,*

*Không gọi là Sa môn".*

Đây là Giới kinh do đức Như lai Chánh đẳng giác Tỳ bà thi nói ra.

*"Mắt sáng tránh đường hiểm,*
*Đến được chỗ an ổn,*
*Người trí trong Sanh giới,*
*Xa lìa được các ác".*

Đây là Giới kinh do đức Như lai Đẳng chánh giác Thi khí nói ra.

*"Không báng cũng không hại,*
*Khéo hộ trì giới kinh,*
*Ăn uống biết vừa đủ,*
*Thọ dụng ngọa cụ xấu,*
*Siêng tu Định tăng thượng,*
*Là lời chư Phật dạy".*

Đây là Giới kinh do đức Như lai Đẳng chánh giác Tỳ xá phù nói ra.

*"Ví như ong hút mật,*
*Không hoại sắc và hương,*
*Chỉ hút lấy hương vị,*
*Như Bí-sô vào thôn".*

Đây là Giới kinh do đức Như lai Đẳng chánh giác Câu lưu tôn nói ra.

*"Không chống trái việc người,*
*Không xem làm, không làm,*
*Chỉ xem lại hạnh mình,*
*Là chánh hay không chánh".*

Đây là Giới kinh do đức Như lai Đẳng chánh giác Yết nặc ca nói ra.

*" Chớ đắm nơi tâm định,*
*Siêng tu chỗ vắng lặng,*
*Người nên cứu không lo,*
*Thường khiến niệm không mất.*
*Nếu người hay huệ thí,*
*Phước thêm, oán tự dứt,*
*Hành thiện trừ các ác,*
*Dứt hoặc đến Niết-bàn".*

Đây là Giới kinh do đức Như lai Đẳng chánh giác Ca-diếp-ba nói ra.

*"Tất cả ác chớ làm,*
*Tất cả thiện nên tu,*
*Điều phục khắp tự tâm,*
*Là lời chư Phật dạy.*
*Lành thay, hộ thân nghiệp,*
*Lành thay, hộ ngữ nghiệp,*
*Lành thay, hộ ý nghiệp,*
*Hộ ba nghiệp tối thiện,*
*Bí-sô hộ tất cả,*
*Giải thoát mọi khổ đau.*
*Khéo hộ nơi miệng nói,*
*Cũng khéo hộ nơi ý,*
*Thân không làm các ác,*
*Ba nghiệp thường thanh tịnh,*
*Đây là tùy thuận theo,*
*Đạo Đại tiên đã hành".*

Đây là Giới kinh do đức Như lai Đẳng chánh giác Thích ca nói ra.

*"Tỳ bà thi, Thức khí,*
*Tỳ xá, Câu lưu tôn,*
*Yết nặc ca mâu ni,*
*Ca-diếp, Thích ca tôn,*
*Đều là Trời trong trời,*
*Vô thượng điều ngự sư,*
*Bảy Phật đều hùng mãnh,*
*Hay cứu hộ thế gian,*
*Đầy đủ đại danh xưng,*
*Đều nói Giới kinh này.*
*Chư Phật và đệ tử,*
*Đều cùng tôn kính giới,*
*Do cung kính Giới kinh,*
*Chứng được quả vô thượng.*
*Người nên cầu xuất ly,*
*Siêng tu lời Phật dạy,*
*Hàng phục quân sanh tử,*
*Như voi xô nhà cỏ,*
*Ở trong pháp luật này,*
*Nên tu không phóng dật,*
*Khô được biển phiền não,*
*Dứt hết bờ mé khổ.*
*Như Giới kinh này nói,*
*Hòa hợp làm Trưởng tịnh,*
*Phải cùng tôn kính giới,*
*Như trâu mao tiếc đuôi.*

*Tôi nói Giới kinh rồi,*
*Chúng tăng trưởng tịnh xong,*
*Phước lợi các hữu tình,*
*Đều cùng thành Phật đạo".*

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 80

# CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ BÍ SÔ NI GIỚI KINH

## SỐ 1455

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

# SỐ 1455

# CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ BÍ-SÔ NI GIỚI KINH

*- Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh đời Đường.*
*TQ- Việt dịch: Ban phiên dịch chùa Pháp Bảo, HT Thích Tịnh Hạnh giám tu - 2005- Hiệu đính và nhuận văn: NS Thích nữ Như Lộc tại chùa Phổ Minh. năm 2010*

## TỰA GIỚI KINH

*Biệt giải thoát kinh khó được nghe*
*Trải qua vô lượng trăm ngàn kiếp*
*Đọc tụng thọ trì cũng như vậy*
*Bậc như thuyết hành trì khó gặp*
*Phật thị hiện ở đời là vui*
*Diễn nói pháp vi diệu là vui*
*Tăng nhất tâm đồng kiến là vui*
*Hòa hợp cùng tu tiến là vui*
*Gặp Thánh nhơn hiện hữu là vui*
*Được cùng ở chúng cũng là vui*
*Nếu không gặp những người ngu si*
*Đó mới gọi là thường thọ lạc*
*Gặp người trì giới đủ là vui*
*Nếu gặp Đa văn cũng là vui*
*Gặp A-la-hán chân thật vui*
*Vì đời sau không còn tái sanh*

*Đến thềm diệu bờ sông kia.*
*Vui dùng pháp hàng địch.*
*Chiến thắng vui khi chứng*
*Đắc sanh chánh huệ quả*
*Tận trừ được ngã mạn là vui.*
*Nếu có thể khởi ý quyết định,*
*Khéo điều căn. dục đủ đa văn*
*Từ trẻ đến già ở trong rừng*
*Lan nhã nhàn cư, tịch tĩnh vui.*

Các Đại đức ni, bốn tháng mùa Xuân (hoặc Hạ, Đông) nửa tháng hoặc một tháng...) đã qua, còn lại ba tháng rưỡi (hoặc ba tháng...), già chết tới gần, mạng sống giảm dần. Các Đại đức ni nên tinh tấn tỉnh giác chớ có buông lung, do không buông lung nên chắc chắn chứng quả Phật, huống chi các giác phẩm thiện pháp khác vì các đệ tử Thanh văn của Phật thì ít cầu ít việc.

- Người chưa thọ Cận viên đã ra ngoài chưa?

- Các Bí-sô ni không đến có gởi dục thanh tịnh không?

*Chắp hai tay cung kính*
*Kính lạy Phật Thích Ca*
*Biệt giải thoát điều phục*
*Tôi nói các vị nghe*
*Nghe rồi phải chánh hành*
*Như lời Như Lai dạy*
*Ở trong các tội nhỏ*
*Dõng mãnh siêng phòng hộ*

*Tâm như ngựa khó kìm*
*Liên tục quyết chí trừ*
*Hàm thiết Biệt giải thoát*
*Có trăm kim cực bén*
*Nếu người nào trái pháp*
*Nghe dạy phải dừng ngay*
*Đại sĩ như ngựa giỏi*
*Xông ra trận phiền não*
*Người thiếu hàm thiếc này*
*Chưa từng có hỉ lạc*
*Chết trong trận phiền não*
*Mê chuyển trong sanh tử.*

Đại đức Ni tăng lắng nghe, hôm nay ngày thứ 14 không trăng (hoặc ngày thứ mười lăm có trăng), Ni tăng làm Bao-sái-đà. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Ni tăng nay làm Bao- sái-đà, nói giới kinh Ba-la-đề-mộc-xoa. Bạch như vậy.

Các Đại đức ni, tôi sắp nói giới kinh Ba-la-đề-mộc-xoa, các vị hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ, nếu nhớ có phạm nên phát lồ, không phạm thì im lặng, do im lặng nên biết các Đại đức ni thanh tịnh. Nếu khi nghe hỏi, các vị nên đáp như thật, ở trong chúng thù thắng này, tôi sẽ hỏi ba lần, các vị nên đáp như thật, nếu Bí-sô ni nào tự biết có phạm mà không phát lồ thì phạm tội vọng ngữ. Các Đại đức ni, Phật dạy cố ý vọng ngữ là pháp chướng đạo, nếu Bí-sô ni mong cầu thanh tịnh thì nên phát lồ,

phát lồ thì được an lạc, không phát lồ thì không an lạc.

Các Đại đức ni, tôi đã nói tựa của giới kinh xong rồi, nay xin hỏi các Đại đức ni, trong chúng này có thanh tịnh không? (ba lần). Các Đại đức ni, trong chúng này thanh tịnh vì im lặng, tôi xin nhớ giữ như thế.

## *I. TÁM PHÁP BA LA THỊ CA:*

Các Đại đức ni, đây là tám pháp Ba la thị ca mỗi nửa tháng được nói ra từ Giới kinh.

Nhiếp tụng:

*Bất tịnh và trộm cắp,*
*Giết người, xưng thượng pháp,*
*Chạm, tám việc, giấu, theo,*
*Đều không được ở chung.*

1. Nếu Bí-sô ni cùng các Bí-sô ni thọ đắc học xứ trong giới pháp, không xả giới, giới suy kém, không nói ra, làm hạnh bất tịnh cho đến cùng với súc sanh thì Bí-sô ni này phạm Ba la thị ca, không được ở chung.

2. Nếu Bí-sô ni ở trong tụ lạc hay ở chỗ vắng vẻ, không cho mà lấy gọi là trộm cắp. Không cho mà lấy như vậy nếu vua hay bậc đồng vua bắt hay giết hay trói hay đuổi đi và mắng rằng: "cô là người ngu si, là kẻ giặc". Không cho mà lấy như thế thì Bí-sô ni này phạm Ba la thị ca, không được ở chung.

3. Nếu Bí-sô ni đối với người hay thai nhi mà tự tay giết chết, hoặc cầm dao đưa cho người hoặc bảo người khác đưa, hoặc chỉ bảo chết, khen ngợi cái chết, nói rằng: "chao ôi, sống như thế làm chi, thà chết còn hơn". Tùy theo tâm người đó muốn chết mà dùng đủ cách chỉ bảo chết hay khen ngợi cái chết khiến cho người đó do nhân duyên này mà chết thì Bí-sô ni này phạm Ba la thị ca, không được ở chung.

4. Nếu Bí-sô ni hoàn toàn không có gì, không biết, không thấy Pháp hơn người là tri kiến của bậc Thánh giả tịch tĩnh chứng ngộ mà nói rằng: "tôi biết như vậy, tôi thấy như vậy". Thời gian sau có ai hỏi hay không có ai hỏi, Bí-sô ni này muốn xuất tội để cầu thanh tịnh nên nói rằng: "tôi thật không biết mà nói là biết, thật không thấy mà nói là thấy, đó là hư dối vọng ngữ" thì Bí-sô ni này phạm Ba la thị ca, không được ở chung.

5. Nếu Bí-sô ni có tâm nhiễm ô cùng người nam có tâm nhiễm ô, hai thân xúc chạm từ nách trở xuống, từ đầu gối trở lên hoặc xúc chạm mạnh để thọ lạc thì Bí-sô ni này phạm Ba la thị ca, không được ở chung.

6. Nếu Bí-sô ni có tâm nhiễm ô cùng người nam có tâm nhiễm ô làm tám việc với tâm thọ lạc như trạo cử, giỡn cợt, cười nói, chỉ chỗ ở, hẹn hò, hiện tướng, bộc lộ tình cảm như vợ chồng, buông thân ngồi nằm nơi chỗ có thể hành dâm thì Bí-sô ni này

phạm Ba la thị ca, không được ở chung.

7. Nếu Bí-sô ni đã biết trước Bí-sô ni kia phạm tội Tha thắng nhưng không nói ra. Thời gian sau, Bí-sô ni kia hoặc chết hoặc hoàn tục hay bỏ đi nơi khác; lúc đó Bí-sô ni này nói với các Bí-sô ni rằng: "các cô nên biết, tôi trước đã biết Bí-sô ni kia phạm tội Tha thắng", thì Bí-sô ni này phạm Ba la thị ca, không được ở chung.

8. Nếu Bí-sô ni biết Bí-sô kia đã bị Tăng hòa hợp tác yết ma Xả trí và các Bí-sô ni đã tác yết ma không kính lễ. Sau đó Bí-sô kia ở trong trú xứ Tăng, hiện tướng cung kính cầu cứu vớt nên đã theo Tăng cầu giải yết ma xả trí, Bí-sô ni này nói với Bí-sô kia: "thầy không cần ở trong tru xứ Tăng hiện tướng cung kính cầu cứu vớt, theo Tăng cầu giải yết ma xả trí. Tôi sẽ cung cấp cho thầy đầy đủ y bát và các vật cần dùng, thầy tùy ý thọ dụng". Các Bí-sô ni nên can ngăn Bí-sô ni này: "cô không biết Bí-sô kia đã bị Tăng hòa hợp tác yết ma Xả trí và các Bí-sô ni đã tác yết ma không kính lễ. Sau đó Bí-sô kia ở trong trú xứ Tăng, hiện tướng cung kính cầu cứu vớt nên đã theo Tăng cầu giải yết ma xả trí, vì sao cô lại tùy thuận theo, cô hãy bỏ việc tùy thuận này đi", khi được can ngăn như thế, nếu Bí-sô ni chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì các Bí-sô ni nên yết ma can ngăn ba lần cho bỏ việc này, nếu chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì Bí-sô ni này phạm Ba la thị ca, không được ở chung.

Các Đại đức ni, tôi đã nói tám pháp Ba la thị ca, nếu Bí-sô ni phạm mỗi một pháp nào thì không được ở chung, không được cùng làm việc. Như trước (trước khi xuất gia thọ giới), sau (sau khi phạm Ba la thị ca) cũng như vậy, Bí-sô ni phạm Ba la thị ca thì không được ở chung và cùng làm việc. Nay xin hỏi các Đại đức ni, trong đây có thanh tịnh không? (3 lần). Các Đại đức ni, trong đây thanh tịnh vì im lặng. Việc này xin nhớ giữ như vậy.

## *II. HAI MƯƠI PHÁP TĂNG GIÀ BÀ THI SA:*

Tổng nhiếp tụng:

*Mai mối và hai báng,*
*Hai nhiễm, bốn một mình,*
*Chồng bỏ, khế ước, giải,*
*Hai tránh, tạp, ở riêng,*
*Phá tăng, thuận theo bạn,*
*Ô gia và ác tánh,*
*Chúng giáo có hai mươi,*
*Tám pháp can ba lần.*

1. Nếu Bí-sô ni làm mai mối, đem ý của người nam nói với người nữ, đem ý của người nữ nói với người nam để thành việc vợ chồng hay tư thông với nhau dù chỉ trong chốc lát thì Bí-sô ni này phạm Tăng già bà thi sa.

2. Nếu Bí-sô ni vì sân giận, cố ý đem pháp Ba la thị ca không căn cứ vu báng cho Bí-sô thanh

tịnh, muốn phá hạnh thanh tịnh của vị ấy. Thời gian sau, có ai hỏi hay không có ai hỏi, lại biết rõ việc đó là không căn cứ vu báng nên mới nói là vì sân giận nên đã vu báng như vậy, thì Bí-sô ni này phạm Tăng già bà thi sa.

3. Nếu Bí-sô ni vì sân giận đem phần việc khác không phải Ba la thị ca vu báng cho Bí-sô thanh tịnh, muốn hoại hạnh thanh tịnh của vị ấy. Thời gian sau, có ai hỏi hay không có ai hỏi, lại biết rõ đó là phần việc khác tương tợ, nên mới nói là vì sân giận nên đã vu báng như vậy, thì Bí-sô ni này phạm Tăng già bà thi sa.

4. Nếu Bí-sô ni có tâm nhiễm ô đến người nam có tâm nhiễm ô thọ cúng dường thì Bí-sô ni này phạm Tăng già bà thi sa.

5. Nếu Bí-sô ni nói với Bí-sô ni khác: "nếu cô không có tâm nhiễm ô thì đến người nam có tâm nhiễm ô thọ cúng dường, đâu có lỗi gì?", thì Bí-sô ni này phạm Tăng già bà thi sa.

6. Nếu Bí-sô ni một mình từ chùa ni đi đến chỗ khác ngủ qua đêm thì phạm Tăng già bà thi sa.

7. Nếu Bí-sô ni ban ngày một mình từ chùa ni đi đến nhà thế tục thì phạm Tăng già bà thi sa.

8. Nếu Bí-sô ni đi đường một mình thì phạm Tăng già bà thi sa.

9. Nếu Bí-sô ni qua sông một mình thì phạm Tăng già bà thi sa.

10. Nếu Bí-sô ni biết người nữ kia đã làm việc phi pháp, mọi người đều chê trách, bị chồng bỏ và tâu lên vua, lại độ cho người nữ kia xuất gia thì Bí-sô ni này phạm Tăng già bà thi sa.

11. Nếu Bí-sô ni dựa vào khế ước cũ của người mà đến đòi nợ người chết thì Bí-sô ni này phạm Tăng già bà thi sa.

12. Nếu Bí-sô ni biết Bí-sô ni kia bị Ni chúng tác yết ma xả trí, tự ý ra ngoài giới tác pháp giải yết ma này thì Bí-sô ni này phạm Tăng già bà thi sa.

13. Nếu Bí-sô ni khi tranh cãi với Bí-sô ni khác, nói rằng: "tôi bỏ Phật, bỏ pháp, bỏ tăng; không phải chỉ có Sa môn Thích tử mới có đủ giới đức, có pháp thắng thiện; Sa môn khác cũng có đủ giới đức và pháp thắng thiện. Tôi sẽ đến chỗ ấy tu phạm hạnh", các Bí-sô ni nên can ngăn Bí-sô ni này từ bỏ ác kiến ấy, nếu chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì các Bí-sô ni nên tác yết ma can ngăn ba lần cho bỏ việc này, nếu chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì Bí-sô ni kia phạm Tăng già bà thi sa.

14. Nếu Bí-sô ni khi tranh cãi với các Bí-sô ni, khi các Bí-sô ni yết ma can ngăn thì Bí-sô ni này nói rằng: "các cô tùy ái, tùy sân, tùy sợ, tùy si; có những người tranh cãi như thế mà người bị yết ma, người không bị yết ma", các Bí-sô ni nên can ngăn Bí-sô ni này: "cô chớ nói Ni tăng tùy ái, tùy sân,

tùy sợ, tùy si..., cô nên bỏ lời nói này đi". Khi được can ngăn như vậy, nếu Bí-sô ni này chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì các Bí-sô ni nên yết ma can ngăn ba lần cho bỏ việc này, nếu chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì Bí-sô ni này phạm Tăng già bà thi sa.

15. Nếu Bí-sô ni cùng ở chung với Bí-sô ni khác tạp loạn, trạo cử...; các Bí-sô ni nên can ngăn Bí-sô ni này: "các cô chớ cùng ở chung tạp loạn, nếu cùng ở chung tạp loạn như vậy thì thiện pháp suy tổn, không được tăng ích; nếu các cô ở riêng thì thiện pháp tăng trưởng và được tăng ích". Khi được can ngan như thế, nếu Bí-sô ni này chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì các Bí-sô ni nên yết ma can ngăn ba lần cho bỏ việc này, nếu chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì Bí-sô ni này phạm Tăng già bà thi sa.

16. Nếu Bí-sô ni biết Bí-sô ni khác theo lời Ni tăng can ở riêng, liền nói với Bí-sô ni kia rằng: "các cô chớ ở riêng, nếu ở riêng thiện pháp sẽ suy tổn, không được tăng ích; nên ở chung thì thiện pháp sẽ tăng trưởng", các Bí-sô ni nên can ngăn Bí-sô ni này: "cô chớ khuyên ni kia ở chung, cô nên từ bỏ ác kiến này đi". Khi được can ngăn như vậy, nếu Bí-sô ni này chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì các Bí-sô ni nên yết ma can ngăn ba lần cho bỏ việc này, nếu chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì Bí-sô ni này phạm Tăng già bà thi sa.

17. Nếu Bí-sô ni làm phương tiện phá hòa hợp Tăng, đối với việc phá Tăng cương quyết không bỏ thì các Bí-sô ni nên can ngăn Bí-sô ni này: "cô chớ phá hòa hợp Tăng cương quyết không bỏ, cô nên cùng Tăng hòa hợp, hoan hỉ không tranh, nhất tâm hòa hợp như nước hòa với sữa để làm cho giáo pháp của Đại sư được tồn tại lâu dài. Cô hãy bỏ việc phá Tăng này đi". Khi được can ngăn như vậy, nếu Bí-sô ni này chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì các Bí-sô ni nên yết ma can ngăn ba lần cho bỏ việc này, nếu chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì Bí-sô ni này phạm Tăng già bà thi sa.

18. Nếu Bí-sô ni cùng một, hai hay nhiều người kết bè đảng trợ giúp việc phá Tăng và nói với các Bí-sô ni: "các cô chớ nói Bí-sô ni kia tốt hay xấu, vì Bí-sô ni kia là người như pháp như luật, nói lời không hư vọng. Vị ấy nói ra lời gì, chúng tôi đều ưa thích", các Bí-sô ni nên can ngăn Bí-sô ni này: "cô chớ nói ra lời này, chớ ưa thích trợ giúp phá Tăng, cô nên cùng Tăng hòa hợp, hoan hỉ không tranh, nhất tâm hòa hợp như nước hòa với sữa để làm cho giáo pháp của Đại sư được tồn tại lâu dài. Cô hãy bỏ việc tùy thuận này đi". Khi được can ngăn như vậy, nếu Bí-sô ni này chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì các Bí-sô ni nên tác yết ma can ngăn ba lần cho bỏ việc này, nếu chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì Bí-sô ni này phạm Tăng già bà thi sa.

19. Nếu nhiều Bí-sô ni ở trong tụ lạc thành ấp làm hạnh xấu, nhơ nhà người; làm hạnh xấu, nhơ nhà người ai cũng thấy nghe hay biết. Các Bí-sô ni nên can ngăn các Bí-sô ni này: "các cô đã làm hạnh xấu, nhơ nhà người; làm hạnh xấu, nhơ nhà người ai cũng thấy nghe hay biết. Các cô hãy đi nơi khác, chớ nên ở nơi đây nữa", các Bí-sô ni này nói: "các cô tùy ái, tùy sân, tùy sợ, tùy si; có nhiều người đồng phạm như vậy mà có người bị đuổi, người không bị đuổi", các Bí-sô ni nên can ngăn rằng: "các cô chớ nói Ni tăng tùy ái, tùy sân, tùy sợ, tùy si..., Ni tăng không có tùy ái, tùy sân, tùy sợ, tùy si, các cô đã làm hạnh xấu, nhơ nhà người ai cũng thấy nghe hay biết. Các cô hãy từ bỏ lời nói này đi". Khi được can ngăn như vậy, nếu các Bí-sô ni này chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì các Bí-sô ni nên yết ma can ngăn ba lần cho bỏ việc này, nếu chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì các Bí-sô ni này phạm Tăng già bà thi sa.

20. Nếu Bí-sô ni có tánh xấu ác, khi các Bí-sô ni như pháp như luật khuyên can, Bí-sô ni này không chịu nghe lời khuyên can mà còn nói rằng: "các cô chớ nói tốt hay xấu, tôi cũng không nói các cô tốt hay xấu, các cô đừng khuyên tôi, cũng đừng nói chuyện với tôi", các Bí-sô ni nên nói: "cô không nên không nghe khuyên can, các Bí-sô ni như pháp như luật khuyên can cô, cô cũng như pháp như luật khuyên can các Bí-sô ni, chúng

Thanh văn của Như lai nếu khuyên can lẫn nhau sẽ được tăng ích, cô nên từ bỏ tánh xấu này đi". Khi được can ngăn như vậy, nếu Bí-sô ni này chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì các Bí-sô ni nên tác yết ma ba lần can ngăn cho bỏ việc này, nếu chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì Bí-sô ni này phạm Tăng già bà thi sa.

Các Đại đức ni, tôi đã nói xong hai mươi pháp Tăng già bà thi sa, mười hai pháp đầu vừa làm liền phạm, tám pháp sau ba lần can không bỏ mới phạm. Bí-sô ni phạm một trong hai mươi pháp này mà cố ý che giấu thì hai bộ Tăng sẽ cho hành Ma-na-đỏa trong nửa tháng, hành Ma-na-đỏa xong mới cho xuất tội, phải ở trong hai bộ tăng, mỗi bộ đủ hai mươi vị cho xuất tội thì tội mới trừ diệt, nếu thiếu một vị thì tội không thể dứt trừ mà hai bộ Tăng cũng mắc tội. Nay xin hỏi các Đại đức ni, trong chúng này có thanh tịnh không? (ba lần), Các Đại đức ni, trong chúng này thanh tịnh vì im lặng, tôi xin nhớ giữ như vậy. Các Đại đức ni, đây là ba mươi ba pháp Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề, mỗi nửa tháng được nói ra từ Giới kinh.

## *III. BA MƯƠI BA PHÁP NI TÁT KỲ BA DẬT ĐỀ:*

Nhiếp tụng 1:

*Trì, lìa, chứa, giặt y,*
*Nhận y, xin, thọ quá,*

*Đồng giá và chủ riêng,*
*Sai sứ đưa tiền y.*

1. Nếu Bí-sô ni đã may y xong, thời y Yết-sỉ-na đã hết, được cất chứa y dư cho đến mười ngày, nếu chứa quá mười ngày mà không làm pháp phân biệt thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

2. Nếu Bí-sô ni đã may y xong, thời y Yết-sỉ-na đã hết, nếu trong ba y, lìa một y nào ra ngoài giới ngủ dù chỉ một đêm thì phạm Ni-tát- kỳ-ba-dật-đề, trừ Tăng yết ma cho.

3. Nếu Bí-sô ni đã may y xong, thời y Yết-sỉ-na đã hết, nếu được vải phi thời, Bí-sô ni cần y thì được tự tay thọ, thọ rồi nên mau may thành y. Nếu đủ vải thì tốt, nếu không đủ mà biết còn có thể được thêm cho đủ thì Bí-sô ni này được cất chứa trong vòng một tháng để được thêm cho đủ. Nếu cất chứa quá một tháng thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

4. Nếu Bí-sô ni xin y từ Bí-sô không phải bà con thì phạm Ni-tát- kỳ-ba-dật-đề, trừ trao đổi.

5. Nếu Bí-sô ni nhờ Bí-sô không phải bà con giặt y cũ hoặc nhuộm hoặc đập thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

6. Nếu Bí-sô ni đến cư sĩ hay vợ cư sĩ không phải bà con xin y, được y thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề, trừ nhân duyên. Nhân duyên là y bị cướp, bị mất, bị cháy, bị trôi.

7. Nếu Bí-sô ni, y bị cướp hoặc bị mất, bị cháy,

bị trôi nên đến cư sĩ, vợ cư sĩ không phải là ba con xin y; nếu cư sĩ, vợ cư sĩ không phải bà con cúng cho nhiều vải, Bí-sô ni được thọ cho đến hai y thượng hạ. Nếu thọ quá thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

8. Nếu vì Bí-sô ni nên cư sĩ, vợ cư sĩ không phải bà con lo liệu số tiền mua y, nghĩ rằng: "ta đem số tiền này mua y như thế như thế... cúng cho Bí-sô ni _____ ". Bí-sô ni này vốn không được thỉnh tùy ý trước, liền khởi tưởng đồng ý đi đến chỗ cư sĩ nói rằng: "cư sĩ đã lo liệu số tiền mua y như thế cho tôi thì nên mua loại vải như thế như thế...". Vì muốn tốt, nếu được y thì Bí-sô ni này phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

9. Nếu Bí-sô ni có hai cư sĩ và vợ cư sĩ không phải bà con, vì Bí-sô ni nên mỗi người để dành tiền mua y, nghĩ rằng: "ta để dành tiền này, mỗi người sẽ mua y như thế như thế cúng cho Bí-sô ni _____ ", Bí-sô ni này vốn không được thỉnh tùy ý trước, khởi tưởng đồng ý nên đến chỗ các cư sĩ nói rằng: "các vị mỗi người để dành tiền mua y, nên hùn chung lại mua một y như thế như thế cúng cho tôi". Vì muốn tốt, nếu được y thì Bí-sô ni này phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

10. Nếu vì Bí-sô ni nên vua hoặc đại thần, Bà-la-môn, cư sĩ sai sứ đưa giá tiền y đến, vị sứ này đến nói với Bí-sô ni: "Đại đức, vua hoặc đại thần, Bà-la-môn, cư sĩ _____ đưa giá tiền y này

cho cô, xin hãy nhận lấy". Bí-sô ni nên nói: "pháp của Bí-sô ni chúng tôi là không được thọ tiền, khi nào cần y, được vải thanh tịnh tôi sẽ nhận để may thành y thọ trì", vị sứ này nói với Bí-sô ni: "Đại đức ni có người chấp sự có thể lo liệu mọi việc cho Bí-sô ni không?", Bí-sô ni nên chỉ người chấp sự là người làm việc trong chùa hay là Ô-ba-tư-ca cho vị sứ biết. Vị sứ đến nói với người chấp sự: "lành thay, cô hãy cất giữ số tiền này rồi mua vải như thế như thế cho Bí-sô ni _____ , khi nào Bí-sô ni này cần y thì đưa cho vị ấy may thành y thọ trì", nói xong vị sứ trở lại nói với Bí-sô ni: "tôi đã đưa tiền cho người chấp sự, Đại đức ni khi nào cần y thì đến đó lấy". Khi Bí-sô ni này cần y thì nên đến chỗ người chấp sự nói là tôi cần y, như thế đến hai, ba lần; nếu đòi được y thì tốt, nếu không được thì nên đến trước người chấp sự đứng yên lặng nhắc, như thế đến bốn, năm, sáu lần; nếu đòi được y thì tốt, nếu không được y mà cố nài cho được y thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề. Nếu không đòi được đi nên tự đi hay sai sứ đến chỗ người trước kia đưa tiền y đến nói rằng: "số tiền y mà ông đưa cho người chấp sự trước kia, tôi không lấy được y, ông nên tự biết đòi lại tiến, chớ để cho mất". Việc này đúng pháp nên làm như thế.

Nhiếp tụng 2:

*Cầm vàng bạc, xuất nạp,*
*Mua bán, bát, xin tơ,*

*Thợ dệt, tự đoạt y,*
*Hồi, thuốc dư, bát dư.*

11. Nếu Bí-sô ni tự tay cầm lấy vàng bạc hay bảo người cầm lấy hay sai người cầm lấy thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

12. Nếu Bí-sô ni dùng vàng bạc để mua các vật dụng thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

13. Nếu Bí-sô ni dùng vàng bạc mua bán các thứ thì phạm Ni-tát- kỳ-ba-dật-đề.

4. Nếu Bí-sô ni, bát đã dùng chưa bị răng nứt đến năm lằn mà xin bát mới, vì muốn tốt thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề. Bí-sô ni này phải đem bát mới này vào trong Tăng xả, Tăng sẽ lấy bát của người cuối cùng đưa lại cho Bí-sô ni này và nói rằng: "cô hãy thọ bát này cho đến khi bể". Việc này đúng pháp nên làm như thế.

15. Nếu Bí-sô ni tự xin tơ sợi bảo thợ dệt không phải bà con dệt thành y thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

16. Nếu Bí-sô ni, có cư sĩ và vợ cư sĩ không phải bà con bảo thợ dệt dệt y cho Bí-sô ni _____ , Bí-sô ni này không được tùy ý thỉnh trước, vì muốn y tốt nên làm chút nhân duyên là đến chỗ thợ dệt nói rằng: "này ông, y này là dệt cho tôi, ông nên dệt cho đẹp, rộng dài và bền chắc, tôi sẽ đưa thêm ít vật cho ông". Bí-sô ni này tự khuyến dụ hay bảo người khuyến dụ thợ dệt này, sau đó

đưa thêm cho thợ dệt ít vật cho đến một bữa ăn hay đáng giá bằng một bữa ăn, vì muốn y tốt, được y thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

17. Nếu Bí-sô ni cho Bí-sô ni khác y rồi, sau vì sân giận không vui nên tự đoạt lại hay bảo người đoạt lại, nói rằng: "hãy trả y lại tôi tôi, tôi không cho cô nữa", nếu lấy y rời khỏi thân của Bí-sô ni kia thì Bí-sô ni này phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

18. Nếu Bí-sô ni biết người khác muốn cúng cho Tăng mà tự lấy xoay về cho mình thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

19. Nếu Bí-sô ni bị bịnh, Phật cho được dùng bốn loại dược hàm tiêu là tô, dầu, mật và thạch mật. Bí-sô ni này được cất chứa trong vòng bảy ngày để dùng, nếu cất chứa quá bảy ngày thì phạm Ni-tát-kỳ-ba- dật-đề.

20. Nếu Bí-sô ni chứa bát dư quá một đêm thì phạm Ni-tát-kỳ-ba- dật-đề.

Nhiếp tụng 3:

Không xem, xả, không xả, Xin vàng bạc, tiền nhuộm,

Được lợi có năm giới (sai khác), Mua thuốc, hai (giới) giá y.

21. Nếu Bí-sô ni trong nửa tháng không xem xét năm y đã thọ trì thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

22. Nếu Bí-sô ni xả y Yết-sỉ-na phi thời thì phạm Ni-tát-kỳ-ba- dật-đề.

23. Nếu Bí-sô ni đúng thời mà không xả y Yết-sỉ-na thì phạm Ni- tát-kỳ-ba-dật-đề.

24. Nếu Bí-sô ni cầu xin vàng bạc thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

25. Nếu Bí-sô ni đem tiền thí chủ cúng để nhuộm y đổi lấy thức ăn thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

26. Nếu Bí-sô ni đem tiền thí chủ cúng để may y đổi lấy thức ăn thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

27. Nếu Bí-sô ni đem tiền thí chủ cúng để làm ngọa cụ đổi lấy thức ăn thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

28. Nếu Bí-sô ni đem phần lợi cúng cho an cư để đổi lấy thức ăn thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

29. Nếu Bí-sô ni đem phần lợi cúng cho nhiều người xoay về cho mình thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

30. Nếu Bí-sô ni đem phần lợi cúng cho Tăng xoay về cho mình thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

31. Nếu Bí-sô ni đến mua thuốc, gói rồi mở ra, mở ra rồi gói lại, cố ý kéo dài thời gian thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

32. Nếu Bí-sô ni dùng y dày quý giá thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

33. Nếu Bí-sô ni dùng y mỏng quý giá thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

Các Đại đức ni, tôi đã nói ba mươi ba pháp Ni-

tát-kỳ-ba-dật-đề. Nay xin hỏi các Đại đức ni, trong đây có thanh tịnh không? (3 lần). Các Đại đức ni, trong đây thanh tịnh vì im lặng. Việc này xin nhớ giữ như vậy.

Các Đại đức ni, đây là một trăm tám mươi pháp Ba-dật-đề mỗi nửa tháng thường tụng rút ra từ Giới kinh.

## *IV. MỘT TRĂM TÁM MƯƠI PHÁP BA DẬT ĐỀ:*

Nhiếp tụng 1:

*Vọng, chê bai, ly gián,*
*Phát cử, nói, đồng tiếng,*
*Nói tội, được thượng pháp,*
*Theo thân quen, khinh giới.*

1. Nếu Bí-sô ni cố ý vọng ngữ, phạm Ba-dật-đề.

2. Nếu Bí-sô ni nói lời chê bai hủy nhục, phạm Ba-dật-đề.

3. Nếu Bí-sô ni nói ly gián, phạm Ba-dật-đề.

4. Nếu Bí-sô ni biết Tăng đã như pháp xử đoán việc xong rồi mà phát khởi trở lại thì phạm Ba-dật-đề.

5. Nếu Bí-sô ni nói pháp cho người nam quá năm, sáu lời thì phạm Ba-dật-đề, trừ có người nữ trí huệ ở bên cạnh.

6. Nếu Bí-sô ni dạy người chưa thọ Cận viên đọc kinh kệ làm cho ồn náo thì phạm Ba-dật-đề.

7. Nếu Bí-sô ni ở trước người chưa thọ Cận viên nói tôi được pháp hơn người, nếu là thật thấy biết nên nói là thấy biết như vậy, thì Bí-sô ni này phạm Ba-dật-đề.

8. Nếu Bí-sô ni biết Bí-sô ni khác có tội thô mà nói cho người chưa thọ Cận viên nghe thì Bí-sô ni này phạm Ba-dật-đề, trừ Tăng yết ma cho nói.

9. Nếu Bí-sô ni trước đã hoan hỉ cho, sau lại nói rằng: "các Bí-sô ni tùy thuận người quen biết nên hồi chuyển vật của Tăng đem cho" thì Bí-sô ni này phạm Ba-dật-đề.

10. Nếu Bí-sô ni khi thuyết giới nói rằng: "nói những giới vụn vặt ấy làm chi, mỗi nửa tháng từ trong Giới kinh nói những giới này làm cho Bí-sô ni khác tâm sanh hối, tâm hoại, tâm phiền não, áy náy, ưu sầu không vui", nói lời khinh chê giới như vậy thì Bí-sô ni này phạm Ba-dật-đề

Nhiếp tụng thứ 2:

*Chủng tử, khinh, xúc não,*
*Để giường, nệm cỏ, lá*
*Gượng ở, giường hư, trùng,*
*Quá ba, chỗ ngoại đạo.*

11. Nếu Bí-sô ni chặt phá cây cỏ là chỗ ở của hữu tình hay bảo người khác chặt phá thì phạm Ba-dật-đề.

12. Nếu Bí-sô ni hiềm trách quở mắng Bí-sô ni khác thì phạm Ba-dật-đề.

13. Nếu Bí-sô ni không đáp theo câu hỏi, muốn xúc não người khác thì phạm Ba-dật-đề.

14. Nếu Bí-sô ni đem ngọa cụ, đồ ngồi nằm của Tăng để nơi chỗ đất trống, tự trải hay bảo người trải để ngồi nằm; khi đi không tự dẹp cất, cũng không bảo người khác dẹp cất thì Bí-sô này phạm Ba-dật- đề.

15. Nếu Bí-sô ni lấy ngọa cụ trong phòng Tăng, tự trải hay bảo người trải để ngồi nằm; khi đi không tự dẹp cất, cũng không bảo người khác dẹp cất thì Bí-sô ni này phạm Ba-dật-đề.

16. Nếu Bí-sô ni ở trong phòng Bí-sô ni, biết các Bí-sô ni đã trải ngọa cụ ở trước rồi, mình đến sau gượng ở trong đó tự trải ngọa cụ hay bảo người trải, nghĩ rằng: "nếu không thích thì tự đi khỏi đây", vì nhân duyên này không phải vì duyên gì khác thì Bí-sô ni này phạm Ba-dật- đề.

17. Nếu Bí-sô ni ở trên tầng gác của Bí-sô ni mà dùng sức để ngồi nằm trên giường ngồi hay giường nằm sút chân thì Bí-sô ni này phạm Ba-dật-đề.

18. Nếu Bí-sô ni biết nước có trùng mà tự tay dùng tưới lên cỏ hay lên đất hoặc bảo người tưới thì Bí-sô ni này phạm Ba-dật-đề.

19. Nếu Bí-sô ni muốn làm phòng xá lớn có cửa cái, cửa sổ, từ đất bằng theo thứ lớp xây lên hai hay ba tầng cho kiên cố, nếu quá ba tầng thì phạm Ba-

dật-đề.

20. Nếu Bí-sô ni tại nhà thí chủ theo ngoại đạo nghỉ đêm, họ cúng một bữa ăn, Bí-sô ni không bịnh nên ăn một bữa, nếu ăn quá một bữa thì phạm Ba-dật-đề.

Nhiếp tụng 3:

*Quá ba, không dư thực,*
*Khuyên đủ và biệt chúng,*
*Phi thời xúc, không thọ,*
*Trùng, ngoại đạo, xem quân.*

21. Nếu Bí-sô ni đến nhà cư sĩ được tùy ý cúng cho nhiều bánh bún..., Bí-sô ni cần thì được thọ hai, ba bát, nếu thọ quá thì phạm Ba- dật-đề. Thọ hai, ba bát rồi mang về nên chia cho các Bí-sô ni khác ăn, việc này đúng pháp nên làm như vậy.

22. Nếu Bí-sô ni ăn xong, không thọ pháp thức ăn dư mà ăn nữa thì phạm Ba-dật-đề.

23. Nếu Bí-sô ni biết Bí-sô ni khác đã ăn xong, không thọ pháp thức ăn dư mà đưa cho nhiều thức ăn, gắng gượng khuyên Bí-sô ni kia ăn nữa, nói rằng: "cô hãy ăn thức ăn này", vì muốn xúc não Bí-sô ni kia, nghĩ rằng: "khiến cho Bí-sô ni này phiền não cho đến trong chốc lát", vì nhân duyên này không phải vì duyên gì khác thì Bí-sô ni này phạm Ba-dật-đề.

24. Nếu Bí-sô ni ăn riêng chúng thì phạm Ba-dật-đề, trừ nhân duyên. Nhân duyên là khi bịnh,

khi may y, khi đi đường, khi đi thuyền, khi đại hội, khi Sa môn ngoại đạo thí thực.

25. Nếu Bí-sô ni ăn phi thời thì phạm Ba-dật-đề.

26. Nếu Bí-sô ni ăn thức ăn để cách đêm đã từng xúc chạm thì phạm Ba-dật-đề.

27. Nếu Bí-sô ni không thọ thức ăn uống mà để vào miệng ăn thì phạm Ba-dật-đề, trừ nước và tăm xỉa răng.

28. Nếu Bí-sô ni biết nước có trùng mà lấy dùng thì phạm Ba-dật-đề.

29. Nếu Bí-sô ni tự tay đưa thức ăn cho ngoại đạo lõa hình nam hay nữ thì phạm Ba-dật-đề.

30. Nếu Bí-sô ni đến xem quân trận xuất hành thì phạm Ba-dật-đề.

Nhiếp tụng 4:

*Xem quân hai giới, đánh, dọa,*
*Che giấu tội, đến tục gia,*
*Đốt lửa, gởi dục, hai đêm,*
*Nói dục không phải chướng ngại.*

31. Nếu Bí-sô ni có nhân duyên đến trong quân trận, được ở lại hai đêm; nếu quá hai đêm thì phạm Ba-dật-đề.

32. Nếu Bí-sô ni ở trong quân trận hai đêm, đến xem quân diễn tập hoặc xem chủ tướng bày binh bố trận thì phạm Ba-dật-đề.

33. Nếu Bí-sô ni vì sân giận không vui, dùng

tay đánh Bí-sô ni khác thì phạm Ba-dật-đề.

34. Nếu Bí-sô ni vì sân giận không vui, dùng tay dọa tát Bí-sô ni khác thì phạm Ba-dật-đề.

35. Nếu Bí-sô ni biết Bí-sô ni khác phạm tội thô mà che giấu cho đến một đêm thì phạm Ba-dật-đề.

36. Nếu Bí-sô ni nói với Bí-sô ni khác: "cô hãy cùng tôi đến các nhà kia, tôi sẽ bảo họ cúng thức ăn ngon", đến nơi lại không bảo cúng cho thức ăn, mà còn nói rằng: "cô hãy đi đi, tôi cùng cô cùng ngồi, cùng nói chuyện không vui; tôi ngồi một mình, nói chuyện một mình vui hơn", vì muốn xúc não Bí-sô ni kia, nghĩ rằng: "khiến cho Bí-sô ni này phiền não cho đến trong chốc lát", vì nhân duyên này không phải vì duyên gì khác thì Bí-sô ni này phạm Ba-dật-đề.

37. Nếu Bí-sô ni không bịnh, đốt lửa sưởi ấm nơi đất trống, dùng cây cỏ hay phân trâu để đốt hay bảo người khác đốt thì phạm Ba-dật- đề.

38. Nếu Bí-sô ni khi Tăng như pháp tác pháp, gởi dục rồi sau lại hối thì phạm Ba-dật-đề.

39. Nếu Bí-sô ni cùng người chưa thọ Cận viên ngủ chung phòng quá hai đêm thì phạm Ba-dật-đề.

40. Nếu Bí-sô ni nói rằng: "tôi hiểu nghĩa của pháp Phật là hành pháp chướng đạo không thể chướng đạo", các Bí-sô ni nên can ngăn Bí-sô ni này: "cô chớ nói là tôi hiểu nghĩa của pháp Phật là hành pháp chướng đạo không thể chướng đạo. Cô

chớ hủy báng Phật, hủy báng Phật là không tốt; Phật không nói lời này, Phật dùng đủ nhân duyên nói hành pháp chướng đạo thật là chướng đạo; cô nên bỏ ác tà kiến này đi". Khi các Bí-sô ni can ngăn như thế mà không chịu bỏ việc này thì nên can ngăn hai, ba lần cho bỏ việc này, chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì Bí-sô ni này phạm Ba-dật-đề.

Nhiếp tụng thứ 5:

*Cùng ác kiến đồng ngủ,*
*Cầu tịch, y hoại sắc,*
*Cầm báu, tắm, bàng sanh,*
*Xúc não, chọc lét nhau,*
*Giỡn trong nước, đồng ngủ.*

41. Nếu Bí-sô ni biết Bí-sô ni kia nói lời như thế, không như pháp sám hối cũng không chịu bỏ ác tà kiến nên bị tẫn mà lại chứa nuôi cùng làm việc, cùng nói chuyện, cùng ngủ thì Bí-sô ni này phạm Ba-dật-đề.

42. Nếu có Cầu tịch nữ nói rằng: "tôi hiểu nghĩa của pháp Phật là hành pháp chướng đạo không thể chướng đạo", các Bí-sô ni nên can ngăn Cầu tịch nữ này: "cô chớ nói là tôi hiểu nghĩa của pháp Phật là hành pháp chướng đạo không thể chướng đạo. Cô chớ hủy báng Phật, hủy báng Phật là không tốt; Phật không nói lời này, Phật dùng đủ nhân duyên nói hành pháp chướng đạo thật là chướng đạo; cô nên bỏ ác tà kiến này đi". Khi các Bí-sô ni can ngăn

như thế mà không chịu bỏ việc này thì nên can ngăn hai, ba lần cho bỏ việc này, chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì các Bí-sô ni nên nói rằng: "này Cầu tịch nữ, từ nay cô không được nói Phật là thầy, cũng không được đi theo sau các Bí-sô ni, không được cùng ngủ chung phòng với các Bí-sô ni cho đến hai đêm. Cô hãy đi khỏi nơi đây, không được ở đây nữa". Nếu Bí-sô ni biết Cầu tịch nữ bị tẫn mà lại chứa nuôi, cùng nói chuyện, cùng ngủ chung thì phạm Ba-dật-đề.

43. Nếu Bí-sô ni tự tay cầm lấy vật báu hay tợ vật báu, hoặc bảo người khác cầm lấy thì phạm Ba-dật-đề, trừ ở trong tăng phòng hay ở trong trú xứ. Nếu vật báu hay tợ vật báu ở trong Tăng phòng hay ở trong trú xứ, khi cầm lấy nên nghĩ rằng: "ai là chủ của chúng đến nhận, sẽ giao lại". Việc này đúng pháp nên làm như thế.

44. Nếu Bí-sô ni được y mới nên dùng một trong ba màu hoặc xanh, hoặc bùn đen hoặc vỏ cây Mộc lan nhuộm làm cho hoại sắc. Nếu Bí-sô ni không dùng một trong ba màu hoặc xanh, hoặc bùn đen hoặc vỏ cây Mộc lan nhuộm y mới làm cho hoại sắc thì phạm Ba-dật-đề.

45. Nếu Bí-sô ni chưa tới nửa tháng mà tắm thì phạm Ba-dật-đề, trừ nhân duyên. Nhân duyên là vào một tháng rưỡi của cuối mùa xuân và một tháng đầu của mùa hạ, hai tháng rưỡi này khí trời rất nóng hoặc khi bịnh, khi gió, khi mưa, khi làm

việc, khi đi đường.

46. Nếu Bí-sô ni cố ý giết hại súc sanh thì phạm Ba-dật-đề.

47. Nếu Bí-sô ni cố ý làm cho Bí-sô ni khác sanh tâm nghi, nghĩ rằng: "khiến cho Bí-sô ni này phiền não cho đến trong chốc lát", vì nhân duyên này không phải vì duyên gì khác thì Bí-sô ni này phạm Ba-dật-đề.

48. Nếu Bí-sô ni dùng ngón tay chọc lét Bí-sô ni khác thì phạm Ba-dật-đề.

49. Nếu Bí-sô ni đùa giỡn trong nước thì phạm Ba-dật-đề.

50. Nếu Bí-sô ni cùng người nam ngủ chung trong một phòng nhà thì phạm Ba-dật-đề.

Nhiếp tụng thứ 6:

*Sợ, giấu, giận, chung đường,*
*Đào đất, thỉnh 4 tháng,*
*Chống lời dạy, nghe lén,*
*Im lặng rời khỏi tòa.*

51. Nếu Bí-sô ni tự khủng bố Bí-sô ni khác hay bảo người khủng bố, cho đến đùa giỡn thì phạm Ba-dật-đề.

52. Nếu Bí-sô ni đối với các vật cần dùng trong sinh hoạt của Bí- sô ni như y bát, ống kim, khóa cửa, giày dép... tự lấy giấu hay bảo người giấu, cho đến đùa giỡn thì phạm Ba-dật-đề.

53. Nếu Bí-sô ni đem pháp Tăng già bà thi sa

không căn cứ vu báng Bí-sô ni khác thì phạm Ba-dật-đề.

54. Nếu Bí-sô ni hẹn với người nam đi chung đường, cho đến một tụ lạc thì phạm Ba-dật-đề.

55. Nếu Bí-sô ni hẹn với giặc buôn lậu đi chung đường, cho đến một tụ lạc thì phạm Ba-dật-đề.

56. Nếu Bí-sô ni tự tay đào đất hay bảo người khác đào, hoặc chỉ chỗ nói rằng: "hãy đào chỗ này" thì phạm Ba-dật-đề.

57. Nếu Bí-sô ni thọ tùy ý thỉnh trong bốn tháng, qua bốn tháng mà thọ nữa thì phạm Ba-dật-đề, trừ thường tùy ý thỉnh, nhiều lần tùy ý thỉnh hay thọ tùy ý thỉnh riêng.

58. Nếu Bí-sô ni khi thuyết giới nói rằng: "tôi nay chưa học giới này, tôi sẽ hỏi các Bí-sô ni đọc tụng kinh luật luận", thì phạm Ba-dật- đề. Bí-sô ni muốn được pháp lợi thì nên học Giới kinh, cũng nên hỏi các Bí-sô ni đọc tụng kinh luật luận, hỏi rằng: "Đại đức ni, lời này có ý nghĩa gì?", việc này đúng pháp nên làm như thế.

59. Nếu Bí-sô ni khi cùng các Bí-sô ni khác tranh cãi, đứng ở chỗ khuất lặng lẽ nghe lén, nghĩ rằng: "những lời các Bí-sô ni này nói, ta sẽ nhớ giữ" thì phạm Ba-dật-đề.

60. Nếu Bí-sô ni khi Tăng xử đoán việc, im lặng đứng dậy bỏ đi thì phạm Ba-dật-đề.

Nhiếp tụng thứ 7:

*Không cung kính, uống ăn,*
*Vào thôn, đến nhà khác,*
*Trời sáng, nghe, ống kim,*
*Chân giường, dồn, phu cụ.*

61. Nếu Bí-sô ni khinh thường Bí-sô ni khác thì phạm Ba-dật-đề.

62. Nếu Bí-sô ni uống rượu thì phạm Ba-dật-đề.

63. Nếu Bí-sô ni phi thời vào tụ lạc mà không bạch với thiện Bí-sô ni khác thì phạm Ba-dật-đề, trừ nhân duyên.

64. Nếu Bí-sô ni thọ thỉnh thực rồi, trước giờ ăn hay sau giờ ăn lại đi đến nhà khác thì phạm Ba-dật-đề.

65. Nếu Bí-sô ni trời chưa sáng, vua dòng Sát-đế-lỵ đã làm lễ Quán đảnh chưa cất báu vật mà Bí-sô ni bước qua ngạch cửa cung thì phạm Ba-dật-đề, trừ nhân duyên.

66. Nếu Bí-sô ni khi thuyết giới nói rằng: "tôi nay mới biết pháp này mỗi nửa tháng thường tụng, rút ra từ trong Giới kinh", các Bí-sô ni biết Bí-sô ni này đã ngồi trong chỗ thuyết giới hai, ba lần huống chi là nhiều lần. Bí-sô ni này không phải vì không biết mà được thoát tội, tùy theo tội đã phạm nên như pháp mà trị, nên quở trách rằng: "cô đã mất lợi, không lợi, không tốt; khi thuyết giới cô đã không kính giới, không nhất tâm nhớ nghĩ, không

lắng tai nghe pháp", do việc này nên phạm Ba-dật-đề.

67. Nếu Bí-sô ni làm ống kim bằng ngà, xương hay sừng thì phạm Ba-dật-đề.

68. Nếu Bí-sô ni muốn làm tòa ngồi hay giường nằm, chân giường nên cao bằng tám ngón tay của Như lai, trừ chỗ tra vào lỗ bệ, nếu cao quá tám ngón tay thì phạm Ba-dật-đề.

69. Nếu Bí-sô ni tự lấy bông Đâu la miên dồn nệm hay bảo người khác dồn thì phạm Ba-dật-đề.

70. Nếu Bí-sô ni muốn may Ni-sư-đàn nên liệu lượng, lượng trong đây là dài hai gang tay của Phật, rộng một gang rưỡi, nếu thân lớn thì may thêm một gang tay nữa. Nếu may quá lượng này thì phạm Ba-dật- đề.

Nhiếp tụng thứ 8:

*Che ghẻ, lượng y Phật,*
*Tỏi, cạo, tẩy tịnh, vỗ,*
*Tự nấu ăn, tạt nước,*
*Cỏ tươi, bỏ ngoài tường.*

71. Nếu Bí-sô ni muốn may y che phủ ghẻ nên may đúng lượng, lượng trong đây là dài bốn gang tay của Phật, rộng hai gang rưỡi, nếu may quá lượng này thì phạm Ba-dật-đề.

72. Nếu Bí-sô ni may y bằng kích lượng y của Phật hay hơn kích lượng của Phật thì phạm Ba-dật-đề, kích lượng y của Phật là dài chín gang tay, rộng

sáu gang tay.

73. Nếu Bí-sô ni ăn tỏi thì phạm Ba-dật-đề.

74. Nếu Bí-sô ni cạo lông chỗ kín, phạm Ba-dật-đề.

75. Nếu Bí-sô ni khi tẩy tịnh chỉ nên dùng hai lóng tay, quá hai lóng tay thì phạm Ba-dật-đề.

76. Nếu Bí-sô ni dùng tay vỗ chỗ kín, phạm Ba-dật-đề.

77. Nếu Bí-sô ni tự tay nấu thức ăn sống, phạm Ba-dật-đề.

78. Nếu Bí-sô ni dùng nước tạt Bí-sô, phạm Ba-dật-đề.

79. Nếu Bí-sô ni đại tiểu tiện, khạc nhổ trên cỏ tươi, phạm Ba-dật-đề.

80. Nếu Bí-sô ni không xem xét kỹ mà vất bỏ vật bất tịnh ra ngoài tường, phạm Ba-dật-đề.

Nhiếp tụng thứ 9:

*Một mình có năm giới,*
*Kề tai nói có bốn,*
*Nếu ôm lòng sân giận,*
*Đấm ngực đều không cho.*

81. Nếu Bí-sô ni đứng một mình với người nam ở chỗ khuất vắng thì phạm Ba-dật-đề.

82. Nếu Bí-sô ni đứng một mình với Bí-sô ở chỗ khuất vắng thì phạm Ba-dật-đề.

83. Nếu Bí-sô ni một mình đứng với người nam ở chỗ trống trải thì phạm Ba-dật-đề.

84. Nếu Bí-sô ni một mình đứng với Bí-sô ở chỗ trống trải thì phạm Ba-dật-đề.

85. Nếu Bí-sô ni một mình ở riêng một phòng thì phạm Ba-dật-đề.

86. Nếu Bí-sô ni kề tai nói nhỏ với người nam thì phạm Ba-dật-đề.

87. Nếu Bí-sô ni nghe người nam kề tai nói nhỏ thì phạm Ba-dật-đề.

88. Nếu Bí-sô ni kề tai nói nhỏ với Bí-sô thì phạm Ba-dật-đề.

89. Nếu Bí-sô ni nghe Bí-sô kề tai nói nhỏ thì phạm Ba-dật-đề.

90. Nếu Bí-sô ni vì sân giận tự đấm ngực kêu khóc thì phạm Ba-dật-đề.

Nhiếp tụng thứ 10:

*Thề thốt, không xem xét.*
*Giường ngồi, dùng nhựa cây,*
*Ở nhà bạch y - bốn,*
*Không khán bịnh, cùng nằm.*

91. Nếu Bí-sô ni đem phạm hạnh của mình ra thề thốt thì phạm Ba-dật-đề.

92. Nếu Bí-sô ni chưa xét rõ sự việc liền sửa sai người khác thì phạm Ba-dật-đề.

93. Nếu Bí-sô ni ở chỗ khuất tối, không xem xét giường tòa mà vội ngồi nằm lên thì phạm Ba-dật-đề.

94. Nếu Bí-sô ni dùng nhựa cây làm sanh chi

thì phạm Ba-dật-đề.

95. Nếu Bí-sô ni ở nhà bạch y thuyết pháp xong, tự bỏ đi mà không nói cho chủ nhà biết để thu cất ngọa cụ thì phạm Ba-dật-đề.

96. Nếu Bí-sô ni ở nhà bạch y, chủ nhà chưa mời liền tự ý ngồi lên giường tòa thì phạm Ba-dật-đề.

97. Nếu Bí-sô ni ở nhà bạch y, chứ hỏi chủ nhà liền tự tiện ngồi thì phạm Ba-dật-đề.

98. Nếu Bí-sô ni biết Bí-sô ni kia đã ở trước trong nhà bạch y, mình đến sau lại bảo vị kia đi chỗ khác thì phạm Ba-dật-đề.

99. Nếu Bí-sô ni thấy thân đệ tử hay đệ tử y chỉ bịnh mà không chăm sóc thì phạm Ba-dật-đề.

100. Nếu Bí-sô ni cùng nằm một giường với Bí-sô ni khác thì phạm Ba-dật-đề.

Nhiếp tụng 11:

*Hai an cư, khủng bố,*
*Thiên tự, chưa đủ tuổi,*
*Nuôi chúng, người có chồng,*
*Tăng chưa cho vô hạn.*

101. Nếu Bí-sô ni chưa mãn hạ an cư, tự du hành trong nhân gian theo ý mình thì phạm Ba-dật-đề.

102. Nếu Bí-sô ni đã mãn hạ an cư mà không chịu rời trú xứ để du hành trong nhân gian thì phạm Ba-dật-đề.

103. Nếu Bí-sô ni biết trong nước, chỗ có giặc khủng bố mà còn đến đó thì phạm Ba-dật-đề.

104. Nếu Bí-sô ni biết chỗ có cọp, sói, sư tử khủng bố mà còn du hành đến đó thì phạm Ba-dật-đề.

105. Nếu Bí-sô ni vào trong miếu thờ trời để luận nghị thì phạm Ba-dật-đề.

106. Nếu Bí-sô ni chưa đủ mười hai tuổi hạ mà cho người khác xuất gia thọ Cận viên thì phạm Ba-dật-đề.

107. Nếu Bí-sô ni, Ni tăng chưa cho yết ma nuôi chúng mà tự tiện nuôi đồ chúng thì phạm Ba-dật-đề.

108. Nếu Bí-sô ni biết người nữ đã có chồng chưa đủ mười hai tuổi mà liền cho xuất gia thì phạm Ba-dật-đề.

109. Nếu Bí-sô ni biết người nữ đã có chồng chưa đủ mười hai tuổi, chưa cho thọ pháp Chánh học mà liền cho thọ Cận viên thì phạm Ba-dật-đề.

110. Nếu Bí-sô ni, Ni tăng chưa cho yết ma nuôi chúng vô hạn mà tự ý chứa nuôi nhiều đồ chúng thì phạm Ba-dật-đề.

Nhiếp tụng 12:

*Độ người có thai, không dạy,*
*Không nhiếp hộ, không mang theo,*
*Đồng nữ hai giới, tánh ác,*
*Ưu sầu, sáu pháp hai giới.*

111. Nếu Bí-sô ni độ người nữ có thai cho xuất gia thì phạm Ba- dật-đề.

112. Nếu Bí-sô ni độ người khác cho xuất gia thọ Cận viên mà không chỉ dạy họ thì phạm Ba-dật-đề.

113. Nếu Bí-sô ni cho người khác xuất gia thọ Cận viên mà không nuôi dưỡng họ thì phạm Ba-dật-đề.

114. Nếu Bí-sô ni cho người khác xuất gia rồi lại không cho họ cùng theo đến chỗ khác thì phạm Ba-dật-đề.

115. Nếu Bí-sô ni biết đồng nữ chưa đủ hai mươi mà cho thọ Cận viên thì phạm Ba-dật-đề.

116. Nếu Bí-sô ni biết đồng nữ đã đủ hai mươi, không cho học sáu pháp và sáu tùy pháp trong hai năm mà liền cho thọ Cận viên thì phạm Ba-dật-đề.

117. Nếu Bí-sô ni biết người nữ có tánh hung dữ mà liền cho xuất gia thì phạm Ba-dật-đề.

118. Nếu Bí-sô ni biết người nữ đang ưu sầu áo não mà cho xuất gia thì phạm Ba-dật-đề.

119. Nếu Bí-sô ni biết người nữ chưa học xong sáu pháp và sáu tùy pháp trong hai năm mà liền cho thọ Cận viên thì phạm Ba-dật-đề.

120. Nếu Bí-sô ni biết người nữ đã học xong sáu pháp và sáu tùy pháp trong hai năm mà lại không cho thọ Cận viên thì phạm Ba-dật- đề.

Nhiếp tụng 13:

*Chưa giải phóng, cho tôi y,*
*Thu xếp, cho thọ hàng năm,*
*Gởi dục, nửa tháng, không tăng,*
*An cư, Tùy ý, trách chúng.*

121. Nếu Bí-sô ni biết người nữ đang có chồng, họ chưa được giải phóng mà độ cho xuất gia thì phạm Ba-dật-đề.

122. Nếu Bí-sô ni biết người nữ kia muốn thọ Cận viên nên nói:

"hãy cho tôi y, tôi sẽ cho thọ Cận viên" thì phạm Ba-dật-đề.

123. Nếu Bí-sô ni nói với người nữ thế tục: "hãy thu xếp việc nhà, tôi sẽ cho xuất gia", người kia nghe lời thu xếp xong việc nhà, Bí-sô ni lại không cho họ xuất gia thì phạm Ba-dật-đề.

124. Nếu Bí-sô ni trong một năm cho người khác xuất gia và thọ Cận viên thì phạm Ba-dật-đề.

125. Nếu Bí-sô ni gởi dục cách đêm, phạm Ba-dật-đề.

126. Nếu Bí-sô ni mỗi nửa tháng không cầu giáo thọ thì phạm Ba-dật-đề.

127. Nếu Bí-sô ni làm trưởng tịnh ở nơi không có Bí-sô thì phạm Ba-dật-đề.

128. Nếu Bí-sô ni an cư ở nơi không có Bí-sô thì phạm Ba-dật-đề.

129. Nếu Bí-sô ni an cư xong, không đối trước hai bộ tăng cầu ba việc tự tứ thấy nghe nghi thì

phạm Ba-dật-đề.

130. Nếu Bí-sô ni chê trách chúng tăng thì phạm Ba-dật-đề. Nhiếp tụng 14:

*Mắng chúng, năm giới xẻn,*
*Khen, nhà, chùa, thực, pháp,*
*Ăn nữa, nuôi hài tử,*
*Quần tắm, bảo giặt y.*

131. Nếu Bí-sô ni mắng chúng tăng, phạm Ba-dật-đề.

132. Nếu Bí-sô ni thấy người khác được khen ngợi liền sanh đố kỵ thì phạm Ba-dật-đề.

133. Nếu Bí-sô ni có lòng bỏn xẻn đối với thí chủ thì phạm Ba- dật-đề.

134. Nếu Bí-sô ni có lòng bỏn xẻn đối với chùa thì phạm Ba-dật-đề.

135. Nếu Bí-sô ni có lòng bỏn xẻn đối với lợi dưỡng ăn uống thì phạm Ba-dật-đề.

136. Nếu Bí-sô ni có lòng bỏn xẻn đối với pháp thì phạm Ba-dật-đề.

137. Nếu Bí-sô ăn xong rồi lại ăn nữa thì phạm Ba-dật-đề.

138. Nếu Bí-sô ni cấp dưỡng cho cháu nhỏ của người khác thì phạm Ba-dật-đề.

139. Nếu Bí-sô ni không may sẵn quần tắm thì phạm Ba-dật-đề.

140. Nếu Bí-sô ni bảo thợ giặt giặt y phục cho mình thì phạm Ba- dật-đề.

Nhiếp tụng 15:

*Thượng chúng, y sa môn,*
*Hai bịnh y, theo xin,*
*Không cùng xuất, chia y,*
*Gây, không dặn, học chú.*

141. Nếu Bí-sô ni đổi các loại y đang mặc với Bí-sô thì phạm Ba- dật-đề.

142. Nếu Bí-sô ni đem pháp y cho người tục thì phạm Ba-dật-đề.

143. Nếu Bí-sô ni không may sẵn bịnh y thì phạm Ba-dật-đề.

144. Nếu Bí-sô ni lấy bịnh y của đại chúng đem về dùng riêng thì phạm Ba-dật-đề.

145. Nếu Bí-sô ni biết Bí-sô ni khác nghèo mà theo xin y Yết-sỉ- na thì phạm Ba-dật-đề.

146. Nếu Bí-sô ni không cùng chúng tăng xuất y Yết-sỉ-na thì phạm Ba-dật-đề.

147. Nếu Bí-sô ni không cùng chúng tăng chia y thì phạm Ba-dật-đề.

148. Nếu Bí-sô ni biết mình có khả năng dứt tránh, thấy các ni khác tranh cãi mà không can ngăn thì phạm Ba-dật-đề.

149. Nếu Bí-sô ni rời khỏi trú xứ mà không nói cho vị khác biết thì phạm Ba-dật-đề.

150. Nếu Bí-sô ni học chú pháp với người tục thì phạm Ba-dật-đề.

Nhiếp tụng 16:

*Dạy chú pháp, bán bún,*
*Lo việc nhà, sai ni,*
*Xe tơ, dệt, đi dù,*
*Giày, ghẻ, độ dâm nữ.*

151. Nếu Bí-sô ni dạy chú pháp cho người tục thì phạm Ba-dật- đề.

152. Nếu Bí-sô ni bán bún, mì... thì phạm Ba-dật-đề.

153. Nếu Bí-sô ni coi ngó việc nhà cho người tục thì phạm Ba-dật-đề.

154. Nếu Bí-sô ni sai các ni khác dời giường tòa đến nổi mệt nhọc thì phạm Ba-dật-đề.

155. Nếu Bí-sô ni tự tay lửa chải sợi tơ thì phạm Ba-dật-đề.

156. Nếu Bí-sô ni tự dệt sợi thì phạm Ba-dật-đề.

157. Nếu Bí-sô ni cầm dù che khi đi đường thì phạm Ba-dật-đề.

158. Nếu Bí-sô ni mang giày da có màu sắc loè loẹt thì phạm Ba- dật-đề.

159. Nếu Bí-sô ni trên tay có vết thương, nhờ người khác băng rồi tháo ra nhiều lần thì phạm Ba-dật-đề.

160. Nếu Bí-sô ni độ dâm nữ cho xuất gia thì phạm Ba-dật-đề. Nhiếp tụng:

*Sai ni thoa chà thân,*
*Về người có năm giới,*

*Hương thoa, nước hồ ma,*
*Vội hỏi, đeo nữ trang.*

161. Nếu Bí-sô ni nhờ Bí-sô ni thoa chà thân thì phạm Ba-dật-đề.

162. Nếu Bí-sô ni nhờ Thức xoa ma na thoa chà thân thì phạm Ba-dật-đề.

163. Nếu Bí-sô ni nhờ Cầu tịch nữ thoa chà thân thì phạm Ba-dật-đề.

164. Nếu Bí-sô ni nhờ người nữ thế tục thoa chà thân thì phạm Ba-dật-đề.

165. Nếu Bí-sô ni nhờ người nữ ngoại đạo thoa chà thân thì phạm Ba-dật-đề.

166. Nếu Bí-sô ni dùng hương thơm thoa chà thân thì phạm Ba- dật-đề.

167. Nếu Bí-sô ni dùng dầu mè thoa chà thân thì phạm Ba-dật-đề.

168. Nếu Bí-sô si bảo người khác dùng nước lau thân cho mình thì phạm Ba-dật-đề.

169. Nếu Bí-sô ni không hỏi trước liền gạn hỏi Bí-sô thì phạm Ba-dật-đề.

170. Nếu Bí-sô ni dùng đồ trang điểm của người tục thì phạm Ba- dật-đề.

Nhiếp tụng 18:

*Kéo nhau, ca, múa, nhạc,*
*Một mình đi đại tiểu,*
*Ba loại lược, tóc giả*
*Trăm tám mươi tội Đọa.*

171. Nếu Bí-sô ni dùng tay lôi kéo nhau khi đang tắm dưới sông thì phạm Ba-dật-đề.

172. Nếu Bí-sô ni tự nhảy múa, bảo người khác nhảy múa thì phạm Ba-dật-đề.

173. Nếu Bí-sô ni tự ca hát thì phạm Ba-dật-đề.

174. Nếu Bí-sô ni tự đàn nhạc thì phạm Ba-dật-đề.

175. Nếu Bí-sô ni một mình ra nơi đồng trống đại tiểu tiện thì phạm Ba-dật-đề.

176. Nếu Bí-sô ni cất chứa bàn chải bằng gỗ thơm thì phạm Ba- dật-đề.

177. Nếu Bí-sô ni cất chứa lược dày, phạm Ba-dật-đề.

178. Nếu Bí-sô ni cất chứa lược thưa, phạm Ba-dật-đề.

179. Nếu Bí-sô ni dùng bàn chải thơm, lược dày và lược thưa thì phạm Ba-dật-đề.

180. Nếu Bí-sô ni cất chừa đầu tóc giả và đồ trang sức kèm theo thì phạm Ba-dật-đề.

Các Đại đức ni, tôi đã nói một trăm tám mươi pháp Ba-dật-đề, nay xin hỏi các Đại đức ni, trong đây có thanh tịnh không? (3 lần). Các Đại đức ni, trong đây thanh tịnh vì im lặng. Việc này xin nhớ giữ như vậy. Các Đại đức ni, đây là mười một pháp Ba la đề đề xá ni, mỗi nửa tháng thường tụng, rút ra từ trong Giới kinh.

## *V. MƯỜI MỘT PHÁP BA LA ĐỀ ĐỀ XÁ*

***NI:***

Nhiếp tụng:

*Sữa, lạc và sanh tô,*
*Thục tô, dầu, đường, mật,*
*Cá, thị và nem khô,*
*Nhà học gia đắc pháp.*

1. Nếu Bí-sô ni không bịnh, vì mình nên đến nhà bạch y xin sữa, hoặc bảo người xin cho mình dùng thì Bí-sô ni này khi trở về trú xứ nên đến bên Bí-sô ni khác nói tội rằng: "Đại đức ni, tôi phạm pháp đáng quở trách, là việc không nên làm, nay đến bên Đại đức ni nói tội". Đây là pháp Đối thuyết.

2. 10. là xin lạc... cho đến thịt khô đều giống như giới thứ nhất.

11. Nếu Bí-sô ni biết Tăng đã tác yết ma Học gia, không được thỉnh tùy ý trước mà liền đến nhà Học gia để thọ thực thì Bí-sô ni này khi trở về trú xứ nên đến bên Bí-sô ni khác nói tội rằng: "Đại đức ni, tôi phạm pháp đáng quở trách, là việc không nên làm, nay đến bên Đại đức ni nói tội". Đây là pháp Đối thuyết.

Các Đại đức ni, tôi đã nói mười một pháp Ba la đề đề xá ni, nay xin hỏi các Đại đức ni, trong đây có thanh tịnh không? (3 lần).

Các Đại đức ni, trong đây thanh tịnh vì im lặng. Việc này xin nhớ giữ như vậy.

Các Đại đức ni, đây là Chúng học pháp, mỗi nửa tháng thường tụng, rút ra từ trong Giới kinh.

## *VI. CHÚNG HỌC PHÁP:*

Nhiếp tụng:

*Ăn mặc thân tề chỉnh,*
*Nhà tục giữ dung nghi,*
*Giữ bát trừ người bịnh,*
*Khạc nhổ, leo quá đầu.*

1. Mặc quần tề chỉnh, cần nên học.

2. Mặc quần không quá cao, không quá thấp, không cuốn thành hình vòi voi, không cuốn thành hình đầu rắn, không xếp thành hình lá cây Đa-la, không xếp thành hình miếng đậu, cần nên học.

3. Mặc ba y tề chỉnh, cần nên học.

4. Mặc ba y không quá cao, không quá thấp, kín đáo khi vào nhà bạch y, cần nên học.

5. Không nói nhiều, không nhìn lên cao khi vào nhà bạch y, cần nên học.

6. Không trùm đầu, không lật y một bên, không lật y sang hai bên, không chống nạnh, không vung tay khi vào nhà bạch y, cần nên học.

7. Không nhún nhảy, không nhón chân, không nhảy cò cò, không uốn éo, không hấp tấp khi vào nhà bạch y, cần nên học.

8. Trong nhà bạch y chưa được mời, không nên tự tiện ngồi, cần nên học.

9. Trong nhà bạch y chưa xem xét kỹ, không nên ngồi, cần nên học.

10. Trong nhà bạch y, không nên ngồi lộn xộn, cần nên học.

11. Trong nhà bạch y, không nên ngồi gác chân, tréo chân, ngồi bó gối, ngồi duỗi hai chân, ngồi lộ bày thân, cần nên học.

12. Cung kính thọ thức an, cần nên học.

13. Bát đã thọ đầy cơm và thức ăn thì không nên thọ thêm canh làm cho thức ăn tràn ra ngoài, cẩn thận dùng tay giữ bát khi ăn, cần nên học.

14. Thức ăn chưa dọn đưa đến, không nên đưa bát ra trước để đợi, cần nên học.

15. Không để bát trên thức ăn, cần nên học.

16. Cung kính khi ăn, cần nên học.

17. Không vắt miếng cơm quá lớn, quá nhỏ, nên vắt miếng cơm vừa để ăn, cần nên học.

18. Thức ăn chưa đưa đến miệng, không nên há miệng trước để đợi, cần nên học.

19. Không được trong miệng ngậm thức ăn mà nói chuyện, cần nên học.

20. Không lấy cơm phủ trên canh hoặc lấy canh phủ trên cơm để mong được sớt thêm thức ăn nữa, cần nên học.

21. Không liếm thức ăn, không nhai cơm ra tiếng, không húp canh ra tiếng, không bươi lấy thức ăn ngon, không chê thức ăn, không dồn thức

ăn làm phồng hai bên má, không lè lưỡi ăn, không đắp cơm thành hình tháp, cần nên học.

22. Không liếm tay, liếm bát, không vung vảy tay, không khua bát ra tiếng, nhất tâm ngó vào bát mà ăn, cần nên học.

23. Không có tâm khinh mạn ngó vào bát của người ngồi bên cạnh, cần nên học.

24. Không dùng tay dơ cầm bình nước sạch, cần nên học.

25. Trong nhà bạch y, không nên đổ nước rửa bát mà không hỏi chủ nhà, cần nên học.

26. Không được bỏ thức ăn dư vào bát đựng nước, cần nên học.

27. Trên đất không có vật kê lót thì không được để bát, cần nên học.

28. Không đứng rửa bát, cần nên học.

29. Không được để bát chỗ dễ rơi bể, dễ mất, không dùng bát múc nước chảy ngược dòng, cần nên học.

30. Người ngồi ta đứng thì không nên vì nói pháp, cần nên học.

31. Người nằm ta ngồi thì không nên vì nói pháp, cần nên học.

32. Người ngồi tòa cao, ta ngồi tòa thấp thì không nên vì thuyết pháp, cần nên học.

33. Người đi trước, ta đi sau thì không nên vì thuyết pháp, cần nên học.

34. Người đi đường chánh, ta đi bên lề thì không nên vì thuyết pháp, cần nên học.

35. Không thuyết pháp cho người trùm đầu, người lật y qua một bên, người lật y sang hai bên, người chống nạnh, người vung vẩy tay, trừ bịnh, cần nên học.

36. Không thuyết pháp cho người cỡi vi, cỡi ngựa, ngồi kiệu, đi xe, trừ bịnh, cần nên học.

37. Không thuyết pháp cho người mang giày, mang guốc..., trừ bịnh, cần nên học.

38. Không thuyết pháp cho người đội mũ nón, người quấn đầu,... trừ bịnh, cần nên học.

39. Không được thuyết pháp cho người cầm dù, lọng, cần nên học.

40. Không được đứng đại tiểu tiện, trừ bịnh, cần nên học.

41. Không được đại tiểu tiện, khạc nhổ trong nước sạch, trừ bịnh, cần nên học.

42. Không được đại tiểu tiện, khạc nhổ trên cỏ tươi, trừ bịnh, cần nên học.

43. Không được leo lên cây cao quá đầu người, trừ nạn duyên, cần nên học.

Các Đại đức ni, tôi đã nói xong các Chúng học pháp, nay xin hỏi các Đại đức ni trong chúng này có thanh tịnh không? (ba lần). Các Đại đức ni, trong chúng này thanh tịnh vì im lặng, tôi xin nhớ giữ như vậy. Các Đại đức ni, đây là bảy pháp diệt

tránh, mỗi nửa tháng được nói ra từ trong Giới kinh.

## *VII. BẢY PHÁP DIỆT TRÁNH:*

Nhiếp tụng:

*Hiện tiền và ức niệm,*
*Bất si và cầu tội,*
*Đa nhơn ngữ, tự ngôn,*
*Cỏ phủ trừ các tránh.*

1. Đáng cho Hiện tiền Tỳ-nại-da thì nên cho Hiện tiền Tỳ-nại-da.

2. Đáng cho Ức niệm Tỳ-nại-da thì nên cho ức niệm Tỳ-nại-da.

3. Đáng cho Bất si Tỳ-nại-da thì nên cho bất si Tỳ-nại-da.

4. Đáng cho Cầu tội tự tánh Tỳ-nại-da thì nên cho Cầu tội tự tánh Tỳ-nại-da.

5. Đáng cho Đa nhơn ngữ Tỳ-nại-da thì nên cho Đa nhơn ngữ Tỳ-nại-da.

6. Đáng cho Tự ngôn Tỳ-nại-da thì nên cho Tự ngôn Tỳ-nại-da.

7. Đáng cho cỏ phủ Tỳ-nại-da thì nên cho Cỏ phủ Tỳ-nại-da.

Nếu có việc tranh cải khởi lên nên dùng bảy pháp này thuận theo lời Phật dạy như pháp như luật dứt diệt.

Các Đại đức ni, tôi đã nói xong bảy pháp diệt

tránh, nay xin hỏi các Đại đức ni, trong chúng này có thanh tịnh không? (ba lần). Các Đại đức ni, trong chúng này thanh tịnh vì im lặng, tôi xin nhớ giữ như vậy.

Các Đại đức ni, tôi đã nói xong tựa Giới kinh, tám pháp Ba la thị ca, hai mươi pháp Tăng già bà thi sa, ba mươi ba pháp Ni-tát-kỳ-ba-dật- đề, một trăm tám mươi pháp Ba-dật-đề, mười một pháp Ba la đề đề xá ni, các Chúng học pháp và bảy pháp diệt tránh. Các pháp này đều được nói ra từ trong Giới kinh của Như lai Ứng chánh đẳng giác, nếu có các tùy pháp khác tương ưng với các pháp này, đều nên tu học. Các Đại đức ni cùng nhau hòa hợp, hoan hỉ không tranh, nhất tâm hòa hợp như nước hòa với sữa, siêng năng phát huy rực rỡ Thánh giáo của Đại sư, chớ buông lung để được an lạc trụ, nên tu học như vậy.

*"Trong cần, nhẫn là trên,*
*Hay được quả Niết-bàn,*
*Xuất gia xúc não người,*
*Không gọi là Sa môn"*

Đây là Giới kinh do đức Như lai Chánh đẳng giác Tỳ bà thi nói ra.

*"Mắt sáng tránh đường hiểm,*
*Đến được chỗ an ổn,*
*Người trí trong Sanh giới,*
*Xa lìa được các ác".*

Đây là Giới kinh do đức Như lai Đẳng chánh

giác Thi khí nói ra.

*"Không báng cũng không hại,*
*Khéo hộ trì giới kinh,*
*Ăn uống biết vừa đủ,*
*Thọ dụng ngọa cụ xấu,*
*Siêng tu Định tăng thượng,*
*Là lời chư Phật dạy".*

Đây là Giới kinh do đức Như lai Đẳng chánh giác Tỳ xá phù nói ra.

*"Ví như ong hút mật,*
*Không hoại sắc và hương,*
*Chỉ hút lấy hương vị,*
*Như Bí-sô vào thôn".*

Đây là Giới kinh do đức Như lai Đẳng chánh giác Câu lưu tôn nói ra.

*"Không chống trái việc người,*
*Không xem làm, không làm,*
*Chỉ xem lại hạnh mình,*
*Là chánh hay không chánh".*

Đây là Giới kinh do đức Như lai Đẳng chánh giác Yết nặc ca nói ra.

*"Chớ đắm nơi tâm định,*
*Siêng tu chỗ vắng lặng,*
*Người nên cứu không lo,*
*Thường khiến niệm không mất.*
*Nếu người hay huệ thí,*
*Phước thêm, oán tự dứt,*
*Hành thiện trừ các ác,*

*Dứt hoặc đến Niết-bàn".*

Đây là Giới kinh do đức Như lai Đẳng chánh giác Ca-diếp-ba nói ra.

*"Tất cả ác chớ làm,*
*Tất cả thiện nên tu,*
*Điều phục khắp tự tâm,*
*Là lời chư Phật dạy.*
*Lành thay, hộ thân nghiệp,*
*Lành thay, hộ ngữ nghiệp,*
*Lành thay, hộ ý nghiệp,*
*Hộ ba nghiệp tối thiện,*
*Bí-sô hộ tất cả,*
*Giải thoát mọi khổ đau.*
*Khéo hộ nơi miệng nói,*
*Cũng khéo hộ nơi ý,*
*Thân không làm các ác,*
*Ba nghiệp thường thanh tịnh,*
*Đây là tùy thuận theo,*
*Đạo Đại tiên đã hành".*

Đây là Giới kinh do đức Như lai Đẳng chánh giác Thích ca nói ra.

*"Tỳ bà thi, Thức khí,*
*Tỳ xá, Câu lưu tôn,*
*Yết nặc ca mâu ni,*
*Ca-diếp, Thích ca tôn,*
*Đều là Trời trong trời,*
*Vô thượng điều ngự sư,*
*Bảy Phật đều hùng mãnh,*

*Hay cứu hộ thế gian,*
*Đầy đủ đại danh xưng,*
*Đều nói Giới kinh này.*
*Chư Phật và đệ tử,*
*Đều cùng tôn kính giới,*
*Do cung kính Giới kinh,*
*Chứng được quả vô thượng.*
*Người nên cầu xuất ly,*
*Siêng tu lời Phật dạy,*
*Hàng phục quân sanh tử,*
*Như voi xô nhà cỏ,*
*Ở trong pháp luật này,*
*Nên tu không phóng dật,*
*Khô được biển phiền não,*
*Dứt hết bờ mé khổ.*
*Như Giới kinh này nói,*
*Hòa hợp làm Trưởng tịnh,*
*Phải cùng tôn kính giới,*
*Như trâu mao tiếc đuôi.*
*Tôi nói Giới kinh rồi,*
*Chúng tăng trưởng tịnh xong,*
*Phước lợi các hữu tình,*
*Đều cùng thành Phật đạo".*

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 80

# CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA NI ĐÀ NA MỤC ĐẮC CA NHIẾP TỤNG

# SỐ 1456

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

# SỐ 1456

# CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ NI ĐÀ NA MỤC ĐẮC CA NHIẾP TỤNG

*- Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Nghĩa Tịnhđời Đường.*
*TQ- Việt dịch: Ban phiên dịch chùa Pháp Bảo, HT Thích Tịnh Hạnh giám tu - năm 2005- Hiệu đính và nhuận văn: NS Thích nữ Như Lộc tại chùa Phổ Minh. năm 2010*

## NI ĐÀ NA

## *A. TỔNG NHIẾP TỤNG ĐẠI MÔN NI ĐÀ NA:*

*Ban đầu thọ Cận viên,*
*Kế chia vật người chết,*
*Sàn tròn và khóa cửa,*
*Năm môn tượng Bồ-tát.*

## I. Tổng nhiếp tụng của Biệt môn thứ nhất:

*Cận viên biết số ngày,*
*Giới khác, không nhập, địa,*
*Giới, năm chúng an cư,*
*Không cắt, da, thịt sống.*

1. Nhiếp tụng thứ nhất:

*Cận viên tướng nam nữ,*
*Thầy không phải cận viên,*
*Các nạn, mười, không thầy,*

*Không truyền giới, bảy tuổi.*

2. Nhiếp tụng thứ hai:

*Cần phải biết số ngày,*
*Cáo bạch, đêm nên giảm,*
*Sáu ngày, mười tám ngày,*
*Thuyết giới, không tính luôn.*

3. Nhiếp tụng thứ ba:

*Giới khác không nói tịnh,*
*Cũng không làm yết ma,*
*Trên không không thọ dục,*
*Giải cũ mới kết mới.*

4. Nhiếp tụng thứ tư:

*Không nhập giới, xả giới,*
*Giới cây, có Thế tôn,*
*Không vượt, có thể vượt,*
*Vị yết ma qua đời.*

5. Nhiếp tụng thứ năm:

*Đất, tường... tác yết ma,*
*Kết giới không gởi dục,*
*Chỉ ngồi ở một chỗ,*
*Được làm bốn yết ma.*

6. Nhiếp tụng thứ sáu:

*Đại giới hai trạm rưỡi,*
*Dưới nước và trên núi,*
*Dị kiến, mặt trời mọc,*
*Năm chúng thọ bảy ngày.*

7. Nhiếp tụng thứ bảy:

*Năm chúng thọ an cư,*
*Thân tộc... thỉnh được đi,*
*Nơi kinh có nghi vấn,*
*Người cầu hiểu được đi.*

8. Nhiếp tụng thứ tám:

*Dù y không cắt rọc,*
*Có nạn duyên được mặc,*
*Y may theo thân lượng,*
*Nếu thiếu may hạ y.*

9. Nhiếp tụng thứ chín:

*Không chứa năm loại da,*
*Do vì có lỗi lầm,*
*Khai cho được thọ dụng,*
*Vừa đủ thân ngồi nằm.*

10. Nhiếp tụng thứ mười:

*Thịt sống, các loại dấm,*
*Có năm loại không dùng,*
*Bịnh trĩ không cắt bỏ,*
*Hồi thí, biết mong cầu.*

**II. Tổng nhiếp tụng của Biệt môn thứ hai:**

*Chia y và xướng dắt,*
*Trương y, người thọ học,*
*Làm lại, thâu nhiếp, đuổi,*
*Cầu tịch đồng trên tường.*

1. Nhiếp tụng thứ nhất:

*Chia y vật người chết,*
*Cùng lấy vật lẫn nhau,*

*Thấy đánh nên can gián,*
*Xử phân theo đầu day.*

2. Nhiếp tụng thứ hai:

*Người xướng ngôn đi xe,*
*Được y nên cất giữ,*
*Tăng già được y lợi,*
*Thánh phàm đều đồng chia.*

3. Nhiếp tụng thứ ba:

*Có trương, có không trương,*
*Có xuất, có không xuất,*
*Nếu người ở ngoài giới,*
*Nghe sanh tâm tùy hỉ.*

4. Nhiếp tụng thứ tư:

*Thọ học không tác pháp,*
*Tác pháp không thành quở,*
*Mười hai hạng thành quở,*
*Bất tịnh: phạm căn bản.*

5. Nhiếp tụng thứ năm:

*Càng nên tác pháp lại,*
*Chớ bảo Cầu tịch ra,*
*Khéo dụng tâm thủ hộ,*
*Ở chỗ thấy không nghe.*

6. Nhiếp tụng thứ sáu:

*Thu nhiếp ở trong giới,*
*Trong chúng tâm hàng phục,*
*Chặt bỏ cột, khung cửa,*
*Ni... cũng đồng đuổi đi.*

7. Nhiếp tụng thứ bảy:

*Phá giới nên đuổi đi,*
*Níu núp cũng như trên,*
*Xúc não tục cầu tạ,*
*Các chúng khác cũng vậy.*

8. Nhiếp tụng thứ tám:

*Cho Cầu tịch linh bố (yết ma),*
*Vì thành thọ Cận viên,*
*Khi năm pháp thành tựu,*
*Năm hạ lìa y chỉ.*

9. Nhiếp tụng thứ chín:

*Đồng phần, chẳng đồng phần,*
*Tội hữu hạn, vô hạn,*
*Che giấu, không che giấu,*
*Một tên, chủng loại khác.*

10. Nhiếp tụng thứ mười:

*Không hành pháp trên tường,*
*Không ở chỗ một... ba,*
*Không đối người phá giới,*
*Không lấy dục (của) Thọ học.*

III. Tổng nhiếp của Biệt môn thứ ba:

*Sàn tròn, rớt bể bát,*
*Khăn, ống khói, chén thuốc,*
*Vồ sắt, tóc và cửa,*
*Không nên làm bằng sắt.*

1. Nhiếp tụng thứ nhất:

*Sàn tròn, miếu thờ trời,*

*Hai trạm rưỡi y chỉ,*
*Không độ người không bát,*
*Không ghi tên lên bát.*

2. Nhiếp tụng thứ hai:

*Cầu tịch rớt bể bát,*
*Khai cho người chánh niệm,*
*Hai loại lồng nung bát,*
*Vật cần dùng theo lồng.*

3. Nhiếp tụng thứ ba:

*Không lau chung một khăn,*
*Khi tắm ngăn người vào,*
*Không cạo tóc trên nệm,*
*Tùy bịnh mà uống ăn.*

4. Nhiếp tụng thứ tư:

*Ống khói, y hoại sắc,*
*Ống mũi, ly uống nước,*
*Ống kim trừ vật báu,*
*Que chấm thuốc nhỏ mắt.*

5. Nhiếp tụng thứ năm:

*Vật đựng thuốc, nệm, thảm,*
*Kê chân khô, thuốc xổ,*
*Bí-sô không nên làm,*
*Nên chọn y người chết.*

6. Nhiếp tụng thứ sáu:

*Nồi sắt và vá muỗng,*
*Tự thân không mang vác,*
*Vật thực giúp cha mẹ,*

*Không mặc y lông dài.*

7. Nhiếp tụng thứ bảy:

*Xây tháp thờ tóc, móng,*
*Nên sơn màu trắng sáng,*
*Tùy ý trang trí đèn,*
*Làm mái hiên cao lên.*

8. Nhiếp tụng thứ tám:

*Cửa tháp và mái che,*
*Xây thêm nền dưới tháp,*
*Dùng đá đỏ, bột tía tô*
*Phật cho tùy ý làm.*

9. Nhiếp tụng thứ chín:

*Không được dùng đinh đóng,*
*Và leo lên trên tháp,*
*Cúng hoa bằng vàng bạc,*
*Làm mái che trên tháp.*

10. Nhiếp tụng thứ mười:

*Dùng sắt xây dựng tháp,*
*Cho đến dùng bảy báu,*
*Lại cho cúng cờ phướn,*
*Cho đến dùng dầu thơm.*

**IV. Tổng nhiếp tụng của Biệt môn thứ tư:**

*Khóa cửa tùy chỗ dùng,*
*Thấm y, đại tiểu tiện,*
*Nhuộm y, lạm nhận y,*
*Mua chịu, trái, bất tịnh.*

1. Nhiếp tụng thứ nhất:

*Khóa cửa, gối dựa, lưới,*
*Nhận gạo cho chúng dùng,*
*Làm phòng riêng trong chùa,*
*Người ở được thọ dụng.*

2. Nhiếp tụng thứ hai:

*Tùy ở được thọ dụng,*
*Người xây cất cần dùng,*
*Khí cụ và đèn dầu...,*
*Dùng theo ý thí chủ.*

3. Nhiếp tụng thứ ba:

*Để mưa thấm vật Tăng,*
*Nửa đêm chia ngọa cụ,*
*Giường nhỏ chia theo tuổi,*
*Chiếu mền cũng như vậy.*

4. Nhiếp tụng thứ tư:

*Ở chỗ đại tiểu tiện,*
*Kinh hành không não người.*
*Rửa chân, vải lau giày,*
*Nồi, sạn... không đoạt dùng.*

5. Nhiếp tụng thứ năm:

*Nồi, bình dùng nhuộm y,*
*Bát của Tăng, ly tách,*
*Dao nhíp, kéo cắt móng,*
*Kê giường không tính tuổi.*

6. Nhiếp tụng thứ sáu:

*Đo cắt Yết-sỉ-na,*
*Kim chỉ lúc đang may,*

*Nước nhuộm... các vật dụng,*
*Đang dùng không được đoạt.*

7. Nhiếp tụng thứ bảy:

*Ngoại đạo lạm nhận y,*
*Ký hiệu, khi chết cho,*
*Có năm loại thân hữu,*
*Tác pháp xin được đi.*

8. Nhiếp tụng thứ tám:

*Mua chịu y người khác,*
*Đoán giá y cho người,*
*Không trả giá thấp cao,*
*Nên trả hai ba giá.*

9. Nhiếp tụng thứ chín:

*Sai chăm sóc cây trái,*
*Bốn loại không nên chia,*
*Trái chín hiền tiền chia,*
*Xem sâu chớ ồn náo.*

10. Nhiếp tụng thứ mười:

*Không tịnh nhơn, tự đưa,*
*Không được tự lấy ăn,*
*Không được lựa, trừ bịnh,*
*Kết giới, ra làm chứng.*

**V. Tổng nhiếp tụng của Biệt môn thứ năm:**

*Cúng dường tượng Bồ-tát,*
*Kiết tường, đại chúng ăn,*
*Đại hội, ngồi tòa cỏ,*

*Nhóm tăng đánh trống lớn.*

1. Nhiếp tụng thứ nhất:

*Cho làm tượng Bồ-tát,*
*Và làm năm loại cờ,*
*Làm tòa để tôn nghi,*
*Tùy ý làm trụ sắt.*

2. Nhiếp tụng thứ hai:

*Cúng dường tượng Bồ-tát,*
*Cho làm các chuỗi ngọc,*
*Hương thoa cùng xe, kiệu,*
*Dù lọng và cờ phướn.*

3. Nhiếp tụng thứ ba:

*Kiết tường và cúng dường,*
*Vòng hoa, hương tổng hợp,*
*Khi mọi người tập họp,*
*Ngày mở cửa, đêm đóng.*

4. Nhiếp tụng thứ tư:

*Đại chúng nhóm thọ thực,*
*Sanh tháng Tiết xá khư,*
*Hương đài, năm sáu năm,*
*Nên thiết lập đại hội.*

5. Nhiếp tụng thứ năm:

*Đại hội làm tòa cỏ,*
*Không nên ngồi tạp loạn,*
*Nên đánh kiền chùy, trống,*
*Thông báo cho biết hết.*

6. Nhiếp tụng thứ sáu:

*Nhóm Tăng đánh trống lớn,*
*Cúng xong tháo cờ phướn,*
*Nếu được nhiều trân bảo,*
*Tùy lớn nhỏ chia đều.*

## MỤC ĐẮC CA

### *B. TỔNG NHIẾP TỤNG ĐẠI MÔN MỤC ĐẮC CA:*

*Môn đầu tiên sám hối,*
*Thứ hai định thuộc vật,*
*Thứ ba tư cụ, y,*
*Tổng tụng Mục đắc ca.*

### I. Tổng nhiếp tụng của Biệt môn thứ nhất:

*Sám hối, bãi cỏ êm,*
*Đáng miễn, vua Ảnh Thắng,*
*Thịt chó, chén nhỏ, mía,*
*Cho dùng đường, tô, củ...*

1. Nhiếp tụng thứ nhất:

*Sám hối, phi Cận viên,*
*Xem tướng mạo Cầu tịch,*
*Pháp Bí-sô và Ni,*
*Lẫn nhau bỉnh pháp thành.*

2. Nhiếp tụng thứ hai:

*Bãi cỏ, thôn, lược nói,*
*Khởi tâm làm Trưởng tịnh,*
*Giặc trói, tội không đồng,*

*Khai sáu, dạy sám hối.*

3. Nhiếp tụng thứ ba:

*Người đáng miễn nên miễn,*
*Đào mương, sai chúng đi,*
*Một ngày đến bốn tuần,*
*Da thịt đều bất tịnh.*

4. Nhiếp tụng thứ tư:

*Thí giường vua Ảnh Thắng,*
*Vật của mẹ cúng Tăng,*
*Quạ, cò, hạc, kên kên,*
*Bí-sô không được ăn.*

5. Nhiếp tụng thứ năm:

*Không được ăn thịt chó,*
*Loài chim thú ăn thây,*
*Ngựa và loài có móng,*
*Cũng không ăn thịt vượn.*

6. Nhiếp tụng thứ sáu:

*Chén nhỏ và chéo y,*
*Da, lá đều có lỗi,*
*Trừ một loại bằng sắt,*
*Vật khác tùy ý làm.*

7. Nhiếp tụng thứ bảy:

*Mía, lạc, thịt và mè,*
*Dược có bốn loại khác,*
*Gai, cải Mạn thanh, cháo,*
*Củ... nấu cháo được ăn.*

8. Nhiếp tụng thứ tám:

*Cho uống nước đường cát,*
*Được làm Thất nhật dược.*
*Tâm niệm làm năm việc,*
*Lợi vật nên cùng chia.*

9. Nhiếp tụng thứ chín:

*Thầy thuốc bảo dùng Tô,*
*Dầu, thực phẩm tàn xúc,*
*Cho dùng Dược thích hợp,*
*Tịnh trù trừ mười nơi.*

10. Nhiếp tụng thứ mười:

*Củ, cọng, lá, hoa, quả,*
*Đều cho ngâm trong rượu,*
*Khuấy với nước để uống,*
*Cho dùng thức uống khác.*

**II. Tổng nhiếp tụng của Biệt môn thứ hai:**

*Định vật, nơi có chủ,*
*Nên hỏi, Kiều-tát-la,*
*Theo tượng, báo trước, sai,*
*Giảm bớt tầng, Ni chúng.*

1. Nhiếp tụng thứ nhất:

*Định vật không nên dời,*
*Chớ lượm vật giặc bỏ,*
*Ở Thi lâm cũng vậy,*
*Cho thì tùy ý lấy.*

2. Nhiếp tụng thứ hai:

*Vật thiên miếu có chủ,*
*Bí-sô không nên lấy,*

*Người khán bịnh không nên,*
*Khuyên người bịnh xả y.*

3. Nhiếp tụng thứ ba:

*Hỏi thí chủ vật cúng,*
*Lợi vật nên chia đều,*
*Hai chúng lớn chia đều,*
*Chúng khác nên gia giảm.*

4. Nhiếp tụng thứ tư:

*Già trắng Kiều-tát-la,*
*Nhân con Phật, ăn mì,*
*Duyên Thất lợi cấp đa,*
*Nói rộng việc xây cất.*

5. Nhiếp tụng thứ năm:

*Đưa tượng vào trong thành,*
*Thọ kiết tường, vật cúng,*
*Tùy tình trổi trống nhạc,*
*Bí-sô không nên làm.*

6. Nhiếp tụng thứ sáu:

*Cần phải thông báo trước,*
*Năm chúng theo vào thành,*
*Nên sai người giữ vật,*
*Ni không luân pháp riêng (tách ra riêng).*

7. Nhiếp tụng thứ bảy:

*Nên sai người chia vật,*
*Thượng tòa nên định giá,*
*Không được liền trả giá,*

*Bị đòi giá, trả y.*

8. Nhiếp tụng thứ tám:

*Chùa lớn giảm bớt tầng,*
*Người mang y được dùng,*
*Nạn khủng bố nếu dứt,*
*Nên theo quy định trước.*

9. Nhiếp tụng thứ chín:

*Nếu có pháp hội lớn,*
*Đánh trống nhóm chúng tăng,*
*Chúng đông hành thực riêng,*
*Người kiểm tra ăn trước.*

10. Nhiếp tụng thứ mười:

*Trên chỗ Thủ chúng ni,*
*Nên để một chỗ trống,*
*Cho Bí-sô khác đến,*
*Cô khổ chớ tăng giá.*

**III. Tổng nhiếp tụng của Biệt môn thứ ba:**

*Tư cụ y, ngu si,*
*Sai, không dùng, người tục,*
*Đang làm, trưởng giả cúng,*
*Dao cạo, trang hoàng tháp,*
*Cơm, lạc, lá, múc nước,*
*Và các việc rửa bát...*
*Mười hai bài tụng này,*
*Tổng nhiếp cần nên biết.*

1. Nhiếp tụng thứ nhất:

*Mười ba tư cụ y,*

*Ghi tên cất giữ dùng,*
*Nếu có y dư khác,*
*Ký gởi nên phân biệt.*

2. Nhiếp tụng thứ hai:

*Si không hiểu ba tạng,*
*Mười hai hạng người này,*
*Khi mất tánh hồi phục lại,*
*Quở trách nên ghi nhận.*

3. Nhiếp tụng thứ ba:

*Sai mười hai hạng người,*
*Nói thì thành pháp quở,*
*Khi thọ nói là tục,*
*Thì không thành Cận viên.*

4. Nhiếp tụng thứ tư:

*Không dùng năm loại mỡ,*
*Tùy trường hợp nói giới,*
*Nhân Ức nhĩ ăn cháo,*
*Chúng nên thọ ruộng vua.*

5. Nhiếp tụng thứ năm:

*Người tục và Cầu tịch,*
*Không được cùng ngồi chung,*
*Trừ khi có nạn duyên,*
*Ngồi chung không thành lỗi.*

6. Nhiếp tụng thứ sáu:

*Đang làm đừng bảo dậy,*
*Ngồi theo tuổi, chậu nhuộm,*
*Nên cùng giữ vườn Tăng,*

*Đừng đốt gỗ xây dựng.*

7. Nhiếp tụng thứ bảy:

*Vật trưởng giả đã thí,*
*Hỏi rồi nên cất giữ,*
*Đừng chiếm chỗ người khác,*
*Rửa sạch mới vào chùa.*

8. Nhiếp tụng thứ tám:

*Dao và nhíp của Tăng,*
*Dùng xong không giữ luôn,*
*Khi tiểu tiện xong rồi,*
*Không ở lâu trong đó.*

9. Nhiếp tụng thứ chín:

*Trang hoàng chung quanh tháp,*
*Bài trí các Thánh tích,*
*Nước đục tùy uống dùng,*
*Nước mặn phân biệt biết.*

10. Nhiếp tụng thứ mười:

*Cơm, lạc... không phải dơ,*
*Nước trong lu cũng vậy,*
*Rửa chân, năm loại bình,*
*Thế nào gọi là sạch?,*
*Lá, tay bụm nước uống,*
*Đa nghi, rót vào bát,*
*Mang lương thực qua sông,*
*Dù chạm không thành lỗi,*
*Rửa bát nên dụng tâm,*
*Người chạm, hỏi mới thọ,*

*Đổi thức ăn, lương thực,*
*Hết nạn ngăn trở lại.*

**IV. Tổng nhiếp tụng của Biệt môn thứ tư:**

*Cho phần ruộng, không nên,*
*Ở trần, định vật cho,*
*Y Tăng, y vãng hoàn,*
*Mía, quả, cho ở, quần.*

1. Nhiếp tụng thứ nhất:

*Cho phần ruộng giúp nhau,*
*Xe, thuyền và nước sôi,*
*Quạ mổ, ruồi, không thẹn,*
*Cúng tháp, tin thiểu dục.*

2. Nhiếp tụng thứ hai:

*Không nên bảo tặc trụ,*
*Huỳnh môn... các hạng người,*
*Cho đến người thọ học,*
*Hành trù phá tăng chúng.*

3. Nhiếp tụng thứ ba:

*Không ở trần, khoác y,*
*Dầm mưa, vào nhà trù,*
*Tiện lợi, nên khâu vá,*
*Trộn hồ, phước tăng trưởng.*

4. Nhiếp tụng thứ tư:

*Định vật cúng nơi này,*
*Không đem cho nơi khác,*
*Nếu đã mang đem cho,*
*Tính giá đền trả lại.*

5. Nhiếp tụng thứ năm:

*Y Tăng đề thí chủ,*
*Y mình làm dấu riêng,*
*Gia - cá nhân được nhận,*
*Hạ. ni nên tu sửa.*

6. Nhiếp tụng thứ sáu:

*Y vãng hoàn người chết,*
*Đem trả lại nên nhận,*
*Vì chúng mượn tài vật,*
*Đem vật chúng trả lại.*

7. Nhiếp tụng thứ bảy:

*Mía... thức ăn chia đều,*
*Không nên chia miệng bụng,*
*Bốn vật thực không chia,*
*Đêm không chia ngọa cụ.*

8. Nhiếp tụng thứ tám:

*Quả do Dược xoa cúng,*
*Tác tịnh rồi thọ ăn,*
*Còn dư làm nước uống,*
*Không đốt đất, đài đèn.*

9. Nhiếp tụng thứ chín:

*Khách chủ nên biết rõ,*
*Đưa và nhận cẩn thận,*
*Đóng cửa chùa năm việc,*
*Khuỷu tay ngắn, tùy thân.*

10. Nhiếp tụng thứ mười:

*Quần và Tăng khước kỳ,*

*Bùn thơm dơ y - giặt,*
*Lượm. bỏ bớt rồi ăn,*
*Nên biết mười loại bụi.*

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 80

# CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ LƯỢC TỲ NẠI DA TẠP SỰ NHIẾP TỤNG
# SỐ 1457

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

# SỐ 1457

# CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TẠP SỰ NHIẾP TỤNG

*- Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh đời Đường.*
*TQ- Việt dịch: Ban phiên dịch chùa Pháp Bảo, HT Thích Tịnh Hạnh giám tu - 2005 - Hiệu đính và nhuận văn: NS Thích nữ Như Lộc tại chùa Phổ Minh. năm 2010*

## TẠP SỰ NHIẾP TỤNG

Tạp sự này tổng cộng có tám môn, một tụng đại môn nhiếp hết cả bộ; trong mỗi môn lại có biệt môn tổng nhiếp tám bài tụng, trong mỗi biệt môn lại có mười bài tụng, tổng cộng là tám mươi chín bài tụng, trong mỗi bài tụng tóm lược ngàn hàng. Nếu ai thọ trì thông thuộc thì có thể thông suốt hết ý nghĩa cả bộ.

### *A - TỤNG ĐẠI MÔN TỔNG NHIẾP: có tám*

*Đá kỳ cọ, lông bò,*
*Ba y và Thượng tòa,*
*Xá lợi, gân thú dữ,*
*Cấp đa ni, trừ tháp.*

### I. Tổng nhiếp tụng của biệt môn thứ nhất:

*Đá kỳ (cọ), tên, móng, bát,*
*Gương, sanh chi, đạp y,*

*Thủy la, đậu sống khác,*
*Rửa chân, quần nên cột.*

1. Nhiếp tụng thứ nhất:

*Đá kỳ cọ, đất trắng,*
*Ngưu hoàng và hương thơm,*
*Đánh cột, đeo chỉ sợi,*
*Đeo anh lạc và con dấu.*

2. Nhiếp tụng thứ hai:

*Cắt tóc, móng, đánh bóng,*
*Mùa xuân ăn trái nhỏ,*
*Khát dùng năm loại thuốc,*
*Nói nhân duyên Hỏa sanh.*

3. Nhiếp tụng thứ ba:

*Vá bát, chứa tư cụ,*
*Dao nhỏ và ống kim,*
*Cột phơi y có ba,*
*Bậc đại tiên khai cho.*

4. Nhiếp tụng thứ tư:

*Soi gương và soi nước,*
*Không được dùng lược chải,*
*Trên đầu để tóc dài,*
*Phòng tắm, Lật cô tỳ.*

5. Nhiếp tụng thứ năm:

*Sanh chi, mặt như gương,*
*Không được ca múa nhạc,*
*Khai cho ngâm vịnh, tán,*
*Dùng bát, cả thảy bốn.*

6. Nhiếp tụng thứ sáu:

*Bước trên vải, các đãy,*
*Mền nệm và tọa cụ,*
*Có duyên lìa ba y,*
*Có sáu pháp tâm niệm.*

7. Nhiếp tụng thứ bảy:

*Cái lượt nước có năm,*
*Cùng ăn chung một bát,*
*Lộ hình khi ăn uống,*
*Việc tắm rửa nên biết.*

8. Nhiếp tụng thứ tám:

*Đậu mọc nơi đất dơ,*
*Ói thức ăn, đòi hỏi,*
*Không được dùng đồ đồng,*
*Được đựng muối... không phạm.*

9. Nhiếp tụng thứ chín:

*Nên làm chỗ rửa chân,*
*Cho chứa chậu rửa chân,*
*Mùa nóng cho dùng quạt,*
*Năm loại phất đuổi muỗi.*

10. Nhiếp tụng thứ mười:

*Không cột hạ quần cao,*
*Thân không mang vác nặng,*
*Nếu bịnh cho cầm gậy,*
*Khai cho được dùng tỏi...*

**II. Tổng nhiếp Biệt môn thứ hai:**

*Lông bò và dù lọng,*

*Đắp mền, duyên Thắng man,*
*Xuất gia, bình nước thuốc,*
*Cửa ngỏ, dùi, búa, rìu.*

1. Nhiếp tụng thứ nhất:

*Lông bò và chỗ kín,*
*Chung giường, không đắp riêng,*
*Nếu được vải màu trắng,*
*Nhuộm rồi mới được dùng.*

2. Nhiếp tụng thứ hai:

*Dù, lọng, không đời sau,*
*Tiếng ca, không phóng hỏa,*
*Du hành cầu y chỉ,*
*Mền lông, không đắp ngược.*

3. Nhiếp tụng thứ ba:

*Nệm lót, cho không cho,*
*Không để bát chỗ dơ,*
*Cột y, ba loại nút,*
*Dây đai lưng cũng vậy.*

4. Nhiếp tụng thứ tư:

*Việc Thắng man, Ác sanh,*
*Chế đeo chuỗi anh lạc,*
*Dây vàng, vật màu sắc,*
*Thảy đều không cất chứa.*

5. Nhiếp tụng thứ năm:

*Xuất gia có năm lợi,*
*Không cầm tiền, thọ học (học hối Sa di)*
*Đại chúng nói kệ tụng,*

*Ho khai cho hút thuốc.*

6. Nhiếp tụng thứ sáu:

*Cho tắm nước thuốc nóng,*
*Nhỏ mũi, dùng chén đồng,*
*Già bịnh được đi xe,*
*Nên biết việc tiểu tiện.*

7. Nhiếp tụng thứ bảy:

*Bình nước biết dơ sạch,*
*Nguyện Thế tôn trường thọ,*
*Nhân đây ni Niết-bàn,*
*Thức ăn uống có năm.*

8. Nhiếp tụng thứ tám:

*Làm cửa có ổ khóa,*
*Lót da, làm cửa sổ,*
*Trong rộng, dùng lưới ngăn,*
*Cây chống móng chân dê.*

9. Nhiếp tụng thứ chín:

*Chùy sắt và chum vại,*
*Xẻng sắt và xẻng gỗ,*
*Nồi, giường, bếp năm trăm,*
*Búa đục đều cho dùng.*

10. Nhiếp tụng thứ mười:

*Búa, rìu, ba loại thang:*
*Tre, gỗ, dây tùy việc.*
*Hạ quán, cách làm chùa.*
*Nói nhân duyên Nan đà.*

## III. Tổng nhiếp tụng trong Biệt môn thứ

**ba:**

*Ba y và giá y,*
*Bên sông, làm chùa, muối,*
*Khăn lau mặt, lau thân,*
*Chùa, tòa, dao được chứa.*

1. Nhiếp tụng thứ nhất:

*Ba y đo điều, lá,*
*Chân giường, vật lau bụi,*
*Chỗ kinh hành trải thảm,*
*Phật cho chứa chày đá.*

2. Nhiếp tụng thứ hai:

*Giá y, lồng che đèn,*
*Chớ làm tổn thương trùng,*
*Nóng, làm nhà hóng mát,*
*Ghi nhớ thân Nan đà.*

3. Nhiếp tụng thứ ba:

*Bờ sông, chế cây tăm,*
*Đuổi La hỗ khỏi chùa,*
*Hợp tránh, không hợp tránh,*
*Hai hạng người được mặc.*

4. Nhiếp tụng thứ tư:

*Làm chùa, làm lưới, rèm,*
*Nói rộng việc quét đất,*
*Cầu pháp, hai đồng tử,*
*Mùa nóng nên làm nhà.*

5. Nhiếp tụng thứ năm:

*Muối hột để trong sừng,*

*Đồ đựng thuốc, nệm lót,*
*Ngồi tòa cao tụng kinh,*
*Cho dùng vật kê chân.*

6. Nhiếp tụng thứ sáu:

*Khăn lau mặt, y mỏng,*
*Ống nhổ và y lót,*
*Bồn sắt để dưới đất,*
*Ngọc nguyệt quang, giặt y.*

7. Nhiếp tụng thứ bảy:

*Lau thân, cột cổ rồng,*
*Đồ đá sanh nghi hoặc,*
*Nhuộm y có nhiều việc,*
*Tùy ý tô vẽ chùa.*

8. Nhiếp tụng thứ tám:

*Vật cần dùng làm chùa,*
*Khoét giường, nghi lễ kính,*
*Chứa riêng y cạo tóc,*
*Vòng hoa treo chỗ ngủ.*

9. Nhiếp tụng thứ chín:

*Tòa ngồi và giường tốt,*
*Bột thơm, lồng đựng bát,*
*Lọ dầu, đi (nên) nói pháp,*
*Đãy y, ba loại dây.*

10. Nhiếp tụng thứ mười:

*Nên chứa dao cạo tóc,*
*Vật dụng cắt móng tay...*
*Kê chân giường, gối nằm,*

*Được dùng hương xông đất.*

**IV. Tổng nhiếp tụng Biệt môn thứ tư:**

*Thượng tòa, tường, hàng rào,*
*Viền rách và nuôi bịnh,*
*Chiên đồ, heo. Mía, chùa,*
*Bát, theo cách trồng cây.*

1. Nhiếp tụng thứ nhất:

*Thượng tòa luân phiên thuyết,*
*Hoặc cùng thuyết đến hết,*
*Nước lượt là phi thời,*
*Chỗ không làm giới hạn.*

2. Nhiếp tụng thứ hai:

*Tường, dao cạo tóc Ni,*
*Không mặc y láng đẹp,*
*Được ít cũng chia đều,*
*Pháp tẩy tịnh nên biết.*

3. Nhiếp tụng thứ ba:

*Viền rách nên khâu vá,*
*Minh nguyệt nghe liền nhớ,*
*Y chỉ biết sai biệt,*
*Cho ba người cùng ngồi.*

4. Nhiếp tụng thứ tư:

*Nuôi bịnh trừ tánh tội,*
*Sắp viên không leo cây,*
*Không độ quan xuất gia,*
*Chặt tay, không nên làm.*

5. Nhiếp tụng thứ năm:

*Chiên đồ TÔ-đà-di,*
*Đại y tạm lấy dùng,*
*Sư Mô bà tu đạt,*
*Lấy bát tưởng của mình,*
*A thị đa hộ nguyệt,*
*Trộm tưởng lấy y mình.*

6. Nhiếp tụng thứ sáu:

*Heo, mía, trái Đa-la,*
*Hắc-hỉ trả nệm lông,*
*Đem cất dao, kim may,*
*Không dùng đồ lưu ly.*

7. Nhiếp tụng thứ bảy:

*Trong chùa nên vẽ khắp,*
*Đốt lửa và tắm rửa,*
*Nước bát, không đạp lá,*
*Khi ăn không mang giày.*

8. Nhiếp tụng thứ tám:

*Không bát, độ kẻ trộm,*
*An cư, không y chỉ,*
*Năm năm đông lợi dưỡng,*
*Không nên mang vác nặng.*

9. Nhiếp tụng thứ chín:

*Pháp tứ y, sáu vật,*
*Giặc trộm y Bí-sô,*
*Gởi có năm loại khác,*
*Phải biết cách thức nhuộm.*

10. Nhiếp tụng thứ mười:

*Phải biết cách trồng cây,*
*Trộm vải, hiện thần thông,*
*Nếu được vải thượng hạng,*
*Không cắt bỏ chỗ thêu.*

**V. Tổng nhiếp tụng của Biệt môn thứ năm:**

*Đốt thây, hỏi, ba lần,*
*Xả đọa, thân ta mất,*
*Giới, Bí-sô không nên,*
*Không dùng năm loại da.*

1. Nhiếp tụng thứ nhất:

*Đốt thây tụng Tam khải,*
*Mục liên bị đánh chết,*
*Không nên làm to lớn,*
*Được nhiều các trân bảo.*

2. Nhiếp tụng thứ hai:

*Gạn hỏi khiến nhớ nghĩ,*
*Hỏi có cho phép không,*
*Việc giáo thọ không làm,*
*Trưởng tịnh và Tùy ý.*

3. Nhiếp tụng thứ ba:

*Phật tam chuyển pháp luân,*
*Đầu tiên độ năm người,*
*Không nên kêu tên tộc,*
*Câu thi lược nói pháp.*

4. Nhiếp tụng thứ tư:

*Vật Xả đọa không chia,*

*Mùng ngăn muỗi được chứa,*
*Cây chụm ba, làm nồi,*
*Nên trương Yết-sỉ-na.*

5. Nhiếp tụng thứ năm:

*Khi chết dặn trao riêng,*
*Người ký gửi đã chết,*
*Phương khác thông ký gửi,*
*Nếu chết đối người khác.*

6. Nhiếp tụng thứ sáu:

*Ngoài giới không gởi dục,*
*Không gởi dục cho nhau,*
*Thuyết giới và Tùy ý,*
*Ai làm trái đều phạm.*

7. Nhiếp tụng thứ bảy:

*Phải nên biết số người,*
*Cho đến phát thẻ đếm,*
*Không ngồi chung người tục,*
*Già trẻ theo tuổi hạ.*

8. Nhiếp tụng thứ tám:

*Không nên ngồi ghế nệm,*
*Không dụ Cầu tịch khác,*
*Không nói lời thề thốt,*
*Không ăn thịt hổ ăn.*

9. Nhiếp tụng thứ chín:

*Không cho tự ẩn nấp,*
*Vì không nói bạch chúng...*
*Nếu được giạ thượng hạng,*

*Đem bán rồi cùng chia.*

10. Nhiếp tụng thứ mười:

*Không dùng năm loại da,*
*Các loại khác cũng vậy.*
*Nếu như bị bịnh trĩ,*
*Được dùng loại da gấu.*

## VI. Tổng nhiếp tụng của Biệt môn thứ sáu:

*Gân thú dữ không dùng,*
*Đăng quang và Dũng kiện,*
*Đà sa, pháp độ ni,*
*Nhân cho Kiều đáp di,*
*Ni không trước, trưởng giả,*
*Nên cho ngọa cụ khác,*
*Không cho vẩy nước dơ,*
*Tổng thứ sáu nên biết.*

1. Nhiếp tụng thứ nhất:

*Gân thú dữ không dùng,*
*Có che trước, che sau,*
*Hai bên và mũi giày,*
*Các giày đều không cho.*

2. Nhiếp tụng thứ hai:

*Bốn vương tử mới sanh,*
*Ánh sáng đều chiếu khắp,*
*Cha mẹ nhân việc này,*
*Đặt tên cho con mình.*
*Trong bụng trời thủ hộ,*

*Sanh ra bước trên Sen,*
*Giơ tay xưng độc tôn,*
*Tắm rửa, hoa trời rơi.*
*A-tư-đà xem tướng,*
*Na-thích-đà khuyên thầy,*
*Năm trăm điềm lành hiện,*
*Phu vương đặt ba tên.*
*Nhũ mẫu nuôi Thái tử,*
*Khiến xem tướng đại nhân,*
*A-tư-đà xa đến,*
*Xem hình tướng Mâu ni.*
*Đăng quang được làm vua,*
*Có năm vật thù thắng,*
*Nhân nói việc kỳ lạ,*
*Kiện-đà-la nói rõ.*
*Tu hú, hạc uống sữa,*
*Cỏ lau, đuôi thân bằng,*
*Loang lỗ và lông đồng,*
*Bồn cát, nước không tràn,*
*Muối, miến, nước sai khác,*
*Vải, ngói hóa thành bụi.*
*Kiện-đà-la suy nghĩ,*
*Mười việc thế gian này.*
*Mãnh quang tự hỏi mẹ,*
*Biết từ Bò cạp sanh,*
*Cho năm trăm tiền vàng,*
*Rồi đuổi ra khỏi nước.*
*Mãnh quang, Thị phược ca,*

*Kim quang, Y bát la,*
*Na-thích-đà đắc quả,*
*Diệu phát, bát đựng dầu.*
*Trên lầu, gặp Tăng trưởng,*
*Dâm nữ, đêm xem sao,*
*Do làm tiếng ngựa hí,*
*Thương nhân, ôm xương khô.*
*Ngưu hộ, thợ săn chết,*
*Thả cho ra khỏi cung,*
*Vương nữ Thiên thọ đi,*
*Mãnh quang đến Đắc xoa,*
*Giết người, tiếng, tám mộng.*
*Mãnh quang cúng tất cả,*
*Vua Ảnh Thắng cúng bánh,*
*Cấp cô cúng ngọa cụ,*
*Thiện hiền lập chùa Tăng.*
*Chim Cưu chết, trần trụi,*
*Ba hạng, khó, không nên,*
*Xem không chán, không ngủ,*
*Nhiếp trong bảy bài tụng.*
*Chim Cưu chết trong rừng,*
*Con khỉ chết dưới cây,*
*Trong đời này, đời khác,*
*Bốn tối tăm nên biết.*
*Thân trần trụi, không dùng,*
*Cối giã không phải một,*
*Họa hại, khởi tâm nghi,*
*Khinh thường, việc từ từ.*

*Ba hạng người ngu si,*
*Chia cách có ba việc,*
*Hạ lưu, xe cán chết,*
*Việc gian trá nên biết.*
*Khó được, vì người khác,*
*Cô độc, việc nhiều hư,*
*Trái nghịch, đáng đánh nặng,*
*Đi mất, làm, vô ích.*
*Việc không nên, không xem,*
*Bất thiện, đáng đuổi đi,*
*Sợ, không vui, bỏ đi,*
*Mong nhớ, khó nghĩ, buồn.*
*Không chán, việc đáng yêu,*
*Không cùng chơi, đoạt tài,*
*Không cạnh tranh, tâm ác,*
*Không nương, bạn, không tin.*
*Không ngủ, không ưa thích,*
*Chín não, không tâm bi,*
*Mười ác, mười trái nghịch,*
*Mười lực, phu nhân hiện.*

3. Nhiếp tụng thứ ba:

*Dũng kiện và đồ báu,*
*Diệu quang, trong Lan nhã,*
*Nếu trị ( bịnh ) được cho trị,*
*Không độ người tổn chúng.*

4. Nhiếp tụng thứ tư:

*Đà sách... ba đồng thọ,*
*Quên xuất xứ... đều hỏi,*

*Đại thần thông, Đại dược,*
*Phật từ thiên cung xuống.*

5. Nhiếp tụng thứ năm:

*Tám kỉnh pháp độ ni,*
*Ni muốn theo thứ bậc,*
*Việc hai bộ khác nhau,*
*Không độ ni hoàn tục.*
*Cận viên theo Bí-sô,*
*Nửa tháng thỉnh giáo thọ,*
*Nương Bí-sô an cư,*
*Thấy lỗi không nên nói,*
*Không giận trách, thiếu lễ,*
*Trong hai chúng Ý hỉ (hành Ma-na-đỏa)*
*Đối Bí-sô Tùy ý (tác pháp Tự tứ)*
*Đây là tám Kỉnh pháp.*

6. Nhiếp tụng thứ sáu:

*Nhân độ Cù-đáp-di,*
*Xuất gia có năm lợi,*
*Không được trong năm chúng,*
*Việc trách mắng nên biết.*

7. Nhiếp tụng thứ bảy:

*Ni không được đi trước,*
*Thấy Tăng đứng dậy chào,*
*Bạch tăng ngồi bán già,*
*Hoàn tục, không gạn hỏi.*

8. Nhiếp tụng thứ tám:

*Được cho thức ăn dư,*

*Và được cho lẫn nhau,*
*Không được hỏi việc kín,*
*Ni thọ giới được ngồi.*

9. Nhiếp tụng thứ chín:

*Bí-sô dư ngọa cụ,*
*Nên cho Bí-sô ni,*
*Ni không đạp cầu ván,*
*Không dùng vật bó thân.*

10. Nhiếp tụng thứ mười:

*Không làm văng nước dơ,*
*Không đem bỏ thai chết,*
*Không nuốt tinh bất tịnh,*
*Được tiếp xúc con mình.*

## VII. Tổng nhiếp tụng Biệt môn thứ bảy:

*Ni Cấp đa, không ở,*
*Tăng khước kỳ, nhị hình,*
*Âm đạo nhỏ, yết ma,*
*Bán rượu, ni chuyển căn,*
*Ngoài chùa, không dùng xương,*
*Tụng thứ bảy nên biết.*

1. Nhiếp tụng thứ nhất:

*Cấp đa ngủ với con,*
*Dược xoa thành Vương xá,*
*Cho trẻ, vải quàng cổ,*
*Kêu tên và cho ăn.*

2. Nhiếp tụng thứ hai:

*Ni không ở Lan nhã,*

*Không ở chùa ngoài thành,*
*Không đứng ngóng trước cửa,*
*Không nhìn qua cửa sổ.*

3. Nhiếp tụng thứ ba:

*Cho mặc Tăng khước kỳ,*
*Không tắm chỗ nam tắm,*
*Không qua ngã tư đường,*
*Phải đi một bên lề.*

4. Nhiếp tụng thứ tư:

*Nếu là nữ nhị hình,*
*Hoặc hai đường hiệp một,*
*Hoặc người thường chảy máu,*
*Và người không kinh nguyệt.*

5. Nhiếp tụng thứ năm:

*Âm đạo nhỏ, nội y,*
*Bên Bí-sô không nhổ,*
*Tăng ni không đối thú,*
*Đối thú chúng bên mình.*

6. Nhiếp tụng thứ sáu:

*Bí-sô tác yết ma,*
*Ni dụng tâm lắng nghe,*
*Trải tòa mời người ngồi.*
*Tòa ni nên phân biệt.*

7. Nhiếp tụng thứ bảy:

*Bán rượu, nhà dâm nữ,*
*Giữa đường không đánh ni,*
*Tùy duyên khai nội y,*

*Không được ca hát múa.*

8. Nhiếp tụng thứ tám:

*Nếu Tăng ni chuyển căn,*
*Đến ba lần thì đuổi,*
*Rộng nói duyên Pháp dữ,*
*Liên hoa sắc làm sứ.*

9. Nhiếp tụng thứ chín:

*Ngoài chùa không được sám,*
*Không nhờ nam cạo tóc,*
*Không cho thuê chùa Ni,*
*Không dùng đá kỳ cọ.*

10. Nhiếp tụng thứ mười:

*Không dùng xương và đá,*
*Gỗ, sừng... để kỳ cọ,*
*Chỉ dùng tay kỳ cọ,*
*Vật khác đều không cho.*

**VIII. Tổng nhiếp tụng Biệt môn thứ tám:**

*Phá tháp, sám, trước cửa,*
*Được sai, không nên chứa,*
*Không cùng nữ, do vợ,*
*Thuốc tả, ba y, rắn.*

1. Nhiếp tụng thứ nhất:

*Phá tháp, hại Ba ly,*
*Tăng chế không nên trái,*
*Ni không nạn cho vào,*
*Tùy thời mà giáo giới.*

2. Nhiếp tụng thứ hai:

*Ni sám không nên khinh,*
*Tùy ý (Tự tứ) khỏi Trưởng tịnh (bố tát)*
*Nên lẫn nhau thọ sám,*
*Ni chúng ngồi nên biết.*

3. Nhiếp tụng thứ ba:

*Trước cửa không Trưởng tịnh (bố tát)*
*Cần phải sai hai ni,*
*Khi đến giờ Trưởng tịnh,*
*Sai người đợi Ni bạch.*

4. Nhiếp tụng thứ tư:

*Được sai không bỏ đi,*
*Phải hỏi tên Giáo thọ,*
*Đội khăn, làm đãy bát,*
*Ni không được kết hoa.*

5. Nhiếp tụng thứ năm:

*Không nên chứa bát đồng,*
*Làm cho rượu ngon lại,*
*Cho thuê nhà, cửa hàng,*
*Dối gạt làm thầy bói.*

6. Nhiếp tụng thứ sáu:

*Không tắm với người nữ,*
*Cũng không tắm ngược dòng,*
*Đế bát nên chắc chắn,*
*Không chứa chén lưu ly.*

7. Nhiếp tụng thứ bảy:

*Do vợ, chứa tích trượng,*
*Khi nhảy múa chiêu tội,*

*Bánh ướt, thọ thỉnh thực,*
*Bạn thuyết pháp đi ( nên ) bạch.*

8. Nhiếp tụng thứ tám:

*Thuốc tả, răng có độc,*
*Cây nạo lưỡi nên rửa,*
*Do tội nghiệp đã dứt,*
*Chứng quả A-la-hán.*

9. Nhiếp tụng thứ chín:

*Tùy việc mặc ba y,*
*Pháp Lan nhã nên biết,*
*Tắm giữ cửa, Diệu hoa,*
*Không nên trụ Phi xứ.*

10. Nhiếp tụng thứ mười:

*Do rắn xem ngọa cụ,*
*Một y không làm lễ,*
*Khi mới đến trong chùa,*
*Lễ bốn vị kỳ túc.*
*Thế tôn vì Cao thắng,*
*Rộng nói hạnh đệ tử.*
*Hành vũ hỏi Đại sư,*
*Vì nói bảy, sáu pháp.*
*Chúng tập kính Đại sư,*
*Nghe pháp sanh chánh tín.*
*Tự nói tuổi già suy,*
*Nói nhân duyên Hành vũ.*
*Hành vũ trong Trúc lâm,*
*Xây dựng ấp Ba tra,*
*Qua sông đến thôn nhỏ,*

*Dần đến nhập Niết-bàn.*

Quyển 37: nói bốn thứ hắc bạch và việc nhập Niết-bàn.

Quyển 38: nói việc ngoại đạo Thiện hiền đắc quả và việc các nước tranh giành xá lợi.

Quyển 39: nói việc Bà-la-môn chia xá lợi cho các nước và việc kiết tập.

Quyển 40: nói việc ngũ bạch kiếp tập và thất ách kiết tập.

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 80

# CĂN BẢN TÁT BÀ ĐA BỘ LUẬT NHIẾP
# SỐ 1458
# ( QUYỂN 1→14 )

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

# SỐ 1458
# CĂN BẢN TÁT BÀ ĐA BỘ LUẬT NHIẾP

*- Nguyên tác: Tôn giả Thắng Hữu - Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh đời Đường. TQ- Việt dịch: Ban phiên dịch chùa Pháp Bảo, HT Thích Tịnh Hạnh giám tu - 2005- Hiệu đính và nhuận văn: NS Thích nữ Như Lộc tại chùa Phổ Minh. Năm 2010.*

## QUYỂN 1

*Lễ bậc Điều phục trừ phiền não,*
*Diệt hoặc cho chúng sanh. nhân chánh.*
*Như mặt trời chiếu. lợi cùng khắp,*
*Có thể phá hết các tối tăm.*
*Nay giải thích rộng việc Phật nói,*
*Ni đà na và Mục đắc ca,*
*Tăng nhất cho đến tăng mười sáu.*
*Tôn giả Ưu-ba-ly thỉnh hỏi,*
*Ma nạp Tỳ ca giải thiết yếu,*
*Tỳ ni đắc ca và Bản mẫu.*
*Tôi theo thứ lớp nhiếp luật văn,*
*Khiến người thích gọn mau tỏ ngộ.*
*Biệt giải thoát kinh khó được nghe*
*Trải qua vô lượng trăm ngàn kiếp*
*Đọc tụng thọ trì cũng như vậy*
*Như thuyết hành trì càng khó gặp.*

Bốn câu đầu của Tựa giới kinh nói rõ giáo hành

khó được. Biệt giải thoát: nương nơi kinh Biệt giải thoát, như thuyết tu hành thì đối với chín phẩm Hoặc như hạ hạ phẩm... sẽ lần lượt đoạn trừ, vĩnh viễn không thối chuyển. Do ngay nơi phiền não mà được giải thoát nên gọi là Biệt giải thoát; lại do ở địa vị Kiến đạo và Tu đạo, ngay nơi mỗi mỗi phẩm Hoặc có thể xa lìa nên gọi là Biệt giải thoát. Hữu tình do các phẩm Hoặc này nên chìm đắm trong ba cõi, vì thế phải siêng cầu giải thoát trước.

Kinh: là lời Phật dạy, lựa khác với giáo pháp của ngoại đạo. Văn nghĩa mà người khác thuyết giảng, người nghe dùng nhĩ thức lãnh hội rồi dùng tâm quyết đoán để hiểu.

Khó được: khi Phật ra đời mới được gặp một lần, lại rất khó sanh vào cõi thiện.

Vô lượng vô số kiếp: tức là đại kiếp, tuy trải qua nhiều vô lượng, nhưng giới pháp khó gặp. Nói vô lượng vô số là hiển chỗ cùng tột của sự khó gặp.

Đọc tụng: văn hoặc nghĩa và dùng huệ lãnh thọ.

Thọ trì: đối với văn và nghĩa luôn nhớ giữ trong thời gian dài mà không quên, do niệm tụng nên tương ưng với Cần.

Như thuyết tu hành: do thân ngữ nghiệp tạo tác, tâm thuận theo lời Phật dạy không trái phạm.

Càng khó gặp: nghe, đọc tụng, thọ trì còn dễ, nếu như lời Phật dạy tu hành thì càng khó gặp hơn, phải dõng mãnh tinh tấn mới toàn giới hạnh, không

phải hạng có tâm thấp kém mà làm được. Nói càng là hiển chỗ cùng tột của khó được, khó gặp, đó là giáo và hành. Nghe, đọc tụng, thọ trì là Giáo; tuân phụng tu tập là Hành.

Phật thị hiện ở đời là vui Diễn nói pháp vi diệu là vui

Tăng nhất tâm đồng kiến là vui Hòa hợp cùng tu tiến là vui.

Ý của bốn câu này là nói Tam bảo hưng thịnh ở đời, các sự nghiệp đã có đều là nhân của lạc.

Phật thị hiện ở đời là vui: từ khi Phật nhập thai, đản sanh thì gọi là Phật thị hiện ở đời, đây là dựa trên lý sắp thành tựu nên tuy là Bồ-tát mà vẫn được gọi là Phật. Đến khi thành chánh giác, dựa trên Nhất-thiết-trí đã thành tựu nên gọi là Phật, đây là nhân hỉ lạc của diệu giải thoát.

Diễn nói chánh pháp vi diệu là vui: chánh pháp là chỉ cho mười hai phần giáo như khế kinh...

Tăng già nhất tâm đồng kiến: chỉ cho tám bậc đại nhân đối với giới, oai nghi, chánh mạng là đồng kiến nên nhất tâm tuân hành thì khó thể hoại là vui.

Hòa hợp cùng tu tiến: đối với tịnh giới siêng tu, tâm dõng mãnh sách tấn để đoạn dứt phiền não, tâm không thối chuyển là nhân của vui.

Gặp Thánh nhơn hiện hữu là vui. Được cùng ở chúng cũng là vui. Nếu không gặp những người ngu si. Đó mới gọi là thường thọ lạc.

Ý của bốn câu này nói thân gần bạn lành, xa lìa bạn ác là nhân của lạc.

Thánh nhân: chỉ cho bậc đã dứt tội ác có đức thắng thiện, nếu được gặp cùng ở chung đều được an lạc trụ. Ngược lại người không biết tu phẩm thiện, tạo nhiều ác hạnh, mê nơi chánh lý thì gọi là kẻ ngu si, không nên gần, phải mau xa lìa.

Gặp người trì giới đủ là vui Nếu gặp Đa văn cũng là vui Gặp A-la-hán chân thật vui

Vì đời sau không còn tái sanh.

Ý của bốn câu này nói sự sai biệt của bạn lành, vì Thánh nhân có hai hạng: một là thế tục, hai là thắng nghĩa. Thế tục lại có hai hạng: một là trụ nơi định, hai là trụ nơi huệ. Hai câu đầu chỉ cho bậc Thánh nhân thế tục, nói người có đầy đủ thi la là chỉ cho bậc trụ nơi định, vì nhân giới sanh định; nói người đa văn là chỉ cho bậc trụ nơi huệ, vì từ định sanh huệ. Hai câu sau chỉ cho bậc Thánh nhân thắng nghĩa do định huệ cùng vận hành, trụ đến chỗ rốt ráo là chân thật thiện tri thức, vì bậc A- la-hán tuy ở trong lưu chuyển nhưng đã chứng pháp vô sanh; tuy ở trong các khổ phiền não nhưng đã hoàn toàn giải thoát.

Đến thềm diệu bờ sông kia vui

Dùng pháp hàng địch chiến thắng vui Khi chứng đắc sanh chánh huệ quả Tận trừ được ngã mạn là vui.

Hai câu đầu nói nhân dưa đến an lạc, hai câu sau nói Huệ sanh sẽ đoạn được Hoặc.

Bờ sông: chỉ cho ra khỏi sông sanh tử, lìa lỗi chấp hai bên, bát chánh đạo là thềm diệu là nhân đưa đến an lạc giải thoát. Dùng pháp hàng địch: pháp chỉ cho chánh hạnh là công cụ chống địch, hàng phục ma quân phiền não khiến không sanh khởi nữa nên gọi là là chiến thắng vui. Hai câu sau nói dùng kiếm trí huệ chặt đứt ngã mạn mà được an lạc.

Nếu có thể làm quyết định ý Khéo điều căn. dục đủ đa văn Từ trẻ đến già ở trong rừng Lan nhã nhàn cư, tịch tĩnh vui.

Bốn câu này ý nói nhờ tu chánh hạnh nên cùng hạnh đầu đà tương ưng là nhân của lạc.

Ý quyết định: chỉ cho tâm thanh tịnh ban đầu, cũng là hạnh tri túc, sách tấn siêng tu không mong cầu danh lợi, thúc liễm thân tâm để phòng hộ ngoại cảnh, nhân đây thành tựu thắng quả giải thoát.

Khéo hàng phục căn. dục đủ đa văn: đây là trợ bạn thanh tịnh cùng đi với giới, nhưng muốn được quả thắng thượng phải có đủ đa văn, vì trí có thể đoạn phiền não, không phải kẻ ngu si trụ nơi A-lan-nhã có thể làm được. Nếu không có đủ đa văn, chỉ hiểu rành giới tướng với tâm quyết định thì vẫn có thể trụ nơi A-lan-nhã, xa lìa chốn ồn náo tạp loạn mà được an lạc trụ.

Tựa giới kinh tổng khai làm mười nghĩa: một là nói rõ lời Phật dạy, hai là quở trách không nhóm hết, ba là không đến nhóm họp tùy thuận nghe, bốn là pháp thức cúng dường, năm là chính thức răn nhắc, sáu là lợi ích của răn nhắc, bảy là không răn nhắc thì lỗi sanh, tám là chính thức tác bạch, chín là khuyên chí tâm lắng nghe và mười là khiến đồ chúng thanh tịnh.

**1. Nói rõ lời Phật dạy:**

Các Đại đức, bốn tháng mùa Xuân (hoặc Hạ, Đông) nửa tháng (hoặc một tháng...) đã qua, còn lại ba tháng rưỡi (hoặc ba tháng...), già chết tới gần, mạng sống giảm dần. Các Đại đức nên tinh tấn tỉnh giác chớ có buông lung, do không buông lung nên chắc chắn chứng quả Phật, huống chi các giác phẩm thiện pháp khác vì các đệ tử Thanh văn của Phật thì ít cầu ít việc.

- Người chưa thọ Cận viên đã ra ngoài chưa?

- Các Bí-sô không đến có gởi dục thanh tịnh không?

- Có ai sai Bí-sô ni đến thỉnh giáo thọ không?

Nói bốn tháng mùa xuân, nửa tháng đã qua, còn lại ba tháng rưỡi: ý nói trong ba mùa xuân hạ đông, khi thuyết Ba-la-đề-mộc-xoa tùy đang ở trong mùa nào thì nói mùa đó và tùy theo số ngày đã thuyết và chưa thuyết mà nói ra.

Già chết tới gần: ý nói già chết thường hiện

tiền, trong mười hai chi chỉ nói chi này là vì dối với ưu bi khổ não thì tác dụng của chi lão tử là mạnh nhất. Nói già chết tới gần là nhân khiến hạnh mất viên mãn, vì già chết là sở y, do già chết bức bách, mạng căn dần đoạn hoại thì không thể đạt đến viên mãn. Thế tôn đại bi giáo hóa hữu tình nói ra mười hai phần giáo, hễ là người có duyên thảy đều được hóa độ, nhưng giáo pháp nay không bao lâu nữa cũng sẽ diệt, do pháp diệt nên hạnh cũng thối thất. Đây là hai nhân làm cho hạnh mất viên mãn.

Chớ có phóng dật: không phóng dật là hạnh tối thắng trong các phẩm thiện; tâm không phóng dật, dõng mãnh tiến tu mới làm sáng tỏ Thánh giáo, có thể làm y chỉ cho Thánh đạo xuất thế, chỉ quan song tu sẽ được Thánh đạo.

Do không phóng dật ắt sẽ chứng đắc: ý Phật muốn cho người xuất gia cầu giải thoát được chứng quả nên chế ra các học xứ.

Như thật tri: ý nói Phật hiểu rõ mọi việc như thật.

Ứng: ý nói đối với các hữu tình, Phật xứng đáng thọ sự cúng dường.

Chánh đẳng giác: ý nói Phật hiểu biết tường tận cùng khắp không có điên đảo.

Huống chi giác phẩm thiện pháp khác: ý nói do không phóng dật có thể chứng quả bồ đề, các thiện

pháp đã có đều gọi là giác phẩm thiện pháp.

**2. Quở trách không đến nhóm họp hết:**

Đại đức, Tăng già làm trước việc gì?: ý nói nên đến tập họp, trước nên rưới nước quét dọn chỗ làm trưởng tịnh sạch sẽ trang nghiêm đèn hoa....

Chúng Thanh văn của Phật ít cầu ít việc: ít cầu là nghĩa của thiểu dục thuộc ý nghiệp, ít việc là nghĩa của tri túc thuộc thân ngữ nghiệp. Thanh văn là nghe từ người khác, nói chúng là ý nói đồng tâm đến nhóm họp thì không gì có thể hoại được.

**3. Không đến nhóm họp tùy thuận nghe:**

Không đến là khi trưởng tịnh không đến nhóm. Nói Đại đức là lời tôn kính, như Phật đã dạy, các Bí-sô dù trẻ hay già đều không được gọi nhau bằng tên họ, nên gọi là cụ thọ hay Đại đức, Phật Thế tôn nên gọi bằng đức hiệu, nếu làm trái thì phạm tội Việt pháp.

Gởi dục thanh tịnh: nếu Bí-sô có bịnh hoặc đang tu phẩm thiện không thể đến nhóm thì nên gởi dục thanh tịnh, Bí-sô muốn gởi dục thanh tịnh, nên đủ oai nghi đối trước một Bí-sô bạch rằng:

Cụ thọ nhớ nghĩ, hôm nay là ngày thứ mười bốn, Tăng làm trưởng tịnh, tôi Bí-sô vào ngày thứ mười bốn cũng làm trưởng tịnh, tôi Bí-sô tự nói thanh tịnh, không có các chướng pháp, vì nhân duyên bịnh, Tăng sự như pháp, xin gởi dục thanh tịnh (ba lần).

Nếu Bí-sô bịnh nặng, không thể gởi dục được thì nên dìu đỡ đến trong Tăng, nếu cũng không thể thì Tăng nên đến chỗ người bịnh làm trưởng tịnh, nếu không như vậy thì tác pháp không thành, phạm tội Việt pháp.

Nếu không phải làm trưởng tịnh mà là làm yết ma khác thì chỉ nói gởi dục, không nói thanh tịnh. Vị trì dục tịnh nên đối trước một Bí-sô trong Tăng bạch rằng:

Đại đức nhớ nghĩ, trong liêu phòng có Bí-sô _____ bịnh, hôm nay là ngày thứ mười bốn, Tăng làm trưởng tịnh, Bí-sô vào ngày thứ mười bốn cũng làm trưởng tịnh, Bí-sô _____ tự nói thanh tịnh, không có các chướng pháp, vì nhân duyên bịnh, Tăng sự như pháp, xin gởi dục thanh tịnh.

Nếu có nhân duyên khác thì tùy sự việc nêu ra, sở dĩ chỉ đối trước một Bí-sô trong Tăng mà không ở trong Tăng bạch là vì ngăn việc kéo dài thời gian khiến Tăng mỏi mệt... Nếu Bí-sô vì lười biếng và xem thường pháp mà gởi dục thì phạm Đột sắc ngật lý ca. Nếu vị yết ma đà na có bịnh hoặc sợ bịnh phát sanh hoặc bịnh vừa mới bớt, hoặc vì khán bịnh hoặc vì mỏi mệt, hoặc vì lạnh nóng hoặc vì bẩm tánh hay ngủ gật nên tu phẩm thiện khác nên trừ bịnh hôn trầm, hoặc ở trong phòng tự tụng giới bổn, hoặc ở chỗ khác nghe thọ nghĩa của giới, hoặc từ câu văn hệ tâm suy tư nghĩa lý sợ quên mất, hoặc

mới tu được diệu quán hiện tiền để chế ngự tâm, hoặc muốn cho giác phần thiện phẩm không có xen tạp, nếu xen tạp duyên khác thì mất chánh niệm, hoặc được Kiến đế... thì gởi dục không phạm. Người thọ dục mang đến trong Tăng nếu đi mau hoặc nhảy qua hố hoặc ở nơi cao nguy hiểm hoặc ở trên hư không hoặc ở ngoài giới... hoặc ngủ quên hoặc nhập định hoặc chết hoặc hoàn tục hoặc nói tôi là Cầu tịch thì không thành trì dục, nên lấy dục tịnh lại. Nếu một người lấy dục của nhiều người thì tùy nhớ mà nói, nếu người ở dưới đất gởi dục cho người ở trên không và ngược lại thì gởi dục không thành. Người thọ học (học hối Sa di) được gởi dục nhưng không được thọ dục của người khác, người ở trong giới nên gởi dục cho người trong giới, khác với đây thì không thành gởi dục.

Giới có phân đại giới và tiểu giới, ở trong đại giới nên chọn chỗ không có chướng ngại kết làm tiểu giới tràng, trước nên xem xét các tiêu tướng ở bốn phía của tiểu giới, như tiêu tướng phía Đông là cây hoặc là hàng rào, mô đất, trụ đá, trụ sắt, trụ cây...; tiêu tướng ở ba phía kia theo đó mà nhận biết. Sau khi xem thấy các tiêu tướng rồi nên đánh kiền chùy nhóm tất cả các Bí-sô cựu trụ lại, tác tiền phương tiện rồi xướng tiêu tướng ở bốn phía của tiểu giới, sau đó một Bí-sô bạch nhị yết ma kết như sau:

Đại đức Tăng lắng nghe, nay tại trú xứ này, các

Bí-sô cựu trụ đã cùng xem xét các tiêu tướng ở bốn phía của tiểu giới, như tiêu tướng phía Đông là cây hoặc là hàng rào, mô đất, trụ đá, trụ sắt, trụ cây...; tiêu tướng phía Nam là _____ , tiêu tướng phái Tây là _____ , tiêu tướng phía Bắc là _____ . Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay trong phạm vi các tiêu tướng này kết làm tiểu giới tràng. Bạch như vậy.

Đại đức Tăng lắng nghe, nay tại trú xứ này, các Bí-sô cựu trụ nên cùng xem xét các tiêu tướng ở bốn phía của tiểu giới, như tiêu tướng phía Đông là cây hoặc là hàng rào, mô đất, trụ đá, trụ sắt, trụ cây...; tiêu tướng phía Nam là _____ , tiêu tướng phía Tây là _____ , tiêu tướng phía Bắc là _____ . Tăng nay ở trong phạm vi các tiêu tướng này kết làm tiểu giới tràng. Các Bí-sô chấp thuận ở trong phạm vi các tiêu tướng này kết làm tiểu giới tràng thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói.

Tăng đã chấp thuận ở trong phạm vi các tiêu tướng này kết làm tiểu giới tràng xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Kế kết đại giới, phạm vi của đại giới tối Đa-là hai Du thiện na rưỡi, xuống dưới thấp chỗ không có nước chảy cũng vậy, nếu có sông nước thì ngang bằng mặt nước này là giới. Nếu trong giới

có cây cao hay núi thì giới cũng tùy theo cây và núi, lên trên cao đến chỗ có nước là giới. Sau khi xem thấy các tiêu tướng rồi nên đánh kiền chùy nhóm tất cả các Bí-sô cựu trụ lại, tác tiền phương tiện rồi xướng tiêu tướng ở bốn phía của đại giới, sau đó một Bí-sô bạch nhị yết ma kết như sau:

Đại đức Tăng lắng nghe, nay tại trú xứ này, các Bí-sô cựu trụ đã cùng xem xét các tiêu tướng ở bốn phía của đại giới, như tiêu tướng phía Đông là cây hoặc là hàng rào, mô đất, trụ đá, trụ sắt, trụ cây...; tiêu tướng phía Nam là _____ , tiêu tướng phía Tây là _____ , tiêu tướng phía Bắc là _____ . Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay ở trong phạm vi các tiêu tướng này kết làm đại giới của Tăng, từ A-lan-nhã cho đến trú xứ này, đồng một trú xứ làm Bao-sái-đà, trừ thôn và thế phần của thôn. Bạch như vậy.

Đại đức Tăng lắng nghe, nay tại trú xứ này, các Bí-sô cựu trụ đã cùng xem xét các tiêu tướng ở bốn phía của đại giới, như tiêu tướng phía Đông là cây hoặc là hàng rào, mô đất, trụ đá, trụ sắt, trụ cây...; tiêu tướng phía Nam là _____ , tiêu tướng phía Tây là _____ , tiêu tướng phía Bắc là _____ . Tăng nay trong phạm vi các tiêu tướng này kết làm đại giới của Tăng, từ A-lan-nhã cho đến trú xứ này, đồng một trú xứ làm Bao-sái-đà, trừ thôn và thế phần của thôn. Các Bí-sô chấp

thuận ở trong phạm vi các tiêu tướng này kết làm đại giới của Tăng, từ A-lan-nhã cho đến trú xứ này, đồng một trú xứ làm Bao- sái-đà, trừ thôn và thế phần của thôn thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói.

Tăng đã chấp thuận ở trong các tiêu tướng này kết làm đại giới của Tăng, từ A-lan-nhã cho đến trú xứ này, đồng một trú xứ làm Bao- sái-đà, trừ thôn và thế phần của thôn xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Sau khi Tăng đã kết đại giới xong thì ở trong trú xứ này có bao nhiêu Bí-sô đều phải tập họp lại một chỗ để làm Bao-sái-đà và việc Tùy ý, tất cả các pháp đơn bạch yết ma, bạch nhị yết ma, bạch tứ yết ma đều nên làm. Nếu khi tác pháp mà Tăng không như pháp nhóm họp thì tác pháp không thành, Tăng phạm tội Việt pháp. Nếu muốn ở trong đại giới này kết giới không mất y thì nên nương theo tướng của đại giới mà kết, Tăng nên tác tiền phương tiện rồi sai một Bí-sô bạch nhị yết ma kết như sau:

Đại đức Tăng lắng nghe, Tăng ở trong trú xứ này trước đã hòa hợp kết làm đại giới của Tăng, từ A-lan-nhã cho đến trú xứ này, đồng một trú xứ làm Bao-sái-đà, trừ thôn và thế phần của thôn. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nên trên đại giới này kết giới Bí-sô không mất y. Bạch như vậy.

Đại đức Tăng lắng nghe, Tăng ở trong trú xứ này trước đã hòa hợp kết làm đại giới của Tăng, từ A-lan-nhã cho đến trú xứ này, đồng một trú xứ làm Bao-sái-đà, trừ thôn và thế phần của thôn. Tăng nay trên đại giới này kết giới Bí-sô không mất y, các Bí-sô chấp thuận ở trên đại giới này kết giới Bí-sô không mất y thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Tăng đã chấp thuận ở trên đại giới này kết giới Bí-sô không mất y xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Tăng kết giới không mất y xong rồi thì các Bí-sô khi đi lại trong giới chỉ cần mang hai y thượng hạ, không có lỗi lìa y. Khi có duyên sự cần giải đại tiểu giới thì nên bạch tứ để giải, nên giải tiểu giới tràng trước, muốn giải tiểu giới tràng, Tăng phải ở trong tiểu giới tràng, ít nhất bốn Bí-sô tác tiền phương tiện rồi bạch tứ yết ma giải như sau:

Đại đức Tăng lắng nghe, Tăng ở trong trú xứ này trước đã hòa hợp kết làm tiểu giới tràng. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay giải tiểu giới tràng này. Bạch như vậy.

Đại đức Tăng lắng nghe, Tăng ở trong trú xứ này trước đã hòa hợp kết làm tiểu giới tràng. Tăng nay giải tiểu giới tràng này, các Bí-sô chấp thuận giải tiểu giới tràng này thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Đây là yết ma lần thứ nhất (lần thứ hai, lần thứ ba)

Tăng đã chấp thuận giải tiểu giới tràng này xong rồi, Tăng chấp thuận vì im lạng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Trường hợp trước đã kết đại giới nhưng chưa kết tiểu giới tràng, nay muốn kết tiểu giới tràng thì nên bạch tứ yết ma giải đại giới cũ như sau:

Đại đức Tăng lắng nghe, Tăng ở trong trú xứ này trước đã hòa hợp kết làm đại giới của Tăng, đồng một trú xứ làm Bao-sái-đà, trừ thôn và thế phần của thôn. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay giải đại giới này. Bạch như vậy.

Đại đức Tăng lắng nghe, Tăng ở trong trú xứ này trước đã hòa hợp kết làm đại giới của Tăng, đồng một trú xứ làm Bao-sái-đà, trừ thôn và thế phần của thôn. Tăng nay giải đại giới này, các Bí-sô chấp thuận giải đại giới này thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Đây là yết ma lần thứ nhất (lần thứ hai, lần thứ ba)

Tăng đã chấp thuận giải đại giới này xong rồi, Tăng chấp thuận vì im lạng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Giải giới cũ xong mới kết lại giới mới, nên kết tiểu giới tràng trước, kết đại giới và giới không mất y sau, làm giống như trên. Nếu không giải đại giới cũ mà kết đại giới mới chồng lên thì giới kết sau không thành lại phạm tội Ác tác. Nếu muốn một

người tác yết ma cho cả hai giới thì nên bạch nhị đồng thời kết và dùng bạch tứ đồng thời giải, vị này nên ngồi ở trên mé của hai giới tập Tăng mà tác yết ma, khi kết thì kết tiểu giới trước, khi giải thì giải tiểu giới sau.

Giới khác không được dùng giới vượt qua có năm loại: đó là giới Bí-sô, giới Bí-sô ni, tiểu đàn tràng, chỗ nước đọng và khoảng giữa hai giới; vì vậy khi giải giới này, không phải giới khác cũng được giải. Nếu tiêu tướng là đại thọ cũng được xem là tiêu tướng của nhiều giới, nếu dùng huyễn thuật hay thần thông lực để tạo ra tiêu tướng để kết giới thì không thành kết; cũng không được lấy sóng nước, trăng, sao... làm tiêu tướng. Nếu Bí-sô khách đến một trú xứ không có người ở nên ở qua bảy tám ngày, đợi không có cựu trụ đến mới được kết giới, nếu vừa đến ở liền kết giới thì phạm tội Ác tác.

Trường hợp có sông ngăn cách, nếu có cầu thì được thông giới, không có cầu thì không được; nếu cầu hư, có tâm tu sửa thì được trải qua bảy tám ngày, đến đêm thứ tám thì giới mất; nếu không có tâm tu sửa thì tùy cầu hư lúc nào thì giới cũng mất theo. Có năm trường hợp làm cho giới mất:

1. Tất cả Tăng đều chuyển căn.
2. Tất cả Tăng quyết định bỏ đi.
3. Tất cả Tăng đều hoàn tục.

4. Tất cả Tăng đều qua đời.

5. Tất cả Tăng tác pháp giải.

Nếu nơi A-lan-nhã và trong thôn xóm không phải là giới tác pháp thì phạm vi của giới là bao nhiêu?: Nếu là A-lan-nhã thì phạm vi là một Câu lô xá, nếu là thôn xóm thì phạm vi đến có tường, rào và thế phần bên ngoài. Ở trong phạm vi của hai giới này, các Bí-sô nên tập họp lại một chỗ, nơi mà tay chạm đến nhau được, tùy ý tác yết ma; nếu làm trái thì phạm tội Việt pháp.

**4. Pháp thức cúng dường:**

Chắp hai tay cung kính Lễ Thích Ca Sư tử,

Biệt giải thoát điều phục Tôi nói các vị nghe.

Chắp hai tay cung kính: là hiện tướng cung kính, cúng dường Đại sư có hai cách: một là kính lễ, hai là tán thán. Chắp tay cung kính là kính lễ, xưng Thích ca Sư tử là tán thán đức; xưng Thích ca là ý nói khi còn ở thế tục thuộc dòng tộc tôn quý, không phải giai cấp thấp hèn; xưng Sư tử là ý nói sau khi xuất gia chứng được Vô sở úy khiến các ngoại đạo đều khiếp sợ.

Biệt giải thoát điều phục: là kính pháp, lúc khởi phương tiện có thể giải thoát phiền não hoặc, do có đức thù thắng nên gọi là Biệt giải thoát; hữu tình cụ phược bị phiền não trói buộc có thể điều phục được nên gọi là điều phục.

Tôi nói các vị nghe: là khuyên nên nghe pháp.

**5. Chánh thức răn nhắc:**

*Nghe rồi phải chánh hành*
*Như lời Đại tiên dạy*
*Ở trong các tội nhỏ*
*Dõng mãnh siêng phòng hộ*
*Tâm như ngựa khó kìm*
*Liên tục quyết chí trừ*
*Hàm thiết Biệt giải thoát*
*Có trăm kim cực bén.*

Nghe rồi phải chánh hành: ý nói nghe rồi hành trì sẽ không điên đảo, không biếng nhác, tâm dõng mãnh tinh cần là khuyên người tu hành nên xa lìa phi pháp.

Như lời Đại tiên dạy: Đại tiên là chỉ cho Bạc-già-phạm là bậc tối thắng trong thế gian, lại là bậc tối thắng trong các tiên của hàng Thanh văn Duyên giác nên gọi là đại tiên.

Tội nhỏ: là chỉ cho giá tội, không phải là tánh tội, đối với tội nhỏ còn dõng mãnh phòng hộ huống chi là tánh tội; tội là pháp bất thiện bị người trí chê trách, siêng phòng hộ là ở trong thiện pháp khởi tinh tấn. Nói dõng mãnh là vì nếu tham đắm các cảnh sẽ như ngựa không cương phóng nhanh rất là đáng sợ. Nói liên tục là ý nói không ngừng tiếp cận ngoại cảnh thì rất khó ngừng dứt, vì tâm là chủ tể rất khó chế ngự nên phải điều phục tâm, chỉ khéo điều phục thân ngữ thì chưa đủ vì tâm là cội gốc sanh khởi phiền não. Muốn quyết chí trừ sạch cho

được hoàn toàn thanh tịnh thì phải thường quán lý vô thường vô ngã; nếu chấp là thường là ngã như hư không, thể không biến đổi thì sẽ không tương ưng với lý đoạn hoặc. Hàm thiết: dùng để điều phục thuận theo lý, xa lìa chấp hai bên; nói có trăm kim cực bén là chỉ cho người phá giới ở trong hiện pháp bị hối hận bức bách.

**6. Lợi ích của sự răn nhắc:**

Nếu người nào trái pháp Nghe dạy phải dừng ngay Đại sĩ như ngựa giỏi Xông ra trận phiền não.

Trái pháp: tức là trái học xứ, nói nghe dạy liền dừng ngay là ý nói không do dao gậy... mà chế ngăn được.

Đại sĩ: chỉ cho người cận viên, như ngựa giỏi là chỉ bậc hiền thiện giống như Trí mã.

Xông ra trận phiền não: do phiền não khó dứt trừ nên dụ như quân trận, bậc đại sĩ muốn thoát khỏi sanh tử phải sách tu tịnh giới xông ra trận phiền não.

**7. Không răn nhắc thì lỗi sanh:**

Người thiếu hàm thiết này Chưa từng có hỉ lạc

Chết trong trận phiền não Mê chuyển trong sanh tử.

Nói thiếu hàm thiết là chỉ cho các ngoại đạo dong ruổi theo cảnh tà và đam mê dục lạc; nói chưa từng có hỉ lạc là ý nói không có tánh Niết-bàn, đối với lý viên tịch tâm không ưa thích. Nói chết trong

trận phiền não ý nói nhân nơi tà pháp chiến đấu với phiền não, tức là không có hàm thiết Biệt giải thoát, sẽ bị thua trận và chết. Do không có hàm thiết này nên theo nghiệp lưu chuyển mãi trong năm đường, không được cứu độ.

**8. Chánh thức tác bạch:**

Đại đức Tăng lắng nghe, hôm nay là ngày thứ mười bốn không trăng, Tăng làm trưởng tịnh. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay làm trưởng tịnh, thuyết Giới kinh Ba-la-đề-mộc-xoa. Bạch như vậy.

Nói Tăng lắng nghe là ý nói chớ sanh niệm tưởng khác, nên lắng nghe, nghe rồi nên nhớ giữ. Nói Tăng là chỉ cho năm loại túc số Tăng tác pháp yết ma:

1. Là túc số Tăng bốn người được làm các pháp yết ma, chỉ trừ làm Tùy ý, thọ Cận viên và xuất tội Tăng tàn.

2. Là túc số Tăng năm người được làm các pháp yết ma, chỉ trừ thọ Cận viên tại Tăng và xuất tội Tăng tàn.

3. Là túc số Tăng mười người được làm tất cả các pháp yết ma, chỉ trừ xuất tội Tăng tàn.

4 & 5. Là túc số Tăng hai mươi người và hai mươi người trở lên, được làm tất cả các pháp yết ma.

Nói ngày thứ 14 là thời gian làm Bao-sái-đà,

tùy trong bốn tháng của ba mùa xuân hạ đông mà nói ra, trong một năm có sáu lần nửa tháng là ngày thứ 14, mười tám lần nửa tháng là ngày thứ 15. Nói tháng có trăng hay không trăng là tính số ngày để bạch cho chúng biết, hoặc bạch với Thượng tòa hay vị thọ sự trong chúng. Nên bạch như sau:

Các Đại đức, hôm nay là ngày thứ thuộc tháng có trăng hay không trăng, các vị hãy vì thí chủ xây chùa, các thiên thần hộ chùa cùng Tứ ân mà tụng kệ phước thí.

Sở dĩ phải cáo bạch là muốn cho biết thời gian làm Bao-sái-đà và ngăn người tục đến hỏi. Tính biết số ngày hoặc là dựa theo sự vận hành của sao hoặc dựa theo vương pháp để biết tháng thiếu hay tháng đủ.

Bao-sái-đà: bao sái dịch nghĩa là trưởng dưỡng, đà dịch nghĩa là giữ, do đại chúng nhóm họp thuyết giới nên có thể nuôi lớn thiện pháp. Đà cũng dịch nghĩa là tịnh trừ, ý nói thuyết giới có thể nuôi lớn thiện pháp, tịnh trừ bất thiện pháp.

Nói đúng thời đến là chỉ cho lúc làm Bao-sái-đà không có trở ngại nào khác; nói lắng nghe là lúc đang hỏi, đại chúng nơi tòa ngồi nên lắng nghe và chấp thuận làm trưởng tịnh; nói bạch như vậy là bạch cho chúng biết việc đang làm. Sở dĩ chỉ cử một người thuyết giới là vì không thể cả chúng đều tụng giới, trong chúng cũng có người không thuộc

hết giới, lại do người nghe pháp trên lý thì không nên như thế. Lại không ở trong phòng riêng thuyết giới vì ở trong phòng riêng không phải là đại chúng làm Bao-sái-đà, vì thế cùng nhóm lại một chỗ thì lợi ích nhiều hơn; nếu thuyết riêng lẻ trong phòng riêng thì có lỗi không nghe pháp. Hễ vào ngày thuyết giới có thiện Bí-sô tụng được giới thì không nên sai người thọ học tụng; ở trú xứ chỉ có bốn người thì phải cùng nhóm họp thuyết giới, không được ở riêng, cũng không được lấy dục. Nếu ở nơi tháp miếu ồn náo hoặc chỗ có người tục hoặc chỗ hiển lộ hoặc chỗ bất tịnh mà làm Bao-sái-đà thì phạm tội Ác tác; nếu không có nơi nào khác thì làm không phạm nhưng không nên đối trước người tục mà làm. Lại nữa vào lúc ngủ, lúc nhập định, lúc khất thực, lúc nghỉ ngơi, lúc cúng dường mà làm trưởng tịnh thì phạm tội Ác tác; nếu vào thời khác gặp có trở ngại thì làm không phạm.

Nếu vào ngày trưởng tịnh, Bí-sô ở trong giới bị quan bắt, không thể đến cùng nhóm họp làm trưởng tịnh thì phạm tội biệt trụ, không thành trưởng tịnh; các Bí-sô khác nên đến chỗ quan xin thả Bí-sô ấy ra, nếu không làm như thế thì phạm tội Ác tác. Nếu Bí-sô bị điên cuồng, Tang nên cho yết ma điên cuồng để ngăn ngừa biệt trụ.

Đến ngày trưởng tịnh, tất cả Bí-sô nên quán tự thân là trong nửa tháng qua, ta không có phạm tội chăng, nếu nhớ có phạm thì nên phát lồ. Nên đối

trước vị thanh tịnh với đầy đủ oai nghi nói tội như sau:

Đại đức nhớ nghĩ, tôi Bí-sô _____ đã phạm tội _____ , nay đối trước cụ thọ phát lồ sám hối không dám che giấu, do phát lồ nên được an lạc, không phát lồ thì không được an lạc. (ba lần)

Bí-sô thọ sám hỏi: thầy có thấy tội không? Bí-sô đối sám đáp: thấy.

Lại hỏi: sau này thầy có khéo hộ trì các giới không?

Đáp: sẽ cẩn thận hộ trì. Bí-sô thọ sám nói: tốt. Đáp: lành thay.

Nếu nơi tội có nghi thì nên đến chỗ vị trì luật để quyết nghi, sau đó phát lồ sám hối. Nên đối trước Bí-sô phát lồ, không nên đối trước Bí-sô ni, nếu đối trước Bí-sô ni phát lồ thì phạm tội Việt pháp. Cũng không nên đối trước người phạm tội đồng phần mà phát lồ; nói phạm tội đồng phần là tội Ba la thị ca đối với tội Ba la thị ca, như thế cho đến tội Đột sắc ngật lý ca đối với tội Đột sắc ngật lý ca gọi là đồng phần, tức là tương tợ. Nếu khi đang ở trong chúng làm trưởng tịnh mà nhớ tội đã phạm thì Bí-sô này nên đối với tội ấy tâm niệm thủ trì như sau:

Hôm nay ngày thứ mười lăm, Tăng đang trưởng tịnh, con Bí-sô _____ cũng đang

trưởng tịnh. Con Bí-sô _____ đang ở trong Tăng bỗng nhớ tội đã phạm, con Bí-sô _____ đối với tội đã phạm tự tâm niệm thủ trì, sau khi Tăng trưởng tịnh xong, con sẽ đối trước Bí-sô thanh tịnh sám hối trừ tội ấy.

Nơi tội có nghi cũng dựa theo đây mà biết, người tụng giới nếu nhớ có tội hay nghi cũng tâm niệm thủ trì như thế. Nếu đến ngày trưởng tịnh, tất cả Tăng đều có tội, Tăng nên sai một thiện Bí-sô đến trú xứ khác để đối trước Bí-sô thanh tịnh như pháp sám hối, sau đó trở về trong trú xứ này cho chúng tăng đối trước vị này sám hối trừ tội rồi mới trưởng tịnh. Nếu không thể làm được việc này thì chúng tăng nên tác Đơn bạch để trưởng tịnh, sau đó đến trú xứ khác đối trước Bí-sô thanh tịnh sám hối trừ tội. Đơn bạch như sau:

Đại đức Tăng lắng nghe, hôm nay là ngày thứ mười bốn trưởng tịnh, ở trong trú xứ này, tất cả Tăng đều có tội nhưng không có ai đến trú xứ khác để đối trước Bí-sô thanh tịnh như pháp sám hối rồi trở về trong trú xứ này cho chúng tăng đối trước vị này sám hối trừ tội. Nếu Tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay tác Đơn bạch để trưởng tịnh, sau đó đến trú xứ khác đối trước Bí-sô thanh tịnh như pháp sám hối trừ tội. Bạch như vậy.

Nếu trong chúng có một Bí-sô thanh tịnh không phạm thì Bí-sô này nên đến chỗ Bí-sô đồng ý với

tâm thiện khiến Bí-sô kia nhớ nghĩ rồi đối trước các Bí-sô nói tội đã phạm, muốn cho chúng nhơn thảy đều nghe biết và cũng nói ra tội của mình, ai không đồng ý thì im lặng. Nếu biết Bí-sô kia không đồng ý mà cưỡng ép gạn hỏi khiến nhớ nghĩ thì Bí-sô này phạm tội Việt pháp. Nếu không biết Bí-sô kia trước đây có tội hay không tội, cho là thanh tịnh mà đến nói tội thì không thành nói tội; nếu tưởng biệt trụ và nghi mà làm trưởng tịnh thì phạm tội Việt pháp ; nếu khởi tâm phá hoại mà làm trưởng tịnh, đó là phương tiện phá Tăng, phạm Tốt-thổ-la để, phải nhất tâm hòa hợp mới làm trưởng tịnh.

Vào ngày trưởng tịnh, Bí-sô cựu trụ đã làm trưởng tịnh, nếu Bí- sô khách đến với số lượng ít hơn thì phải ân cần thỉnh chúng hòa hợp để làm trưởng tịnh lại; nếu không chịu thì Bí-sô khách nên đến trong tiểu giới tràng tự làm trưởng tịnh. Nếu số khách đến bằng hoặc đông hơn thì Bí-sô cựu trụ nên cùng hòa hợp làm trưởng tịnh lại. An cư xong làm tùy ý tức là trưởng tịnh, không cần trưởng tịnh nữa. Nói trú xứ có nghĩa là nơi đó có người biết làm yết ma, nói trú xứ không có nghĩa là nơi đó không có người biết làm yết ma. Nếu trú xứ Bí-sô là nơi có thể cùng ở thì ngày trưởng tịnh nên đến để làm trưởng tịnh, nếu nơi đó có đấu tranh mà đến thì phạm tội Ác tác, nếu nơi đó không có Bí-sô mà có người đồng hạnh được lạc trụ thì tùy ý đến không phạm, nếu nạn sự sắp đến thì được tùy tình

bỏ đi. Đến ngày trưởng tịnh, không nên cho các môn nhân đệ tử tùy tình đi đến trú xứ khác; nếu trú xứ này không có người thuyết giới thì cho đến chỗ người thuyết giới ở trú xứ khác để làm trưởng tịnh, nếu không đi thì phạm tội Việt pháp. Nếu tại trú xứ tiền an cư không có người thuyết giới thì không nên ở qua trưởng tịnh lần thứ hai, nên đến chỗ có người thuyết giới nhưng không được ở trước người tục thuyết giới.

Khi an cư nên làm trưởng tịnh cùng Bí-sô đồng ý thanh tịnh đồng kiến, nếu cùng Bí-sô bị điếc hoặc không hiểu biết tại một chỗ làm trưởng tịnh cũng thành túc số. Đến ngày trưởng tịnh, Bí-sô một mình nơi A-lan-nhã nên quét dọn sạch sẽ trú xứ, trải tòa rồi tụng vài bài kinh, sau đó lên chỗ cao nhìn ngó bốn phía nếu thấy có Bí-sô nào đến, nên chào hỏi và nói: "cụ thọ, hôm nay là ngày trưởng tịnh, thầy nên cùng tôi làm trưởng tịnh". Nếu thấy không có ai đến thì Bí-sô này nên ở trong trú xứ của mình tâm niệm miệng nói rằng:

Hôm nay là ngày thứ mười bốn, Tăng trưởng tịnh, con Bí-sô _____ cũng trưởng tịnh, con Bí-sô đối với các chướng pháp tự nói thanh tịnh. Nay con tạm làm trưởng tịnh, sau này gặp chúng tăng hòa hợp, con sẽ làm trưởng tịnh với đầy đủ các giới tụ (ba lần).

Nếu có một hay hai người đến thì nên làm đối thú trưởng tịnh, dựa theo pháp một mình tâm niệm

mà làm. Nếu Bí-sô đi đường khi đến nơi có thôn phường hoặc vào trong thôn hoặc ở ngoài thôn, đến ngày trưởng tịnh nên làm trưởng tịnh đầy đủ theo thứ lớp. Nếu trong thôn thì trong thế phần của thôn không được ở riêng, nếu ngoài thôn thì ngoài thế phần của thôn nên làm trưởng tịnh. Nếu tháp tùng theo đoàn thương buôn, họ không hiềm trách thì tùy đi hay đứng nên làm trưởng tịnh, nếu họ hiềm trách thì nên nên tâm niệm trưởng tịnh. Có sáu việc khai cho làm tâm niệm: một là thủ trì ba y, hai là xả ba y, ba là phân biệt y dư, bốn là xả biệt thỉnh, năm là làm trưởng tịnh, sáu là tác Tùy ý. Nên làm trưởng tịnh mà không làm thì phạm tội Việt pháp, không nên làm trưởng tịnh mà liền làm cũng phạm tội Việt pháp, trừ cát tường trưởng tịnh. Như chúng bị phá mà được hòa hợp lại nên đại chúng hoan hỉ làm trưởng tịnh; hoặc có Bí-sô trước đó bị Tăng cho yết ma xả trí, khi được giải yết ma này, Bí-sô kia thỉnh đại chúng xin làm trưởng tịnh biệt thời.

Có năm trường hợp thuyết Ba-la-đề-mộc-xoa:

1. Là thuyết tựa giới kinh, các pháp còn lại như Tăng đã thường nghe.

2. Là thuyết tựa giới kinh và bốn pháp Ba la thị ca, các pháp còn lại như Tăng đã thường nghe.

3. Là thuyết tựa giới kinh cho đến mười ba pháp Tăng già bà thi sa, các pháp còn lại như Tăng thường nghe.

4. Là thuyết tựa giới kinh cho đến hai pháp Bất định...

5. Là thuyết tựa giới kinh cho đến hết.

Ai nên thuyết Ba-la-đề-mộc-xoa?: tức là Thượng tòa trong chúng, nếu Thượng tòa không thuyết được thì nên sai vị thứ hai, thứ ba hoặc sai theo thứ lớp, hoặc thỉnh riêng trước một người. Nếu Thượng tòa chỉ tụng được Tựa giới kinh thì vị thứ hai nên tụng tiếp bốn pháp Ba la thị ca...; nếu người điên cuồng có thể thuyết giới được thì cũng thành thuyết giới.

**9. Khuyên chí tâm lắng nghe:**

Các Đại đức, tôi sắp nói giới kinh Ba-la-đề-mộc-xoa, các vị hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ, nếu nhớ có phạm nên phát lồ, không phạm thì im lặng, do im lặng nên biết các Đại đức thanh tịnh. Nếu khi nghe hỏi, các vị nên đáp như thật, ở trong chúng thù thắng này, tôi sẽ hỏi ba lần, các vị nên đáp như thật, nếu Bí-sô nào tự biết có phạm mà không phát lồ thì phạm tội vọng ngữ. Các Đại đức, Phật dạy cố ý vọng ngữ là pháp chướng đạo, nếu Bí-sô mong cầu thanh tịnh thì nên phát lồ, phát lồ thì được an lạc, không phát lồ thì không an lạc.

Các Đại đức, tôi đã nói tựa của giới kinh xong rồi, nay xin hỏi các Đại đức, trong chúng này có thanh tịnh không? (ba lần). Các Đại đức, trong chúng này thanh tịnh vì im lặng, tôi xin nhớ giữ

như thế.

Nói tôi sắp nói giới kinh là thời nói giới kinh sắp đến, nếu người nghe không kính ngưỡng thì nước pháp sẽ không thấm nhuần, nên khuyên phải nhiếp tâm chớ có tán loạn.

Nói lắng nghe là tổng khuyên nên dụng tâm.

Nói khéo suy nghĩ là muốn nêu ba hạng người dụ như ba khí vật, nếu kính ngưỡng thì dụ như khí vật hoàn toàn thanh tịnh có thể chứa dùng; nếu che giấu thì dụ như khí vật bị rỉ chảy và dơ bẩn không thể chứa dùng; hạng thứ ba theo đó nên biết.

**10. Nói rõ đồ chúng thanh tịnh:**

Nói nếu có phạm là trước đó đã có phạm nay im lặng không nói ra thì chiêu thêm tội, như trong thời khác có người khác hỏi nên đáp thật thì bây giờ cũng vậy.

Nói tôi nay ở trong chúng Bí-sô thanh tịnh này là khen ngợi đồ chúng đang nghe giới.

Nói nhớ biết là nếu phạm mà không nhớ biết, im lặng không nói cũng là phạm vọng ngữ vì ngữ nghiệp biểu hiện nơi thân tướng. Có thuyết nói đây là tội thuộc ý nghiệp.

Nói là pháp chướng ngại, tức là trong hai thời đều bị chướng ngại: một là đời hiện tại chướng ngại thiện pháp, hai là đời vị lai chướng ngại sanh cõi thiện.

Nói muốn cầu thanh tịnh tức là cầu Niết-bàn,

vì cầu Niết-bàn nên không sợ bị cật cấn hay trị phạt mới nói ra tội.

Nói phát lồ liền được an lạc có năm tướng: một là do siêng năng sách tấn đối trị giãi đãi, hai là do không tội đối trị các tội, ba là do kính trọng đối trị kiêu mạn, bốn là do không hối đối trí Ác tác, năm là do tịch định đối trị tán loạn.

Tựa giới kinh: là phần giải nghĩa sơ lược, trình bày giới tướng sơ lược, không giải rộng. Khi thuyết giới nói Tựa giới kinh trước làm đầu mối cho các phần sau sanh khởi. Sở dĩ chỉ hỏi ba lần là để lìa hai bên: một là quá sơ lược, hai là quá nhiều; nếu quá sơ lược thì người ngu tối khó biết, nếu quá nhiều thì kéo dài thời gian khiến đại chúng mỏi mệt.

-oOo-

# CĂN BẢN TÁT BÀ ĐA BỘ LUẬT NHIẾP

## QUYỂN 2

## TỔNG GIẢI THÍCH HỌC XỨ:

Giải thích mỗi học xứ đều có 21 môn:

1. Duyên xứ phạm tội: tức là tại thành ấy nước ấy chế học xứ ấy.

2. Người phạm tội: tức là do có người phạm tội mà chế ra học xứ.

3. Tội đã phạm: tức là tội do thân ngữ tạo tác.

4. Cảnh và việc đã phạm: có hai loại tình và phi tình, tùy trong mỗi giới mà nhận biết, nói tóm có 65 việc:

a. Mười việc thứ nhất: dâm nhiễm, nhiếp thủ, bất nhẫn, cầu lợi, trú xứ, đồng phạm hạnh, Tăng già, thọ dụng thức ăn, thọ dụng pháp và Ô-ba-tư-ca.

b. Mười việc thứ hai: y dư, lìa y, mong đủ, nhân cầu, thọ tài vật bất tịnh, ngọa cụ, đi đường, chứa bát, cầu tốt, giữ y.

c. Mười việc thứ ba: thọ y, cất y, hồi vật của người khác, bịnh cần thuốc, trái với tâm, xuất gia, môn đồ, khởi tránh, thuyết pháp.

d. Mười việc thứ tư: chưa là cận viên, giới kinh, hoại chủng tử, quỷ thần thôn, khinh hủy, chống trái xúc não, dùng nước, ni, ăn uống, đến nhà thế tục.

e. Mười việc thứ năm: ngoại đạo, xem quân, kết bạn, dùng lửa, gởi dục, ngủ nghỉ, không khéo quán sát, nhuộm y, theo ý thích của mình, bàng sanh.

f. Mười việc thứ sáu: cười đùa, người nữ, cận viên, hoại đất, thỉnh lại, khinh thường học xứ, luận nghĩa, đấu tranh, thọ thỉnh, vào tụ lạc.

g. Năm việc sau cùng: ống đựng kim, kích lượng giường nằm, kích lượng y, pháp thức và cật vấn.

5. Do nơi phiền não: phiền não có hai: một là câu sanh, hai là duyên phát, tùy tâm tạo nghiệp nhiều loại không đồng, ở trong các học xứ tùy việc mà nói ra, tóm có 27 loại phiền não là tham, sân, si, dâm, nhiếp thủ, bất nhẫn, cầu lợi dưỡng, tranh hận, trú xứ, nghiệp thô bỉ, trí tà, xẻn về nhà, cầu tự tại, quá phần hạn, bỏ sót, đợi duyên, chê trách, che giấu, nhiếp thu ba môn đồ, mạn pháp, không thương xót, khinh chế, khinh thường, không thu cất, không tịch tĩnh, không kính, bất nhẫn khi bị cật vấn.

6. Lợi ích của chế giới: Phật quán mười lợi nên chế học xứ.

7. Có phạm không phạm: nếu cố tâm phạm thì gọi là có phạm, khác với trên là không phạm.

8. Đủ chi thành phạm: tùy theo mỗi học xứ có đủ mấy chi duyên mới thành phạm.

9. Nhân sanh ra tội: có sáu nhân là do thân, do ngữ, do tâm, do thân tâm, do ngữ tâm và do thân ngữ tâm.

10. Giải thích tên tội: tên tội không đồng như Ba la thị ca...

11. Thể của tội: tạo tội đều do nơi thân ngữ nên Tư là thể của tội.

12. Có thể xử trị và không thể xử trị: có thể trị là như trường hợp người thọ học (Sa di học hối), không thể trị là những người không có hổ thẹn.

13. Tội có tánh giá: tánh tội là tội từ bản tánh, giá tội là tội do chế giới mà phạm. Có thuyết nói tánh tội là tội do tâm nhiễm, giá tội là tôi bao gồm nhiễm và không nhiễm.

14. Làm và không làm: làm là do thân ngữ tạo tác, không làm là do quên mà việc thành.

15. Phương tiện có không: cố tâm làm gọi là có phương tiện, vô tâm phạm gọi là không phương tiện.

16. Tội trọng: phân biệt có sáu tướng:

a. Do chế: do Phật chế học xứ nên có tội trọng này.

b. Do việc: như giết bàng sanh phạm Ba-dật-

đề, dù là việc thuộc tội chúng giáo cũng không thể nặng hơn.

c. Do phiền não: do không kính giáo, phiền não sanh khởi nên tội nặng.

d. Do thường phạm: nên tội nặng.

e. Do người: do người không trồng thiện căn, bẩm tánh ngu độn nên tội bèn nặng.

f. Do thời gian: do che giấu thời gian lâu nên tội thành nặng.

17. Tội khinh: ngược với sáu tướng trên là tội nhẹ.

18. Cộng tướng không khác: học xứ dù tánh hay giá đều lấy thân ngữ tâm làm cộng tướng.

19. Nêu tội có khác: có bốn sai khác.

a. do trị phạt cực nặng mới được xuất tội, tức là tội Ba la thị ca.

b. do ở trong Tăng trị phạt, tức là tội Tăng già bà thi sa.

c. do trị phạt nhẹ (hạ), tức là tội Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

d. không do trị phạt tức là các tội còn lại.

20. Có nhiễm không nhiễm: nếu lấy tham... làm nhân gọi là có nhiễm, ngược với đây gọi là không nhiễm.

21. Nguyên do phạm tội: có năm

a. do tánh không hổ thẹn.

b. do tâm không kính pháp.

c. do trong tâm phóng dật.

d. do bẩm tánh si độn.

e. do quên mất chánh niệm.

## *I. BỐN PHÁP BA LA DI:*

Nhiếp tụng:

*Nếu làm hạnh bất tịnh,*
*Trộm cắp và giết người,*
*Vọng nói pháp thượng nhân,*
*Đều không được ở chung.*

### 1. Làm hạnh bất tịnh:

Hạnh bất tịnh: trong mười hai năm đầu, trong Tăng chưa phát sanh việc ác; vào năm thứ mười ba, đức Bạc-già-phạm tại thôn Yết lan đạc ca, nước Phật lật thị, con trai của Yết lan đạc ca là Tô trận na do bà mẹ dạy bảo để có cháu nối dòng, lại do phiền não dâm nên làm việc dâm. Phật quán mười lợi nên chế học xứ này.

1. Nhiếp thủ Tăng: ở trong bốn giai cấp Sát-đế-lỵ, Bà-la-môn, Phệ xá, Thủ đà la nếu có thiện nam, thiện nữ nào sanh tín kính xuất gia trong chánh pháp làm Bí-sô... gọi là nhiếp thủ Tăng.

2. Tăng cực thiện: ở trong pháp luật thiện thuyết có thể làm cho thiện pháp tăng thạnh cùng tột.

3. Khiến Tăng được an lạc trụ: nương nơi thiện

pháp này để trả nợ của tín thí.

4. Khiến người không tin được tịnh tín: sanh chánh tín

5. Khiến người đã tin được tăng trưởng: khéo hộ tự tâm.

6. Chiết phục người ác: người phạm trọng do không hộ trì giới phẩm thì tăng tác pháp chiết phục mà đuổi đi.

7. Khiến người có hổ thẹn được lạc trụ: người cực thuần thiện trong hàng Dị sanh khiến không có đấu tranh mà được an lạc trụ.

8. Đoạn phiền não lậu hoặc đời này.

9. Đoạn phiền não lậu hoặc đời sau.

10. Khiến phạm hạnh trụ lâu ở đời.

Nếu lại có Bí-sô cùng các Bí-sô đồng được học xứ, không xả học xứ, học xứ không suy kém, không tự nói ra mà làm hạnh bất tịnh, hai thân giao hội cho đến với loài bàng sanh thì Bí-sô này phạm Ba la thị ca, không được ở chung.

Nếu lại có Bí-sô: chỉ cho người phạm tội. Có năm loại Bí-sô: 1. Danh tự Bí-sô: tên gọi là Bí-sô, như người thế gian đặt tên cho con trai, con gái để gọi.

2. Tự xưng Bí-sô: thật không phải là Bí-sô mà tự xưng là Bí-sô thanh tịnh.

3. Khất cầu Bí-sô: Bí-sô do khất cầu để tự nuôi sống.

4. Phá trừ phiền não Bí-sô: Bí-sô đã đoạn trừ phiền não.

5. Bạch tứ yết ma thọ Cận viên Bí-sô: trong đây gọi Bí-sô là chỉ cho hàng Bí-sô thứ năm này.

Lại dựa vào bảy thanh để làm rõ nghĩa Bí-sô:

1. Tác giả thanh: ai là Bí-sô, tức là người thọ Cận viên.

2. Tác nghiệp thanh: tạo nghiệp gì, tức là đồng học giới.

3. Sở do thanh: do đâu mà được, tức là do ba nghiệp.

4. Sở vi thanh: làm việc gì, tức là cầu Niết-bàn.

5. Sở tùng thanh: từ đâu mà được, tức là từ thầy...

6. Thuộc chủ thanh: pháp của ai, pháp của Thế tôn.

7. Sở y thanh: nương vào đâu, tức là dục giới và pháp luật thiện thuyết.

Nếu thêm âm thanh kêu gọi thì thành tám thanh, ba lần chuyển thành hai mươi bốn thanh sai khác.

Lại dựa vào 11 việc để giải nghĩa Bí-sô:

1. Bí-sô quá khứ: đã xả học xứ.

2. Bí-sô chưa đến: chưa thọ học xứ.

3. Bí-sô hiện tại: không xả học xứ.

4. Nội: tức là bên trong đoạn trừ phiền não.

5. Ngoại: tức là tướng bên ngoài nhiếp trì.

6. Thô: chỉ cho bốn loại Bí-sô danh tự... phải đợi người khác răn nhắc.

7. Tế: chỉ cho Bí-sô phá trừ phiền não có thể tự điều phục tâm.

8. Hạ liệt: chỉ cho người phá các giới nhỏ, tâm không thường hằng cũng không kiên cố.

9. Thù thắng: trái ngược với hạ liệt trên.

10. Xa: người có thể xuất gia mới ưa thích học giới.

11. Gần: người đang thọ Cận viên.

Cùng các Bí-sô đồng được học xứ: cùng với các học xứ đã có của Bí-sô tương tự nên nói là đồng được, cho dù đã thọ Cận viên trước đủ một trăm năm thì các việc nên học cùng với người mới thọ không khác nên nói là đồng được.

Không xả học xứ: không đối trước người khác tác pháp xả. Nếu đối trước người không hiểu lời mình nói như người ở trung phương đối trước người ở biên phương và ngược lại, hoặc đối trước người người điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại, ngu si, câm, điếc, ngủ say, nhập định, phi nhân, trời, bàng sanh biến hóa và các hình tượng để xả học xứ thì không thành xả.

Đồng được học xứ, không xả học xứ có bốn câu: một là Bí-sô ái trọng học xứ; hai là đến chỗ sáu chúng, người thọ học và ngoại đạo xả học xứ;

ba là Bí-sô không ái trọng học xứ; bốn là trừ ba trường hợp trên.

Học xứ suy kém, không nói ra cũng có bốn câu: một là xả học xứ nhưng không phải học xứ suy kém; hai là muốn xả học xứ nhưng khi đối xả chỉ nói là học xứ khó hành trì mà không nói là xả học xứ; ba là hai trường hợp trên cùng làm; bốn là cả hai trường hợp trên đều không làm.

Bí-sô muốn xả học xứ nên đối trước người có trí nói rằng: "Cụ thọ nhớ nghĩ, tôi là Bí-sô _____ nay xả học xứ", đây gọi là xả học xứ. Hoặc nói: "Tôi xả Phật đà, Đạt ma, Tăng già", hoặc nói: "Tôi xả Tố đát la, Tỳ-nại-da, Ma sất lý ca", hoặc nói: "Tôi xả Ô ba đa da, A giá lợi gia", hoặc nói: "biết Tôi là người tục, biết Tôi là Cầu tịch, là Phiến tra bán trạch ca, làm ô nhục Bí-sô ni, giết cha, hại mẹ, giết A-la-hán, phá hòa hợp tăng, tâm ác làm Phật bị thương chảy máu, là ngoại đạo, là người hướng về ngoại đạo, là tặc trụ, là người biệt trụ, bất cọng trụ", cho đến nói: "Tôi với người đồng pháp, đồng phạm hạnh như các vị không phải là bạn bè". Đây đều gọi là xả học xứ.

Làm hạnh bất tịnh, hai thân giao hội: có Bí-sô xả học xứ, học xứ suy kém nhưng không làm hạnh bất tịnh, hai thân giao hội, cũng có bốn câu:

1. Là đối với hạnh khất thực, ăn thức ăn thô, hạnh thu nhiếp do không kham nổi nên xả học xứ,

nhưng có thọ trì học xứ không làm hạnh bật tịnh.

2. Là không xả học xứ vì tâm không sợ hại, trộm cắp nhưng làm hạnh bất tịnh.

3. Là làm hạnh bất tịnh và khéo xả học xứ.

4. Là Bí-sô được lạc trụ.

Cho đến cùng với loài bàng sanh: tức là cùng khỉ vượn... Ba la thị ca: nghĩa là cực xấu xa, lại có nghĩa là tha thắng, tức là vừa phạm tội này liền bị bậc tịnh hạnh khác vượt lên, lại bị các phiền não chiết phục lấn lướt. Người xuất gia thọ Cận viên đáng lẽ phải đoạn trừ phiền não, nay do phá giới nên trở lại bị phiền não chiết phục.

Không được ở chung: người phạm tội này đối với pháp và thực vĩnh viễn không có phần, ví như thây chết nên gọi là không được ở chung. Bí-sô phạm Ba la thị ca nhưng không phải là Bất cọng trụ cũng có bốn câu:

1. Là người được quả Bất hoàn đã hàng phục được phiền não đã có, được thắng.

2. Là người bị Tăng cho yết ma xả trí trị phạt.

3. Là hạng người xấu ác phạm pháp đọa lạc.

4. Là trụ bổn Bí-sô.

Lại có Bí-sô: người làm đầu tiên không phạm, người làm kế sau đó mới phạm nên nói là lại có Bí-sô. Nếu người khi thọ Cận viên không có các chướng pháp, Tăng và giới cho đến tác yết ma không có lỗi thì được gọi là thiện thọ Cận viên, là

chân thật Bí-sô. Có trường hợp Bí-sô làm hạnh bất tịnh nhưng không phạm Ba la thị ca hay không?: có thuyết cho là người trước khi xuất gia. Nói lại có Bí-sô tức là không phải Bí-sô ni, nếu Bí-sô ni chuyển căn thì liền thành Bí-sô. Nói học là chỉ cho ba môn học tăng thượng Giới tâm và huệ, trong đây là chỉ cho Giới học. Nói không xả học xứ tức là do có bốn duyên mới thành xả: nói xả, hai hình sanh, mạng chung và đoạn thiện căn. Nếu trước xả sau thọ lại thì cũng gọi là đồng được, phân biệt khác với người phạm. Nói học xứ suy kém, không tự nói ra là đối với học xứ không có sức hộ trì nên gọi là suy kém, trong lòng buồn phiền không nói nên gọi là không tự nói ra. Nếu hạnh thanh tịnh mới có thể chứng hội Niết-bàn, làm hạnh bất tịnh tức là làm trái ngược điều trên. Nói hai thân giao hội tức là hai căn giao hội, có thuyết nói ngoài hai căn, nơi thân phần khác gọi là hai thân giao hội. Nói Bí-sô này là chỉ cho người phạm tội. Nói phạm Ba la thị ca là người phạm tội này bị quân phi pháp hàng phục, thua trận mất chỗ tôn quý của mình, không còn là Sa môn, là Thích ca tử nữa.

Tướng phạm trong giới này: nếu Bí-sô ở nơi ba đường hành dâm là miệng và đường đại tiểu tiện, tùy lúc vào nếu là đường đại tiểu tiện, vào qua màng da đỏ; nếu là miệng, vào qua răng mà khởi thọ lạc liền phạm bổn tội. Đối tượng là người, hai hình hay bán trạch ca, chết hay sống, ngủ hay thức

hoặc nhập định, cuồng si... nếu Bí-sô nơi ba chỗ là chỗ đại tiểu tiện và miệng hành dâm, vừa vào ba chỗ này cùng giao hội liền phạm Ba la thị ca. Nếu Bí-sô cùng ba hạng người làm hạnh bất tịnh phạm Ba la thị ca, đó là nam, nữ và bán trạch ca. Bí-sô nơi ba chỗ hành dâm chưa hư hoại của người nữ còn sống để làm việc dâm dục, có y phục hành dâm với người có y phục hay không có y phục, hoặc không có y phục hành dâm với người không có y phục, vừa vào ba chỗ hành dâm này cùng giao hội liền phạm Ba la thị ca. Bí-sô nơi ba chỗ tổn hoại của người nữ còn sống làm việc dâm dục, có y phục hay không có y phục như trên, vừa vào ba chỗ hành dâm này liền phạm Tốt-thổ-la để. Bí-sô nơi ba chỗ không hư hoại của người nữ đã chết làm việc dâm dục, có y phục hay không có y phục như trên, vừa vào ba chỗ hành dâm này liền phạm Ba la thị ca; nếu nơi ba chỗ tổn hoại của người nữ đã chết làm việc dâm có y phục hay không có y phục như trên, vừa vào ba chỗ hành dâm này liền phạm Tốt-thổ-la để. Đối với phi nhơn nữ hay bàng sanh cái sống hay chết, ba chỗ tổn hoại hay không tổn hoại, có cách hay không cách, phạm tội nặng nhẹ như trên có thể biết. Nếu Bí-sô hay Bí-sô ni đang ngủ hoặc bị kẻ khác dụ uống rượu say rồi cưỡng bức hành dâm, trong ba thời: lúc đầu biết, giữa và sau không biết thì không phạm, nhưng người hành dâm phạm tội căn bản; nếu ban đầu và giữa biết,

sau lại không biết cũng không phạm, nhưng người hành dâm phạm tội căn bản; nếu cả ba thời đều biết mà tâm không thọ lạc cũng không phạm, nhưng người hành dâm phạm tội căn bản; nếu cả ba thời tâm đều biết với tâm thọ lạc thì cả hai đều phạm tội căn bản. Nếu Bí-sô dùng chú thuật chuyển biến tự thân thành thân bàng sanh hoặc biến thân người khác để cùng hành dâm, nếu tưởng là Bí-sô thì phạm Ba la thị ca, nếu không tưởng thì phạm tội thô. Đối tượng là người bị chém ngang lưng hay chặt đầu nếu hành dâm nơi hai đường đều phạm trọng, nếu nơi miệng thì phạm tội thô, nơi thân phần khác cũng tội thô. Nếu thân bị cắt đứt nối cho hợp dính lại mà thấy rõ đường nối thì phạm tội thô, nếu không thấy thì phạm trọng. Nếu khi cùng làm việc phi pháp mà có tâm sợ hãi hay hổ thẹn thì chỉ phạm tội thô không phạm bổn tội, vì nếu có tâm sợ hãi hay hổ thẹn thì tâm nhiễm không sanh. Nếu ở trong phòng hay ở ngoài thôn, khi ngủ bị người đến cưỡng bức hành dâm, tâm không thọ lạc thì không phạm; vì vậy Bí-sô khi ngủ nên đóng cửa hoặc nhờ Bí-sô khác canh chừng. Như nơi A-lan-nhã có Bí-sô đã đắc định, người nữ kiếm củi nhìn thấy nam căn nơi thân Bí-sô sanh khởi nên dục sanh liền cùng Bí-sô hành dục, do Bí-sô không có tâm nhiễm nên không phạm; vì vậy Bí-sô nơi A-lan-nhã nên dùng tre làm hàng rào bao quanh chỗ ở của mình. Người không ly dục có năm nhân duyên khiến sanh

chi sanh khởi: một và hai là bị đại tiểu tiện bức bách, ba là gió làm lay động, bốn là dùng tay gãi nơi trùng cắn, năm là do tâm nhiễm; nếu người đã lìa dục thì chỉ có bốn nhân duyên trên. Nếu Bí-sô bị thiên nữ âm nhạc bắt đưa lên cung điện của mình để cưỡng bức hành dâm, Bí-sô do mất bản tâm nên không phạm; vì thế Bí-sô không nên dừng ở nhưng nơi có nạn khủng bố như thế. Nếu đúng là đường hành dâm, tưởng là đường hành dâm và nghi mà vào quá phần hạn đã chế thì phạm Ba la thị ca; nếu tưởng không phải và nghi thì chỉ phạm Tốt-thổ-la để; nếu khởi tâm dục muốn làm hạnh bất tịnh thì chỉ phạm tội trách tâm Ác tác; nếu khởi phương tiện sửa soạn đi đến, cho đến khi hai thân chưa xúc chạm thì phạm đối thuyết Ác tác; sắp làm phi pháp cho đến khi chưa vào quá phần hạn đã chế thì phạm Tốt-thổ-la để; vào quá phần hạn đã chế thì phạm bổn tội. Nếu xúc chạm tóc cho đến các thân phần khác của người nữ mà không có tâm thọ lạc thì phạm Tốt-thổ-la để; nếu có tâm thọ lạc thì phạm tội Chúng giáo. Nếu Bí-sô dùng minh chú cùng các tạp dược hoặc dùng huyễn thuật tạo ra các hình tượng để hành dâm thì phạm Tốt-thổ-la để. Nếu Bí-sô phạm tội trọng này, không có hai tâm ác là không sợ hãi và tặc tâm, chỉ vì bị phiền não bức bách nên làm việc phi pháp thì đến Bí-sô khác phát lồ, Tăng nên bạch tứ yết ma cho thọ học; người thọ học hành pháp này cũng giống như người hành biệt

trụ, chỉ khác là cho đến khi nào còn sống thì phải trao thức ăn cho người, cũng được thọ thức ăn để ăn, khi nào chứng được quả A-la-hán thì đồng như thiện Bí-sô, ngồi vào chỗ ngồi trước đây. Có thuyết nói phải sáu tháng hầu cận các Thượng tòa trong Tăng, coi giữ y bát và làm các sự nghiệp như pháp đã có trong Tăng, nếu có thể làm Tăng vừa ý và tự điều phục theo hướng thiện, lúc đó Tăng sẽ cho ngừng hành pháp trị phạt, đây gọi là từ tội mà đứng dậy.

Các học xứ sau giải thích cũng giống như giới này nên không giải thích lại nữa, những người phạm đầu tiên tuy không phạm bổn tội nhưng có tội Đột sắc ngật lý ca trách tâm. Không phạm là người điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại... Học xứ này đủ tám duyên mới thành phạm: một là đại Bí-sô, hai là cảnh có thể hành dâm, ba là chỗ hành dâm không hư hoại, bốn là căn môn của tự thân nguyên vẹn, năm là khởi phương tiện, sáu là vào quá phần hạn đã chế, bảy là có tâm thọ lạc, tám là có đủ hai tâm không sợ hãi và tặc tâm. Đủ tám duyên này thì phạm Ba la thị ca không thể cứu, vì có thể hại phẩm thiện khiến tiêu diệt và sanh khởi tội trong ba đường. Nếu với tặc tâm cố ý phạm tội này thì không thể cứu, ngược với trên thì có thể cứu bằng cách cho thọ học, trọn đời mới được xuất tội. Nếu phạm tội phương tiện trọng Tốt-thổ-la để thì phải đối trong Tăng sám trừ, nếu là khinh Tốt-

thổ-la để thì nên đối trước bốn người ở ngoài giới sám. Ba tội Tha thắng sau cũng giống như đây nên biết.

**2. Không cho mà lấy:**

Phật tại thành Vương xá, do Bí-sô Đạt ni ca trộm cây gỗ tốt của vua A xà thế, bị bắt giữ và bị vua mắng là đáng tội chết nên các Bí-sô bạch Phật, Phật bảo A-nan đi hỏi pháp quan để biết theo vương pháp phạm tội trộm tới mức độ nào mới xử tội chết, pháp quan nói là trộm vật trị giá năm Ma sái trở lên sẽ xử tội chết. Phật nhân việc này dựa theo vương pháp chế Bí-sô nếu trộm đủ năm Ma sái thì bị tẫn và chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ở trong tụ lạc hay ở chỗ nhàn tỉnh vắng lặng, lấy vật mà người khác không cho với tâm trộm cắp, khi lấy như vậy nếu vua hay đại thần bắt hoặc giết hoặc trói hoặc đuổi ra khỏi nước, mắng rằng: này sa môn, thầy chính là giặc, ngu si không biết chi nên mới lấy cắp như vậy. Khi lấy cắp như thế thì Bí-sô này phạm Ba la thị ca không cùng ở chung.

Ở trong tụ lạc là bên trong tường rào, chỗ nhàn tĩnh vắng vẻ là bên ngoài tường rào; nói người khác không cho là chỉ cho nam nữ, bán trạch ca... không quen biết, không tin tưởng nhau, không tự tay đưa vật cho. Tâm trộm cắp là ý nói biết vật của người khác mà khởi tâm trộm lấy, nghĩ là không trả lại.

Lấy là tự lấy hay bảo người lấy và tưởng thuộc về mình. Năm Ma sái là chế hạn để kết tội trọng, theo vương pháp thời ấy thì một Ca lợi sa ba noa có 20 Ma sái. Vua là người đứng đầu một nước, đại thần là phụ tướng của vua, giúp vua lo việc nước. Bắt là bắt giữ, giết là xử tội chết, trói là bị gông cùm xiềng xích, đuổi là đuổi ra khỏi nước. Các trường hợp trên là vua và đại thần bất tín, nếu vua quan có tín tâm thì chỉ quở mắng và tỏ thái độ khinh thường. Mắng là giặc là tổng nêu; mắng là ngu si là biệt nêu vì do ngu si mới làm việc trộm cắp, không sợ hiện pháp cũng không sợ quả báo đời sau. Tướng phạm trong giới này: nếu Bí-sô tự làm hay bảo người làm, có tâm trộm cắp và khởi phương tiện, biết là vật của người khác và vật tính đủ năm Ma sái, khi nhấc rời khỏi chỗ cũ tưởng thuộc về mình liền phạm bổn tội. Nếu vừa móng tâm thì phạm tội Ác tác trách tâm; Bí-sô có tâm lấy cắp khởi phương tiện cho đến chưa chạm đồ vật thì phạm đối thuyết Ác tác; nếu đã xúc chạm nhưng chưa nhấc rời khỏi chỗ thì phạm Tốt-thổ-la để, nếu đã nhấc rời khỏi chỗ tính theo thời giá định tội như trên. Nếu làm một phương tiện lấy đủ năm Ma sái thì phạm bổn tội, nếu làm nhiều phương tiện nhiều lần mới lấy đủ thì mỗi lần lấy là mỗi phạm Tốt-thổ-la để, lần cuối tuy tính đủ năm Ma sái nhưng không thành bổn tội.

Chỗ để vật hoặc trên đất, hoặc trong rương tráp,

tủ, hoặc trên tường, trên giá, trên cọc ngà voi, trên giường tòa, hoặc sau cánh cửa... Nếu trên mặt đất bằng phẳng trơn tru thì gọi là một chỗ, nếu gồ ghề hay có sụp lở, đắp vá hoặc có ghi chữ hay tô vẽ thì gọi là khác chỗ. Nếu trên bàn hay mâm bằng phẳng thì gọi là một chỗ, nếu có bể móp hay tô vẽ thì gọi là khác chỗ. Nếu trên chiếu thảm đồng một màu sắc thì gọi là một chỗ, nếu nhiều màu sắc khác nhau thì gọi là khác chỗ; nếu ở trong hang, hầm ngang bằng với cửa một màu sắc thì gọi là một chỗ, nếu không ngang bằng và chất cao thấp không bằng hoặc có vách ngăn thì gọi là khác chỗ. Nếu trên yên ngựa dùng tấm trải một màu sắc thì gọi là một chỗ, nếu là tạp sắc thì gọi là khác chỗ; trên thớt voi, trên xe cũng vậy; nếu thân voi mập mạp da thịt tròn đầy thì gọi là một chỗ, nếu ốm gầy thấy xương sườn xương sống... thì tùy mỗi chỗ gọi là khác chỗ.

Nếu Bí-sô thấy thuyền đã cột neo, khởi tâm lấy cắp đi đến làm thuyền dao động thì phạm Ác tác; nếu mở dây neo làm cho thuyền trôi theo dòng nước, mắt vẫn còn trông thấy thuyền thì phạm Tốt-thổ-la để, khi thuyền khuất khỏi tầm mắt thấy liền phạm bổn tội; nếu chèo thuyền đi ngược dòng nước ở trong phạm vi tương tợ bề rộng của con sông thì phạm tội Căn bản.

Nếu đệ tử giữ y cho hai thầy, khởi tâm trộm cắp mang từ phòng ra đến ngoài hiên hoặc từ hiên ra đến cửa chùa, ra khỏi chùa; hoặc mang từ chỗ cao

xuống chỗ thấp hoặc từ chỗ thấp lên chỗ cao..., hoặc đi phía sau thì bước chầm chậm, hoặc đi phía rước thì rảo bước nhanh, khi đi đến chỗ mắt không nhìn thấy thì đều phạm bổn tội.

Nếu có tâm trộm cắp kinh sách cho đến cây thuốc, cây hoa... đều tính giá của vật mà kết phạm; nếu trộm xá lợi Phật có người coi giữ, ý muốn cúng dường thì phạm tội Ác tác, nếu muốn mua bán để cầu tài lợi thì phạm bổn tội. Trong miếu thờ trời, trong tháp Phật lấy trộm các vật thờ cúng mà có người coi giữ, tính giá đủ thì phạm bổn tội; nếu phi nhân coi giữ thì phạm tội thô. Nếu trộm cắp vật của bàng sanh tính giá đủ thì phạm Thô tội, không đủ thì Ác tác; nếu là vật của người bị bàng sanh trộm lấy, Bí-sô tưởng của người mà trộm lấy vật ấy tính giá đủ cũng phạm bổn tội, nếu tưởng của bàng sanh thì phạm Thô tội.

Nếu Bí-sô trộm cắp các loài vật không chân, hai chân, bốn chân hoặc nhiều chân, tính giá đủ thì phạm bổn tội như trên. Loài không chân như rắn... do người nuôi dưỡng để cầu lợi. Loài hai chân như chim hay người, nếu bắt cóc người thì khi đến chỗ hẹn liền phạm bổn tội; nếu bắt chim thì có hai trường hợp: nếu tự tay bắt rời khỏi chỗ nó đang ở liền phạm, hoặc chim đang bay đuổi bắt, khi nó rơi xuống bắt được liền phạm. Nếu đệ tử hay môn nhân bị giặc bắt cóc, đã thuộc về họ hay chưa thuộc về họ, đoạt lại từ giặc, phạm hay không phạm như

trong luật đã nói; nếu tự thân trốn thoát thì không phạm. Loài bốn chân như voi, ngựa, trâu, dê... trộm lấy từ trong bấy, đàn hoặc trộm từ chỗ nó bị cột giữ, khi đi đến chỗ không nhìn thấy được liền phạm bổn tội. Loài nhiều chân như rít, bò cạp, ong... do ba hạng người nuôi dưỡng là quan cai ngục, đại thần và các thương nhân, trộm lấy tính giá đủ thì phạm bổn tội như trên.

Nếu trộm phục tàng có chủ muốn dùng chú lực để mang đi, khi chưa thấy dược phục tàng thì phạm Thô tội, khi đã thấy liền phạm bổn tội; nếu trộm phục tàng không chủ muốn dùng chú lực mang đi, khi chưa thấy phục tàng thì phạm tội Ác tác, khi đã thấy liền phạm Thô tội.

Nếu trời nắng hạn, khơi cho nước chảy vào ruộng của mình, ý muốn cho ruộng mình được tốt còn ruộng người không được tốt. Kết quả ruộng mình tốt, ruộng người bị thiệt hại, tùy thiệt hại bao nhiêu tính theo thời giá định tội. Hoặc lúc mưa to ngập lụt, khơi cho nước chảy vào ruộng của người, tùy ruộng người bị thiệt hại bao nhiêu, tính theo thời giá mà định tội như trên. Những nơi nước khan hiếm, nếu trộm nước của người cũng tính theo giá mà định tội, nếu trộm của phi nhân thì phạm Thô tội.

Nếu Bí-sô thấy thợ săn bủa lưới giăng bắt chúng sanh hoặc trâu, bò, ngựa bị cột; khởi tâm trộm lấy đến mở dây dẫn nó đi thì tính giá định tội

như trên, nếu khởi tâm từ bi mà thả thì chỉ phạm Ác tác. Nếu Bí-sô lúc trộm nghĩ rằng: "lấy được vật rồi liền hủy hoại khiến cho kẻ kia mất tài vật, chứ không lấy làm của riêng mình", thì phạm Tốt-thổ-la để. Thợ săn đuổi theo Nai chạy vào chùa, tùy bị thương hay không bị thương, Bí-sô không trả lại cho thợ săn thì không phạm; nếu nai bị bắn tên chạy vào chùa rồi chết thì Bí-sô nên trả lại cho thợ săn, không nên làm trở ngại.

Nếu ruộng đất, vườn, quán xá của người khác, cho là của Tăng già nên nói lời phi lý để giành lấy, khi đưa tới quan xử, quan xử cho Bí-sô thắng, nếu tâm của người kia chưa xả thì Bí-sô phạm Thô tội, khi tâm người kia xả thì Bí-sô phạm bổn tội; nếu quan xử không cho Bí-sô thắng thì Bí-sô cũng phạm Thô tội. Nếu là vua xử, vua xử cho Bí-sô thắng thì Bí-sô phạm trọng, do trong việc xử đoán, vua là trên hết; nếu quan khác xử đoán thì đợi khi tâm người kia xả, tội của Bí-sô mới thành trọng. Nếu Bí-sô dùng hàng rào rào quanh, khi chưa rào giáp khắp thì phạm Tốt-thổ-la để, khi rào giáp khắp thì tính giá định tội.

Nếu Bí-sô đồng tâm với giặc chỉ chỗ cho đi cướp, sau đó được chia phần, tùy được bao nhiêu mà kết tội; nếu sau khi chỉ chỗ cho giặc đi cướp rồi hối hận, Bí-sô đến chỗ đó bảo họ đề phòng giặc cướp chớ để bị cướp; hoặc sau khi kết bạn với giặc, hối hận không đi theo, dù chỉ có giặc đi cướp, Bí-

sô cũng phạm tội phương tiện, sau đó tuy không nhận phần cũng phạm Thô tội. Nếu cùng đi với giặc muốn làm việc trộm cướp, giữa đường hối quay trở lại thì phạm tội Ác tác; nếu đồng tâm với giặc làm người canh chừng, khi chia vật tùy nhận mà kết phạm; nếu vì sợ giặc nên đi theo nhưng không có tâm trộm cướp, giặc tuy trộm được nhưng Bí-sô không phạm. Nếu không làm khế ước, hễ được liền thuộc về mình, do có hạn cuộc nên khi được liền phạm; nếu khác với đây thì tùy được chia bao nhiêu mà định tội.

Nếu Bí-sô mang vật của mình hay vật của người khác mà nói là muốn trốn thuế thì phạm tội Việt pháp, nếu chỉ cho người trốn thuế đi đường khác thì phạm tội Ác tác. Nếu khởi tặc tâm chỉ cho người trốn thuế đi đường khác, khỏi phải đóng thuế thì phạm Thô tội. Mang vật của người khác qua chỗ thu thế mà không có tâm lấy phần thì phạm Thô tội; nếu chưa qua chỗ thu thuế mà nhận lấy nửa phần hay toàn phần đều phạm Thô tội; nếu đã qua chỗ thu thuế tính giá đủ số thì phạm bổn tội. Nếu mang vật của mình đến chỗ thu thuế rồi nhờ người khác mang qua, tính giá đủ số cũng phạm bổn tội. Nếu là tài vật của mình, quyết tâm hồi chuyển cho cha mẹ anh em nên nói với người thu thuế là không phải vật của tôi; hoặc đi trên hư không, hoặc ngậm trong miệng, hoặc giấu trong áo, hoặc đi tránh đường khác thì đều phạm Thô tội.

Nếu đã trộm được vật, rẻ hay đắc chưa biết được giá, khi biết được giá, nếu rẻ thì phạm Thô tội, nếu đắc thì phạm bổn tội.

Nếu thương nhân nhét vật phải đóng thuế vào trong đãy y của Bí- sô mà Bí-sô không hay biết, khi mang qua khỏi chỗ thu thuế thì không phạm. Cho nên các Bí-sô khi đi đường, những y vật đã có nên cử người coi giữ, những người đi khất thực được trở về nên chia phần cho người coi giữ này. Nếu không cho các thương nhân để vật phải đóng thuế vào trong đãy y mà họ vẫn gượng nhét vào, nếu không có tịnh nhân thì Bí- sô nên tự lấy vật đó bỏ ra rồi nói với họ: "vật của các ông hãy tự lấy lại". Nếu Bí-sô một mình tháp tùng những người đồng hành để đi xa, khi cần đi khất thực nên làm dấu trên y vật của mình rồi mới đi, khi trở về nên xem kỹ lại. Nếu vì công việc của Tam bảo hay của cha mẹ phải mang các vật đóng thuế qua chỗ thu thuế, Bí-sô nên nói pháp cho vị quan thu thuế hoặc tán thán Tam bảo hoặc nói công ơn của cha mẹ..., nếu họ nghe rồi không thu thuế thì không phạm, nếu họ vẫn bảo đóng thuế thì nên đóng thuế. Khi mang tài vật của Tam bảo qua chỗ thu thuế nên lấy một phần để đóng thuế, sau đó chia đều, chớ nên thiên vị chia nhiều ít. Nếu đi với bạn nên hỏi bạn rồi mới mang vật qua giùm, không nên mang vật phải đóng thuế qua chỗ thu thuế. Nếu vật là vải mới nên nhuộm cho hoại sắc rồi mang đi không phạm,

nếu là y đổi thuốc thì không nên nhuộm, vì để đổi thuốc trị bịnh nên mang qua không phạm. Khi nhờ người nhuộm y nên hỏi người ấy đã từng nhuộm y chưa, nếu không hỏi thì phạm tội Ác tác. Nếu Bí-sô không chịu mang vật giúp cho người trốn thuế, lại đưa vật đó cho quan thu thuế thì phạm tội Ác tác.

Nếu người chồng không có nói cho mà Bí-sô dối nói với người vợ để được vật thì tùy được vật mà định tội nặng hay nhẹ. Nếu nhiều người cùng trộm một y, tùy khi nhận phần mà định tội; nếu ban đầu trộm lấy đãy y định lựa lấy y, khi dời đãy y thì phạm Thô tội, khi lựa lấy được y liền phạm bổn tội. Nếu y vật của người khác treo trên cọc ngà voi hay trên sào tre, Bí-sô trộm lấy cả cọc hay sào mang đi thì phạm Thô tội, khi lấy y rời khỏi cọc hay sào thì tùy việc kết phạm. Nếu sai Bí-sô này đến lấy y, Bí-sô này khởi tặc tâm trộm lấy, khi lấy được tùy việc kết phạm. Nếu Bí-sô không được sai bảo, vì người ấy mà đi trộm vật, khi lấy được thì phạm Thô tội.

Bảo người khác đi lấy trộm có bốn câu:

1. Là người đã thọ Cận viên bảo người khác không phải là cận viên đi lấy trộm, được vật thì phạm Thô tội.

2. Là người không phải cận viên bảo người đã thọ Cận viên đi lấy trộm, được vật cũng phạm Thô

tội.

3. Là người đã thọ Cận viên bảo người đã thọ Cận viên đi lấy trộm, được vật thì phạm bổn tội.

4. Là người không phải cận viên bảo người không phải cận viên đi lấy trộm, được vật thì phạm tội Ác tác.

Trường hợp người đang thọ cận viên cũng có bốn câu như trên, hai trường hợp có bốn câu này thông các học xứ, tùy việc nên suy xét. Trộm cắp có năm cách: một là đối mặt cưỡng đoạt lấy, hai là lén trộm lấy, ba là giỡn lấy, bốn là nhận của người khác gởi rồi lấy luôn, năm là cho rồi đoạt lấy lại. Năm cách lấy trên nếu dựa theo pháp luật để lấy thì không phạm, nếu là tặc tâm lấy thì phạm. Nếu lấy trộm trái trên cây của người, dùng cây đập cho trái rụng xuống để lấy, nếu đập một lần mà tính giá đủ số thì phạm bổn tội, nếu tính giá không đủ số thì tùy số lần đập mà kết Thô tội.

Nếu Bí-sô ở nơi hai châu Đông và Tây thì căn cứ theo tiền tệ lưu hành của nơi ấy mà định tội nặng hay nhẹ, riêng ở Bắc Câu lô châu do không có tưởng sở hữu cũng không có việc không cho mà lấy nên không có tội trộm cắp. Nếu có phương xứ lấy sắt... làm tiền tệ, Bí-sô trộm vật bằng sắt tính giá mà định tội. Nếu Bí-sô trộm bối xỉ nhiều lần tính đến vạn ức, nhưng mỗi lần lấy trộm chỉ lấy có bốn Ma sái thì không phạm bổn tội mà phạm nhiều

tội Tốt-thổ-la để.

Nếu tưởng vật của người khác nên khởi phương tiện lấy trộm, sau đó mới biết là vật của mình thì phạm Thô tội; nếu là đống lúa lớn, phá ra để trộm lấy mang đi, nếu một lần lấy tính giá đủ số thì phạm bốn tội, ngoài ra giống như trên.

Nếu trộm lấy vật báu rồi đem chôn giấu, ý muốn làm cho hoại thì phạm Thô tội; nếu thí chủ đem vật đến cúng, biết không phải phần mình mà nói là mình có phần thì phạm Thô tội, khi nhận phần tính theo giá mà định tội. Nếu người khác không thọ thỉnh thực mà đến thọ thực thì Bí-sô phạm tội Ác tác, nếu bổn sư có việc đi đến nơi khác, thọ lợi dưỡng giùm thầy thì không phạm, nhưng khi lấy phần nên nói cho mọi người biết, nếu không nói mà lấy phần của người khác thì phạm. Nếu người khác nhờ mang y vật đến cho người bịnh, nếu nghe tin người bịnh qua đời thì nên đem y vật đó trả lại cho chủ; nếu khi mang đến, người bịnh còn sống, sau đó mới qua đời thì y vật này thành vật của người chết để lại.

Nếu người giữ kho khởi tặc tâm trộm lấy vật đem cúng cho Bí-sô, Bí-sô cho là vật thí, nhận thì không phạm. Nếu giặc trộm cướp vật của người khác vì sợ bị bắt nên đem cúng cho Bí-sô, Bí-sô biết thì không nên nhận, nếu khởi tâm nhận rồi sau đó trả lại cho chủ mà nhận thì không phạm; nếu chúa giặc cúng, Bí-sô nên nhận, nhận rồi nên cắt

nhuộm làm cho hoại sắc rồi cất giữ, nếu người chủ của vật đến đòi thì nên trả lại. Nếu khởi phương tiện muốn trộm tài vật của người khác, sau khi xúc chạm rồi mới theo chủ của vật xin, nếu người chủ cho thì Bí-sô mắc tội Thô trước. Nếu ban đầu vay mượn, sau đó không muốn trả lại, khi quyết định không trả lại thì phạm bổn tội. Nếu vật của người khác gởi, khởi tâm lấy nên đem dời để chỗ khác thì phạm Thô tội và cả bổn tội; nếu dời di rồi mới quyết tâm lấy, không trả lại cho chủ thì phạm bổn tội. Ý muốn lấy vật này nhưng lấy nhầm vật kia, do trái với bổn tâm nên chỉ phạm Thô tội, nếu ban đầu trộm đãy y xấu, không ngờ bên trong có y quý giá, khi xem thấy thì tính giá mà kết tội.

Nếu là vật của chùa này, Bí-sô có tâm trộm lấy dời đến trong chùa khác thì phạm tội Ác tác. Nếu chuột tha vật của mình, khi thấy được lấy lại, nếu nó đã tha về hang là vật của nó thì không nên lấy lại; nếu chuột tha vật tới cho thì chuột là thí chủ, tưởng vật của nó nên nhận. Nếu Bí-sô bịnh nhờ người khán bịnh đem vật cúng dường Tăng già để cầu phước lợi, người khán bịnh không làm theo lời người bịnh mà tùy ý xử phân thì phạm Tốt-thổ-la đề. Vật của Bí-sô chết để lại, đệ tử Phật đều được chia nhưng nếu chúng tăng đã tác pháp rồi mà trộm lấy thì tính giá đủ số liền phạm trọng. Người trông coi việc xây cất nếu vì chúng tăng vay mượn, chẳng may qua đời thì nên lấy vật của chúng tăng

trả cho chủ nợ; khi vay mượn, vị thọ sự này nên báo cho vị trưởng lão trong Tăng biết và làm giấy tờ rõ ràng để theo đó mà trả cho chủ nợ.

Khi bị giặc cướp vật, nếu Bí-sô khởi tâm xả, sau đó đoạt lấy lại thì tính giá đủ số kết trọng; vì khi khởi tâm xả thì vật bị cướp đã thuộc về người kia, Bí-sô không được đoạt lại. Cho nên khi bị giặc cướp, Bí-sô không nên vội vàng khởi tâm xả, nếu sau đó thấy thì được lấy lại không phạm. Nếu thấy giặc đến cướp, Bí-sô nên hiện tướng sân để giặc bỏ đi, nếu bắt được giặc không nên giao cho quan liền, nên nói pháp để họ trả lại vật đã cướp; nếu họ không chịu trả lại thì nên đưa cho họ nửa giá cho đến đủ giá để chuộc lại, vì y bát đã thành rốt cuộc rất khó được.

Nếu Bí-sô thấy tử thi chưa hoại mà tự làm cho hoại hay bảo người làm cho hoại để lấy y phấn tảo của tử thi thì phạm tội Ác tác; khi nào tử thi bị trùng kiến làm cho hoại thì mới được lấy y phấn tảo này. Nếu ở trong rừng thây chết có người coi giữ thì không nên lấy y phấn tảo của người chết, nếu lấy thì phạm Thô tội.

Nếu giặc đánh cướp tài vật, không thể mang đi hết thì Bí-sô không nên lấy những vật giặc đã bỏ lại, nếu có người nói tùy ý lấy thì lấy không phạm. Nếu giặc trộm lấy thức ăn như mía... của người rồi bỏ lại, Bí-sô đối trước đông người mới được lượm lấy. Nếu lượm được y phấn tảo dơ uế bất tịnh thì

không nên cất giữ, nên giặt sạch nhuộm rồi mới cất dùng; nếu là y phấn tảo của tử thi nên giặt nhuộm phơi trên sào chừng bảy tám ngày mới được cất dùng. Nếu là vải liệm phủ người chết, người thân mang đến chùa cúng, sau đó đến xin lại thì nên đưa lại cho họ, không đưa lại thì phạm tội; sau đó họ lại mang đến trả cho chùa, Bí-sô cũng nên nhận, không nên không nhận.

Có Bí-sô khách đến ở trong phòng, chủ nên hỏi để biết nếu có người khác đến lấy y vật thì có cho lấy không, nếu đáp là cho lấy thì bị mất vật không phải đền; nếu khách nói chớ cho lấy mà chủ lại để cho lấy thì vật bị mất phải đền lại cho khách. Lại nữa Bí-sô khách vốn không quen biết thì khi mới đến, chủ chỉ nên thăm hỏi có khỏe không, không nên chỉ chỗ cho nghỉ ngơi liền; nếu khách ở lại, những vật cần dùng như nước tắm, xà bông, cây đánh răng... đã có nên hỏi chủ rồi mới được lấy dùng, không hỏi mà lấy dùng thì mắc tội. Nếu là khách đã quen biết, chủ nên chỉ chỗ cho nghỉ ngơi, những vật cần dùng như nước tắm, xà bông... được tùy ý lấy dùng, không cần hỏi chủ.

Nếu ở trên thuyền nơi bến sông, trao và nhận vật nên cẩn thận, người trao vật không nên vội buông tay khiến cho vật tổn thất, nếu vật bị tổn thất thì phải tính giá đền lại; khác với trên thì không phạm.

Hễ là Bí-sô thọ sự thì khi đóng cửa chùa có năm

việc sai khác: trên dưới chuyền gọi nhau khóa cửa, khóa cửa trong cửa ngoài và cài then. Nếu không làm như thế, kẻ trộm lẻn vào lấy hết tài vật thì tùy việc phải tính giá đền lại; nếu làm thiếu một việc thì đền một phần, nếu cả năm việc không làm thì phải đền lại hoàn toàn.

Nếu bản tâm của thí chủ lập chùa và cúng dường vật cần dùng cho người ở trong chùa này, nếu Bí-sô lấy thức ăn đem cho người khác thì tính giá đền trả lại. Nếu Bí-sô nhặt được của rơi nên để ở chỗ hiển lộ, nếu có người đến nhận thì nên đưa lại cho họ. Nếu đi tìm thuốc cho người bịnh, nên hỏi người bịnh là tìm ở đâu rồi theo lời của người bịnh mà tìm.

Bí-sô có duyên sự nhờ Bí-sô làm giúp và hứa sẽ cho bát nhỏ, Bí-sô kia theo lời đã hứa nên tự lấy dùng, tưởng là của mình thì không phạm; nhưng các Bí-sô không nên nhận lời làm thuê, nếu thay đổi tác nghiệp hay khởi tâm làm phước thì không phạm.

Lúc đó con trai của trưởng giả Cấp-cô-độc bị giặc bắt cóc, tôn giả Đại Mục-kiền-liên tìm được và mang về cho trưởng giả; tôn giả Tất- lân-già-bà-ta lấy lại cháu ngoại bị giặc bắt và vì thương xót các tịnh nhân giữ chùa nên hiện thần lực và dùng chú thuật để lấy lại thì đều không phạm.

Vật của người khác, tưởng của người khác và

nghi mà trộm lấy thì phạm bổn tội; vật không phải của người khác, tưởng của người khác và nghi mà trộm lấy thì phạm Thô tội; vật có chủ, tưởng không chủ hoặc tưởng vật của mình, hoặc lấy tạm dùng, hoặc báo cho người khác biết, hoặc cho là bạn thân nên lấy dùng thì không phạm. Bạn thân có thể nhờ cậy gởi gắm có ba bậc thượng trung và hạ, nên theo thứ lớp ấy mà nhờ cậy, nếu không theo thứ lớp ấy thì phạm tội Việt pháp.

Nếu Bí-sô biết vật của người khác, vật có chủ mà khởi tâm trộm, dùng một phương tiện mà lấy đủ năm Ma sái, dời khỏi chỗ cũ, tưởng là vật của mình thì phạm bổn tội; nếu không đủ thì phạm Thô tội, nếu không có tâm trộm cắp thì không phạm. Lại nữa không phạm là trường hợp người phạm đầu tiên, người người điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại...

-oOo-

# CĂN BẢN TÁT BÀ ĐA BỘ LUẬT NHIẾP

## QUYỂN 3

**3. Đoạn mạng người:**

Phật tại nước Phật lật thị, lúc đó các Bí-sô nghe Phật thuyết pháp quán Bất tịnh, sau khi tu tập pháp quán này liền sanh tâm nhàm lìa thân bất tịnh này và nhờ một Sa môn ngoại đạo là Lộc trượng cầm dao giết mình và cùng nhau tự sát, Phật nhân việc này nên chế học xứ:

Nếu lại có Bí-sô đối với người hoặc thai người, cố ý tự tay mình giết chết, hoặc cầm dao đưa cho người, hoặc tự sát, hoặc tìm người cầm dao, hoặc khuyên chết hoặc khen ngợi chết rằng: này nam tử, mang cái thân tội lụy bất tịnh ác này sống làm chi, thà chết còn hơn sống. Tùy tâm mình mà dùng những lời khuyên, khen khiến cho họ cầu chết thì Bí-sô này phạm Ba la thị ca, không cùng ở chung.

Đây là cảnh người và có tâm giết, tưởng là người và dùng phương tiện để giết mà thành phạm. Cảnh trong giới này là người và thai người, nói người là sáu căn đã đủ, nói thai người là nương vào thai mẹ có thân mạng và ý căn nên thuộc đồng

phần; nam hay nữ, Bán trách ca dù thể trạng đủ hay không đủ đều thành cảnh giết. Nói cố ý là không phải do nhầm lẫn, phương tiện giết có hai là dùng thân và lời nói; dùng thân là dùng tay chân... để giết, hoặc cầm dao đưa cho người, hoặc tự cầm dao; dùng lời nói là khuyến dụ hay khen ngợi, nếu người kia không muốn chết thì khuyến dụ, nếu người kia muốn chết thì khen ngợi. Nói mang cái thân tội lụy này sống làm chi là khen ngợi chết được phước nhiều, nói thà chết còn hơn sống là khuyến khích nên chết. Nói tùy tâm niệm mình... cho đến người kia nhân đây mà chết là ý nói không do việc gì khác, chỉ do khuyến khích khen ngợi chết nên người kia mới chết thì Bí-sô này phạm Ba la thị ca, nếu người kia không chết thì phạm Tốt-thổ-la để.

Tướng phạm trong giới này: nếu Bí-sô dùng nội thân như tay chân... hoặc dùng vật bên ngoài như gạch đá, dao..., hoặc dùng cả hai như tay cầm dao..., hoặc dùng thuốc độc, đào hầm hố, hoặc dùng rượu cho đến các loại thuốc cho người kia uống sanh tâm loạn, hoặc dùng bùa chú làm cho người kia mê muội, hoặc đặt bẩy rập, hoặc xô người kia từ trên cao nguy hiểm như sườn núi... rơi xuống đất, hoặc vào đêm lạnh buốt bắt người kia ở ngoài đất trống cho chết cóng... nếu nhân đây mà chết thì phạm Ba la thị ca, không chết thì phạm Tốt-thổ-la để. Nếu Bí-sô sai khiến tử thi đứng dậy

đi giết người thì tùy cảnh mà kết tội; nếu tử thi quay trở lại hại Bí-sô thì Bí-sô do làm phương tiện trước nên phạm Tốt-thổ-la để, Bí-sô hại tử thi cho đến thân biến hóa đều phạm Thô tội.

Nếu đối với người mẹ không có tâm giết, nhưng có tâm giết thai nhi nên đạp bụng người mẹ, nếu thai nhi chết thì phạm Ba la thị ca, nếu người mẹ chết thì phạm Thô tội, nếu cả hai cùng chết thì phạm Ba la thị ca, nếu cả hai không chết thì phạm Tốt-thổ-la để. Nếu đối với người mẹ có tâm giết nhưng không có tâm giết thai nhi thì ngược với trên nên biết.

Nếu biết người nữ mang thai là bàng sanh hay phi nhân nên cố ý làm cho sẩy thai thì phạm Thô tội, nếu biết bàng sanh mang thai người hoặc biết người biến hòa làm bàng sanh mà cố ý giết thì phạm bổn tội; nếu biến thân mình thành bàng sanh để giết người khác mà tự biết mình là Bí-sô thì cũng phạm bổn tội. Muốn giết người khác mà giết lầm cha mẹ hay A-la-hán thì phạm Thô tội, vì đối với ba hạng người này không có tâm giết. Nếu không phải là A-la-hán, tưởng là A-la-hán hoặc là A- la-hán tưởng không phải là A-la-hán; cha mẹ cũng vậy. Nếu đối với cha mẹ làm phương tiện giết hại mà cha mẹ tự chết trước thì Bí-sô phạm Thô tội. Nếu người nữ bỏ thai nhi, người nữ khác đem về nuôi lớn, nếu người con này muốn xuất gia thì nên hỏi ý người mẹ sau, nếu giết người mẹ sau thì

không phạm tội nghịch.

Nếu là người, tưởng là người và nghi mà giết thì phạm bổn tội; nếu là phi nhân, tưởng là người và nghi mà giết thì phạm Thô tội; nếu là người, tưởng là bàng sanh mà giết thì phạm tội Ác tác, tưởng là phi nhân mà giết cũng Ác tác. Hữu tình bị rượt đuổi, Bí-sô trông thấy có tâm hại nên báo cho mọi người biết, tùy việc thành phạm; nếu đối trước nhiều người, có tâm giết người này mà giết lầm người kia thì phạm Tốt-thổ-la để, nếu là tâm vô ký thì phạm tội Ác tác; nếu khi chơi đùa đánh tát lại khiến người kia chết thì phạm tội Ác tác. Khi chưa thọ Cận viên và khi đã thọ Cận viên, hai trường hợp bốn câu giống như giới trước nên biết.

Nếu thấy hữu tình bị nước cuốn trôi hay bị lửa thiêu đốt hoặc bị đói khát bức bách mà không cứu giúp, thấy họ sắp chết tuy có thể cứu giúp mà khởi tâm xả không cứu giúp, tuy không mong họ chết nhưng nếu họ chết cũng phạm tội Ác tác. Nếu thấy người bị giết, chắc chắn sẽ mạng chung mà nghe lời người này ra tay giết để người này được chết mau thì phạm Tốt-thổ-la để; nếu người kia không chắc chắn sẽ chết mà giết để cho chết mau thì phạm bổn tội.

Nếu có nạn gấp xảy đến, bỏ chạy để tránh nạn nên xô đẩy người phía trước, tuy không có tâm hại họ, nhưng nhân xô đẩy mà họ chết thì Bí-sô phạm Thô tội, không chết thì phạm tội Ác tác; nếu có tâm

hại họ thì phạm bổn tội. Nếu kính pháp mà xuất gia thì nên giữ gìn thân mạng để cầu giải thoát, nếu tự sát liền phạm Thô tội. Nếu do chuyển dời hoặc không nghe theo lời yêu cầu mà bắt ép chữa trị, nhân đây người bịnh chết thì không phạm. Nếu đối với người bịnh tuy không có tâm sát hại, nhưng nói ra lời khiến họ muốn chết hay để dao, dây... gần bên người bịnh thì phạm tội Ác tác. Cho nên không được sai người vô trí làm người khán bịnh, nếu có việc gấp phải đi nhờ người vô trí khán bịnh thì nên dặn dò kỹ lưỡng rồi mới đi. Nếu người bịnh nói đừng đỡ tôi dậy mà cưỡng ép dở ngồi dậy, người bịnh nhân đây mà chết thì Bí-sô phạm Thô tội; các oai nghi khác dựa theo đây nên biết. Nếu Bí-sô nuôi bịnh mỏi mệt hay khởi ác ý muốn có được tài vật của người bịnh nên nói rằng: "ông chết đi cho rồi, tôi không nuôi bịnh cho ông nữa", người bịnh nhân đây mà chết thì phạm Thô tội. Nếu Bí-sô khán bịnh cho ăn thức ăn không nên ăn hoặc không cho ăn thức ăn nên ăn, người bịnh nhân đây mà chết thì phạm Thô tội; nếu không phân biệt được thức ăn thì không phạm.

Nếu mụt nhọt chưa muồi mà đè nặn, người bịnh nhân đây chết thì phạm Thô tội, đã muồi thì không phạm; nếu dùng kim chích thì không phạm, nhưng nếu trước chưa hỏi thầy thuốc giỏi thì không được dùng kim chích. Bịnh trĩ không được dùng dao cắt, nên dùng thuốc và trì chú cho tiêu. Khi muốn trị

bịnh nên hỏi thầy thuốc, nếu không có thầy thuốc nên hỏi Bí-sô biết về thuốc, nếu cũng không có thì nên hỏi người đã từng bị bịnh này, nếu cũng không có thì nên hỏi người từng trải, nếu vội cho thuốc uống thì phạm tội Việt pháp. Nếu là Bí-sô hiểu y thuật, có người đến hỏi nên khởi bi tâm cho họ phương thuốc, không vì cầu lợi thì không phạm, nếu vì cầu lợi là không nên. Nếu băng bó cho người bị thương thì nên làm ở chỗ khuất, chớ cho người tục nhìn thấy; nếu cho người khác uống thuốc tả chớ bỏ đi liền, nên chỉ dẫn kỹ điều nên làm rồi mới đi thì không phạm.

Nếu thấy Bí-sô bịnh sắp qua đời liền suy nghĩ: "nếu Bí-sô bịnh qua đới thì y bát và tài vật đã có, ta sẽ được", đấy là ý nghĩ của kẻ Chiên-đà-la nên phạm tội Việt pháp. Nếu thấy người cho người nữ có thai uống thuốc phá thai mà không ngăn chận thì phạm tội Việt pháp. Nếu Bí-sô cùng người bịnh đi trên đường, không nên thúc đẩy đi nhanh, nên thường dừng nghỉ và nên mang giúp hành lý. Nếu thấy sắp đến giờ ăn, nếu đến kịp thì nên đi, nếu thấy không đến kịp thì đi trước; đến nơi ăn rồi nên vì thỉnh thực mang về cho người bịnh, nếu không làm thế thì phạm tội Ác tác. Nếu thấy người bị mắc nghẹn nên vỗ đập, nhân đây họ chết thì không phạm, vì thế khi vỗ đập nên cẩn thận.

Khi làm công việc xây cất, Bí-sô quăng gạch cho nhau, trúng phải đầu Bí-sô khác, nhân đây mà

chết thì không phạm; nhưng khi chuyền gạch nên chuyền trao qua tay, không nên quăng ném; nếu khi đang chuyền, gạch rớt bể nên báo cho biết rồi mới chuyền tiếp. Khi leo lên thang hay ở trên cao làm việc thì Bí-sô nên cột chặt hạ quần chớ để người phía dưới thấy lộ thân. Khi làm việc xây cất, các Bí-sô nên giúp đỡ lẫn nhau và nên làm trong một thời gian, không nên làm cả ngày; nếu là mùa xuân thì nên làm trước giờ ngọ, nếu là mùa đông thì nên làm sau giờ ngọ. Bí-sô thọ sự nên xem giờ giấc cho họ ngừng nghỉ, rửa tay chân rồi thọ ngọ thực; nếu là Bí-sô khất thực thì Bí-sô thọ sư nên làm thêm thức ăn ngon cung cấp cho họ được no đủ, gọi là Duyệt ý thực.

Nếu Tăng già thiếu thốn, Bí-sô thọ sư nên khuyến hóa người khác tùy thời cúng dường, hoặc tiểu thực hoặc nước uống phi thời..., nếu không làm thế thì phạm tội Ác tác. Nếu Bí-sô khuân vác vật nặng, đuối sức nên buông xuống trúng phải người thợ nhân đây mà chết, Bí-sô tuy không phạm nhưng không nên khuân vác nặng. Nếu cần khiên đời nên nhờ người khiên giúp, Bí-sô và Bí-sô ni không nên khuân vác vật nặng, trên đấu, trên vai, trên lưng..., nếu làm thế thì phạm tội Ác tác. Nếu muốn bỏ vật xuống nên báo cho kẻ khác biết để tránh xa, trúng phải họ tuy không phạm, nhưng không báo trước mà liền buông bỏ xuống thì phạm tội Ác tác. Nếu tránh con bò, bỏ chạy làm té ngã

đứa bé nhân đấy mà chết, do không cố ý nên không phạm, nhưng lúc tránh con bò nên khéo dụng tâm. Nếu dùng dây cột trói người rồi báo quan xử chặt tay chân của họ thì phạm Thô tội. Nếu ở chỗ có cọp sói, rủ người khác đến ở chung nhân dây nên bị thương hay bị cọp giết thì Bí-sô không phạm nhưng ở đâu phải xem kỹ nơi đó có nạn hay không nạn mới được ở. Có Bí-sô tự đánh sanh chi, Phật nói: "cái nên đánh lại không đánh, cái không nên đánh lại đánh, đó là người vô trí phạm tội Ác tác". Ô-đà- di vào nhà bạch y không xem kỹ chỗ ngồi liền buông thân ngồi xuống, đè chết đứa con nhỏ của chủ nhà, nếu ngồi mà không xem kỹ thì phạm tội Ác tác.

**4. Vọng nói chứng pháp thượng nhân:**

Phật tại nước Phệ xá ly, bên sông Bạt lũ mạt để, lúc đó các Bí-sô vì ăn uống nên đối trước thân tộc lần nhau khen ngợi là đã chứng được pháp Thượng nhân, để mong cầu lợi dưỡng nên Phật chế học xứ này:

Nếu lại có Bí-sô thật sự không biết, không biết gì hết, tự biết mình không chứng đắc pháp Thượng nhân, là pháp mà bậc Thánh giả tịch tịnh chứng ngộ thù thắng, trụ trong Trí kiến an lạc mà nói là ta biết ta thấy. Bí-sô này vào thời gian khác hoặc có người hỏi hay không có người hỏi, vì muốn được thanh tịnh nên nói rằng: này các cụ thọ, thật sự tôi

không biết, không thấy mà vọng nói là có biết có thấy thì Bí-sô này phạm Ba la thị ca, không nên cùng ở chung, trừ bậc Tăng thượng mạn.

Nói không biết là đối với cảnh nên biết như vô thường... cho đến nên nhàm lìa và đối với pháp Thượng nhân đều không hiểu rõ. Nói không biết gì hết là đối với cảnh trên không biết như thật, có hay chẳng phải có cho đến các pháp như năm uẩn đều không thật biết, vọng sanh tà giải nên nói phi pháp. Nói tự biết mình không chứng được pháp Thượng nhân tức là tự biết chưa chứng các pháp thắng thượng của bậc Thánh. Nói tịch tĩnh là tối diệu, cũng tức là Niết-bàn; nói Thánh nhân là chỉ cho bậc đã lìa tội ác; nói chứng ngộ thù thắng là ý nói không phải do sắc lực cho đến thông minh mà có thể chứng ngộ được, tức là bốn quả Thánh. Nói tri kiến là chỉ cho Khổ pháp nhẫn và Khổ pháp trí..., hoặc tri là biết rõ khổ không vô thường..., kiến là thấy được trời rồng... Nói an lạc trụ là an trụ trong các địa định và các công đức đã có.

Nếu trước đã đại vọng ngữ, dù không tự nói ra, há không phạm tội Tha thắng hay sao, đâu cần nói thêm vào thời khác có người hỏi hay không có người hỏi mới nói ra?: sở dĩ phải nói thêm câu này là vì người phạm giới nếu tự không nói ra mình đã phạm bổn tội thì người khác sẽ khởi nghi cho là chưa phạm sao lại cho Bất cọng trụ. Nói hư dối là lời nói ra không thật nghĩa, do cầu ăn uống mà nói

như thế.

Tướng phạm trong đây là nếu Bí-sô nói tôi thấy Trời, rồng, dạ xoa, Yết lộ đồ, Kiền đạt bà, Khẩn na la, Cưu bàn trà, Yết tra bố đơn na, quỷ Tất xá già…; hoặc nói tôi đến chỗ họ, nghe tiếng họ nói; hoặc họ đến chỗ tôi cùng tôi nói chuyện; nếu người nghe hiểu được thì Bí-sô này phạm Ba la thị ca. Nếu Bí-sô nói tôi chứng được hai mươi pháp Tưởng như tưởng vô thường, tưởng khổ vô thường, tưởng khổ không, tưởng không vô ngã, tưởng nhàm lìa ẩm thực, tưởng không ưa thích tất cả thế gian, tưởng hoạn nạn, tưởng đoạn trừ, tưởng lìa dục, tưởng chấm dứt, tưởng chết chóc, tưởng bất tịnh, tưởng bầm xanh, tưởng phình trướng, tưởng máu mủ chảy ra, tưởng trùng vòi ăn, tưởng máu huyết đầy khắp, tưởng tan rã, tưởng xương trắng, tưởng quán không, đều phạm bốn tội.

Nếu Bí-sô nói tôi chứng được bốn định, bốn không, bốn vô lương tâm, sáu thần thông; hoặc nói: "Bí-sô A-lan-nhã không bị phi nhân xúc não tức là Thánh nhân, tôi ở nơi đó cũng không bị xúc não"; hoặc nói: "ở trong nhà kia nếu ai là Thánh nhân mới được ngồi trên tòa thắng diệu, tôi ở nơi đó đã được ngồi trên tòa thắng diệu"; hoặc nói: "khi tôi chánh niệm, tôi được pháp tự tướng, hàng phục phiền não", thì đều phạm bốn tội.

Nếu Bí-sô nói: "tôi đối với ba quả chưa được mà thối chuyển hoặc đã được mà thối chuyển";

hoặc mật ý nói: "tôi là học nhân, học Tỳ-nại-da; tôi là vô học đã học ba tạng; tôi được vô sở hữu, không có y bát dư; thân này của tôi là thân sau cùng; tôi là dư lưu, đã đắc quả đọc tụng; tôi đã lìa ba thứ sợ hãi, đã đoạn trừ phiền não; điều mà các đệ tử Thanh văn của Phật nên được thì tôi đều đã được; tôi là đệ tử Thanh văn của Phật Tý bà thi, ở bên chư Phật quy y... " thì đều phạm Thô tội. Nếu không mật ý nói mà nói thẳng là tôi đã chứng pháp Thượng nhân thì phạm bổn tội.

Nếu Bí-sô nói: "ai ở trong nhà ấy đều là Thánh nhân, tôi tuy ở trong nhà ấy nhưng không phải là thánh nhân", hoặc nói: "người khác nói tôi chứng quả Dự lưu, nhưng tôi thật không có đắc; cho đến ba quả còn lại cũng như vậy"; hoặc nói: "hôm nay tôi không nhập được định thế tục, diệu định siêu việt hơn cũng chưa nhập được"; hoặc nói: "tôi ở chỗ đó được Sơ định nhưng không tương ưng với Giác phần"..., thì đều phạm Thô tội. Tùy dùng phương tiện biểu hiện mình có đủ đức huệ thù thắng, nhưng không tự nói là tôi chính là người ấy thì đều phạm Thô tội; lúc đang nói thì phạm tội Ác tác, người nghe hiểu hay không hiểu mà định tội nặng hay nhẹ.

Nếu thí chủ nói: "ai là Thánh nhân thì đến ngồi tòa này", Bí-sô im lặng thọ; hoặc thí chủ nói: "ai là A-la-hán thì hãy đến thọ thỉnh thực", Bí-sô im lặng thọ thì đều phạm Thô tội. Đối diện người nói thật

là người, tưởng là người và nghi thì khi người nghe hiểu liền phạm bổn tội; đối diện người nói thật là phi nhân mà tưởng là người và nghi thì phạm Thô tội. Không có người mà tưởng có người, hoặc đối diện người nói là người đang nhập định hay ngủ say hay là kẻ vô tri, hoặc người nghe mà không hiểu... thì đều phạm Thô tội.

Trường hợp không phạm là như tôn giả Đại Mục-kiền-liên dự đoán người nước Phệ xá ly chiến thắng, dự đoán trời mưa cho đến sanh con trai; hoặc nhập định Vô sở hữu nghe được tiếng của voi chúa...

Trong bốn tội Tha thắng, sở dĩ nói việc dâm trước là do duyên phạm có trước sau, lại do việc trước dẫn sanh việc sau mà làm thứ lớp, tức là do làm hạnh bất tịnh nên làm hạnh trộm cắp, do trộm cắp nên hại oan gia, nếu có người hỏi liền vọng ngữ; lại do phiền não dấy khởi mạnh nhất chính là dâm nên chế trước.

Tướng của bốn tội Tha thắng là không nhàm lìa, không nhẫn và không chứng; tướng không nhàm lìa mạnh nhất nên chế hai giới đầu để ngăn tâm tham dâm và tham tài; tướng không nhẫn kế nên chế giới Sát; tướng không chứng nên chế giới Vọng.

Các Đại đức, tôi đã nói bốn pháp Ba la thị ca, nếu Bí-sô phạm mỗi một pháp nào thì không được

ở chung, không được cùng làm việc. Như trước (trước khi xuất gia thọ giới), sau (sau khi phạm Ba la thị ca) cũng như vậy, Bí-sô phạm Ba la thị ca thì không được ở chung và cùng làm việc. Nay xin hỏi các Đại đức, trong đây có thanh tịnh không? (3 lần). Các Đại đức, trong đây thanh tịnh vì im lặng. Việc này xin nhớ giữ như vậy.

Hỏi: trước khi xuất gia là người tục không có phần Bí-sô, sau khi phạm Ba la thị ca thì cùng với người tục trước, thể có khác biệt không?

Đáp: khi còn là tục gia không phải là Bí-sô, sau khi phạm tội này thì cùng với trước không có khác, nên trong văn giới nói như trước khi xuất gia thọ giới, sau khi phạm Ba la thị ca cũng như vậy.

## *II. 13 PHÁP TĂNG GIÀ BÀ THI SA:*

Nhiếp tụng:

*Tiết, xúc, bỉ, cúng, môi,*
*(Tiết tinh, xúc chạm, nói thô bỉ, cúng dường, mai mối)*
*Tiểu phòng, đại tự, báng,*
*(Xây phòng nhỏ, chùa lớn, vu báng)*
*Phiến tợ, phá tăng sự,*
*(Chút tương tợ, việc phá tăng)*
*Tùy tùng, ô, mạn ngữ.*
*(Tùy tùng, ô gia và nói khinh mạn).*

### 1. Cố ý tiết tinh:

Phật tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó Bí-sô Ô-đà-di do tâm nhiễm tự làm đọng sanh chi nên tiết ra chất bất tịnh, Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu lại có Bí-sô cố ý làm tiết tinh, trừ trong mộng, phạm Tăng già phạt thi sa.

Trong học xứ này, cảnh và việc không có người nữ khác với ba học xứ sau, nhưng có thọ lạc; hai học xứ kế do thân ngữ làm phương tiện, học xứ thứ tư giả lập phương tiện để mong cầu dục lạc. Tinh có năm loại: tinh của Chuyển luân thánh vương và Thái tử quán đảnh có sắc xanh, tinh của các vương tử khác sắc vàng, tinh của luân ấn đại thần sắc đỏ, tinh của người thường sắc trắng...

Trừ trong mộng không phạm, vì trong mộng tuy có tình thức nhưng việc không có định thật để cầu nên không thể dựa vào việc trong mộng để định tội. Dù cho khi tỉnh thức có tâm muốn làm xuất tinh, khi nằm mộng tinh mới xuất thì cũng không phạm bổn tội.

Tăng già bà thi sa có hai nghĩa: một là do chúng trị tội, cũng do chúng trừ tội; hai là thể hữu dư khác với bốn tội đầu là vô dư; cũng gọi là tội Chúng giáo, tức do do vâng lời chúng dạy mà tội được dứt trừ.

Tướng phạm trong đây: nếu Bí-sô ưa thích hoặc do thuốc hoặc muốn thử sức nơi nội thân hay với hữu tình bên ngoài mà tiết tinh thì phạm tội

Chúng giáo. Nếu vật bên ngoài không phải là hữu tình, cố ý tiết tinh cũng phạm bổn tội; nếu làm phương tiện như cầm nắm, xúc chạm... tâm thọ lạc muốn xuất tinh, nếu tinh chảy ra thì phạm bổn tội, không chảy ra thì phạm Thô tội. Nếu lúc tỉnh thức làm phương tiện, trong mộng xuất tinh hoặc khi làm phương tiện, tinh sắp động (sắp chảy ra) liền nhiếp niệm thì đều phạm Thô tội. Nếu Nếu cố ý nhảy múa theo tiếng nhạc, hoặc thoa thuốc nơi chỗ ngứa, hoặc đứng ngược dòng nước chảy làm động căn, hoặc do va chạm... làm cho tinh xuất đều phạm Thô tội; nếu tinh không xuất thì phạm tội Ác tác. Nếu cầm nắm sanh chi của người khác hay của mình nên tinh xuất, đều phạm Thô tội; nếu có tâm nhiễm nhìn sanh chi của mình thì phạm tội Ác tác.

Không phạm là do cào gãi chỗ ghẻ ngứa hoặc nhảy qua hầm hố hoặc đi mau, hoặc chạm vào đùi hoặc nhớ vợ cũ, hoặc lúc tắm kỳ cọ; hoặc do va chạm người nữ, tâm phiền não hừng thạnh nên tinh xuất thì đều không phạm. Nếu là người đa dục, Phật khai cho chứa bao da để bọc sanh chi lại, nên dùng da dê hay dai nai, thuộc da cho mềm, rửa sạch phơi khô chớ để có mùi hôi sẽ bị hoại, nên cột nơi thắt lưng, không nên mang vào trong chúng và nơi tháp Phật, chỗ kính lễ.

**2. Tâm nhiễm xúc chạm:**

Phật tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó có nhiều

người nữ đến trong tinh xá tham quan, Bí-sô Ô-đà-di dẫn đi đến xem các phòng rồi thuyết pháp cho họ nghe, nhân đây sanh dục nhiễm xúc chạm thân họ để thọ lạc. Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu lại có Bí-sô, do tâm nhiễm ô xúc chạm thân người nữ, hoặc nắm tay, hoặc nắm cánh tay hoặc vuốt tóc cho đến xúc chạm bất cứ thân phần nào để khởi tâm thọ lạc thì phạm Tăng già phạt thi sa.

Tâm nhiễm: tâm nhiễm bị dính mắc có bốn trường hợp: 1. Là có tâm nhiễm nhưng không dính mắc; 2. Là tâm có dính mắc nhưng không có tâm nhiễm; 3. Là có cả hai; 4. Là không có cả hai. Người nữ: chỉ cho người có thể cùng giao hội, nơi thân phần của họ không có thương tổn. Tay là phần trước của cổ tay, Cánh tay là phần sau của cổ tay, tóc là đầu tóc và khăn cột tóc.

Tướng phạm trong đây: tâm nhiễm xúc chạm nếu đủ chín việc thì thành phạm:

1. Xúc: tay vừa xúc chạm.
2. Cực xúc: thường xúc chạm nhau.
3. Dựa: hai thân dựa nhau.
4. Cầm nắm: đưa tay cầm nắm.
5. Khiên: từ xa kéo lại gần.
6. Duệ: ở chỗ gần kéo giữ lấy.
7. Thượng: nhấc từ dưới lên.
8. Hạ: từ trên cao để xuống.

9. Ôm: ôm nhau.

Nếu thân nữ hoại hoặc cả hai thân đều hoại hoặc thân có ghẻ lở, hoặc muốn xúc chạm người này lại chạm nhằm người kia, hoặc sanh nghi không biết là người nay hay người kia, hoặc xúc chạm Bí-sô nhập Diệt tận định, hoặc xúc chạm thân sình trướng cho đến bộ xương thì đều phạm Thô tội.

Nếu Bí-sô có tâm nhiễm xúc chạm người nữ, người nữ này chuyển thành nam hoặc bản thân tự chuyển hoặc cả hai đều chuyển thì phạm Thô tội hoặc Ba la thị ca. Bí-sô xúc chạm người nam, người nam này chuyển thành nữ thì phạm bổn tội, tự chuyển hay cả hai đều chuyển thì phạm Thô tội hoặc Ba la thị ca. Trường hợp Bí-sô ni cũng giống như vậy nên biết. Nếu xúc chạm người nữ nhỏ tuổi không thể hành dâm, người nam và Bán trạch ca thì phạm Thô tội.

Người nữ tưởng là người nữ và nghi, tâm nhiễm xúc chạm thì phạm bổn tội; người nữ tưởng là phi nhân nữ và nghi thì phạm Thô tội; phi nhân nữ tưởng là người nữ và nghi thì phạm tội Ác tác. Nếu đối tượng là mẹ hay chị em, khi chạm thân họ có tâm thọ lạc thì phạm Thô tội, vì có tâm hổ thẹn thì tâm nhiễm không sanh; nếu không có tâm hổ thẹn thì phạm bổn tội. Bí-sô không nên vẽ hình tượng người nữ, nếu vẽ thì phạm tội Ác tác. Không phạm là vẽ bộ xương trắng, đầu lâu hoặc xúc chạm

mẹ hay chị em mà không có tâm nhiễm; hoặc xúc chạm người nữ mà tưởng là mẹ... hoặc tuy xúc chạm nhưng giống như chạm vào đất; hoặc có tâm tốt sờ xem nóng hay lạnh; hoặc thấy người nữ sa vào trong lửa, thấy uống thuốc độc, thấp cầm dao tự cắt, thấy bị nước cuốn trôi... khởi tâm cứu vớt. Nếu thấy người nữ bị nước cuốn trôi, nếu biết mình có khả năng thì nên xuống nước vớt họ lên, nhưng không nên sanh tâm nhiễm, nên khởi tưởng là mẹ mình. Nếu người nữ kia không cử động được thì nên đặt họ nằm trên đất và chăm sóc họ chớ có bỏ đi, nhưng không được ở gần sát bên họ; nếu có việc gấp cần phải đi thì nên nhờ người chăm sóc, việc xong nên trở lại xem họ sống chết thế nào.

Có năm loại bàng sanh có thể cỡi qua sông, đó là voi, ngựa, bò, trâu và mao ngưu; nếu là bàng sanh cái thì không nên cỡi; nếu dùng phao thì không nên sơn vẽ nhiều màu trên đó. Nếu mẹ hay con gái đến ôm hoặc bỗng té ngã lên người nữ hoặc nơi đường hẹp chạm phải vai người nữ thì đều không phạm, vì vậy khi đi vào trong thôn xóm khất thực nên khéo dụng tâm. Nếu có người nữ với tâm nhiễm đến xin nước uống, Bí-sô không nên liên tục rót nước cho uống, đợi uống gần hết mới rót thêm, nếu làm trái thì phạm tội Ác tác; nếu người nữ không có tâm nhiễm thì rót liên tục không phạm.

### 3. Nói lời thô tục tương ưng với dâm dục:

Phật tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó Bí-sô Ô-đà-di thấy nhiều người nữ vào chùa, khi dẫn họ đi tham quan các nơi, do tâm nhiễm nên đối trước họ nói ra những lời thô tục tương ưng với dâm dục. Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu lại có Bí-sô do tâm nhiễm dính mắc nói lời thô tục (lời yêu đương trăng gió) với người nữ, tương ưng với dâm dục như lời hai vợ chồng nói với nhau thì phạm Tăng già phạt thi sa.

Tâm nhiễm: giải thích như trên, người nữ: chỉ cho người hiểu được tốt xấu. Trong giới này hiển rõ bốn việc:

1. Lỗi lầm: tức là nói lời thô tục, tự thể và nhân đều là tạp nhiễm.

2. Cọng tướng: nói lời phi pháp.

3. Tự tướng: lời tương ưng với dâm dục.

4. Ví dụ: như vợ chồng nói với nhau.

Tướng phạm trong đây: có chín trường hợp nói đều thành bổn tội là nói đẹp, nói xấu, nói thẳng, nói quanh co, hỏi thẳng, hỏi quanh co, dẫn việc, khen ngợi, giận mắng; nếu người nghe không hiểu thì Bí-sô phạm Thô tội. Nói đẹp là nói cô rất đẹp, rất đáng yêu; nói xấu là nói cô không đẹp, không đáng yêu; nói thẳng là nói hãy đến cùng tôi làm việc như thế như thế; nói quanh co là nói nếu cô yêu tôi thì tôi cũng yêu cô; hỏi thẳng là nói nếu người nữ nào làm việc như thế thì sẽ được người nam yêu, cô có

thể làm việc như thế không; hỏi quanh co là nói nếu người nữ làm việc như thế thì được người nam yêu, cô đâu có làm việc như thế phải không; nói dẫn việc là nói trước đây có người nữ tên _____ đã cùng tôi làm việc như thế, cô cũng nên cùng tôi làm việc như thế; nói khen ngợi: là nói nếu cô cùng tôi làm việc như thế thì sẽ được phước lạc ở cõi trời; nói giận trách là nói lời giận hờn trách móc. Nếu còn cách nói nào khác tương ưng với dâm dục thì đều phạm bổn tội, như nói với người nữ: "hãy cho tôi nước", đáp là không có nước, liền nói: "cô chính là nước"; hoặc người nữ hỏi vì sao không vui, Bí-sô đáp là vì muốn được cô. Nếu người có tánh ưa nói lời thô chọc ghẹo hoặc đối trước người nam, Bán trạch ca, hoặc có người nữ mà tưởng là không có người nữ mà nói ra những lời thô tục này thì đều phạm Thô tội. Nếu đối trước bé trai hay Bán trạch ca nhỏ tuổi hoặc bàng sanh hoặc không có người nữ, tưởng là có mà nói thì đều phạm tội Ác tác. Nếu không khởi tâm hạn cuộc thì tùy đối trước người nữ nói lời thô tục tương ưng với dâm dục đều phạm bổn tội; nếu khởi tâm hạn cuộc là đối trước người nữ này mới nói, người nữ khác không nói nhưng khi nói lại có người nữ khác thì chỉ phạm Thô tội. Lời nói thô tục nhưng tưởng là không thô tục mà nói thì không phạm; nếu lời thô tục tưởng là lời thô tục và nghi mà nói, hoặc người nghe là người nữ, tưởng là

người nữ và nghi mà nói thì đều phạm bổn tội. Nếu người nghe là phi nhân nữ, tưởng là người nữ và nghi mà nói thì phạm Thô tội; nếu phi nhân nữ tưởng là phi nhân nữ thì phạm tội Ác tác.

**4. Đòi hỏi cúng dường thân:**

Phật tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó Bí-sô Ô-đà-di đến chỗ người nữ đòi hỏi cúng dường thân nên Phật chế học xứ:

Nếu lại có Bí-sô do tâm nhiễm dính mắc, ở trước người nữ tự khen ngợi mình rằng: này các vị, nếu Bí-sô nào tương tợ như tôi đầy đủ thi la, có pháp thắng thiện, tu phạm hạnh thì hãy đem pháp dâm dục cúng dường. Nếu Bí-sô nói lời như vậy thì phạm Tăng già phạt thi sa.

Nói đầy đủ thi la là giới uẩn viên mãn, nói có pháp thắng thiện là định uẩn đầy đủ, nói tu phạm hạnh là tương ưng với tuệ uẩn. Có mười tám tướng phạm là tối, thắng, thù, diệu, hiền, thiện, ứng cúng, khả ái, quảng bác; cực tối, cực thắng, cực thù, cực diệu, cực hiền, cực thiện, cực ứng cúng, cực khả ái, cực quảng bác, đều là tự khen ngợi mình có thiện pháp viên mãn. Nếu có tâm nhiễm tự khen ngợi mình như thế để mong cầu cúng dường thân, người nghe hiểu được thì phạm bổn tội.

**5. Làm mai mối:**

Phật tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó Bí-sô Ca lô mật lật già la tử làm việc mai mối khiến cho các cư

sĩ có người khen, có người chê và bị các ngoại đạo chê cười nên Phật chế học xứ: Nếu lại có Bí-sô làm việc mai mối, đem ý của người nam nói với người nữ, đem ý của người nữ nói với người nam hoặc để tác thành chồng vợ hoặc việc tư thông dù chỉ trong chốc lát, phạm Tăng già phạt thi sa.

Trong học xứ này hiển rõ làm đủ ba việc liền thành phạm:

1. Chủ định: là Bí-sô đem ý của người nam đến nói với người nữ, đem ý của người nữ đến nói với người nam.

2. Sự định: mai mối cho hai bên nam nữ để thành việc vợ chồng hay tư thông.

3. Thời định: cho đến trong chốc lát.

Có bảy loại vợ là vợ thủy thọ, vợ tài sính, vợ vương kỳ, vợ tự nhạo, vợ y thực, vợ cộng hoạt và vợ tu du. Vợ thủy thọ là cha mẹ đưa nước cho chàng rễ để giao phó con gái; vợ tài sính là cha mẹ nhận sính lễ rồi mới gả con gái; vợ vương kỳ là vua đi chinh phạt nước khác hoặc chúa giặc đánh cướp thôn xóm bắt được phụ nữ đem về làm thê thiếp; vợ tự nhạo là người nữ này mong muốn được làm vợ người kia; vợ y thực là người nữ này vì cầu y thực mà đến làm vợ người kia; vợ cộng hoạt: là cả hai đều có tài sản riêng cùng giao ước ở chung nhau kết làm vợ chồng; vợ tu du là làm vợ chồng không lâu dài, chỉ trong thời gian ngắn, cũng gọi là

vô tạp phụ, tức là người vợ này giữ pháp thanh cư, tới lui với chồng khác với người thường.

Về tư thông có mười loại người nữ đã được bảo hộ, đó là cha bảo hộ, mẹ bảo hộ, anh em bảo hộ, chị em bảo hộ, đại công bảo hộ, đại gia bảo hộ, người thân bảo hộ, chủng tộc bảo hộ, dòng họ bảo hộ và vương pháp bảo hộ. Nếu Bí-sô nơi bảy loại vợ và mười loại người nữ được bảo hộ mà làm mai mối, nhận lời của người này, đến nói với người kia và trở về báo lại tổng cộng ba lần, hoặc tự đi hoặc bảo người khác đi, hoặc sai chuyển đi đủ cả ba lần, việc thành thì phạm bổn tội. Nếu tự làm một lần, sai người khác làm hai lần; hoặc tự làm hai lần, sai người khác làm một lần, việc thành cũng phạm bổn tội; nếu việc không thành thì phạm Thô tội. Lại nữa nếu mai mối cho cả hai bên đều là Tôn (giàu có, tôn quý) đủ ba lần và việc thành thì phạm bổn tội; nếu một bên là Tôn, một bên là Ti (nghèo, giai cấp thấp hèn ), nhận lời bên Tôn đến nói với bên Ti, hoặc nhận lời bên Ti đến nói với bên Tôn thì phạm Thô tội. Lại có ba việc tuy không trở về báo lại cũng thành phạm, đó là:

1. Hen chỗ: như nói nếu thấy tôi đứng ở chỗ _____ thì biết việc đã thành.

2. Định thời: như nói nếu vào giờ đó thấy tôi đi ra thì biết việc đã thành.

3. Hiện tướng: như nói nếu thấy tôi mang bát

hay đắp y mới đi ra thì biết việc đã thành.

Lại có ba cách làm mai mối: nói, đưa thư và in dấu tay, tùy dùng một cách đủ ba lần: nhận lời, đến kia nói và trở về báo lại thì đều phạm bốn tội. Lại có bảy cách chia tay, Bí-sô mai mối làm cho hòa hợp trở lại:

1. Đang lúc tranh cãi liền chia tay.
2. Tranh cãi xong liền chia tay.
3. Bẻ cỏ làm tướng chia tay.
4. Ném ngói gạch làm tướng chia tay.
5. Đối chứng nói chia tay.
6. Nói người này không phải vợ tôi.
7. Báo cho mọi người biết hai vợ chồng đã ly hôn.

Ba loại vợ đầu trong bảy loại vợ chia tay với chồng theo ba cách đầu, Bí-sô mai mối làm cho hòa hợp lại thì phạm tội Ác tác, chia tay theo ba cách kế mà làm cho hòa hợp lại thì phạm Thô tội, đã ly hôn mà làm cho hòa hợp trở lại thì phạm bốn tội. Bốn loại vợ sau và mười loại người nữ được bảo hộ trong trường hợp tư thông, tùy chia tay theo cách nào trong bảy cách trên mà làm cho hòa hợp lại thì phạm bốn tội.

Nếu chỉ bụng mai mối mà một người sanh trai, một người sanh gái hoặc cả hai đều sanh trai hay cả hai đều sanh gái; hoặc làm mai cho phi nhân, hoặc làm mai cho Bí-sô hay Bí-sô ni hay người

phạm hạnh, hoặc tự làm mai cho mình, đều phạm Thô tội. Khi làm mai mối, nếu một bên chuyển hình hoặc cả hai bên đều chuyển hình, hoặc bị tâm loạn... đều phạm Thô tội. Nếu có người đến yêu cầu chúng tăng làm mai mối, chúng tăng hòa hợp sai một người làm, việc thành thì chúng tăng đều phạm bổn tội; nếu một người tự ý làm việc này không đợi Tăng sai, việc thành thì chỉ một người này phạm bổn tội. Nếu làm mai xong mà cha mẹ đổi ý hoặc người nam hay người nữ kia qua đời, hoặc mắc bịnh... do thiếu duyên nên việc không thành thì Bí-sô chỉ phạm Thô tội. Nếu nói với người nữ sao không lấy chồng, hay nói với người nam sao không lấy vợ thì phạm tội Ác tác. Nếu nói nhà kia có con gái sao không đến cầu hôn, do có ý làm mai nên phạm Thô tội. Nếu người nữ hay người nam nhờ Bí-sô đưa tin, Bí-sô hiểu ý làm theo lời thì phạm Thô tội, không hiểu ý thì không phạm.

**6. Xây cất phòng nhỏ:**

Phật tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó các Bí-sô vì làm phòng ốc cho mình, nhiều việc lo toan nên bỏ phế việc tu phẩm thiện; lại do thường lui tới nhà thí chủ khất cầu nên xúc não họ, Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu lại có Bí-sô tự khất cầu để xây cất phòng nhỏ, không có thí chủ, vì mình mà làm thì phải làm đúng lượng là dài mười hai gang tay của Phật và

rộng bảy gang tay của Phật. Bí-sô này phải đưa các Bí-sô đến xem xét chỗ xây cất, các Bí-sô kia phải xem xét chỗ xây cất nay có phải là chỗ tịnh, đúng pháp không, chỗ có tranh chấp không, chỗ có tiến thú không. Nếu Bí-sô ở chỗ không tịnh, không đúng pháp, có tranh chấp, không có tiến thú mà tự khất cầu để xây cất phòng nhỏ, không có thí chủ, vì mình mà làm, không đưa các Bí-sô đến xem xét chỗ xây cất, lại xây cất quá lượng đã chế thì phạm Tăng già phạt thi sa.

Nói tự khất cầu tùy theo sở thích của mình để xây cất phòng nhỏ cho mình, hoặc tự làm hoặc nhờ người làm, không phải làm cho Tăng. Nói phải làm đúng lượng vì nếu làm quá lớn thì nhiều việc bỏ phế chánh nghiệp, nếu quá nhỏ thì sợ có tai họa đến bất chợt. Nói Bí-sô phải đưa các Bí-sô đến xem chỗ muốn xây cất là để phòng ngừa ba việc: một là không đúng lượng, hai là nếu nơi đó có hang chuột, rắn hay rít... thì gọi là không thanh tịnh,, ba là nếu nơi đó gần cung vua, hoặc nhà trưởng giả, nhà ngoại đạo, chùa ni hoặc phải đốn bỏ đại thọ thì gọi là có tranh chấp; hoặc chung quanh nơi đó trong vòng một tầm có giếng nước, có vách núi cheo leo thì gọi là không có tiến thú. Nếu đủ ba việc này thì Tăng không nên cho xây, Bí-sô được sai đến xem xong, nếu thấy không có các trở ngại kể trên thì khi trở về nên bạch trước chúng tăng:

Đại đức tăng lắng nghe, tôi Bí-sô đã xem xét

chỗ đất kia xong, thấy nơi đó như pháp, thanh tịnh, không có tranh chấp, xin hãy biết thời.

Tăng nên tác pháp yết ma cho phép xây, nếu có đủ ba việc trên, làm phòng xong, có thể ở được thì phạm bổn tội; nếu một việc trong ba việc trên, hoặc làm quá lượng nhưng nửa chừng ngừng làm, hoặc bị người khác cướp đoạt, hoặc vừa mới khởi công liền qua đời hoặc hoàn tục làm bạch y hoặc thối xuống làm Sa di, hoặc dùng vật liệu của mình mà làm thì đều phạm Thô tội. Nếu Bí-sô nói với Bí-sô khác: "hãy giúp tôi làm phòng nhưng chớ làm quá lượng", nếu Bí-sô kia làm quá lượng thì Bí-sô kia phạm tội; nếu bảo người khác làm phòng và nói là nơi đấy như pháp, thanh tịnh nhưng thật sự là không thanh tịnh như pháp thì cả hai đều phạm tội. Nếu mười người cùng khởi phương tiện làm một phòng thì cả mười người đều phạm tội. Không phạm là được phòng đã làm xong trước rồi hay phòng cũ đã có người thọ dụng rồi.

-oOo-

# CĂN BẢN TÁT BÀ ĐA BỘ LUẬT NHIẾP

# QUYỂN 4

## 7. Xây cất chùa lớn:

Phật tại nước Kiều-thiểm-tỳ, lúc đó Lục chúng Bí-sô chặt cây đại thọ để xây cất chùa lớn, tuy làm cho Tăng nhưng vì ngăn ngừa lỗi bị cơ hiềm nên Phật chế học xứ:

Nếu Bí-sô có thí chủ, muốn làm chùa lớn, Bí-sô này nên yêu cầu các Bí-sô chỉ chỗ làm chùa không có nạn và không tranh chấp và dễ tiến tu, các Bí-sô nên chỉ chỗ làm chùa không có nạn và không có tranh chấp và dễ tiến tu. Nếu Bí-sô có thí chủ, vì mình nên làm chùa lớn mà làm ở chỗ có nạn và có tranh chấp và khó tiến tu, cũng không yêu cầu các Bí-sô chỉ chỗ để làm thì Bí-sô này phạm Tăng già bà thi sa.

Nói lớn là vật thí lớn và hình lượng lớn, nói chùa lớn là nơi mà chư Phật và chúng Thanh văn quá khứ đều thọ dụng, Phật cũng cho người có tâm tín kính xây cất trú xứ lớn phụng cúng cho Tăng. Nếu Bí-sô làm chùa lớn, tối Đa-là ba tầng, Phật điện năm tầng, Phật đã chỉ cho trưởng giả Cấp-cô-

độc cách thức xây chùa, trưởng giả đã mua khu vườn của Thái tử Kỳ đà bằng cách lót vàng khắp hết đất trong vườn để xây cất tịnh xá, xây xong dâng cúng Phật và Tăng. Nếu có thí chủ xây chùa cúng cho Tăng, sau đó lại có thí chủ muốn xây phòng đặc biệt cúng riêng cho người nào đó thì phải hỏi thí chủ xây chùa rồi mới được làm.

Trước khi an cư hay vào ngày an cư, Bí-sô thọ sự nên chia phòng xá ngọa cụ cho Tăng, nên thông báo trước cho đại chúng biết: "trong các phòng đã có lợi vật, đại chúng nên theo thứ bậc đến nhận phòng". Nếu lúc đó không đến nhận phòng thứ nhất, khi chia đến phòng thứ ba mới phương tiện theo đòi, đòi lần thứ nhất và thứ hai thì không nên cho, đến lần thứ ba mới cho nhưng người đòi phải sám tội Ác tác. Nếu phòng ít thì nên đếm số người trước rồi mới chia, nên chừa lại một phòng để dành cho khách Bí-sô đến; nếu có Bí-sô từ trú xứ khác đến và người hậu an cư cũng nên theo thứ bậc chia cho phòng, nhưng không nên chia cho người không kịp hậu an cư, người này nên đến chỗ người thân quen ở nhờ. Y thực lợi nên chia đều, có năm hạng người không nên sai làm người chia y vật, đó là người thông hiểu Tu Đa-la, Tỳ-nại-da, Ma trất lý ca, Thượng tòa trong Tăng và người đọc tụng cho chúng. Nếu trú xứ có nhiều phòng nên tùy số người lúc đó nhiều hay ít mà chia, hoặc chia cho một người hoặc hai người hoặc ba người, ở trong

phòng nào thì được tùy ý thọ dụng lợi vật ở trong phòng đó. Nếu vật dụng của Tăng có hư hoại nên khuyến hóa bạch y tu bổ, không nên bỏ mặc khiến cho tổn hoại. Nếu trú xứ chật hẹp phải ở chung thì nên chia đều ngọa cụ cho đủ chớ để thiếu thốn, những chỗ như chỗ để bình nước, bình thuốc..., chỗ mọi người qua lại, trước hiên, hành lang, thềm thang lên xuống lầu gác và kho lẫm đều không nên chia.

Nếu thí chủ xây phòng đặc biệt cúng riêng cho người nào thì người ở trong phòng ấy được thọ dụng mọi lợi vật đã có trong đó; tuy được lợi riêng nhưng khi đại chúng chia lợi vật cũng phải chia đều. Nếu vị thọ sự vì việc của chúng mà phải ra ngoài giới thì khi chia phòng xá và lợi vật, nên dành phần cho vị ấy. Nếu ở A-lan-nhã, tất cả đều đi khất thực thì nên cử một hay hai người ở lại coi giữ, khi khất thực trở về nên chia phần cho họ cùng ăn. Nếu vì phòng hộ chùa cũng được nuôi chó, những chỗ như bên tháp hay trong phòng viện nếu bị chó cào xới hay phóng uế bừa bãi thì người nuôi chó nên sửa sang lại và thu dọn sạch sẽ, nếu không làm thế thì phạm tội Ác tác.

Bí-sô không được an cư hai nơi, nếu ở hai nơi an cư thì cũng chỉ được lấy một phần y vật vì người xuất gia đối với lợi dưỡng không nên tham cầu mà lấy quá phần. Nếu nghe có người đấu tranh sắp đến thì nên chia phòng xá trước, khi họ đến đòi chia

phòng thì vị thọ sự nên nói là đã chia hết rồi, đợi khi họ bỏ đi, vị thọ sự nên theo pháp chia phòng lại.

Nếu Bí-sô làm hạn cuộc chia như nhật phân, tức là nói hôm nay ở phòng này, mai ở phòng kia; hoặc thời phân, tức là nói tiểu thực ở chỗ này, đại thực ở chỗ kia; hoặc tôn phân, tức là nói phòng này của A-giá-lợi-da, phòng kia của Ô-ba-đà-da, thì phạm tội Ác tác. Nếu Bí-sô có bịnh thích ở phòng cũ thì không cần theo thứ bậc chia phòng, nhưng Bí-sô không nên không có bịnh mà dối nói là có bịnh.

Nếu sau khi chia phòng xong, người đến sau không được ỷ tuổi hạ cao mà đoạt phòng của người khác; nếu đến vào ban đêm hoặc chỉ nghỉ tạm một đêm thì không nên đòi chia phòng và ngọa cụ mà xúc não người khác, nên đến chỗ người thân quen ở nhờ. Lúc đó trưởng giả Cấp- cô-độc xây nhà nghỉ cho các Bí-sô khất thực, Lục chúng Bí-sô tụ đến đó cùng chia phòng, làm thế thì phạm tội Ác tác.

Nếu có nhân duyên đến chùa khác vào đúng giờ thọ thực thì không cần tính theo thứ bậc mà giành chỗ ngồi, nên tùy nghi mà ngồi thọ thực. Nếu có người bên ngoài mang thức ăn đến cúng dường cho người ở trú xứ này, nếu người và thức ăn không có hạn cuộc thì khách được tùy ý ăn; nếu người và thức ăn có hạn cuộc thì khách không được ăn.

Sai phân chia y vật có mười hai hạng người: một là người chia cơm, hai là người chia cháo, ba là người chia bánh trái, bốn là người chia ngọa cụ, năm là người chia các tạp vật, sáu là người cất giữ khí vật, bảy là người cất giữ y, tám là người chia y, chín là người cất giữ y tắm mưa, mười là người chia y tắm mưa, mười một là người cắt sai làm việc lặt vặt, mười hai là người xem xét phòng xá. Cũng như chia phòng xá, ngọa cụ của tăng nên gom lại một chỗ để phân chia theo thứ bậc từ Thượng tòa, nếu còn dư nên chia cho Bí-sô hay Bí-sô ni khách đến. Nếu là ngọa cụ của Tăng thì khi thọ dụng, Bí-sô không được đem ngọa cụ nhỏ, mỏng, dơ xấu thay thế; nếu làm thế thì phạm tội Ác tác và chiêu quả báo lưng đen sạm.

Bí-sô thọ sự nên mỗi nửa tháng đi xem xét phòng xá ngọa cụ, nếu thấy có Bí-sô nào đem ngọa cụ mỏng, hư rách để đổi ngọa cụ của Tăng, nếu Bí-sô này là người lớn thì nên bạch cho Tăng biết rồi thu lại ngọa cụ của Tăng; nếu là người nhỏ thì nên nói cho hai thầy biết rồi thu lại ngọa cụ của Tăng. Nếu thấy dưới mái hiên có tổ chim làm ồn náo thì nên xem xét, tổ chim nào không có trứng hay chim non thì nên phá bỏ, nếu thấy có trứng hay chim non thì chờ đến khi chúng bỏ đi mới được phá tổ. Nếu thấy có tổ ong nên xem xét tổ nào không có trứng và ong con thì khua đọng cho bầy ong bỏ tổ bay đi, nếu có trứng và ong con thì dùng dây tơ cột tổ lại

cho chúng không phát triển.

Nếu thí chủ xây chùa cúng cho Tăng rồi, sau đó có việc đi đến nơi khác, thời gian lâu không trở về thì Bí-sô ở chùa đó không nên vì thiếu vật thực mà bỏ đi hết, nên tự khất thực để nuôi sống. Đợi đến năm năm mà thí chủ vẫn chưa trở về thì Bí-sô ở trú xứ này nên cùng Bí-sô ở trú xứ gần bên kết giới đồng lợi dưỡng nhưng Thuyết giới bố tát riêng.

Nếu chùa hư hoại cần tu sửa thì nên làm bằng hoặc lớn hơn không nên làm nhỏ hơn, nếu sức thí chủ không thể thì được làm tùy nghi nhưng tháp thì nên làm lớn hơn, không nên làm nhỏ hơn. Nếu tôn dung, tranh vẽ hay phù điêu hư hoại nên cạo bỏ rồi cho tô vẽ mới lại giống như trước; kinh Phật hư rách hoặc mờ mất chữ cũng nên tu sửa hoặc cạo bỏ lớp mực cũ để viết lại mới.

Trong chùa nên làm tịnh trù, có năm loại tịnh trù:

1. Sanh tâm tác: Bí-sô trông coi việc xây cất hoặc người thế tục ban đầu tạo phòng, khi xây nền móng liền nghĩ rằng: "tại chỗ này sẽ làm tịnh trù cho Tăng".

2. Cọng ấn trì: Bí-sô trông coi việc xây cất, khi hưng công làm nền móng liền nói với các Bí-sô ở chung rằng: "các thầy nên biết, tại chỗ này sẽ làm tịnh trù cho Tăng".

3. Như ngưu ngọa: phòng không có định chuẩn.

4. Cố phế xứ (chỗ bỏ phế, hư cũ)

5. Bỉnh pháp tác: chỗ do Tăng bạch nhị yết ma kết làm tịnh trù, là chỗ không có chướng ngại ở tận cùng trong giới và thế phần bên ngoài chừng một tầm.

Khi Tăng đã chấp thuận chọn chỗ này làm tịnh trù thì ở tại chỗ này trải tòa, đánh kiền chùy... sai một Bí-sô tác pháp yết ma kết làm tịnh trù, đây là căn cứ theo chùa lớn, nếu là chùa nhỏ thì có thể làm tịnh trù trong chùa như chọn lấy 1 phòng nhỏ hay nhà nhỏ nào đó kết làm tịnh trù. Khi Tăng kết tịnh trù xong thì ngay tại chỗ này được hai lợi lạc: một là ngoài giới được chứa, trong giới được nấu; hai là trong giới được chứa, ngoài giới được nấu đều không lỗi. Lại có mười nơi không được nấu thức ăn, nếu nấu thì phạm tội Ác tác: một là nơi đất trống, hai là nơi cửa phòng, ba là trước hiên, bốn là trong nhà ấm, năm là trong nhà tắm, sáu là nhà quan, bảy là bên tháp, tám là nhà ngoại đạo, chín là nhà thế tục và mười là trong chùa ni.

Trong học xứ này nói nên đưa các Bí-sô đến xem chỗ xây cất là chỉ cho chúng tăng, ít nhất là bốn người, tướng phạm trong đây chỉ trừ quá lượng ra, những duyên trở ngại khác đều giống như học xứ trên.

**8. Không căn cứ vu báng:**

Phật tại thành Vương xá, lúc đó hai Bí-sô Mật-

đát-la và Bộ nhị ca do đời trước có oán thù với Bí-sô Thật-lực-tử nên bảo em gái là Bí-sô ni Mật-đát-la vu báng Bí-sô Thật-lực-tử phạm Ba la thị ca, hai người sẽ đứng ra làm chứng, Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu Bí-sô vì sân giận không vui đem tội Ba la thị ca không căn cứ vu báng Bí-sô thanh tịnh không phạm tội, muốn phá hạnh thanh tịnh của Bí-sô kia. Thời gian sau, có người hỏi hay không có người hỏi, Bí-sô này biết là việc không căn cứ, chỉ do sân giận mà vu báng, nên nói với các Bí-sô rằng: "tôi vì sân giận nên nói như thế", thì Bí-sô này phạm Tăng già bà thi sa

Nói Bí-sô sân giận không vui là lòng sân chưa dứt, nói đem tội Ba la thị ca không căn cứ là muốn gây bất lợi cho người nên đem tội trong không có căn cứ thấy nghe nghi để vu báng. Nói tôi vì sân giận nên nói như thế là biết việc đó không thật, vì sân hận nên ác báng.

Cảnh vu báng có bốn: một là người thanh tịnh, hai là người tuy thanh tịnh nhưng tợ không thanh tịnh, ba là người không thanh tịnh, bốn là người không thanh tịnh nhưng tợ thanh tịnh. Nếu vu báng hai hạng người trên thì có mười việc thành phạm, năm việc không thành phạm:

Mười việc thành phạm có bốn trường hợp: trường hợp một có ba việc là không thấy, không

nghe, không nghi mà dối nói là có thấy, nghe, nghi; trường hợp hai có hai việc là nghe nhưng quên và nghi nhưng quên mà nói là tôi nghe và nghi như thế; trường hợp ba có hai việc là nghe rồi tin và nghe nhưng không tin mà nói là tôi thấy; trường hợp bốn có ba việc là nghe rồi nghi và nghe nhưng không nghi hoặc tự nghi mà nói là tôi thấy. Khi nói không thật như vậy thì phạm bổn tội.

Năm việc không phạm có hai trường hợp: trường hợp một có ba việc là không thấy, không nghe, không nghi nhưng tưởng có thấy, nghe nghi nên nói là tôi thấy, nghe, nghi ; trường hợp hai có hai việc là nghe nhưng quên và nghi nhưng quên lại tưởng là có nghe và nghi nên nói là tôi nghe, nghi thì đều không phạm.

Vu báng hai hạng người dưới có mười một việc thành phạm và sáu việc không phạm; mười việc thành phạm ở trường hợp trên thêm một việc thấy nhưng quên là mười một việc; năm việc không phạm ở trường hợp trên thêm một việc thấy nhưng quên là sáu việc. Hai hạng người trên vốn là người thanh tịnh nên không có việc thấy nhưng quên.

Nếu Bí-sô đưa thư hoặc sai sứ hoặc in dấu tay để vu báng, hoặc đối trước người cuồng si, người ngủ, người nhập định; hoặc người trước đã phạm, người thọ học để vu bàng người khác nhưng không nói tên thì phạm Tốt-thổ-la để; vu báng Bí-sô ni cũng phạm bổn tội, vu báng Thức xoa ma na phạm

Thô tội; nếu đem năm tội nghịch vu báng thì phạm bổn tội. Nếu Ô-ba-sách-ca vu báng Bí-sô thì Tăng nên cho yết ma phú bát, các Bí-sô không nên đến nhà họ thọ cúng dường và cũng không nói pháp cho họ; nếu người kia biết lỗi theo Tăng xin giải yết ma thì Tăng nên cho yết ma ngưỡng bát. Nếu người của tà bộ vào trong bộ chánh để làm yết ma phú bát thì không thành tác pháp; nếu đối người có thiện tâm mà cho yết ma phú bát cũng không thành tác pháp.

**9. Lấy phần việc khác vu báng:**

Duyên xứ giống như học xứ trên, chỉ khác là hai Bí-sô kia củng thấy hai con nai rừng giao phối, liền lấy việc tương tự này để vu báng Bí-sô Thật-lực-tử, Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu Bí-sô vì sân giận không vui, trong phần việc khác lấy một chút tội hay tội tương tợ Ba la thị ca, để vu báng Bí-sô thanh tịnh không phạm tội, muốn phá hạnh thanh tịnh của Bí-sô kia. Thời gian sau, có người hỏi hay không có người hỏi, Bí-sô này biết là trong phần việc khác lấy chút tội hay tội tương tợ Ba la thị ca, chỉ do sân giận mà vu báng, nên nói với các Bí-sô rằng: "tôi vì sân giận nên nói như thế", thì Bí-sô này phạm Tăng già bà thi sa.

Nếu Bí-sô khi thấy Bí-sô khác phạm Ba la thị ca mà tưởng là không phạm hoặc tưởng phạm tội khác rồi vu báng nói là phạm tội Ba la thị ca thì

phạm bổn tội. Nếu đối với tội Chúng giáo tưởng là không phạm hoặc tưởng phạm tội khác, cho đến tội Đột sắc ngật lý ca cũng vậy, tùy việc vu báng mà kết phạm, khi vu báng, người nghe hiểu được liền phạm bổn tội. Không phạm là thật thấy người kia phạm tội Tha thắng.

**10. Phá hòa hợp Tăng trái can:**

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Đề-bà-đạt-da vì tham lợi dưỡng nên sau khi chứng được thần thông liền giáo hóa vua A xà thế tin theo mình. Sau đó đến chỗ Phật xin cho lãnh đạo đồ chúng, Phật không chấp thuận liền ôm lòng oán giận cùng bốn bạn đảng phá hòa hợp tăng, khi Tăng can ngăn không chịu xả bỏ, Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu Bí-sô muốn phá hòa hợp Tăng, tìm cầu phương tiện thọ trì việc phá Tăng thì các Bí-sô nên can ngăn Bí-sô này rằng: "thầy chớ phá hòa hợp Tăng, chớ tìm cầu phương tiện thọ trì việc phá Tăng, phải cùng Tăng hòa hợp, hòa hợp thì an lạc không tranh, nhất tâm cùng học như nước hòa với sữa, được an lạc trụ. Thầy nên bỏ việc phá Tăng này". Khi các Bí-sô can ngăn như thế mà không chịu bỏ việc này thì nên can ngăn hai, ba lần cho bỏ việc này, chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì Bí-sô này phạm Tăng già bà thi sa.

Nói hòa hợp là đồng một vị, có sáu loại hòa hợp là hình tướng, tác nghiệp, giới, kiến, oai nghi và

sinh sống.

Nói Tăng già là chỉ cho chín loại Tăng: Tăng vô sỉ (không có hổ thẹn), Tăng hữu sỉ (có hổ thẹn), Tăng sỉ vô sỉ (có và không có hổ thẹn), Tăng thuận lý, Tăng phi lý, Tăng lý phi lý, Tăng vị thoát (chưa giải thoát), Tăng dĩ thoát (đã giải thoát), Tăng thoát vị thoát (giải thoát và chưa giải thoát). Trừ loại Tăng đầu và hai loại tăng cuối, các loại Tăng khác đều có thể phá được, vì sao, vì loại Tăng không có hổ thẹn thì khi phạm bốn trọng thì việc phá đã thành, không cần phá nữa; hai loại Tăng cuối là Thánh chúng thì không thể phá được. Nói muốn phá là chỉ cho Đề-bà-đạt-da do ngu si sanh tâm dị kiến muốn phá Tăng, tự đặt ra năm pháp khuyên những người trẻ, ngu muội tập hành theo năm pháp tà này, đó là: trọn đời thọ mặc nạp y, trọn đời thọ pháp khất thực, trọn đời thọ pháp ăn một bữa, trọn đời thọ pháp ngồi nơi đất trống, trọn đời thọ pháp đoạn nhục. Tỳ kheo nào thọ trì năm pháp này sẽ mau được Niết-bàn.

Nói đối với việc phá Tăng chấp chặt không bỏ là muốn phá Tăng nên dẫn dắt môn đồ, tự chấp thủ tà tông, kết nhiều ác đảng. Nói chớ có phá hòa hợp Tăng là ý nói nếu phá thiện chúng thì sẽ chiêu nghiệp Vô gián. Nói thầy nên cùng Tăng hòa hợp là lời của nhiều người can riêng hoặc người được tăng sai đến can bỏ ác kiến. Nói ở chung là đồng thọ dụng y thực và lợi dưỡng. Nói hoan hỉ là pháp

lành thêm lớn thì mọi người đều vui, nói không tranh là đồng kiến nên không có tranh tụng. Nói nhất tâm là ý nói nếu tâm tán loạn thì nên định tĩnh lại, nếu được định tĩnh rồi thì nên siêng cầu giải thoát. Nói một lời là ý nói thể của mười hai phần giáo không có sai khác, cũng la nghĩa nên dạy bảo lẫn nhau. Nói như nước hòa với sữa là hành và lý thuận một tướng không sai khác. Nói an lạc trụ là nương nơi bốn Thánh chủng được hiện pháp lạc trụ và chứng được thắng quả.

**11. Trợ giúp phá Tăng trái can:**

Do các bạn đảng trợ giúp Đề-bà-đạt-da phá Tăng nên Phật chế học xứ:

Nếu có Bí-sô muốn phá hòa hợp Tăng, có Bí-sô khác đồng ý trợ giúp, một hay nhiều người nói với các Bí-sô rằng: "các thầy chớ can ngăn Bí-sô này trong việc này, vì sao, vì Bí-sô này nói đúng pháp, đúng luật không phải là nói phi pháp phi luật, Bí-sô này nói điều gì chúng tôi đều vui thích. Đó là biết mới nói không phải không biết mà nói, Bí-sô này nói điều gì chúng tôi đều chấp nhận". Lúc đó các Bí-sô nên can ngăn các Bí-sô trợ giúp việc phá tăng rằng: "thầy chớ nói rằng Bí-sô này nói đúng pháp đúng luật, Bí-sô này nói điều gì chúng tôi đều vui thích. Đó là biết mới nói không phải không biết mà nói, Bí-sô này nói điều gì chúng tôi đều chấp nhận. Các thầy chớ trợ giúp việc phá

Tăng, phải vui giúp Tăng hòa hợp; Tăng hòa hợp thì hoan hỉ không tranh, nhất tâm cùng học như nước hòa với sữa, được an lạc trụ". Khi các Bí-sô can ngăn như thế mà vẫn chấp chặt không chịu bỏ thì các Bí-sô nên can ngăn ba lần cho bỏ việc này, nếu chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì phạm Tăng già bà thi sa.

Nói tốt là chỉ cho việc có lợi ích, xấu là việc không lợi ích, nói pháp ngữ là nói lời trọn vẹn đầy đủ, có thể dẫn thật nghĩa cũng gọi là pháp ngữ. Nói luật ngữ là nói lời hợp lý không sai, nói lời dịu dàng cũng gọi là luật ngữ; nói không hư dối là hiểu rõ việc kia rồi mới nói. Nói chớ nói như vậy là lời khuyên các bạn đảng lìa xa nhóm tà.

Tướng phạm trong đây là nếu mới tùy thuận muốn phá Tăng thì phạm tội Ác tác, được nhiều người can ngăn mà không chịu bỏ thì phạm Thô tội, từ tác bạch cho đến yết ma lần thứ hai xong mà không chịu bỏ thì đều phạm Thô tội, yết ma lần thứ ba xong, như pháp như luật như lời Phật dạy chánh can mà vẫn không bỏ thì phạm bổn tội. Nếu là yết ma phi pháp biệt chúng, phi pháp hòa hợp chúng, tợ pháp biệt chúng, tợ pháp hòa hợp chúng, như pháp biệt chúng, như pháp hòa hợp chúng thì không bỏ không phạm. Có thuyết nói tuy lời nói không đồng nhưng có tâm muốn phá Tăng thì phạm Thô tội, tuy lời nói đồng nhưng không khởi tâm muốn phá Tăng hoặc không đồng với việc làm

của họ thì không phạm.

Nếu tự có chủ tâm muốn phá Tăng mà không làm náo loạn thì có bốn câu, náo loạn là bắt đầu từ việc nhóm họp để phá Tăng; hoặc phá Tăng nhưng không chỗ cũng có bốn câu, khác chỗ tức là khác giới; hoặc phá Tăng nhưng không lập bộ riêng cũng có bốn câu, bộ riêng là đủ chín người thanh tịnh ở riêng, trong đó có một người là chủ, tám người còn lại là trợ giúp. Chừng mức độ nào thì gọi là phá?: khi Đề-bà-đạt-da cùng bốn bạn đảng hành trù xong thì gọi là thành phá Tăng, nếu người thọ học, người không giới làm người hành trù thì không thành phá Tăng. Nếu tăng bị phá, có người thuộc bộ khác đang ở trong giới thì không nên làm Bố tát, vì chúng kia không đến nhóm liền thành biệt trụ. Nếu cả hai bộ như pháp và phi pháp cùng ở trong một trú xứ, bọ như pháp giải giới thì thành giải, bọ phi pháp giải giới thì không thành giải, những người trung lập không thuộc hai bộ trên nên theo bộ như pháp ra ngoài giới bố tát, không nên theo bộ phi pháp. Bí-sô trong bộ như pháp nên giáo thọ Bí-sô ni, nếu không có người thì người trung lập nên giáo thọ ni. Nếu ni chúng bị phá thì không nên đến giáo thọ, nên nói với họ: "các cô phải hòa hợp trước rồi mới đến cầu giáo thọ"; nếu Ni chúng không hỏi Bí-sô mà tự ý lập quy chế và tụ tập đồ chúng riêng thì phạm Thô tội. Nếu Bí-sô đối với việc phi pháp, tưởng là phi pháp, đến khi chánh

thức phá Tăng vẫn tưởng là phi pháp thì sẽ sanh tội Vô gián và thành nghiệp Vô gián; nếu lúc phá Tăng không khởi tưởng là phi pháp thì chỉ sanh tội Vô gián mà không thành nghiệp Vô gián. Tổng cộng có mười tám trường hợp nặng nhẹ, sáu trường hợp đầu nặng và mười hai trường hợp sau nhẹ:

1. Phi pháp phi pháp phi pháp
2. Phi pháp phi pháp pháp
3. Phi pháp phi pháp nghi.
4. Phi pháp pháp phi pháp
5. Phi pháp pháp pháp
6. Phi pháp pháp nghi.
7. Pháp phi pháp phi pháp
8. Pháp phi pháp pháp
9. Pháp phi pháp nghi
10. Pháp pháp phi pháp
11. Pháp pháp pháp
12. Pháp pháp nghi
13. Phi pháp nghi phi pháp
14. Phi pháp nghi pháp
15. Phi pháp nghi nghi
16. Pháp nghi phi pháp
17. Pháp nghi pháp
18. Pháp nghi nghi.

**12. Làm nhơ nhà người:**

Phật tại thành Thất-la-phiệt bảo các Bí-sô rằng:

"nếu có Bí-sô, Bí-sô ni làm nhơ nhà người thì Tăng nên bạch tứ cho yết ma khu tẫn, đuổi ra khỏi trú xứ. Nếu có người đấu tranh, Tăng nên cho yết ma linh bố và nói với người ấy rằng: "nếu thầy không chịu sửa đổi thì Tăng sẽ trị phạt nặng hơn", vì muốn làm cho người kia sợ mà sửa đổi nên gọi là linh bố. Nếu thấy môn đồ tranh cãi thì Quỹ phạm sư nên ngăn dứt, nếu Bí-sô thường thường phạm tội thì Tăng nên cho yết ma chiết phục, nếu họ vẫn không ngừng dứt thì Tăng nên bảo họ y chỉ nơi bậc có đức để điều phục họ. Nếu Bí-sô xúc não trưởng giả hay Bí-sô khác thì Tăng nên bảo Bí-sô đó đến sám tạ vị đó, nếu không chịu đi thì Tăng nên cho yết ma cầu tạ và bảo đến sám tạ vị đó. Nếu Bí-sô không thấy tội, không như pháp sám tội và không xả ác tà kiến thì Tăng nên cho yết ma xả trí, do xả bỏ không đồng với chúng pháp nên gọi là xả trí. Nếu người bị xả trí này có nhiều bạn đảng nương cậy thì Tăng nên lượng xét sao cho thích nghi, không để việc đấu tranh xảy ra, đối với tội đã pháp như pháp mà trừ diệt. Nếu người ấy vẫn không chịu nhận tội thì không nên cố gạn hỏi, cũng không nên cưỡng ép nhớ nghĩ; nếu cưỡng ép và làm pháp xả trí thì Tăng phạm tội. Nếu những người đấu tranh ôm lòng oán hận tuy đã trải qua nhiều ngày vẫn không thể trừ diệt, lại là người trì kinh, trì luật, trì luận, đa văn được nhiều người biết đến, có đủ phước đức và có nhiều môn đồ thì Tăng nên diệt

tránh giúp họ. Nếu người đấu tranh đến nhà người tục thì nên bảo người trung lập ngăn cách họ, nếu là ở cùng trong giới tranh cãi thì người trung lập nên ra ngoài giới làm trưởng tịnh, nếu cùng bộ khác làm trưởng tịnh thì không thành tác pháp và phạm tội Ác tác. Lại nữa, khi vì người khác tác yết ma mà không gạn hỏi, không cho ức niệm; hoặc người đó thật không phạm, hoặc có phạm nhưng nói không thật, hoặc vì làm yết ma phi pháp thì Tăng phạm tội Ác tác và tác pháp không thành. Lại nữa, khi Tăng đã tác pháp yết ma rồi thì người bị trị phạt phải thuận hành theo những hành pháp đã có như không được cho người xuất gia thọ Cận viên, không được làm y chỉ, không được chứa nuôi Cầu tịch, không được thọ sai làm người giáo thọ ni chúng... Nếu người có hai mươi pháp thì Tăng không nên cho giải yết ma:

1 & 2. Ở trong chúng không hiện tướng cung kính, không siêng năng.

2 & 3. Ở trong chúng không có tâm khiêm hạ, trừ bỏ kiêu mạn.

3. Không tùy thuận hành pháp trị phạt.

4. Ở trong chúng chống trái hành pháp kính.

5 & 6. Ở trong giới không cầu giải phóng tội, không chịu sám hối.

7 & 8. Dựa thế lực vua hay quan xử đoán.

9 & 10. Nương tựa ngoại đạo cho đến người

khác.

11. Không nương tựa chúng.

12 & 13. Mặc y phục thế tục và của ngoại đạo.

14 & 15. Phụng sự ngoại đạo và làm những việc không nên làm.

16. Không tu tập học xứ của Bí-sô

17 & 18. Mắng Bí-sô hoặc khi sân hận hay quát mắng người khác.

19 & 20. Khiến chúng mất lợi và không muốn ở chung.

Phật dạy những điều trên xong liền bảo tôn giả A-nan cùng các

Bí-sô Thượng tòa đến núi Chỉ trá, khi đến giữa đường nên sai người đủ năm đức đến đó gạn hỏi A thấp bạc ca bổ nại phạt tố... rồi mới làm yết ma khu tẫn. Lúc đó những người đồng tội là Bán đậu lô khấu đắc ca... nghe được tin này liền trốn đến thành Thất-la-phiệt, đối trong Tăng như pháp sám hối trừ tội. A thấp bạc ca bổ nại phạt tố... sau khi đến rừng Thệ đa biết được việc này liền nói: "chúng tôi đồng tội mà có người bị đuổi, có người không bị đuổi, các vị tùy ái, tùy sân, tùy si...", các Bí-sô can ngăn rồi mới tác yết ma quở trách, Phật nhân việc này chế học xứ: Nếu Bí-sô nương ở nơi tụ lạc mà làm hạnh xấu, làm nhơ nhà người, ai cũng thấy nghe hay biết thì các Bí-sô nên quở: "thầy đã làm hạnh xấu, làm nhơ nhà người, ai cũng thấy nghe hay

biết, các thầy hãy đi đi, không nên ở đây nữa". Bí-sô này nói với các Bí-sô: "các thầy tùy dục hành sân sợ si, vì sao, vì có Bí-sô đồng tội như vậy, mà có người bị đuổi có người không bị đuổi". Các Bí-sô nên nói với Bí-sô này: "thầy chớ nói các Bí-sô tùy dục hành sân sợ si, vì sao, vì các Bí-sô không có tùy dục hành sân sợ si. Các thầy làm hạnh xấu, làm nhơ nhà người, ai cũng thấy nghe hay biết, các thầy hãy bỏ câu nói tùy dục hành sân sợ si này đi. Các thầy hãy đi đi, không nên ở đây nữa". Khi nói như thế nếu không chịu bỏ lời nói này thì nên khuyên can đến ba lần cho bỏ nói lời nói này, nếu chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì phạm Tăng già bà thi sa.

Làm nhơ nhà người là ở chung và thọ dụng chung với người tục như ngồi chung giường với người tục, ăn chung mâm, uống chung một ly...

Làm hạnh xấu là dùng pháp thô ác hủy báng người khác hoặc dựa trên giới, kiến... nói người khác hủy phạm.

Ai cũng thấy nghe hay biết: thấy là thuộc nhãn thức, nghe là thuộc nhĩ thức, hay biết là thuộc các thức khác.

Thầy hãy đi đi là lời đuổi đi.

Nói tùy ái... là người đồng phạm mà có người không bị đuổi, có người đuổi là tùy sân, Tăng không phân biệt rõ là tùy si, không trị phạt những

người đồng phạm kia là tùy bố.

Nếu khi mới nói Tăng tùy ái... thì phạm tội Ác tác, được nhiều người can ngăn mà không chịu bỏ thì phạm Thô tội, từ khi Tăng tác bạch cho đến yết ma lần thứ hai xong mà không chịu bỏ thì đều phạm Thô tội, yết ma lần thứ ba xong, như pháp như luật như lời Phật dạy chánh can mà vẫn không bỏ thì phạm bổn tội.

Nếu tăng thật có tùy ái, tùy sân, tưởng không tùy ái... và nghi mà nói thì phạm Thô tội; nếu tưởng có tùy ái... mà nói thì không phạm; nếu tăng thật không có tùy ái..., tưởng có tùy ái... mà nói thì phạm bổn tội. Khi Tăng chưa tác yết ma khu tẫn mà nói Tăng có tùy ái... thì phạm tội Ác tác vì hủy báng chúng tăng.

**13. Tánh ác trái can:**

Phật nước Kiều-thiểm-tỳ, lúc đó Bí-sô Xiển đà không chịu nghe lời khuyên can như pháp lại còn chống trái, xúc não chúng tăng nên Phật chế học xứ:

Nếu Bí-sô tánh ác khó cùng nói chuyện khi các Bí-sô như pháp như thiện, nói tội mà vị này đã phạm trong giới thì Bí-sô này không chấp nhận còn nói với các Bí-sô rằng: "các thầy chớ nói tôi tốt hay xấu, tôi cũng không nói các thầy tốt hay xấu". Các Bí-sô nên khuyên rằng: "các Bí-sô như pháp như thiện nói tội mà thầy đã phạm trong giới, thầy đừng

nên không chấp nhận, thầy nên chấp nhận. Các Bí-sô như pháp như luật khuyên can thầy, thầy cũng sẽ như pháp như luật khuyên can các Bí-sô, vì sao, vì làm như thế chúng đệ tử của Như lai mới được tăng trưởng lợi ích, vì cùng khuyên can nhắc nhở và xuất tội cho nhau. Thầy hãy bỏ nghiệp không chấp nhận này đi". Khi các Bí-sô khuyên can như thế mà không chịu bỏ, thì nên khuyên can đến ba lần cho bỏ việc này, nếu chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì phạm Tăng già bà thi sa.

Nói những lời Phật dạy trong giới kinh là những học xứ mà phật đã chế, nói như pháp là có căn cứ thấy nghe nghi, nói như luật là đúng sự thật và tương ưng với lý, nói lời dịu dàng. Nói tốt xấu là lợi và không lợi, nói chớ nói là ngăn không cho khuyên can, không chịu nghe lời khuyên can. Nói nên khuyên can lẫn nhau là khi muốn can nên càu thính trước, nếu người kia đồng ý mới nên can, nếu người kia không đồng ý thì không nên cưỡng ép gạn hỏi. Khi gạn hỏi cũng chớ dùng thiên nhãn, thiên nhĩ để thấy nghe; nếu người kia không nhớ nên cho ức niệm, khi nhớ ra rồi mà nổi sân thì nên cầu thính, nếu chấp thuận thì tốt, nếu không chấp thuận thì nên bỏ mặc, không cùng nói chuyện. Nếu người kia dựa vào thế lục vua quan... thì Tăng không nên cùng bố tát, an cư, tự tứ; vào ngày bố tát nên ở trong chúng bạch rằng: "tôi Bí-sô _____ ngăn Bí-sô _____ làm các việc

như bố tát...; nếu Bí-sô ấy vào trong chúng thì không nên ở trước người ấy làm bố tát...". Nếu dựa trên tội đã phạm là Hữu dư hay Vô dư không có định thật mà liền ngăn người khác trưởng tịnh... thì không thành ngăn; nếu dùng thiên nhãn, thiên nhĩ hoặc người điếc, mù, vô tri, ở trên đất hay ở trên không... ngăn cũng không thành ngăn. Nếu dựa trên tội đã phạm là thật thì ngăn thành ngăn, nhưng nếu dựa trên thấy nghe nghi không chính xác mà liền ngăn thì phạm tội Ác tác. Nếu trong giới có nhiều trú xứ, khi một trú xứ ngăn thì các trú xứ khác cũng nên ngăn.

Nếu người có đủ năm pháp được Tăng sai làm người gạn hỏi nên từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu chắp tay đứng một bên rồi tự xét lượng mình có năm pháp: một là ta có trì giới hay không, hai là ta có hổ thẹn hay không, ba là ta có truy hối hay không, bốn là ta có thu nhiếp các căn hay không, năm là ta có ưa thích giới hay không. Xét lượng mình xong mới hỏi người phạm: "nay tôi muốn gạn hỏi thầy, thấy có chấp thuận không?", người phạm kia hỏi lại: "thầy muốn gạn hỏi việc gì?", đáp: "muốn gạn hỏi về tội", người phạm khi bị gạn hỏi nên đối với năm bộ học xứ (năm thiên giới) tự xét lại mình, người gạn hỏi nên cho nhớ nghĩ: "thầy hãy nhớ lại đã phạm tội đó ở đâu?...", người phạm nên đáp như thật, chớ đáp hư dối không thật. Gạn hỏi xong nên nói với người phạm:

"Tăng sai tôi làm người gạn hỏi, thầy đã đáp như thật xong, Tăng sẽ tác yết ma cho thầy, thầy nên suy nghĩ kỹ chớ có tự hại mình, cũng chớ đùa cợt với người thanh tịnh và người ưa học giới; cũng chớ khinh mạn các bậc kỳ túc".

Tướng phạm trong đây: khi được nhiều người can ngăn mà không chịu nghe thì phạm Thô tội, từ khi Tăng tác bạch cho đến yết ma lần thứ hai xong mà không chịu bỏ thì đều phạm Thô tội, yết ma lần thứ ba xong, như pháp như luật như lời Phật dạy chánh can mà vẫn không bỏ thì phạm bổn tội.

Các Đại đức, tôi đã nói mười ba pháp Tăng già bà thi sa, chín giới trước vừa làm liền phạm, bốn giới sau cho đến can ba lần mới kết thành tội. Nếu Bí-sô biết mình phạm tội mà vẫn cố ý che giấu, tùy che giấu bao lâu thì buộc họ phải hành Ba lợi bà sa bấy nhiêu. Hành Ba lợi bà sa xong, Tỳ kheo này nên ở trong Tăng hành sáu đêm Ma-na-đỏa; hành Ma-na-đỏa xong mới cho pháp A phù ha na. Như pháp sám xong, các Bí-sô hoan hỉ, nên ở trong hai mươi vị Bí-sô cho xuất tội, nếu thiếu một vị không đủ hai mươi mà cho xuất tội thì tội của Bí-sô kia không được xuất, mà các Bí-sô cũng bị quở trách. Đúng pháp nên làm như thế. Nay xin hỏi các Đại đức, trong đây có thanh tịnh không? (3 lần). Các Đại đức, trong đây thanh tịnh vì im lặng. Việc này xin nhớ giữ như vậy.

Nếu Bí-sô tùy mỗi việc đã phạm trong đây

muốn được trừ tội thì phải hội đủ năm duyên:

1. Tùy tội đã phạm.

2. Phạm rồi che giấu.

3. Tùy số ngày che giấu mà Tăng cho hành biệt trụ.

4. Hành biệt trụ xong, Tăng cho hành Ý hỉ.

5. Hành Ý hỉ xong, Tăng đủ hai mươi người cho yết ma Xuất tội.

Trường hợp che giấu có hai: phú dạ (che giấu qua đêm) và phú tâm (có tâm che giấu), nếu có tâm che giấu tội cho đến sáng hôm sau thì gọi là phú dạ, nếu không biết, không nhớ và không có tâm che giấu thì tuy đã trải qua đêm, cũng không phạm tội che giấu. Nếu sau đó nhớ lại, biết có tội liền phát lồ thì Tăng không cần tác yết ma cho người này hành biệt trụ, nên cho phát lồ sám hối các tội Ác tác. Nếu phạm hai tội, che giấu cả hai hoặc che giấu một tội, phát lồ một tội, hoặc phát lồ cả hai tội; hoặc nhớ phạm hai tội, hoặc chỉ nhớ một, quên một, hoặc quên cả hai tội...; hoặc đối với số ngày che giấu nhớ biết số ngày hoặc không nhớ biết..., pháp trị tội theo đó thành sai khác rất nhiều, đầy đủ như trong văn luật. Lại có bốn hạng người nên cho hành biệt trụ: một là người nhớ biết số tội nhưng không nhớ biết số đêm, hai là người nhớ biết số đêm nhưng không nhớ biết số tội, ba là người không nhớ biết cả hai, bốn là người đều nhớ biết

cả hai. Lại nữa, khi đang hành biệt trụ lại tái phạm tội đồng tội trước, Tăng nên cho hành Bổn nhật trị biệt trụ để điều phục, tức là bỏ hết pháp biệt trụ đã làm và làm lại từ đầu; nếu khi đang hành Bổn nhật trị lại tái phạm tội đồng tội trước thì Tăng nên cho Trùng thu, tức là bỏ hết pháp Bổn nhật trị đã làm và làm lại từ đầu. Tóm lại pháp mà người hành biệt trụ đã làm có trắng đen sai khác, phân biệt có sáu:

1. Thuần đen: các ngày đã hành biệt trụ đều phi pháp vì tái phạm.

2. Phần nhiều đen: trừ những ngày hành biệt trụ như pháp ra, các ngày khác đều là phi pháp.

3. Hơn phân nửa đen: trừ những ngày hành Bổn nhật trị như pháp ra, các ngày khác đều là phi pháp.

4. Không tới phân nửa đen: trừ những ngày hành Trùng thu như pháp ra, các ngày khác đều là phi pháp.

5. Phần ít đen: trừ những ngày hành Ý hỉ như pháp ra, các ngày khác đều là phi pháp.

6. Thuần trắng: hành Ý hỉ xong được xuất tội được gọi là khéo xuất tội.

Nếu người hành biệt trụ như pháp xong thì tăng nên cho hành sáu đêm Ma-na-đỏa, nếu không có che giấu tội cũng nên cho hành pháp Ý hỉ rồi cho xuất tội. Nếu khi đang hành Ý hỉ lại tái phạm tội đồng tội trước thì Tăng nên cho Bổn nhật trị Ý hỉ, tức là bỏ pháp Ý hỉ đã hành và làm lại từ đầu. Nếu

khi đang hành Bổn nhật trị Ý hỉ lại tái phạm tội đồng tội trước thì Tăng nên cho Trùng thu, tức là bỏ pháp Bổn nhật trị đã hành và làm lại từ đầu. Nói tội đồng loại là tội giống tội đã phạm trước đó, như phạm tội cố ý tiết tinh, sau đó tái phạm tội này, không phải tội khác, nếu không phải phạm tội đồng loại thì không hoại pháp đã làm. Nếu người phạm tội Chúng giáo thứ nhất che giấu một đêm, cho đến phạm cả mười ba pháp Tăng già bà thi sa che giấu mười ba ngày, muốn phát lồ phải dựa trên tâm mãnh liệt; nếu người có phiền não nặng thì nên cho hành biệt trụ và Ý hỉ trước, người bị trị phạt phải thuận hành theo những hành pháp đã có như không được thọ thiện Bí- sô kính lễ, cũng không được ngồi chung tòa, cùng đi ngang hàng, phải đi sau; không được cho người xuất gia thọ Cận viên, không được làm y chỉ, không được chứa nuôi Cầu tịch, không được thọ sai làm người giáo thọ ni chúng... Phải làm những việc như mở cửa, đốt đèn, quét dọn trong chùa và trong nhà vệ sinh cho sạch sẽ...; khi lễ Phật thì phải đứng dưới tất cả Cận viên, phải thu dọn ngọa cụ của Tăng và của các Thượng tòa... Khi hành pháp này không được ở chung với người đang hành biệt trụ, Ý hỉ hay người thọ học; không được ở trong chùa không có người, cũng không được ở trong chùa chỉ có hai, ba người; nên ở chung với bốn người thanh tịnh đồng kiến mà hành pháp này. Khi đang hành pháp nếu nghe có

người đấu tranh sắp đến trú xứ này, nên đối trước một thiện Bí-sô xả hành pháp này, đợi khi người đấu tranh kia bỏ đi mới đến chỗ thiện Bí-sô thọ lại hành pháp. Nếu chưa hành biệt trụ mà cho hành Ý hỉ, hoặc hành biệt trụ mà không hành ý hỉ thì Tăng không nên cho xuất tội, nếu khéo hành cả hai pháp mới cho xuất tội. Có sáu hạng Bí-sô nếu phạm tội Chúng giáo được đối trước một Bí-sô sám hối trừ tội liền được thanh tịnh:

1. Là Bí-sô trì hết kinh tạng.

2. Là Bí-sô trì hết luật tạng.

3. Là Bí-sô trì hết luận tạng.

4. Là Bí-sô có tánh hổ thẹn, nếu phát lồ tội và phải hành pháp trị phạt thì sẽ hổ thẹn mà chết.

5. Là Thượng tòa lớn tuổi hạ nhất trong chúng.

6. Là Bí-sô có phước đức lớn.

Sở dĩ sáu hạng Bí-sô này cho dễ dàng được sám hối trừ tội vì tội diệt do tâm, không do nơi trị phạt; nếu đối với tội đã phạm, quyết tâm đoạn trừ thề không tái phạm thì tội liền tiêu diệt. Lại nữa, các bậc Thượng tòa kỳ đức thọ trì ba tạng nếu hành pháp trị phạt mà người khác thấy được sẽ chê bai, mất lòng tín kính nên Phật khai cho được đối trước một thiện Bí-sô sám hối trừ diệt.

-oOo-

# CĂN BẢN TÁT BÀ ĐA BỘ LUẬT NHIẾP

## QUYỂN 5

### *III. HAI PHÁP BẤT ĐỊNH:*

Nhiếp tụng:

*Nếu ở chỗ che khuất*
*Chỗ có thể hành dâm*
*Và chỗ không che khuất*
*Không có người thứ ba.*

Phật tại vườn Cấp-cô-độc, rừng Thệ đa, thành Thất-la-phiệt, lúc đó Bí-sô Ô-đà-di ngồi kề sát người nữ tên Cấp đa ở chỗ khuất mà nói pháp. Ô-ba-tư-ca Tỳ-xá-khư thấy việc này rồi, trong lòng không nhẫn chịu được liền đến bạch Phật, Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu Bí-sô một mình cùng người nữ ngồi ở chỗ khuất, ở bên trong có thể hành dâm; nếu Ô-ba-tư-ca đáng tin nói Bí-sô này ở trong ba pháp hoặc là Ba la thị ca hoặc là Tăng già bà thi sa hoặc là Ba-dật-đề, tùy nói một việc nào; nếu Bí-sô này tự nói là tôi có ngồi ở chỗ như thế, thì trong ba pháp tùy Bí-sô nói là pháp gì, Tăng nên trị phạt tội đó hoặc là Ba la thị ca hoặc là Tăng già bà thi sa hoặc là

Ba-dật-đề; hoặc tùy Ô- ba-tư-ca đáng tin nói là việc gì thì Tăng nên trị phạt tội đó. Đây là pháp bất định thứ nhất.

Trong pháp này có bốn việc là sự, xứ, tình và chứng làm thể. Nói sự là Bí-sô ngồi một mình với người nữ, nói xứ là ngồi ở chỗ khuất, nói tình là có thể cùng hành dâm, nói chứng là Ô-ba-tư-ca chánh tín tùy nói phạm một pháp trong ba pháp.

Bí-sô là người đã thọ Cận viên, trong giới này là người có tâm dục nhiễm hiện tiền; nói một mình là không có Bí-sô hay người nam nào khác, cũng không có Bí-sô ni hay người nữ nào khác; nói người nữ là chỉ cho người có thể làm việc dâm; nói chỗ khuất là chỗ có ngăn che có thể cùng hành dâm, trong phạm vi một tầm ngồi cạnh nhau cho đến nằm chung, hai thân xúc chạm.

Ô-ba-tư-ca chánh tín là chỉ cho người đã Kiến đế, tuy chưa Kiến đế nhưng nếu là hàng Dị sanh trung tín, lời nói đi đôi với việc làm thì Tăng nên tin lời người này, tùy nói Bí-sô phạm một pháp nào trong ba pháp Ba la thị ca, Tăng già bà thi sa và Ba-dật-đề mà trị phát Bí-sô ấy.

Bí-sô tự nói là như thật nói ra việc đã làm hoặc là Thô tội hoặc là tội Ác tác; sở dĩ nói là bất định là vì thể của tội này không có tướng xác định mà bao gồm nhiều tội.

Tướng phạm trong đây: tùy Bí-sô kia tự nói tội

ra mà xử trị, nếu không tự nói thì Tăng nên bạch tứ yết ma cho cầu tự tánh tội, khi Tăng đã tác pháp rồi thì người bị trị phạt phải thuận hành theo những hành pháp đã có như không được cho người xuất gia thọ Cận viên, không được làm y chỉ, không được chứa nuôi Cầu tịch, không được thọ sai làm người giáo thọ ni chúng...; nếu không tuân hành theo thì phạm tội Ác tác. Tăng cũng nên hỏi Ô-ba-tư-ca kia: Bí-sô ngồi chung với người nữ có hình dáng, tướng mạo như thế nào và ở nơi đâu...; nếu có người thứ hai nhìn thấy việc này cũng nên hỏi như thế, nếu cả hai nói tương đương thì như lời của hai người nói mà trị phạt Bí-sô; nếu cả hai nói không tương đương thì nên theo lời Bí-sô tự nói mà xử trị.

Trong pháp bất định thứ hai khác với pháp thứ nhất ở chỗ là duyên khởi ở thành Vương xá, Bí-sô Thất lợi ca ngồi chung một chỗ với người nữ tên Tô đỗ đà. Ô-ba-tư-ca Ô Bao-sái-đà thấy và nói là ngồi ở chỗ không có che khuất, không thể cùng hành dâm nên không thể phạm tội Ba la thị ca. Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu Bí-sô một mình cùng người nữ ngồi chỗ trống vắng là chỗ không thể hành dâm. Nếu có Ô-ba-tư-ca đáng tin nói Bí-sô ở trong hai pháp hoặc Tăng già bà thi sa hoặc Ba-dật-đề, tùy nói một việc nào; nếu Bí-sô này tự nói là tôi có ngồi chỗ đó thì theo lời nói đó mà trị hoặc Tăng già bà thi sa hoặc

Ba-dật-đề; hoặc theo lời của Ô-ba-tư-ca đáng tin nói mà trị. Đây là pháp Bất định thứ hai.

Các Đại đức, tôi đã nói xong hai pháp Bất định, nay xin hỏi các Đại đức, trong đây có thanh tịnh không? (3 lần). Các Đại đức, trong đây thanh tịnh vì im lặng. Việc này xin nhớ giữ như vậy.

## *IV. BA MƯƠI PHÁP NI TÁT KỲ BA DẬT ĐỀ:*

Nhiếp tụng thứ nhất:

*Giữ, lìa, chứa, giặt y,*
*Lấy y, xin, thọ quá,*
*Đồng giá và khác chủ,*
*Sai sứ đưa giá y.*

### 1. Y dư không phân biệt:

Phật tại vườn Cấp-cô-độc, thành Thất-la-phiệt, lúc đó các Bí-sô do chứa nhiều y nên phế bỏ việc tu phẩm thiện, Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu Bí-sô đã may y xong, thời y Yết-sỉ-na đã hết, được cất chứa y dư cho đến mười ngày, nếu chứa quá mười ngày mà không làm pháp phân biệt thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

Nói may y đã xong là do đại y vương Thị phược ca cúng y cho Tăng nên Phật cho các Bí-sô cất chứa y, lúc đó Phật suy nghĩ: "thân ta mềm mại chỉ cất chứa ba y mà vẫn chống đỡ được trời lạnh, huống chi các Bí-sô thân cường tráng, cất chứa ba

y lại không chống đỡ được khí lạnh hay sao". Do nghĩ như thế nên Phật chế các Bí-sô chỉ được thọ trì ba y, không được chứa dư; tuy vậy Phật vẫn khai cho cất chứa mười loại y, ngoài mười loại y này ra, các loại khác không như pháp thì không được cất chứa, đó là loại vải gai trắng, vải gai đỏ, Sô ma, Súy di la, Khâm bà la, Kiếp bối, Kiều thi da.... Nếu lộ hình hay bện tóc là hình nghi của ngoại đạo, không phải hình nghi của người xuất gia, ai làm theo thì phạm Thô tội; nếu mặc y phục của ngoại đạo thì phạm tội Ác tác. Nếu mặc y phục của người thế tục hay làm theo hình nghi của Bà-la-môn thì phạm tội Ác tác.

Tùy trường hợp thọ dụng ba y có sai khác, như khi làm việc ở trong chùa thì nên mặc y năm điều; nếu khi làm lễ hay thọ thực thì nên mặc y bảy điều; nếu vào tụ lạc khất thực hay vì chống rét lạnh thì nên mặc đại y. Trong ba y, hai y sau nên cắt rọc, nếu là người nghèo thì y sau nên cắt rọc để mặc khi vào tụ lạc. Vì sao không mặc y cắt rọc thì không được vào tụ lạc, vì y của Bí-sô khác với y phục thế tục ở hai điều: màu sắc và kiểu mẫu. Y phục của người tục toàn trắng và không cắt rọc, còn y phục của người xuất gia là hoại sắc và cắt rọc. Nếu được vải mới nên may y Tăng-già-lê và Ni-sư-đàn hai lớp, y Uất Đa-la tăng và y An-đà- hội một lớp; nếu y trước đã may ba lớp thì hai y sau may hai lớp cũng được. Nếu dùng vải chưa làm phân biệt để

may thiếp lên y thì phạm tội Ác tác, đến ngày thứ mười một liền phạm Xả đọa. Nếu suy nghĩ muốn xin thêm vải để may thiếp lên y cho thành nhiều lớp nên tháo bỏ lớp thứ hai thì phạm tội Ác tác, đến ngày thứ mười một liền phạm Xả đọa; nếu suy nghĩ sau khi giặt nhuộm xong sẽ đem lớp vải tháo ra này may thiếp lên y tài này lại như cũ thì không phạm, nhưng đến ngày thứ mười một mà không may thiếp lên lại thì phạm Xả đọa. Nếu được vải cũ thì nên may y Tăng-già-lê và Ni-sư-đàn bốn lớp, y Uất Đa-la tăng và y An-đà- hội hai lớp; nếu là y phấn tảo hay y cũ rách thì được may nhiều lớp.

Cách thức may số điều và đàn cách của y: y An-đà-hội có một đàn cách dài và một đàn cách ngắn, y Uất Đa-la tăng có hai đàn cách dài và một đàn cách ngắn, đối với hai loại y này, nếu là người nghèo y tài không đủ để may cắt rọc thì Phật khai cho may thiếp lá, nếu tâm nghĩ là sau sẽ cắt rọc thì dù là y man điều cũng được thọ trì. Y Tăng-già-lê có chín loại đó là y 9 điều, 11 điều, 13 điều, 15 điều, 17 điều, 19 điều, 21 điều, 23 điều và 25 điều. Này ô Ba Ly, ba loại y thứ nhất có hai đàn cách dài, một đàn cách ngắn; ba loại y kế có ba đàn cách dài, một đàn cách ngắn; ba loại y sau cùng có bốn đàn cách dài, một đàn cách ngắn, nên may nên thọ trì, quá điều lượng này thành phá nạp. Y Tăng già chi có ba phẩm thượng trung và hạ, phẩm thượng bề đứng ba khuỷu tay, bề ngang năm khuỷu tay;

phẩm hạ bề đứng hai khuỷu tay rưỡi, bề ngang bốn khuỷu tay rưỡi; ở giữa hai phẩm trên là phẩm trung. Y Ốt đát la tăng già và y An đát bà ta cũng có ba phẩm thượng trung hạ như Tăng già chi. Có hai loại An đát bà ta: một là bề đứng hai khuỷu tay, bề ngang năm khuỷu tay; hai là bề đứng hai khuỷu tay, bề ngang bốn khuỷu tay. Y trùm ba luân là lượng y nhỏ nhất để thọ trì, nếu người có thân to lớn mà khuỷu tay ngắn thì nên theo kích lượng của thân mà may y, ngoài trường hợp này ra, nếu may y quá lượng hay không đủ lương như đã chế định thì phạm tội Ác tác.

Cách thức giặt y: Bí-sô không nên bảo người giặt y thuê cho đến những nhà chuyên giặt y để giặt y, vì sợ làm hoại y. Bí-sô nên tự giặt y của mình, cho nước tro (xà bông) vào chậu giặt rồi dùng tay hay chân vò đạp từ từ và tẩy những chỗ dính dơ.

Cách nhuộm y: trước tiên lấy vỏ cây nhuộm đập nát rồi phơi khô, sau đó nấu thành ba lần nước nhuộm đựng trong ba chấu khác nhau. Khi sắp nhuộm nên cho ít nước nhuộm vào chậu rồi mới bỏ y vào từ từ để thử xem màu nhuộm như thế nào, không nên bỏ tất cả y vào một lượt, cũng không được vắt mạnh làm cho y tổn hoại, vắt xong nên rủ nhẹ vài lần rồi đem phơi.

Cách phơi y: khi phơi nên đưa thành viền của y lên trên rồi dùng dây cột hay dùng kẹp kẹp lại, nếu nước nhuộm đọng ở thành viền của y thì nên

lật ngược lên, chớ để cho nhỏ giọt xuống và nên thường xuyên trông chừng. Nếu y quá nặng nên phơi trên cây khô và nên thường lật trở cho mau khô; nếu nhuộm y mới nên dùng nước nhuộm mới và phơi dưới ánh mặt trời; nếu là y cũ nhuộm lại thì dùng nước nhuộm cũ và phơi nơi thoáng mát. Đợi y khô rưới lên ít nước thấm đều cho y mềm và cũng để cho màu nhuộm được tươi, không phai. Ở trong chùa nhuộm y nếu làm dơ đất thì nên quét dọn sạch sẽ.

Cách cắt may y: nên cắt rọc và may y theo hình thửa ruộng, lá y day về hai bên, không nên chỉ day về một bên. Lá y có ba bậc thượng trung và hạ, lá y thượng rộng bốn lóng tay may như chân chim, lá y hạ chừng hai lóng tay, giữa hai lượng này là lá y trung. Cắt may đàn cách ngắn nên bằng phân nữa của đàn cách dài và day về phía đàn cách dài, sau khi may xong một điều nên xem đường chìm, đường nổi của y sao cho tương xứng nhau, nếu may khác là phi pháp. Thành viền bốn phía của y nên may hơi hẹp, cách thành viền bốn lóng tay ngay chỗ cạnh vai nên đặt cái bàn bà may thành ba lớp, trên đó làm dây khuy hay tra nút, nút có thể lớn như hạt Anh áo hoặc như hạt Quỳ hoặc như hạt Đường lê. Có năm loại không nên cắt rọc, đó là mền nệm, cao nhiếp bà, mền lông, mền dày và vải bá nạp (tấm vải may thành từ vải vụn). Nếu muốn cắt rọc y nên trải chiếu ở dưới đất, nếu không có

chiếu nên rưới quét đất cho sạch rồi mới trải vài trên đất để cắt.

Có năm loại y: một là y có thí chủ (biết thí chủ cúng), hai là y không thí chủ (không biết thí chủ cúng là ai), ba là y vãng hoàn (y liệm người chết, người nhà lấy về mang đến cúng chùa ), bốn là y Thâm ma xá na (y vất bỏ trong Thi lâm), năm là y phấn tảo. Có năm loại y phấn tảo: một là y vất bỏ trên đường, hai là y vất bỏ ở bờ sông, ba là y vất bỏ nơi đồng hoang, bốn là y vất bỏ nơi đống phân và năm là y cũ rách. Lại có năm loại y phấn tảo: một là y bị bò nhai, hai là y bị chuột gặm, ba là y bị kiến đục, bốn là y bị cháy, năm là y của phụ nữ mới sanh vất bỏ. Do thể và xuất xứ của y phấn tảo này sai khác nên phân có mười loại như vậy, nói chung có bảy loại y là y lông, y sô ma, y Xa-nạch-ca, y Yết bá tử ca, y Độc cô lạc ca, y Cao thêm bạc ca và y A bàn lan đắc gia.

Cách duỗi và trương y Yết-sỉ-na:

Vào ngày 14 tháng 8, Bí-sô thọ sự bạch Tăng: "các Đại đức, ngày mai chúng tăng hòa hợp cùng trương y Yết-sỉ-na", sáng ngày 15 chúng tăng hoà hợp nhóm tác bạch nhị yết ma sai người có đủ năm đức làm người trương y Yết-sỉ-na rồi bạch nhị giao y cho vị này, vị này thọ y rồi cùng các Bí-sô giặt nhuộm cho đến cắt may y tài này, cho đến chỉ may ba mũi kim cũng phải cùng làm. Người may y nên khởi ba tâm: "y này ta và Tăng sẽ trương (đang

trương và đã trương) làm y Yết-sỉ-na", trong ba tâm này, chỉ cần làm theo hai tâm sau thì cũng thành tác pháp, nếu không khởi ba tâm này thì phạm tội Ác tác; nếu người an cư chỗ khác đến trú xứ này làm người trương y thì cũng thành trương y. Vào ngày 15, người trương y nên bạch chúng tăng: "ngày mai tôi sẽ vì Tăng trương y Yết-sỉ-na, các Đại đức nên xả ba y củ mình rồi mang đến trong Tăng". Sáng hôm sau, vị trương y để y Yết-sỉ-na trên cái mâm sạch rồi dùng hương bột và các loại hoa thơm cúng dường, mang đến trước vị Thượng tòa thủ chúng bạch:

Đại đức tăng lắng nghe, y này Tăng đã chấp thuận trương làm y Yết-sỉ-na, Tăng đã sai tôi là Bí-sô _____ làm người trương y Yết- sỉ-na, nay tôi đem y này vì Tăng trương làm y Yết-sỉ-na. Bạch như vậy (ba lần).

Bạch rồi liền ở trước Thượng tòa duỗi trương y ra, Thượng tòa nói: "lành thay trương y, trong đây có lợi dưỡng cho đến có lợi ích gì, tôi đều sẽ được thọ", làm như vậy cho đến người cuối cùng. Người trương y không được mang y Yết-sỉ-na đến trong nhà xí, nhà bếp và cũng không được mang y ra khỏi giới, nếu có duyên sự cần đi cũng không được ở qua đêm. Nếu Tăng bị phá thì chúng như pháp nên trương y, nếu cả hai chúng đều cùng trương y thì những lợi dưỡng có được, chúng như pháp đều được thọ. Nếu trong hạ an cư được nhiều y tài, nên

chọn lấy một y để làm y Yết-sỉ-na, những y còn lại tùy ý chia. Y được chọn làm y Yết- sỉ-na phải là y mới đã giặt nhuộm, chưa từng đắp mặc và cũng không phải là y cấp thí, tùy trong ba y phải may thành một y, nếu may chưa xong thì không cho duỗi trương làm y Yết-sỉ-na. Y như pháp đúng lượng là dài năm khuỷu tay, nếu thể y thưa mỏng hoặc thuộc loại y vãng hoàn hoặc y Man điều thiếp lá, hoặc đã từng mặc rồi hoặc là y phạm Xả đọa hoặc là cũ rách thì không được trương làm y Yết-sỉ-na. Nếu vào ngày 15 được y đã may xong cũng được lấy làm y Yết-sỉ-na, những người cùng ở trong giới và là thiện Bí-sô đều được cùng trương y Yết-sỉ-na. Có mười hạng người không cho đồng thọ y Yết-sỉ-na: một là người chưa có tuổi hạ, hai là người phá hạ, ba là người hậu an cư, bốn là người an cư ở trú xứ khác, năm là người vắng mặt trong lúc trương y, sáu là người đang hành biệt trụ, bảy là người đã hành biệt trụ xong, tám là người đang hành ý hỉ, chín là người đã hành Ý hỉ xong, mười là người thọ học. Lại có năm hạng người không được thọ lợi dưỡng và các lợi ích, đó là ba hạng người bị xả trí, người an cư ở trú xứ khác và bạn đảng trợ giúp phá tăng. Thọ y Yết-sỉ-na có mười lợi ích:

1. Là được chứa y dư quá mười ngày.
2. Là được chứa y dư hơn một tháng.
3. Là được lìa y ngủ đêm.

4. Là được mặc hay y thượng hạ tùy ý du hành.

5. Là được chứa nhiều ba y.

6. Là được ăn riêng chúng.

7. Là được thường thường ăn.

8. Là không thọ thỉnh, được tự đến thọ thực.

9. Là được phi thời vào tụ lạc mà không cần dặn lại.

10. Là được tùy ý đến nhà học gia đắc pháp thọ thực.

Xuất y Yết-sỉ-na: đến ngày 15 tháng giêng, người trương y nên bạch chúng tăng: "các Đại đức, ngày mai Tăng cùng xuất y Yết-sỉ-na, mọi người phải thủ trì y của mình", sáng hôm sau, Tăng nhóm hòa hợp bạch nhị xuất y; nếu nghe có giặc đến sợ bị cướp nên tuy chưa đến giờ cũng được xuất y, nếu có lợi vật cũng cùng chia luôn. Có tám trường hợp xuất y Yết-sỉ-na như nhiếp tụng nói:

Quyết đi không nhất định, Quyết định đi, mất y, Nghe xuất, xuất giới, nghi, Mong dứt, đồng tâm xuất.

Quyết đi không nhất định: như có Bí-sô không thích ở trú xứ này, muốn đi đến nơi khác, không định trở lại nhưng ý quyết ra khỏi giới là không nhất định.

Quyết định đi: như có Bí-sô ra ngoài giới xin y, chưa may hoặc may được phân nửa, đối với lợi vật cho đến trú xứ có tâm muốn trở lại hoặc không

muốn trở lại, hoặc muốn hoặc không muốn hoặc muốn trở lại may y tiếp, hoặc khởi nghi niệm nhưng quyết ý đi thì liền mất y.

Mất y: khác với trường hợp trên ở chỗ bỏ đi không muốn trở lại, cũng không muốn may y tiếp nữa thì liền mất y.

Nghe xuất: như có Bí-sô ra ngoài giới may y, vừa may liền nghe xuất y, lúc đó liền mất y.

Xuất giới: như có Bí-sô ra ngoài giới xin y, từ xa nghe đại chúng xuất y, sanh tâm tùy hỉ liền mất y.

Nghi: như có Bí-sô suy nghĩ: "nếu y may không xong sẽ trở lại hoặc không trở lại", nghĩ rồi bỏ đi, ra khỏi giới liền mất y.

Mong dứt: như có Bí-sô bổn tâm ra ngoài giới rồi sẽ trở lại, nhưng khi đến trú xứ kia không xin được y, dứt hy vọng liền mất y.

Đồng tâm xuất y: như có Bí-sô ra ngoài giới xin y, sau đó trở lại trong giới cùng chúng tăng xuất y.

Nếu Tăng bị phá thì bộ chúng nào trương y nên trở về bộ chúng ấy để hòa hợp xuất y, bộ chúng nào trương y thì được lợi ích trong năm tháng, bộ chúng nào không trương y thì chỉ được lợi ích trong một tháng.

Đứng trên nghĩa chắc thật và tinh diệu mà có tên gọi là Yết-sỉ-na, do đại chúng thọ y nên y có công năng gánh vác khiến không trái phạm nên có

nghĩa là chắc thật và do thể của y này tinh diệu.

Nói y dư là ngoài ba y thọ trì, những y khác đều gọi là y dư, nhưng nếu thể của các y dư này là thanh tịnh như pháp thì khai cho làm phân biệt để cất chứa thọ dụng. Bí-sô được cất chứa mười ba tư cụ y: một là Tăng-già-lê, hai là Uất Đa-la tăng, ba là An-đà-hội, bốn là Ni-sư-đàn, năm là quần, sáu là phó quần (quần thứ hai để thay đổi), bảy là Tăng khước kỳ, tám là phó Tăng khước kỳ (cái thứ hai để thay đổi), chín là khăn lau mặt, mười là khăn lau mình, mười một vải băng bó ghẻ (vết thương), mười hai là khăn cạo tóc, mười ba là vải đổi thuốc. Đối với mười ba tư cụ y này, Bí-sô nên thọ trì từng loại, nên đối trước một Bí-sô nói tên ra để tác pháp thọ trì, như y Tăng-già-lê nên nói như sau:

Đại đức nhớ nghĩ, tôi là Bí-sô _____ , y Tăng-già-lê này từ nay tôi xin thọ trì, đã cắt rọc thành y là vật mà tôi thọ dụng (ba lần)

Những y khác đều dựa theo đây mà tác pháp thọ trì, nếu là y tài chưa giặt nhuộm, chưa cắt rọc may thành y, tạm thời sung vào số ba y để thọ trì thì nên bạch như sau:

Đại đức nhớ nghĩ, tôi là Bí-sô _____ , y tài này nay tôi xin thọ trì, sẽ cắt rọc may thành y Tăng-già-lê chín điều, hai đàn cách dài, một đàn cách ngắn, là y tôi thọ dụng (ba lần).

Nếu có duyên sự phải xả ba y, nên đối trước

một Bí-sô bạch như sau:

Đại đức nhớ nghĩ, tôi là Bí-sô _____ , y Tăng-già-lê này trước đã thọ trì nay xin xả (ba lần).

Hai y kia cũng nói như vậy, nếu là tấm giạ lông dài hay lớn nặng thì không được thọ trì, nhưng nếu khởi tâm ký gởi cho người khác thì có thể thọ dụng, nên tâm nghĩ miệng nói như sau: "đây là vật của thí chủ tên _____ , tôi cất giữ giùm và thọ dụng", không cần làm phân biệt, vì Phật khai cho cất chứa để ngăn lạnh rét; nếu để ngăn nóng, Phật khai cho cất chứa các loại y vật thưa mỏng tùy thời thọ dụng.

Cách may đãy y: chiều dài ba khuỷu tay, chiều rộng một khuỷu tay rưỡi, gấp chiều dài làm hai lớp may đính hai đầu, chừa miệng đãy ở giữa, để y bên trong; nơi miệng đãy y nên may thêm dây kéo để côn trùng không chui vào bên trong. Khi để y nên để theo thứ tự ba y ở trên các y vật khác, nên giữ ba y như giữ da trên thân: một là khiến thí chủ được thêm phước, hai là khiến người thọ dụng không bị thiếu thốn.

Cách may áo gối: chiều dài bốn khuỷu tay, chiều rộng hai khuỷu tay gấp lại may dính, chừa một khoảng để dồn bông hay lông dê vào bên trong rồi mới may dính lại, khi nằm dùng để gối đầu.

Cách may mùng: chu vi mười hai khuỷu tay, bên trên có nóc, tùy thân hình lớn nhỏ hay cao thấp

mà bốn góc dựng bốn cây cột rồi dùng dây cột vào.

Mỗi người chỉ được chứa ba y, những y dư khác đã may thành hay chưa may thành đều phải làm phân biệt, nên bạch với Thân giáo sư và Quỹ phạm sư rồi đến trước người đồng phạm hạnh, hoặc người trì giới đa văn có đức hạnh để tác pháp ký gởi phân biệt thọ trì như sau:

Đại đức nhớ nghĩ, tôi Bí-sô tên _____ có y dư này chưa tác pháp phân biệt, nay đối trước Đại đức phân biệt để thọ trì. (ba lần).

Nếu người ký gởi đang ở nơi xa, từ xa làm pháp ký gởi cũng không phạm, khi làm pháp phân biệt không nên đối trước người ký gởi mà nên đối trước một người khác, người ký gởi cũng không nên lấy y vật làm phân biệt của người kia, vì tác pháp ký gởi này không phải là thật thí. Nếu người ký gởi qua đời, Bí-sô nếu chưa nghe tin thì pháp làm phân biệt vẫn thành, nhưng khi nghe tin rồi thì phải nói tên người khác làm người ký gởi mà không phải nói cho người đó biết. Sở dĩ Phật khai cho làm pháp phân biệt là để ngăn hai lỗi: một là được cất chứa y dư mà không phạm, hai là không bị thiếu thốn; nhưng người cất chứa y dư nên biết năm điều: một là biết hạng người nào được cất chứa, hai là biết thọ từ đâu, ba là biết tránh điều gì và nên làm điều gì, bốn là biết xả bỏ, năm là biết thọ dụng.

Hạng người được cất chứa y dư: là người ít tài

lợi hoặc bẩm tánh ưa thích hoặc theo ý thích mà từ cõi trời đọa xuống nhân gian, hoặc thân có bịnh khổ, dơ bẩn, nhiều rận hoặc ở chỗ quá nóng hay quá lạnh, hoặc là người trông coi việc xây cất. Do những người này có thể nhiếp niệm nên Phật khai cho cất chứa y dư.

Thọ từ đâu: từ người xuất gia hay từ tại gia, nhưng nếu đó là người nghèo khổ, tuy họ có tâm bố thí thì Bí-sô cũng không nên đến xin, dù họ mang đến cúng cũng không nên thọ, vì sợ họ bị thiếu thốn khổ sở; cũng không thọ từ người điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại, cho đến những hạng người như giặc cướp, đồ tễ, Chiên-đà-la... mang đến cúng cũng không nên thọ. Nhưng Bí-sô được thọ những loại y vật nào: nếu là Giạ lông quý giá, y lông cừu cho đến y vật làm bằng da thú thì không nên thọ. Tuy nhiên Phật khai cho các Bí-sô ở nơi biên địa được mang giày da một lớp, gọi biên địa là từ phía Đông trở ra đến rừng Bôn đồ, phía Tây trở ra đến thôn Nhị tốt thổ nô, phía Nam trở ra đến sông Nhiếp phạt la phạt để, phía Bắc trở ra đến núi Ốt thi la, như nhiếp tụng:

Đông đến rừng Bôn đồ, Tây. thôn Nhị thổ nô,
Nam đến sông Phạt để, Bắc. núi Ốt thi la.

Nếu thợ săn cúng da gấu thì thọ không phạm, dùng làm tọa cụ hay vật lau chân có thể trị được bịnh Trĩ và làm cho mắt sáng. Nếu đến trong nhà cư sĩ, có thể ngồi trên ngọa cụ bằng da nhưng chỉ

được ngồi không được nằm, vì muốn làm lợi ích cho thí chủ. Đầu tiên Phật vì Bí-sô Ức nhĩ mà khai cho người ở Trung phương được mang giày da một lớp, sau đó vì Bí-sô Mạc ha la nên Phật chế ngăn lại, nhưng sau đó khai cho dùng trở lại. Nếu là giày da nhiều lớp thì nên nhờ người tục mang đi vài bước rồi mới thọ dụng, nhưng nếu là loại giày có đế khi đi phát ra tiếng hoặc có kiểu dáng như sừng dê hoặc có thêu hoa văn nhiều màu sắc thì dứt khoát không được dùng. Giày làm bằng da gân của năm loại thú như voi, ngựa, sư tử, hổ và báo cũng không được dùng. Nếu là nơi lạnh rét, nước ở đó đóng băng thì Bí-sô được mang giày ủng, mang bao tay... để chống rét. Nếu ở trong chùa, khi vào nhà xí được mang guốc gỗ nhưng giày đan bằng cỏ gai... thì không nên mang; nếu Bí-sô có bịnh máu nóng nơi chân thì được mang giày cỏ. Nếu Bí-sô có thể tự may vá giày thì nên làm ở chỗ khuất, chớ để người tục thấy, được cất chứa các dụng cụ như dùi, dao... không phạm.

Tránh điều gì và nên làm điều gì: phải cẩn thận giữ gìn ba y và các y vật khác, không nên để ở những nơi có trùng kiến đục khoét hay có chuột gặm, hoặc đất sạt lở, nước thấm làm tổn hoại. Nếu Bí-sô ở nơi A-lan-nhã thì không nên cất chứa y vật quý giá, nên ký gởi ở trong thôn; cũng không nên ngủ nghỉ ở nơi không có Bí-sô và không có cửa nẻo, khi đi du hành phải mang theo đại y, nhưng

có năm trường hợp có thể không mang theo đại y: một là đến chỗ có Bí-sô ở và có cửa nẻo, hai là nghi sẽ có mưa lớn, ba là phải lội qua sông suối, bốn là trong thời thọ y Yết-sỉ-na, năm là được Tăng tác pháp cho lìa y. Khi mặc đại y nên tránh ngồi chỗ đất cứng, thô rít..., nên trải tọa cụ rồi mới ngồi; khi du hành gặp gai góc nên vén y lên đi, đừng để rủ xuống bị gai móc rách; nếu y bị rách nên vá khâu lại, dơ nên giặt; nếu nên giặt, nhuộm, may vá mà không giặt nhuộm hay may vá thì phạm tội Ác tác. Khi làm việc nhọc không nên mặc y Tăng-già-lê, khi đi đường cũng không được dùng lót ngồi hay trải nằm; nếu không có vật khác thì dùng để lót ngồi nằm cũng không phạm, nhưng khi nằm phải thức nhiều ngủ ít, cũng không nên bạ đâu nằm đó tùy tiện...

Biết xả bỏ: nếu người có bẩm tánh ưa phục sức nên chứa nhiều y thì nên xả bỏ để đối trị tham dục, nên mặc y phấn tảo. Người mặc y phấn tảo và người thường ở nơi Thi lâm thì không nên thọ y vật quý giá của Tăng như nệm lông, Giạ lông quý giá. Người mặc y của tử thi ở nơi Thi lâm thì không nên vào trong chùa lễ tháp, nếu muốn lễ tháp phải cách xa khoảng một tầm, cũng không được ngồi trên ngọa cụ của Tăng, không được vào trong chúng và cũng không được thuyết pháp cho cư sĩ. Nếu có việc phải đến nhà cư sĩ thì nên đứng ngoài cửa, nếu chủ nhà mời vào thì nên vào nhưng không

nên ngồi.

Biết thọ dụng: khi cất chứa y vật thọ dụng nên khởi niệm: "y vật này do thí chủ cúng, cất chứa thọ dụng là để hộ thân và làm trợ duyên cho việc tu phẩm thiện, vì lợi mình lợi người mà thọ dụng", nếu không khởi niệm như vậy mà cất chứa thọ dụng thì phạm tội Ác tác.

Tướng phạm trong đây là được cất chứa y dư trong mười ngày không phạm, nếu không làm phân biệt thì qua đến ngày thứ mười một, khi mặt trời mọc liền phạm Xả đọa; Xả đọa là y này nên xả, tội này nên sám. Nếu từ ngày mồng một được một y hay nhiều y, trong vòng mười ngày nên làm pháp phân biệt, nên thủ trì hay nên xả; nếu không làm như thế thì đến ngày thứ mười một, khi mặt trời mọc liền phạm Xả đọa. Nếu vào ngày mồng một được y, ngày mồng hai lại được y, cho đến ngày mồng mười cũng được y; y được trong ngày mồng một và những ngày tiếp sau đó nếu không làm phân biệt thì qua ngày thứ mười một liền phạm Xả đọa, vì y được trong ngày trước tương tục lây nhiễm nên phạm; y phạm Xả đọa có kích thước nhỏ nhất là dài rộng một khuỷu tay.

Nếu đã làm phân biệt, tưởng chưa làm phân biệt thì chỉ phạm Đọa, vì không có vật cần xả; nếu vì Tam bảo cất y thì không phạm. Nếu khi thí chủ cúng y nói rằng: "đây là vật của tôi, thầy hãy thọ dụng", thì tuy không làm pháp phân biệt, thọ dụng

không phạm. Nếu khởi niệm: "y này đến ngày _____ , tôi sẽ làm pháp phân biệt, hoặc đến ngày thứ mười sẽ làm pháp phân biệt", thì trong khoảng mười ngày đó cất chứa không phạm. Nếu không khởi niệm này thì mỗi ngày trôi qua đều phạm tội Ác tác, không nhớ thì không phạm. Nếu người nhiều tham nhiễm trói buộc, hoặc vì ngu si, hôn trầm, phóng dật mà không lam pháp phân biệt thì phạm bổn tội. Nếu y phạm Xả đọa là loại bị trùng cắn, kiến đục, chuột gặm... thì chỉ cần sám tội, không cần xả vật; nếu cất chứa trong mười ngày mà y bị tổn thất thì không phạm. Nếu cất chứa y được năm ngày bỗng điên cuồng thì sau khi trở lại được bổn tâm, khai cho cất chứa thêm năm ngày nữa; những nghĩa thông bít khác tùy việc suy ra nên biết.

**2. Lìa y ngủ đêm:**

Phật tại vườn Cấp-cô-độc, thành Thất-la-phiệt, lúc đó có Bí-sô gởi y cho người rồi mặc hai y thượng hạ du hành trong nhân gian; người nhận y ký gởi phải coi giữ vất vả, Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu Bí-sô đã may y xong, thời y Yết-sỉ-na đã hết, nếu trong ba y, lìa một y nào ra ngoài giới ngủ dù chỉ một đêm thì phạm Ni-tát-kỳ-ba- dật-đề, trừ Tăng yết ma cho.

Lìa một trong ba y này sở dĩ kết phạm là dựa

trên thọ trì rồi mà lìa, những y vật khác tuy đã thọ trì nhưng lìa ngủ đêm lại không phạm. Riêng Ni-sư-đàn nếu không mang theo thì không được ở lại qua đêm nơi chùa khác, nếu có trở duyên không về được, phải ở lại đêm thì nên mượn tạm thọ dụng; nếu ban ngày đến chỗ tịch tĩnh thiền tọa hay đi khất thực, định về trong ngày nhưng không trở về kịp, phải ở lại đến sáng hôm sau thì không phạm. Có ba trường hợp lìa y: một là do chỗ cất, hai là do thất niệm, ba là do thọ dụng.

Do chỗ cất là cất y nơi chỗ có chướng nạn nên không thể đến xem, hoặc do đây y bị thất lạc.

Do thất niệm là không nhớ chỗ đã cất y.

Do thọ dụng là vừa cất y bỗng gặp trở duyên nên không thể thọ dụng.

Trong ba trường hợp này tuy lìa y nhưng từ lúc lìa y cho đến khi

mặt trời chưa mọc mà trở về kịp bên y thì không phạm. Nói trừ Tăng tác pháp cho lìa y là như trường hợp tôn giả Xá-lợi-phất và Đại Ca-diếp; hoặc người già bịnh không đủ sức mang theo, xả bỏ thì không phạm.

Về chỗ phạm bao gồm một thôn nhà, tức là người ở núi rừng cùng xây một dãy nhà ở chung, trong ngoài phạm vi của dãy nhà khoảng một tầm là thế phần của nhà; nhiều thôn nhà là nhà xây rải rác ở cách xa nhau nên có thế phần riêng biệt.

Tường vách thôn có thế phần ngang đến chỗ mà sáu con bò kéo xe chở tre quay đầu lại được, hoặc chỗ mà con gà bay đáp xuống; hàng rào thôn có thế phần ngang đến chỗ mà bò dê in dấu chân khi vào thôn, hoặc đến chỗ mà người có hổ thẹn đi đại tiểu tiện. Hào thành thôn có thế phần ngang đến chỗ mà mười hai cái thang bắt ngang được, hoặc chỗ mà khi đổ rác văng tới được. Nếu Bí-sô ở trong thế phần của thôn và y để trong thôn hoặc ngược lại thì không phạm lìa y, nếu khác với đây thì phạm tội lìa y. Lại có trường hợp một thôn có một thế phần như thôn này có một vườn rừng và một nhà để dân chúng tụ họp và một miếu thờ trời; nhiều thôn có một thế phần thì giống như trên. Lại có trường hợp một thôn có nhiều thế phần la chỗ ở chung có nhiều vườn cây và nhiều cửa ngỏ; nhiều thôn có nhiều thế phần thì giống như trên, cho đến mười hai chỗ như nhà, cửa hàng, quán, lầu, sân, sảnh đường, nhà ngoại đạo, nhà kỷ nhạc, xe, thuyền, rừng, cây như trong văn luật có nói rõ. Trong đây nếu nhà chỉ có một chủ hoặc anh em ở chung thì chỉ có một thế phần, khác với đây thì có nhiều thế phần; chỗ cây giao nhau là một thế phần, khác với đây là có nhiều thế phần... Nếu Bí-sô thân ở trong thế phần này, y để trong thế phần khác thì phạm tội lìa y, nếu khi đang kết giới y, thân và y ở hai chỗ khác nhau, hoặc thân ở trên không trung, y ở trong giới thì phạm tội lìa y, nếu không có kết

giới y thì trú xứ của Bí-sô có thế phần ngang tới tường rào, nếu trên đường đi thì thế phần là trong khoảng bốn mươi chín tầm, chỗ ngồi nằm có thế phần là một tầm.

-oOo-

# CĂN BẢN TÁT BÀ ĐA BỘ LUẬT NHIẾP

# QUYỂN 6

**3. Chứa y phi thời một tháng:**

Phật tại vườn Cấp-cô-độc, rừng Thệ đa, thành Thất-la-phiệt, lúc đó các Bí-sô cất chứa y dư phi thời trải qua một tháng hoặc hơn nên phế bỏ chánh nghiệp, Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu Bí-sô đã may y xong, thời y Yết-sỉ-na đã hết, nếu được vải phi thời, Bí-sô cần y thì được tự tay thọ, thọ rồi nên mau may thành y. Nếu đủ vải thì tốt, nếu không đủ mà biết còn có thể được thêm cho đủ thì Bí-sô này được cất chứa trong vòng một tháng để được thêm cho đủ. Nếu cất chứa quá một tháng thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

Nói được vải phi thời là ngoài thời y năm tháng hoặc một tháng ra đều gọi là phi thời; nếu là thời y, được cất chứa y dư không làm phân biệt thì không phạm; nếu là phi thời mà được y, do không đủ vải để may, lại có chỗ mong cầu cho đủ thì được cất chứa trong vòng một tháng để chờ cho đủ.

Nói có chỗ mong cầu cho đủ là từ nơi thân hữu hoặc từ A-giá-lợi- da hoặc gặp đại hội năm năm...;

nếu dứt hy vọng thì chỉ được chứa trong mười ngày, qua ngày thứ mười một phạm Xả đọa; nếu còn hy vọng thì được chứa trong một tháng chờ xin thêm cho đủ, quá một tháng mà không làm phân biệt thì phạm Xả đọa.

**4. Nhờ Bí-sô ni không phải bà con giặt y cũ:**

Phật tại vườn Cấp-cô-độc, thành Thất-la-phiệt, lúc đó Bí-sô Ô- đà-di bị xuất tinh làm dơ quần nên đưa cho Bí-sô ni Cấp đa vốn là vợ cũ trước kia giặt giùm. Bí-sô ni này lấy chất bất tịnh này để vào trong nữ căn và trong miệng nên có thai... như trong quảng luật có nói rõ. Phật nhân việc này chế học xứ: Nếu Bí-sô nhờ Bí-sô ni không phải là bà con giặt, nhuộm, đập y cũ thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

Thân tộc là trong bảy đời từ ông bà cha mẹ trở lại có quan hệ về huyết thống thì gọi là thân tộc, khác với đây thì gọi là không phải thân tộc. Nói y cũ là y đã từng mặc qua và thể của y là đã thọ trì thanh tịnh như pháp thì mới phạm; nếu đối tượng được sai là môn đồ thì không phạm, nếu sai giặt chăn nệm thì phạm tội Ác tác. Nói giặt là ít nhất đem ngâm trong nước, nhuộm là ít nhất nhúng vào trong nước thuốc nhuộm, đập là ít nhất dùng tay đập một cái.

Thật không phải là thân tộc, tưởng không phải

thân tộc và nghi mà sai giặt, nhuộm đập thì phạm Xả đọa; thật là thân tộc, tưởng không phải thân tộc và nghi mà sai giặt nhuộm đập thì phạm tội Ác tác. Nếu khi đưa y cho giặt mà Bí-sô ni chuyển căn hay hoàn tục thì Bí-sô phạm phương tiện tội; không phạm là nhờ Bí-sô ni là bà con hoặc tự giặt.

Về giặt nhuộm đập có bốn trường hợp: không giặt (nhuộm đập), giặt (nhuộm đập) sơ sơ, giặt (nhuộm đập) kỹ và quá kỹ; tùy trường hợp mà phạm có nặng nhẹ sai khác. Nhuộm có hai loại màu sắc phi pháp: một là tám màu sắc chính và hai là màu đỏ đậm hay lợt, như bài tụng:

*Tử khoáng, hồng lam, uất kim hương,*
*Chu sa, xanh đậm và đỏ hồng,*
*Vàng, đan tô là tám sắc chính.*
*Đỏ đậm hay nhạt đều không nhuộm.*

Nếu có thí chủ đem y có màu sắc chính đến cúng, Bí-sô thọ rồi nên nhuộm cho hoại sắc rồi mới mặc, khi mặc y nên xả ba tâm và khởi năm tâm. Nói ba tâm là tâm ưa thích phục sức, tâm khinh tiện thọ dụng (không quý tiếc); tâm cầu danh là như giả dối mặc y cũ rách để người khác biết mình có đức hạnh, mong được danh dự và lợi dưỡng. Vì thế, Bí-sô nên xả ba tâm này, mặc y hoại sắc cốt để che thân, thuận theo lời Phật dạy, siêng tu phẩm thiện. Nói năm tâm là biết lượng, biết gián cách, biết suy xét, biết thời và biết số. Biết lượng là khi thọ dụng y nên biết lượng độ cũ mới mà dùng; biết gián cách

là không nên mặc hoài một y sẽ khiến y hôi và mau rách, nên mặc thay đổi; biết suy xét là nên xét nghĩ đến công lao của người làm ra nó và của thí chủ mang đến cúng là khó được mà nghĩ báo ân, khi thọ dụng chớ làm điều phi pháp; biết thời là tùy thời lạnh nóng mà mặc cho thích hợp, nếu mặc trái thời sẽ tổn mình và người, tổn mình là không lợi cho bản thân, tổn người là phước thí không tăng; biết số là ngoài ba y còn có mười ba tư cụ giúp thân, nếu chứa nhiều sẽ tăng tham nhiễm, phế bỏ chánh nghiệp như nhiếp tụng:

*Biết lượng, biết gián cách,*
*Suy xét và biết thời,*
*Biết số thọ dụng y,*
*Mình người đều được lợi.*

Nếu cần giặt y thì nên tự giặt hoặc bảo môn đồ giặt, hoặc người đáng tin giặt. Giặt y có năm lợi: một là tẩy trừ mùi hôi, hai là rận không sanh, ba là thân không ghẻ ngứa, bốn là giữ màu nhuộm được lâu, năm là thọ dụng được lâu. Mặc y hoại sắc cũng có năm lợi: một là thuận theo hình nghi của Phật, hai là khiến lìa kiêu mạn, ba là không bị trần cấu, bốn là không sanh rận, năm là xúc chạm mềm mại dễ mang theo. Giặt y quá kỹ lại có năm lỗi: một là làm y mau rách, hai là thọ dụng không lâu, ba là không yên tâm, bốn là không lợi ích, năm là chướng ngại tu thiện phẩm. Nhuộm y màu sắc đẹp lại có năm lỗi: một là tăng trưởng kiêu mạn, hai là

khiến người khác tật đố, ba là người khác thấy cho là mình thích đẹp, bốn là khi cần xin y rất khó được, năm là chướng ngại tu phẩm thiện. Nhuộm quá kỹ và đập quá kỹ cũng vậy, đều khiến thọ dụng không lâu; nếu được thí chủ cúng y cực đả ( y dày chắc ) có màu sắc tươi sáng thì nên làm cho hoại sắc rồi mới dùng.

**5. Thọ y từ Bí-sô ni không phải bà con:**

Phật tại vườn Cấp-cô-độc, thành Thất-la-phiệt, lúc đó Bí-sô Ô- ba-nan-đà từ Bí-sô ni Ốt bát la thọ y mà chúa giặc đã cúng cho cô... Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu Bí-sô thọ y từ Bí-sô ni không phải bà con thì phạm Ni-tát-kỳ- ba-dật-đề, trừ trao đổi.

Nếu thọ y từ Bí-sô ni không phải bà con thì chỉ biết thọ mà không đoái hoài đến người kia có đủ y hay không, ngược lại nếu là bà con thì sẽ đoái hoài đến, vì thế Phật chế không cho thọ từ chỗ không quen biết. Nói trừ trao đổi là lấy y đổi y hoặc đồng thể hay khác thể, hoặc đổi bằng giá hoặc đổi bằng nửa giá, hoặc ít hơn hay nhiều hơn, hoặc xấu hơn hay tốt hơn, hoặc tương tợ hoặc đổi theo ý người chủ y, hoặc quán biết ý người kia vì thương xót mà thọ nhận, hoặc vì báo ân... đều không phạm. Nếu đổi với tâm dối trá, khinh mạn thì phạm tội Ác tác; nếu không có hai y thượng hạ thì được thọ, nếu thọ quá thì phạm Xả đọa; cảnh tưởng và nghi đều

giống như giới trước. Không phạm là do nghe diệu pháp sanh tâm kính trong mà cho, hoặc cho lúc đang thọ Cận viên, hoặc trả lại bằng giá, hoặc biết ni kia là người nhiều phước đức, hoặc người kia đem y đến để trước mặt Bí-sô nói rằng: "đây là y dư của tôi, tôi không có thiếu thốn, hãy vì tôi thọ dụng y này", nói rồi bỏ đi, Bí-sô thọ lấy không phạm; hoặc khởi tưởng là thân hữu, hoặc nghĩ là tạm dùng đều không phạm.

**6. Xin y từ cư sĩ và vợ cư sĩ không phải bà con:**

Phật tại vườn Cấp-cô-độc, thành Thất-la-phiệt, lúc đó Bí-sô Ô-ba-nan-đà là người khéo hay thuyết pháp, người nghe sanh tâm tín kính và hứa sẽ cúng y. Ô-ba-nan-đà nghe rồi liền tìm đến nhà đòi hỏi..., Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu Bí-sô đến cư sĩ hay vợ cư sĩ không phải bà con xin y, được y thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề, trừ nhân duyên. Nhân duyên là y bị cướp, bị mất, bị cháy, bị trôi.

Đối tượng là cư sĩ và vợ cư sĩ mới phạm, nếu là huỳnh môn, người hai căn, ngoại đạo thì chỉ phạm tội Ác tác. Xin là tự xin hay nhờ người xin giùm; y bị cướp là bị giặc cướp hay người cho rồi sau đó đoạt lấy lại; y bị mất là bị thất lạc hay bỏ quên hay bị trùng cắn chuột gặm làm hư hoại. Nói y là bao gồm giá tiền, màu sắc và kích lượng; giá

tiền là như trị giá năm Ca lợi sa ba noa; màu sắc là xanh, vàng, đỏ...; kích lượng là chiều dài năm khuỷu tay...

Tướng phạm trong đây là khi mới xin thì phạm tội Ác tác, xin được vào tay liền phạm Xả đọa; cảnh tưởng và nghi giống như giới trước; nếu hiện thân tướng ân cần cầu xin hay đưa thư sai sứ đến... đều phạm tội Ác tác. Không phạm là y bị mất... hoặc không xin mà tự được, hoặc xin miếng vải nhỏ mà được cả tấm... thì không phạm.

**7. Xin y quá lượng:**

Phật tại vườn Cấp-cô-độc, thành Thất-la-phiệt, lúc đó Lục chúng Bí-sô bị giặc cướp y liền nhân việc này xin y quá phần... nên Phật chế học xứ:

Nếu Bí-sô, y bị cướp hoặc bị mất, bị cháy, bị trôi nên đến cư sĩ, vợ cư sĩ không phải là ba con xin y; nếu cư sĩ, vợ cư sĩ không phải bà con cúng cho nhiều vải, Bí-sô được thọ cho đến hai y thượng hạ. Nếu thọ quá thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

Nói cúng là bao gồm thường cúng, ân cần cúng, chân thật cúng, cúng với tâm dối trá, cúng với tâm thù thắng, cúng với tâm mong cầu, cúng với tâm hoan hỉ... trong đây trừ cúng với tâm dối trá thì khi được y phạm tội Ác tác, các trường hợp khác khi được y đều phạm bổn tội.

Nói được thọ hai y thượng hạ là bao gồm của Bí-sô và của người thế tục, nếu là y thượng hạ của

Bí-sô thì thượng là y Tăng-già-lê rộng năm khuỷu tay, dài ba khuỷu tay; hạ là quần và Tăng khước kỳ. Nếu là y thượng hạ của người thế tục thì thượng có chiều dài mười một khuỷu tay, rộng ba khuỷu tay; hạ có chiều dài bảy khuỷu tay, rộng hai khuỷu tay. Nếu xin đúng lượng thì không phạm, nếu xin quá lượng thì khi xin phạm tội Ác tác, được y vào tay thì phạm Xả đọa; nếu xin được y thượng hạ của người thế tục thì dù thiếu cũng không được xin thêm, xin thêm thì phạm, ngược lại nếu dư thì không cần trả lại. Nếu xin y thượng hạ của Bí-sô thì nếu thiếu được xin thêm, nếu dư nên trả lại, không trả lại thị phạm Xả đọa.

8. Biết cư sĩ mua y cúng liền đến xin:

Phật tại vườn Cấp-cô-độc, thành Thất-la-phiệt, lúc đó Bí-sô Ô- ba-nan-đà biết cư sĩ muốn mua y cúng cho mình liền đến nhà đòi hỏi... nên Phật chế học xứ:

Nếu vì Bí-sô nên cư sĩ, vợ cư sĩ không phải bà con lo liệu số tiền mua y, nghĩ rằng: "ta đem số tiền này mua y như thế như thế... cúng cho Bí-sô _____". Bí-sô này vốn không được thỉnh tùy ý trước, liền khởi tưởng đồng ý đi đến chỗ cư sĩ nói rằng: "cư sĩ đã lo liệu số tiền mua y như thế cho tôi thì nên mua loại vải như thế như thế...". Vì muốn tốt, nếu được y thì Bí-sô này phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

Nói tiền mua y là dùng vàng bạc, bối xỉ...; mua là không phải do xin mà được; nói nên mua y như thế như thế là giá y bằng năm Ca lợi sa ba noa cho đến năm mươi Ca lợi sa ba noa, hoặc màu xanh, vàng... hoặc dài năm khuỷu tay cho đến năm mươi khuỷu tay, thể là thanh tịnh. Nói vì muốn tốt là giá tiền y, sắc y và lượng y đều tinh diệu; khi xin phạm tội Ác tác, khi được y vào tay liền phạm Xả đọa; không phạm là xin từ chư thiên... hoặc không xin mà tự được...

**9. Khuyên hùn chung mua y cúng:**

Nếu Bí-sô có hai cư sĩ và vợ cư sĩ không phải bà con, vì Bí-sô nên mỗi người để dành tiền mua y, nghĩ rằng: "ta để dành tiền này, mỗi người sẽ mua y như thế như thế cúng cho Bí-sô ", Bí-sô này vốn không được thỉnh tùy ý trước, khởi tưởng đồng ý nên đến chỗ các cư sĩ nói rằng: "các vị mỗi người để dành tiền mua y, nên hùn chung lại mua một y như thế như thế cúng cho tôi". Vì muốn tốt, nếu được y thì Bí-sô này phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

Duyên xứ như giới trên, chỉ khác là mỗi người muốn xuất tiền mua riêng y cúng, Bí-sô khuyên hùn chung lại mua y tinh diệu để cúng cho mình.

**10. Đòi y quá hạn:**

Phật tại vườn Cấp-cô-độc, thành Thất-la-phiệt, lúc đó ở thành Vương xá có một đại thần tên Bột lý sa ca la gởi tiền may y cho một thương nhân

chuyển đưa cho Bí-sô Ô-ba-nan-đà. Ô-ba-nan-đà nghe tin liền đến chỗ thương nhân lấy tiền này rồi đem gởi cho một tiểu thương trong chợ, sau đó đến đòi lấy lại. Các tiểu thương trong chợ có chế định phải đến họp đúng giờ, ai đến trễ thì phải nộp phạt sáu mươi Ca lợi sa ba noa; người này muốn đến họp đúng giờ nên không thể lấy tiền đưa lại cho Ô-ba-nan-đà nhưng Ô-ba-nan-đà nhất định đòi phải đưa ngay, người này do lấy tiền đưa cho Ô-ba-nan-đà và chờ đếm lại có đủ không, nên đến trễ giờ họp và phải nộp phạt, do đó bất mãn chê trách. Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu vì Bí-sô nên vua hoặc đại thần, Bà-la-môn, cư sĩ sai sứ đưa giá tiền y đến, vị sứ này đến nói với Bí-sô: "Đại đức, vua hoặc đại thần, Bà-la-môn, cư sĩ _____ đưa giá tiền y này cho thầy, xin hãy nhận lấy". Bí-sô nên nói: "pháp của Bí-sô chúng tôi là không được thọ tiền, khi nào cần y, được vải thanh tịnh tôi sẽ nhận để may thành y thọ trì", vị sứ này nói với Bí-sô: "Đại đức có người chấp sự có thể lo liệu mọi việc cho Bí-sô không?", Bí-sô nên chỉ người chấp sự là người làm việc trong chùa hay là Ô-ba-sách-ca cho vị sứ biết. Vị sứ đến nói với người chấp sự: "lành thay, ông hãy cất giữ số tiền này rồi mua vải như thế như thế cho Bí-sô _____ , khi nào Bí-sô này cần y thì đưa cho vị ấy may thành y thọ trì", nói xong vị sứ trở lại nói với Bí-sô: "tôi đã đưa tiền cho người chấp

sự, Đại đức khi nào cần y thì đến đó lấy". Khi Bí-sô này cần y thì nên đến chỗ người chấp sự nói là tôi cần y, như thế đến hai, ba lần; nếu đòi được y thì tốt, nếu không được thì nên đến trước người chấp sự đứng yên lặng nhắc, như thế đến bốn, năm, sáu lần; nếu đòi được y thì tốt, nếu không được y mà cố nài cho được y thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề. Nếu không đòi được đi nên tự đi hay sai sứ đến chỗ người trước kia đưa tiền y đến nói rằng: "số tiền y mà ông đưa cho người chấp sự trước kia, tôi không lấy được y, ông nên tự biết đòi lại tiến, chớ để cho mất". Việc này đúng pháp nên làm như thế.

Vua là người đã thọ lễ quán đảnh, đại thần là người giúp vua lo về chính sự. Nói tiền may y này tôi không thể nhận là vì pháp của Bí- sô không được thọ vàng bạc... cho đến ruộng vườn đất đai, nhưng Tăng được thọ rồi sai tịnh nhân hay thuê người canh tác, sau khi thu hoạch chia phần cho họ xong, phần còn lại thuộc của Tăng. Cho đến những khí vật bằng đồng, Bí-sô cũng không được cất chứa nhưng Tăng được cất chứa rồi sai người coi giữ, Bí-sô chỉ được cất chứa tư cụ và những vật cần dùng trong sinh hoạt cá nhân mà thôi. Bí-sô khi đến đòi tiền y nên đứng ở bốn chỗ là chỗ làm việc của họ như lò gốm..., nhà ở riêng, trong ruộng vườn là nơi họ đang canh tác và nơi cửa hàng là chỗ họ mua bán. Nếu người giữ tiền y thấy Bí-sô hỏi đến vì việc gì, hoặc mời ngồi, mời uống nước,

mời ăn bánh... thì Bí-sô nên nói là tôi cần y, vì tiền may y mà đến, để nhắc họ nhớ. Chế hạn trong giới này là được nói ba lần để nhắc họ nhớ, họ nhớ và được y thì tốt; nếu họ không nhớ và không được y thì Bí-sô được đến chỗ họ thêm ba lần, đứng im lặng để nhắc, tổng cộng là sáu lần mà vẫn không được y thì không nên đến đòi nữa, nên báo lại cho người cúng tiền y biết; nếu quá sáu lần vẫn đến đòi, được y thì phạm Xả đọa. Nếu qua sáu lần đòi, người chấp sự kia mới đem y đến đưa cho Bí-sô thì Bí-sô nên nói: "tiền y này tôi đã xả, ông nên đưa lại cho chủ của nó", nếu người kia nói: "thầy hãy lấy y, tôi sẽ nói lại với chủ y sau", lúc đó Bí-sô nhận y không phạm. Nếu ở chỗ phi nhân đòi y quá hạn thì phạm tội Ác tác, vì người và phi nhân có tám câu kết phạm nặng nhẹ khác nhau, như nhiếp tụng:

Ba chỗ - người là một, Ba câu - người đều hai, Ba - phi nhân là một, Hai câu. hai phi nhân, Theo nghĩa có thể biết, Tông cộng có tám câu, Y giáo thì không phạm, Đòi quá hạn, tội sanh.

Không phạm là không quá số hạn đòi được y hoặc dùng phương tiện khéo léo mà đòi được.

Nhiếp tụng thứ hai:

Cao thế da (tơ tằm), toàn đen, Phần, sáu (năm), Ni-sư-đàn, Gánh lông, giặt, vàng bạc, Nạp chất và mua bán.

**11. Dùng tơ tằm làm phu cụ:**

Phật tại vườn Cấp-cô-độc, thành Thất-la-phiệt, lúc đó các Bí-sô dùng kén tơ để làm phu cụ nên sát sanh nhiều, lại do làm phu cụ nên bỏ phế chánh nghiệp, Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu Bí-sô dùng Cao thế da (kén tơ) để làm phu cụ mới thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

Mới có hai là mới làm và mới được, trong giới này là làm mới; làm là tự làm hay bảo người khác làm, khi mới bắt đầu làm thì phạm tội Ác tác, làm xong thì phạm Xả đọa; là Cao thế da, tưởng Cao thế da và nghi thì phạm Xả đọa; không phải Cao thế da, tưởng là Cao thế da và nghi thì chỉ phạm Đọa vì không có vật để xả; không phải Cao thế da, tưởng không phải Cao thế da thì không phạm. Nếu được cái đã thành hay cái cũ đã dùng qua hoặc sửa lại cái cũ, hoặc có người cúng cao thế da rồi bảo người làm phu cụ cho mình hay dùng Cao thế da này để đổi lấy phu cụ đã làm thành thì không phạm.

**12. Dùng lông dê thuần đen làm phu cụ:**

Duyên xứ như giới trên, lúc đó các Bí-sô xin được nhiều lông dê đen dùng để làm phu cụ mới, do việc này phế bỏ chánh nghiệp nên Phật chế học xứ:

Nếu Bí-sô dùng lông dê thuần đen để làm phu cụ mới thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

**13. Dùng lông dê quá phần số làm phu cụ**

**mới:**

Nếu Bí-sô muốn làm phu cụ mới nên dùng hai phần lông dê thuần đen, một phần lông dê trắng và một phần lông dê tạp xấu. Nếu Bí-sô không dùng hai phần lông dê thuần đen, một phần lông dê trắng và một phần lông dê tạp xấu để làm phu cụ mới thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật- đề.

Lông dê trắng là lông ở hai bên sườn, lông cổ và lông trên sống lưng; lông dê tạp xấu là lông ở trên đầu, chân và dưới bụng, vì những chỗ này là nơi thường xúc chạm, hoạt động nên lông thô xấu. Như làm phu cụ mới cần có mười cân lông dê thì trong đây nên dùng năm cân lông dê thuần đen, hai cân rưỡi lông trắng và hai cân rưỡi lông thô tạp. Nếu không làm như thế, chỉ dùng toàn lông dê đen thì khi khởi phương tiện, phạm tội Ác tác; làm xong liền phạm Xả đọa. Không phạm là nếu không vì mình mà làm hoặc được cái đã làm thành, hoặc vào thời buổi lông dê đen dễ được, loại lông khác khó tìm được thì tùy tăng giảm phần lượng không phạm.

**14. Chưa đủ sáu năm mà làm phu cụ mới:**

Duyên xứ như giới trước.

Nếu Bí-sô muốn làm phu cụ mới thì phu cụ cũ phải dùng đủ sáu năm, nếu phu cụ cũ dùng chưa đủ sáu năm dù đem bỏ hay không đem bỏ mà may phu cụ mới thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề, trừ Tăng yết

ma cho.

Nói dùng đủ sáu năm là như năm nay làm phu cụ, năm sau làm thêm phu cụ nữa, như thế đến năm thứ năm lại làm thêm phu cụ nữa. Khi bắt đầu làm cái thứ hai thì phạm tội Ác tác, làm xong liền phạm Xả đọa, vì thể là phi pháp nên phạm. Nói Tăng yết ma cho là như Bí-sô thọ sự dùng phu cụ chưa đủ sáu năm, muốn làm phu cụ mới thì nên theo Tăng xin yết ma, Tăng phải xét xem phu cụ của người đó, không nên thuận theo sở thích của người đó mà liền tác pháp cho, nếu thấy quá mỏng và đều hư rách thì nên bạch nhị yết ma cho làm phu cụ mới.

**15. Làm Ni-sư-đàn mới:**

Duyên xứ như trên, lúc đó có Bí-sô già theo các thương nhân phương Bắc xin tấm giạ lông để làm Ni-sư-đàn mới và được họ cúng cho năm trăm tấm giạ lông. Do làm Ni-sư-đàn mới nên vất bỏ bừa bãi cái cũ, không có tâm quý tiếc nên Phật chế học xứ:

Nếu Bí-sô muốn làm Ni-sư-đàn mới, bốn bên thành viền của Ni- sư-đàn cũ, mỗi bên nên lấy chừng một gang tay của Phật để may chồng lên Ni-sư-đàn mới làm cho hoại sắc. Nếu Bí-sô bốn bên thành viền của Ni-sư-đàn cũ, mỗi bên không lấy chừng một gang tay của Phật để may chồng lên Ni-sư-đàn mới làm cho hoại sắc, vì muốn tốt thì phạm Ni-tát- kỳ-ba-dật-đề.

Nói nên lấy miếng cũ chừng một gang tay của

Phật để may thiếp lên cái mới để làm cho hoại sắc, mục đích thọ dụng được lâu hơn, nếu kích lượng nhỏ hơn kích lượng này thì không như pháp, liền phạm Xả đọa. Nếu cái cũ hoàn toàn hư rách không thể lấy được một gang tay để may thiếp lên thì không phạm. Ni-sư-đàn nên may hai lớp, màu nên hoại sắc, không nên tạp sắc.

### 16. Tự gánh lông dê đi quá ba Du thiện na:

Duyên xứ như trên, lúc đó Lục chúng Bí-sô trên đường đi đến nước Nê ba la, gặp xe chở lông dê bị gảy trục nên theo người chủ xin lông dê rồi mỗi người tự gánh đi và bị người tục chê trách, Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu Bí-sô khi đi đường được lông dê muốn thọ thì Bí-sô này được tự mang đi cho đến ba Du thiện na, nếu không có ai mang giùm mà đi quá ba Du thiện na thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

Nói không có người mang giùm là không có tịnh nhân. Nói Du thiện na là bảy cực vi thành một vi trần, bảy vi trần thành một thủy trần, bảy thủy trần thành một kim trần, bảy kim trần thành một Thố mao trần, bảy Thố mao trần thành một Dương mao trần, bảy Dương mao trần thành một Ngưu mao trần, bảy Ngưu mao trần thành một Khích du trần, bảy Khích du trần thành một con kiến, bảy con kiến thành một con rận, bảy con rận thành một

hạt lúa mạch, bảy hạt lúa mạch thành một ngón tay, hai mươi bốn ngón tay thành một khuỷu tay, bốn khuỷu tay thành một cung, năm trăm cung thành một Câu lô xá, đây là thế phần của A-lan-nhã. Nếu Bí-sô ở nơi không có thôn xóm, tự gánh lông dê đi quá ba Du thiện na thì phạm Xả đọa. Nếu trên đường đi có thôn xóm thì khoảng cách giữa mỗi thôn là một Câu lô xá, nếu Bí-sô đi trong thôn được nửa thôn thì phạm tội Ác tác, đi qua một thôn thì phạm Xả đọa.

Nếu cần lông dê để làm mũ hay giày phú la, dây lưng nên gánh về thì không phạm, nhưng pháp của Bí-sô là không nên gánh vác nặng.

### 17. Nhờ Bí-sô ni không phải bà con chải lông dê:

Duyên xứ như trên, lúc đó Bí-sô Ô-ba-nan-đà sau khi gánh lông dê về chùa xong liền nhờ Đại thế chủ Cù đàm di giặt nhuộm và chải lông dê, khiến chư ni bỏ phế việc tu thiện phẩm, Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu Bí-sô nhờ Bí-sô ni không phải bà con giặt nhuộm và chải lông dê thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

Về cảnh tưởng nghi, phạm và không phạm đều giống như trong giới nhờ Bí-sô ni giặt y cũ.

### 18. Cầm giữ vàng bạc:

Phật tại Trúc lâm, thành Vương xá, lúc đó các

Bí-sô cầm giữ vàng bạc, vật báu nên bị người thế tục cơ hiềm: "Sa môn Thích tử được cầm giữ vàng bạc thì đối với năm dục lạc thế gian sao lại không hưởng thụ chứ?", Phật bảo các Bí-sô: "nếu Bí-sô cần củi thì xin củi..., không nên xin vàng bạc...". Lại do Lục chúng Bí-sô ở thành Thất-la-phiệt tự cất giữ vàng bạc hoặc bảo người cất giữ khiến người thế tục và ngoại đạo chê trách, nên Phật chế học xứ:

Nếu Bí-sô tự cầm giữ vàng bạc, tiền... hoặc bảo người cầm giữ thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

Nếu là vàng bạc, vật báu... của người khác hoặc nhận của người khác gởi, hoặc nhặt được thì chỉ phạm Đọa, vì không cần xả tài vật. Nếu là tài vật của mình, không làm pháp tịnh mà cầm giữ hoặc bảo người cầm giữ đều phạm Xả đọa. Nếu có người cúng vàng bạc tiền, tuy khởi tâm thọ nhưng khi chưa cầm vào tay thi không phải bổn tội; nếu bảo người cầm giữ thì có mười tám câu thành phạm, tức bảo người kia rằng: "nên lấy vật này, nên lấy ở chỗ này, nên lấy ngần này; nên cầm vật này, nên cầm để ở chỗ này, nên cầm ngần này; nên mang vật này, nên mang để ở chỗ này, nên mang ngần này", chín câu này đều là bảo người cầm lấy vật ở gần, nếu bảo người cầm lấy vật ở xa thì trong chín câu này đổi chữ thử (này) thành chữ bỉ (kia) liền thành mười tám câu. Nếu ở chỗ có thể lấy được vật, khi bảo người cầm lấy thì phạm tội Ác tác, cầm

lấy vào tay thì phạm bổn tội; nếu ở chỗ không thể cầm lấy được vật mà bảo người cầm lấy thì cả hai đều phạm tội Ác tác. Nếu là vàng bạc vật báu, thành hay chưa thành, vừa chạm vào để cầm liền phạm Xả đọa; nếu là loại tiền đang lưu hành, vừa cầm liền phạm tội Ác tác. Nếu trên đường đi nhặt được của rơi, nên để ở chỗ hiển lộ để chủ của vật đến nhận lại; nếu là phục tàng không có chủ nên lấy để vào kho của Tam bảo, tùy dùng vào việc lợi ích; nếu là phục tàng có chủ thì nên nói cho chủ của vật biết, nên hỏi ký hiệu, nếu đáp đúng thì đưa lại cho chủ của vật, nếu đáp không đúng thì để vào kho của Tam bảo.

Thật là vàng, khởi tưởng là vàng và nghi mà cầm giữ thì phạm Xả đọa; không phải vàng, khởi tưởng là vàng mà cầm giữ thì phạm Đọa vì không có vật để xả, nghi mà cầm thì phạm tội Ác tác; không phải vàng, tưởng không phải vàng mà cầm thì không phạm. Bạc và vật báu khác cũng vậy, nếu là Thâu thạch, đồng, sắt, chì, thiết thì câm không phạm. Nếu là tài vật của mình, khi nghe có nạn sự sắp đến, không có tịnh nhân thì được tự cầm giữ không phạm; nếu là tài vật của Tăng, của Tam bảo thì nên đào hố chôn giấu kỹ rồi bỏ đi, thời gian sau trở lại đào lên trả lại chỗ cũ, nếu không có nạn sự xảy đến mà làm thế thì đều phạm bổn tội.

Trong hạ an cư nếu thí chủ đem tiền may y đến cúng, Bí-sô nên khởi tâm ký gởi cho thí chủ rồi thọ,

nên chọn ai làm tịnh thí chủ, nên chọn người có tâm tín kính hoặc tịnh nhân trong chùa làm tịnh thí chủ. Chọn được tịnh thí chủ rồi thì khi thọ tài vật bất tịnh nên khởi tưởng là của thí chủ này thì cầm giữ không phạm. Nếu đi xa được tài vật bất tịnh, cũng có thể từ xa khởi tưởng là vật của thí chủ rồi cầm giữ, cho đến khi nào thí chủ còn sống thì cầm giữ đều không phạm. Nếu không tìm được tịnh thí chủ thì Bí-sô nên mang tài vật bất tịnh này đến trước một Bí-sô bạch rằng: "cụ thọ nhớ nghĩ, tôi là Bí-sô _____ được tài vật bất tịnh này, tạm cất giữ sau sẽ đem tài vật bất tịnh này đổi lấy tịnh tài" (ba lần), bạch như vậy rồi có thể tự cất giữ hoặc bảo người cất giữ.

**19. Kinh doanh cầu lợi:**

Phật tại vườn Cấp-cô-độc, thành Thất-la-phiệt, lúc đó Bí-sô Ô- ba-nan-đà giao dịch với ngoại đạo, đem tấm giạ thô của mình để đổi lấy tấm giạ tốt nên bị chê trách, Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu Bí-sô đủ cách kinh doanh cầu lợi thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

Nói đủ cách đưa ra thu vào để sanh lợi là như dùng vàng bạc bảy báu cho đến tơ lụa, lúa thóc... để giao dịch cầu lợi, hoặc dùng vật đã thành để đổi vật đã thành... có bốn câu; khi chưa thu vào thì phạm tội Ác tác, khi thu vào rồi liền phạm Xả đọa. Nếu có người đem vật của Bí-sô đổi chác để cầu

lợi mà Bí-sô im lặng không ngăn lại thì khi được lợi liền phạm bổn tội. Nếu vì Tam bảo mà đưa ra thu vào hay thí chủ làm kho vô tận cho Tăng thì dù có dong ruổi cầu lợi cũng không phạm, nhưng cùng người giao dịch phải làm giấy tờ bảo chứng rõ ràng, đến cuối năm kết sổ sách trình cho vị Thượng tòa thủ chúng và vị thọ sự đều biết. Nếu những tài lợi do kinh doanh có được là như pháp thì khi Bí-sô muốn xả, nên xả cho Bí-sô đáng tin; nếu là tài vật bất tịnh thì nên xả cho cư sĩ tín tâm, nhưng đây chỉ là hình thức tác pháp, không phải là thật thí nên tác pháp xong phải giao trả lại, nếu không giao trả lại thì nên cưỡng đoạt lấy lại.

**20. Đủ cách mua bán:**

Duyên xứ như trên, lúc đó Lục chúng Bí-sô đủ cách mua bán cầu lợi nên Phật chế học xứ:

Nếu Bí-sô đủ cách mua bán cầu lợi thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

Nói đủ cách mua bán cầu lợi là mua hàng hóa ở chỗ bán ra với giá rẽ, mang đến bán ở chỗ bán với giá cao và lúc thời giá xuống thì mua vào nhiều để tích trữ, đợi đến lúc thời giá cao thì đem ra bán; hoặc xem thiên văn để dự đoán là được mùa hay mất mùa để mua hay bán đúng lúc cho được lời nhiều. Những mặt hàng mua bán bao gồm vàng bạc bảy báu, tơ lụa cho đến lúa gạo, đường sữa...; nếu khi mua vào vì lợi thì phạm khinh, khi bán ra

không cầu lợi thì không phạm; nếu mua vào không vì lợi nhưng khi bán ra có tâm cầu lợi thì trước không phạm, sau phạm Xả đọa; nếu trước sau đều vì cầu lợi thì trước phạm khinh, sau phạm bổn tội; nếu trước sau đều không có tâm cầu lợi thì không phạm.

Nếu trong lúc mua bán nói không thật, dùng cân non đấu thiếu để gạt người thì thuộc tội vọng ngữ, được tài lợi thì thuộc tội trộm. Khi Bí-sô giao dịch với người tục ở chợ, không nên tự trả giá, nên nhờ người có tín tâm trả giá; nếu phải tự trả giá thì chỉ được trả hai ba giá, không được quá.

Nếu muốn bán đấu giá vật của Hiện tiền tăng thì Thượng tòa nên định giá trước, nên đợi người nói giá cao nhất sau cùng mới bán. Nếu thật tâm không muốn mua mà dối nói tăng giá để tranh mua thì phạm tội Ác tác; nếu nói tăng giá tranh mua được rồi, chưa đưa tiền mà liền lấy y vật thì phạm tội Ác tác. Nếu thí chủ có tín tâm đem vợ con đến thí để Tăng bán đấu giá rồi mua lại thì Tăng nên tùy ý của thí chủ mà nói giá bán, nhưng Bí-sô không nên nói tăng giá, nếu nói tăng giá thì phạm tội Ác tác; tuy nói giá bán nhưng tùy thí chủ đưa bao nhiêu thì lấy bấy nhiêu. Nếu cha mẹ có tín tâm đem con đến thì cho Tăng, Bí-sô nên nhận nuôi, khi họ đến đòi con thì nên trả lại; nếu họ trả tiền công nuôi dưỡng thì được thọ không phạm. Tiểu đồng tử ở với Bí-sô, Bí-sô nên dùng một miếng ca

sa cột nơi cổ và tùy thời coi ngó chăm sóc; đến khi trưởng thành, chúng muốn báo ân nên mang phẩm vật đến cúng dường thì nên nhận.

-oOo-

# CĂN BẢN TÁT BÀ ĐA BỘ LUẬT NHIẾP

## QUYỂN 7

Nhiếp tụng thứ ba:

*Hai bát, hai thợ dệt,*
*Đoạt y và Cấp thí,*
*Lan nhã, Y tắm mưa,*
*Hồi tăng, thuốc bảy ngày.*

**21. Chứa bát dư quá mười ngày:**

Phật tại vườn Cấp-cô-độc, thành Thất-la-phiệt, lúc đó Bí-sô Ô- ba-nan-đà vì ham muốn bát mới nên đến chỗ sáu mươi người khuyến hóa và được mỗi người cúng cho sáu mươi Ca lợi sa ba noa. Lại do Lục chúng Bí-sô đi khắp nơi xin được nhiều bát tốt, do tâm tham cất chứa nhưng lại không thọ dụng, cũng không đem cho người nên chiêu cơ hiềm, Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu Bí-sô cất chứa bát dư quá mười ngày mà không làm phân biệt thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

Nói bát dư là ngoài bát đang thọ dụng, cất chứa thêm bát khác nữa; nếu không làm phân biệt thì mỗi ngày phạm một tội Ác tác, qua mười ngày phạm Xả đọa. Nếu hiện tại không có bát, sau đó

được bát thì không gọi là dư, nhưng nếu không thủ trì thì mỗi ngày cũng phạm một tội Ác tác. Bát có hai loại nên thọ dụng là bát gốm và bát sắt, bốn loại bát bằng vàng bạc, lưu ly và thủy tinh nếu chưa thọ thì không nên thọ, nếu thọ rồi nên bỏ; bốn loại bát bằng thâu thạch, đồng đỏ, đồng trắng và bằng gỗ nếu chưa thọ thì không nên thọ, nếu thọ rồi nên dùng làm chén đựng thuốc. Nếu là bát như pháp nên đối trước một Bí-sô tác pháp thủ trì, để bát lên tay trái rồi đưa tay phải đè lên miệng bát và bạch rằng:

Cụ thọ nhớ nghĩ, tôi là Bí-sô _____ , Bát Đa-la này là khí vật của bậc Đại tiên dùng để khất thực, nay xin thọ trì thường dùng để thọ thực (ba lần).

Cách xả bát cũng giống như cách xả y, nếu có hai bát thì nên chọn cái tốt hơn, bát dư nên làm phân biệt; bát nhỏ của Bí-sô bằng bát lớn của Bí-sô ni. Nếu bát không đủ lượng hoặc quá lượng, hoặc chứa bát dư để cho người xuất gia thọ Cận viên, tuy không làm phân biệt nhưng không phạm. Được cất chứa hai bát nhỏ để đựng canh hay dùng để uống nước hoặc dùng đựng muối... đều không phạm. Bát nhỏ nên đựng trong bát lớn, tùy chỗ cần dùng được chứa nhiều không phạm, cũng được chứa thêm một bát lớn để dùng khi cần thiết. Vì thế, tuy Phật chế chỉ được cất chứa một bát, không phải nhiều nhưng cũng không phải ít, mà là hợp

với lý trung đạo, giúp thân tu chánh nghiệp.

Có trường hợp Bí-sô chứa bát qua một đêm mà phạm Xả đọa hay không?. có, tức là khi Bí-sô được bát liền chuyển căn thành ni thì chứa bát qua một đêm phạm Xả đọa.

Pháp hộ trì bát: Bí-sô không nên sai người chưa thọ Cận viên rửa bát, nếu người có thể giữ tốt thì cho rửa. Không được ghi tên lên bát, nếu ghi tên thì phạm tội Ác tác; nếu làm dấu riêng thì không phạm. Nếu có người mang vật đến cúng cho Tam bảo thì nên ghi tên của họ trên vật cúng. Khi để bát vào trong đãy hay lấy bát ra khỏi đãy hoặc rửa hay phơi đều không nên đứng; không nên để bát trên đất mà nên để trên vật lót, cũng không nên để ở chỗ dơ; nếu bát còn ẩm chưa khô thì không nên cất vào đãy, cũng không nên phơi bát quá lâu ngoài nắng; nên biết lượng thọ dụng bát như giữ tròng con mắt. Có ba loại đãy: đãy đựng bát, đãy đựng thuốc và đãy đựng tạp vật; khi đi nên máng trên vai, cũng không được máng cả ba loại đãy này ở một bên khiến cho phồng lên và ló ra ngoài như cái trống. Nếu ở trong chùa nên làm cái tủ kệ để cất bát, nếu ở A-lan-nhã thì nên đan tre làm thành giỏ để đựng bát nhưng khi muốn đi đến nơi khác, không nên xách mang giỏ tre đựng bát này theo.

**22. Xin bát mới:**

Phật tại vườn Cấp-cô-độc, thành Thất-la-phiệt,

lúc đó Bí-sô Ô- ba-nan-đà đi khất thực đến chỗ thương nhân xin được cái bát tốt, nên có đến hai bát. Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu Bí-sô, bát đã dùng chưa bị răng nứt đến năm lằn mà xin bát mới, vì muốn tốt thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề. Bí-sô này phải đem bát mới này vào trong Tăng xả, Tăng sẽ lấy bát của người cuối cùng đưa lại cho Bí-sô này và nói rằng: "thầy hãy thọ bát này cho đến khi bể". Việc này đúng pháp nên làm như thế.

Nói chưa đến năm lằn nứt là chưa trám đến năm chỗ, nếu trám đến năm chỗ hay hơn năm chỗ thì được xin bát mới. Có năm loại nấu chảy không được trám bát, đó là đường đen, sáp vàng, chì, thiếc và tử khoáng. Có năm cách trám bát sắt:

1. Là dùng đinh nhỏ trám vào lỗ hổng.

2. Là dùng miếng sắt nhỏ để vào lỗ hổng rồi gõ cho thất chắc.

3. Là khâu lại giống như răng cá, trong ngoài giáp nhau sẽ không vỡ ra.

4. Là dùng miếng sắt lớn để lên lỗ hổng rồi đóng đinh chung quanh.

5. Là dùng mạt vụn. Mạt vụn có hai là sắt vụn hay đá vụn, nếu dùng mạt vụn trám bát thì nên trộn mạt vụn với dầu, kế cho vào chén sắt dùng chày sắt giả nhuyễn rồi mới trét vào chỗ nứt, kế dùng lửa đốt cho khô chắc; nếu bát thô rít thì nên dùng dầu

thoa rồi y theo cách nung bát mà nung.

Bát như pháp có bốn viên mãn:

1. Là thể viên mãn, tức là bát tốt.

2. Là tướng viên mãn, tức là bền chắc, không có lỗ hổng, không răng nứt và không dơ bẩn.

3. Là lượng viên mãn, tức là bát đúng lượng.

4. Là chỗ được viên mãn, tức là được Tăng chia hay thí chủ cúng hoặc là bát cũ nhưng còn tốt.

Bí-sô có bát đủ bốn viên mãn này mà còn xin bát mới thì phạm Xả đọa. Bí-sô có bát phạm Xả đọa nên ở trong Tăng xả bát dự này, Tăng nên sai người hành bát có phạm này, nếu người có đủ năm đức thì nên sai, đã sai rồi thì nên làm. Nên sai như sau: đánh kiền chùy nhóm tăng, trước hỏi vị nào có thể vì Tăng già hành bát có phạm, nếu có người đáp là có thể thì một Bí-sô trong Tăng tác pháp sai như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, Bí-sô này có thể vì Tăng làm người hành bát có phạm. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay sai Bí-sô _____ làm người hành bát có phạm. Bạch như vậy.

Văn yết ma dựa theo văn tác bạch mà làm.

Phật nói: "Ta chế hành pháp cho Bí-sô hành bát có phạm như sau: Bí-sô ấy nên ở trong chúng hòa hợp cáo bạch: "Kính bạch Đại đức tăng, tôi Bí-sô tên _____ sẽ hành bát có phạm. Sáng ngày

mai các cụ thọ mỗi vị mang bát của mình đến trong Tăng". Sáng hôm sau Bí-sô hành bát nên mang bát có phạm đến trước vị thượng tòa khen ngợi bát đó như sau: "bát này thanh tịnh viên mãn, có thể thọ dụng, nếu thượng tọa cần xin hãy tùy ý nhận". Nếu thượng tòa nhận bát ấy thì Bí-sô hành bát nên lấy chiếc bát cũ của thượng tọa thứ nhất chuyển trao cho vị thượng tọa thứ hai, thượng tọa thứ hai không nhận thì chuyển trao cho vị thượng tọa thứ ba. Khi thượng tọa thứ ba lấy mà thượng tọa thứ hai đòi lấy thì đòi lần thứ nhất không đưa, lần thứ hai cũng không đưa, lần thứ ba nên đưa, nhưng vị thượng tọa này mắc tội Việt pháp phải như pháp sám hối. Hành pháp xả bát như vậy cho đến vị cuối cùng nhỏ nhất trong Tăng, Bí-sô hành bát nên lấy bát của vị nhỏ nhất cuối cùng này đưa lại cho Bí-sô phạm và nói rằng: "Bát này không nên giữ yên đó, không nên phân biệt, cũng không nên cho ai, mà phải cẩn thận như pháp thọ dụng từ từ cho đến khi bể". Đây là pháp hành bát, Bí-sô hành bát nếu không y theo pháp này mà hành thì phạm tội Việt pháp.

Ta chế thêm hành pháp cho Bí-sô phạm như sau: Bí-sô phạm được bát này rồi phải sắm hai cái đãy đựng bát, đãy tốt đựng bát dư, đãy không tốt đựng bát cũ. Khi khất thực phải mang cả hai bát theo, thức ăn khô thì đựng trong bát dư, thức ăn ướt thì đựng trong bát cũ. Trở về trú xứ thọ thực

thì nên ăn thức ăn trong bát cũ trước, ăn xong khi rửa nên rửa bát dư trước, rửa xong hong phơi cũng phải phơi bát dư trước, khi cất thì cất bát dư ở chỗ tốt. Khi đi đường có thể nhờ người mang giùm bát cũ, còn bát dư phải tự mang, không có ai mang giùm thì bên vai phải mang bát dư, bên vai trái mang bát cũ. Bí-sô phạm được bát đối với hành pháp này nếu không hành theo thì phạm tội Việt pháp. Đây là pháp trị phạt cho đến trọn đời hoặc cẩn thận thọ dụng cho đến khi bể.".

Nói đây là bát của thầy nhưng thầy không được thủ trì... là vì bát này là bát có phạm Xả đọa, Tăng vì trị phạt nên cho cất chứa nhưng không tác pháp thủ trì, không được làm phân biệt và cũng không được cho ai, cũng không được cố ý làm cho bể, nếu cố ý làm bể thì phạm tội Việt pháp.

Nếu bát nứt hay lủng chưa tới năm chỗ, còn thọ dụng được, vì muốn tốt nên xin bát mới thì khi xin phạm tội Ác tác, khi được bát phạm Xả đọa. Không phải bát tốt, tưởng bát tốt thì chỉ phạm Đọa; bát không tốt, tưởng bát không tốt thì không phạm; nếu dùng tiền mua hay do đổi được cũng không phạm. Nếu xin cho người khác hay hai người cùng xin thì phạm tội Ác tác.

### 23. Tự xin chỉ sợi rồi nhờ thợ dệt không phải bà con dệt y:

Phật tại vườn Cấp-cô-độc, thành Thất-la-phiệt,

lúc đó Bí-sô Ô- ba-nan-đà đến chỗ người kéo sợi xin chỉ sợi rồi nhờ thợ dệt tên là Thật ngạch dệt y cho mình, người thọ dệt này không chịu làm nên Bí-sô nhờ cậy vua quan bắt thợ dệt phải dệt, thợ dệt bị xúc não nên chê trách.

Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu Bí-sô tự xin chỉ sợi rồi nhờ thợ dệt không phải bà con dệt thành y cho mình, được y thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

Nói tự xin chỉ sợi là xin nửa lạng hay hơn một lạng, là sợi Kiếp bối hoặc sợi Cao thế da hoặc lông hoặc Xa-nạch-ca hoặc sô ma... Nếu xin từ bà con hoặc không phải bà con, hoặc tự mua được hay đổi được rồi nhờ thợ dệt không phải bà con, hoặc nhờ nhiều người dệt giúp hay nhờ bà con dệt giúp hay tự mình dệt giúp thợ dệt thì đều phạm Xả đọa. Nếu xin từ bà con rồi nhờ thợ dệt là bà con dệt, hoặc thí chủ có tín tâm bảo thợ dệt dệt rồi trả tiền công thì không phạm; cảnh tưởng và nghi như trên. Nếu có tâm dối gạt, nói mình có đức, khi xin được chỉ sợi thì phạm tội Ác tác; cho đến bảo thợ dệt dệt y mà được cả hai, nếu thật sự có đức thì phạm tội Ác tác và tội Đọa. Nếu thợ dệt là bà con mà nhờ dệt không đúng thời làm xúc não họ hoặc họ hiện tướng khác thì phạm tội Ác tác. Nếu chỉ sợi hay lông là bất tịnh xen tạp hoặc bảo dệt cho người khác thì đều phạm tội Ác tác.

## 24. Bảo thợ dệt không phải bà con dệt y cho tốt:

Duyên xứ như trên, lúc đó Bí-sô Ô-ba-nan-đà bảo thợ dệt dệt cho mình tấm giạ lớn đẹp rồi mang đến cho thợ dệt đầy bát thức ăn ngon để trả công... Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu Bí-sô, có cư sĩ và vợ cư sĩ không phải bà con bảo thợ dệt dệt y cho Bí-sô _____ , Bí-sô này không được tùy ý thỉnh trước, vì muốn y tốt nên làm chút nhân duyên là đến chỗ thợ dệt nói rằng: "này ông, y này là dệt cho tôi, ông nên dệt cho đẹp, rộng dài và bền chắc, tôi sẽ đưa thêm ít vật cho ông". Bí-sô này tự khuyến dụ hay bảo người khuyến dụ thợ dệt này, sau đó đưa thêm cho thợ dệt ít vật cho đến một bữa ăn hay đáng giá bằng một bữa ăn, vì muốn y tốt, được y thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

Nói không được tùy ý thỉnh trước là không thỉnh Bí-sô tùy ý đến lấy y, trong giới này có bốn việc thành phạm: một là bảo thợ dệt dệt cho đẹp, hai là trắng sạch, ba là rộng dài, bốn là bền chắc. Nói đầy bát thức ăn là hoặc thuộc năm loại Khư đà ni hoặc thuộc năm loại Bồ xà ni, cho đến đưa thêm tài vật bằng giá tiền một bữa ăn. Từ khi đến khuyến dụ cho đến khi y chưa vào tay đều phạm tội Ác tác, khi nhận được y vào tay liền phạm Xả đọa.

## 25. Đoạt lại y:

Duyên xứ như trên, lúc đó Bí-sô Nan đà cho Bí-sô Đạt ma y Tăng- già-lê, sau đó giận trách liền đoạt lại... Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu Bí-sô cho Bí-sô khác y rồi, sau vì sân giận không vui nên tự

đoạt lại hay bảo người đoạt lại, nói rằng: "hãy trả y lại tôi tôi, tôi không cho thầy nữa", nếu lấy y rời khỏi thân của Bí-sô kia thì Bí-sô này phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

Nói cho y là tổng nêu, khi cho người kia y nên hỏi: "thầy có thể làm việc mà tôi sai bảo làm hay không?", nếu không hỏi như thế mà đoạt y lại thì phạm Xả đọa. Nói sau đó là vào thời khác, nói sân giận không vui... là hiện tướng sân hận và làm việc tổn hại xúc não. Tướng phạm trong đây là nếu Bí-sô dùng thân hay ngữ hay cả hai hoặc tự mình hay bảo người khác đoạt y lại, khi y chưa rời khỏi thân người kia thì phạm tội Ác tác, khi y rời khỏi thân người kia thì phạm Xả đọa. Cảnh tướng giống như trên, nếu biết người kia tánh không cẩn thận, đối với y vật cần dùng của Sa môn sợ làm mất nên có lòng tốt đoạt lại đem cất thì không phạm.

**26. Cất chứa y cấp thí quá hạn:**

Duyên xứ như trên, lúc đó Lục chúng Bí-sô trong an cư cùng chia y lợi..., lại do nhân duyên tướng quân của vua Thắng quang cúng y cấp thí cho Tăng trước khi ra trận nên Phật nhân việc này

chế học xứ:

Nếu Bí-sô còn mười ngày nữa mới đến tự tứ mà được y cúng gấp, Bí-sô cần thì được tự tay thọ và được cất chứa cho đến Thời y, nếu cất chứa quá thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

Lúc đó ở biên thùy có phản loạn, vua Thắng quang sai đại tướng quân Thiện Kiếm thống lãnh bốn binh đi thảo phạt, trước khi di vị tướng quân này đem y đến cúng cho Tăng, bạch rằng: "khi hai binh giao chiến sợ thân mạng khó giữ nên tôi muốn cúng y", các Bí-sô không dám thọ, tướng quân bèn để y lại đó rồi đi, các Bí-sô cất y ở một nơi, do không coi ngó nên bị trùng kiến cắn rách, bạch Phật, Phật nói: "nên thọ, thọ rồi nên bạch nhị yết ma sai người có đủ năm đức cất giữ y".

Nói còn mười ngày nữa... mà được y cúng gấp có năm trường hợp: một là do bịnh mà thí, hai là vì người khác bịnh mà thí, ba là sắp chết mà thí, bốn là vì người khác sắp chết mà thí, năm là sắp đi xa mà thí. Cũng có thuyết nói y cúng gấp là y phi thời; nói được cất chứa đến thời y tức là nếu có trương y Yết-sỉ-na thì thời y là năm tháng, nếu không trương y Yết-sỉ-na thì thời y là một tháng; nếu qua thời y này mà vẫn còn cất chứa thì phạm Xả đọa. Khi được năm loại y cấp thí này thì được tùy thọ rồi chia, nếu thí chủ khi cúng y cấp thí nói rằng: "xin hãy cất giữ y này đợi ngày tôi trở về sẽ tự tay dâng cúng", thì y này không nên chia.

**27. Nơi A-lan-nhã lìa y quá sáu đêm:**

Duyên xứ như trên, lúc đó Bí-sô ở A-lan-nhã bị giặc đến cướp đoạt, Phật khai cho các Bí-sô này, trong ba y tùy ý gởi một y trong thôn xóm, tuy thân ở A-lan-nhã nhưng không có lỗi lìa y. Nếu vì việc Tam bảo hoặc việc riêng của mình hay của người khác nên cần đi đến trú xứ khác, thì được lìa y sáu đêm không được quá; nhưng Lục chúng Bí-sô lại lìa y đến bảy đêm nên Phật chế học xứ:

Nếu Bí-sô qua ba tháng hạ, có tháng nhuần chưa hết tháng tám, nếu Bí-sô ở nơi A-lan-nhã vắng vẻ có nghi sợ, các nạn nên gởi lại một trong ba y ở trong tụ lạc. Nếu có nhân duyên xuất giới thì được lìa y ngủ đêm cho đến sáu đêm, nếu quá sáu đêm thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

A-lan-nhã là nơi cách thôn xóm một Câu lô xá, nói có nghi sợ là sợ có giặc cướp, nói các nạn là nạn sư tử hoặc cọp sói, phi nhân... cho đến muỗi mòng, rắn rít hoặc quá nóng, quá lạnh... Nói trong ba y là y đã tác pháp thủ trì, được lìa sáu đếm, đến đêm thứ bảy khi mặt trời chưa mọc thì phạm tội Ác tác, mặt trời mọc liền phạm Xả đọa; có thuyết nói nếu bổn tấm chỉ tạm ra ngoài định sẽ về ngay, nhưng vì trở duyên nên không thể về kịp đến chỗ cất y thì không phạm. Không phạm là một trong tám nạn duyên khởi hoặc được Tăng yết ma cho lìa y...

## 28. Xin y tắm mưa sớm và cất chứa quá lâu:

Duyên xứ như trên, lúc đó Lục chúng Bí-sô vì tham nên xin y tắm mưa sớm và cất chứa thọ dụng quá lâu... Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu Bí-sô còn một tháng nữa là hết mùa xuân thì được xin áo tắm mưa và được cất chứa nửa tháng, nếu còn một tháng nữa là hết mùa xuân, Bí-sô xin áo tắm mưa cất chứa quá nửa tháng thì phạm Ni-tát-kỳ- ba-dật-đề.

Nói còn một tháng nữa là hết mùa xuân tức là từ ngày 16 tháng 4 đến ngày 15 tháng 5, trong một tháng cuối xuân này nên xin y tắm mưa, không được xin trước và khi đã vào hạ an cư thì không được xin nữa. Trong an cư có những việc cần nên làm là:

Vào ngày 15 tháng 5, Bí-sô thọ sự nên quét dọn phòng xá sạch sẽ rồi ở trong chúng cáo bạch: "các Đại đức, ngày mai Tăng sẽ tác yết ma an cư". Cáo bạch rồi đi kiểm tra có bao nhiêu người an cư để làm thẻ, không được làm thẻ quá thô xấu hay cong vẹo, nên rửa sạch bằng nước thơm, để trên cái mâm sạch, rắc hoa tươi lên và dùng tấm vải sạch phủ lên. Kế đánh kiền chùy nhóm Tăng rồi để mâm thẻ này ở trước vị Thượng tòa. Bí-sô thọ sư nên tuyên cáo chế lịnh của Tăng trong an cư như trong luật đã nói. Vị Thượng tòa trong Tăng tác Đơn bạch thọ

thẻ như sau:

Đại đức Tăng lắng nghe, hôm nay là ngày 15 tháng 5, Tăng muốn hạ an cư. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng hôm nay thọ thẻ, ngày mai tác pháp an cư. Bạch như vậy.

Bí-sô thọ sư bưng mâm thẻ để phát đi trước, người bưng mâm không để thu thẻ đi sau. Trước đến chỗ Đại sư giáo chủ bỏ xuống một thẻ, kế đến trước vị Thượng tòa, Thượng tòa với đủ oai nghi thọ lấy một thẻ rồi để trên mâm không, cứ như thế phát thẻ và thu thẻ từ vị Thượng tòa cho đến vị cuối cùng. Nếu có Cầu tịch thì Ô-ba-đà-da hay A-giá-lợi- da nên lấy thẻ cho họ, cuối cùng là thẻ của vị thiên thần hộ chùa. Sau đó gom số thẻ đã thu lại để đếm biết số người an cư rồi ở trong Tăng cáo bạch: "số người hiện diện thọ thẻ trong đây gồm có _____ Bí-sô và _____ Cầu tịch". Người được sai chia phòng xá ngọa cụ cho Tăng an cư nên đi xem xét họ thọ dụng cho như pháp không, nếu ai thọ dụng không như pháp thì trị phạt như trong Luật đã nói. Đến ngày 15 tháng 5, Bí-sô thọ sư nên ở trong Tăng cáo bạch: "các cụ thọ, số người an cư trong trú xứ này tổng cộng là _____ , ngày mai tất cả sẽ nương theo thí chủ tên _____ , nương vào thôn phường _____ để khất thực, nương theo _____ làm người cung cấp, nương theo _____ làm

người khán bịnh để hạ an cư". Sau đó các Bí-sô nên tự đi xem xét chỗ khất thực gần thôn phường, xem xét rồi nên suy nghĩ: "ta nên cùng các vị đồng phạm hạnh ở tại trú xứ này an cư để phiền não không sanh, nếu đã phát sanh sẽ khiến mau trừ diệt, nếu an lạc chưa sanh sẽ khiến cho phát sanh, đã phát sanh sẽ khiến cho tăng trưởng. Ở gần thôn phường này khất thực sẽ không gặp khổ nhọc và nếu có bịnh sẽ có người khán bịnh và người cung cấp cho đầy đủ thuốc thang và các vật cần dùng".

Qua ngày 16 tháng 5, Bí-sô nên với oai nghi đầy đủ đối trước một Bí-sô bạch an cư như sau:

Đại đức nhớ nghĩ, hôm nay là ngày 16 tháng 5, Tăng tác pháp hạ an cư, con Bí-sô vào ngày 16 tháng 5 cũng tác pháp hạ an cư. Con Bí-sô _____ ở trong đại giới của trú xứ này tiền an cư ba tháng, nương theo thí chủ tên _____ , vị thọ sự tên _____ , vị khán bịnh tên _____ . Trong an cư nếu phòng xá có hư dột con sẽ tu sửa lại, con ở trong đây hạ an cư (ba lần).

Nếu là hậu an cư cũng theo như văn trên mà bạch, tiền an cư là từ ngày 16 tháng 5 đến ngày 15 tháng 8, hậu an cư từ ngày 16 tháng 6 đến ngày 15 tháng 9. Nếu bốn trú xứ có giới tiếp cận nhau, một Bí-sô muốn tác pháp an cư cho cả bốn trú xứ này thì nên dùng giường hay phản đè trên mép của bốn giới rồi ngồi trên đó tác pháp, lợi dưỡng có được của bốn trú xứ nên chia đều. Trong hạ an cư, Bí-sô

không nên ra ngoài giới nhưng nếu có những việc liên quan tới Ô-ba-sách-ca, Ô-ba-tư-ca, Bí- sô, Bí-sô ni, Thức xoa ma na, Cầu tịch nam, Cầu tịch nữ, hoặc thân tộc thỉnh hoặc vì trừ ác kiến cho ngoại đạo, hoặc đối với tam tạng có nghi cần thỉnh hỏi, hoặc trong sự tu điều chưa đắc cầu đắc, điều chưa chứng cầu chứng, điều chưa hiểu cầu hiểu... thì Phật khai cho thọ pháp bảy ngày xuất giới. Bí-sô thọ nhật xuất giới nên đối trước một Bí-sô chắp tay bạch rằng: "cụ thọ nhớ nghĩ, tôi Bí-sô _____ ở tại trú xứ này tiền (hậu) an cư ba tháng, tôi Bí-sô _____ nay vì việc Tăng xin thọ pháp bảy ngày xuất giới, nếu không có nạn duyên sẽ trở về lại trong trú xứ này an cư" (ba lần). Nếu có duyên sự phải đi trong sáu ngày cho đến một ngày đều dựa theo pháp thọ bảy ngày mà tác pháp thọ. Cầu tịch thọ nhật xuất giới nên đối trước Bí-sô xin; Chánh học nữ và Cầu tịch nữ thọ nhật xuất giới nên đối trước Bí-sô ni xin. Nếu bảy ngày thấy việc làm không xong thì xin tám ngày... như thế cho đến bốn mươi ngày. Muốn thọ pháp bốn mươi đếm xuất giới thì nên theo Tăng xin, nên đánh kiền chùy tập Tăng, một Bí-sô trong Tăng bạch nhị yết ma cho thọ nhật xuất giới như sau:

Đại đức Tăng lắng nghe, Bí-sô _____ ở trong giới của trú xứ này tiền (hậu) an cư ba tháng. Bí-sô _____ nay vì việc Tăng xin thọ pháp bốn mươi đêm xuất giới, việc xong trở về đây an

cư. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay cho Bí-sô _____ thọ pháp bốn mươi đêm xuất giới, việc xong trở về đây an cư. Bạch như vậy.

Đại đức Tăng lắng nghe, Bí-sô _____ ở trong giới của trú xứ này tiền (hậu) an cư ba tháng. Bí-sô _____ nay vì việc Tăng xin thọ pháp bốn mươi đêm xuất giới, việc xong trở về đây an cư. Tăng nay cho Bí-sô _____ thọ pháp bốn mươi đêm xuất giới, việc xong trở về đây an cư. Các Bí-sô chấp thuận cho Bí-sô thọ pháp bốn mươi đêm xuất giới, việc xong trở về dây an cư thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói.

Tăng đã chấp thuận cho Bí-sô thọ pháp bốn mươi đêm xuất giới, việc xong trở về đây an cư xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Nếu tác pháp cho hai hay ba người cũng theo như văn trên mà làm, thọ nhật xuất giới tối Đa-là bốn mươi đêm vì như Phật nói: "trong ba tháng an cư thời gian ở trong giới phải nhiều hơn thời gian ở ngoài giới".

Nếu khi xuất giới gặp mạng nạn... không thể trở về lại bổn xứ an cư thì cũng không gọi là phá hạ. Nếu trong hạ an cư thấy các việc như khất thực, bịnh cần thuốc và người khán bịnh... thiếu thốn thì được tùy ý bỏ đi không phạm; hoặc trong hạ an cư

có nam, nữ, huỳnh môn... đến hiện tướng phi pháp quấy nhiễu, cũng được tùy ý bỏ đi không phạm; hoặc có một trong tám nạn khởi lên như nạn vua, nạn giặc, nhân hay phi nhân khủng bố, nạn thú dữ, rồng độc, nạn nước, nạn lửa làm cho kinh sợ; cho đến chỗ an cư có phòng ốc hư sụp làm tổn não... cũng được bỏ đi không phạm. Nhưng nếu đang an cư trong bộ chúng như pháp mà bỏ sang ở với bộ chúng phi pháp cho đến sáng hôm sau, khi mặt trời mọc liền mất an cư. Nếu nghe có Bí-sô đồng ý muốn phá tăng thì nên thọ nhật bảy ngày đi đến chỗ Bí-sô đó để can ngăn, nếu hết hạn bảy ngày mà vẫn chưa về kịp cũng không phạm; nếu không đến đó can ngăn thì phạm tội Việt pháp.

Ở chỗ an cư, các Bí-sô nên thường rưới quét cho sạch sẽ, nếu không làm thế thì phạm tội Ác tác vì khiến cho phước của thí chủ không tăng trưởng. Trong hạ an cư có ba việc nên làm là tu sửa, chia y và thọ y Yết-sỉ-na; vị Thượng tòa thủ chúng nên biết khen ngợi khích lệ người trông coi việc tu sửa trong chùa.

Y tắm mưa tuy dùng để tắm mưa nhưng cũng được mặc tâm ở bên giếng hay nơi sông ao suối. Nên xin y này từ bà con, nếu người không phải bà con tự cho thì cũng được thọ hoặc dùng tiền của mình mua hay đổi được đều không phạm, nhưng nếu theo xin người không phải bà con thì phạm Xả đọa. Nếu chưa đến thời xin mà có người đem đến

cúng trước, nên thọ rồi làm phân biệt để cất chứa, đợi đến ngày 16 tháng 4 tác pháp thủ trì.

Đến ngày 15 tháng 8 Tăng cùng tác pháp Tùy ý, trước ngày tác pháp Tùy ý khoảng bảy tám ngày, các Bí-sô cựu trụ đến các thôn xóm lân cận thông báo cho các Bí-sô già trẻ và những người chưa thọ cận viên biết để cùng góp phần vào việc cúng dường. Đến ngày 14 tháng 8, các Bí-sô nên sắp đặt việc cúng dường và trang hoàng nơi Phật điện, bên tháp treo cờ phướn, quét dọn sạch sẽ… Sáng ngày 15 đến giờ tác pháp Tùy ý, Tăng nên sai một vị có đủ năm đức làm người thọ Tùy ý cho Tăng, hoặc hai, ba hay nhiều người nhưng phải là người có đủ năm đức: không thương, không giận, không sợ, không si, khéo hay phân biệt các việc tùy ý. Nếu trái với năm đức trên thì không được sai, nếu trước đó chúng tăng chưa hòa hợp thì phải làm cho hòa hợp; nếu đã hòa hợp thì phải làm cho được an lạc trụ. Nên sai như sau: trải tòa, đánh kiền chùy tập Tăng, Tăng nhóm xong trước nên hỏi vị đủ năm đức: "thầy có thể làm người thọ tùy ý cho tăng già thỉnh nói ba việc thấy nghe nghi để tác pháp tùy ý không?". Nếu đáp là có thể thì một Bí-sô trong Tăng tác bạch yết ma sai như sau:

Đại đức Tăng già lắng nghe, Bí-sô tên _____ nay làm người thọ Tùy ý cho tăng già hạ an cư. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay sai Bí-sô tên

_____ làm người thọ Tùy ý cho tăng già hạ an cư. Bạch như thế.

Đại đức Tăng già lắng nghe, Bí-sô tên _____ nay làm người thọ tùy ý cho Tăng già hạ an cư. Tăng nay sai Bí-sô tên _____ làm người thọ tùy ý, Bí-sô này tên _____ sẽ làm người thọ tùy ý cho Tăng già hạ an cư. Nếu các cụ thọ nào chấp thuận Bí-sô tên _____ làm người thọ Tùy ý cho Tăng già hạ an cư thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Tăng già đã chấp thuận Bí-sô tên _____ làm người thọ Tùy ý cho tăng già hạ an cư xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Hành pháp của Bí-sô thọ Tùy ý là Bí-sô thọ Tùy ý nên trao cỏ tranh cho các Bí-sô, nếu chỉ có một người thọ Tùy ý thì từ Thượng tọa cho đến hạ tòa đều phải làm Tùy ý; nếu là hai người thọ Tùy ý thì một người thọ Tùy ý từ Thượng tòa, một người thọ tùy tùy từ nửa số chúng còn lại cho đến người cuối cùng; nếu là ba người thọ tùy ý thì nên bố trí ba chỗ ngồi và chuẩn theo như trên mà làm Tùy ý. Thượng tòa lúc đó nên tác bạch:

Đại đức Tăng già lắng nghe, hôm nay ngày 15 Tăng già tác pháp Tùy ý. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay tác pháp Tùy ý, bạch như vậy.

Lúc đó từ Thượng tòa cho đến hạ tòa đều đến

trước Bí-sô thọ Tùy ý làm Tùy ý như sau:

Cụ thọ nhớ nghĩ, hôm nay ngày 15 Tăng già làm tùy ý, tôi Bí-sô tên _____ cũng làm Tùy ý. Tôi Bí-sô tên _____ ở trong Tăng đối trước Cụ thọ thỉnh nói ba việc thấy nghe nghi để làm tùy ý. Đại đức tăng già nên nhiếp thọ chỉ bảo cho tôi, xin thương xót làm lợi ích cho tôi, nếu tôi thấy biết có tội, tôi sẽ như luật sám hối. (3 lần).

Bí-sô thọ tùy ý nói: Áo tỉ ca (thiện).

Bí-sô làm tùy ý nói: sa độ (nhĩ).

Cứ như thế cho đến vị hạ tòa, Bí-sô thọ tùy ý nếu là hai, ba người thì nên đối nhau tác pháp, nếu là một người thì nên tâm niệm tác pháp. Bí-sô tác pháp xong, kế đến Bí-sô ni từng người đến tác pháp cũng giống như Bí-sô. Sau đó là Thức xoa ma na, Cầu tịch, Cầu tịch nữ cũng tác pháp giống như trên. Tác pháp xong, Bí-sô thọ Tùy ý đến trước vị Thượng tòa bạch: "hai bộ Tăng già đã làm tùy ý xong". Lúc đó hai bộ tăng già cùng xướng: "Lành thay, đã tác pháp tùy ý xong". Nếu cùng xướng lên như thế thì tốt, nếu không xướng thì phạm Ác tác.

Bí-sô thọ Tùy ý cầm dao nhỏ hoặc kim chỉ hoặc các tư cụ tạp vật của Sa môn ở trước Thượng tòa bạch: "Đại đức, các vật thí này có nên trao cho người đã an cư xong làm vật thí Tùy ý không? Nếu trú xứ này được các lợi vật khác, Tăng già nên hòa hợp chia hay không?", đại chúng cùng đáp nên

chia. Nếu làm khác thì Bí-sô thọ Tùy ý và đại chúng đều phạm tội Việt pháp.

Nếu trú xứ chỉ có một Bí-sô thì làm pháp tâm niệm tùy ý giống như tâm niệm trưởng tịnh; nếu có hai, ba người thì nên làm đối thú tùy ý; nếu có bốn người cũng nên làm đối thú tùy ý, không được sai người thọ Tùy ý; nếu đủ túc số năm người trở lên mới được làm Chúng pháp yết ma và không được thọ dục. Có bốn cách nói Tùy ý, đó là nói một lần, nói hai lần, nói ba lần cho đến chúng làm. Nói Tùy ý một lần là như bị bịnh trĩ không thể ngồi lâu hoặc phơi chăn mền mà thấy trời sắp mưa hoặc thí chủ đến cúng dường hoặc vì nghe pháp, hoặc vì dứt tránh hoặc phần đêm sắp qua hết, hoặc một trong tám nạn khởi lên; nếu nạn hãy còn xa thì nên nói Tùy ý hai lần, nếu không có việc gì thì nên nói Tùy ý ba lần. Nếu nạn khủng bố sắp đến phải nói Tùy ý một lần thì từng hai người làm đối thú Tùy ý rồi đi, nên nói như sau:

Cụ thọ nhớ nghĩ, hôm nay ngày 15, Tăng tác pháp Tùy ý nhưng nạn khủng bố sắp xảy đến, Tăng không kịp hòa hợp làm Tùy ý. Sau này nếu có chúng hòa hợp sẽ cùng chúng hòa hợp ấy làm Tùy ý.

Nếu trong Tăng có người phạm Ba la thị ca thì nên tẫn trước rồi mới làm Tùy ý; nếu phạm các tội khác nên đối trước người thanh tịnh đồng kiến, như pháp sám hối rồi mới làm Tùy ý. Thanh tịnh đồng

kiến nghĩa là đối với những việc mà Phật đã chế hay khai, đều đồng kiến giải.

**29. Hồi chuyển vật Tăng về cho mình:**

Duyên xứ như trên, lúc đó có thí chủ đem tấm giạ quý đến cúng cho Tăng, Bí-sô Ô-ba-nan-đà hồi chuyển về cho mình..., Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu Bí-sô biết thí chủ đem lợi đến cúng cho Tăng mà tự hồi chuyển về cho mình thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

Nói biết là tự biết hay do người khác nói mà biết. Tăng có năm loại:

1. Vô sỉ tăng là chỉ cho người phá giới.

2. Á dương tăng là chỉ cho người không thông hiểu ba tạng.

3. Hòa hợp tăng là chỉ cho người tác pháp yết ma.

4. Thế tục tăng là chỉ cho hàng Dị sanh thuần thiện.

5. Thắng nghĩa tăng là chỉ cho bậc Hữu học và Vô học. Có hai loại lợi vật là y lợi và thực lợi, đều do thí chủ cúng mà có được.

Tướng phạm trong đây là nếu biết lợi vật đó thí cho Tăng, khi khởi phương tiền hồi chuyển về cho mình thì phạm tội Ác tác, khi được lợi vật, khởi tưởng thuộc của mình thì phạm Xả đọa. Nếu biết lợi vật đem đến thí cho một người mà hồi chuyển

về cho mình thì phạm tội Ác tác; nếu hồi chuyển về cho một người khác hay hai ba người hay cho Tăng cũng phạm tội Ác tác. Nếu biết lợi vật đem đến thí cho hai người, nhiều người hay cho Tăng mà hồi chuyển cho người khác, cũng phạm tội Ác tác, vì không phải hồi chuyển về cho mình. Nếu biết lợi vật đem đến cúng cho Tăng trú xứ này mà hồi chuyển cho Tăng trú xứ khác, hoặc cúng cho Ni tăng trú xứ này mà hồi chuyển cho Ni tăng trú xứ khác, hoặc cúng cho hai chúng mà hồi chuyển cho một chúng hoặc ngược lại, hoặc Tăng bị phá, đem lợi vật cúng cho chúng như pháp hồi chuyển cho chúng phi pháp và ngược lại thì đều phạm tội Ác tác. Nếu lợi vật đem đến cúng cho làm phòng xá mà hồi chuyển dùng vào việc khác, làm trái bổn ý của thí chủ cũng phạm tội Ác tác. Nếu vật cúng làm tháp, thuộc về tháp mà đem dùng lẫn lộn cũng phạm tội Ác tác, nếu hỏi ý thí chủ mà thí chủ chấp thuận cho làm như thế thì không phạm. Nếu đem thức ăn định thí cho người nghèo khổ, đói rét hoặc cho bàng sanh này mà lại hồi chuyển cho người khác, bàng sanh khác; do trái bổn tâm nên phạm tội Ác tác.

Thật đã hồi chuyển, tưởng đã hồi chuyển và nghi thì phạm Xả đọa; không hồi chuyển mà tưởng là hồi chuyển và nghi thì phạm tội Ác tác; không hồi chuyển, tưởng không hồi chuyển thì không phạm. Nếu biết vật đem cúng cho Tăng mà hồi

chuyển về cho mình, dưới cho đến chỉ là một miếng vải để vá y cũng phải xả; nếu là y vật của cha mẹ định cúng cho Tăng mà hồi chuyển về cho mình thì phạm tội Ác tác. Nếu thí chủ cúng y vật cho Hiện tiền tăng thì nên bạch trước rồi đánh kiền chùy nhóm Tăng, đếm số người mà chia đều. Nếu người an cư có duyên sư ra ngoài giới, khi đi có nhắn lấy giùm phần lợi vật thì nên lấy giùm, nếu không nhắn lấy giùm thì không được lấy; nếu người được nhắn gởi mà không lấy phần giùm thì phải lấy phần của mình đền trả lại.

Có tám loại lợi dưỡng:

1. Giới sở đắc lợi: ở trong một giới hoặc hai hay nhiều giới tùy được lợi dưỡng gì, các vị cựu trụ trong giới này được cùng chia.

2. Lập chế sở đắc lợi: các Bí-sô chia thành nhóm hay không chia thành nhóm cùng lập chế rằng: "chúng ta an cư trong tụ lạc này, lợi dưỡng từ các nhà thí chủ trên đường thì thuộc về chúng tôi, lợi dưỡng từ các nhà thí chủ trên đường thì thuộc về các vị". Khi được lợi dưỡng liền theo như lập chế mà thọ rồi cùng chia.

3. Y chỉ sở đắc lợi: tùy nương ở đâu và nương vào ai để an cư mà được lợi dưỡng.

4. An cư sở đắc lợi: lợi dưỡng có được trong hạ an cư thì tùy thí chủ xử phân.

5. Tăng già sở đắc lợi: lợi vật đem đến cúng cho

Tăng tuy đã quyết định nhưng không hạn cuộc là Tăng an cư hay Tăng hiện tiền thì nên hỏi lại thí chủ.

6. Bí-sô sở đắc lợi: lợi vật cúng cho Bí-sô được hạn cuộc là Bí-sô ở trong phòng viện này được thọ dụng.

7. Đối diện sở đắc lợi: lợi vật thọ trực tiếp từ thí chủ.

8. Định xứ sở đắc lợi: trong một đời hành hóa của Phật, tổng cộng có tám nơi được xây tháp:

a. Nơi Phật đản sanh tại vườn Lâm tỳ ni, thành Kiếp-tỷ-la.

b. Nơi Phật thành đạo tại tòa kim cang dưới cội Bồ đề, A-lan-nhã thuộc nước Ma-kiệt-đà.

c. Nơi Phật chuyển pháp luân tại vườn Thi lộc, chỗ Tiên nhơn đọa xứ thuộc thành Bà-la-nê-tư.

d. Nơi Phật nhập Niết-bàn tại Sa la song thọ, thành Câu-thi-na.

e. Tại Trúc lâm, đỉnh núi Thứu, thành Vương xá.

f. Trong giảng đường Cao các bên ờ hồ Di hầu, thành Quảng nghiêm.

g. Tại vườn Cấp-cô-độc, rừng Thệ đa, thành Thất-la-phiệt.

h. Tại tụ lạc Bình lâm, nơi Phật từ cõi trời trở xuống nhân gian.

Bốn nơi trên là định xứ, bốn nơi dưới là bất

định xứ, nếu thí chủ muốn cúng dường nơi Phật đản sanh thì nên đem cúng cho chỗ ấy, không được chuyển đem cúng chỗ khác; nếu thí chủ muốn cúng cho bốn định xứ mà sức không thể mang đến cúng cho ba chỗ kia thì tùy cúng cho một chỗ.

Nếu trong hạ an cư Tăng bị phá thì nên chia lợi vật cho người như pháp, không nên chia cho người phi pháp. Nếu Bí-sô qua đời, thực lợi và y lợi của người chết, Tăng nên chia; nếu là y quý giá thì không nên cắt ra chia, nên bán lấy tiền rồi cùng chia. Nếu hai bộ Tăng ni cùng được lợi vật thì nên chia đều, nếu là y vật thì Cầu tịch và Cầu tịch nữ được một phần ba, Chánh học nữ và người sắp thọ Cận viên được một phần hai; nếu là thực lợi thì nên chia đều. Nếu chúng Bí-sô đông, chúng Bí-sô ni ít hơn thì nên đếm số người mà chia; nếu chúng Bí-sô ít hơn thì nên chia một nửa; nếu trong đại hội năm năm... được nhiều lợi vật thì năm chúng xuất gia nên cùng chia.

Phật tại vườn Cấp-cô-độc, thành Thất-la-phiệt, lúc đó Bí-sô Ô- ba-nan-đà qua đời, y vật và các tạp vật khác để lại trị giá đến ba ức kim tiền nên các Bí-sô từ sáu thành lớn đều tụ đến đòi chia phần, các Bí-sô cựu trú không biết làm sao, đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Bí-sô nào đến kịp vào năm thời thì được chia phần: một là khi nghe đánh kiền chùy đến tập họp, hai là khi tụng kinh Tam khải đến, ba là khi lễ chế để đến, bốn là khi hành trù

đến, năm là khi tác bạch đến. Tăng nên đơn bạch thủ trì tài vật của người chết, trước khi đơn bạch nên hỏi người khán bịnh và người cọng trụ là người chết có mắc nợ ai không và có ai mắc nợ người chết không. Đơn bạch như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, Bí-sô Ô-ba-nan-đà qua đời tại đây, đã để lại nhiều tài vật hiện có và không hiện có cùng nhiều y tài và tạp vật khác, Tăng nay tạm thủ trì. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay thủ trì những tài vật hiện có và không hiện có cùng những y tài và tạp vật khác của Bí-sô Ô-ba-nan-đà chết để lại. Bạch như vậy.

Sau khi tác bạch xong, các Bí-sô hiện tiền trong giới đều được chia phần, nếu không tác bạch thì tất cả chúng đệ tử Thanh văn của Phật trụ trong châu Thiệm bộ hoặc trú xứ đều được chia phần, đây là nghi thức chia tài vật của Bí-sô qua đời để lại. Nếu gặp tranh chấp, chúng tăng khó nhóm để tác bạch thì khai cho làm pháp đầu và cuối, tức là lấy tiền của người chết để lại chừng hai bối xỉ đưa cho vị Thượng tòa thủ chúng và vị nhỏ nhất trong chúng để làm định ký.

Nhiếp tụng:

*Kiền chùy, tụng Tam khải,*
*Khi kính lễ tháp Phật,*
*Cho đến khi phát thẻ,*
*Hoặc khi chúng tác bạch.*

*Nếu đại chúng khó nhóm,*
*Nên làm pháp trước sau,*
*Lấy ít vật người chết,*
*Đưa cho người đầu, cuối.*

Những vật nên chia, khinh trọng như thế nào thì như tụng nói:

Ruộng, nhà, quán, ngọa cụ, Đồng, sắt, các loại da,

Dao cạo, bình, các y... Can tre lớn, tạp vật, Thức ăn uống và thuốc, Giường tòa và khế ước. Ba báu như vàng bạc,

Thành, chưa thành không đồng, Đủ các thứ như thế,

Nên chia, không nên chia, Tùy phân biệt nên biết, Thế tôn dạy như thế.

Nếu là nhà cửa, ruộng vườn, quán xá, ngọa cụ, các loại da và các vật dụng bằng đồng sắt, đều không nên chia. Nếu là các vật cần dùng của Bí-sô như bát sắt, bát nhỏ, chén đồng, ống khóa, dùi, kim, thìa sắt hoặc bát gốm sứ, bát nhỏ..., đều nên chia, các thứ khác thì không nên chia. Những vật dụng bằng tre cây, ngọa cụ bằng da, đồ cạo râu tóc cho đến các loại vật thực như lúa gạo... nên sung vào trong vật của Tứ phương tăng, cất vào trong tịnh khố để cho Tăng tứ phương thọ dụng. Nếu là nhà cửa, ruộng vườn... thuộc bất động sản cũng sung vào trong vật của Tứ phương tăng, không nên

chia; nếu là y vật nhuộm hay chưa nhuộm, giày dép thì Hiện tiền tăng nên chia; nếu là can tre lớn thì dùng để treo phan lọng ở chỗ thờ tượng Bồ-tát, can tre nhỏ thì cho Bí-sô làm tích trượng. Những loài vật đã có như voi ngựa, xe thì đem cho Vương gia; bò dê thì sung vào trong vật của Tứ phương tăng, không nên chia. Lưới dùng làm cửa sổ lưới, những vật có màu thượng sắc thì cho vào trong Phật đường dùng để vẽ tượng; những vật có màu xanh nhạt và đất trắng, đất đỏ thì chia cho Hiền tiền tăng. Nếu rượu chư biến đổi thì đem chôn dưới đất, đợi đến khi thành giấm để cho Tăng thọ dụng; nếu rượu chưa hoại nên đổ bỏ phần cỏ thuốc xen tạp rồi cất vào trong tịnh khố để cho người bịnh dùng. Trân bảo, vàng bạc... đã thành hay chưa thành nên chia làm ba phần: phần của Phật dùng để tu sửa Phật đường và tháp Phật, phần cho Pháp dùng để chép kinh và sửa sang tòa sư tử, phần cho Tăng nên chia cho Hiện tiền tăng. Nếu là vật làm bằng báu như giường chõng... nên bán lấy tiền chia cho Tăng, vật làm bằng gỗ nên sung vào vật của Tứ phương tăng; kinh luật luận đã có nên cất vào Tàng kinh các cho Tứ phương tăng đọc, không được chia; nếu là ngoại điển nên đem bán lấy tiền chia cho Tăng; nếu là khế ước có thể đòi được thì Tăng nên chia, nếu chưa thể đòi được thì cất vào tịnh khố, đợi khi đòi được thì sung vào vật của Tứ phương tăng. Nếu Bí-sô qua đời ở nhà thế tục thì

các y vật để lại nên chia cho người đến trước, nếu đến cùng một lượt thì nên cho người nào xin trước, nếu xin cùng một lượt thì tùy người thế tục muốn cho ai thì người đó được lấy. Nếu chỗ Bí-sô qua đời có Bí- sô ni thì không nên chia, ngược lại chỗ Bí-sô ni qua đời có Bí-sô cũng không nên chia; nếu đều không có ai thì thu cất. Nếu người chết ở giữa hai giới thì đầu day về hướng nào thì trú xứ ở hướng đó được phần; nếu người chết nằm trên hai giới thì hai trú xứ cùng chia. Nếu trú xứ quá đông thì khi chia nên chia cho từng nhóm mười người, trong nhóm sẽ tự chia; nếu trong nhóm chưa kịp chia mà có người chết thì phần của người chết này trong nhóm nên chia; nếu trong nhóm đã chia phần rồi thì phần của người chết này, đại chúng nên chia. Nếu người bị xả trí ở chung với người thanh tịnh mà chết thì người thanh tịnh nên chia, nếu không có ở chung với người thanh tịnh thì người đồng bị trị phạt cùng chia. Nếu Bí-sô và Cầu tịch không theo phe nhóm ở trong trú xứ theo phe nhóm mà chết thì y vật để lại nên chia cho người theo phe nhóm, nếu người theo phe nhóm không lấy thì nên xả cho Tăng, đây gọi là thiện xả, Tăng nên chia. Nói theo phe nhóm hay không theo phe nhóm là Đề-bà-đạt- da xướng năm tà pháp, những người tùy thuận theo thì gọi là theo phe nhóm; những người thuận theo Thế tôn gọi là không theo phe nhóm.

Bí-sô bịnh chết, nếu người khán bịnh là năm chúng xuất gia hay là người thế tục thì trong số y vật của người chết nên lấy sáu vật thưởng cho người khán bịnh để báo ân. Sáu vật gồm có ba y, bát, tọa cụ và đãy lượt nước; nếu Bí-sô bịnh khi sắp chết di chúc rằng: "sau khi tôi chết nên đem y vật này cho người kia", đây là pháp của người thế tục, không phải là pháp của người xuất gia nên không thành di chúc, y vật của người chết Tăng nên chia; nhưng nếu người bịnh đối diện dưa cho thì thành cho. Nếu chia y vật của người chết thì phải đợi sau khi làm lễ tang cho người chết xong mới được chia, nếu làm trái thì phạm tội Ác tác; nếu người chết gởi y vật ở trú xứ Tăng nào thì trú xứ Tăng đó được cùng chia. Nếu Bí-sô thọ sự chết, y vật để lại xen lẫn với vật của Tam bảo, không thể biện biệt được thì những y vật đó Tăng được cùng chia.

Nếu người ở trong giới, tưởng là ở ngoài giới và nghi mà cùng chia y vật thì phạm tội Việt pháp. Nếu trú xứ chỉ có một Bí-sô được lợi vật an cư nên thọ, thọ rồi nên tâm niệm thủ trì như sau: "y vật an cư này, Hiện tiền tăng nên chia, nhưng trong đây không có Tăng, y vật này tôi nay xin thủ trì"; nếu không làm pháp thủ trì này thì khi có Bí-sô đến nên cùng chia, nếu không chia thì phạm tội Ác tác. Nếu trong hạ an cư được lợi vật thì không nên chia cho người phá hạ; nếu là Thời y hoặc đối diện cúng tì

người chưa có tuổi hạ cũng được phần. Nếu hai bộ tăng cũng thọ thực xong, có thí chủ đem y vật tới cúng, nếu không để trước chỗ Thượng tòa thì nên hỏi ý thí chủ rồi mới chia; nếu để trước chỗ Thượng tòa thì y vật đó nên chia làm hai phần cho hai bộ Tăng. Nếu Bí-sô trong hạ an cư vì việc Tăng mà xuất giới chưa về kịp thì khi chia lợi vật an cư nên để dành phần cho vị ấy. Dù là tiền an cư hay hậu an cư, nếu tọa hạ hơn nửa hạ (số ngày ở trong hạ nhiều hơn số ngày xuất giới) thì lợi vật an cư đều nên chia cho.

Thượng tòa thủ chúng có hành pháp là khi thấy người dọn đưa thức ăn cúng cho Tăng, nên bảo người ấy quỳ gối chắp tay bạch Tăng: "bình đẳng cúng, đã đến giờ", Thượng tòa cũng nên nói: "nên cúng bình đẳng". Nếu Thượng tòa thứ nhất không nói thì vị thứ hai nên nói, nếu không có ai nói thì các Thượng tòa đều phạm tội Việt pháp.

Nếu thí chủ mở hội cúng dường Tăng, dùng lụa nhiều màu treo trên cây để trang trí, sau khi hội tan, Tăng nên thu cất đợi đến tiết hội sau đem ra treo lên chỗ ấy để trang trí lại, hoặc treo ở chỗ khác. Nếu thí chủ treo ở trên tường thì vật cúng đó dùng để vẽ tường; nếu để trong nhà ấm thì vật cúng đó dùng để cung cấp vật cần dùng cho nhà ấm; nếu để bên giếng hay ao thì vật cúng dùng để cung cấp nước uống cho Thời và phi thời; nếu để trong nhà nuôi bịnh thì vật cúng đó dùng để cung cấp thức ăn

ngon cho người bịnh; nếu để nơi phòng Tăng ở trước cửa hay nơi hành lang thì vật cùng đó nên chia cho Hiện tiền Tăng; nếu để ở ngoài sân thì vật cúng đó thuộc về tứ phương tăng thọ dụng, không được chia. Có năm loại vật, thể của vật không nên chia: một là vật của Tứ phương tăng, hai là vật của tháp, ba là vật trong nhà nuôi bịnh, bốn là

Nếu trong vườn cây Am-một-la có nhiều trái nên chia đều cho Tăng để tự thọ dụng, khi hái trái nên giữ im lặng không nên làm ồn náo, ai làm trái thì phạm tội Việt pháp; khi sắp chia nên xem kỹ trái nào có sâu, gom những trái không có sâu lại làm thọ tịnh rồi mới chia; nếu lúc đó không có tịnh nhân trao thì Bí-sô tự thọ rồi đem đi chia, không phạm. Nếu ở nơi tháp của đệ tử Thanh văn được cúng nhiều lợi vật thì nên dùng để tu bổ lại tháp, nếu có dư thì Hiện tiền tăng nên chia.

Nếu làm tháp thờ xá lợi Phật thì nên xây viên mãn; nếu làm tháp thờ Duyên giác, Độc giác thì trên đỉnh tháp không có bình báu; nếu làm tháp thờ A-la-hán thì trên tháp có bốn luân tướng; nếu làm tháp thờ ba quả vị dưới thì theo thứ lớp giảm bớt 1 luân tướng; nếu làm tháp thờ hàng Dị sanh thuần thiện thì không có luân tướng, gọi là tháp bằng đầu.

Nếu thí chủ cúng tiền xây chùa cho Tăng, tùy tâm thí chủ có thể trích dùng tiền ấy cho việc mua sắm dụng cụ xây dựng và thức ăn uống cho người trông coi việc xây cất, cho đến mua sắm các tạp vật

cần dùng khác như dầu đèn...

Nếu có thí chủ xây cất trú xứ, trước đã dâng cúng cho một người, sau đó lại hồi chuyển cúng cho một người khác hoặc cúng cho hai người, ba người hoặc Tăng thì gọi là phi pháp thì và người thọ dụng là bất tịnh. Như thế cho đến đã cúng cho Tăng trú xứ này, hoặc cho Ni tăng trú xứ này, sau đó lại hồi chuyển cúng cho Tăng hay Ni tăng trú xứ khác... thì thí trước là như pháp thí, thí sau là phi pháp thí, người thí và người thọ đều thành phi pháp.

Nếu có thí chủ ngay nơi trú xứ mà mình xây cất cúng dường đầy đủ nhưng vật cần dùng như ngọa cụ... thì Tăng trong trú xứ này được thọ dụng, không được chuyển đem cho trú xứ khác.

Có năm loại thọ dụng, đó là:

1. Chủ thọ dụng: chỉ cho bậc A-la-hán đã vĩnh viễn trừ hết ba độc.

2. Cha mẹ thọ dụng: chỉ cho bậc Học nhân còn có dư hoặc.

3. Khai cho thọ dụng: chỉ cho bậc dị sanh thuần thiện, giới thanh tịnh, siêng tu thiền tụng, không có tâm giãi đãi.

4. Mắc nợ thọ dụng: chỉ cho người tuy có trì giới nhưng không siêng tu giác phẩm thiện pháp.

5. Trộm cắp thọ dụng: chỉ cho người phạm một trong bốn trọng. Đối với loại loại Bí-sô phá giới

này thì ta không cho thọ dụng một hạt cơm và cũng không cho bước chân vào chùa. Nếu làm trái thì phạm tội Việt pháp.

-oOo-

# CĂN BẢN TÁT BÀ ĐA BỘ LUẬT NHIẾP

# QUYỂN 8

## 30. Thọ dụng thuốc quá bảy ngày:

Phật tại Trúc lâm, thành Vương xá, lúc đó đệ tử của tôn giả Tất- lân-già-bà-ta thọ ác xúc, để thuốc và thức ăn xen tạp nhau hoặc tự loại cùng nhiễm; lại không biết loại thuốc nào nên xả, loại thuốc nào không nên xả, là Thời hay là Phi thời nên tùy ý thọ dụng... Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu Bí-sô bị bịnh, Phật cho được dùng bốn loại dược hàm tiêu là tô, dầu, mật và thạch mật. Bí-sô này được cất chứa trong vòng bảy ngày để dùng, nếu cất chứa quá bảy ngày thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

Bịnh có hai loại là chủ bịnh và khách bịnh, cho nên Bí-sô khi thọ thực nên khởi tưởng trị bịnh rồi mới ăn. Nhân đây nói về hành pháp của Bí-sô khán bịnh. Đối với người bịnh, Ô-ba-đà-da hoặc A-giá-lợi-da hoặc đệ tử thân giáo, đệ tử y chỉ, hoặc đồng Ô-ba-đà-da, đồng A-giá- lợi-da và thân hữu tri thức nên khởi thiện tâm thăm nuôi. Nếu người bịnh không nơi nương tựa thì cả chúng nên đến thăm

nuôi, hoặc luân phiên mỗi ngày ba lần nên đến thăm. Người khán bịnh nên để ghế ngồi ở chỗ người bịnh cho người đến thăm bịnh ngồi, nhưng không nên ở lâu. Nếu người bịnh nghèo không có tiền mua thuốc thì thầy bạn nên lo giúp, hoặc đến thí chủ xin, hoặc mượn vật của Tăng, của tháp đem bán lấy tiền để mua thuốc cho người bịnh, đợi khi bịnh lành sẽ trả lại sau, nếu không thể trả được cũng không phạm. Bí-sô khán bịnh cung cấp cho người bịnh, trừ Tánh tội ra, tất cả đều nên làm; nếu người bịnh sắp chết, người nuôi bịnh nên dời người bịnh đặt nằm trên ngọa cụ khác, khéo làm phương tiện chớ để người bịnh sân não; nếu chết phải lo tang sự cho chu đáo. Nếu người khán bịnh thấy người bịnh khốn khổ vì bịnh nên khuyên đem y bát cúng Tăng, Tăng thọ nhưng không nên chia liền, nên vào ngày khác hỏi thăm bịnh có khá hơn hay không; nếu người bịnh đòi thì nên trả lại, nếu người bịnh nói không lấy lại nữa thì Tăng mới nên chia. Nếu ai không làm theo hành pháp này thì phạm tội Ác tác.

Phật khai cho các Bí-sô được dùng bốn loại dược: một là Thời dược, hai là Cánh dược, ba là Thất nhật dược, bốn là Tận thọ dược.

1. Thời dược: như bún (miến, mì, nui...), bánh bột, ngũ cốc (xôi, bắp...), thịt (cá), cơm. Những món ăn này đều là đúng thời mới ăn.

2. Cánh dược (phi thời dược): có tám loại nước

uống, đó là:

a. Chiêu giả tương: Chiêu giả là tên của bốn loại cây ở Ấn độ, cũng gọi là Điên trớ lê, trái giống như trái bồ kết nhung có mùi vị như trái mơ, lớn chừng hai ngón tay, dài khoảng ba, bốn tấc, người đương thời ép lấy nước uống.

b. Mao giả tương: tức là nước ép từ trái chuối với 1 ít bột hồ tiêu.

c. Cô lạc ca tương: nước ép từ trái Cô lạc ca, mùi vị như nước trái táo chua.

d. A thuyết tha tương: nước ép từ trái A thuyết tha.

e. Ô đàm bạt la tương: giống như trái mận, ép lấy nước dùng.

f. Bát lỗ sái tương: giống như trái anh áo, ép lấy nước dùng.

i. Miệt lật trụy tương: giống như trái nho, ép lấy nước dùng.

j. Khát thọ la tương: cấy giống như cây Lâu lư, trái giống như trái tào nhỏ, ép lấy nước dùng.

Trừ tám loại nước này ra, nước ép từ các loại trái cây khác như cam, quýt, mía... đều được uống dùng.

3. Thất nhật dược: là bốn loại dược hàm tiêu gồm có tô, dầu, mật và thạch mật.

4. Tận hình thọ dược: có năm loại từ củ rễ, thân cành, lá, hoa và quả. Củ như củ Xương bồ, củ

gừng, củ sen...; thân như cây Ngưu đầu chiên đàn...; lá như lá xoan... ; hoa như hoa sen...; quả như Ha lê lặc, Am ma lạc ca...

Lại có năm loại thuốc cao như A ngụy, đường đen, tử khoáng, sáp vàng và các loại cao khác; lại có năm loại thuốc tro như tro Khúc mạch, tro Khúc mạch mang, tro Dược xoa ma căn, tro Ngưu tất thảo và các loại tro khác; lại có năm loại thuốc muối như Tiên đà bà, Tỳ đăng già, Tao bạt chiết la, Cốt lộ ma và Tam một đạt la; lại có năm loại thuốc sáp như Am ma lạc ca, Cuống bà, Chiêm bộ, Thất lợi sai và Cao thiêm bạc ca.

Nếu là Thời dược thì nên dùng đúng thời, không được dùng phi thời; Bí-sô bịnh khốn, thầy thuốc bảo nên ăn phi thời thì nên ở chỗ khuất mà ăn, không phạm. Bốn loại dược này nếu hòa lẫn xen tạp nhau thì nên tùy thế lực của loại dược nào mạnh hơn mà dụng, tức là càng về trước thì càng mạnh, càng về sau thì càng yếu, thời gian dài là yếu, thời gian ngắn là mạnh; ba loại dược sau nếu hòa lẫn xen tạp nhau cũng giống như vậy, nếu quá thời hạn của dược thì không được dùng.

Nếu thịt của các loài chim thú như kên kên, diều hâu, cú mèo, voi, ngựa, rồng, khỉ, chó... Bí-sô đều không nên ăn; nếu da là bất tịnh thì thịt, gân xương cũng đều bất tịnh; cũng không nên ăn thịt dư của hổ ăn và thịt người. Nếu thấy Bí-sô ăn thịt, Thượng tòa nên hỏi là thịt gì để biết là loại thịt nên

ăn hay không nên ăn; nếu Thượng tòa không hỏi thì Thứ tòa nên hỏi, nếu không hỏi thì phạm tội Ác tác. Lại có ba loại thịt không nên ăn là thấy nghe nghi, nếu biết vì mình mà chúng bị giết hại thì phạm tội Việt pháp. Nếu Bí-sô bịnh, thầy thuốc bảo nên ăn thịt sống, nếu Bí-sô bịnh vừa thấy thịt sống liền ói mửa thì nên bịt mắt người bịnh lại rồi mới cho ăn, sau đó để thức ăn ngon khác ở trước mặt người bịnh rồi mới mở khăn bịt mắt ra. Có năm hạng người khai cho trong bữa tiểu thực được ăn năm loại thức ăn chính, đó là người bịnh, người khán bịnh, khách mới đến, người sắp đi xa và người giữ chùa.

Nếu trong chùa không có kết tịnh trù mà cùng thức ăn đồng phòng ngủ (nội túc), hoặc bên trong nấu (nội chữ) hoặc tự nấu thì Bí-sô không nên ăn, trừ vào lúc thời thế mất mùa đói kém. Nếu có thí chủ khi cúng y thực cho các Bí-sô mà xưng danh Tam bảo thì Bí-sô nên hỏi: "xưng Phật đà tức là bậc Lưỡng túc tôn phải không?", nếu đáp phải thì Bí-sô không nên thọ, nếu đáp: "thầy chính là Phật của con" thì được thọ; Đạt ma và Tăng già cũng hỏi dựa theo đây. Nếu thí chủ thỉnh Tăng thọ thực, đã dọn thức ăn ra ở trên bàn, tuy tâm thí đã thành nhưng vì có việc gấp phải đi ngay, không kịp dâng cúng cho Bí-sô, lúc đó Bí-sô nên khởi tưởng đang ở Bắc Câu lô châu, tự lấy ăn không phạm.

Về Cánh dược có sáu loại giấm là:

1. Đại giấm: đem các tạp quả như nho... ngâm trong nước đường cát, ủ thời gian lâu thành giấm (rượu nho...)

2. Giấm lúa mạch: xay giã gạo, lúa mạch rồi đem ủ một thời gian cho thành giấm (rượu nếp...)

3. Giấm thuốc: dùng các loại cây cỏ thuốc ủ một thời gian co thành giấm (rượu thuốc)

4. Tiểu giấm: chắt lấy nước cơm để làm giấm gạo, dùng lâu không hư.

5. Lạc tương: nước uống chế biến từ Lạc.

6. Toản lạc tương: chỉ chung các loại nước uống chế biến khác.

Khi dùng loại nước uống này nên nhỏ vào ít nước để tác tịnh, dùng lượt lượt rồi để lắng trong, vào Thời hay Phi thời dù bịnh hay không bịnh đều được tùy ý uống dùng.

Về Thất nhật dược, sau khi thọ rồi nên đối trước người tác pháp thủ trì, được cất dùng trong bảy ngày không phạm. Có năm hạng người được thủ trì Thất nhật dược: một là người đi đường, hai là người đoạn thực, ba là người bịnh, bốn là người giữ chùa, năm là người trông coi việc xây cất. Pháp làm đường phèn có pha bột trong đó, nhưng chỗ làm là tịnh, khi đi đường phi thời được ăn; nếu đường dính gạo thì phải phủi bỏ gạo ra rồi mới ăn, nếu dính bột thì nên rửa rồi ăn không phạm, hoặc bỏ vào trong nước sạch cho tan rồi lượt, phi thời

được uống. Đường phèn này vào Thời hay Phi thời dù bịnh hay không bịnh, ăn đều không phạm. Lại có năm loại mỡ, trong Thời nấu chín rồi lượt, sau khi thọ rồi đối trước người tác pháp thủ trì, cất chứa trong bảy ngày uống dùng cho đến khi lành bịnh, sau khi bịnh lành cũng nên cất chứa để cho người khác khi họ cần; hoặc để trong nhà nuôi bịnh để cho người bịnh khác uống dùng, nếu không làm thế thì phạm tội Ác tác; loại mỡ không như pháp thì không được cất chứa dùng, nếu dùng để thoa thân, nhỏ mũi hay lau chân thì không phạm. Nhưng nếu là mở của năm loại vật có trí như khỉ, ngựa, voi, sư tử, hổ báo, dù dùng thoa chân cũng phạm tội Ác tác. Nếu Bí-sô phi thời thọ mía, lạc, dầu mè, thịt; phi thời chế biến dù có lượt và tác pháp thủ trì cũng không được dùng; nhưng nếu là mật thì chỉ cần nhỏ chút nước vào làm tịnh, dù Thời hay Phi thời đều được tùy ý thọ dụng.

Về Tận hình thọ dược, nếu bị bịnh ghẻ nên dùng năm loại thuốc sáp phơi ở chỗ râm mát, sau đó đem giã rồi nấu với nước dùng để thoa rửa chỗ ghẻ lở cho đến khi lành. Nếu bị bịnh mắt, thầy thuốc bảo dùng năm loại An thiện na nhỏ mắt thì được dùng không phạm; đó là hoa An thiện na, nhựa An thiện na, bột An thiện na, viên An thiện na và Tao tỳ la An thiện na, tùy loại mà cất giữ cho thích hợp, nhưng không nên vì làm đẹp mà nhỏ mắt.

Ở trong sân chùa phơi thuốc, có loại nên phơi nơi chỗ râm mát, có loại nên phơi ngoài nắng; nếu thấy trời sắp mưa mà không có tịnh nhân hay người chưa thọ Cận viên ở đó thì Bí-sô tự thu cất không phạm. Nếu có bịnh duyên, thầy thuốc bảo dùng một trong bốn loại thuốc như phẩn tiểu của con bò mới sinh hoặc tro cây Quật lộ đà, tro cây Bồ đề, tro cây Ô đàm bạt la hoặc thoa hoặc uống để tiêu độc thì Bí-sô nên nhờ người có tín tâm tìm lấy giùm.

Nếu Bí-sô không bịnh thì không được dùng các thứ cay nồng như tỏi, hành; bịnh dùng thì không phạm nhưng người ăn tỏi hành để trị bịnh không được vào trong chúng, không được lễ tôn tượng, nhiễu tháp, cũng không được thuyết pháp cho người tục, dù được thỉnh cũng không nên đi; nên ở phòng bên cho đến khi lành bịnh, dù bịnh lành cũng phải đợi bảy ngày sau, nếu ăn hành thì đợi ba ngày sau cho hơi hôi tiêu tán, tắm rửa giặt giũ sạch sẽ cho đến tẩy rửa chỗ ở cho sạch rồi mới được trở vào trong chúng.

Muối Tiên đà bà nên đựng trong sừng và đậy lại để muối không chảy nước. Mía có thể dùng làm bốn loại dược, thể của mía là Thời dược, nước mía là Cánh dược, đường mía là Thất nhật dược, tro của mía là Tận hình thọ dược. Bốn loại dược này nếu không thọ, không thủ trì, hoặc thọ mà không thủ trì, hoặc thủ trì mà không thọ thì đều không nên dùng; thọ rồi tác pháp thủ trì thì được dùng.

Ở trong giới chùa, cây trái trên đất bất tịnh thì không nên ăn; tuy ở trên đất tịnh nhưng trái rơi trên đất bất tịnh, trải qua đêm cũng không nên ăn; nếu cây trái trên tịnh địa, trái rơi trên tịnh địa tuy trải qua đêm vẫn được ăn. Những việc đã chế và khai ở trên, nếu không hành theo thì tùy mỗi việc phạm tội Ác tác. Những khí cụ cần dùng theo thuốc như ống hít khói dài mười hai ngón tay, làm bằng sắt dùng để hít khói vào mũi, có thể trị được các bịnh; hoặc chén đồng dùng để uống thuốc, khí vật cất giữ thuốc đều không được làm bằng vật báu. Được cất chứa chùy sắt dùng làm nước thuốc nóng, bằng cách nung nóng rồi nhúng vào trong bồn nước thuốc, người bịnh ngâm mình trong bồn nước thuốc nóng này để trị bịnh; hoặc nồi đồng, nồi sắt để nấu thuốc cho đến cái đục, cái liềm, con dao... đều được chứa dùng; nhưng khí vật có ba loại: lớn là một sao, nhỏ là nửa sao, giữa hai loại này là loại vừa. Người thuộc tạp loại sau khi xuất gia rồi không nên trổ tài nghề trước kia của mình, cũng không được cất chứa đồ nghề; nhưng nếu là thầy thuốc thì được.

Bí-sô được cầm dù đi để che mưa nắng, dù nên đan bằng tre trúc, may bằng lá hay bằng vải; không được dùng dù toàn trắng như vua quan, cũng không được tô vẽ hay trang sức bằng lông Khổng tước. Nếu không có mưa hay nắng thì không nên cầm dù, cán dù không nên làm bằng vật báu và chạm

trổ trên đó; khi đi khất thực có thể cầm dù, nhưng khi vào thôn nên gởi ở nhà thế tục, đợi khi khất thực xong trở về mới lấy để che mưa nắng. Bí-sô cũng được mang giày hay guốc cho đến mũ và giày phú la, nơi chỗ có gai góc nên làm đế giày hai lớp để chân không bị đau. Nơi xứ lạnh được tùy ý mặc y Lập bá và áo choàng dày; nơi xứ nóng hay vào mùa nóng cũng được dùng quạt làm bằng lá cây Đa-la, cán quạt cũng không được làm bằng vật báu, cũng không được chạm trổ hoặc dùng châu ngọc đính vào; cũng cho dùng cây phất để xua đuổi ruồi muỗi, tua phất nên dùng sợi gai hay bạch điệp, không được dùng lông đuôi ngựa làm tua phất.

Có hai hạng người được đi xe, đó là người già yếu và người bịnh khổ; nếu người bịnh có dùng các loại hương xông, hương thoa thân thì không nên vào trong chúng... giống như trường hợp ăn tỏi, sau khi lành bịnh nên tắm rửa giặt giũ cho hết mùi hương này mới được trở vào trong chúng. Nếu người tục tín tâm đem hương hoa đến cúng, Bí-sô nên thọ rồi để nơi đầu giường hoặc treo trên tường, ngửi mùi hương hoa này có thể làm cho mắt sáng. Khi thí chủ thỉnh thọ thực, dùng bột hương thoa trên chân Bí-sô thì nên thọ chớ nên ngăn, sau khi thọ thực xong trở về rửa.

Nói bốn loại dược là tổng nêu, trong học xứ này chỉ nói đến Thất nhật dược gồm có tô, dầu, mật và thạch mật. Tô là như sữa bò, sữa dê... cho đến sanh

tô, thục tô; dầu là như dầu mè, dầu phọng... và bao gồm năm loại mỡ như pháp lượt dùng; mật là mật ong; đường là đường mía, đường cát, đường phèn. Nhưng bịnh duyên không ngoài ba loại là bịnh phong, bịnh nhiệt và bịnh đàm ấm; nếu là bịnh phong nên dùng dầu, bịnh nhiệt nên dùng tô và thạch mật, bịnh đàm ấm nên dùng mật và đường, nước đường cát cũng có thể trừ cả ba bịnh. Nói bảy ngày là nói thời gian lâu nhất, ở khoảng giữa tùy ý dùng trong mấy ngày thì dùng.

Nói ở trong Thời sau khi thọ rồi nên đối trước một Bí-sô tác pháp thủ trì như sau:

Đại đức nhớ nghĩ, tôi là Bí-sô có bịnh duyên, loại dược thanh tịnh này nay xin được thọ trì trong vòng bảy ngày tự lấy dùng. (ba lần)

Nói xúc chạm lấy dùng trong đêm là được xúc chạm và để loại thuốc này ở trong phòng cùng ngủ đêm, để trong đếm cần lấy dùng mà không phải thọ lại. Nói Thời là khoảng thời gian từ sáng sớm cho đến giữa trưa, nói Phi thời là từ xế trưa cho đến sáng hôm sau khi mặt trời chưa mọc. Thời hạn cất chứ là bảy ngày, nếu gần hết thời hạn mà còn dư thì nên đem cho tịnh nhân hoặc Cầu tịch; nếu không đem cho để qua ngày thứ tám khi mặt trời mọc liền phạm Xả đọa. Bí-sô sau khi tác pháp thủ trì xong nên khởi niệm: "loại Thất nhật dược này ta nay nên thọ dụng", nếu không khởi niệm này thì khi uống dùng, vừa qua cổ họng liền phạm tội Ác

tác.

Đủ bảy ngày, tưởng đã đủ bảy ngày và nghi mà dùng thì phạm Xả đọa; không đủ, tưởng đủ và nghi thì phạm tội Ác tác; không đủ, tưởng không đủ và đủ tưởng không đủ thì không phạm. Nếu vì muốn đẹp hoặc vì tham mùi vị hoặc vì muốn được mập mạnh với tâm dối thọ dụng thì phạm tội Ác tác. Bí-sô sau khi thọ trì được một ngày, nên đối trước vị đồng phạm hạnh nói rằng: "tôi đã thọ dùng loại dược này được một ngày, còn sáu ngày nữa", cứ như thế cho đến ngày thứ bảy nên biết.

Trong ba mươi pháp Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề này, Bí-sô tùy phạm một pháp nào, nên xả vật phạm rồi sám tội Đọa; nếu không xả vật phạm, không để cách đêm hoàn vật, không sám tội hoặc thiếu một trong ba điều này thì khi được thêm vật khác hoặc đồng loại hoặc khác loại, vừa vào tay liền phạm Xả đọa, vì do thế lực của tội trước lây nhiễm. Nói xả vật là đem vật phạm đối trước Bí-sô thanh tịnh để xả; nói cách đêm là ngày nay xả y, ngày mốt mới hoàn vật, ở giữa gián cách một ngày đêm. Trừ bát dư có phạm phải ở trong chúng hành bát, tất cả vật phạm khác đều nên đối trước một Bí-sô xả, riêng vàng bạc vật báu thì nên xả cho người chưa thọ Cận viên và người tục; nếu là y đoạt lại của người khác thì sau khi xả nên trả y lại cho người bị đoạt. Có bốn hạng người sở đối để xả vật: một là người đáng tin nhưng không hiểu luật tạng, hai là tuy hiểu

luật tạng nhưng không đáng tin, ba là có cả hai, bốn là không phải cả hai. Trong bốn hạng người này nên đem vật phạm đối trước hạng người thứ tư mà làm pháp xả như sau: "Đại đức nhớ nghĩ, vật phạm Xả đọa này nay con xả cho Đại đức, tùy Đại đức định đoạt", xả rồi để các đêm mới hoàn lại vật cho Bí-sô phạm và nói rằng: "vật này thầy có thể tùy ý dùng". Bí-sô phạm nên đối trước vị thanh tịnh với đầy đủ oai nghi nói tội như sau:

Đại đức nhớ nghĩ, tôi Bí-sô chứa y dư phạm Xả đọa và tội Ba-dật-đề không kính giáo cùng các tội phương tiện Đột sắc ngật lý ca, nay đối trước cụ thọ phát lồ sám hối không dám che giấu, do phát lồ nên được an lạc, không phát lồ thì không được an lạc. (ba lần)

Bí-sô thọ sám hỏi: thầy có thấy tội không? Bí-sô đối sám đáp: thấy.

Lại hỏi: sau này thầy có khéo hộ trì các giới không?

Đáp: sẽ cẩn thận hộ trì.

Bí-sô thọ sám nói: tốt. Đáp: Lành thay.

## *V. 90 PHÁP BA DẬT ĐỀ:*

Tổng nhiếp tụng:

*Vọng ngữ và chủng tử,*
*Không sai cùng thường ăn,*
*Nước trùng, bảo bạn đi,*
*Bàng sanh, đám giặc, ăn.*

Biệt tụng thứ 1:

*Vọng, hủy và ly gián,*
*Phát khởi, đồng thanh tụng,*
*Nói tội, thật đắc quả,*
*Theo bà con, khinh hủy.*

**1. Cố ý vọng ngữ:**

Phật tại Trúc lâm, thành Vương xá, lúc đó cụ thọ La hỗ la khi có ai đến hỏi Phật đang ở đâu liền vọng nói phương xứ để xúc não người đó; lại do Bí-sô Pháp thủ ở thành Thất-la-phiệt dối hẹn ngày luận nghĩa với Luận nghĩa sư từ phương Nam đến mà không đến nên bị chê trách. Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu Bí-sô cố ý vọng ngữ thì phạm Ba-dật-đề.

Nói cố ý là tâm đã quyết định, không có lầm lỡ; vọng ngữ là nói trái với tâm, nói hư dối. Trong giới này, vọng ngữ từ hai loại tăng dần đến chín loại, nói chín là gồm năm bộ tội và bốn phá hạnh; nói tám là gồm ba căn cứ và năm bộ tội; nói bảy là gồm ba căn cứ và bốn phá hạnh; nói sáu là gồm ba thời và ba căn cứ; nói năm là năm bộ tội; nói bốn là bốn phá hạnh; nói ba là ba căn cứ, lại có ba là người vọng ngữ nghĩ rằng: "ta sẽ vọng ngữ, đang vọng ngữ và đã vọng ngữ"; nói hai là đang vọng ngữ và đã vọng ngữ, vọng ngữ chỉ có hai vì không có một mà thành vọng ngữ. Vọng ngữ thuộc tội Ba la thị ca là tự nói mình được pháp hơn người; vọng ngữ

thuộc tội Tăng già bà thi sa là đem tội trọng không căn cứ vu báng muốn phá hạnh thanh tịnh của người khác; vọng ngữ thuộc tội Tốt-thổ-la để là ở trong chúng, phi pháp nói là pháp; vọng ngữ thuộc tội Đột sắc ngật lý ca là khi thuyết giới biết mình có phạm mà im lặng che giấu; trừ bốn loại vọng ngữ trên, các loại vọng ngữ khác đều thuộc tội Ba-dật-đề, do việc vọng ngữ có sai khác nên thành năm bộ tội.

Nói Ba-dật-đề là đốt nấu, đọa lạc; các học xứ ở phương tiện vị đều có tội Ba-dật-đề không kính Thánh giáo. Trong học xứ này, nếu thật không thấy, nghe, hay biết mà nói là thấy nghe hay biết thì đều phạm Đọa; quên hay không quên, nghi hay không nghi, không thấy mà tưởng có thấy hoặc thấy mà tưởng không thấy; hoặc trong bốn việc thấy nghe hay biết lại nói lẫn lộn nhau, hoặc chỉ quên một việc còn việc khác không quên, hoặc nghi một việc còn việc khác không nghi, khi trái tâm mà nói như thế cho đến người nghe chưa hiểu thì phạm tội Ác tác đối thuyết, nếu khởi tâm muốn vọng ngữ thì phạm tội trách tâm.

Thật thấy, tưởng thấy mà nói không thấy thì phạm bổn tội; thật thấy nhưng nghi mà nói là tôi thấy hoặc nói không thấy thì phạm tội Ác tác; thật không thấy mà tưởng là thấy nên nói thấy thì không phạm; nếu thật không thấy, nghi mà nói là tôi thấy thì phạm tội Ác tác, do tưởng có sai khác mà phạm

tội có nặng nhẹ.

Nếu Bí-sô mặc áo thế tục hay áo ngoại đạo, có người hỏi: "ông thuộc loại người nào?", đáp là người tục hay ngoại đạo thì phạm Ba- dật-đề; nếu mặc áo ngoại đạo và làm hình tướng thế tục thì phạm tội Ác tác; nếu làm nghi dung ngoại đạo lõa hình thì phạm Tốt-thổ-la để, nhưng không do việc này mà xả học xứ. Không phạm là nói có căn cứ thấy nghe nghi và nương theo tưởng mà nói. Tội vọng ngữ có bốn chi thành phạm: một là Bí-sô, hai là có tâm vọng, ba là nói rõ ràng, bốn là người nghe hiểu rõ. Lại nữa, đệ tử Phật thường nên nói thật, càng không nên thề thốt để tự minh oan vì người khác không tin, dù bị vu báng cũng không nên thề.

**2. Chê bai mắng nhiếc:**

Phật vườn Cấp-cô-độc, thành Thất-la-phiệt, lúc đó Lục chúng Bí- sô chê bai mắng nhiếc Bí-sô khác là què thọt, Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu Bí-sô chê bai mắng nhiếc Bí-sô khác thì phạm Ba-dật-đề.

Nói chê bai mắng nhiếc là do sân hận hay do ngạo mạn, khi chê bai mắng nhiếc như thế, dù người nghe hổ thẹn hay không, đều phạm bổn tội. Có tám việc: một là tộc họ, hai là nghề thợ, ba là hình tướng, bốn là tật bịnh, năm là phá giới, sáu là phiền não, bảy là không giới, tám là phi loại.

Nói tộc họ là bốn giai cấp: Sát-đế-lỵ, Bà-la-

môn, Phệ xá, Thủ đà la; như nói thầy thuộc dòng Sát-đế-lỵ hoặc Bà-la-môn thì phạm tội Ác tác, do có tâm chê bai; hoặc nói dòng Sát-đế-lỵ, Bà-la-môn có nghề gì thì thầy nên học, cũng phạm tội Ác tác; nếu nói với tâm chê bai hai giai cấp dưới là hạ tiện thì phạm bổn tội.

Nói nghề thợ là bao gồm các nghề như chài lưới, thợ may, thợ sắt, thợ mộc, thợ hồ, thợ cạo... nếu nói với tâm chê bai các nghề này là thấp hèn và nói thầy nên học nghề này thì đều phạm bổn tội.

Nói hình tướng là như nói què, thọt, lùn... Nói tật bịnh là như nói bịnh hủi, ung thư...

Nói phá giới là nói tội đã phạm thuộc trong năm bộ tội. Nói phiền não là nói sân hận, tật đố...

Nói không giới là nói trước kia đã phạm trọng, hoặc khi làm Cầu tịch và sau khi thọ Cận viên lại phạm tội trọng, hoặc tuy thọ Cận viên nhưng chúng không hòa hợp hoặc người có các chướng pháp như là tặc trú, Bán trạch ca, hoặc làm ô nhục Bí-sô ni, phi nhân hoặc người điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại...

Nói phi loại là như nói thầy là Bí-sô ni, Thức xoa ma na... thì phạm tội Ác tác, chê bai Bí-sô ni và ba chúng dưới cũng phạm tội Ác tác. Bí-sô ni chê bai mắng nhiếc Bí-sô ni cũng phạm Đọa, chê bai Bí-sô và ba chúng dưới đều phạm tội Ác tác. Nếu đối với người Trung phương mà nói ngôn ngữ

của biên địa hay ngược lại, người nghe nhận hiểu thì phạm bổn tội, không hiểu thì phạm tội Ác tác. Việc này tưởng việc này, trong sáu câu có bốn phạm và hai không phạm; không phạm là trong dòng tộc nêu tên mà nói, hoặc không có tâm chê bai, nói lở lời hoặc có ý dạy bảo hoặc muốn làm lợi ích.

**3. Nói ly gián:**

Duyên xứ như trên, lúc đó Lục chúng Bí-sô vì việc nuôi chúng mà nói lời ly gián nên Phật chế học xứ:

Nếu Bí-sô nói lời ly gián thì phạm Ba-dật-đề.

Nói ly gián là khởi ác tâm nói ly gián để mong cầu vật tư sanh hoặc muốn làm việc không lợi ích hoặc do tật đố, hoặc muốn làm phước nghiệp như đọc tụng, y chỉ... Nếu Bí-sô nơi một người nói ly gián một người hoặc hai người cho đến nhiều người hay một chúng... việc có nặng nhẹ nhưng tên tội không khác, khi vừa đến nói ly gián thì phạm tội Ác tác, người kia nghe hiểu thì phạm bổn tội. Thân ở trên hư không đối trước người ở dưới đất nói ly gián hoặc ngược lại; thân ở trong giới đối trước người ở ngoài giới nói ly gián và ngược lại; hoặc cả hai người đều ở trong giới hoặc đều ở ngoài giới thì đều phạm bổn tội. Nếu đối trước người thọ học nói ly gián thiện Bí-sô hoặc đối trước Cầu tịch nói ly gián Bí-sô và ngược lại thì

đều phạm tội Ác tác. Khi nói ly gián, người nghe chưa hiểu thì phạm tội Ác tác, cảnh tưởng, phạm và không phạm đều giống như trên.

**4. Phát khởi lại yết ma dứt tránh:**

Duyên xứ như trên, lúc đó Tăng đã như pháp yết ma dứt tránh, Lục chúng Bí-sô phát khởi trở lại nên Phật chế học xứ: Nếu Bí-sô biết Tăng hòa hợp đã như pháp đã xử đoán việc tranh cãi xong rồi, sau đó nơi yết ma phát khởi trở lại thì phạm Ba-dật-đề.

Nói biết là biết việc yết ma đã xử đoán như pháp, hoặc tự biết hoặc do người khác nói cho biết; nói hòa hợp là không phải biệt chúng, tức là các Bí-sô ở trong giới hòa hợp hiện tiền tác pháp, người nên gởi dục thì gởi dục, người nên quở thì không quở. Có mười bốn hạng người không nên quở:

1. Người ngu là người ý suy nghĩ điều ác, miệng nói lời ác, thân làm việc ác và cố chấp việc đã làm.

2. Người si là người không trì kinh, luật, luận.

3. Người không phân minh là người không hiểu rõ giáo văn trong ba tạng.

4. Người không thiện xảo là người không hiểu rành giáo lý trong ba tạng.

5. Người không tàm quý là người phạm một trong bốn tội Tha thắng.

6. Người có lỗi lầm là người mới tranh cãi hay

trước đó đã có lời oán trách

7. Người ở ngoài giới hoặc ở trong giới nhưng ở chỗ lìa thấy

nghe.

8. Người ở chỗ khác tức là ở trong giới nhưng lại ở trên hư

không.

9. Người bị Tăng bạch tứ yết ma xả khí.

10. Người nói không có thứ tự là người nói dối, nói ly gián, nói thô ác và tạp loạn.

11. Người xả oai nghi là người rời khỏi chỗ ngồi.

12. Người mất bản tánh là người làm việc không nên làm, không tu tập các học xứ.

13. Người thọ học là người phạm tội Ba la thị ca nhưng không che giấu, Tăng bạch tứ yết ma cho học lại giới trọn đời ( học hối Sa di ).

14. Tăng yết ma như pháp.

Nói người nên quở trách là người thanh tịnh, lời nói có phép tắc, ở trong chúng không xả oai nghi.

Người trụ bổn tánh là người thấy Tăng bỉnh yết ma phi pháp nếu quở thì thành quở, hoặc thấy người bỉnh yết ma tuy như pháp nhưng không thích muốn quở thì cũng thành quở; hoặc như yết ma sai mười hai hạng người hay như Cầu tịch và Chánh học nữ thọ Cận viên, hoặc Cầu tịch nữ thọ sáu học

pháp, hoặc cho yết ma Biệt trụ cho đến cho yết ma Xuất tội, nếu vị này hiểu rõ sự việc mà quở thì cũng thành quở.

Tăng đủ túc số là bốn người trở lên, nếu thiếu một người thì không gọi là Tăng; nếu đưa người thọ học vào cho đủ túc số, hoặc đưa người tục, người trước đã phạm tội, ô nhục Ni, người tạo tội Vô gián, hoặc ngoại đạo, tặc trú, người phạm Bất cọng trụ, người đang hành Biệt trụ, người điếc... vào cho đủ túc số thì tác pháp không thành, phạm tội Ác tác. Nếu Tăng vì Tăng mà tác yết ma thì phạm Tốt-thổ-la để, vì làm phương tiện phá Tăng.

Nói như pháp là như lời Phật dạy, hòa hợp tác pháp thì gọi là như pháp, khác với đây là phi pháp. Có năm loại yết ma phi pháp, đó là phi pháp biệt chúng, phi pháp hòa hợp chúng, tợ pháp biệt chúng, tợ pháp hòa hợp chúng, như pháp biệt chúng. Phi pháp trong đây là không cho giải mà giải; hoặc bạch nhị, bạch tứ không tác bạch mà liền tác yết ma hoặc ngược lại. Tợ pháp trong đây là không cho làm yết ma mà làm yết ma, hoặc yết ma trước, tác bạch sau. Túc số trong đây là số người nhiều hơn bốn người thì tác yết ma thành tựu, nếu ít hơn bốn người thì không thành; lại nữa nếu sai người thọ học hành trù thì tác yết ma không thành. Khi tác yết ma xả trí, tuy ngủ nhưng nghe tác bạch thì cũng thành xả trí; hoặc nghe tác bạch rồi ngủ hay nhập định cũng thành xả trí, hoặc nghe tác

bạch rồi chúng đều ngủ cũng thành xả trí, nhưng nếu chúng ngủ trong lúc đang tác bạch thì không thành xả trí; nếu khi tác bạch có một trong tám nạn sự khởi lên, dù chỉ có một người nghe cũng thành xả trí.

Nói tránh sự có bốn: một là bình luận tránh (ngôn tránh), hai là phi ngôn tránh, ba là phạm tội tránh, bốn là sự tránh. Nói như pháp dứt tránh là việc tranh cãi đã dứt diệt, nói phát khởi lại là đối với việc tranh cãi đã dứt diệt, do tâm ác nên phát khởi lại.

Tướng phạm trong đây là nếu biết việc tranh cãi thuộc một trong bốn loại kể trên đã như pháp dứt diệt rồi, khởi tưởng đã dứt diệt rồi và nghi mà còn phát khởi trở lại thì phạm Ba-dật-đề; không như pháp dứt diệt, khởi tưởng là như pháp và nghi thì phạm tội Ác tác; pháp và phi pháp, khởi tưởng là phi pháp thì không phạm. Có năm hạng người được phát khởi yết ma:

1. Chủ nhân là người đối với yết ma đã bỉnh, đầu giữa sau đều biết rõ.

2. Người bỉnh pháp là người ở trong chúng, lúc đó đang bỉnh yết ma.

3. Người gởi dục là người có duyên sự không đến nhóm họp.

4. Người trình bày tình kiến là người trình bày ý kiến của mình về việc tranh cãi.

5. Khách là người đối với việc tranh cãi, đầu giữa sau đều không biết rõ.

Trong năm hạng người này, ba hạng người trước nếu phát khởi yết ma trở lại thì phạm bổn tội, hai hạng người sau thì phạm tội Ác tác.

Lại có năm hạng người phi pháp trình bày ý kiến của mình, lời nói ra đều không đúng pháp: một là người trụ bộ khác, hai là người chưa thọ Cận viên, ba là người bị trị phạt, bốn là người được pháp gia bị, năm là người phạm trọng.

**5. Thuyết pháp cho người nữ quá 5, 6 lời:**

Duyên xứ như trên, lúc đó Bí-sô Ô-đà-di giỏi về tướng số, đối trước người nữ này nói tướng lạ ở chỗ kín của người nữ kia nên chiêu lấy cơ hiềm, Phật liền chế ngăn việc thuyết pháp cho người nữ. Sau đó quán lợi ích nên khai cho nói pháp chừng năm sáu câu, Lục chúng Bí-sô cố ý nói tăng thêm bảy câu, lại xem khỉ vượn bên cạnh là người nam có trí để nói pháp cho người nữ, nên Phật chế học xứ:

Nếu Bí-sô nói pháp cho người nữ quá năm, sáu câu thì phạm Ba- dật-đề, trừ có người nam hiểu biết bên cạnh.

Nói người nữ là người hiểu biết được nghĩa thiện ác của lời nói; nói năm câu là nói năm uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành, thức đều là vô thường; nói sáu câu là nói sáu căn: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và

ý đều là vô thường. Trong đây nếu nói quá năm đến sáu câu hoặc nói quá sáu đến bảy câu thì thành phạm. Không phạm là có người nam hiểu biết nghĩa thiện ác của lời nói ở bên cạnh, có thuyết nói có người nữ hiểu biết khác bên cạnh cũng không phạm; hoặc ở trên lầu nói năm câu, xuống tầng giữa nói thêm thành sáu câu, xuống tới dưới đất nói thêm thành bảy câu, do khác chỗ nên không phạm. Cảnh tưởng và nghi về người nam hiểu biết hoặc về số câu giống như trên, suy ra mà biết; nếu người bên cạnh là người không hiểu biết hoặc là người biên địa hoặc ngủ say, nhập định... thì phạm tội Ác tác.

-oOo-

# CĂN BẢN TÁT BÀ ĐA BỘ LUẬT NHIẾP

# QUYỂN 9

## 6. Cùng người chưa thọ Cận viên đọc tụng:

Duyên xứ như trên, lúc đó Lục chúng Bí-sô cùng những người chưa thọ Cận viên đồng thanh đọc tụng làm ồn náo như pháp của Bà-la- môn, Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu Bí-sô cùng người chưa thọ Cận viên đồng câu đọc tụng và dạy pháp thì phạm Ba-dật-đề.

Nói người là giả không phải thật, vì do bốn nghĩa giả nhưng thuận theo thế tục mà gọi là người, nếu nói khác họ sẽ kinh sợ. Nói đồng câu là hoặc đồng câu hoặc trước câu, hoặc đồng chữ, trước chữ; nếu đọc tụng cùng một lúc thì gọi là đồng câu, nếu A-giá-lợi-da chưa đọc xong, đệ tử liền đọc theo thì gọi là trước câu; nói dạy pháp là dạy mười hai phần giáo, có thuyết nói pháp trong đây là pháp tương ưng với Tỳ- nại-da; chế ngăn người chưa thọ cụ, nếu thọ cụ thì không phạm. Nếu Bí-sô dạy pháp cho người thật chưa thọ Cận viên, khởi tưởng chưa thọ Cận viên và nghi mà đọc tụng đồng câu hoặc

trước câu, đồng chữ hay trước chữ thì phạm Ba-dật-đề; nếu đối tượng là phi nhân, bàng sanh hay người điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại... thì phạm tội Ác tác. Nếu người tục vì tìm lỗi hoặc có tâm trộm pháp, hoặc không tín kính, không hiểu biết gì hoặc là ngoại đạo mà nói lời tương ưng với luật cho họ nghe thì phạm Đọa. Nếu chúa giặc hoặc vua hoặc người tín kính muốn nghe giới kinh, nói cho họ nghe thì không phạm. Có năm hạng người không nên nói Tỳ-nại-da cho họ nghe: một là người tánh không hiểu biết gì mà gắng gượng hỏi, hai là người không phải vì trừ nghi mà hỏi, ba là người hỏi để thử, bốn là người muốn xúc não nên hỏi, năm là người hỏi để tìm lỗi; ngược với năm hạng người trên thì nói cho họ nghe không phạm. Không phạm là nói cà lăm, tánh hấp tấp hoặc đồng tụng câu chánh văn, hoặc trước khi dạy pháp có bảo người kia không được đồng đọc tụng.

Người thọ pháp phải đủ oai nghi, không nên khi thọ pháp mà ngủ gật; hễ là đệ tử thì dù già hay trẻ, khi đến chỗ thầy thỉnh hỏi đều nên cung kính chắp tay, trước thăm hỏi thầy có an không, kế thỉnh thầy quyết nghi, thầy dạy nên nhất tâm lãnh thọ không để cho quên mất, thọ pháp xong đảnh lễ thầy rồi lui ra. Nếu thầy ra ngoài có việc phải đi theo thì nên đi sau thầy, thầy ngồi mình nên đứng một bên hoặc ngồi ở ghế thấp. Thầy đối với đệ tử nên quý trọng chớ nên khinh miệt và dạy bảo với tâm hư

dối, cũng không nên có tâm xẻn pháp, có nhẫn có thương, không khởi sân giận để người thọ pháp không sanh phiền não. Đối với người thường hầu hạ, thầy nên thường dạy bảo; đối với người bẩm tánh ngu độ cũng nên dạy riêng. Nếu khi thuyết pháp, dạy pháp bằng giọng ca vịnh thì phạm tội Ác tác, tụng kinh thì không phạm; không nên đọc tụng kinh sách ngoại đạo, nếu muốn hàng phục ngoại đạo, tự biết mình có khả năng thì mỗi ngày ba thời nên dành hơn hai thời phần để học Phật pháp, thời phần còn lại mới nghiên cứu ngoại thư. Không nên chia năm tháng làm thời phần, nên chia ngày đêm ba thời, đầu đêm sau đêm tu định, giữa đêm ngủ nghỉ. Nếu đọc tụng kinh theo tiết đoạn va âm vận của Bà-la-môn thì phạm tội Việt pháp; dù là phương ngôn hay quốc ngữ, tùy thời ngâm vịnh để xướng dắt, cũng không phạm. Bí-sô nên học luật của Bí-sô ni để khi ni thỉnh giáo thọ, như pháp mà giáo thọ hoặc có nghi thì giải nghi cho họ. Nếu khi thuyết giảng mà quên nhân duyên, chỗ ở, phương xứ thì tại sáu thành lớn là nơi Như lai trú lâu nhất ở trong đại Chế để, nói ra những nơi ấy thì không phạm. Nếu quên hiệu của các vua thì nói vua Thắng quang, nếu quên trưởng giả thì nói trưởng giả Cấp-cô-độc, nếu quên Ô-ba-tư-ca thì nói Tỳ-xá-khư... nên biết như vậy. Đối với nơi khác thì tùy theo vua hay trưởng giả ở nơi đó mà nói. Nếu nói về nhân duyên sự việc đời trước thì tùy thời mà

nói, như nói thành Bà-la-nê-tư thì có vua hiệu Phạm thọ, có trưởng giả tên Tương tục, có Ô-ba-tư-ca tên Trưởng tịnh. Lại nữa vào ngày mồng tám, mười bốn mỗi tháng, Bí-sô ở trú xứ vào bữa tiểu thực nên đánh kiền chùy nhóm chúng để thuyết kinh pháp, nếu ngoại đạo đến thì nên phương tiện bảo họ đi ra. Nên thỉnh bậc kỳ túc thuyết kinh pháp, người thuyết pháp không nên cầu lợi để nuôi mạng sống; nếu người thuyết pháp nói phi pháp thì Thượng tòa nên ngăn lại; người thuyết pháp cũng không nên dẫn nhiều đồ đệ làm thị tùng, nếu họ tự nguyện đi theo thì không phạm. Người thuyết pháp nên ngồi tòa cao và nếu người khác không thỉnh mà liền vì nói thì phạm tội Việt pháp.

### 7. Nói tội Thô của người khác cho người chưa thọ Cận viên nghe:

Duyên xứ như trên, lúc đó trong Lục chúng Bí-sô có một Bí-sô già phạm tội Tăng già bà thi sa, bị tăng trị phạt; các Bí-sô khác nói cho người chưa thọ Cận viên nghe, khiến họ khinh miệt Bí-sô già kia, Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu Bí-sô biết Bí-sô khác có tội thô mà nói cho người chưa thọ Cận viên nghe thì Bí-sô này phạm Ba-dật-đề, trừ Tăng yết ma cho nói.

Tội thô là tội thuộc hai bộ giới đầu và tội phương tiện; nói trừ Tăng yết ma là như trường hợp của Bí-sô Quảng Ngạch và Bí-sô ni Tùng thọ, Phật

bảo các Bí-sô tác yết ma sai người đi nói tội của họ cho người tục biết; nếu một mình vị này không thể làm được thì Tăng nên tác đơn bạch cho cả chùng cùng nói, do một người đi nói thì dễ bị hại nên cho nhiều người nói, mục đích để ngăn Bí-sô ác làm tổn giảm Tam bảo và ngăn bè nhóm ác phá giới tăng thêm, muốn khiến họ bỏ bạn ác gần bạn lành; lại cũng muốn hộ tâm mọi người, chớ để họ cho là Tăng đồng ác hạnh và cho là các Bí-sô phần đông là phạm giới hạnh, che giấu cho nhau; cũng ngăn Bí-sô ác đến nhà bạch y làm điều không lợi ích.

Nếu người tục trước không biết Bí-sô kia có tội Thô, Bí-sô tưởng không biết và nghi mà nói tội Thô của Bí-sô kia cho nghe thì phạm Ba- dật-đề; nếu nói tội Thô của mình, hoặc khi nói tội Thô của người khác, người nghe không hiểu thì phạm tội Ác tác. Tuy được Tăng yết ma cho nói, nhưng nếu nói cho người chưa biết có tâm phẩn nộ riêng tư thì cũng phạm tội Ác tác. Không phạm là tội của người đó, mọi người trong thành ấp thả đều nghe biết, nếu có chưa biết, tưởng là biết mà nói, hoặc nói cho người Kiến đế nghe thì không phạm.

### 8. Thật được pháp của bậc thượng nhân nói cho người chưa thọ Cận viên nghe biết:

Phật tại thành Phệ xá ly, bên sông Bạt lũ mạt đế, lúc đó các Bí-sô trước kia chưa thật được pháp

của bậc thượng nhân, nay đã được nên đem nói cho người chưa thọ Cận viên biết. Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu Bí-sô ở trước người chưa thọ Cận viên nói tôi được pháp hơn người, nếu là thật thấy biết nên nói là thấy biết như vậy, thì Bí-sô này phạm Ba-dật-đề.

Giới này khác với giới đại vọng ngữ ở chỗ giới kia là hư, giới này là thật; giới kia phạm trọng, giới này phạm khinh; giới kia tội phương tiện là Tốt-thổ-la đề, giới này tội phương tiện là Ác tác. Tướng phạm trong giới này là nếu Bí-sô thật được pháp của bậc thượng nhân, nói cho người chưa thọ Cận viên nghe biết thì phạm Đọa; nếu đối trước phi nhân, người điên cuồng... thì phạm tội Ác tác. Nếu trong tay Bí-sô đang cầm quả, có người hỏi thầy được quả phải không, nếu ý ở nơi quả trong tay mà đáp là được thì phạm tội Ác tác; nếu ý ở nơi quả Thánh mà đáp là được thì phạm Đọa; đối trước người tục hiện thần thông cũng phạm tội Ác tác; Bí-sô ni đối trước Phật mà hiện thần thông cũng phạm tội Ác tác. Không phạm là vì muốn cho Thánh giáo được hiển hiện nên hiện các thần biến hoặc tự hiển bày đức của mình, hoặc muốn tâm hữu tình kia được giáo hóa điều phục nên nói không phạm.

### 9. Vu báng hồi chuyển lợi vật của chúng:

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Bí-sô Thật-lực-tử làm việc chúng nặng nhọc nên ba y đều hư rách, Phật bảo các Bí-sô tác yết ma cho Thật-lực-tử y. Trong chúng có hai anh em Mật-đát-la và Bộ-nhĩ-ca do đời trước có oán thù với Thật-lực-tử nên nhân việc này vu báng để xúc não Thật-lực-tử, các Bí-sô cũng vì việc này sanh tranh cãi. Phật chế học xứ:

Nếu Bí-sô trước đã hoan hỉ cho, sau lại nói rằng: "các Bí-sô tùy thuận người quen biết nên hồi chuyển vật của Tăng đem cho", thì Bí-sô này phạm Ba-dật-đề.

Nói đã hoan hỉ cho là tâm hòa đồng với việc mà Tăng đã làm; nói tùy thuận người quen biết tức là A-giá-lợi-da, Ô-ba-đà-da và các môn nhân ở chung; nói lợi vật là dựa trên duyên khởi mà nói, bao gồm y lợi và thực lợi.

Trong đây phạm là không hồi chuyển, khởi tưởng không hồi chuyển và nghi thì phạm Ba-dật-đề; hồi chuyển, khởi tưởng không hồi chuyển thì phạm tội Ác tác; không phạm là hồi chuyển hay không hồi chuyển mà khởi tưởng là hồi chuyển.

**10. Khinh chê học xứ:**

Phật tại vườn Cấp-cô-độc, thành Thất-la-phiệt, lúc đó Lục chúng Bí-sô mỗi nửa tháng nghe thuyết Ba-la-đề-mộc-xoa; khi nghe thuyết Ba la thị ca thì im lặng, nghe thuyết đến Tăng già bà thi sa... liền

sanh bất nhẫn nói ra lời khinh chê học xứ nên Phật chế học xứ:

Nếu Bí-sô khi thuyết giới nói rằng: "cụ thọ sao lại nói những giới vụn vặt ấy làm chi, mỗi nửa tháng từ trong Giới kinh nói những giới này làm cho Bí-sô khác tâm sanh hối, tâm hoại, tâm phiền não, áy náy, ưu sầu không vui", nói lời khinh chê giới như vậy thì Bí-sô này phạm Ba- dật-đề.

Nói thuyết giới là bắt đầu từ lời tựa giới, bốn pháp Ba la thị ca cho đến hết bảy pháp Diệt tránh, tổng nhiếp các việc và nhưng học xứ vụn vặt đã có. Do Lục chúng Bí-sô thường hay phạm tội nên khi nghe đến những giới này, tâm tình không vui nên nói ra lời chê trách, khinh chê học xứ như thế. Nói vụn vặt là chỉ cho ba bộ giới dưới. Nói tâm sanh hối... là đối với điều mình ưa thích lại không ưa thích, điều nên làm lại không làm; do hối nên phiền não, ưu sầu không vui, khi nói ra lời khinh chê này liền phạm Đọa. Nếu đối với mười bảy việc trong Ni đà na. Mục đắc ca, tăng năm, tăng sáu cho đến tăng mười sáu... và các kinh khác tương ưng với Tỳ-nại-da mà khinh chế đều phạm Ba-dật-đề; không tương ưng với Tỳ-nại-da thì phạm tội Ác tác. Cảnh tưởng và nghi giống như trên.

**11. Hoại chủng tử sống:**

Duyên xứ như trên, lúc đó có Bí-sô trước kia là thợ xây dựng, vì muốn làm chùa nên đốn chặt cây

đại thọ thù thắng gần miếu thờ trời, thần cây ngay trong đêm đó đến chỗ Phật bạch lại việc trên. Phật an ủi thần cây rồi bảo các Bí-sô: "các thầy không nên đốn chặt cây cối, nếu vì muốn làm chùa cần đốn chặt cây thì trước đó khoảng bảy tám ngày, ở nơi gốc cây đó làm Mạn đà la, đọc kinh ba lần xong liền nói bố thí chú nguyện, kế nói mười nghiệp bất thiện là nhân của đọa lạc và khuyên tu mười thiện nghiệp để được quả giải thoát", kế nói rằng: "nếu trên cây này có thần nương ở, nay nên đi chỗ khác; tôi vì tăng làm chùa hay tháp", nói như thế xong mới đốn chặt. Nếu khi chặt có hiện tướng lạ thì nên ca ngợi phước bố thí, chê trách bỏn xẻn; nếu vẫn hiện tướng lạ thì không nên chặt. Do Lục chúng Bí-sô tự tay chặt cỏ cây, ngoại đạo và người tục thấy liền chê trách là không có tâm từ mẫn, làm tổn hại chỗ ở của chúng sanh và thôn xóm của quỷ thần, nên Phật chế học xứ: Nếu Bí-sô tự hoại chủng tử sống là thôn xóm của hữu tình, hoặc bảo người khác làm thì phạm Ba-dật-đề.

Chủng tử có năm loại:

1. Căn chủng: loại sinh từ củ, từ gốc như hương phụ tử, gừng, khoai...

2. Hành chủng: loại sinh từ thân cành như cây Bồ đề, thạch lựu...

3. Tiết chủng: loại sinh từ lóng đốt như mía, tre...

4. Khai liệt chủng: loại sinh từ hạt nứt tét ra, nẩy mầm và tăng trưởng như hạt đào, hạt đậu...

5. Dị tử chủng: loại sinh từ hột khác loại như từ lông dê mà sanh cỏ Đề xanh, từ phân bò sanh hoa sen xanh; lúa bắp... vừa là dị tử chủng vừa là khai liệt chủng, vì cũng do nứt hạt mà nẩy mầm, cũng gọi là Tử tử chủng.

Nói quỷ thần thôn là cây cối trong rừng đều là nơi nương ở của cầm thú và quỷ thần, giống như thôn xóm của người; nói hoại là bao gồm bẻ, nhổ, đốn chặt... Nếu Bí-sô nơi chủng tử, cây cỏ sống, khởi tưởng chủng tử cây cỏ sống và nghi mà dùng dao, cưa để đốn chặt, hoặc dùng móng tay ngắt, dùng tay bẻ... làm tổn hại khiến cho chúng khô chết, hoặc ở chỗ kinh hành giẫm đạp cỏ tươi, tự làm hay bảo người làm đều phạm bổn tội, nếu chúng không thương tổn thì phạm tội Ác tác. Nếu làm tổn hoại riêng từng loài thì tùy tổn hoại bao nhiêu phạm Đọa bấy nhiêu, nếu dùng nhiều phương tiện thì đều phạm tội Ác tác, nếu dùng một phương tiện làm tổn hoại nhiều loài thì phạm một tội Ác tác và nhiều tội Đọa. Trong các học xứ khác, vọng về cảnh và tâm mà luận tội nhân quả; còn trong học xứ này, nếu cây cỏ mới mọc, lúa hoặc trái đã chín, hoa đã nở... mà làm cho rơi rụng thì đều phạm tội Ác tác; nếu là cây cỏ sống, trái xanh, hoa chưa nở... làm rụng thì phạm Đọa; khuấy động bèo, rêu nổi trên mặt nước thì phạm tội Ác tác, vớt

ra khỏi mặt nước thì phạm Đọa.

Tổ chim hay ong nếu chưa đẻ trứng hoặc đã đẻ trứng nhưng trứng hư thì trừ bỏ không phạm, nếu muốn dời tổ của chúng đi chỗ khác thì nên cẩn thận chớ làm tổn thương chúng; nếu khi quét dọn... vô tình làm tổn thương chúng thì không phạm. Các loại rau củ nếu thọ nên tác tịnh rồi mới được ăn, có năm cách tác tịnh là hỏa tịnh, đao tịnh, tiến tịnh, điểu tịnh và chỉ giáp (móng tay) tịnh; lại có năm cách tác tịnh là rơi rụng hư, nhổ lên, vặn đứt, bửa ra và không phải hạt giống. Hỏa tịnh là như có nhiều trái cây nên nhóm lại một đống rồi dùng lửa châm vào ba bốn chỗ để làm tịnh; nếu tác tịnh riêng thì dùng dao hay móng tay bấm vào; nếu là hạt giống sống mà có chỗ tổn cũng gọi là tịnh; loại không phải hạt giống tức là giống hư không thể nẩy mầm, nấu ăn không phạm. Nếu Bí-sô tự cầm dao tác tịnh thì khi ăn không phạm, nhưng khi tác tịnh phạm Đọa; nếu tự dùng hỏa tịnh thì có lỗi tự nấu, ở chỗ không phải là tịnh địa nấu thì có lỗi bên trong nấu, đều không nên ăn; nếu đi đường hiểm không có tịnh nhân hay người chưa thọ Cận viên hoặc vào thời buổi mất mùa đói kém thì tự tác tịnh không phạm.

**12. Chê bai khinh hủy Bí-sô:**

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Bí-sô Thật-lực-tử được Tăng sai làm người phân chia ngọa cụ và

thức ăn, hai anh em Mật-đát-la và Bộ- nhĩ-ca do có oán thù đời trước nên thường phỉ báng Thật-lực-tử. Tăng đã tác pháp quở trách nhưng vẫn đối trước mặt Thật-lực-tử nói lời chê bai khinh hủy, nên Phật chế học xứ:

Nếu Bí-sô chê bai khinh hủy Bí-sô khác thì phạm Ba-dật-đề.

Chê bai hủy bàng có hai: trước mặt và ở chỗ khuất, trong học xứ này là đối trước mặt hủy báng người được Tăng sai. Đối với mười hai hạng người được Tăng sai, người đã bị Tăng tác pháp quở trách dù đối trước mặt hay ở sau lưng chê bai khinh hủy đều phạm Đọa; nếu Tăng chưa tác pháp quở trách thì phạm tội Ác tác; nếu đó thật là ngước ác, khởi tưởng ngước ác mà hủy báng thì không phạm; nếu là người ác, khởi tưởng không phải là người ác và nghi mà hủy báng thì phạm tội Ác tác; nếu là người thiện, khởi tưởng người thiện và nghi mà hủy báng thì phạm Đọa; người thiện mà tưởng là người ác, hủy báng thì không phạm.

**13. Chống trái lời dạy xúc não:**

Phật tại vườn Cù sư la, nước Kiều-thiểm-tỳ, lúc đó Bí-sô Xiển đà đã phạm tội rồi, các Bí-sô khuyên nên cải hối, Xiển đà nói lời lạ để xúc não, Phật bảo các Bí-sô tác yết ma quở trách, Xiển đà lại im lặng xúc não, các Bí-sô lại tác pháp quở trách. Xiển đà tuy bị quở trách vẫn không cải hối, hoặc nói hoặc

nín để xúc não nên Phật chế học xứ:

Nếu Bí-sô chống trái lời dạy xúc não thì phạm Ba-dật-đề.

Nói chống trái xúc não là khi các Bí-sô như pháp dạy bảo: điều này nên làm, điều này không nên làm; nghe rồi liền chống trái nói ra lời bất nhẫn hoặc im lặng không đáp.

Nói lời lạ là như có Bí-sô hỏi Bí-sô: "thầy có thấy Bí-sô hoặc nam nữ thế tục có tướng mạo như thế như thế hay không?", Bí-sô này khởi tâm xúc não nên đáp: "người như vậy tôi chưa từng thấy, chỉ thấy có hai chân đi từ chỗ này", hoặc im lặng không đáp, thì đều phạm Đọa; như vậy cho đến đối với Tăng hay Bí-sô thanh tịnh, nếu có tâm xúc não khi dối hoặc nói lời lạ hoặc im lặng để chống trái xúc não thì đều phạm Đọa. Nếu khi có người khác hỏi, trước đáp sau nín thì phạm tội Ác tác; nếu đối với Tăng hay bậc tôn túc xứng lý dạy bảo, khởi tâm cấu uế xúc não cũng phạm Đọa; nếu dạy bảo không xứng lý, nói lời chống trái xúc não thì phạm tội Ác tác; khi Tăng dạy bảo nên làm việc này mà lại làm việc kia, cũng phạm Đọa. Lời dạy bảo xứng lý, khởi tưởng xứng lý và nghi mà chống trái xúc não thì phạm Đọa; lời dạy không xứng lý, khởi tưởng xứng lý và nghi thì phạm tội Ác tác; lời dạy xứng lý, khởi tưởng không xứng lý mà chống trái thì không phạm. Nếu giặc đến A-lan-nhã khủng bố bắt Bí-sô làm thức ăn cho bọn giặc ăn; Phật bảo nên

làm theo, nếu thấy không thể thì nên bỏ trốn đi, nếu ở lại thì phạm tội Ác tác.

Về lời dạy bảo có năm trường hợp:

1. Nếu lời dạy phi lý hư dối thì nên chống trái.

2. Nếu lời dạy phi lý và có ý sân thì nên xả.

3. Nếu lời dạy phi lý nhưng không có ý sân cũng không nên nghe theo.

4. Nếu lời dạy bảo nên như thuyết hành trì, tức là hễ có phạm nên cải hối thì phải nghe theo.

5. Nếu lời dạy bảo khuyên nên trì giới, cũng phải nghe theo.

Nếu Tăng sai làm việc chúng, khởi tâm cấu uế, việc nên làm lại không chịu làm, việc không nên làm lại làm thì đều phạm Đọa; không khởi tâm cấu uế thì phạm tội Ác tác. Nếu miệng tuy không nói lời chống trái nhưng thân lại hiện tướng xúc não như sai đi mà không đi, không sai đi lại đi; hoặc gọi đến mà không đến, không gọi đến lại đến; có tâm cấu uế hay không có tấm cấu uế đều kết phạm giống như trên.

Không phạm là khi Bí-sô thấy thợ săn đuổi theo con nai, nếu thợ săn hỏi Bí-sô có thấy con nai chạy qua đây không, nếu trời lạnh thì Bí- sô nên nói hãy vào hơ lửa, nếu trời nóng nên nói hãy vào uống nước; nếu thợ săn cứ hỏi nữa thì Bí-sô nhìn vào móng tay rồi đáp là nặc khư bát xà nhĩ, hoặc nhìn lên hư không rồi đáp như trên; hoặc nhìn bốn phía

suy nghĩ tất cả hành là vô ngã, không có hữu tình, nghĩ như vậy rồi đáp là không thấy có hữu tình nào chạy qua đây, thì không phạm. Nếu miệng đau đang ngậm thuốc, không đáp được thì không phạm.

**14. Không cất phu cụ:**

Phật tại vườn Cấp-cô-độc, thành Thất-la-phiệt, lúc đó các Bí-sô trải phu cụ của tăng nơi đất trống ngồi rồi bỏ đi không thu cất. Thế tôn thấy trời sắp mưa nên tự tay thu cất, thấy các Bí-sô không biết quý tiếc khi thọ dụng ngọa cụ nên Phật chế học xứ:

Nếu Bí-sô đem ngọa cụ, đồ ngồi nằm của Tăng để nơi chỗ đất trống, tự trải hay bảo người trải để ngồi nằm; khi đi không tự dẹp cất, cũng không bảo người khác dẹp cất thì Bí-sô này phạm Ba-dật-đề.

Có sáu loại Tăng: một là Tăng bốn người, hai là Tăng bốn người trở lên, ba là Tăng hiện tiền, bốn là Tăng bốn phương, năm là Tăng cựu trụ (chủ), sáu là Khách tăng. Trong học xứ này nói Tăng là chỉ cho Tăng bốn phương.

Nói phu cụ là bao gồm giường tòa, mền nệm... Giường có nhiều loại, hoặc giường cây có chân tròn, chân nhọn, hoặc giường dây; nếu là giường tòa cao lớn phi pháp thì Bí-sô không nên thọ dụng, nếu nằm ngồi thì phạm tội Ác tác; nếu ở nhà thí chủ, vì thương xót nên ngồi nằm thì không phạm. Nệm nằm có chiếu dài khoảng bốn gang tay, rộng hai khuỷu tay, bốn bên may kín, bên trong dồn lông

hay bông hoặc kiếp bối, vải vụn...; nệm nhỏ dùng để ngồi.

Nói chỗ đất trống là chỗ không có bóng che; nói không dặn cất là nếu có Bí-sô thì nhờ cất giùm, nếu không có Bí-sô thì nhờ Cầu tịch, nếu cũng không có thì nhờ thí chủ ở gần, nếu cũng không có thì nên nhìn bốn phía rồi thu cất để trong phòng khóa lại; khi đi đến giữa đường nếu gặp Bí-sô thì nên chỉ chỗ cất chìa khóa. Có năm hạng người không nên dặn hoặc nhờ: một là người không biết hổ thẹn, hai là người có hiềm khích với mình, ba là người già yếu, bốn là người bịnh, năm là người chưa thọ Cận viên.

Tướng phạm trong đây là nếu trải phu cụ của Tăng ở chỗ đất trống hoặc do có duyên khác, hoặc do tâm khinh mạn không quý tiếc, hoặc quên nên bỏ đi không cất; khi chưa ra khỏi thế phần thì phạm tội Ác tác, ra khỏi thế phần (49 tầm) thì phạm Đọa. Nếu quên, đi đến giữa đường mới nhớ thì nên tâm nghĩ miệng nói: "ta sẽ không tái phạm như thế nữa", hoặc nghĩ: "vị đồng phạm hạnh trong chùa thấy ta đi, ắt sẽ cất giùm"; nếu không nghĩ như thế thì phạm tội Ác tác. Nếu giữa đường gặp Bí-sô nên ân cần nhờ cất giùm, Bí-sô nhận lời nhưng khi về đến chùa lại quên thu cất, cho đến sáng hôm sau khi mặt trời mọc mới nhớ thu cất, nếu không hư tổn gì thì phạm tội Ác tác, nếu có hư tổn thì phạm Đọa; nói hư tổn là hoặc do gió thổi làm tổn, hoặc

do mưa làm ướt trong ngoài. Nếu phu cụ là bất tịnh như được dồn bằng lông lạc đà, lông xen tạp..., hoặc giường cao quá tám ngón tay của Phật..., hoặc không ở trong chùa mà ở chỗ Sa môn, Bà-la-môn khác... không thu cất thì phạm tội Ác tác.

Nếu giường tòa hai người cùng ngồi thì người đứng lên sau nên thu cất, nếu cả hai cùng đứng lên một lượt thì người nhỏ nên thu cất, nếu bằng tuổi hạ thì cả hai cùng cất. Cảnh tưởng có sáu câu: hai câu đầu phạm trọng, hai câu kế phạm khinh, hai câu sau không phạm. Nếu trải phu cụ rồi có một trong tám nạn duyên xảy đến thì nên dặn thu cất rồi mới đi; nếu nạn duyên đến sát bên, liền bỏ đi thì không phạm. Nếu mền nệm có thêu vẽ nhiều màu thì Bí-sô không nên cất chứa ngồi nằm, nếu là ngọa của của Tăng thì không được lấy vật khác thay thế, nếu làm thế thì không cho thọ dụng. Nếu dùng ngọa cụ của Tăng, lở làm hư hoại thì không nên im lặng bỏ đó mà không khâu vá lại; nếu quá mục không thể khâu vá lại được thì nên cắt nhỏ dùng làm tim đèn hoặc làm giẻ lau...để thì chủ được phước.

Môn nhân đệ tử thường nên vào ngày mồng tám, mười lăm, hai mươi ba, ba mươi, xem xét ngọa cụ của thầy hoặc phủi quét hong phơi hoặc giặt giũ, nếu không làm thì phạm tội Ác tác; nếu không có môn nhân thì Bí-sô phải tự lo liệu. Nếu có giặc đến khủng bố thì y vật của Tăng già không

nên bỏ lại, vật gì có thể thọ dụng được thì nên mang theo, người nào mang theo thì được tự dùng; sau khi nạn khủng bố hết, trở về chùa thì nên trả lại y vật này về chỗ cũ, không được tự dùng nữa.

Nếu Bí-sô nhỏ hạ dùng vật dụng của Tăng để nhuộm y, Bí-sô lớn hạ hơn không được đến giành lấy dùng, cũng không được bảo đứng dậy; cho đến ở chỗ thọ thực, người khác đến trước đã ngồi thọ thục rồi, mình đến sau cũng không được bảo đứng dậy. Ở chỗ ngồi thiền, nếu đứng dậy đi kinh hành thì nên để Tăng khước kỳ hoặc dây lưng trên chỗ ngồi của mình, để người khác không đến giành chỗ. Khi đến nghe pháp, Cầu tịch hoặc Bí-sô ni không được ngồi trên tòa ngồi tốt của Tăng, nếu là người lìa dục, có dụng tâm thì được ngồi. Bí-sô cũng không nên ngồi chung tòa ngồi với Cầu tịch, người thế tục và người thọ học, nếu có nạn duyên thì không phạm. Bí-sô không có tuổi hạ không nên ngồi chung tòa với Bí-sô ba tuổi hạ, Bí-sô một tuổi hạ không nên ngồi chung tòa với Bí-sô bốn tuổi hạ, Bí-sô hai tuổi hạ trở lên được ngồi chung tòa với Bí- sô ba tuổi hạ trở lên; nếu ở nhà bạch y chật hẹp thì được ngồi chung tòa với Ô-ba-đà-da không phạm. Nếu đi đường mượn được ngọa cụ thì nên chia đều để thọ dụng, không nên một mình thọ dụng, nếu nhiều ngọa cụ thì chia riêng cho từng người, nếu không đủ thì dùng chung, không được giành thọ dụng một mình. Không nên hai người

nằm chung một giường, nếu người có hổ thẹn thì không phạm, nếu chỉ có một giường lớn phải nằm chung thì nên dùng y ngăn ở giữa. Nếu thí chủ có tâm tín kính trải vải trên đất thỉnh chúng tăng bước lên, Bí-sô nên thương xót thí chủ và khởi tưởng vô thường để bước lên thì không phạm.

Nếu thí chủ thỉnh Tăng thọ thực, cần nhiều ngọa cụ để trải nên đến chùa hỏi mượn, Tăng nên cho mượn, nếu họ tự mang đến trả lại thì tốt, nếu họ không nhớ mang đến trả thì Tăng nên đánh kiền chùy, bảo các Bí-sô đến đó lấy lại. Nếu thí chủ ở A-lan-nhã làm chùa cho Tăng, thiết lễ cúng dường cần ngọa cụ cũng nên cho mượn, nếu khi mang đi gặp trời mưa nên để dưới gốc cây dùng y cũ phủ che lên; thiết lễ xong mà không đem trả lại thì nên đến cưỡng đoạt lại chớ để cho mất. Nếu để tượng Bồ-tát ở ngoài đất trống, gặp trời mưa không có tịnh nhân hay người chưa thọ Cận viên thì Bí-sô nên khởi tưởng Đại sư, tự khiên vào trong. Nếu Quỹ phạm sư hay Thân giáo sư ngồi thiền ở trong rừng hay ở chỗ yên tĩnh, môn nhân đệ tử nên cầm tọa cụ mang về cho thầy; nếu thấy thầy tự may vá hay quét dọn, môn nhân đệ tử nên bạch thầy xin làm thay; nếu thầy vì cầu phước nên tự làm hoặc được Tăng sai làm người may y Yết-sỉ-na, đệ tử không làm thay thì không phạm. Nếu Bí- sô tụng kinh riêng thì nên ở chỗ lìa nghe để không làm náo loạn người bên cạnh, nếu muốn tập tu định thì tùy

chọn một chỗ yên tĩnh để tự tư duy.

Khi có thí chủ thỉnh thực, Tăng nên đánh kiền chùy báo giờ để đến đúng giờ, Thượng tòa dẫn môn nhân đệ tử đi nên kiểm soát họ, cũng nên hỏi khách Bí-sô có cùng đi hay không. Bí-sô vô sự không nên đoạn thực, nếu tự đoạn thực thì phạm tội Ác tác; nếu mang phu cụ của tăng đến chỗ thọ thực thì nên để bên vách hoặc dưới gốc cây rồi nhờ người coi giữ, thọ thực xong nhớ mang về. Nếu người tục mượn ngọa cụ mang đến trong chùa trả, bỏ đó rồi ra về, Bí-sô thấy thì nên thu cất, nếu không thể thu cất được thì nên báo cho vị thọ sự biết để thu cất. Nếu trong chùa phơi ngọa cụ nhiều, có nạn duyên đến nên đánh kiền chùy để cả chúng cùng thu cất; nếu chùa bị hỏa hoạn, Bí-sô nên đem y bát của mình ra trước, kế mang y vật của-tăng-kỳ ra rồi sai người coi giữ, vì y bát của mình nếu cháy mất thì sẽ bị thiếu thốn, còn vật của Tăng thì không như vậy. Nếu Bí-sô không làm theo hành pháp trên đây thì phạm tội Ác tác.

### 15. Không thu dọn phu cụ cỏ trong phòng:

Duyên xứ như trên, lúc đó có hai Bí-sô từ phương Nam đến trong chùa xin ngủ đêm, họ trải phu cụ cỏ trong phòng để nằm ngủ, sáng hôm sau ra đi không thu dọn phu cụ cỏ này để đến nỗi phòng xá bị tổn hoại. Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu Bí-sô ở trong phòng Tăng, tự trải phu cụ cỏ hay bảo người trải để ngồi nằm; khi đi không tự thu dọn, cũng không nhờ người khác thu dọn thì Bí-sô này phạm Ba-dật-đề, trừ có duyên khác.

Trong phòng Tăng là phòng xá của Tăng bốn phương, nếu trong phòng riêng thì phạm tội Ác tác, phu cụ cỏ là dùng cỏ hay lá để làm phu cụ. Nếu đến trong chùa hoặc trong nhà bạch y nào thường dùng ngọa cụ bằng cỏ mềm cho khách tăng dùng, khách tăng khi đi nên hỏi chủ, nếu chủ ngăn không cho đem bỏ thì không được đem bỏ, nếu làm trái ý chủ thì phạm tội Ác tác. Loại phu cụ cỏ này do hai thứ làm hư hoại là gió thổi và trùng kiến cắn; nếu ở chỗ kinh hành dùng cỏ trải đất, không thể mỗi ngày thu dọn thì khi đi nên cột bó lại treo trên cây. Trong đại hội nếu phải trải tòa cỏ cho các Bí-sô ngồi, ngồi xong nên thu dọn lại để một bên, đợi khi đại hội xong mới đem bỏ.

**16. Kéo người ra khỏi phòng Tăng:**

Duyên xứ như trên, lúc đó Bí-sô Ô-đà-di ở trong trú xứ của Tăng bốn phương, vì sân giận nên ban đêm kéo môn nhân ra ngoài... Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu Bí-sô ở trong phòng Tăng vì sân giận không vui, tự lôi kéo Bí-sô khác ra hay bảo người khác lôi kéo ra, nói rằng: "hãy đi đi, thầy không nên ở trong phòng này nữa", vì nhân duyên này

không phải vì duyên gì khác thì Bí-sô này phạm Ba-dật-đề.

Nói duyên khác là nếu phòng sắp sụp đổ, lôi kéo người bịnh ra ngoài thì không phạm; nếu Bí-sô kia là người hay tranh cãi, trước không có việc tranh cãi cũng sẽ sanh tranh cãi, hoặc đã có tranh cãi thì sẽ chuyển tăng thêm không dứt diệt, hoặc giới kiến oai nghi đều có khuyết nên lôi kéo ra thì không phạm, nhưng nếu không có tâm thiện thì cũng phạm tội Ác tác. Trong đây phạm là nếu vì tài vật hoặc trả thù hoặc vì lợi dưỡng mà sanh tật đố mà tự kéo lôi ra hay bảo người khác kéo lôi ra thì đều phạm Đọa; nếu nắm y bát kéo lôi ra thì phạm tội Ác tác. Nếu ở trú xứ Ni hoặc chỗ người thọ học, chỗ phi nhân, chỗ ngoại đạo... lôi kéo Bí-sô thanh tịnh ra thì phạm tội Ác tác. Trú xứ Tăng tưởng trú xứ Tăng có sáu câu cảnh tưởng: hai câu đầu phạm Đọa, bốn câu sau phạm tội Ác tác; Bí-sô không lỗi, khởi tưởng không lỗi cũng có sáu câu cảnh tưởng: hai câu đầu phạm trọng, hai câu kế phạm khinh, hai câu cuối không phạm. Nếu là người phá giới, đại chúng nên đuổi ra; nếu sợ có đấu tranh và hợp sức nên mang y bát của người này ra ngoài; nếu người này ôm cột hoặc níu khung cửa thì nên chặt phá chỗ đó để kéo ra, việc dứt thì chỗ bị phá đó Tăng nên sửa chữa. Nếu đối với môn đồ hay người khác mà có ý muốn quở trách trừng trị nên kéo lôi ra khỏi phòng thì không phạm, nhưng

không được đuổi ra khỏi trú xứ.

Có năm cách quở trách môn đồ: một là không nói đến, hai là không cùng thọ dụng, ba là không cho thừa sự, bốn là ngăn phẩm thiện, năm là xả y chỉ. Môn đồ nếu có năm lỗi mới được quở trách: một là không có tín tâm, hai là biếng nhác, ba là nói lời thô, bốn là gần bạn ác, năm là không cung kính. Nếu môn đồ đáng quở trách mà không quở trách hoặc không đáng quở trách lại quở trách thì thầy phạm tội Ác tác; nếu môn đồ không có phá giới, chỉ là khó cùng nói chuyện thì nên dùng pháp kéo dây cương để chiết phục, nên nhờ người có trí đến can ngăn

khiến môn đồ bỏ việc ác và đến sám tạ thầy; thầy nếu thấy môn đồ biết cải hối thì nên tha thứ, nếu không đáng tha thứ mà tha thứ hoặc đáng tha thứ mà không tha thứ thì thầy phạm tội Ác tác.

Nếu người đã thọ Cận viên mà không hành cung kính, không thể giáo hối thì nên cho sáu vật rồi đuổi đi; nếu là Cầu tịch cũng nên cho hai y thượng hạ rồi đuổi đi. Nếu có rồng rắn đến trú xứ, Bí-sô nên khảy móng tay bảo rồng rắn bỏ đi, đừng có não loạn các Bí-sô; nếu rồng rắn không đi nên phương tiện lùa bắt bỏ vào trong túi lưới mềm rồi đem ra chỗ bụi cỏ, nhẹ nhàng thả nó ra, chớ làm nó tổn thương, đợi nó bò vào hang mới được bỏ đi;

nếu là rận rệp nên bỏ trên miếng vải cũ, hoặc bỏ trong lỗ hổng của tường vách để nó tự sống. Nếu làm trái hành pháp trên thì phạm tội Ác tác.

-oOo-

# CĂN BẢN TÁT BÀ ĐA BỘ LUẬT NHIẾP

## QUYỂN 10

**17. Gắng gượng xúc não người khác:**

Phật tại vườn Cấp-cô-độc, thành Thất-la-phiệt, lúc đó Bí-sô Ô- đà-di vì muốn xúc não người khác nên ở bên ngoài đứng nói chuyện lâu với người, đợi đến tối mới kêu cửa, khi vào phòng lại giành chỗ nằm... Phật nhân việc này chế học xứ: Nếu Bí-sô ở trong phòng Bí-sô, biết các Bí-sô đã trải ngọa cụ ở trước rồi, mình đến sau, gắng gượng ở trong đó tự trải ngọa cụ hay bảo người trải, nghĩ rằng: "nếu không thích thì tự đi khỏi đây", vì nhân duyên này không phải vì duyên gì khác thì Bí-sô này phạm Ba-dật-đề

Nói biết các Bí-sô đã trải ngọa cụ trước là tự biết hoặc được người khác nói cho biết, gắng gượng chen vào nằm là cố ý xúc não nên phạm bổn tội, nếu không cố ý xúc não nhưng khi chen vào giành nằm cũng phạm tội Ác tác; nếu có nạn duyên thì không phạm.

Tướng phạm trong đây là người đã trải ngọa cụ trước, khởi tưởng đã trải ngọa cụ trước và nghi, cố

ý xúc não thì phạm Đọa; người không có trải ngọa cụ trước, khởi tưởng đã trải trước và nghi hoặc người đã trải trước, khởi tưởng không có trải trước và nghi nhưng cố ý xúc não thì phạm tội Ác tác. Nếu bảo người chưa thọ Cận viên cố ý xúc não cũng phạm tội Ác tác, ở trú xứ Ni cố ý xúc não người khác cũng phạm tội Ác tác. Ô-đà-di còn có nhiều trường hợp cố ý xúc não người khác như: khi thấy Bí-sô khác ăn thức ăn thô dỡ không no đủ liền bảo ngồi tụng kinh suốt đêm để xúc não; hoặc khi thấy Bí-sô khác được thức ăn ngon no đủ liền bảo suốt ngày ngồi thiền hệ niệm để xúc não; hoặc vào trời lạnh lại bảo Bí-sô khác ngồi suốt đêm ngoài trời đội sương chịu lạnh để xúc não; hoặc vào trời nóng bức lại bảo Bí-sô khác ngồi trong phòng kín, trùm tấm mền lông ở gần lò lửa để xúc não; hoặc ở trong trú xứ không có chỗ đại tiểu tiện, các Bí-sô đặt bô bên ngoài để đến đêm đi tiện lợi, Ô-đà-di liền đập bể bô khiến họ đến đêm bị đại tiểu tiện bức bách đành phải tiện lợi ở chỗ ống thoát nước, sáng hôm sau Ô-đà-di đem việc này nói cho các bạch y đều biết để xúc não họ. Ô-đà-di thậm chí còn cố ý uống thuốc tả đi tiêu chảy rồi nằm trên giường dối hiện tướng bịnh, để người khác đến thăm bịnh đứng lâu mỏi mệt, mục đích để xúc não họ; hoặc ở chỗ các Bí-sô đang thiền tư đọc tụng, làm khủng bố để họ phải đứng dậy bỏ lở việc tiến tu, mục đích để xúc não; hoặc tại trú xứ nghe có

nạn khủng bố sắp đến, Ô-đà-di liền ngăn không cho họ đóng cửa để họ kinh sợ suốt đêm không ngủ được. Vì vậy hễ có tâm cố ý xúc não người khác đều phạm Đọa, cũng không nên ở chỗ đại tiểu tiện kinh hành để ngăn trở người khác, cũng không nên dựa vào tuổi hạ lớn nhỏ để xúc não người khác, ai đến trước thì vào trước; tiện lợi xong cũng không được cố ý ở lâu trong đó để ngăn trở người khác. Cho đến các vật dụng của Tăng như nồi nấu thuốc nhuộm..., nếu người khác đang dùng thì không được dựa vào tuổi hạ lớn nhỏ mà đoạt lấy dùng; nếu lấy dao cạo của Tăng dùng xong nên để lại chỗ cũ cho người khác lấy dùng, không được cất giữ để mình lần sau dùng nữa. Nếu ai làm trái hành pháp kể trên đầu phạm tội Ác tác.

**18. Cố ý buông thân ngồi nằm trên giường sút chân:**

Duyên xứ như trên, lúc đó Ô-ba-nan-đà do ôm lòng giận nên ở trong phòng trên gác, cố ý buông thân ngồi nằm trên giường sút chân, để chân giường này sút ra rơi xuống đánh trúng Bí-sô nằm dưới gác bị thương. Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu Bí-sô ở trên tầng gác của Bí-sô mà dùng sức để ngồi nằm trên giường ngồi hay giường nằm sút chân thì Bí-sô này phạm Ba-dật- đề.

Vì đây là trên tầng gác của nhà lá nên không kiên cố, nếu là nhà kiên cố thì không phạm, lại do

cố ý buông thân nên phạm Đọa, nếu không cố ý thì không phạm. Nói giường sút chân là chân giường nhỏ được tra vào lỗ mộng đã lung lay, sắp sút ra, nếu chắc chắn thì không phạm. Về cảnh tưởng của giường sút chân có sáu câu: hai câu đầu phạm Đọa, hai câu kế phạm tội Ác tác, hai câu cuối không phạm; nếu là gác ván hoặc chân giường đã được thay hoặc giường đã lật ngửa lên thì không phạm.

**19. Dùng nước có trùng:**

Phật tại nước Kiều-thiểm-tỳ, lúc đó Bí-sô Xiển đà dùng nước có trùng để trộn hồ (cỏ với bùn đất) nên bị chê trách, Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu Bí-sô biết nước có trùng mà tự tay dùng tưới lên cỏ hay lên bùn đất để trộn hồ; hoặc bảo người tưới thì Bí-sô này phạm Ba-dật-đề.

Nói biết là nếu không biết nước có trùng thì không phạm, nói có trùng là tự thấy có trùng hay người khác thấy có trùng; thấy trùng có hai trường hợp: một là mắt thấy, hai là dùng lượt lượt nước thấy. Nếu lấy nước chỗ không có trùng hay có người đáng tin nói nước này không trùng thì dùng không phạm. Nước có trùng, khởi tưởng có trùng và nghi... về cảnh tưởng có sáu câu: hai câu đầu phạm Đọa, hai câu kế phạm khinh, hai câu sau không phạm.

Nên dùng gạch nung lát làm chỗ tắm và chỗ rửa chân gần bên giếng, chung quanh xây cao chừng

một khuỷu tay, bên trong lát gạch, ở giữa hơi cao giống như dấu chân voi và có chỗ thoát nước xây theo thế của dòng nước chảy. Sàn nước không nên xây vuông hay tròn, nếu xây vuông hay tròn thì phạm tội Ác tác. Những vật dụng cần dùng của Tăng nên để ở chỗ mà mọi người đều thấy, nếu là vật dụng riêng thì nên cất sau cánh cửa hoặc dưới gầm giường...

**20. Làm chùa lớn quá hạn cho mau xong:**

Duyên xứ như trên, lúc đó Lục chúng Bí-sô xây chùa lớn cao ba tầng chỉ trong một ngày hoàn tất, nhưng không làm ống thoát nước lại không có cửa sổ nên sau một tận mưa lớn, nước ngập úng nước nên chùa bị sụp đổ... Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu Bí-sô muốn làm chùa lớn, các phòng xá nên có cửa cái, cửa sổ, từ đất bằng theo thứ lớp xây lên hai hay ba tầng cho kiên cố và có chỗ thoát nước, nếu xây quá ba tầng thì phạm Ba-dật-đề

Nói lớn là hình lượng lớn hoặc vật thí lớn, trong đây là hình lượng lớn và có thí chủ, nếu thí chủ thúc làm gấp cho mau xong thì Bí-sô không phạm; hoặc ông thầu xây dựng nói với Bí-sô: "tôi biết cách thức xây dựng cho kiên cố, dù cao lớn cũng không sụp đổ", Bí-sô tin, giao cho ông thầu này làm thì không phạm.

Nhiếp tụng thứ 3:

*Không sai, đến chiều tối,*
*Vì ăn, hai loại y,*
*Cùng đường và chung thuyền,*
*Chỗ khuất, giáo hóa ăn.*

**21. Tăng không sai giáo thọ Ni:**

Phật tại vườn Cấp-cô-độc, thành Thất-la-phiệt, lúc đó Lục chúng Bí-sô tự ý ra ngoài giới tác pháp sai lẫn nhau đến giáo thọ Bí-sô ni... Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu Bí-sô không được Tăng sai mà tự ý đến giáo thọ Bí-sô ni thì phạm Ba-dật-đề, trừ người được thắng pháp.

Nói không được Tăng sai là Tăng không bạch nhị yết ma sai, có bốn lỗi sai không thành sai là giới, ngày, chúng và người. Nói giới là ở ngoài giới tác pháp sai, nói ngày là không phải ngày bố tát, nói chúng là không phải Tăng nhóm họp, nói người là người thiếu bảy đức: đó là trì giới, đa văn, là bậc kỳ túc, rành ngôn ngữ đô thành, không từng làm nhơ nhiễm Bí-sô ni, khéo hay phân biệt tám pháp Tha thắng và khéo hay giải thích tám pháp tôn trọng. Nói tám pháp Tha thắng là bốn pháp đầu đồng với Bí-sô, bốn pháp sau khác: một là xúc chạm, tức là cùng người nam có tâm nhiễm xúc chạm nhau để thọ lạc; hai là tâm nhiễm cùng người nam làm tám việc; ba là che giấu tội trọng của Bí-sô ni khác; bốn là tùy thuận Bí-sô bị Tăng tẫn.

Nhiếp tụng:

*Ni có tám Tha thắng,*
*Bốn pháp đồng Bí-sô,*
*Xúc chạm, làm tám việc,*
*Giấu, thuận Tăng bị đuổi.*

Nói tám kỉnh pháp là

1. Bí-sô ni phải đến trong Bí-sô Tăng cầu thọ Cận viên, thành tánh Bí-sô ni.

2. Bí-sô ni nên mỗi nửa tháng đến trong Bí-sô Tăng cầu thỉnh người giáo thọ ni.

3. Bí-sô ni không được an cư nơi chỗ không có các Bí-sô.

4. Bí-sô ni thấy Bí-sô phạm lỗi, không được gạn trách.

5. Bí-sô ni không được sân mắng Bí-sô.

6. Bí-sô ni dù cao tuổi hạ cũng nên kính lễ Bí-sô nhỏ tuổi.

7. Bí-sô ni phạm tội Tăng tàn, nên ở trong hai bộ Tăng hành nửa tháng Ma-na-đỏa.

8. Bí-sô ni an cư xong nên đến trong Bí-sô Tăng làm việc Tùy ý (tự tứ).

Nhiếp tụng:

*Theo Tăng thọ Cận viên,*
*Nửa tháng cầu giáo thọ,*
*Nương Bí-sô an cư,*
*Thấy lỗi không gạn trách,*
*Không sân mắng, kính nhỏ,*

*Trong hai chúng - Ý hỉ,*
*Đến Bí-sô - Tùy ý.*

Đây là tám kỉnh pháp.

Nếu Tăng sai người thiếu bảy đức đến giáo thọ Ni thì Tăng phạm tội Ác tác, dù có tác pháp cũng không thành. Nói Tăng tác pháp sai là một vị, tình không trái lìa. Nếu trong trú xứ Tăng không có ai chịu đến giáo thọ Ni thì Thượng tòa thủ chúng nên hỏi chúng ni có hòa hợp không, kế lại hỏi trong nửa tháng qua trong chúng Ni có lỗi lầm không, kế lại nói: "này các cô, trong chúng tăng tại trú xứ này không có Bí-sô nào đến giáo thọ ni chúng, nhưng có hai loại giáo thọ là rộng và lược, nay Tăng lược giáo thọ cho Ni là các cô nên tự siêng tu, chớ có buông lung".

Nói trừ người được thắng pháp là như Bí-sô Châu đồ bán thát ca khi chứng quả A-la-hán có thể thuyết pháp khiến người sanh tín kính, dù không được Tăng sai mà đến giáo thọ cho Ni vẫn không phạm. Về cảnh tưởng có sáu câu: hai câu đầu phạm Đọa, hai câu kế phạm tội Ác tác, hai câu cuối không phạm. Nếu giáo thọ cho Ni là người trước đã phạm giới hoặc Ni thọ học hoặc Ni không phải phe nhóm ( tùy thuận trợ giúp Đề-bà-đạt-da phá Tăng ) thì Bí-sô phạm tội Ác tác; giáo thọ cho người không hiểu biết gì cũng phạm tội Ác tác.

**22. Giáo thọ cho Ni đến chiều tối:**

Duyên xứ như trên, lúc đó Bí-sô Nan đà trong phi thời thuyết pháp giáo thọ cho Ni ở ngoài thành đến chiều tối, cửa thành đã đóng nên không thể vào thành được, phải ngủ đêm ở ngoài thành đến sáng hôm sau, cửa thành mở mới vào thành. Người tục thấy liền cơ hiềm: "Sa môn Thích tử ở xen tạp chung một chỗ thì làm gì có tịnh hạnh", Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu Bí-sô được Tăng sai giáo thọ Ni chúng mà giáo thọ đến chiều tối, mặt trời đã lặn thì phạm Ba-dật-đề.

Nói mặt trời lặn là phi thời, dù là đúng thời giáo giới mà trong Ni chúng người đứng người ngồi, hoặc đang làm việc nhọc chưa dừng nghỉ, hoặc thân có trở ngại mà Bí-sô vẫn thuyết pháp giáo thọ thì vẫn gọi là phi thời ( trái thời ). Về cảnh tưởng có sáu câu: hai câu đầu phạm Đọa, hai câu kế phạm tội Ác tác, hai câu sau không phạm. Nếu thí chủ bổn ý thỉnh Bí-sô thuyết pháp đến đêm, hoặc trú xứ Ni gần cửa thành hoặc cửa thành ban đêm không đóng, hoặc trú xứ Ni trong thành hoặc Ni chúng ở nhà bạch y... thì Bí-sô không phạm. Nếu vị giáo thọ cho Ni được Tăng sai trọn đời thì không cần tác pháp sai lại nữa.

### 23. Chê trách Bí-sô vì ăn uống nên giáo thọ Ni:

Duyên xứ như trên, lúc đó Lục chúng Bí-sô

thấy các Bí-sô làm nhiều món thức ăn ngon cúng dường vị Giáo thọ sư liền sanh tâm tật đố, nói ra lời chê trách vị Giáo thọ sư nên Phật chế học xứ:

Nếu Bí-sô nói lời chê trách Bí-sô khác rằng: thầy vì ăn uống, vì sự cúng dường mà đến giáo thọ Bí-sô ni, thì Bí-sô này phạm Ba-dật-đề

Nói ăn uống là chỉ cho năm loại Khư đà ni và năm loại Bồ xà ni; cảnh tưởng giống như trên; nếu không có tâm tật đố mà nói vì ăn uống nên giáo thọ Ni thì phạm tội Ác tác.

**24. Đem y cho Ni không phải bà con:**

Duyên xứ như trên, lúc đó có một Bí-sô đem y của mình cho Ni là vợ cũ trước kia của mình..., Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu Bí-sô đem y cho Bí-sô ni không phải là bà con thì phạm Ba- dật-đề, trừ trao đổi.

Vì nếu Ni không phải là bà con thì phần nhiều sẽ không xét xem Bí-sô này có đủ ba y hay không, ngược lại nếu là bà con thì sẽ đoái hoài, sau đó mới thọ nhận. Như Phật dạy: "nếu cha mẹ nghèo không có đủ thức ăn uống, Bí-sô còn phải tự bớt nửa phần ăn của mình, hoặc khuyến hóa thí chủ để cung cấp cho cha mẹ". Nói y là chỉ cho y đúng pháp thọ trì, về cảnh tưởng có sáu câu như trên; nếu Ni bị giặc cướp mất y đang thiếu thốn thì dù không phải là bà con, Bí-sô đem y cho thì không phạm.

**25. May y cho Ni không phải là bà con:**

Duyên xứ như trên, lúc đó Bí-sô Ô-đà-di may y cho Ni Cấp đa vốn là vợ cũ trước kia, khi may y xong, dùng chỉ ngũ sắc thêu hình nam nữ ôm nhau rồi đưa cho Ni này... Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu Bí-sô may y cho Bí-sô ni không phải là bà con thì phạm Ba- dật-đề.

Nói may y là cắt may giặt nhuộm, cảnh tưởng có sáu câu như trên.

**26. Hẹn đi chung đường với Bí-sô ni:**

Duyên xứ như trên, lúc đó Lục chúng Bí-sô hẹn đi chung đường với nhóm Thập nhị Bí-sô ni, người tục nhìn thấy liền cơ hiềm: "nam là chồng, nữ là vợ, họ cũng có cặp đôi, giống như chúng ta có khác gì"... Phật nhân việc này chế học xứ: Nếu Bí-sô ước hẹn đi chung đường với Bí-sô ni cho đến một tụ lạc thì phạm Ba-dật-đề, trừ nhân duyên. Nhân duyên là có nhiều người làm bạn cùng đi hay nghi có sợ hãi.

Nếu Bí-sô và Bí-sô ni sắp đi cùng nhau, nên bạch hai thầy trước một ngày: "chúng con có việc cùng đi đến thôn kia", thầy nếu không cho đi cũng không nên trái nghịch. Nếu không có hai thầy nên bạch với Thượng tòa thủ chúng, giao cất ngọa cụ rồi báo cho những người cùng đi biết. Khi ra đến cửa nên nhắc lẫn nhau là có quên gì không, các thương nhân mà họ sắp tháp tùng là thiện hay ác...

Khi đi chung nên quan tâm cho nhau, nếu có người bịnh không nên bỏ ở lại mà đi trước, cũng không nên đi chung với người có hiềm khích với mình, nếu phải đi chung thì nên sám tạ trước, họ có hoan hỉ mới cùng đi chung. Trên đường đi, nếu có nói chuyện nên nói pháp ngữ, không nên nói lời phi pháp hoặc im lặng như bậc Thánh, chớ để tâm tán loạn. Nếu phải đi quanh qua miếu thờ thiên thần, nên tụng kệ Phật và khảy mong tay cho họ biết rồi mới đi qua vì Bí-sô không nên hữu nhiễu thiên thần. Nếu tạm dừng nghỉ ở bên đường hoặc đến bên ao suối múc nước, đều phải tụng kệ chú, nghỉ đêm ở nơi nào nên tụng kinh Tam khải. Cũng nên mang theo dây gàu để múc nước giếng, có ba loại dây: dây dài là khoảng một trăm năm mươi khuỷu tay, dây ngắn là khoảng một trăm khuỷu tay, giữa hai loại này là dây vừa; tùy muốn đi đến nơi nào, lượng xét thời nghi mà mang theo loại dây gàu nào.

Khi đi đến một trú xứ nào, ở bên ngoài chùa nên giũ bụi áo, rửa mặt rửa chân cho sạch rồi múc nước thêm vào lại cho đầy bình, kế dùng giẻ lau giày, không nên cầm giày đập vào cột chùa, sau đó sửa sang lại y phục và dung nghi rồi mới vào trong chùa. Vào bên trong chùa chào hỏi Bí-sô cựu trụ, Bí-sô cựu trụ cũng chào hỏi thiện lai, nếu chưa từng quen biết thì nên hỏi tuổi hạ để biết lớn nhỏ để kính nể lẫn nhau. Bí- sô khách mới đến nên kính lễ Thượng tòa thủ chúng trước, Thượng tòa cũng

nên chào hỏi thiện lai. Bí-sô cựu trụ thấy khách đến nên xét xem có đủ ngọa cụ để cung cấp cho khách không, nếu đủ nên tùy thời cung cấp. Ai không làm theo hành pháp này thì phạm tội Ác tác.

Khi đi chung trên đường, nếu có Bí-sô bịnh nặng nên cõng hoặc cùng khiên đi, nếu ít người thì Ni cũng nên khiên phụ nhưng chỉ nên khiên phía trên đầu, không nên khiên phía dưới chân. Khi đến trong tụ lạc, tùy bịnh mà tìm thầy lo thang thuốc, nếu phải đi khất thực thì nhờ người chăm sóc.

Tướng phạm trong đây là cùng đi chung nửa Câu lô xá thì phạm tội Ác tác, đủ một Câu lô xá thì phạm Đọa. Cảnh tưởng có sáu câu như trên.

**27. Đi chung thuyền với Bí-sô ni:**

Duyên xứ như trên, lúc đó Lục chúng Bí-sô hẹn đi chung thuyền với các Bí-sô ni, bị cơ hiềm như trên nên Phật chế học xứ:

Nếu Bí-sô ước hẹn đi chung thuyền với Bí-sô ni, ngược dòng hay xuôi dòng thì phạm Ba-dật-đề, trừ đi đò ngang thẳng qua sông.

Nói đi đò ngang thẳng qua sông là do lúc đó có thí chủ thiết trai hội thỉnh hai bộ Tăng, các Bí-sô không dám đi chung thuyền với các Bí-sô ni nên bỏ mất thọ thỉnh thực này, nên Phật khai cho cùng đi đò ngang thẳng qua sông. Tướng phạm và cảnh tưởng giống như giới trên, nếu nam đã thọ Cận viên đi cùng với nữ chưa thọ Cận viên hoặc nam

chưa thọ Cận viên đi cùng với nữ đã thọ Cận viên hoặc cả hai đều chưa thọ Cận viên thì phạm tội Ác tác; nếu có một trong tám nạn khởi lên ở trên bờ hay dưới nước, đi chung thì không phạm.

### 28. Một mình ngồi ở chỗ khuất với người nữ:

Duyên xứ như trên, lúc đó Bí-sô Ô-đà-di một mình ngồi với người nữ Cấp đa ở chỗ khuất... nên Phật chế học xứ:

Nếu Bí-sô một mình ngồi với người nữ ở chỗ khuất thì phạm Ba- dật-đề.

Nói người nữ là người có thể cùng hành dâm, nói một mình là không có người thứ hai nào khác, nói chỗ khuất là chỗ có thể làm việc phi pháp, nói ngồi ở chỗ khuất là ngồi chung trong phạm vi một tầm thì phạm Đọa. Về cảnh tưởng có sáu câu: hai câu đầu phạm Đọa, hai câu kế phạm tội Ác tác, hai câu sau không phạm. Nếu đối tượng là thiên nữ, long nữ... hoặc bé gái hoặc người ngu đần thì phạm tội Ác tác; tuy là thiên nữ nhưng nếu có thể nắm giữ được cũng phạm Đọa. Nếu ngồi cạnh người nữ để sắc thuốc... ở bên cửa, cửa không đóng hoặc có nhiều người qua lại thì không phạm.

### 29. Một mình ngồi với Bí-sô ni ở chỗ khuất:

Duyên xứ như trên, lúc đó Bí-sô Ô-đà-di ngồi với ni Cấp đa vốn là vợ cũ trước kia ở chỗ khuất...

nên Phật chế học xứ: Nếu Bí-sô một mình ngồi với Bí-sô ni ở chỗ khuất thì phạm Ba-dật-đề.

Tướng phạm và cảnh tưởng giống như giới trên.

**30. Biết thức ăn do Ni khen ngợi mà ăn:**

Duyên xứ như trên, lúc đó ni Thổ-la-nan-đà biết thí chủ thiết thực cúng dường tôn giả Kiều trần như, cô liền ca ngợi Lục chúng Bí-sô để hồi chuyển thức ăn này về cho họ... Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu Bí-sô biết do Bí-sô ni khen ngợi mà được thức ăn, nếu ăn thì phạm Ba-dật-đề, trừ nhân duyên là bạch y thỉnh trước.

Nói khen ngợi có hai hoặc là trì giới hoặc là đa văn, trong đây là quá phần khen ngợi để người nghe tín kính; nói thức ăn là năm loại Bồ thiện ni và năm loại Khư đà ni. Nói trừ thí chủ thỉnh trước là thí chủ trước đã có ý muốn cúng dường cho vị đó rồi, sau đó dù có khen ngợi cũng không phạm.

Tướng phạm trong đây là Bí-sô ni đến trong nhà thí chủ hỏi làm thức ăn ngon hay dỡ, nếu nghe làm thức ăn dỡ thì khuyên làm thức ăn ngon để cúng cho Bí-sô tên là người đã chứng Tứ quả, hiểu rõ ba tạng... sẽ chiêu cảm thắng phước; Bí-sô nếu biết thức ăn này do khen ngợi mà được, ăn thì phạm Đọa. Về cảnh tưởng có sáu câu: hai câu đầu phạm Đọa, hai câu kế khinh, hai câu sau không

phạm; lại nữa, không phạm là dựa vào thật đức mà khen, không có giả dối, hoặc đó nhà chánh tín hay nhà bà con thì dù biết có khen ngợi cũng không phạm.

Nhiếp tụng thứ 4:

Thường ăn, chỗ ngủ một đêm, Thọ ba bát không cho người khác, Ăn đủ, riêng chúng, phi thời,

Xúc chạm, không thọ, diệu thực.

(Xúc chạm thức ăn, không thọ mà ăn, đòi thức ăn ngon)

**31. Thường thường ăn:**

Phật tại Phệ xá ly, lúc đó Lục chúng Bí-sô trước đã thọ trưởng giả Oai nghiêm thỉnh thực nhưng trước giờ ăn lại ghé qua nhà bà con ăn trái Am-một-la và các loại bánh khác no nê rồi mới đến nhà trưởng giả thọ thực, vì thế không thể ăn được nữa. Trưởng giả thấy việc cùng dường này luống uổng nên chê trách, Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu Bí-sô thường thường ăn thì phạm Ba-dật-đề, trừ thời khác là khi bịnh, khi làm việc, khi đi đường, khi thí y.

Nói thường thường ăn là ở nhà này ăn no rồi lại đến nhà khác ăn nữa; nói khi bịnh là do thân bịnh nên ăn một lần không được lạc trụ, hoặc tánh người này hay đói nên khai cho thường thường ăn. Khi làm việc là tùy thời quét dọn trong chùa hay bên

tháp, cho đến chỉ quét dọn chỗ bằng một con bò nằm; khi đi đường là đi khoảng một trạm ngựa hoặc nửa trạm và trở về; khi thí y là khi thí chủ thí y vật.

Nếu Bí-sô trước đã thọ thỉnh chỗ có y và thức ăn, sau đó thọ thỉnh chỗ có y hoặc không có y hoặc có tiền y hoặc không có tiền y (trường hợp thứ nhất); hoặc trước thọ thỉnh chỗ có thức ăn không có y hoặc có tiền y, chỗ thọ thỉnh sau có y... (trường hợp thứ hai); hoặc chỗ thọ thỉnh trước có thức ăn có y, có tiền y, chỗ thọ thỉnh sau có y... (trường hợp thứ ba); hoặc chỗ thọ thỉnh trước không có y cũng không có tiền y, chỗ thọ thỉnh sau có y... Nếu chỗ thọ thỉnh trước có thức ăn, có y và có tiền y mà bỏ để thọ chỗ thỉnh sau thì phạm tội Ác tác, khi ăn phạm Đọa. Nếu muốn thọ chỗ thỉnh sau thì nên tâm niệm xả chỗ thỉnh trước mới không phạm. Nếu trong bữa ăn chánh, Bí-sô đang ăn mà có khách Bí-sô đến, nên hỏi thí chủ có thể cúng dường luôn cho khách được không, được thì tốt, nếu không được thì Bí-sô nên bớt phần ăn của mình chia cho khách cùng ăn. Nếu gặp thời buổi đói kém mà Bí-sô được nhiều chỗ thỉnh thực, nên tùy lượng thức ăn nhiều ít chia đều cho các vị đồng phạm hạnh cùng ăn. Nếu ở trong chùa hay ở nơi A-lan-nhã vì cầu mập mạnh hay vì ưa thích ăn ngon nên thường thường ăn thì phạm tội Ác tác. Về cảnh tướng có sáu câu: hai câu đầu phạm Đọa, hai câu kế khinh, hai câu

sau không phạm.

**32. Chỗ thí một bữa ăn mà thọ quá:**

Duyên xứ như trên, lúc đó có trú xứ ngoại đạo thường cung cấp thức ăn và cho các Sa môn, Bà-la-môn ngoại đạo ở lại ngủ một đêm. Lục chúng Bí-sô đến ở đây đã lâu, nhân lúc chủ nhà đi vắng liền buông lung thân ngữ, nói lời phi pháp với người nữ dọn thức ăn, chủ nhà rình nghe biết được liền cho Lục chúng Bí-sô ăn thức ăn thô dỡ để tự bỏ đi, trước khi ra đi Lục chúng Bí-sô còn đánh nhau với ngoại đạo... Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu Bí-sô tại nhà thí chủ theo ngoại đạo chỉ được nghỉ một đêm, họ cúng một bữa ăn, Bí-sô không bịnh nên ăn một bữa, nếu ăn quá một bữa thì phạm Ba-dật-đề.

Nếu ngủ quá một đêm thì phạm tội Ác tác, ăn thêm một bữa thì phạm Đọa; nếu ngủ ở đây mà ăn chỗ khác thì phạm tội Ác tác; nếu ngủ chỗ khác mà ăn ở đây thì phạm Đọa. Về cảnh tưởng có sáu câu: hai câu đầu phạm Đọa, hai câu kế khinh, hai câu sau không phạm. Nói trừ bịnh là do tôn giả Xá-lợi-phất bịnh nên Phật khai cho không phạm; lại nữa nếu nhà thí chủ là bà con ân cần giữ lại cho ăn hoặc là miếu thờ trời thì không phạm.

**33. Thọ quá ba bát thức ăn:**

Duyên xứ như trên, lúc đó Lục chúng Bí-sô ở

nhà thí chủ ăn no đủ rồi lại còn đựng đầy bát thức ăn mang về; lại do ở nhà của người nữ sắp về nhà chồng, Lục chúng Bí-sô đến khất thực đã xin hết thức ăn cùng bánh trái mang về trú xứ khiến cho họ thiếu thức ăn... Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu Bí-sô đến nhà cư sĩ được tùy ý cúng cho nhiều bánh bún..., Bí-sô cần thì được thọ hai, ba bát, nếu thọ quá thì phạm Ba-dật-đề. Thọ hai, ba bát rồi mang về nên chia cho các Bí-sô khác ăn, việc này đúng pháp nên làm như vậy.

Bí-sô đến nhà thế tục khất thực có hành pháp như sau: nên rung cây tích trượng ra tiếng để báo trước rồi mới vào nhà, nếu ở chỗ có nhiều phòng nhà phức tạp nên ghi ký hiệu để nhớ. Có năm chỗ Bí-sô không nên đến khất thực: một là nhà kỷ nữ, hai là nhà dâm nữ, ba là quán rượu, bốn là trong cung vua, năm là nhà của Chiên-đà-la.

Bát có ba loại: bát thượng là bát thọ được ba bát cơm (hai thăng gạo), một bát canh và nửa bát canh thức ăn khác; bát hạ là bát thọ được một bát cơm, nửa bát canh, nửa bát canh thức ăn khác; bậc giữa của hai loại bát này là bát trung; nếu lớn hơn bát thượng và nhỏ hơn bát hạ thì không gọi là bát. Nói thọ quá ba bát là ba bát lớn hoặc hai bát lớn thêm một bát trung hoặc hai bát lớn thêm một bát nhỏ hoặc một bát lớn thêm hai bát trung. Tóm lại là không thọ quá bốn thăng rưỡi cơm, nếu thọ thì phạm tội Ác tác, ăn thì phạm Đọa; nếu lấy một bát

lớn, một bát trung và một bát nho, hoặc chỉ hai bát lớn, hoặc một bát lớn hai bát nhỏ, hoặc hai bát trung một bát nhỏ, hoặc một bát trung hai bát nhỏ, hoặc ba bát nhỏ thì đều không phạm. Thọ rồi mang về nên chia cho các Bí-sô trong trú xứ cùng ăn, nếu không chia thì phạm tội Ác tác. Nếu ở chỗ trời rồng... hoặc chỗ ngoại đạo xuất gia, hoặc ở chỗ Bí-sô không phải phe nhóm thọ quá thì phạm tội Ác tác; nếu thí chủ hoan hỉ cho tùy ý mang đi thì không phạm.

Có ba hạng người làm tổn tín thí:

1. Là thí chủ có tín tâm biết Bí-sô này là người trì giới nên bớt phần ăn của mình để bố thí, nhưng Bí-sô thọ rồi lại đem cho người phá giới ăn.

2. Là thí chủ biết Bí-sô này là người chánh kiến nên tín tâm cúng dường, Bí-sô thọ rồi lại đem cho người tà kiến ăn.

3. Là thọ quá nên không thể ăn hết.

**34. Ăn no đủ:**

Duyên xứ như trên, lúc đó Phật bảo các Bí-sô: "ta do ngồi ăn một lần nên có thể sanh các công đức như thiểu dục..., vì vậy các thầy nên ngồi ăn một lần", các Bí-sô vâng lời Phật dạy thọ pháp ngồi ăn một lần, nhưng khi thấy tôn giả đến liền đứng dậy, cho là đủ rồi nên không dám ngồi xuống ăn nữa. Phật nói: "nên ăn no đủ, khi đang ăn dù thấy tôn giả đến cũng không nên đứng dậy", sau đó lại

nhân Lục chúng Bí-sô ăn no đủ rồi lại ăn thêm nữa nên Phật chế học xứ:

Nếu Bí-sô ăn no đủ rồi, không tác pháp dư thực mà ăn nữa thì phạm Ba-dật-đề.

Nói ăn no đủ rồi là nếu đã no nên nói đủ rồi chớ sót thêm thức ăn nữa, hoặc đưa tay ngăn vì đã sanh tâm xả; nếu tâm chưa xả mà lở nói đủ rồi để ngăn thì chưa thành ngăn, ăn nữa thì chỉ phạm tội Ác tác; nếu tâm đã xả và nói đủ rồi để ngăn thì thành ngăn. Có đủ năm chi mới thành ngăn: một là biết thức ăn này là thuộc năm món ăn chánh; hai là biết có người trao đưa, hoặc là nam, nữ hay bán trạch ca; ba là biết đã đưa thức ăn vào tay và thọ; bốn là biết đã ăn no đủ rồi; năm là đứng dậy đi mà còn ăn nữa thì phạm Đọa. Nếu ăn các thức ăn tạp, ăn vặt cũng không thành no đủ.

Nói thức ăn là bao gồm năm món Bồ thiện ni : cơm, đậu, bún (mì), thịt cá và bánh; năm món Khư đà ni thuộc củ, cọng, lá, hoa, quả. Nếu ăn năm món ăn sau cùng với sữa lạc hay rau cải rồi mới ăn năm món ăn chánh thì không phạm; nếu ăn năm món ăn chánh no rồi, sau đó lại ăn thêm năm món ăn sau cùng sữa lạc, rau cải thì phạm.

Lại có năm cách nói liền thành ngăn, đó là khi thấy người dọn đưa thức ăn đến, nếu chưa cần liền... thì nên nói hãy đợi, hãy đi chút nữa trở lại, hãy đợi tôi ăn món này xong... gồm nhiều tiếng đợi

như vậy thì chưa thành ngăn; nếu không dùng từ hãy thì thành ngăn; nếu ý chưa muốn ngăn mà lỡ lời nói ngăn thì cũng không thành ngăn nhưng phạm tội Ác tác.

Không tác pháp dư thực nghĩa là nếu thức ăn dư của người bịnh thì dù không tác pháp, được ăn không phạm; nếu là thức ăn dư khác thì phải tác pháp dư thực thì tự thân mới được lạc trụ và thí chủ cũng được phước. Khi muốn tác pháp, trước phải rửa tay sạch, thọ thức ăn rồi đến trước một Bí-sô đang ăn chưa no, hoặc đã ăn no nhưng chưa đứng dậy, chắp tay bạch rằng: "Đại đức nhớ nghĩ, tôi Bí-sô _____ đã ăn no đủ rồi, nay lại được món ăn này muốn ăn nữa, xin cho tôi tác pháp dư thực", Bí-sô kia nếu chưa ăn no đủ thì nên gắp lấy ăn hai ba miếng rồi nói: "thức ăn này của thầy, thầy cứ tùy ý ăn nữa", nếu Bí-sô kia đã ăn no đủ rồi thì không nên gắp thức ăn ăn, chỉ nên dùng ngón tay chạm vào thức ăn và nói: "thức ăn này của thầy, thầy cứ tùy ý ăn nữa".

Lại có năm cách không thành tác pháp dư thực: một là thân ở trong giới nhưng lại đối trước người ở ngoài giới; hai là ở chỗ không với tới nhau được; ba là ở một bên; bốn là ở sau lưng; năm là Bí-sô kia đã đứng dậy. Trái với năm cách trên thì thành tác pháp, nếu có người đã tác pháp dư thực rồi mà người khác ăn cũng không phạm. Về cảnh tưởng có sáu câu: hai câu đầu phạm Đọa, hai câu kế phạm

khinh, hai câu cuối không phạm. Nếu là trái cây của phương Bắc hay ngó sen của trời đều là thức ăn hiếm có hoặc gặp năm mất mùa đói kém, thức ăn khó được, không tác pháp dư thực cũng không phạm. Cháo đã nấu chín nếu dựng cái muỗng đứng mà không ngã hoặc khuấy bột chín dùng ngón tay vẽ thấy dấu thì thành no đủ, lỏng thì không thành no đủ.

**35. Khuyên người đã no đủ ăn nữa:**

Duyên xứ như trên, lúc đó có Bí-sô già thường phạm tội, bị thấy quở trách nên sanh tâm bất nhẫn, muốn làm cho thầy phạm tội nên vào ngày khác bạch thầy rằng: "Thức ăn ngon này con đã tác pháp dư thực, thầy hãy ăn", đợi thầy ăn rồi mới nói là chưa tác pháp dư thực, mục đích xúc não thầy nên Phật chế học xứ:

Nếu Bí-sô biết Bí-sô khác đã ăn xong, không thọ pháp thức ăn dư mà đưa thức ăn, gắng gượng khuyên Bí-sô kia ăn nữa, nói rằng: "thầy hãy ăn thức ăn này", vì muốn xúc não Bí-sô kia, nghĩ rằng: "khiến cho Bí-sô này phiền não cho đến trong chốc lát", vì nhân duyên này không phải vì duyên gì khác thì Bí-sô này phạm Ba-dật-đề.

Nếu không có tâm muốn xúc não thì dù khuyên ăn cũng không phạm, về cảnh tưởng có sáu câu: hai câu đầu phạm Đọa, hai câu kế khinh, hai câu sau không phạm.

**36. Ăn riêng chúng:**

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Đề-bà-đạt-da và phe nhóm ăn riêng chúng nên Phật chế học xứ:

Nếu Bí-sô ăn riêng chúng thì phạm Ba-dật-đề, trừ nhân duyên. Nhân duyên là khi bịnh, khi may y, khi đi đường, khi đi thuyền, khi đại hội, khi Sa môn ngoại đạo thí thực.

Nói riêng chúng là ăn không đồng chỗ, nếu có bốn Bí-sô trong giới ăn mà có một người không cùng ăn thì gọi là ăn biệt chúng. Nếu là ăn bữa ăn chánh mới phạm, tiểu thực hay ăn vặt thì không phạm; các trường hợp như khi bịnh... giống như giới trước. Nói khi đại hội là đại hội đảnh kế Thế tôn, hoặc đại hội năm năm, đại hội sáu năm, do thí chủ thiết thực cúng dường nhiều nơi nên các Bí-sô chia nhau đến thọ thực, tuy chỗ ăn không đồng nhưng không phạm. Nói Sa môn thí thực là ngoại đạo thỉnh thực cũng khai cho ăn riêng chúng. Nếu ở trong giới, khởi trưởng trong giới và nghi mà ăn riêng chúng thì phạm Đọa; ở ngoài giới và ở trong giới mà tưởng ở trong giới thì không phạm.

Xứ có hai là trú xứ đại viện và phòng bên, nếu trong đại viện có bốn người trở lên thọ thực, nên hỏi người ở phòng bên có đến đồng ăn không, nếu không hỏi và người phòng bên không đến thì gọi là ăn riêng chúng, phạm Đọa. Nếu trong bốn người có một người khai duyên hoặc một Cầu tịch và ba

Cận viên... hoặc thí chủ bổn tâm chỉ muốn cúng cho người ở trong phòng này, hoặc người dùng thần thông lực ở trên hư không hoặc ăn một mình thì không phạm.

-oOo-

# CĂN BẢN TÁT BÀ ĐA BỘ LUẬT NHIẾP

# QUYỂN 11

**37. Ăn phi thời:**

Phật tại vườn Cấp-cô-độc, thành Thất-la-phiệt, lúc đó nhóm Thập thất Bí-sô gặp duyên đoạn thực, phi thời thấy đói nên đến chỗ người thế tục xin thức ăn mà ăn. Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu Bí-sô ăn phi thời thì phạm Ba-dật-đề.

Nói phi thời là sau giờ ngọ trở đi cho đến sáng hôm sau khi mặt trời chưa mọc. Sở dĩ phạm là vì phi thời mà ăn thức ăn thuộc loại thời dược; nếu phi thời, khởi tưởng phi thời và nghi mà ăn thì phạm tội Ác tác; thời và phi thời mà tưởng là thời thì không phạm. Nếu có bịnh duyên, thầy thuốc bảo nên ăn cơm, thịt phi thời thì Phật khai cho ăn ở chỗ khuất. Người ở châu Thiệm bộ đến trong ba châu khác hoặc lên cõi trời đều nên y theo giờ giấc của nơi đó mà ăn; có trường hợp Bí-sô không bịnh ở châu Thiệm bộ, ăn phi thời mà không phạm hay không?. có, đó là trường hợp Bí-sô ở hai châu Đông tây đến châu này nhưng lại y theo giờ giấc của hai châu đó mà ăn thì không phạm.

Nếu đại chúng quá đông không biết được giờ ăn chính xác là lúc nào thì khi đến giờ ăn nên đánh kiền chùy báo cho biết để cùng đến thọ thực; nếu không nghe được khắp hết thì nên đánh trống lớn hoặc thổi tù; Bí-sô bịnh và Bí-sô thọ sự có thể ăn trước đại chúng. Có năm cách đánh kiền chùy:

1. Nếu thường nhóm chúng thì đánh ba hồi dài và đánh lớn ba tiếng sau.

2. Nếu báo làm việc nhọc trong chúng thì đánh ba hồi dài và đánh lớn hai tiếng sau.

3. Nếu có Bí-sô qua đời thì đánh một hồi dài và nhỏ dần rồi dứt.

4. Nếu là ngồi thiền thì rung cây tích trượng để nhắc.

5. Nếu có giặc đến, báo cho đại chúng biết thì mặc tình đánh nhiều ít.

Nếu khi thọ thực, sợ người dọn đưa thức ăn không đồng đều thì Bí-sô thọ sự nên đi quan sát; nếu người dọn đưa thức ăn ít thì Bí-sô thọ sự củng nên phụ giúp. Nếu khi đi đường, không có nhiều vật đựng thì hai người ăn chung không phạm, cũng được ăn chung với Cầu tịch. Nếu bà con không ngày mới gặp lại nhau, muốn cùng ăn chung thì nên ăn ở chỗ khuất. Khí vật bằng vàng bạc vật báu đựng thức ăn, Bí-sô không nên thọ dụng; nếu ở trên cõi trời, long cung thì được thọ dụng không phạm. Nếu đến giờ ăn, mọi người đã ngồi vào chỗ ổn

định, nếu không có ai xướng thời đáo thì không được dọn đưa thức ăn, nếu dọn đưa cũng không được thọ, thọ thì phạm tội Việt pháp. Nếu người dọn đưa thức ăn không biết pháp thức thì Thượng tòa nên bảo họ xướng, Thượng tòa quên thì Thứ tòa nên bảo. Khi đang thọ thực, không được đòi hỏi món này món nọ; nếu người ốm yếu thì được đòi trái chín, người khỏe mạnh không nên đòi, nếu cần thì gọi nói nhỏ. Khi thọ thực nên đoan thân chánh niệm, khởi tưởng nhàm lìa, không trạo cử tạp loạn; nếu không như thế thì phạm tội Việt pháp. Thọ thực xong còn thức dư nên đem cho người tục đến xin, khi cho nên tự đề phòng tâm, nếu có bàng sanh cũng nên thí cho. Nếu ăn loại thức ăn giòn cứng thì không nên cắn phát ra tiếng, cháo hay canh cũng không được húp ra tiếng. Thượng tòa ăn xong, súc miệng rồi nên đọc kệ thí chú nguyện cho thí chủ; khi đang thọ thực Thượng tòa cũng nên quan sát trong đại chúng, chớ để họ hốt hoảng mà ăn không no. Nếu thí chủ đến chùa thỉnh Tăng thọ thực, Bí-sô thọ sự nên báo cho thí chủ biết số người; nếu sắp đến giờ ăn mà có khách Bí-sô đến, hoặc có người trong chúng ra đi, cũng nên báo lại cho thí chủ biết. Nếu đã tới giờ ăn thì người muốn ra đi cũng nên ở lại đợi thọ thực xong rồi mới đi; nếu khách Bí-sô đông mà thức ăn ít thì Thượng tòa nên bảo thí chủ chia đều để cùng ăn; nếu thức ăn nhiều thì tùy ý thí chủ dọn đưa cúng dường. Đại chúng

ăn xong, Thượng tòa đọc kệ thí rồi nên ở lại thêm một chút để xem thí chủ có muốn nghe pháp không, nếu muốn nghe thì nên nói pháp, nếu không muốn nghe thì tùy ý đi. Nếu ai không làm theo hành pháp kể trên thì phạm tội Ác tác.

**38. Ăn thức ăn từng xúc chạm:**

Duyên xứ như trên, lúc đó Bí-sô Ca la khất thực được thức ăn, ăn xong, phần thức ăn dư đem phơi khô; khi gặp trời mưa gió không thể khất thực được thì đem thức ăn phơi khô này ra rửa sạch rồi ăn. Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu Bí-sô ăn thức ăn đã từng xúc chạm thì phạm Ba-dật-đề.

Nói đã từng xúc chạm là tự tay đã từng cầm hoặc cất giữ cách đêm, thức ăn đã từng xúc chạm này hoặc thọ vào trước giờ ngọ hoặc thọ sau giờ ngọ; nếu qua thời phần mà ăn thì phạm Đọa, nếu trong thời phần thì phạm tội Ác tác. Về cảnh tưởng có sáu câu: hai câu đầu phạm Đọa, hai câu kế khinh, hai câu sau không phạm. Ở Bắc Câu lô châu thì không phạm, vì người ở cõi đó đối với vật thực không có tâm bỉ ngã; còn ở cõi này, Bí-sô đối với Tăng, Bí-sô và người thọ học thì có lỗi từng xúc chạm; Bí-sô ni thêm đối với Thức xoa ma na là bốn. Đối với hai hạng người là người không hổ thẹn không sợ tội và người có hổ thẹn nhưng mất chánh niệm, thì không có lỗi từng xúc chạm. Riêng

đối với Cầu tịch, nếu có tâm mong cầu nên đưa thức ăn cho Cầu tịch để mong được ăn lại thì phạm tội Ác tác, ăn thì phạm Đọa; khi cho không có tâm mong cầu nhưng khi ăn lại có tâm mong cầu, ăn thì phạm Đọa; khi cho và khi ăn đều không có tâm mong cầu thì ăn không phạm. Trên đường đi vác theo lương thực, nếu Cầu tịch không thể vác nổi thì lấy dây cột vào bao lương thực, đưa cho Cầu tịch cầm rồi Bí-sô nâng vác phụ; hoặc Cầu tịch muốn tạm dừng nghỉ, Bí-sô phụ đỡ bao lương thực xuống, đều không phạm. Nếu gặp giặc khủng bố, Cầu tịch bỏ chạy để lại bao lương thực, Bí-sô nên tự lấy mang đi; nếu lội qua khe suối, Cầu tịch vác lội qua không nổi, Bí-sô cũng nên vác phụ, đều không phạm. Lúa gạo của Tăng dùng xe chở về chùa, nếu xe muốn nghiêng đổ thì Bí-sô nên phụ đỡ lại cho ngay; nếu Bí-sô bịnh muốn đi theo xe hay thuyền thì nên tránh chỗ chỗ tay lái. Nếu lúa gạo phơi ngoài sân chùa, nếu có nạn duyên đến mà không có ai thì Bí-sô nên tự thu cất; nếu đi đường hết lương thực, thấy có cây ăn trái mà không có người trao đưa, có thể tự leo lên cây rung cho rụng xuống, dù không tác tịnh, không thọ đều được ăn không phạm. Những việc trên đều do có nạn duyên mà khai cho làm, nếu không có nạn duyên thì không được làm. Nếu cần bình đựng Tô mà cầm nhầm bình đựng thuốc nhuộm, dù có xúc chạm cũng không phạm; nếu muốn cầm lên lầu, đi chưa

được nửa lầu thì để lại dưới đất; nếu đã đi quá nửa lầu thì phải cầm luôn lên lầu. Nếu trong bát có khe hở hay răng nứt thì phải rửa hai ba lần cho sạch mới được dùng; nếu đựng thức ăn nóng có váng dầu mỡ nổi lên cũng không phạm; nếu có hạt cơm dính nơi khe nứt nên khều ra rồi rửa lại hai ba lần cho sạch. Thức ăn dư của Bí-sô, Bí-sô ni được dùng; thức ăn dư của Bí-sô ni, Bí-sô được dùng, lẫn nhau làm tịnh nên dùng không phạm; về cảnh tưởng có sáu câu như trên.

39. Không thọ mà ăn:

Duyên xứ như trên, lúc đó Bí-sô Ca la phần nhiều trụ nơi Thâm ma xá na, nếu thấy người đời cúng tế tiên linh thì Bí-sô liền tự lấy thức ăn cúng này mà ăn, đến nỗi bị mang tiếng là Bí-sô ăn thịt người, làm xấu hổ Pháp chúng nên Phật chế khi có người trao đưa mới được ăn, vì có người trao đưa mới có minh chứng; lại do Lục chúng Bí-sô dù có người trao đưa hay không, đều tự lấy mà ăn nên Phật chế học xứ:

Nếu Bí-sô không thọ mà ăn nhai thì phạm Ba-dật-đề, trừ nước và tăm xỉa răng.

Nói không thọ là không thọ từ người khác, nếu khỉ gấu có trí trao dưa thức ăn thì cũng thành thọ. Về cách thọ có bốn: một là cần tác ý, hai là có người trao, ba là tự tay thọ, bốn là để trên bàn hay dưới đất, năm là tay đỡ một bên. Lại có năm cách

trao đưa: một là thân đưa thân thọ, hai là dùng vật đưa thân thọ, ba là thân đưa dùng vật thọ, bốn là dùng vật đưa dùng vật thọ; năm là để dưới đất đưa mà thọ: đây là trường hợp ở quốc độ ghét bỏ Bí-sô nên để dưới đất đưa, hoặc Bí-sô làm Mạn trà la rồi để bát lên trên, họ từ xa thảy vào bát, cũng gọi là thọ. Có năm trường hợp không thành thọ: một là ở ngoài giới, hai là ở chỗ quá xa, ba là ở một bên, bốn là ở sau lưng, năm là khi chắp tay; ngược với trên thì thành thọ.

Nếu thí chủ đem thức ăn dọn ra trước đại chúng để cúng dường, chưa kịp dâng cúng thì thấy trong nhà bị cháy, vội bỏ chạy đi cứu lửa. Giờ ăn sắp qua mà không có người trao đưa, Phật bảo nên khởi tưởng đang ở Bắc Câu lô châu mà tự lấy ăn. Nếu khi thọ thức ăn, bỗng có thức ăn không thọ rớt vào thì nên bảo tịnh nhân trao đưa lại, nếu không có tịnh nhân thì sớt bỏ ra rồi ăn; nếu thọ rồi mà có trẻ con đến xúc chạm thì phải thọ lại mới được ăn.

Có năm loại trần: một là xúc trần, hai là phi xúc trần, ba là tịnh trần, bốn bất tịnh trần, năm là vi trần; lại có năm loại trần là thức ăn, thức uống, y, hoa và quả, đều cần phải thọ mới được ăn. Khi thọ thực nên dụng tâm, nếu người trao đưa thức ăn để đại trên mâm thì phải tổng thọ lại, không nên tự lấy đưa cho tịnh nhân rồi bảo họ trao lại; nếu là người bịnh không có người trao đưa thức ăn thì không thọ mà ăn vẫn không phạm; người nuôi bịnh nên biết

người bịnh ăn được thức ăn gì, không ăn được thức ăn gì mà tùy nghi cho ăn.

Nói trừ nước và tăm xỉa răng là nếu nước đục nên bỏ Bồ đào hay Anh áo vào nước để làm cho nước trong rồi mới uống dùng; nếu nước mặn hay nước muối biển có thể làm thành muối thì cần phải thọ. Nếu trong nước ao, nước sông có lợn cợn hột cơm hay lá rau, nên lượt sạch rồi dùng; hoặc có váng dầu mỡ hay lạc nổi trên mặt nước, cũng nên lượt sạch rồi dùng. Nếu có chim bay đến mổ lấy cơm trong bát, Bí-sô nên sớt bỏ chung quanh chỗ chim mổ rồi tùy ý ăn. Lu hay bình đựng nước uống dùng cần phải có nắp đậy, chớ để cho trùng, bụi đất bay vào.

Sáng sớm thức dậy đánh răng có năm lợi: một là trừ bịnh nóng, hai là trừ bịnh lạnh và bịnh đàm ấm, ba là sạch miệng, bốn là ưa muốn ăn uống, năm là có thể sáng mắt. Có ba loại tăm xỉa răng, cây đánh răng: loại dài chừng mười hai ngón tay, loại ngắn chừng tám ngón, giữa hai loại này là loại vừa. Đánh răng nạo lưỡi xong nên rửa cây nạo lưỡi rồi mới bỏ ở chỗ khuất, vì có Bí-sô đời trước là rắn độc, nên đời này trong răng vẫn còn độc, khi quăng bỏ cây nạo lưỡi, trùng kiến bu đến đều bị trúng độc mà chết. Người nhỏ không được ở trước người già xỉa răng, có ba việc nên làm ở chỗ khuất, đó là đại tiểu tiện và xỉa răng. Cây nạo lưỡi không nên bén sẽ làm lưỡi bị thương.

Về cảnh tưởng có sáu câu: hai câu đầu phạm Đọa, hai câu kế khinh, hai câu sau không phạm. Nếu khi trao đưa trái cây, lỡ rơi xuống đất nếu ở chỗ có thế voi tay tới được thì nên tự lấy, cũng thành thọ; nếu ở xa không vói tới được thì phải thọ lại.

**40. Đòi hỏi thức ăn ngon:**

Phật tại nước Kiếp-tỷ-la, lúc đó Lục chúng Bí-sô thọ thí chủ Đại danh thỉnh thực, khi đến thọ thực thấy thức ăn không ngon, liền đi đến nhà khác xin các thức ăn ngon rồi mang trở lại nhà thí chủ để ăn... nên bị thí chủ chê trách. Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu Bí-sô trong nhà thí chủ xin thức ăn ngon như sữa, lạc, sanh tô, thục tô, dầu, cá, thịt, nem; Bí-sô không bịnh, vì mình mà xin thức ăn ngon như vậy thì phạm Ba-dật-đề.

Không bịnh đi xin, không bịnh mà ăn thì phạm Đọa; có bịnh đi xin, không bịnh mà ăn thì khi xin không phạm, ăn thì phạm Đọa; không bịnh đi xin, có bịnh mới ăn thì khi xin phạm tội Ác tác, khi ăn không phạm. Khi khất thực, người mang cơm ra cho, nếu muốn xin vật khác thì nên nói: "tôi đã ăn cơm no rồi", nếu người cho hỏi cần gì cứ nói, thì tùy ý hỏi xin không phạm; nếu đến chỗ trời rồng... hỏi xin thì không phạm.

Nhiếp tụng thứ năm:

Nước có trùng, hai nhà ăn, Không y, đến xem hành quân, Hai đêm, nhiễu loạn quân binh, Đánh, dọa, che dấu tội thô.

**41. Thọ dụng nước có trùng:**

Phật tại nước Kiều-thiểm-tỳ, lúc đó Bí-sô Xiển đà thọ dụng nước có trùng làm chết nhiều chúng sanh, nên Phật chế học xứ:

Nếu Bí-sô biết nước có trùng mà còn thọ dụng thì phạm Ba-dật-đề.

Nói thọ dụng có hai trường hợp: một là nội thọ dụng là cung cấp cho trong thân, hai là ngoại thọ dụng như các việc tắm rửa giặt giũ...; giới trước là dùng nước vào việc xây cất, giới này là uống dùng. Nếu Bí-sô vì sân hận, hay vì quên niệm hay vì đói khát bức bách mà thọ dụng nước có trùng, không luận nhiều ít, có xem hay không xem, khởi tưởng có trùng mà không lượt nước, liền uống dùng thì phạm Đọa; khi khởi tâm muốn lấy nước này thì phạm tội trách tâm Ác tác, khi làm phương tiện lấy nước này thì phạm tội đối thuyết Ác tác. Về cảnh tưởng cũng có sáu câu: hai câu đầu phạm Đọa, hai câu kế phạm khinh, hai câu sau không phạm.

Có năm loại mắt không nên xem nước: một là mắt bịnh, hai là mắt lòa, ba là mắt loạn, bốn là mắt người già, năm là thiên nhãn. Xem nước trong khoảng thời gian bao lâu?. trong khoảng thời gian xe có sáu con bò kéo chạy vụt qua, hoặc tâm tịnh

xem thấy nước không trùng, dù không lượt mà uống cũng không phạm. Có năm loại đãy lượt nước: một là lượt vuông, hi là pháp bình, ba là quân trì, bốn là chước thủy la, năm là chéo y. Nếu Bí-sô không mang theo đãy lượt nước thì không được đi đến thôn khác hay chùa khác cách xa ba Câu lô xá; nếu biết chỗ đến thường có nước sạch, không có thiếu nước nên không mang theo thì không phạm. Nếu có bạn cùng đi đường, khi đi nên hỏi người mang theo đãy lượt nước: "thầy có cho dùng chung đãy lượt nước hay không, khi đi đến đường rẽ hoặc thầy quay trở về, có thể để lại đãy lượt nước cho tôi dùng được không?", nếu đáp được thì cùng đi chung, nếu đáp là không thì không nên cùng đi chung, nếu không hỏi như thế mà cùng đi thì phạm tội Ác tác. Nếu đi thuyền, thuận dòng sông thì chứng năm Câu lô xá, ngược dòng thì chừng ba Câu lô xá, không mang đãy lượt nước theo, không phạm; nếu thuận dòng thì chừng một Câu lô xá xem nước một lần, không trùng thì tùy ý uống dùng, nhưng giữa chừng phải không có dòng nước khác chảy vào sông; nếu ngược dòng thì chừng một tầm xem nước một lần, không trùng thì tùy ý uống dùng.

Có năm loại nước sạch: một là nước sạch của Tăng, hai là nước sạch của người khác, ba là nước sạch do tự lượt, bốn là nước suối phun sạch, năm là nước giếng sạch. Nếu biết Bí-sô kia là người trì

giới thường hộ sanh mạng, uống nước của vị này dù không xem cũng không phạm; nếu sáng sớm xem nước lượt rồi chứa để đến sáng hôm sau khi mặt trời chưa mọc được tùy ý uống dùng. Nếu lấy nước từ trong giếng hay trong sông, sau khi lượt nước, có trùng trong đãy lượt nên đem thả lại trong giếng hay trong sông để cho trùng được sống. Những lu nước dùng để uống dùng trong chùa nên để ở chỗ thuận tiện sạch sẽ, nên thường chà rửa lu cho sạch, nếu lu có mùi hôi nên đem phơi, tay không sạch không nên chạm vào lu nước. Trong chùa có nhiều bình chứa nước uống dùng, nếu người tục đến mượn nên cho mượn cái cũ, không nên cho mượn cái mới.

**42. Gượng ngồi nán lại trong nhà ăn:**

Phật tại vườn Cấp-cô-độc, thành Thất-la-phiệt, lúc đó Bí-sô Ô- đà-di nhìn tướng đoán biết tình người, ở trong nhà ăn biết người chồng muốn cùng vợ làm việc phi pháp, liền cố ý nói pháp cho người vợ nghe để xúc não họ... Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu Bí-sô gượng ngồi nán lại trong nhà ăn thì phạm Ba-dật-đề.

Nói nhà ăn là đối với người nam thì người nữ là thức ăn, ngược lại đối với người nữ thì người nam là thức ăn, trong nhà có nam nữ muốn làm việc hành dâm thì gọi là nhà ăn. Nói gượng ngồi

nán lại là tự buông lung tâm mình mà ngồi lại dù biết chủ nhà không thích. Nếu biết nam nữ kia có ý muốn hành dâm mà gượng ngồi nán lại để xúc não họ khiến họ nổi sân thì phạm Đọa. Cảnh tưởng có sáu câu như trên, nếu bị giặc đuổi, chạy lánh nạn nên gượng ngồi nán lại mà không có tâm nhiễm thì không phạm.

**43. Đứng núp ở chỗ khuất trong nhà ăn:**

Duyên xứ như trên, chỉ khác ở chỗ là đứng núp sau cánh cửa trong nhà ăn, chủ nhà nhìn thấy liền chê trách nên Phật chế học xứ:

Nếu Bí-sô đứng núp ở chỗ khuất trong nhà ăn thì phạm Ba-dật-đề.

Giới trước nói chỗ khuất là chỗ chỉ có hai người, dù khuất hay hiển lộ đều là oai nghi ngồi; còn giới này là oai nghi đứng, dù chỉ trong chốc lát cũng phạm Đọa.

**44. Cho nam nữ ngoại đạo lõa hình thức ăn:**

Duyên xứ như trên, lúc đó tôn giả A-nan cầm bánh đưa cho hai người nữ ngoại đạo lõa hình: người già được một cái, còn người trẻ được cái bánh dính hai nên người già nói với người trẻ là A-nan có ý... Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu Bí-sô tự tay cho nam nữ ngoại đạo lõa hình và ngoại đạo khác thức ăn thì phạm Ba-dật-đề.

Nếu Bí-sô đối trước ngoại đạo tự tay đưa cho

thức ăn, hoặc để vào tay hoặc để trong vật đựng, khi chưa rơi xuống thì phạm tội Ác tác, rơi xuống tay hay trong vật đựng của họ thì phạm Đọa. Cảnh tưởng có sáu câu như trên, nếu đó là bà con hay người bịnh khổ thì cho không phạm.

**45. Xem quân binh:**

Duyên xứ như trên, lúc đó vua Thắng quang chỉnh đốn quân binh để đi thảo phạt phản loạn, Lục chúng Bí-sô liền đến xem... Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu Bí-sô đến xem chỉnh đốn quân binh thì phạm Ba-dật-đề.

Nói chỉnh đốn quân binh là sắp sửa ra trận chiến đấu, quân binh có bốn là tương binh, mã binh, xa binh và bộ binh. Nếu Bí-sô đến xem chỉnh đốn quân binh, vừa nhìn thấy liền phạm Đọa, làm phương tiện để đến xem thì phạm tội Ác tác. Cảnh tưởng cũng có sáu câu, không phạm là nếu giặc sắp đến, muốn đến xem để biết giặc ở xa hay gần, hoặc khi khất thực gặp quân binh hoặc quân binh đến trong chùa, dù nhìn thấy cũng không phạm.

**46. Ở trong quân trận quá hai đêm:**

Duyên xứ như trên, lúc đó Lục chúng Bí-sô có nhân duyên đến ở trong quân trận được hai đêm, nghe vua Thắng quang ra lịnh chỉnh đốn quân binh liền ở nán lại để xem... nên Phật chế học xứ:

Nếu Bí-sô có nhân duyên đến trong quân trận,

được ở lại hai đêm, nếu ở quá hai đêm thì phạm Ba-dật-đề

Nếu Bí-sô ở trong quân trận qua đến đêm thứ ba, khi mặt trời vừa mọc liền phạm Đọa, làm phương tiện để ở nán lại thì phạm tội Ác tác; không phạm là bị vua bắt giữ hoặc có nạn duyên.

**47. Não loạn quân binh:**

Duyên xứ như trên, lúc đó Lục chúng Bí-sô ở trong quân trận thấy quân binh đang tập trận liền não loạn họ... nên Phật chế học xứ:

Nếu Bí-sô ở trong quân trận hai đêm thấy quân binh đang bày binh bố trận và các đội kỳ binh đi trước thì phạm Ba-dật-đề.

Kỳ binh có bốn là Sư tử kỳ, Đại ngưu kỳ, Kình ngư kỳ và Kim súy điểu kỳ. Nói bày binh bố trận có bốn loại là thế trận mũi đao, thế trận càng xe, thế trận hình bán nguyệt và thế trận hình cánh chim Bằng. Cảnh tưởng như trên, phạm và không phạm như trên.

**48. Đánh Bí-sô:**

Duyên xứ như trên, lúc đó Bí-sô Ô-đà-di thấy nhóm Thập thất Bí- sô không chịu nghe lời nên đánh họ... Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu Bí-sô vì sân giận không vui mà đánh Bí-sô khác thì phạm Ba-dật-đề.

Nói đánh là dùng tay hoặc dùng chân đánh đá hoặc dùng ngoại vật như cây, gạch, đá... tùy trúng

bao nhiêu thì phạm Đọa bấy nhiêu, không trúng thì phạm tội Ác tác, nếu có tâm sát mà đánh thì phạm Tốt- thổ-la để. Nói Bí-sô là bao gồm trì giới và phá giới, có tướng Bí-sô, khởi tưởng Bí-sô và nghi thì phạm Đọa; không phải Bí-sô, khởi tưởng Bí-sô và nghi thì phạm tội Ác tác; không phạm là không vì sân giận mà vì làm lợi ích.

**49. Giơ tay dọa đánh Bí-sô:**

Duyên xứ như trên, chỉ khác ở chỗ là giơ tay dọa đánh chứ chưa đánh nên Phật chế học xứ:

Nếu Bí-sô vì sân giận không vui, giơ tay dọa đánh Bí-sô khác thì phạm Ba-dật-đề.

Vừa giơ tay dọa liền phạm Đọa, nếu một lần giơ tay dọa đánh nhiều Bí-sô thì tùy có bao nhiêu Bí-sô thì phạm bấy nhiêu tội Đọa. Nếu Bí-sô nhỏ làm cho Bí-sô lớn giận thì nên đến sám tạ, nếu Bí-sô lớn tâm sân chưa dứt thì không nên liền đến sám tạ, nhưng Bí-sô không nên cố chấp mà không chịu tha thứ cho nhau; nếu Bí-sô lớn vẫn cố chấp thì Bí-sô nhỏ cầu sám tạ nên nhờ người trí làm phương tiện hòa giải giùm. Bí-sô nhỏ nên đến bên Bí-sô lớn kính lễ sám tạ, Bí-sô lớn nên nói không bịnh. Khi thấy các Bí-sô tranh cãi nên dùng tâm không phe nhóm để hòa giải; nếu thấy người tục đang cãi nhau, Bí-sô không nên đứng nhìn, sợ họ sẽ nhờ làm chứng... Ai không tuân theo hành pháp kể trên thì phạm tội Ác tác.

**50. Che giấu tội thô của Bí-sô khác:**

Duyên xứ như trên, lúc đó Bí-sô Đạt ma thấy Bí-sô Ô-ba-nan-đà phạm tội Tăng già bà thi sa, Ô-ba-nan-đà sợ Đạt ma nói cho người khác biết nên nói rằng: "Thân giáo sư của thầy tuy tôi biết có phạm tội nhưng tôi vẫn không nói với ai, vì vậy dù thầy thấy tôi phi lý cũng nên che giấu", Đạt ma nghe rồi liền đem việc này nói cho các Bí-sô biết. Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu Bí-sô biết Bí-sô khác có tội thô ác mà che giấu thì phạm Ba- dật-đề.

Nói biết là tự biết hay nghe người khác nói, tội Thô là tội thuộc hai bộ giới đầu và tội phương tiện. Nếu Bí-sô che giấu tội Thô của Bí-sô khác cho đến sáng hôm sau, khi mặt trời vừa mọc liền phạm Đọa, che giấu các tội trong bộ giới khác thì phạm tội Ác tác; nếu đối trước người phá giới phát lồ thì không thành phát lồ. Không phạm là nếu khi nói với người khác sẽ khiến mình không được an, hoặc mạng nạn hoặc sẽ có nhân duyên phá Tăng nên phải che giấu thì không phạm.

Nhiếp tụng thứ sáu:

*Làm buồn, đốt lửa, dục,*
*Cùng ngủ, pháp không chướng,*
*Chưa bỏ, Cầu tịch, nhuộm,*
*Cầm vật báu, quá nóng.*

**51. Rủ cùng đến nhà thế tục mà không**

**cho ăn:**

Duyên xứ như trên, lúc đó Bí-sô Ô-ba-nan-đà do trước có hiềm khích với Bí-sô Đạt ma, muốn xúc não Đạt ma nên vào một ngày khác dùng lời dịu ngọt rủ Đạt ma cùng đi đến nhà thế tục thọ thỉnh thực, nhưng lập bày phương tiện không cho Đạt ma ăn, khiến Đạt ma phải đoạn thực. Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu Bí-sô nói với Bí-sô khác: "thầy hãy cùng tôi đến các nhà kia, tôi sẽ bảo họ cúng thức ăn ngon", đến nơi lại không bảo cúng cho thức ăn, mà còn nói rằng: "thầy hãy đi đi, tôi cùng thầy cùng ngồi, cùng nói chuyện không vui; tôi ngồi một mình, nói chuyện một mình vui hơn", vì muốn xúc não Bí-sô kia, nghĩ rằng: "khiến cho Bí-sô này phiền não cho đến trong chốc lát", vì nhân duyên này không phải vì duyên gì khác thì Bí-sô này phạm Ba-dật-đề.

Nếu có tướng Bí-sô, khởi tưởng Bí-sô mà xúc não, người kia nhận hiểu thì phạm Đọa, xúc não người thọ học và chúng khác thì phạm tội Ác tác; nếu ở chùa Ni hay miếu thờ trời, nhà ngoại đạo mà xúc não thì phạm tội Ác tác.

**52. Xúc chạm lửa:**

Phật tại thành Vương xá, nhân việc đốt cây hơ lửa làm cho rắn độc trong bọng cây bò ra, khiến các Bí-sô hoảng sợ bỏ chạy; lại nhân việc cầm cây

lửa quay vòng đùa giỡn nên Phật chế học xứ:

Nếu Bí-sô không bịnh, đốt lửa sưởi ấm nơi đất trống, dùng cây cỏ hay phân trâu để đốt hay bảo người khác đốt thì phạm Ba-dật-đề.

Nói không bịnh là nếu có duyên bịnh thì không phạm, tất cả việc xúc chạm lửa không ở trong thời mà đốt hay tắt, thổi lửa, khêu lửa... đều phạm Đọa; nếu trở lửa than để nướng bánh, tuy ở trong thời mà không có tâm thủ trì đều phạm tội Ác tác, nếu có tâm thủ trì thì không phạm. Nói trong thời là vì Tam bảo hay vì Ô-ba-đà-da, A-giá-lợi-da hoặc vị đồng phạm hạnh hoặc vì mình mà xông bát, nấu thức ăn... thì xúc chạm lửa không phạm. Nói có tâm thủ trì là khi xúc chạm lửa khởi tâm niệm: "ta vì vị đồng phạm hạnh cần làm việc như vậy nên phải xúc chạm lửa", khi tắt lửa cũng khởi tâm vì xong việc nên tắt lửa. Về cảnh tưởng có sáu câu: hai câu đầu phạm Đọa, hai câu kế khinh, hai câu sau không phạm; nếu phóng hỏa đốt đồng nội thì phạm Tốt-thổ-la để, cũng không được ở trên nền đốt lửa, nên lót gạch đá ở dưới; nếu đốt lửa ở ngoài sân chùa, đợi cho khói bay hết rồi mới đem vào phòng. Ban đêm tụng kinh nên đốt đèn, cây đèn nên làm một tầng, nếu là vật của Tăng thì được làm nhiều tầng.

-oOo-

# CĂN BẢN TÁT BÀ ĐA BỘ LUẬT NHIẾP

## QUYỂN 12

**53. Gởi dục rồi hối:**

Phật tại vườn Cấp-cô-độc, thành Thất-la-phiệt, lúc đó Ô-ba-nan- đà bị Tăng cho yết ma xả trí, Nan đà biết được nên nói với các Bí-sô: "tôi trước gởi dục không phải là thiện gởi"... Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu Bí-sô gởi dục rồi sau đó hối, nói rằng: "hãy trả dục lại cho tôi, tôi không gởi dục nữa", thì Bí-sô này phạm Ba-dật-đề.

Nói gởi dục là khi Tăng làm pháp sự, trước đã cùng chấp thuận, nhưng sau đó hối nên đòi dục lại. Giới này khác với giới trước ở chỗ không biết trước việc yết ma, gởi dục rồi mới biết nên hối, vừa nói ra lời đòi dục liền phạm Đọa.

**54. Ngủ chung phòng với người chưa thọ Cận viên quá hai đêm:**

Duyên xứ như trên, như Phật đã dạy vào ngày mồng tám, mười lăm mỗi tháng nên nhóm chúng để nghe kinh pháp. Hôm đó vào nửa đêm, có Bí-sô già đốt đèn nằm ngủ, mộng thấy cùng vợ cũ hành

dâm nên nói mớ, khiến mọi người đều nghe thấy liền chê trách. Phật nhân việc này chế không cho cùng người chưa thọ Cận viên ngủ chung một phòng, cũng không được đốt đèn nằm ngủ, nếu có ánh trăng chiếu sáng thì không phạm. Lại do La hỗ la chưa thọ Cận viên bị đuổi ra khỏi phòng và Bí-sô bịnh, nên Phật khai cho được cùng ngủ chung phòng hai đêm, đến đêm thứ ba thì đến phòng khác ngủ; nếu không có phòng để cùng ngủ, sợ có Bí-sô ác phá giới dụ dỗ nên khởi tâm phòng hộ, cho cùng ngủ chung phòng trong ba tháng an cư thì không phạm. Lại do hai Cầu tịch tên Lợi thích và Trưởng đại cùng ngủ chung với người tục một chỗ nên Phật chế học xứ:

Nếu Bí-sô cùng người chưa thọ Cận viên ngủ chung phòng quá hai đêm thì phạm Ba-dật-đề.

Nói quá hai đêm là đến đêm thứ ba cùng ngủ đến khi mặt trời mọc thì phạm Đọa; nói cùng phòng nhà có bốn: một là trên lợp và chung quanh ngăn khắp hết; hai là trên lớp khắp hết nhưng chung quanh chỉ ngăn phần lớn, không khắp hết; ba là trên lợp không khắp hết nhưng chung quanh ngăn khắp hết; bốn là trên lợp và chung quanh ngăn đều không khắp hết. Về cảnh tưởng có sáu câu: hai câu đầu phạm Đọa, hai câu kế khinh, hai câu sau không phạm.

Khi ngủ nếu có nạn duyên hoặc không có giường chiếu khác thì nên xếp y Uất Đa-la tăng làm

bốn lớp lót nằm, xếp y Tăng-già-lê làm bốn lớp gối đầu và dùng y An-đà-hội đắp. Nằm nên nghiêng bên hông phải, hai gót chân chồng lên nhau, khởi tưởng ánh quang minh, trụ chánh niệm mà ngủ, nhớ nghĩ sẽ dậy sớm; đầu đêm sau đêm nên tu phẩm thiện, đây là cách ngủ của Sa môn. Nếu không bịnh thì ban ngày không nên nằm, khi nghỉ ngơi nếu có người đến xúc não thì nên bỏ đi đến chỗ khác.

**55. Không bỏ ác kiến trái can:**

Duyên xứ như trên, lúc đó Bí-sô Vô tướng sanh ác kiến nên Tăng bạch tứ yết ma can ngăn cho bỏ ác kiến này, nhưng Vô tướng vẫn cố chấp không chịu bỏ nên Phật chế học xứ:

Nếu Bí-sô nói rằng: "tôi hiểu nghĩa của pháp Phật là hành pháp chướng đạo không thể chướng đạo", các Bí-sô nên can ngăn Bí-sô này: "thầy chớ nói là tôi hiểu nghĩa của pháp Phật là hành pháp chướng đạo không thể chướng đạo. Thầy chớ hủy báng Phật, hủy báng Phật là không tốt; Phật không nói lời này, Phật dùng đủ nhân duyên nói hành pháp chướng đạo thật là chướng đạo; thầy nên bỏ ác tà kiến này đi". Khi các Bí-sô can ngăn như thế mà không chịu bỏ việc này thì nên can ngăn hai, ba lần cho bỏ việc này, chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì Bí-sô này phạm Ba-dật-đề.

Nói pháp chướng ngại là năm bộ tội, nói không

chướng ngại là không chướng ngại chứng Thánh quả. Nếu Bí-sô sanh ác kiến mà cho là chánh kiến nên nói điều tôi hiểu là thù thắng, khi được Bí-sô can riêng mà không chịu bỏ thì phạm tội Ác tác ; khi Tăng bạch tứ yết ma can, từ tác bạch cho đến yết ma lần thứ hai cũng không chịu bỏ thì đều phạm tội Ác tác, yết ma lần thứ ba xong không bỏ thì phạm Đọa.

**56. Tùy thuận người bị xả trí:**

Duyên xứ như trên, lúc đó Bí-sô Vô tướng bị Tăng cho yết ma xả trí, Bí-sô Ô-ba-nan-đà lại cho ở chung nên Phật chế học xứ:

Nếu Bí-sô biết Bí-sô kia nói lời như thế, không như pháp sám hối cũng không chịu bỏ ác tà kiến nên bị tẫn mà lại chứa nuôi cùng làm việc, cùng nói chuyện, cùng ngủ thì Bí-sô này phạm Ba-dật-đề.

Do Bí-sô kia bị xả trí chưa tùy thuận Tăng, cũng không bỏ ác kiến, tâm không cải hối nên cùng ở chung đến sáng hôm sau, khi mặt trời vừa mọc liền phạm Đọa; nếu chưa tùy thuận mà bỏ ác kiến thì dù cùng ở chung chỉ phạm tội Ác tác. Nếu không biết Bí-sô kia bị xả trí hoặc thân có bịnh hoặc muốn làm cho Bí-sô kia bỏ ác kiến nên cùng ở chung thì không phạm.

**57. Nhiếp thọ Cầu tịch ác kiến:**

Duyên xứ như trên, lúc đó hai Cầu tịch tên Lợi

thích và Trưởng đại thường làm ác hạnh, tâm không hổ thẹn, khi thấy các bạn thân trước kia đều đắc A-la-hán liền khởi niệm: "họ trước kia đã cùng ta làm việc phi pháp mà nay lại đắc quả A-la-hán, chứng tỏ phạm tội không chướng ngại chứng Thánh quả". Tăng nên bạch tứ yết ma can ngăn Cầu tịch bỏ ác kiến này, nên bảo đứng ở chỗ chỉ thấy mà không nghe, mỗi lần tác bạch, yết ma đều đến báo cho Cầu tịch biết để bỏ ác kiến, đến yết ma lần thứ ba vẫn cố chấp không bỏ thì Tăng nên tẫn, không cho ở chung. Bí-sô Ô-ba-nan-đà liền nhiếp thọ Cầu tịch cho ở chung nên Phật chế học xứ:

Nếu có Cầu tịch nói rằng: "tôi hiểu nghĩa của pháp Phật là hành pháp chướng đạo không thể chướng đạo", các Bí-sô nên can ngăn Cầu tịch này: "chú chớ nói là tôi hiểu nghĩa của pháp Phật là hành pháp chướng đạo không thể chướng đạo. Chú chớ hủy báng Phật, hủy báng Phật là không tốt; Phật không nói lời này, Phật dùng đủ nhân duyên nói hành pháp chướng đạo thật là chướng đạo; chú nên bỏ ác tà kiến này đi". Khi các Bí-sô can ngăn như thế mà không chịu bỏ việc này thì nên can ngăn hai, ba lần cho bỏ việc này, chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì các Bí-sô nên nói rằng: "này Cầu tịch, từ nay chú không được nói Phật là thầy, cũng không được đi theo sau các Bí-sô, không được cùng ngủ chung phòng với các Bí-sô cho đến hai đêm. Chú hãy đi khỏi nơi đây, không được ở

đây nữa". Nếu Bí-sô biết Cầu tịch bị tẫn mà lại chứa nuôi, cùng nói chuyện, cùng ngủ chung thì phạm Ba-dật-đề.

Nói nhiếp thọ là cho y chỉ và cung cấp y thực hoặc dạy pháp, nếu cùng nhà ngủ quá hai đêm thì phạm một tội Đọa, nếu qua đêm thứ ba thì phạm hai tội Đọa.

**58. Mặc y không hoại sắc:**

Phật tại Trúc lâm, thành Vương xá, lúc đó nhằm ngày tiết hội kỳ lợi bạt lũ sơn, các nam nữ từ các thành ấp xa gần đều tụ đến dự, các nhạc công với đủ loại nhạc khi cũng tụ hội và nói với nhau: "các màn vũ nhạc của chúng ta, mọi người đều đã xem biết, không còn đặc biệt nữa; chúng ta nên sửa đổi cho khác lạ mới thu hút được nhiều người đến xem", nói rồi bèn đưa hình tượng Lục chúng Bí-sô vào trong vũ nhạc, do mới lạ nên mọi người đều tụ đến xem, nhờ đó các nhạc công thu được rất nhiều tiền và trân bảo. Lục chúng Bí-sô nghe biết việc này liền nói với nhau: "các nhạc công đưa hình tượng của chúng ta vào trong vũ nhạc mà còn thu được nhiều tiền và trân bảo như thế, nếu chúng ta tự làm há lại không thu được tài vật hay sao?", nói rồi liền ở trong đại hội mặc áo thế tục tự ca múa vũ nhạc, mọi người đều tụ đến xem khiến cho các nhạc công kia phải nghỉ trình diễn. Lúc đó họ bàn với nhau: "chúng ta chỉ đưa hình tượng họ vào vũ

nhạc mà còn thu được nhiều tiền, huống chi là họ tự biểu diễn, chúng ta sẽ không được gì", bàn xong liền đem trân bảo tiền tài đã kiếm được biếu tạng cho Lục chúng Bí-sô để họ thương xót, không trình diễn nữa. Phật nhân việc này chế không cho Bí- sô tự ca múa vũ nhạc và đến xem nghe, đồng thời chế học xứ:

Nếu Bí-sô được y mới nên dùng một trong ba màu hoặc xanh, hoặc bùn đen hoặc vỏ cây Mộc lan nhuộm làm cho hoại sắc. Nếu Bí-sô không dùng một trong ba màu hoặc xanh, hoặc bùn đen hoặc vỏ cây Mộc lan nhuộm y mới làm cho hoại sắc thì phạm Ba-dật-đề.

Nói y mới là thể của nó mới, không phải là mới được; nói màu xanh là lấy trái Ha lê lặc nghiền giã rồi hòa với nước, để trong chậu sắt một đêm, sau đó hòa với nước nóng để thành màu nhuộm có sắc xanh nhưng không phải là màu xanh đậm; nói nhuộm màu bùn đen là dùng đá đỏ nhuộm, hoặc dùng vỏ cây, rễ, cành lá hoa quả nấu thành nước nhuộm hoại sắc. Nếu không nhuộm cho hoại sắc mà mặc thì phạm Đọa, làm phương tiện để mặc thì phạm tội Ác tác; cho đến các vật dụng như khăn lau bát, lau chân, đãy y, đãy bát, dây lưng... cũng đều nên nhuộm cho hoại sắc, điểm tịnh rồi thọ dụng. Nếu thể của y, sợi ngang sợi dọc... đều là vật bất tịnh, không nhuộm cho hoại sắc mà mặc thì phạm tội Ác tác. Về cảnh tưởng có sáu câu nên

biết.

**59. Cầm vật báu:**

Phật tại núi Thứu, thành Vương xá, lúc đó vào sáng sớm Phật đắp y mang bát vào thành khất thực, tôn giả A-nan đi theo sau. Do trời mưa lớn nên phục tàng của người thời kiếp sơ bị lộ ra, Phật thấy liền bảo A- nan: "A-nan hãy nhìn xem, đây là rắn độc hại", A-nan đáp: "Thế tôn, quả thật là rắn độc hại đáng sợ". Cách đó không xa có người lượm trái rụng nghe thấy lời này liền suy nghĩ và tò mò muốn biết rắn độc hại đó hình trạng như thế nào. Khi đến xem mới biết là phục tàng, liền suy nghĩ: "ta nguyện cho rắn độc hại này thường cắn cha mẹ vợ con quyến thuộc của ta, ta cũng không từ đau đớn", nghĩ rồi liền lấy lá phủ kín và từ từ mang về nhà, cùng bà con tùy ý thọ dụng. Lúc đó vua Vị sanh oán thấy người nghèo này bỗng nhiên trở nên giàu có liền sai sứ đến dò xét gạn hỏi: "ông tìm thấy phục tàng của vua ở đâu?", liền chối là không từng thấy, sứ bắt giải đến chỗ vua, vua gạn hỏi cũng chối là không thấy, vua hỏi các quan: "trái lịnh vua thì khép vào tội gì?", đáp là tội chết, vua nói: "người này trái lịnh vua nên y theo quốc pháp xử tội chết và bắt hết thân quyến giam vào ngục". Khi dẫn ra pháp trường xử tử, người kia khóc lớn và nói: "A-nan, đây là rắn độc hại", vua có dặn đao phủ, nếu nghe người kia nói lời gì thì tâu lại nên khi nghe

được lời này liền tâu vua biết, vua nghe rồi nói: "lời nói không tương đương, ắt là có ý nghĩa gì, khanh hãy dẫn hắn đến đây để ta gạn hỏi", người kia được dẫn đến trước vua liền kể lại mọi việc. Vua đối với Tam vừa sanh tín tâm, nghe việc này rồi liền rơi nước mắt nói với người kia rằng: "người nhờ Thế tôn mà được vật báu này, tội tuy đáng chết nhưng ta tha cho ngươi và các quyến thuộc được tự do, hãy đem vật báu này cúng dường Phật và Tăng", người kia nghe rồi vui mừng sắm sửa lễ vật mang đến cúng dường Phật và Tăng, sau khi nghe Phật thuyết pháp liền chứng được Sơ quả. Phật do việc này nên chế ngăn Bí-sô không được cầm vật báu; lại do Ô-ba-nan-đà đến chỗ dạy bắn, sau đó đến phường nhạc làm cho họ khiếp sợ rồi bắt họ giao nộp tiền, họ phải bán hết cung tên, nhạc cụ để đưa, do đây trở nên nghèo cùng; lại do Ô-ba-nan-đà lấy chuỗi ngọc của một đồng tử... nên Phật chế học xứ:

Nếu Bí-sô tự tay cầm lấy vật báu hay tợ vật báu, hoặc bảo người khác cầm lấy thì phạm Ba-dật-đề, trừ ở trong tăng phòng hay ở trong trú xứ. Nếu vật báu hay tợ vật báu ở trong Tăng phòng hay ở trong trú xứ, khi cầm lấy nên nghĩ rằng: "ai là chủ của chúng đến nhận, sẽ giao lại". Việc này đúng pháp nên làm như thế.

Nói vật báu là bảy báu: vàng bạc... cho đến ngọc Nhật quang, Nguyệt quang; nói tợ vật báu là

các loại binh khí, nhạc cụ; nói trừ ở trong trú xứ là nhân nơi Lộc tử mẫu mà Phật khai. Hành pháp của Bí-sô là khi nhặt được vật rơi hay bỏ quên, nếu chủ của vật đến đòi, Bí-sô nên hỏi lại, nếu đáp trúng thì nên đưa trả lại, nếu đáp không trúng thì không nên đưa trả lại. Nếu ở ngoài chùa thấy vật rơi nên lấy lá cỏ phủ kín lại, đợi không có chủ đến lấy mới đem về trú xứ, tự cất giữ qua bảy tám ngày, nếu không có ai đến đòi thì cất vào trong kho của Tăng, qua năm sáu tháng cũng không có ai đến đòi nên đem bán để mua các khí cụ cần dùng khác cho Tăng. Thời gian sau nếu có chủ đến đòi nên khuyên họ cúng cho Tăng, nếu không chịu thì Tăng nên trả lại đúng giá tiền của vật; nếu họ đòi tiền lời nên nói: "do Phật chế giới nên mới đưa trả lại cho ông, nếu còn đòi tiền lời thì không nên".

Nếu là đồ trang sức bằng vật báu như chuỗi anh lạc, vòng xuyến... cho đến các loại binh khí nhạc cụ hoặc trong thân tượng có xá lợi Phật mà tự cầm hay bảo người cầm thì đều phạm Đọa; nếu là giả vật báu... cho đến thân tượng không có xá lợi Phật, tự cầm hay bảo người cầm đều phạm tội Ác tác. Nếu tượng có xá lợi Phật hay không có xá lợi Phật, khởi tưởng Đại sư mà cầm thì không phạm; nếu là ngọc Nhật quang hay Nguyệt quang dùng để lấy lửa hay nước thì được cất giữ không phạm, nhưng không nên chỉ cho giặc biết chỗ cất. Bảy báu của Chuyển luân thánh vương, nếu xúc chạm nữ báu

thì phạm tội Chúng giáo, xúc chạm binh khí và phục tàng báu thì phạm hai tội Đọa, xúc chạm bốn báu sau thì không phạm.

**60. Tắm phi thời:**

Phật tại Trúc lâm, thành Vương xá, lúc đó Lục chúng Bí-sô tắm trong suối nước nóng của vua làm ngăn ngại vua tắm rửa nên Phật chế không cho tắm. Do không tắm nên thân hôi hám bị người tục chê trách nên Phật khai cho nửa tháng tắm một lần và gặp các duyên trong thời được tắm như sau:

Nếu Bí-sô chưa tới nửa tháng mà tắm thì phạm Ba-dật-đề, trừ nhân duyên. Nhân duyên là vào một tháng rưỡi của cuối mùa xuân và một tháng đầu của mùa hạ, hai tháng rưỡi này khí trời rất nóng hoặc khi bịnh, khi gió, khi mưa, khi làm việc, khi đi đường.

Nói khi trời nóng là vào một tháng rưỡi của cuối mùa xuân, tức là từ đầu tháng tư đến ngày 15 tháng 5 và một tháng đầu của mùa hạ, tức là từ ngày 16 tháng 5 đến ngày 15 tháng 6, trong hai tháng rưỡi này khí trời rất nóng. Nói khi bịnh là nếu không tắm rửa thì thân không an; nói khi làm việc là như đã giải thích ở giới trên; nói khi gió là cho đến có gió nhẹ thổi lay động chéo y; nói khi mưa là cho đến mưa lâm râm hoặc có cả gió và mưa, đều cho tắm tùy ý.

Bí-sô khi tắm rửa, tâm nên thủ trì, nếu vào ao

sông hoặc chỗ nước lạnh, nước nóng mà vua quán đảnh tắm, nước cao quá rốn thì phạm Đọa. Nếu có duyên phải lội qua sông hoặc qua cầu đê trợt chân té xuống nước, hoặc chết giấc, người khác rưới nước cho tỉnh lại, hoặc học bơi ở ao sông hoặc gặp trời mưa đều không phạm.

Trú xứ của Bí-sô cần phải quét dọn cho sạch, nếu quá rộng lớn không thể quét dọn khắp hết thì nên lau quét chỗ cần yếu. Vào ngày mồng tám, rằm mỗi tháng nên đánh kiền chùy cho cả chúng cùng quét dọn; khi chúng nhóm nên nói ra lời pháp, hoặc im lặng như bậc thánh; quét dọn xong nên tắm, đất đã quét sạch, muốn đạp lên nên tụng chú; nơi Phật điện, tháp và cây phướn, nếu cần đạp bóng đi qua, cũng nên tụng chú. Nếu chạm vào tử thi cũng nên tắm rửa, nếu Bí-sô chết đã lâu, trong thân không sinh trùng mới được hỏa thiêu hoặc chôn trong đất; nếu thân sinh trùng và trời mưa thì nên dùng xe bò chở tử thi bỏ vào trong rừng thây chết, nằm xây đầu về hướng bắc và nên tụng kinh vô thường. Ai khiên tử thi thì nên tắm rửa, nếu không xúc chạm thì chỉ rửa tay chân. Nên cạo tóc ở trong Thời, cạo tóc nên cạo hết nhưng không nên để chỏm trên đầu, cũng không được cạo lông nơi ba chỗ kín. Bí-sô ở nơi A-lan-nhã được để tóc dài chừng hai lóng tay, không được dài quá; khi cạo tóc không nên mặc ba pháp y, nên cất chứa riêng y cạo tóc, nếu không có y này thì có thể mặc Tăng khước kỳ; nếu không có

người cạo tóc cho thì Bí-sô nên ở chỗ khuất tự cạo. Dao cạo tóc của Tăng, Bí-sô cần thì được lấy dùng, cạo tóc xong nên quét dọn sạch sẽ rồi tắm rửa, khi tắm nên quán hợp thể này là không. Không nên như sư tử tắm cho dã can, tức là người trì giới tắm cho người phá giới; nếu cha mẹ, Ô-ba- đà-da và A-giá-lợi-da dù là người phá giới cũng nên cúng dường, chớ có tâm khinh mạn. Khi Tăng đang tắm, không nên cho người không tin và mới tin vào trong nhà tắm, khi tắm cũng nên tâm niệm thủ trì, không được dùng gạch đá kỳ cọ bắp đùi, cũng không nên lộ hình tắm, nên mặc quần tắm chiều dài bốn năm khuỷu tay, rộng một khuỷu tay rưỡi; nếu tắm ở ao sông cũng nên xem nước có trùng hay không rồi mới tắm.

Nhiếp tụng thứ bảy:

*Giết bàng sanh, cố xúc não,*
*Chọc lét, giỡn nước, đồng ngủ,*
*Khủng bố, giấu vật, đòi y,*
*Vô căn, cùng nữ đồng đi.*

**61. Giết bàng sanh:**

Phật tại vườn Cấp-cô-độc, thành Thất-la-phiệt, lúc đó Bí-sô Ô- đà-di đến nhà dạy bắn cung, tự hiến tài nghề của mình bằng năm cách bắn tên, xem thường mọi người, nhân đó giết chết chim đang bay... Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu Bí-sô cố ý đoạn mạng bàng sanh thì phạm

Ba-dật-đề.

Nói cố ý mà khởi tưởng bàng sanh mà vẫn giết, nếu Bí-sô khởi tâm giết, tự tay cầm cung tên, gạch đá, dao gậy... để bắn ném, đánh chém... làm cho nó chết hoặc sau đó mới chết thì đều phạm Đọa, không chết thì phạm tội Ác tác ; nếu sai người điên cuồng giết thì người cuồng không phạm mà người sai giết phạm Đọa. Cảnh tưởng có sáu câu nên biết, từ tâm mà kết trọng, nếu đã cố ý giết thì dù giết lầm vẫn phạm tội Ác tác, vô tâm thì không phạm.

**62. Cố ý xúc não Bí-sô:**

Duyên xứ như trên, lúc đó Bí-sô Ô-đà-di thấy chúng Thập thất Bí-sô đã thọ Cận viên, muốn xúc não nên nói: "các thầy tuy được tác pháp thọ giới, nhưng thật không đắc giới, cần gì phải nhọc tâm cầu học nghiệp?"... nên Phật chế:

Nếu Bí-sô cố ý làm cho Bí-sô khác sanh tâm nghi, nghĩ rằng: "khiến cho Bí-sô này phiền não cho đến trong chốc lát", vì nhân duyên này không phải vì duyên gì khác thì Bí-sô này phạm Ba-dật-đề.

Khi nói làm cho người khác nghi hối, dù lời nói có xứng lý hay không, người kia nghe rồi có sanh phiền não hay không, nói rõ ràng thì phạm Đọa. Trừ nói về việc thọ Cận viên và Ba la thị ca ra, nói các việc khác cố ý xúc não thì phạm tội Ác tác; nếu xúc não người thọ học và người không hiểu được

lời nói thì phạm tội Ác tác. Nếu vì làm lợi ích nên thuận giáo luật dùng lý khai dẫn thì không phạm; về cảnh tưởng có sáu câu nên biết.

**63. Dùng tay chọc lét người khác:**

Duyên xứ như trên, lúc đó trong nhóm Thập thất Bí-sô có một người buồn phiền không vui nên mười sáu người kia đến an ủi, dùng tay chọc lét để người này cười; do cười quá độ nên người này qua đời. Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu Bí-sô dùng tay chọc lét Bí-sô khác thì phạm Ba-dật-đề. Dùng một ngón tay hay cho đến cả mười ngón tay đều phạm Đọa,

về cảnh tưởng có sáu câu nên biết.

**64. Đùa giỡn trong nước:**

Duyên xứ như trên, lúc đó chúng thập thất Bí-sô tắm trong sông A thị la bạt để và cùng nhau đùa giỡn trong nước, vua Thắng quang nhìn thấy liền chê trách nên Phật chế học xứ: Nếu Bí-sô đùa giỡn trong nước thì phạm Ba-dật-đề.

Giỡn trong nước có chín việc thành phạm: một là tự vui chơi, hai là cùng người khác vui chơi, ba là tự nhảy, bốn là cùng người khác nhảy, năm là tự đùa giỡn, sáu là cùng người khác đùa giỡn, bảy là trạo cử, tám là giỡn với bóng, chín là thân đánh vỗ nhau. Nếu Bí-sô ở trong nước nổi hay lặn, bơi qua hay bơi lại hoặc vỗ nước làm trống, tự làm hay cùng người khác làm, hoặc lấy nước tạt nhau để

đùa giỡn thì đều phạm Đọa; nếu khởi tưởng lướt sóng cho mát hoặc lội qua sông hoặc học bơi thì không phạm; về cảnh tưởng có sáu câu nên biết.

65. Ngủ chung một nhà với người nữ:

Duyên xứ như trên, lúc đó Bí-sô A ni lô đà ở nơi không có người nam, cùng ngủ chung nhà với người nữ, người nữ này có tâm nhiễm nửa đêm muốn cùng Bí-sô làm việc phi pháp... nên Phật chế học xứ:

Nếu Bí-sô ngủ chung một nhà với người nữ thì phạm Ba-dật-đề.

Nói người nữ là người có thể cùng hành dâm, nhà có bốn loại như trong giới trên. Nếu Bí-sô ngủ chung nhà với người nữ cho đến sáng hôm sau, khi mặt trời vừa mọc liền phạm Đọa. Nếu người nữ trên lầu, Bí-sô nên ở tầng dưới hoặc ngược lại; hoặc đóng chặt cửa hoặc khóa cửa để dứt qua lại thì không phạm; nếu người nữ là trời rồng hay loài bàng sanh có thể biến hình thì phạm tội Ác tác. Về cảnh tưởng có sáu câu nên biết, nếu Bí-sô nằm ngủ trước, người nữ đến sau, Bí-sô không biết cũng phạm; nếu người nữ có cha mẹ hay chồng là người bảo hộ thì cùng ngủ chung một nhà không phạm.

**66. Khủng bố Bí-sô khác:**

Duyên xứ như trên, lúc đó Bí-sô Ô-đà-di trùm cái mền lông dài giả ma quỷ để dọa nhát nhóm thập thất Bí-sô, khiến họ sợ hãi nên Phật chế học xứ:

Nếu Bí-sô tự khủng bố hay bảo người khủng bố Bí-sô khác, cho đến đùa giỡn thì phạm Ba-dật-đề.

Nói đùa giỡn nhưng bổn tâm là muốn xúc não làm cho sợ hãi, nếu Bí-sô dùng những việc đáng sợ thuộc về sắc thanh hương vị xúc để khủng bố người kia, dù người kia có kinh sợ hay không thì đều phạm Đọa; nếu dùng những việc đáng ưa để khủng bố thì phạm tội Ác tác. Nếu nói ba đường ác để giáo hóa dẫn dắt, dù người kia có sợ cũng không phạm; về cảnh tưởng có sáu câu nên biết.

**67. Giấu y bát của Bí-sô khác:**

Duyên xứ như trên, lúc đó nhóm thập thất Bí-sô cùng với Lục chúng Bí-sô tắm trong sông, khi nhóm thập thất Bí-sô lặn sâu dưới nước chưa nổi lên thì Lục chúng Bí-sô lên bờ lấy y bát của họ giấu vào bụi cỏ rồi đi... Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu Bí-sô đối với các vật cần dùng trong sinh hoạt của Bí-sô, Bí- sô ni, Chánh học nữ, Cầu tịch, Cầu tịch nữ như y bát, ống kim, khóa cửa, giày dép... tự lấy giấu hay bảo người giấu, cho đến đùa giỡn thì phạm Ba-dật-đề.

Nói Chánh học nữ là nếu người nữ đã từng gả thì tuổi đủ hai mươi, nếu là đồng nữ thì tuổi đủ mười tám, Ni tăng bạch nhị cho học sáu pháp và sáu tùy pháp, sáu pháp là:

1. Không được đi đường một mình.
2. Không được lội qua sông một mình.

3. Không được xúc chạm thân người nam.

4. Không được ngủ đêm cùng nhà với người nam.

5. Không được làm việc mai môi.

6. Không được che giấu tội trọng của ni. Nhiếp tụng:

Không đi đường một mình, Không qua sông một mình, Không xúc chạm người nam, Không ngủ cùng nhà nam, Không làm việc mai môi, Không giấu tội trọng ni.

- Và sáu tùy pháp là:

1. Không được cất chứa vàng bạc

2. Không được cạo lông chỗ kín

3. Không được đào đất sống,

4. Không được chặt phá cây cỏ sống

5. Không được ăn thức ăn không thọ

6. Không được ăn thức ăn từng xúc chạm. Nhiếp tụng:

Không cầm giữ vàng bạc, Không cạo lông chỗ kín, Không được đào đất sống, Không chặt phá cây cỏ, Không ăn vật không thọ, Không ăn vật xúc chạm.

Nói y là y đúng lượng như pháp, bát cũng đúng lượng như pháp có thể thủ trì và các vật cần dùng khác như đãy đựng bát làm bằng vải hay bằng lưới dệt, chén đồng uống nước, dây lưng..., nếu cất giấu thì đều phạm Đọa. Nếu Bí-sô cất giấu với tâm cố ý

xúc não, dù người kia có phiền não hay không đều phạm Đọa; nếu là y vật bất tịnh hoặc bát phạm Xả đọa, hoặc y vật của người thọ học hoặc của Sa môn Bà-la- môn khác thì phạm tội Ác tác.

### 68. Mặc y của người khác gởi mà không hỏi chủ:

Duyên xứ như trên, lúc đó Bí-sô Ô-ba-nan-đà đem ba y của mình cho đệ tử y chỉ, người này thọ rồi đem giặt nhuộm sạch sẽ, khởi tưởng là vật của mình đem ký gởi lại cho thầy vì có việc phải đi xa. Ô-ba-nan-đà lấy mặc làm cho hôi dơ rồi trả lại chỗ cũ, khi người đệ tử làm xong việc trở về, thọ lại y của mình thấy hôi dơ như thế liền sanh phiền não. Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu Bí-sô thọ y của người khác ký gởi, không hỏi chủ mà tự ý lấy mặc thì phạm Ba-dật-đề.

Nói không hỏi chủ là không theo chủ hỏi mượn dùng, nếu đã cho người khác y, không hỏi chủ mượn mà tự ý lấy mặc thì phạm Đọa; nếu là y của người thọ học hoặc y bất tịnh, không hỏi mà tự ý lấy mặc thì phạm tội Ác tác; nếu khởi tưởng là thân hữu thì không phạm. Về cảnh tưởng có sáu câu: hai câu đầu phạm Đọa, hai câu kế khinh, hai câu sau không phạm.

### 69. Đem tội Chúng giáo không căn cứ vu báng:

Phật tại trúc lâm, thành Vương xá, lúc đó hai

Bí-sô Mật-đát-la và Bộ-nhĩ-ca thấy Bí-sô Thật-lực-tử đắp y phất qua đầu của Bí-sô ni Liên hoa sắc, liền vu báng là phạm tội Chúng giáo nên Phật chế học xứ:

Nếu Bí-sô vì sân giận đem tội Tăng già bà thi sa không căn cứ vu báng cho Bí-sô thanh tịnh thì phạm Ba-dật-đề.

Nói không có căn cứ là không thấy nghe nghi, nói đem tội Tăng già bà thi sa là tùy đem một trong mười ba việc để vu báng. Nếu vu báng Bí-sô không thanh tịnh thì có mười một việc thành phạm và sáu việc không phạm; nếu vu báng Bí-sô thanh tịnh thì có mười việc thành phạm và năm việc không phạm như trong bộ tội Tăng già bà thi sa có nói rõ. Nếu đem tội Tăng già bà thi sa vu báng thì phạm Đọa, đem tội Tốt-thổ-la để vu báng hoặc vu báng người thọ học thì phạm tội Ác tác; người kia không hiểu được lời nói thì phạm tội Ác tác.

**70. Đi chung đường với người nữ:**

Phật tại vườn Cấp-cô-độc, thành Thất-la-phiệt, lúc đó có Bí-sô từ thành Vương xá đi đến thành Thất-la-phiệt; lại do có người thợ dệt cãi nhau với vợ, người vợ liền bỏ nhà đi, gặp Bí-sô này liền tháp tùng để cùng đi. Khi người thợ dệt chạy theo tìm vợ, thấy Bí-sô đi với vợ mình liền cho là Bí-sô dụ dỗ nên đánh Bí-sô suýt chết. Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu Bí-sô đi chung đường với người nữ mà không có người nam khác, cho đến một thôn thì phạm Ba-dật-đề.

Nói một thôn là một Câu lô xá, cùng đi được nửa Câu lô xá thì phạm tội Ác tác, cùng đi được một Câu lô xá thì phạm Đọa; nếu đi chung đường với người nữ là thiên nữ, long nữ... thì phạm tội Ác tác; nếu đi qua đường hiểm nhờ người nữ chỉ đường hay giúp đỡ thì không phạm; về cảnh tưởng có sáu câu nên biết.

Nhiếp tụng thứ tám:

*Cùng giặc đi, tuổi chưa đủ,*
*Đào đất, đòi hỏi, trái giáo,*
*Nghe lén, làm thinh bỏ đi,*
*Không kính, uống rượu, phi thời.*

**71. Đi chung đường với giặc:**

Duyên xứ như trên, lúc đó có Bí-sô đi chung đường với người buôn lậu trốn thuế... nên Phật chế học xứ:

Nếu Bí-sô đi chung đường với thương nhân là giặc, cho đến một thôn thì phạm Ba-dật-đề.

Nói giặc là trộm cắp hay cưỡng đoạt hoặc buôn lậu trốn thuế, một thôn như giới trên, nếu Bí-sô bỏ giặc đi trước một mình hoặc là người bịnh cuồng thì không phạm; về cảnh tưởng có sáu câu nên biết.

-oOo-

# CĂN BẢN TÁT BÀ ĐA BỘ LUẬT NHIẾP

## QUYỂN 13

### 72. Cho người chưa đủ tuổi thọ Cận viên:

Phật tại vườn Cấp-cô-độc, thành Thất-la-phiệt, lúc đó tôn giả Đại Mục-kiền-liên cho nhóm mười bảy thiếu niên xuất gia thọ Cận viên, sau đó do không chịu nổi đói khát nên họ kêu khóc... Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu Bí-sô biết người chưa đủ hai mươi tuổi mà cho thọ Cận viên, thành tánh Bí-sô thì phạm Ba-dật-đề. Người này không phải Cận viên và các Bí-sô cũng phạm tội.

Nói thọ Cận viên là bao gồm người truyền trao, người thọ giới, oai nghi tiến chỉ và các hành pháp đã có.

Người truyền trao gồm có Ô-ba-đà-da, A-giá-lợi-da và các Bí-sô tôn chứng. Ô-ba-đà-da có hai hạng: một là vị thầy cho ta cạo tóc, xuất gia và thọ mười học xứ, hai là vị cho ta thọ Cận viên; phải đủ mười hạ và thành tựu năm pháp: một là biết phạm, hai là biết không phạm, ba là biết khinh, bốn là biết trọng và năm là có thể khai giải kinh Biệt giải

thoát; đối với các học xứ Phật chế đầu tiên hay tùy khai hay gặp nạn duyên khéo biết thông bít, thường tụng giới bổn có thể quyết nghi cho người, giới kiến đa văn, tự tha đều lợi, oai nghi hành pháp đều không trái phạm, đầy đủ các đức có thể dạy pháp xuất ly cho người, nên được gọi là Thân giáo sư. Nếu Bí-sô đối với các học xứ không biết khinh trọng thì dù tuổi đời tám mươi, tuổi hạ sáu mươi vẫn phải y chỉ bậc minh đức, nếu thầy nhỏ tuổi hơn thì trừ việc lễ bái ra, các việc khác đều nên làm và không được cho người xuất gia thọ Cận viên, vị này được gọi là lão tiểu Bí-sô. Có năm hạng A-giá-lợi-da:

1. Thập giới A-giá-lợi-da là vị truyền trao pháp Tam quy và mười học xứ.

2. Bình giáo (giáo thọ) A-giá-lợi-da là vị ở chỗ khuất gạn hỏi các chướng pháp ( già nạn ).

3. Yết ma A-giá-lợi-da là vị tác pháp bạch tứ yết ma.

4. Y chỉ A-giá-lợi-da là vị cho y chỉ ít nhất là ở lại một đêm.

5. Giáo độc (thọ kinh) A-giá-lợi-da là vị dạy đọc tụng ít nhất là bốn câu kệ pháp.

Năm hạng này đều có thể dạy pháp tắc cho đệ tử nên được gọi là Quỹ phạm sư. Túc số Tăng truyền giới có hai: túc số Tăng ở Trung phương là mười người và túc số Tăng ở biên địa là năm

người; nếu ở chỗ có được mười người mà chỉ lấy túc số năm người thì cũng gọi là thiện thọ, nhưng chúng tăng phạm tội Việt pháp ; nếu ở chỗ chỉ có được năm người thì gọi là thiện thọ. Nếu túc số không đủ thì không được xếp Phật vào túc số vì Phật bảo và Tăng bảo khác biệt; nếu xếp người cuồng, điếc hay bộ chúng của thiên thọ vào túc số thì không thành thọ Cận viên.

Người thọ giới có nhiều loại: một là ý tổn hoại, hai là sở y tổn hoại, ba là trượng phu tổn hoại, bốn là bạch pháp tổn hoại, năm là hệ thuộc người khác, sáu là tướng xấu ác không đoan nghiêm. Nói ý tổn hoại là khi sắp chết hoặc sợ có kẻ áp bức, vì mạng sống nên cầu xuất gia; sở y tổn hoại là thân mang bịnh nan y, muốn nương Tam bảo để được trị lành; trượng phu tổn hoại là Bán trạch ca có năm loại: một là Sanh Bán trạch ca ( Phiến xá ), tức là vừa sanh ra đã không phải là nam; hai là Bán nguyệt Bán trạch ca, tức là nửa tháng là nam, nửa tháng là nữ; ba là Xúc bảo Bán trạch ca, tức là khi có xúc chạm và ôm thì sanh chi liền khởi; bốn là Tật đố Bán trạch ca, tức là khi thấy người khác hành dâm sanh tâm tật đố thì căn liền khởi; năm là Bị hại Bán trạch ca, tức là bị bịnh nên căn thương tổn hoặc bị thiến. Năm loại này xuất gia thọ giới thì gọi là phi phần, loại thứ năm không nhất định, vì nếu đã thọ Cận viên rồi căn mới bị thương tổn thì nên xét tánh hạnh, nếu không biến đổi thì vẫn ở địa vị cũ, nếu

biến đổi thì nên diệt tẫn. Nói bạch pháp tổn hoại có mười loại:

Một là các ngoại đạo tôn sùng tà giáo không có chánh tín, trừ ngoại đạo thờ lửa ra, các ngoại đạo khác nếu muốn xuất gia nên cho ở chung bốn tháng, ăn thức ăn của Tăng, mặc áo của Thân giáo sư, cung cấp thừa sự và làm việc giống như Cầu tịch, nếu xét thấy không bỏ kiến chấp cũ thì nên đuổi đi; nếu bỏ kiến chấp thì cho xuất gia.

Hai là ô nhục Bí-sô ni, ni này phải là người không phạm tám Tha thắng, nếu ni này làm hạnh bất tịnh hoặc cả hai đều có tâm nhiễm, trước xúc chạm rồi cùng làm hạnh bất tịnh thì không gọi là làm ô nhục Ni.

Ba là tạc trụ, tức là người không nương theo thầy mà tự xuất gia rồi cùng các Bí-sô thanh tịnh khác trải qua hai ba lần trưởng tịnh, cho đến cùng tác pháp yết ma.

bốn là quy ngoại đạo, tức là ngoại đạo nương trong Phật pháp, tuy mặc pháp y nhưng không bỏ kiến chấp cũ nên trở về với ngoại đạo mà không xả học xứ cho đến khi mặt trời mọc.

Năm loại kế là giết hại cha mẹ, giết A-la-hán, phá Tăng, ác tâm làm Phật bị thương chảy máu.

Mười là người trước đã phạm giới, tức là đã phá giới trọng trong năm giới, mười giới hoặc trong bốn pháp Tha thắng. Lại có hai loại dị trụ, tức là

người từ trong nhóm Pháp đến với nhóm Phi pháp và người bị Tăng xả trí hoặc hoàn tục.

Nói hệ thuộc người khác là chỉ cho nô tỳ, người mắc nợ, đại tướng của vua hoặc người mà cha mẹ không cho.

Nói tướng xấu ác không đoan nghiêm là chỉ cho phi nhân hoặc bàng sanh có thể biến hình người đến xuất gia thọ giới, hoặc hình dạng khác với người như thân nhiều lông, đầu giống đầu bò hoặc đầu voi, đầu ngựa... hoặc quá cao, quá lùn, gù lưng, người bị chặt tay chân...

Truyền thọ Cận viên xong nên vì nói kệ:

*"Người trong pháp tối thắng,*
*Đầy đủ thọ Thi la,*
*Chí tâm thường phụng trì,*
*Khó được thân không chướng,*
*Thân đoan nghiêm xuất gia,*
*Thanh tịnh thọ Cận viên,*
*Nói ra lời chân thật,*
*Tri kiến đấng chánh giác".*

Nói oai nghi tấn chỉ là người muốn xuất gia nên tìm đến một Bí- sô, Bí-sô này nên hỏi các chướng pháp, nếu hoàn toàn thanh tịnh thì được tùy ý nhiếp thọ. Khi đã nhiếp thọ rồi nên truyền trao cho họ pháp Tam quy và năm học xứ, kế dạy thỉnh Thân giáo sư và thỉnh một Bí-sô làm người bạch Tăng, vị này nên hỏi bổn sư đã hỏi các chướng pháp

chưa, nếu không hỏi thì phạm tội Ác tác. Nếu chúng nhóm nên bạch Tăng, nếu chúng không đến nhóm thì nên dẫn đến từng phòng bạch, nếu không bạch thì phạm tội Ác tác. Bạch rồi nên cho cạo tóc, nên chừa lại một ít tóc trên đầu rồi hỏi giới tử có chịu cạo sạch tóc trên đầu không, nếu đáp là không thì cho họ tùy ý trở về nhà, nếu đáp là chịu thì nên cạo sạch rồi cho họ tắm rửa sạch sẽ. Nếu trời lạnh thì nên cho nước nóng tắm, nếu trời nóng nên cho nước lạnh tắm, sau đó cho mặc y phục của người xuất gia. Khi họ mặc y phục nên xem xét họ có phải là người hai căn hoặc không căn hoặc căn không đầy đủ, xem xét rồi mới cho thọ y Man điều đắp mặc. Khi tuổi đủ hai mươi thầy nên vì lo liệu cho đủ y bát... sáu vật, mới cho thọ Cận viên, trước thỉnh thập sư vào trong đàn tràng, Giáo thọ sư dạy thỉnh Ô-ba-đà-da rồi bảo đưa bát trình cho đại chúng thấy, vì sợ bát quá nhỏ hay quá lớn hay màu sắc không như pháp; nếu là bát tốt như pháp thì đại chúng nên nói là bát như pháp, nếu không nói thì phạm tội Việt pháp. Cho thọ trì y bát xong nên bảo người thọ giới đến đứng ở chỗ mắt thấy tai không nghe, hướng về đại chúng. Sau đó Giáo thọ sư ở chỗ khuất hỏi các chướng pháp rồi gọi vào trong Tăng, dạy quỳ gối chắp tay ở trước Yết ma sư nhất tâm lãnh thọ giới pháp. Tác pháp xong, Yết ma sư lấy thước đo bóng mặt trời ở dưới chân ngắn hay dài bao nhiêu, đo xong nên bảo giới tử: "con thọ

Cận viên vào trước giờ ăn hay sau giờ ăn, bóng mặt trời đo dưới chân là một ngón tay hay hai ngón tay cho đến bằng thân người ", nếu thọ vào ban đêm thì nên nói là vào nửa đêm hay giữa đêm. Kế nói rõ thời tiết thọ giới là vào mùa đông hay mùa xuân, mùa mưa, cuối mùa mưa hay mùa hạ dài (mùa Đông có bốn tháng từ ngày 16 tháng 9 đến ngày 15 tháng 1, mùa xuân có bốn tháng từ ngày 16 tháng 1 đến ngày 15 tháng 5, mùa mưa có một tháng từ ngày 16 tháng 5 đến ngày 15 tháng 6, cuối mùa mưa có một ngày đêm là ngày 16 tháng 6; mùa hạ dài có ba tháng từ ngày 17 tháng 6 đến ngày 15 tháng 9). Kế nói bốn pháp Tha thắng, pháp tứ y và bốn pháp nên làm của Sa môn.

Có năm việc không thành thọ Cận viên: một là không xưng tên Ô-ba-đà-da, hai là không xưng tên mình, ba là không bạch Tăng, bốn là Tăng không tác pháp yết ma, năm là yết ma thiếu. Ngược với năm việc trên gọi là thiện thọ, nếu khi thọ Cận viên mà chuyển căn thành nữ thì cũng thành thọ, nên đưa sang chùa ni; nếu nữ chuyển căn thành nam thì đưa sang chùa Tăng, mỗi người tự nương theo giới của mình. Nếu hai bộ Tăng bỉnh yết ma mà không hỏi chướng pháp hoặc không có Thân giáo sư, hoặc có mà không thỉnh, hoặc chưa thọ mười giới mà cho thọ Cận viên thì đều không thành thọ. Nếu biết Thân giáo sư là người phá giới thì không thành thọ, nếu không biết thì thành thọ. Thật có chướng pháp

mà tự nói là không có thì không thành thọ, chúng tăng không phạm; thật không có chướng pháp mà nói là có thì tuy được thọ giới nhưng chúng tăng phạm tội Việt pháp. Nếu khi thọ giới tự nói tôi không muốn thọ thì không thành thọ; hoặc khi đang tác pháp, Tăng chuyển căn thành ni, nếu tác bạch rồi mới chuyển thì thành thọ, chuyển trước khi tác bạch thì không thành.

Nếu trong một giới được truyền giới cho một lượt ba người, cho đến bốn giới, mỗi giới một lượt ba người, cũng thành thọ Cận viên. Có mười loại thọ đắc giới: một là không thầy, đó là Phật Thế tôn; hai là chứng trí, đó là năm Bí-sô; ba là han hỏi, đó là Ô-đà-di; bốn là quy y, đó là Đại Ca-diếp; năm là biên quốc năm người truyền giới; sáu là trung phương mười người truyền giới; bảy là thọ bát kỉnh pháp, đó là Đại thế chủ; tám là sai sứ thọ giới, đó là Đạt ma trần na; chín là hai bộ Tăng tác pháp yết ma; mười là thiện lai, tức là Thế tôn đích thân gọi vì đời này là thân sau cùng. Khi Thế tôn khai cho tác pháp yết ma rồi thì các pháp khác đều dừng, trừ trường hợp thiện lai.

Hành pháp đã có sau khi thọ giới: Bí-sô nhỏ nên lễ Bí-sô lớn, nếu mới gặp nhau chưa quen biết thì nên hỏi tuổi hạ để biết lễ kính nhau. Có bốn hạng người nên lễ kính: một là Như lai, tất cả trời người nên kính lễ; hai là người xuất gia không lễ kính người tục mà được người tục lễ kính lại; ba là

Bí-sô thọ Cận viên sau nên kính lễ Bí-sô thọ Cận viên trước, trừ Ni chúng; trong Ni chúng cũng như vậy; bốn là người chưa thọ Cận viên nên kính lễ người đã thọ Cận viên. Lại có mười hạng người không nên kính lễ, đó là bốn hạng người hạnh biệt trụ, ba hạng người thọ học, người bị xả trí, người tại gia và người chưa thọ Cận viên. Nếu một yết ma truyền trao giới cho một lượt ba người thì không phân biệt lớn nhỏ, không nên kính lễ nhau. Nghi lễ kính có hai: một là năm vóc gieo sát đất, hai là quỳ gối chắp tay, miệng nói kính lễ; nếu đối trước vị đồng phạm hạnh thì chỉ cần cúi đầu chắp tay miệng nói kính lễ. Nếu biết thân người khác có xúc chạm dơ mà kính lễ hoặc tự thân có xúc chạm dơ mà kính lễ người khác thì đều phạm tội Ác tác. Có hai loại xúc chạm dơ: một là ăn xong chưa súc miệng mà xúc chạm; hai là tiện lợi xong chưa rửa tay mà xúc chạm.

Bí-sô không nên ôm hận trong lòng, nếu có hiềm khích thì vị nhỏ nên đến bên vị lớn sám tạ kính lễ, vị lớn nên đáp lại là vô bịnh; nếu cả hai không nói như thế thì phạm tội Ác tác. Nếu Bí-sô chỉ mặc quần, không có áo trên thì không nên kính lễ người khác, cũng không nên thọ người khác kính lễ, ai làm trái thì phạm tội Ác tác.

Bí-sô được năm tuổi hạ trở lại nên ở bên Thân giáo sư học Luật tạng và các kinh luận khác, nếu Thân giáo sư không thể dạy được thì nên gởi đệ tử

cho bậc minh đức khác, y chỉ tu học. Nếu muốn thọ y chỉ thì vị thầy nên xét người kia, tánh hạnh có ôn nhu cung kính, có hổ thẹn và ưa thích tu phẩm thiện hay không, mới cho y chỉ. Khi thỉnh Y chỉ sư, nên đầy đủ oai nghi bạch rằng: "Đại đức nhớ nghĩ, con tên _____ nay xin thỉnh Đại đức làm Y chỉ sư, xin Đại đức cho con y chỉ, con xin nương ở nơi Đại đức để tu học" (ba lần). Nếu không có thầy y chỉ thì không được du hành đến những nơi khác; nếu đủ năm hạ và thành tựu năm pháp: một là biết phạm, hai là biết không phạm, ba là biết khinh, bốn là biết trọng và năm là đối với kinh Biệt giải thoát khéo biết thông bít, thì được lìa bổn sư và thầy y chỉ để du phương cầu học. Lại có năm pháp không cho y chỉ: một là không có tâm tín kính, hai là nói lời thô ác, ba là thân gần bạn ác, bốn là tánh thường biếng nhác, năm là tâm không cung kính; ngược với năm pháp trên thì nên cho. Lại có năm việc xả y chỉ: một là quyết bỏ đi ra khỏi giới, hai là hoàn tục, ba là Thân giáo sư đến, bốn là từ phe nhóm này bỏ qua phe nhóm khác, năm là xả y chỉ. Nếu tại trú xứ, thầy y chỉ qua đời, không có ai để cầu y chỉ thì không nên ở đó nữa; nếu trong an cư thầy qua đời, đệ tử nên tự phòng tâm mà ở, qua hai tháng thì không nên ở đó nữa. Nếu đệ tử ở trú xứ cách xa chỗ ở của hai thầy hai Du thiện na rưỡi, thì mỗi nửa tháng nên đến kính lễ; nếu cách một Câu lô xá thì thì khoảng sáu bảy ngày nên đến

kính lễ; nếu cách năm dặm thì mỗi ngày nên đến kính lễ; nếu ở trong cùng một giới thì mỗi ngày ba thời nên đến kính lễ. Đối với hai thầy, đệ tử đều phải như pháp hầu hạ, nếu thầy y chỉ và thầy giáo thọ đều bịnh thì nên thăm nuôi cả hai nếu đủ sức, nếu không đủ sức thì nên thăm nuôi thầy y chỉ, vì nếu không có thầy y chỉ thì không được dừng ở. Đệ tử muốn làm việc gì đều phải nên bạch hỏi hai thầy, trừ năm việc là uống nước, ăn cơm, xỉa răng và đại tiểu tiện. Thầy nên lượng nghi mà cho làm, nhưng đệ tử cũng nên tự xét nét lại mình, không được buông lung tình mạn như ngựa không cương, nên siêng tu phẩm hạnh; thầy cũng nên thường răn nhắc đệ tử, nếu không nghe theo thì nên tùy việc quở trách, nếu thấy không thể dạy bảo được thì nên đuổi đi.

Tướng phạm trong học xứ này là nếu người chưa đủ hai mươi, tưởng không đủ và nghi thì không thành thọ Cận viên, khi hỏi nên nói thật; nếu tuổi chưa đủ hai mươi, tưởng là đã đủ và nghi, khi hỏi im lặng không đáp thì không thành thọ Cận viên; nếu người này cùng Bí-sô thanh tịnh trải qua hai ba lần trưởng tịnh thì gọi là tặc trụ. Nếu người đã đủ hai mươi nhưng tướng mạo không đủ, xét tướng mạo có bốn: đó là hình dáng, tiếng nói, sự tướng và tướng thành thục. Nếu hình dáng và tiếng nói không còn là trẻ con, sự tướng là dưới nách và các chỗ khác đã mọc lông, tướng thành thục là ý

nghĩ và tánh hạnh không phải là trẻ con thì gọi là tướng mạo đủ. Trong bốn tướng này, nếu tướng đầu và tướng thứ ba không đủ thì không phạm; nếu tướng thứ hai và tướng thứ tư không đủ thì phạm. Nếu nghi tuổi không đủ nên âm thầm kiểm tra tướng ấn, nếu người cỡ tuổi mười lăm thì nên độ cho xuất gia làm Cầu tịch; cho đến bảy tuổi có thể đuổi chim quạ, giữ lúa thóc cho Tăng cũng được độ cho xuất gia làm Cầu tịch ; nếu tám tuổi mà không thể đuổi được chim quạ hoặc sáu tuổi mà có thể đuổi được chim quạ đều không được độ. Bí-sô không nên nuôi một lượt hai Cầu tịch, nếu biết người kia có thể thuận giáo thì cho xuất gia thọ mười giới rồi giao cho y chỉ người khác, vị thầy y chỉ muốn cho thọ Cận viên cũng phải hỏi Thân giáo sư.

**73. Hoại đất sống:**

Duyên xứ như trên, lúc đó Lục chúng Bí-sô trộn hồ và đào đất sống... nên Phật chế học xứ:

Nếu Bí-sô tự tay đào đất hay bảo người khác đào thì phạm Ba- dật-đề.

Đất có hai loại là đất sống và không phải đất sống, đất sống là đất chưa từng đào hoặc đã từng đào nhưng bị nước mưa thấm ướt hoặc nước khác thấm qua ba tháng; nếu không có nước mưa và nước khác thấm ướt thì qua sáu tháng cũng gọi là đất sống. Nếu Bí-sô biết là đất sống, chưa từng đào

xới cũng không bị lửa đốt mà tự tay đào hay bảo người khác đào đều phạm Đọa; nếu đất xốp, đào thì phạm tội Ác tác. Về cảnh tưởng có sau câu nên biết, không phạm là chỗ thuần là cát đá, hoặc định làm nền móng, giăng dây đóng cọc sâu chừng bốn tấc không phạm.

**74. Qua bốn tháng còn đòi hỏi thức ăn:**

Phật tại thành Kiếp-tỷ-la, trong vườn cây Đa căn, lúc đó Lục chúng Bí-sô thọ Ma ha nam thỉnh cúng dường bốn tháng, qua bốn tháng rồi lại đòi hỏi nữa nên Phật chế học xứ:

Nếu Bí-sô, có người thỉnh bốn tháng Dược, cần thì được thọ, nếu thọ quá thì phạm Ba-dật-đề, trừ thời khác. Thời khác là biệt thỉnh, cánh thỉnh, ân cần thỉnh và thường thỉnh.

Nói biệt thỉnh là riêng từng thí chủ thỉnh riêng Bí-sô như tôn giả Tất-lân-già-bà-ta nhận lời vua thỉnh thực, sau đó lại nhận lời thỉnh của em rể vua. Cánh thỉnh là do hết hạn nên các Bí-sô đến chỗ vua thỉnh không dám thọ thực, vua hỏi nguyên do rồi thỉnh lại. Ân cần thỉnh là như có khách Bí-sô đến nói: "vua có nhiều việc, ta nên khất thực", vua biết rồi liền ân cần thỉnh thực. Thường thỉnh là các Bí-sô thọ thỉnh bốn tháng dược đã đủ liền đi khất thực giống như trước kia, vua thấy vậy liền nói: "không hạn cuộc thời tiết, thường thỉnh". Nếu bốn tháng chưa đủ, thấy họ cúng thức ăn thô dỡ liền đòi hỏi

thức ăn ngon thì phạm tội Ác tác, ăn qua cổ thì phạm Đọa; nếu cúng thức ăn ngon lại đòi thức ăn dơ, thì khi đòi phạm tội Ác tác, khi ăn không phạm.

**75. Ngăn truyền giáo:**

Phật tại Trúc lâm, thành Vương xá, khi Phật muốn chế học xứ chung cho hai bộ Tăng thì hai bộ Tăng đều phải tập họp, nhưng khi chế giới qua bốn tháng còn đòi hỏi thức ăn thì Ni chúng không hiện tiền, Phật mới bảo A-nan sai Bí-sô Bán thác ca đến nói lại cho Ni chúng biết. Khi Bán thác ca vâng lời Phật đi thì gặp Lục chúng Bí-sô hỏi, Bán thác ca nói rõ mọi việc, Lục chúng Bí-sô liền nói ra lời thô để ngăn cản... Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu Bí-sô khi nghe thuyết giới nói rằng: "tôi nay chưa học giới này, nhưng thầy là người ngu không hiểu rõ, cũng không khéo giải thích, tôi sẽ hỏi các Bí-sô đọc tụng kinh luật luận", thì phạm Ba-dật-đề.

Bí-sô muốn được pháp lợi thì nên học Giới kinh, cũng nên hỏi các Bí-sô đọc tụng kinh luật luận, hỏi rằng: "Đại đức, lời này có ý nghĩa gì?", việc này đúng pháp nên làm như thế. Khi nói Bí-sô khác ngu... liền phạm Đọa, nếu thật như thế thì không phạm.

**76. Rình nghe bình luận:**

Phật tại vườn Cấp-cô-độc, thành Thất-la-phiệt, lúc đó nhóm thập thất Bí-sô muốn tác pháp xả trí

cho Bí-sô Ô-ba-nan-đà, nên cùng nhau bàn bạc. Lục chúng Bí-sô đến chỗ khuất rình nghe họ bàn bạc nên Phật chế học xứ:

Nếu Bí-sô biết các Bí-sô khác đang bàn bạc, muốn cầu lỗi lăng xăng nên lặng lẽ đến rình nghe, nghĩ rằng: "ta nghe rồi sẽ khiến họ tranh cãi nhau", do duyên này không gì khác thì phạm Ba-dật-đề.

Nói lặng lẽ đến rình nghe là nghe trộm họ bàn bạc, nói khiến họ tranh cãi nhau là việc nhỏ mới phát sinh thì sẽ khiến thành việc tranh cãi lớn, lăng xăng không dứt diệt được. Nếu biết các Bí-sô đang bàn bạc, muốn đến nên khảy móng tay hoặc tằng hắng thì không phạm; nếu lặng lẽ đến rình nghe, vừa nghe được tiếng thì phạm tội Ác tác, hiểu được nghĩa thì phạm Đọa; nếu không có ý đến rình nghe mà ngẫu nhiên nghe được hoặc nghe rồi muốn khiến đứt tranh thì không phạm; về cảnh tưởng có sáu câu nên biết.

**77. Không gởi dục im lặng bỏ đi:**

Duyên xứ như trên, lúc đó nhóm thập thất Bí-sô tác pháp yết ma xả trí cho Bí-sô Ô-ba-nan-đà, Bí-sô Nan đà tự biết mình không đủ sức ngăn lại sợ bị trị phạt nên cuộn cái mền lông để trên chỗ ngồi rồi lặng lẽ bỏ đi... Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu Bí-sô biết chúng tăng như pháp tác pháp yết ma mà lặng lẽ rời tòa đứng dậy bỏ đi, có Bí-sô

khác mà không dặn lại thì phạm Ba- dật-đề, trừ duyên khác.

Nói lặng lẽ bỏ đi là đi đến chỗ không nghe, nói trừ duyên khác là có duyên sự cần đi thì nên gởi dục, nếu không gởi dục mà bỏ đi đến chỗ chưa lìa nghe thì phạm tội Ác tác, đến chỗ lìa nghe thì phạm Đọa; nếu đi tiện lợi xong rồi trở lại hoặc đến chỗ không lìa nghe hoặc chúng tăng tác pháp yết ma phi pháp nên lặng lẽ bỏ đi thì không phạm. Cảnh tưởng có sáu câu nên biết.

**78. Không cung kính:**

Phật tại Trúc lâm, thành Vương xá, lúc đó Bí-sô Chất Đa-la ở trong chúng, thấy Bí-sô kia như pháp dứt tránh liền sanh tâm trái nghịch không chịu tùy thuận, nên Phật chế học xứ: Nếu Bí-sô không cung kính thì phạm Ba-dật-đề.

Nói không cung kính có hai: một là không kính Tăng, hai là không kính bậc tôn đức như Ô-ba-đà-da, A-giá-lợi-da. Nếu Bí-sô ở trong Tăng, Tăng sai đứng hoặc đi... mà không làm theo thì phạm Đọa; nếu hai thầy dạy bảo mà không nghe theo thì phạm tội Ác tác, nếu không chỉ dạy không thuận lý, phi pháp, không nghe theo thì không phạm. Không cung kính bao gồm các việc như việc Pháp, việc Phật, việc của tôn đức, việc của đệ tử hoặc vua quan hoặc người thế tục... đều dựa vào việc khinh hay trọng mà kết phạm.

Nói việc Pháp là trước nên quán tự thân: giới có thanh tịnh không; hoặc việc đọc tụng, giáo thọ, thí pháp nghĩa cho người... có tương ưng với như lý tác ý tĩnh lự không; đối với việc nên làm mà không vâng làm, tâm thường biếng nhác, không tu phẩm thiện, không kính giới, nói lời vô ích vô nghĩa... thì phạm Đọa. Nói việc Phật là không siêng năng kính lễ tôn tượng, không lau quét tháp, hoặc thấy bị hư hoại tuy có khả năng tu bổ mà không làm thì phạm Đọa. Nói việc của tôn đức là đi đứng ngồi trước chư tôn đức không cung kính, dạy không chịu lắng nghe, không bảo ngồi liền ngồi, không bảo nói liền nói, khi bậc tôn đức đang nói liền ngắt lời... thì đều phạm Đọa. Nói việc của đệ tử là phi thời phi xứ quở trách, có phạm lỗi nhỏ cũng không khoan dung tha thứ, không khích lệ, không khéo khai dắt, đệ tử có nghi cũng không thể quyết nghi, tâm không thương xót, nói ra lời độc hại, không dùng pháp và thực để nhiếp thọ... thì đều phạm Đọa. Nói việc của vua quan là vua quan ra lịnh bảo làm gì đều không nghe theo, do nhân duyên này vua quan sanh tâm bất tín hoặc giết hại hoặc làm việc không lợi ích, nên phạm Đọa. Nói việc của người thế tục là do tự ý làm theo ý mình nên bị người tục chê trách như đi đại tiểu tiện ở đường đi..., cũng không nên tranh cãi với người tục. Cảnh tưởng có sáu câu: hai câu đầu phạm Đọa, bốn câu sau phạm tội Ác tác.

## 79. Uống rượu:

Phật tại vườn Cấp-cô-độc, thành Thất-la-phiệt, lúc đó Bí-sô Sa yết đà ở nhà người tục được mời uống nước phi thời có pha với rượu nên say, té ngã ngoài đường. Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu Bí-sô uống rượu thì phạm Ba-dật-đề.

Rượu do dùng gạo nếp nấu chín rồi ủ với men rượu cất thành, hoặc dùng các loại tạp như củ rễ, cọng, lá, hoa và quả ủ với chút men rượu cất thành. Nếu có sắc, hương vị rượu có thể làm cho người say, uống thì phạm Đọa; nếu thể không phải là rượu mà có sắc rượu, tuy uống cũng không phạm. Cảnh tưởng có sáu câu: hai câu đầu phạm Đọa, hai câu kế khinh, hai câu cuối không phạm. Phật bảo các Bí-sô: "nếu các thầy nương theo ta xuất gia thì không nên uống rượu, cũng không cất chứa, cho đến dùng cọng cỏ tranh nhỏ rượu vào trong miệng". Không phạm là rượu đem chưng nấu mất tính chất làm say, hoặc miệng có bịnh thầy thuốc bảo nên ngậm rượu hoặc dùng rượu thuốc thoa thân, hoặc rượu đã biến thành giấm, uống không làm say, dùng lượt lượt rồi để lắng trong, tác tịnh rồi uống dùng đều không phạm. Nếu Bí-sô trước kia là người ghiền rượu, do không được uống rượu nên gầy yếu không sức lực; Phật khai cho lấy ít men rượu hòa trộn với hương dược, giã thành bột bọc trong túi vải, cột vào một cái cây treo bên trong nồi rượu mới nấu, nhưng không cho rượu thấm

vào, trải qua hai ba đêm cho có mùi rượu rồi lấy ra hòa với nước, thời hay phi thời uống dùng đều không phạm.

### 80. Phi thời vào tụ lạc mà không dặn lại Bí-sô:

Duyên xứ như trên, lúc đó Bí-sô Ô-đà-di phi thời vào tụ lạc, bị giặc giết chết... nên Phật chế học xứ:

Nếu Bí-sô phi thời vào tụ lạc mà không dặn lại Bí-sô khác thì phạm Ba-dật-đề, trừ duyên khác.

Nói phi thời là sau giờ ngọ cho đến sáng hôm sau khi mặt trời chưa mọc; nói tụ lạc là chỗ ở của người thế tục; nói có Bí-sô khác là nếu không có Bí-sô thì không phạm. Nói trừ duyên khác là thân có bịnh hoặc gởi y bát trong tụ lạc, nghe nhà đó bị cháy nên phải đến xem, hoặc bị mạng nạn, phạm hạnh nạn... đều không phạm. Cảnh tưởng có sáu câu: hai câu đầu phạm Đọa, hai câu kế khinh, hai câu sau không phạm; nêu Bí-sô ở A-lan-nhã cần vào tụ lạc hoặc đường đi băng qua tụ lạc, hoặc đường đi ở giữa hai tụ lạc, hoặc nương hư không mà đi hoặc không có Bí-sô nên dặn lại người tục thì đều không phạm.

Nhiếp tụng thứ chín:

*Ăn, minh tướng nay biết,*
*Ống kim, lượng chân giường,*
*Dồn bông và tọa cụ,*

*Ghẻ, mưa, y Đại sư.*

**81. Trước giờ ăn, sau giờ ăn đến nhà khác:**

Duyên xứ như trên, lúc đó Bí-sô Ô-ba-nan-đà có người bạn bạch y tín kính Tam bảo, muốn thiết thực cúng Phật và Tăng tại nhà nên nhờ Ô-ba-nan-đà thỉnh giùm. Ô-ba-nan-đà thỉnh rồi, sáng sớm hôm đó đến nói với thân hữu: "tôi có duyên sự cần đến nhà kia trước, hãy đợi tôi về mới dọn thức ăn dâng cúng", vị thí chủ này vì chờ đợi Ô-ba-nan-đà nên không dọn thức ăn lên dâng cúng, mãi cho đến qua giờ ngọ nên đại chúng phần đông không được ăn. Phật nhân việc này chế học xứ: Nếu Bí-sô đã thọ người thế tục thỉnh thực rồi, trước giờ ăn và sau giờ ăn đến nhà khác mà không dặn lại thì phạm Ba-dật-đề.

Nếu trước giờ ăn không dặn lại mà đi quá hai nhà thì phạm Đọa; sau giờ ăn đi quá ba nhà cũng phạm Đọa. Nếu nói với thí chủ: nếu tôi không về kịp thì hãy dâng cúng Tăng cho no đủ, chớ để thiếu thốn; hoặc thí chủ không vì người này mà thiết cúng Tăng thì người này có bỏ đi cũng không phạm.

**82. Vào cung vua:**

Duyên xứ như trên, lúc đó Bí-sô Ô-đà-di có duyên giáo thọ, mới sáng sớm đã đến chỗ của phu nhân Mạt lợi, phu nhân chưa ngủ dậy, nghe Ô-đà-

di đến nên giật mình thức giấc, mặc áo thưa mỏng thường mặc trong cung ra tiếp đón... Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu Bí-sô, mặt trời chưa mọc, vua dòng Sát-đế-lỵ quán đảnh chưa cất của báu, loại tợ báu mà bước qua ngạch cửa cung thì phạm Ba-dật- đề, trừ duyên khác.

Nói vua dòng Sát-đế-lỵ là nêu không phải thuộc dòng Sát-đế-lỵ nhưng được quán đảnh cũng gọi là vua; nói ngạch cửa cung có ba: một là ngạch cửa thành, hai là ngạch cửa cung vua, ba là ngạch cửa nội cung. Bí-sô qua hai ngạch cửa đầu thì phạm tội Ác tác, qua ngạch cửa nội cung thì phạm Đọa; nếu vào ngạch cửa cung của vua trời Tứ thiên vương... thì phạm tội Ác tác. Bí-sô thường vào cung vua có mười lỗi: một là nếu phu nhân thấy Bí-sô cười, vua sẽ nghi Bí-sô; hai là nếu cung nữ có thai, vua cũng nghi Bí-sô; ba là trong cung mất vật báu, vua cũng nghi Bí-sô; bốn là vua có điều gì hay lời gì bí mật, nếu lọt ra ngoài vua sẽ nghi Bí-sô; năm là Thái tử có tổn; sáu là vua có tổn; bảy là tướng quốc bị cách chức; tám là đại thần được đề cử; chín là vua đi chinh phạt nước khác và mười là cử tướng soái. Năm việc đầu vua nghi Bí-sô, năm việc sau mọi người đều nghi Bí-sô; vì vậy Bí-sô không nên thường vào trong cung vua.

**83. Không lắng tai nghe giới lại nói là**

**không biết:**

Duyên xứ như trên, lúc đó Lục chúng Bí-sô mỗi nửa tháng nghe thuyết giới, không lắng tai nghe lại còn nói rằng: "tôi nay mới biết pháp này là do Thiện thệ nói"... Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu Bí-sô khi thuyết giới nói rằng: "tôi nay mới biết pháp này mỗi nửa tháng thường tụng, rút ra từ trong Giới kinh", các Bí-sô biết Bí-sô này đã ngồi trong chỗ thuyết giới hai, ba lần huống chi là nhiều lần. Bí-sô này không phải vì không biết mà được thoát tội, tùy theo tội đã phạm nên như pháp mà trị, nên quở trách rằng: "thầy đã mất lợi, không lợi, không tốt; khi thuyết giới thầy đã không kính giới, không nhất tâm nhớ nghĩ, không lắng tai nghe pháp", do việc này nên phạm Ba-dật-đề.

Trong đây hiển bày sáu lỗi: một là lỗi không tín tâm, hai là lỗi không cung kính, ba là lỗi không ưa muốn nghe giới, bốn là lỗi duyên ngoại cảnh, năm là lỗi hôn trầm, sáu là lỗi sanh mỏi mệt. Nếu Bí-sô đã từng hai ba lần nghe thuyết giới mà nói là không biết, hoặc do phiền não, hoặc do quên niệm hoặc ngủ gật hoặc loạn tâm... thì đều phạm Đọa. Nếu nghe giới bất cọng của Ni mà nói lời này thì phạm tội Ác tác, nếu là cọng giới với Bí-sô thì phạm Đọa. Nếu già yếu không hiểu biết, như thật mà nói thì không phạm; vào ngày thuyết giới nên cử người làu thông giới kinh lên thuyết giới, trước khi lên nghe thuyết giới, các Bí- sô nên tự xét nếu nhớ có

tội nên như pháp sám hối rồi mới được nghe giới.

**84. Làm ống kim bằng ngà, sừng:**

Duyên xứ như trên, lúc đó có người thợ tiện tên Đạt ma giỏi tiện ngà sừng làm thành đồ vật tinh xảo, ông nói với các Bí-sô: "nếu quý thầy cần làm ống kim bằng ngà sừng thì con sẽ cúng". Do các Bí-sô lần lượt nhờ làm ống kim bằng ngà sừng nên không bao lâu sau, người thợ tiện này trở nên nghèo khó... Phật nhân việc này chế học xứ:

Nếu Bí-sô làm ống kim bằng ngà sừng thì phạm Ba-dật-đề, làm thành rồi thì nên đập bỏ.

Nói làm là tự làm hay bảo người khác làm, có hai loại ống kim Phật khai cho cất chứa, đó là bằng tre hay bằng đồng; lại có bốn loại ống kim được cất chứa là bằng đồng, bằng sắt, bằng du thạch và bằng đồng đỏ; không được dùng bảy báu làm ống kim như vàng bạc...; nếu cất kim, dao... bị rỉ sét, nên dùng sáp bọc lại. Nói không được làm ống kim bằng ngà, sừng, nếu làm thành rồi nên đập bỏ thì đối với các tư cụ khác, chuẩn theo đây nên biết. Bí-sô được cất chứa con dao và con dấu; dao có ba loại hình như cánh gà cong hoặc như cánh chim: dao bậc thượng dài sáu ngón tay, rộng một ngón, dao bậc hạ dài bốn ngón tay, giữa hai loại này là bậc trung; con dấu được làm bằng đồng trắng, đồng đỏ hoặc bằng gỗ, không được làm bằng vật báu. Nếu là con dấu của Tăng thì nên khắc tên chủ chùa,

trên có luân tướng, tùy chức vụ lớn nhỏ mà làm; nếu là con dấu của cá nhân thì trên nên khắc đầu lâu hoặc bộ xương để quán bất tịnh. Về cảnh tưởng có sáu câu nên biết.

**85. Làm giường quá lượng:**

Duyên xứ như trên, lúc đó Lục chúng Bí-sô làm giường cao mười hai khuỷu tay và đặt thang để lên xuống nên phật chế học xứ:

Nếu Bí-sô muốn làm tòa ngồi hay giường nằm, chân giường nên cao bằng tám ngón tay của Như lai, trừ chỗ tra vào lỗ bệ, nếu cao quá tám ngón tay thì phạm Ba-dật-đề.

Nói làm giường là tự làm hay bảo người khác làm, nếu làm chân giường cao quá lượng thì nên cắt bỏ, nếu chân giường nhọn sợ làm tổn đất thì nên dùng vật kê đỡ hoặc là bao vỏ trấu hoặc miếng gạch, miếng cây...

**86. Dồn bông của cỏ cây:**

Duyên xứ như trên, lúc đó Bí-sô Ô-ba-nan-đà dùng bông Đâu la miên dồn làm nệm nằm, khi có Bí-sô đến nằm, trên người đều dính bông trắng nên Phật chế học xứ:

Nếu Bí-sô dùng bông của cỏ cây như Đâu la miên dồn làm nệm nằm thì phạm Ba-dật-đề, làm thành rồi thì nên bỏ.

Nói bông của cỏ cây có năm: một là thảo miên ( bông cỏ ), hai là mộc miên ( bông cây ), ba là kiếp

bối, bốn là lông dê, năm là các loại bông tạp khác. Nếu dùng tơ hay vải sạch dồn làm thì khi mới làm phạm tội Ác tác, làm thành thì phạm Đọa; nếu dùng các loại bông tạp bất tịnh để dồn thì phạm tội Ác tác; loại bông mà Bí-sô được dùng làm thì gọi là tịnh, loại bông mà Bí-sô không được làm thì gọi là bất tịnh.

**87. Làm Ni-sư-đàn quá lượng:**

Duyên xứ như trên, lúc đó các Bí-sô làm Ni-sư-đàn quá lượng... nên Phật chế học xứ:

Nếu Bí-sô muốn may Ni-sư-đàn nên liệu lượng, lượng trong đây là dài hai gang tay của Phật, rộng một gang rưỡi, nếu thân lớn thì may thêm một gang tay nữa. Nếu may quá lượng này thì phạm Ba-dật-đề.

**88. May y che phủ ghẻ quá lượng:**

Duyên xứ như trên, lúc đó các Bí-sô mặc bịnh ghẻ nên Phật cho cất chứa y che phủ ghẻ, do các Bí-sô may y này quá lượng nên Phật chế học xứ:

Nếu Bí-sô muốn may áo che thân, nên liệu lượng, lượng trong đây là dài bốn gang tay của Phật, rộng hai gang rưỡi, nếu may quá lượng này thì phạm Ba-dật-đề.

**89. May y tắm mưa quá lượng:**

Duyên xứ như trên, lúc đó các Bí-sô lộ hình tắm mưa, Phật nhân nơi Tỳ-xá-khư lộc tử mẫu nên cho các Bí-sô cất chứa y tắm mưa, do các Bí-sô may y

này quá lượng nên Phật chế học xứ:

Nếu Bí-sô muốn may áo tắm mưa, nên liệu lượng, lượng trong đây là dài sáu gang tay của Phật, rộng hai gang rưỡi, nếu may quá lượng này thì phạm Ba-dật-đề.

**90. May y bằng lượng y của Phật:**

Duyên xứ như trên, lúc đó Bí-sô Nan đà may y Tăng-già-lê bằng lượng y của Phật, khi đắp y này, phần dư dồn lại phía bên vai... nên Phật chế học xứ:

Nếu Bí-sô may y bằng lượng y của Phật hoặc hơn thì phạm Ba- dật-đề. Lượng y của Phật là chiều dài mười gang tay, chiều rộng sáu gang tay..

-oOo-

# CĂN BẢN TÁT BÀ ĐA BỘ LUẬT NHIẾP

## QUYỂN 14

### *VI. BỐN PHÁP BA LA ĐỀ XÁ NI:*

Nhiếp tụng:

*Thọ của ni chẳng thân thích,*
*Trong nhà xử phân thức ăn,*
*Không thỉnh mà đến Học gia,*
*Thọ thức ăn bên ngoài chùa.*

**1. Thọ thức ăn từ Ni không bà con:**

Phật tại Trúc lâm, thành Vương xá, lúc đó Bí-sô ni Liên hoa sắc tự phát nguyện: "khi tôi khất thực được đầy bát thứ nhất, tôi sẽ dâng cúng cho Tăng; bát thứ hai tôi mới tự ăn". Sau đó, khất thực được bát thứ hai định ăn thì gặp một Bí-sô đói nên đem dâng cúng, do duyên này nên đoạn thực; sáng hôm sau, khất thực được bát thứ nhất đem cúng cho Tăng, khất thực được bát thứ hai định ăn thì Bí-sô Ô-ba-nan-đà theo xin nên đem dâng cúng. Do sức yếu lại thêm nhịn đói hai ngày nên cô ngất xỉu giữa đường, các cư sĩ thấy vậy liền chê trách các Bí-sô nên Phật chế học xứ:

Nếu Bí-sô không bịnh, ở trong nhà bạch y tự

tay thọ thức ăn từ Bí-sô ni không phải bà con; Bí-sô này khi trở về trú xứ nên đến bên Bí- sô khác nói tội rằng: "Đại đức, tôi phạm pháp đáng quở trách, là việc không nên làm, nay đến bên Đại đức nói tội". Đây là pháp Ba la đề đề xá ni thứ nhất.

Nói không bà con ý nói nếu Ni là bà con theo thọ thức ăn thì không phạm; hoặc ở trú xứ Ni, Ni là thí chủ thiết cúng, thức ăn không phải do khất thực mà được, theo thọ thì không phạm; hoặc Ni sai người đưa thức ăn đến, thọ thì không phạm. Nói thức ăn là năm loại Khư đà ni và năm loại Bồ thiện ni, nếu thọ thì phạm Đọa. Các tội khác đều đối trước người khác sám hối, vì sao chỉ riêng bộ tội này được gọi là đối thuyết?. vì phạm tội trong bộ tội này, ở trong trú xứ hễ có Bí-sô đều phải biệt đối để nói tội, không giống như bộ tội khác nên mới có tên gọi này; lại nữa phạm tội này rồi không được để lâu sẽ biến thành tội khác. Cảnh tưởng có sáu câu: hai câu đầu phạm bổn tội, hai câu kế phạm tội Ác tác, hai câu sau không phạm.

**2. Thọ thức ăn do Ni chỉ trao:**

Phật tại vườn Cấp-cô-độc, thành Thất-la-phiệt, lúc đó Lục chúng Bí-sô nói với ni Thổ-la-nan-đà: "nếu chỗ nào có thí chủ thỉnh Tăng thọ thực, cô hãy đến đó khuyến hóa họ cúng thức ăn ngon cho chúng tôi", Thổ-la-nan-đà vâng lời đến những chỗ thỉnh Tăng khuyến hoa để đem thức ăn ngon về

cho Lục chúng Bí-sô, khiến không đủ thức ăn cúng cho các Bí-sô khác... nên Phật chế học xứ:

Có các Bí-sô đến nhà bạch y thọ thỉnh thực, trong nhà này có một Bí-sô ni chỉ bảo bạch y đưa cơm cho Bí-sô này, đưa canh cho Bí-sô kia. Các Bí-sô nên nói với Bí-sô ni này rằng: "cô hãy thôi đi, hãy đợi các Bí-sô dùng cơm xong", nếu trong các Bí-sô không có ai nói với Bí-sô ni này như vậy thì các Bí-sô này khi trở về trú xứ nên đến bên Bí-sô khác nói tội rằng: "Đại đức, tôi phạm pháp đáng quở trách, là việc không nên làm, nay đến bên Đại đức nói tội". Đây là pháp Ba la đề đề xá ni thứ hai.

Nói đến nhà bạch y là nếu đến trong chùa Ni thì không phạm; nếu trong nhà bạch y thấy có Bí-sô ni nên ngăn rằng: cô hãy đợi một chút, nếu có một người nói ngăn thì cả chúng không phạm. Khi vào nhà bạch y nên hỏi chủ nhà có Bí-sô ni chỉ trao thức ăn hay không, nếu không hỏi thì phạm tội Ác tác; nếu thấy có Ni ra vào nhà cũng nên hỏi như trên, nếu ni là bà con hoặc ni thiết thực cúng Tăng nên chỉ trao thức ăn thì không phạm.

**3. Nơi nhà Học gia thọ thực:**

Phật tại thành Quảng nghiêm, lúc đó tướng quân Tăng ha kiến đế nên sanh chánh tín, thường cúng Tăng nên không bao lâu sau khánh tận. Thế tôn bảo các Bí-sô bạch nhị yết ma ngăn không cho các Bí-sô đến nhà kia thọ thực nữa; lúc đó tôn giả

Xá-lợi-phất và Đại Mục-kiền- liên trước đã thọ tướng quân thỉnh thực nên mới đến nhà thọ thực, Lục chúng Bí-sô thấy vậy liền suy nghĩ: "người này khi mới kiến đế cũng đã thỉnh ta thọ thực", nghĩ rồi liền đến nhà đó thọ thực, thọ thực xong liền thấy nam nữ trẻ con trong nhà kêu khóc vì đói... Phật nhân việc này chế học xứ:

Có nhà của Học gia, chư Tăng đã tác pháp yết ma Học gia; nếu Bí-sô biết Tăng đã tác pháp yết ma Học gia, Bí-sô này trước không được tùy ý thỉnh mà đến trong nhà Học gia này tự tay thọ thức ăn, Bí-sô này khi trở về trú xứ nên đến bên Bí-sô khác nói tội rằng: "Đại đức, tôi phạm pháp đáng quở trách, là việc không nên làm, nay đến bên Đại đức nói tội". Đây là pháp Ba la đề đề xá ni thứ ba.

Nói học gia là người đã chứng được quả Dự lưu cho đến quả Bất hoàn, là học nhân tại gia chứ không phải Vô học; nói yết ma Học gia là Tăng tác pháp thành tựu, nếu trước đã thọ thỉnh hoặc vị này được giải yết ma thì thọ thực không phạm. Nói giải yết ma là nếu học gia kia trở lại sung túc như trước kia, Tăng tác pháp yết ma giải để xả pháp ngăn trước.

**4. Nơi A-lan-nhã thọ thức ăn:**

Phật tại thành Kiếp-tỷ-la, lúc đó Lục chúng Bí-sô ở nơi A-lan- nhã, tuy trong rừng này có giặc cướp tụ tập nhưng người có tín tâm vẫn đem thức

ăn đến cúng Tăng. Khi Lục chúng Bí-sô đến đón nhận thức ăn thì thấy các người nữ mang thức ăn đến bị giặc cướp lột hết y phục, lõa hình núp trong bụi cỏ; vậy mà vẫn gắng gượng kêu họ ra trao thức ăn cho mình. Người nhà của các người nữ này đến sau hỏi biết rõ sự việc rồi liền mất tín tâm và chê trách các Bí-sô. Phật nhân việc này chế học xứ:

Có trú xứ A-lan-nhã là nơi có nghi sợ, nếu Bí-sô biết trước trú xứ A-lan-nhã này là nơi có nghi sợ, Tăng cũng chưa tác pháp yết ma cho mà lại ở ngoài tinh xá thọ thức ăn, Bí-sô này khi trở về trú xứ nên đến bên Bí-sô khác nói tội rằng: "Đại đức, tôi phạm pháp đáng quở trách, là việc không nên làm, nay đến bên Đại đức nói tội". Đây là pháp Ba la đề đề xá ni thứ tư.

A-lan-nhã là nơi cách thôn một Câu lô xá, nhưng Bí-sô không nên ở những nơi có ác ma hay Dược xoa đáng sợ và thú dữ. Nếu ở chỗ có hiểm nạn, Tăng nên sai Bí-sô có đủ năm pháp đến xem xét, nếu thấy có giặc thì nên đốt lửa có khói bốc lên để báo hiệu hoặc treo cây phương trên cao để cho người ở xa nhìn thấy mà cảnh giác, hoặc sai người ra đón tiếp. Bí-sô được sai này được ăn trước giờ ăn chánh mà không phạm, về cảnh tưởng có sáu câu như trên. Bí-sô ở A-lan-nhã nên biết rõ đường đi nơi đó, nếu thấy có người lui tới nên chào hỏi thiện lại và tùy sức cung cấp thức ăn và nước; nên tươi cười trước khi nói, không nên nhăn nhó;

nếu gặp người nữ nên dựa trên tuổi tác mà khởi tưởng như mẹ hoặc chị em gái mà đối xử.

## *VII. CHÚNG HỌC PHÁP:*

Tổng nhiếp tụng:

*Ăn mặc thân tề chỉnh,*
*Nhà tục giữ dung nghi,*
*Giữ bát trừ người bịnh,*
*Cỏ nước, leo quá đầu.*

Nói chúng học pháp là những tội ác tác, ác thuyết đều nhiếp trong bộ tội chúng học pháp này; chẳng hạn như các Bí-sô không được đánh trống nhạc, hoặc khi cúng dường không được bảo nhạc công: "hãy trổi nhạc", mà nên nói: "hãy cúng dường Đại sư". Bí-sô không được dùng ba ngón tay chấm than vẽ ba vạch trên trán, cũng không được soi gương hay soi nước xem mình có đẹp hay không. Nếu khi xem nước nhìn thấy mặt, hoặc xem mụn trên mặt hoặc xem tóc bạc, da mặt nhăn để khởi tưởng nhàm lìa thì không phạm. Nếu vì chúng tăng trông cây ăn trái, chưa có hoa quả thì không nên bỏ đi xa, nếu đi nên dặn người coi giữ thì không phạm.… Khi rước tượng Bồ-tát vào trong thành ấp, năm chúng nên đi theo vây quanh tượng, người tuổi trẻ có sức lực nên phụ giúp khiên tượng... những việc như trên gọi chung là chúng học pháp.

Lúc đó Phật suy nghĩ: "chư Phật quá khứ dạy

chúng Thanh văn mặc y phục như thế nào?", chư thiên liền hiện ra bạch Phật: "chúng Thanh văn quá khư mặc y phục như chư thiên cõi trời Tịnh cư", Phật liền dùng thiên nhãn quán biết đúng như lời chư thiên nói không khác, sau đó chế pháp y cho các Bí-sô. Nói tề chỉnh là lìa lỗi đắp y không tề chỉnh, nói không quá cao là không cao quá gối, nói không quá thấp là không phết đất. Nếu Bí-sô không như lời Phật dạy, phi pháp trương y ra thì phạm tội trách tâm Ác tác, nếu đắp lên người thì phạm tội đối thuyết Ác tác. Nếu Bí-sô có tâm thuận hành nhưng lại không như pháp đắp y hoặc do quên niệm, hoặc không biết mặc như vậy là phi pháp thì cũng phạm tội Ác tác trách tâm. Nói không giống vòi voi là không xoắn cái chéo y như cái vòi voi rủ xuống eo lưng; nói không giống đầu rắn là không lật ngược chéo y cuộn vào trong eo lưng; nói không như lá cây Đa-la là trên tụ lại dưới xòe ra; nói không như hình hột đậu là không vo tròn chéo y nhét vào eo lưng; nói đắp y kín đáo là không để cho lộ hình; nói ít lời là không nói nhiều lời với người tục; nói không kêu lớn là nếu kêu mà người kia không nghe thì nên nhờ người tục kêu lớn; nói không nhìn cao là không ngước nhìn lên, nên nhìn về phía trước chừng một Du già địa, lượng của một Du già là dài bốn khuỷu tay; nói không nhìn một bên cũng không nhìn ngoái lại là nên nhìn thẳng về phía trước mà đi. Nếu gặp bò, chó... nên xem xét,

không nên đi quá gần sẽ bị nó làm tổn thương. Bí-sô không nên trùm đầu như cô dâu mới, cũng không được vén y để lộ hình thể. Khi đi thân không dao động uốn éo, tay không nên đánh xàng xa, đầu cũng không nên nghiêng qua nghiêng lại, không chạm vai người khác cũng không nắm tay nhau đi trên đường. Vào nhà bạch y, nếu họ chưa mời ngồi thì không nên liền ngồi là Phật tại thành Thất-la-phiệt, do nơi Ô-ba-nan-đà mà chế học xứ này. Khi buông thân ngồi nên khéo quán sát là Phật tại thành Thất-la-phiệt, do nơi Ô-đà-di mà chế học xứ này. Nói không ngồi tréo chân là hoặc bắp chân này chồng lên bắp chân kia, hoặc gót chân này tréo qua gót chân kia. Nói cung kính thọ thực là khi thọ thực nên nhiếp niệm, không nên thọ cơm thức ăn đầy bát, vì nếu thọ thêm canh rau sẽ đầy tràn ra ngoài. Người dọn đưa thức ăn chưa đến thì không nên vẫy gọi, khi họ đến dâng cúng thức ăn, chớ khởi tâm tham, nếu đưa bát ra trước chờ đón thức ăn là biểu hiện của tâm tham. Nói khi thọ thực nên khéo dụng tâm là tay vắt lấy miếng cơm ăn không nhiều cũng không ít, sao cho vừa miệng để ăn; nếu há miệng đợi thức ăn là hiện tướng tham ăn. Trong miệng đang có thức ăn thì không nên nói chuyện, nếu nói chuyện thì giống như bạch y. Canh cơm không nên phủ lên nhau, ý muốn được sớt đưa thêm là tăng thêm lòng tham, nên khởi tưởng nhàm lìa đối với thức ăn, giữ niệm thiểu dục là việc nên làm của

người xuất gia. Nếu thức ăn quá ngọt, không nên chắt lưỡi dối hiện tướng là chua, nếu thức ăn quá chua cũng không nên suýt xoa dối hiện tướng là ngọt, nếu thức ăn quá nóng cũng không nên hít hà dối hiện tướng là lạnh, nếu thức ăn quá lạnh cũng không nên thổi phù phù dối hiện tướng là nóng, mục đích là để đùa cợt trêu chọc thí chủ. Khi ăn không dùng tay bươi xới thức ăn, cũng không cắn một nửa để nửa kia rơi trong bát, cũng không le lưỡi ra liếm hai môi hiện tướng thèm ăn; cũng không lấy bánh bột nặn thành hình cái tháp, để miếng củ cải lên trên làm luân tướng rồi nói đây là tháp của ngoại đạo Bộ thích noa ở trong địa ngục. Khi ăn tay dính thức ăn cũng không nên le lưỡi liếm; tay dính nước cũng không nên rảy văng trúng người khác, nên hệ tâm quán tưởng ăn để no thân mà tu đạo nghiệp. Tay dính thức ăn dơ không nên cầm bình nước sạch, phải rửa tay sạch rồi mới được cầm và ăn hay uống. Nếu có người tục đến xin nước trong bát cho là nước kiết tường có thể trị lành bịnh, Phật do nhân duyên Ô- ba-nan-đà nên chế pháp trao nước bát như sau: nên rửa bát ba lần cho thật sạch rồi mới đựng đầy nước sạch, tụng kệ chú ba biến rồi mới trao nước bát này cho người tục. Trên đất không có vật kê lót thì không nên để bát, nếu dùng lá cây lót thì không phạm; cũng không đứng rửa bát và để bát ở những nơi nguy hiểm dễ rớt bể. Người nghe pháp phải có tâm thành

kính, nếu ôm lòng kiêu mạn thì nước pháp không thấm vào tâm, phải cung kính mới thọ lãnh được đạo mầu; lại phải lìa tướng kiêu mạn và các binh khí trên tay mới nên vì nói pháp, nếu bịnh thì không phạm. Trên cỏ xanh, dưới cây tươi tốt, cây có hoa quả xum xuê và chỗ người thường qua lại đều không được đại tiểu tiện, nếu ở bụi gai thì không phạm. Làm nhà xí nên làm ở chỗ khuất kín phía Đông bắc của chùa và nên làm riêng chỗ đại tiểu; khi đi đại tiện nên cầm theo bình nước đến nhà xí, khi sắp vào nhà xí nên cởi y treo trên sào, kế lấy mười lăm cục đất để bên ngoài gần chỗ rửa, cầm ba cục đất cùng vật lau thân và bình nước rửa vào trong nhà xí rồi đóng cửa lại. Khi đại tiện xong, lau thân dưới xong, tẩy tịnh bằng ba cục đất rồi rửa sạch tay trái ba lần, kẹp bình dưới nách trái, dùng tay phải đẩy cửa rồi cầm bình nước kẹp dưới nách trái đi đến chỗ rửa. Kế dùng bảy cục đất để tẩy tịnh tay trái rồi dùng những cục còn lại để tẩy tịnh cả hai tay, cục đất cuối cùng dùng để chùi bình nước rửa, sau đó đến chỗ rửa rửa sạch tay chân rồi cầm lấy y trở về phòng lấy nước sạch súc miệng ba lần xong mới được làm việc khác. Pháp tẩy tịnh này do tôn giả Xá-lợi-phất làm mà điều phục được ngoại đạo Bà-la-môn; Phật nhân việc này mà chế các Bí-sô nếu không làm theo pháp này thì phạm tội Ác tác. Khi thấy nhà xí dơ nên quét dọn cho sạch chớ để hôi dơ, nếu có đóng bùn đất cũng nên

khơi thông; nếu người bịnh không thể tự đi đến nhà xí được thì nên xoi lỗ nơi giường nằm, phía dưới giường để bô, cũng nên cất chứa hai cái bô để thay đổi khi đem bô rửa phơi. Khi vào nhà xí đại tiểu tiện chỉ nên mặc Tăng khước kỳ và quần, nếu đại tiểu tiện xong, chưa tẩy tịnh và súc miệng sạch thì không nên thọ người khác lễ kính, cũng không được lễ kính người khác, không ngồi trên giường tòa và cầm lấy thức ăn ăn. Ai làm trái thì phạm tội Ác tác. Nếu bị bịnh tiêu chảy lâu không dứt thì không nên dùng nước rửa, đợi khi bịnh dứt mới y pháp mà tẩy tịnh cho sạch. Nếu cảm thấy chưa muốn đại tiểu tiện thì không nên đi, cũng không nên cố rặn ra tiếng; nếu muốn đại tiểu tiện thì nên đi liền, chớ để quá bức bách mới đi, việc xong không nên ở lâu trong nhà xí làm trở ngại người đi sau. Ở trước Thượng tòa hay nơi đất sạch hay trước người đang ăn, không nên khạc nhổ hỉ mũi ra tiếng; nếu bịnh thì nên dùng ống nhổ, nếu dùng ống nhổ thì nên thường xuyên rửa sạch chớ để bốc mùi hôi. Nói không được leo lên cây cao quá đầu người là do nhóm thập thất Bí-sô sợ giờ ngọ qua nên leo lên cây cao trông ngong người đưa thức ăn đến, mà Phật chế học xứ này; nếu có nạn duyên như hổ báo, leo lên cây cao tránh nạn thì không phạm.

## *VIII. BẢY PHÁP DIỆT TRÁNH:*

Nhiếp tụng:

*Hiện tiền và ức niệm,*
*Bất si và cầu tội,*
*Đa nhơn ngữ, tự ngôn,*
*Cỏ phủ trừ các tránh.*

1- Đáng cho Hiện tiền Tỳ-nại-da thì nên cho Hiện tiền Tỳ-nại-da.

2 - Đáng cho Ức niệm Tỳ-nại-da thì nên cho ức niệm Tỳ-nại-da.

3 - Đáng cho Bất si Tỳ-nại-da thì nên cho bất si Tỳ-nại-da.

4 - Đáng cho Cầu tội tự tánh Tỳ-nại-da thì nên cho Cầu tội tự tánh Tỳ-nại-da.

5- Đáng cho Đa nhơn ngữ Tỳ-nại-da thì nên cho Đa nhơn ngữ Tỳ- nại-da.

6 - Đáng cho Tự ngôn Tỳ-nại-da thì nên cho Tự ngôn Tỳ-nại-da.

7 - Đáng cho cỏ phủ Tỳ-nại-da thì nên cho Cỏ phủ Tỳ-nại-da.

Nếu có việc tranh cải khởi lên nên dùng bảy pháp này thuận theo lời Phật dạy như pháp như luật dứt diệt. Nói bảy pháp diệt tránh là dùng bảy pháp này có thể diệt được bốn tránh; nói bốn tránh là bình luận tránh, phi ngôn tránh, phạm tội tránh và tác sự tránh. Nói bình luận tránh là như có người nói: "hễ khi nói pháp mà được lợi dưỡng thì lợi dưỡng này nên đưa cho người nói pháp", lại có người nói không được; do đây sanh tranh cãi, đây

là hạn cục nơi chúng tăng. Nếu vọng về người khác mà nói thì cội gốc của việc tranh cãi ( tránh căn ) có sáu, nếu duyên sai khác thì thành mười bốn. Nói sáu là phẫn hận, phú não, tật xan, siểm cuống, vô tàm vô quý và ác dục tà kiến. Nói mười bốn là pháp, phi pháp, điều phục, phi điều phục, có phạm, không phạm, trọng, khinh, hữu dư, vô dư, tội trách tâm, tội Ác tác, tội Ác thuyết và tội Việt pháp. Lại có ba pháp là thiện, bất thiện và vô ký cũng là tránh căn. Lại có bốn câu: một là có bình luận nhưng không phải tranh cãi, hai là có tranh cãi mà không phải là bình luận, ba là có cả hai, bốn là cả hai đều không. Ba loại tránh sau, mỗi tránh đều có bốn câu, chuẩn theo loại tránh này nên biết.

Nói phi ngôn tránh là nếu người kia thiện thì không nên gạn hỏi, nếu gạn hỏi thì gọi là phi ngôn tránh. Phi nghĩa là xấu ác, đem pháp xấu ác gạn hỏi là ý nói người kia xấu ác, như đối với Bí-sô Thật-lực-tử đem việc phi pháp gạn hỏi mới sanh tranh cãi, đây là cội gốc của việc tranh cãi.

Nói phạm tội tránh là chỉ cho năm bộ tội, do tranh cãi về phạm tội, cội gốc của việc tranh cãi là từ thân ngữ tâm có phạm. Chỉ có thân phạm tội là như Bí-sô ngủ chung phòng với người chưa thọ Cận viên quá hai đêm, hoặc Bí-sô nằm ngủ trước rồi người nữ mới đến, hoặc lúc đang ngủ có người bế để nằm trên giường cao rộng lớn... Chỉ có ngữ phạm tội là như Bí-sô nói pháp cho người nữ quá

năm sáu lời; chỉ có tâm phạm tội là như khi nghe thuyết giới có tâm che giấu tội; thân tâm đều có phạm là như sát sanh, uống rượu; ngữ tâm đều có phạm là như nói pháp cho người nữ, cố tâm nói quá năm sáu lời; thân ngữ tâm đều có phạm là như sát sanh, uống rượu, nói lời khen ngợi, đều là do ba nghiệp phạm tội có sai khác. Nói tác sự tránh là làm đơn bạch... các pháp yết ma, cội gốc của việc tranh cãi là từ việc đã làm mà sanh tranh cãi.

Nếu là bình luận tránh thì nên dùng hai pháp: hiện tiền và đa nhân ngữ để diệt tránh; nếu là phi ngôn tránh thì nên dùng ba pháp: hiện tiền, ức niệm và bất si để diệt tránh; nếu là phạm tội tránh thì nên dùng bốn pháp: hiện tiền, tự ngôn, cầu tội tự tánh và như cỏ phủ để diệt tránh; nếu là tác sự tránh thì nên hòa hợp Tăng để diệt tránh. Nói hiện tiền là có hai: nhân và pháp, nhân là năng diệt tránh, pháp là sở diệt tránh; nghĩa là như pháp như luật diệt tránh. Nói đa nhân ngữ là nếu việc tranh cãi khó dứt diệt thì nên phát thẻ, dựa trên thẻ như pháp nhiều mà diệt tránh. Phát thẻ có bốn cách: một là mật kín, hai là hiển lộ, ba là kề tai, bốn là nói. Nói ức niệm là như Bí-sô Thật-lực-tử bị Bí-sô khác đem việc phi pháp gạn hỏi nên tâm sanh hổ thẹn, Tăng nên bạch tứ yết ma cho pháp ức niệm để hiển rõ Thật-lực-tử là không phạm. Nói bất si là như Bí-sô Tây yết đa khi cuồng si đã làm nhiều việc phi pháp, phạm nhiều tội; sau trở lại được bổn tâm bị các Bí-sô

khác gạn hỏi, Tăng nên bạch tứ yết ma cho pháp bất si. Nói tự ngôn là như Bí-sô phạm tội dù có gạn hỏi hay không gạn hỏi, dù cho ức niệm hay không cho ức niệm, vẫn đối trước Bí-sô như pháp nói tội. Nói cầu tội tự tánh là ở trong chúng ban đầu nói phạm, sau nói không phạm..., Tăng nên cho yết ma cầu tội tự tánh. Nói như cỏ phủ là hai phe nhóm tranh cãi không hòa hợp, bậc tôn túc trong hai phe nên ở trong phe nhóm của mình, dùng lý khai giải để cùng làm pháp sám hối tội mà mình đã phạm, để cầu được hòa hợp. Có ba hạng người: một là người cử tội, hai là người bị cử tội, ba là người trung gian; hai hạng người trên đều có mười sáu pháp, người trung gian có tám pháp. Đối với Bí-sô, diệt trừ tranh cãi cốt yếu là hàng phục phiền não vì do phiền não mà sanh ra phạm: xa là do quên mất chánh niệm nên tạo nghiệp tội, gần là phiền não bỗng nhiên khởi nên hiện tiền tạo nghiệp. Khi Bí-sô biết nguyên nhân rồi thì nên xa lìa, thuận lý tác ý khiến cho nhân không khởi nữa; nếu sức mình không thể diệt trừ phiền não kia thì nên đến chỗ bậc tôn túc giỏi ba tạng là người có đức hạnh để thỉnh hỏi pháp đối trị. Nếu tác ý trừ diệt không được thì nên ngày đêm đọc tụng tư duy, quyết trạch nghĩa lý để phiền não không hiện hành; nếu vẫn không diệt trừ được thì nên đến trong rừng thây chết tu pháp quán bất tịnh, khởi tưởng vô thường... Nếu cũng không diệt trừ được thì nên hổ thẹn suy

nghĩ: "đối với giới pháp thanh tịnh, ta không thể mỗi mỗi như pháp hộ trì mà lại thọ thí chủ cúng dường tứ sự. Phật và Thánh chúng cùng các thiện thần dùng thiên nhãn thấy biết ta phá giới; vì vậy ta phải tự khác trách tâm mình, như cứu lửa cháy đầu, đối trước Bí-sô thanh tịnh phát lồ tội đã phạm, chớ để sau này phải hối hận". Nếu làm nhiều hạnh đối trị như thế mà vẫn không diệt trừ hết phiền não thì dù thọ tín thí cúng dường vẫn không phạm. Nếu xét thấy mình nhiều phiền não, không thể tự kiềm chế thì nên xả giới hoàn tục, vì nếu tạo nghiệp tội nhất định sẽ chiêu cảm quả dị thục ở đời sau.

Nếu có những việc mà Phật không chế ngăn cũng không tùy khai thì Bí-sô ở đời vị lại phải hành như thế nào?. Như trong luật phần Tạp sự có nói, nếu việc trái với không thanh tịnh, thuận với thanh tịnh thì việc này là tịnh nên làm theo; nếu việc trái với thanh tịnh, thuận với bất tịnh thì việc này là bất tịnh, không nên làm theo. Phật chế lược giáo có hai ý: một là ngăn ngoại đạo phỉ báng Phật không phải là Nhất-thiết-trí, hai là khiến cho các đệ tử ở đời vị lai được an lạc trụ.

## *LƯỢC GIÁO CỦA BẢY ĐỨC PHẬT*

### 1. Phật Tỳ Bà Thi:

Trong giáo pháp của Phật Tỳ bà thi, chúng Thanh văn phần nhiều thích tu khổ hạnh cho là chánh hạnh. Lại có các tà sư nói ra tà pháp, cho

rằng chỉ có khổ hạnh mới chiêu cảm quả an vui như sau: "nghiệp ác đã tạo đời trước đều do tu khổ hạnh mà được trừ diệt, quả khổ không sanh nên phá được sanh tử không còn luân chuyển nữa và được thường lạc, như thế mới gọi là Sa môn", Phật Tỳ bà thi muốn đối trị tà pháp này nên nói lược giáo như sau:

*"Trong cần, nhẫn là trên,*
*Hay được quả Niết-bàn,*
*Xuất gia xúc não người,*
*Không gọi là Sa môn"*

Hai câu đầu của bài tụng này ý muốn đối trị pháp tu khổ hạnh nên nói nhẫn là tối thượng trong tinh cần, không phải do khổ hạnh mà được Niết-bàn thù thắng. Nhẫn trong đây nói chính là Đế sát pháp nhẫn. Hai câu sau là ngăn các ngoại đạo tà kiến xuất gia vọng nói dị pháp khiến cho mình người đều bị não hại, không được quả lợi ích.

**2. Phật Thi Khí:**

Trong giáo pháp của Phật Thi khí, chúng Thanh văn phần nhiều tu phạm hạnh để được sanh thiên, thọ diệu lạc ở cõi trời. Phật muốn đối trị họ nên nói lược giáo như sau:

*"Mắt sáng tránh đường hiểm,*
*Đến được chỗ an ổn,*
*Người trí trong Sanh giới,*
*Xa lìa được các ác".*

Mắt sáng trong đây là chỉ cho mắt tuệ, tương ưng với tuệ; nói đường hiểm là chỉ cho hai nơi: một là sanh thiên, hai là đọa ba đường ác, vì sanh cõi trời tuy thọ được diệu lạc thù thắng nhưng khi phước báo hết vẫn bị đọa trong ba đường ác. Nói chỗ an ổn là chỉ cho Niết-bàn thường trụ an ổn, người trí ở trong ba cõi biết dùng thiện phương tiện tu nhân xa lìa các ác, tu hạnh xuất ly.

**3. Phật Tỳ Xá Phù:**

Trong giáo pháp của Phật Tỳ xá phù, chúng Thanh văn phần nhiều đối với trì giới, tâm sanh hỉ túc nên không tu thắng hạnh; lại thường hay nói lỗi của người, để đối trị nên Phật nói lược giáo như sau:

*"Không báng cũng không hại,*
*Khéo hộ trì giới kinh,*
*Ăn uống biết vừa đủ,*
*Thọ dụng ngọa cụ xấu,*
*Siêng tu Định tăng thượng,*
*Là lời chư Phật dạy".*

Hai câu tụng đầu ngăn lỗi nơi khẩu nghiệp và ý nghiệp, khuyên hộ trì giới kinh; bốn câu kế khuyên lìa lỗi chấp hai bên mới khế hợp lý trung đạo và siêng tu định tăng thượng.

**4. Phật Câu Lưu Tôn:**

Trong giáo pháp của Phật Câu lưu tôn, chúng Thanh văn phần nhiều mong cầu lợi dưỡng, xem

nhẹ việc tu phẩm thiện, để đối trị nên Phật nói lược giáo như sau:

*"Ví như ong hút mật,*
*Không hoại sắc và hương,*
*Chỉ hút lấy hương vị,*
*Như Bí-sô vào thôn".*

Bài tụng này ý khuyên các Bí-sô khi vào thôn khất thực, không nên làm hoại tâm tín kính của thí chủ, ví như ong hút nhụy hoa không làm tổn sắc hương.

**5. Phật Yết Nặc Ca Mâu Ni:**

Trong giáo pháp của vị Phật này, chúng Thanh văn phần nhiều tự cho mình là thù thăng nên hay chê bai người khác; để đối trị nên Phật nói lược giáo như sau:

*"Không chống trái việc người,*
*Không xem làm, không làm,*
*Chỉ xem lại hạnh mình,*
*Là chánh hay không chánh".*

Bài tụng này ý khuyên Bí-sô trì giới thấy người phá giới không nên vạch tìm lỗi của họ, khiến tâm mình tán loạn không thể chứng giải; chỉ nên xét lại hạnh thiện ác của mình.

**6. Phật Ca-Diếp-Ba:**

Trong giáo pháp của vị Phật này, chúng Thanh văn phần nhiều ưa tu thiền định, đắm trước thiền vị nên không thể tiến tu; để đối trị nên Phật nói

lược giáo như sau:

*"Chớ đắm nơi tâm định,*
*Siêng tu chỗ vắng lặng,*
*Người nên cứu không lo,*
*Thường khiến niệm không mất.*
*Nếu người hay huệ thí,*
*Phước thêm, oán tự dứt,*
*Hành thiện trừ các ác,*
*Dứt hoặc đến Niết-bàn".*

Bài tụng này ý khuyên chớ buông lung, đắm trước vị định; cũng khuyên siêng tu để mau được kiến đế, vì có kiến đế mới sinh khởi diệu Niết-bàn, cũng do kiến đế mà không còn phiền não. Tuy đắc định, tạm thời không phiền não nhưng định không đoạn được phiền não, đời sau sẽ lo buồn trở lại; nếu được kiến đế thì không còn lui sụt, các phiền não khác sẽ lần lượt đoạn trừ và siêng tu hạnh bố thí thì phước tăng trưởng, oán tránh cũng tự dứt.

**7. Phật Thích Ca Mâu Ni:**

Trong giáo pháp của Phật Thích ca, chúng Thanh văn tánh nhiều phiền não, buông lung không tu phẩm thiện, vừa làm chút thiện liền sanh hỉ túc; nhưng trong mười hai năm đầu Tăng già không có tỳ vết nên Phật lược nói giáo giới như sau:

*"Tất cả ác chớ làm,*
*Tất cả thiện nên tu,*

*Điều phục khắp tự tâm,*
*Là lời chư Phật dạy.*
*Lành thay, hộ thân nghiệp,*
*Lành thay, hộ ngữ nghiệp,*
*Lành thay, hộ ý nghiệp,*
*Hộ ba nghiệp tối thiện,*
*Bí-sô hộ tất cả,*
*Giải thoát mọi khổ đau.*
*Khéo hộ nơi miệng nói,*
*Cũng khéo hộ nơi ý,*
*Thân không làm các ác,*
*Ba nghiệp thường thanh tịnh,*
*Đây là tùy thuận theo,*
*Đạo Đại tiên đã hành".*

Bài tụng này ý các ác không làm, các thiện vâng làm, điều phục tự tâm và hộ trì ba nghiệp, do khéo hộ trì nên chứng được thường lạc. Bí-sô nào ba nghiệp thường thanh tịnh mới gọi là thiện Bí-sô, mới có thể làm rạng rỡ Thánh giáo. Bảy vị Phật này vào ngày Bao-sái-đà, tùy cơ nói giáo nhiều ít không đồng, vị Phật đầu tiên chế sáu tháng làm trưởng tịnh một lần và lược nói giáo giới; các vị Phật kế chế năm tháng làm trưởng tịnh một lần và cũng lược nói giáo giới; nhưng đến Phật Thích ca thì chế mỗi nửa tháng làm trưởng tịnh và nói Ba-la-đề-mộc-xoa.

*"Tỳ bà thi, Thức khí,*
*Tỳ xá, Câu lưu tôn,*

*Yết nặc ca mâu ni,*
*Ca-diếp, Thích ca tôn,*
*Đều là Trời trong trời,*
*Vô thượng điều ngự sư,*
*Bảy Phật đều hùng mãnh,*
*Hay cứu hộ thế gian,*
*Đầy đủ đại danh xưng,*
*Đều nói Giới kinh này.*
*Chư Phật và đệ tử,*
*Đều cùng tôn kính giới,*
*Do cung kính Giới kinh,*
*Chứng được quả vô thượng.*
*Người nên cầu xuất ly,*
*Siêng tu lời Phật dạy,*
*Hàng phục quân sanh tử,*
*Như voi xô nhà cỏ,*
*Ở trong pháp luật này,*
*Nên tu không phóng dật,*
*Khô được biển phiền não,*
*Dứt hết bờ mé khổ.*
*Đã vì nói giới kinh,*
*Hòa hợp làm trưởng tịnh,*
*Phải cùng tôn trọng giới,*
*Như mao ngưu tiếc đuôi.*
*Tôi đã nói giới kinh,*
*Chúng tăng trưởng tịnh rồi,*
*Phước lợi thí hữu tình,*
*Đều cùng thành Phật đạo".*

Nói bảy đức Phật đều là thiên trung thiên vì đã tự chứng quả vô thượng, riêng Phật Thích ca thị hiện trong cõi ác năm trược này, điều phục những người khó điều phục, tùy cơ giáo hóa khiến cho đều được giải thoát nên gọi là thiên trung thiên. Bảy vị đều nói ra giới pháp này nên chúng đệ tử Thanh văn có tôn trọng giới kinh mới chứng được quả vô thương. Kế khuyên chúng đệ tử nên cầu xuất ly, siêng tu lời Phật dạy là được kiến đạo; hàng phục quân sanh tử là được tu đạo; ở trong pháp luật không buông lung... là được chứng đạo. Cuối cùng khuyên nên hòa hợp làm trưởng tịnh, đem phước lợi hồi thí cho các hữu tình, đều cùng thành Phật đạo.

-oOo-